Giá: 68.000đ

LƯU ĐỨC TRUNG (Chủ biên)
TRẦN LÊ BẢO - PHẠM HẢI ANH

Hợp Tuyển Văn Học Châu Á

TẬP I

VĂN HỌC TRUNG QUỐC

ĐHQG Hà Nội
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LƯU ĐỨC TRUNG (Chủ biên)
TRẦN LÊ BẢO - PHẠM HẢI ANH

HỢP TUYỂN VĂN HỌC CHÂU Á

Tập I

Văn học Trung Quốc

24/1/2000
Tuyết Lý
Văn 2D - K48

阮氏雪蘭

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI - 1999

LỜI GIỚI THIỆU

Văn học châu Á là văn học của các dân tộc sống trên một châu lục rộng lớn có diện tích 44.168 triệu cây số vuông với dân số 3.251 tỷ[1] *đông nhất thế giới.*

Bao quanh vòng cung là đại dương, đất liền nối với châu Âu tạo ra đại lục Á-Âu. Đó là sự thuận tiện cho việc giao lưu nhiều mặt giữa Đông và Tây. Văn học châu Á ra đời và phát triển rất sớm với các nền văn minh Trung Hoa, Ấn Độ, Lưỡng Hà - Tây Á. Các nền văn minh đó đã tạo ra bộ mặt văn học châu Á đa dạng, nhiều màu sắc và phong phú. Chúng đã đóng góp cho văn học thế giới nhiều tài sản vô cùng quý báu.

Nhưng thật đáng tiếc, là người châu Á, đã có thời không được thừa hưởng đầy đủ cái gia tài vô giá đó.

Điều đó là do chính sách nô dịch của chủ nghĩa thực dân phương Tây gây nên, một phần do nhận thức của chúng ta chưa được đầy đủ. Đã có lúc chúng ta chỉ coi trọng văn học Trung Quốc, Nga Xô Viết và phương Tây mà quên lãng việc nghiên cứu giới thiệu văn học một số nước châu Á rất gần gũi với chúng ta như Ấn Độ, Nhật Bản và các nước ở Đông Nam Á.

(1) Số liệu theo Almanach Những nền văn minh thế giới. NXB Văn hóa Thông tin. Hà Nội. 1996.

Từ ngày đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, song song với đổi mới về kinh tế, chúng ta cũng đã kịp thời đổi mới về văn học nghệ thuật, những nhận thức sai trái trước đây dần dần được uốn nắn.

Nhu cầu tìm hiểu văn hóa nghệ thuật các nước châu Á ngày càng phát triển. Cùng với việc ra đời của các công ty kinh tế buôn bán làm ăn với các nước trong khối ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, vv... đã xuất hiện nhiều trung tâm nghiên cứu giới thiệu văn học các nước đó. Các trường học từ phổ thông đến đại học cũng tăng cường giảng dạy văn học các nước này. Tình hình đòi hỏi phải có nhiều sách nghiên cứu giới thiệu văn học châu Á.

***Hợp tuyển văn học châu Á** được biên soạn trước hết nhằm mục đích tốt đẹp trên đây.*

Tuy chưa có điều kiện tuyển chọn đầy đủ tất cả văn học các nước châu Á, nhưng ít ra hợp tuyển này cũng cố gắng cung cấp cho bạn đọc một số lượng tác phẩm tiêu biểu của những nền văn học nổi tiếng ở châu Á như Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản và một số nước Đông Nam Á.

*Chúng tôi cũng hy vọng **Hợp tuyển văn học châu Á** sẽ được bổ sung dần dần các tác phẩm của các nền văn học Ả Rập, Ba Tư, Triều Tiên, Mông Cổ, vv....*

Việc tuyển chọn chắc chắn còn nhiều thiếu sót, chúng tôi chân thành mong được bạn đọc gần xa góp thêm ý kiến để lần tái bản được hoàn hảo hơn.

Chủ biên

LƯU ĐỨC TRUNG

LỜI MỞ ĐẦU, TẬP I
VĂN HỌC TRUNG QUỐC

Văn học Trung Quốc là nền văn học lớn phát triển lâu đời và có nhiều thành tựu rực rỡ ở châu Á. Hợp tuyển chọn lọc những tác phẩm tiêu biểu và có hệ thống từ Thượng cổ đến hiện đại. Nó dành nhiều trang cho các tuyệt tác thuộc đỉnh cao của nền văn học Trung Quốc.

Trong số ba trăm bài *Kinh thi* ra đời thế kỷ VI (TCN). Hợp tuyển chọn 25 bài tiêu biểu, trong đó có những bài nổi tiếng đã đưa vào sách giáo khoa như *Quan thư, Phạt đàn, Thạc thử, Thất nguyệt, Tỉnh nữ* v.v... Về *Tản văn, Tiên Tần* là thể loại văn xuôi mang tính chất văn chương và nghị luận kiểu mẫu có giá trị lịch sử, triết học như *Tản văn Xuân thu, Chiến quốc*, Hợp tuyển chọn in những áng văn tiêu biểu trong *Tả truyện, Chiến quốc sách, Luận ngữ* v.v...

Sở từ, là tác phẩm xuất sắc của Khuất Nguyên (-340-278) nhà thơ lớn của nước Sở được trích những bài thơ hay mà nhiều người biết như *Li Tao*.

Giai đoạn Tần - Hán dài trên dưới năm thế kỷ, (thế kỷ III TCN đến thế kỷ III sau CN), nổi bật là nhà viết sử Tư Mã Thiên (- 145 - 99 ?). Tác phẩm *Sử ký* của ông được đánh giá là cuốn sử xuất sắc đồng thời cũng là một áng văn chương đặc biệt. *Bữa tiệc Hồng môn, Kinh kha* v.v... là những đoạn văn không thể thiếu trong Hợp tuyển.

Lịch sử Trung Quốc cuối thời Đông Hán đến Tùy, trải qua gần 4 thế kỷ, gặp nhiều biến cố cho nên văn học cũng không có thành tựu gì thật đặc sắc, do đó Hợp tuyển chỉ dành cho *Đào tiềm* (365 - 427) một số bài thơ hay như *Về đi thôi, Suối hoa đào, Uống rượu* v.v...

Lịch sử như một dòng sông, lúc êm đềm lặng lẽ trôi, lúc nổi sóng cuộn trào. Đời Đường (618 - 907) trở lại cảnh thái bình thịnh vượng cho nên thơ ca lại nở rộ như hoa mùa xuân. Năm vạn bài thơ của trên 2300 tác giả đã mở ra một thời đại hoàng kim trong lịch sử văn học Trung Quốc. *Thơ Đường* là đặc sản tinh thần của nhân dân Trung Quốc, một kho báu vô giá, hiếm có trên thế giới. Mười tám tác giả với hàng chục bài thơ được tuyển chọn trong Hợp tuyển thật chưa tương xứng với kho báu đó. Song ít ra cũng có thể giúp bạn đọc thưởng thức đôi chút hương sắc của thơ Đường.

Văn học đời Tống (960 – 1279) xem như giai đoạn bản lề, giai đoạn kế thừa đời trước và mở đường cho đời sau. Thơ từ vẫn là sáng tác chủ đạo. Hợp tuyển dành cho văn học Tống nhiều bài thơ từ đặc sắc của tác giả tên tuổi như Tô Thức (1037–1101), Lục Du (1125–1210), Tân Khí Tật (1140–1207).

Đến đời Nguyên (1271–1368), một hiện tượng đáng nói là sự trỗi dậy và sự phồn vinh của tạp kịch. Trong số tác phẩm của Quan Hán Khanh (1220?–1300?), Vương Thực Phủ (?), Bạch Phác (1226–1306) và Mã Trí Viễn (1250?–1324?) Vở *Tây sương ký* của Vương Thực Phủ là tuyệt tác. Hợp tuyển chọn hai màn của vở kịch này.

Triều Minh (1368–1644) và Triều Thanh (1644–1911) là thời đại huy hoàng của tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc. Bốn bộ tiểu thuyết mà Việt Nam yêu thích như *Tam quốc diễn nghĩa, Thủy hử, Tây du ký, Hồng lâu mộng* đều được Hợp tuyển dành nhiều số trang.

Thời kỳ cận đại từ 1840 đến 1919, trải qua 80 năm, lịch sử Trung Quốc có nhiều biến động, xã hội trong cảnh hỗn loạn của các cuộc chiến tranh xâm lược đế quốc, sáng tác văn học cũng gặp nhiều khó khăn trở ngại, do đó ít có những tác phẩm mang giá trị nghệ thuật lớn. Tuy vậy cũng có những tác phẩm tiến bộ phản ánh tư tưởng dân chủ, tư tưởng duy tân cải cách đáng tuyển chọn như tác phẩm của Đàm Tự Đồng (1865–1898), Khanh Hữu Vi (1858–1927), Lương Khải Siêu (1873–1927) v.v... nhưng vì khuôn khổ của Hợp tuyển và cũng vì chưa đủ điều kiện chúng tôi đành để một dịp khác.

Văn học hiện đại Trung Quốc từ thời kì Ngũ – Tứ 1919 đến 1949, khi nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời, đã có nhiều thành tựu to lớn, nhưng Hợp tuyển chỉ chọn một số tác phẩm đại diện cho ba ngọn cờ của các thể loại văn học hiện đại như *truyện ngắn* Lỗ Tấn, thơ *Nữ thần* của Quách Mạt Nhược, kịch *Lôi Vũ* của Tào Ngu.

Tuyển chọn tác phẩm của một nền văn học lớn như Trung Quốc không phải dễ dàng. Công Việc đòi hỏi phải thận trọng, chu đáo, chính xác nhưng đáng tiếc khả năng của những người biên soạn có hạn nên chắc chắn chưa làm hài lòng bạn đọc. Chúng tôi xin tạ lỗi trước và mong nhận được sự chỉ giáo của bạn đọc gần xa.

Hà Nội, mùa hạ 1999
Chủ biên
Lưu Đức Trung

VĂN HỌC TIÊN TẦN

- **Kinh thi**
- **Tản văn**
- **Khuất Nguyên**

1. KINH THI (trích)

1. Quan thư	
2. Quyền nhĩ	(Rau quyền nhĩ)
3. Đào yêu	(Cây đào tơ)
4. Phù dĩ	(Cây xa tiền)
5. Hán Quảng	(Sông Hán rộng)
6. Phiếu hữu mai	(Quả mai rụng)
7. Bách chu	(Chiếc thuyền gỗ bách)
8. Kích cổ	(Đánh trống)
9. Cốc phong	(Gió đông)
10. Tĩnh nữ	(Cô gái thuỳ mị)
11. Tường hữu tử	(Trên tường có giây tử)
12. Tang trung	(Trong vườn dâu)

13. Tướng thử	(Xem chuột con)
14. Manh	(Chàng trai)
15. Quân tử vu dịch	(Chàng đi tòng quân)
16. Tương trọng tử	(Nói cùng chàng)
17. Giảo đồng	(Chàng trai xinh đẹp)
18. Tử câm	(Cổ áo chàng)
19. Thập mẫu chi gian	(Đám ruộng dâu mười mẫu)
20. Thạc thử	(Con chuột xù)
21. Phạt đàn	(Chặt gỗ đàn)
22. Bảo vũ	(Chim cu xỉa cánh)
23. Thất nguyệt	(Tháng bảy)
24. Đông Sơn	(Núi Đông)
25. Thái vi	(Hái rau vi).

KINH THI *

QUAN THƯ

Quan quan thư cưu,
Tại hà chi châu.
Yểu điệu thục nữ,
Quân tử hảo cầu.
Sâm si hạnh thái,
Tả hữu lưu chi.
Yểu điệu thục nữ,
Ngụ mị cầu chi.
Cầu chi bất đắc,
Ngụ mị tư phục (bặc)
Du tai! Du tai!
Triển chuyển phản trắc.
Sâm si hạnh thái,
Tả hữu thái chi.
Yểu điệu thục nữ,
Cầm sắt hữu chi.
Sâm si hạnh thái,
Tả hữu mạo chi.
Yểu điệu thục nữ,
Chung cổ lạc chi.

* Kinh thi là tập thơ đầu tiên của Trung Quốc, sáng tác trong khoảng thời gian hơn 500 năm và cách đây 2500 năm: Góp được khoảng 300 bài, soạn thành tập vào khoảng thế kỷ VI trước CN.

Dịch nghĩa

QUAN THƯ[1]

Con chim thư cưu[2] kêu "quan" "quan"[3] ở trên bãi sông. Người thục nữ xinh đẹp, dịu dàng, thật là xứng đôi với người quân tử.

Rau hạnh[4] ngọn dài, ngọn ngắn, vật vờ theo dòng nước. Người thục nữ xinh đẹp, dịu dàng, làm cho người quân tử ngày đêm mong ước. Mong ước không được, nằm thao thức không yên. Ôi! đêm dài làm sao, đêm dài làm sao ! cứ trằn trọc suốt năm canh!

Rau hạnh ngọn dài, ngọn ngắn, hái bên trái, hái bên phải. Người thục nữ xinh đẹp, dịu dàng, ta gảy đàn cầm, đàn sắt [5] tỏ tình thân.

Rau hạnh ngọn dài, ngọn ngắn, chọn bên trái, chọn bên phải. Người thục nữ xinh đẹp, dịu dàng, ta đánh chiêng, đánh trống để nàng vui.

Dịch thơ

QUAN THƯ

Quan quan cái con thư cưu,
Con trống con mái cùng nhau bãi ngoài.

---

(1) Đây là bài tình ca dân gian miêu tả tâm trạng một chàng trai đeo đuổi một cô gái trẻ, đẹp. Cũng có bản nói đây là một bài hát chúc mừng đám cưới.

(2) *Thư cưu* là một loài chim. Tương truyền loại chim này, con trống con mái rất yêu nhau, một con chết thì con kia đau buồn bỏ ăn, vàng vỏ chết theo. Người đời xưa dùng để chỉ những lứa đôi tốt đẹp.

(3) "*Quan*" "*quan*" là tiếng kêu khi chim đực chim cái gù nhau.

(4) *Rau hạnh* là một loại rau mọc dưới nước, lá non ăn được.

(5) *Đàn cầm, đàn sắt.* Đàn cầm có 5 giây, thêm 2 giây văn võ là bảy giây. Đàn sắt có hai mươi lăm giây. Hai thứ đàn này hòa với nhau rất hay, tượng trưng hai vợ chồng tốt đôi, hòa hợp.

Dịu dàng thục nữ như ai,
Sánh cùng quân tử tốt đôi vợ chồng.
Muốn ăn rau hạnh, theo giòng;
Muốn cô thục nữ, mơ mòng được đâu!
Nhớ cô dằng dặc cơn sầu,
Cho ta trằn trọc dễ hầu ngủ yên!
Muốn ăn rau hạnh hái về;
Muốn cô thục nữ, nay về cùng ta.
Tiếng chuông tiếng trống vui hòa,
Tiếng cầm, tiếng sắt mặn mà yêu đương!

NGUYỄN KHẮC HIẾU (1)

QUYỀN NHĨ

Thái thái quyền nhĩ,
Bất doanh khuynh khuông.
Ta ngã hoài nhân,
Trí bỉ chu hàng.
Trắc bỉ thôi ngôi,
Ngã mã khôi đối.
Ngã cô chước bỉ kim lôi,
Duy dĩ bất vĩnh hoài.
Trắc bỉ cao cương,
Ngã mã huyền hoàng.
Ngã có chước bỉ hủy quang,
Duy dĩ bất vĩnh thương.
Trắc bỉ thư hỉ,

(1) Theo bản dịch của Nguyễn Khắc Hiếu, Nghiêm Thượng Văn, Đặng Đức Tô. *Kinh thi* quyển thứ nhất – Nghiêm hàm ấn quán Hà Nội.

Ngã mã đồ hỉ.
Ngã bộc phu hỉ,
Vân hà hu hỉ.

Dịch nghĩa

RAU QUYỂN NHĨ [1]

Hái rau quyển nhĩ [2] không đầy giỏ nghiêng[3]. Than ôi! Ta nhớ người, đành đặt giỏ bên đường.

Định lên gò đất, nhưng ngựa ta mỏi rồi. Ta đành rót rượu vào chén vàng uống cho hết nhớ mong.

Định lên núi cao, nhưng ngựa ta mệt rồi. Ta đành rót rượu vào chén sừng uống cho khỏi đau lòng.

Định lên ngọn núi đá, nhưng ngựa ta ốm rồi, đầy tớ ta ốm rồi, ôi buồn biết bao!

Dịch thơ

RAU QUYỂN NHĨ[4]

Rau quyển nghiêng giỏ còn vơi,
Hái rau lòng những nhớ người ở xa.
Nhớ ai thơ thẩn lòng ta,
Giỏ rau đặt xuống bên kia vệ đường.

---

(1) Bài thơ tâm tình một người vợ nhớ chồng. Có sách nói, người chồng đi phục dịch ở xa, nhưng trong thơ có nói đến "*cốc vàng*", "*chén sừng*", "*ngựa*", "*đầy tớ*".... cho nên có người lại nói tác giả là một người phụ nữ quý tộc, chứ không phải bình dân.

(2) *Quyển nhĩ*: một loại rau, lá như tai chuột, có lông tơ mọc đối nhau, hoa trắng lá non ăn được.

(3) *Giỏ nghiêng*: giỏ trước cao, sau thấp. Có người nói "*khuynh khuông*" là cái giỏ nông.

(4) Tên bài thơ dịch *Quyển nhĩ*, người biên tập đổi lại tên.

Lên gò, lên núi, lên đồi,
Ngựa chồn, tó mệt, ta ngồi nghỉ ngơi.
Chén vàng rót rượu đầy vơi,
Cho khuây khoả nỗi ngậm ngùi nhớ thương.

NGUYỄN KHẮC HIẾU[1]

ĐÀO YÊU

Đào chi yêu yêu,
Chước chước kỳ hoa.
Chi tử vu quy,
Nghi kỳ thất gia.
Đào chi yêu yêu,
Hữu phần kỳ thực.
Chi tử vu quy,
Nghi kỳ gia thất.
Đào chi yêu yêu,
Kỳ diệp trăn trăn.
Chi tử vu quy,
Nghi kỳ gia nhân.

Dịch nghĩa

CÂY ĐÀO TƠ [2]

Cây đào xanh non mơn mởn, hoa nở đỏ hồng. Cô kia về nhà chồng hòa thuận, êm ấm.

---

(1) Sách đã dẫn. "*Thơ Quyển nhì bốn chương, dịch làm hai chương. Chương đầu dịch riêng làm một chương, ba chương sau dịch chung làm một chương*" (Lời chú của người dịch).

(2) Bài thơ này chúc mừng con gái về nhà chồng, chứ không phải như sách cũ nói: giáo hóa của Văn Vương nhà Chu từ trong nhà tan ra đến nước, con trai con gái cưới xin kịp thời!

Hán hữu du nữ,
Bất khả cầu tư.
Hán chi quảng hỉ,
Bất khả vịnh tư;
Giang chi vĩnh hỉ;
Bất khả phương tư.
Kiều kiều thác tân,
Ngôn ngải kỳ sở;
Chi tử vu quy,
Ngôn mạt kỳ mã.
Hán chi quảng hỉ,
Bất khả vịnh tư;
Giang chi vĩnh hỉ,
Bất khả phương tư.
Kiều kiều thác tân,
Ngôn ngải kỳ lâu;
Chi tử vu quy,
Ngôn mạt kỳ câu.
Hán chi quảng hỉ,
Bất khả vịnh tư;
Giang chi vĩnh hỉ,
Bất khả phương tư.

Dịch nghĩa

SÔNG HÁN RỘNG [1]

Phía nam có cây cao, không thể ngồi nghỉ được. Sông Hán[2] có cô con gái đi du ngoạn, nhưng chẳng có thể cầu thân. Sông

(1) Bài thơ này miêu tả tâm trạng một chàng trai, đeo đuổi một cô gái xinh đẹp. Nhưng tiếc thay cô ta đã lấy người khác, chàng buồn rầu, luyến tiếc, tự nguyện làm người chăn ngựa cho cô ta.

(2) *Sông Hán*, bắt nguồn từ Thiểm Tây, chảy đến phía đông nam, nhập vào sông Trường Giang.

Hán rộng, không thể bơi sang. Sông Trường Giang[1] dài, không thể dùng bè mà đi hết.

Những cây dùng làm củi, đâm tua tủa, ta chặt cây sở[2]. Cô khi đi lấy chồng, ta sẽ chăn ngựa cho cô. Sông Hán rộng, không thể bơi sang. Sông Trường Giang dài, không thể dùng bè mà đi hết.

Những cây dùng làm củi, đâm tua tủa, ta cắt cỏ lâu[3]. Cô khi đi lấy chồng, ta sẽ chăn con ngựa non cho cô. Sông Hán rộng mênh mông, không thể bơi sang. Sông Trường Giang dài, không thể dùng bè mà đi hết.

Dịch thơ

SÔNG HÁN RỘNG

Núi nam mà có cây cao,
Cây cao cao vót khó chiều nghỉ ngơi!
Trên bờ sông Hán ai chơi ?
Có cô con gái, khó ai mơ màng!
Mênh mông sông Hán, sông Giang,
Lặn sang chẳng được! bè sang khó lòng!
Cành sở mà ở bụi gai,
Cắt về làm củi, để dài làm chi.
Bao giờ cô gái vu quy,
Cho ta chăn ngựa, xin đi với nàng.
Mênh mông sông Hán, sông Giang,
Lặn sang chẳng được! bè sang khó lòng!

NGUYỄN KHẮC HIẾU dịch[4]

---

(1) *Trường Giang*, bắt nguồn từ Thanh Hải, chảy qua Vân Nam, Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tây, An Huy, đến Giang Tô ra bể. Đây là con sông to, dài nhất Trung Quốc.

(2) *Cây sở* là loại cây gai.

(3) *Cỏ lâu* là loài cỏ lau hay cỏ tranh.

(4) Sách đã dẫn. "*Thơ Hán quảng ba chương, dịch hai chương trên*" (lời chú của người dịch).

PHIẾU HỮU MAI

Phiếu hữu mai,
Kỳ thực thất hề.
Cầu ngã thứ sĩ,
Đãi kỳ cát hề.

Phiếu hữu mai,
Kỳ thực tam hề.
Cầu ngã thứ sĩ,
Đãi kỳ kim hề.

Phiếu hữu mai,
Khuynh khuông kỳ chi.
Cầu ngã thứ sĩ,
Đãi kỳ vị chi.

Dịch nghĩa

QUẢ MAI RỤNG[1]

Cây mai[2] đã có quả rụng, mười phần chỉ còn bảy. Những chàng trai lành, ai người muốn lấy ta, nên kịp ngày tốt mà xin làm lễ cưới đi thôi.

Cây mai đã có quả rụng, mười phần chỉ còn ba. Những chàng trai lành, ai người muốn lấy ta, ngày hôm nay đến xin làm lễ cưới đi thôi!

Cây mai quả sắp rụng hết rồi, nghiêng giỏ mà nhặt về. Những người trai lành, ai người muốn lấy ta, chỉ cần nói với nhau một lời, lấy nhau ngay cũng được.

---

(1) Bài này tả tâm trạng người phụ nữ mong lấy chồng.
(2) Cây mai tức cây mơ.

QUẢ MAI RỤNG[1]

Cây mai rụng,
Quả bảy trên cành.
Ấy ai là kẻ cầu mình,
Tính sao cho kịp ngày lành hỡi ai!

Cây mai rụng,
Trên cành quả ba.
Hỡi ai là kẻ cầu ta,
Tính sao cho kịp ắt là ngày nay!

Cây mai rụng,
Nghiêng giỏ nhặt mai.
Cầu ta ai đó hỡi ai,
Tính sao cho kịp một lời bảo nhau!

NGUYỄN KHẮC HIẾU dịch

BÁCH CHU

Phiếm bỉ bách chu,
Diệc phiếm kỳ lưu.
Cảnh cảnh bất mị,
Như hữu ẩn ưu.
Vi ngã vô tửu,
Dĩ ngao dĩ du.
Ngã tâm phỉ giám,
Bất khả dĩ nhự.
Diệc hữu huynh đệ,

(1) Tên bài thơ dịch *Phiếu hữu mai*, người biên tập đổi lại tên.

Bất khả dĩ cứ.
Bạc ngôn vãng tố,
Phùng bỉ chi nộ.
Ngã tâm phỉ thạch,
Bất khả chuyển dã.
Ngã tâm phỉ tịch,
Bất khả quyển dã.
Uy nghi lệ lệ,
Bất khả tuyển dã.
Ưu tâm tiên tiêu,
Uẩn vu quần tiểu.
Cấu mẫn ký đa,
Thụ vụ bất thiểu.
Tĩnh ngôn tư chi,
Ngộ tịch hữu phiếu.
Nhật cư nguyệt chư,
Hồ diệt nhi vi.
Tâm chi ưu hỉ,
Như phỉ cán y.
Tĩnh ngôn tư chi,
Bất năng phấn phi.

Dịch nghĩa

CHIẾC THUYỀN GỖ BÁCH[1]

Chiếc thuyền gỗ bách[2] lênh đênh trôi theo dòng nước. Nằm không ngủ được, trong lòng có nỗi ưu tư thầm kín. Không phải ta không có rượu uống để đi ngao du.

(1) Bài này là nói một người vợ oán trách chồng phụ bạc.
(2) *Bách chu*: chiếc thuyền bằng gỗ bách, một thứ gỗ tốt bền chắc.

Lòng ta không phải cái gương, có thể đem soi. Ta có anh em, nhưng không thể tin cậy: giãi bày với anh em thì họ lại giận.

Lòng ta không phải tảng đá, không chuyển vần được. Lòng ta không phải chiếc chiếu, không cuốn lại được. Phẩm chất của ta cao quý, chẳng có thể bỏ cái nào được.

Lòng ta áy náy, bị kẻ tiểu nhân căm giận, gặp khốn khó kể đã nhiều, bị khinh bỉ cũng không ít. Âm thầm nghĩ đến, khi thức thì đập ngực thương cho mình.

Mặt trời ơi! mặt trời ơi! Tại sao có lúc khuyết, lúc mờ. Lòng ta lo buồn bực như mặc phải cái áo bẩn không giặt. Âm thầm nghĩ đến, không thể cao chạy xa bay.

Dịch thơ

CHIẾC THUYỀN GỖ BÁCH[1]

Lênh đênh như chiếc thuyền trôi,
Chiếc thuyền gỗ bách, ai ơi, giữa dòng.
Muốn ngủ mà chẳng ngủ xong,
Vì sao khắc khoải như lòng có lo.
Lo này ai có biết cho,
Phải rằng không rượu chơi cho đỡ buồn.
Lòng ta chẳng phải là gương,
Muốn đem mà lường, hỏ dễ được chăng ?
Anh em có cũng gọi rằng,
Có anh em, chẳng chắc bằng vào ai.
Ta đi ta nói mấy lời,
Gặp cơn giận dữ của người anh em.
Chiếu kia cuốn dễ như không,
Lòng ta phải chiếu, mà mong cuốn dần!

(1) Tên bài thơ *Bách chu*, người biên tập đổi lại tên.

Đá kia thời có người lăn,
Lòng ta phải đá, mà vẫn được sao!
Uy nghi chẳng kém chút nào,
Dễ ai kén chọn điều nào được ru!
Lòng ta áy náy lo phiền,
Nghĩ cho những lũ nhỏ nhen bục mình.
Nỗi riêng lắm nỗi thương tình,
Lại thêm nhiều sự bất bình lắm thay!
Một mình riêng nghĩ ai hay,
Đêm nằm sờ bụng, vỗ tay mà buồn.
Mặt trăng kia với mặt trời,
Sao mà mờ tối lần hồi như nhau ?
Lòng ta xiết nỗi lo sầu,
Như áo không giặt mặc lâu thế này.
Một mình riêng nghĩ ai hay,
Bục mình không dễ mà bay được nào!

NGUYỄN KHẮC HIẾU dịch[1]

KÍCH CỔ

Kích cổ kỳ đường,
Dũng được dung binh.
Thổ quốc thành Tào,
Ngã độc nam hành.

Tông Tôn tử Trọng,
Bình Trần dữ Tống.
Bất ngã dĩ qui,
Ưu tâm hữu xung.

(1) Sách đã dẫn.

Viên cư viên xứ?
Viên tàng kỳ mã?
Vu dĩ cầu chi?
Vu lâm chi hạ.

Tử sinh khiết khoát.
Dữ tử thành thuyết.
Chấp tử chi thủ,
Dữ tử giai lão.

Hu ta khoát hề,
Bất ngã hoạt hề!
Hu ta tuân hề,
Bất ngã thân hề!

Dịch nghĩa:

ĐÁNH TRỐNG[1]

Trống đánh thùng thùng, mọi người hăng hái cầm vũ khí. Người thì đắp thành ở trong nước, người thì đắp thành ở ấp Tào[2], tôi một mình phải đi đánh ở phía Nam. Tôi đi theo chủ soái Tôn Tử Trọng[3] đánh nước Trần và nước Tống[4], không cho tôi về, lòng tôi buồn lắm.

Bây giờ dừng lại ở đâu ? đóng lại ở đâu ? Ngựa của chúng ta chạy đi đâu rồi ? Tìm ở đâu ? Tìm trong rừng.

Sống chết, xa cách có nhau, đã cùng ai nắm tay thề ước: sống đến lúc bạc đầu.

Than ôi! xa cách, chẳng để cho ta giữ đúng lời thề ước!

---

(1) Đầu thời Xuân thu, công tử nước Vệ đánh nước Trần và Tống, cưỡng bức nhân dân đi lính. Nhân dân làm bài này nói lên nỗi khổ khi đi tòng quân, lòng nhớ vợ nhớ con và oán trách giai cấp thống trị.

(2) Tên một ấp nước Vệ.

(3) Tên một tướng quân nước Vệ thời đầu Xuân Thu.

(4) Nguyên văn: "*Binh Trần dữ Tống*". Trước kia người ta giải thích "*binh*" là "*hòa hả*" (nước Vệ liên minh với nước Trần và Tống xâm lược nước Trịnh).

Dịch thơ

ĐÁNH TRỐNG

Đánh trống thùng thùng,
Gươm giáo tập tành,
Những ai đắp đất xây thành,
Xa nhà xa nước riêng mình sang nam!
Theo Tôn tử Trọng,
Hoà Tống cùng Trần.
Chẳng cho ta được về gần,
Lòng ta áy náy có phần nào yên.
Nào ăn nào ở,
Để ngựa chạy lồng.
Chạy đi tìm ngựa tứ tung,
Tìm quanh tìm quẩn ở trong giữa rừng.
Tử sinh cách trở đôi nơi,
Cùng em anh đã nặng lời từ xưa.
Đôi ta những nguyện cùng già,
Cầm tay thuở ấy bây giờ chưa quên.
Cùng nhau thôi đã cách xa!
Sống đâu còn đến thân ta hỡi mình!
Thề xưa còn đó rành rành,
Nay thôi anh đã phụ tình cùng em!

NGUYỄN KHẮC HIẾU dịch[1]

CỐC PHONG

Tập tập cốc phong,
Dĩ âm dĩ vũ.

(1) Sách đã dẫn.

Mãnh miễn đồng tâm,
Bất nghi hữu nộ,
Thái phong thái phi.
Vò dĩ hạ thể,
Đức âm mạc vi,
Cáp nhĩ đồng tử.
Hành đạo trì trì,
Trung tâm hữu vi.
Bất viễn y nhĩ,
Bạc tống ngã ky.
Thuỳ vị đồ khổ,
Kỳ cam như tễ.
Yến nhĩ tân hôn,
Như huynh như đệ.
Kinh dĩ Vị trọc,
Thực thực kỳ chỉ.
Yến nhĩ tân hôn,
Bất ngã tiết dĩ.
Vô thệ, ngã lương,
Vô phạt ngã cẩu.
Ngã cung bất duyệt,
Hoàng thất ngã hậu.
Cựu kỷ thâm hỉ,
Phương chi chu chi;
Tựu kỳ thiển hỉ,
Vinh chi du chi.
Hà hữu hà vô,
Mãnh miễn cầu chi.
Phàm dân hữu tang,

Bồ bặc cứu chi.
Bất ngã năng súc,
Phản dĩ ngã vi thù.
Ký trở ngã đức,
Cổ dung bất thụ.
Tích dục khương dục cúc,
Cập nhĩ điên phúc.
Ký sinh ký dục,
Tỉ dư vu độc.
Ngã hữu chỉ súc,
Diệc dĩ ngự đông.
Yến nhĩ tân hôn,
Dĩ ngã ngự cùng.
Hữu quang hữu hội,
Ký dĩ ngã duy.
Bất niệm tích giả,
Y dư lai ky.

Dịch nghĩa

GIÓ ĐÔNG[1]

Gió thổi ào ào, trời tối đen, mưa như trút. Ta cố gắng cùng chàng sống hòa thuận, chàng không nên giận dữ như thế. Hái rau phong, rau phỉ, mà lại bỏ gốc đi[2]. Không nên quên lời thề xưa, sống chết có nhau.

---

(1) Tác giả bài này là một phụ nữ bị chồng ruồng bỏ. Lúc mới về nhà chồng, nhà chồng rất nghèo, về sau khá lên, chồng lại lấy vợ khác, nàng trách móc chồng ăn ở tệ bạc.

(2) Ví như người chồng lấy vợ mà không chú ý đạo đức của người con gái, thấy sắc kém là bỏ đi.

Ta bước lên dùng dằng, lòng không dứt khoát. (Khi ta ra về, chàng) không tiễn thêm một quãng đường, mà chỉ đưa ra khỏi cửa. Ai bảo rau đồ là đắng? Nó ngọt như rau tễ[1]. Chàng vui với người vợ mới, thân thiết như anh em.

Nước sông Kinh đục, gặp phải nước sông Vị, lại càng thấy đục hơn (cũng như người vợ cũ so với người vợ mới, thì sẽ càng thấy tiều tuỵ hơn nhiều). Nhưng nước sông Kinh cũng có lúc trong, khi nó lắng lại ở một chỗ. Chàng vui với người vợ mới, nên không thèm ăn ở với ta. "Đừng đến chỗ đập ta đánh cá, đừng mó vào cái đơm của ta".[2] Ta chẳng còn đâu nghĩ đến thân thế sau này của ta.

Gặp khúc sông sâu thì dùng thuyền bè để sang; gặp khúc sông cạn lội sang, bơi sang[3]. Trong nhà thiếu thức gì, ta cũng cố gắng thu xếp cho có.

Ai có đám tang ma, ta cũng vội vàng giúp đỡ.

Đã không chung sống với ta, lại đâm ra thù oán. Chàng đã không kể đến chỗ hay của ta thì ta như người đi bán hàng không đắt vậy. Xưa kia, ta cùng chàng chung gian khổ, túng thiếu bây giờ sinh kế đã khá, chàng lại nỡ xem ta như của độc.

Ta có rau ngon dành dụm qua ngày đông tháng giá. Chàng vui với người vợ mới, để ta phải chịu khổ cực; sao không nghĩ lại xưa kia, chỉ yêu một mình ta.

---

(1) *Rau đồ* là một loại rau đắng, *rau tễ* là loại rau ngọt. Câu này ý nói rau đồ dù đắng, nhưng so với sự đau khổ trong lòng còn ngọt hơn nhiều.

(2) Đây là hai câu thành ngữ cổ; có nghĩa: cấm chỉ người vợ bé của chồng không được làm rối loạn quy củ nhà mình.

(3) Lấy việc lội sang sông để ví với việc dàn xếp nhà cửa. Nếu gặp khúc sông sâu thì dùng bè, dùng thuyền, nếu gặp khúc sông cạn thì bơi. Việc nhà có vất vả cũng cố gắng mà làm cho xong.

Dịch thơ

GIÓ ĐÔNG[1]

Gió đông phong
Gió hòa mưa thuận.[2]
Dốc một lòng,
Có giận nhau chi!
Kìa như phong phỉ rau kia,
Hái rau sao có kể gì cuống rau.
Tiếng tăm trong sạch trước sau,
Sống cùng nhau, thác cùng nhau với mày.
Ta đi lững thững bước đường,
Trong lòng chành chạnh như nhường khó đi.
Tiễn ta nào có xa gì,
Tiễn ra đến cửa thôi thì là xa.
Rau đồ ai bảo đắng mà?
Thật như rạu tễ cùng là ngọt thay?
Mày vui vợ mới của mày.
Như anh em ruột chân tay khác nào.
Sông Kinh leo lẻo bên trong,
Vì có sông Vị cho dòng đục thay.
Mày vui vợ mới của mày,
Chẳng thèm cùng với ta đây làm gì.
Bờ ta chắn thời đừng có đi,
Đó ta chớ có mở chi kẻo mà.
Thân ta thôi đã lìa xa,
Nghĩ chi những nỗi sau ta được nào?

---

(1) Tên bài thơ dịch *Cốc Phong*, người biên tập đổi lại tên.

(2) Câu này dịch không đúng nghĩa như sách ngày nay. chú thích tác giả dùng gió thổi ào ào để hình dung sự phẫn của người chồng.

Sông sâu đã có thuyền bè,
Nông thời lặn lội liệu bề về sông.
Thức gì có, thức gì không,
Hết sức hết lòng, tìm được cho ra.
Nhà ai có việc chay ma,
Vội vàng ta cũng đi mà lo toan.
Chẳng nuôi nhau được thì đừng,
Lại còn quá nỗi ra chừng thù nhau.
Ta hay, mày chẳng kể đâu,
Như bán không đắt là câu thế này.
Xưa kia còn nhớ những ngày,
Khó khăn lo sợ có mày với ta.
Bây giờ khốn khó đã qua,
Nỡ đem của độc coi ta, hỡi mày!
Rau ngon ta có để dành,
Để trong tháng rét ăn dần cho hay.
Mày vui vợ mới của mày,
Có ta chỉ để những ngày khó khăn.
Cho ta những việc nhọc nhằn,
Lại còn giận dữ cục cằn làm chi.
Mày sao chẳng nghĩ từ khi,
Ấy như từ thuở ta về ở đây.

NGUYỄN KHẮC HIẾU dịch[1]

TÍNH NỮ

Tính nữ kỳ thù,
Sĩ ngã ư thành ngu.
Ái nhi bất kiến,
Tao thủ trì trù.
Tính nữ kỳ luyến,

(1) Sách đã dẫn.

Di ngã đồng quản.
Đồng quản hữu vĩ,
Duyệt dịch nữ mỹ.
Tư mục quy đề,
Tuân mỹ thả dị.
Phỉ nhũ chi vi mỹ,
Mỹ nhân chi dị.

Dịch nghĩa

CÔ GÁI THUỲ MỊ

Cô con gái thuỳ mị thật là xinh đẹp, hẹn đợi ta ở góc thành. Yêu nàng mà không được gặp mặt, ta vò đầu, ngập ngừng nửa muốn về, nửa muốn ở lại.

Cô con gái thuỳ mị thật là xinh đẹp, tặng cho ai cái quản đỏ;[2] cái quản sơn đỏ chói, ta rất yêu nàng.

Ở ngoài đồng nàng tặng ta nhánh cỏ non, thật là xinh đẹp và lạ lùng. Nhưng không phải nhánh cỏ non ấy đẹp đâu, chỉ vì là quà của người đẹp tặng.

Dịch thơ

CÔ GÁI THUỲ MỊ

Con người vừa nhã! vừa xinh!
Hẹn anh ra ở góc thành đợi nhau.
Yêu mình, chẳng thấy mình đâu;
Để anh luống những xoa đầu băn khoăn.

NGUYỄN KHẮC HIẾU dịch[1]

---

(1) Đây là bài thơ về tình yêu. Tác giả là một chàng trai, yêu say mê một cô con gái, làm bài thơ này để nói lên nỗi lòng quyến luyến của mình.

(2) *Quản đỏ* là một loại nhạc cụ, sơn màu đỏ.

(1) Sách đã dẫn. "*Thơ Tình nữ ba chương, dịch một chương đầu*" (lời chú của người dịch).

TƯỜNG HỮU TỪ

Tường hữu từ,
Bất khả tảo dã.
Trung cấu chi ngôn,
Bất khả đạo dã.
Sở khả đạo dã,
Ngôn chi xú dã.
Tường hữu từ,
Bất khả tương dã.
Trung cấu chi ngôn,
Bất khả tường dã.
Sở khả tường dã,
Ngôn chi trường dã.
Tường hữu từ,
Bất khả thúc dã.
Trung cấu chi ngôn,
Bất khả độc dã.
Sở khả độc dã,
Ngôn chi nhục dã.

Dịch nghĩa

TRÊN TƯỜNG CÓ GIÂY TỪ

Trên bức tường có giây từ[1], không thể quét được. Việc ám muội ở trong cung, không thể nói ra ngoài. Nói ra thì xấu xa lắm!

---

(1) Đây là bài thơ đả kích sự hoang dâm của giai cấp thống trị. Theo *Tả truyện* thì sau khi vua Tuyên công chết, con là Huệ công còn bé; Anh khác mẹ của Huệ công, là công tử Ngoạn, thông dâm với mẹ Huệ công, là Tuyên khương. Người nước Vệ làm bài thơ này để đả kích Tuyên khương và công tử Ngoạn.

(2) *Giây từ*, loại giây leo, lá nhỏ, quả có gai.

Trên tường có giây từ, không thể quăng đi được. Việc ám muội ở trong cung, không thể nói rõ được. Nói ra, thì không thể nói hết!

Trên tường có giây từ, không thể dọn dẹp lại được. Việc ám muội ở trong cung, không thể nói rõ cho mọi người nghe. Nói ra thì nhơ nhuốc lắm!

Dịch thơ

TRÊN TƯỜNG CÓ GIÂY TỪ

Tường kia mà có giây từ,
Ai quét, ai trừ, ai bỏ nó đi.
Những lời trong chái buồng kia,
Nói ra chẳng kẻo thêm bia miệng cười.
Lôi thôi lắm chuyện lạ đời!
Xấu xa nhơ nhuốc, lắm lời khó nghe!

NGUYỄN KHẮC HIẾU dịch[1]

TANG TRUNG

Viên thái đường hỉ ?
Muội chi hương hỉ.
Vân thuỳ chi tư ?
Mỹ Mạnh Khương hỉ?
Kỳ ngã hồ tang trung,
Yếu ngã hồ thượng cung,
Tống ngã hồ Kỳ chi thượng hỉ.
Viên thái mạch hỉ ?

(1) Sách đã dẫn. "Thơ *Tường hữu từ* ba chương, dịch làm một chương" (lời chú của người dịch).

Muội chi bắc hỉ;
Vân thuỳ chi tử ?
Mỹ Mạnh Giặc hỉ,
Kỳ ngã hồ tang trung,
Yếu ngã hồ thượng cung,
Tống ngã hồ Kỳ chi thượng hỉ.
Viên thái phong hỉ?
Muội chi đông hỉ.
Vân thuỳ chi tư,
Mỹ Mạnh Dung hỉ.
Kỳ ngã hồ tang trung,
Yếu ngã hồ thượng cung,
Tống ngã hồ Kỳ chi thượng hỉ.

Dịch nghĩa

TRONG VƯỜN DÂU[1]

Hái rau đường[2] ở đâu ? Ở làng thuộc ấp Muội[3]. Rằng đang tương tư ai ? Tương tư cô gái lớn nhà họ Khương, người thật đẹp. Nàng hẹn ta đến chỗ bãi dâu đón ta đến lầu cao[4], nàng đưa ta về bờ sông Kỳ[5].

Cắt lúa mạch ở đâu ? Ở phía bắc ấp Muội. Rằng đang tương tư ai? Đang tương tư cô gái lớn nhà họ Giặc. Nàng hẹn ta đến chỗ bãi dâu, nàng đón ta đến lầu cao, đưa ta về bờ sông Kỳ.

---

(1) Đây là bài tình ca, ca ngợi cuộc sống yêu đương của nam nữ thanh niên thời bấy giờ. *Tang trung* là trong vườn dâu, có sách nói là tên đất. (Người biên tập đề nghị đổi tên bài là *Trong vườn dâu*.)

(2) *Rau đường* còn gọi là *thỏ ti*, một loại giây leo.

(3) *Muội* là tên đất, ở nước Vệ, phía bắc tỉnh Hà Nam ngày nay.

(4) Nguyên văn "*thượng cung*" có nghĩa là đón lên lầu, có sách nói là tên đất ở nước Vệ.

(5) *Sông Kỳ* ở nước Vệ, phía bắc tỉnh Hà Nam ngày nay.

Hái rau phong ở đâu? Ở phía đông ấp Muội. Rằng đang tương tư ai ? Đang tương tư cô gái lớn nhà họ Dung, người thật đẹp. Nàng hẹn ta đến chỗ bãi dâu, nàng đón ta lên lầu cao, đưa ta về bờ sông Kỳ.

Dịch thơ

TRONG VƯỜN DÂU (1)

Đi làng Muội,
Anh chơi trong làng.
Anh hái rau đường,
Lòng nhớ ai?
Nhớ nàng Mạnh Khương,
Đi làng Muội,
Anh chơi mạn bắc,
Anh ngắt lúa mạch.
Lòng nhớ ai?
Nhớ nàng Mạnh Giặc.
Đi làng Muội,
Anh chơi mạn đông,
Anh hái rau phong.
Lòng nhớ ai?
Nhớ nàng Mạnh Dung.
Mạnh Khương, Mạnh Giặc, Mạnh Dung(2)
Hẹn anh thời ở tang trung,
Đón anh thời ở thượng cung,
Tiễn anh thời ở trên sông là con sông Kỳ(3)

NGUYỄN KHẮC HIẾU dịch

(1) Tên bài thơ dịch T ang Trung, người biên tập đổi lại tên.
(2) Khương, Giặc, Dung mà có thêm chữ "mạnh" ở trên, tức như nói con gái lớn nhà ấy (chú thích của người dịch).
(3) (Sách đã dẫn) "Thơ *Tang trung* ba chương, dịch làm một chương" (chú thích của người dịch).

TƯỚNG THỬ

Tướng thử hữu bĩ,
Nhân nhi vô nghi.
Nhân nhi vô nghi,
Bất tử hà vi.
Tướng thử hữu xỉ,
Nhân nhi vô chỉ.
Nhân nhi vô chỉ,
Bất tử hà sĩ?
Tướng thử hữu thể,
Nhân nhi vô lễ.
Nhân nhi vô lễ,
Hồ bất chuyên tử?

Dịch nghĩa

XEM CON CHUỘT[1]

Nhìn xem con chuột có bộ da, con người mà không có uy nghi của con người, chẳng chết đi, còn sống làm gì?

Nhìn xem con chuột có bộ răng, con người mà không có thái độ đúng đắn, chẳng chết đi, còn đợi đến bao giờ?

Nhìn xem con chuột có mình mẩy, con người mà không có lễ độ, sao chẳng chết ngay đi!

---

(1) Đây là bài thơ đả kích bọn thống trị ám muội, vô liêm sỉ. Có sách chép: Thời Xuân Thu, vua Tuyên công có ba người con, Tuyên công chiếm đoạt người vợ chưa cưới của con cả là Tuyên Khương, lập làm phu nhân, sinh được hai con là Thọ và Sóc. Tuyên công chết, Tuyên Khương thông dâm với đứa con thứ hai của Tuyên công, sinh ba trai, hai gái.

Huynh đệ bất thi,
Hý kỳ tiếu hĩ.
Tĩnh ngôn tự chi,
Cung tự điện hĩ.
Cập nhĩ giai lão,
Lão sử ngã oán.
Kỳ tắc hữu ngạn,
Thấp tắc hữu bạn;
Tổng giác chi án,
Ngôn tiếu án án.
Tín thệ đán đán,
Bất tử kỳ phản.
Phản thị bất tư,
Diệc dĩ yên tai!

Dịch nghĩa

CHÀNG TRAI[1]

Chàng trai vui vẻ tươi cười, mang vải đến nhà ta đổi tơ[2]. Kỳ thực không phải đổi tơ, mà là hỏi ta làm vợ. Ta đưa chàng lội qua sông Kỳ, đến gò Đốn Khâu. Không phải ta lỡ làm sai hẹn, mà chỉ vì chàng không có người mối lái giỏi. Thôi chàng đừng giận, hẹn đến mùa thu.

---

(1) Đây là một người phụ nữ, bị chồng ruồng bỏ, nói lên lòng oán giận của mình. Nàng kể lại đầu đuôi chuyện lấy nhau, cùng nỗi khổ sở khi ở nhà chồng và sự hối hận buổi ban đầu, không biết nghĩ xa, nay đành chịu đau khổ?
Manh, chàng trai, lối xưng hô có vẻ khinh bỉ.

(2) Nguyên văn câu này là: "*Bão bố mậu tỉ*", nghĩa là mang vải đổi lấy tơ. Theo Nguyễn Khắc Hiếu thì đời xưa người ta lấy lụa, vải tiêu dùng trong sự mua bán, cũng như tiền. Vì vậy nên trong bản dịch có câu: "*Đem tiền đem bạc, đến mình cần tơ*".

Ta trèo lên bức tường đổ nát, ngóng xem chàng đã trở lại cửa quan[1] chưa. Nhưng không thấy, nước mắt ta chảy đầm đìa. Đến khi thấy, ta cười cười nói nói. Chàng đi xem bói, xem quẻ, chả có quẻ nào không tốt. Chàng đánh xe đến đón ta đem cả của hồi môn về.

Khi cây dâu chưa rụng, lá nó xanh mượt[2]. Chim câu ơi! đừng ăn quả dâu! Các bạn gái ơi, đừng mê trai! Trai mê gái còn có thể bỏ được, nhưng gái mê trai thì không thể bỏ được!

Khi cây dâu già, lá vàng và rụng. Từ ngày ta về nhà chàng đến nay đã ba năm rồi, ăn uống kham khổ. Nước sông Kỳ lênh láng, làm ướt cả cánh gà của xe[3]. Ta cũng không có lỗi lầm gì, mà chàng thì ăn ở hai lòng. Chàng thật không đứng đắn chút nào, ăn ở hai lòng.

Ba năm làm dâu nhà chàng, mọi việc trong nhà mình ta gánh vác. Thức khuya, dậy sớm, không có lúc nào nhàn nhã. Ngờ đâu bây giờ lấy nhau, chàng lại sinh ra tàn ác. Anh em ta không hiểu nỗi lòng ta, lại khúc khích cười. Bình tâm suy nghĩ, mình lại thương mình.

Mong được cùng nhau sống đến già, nhưng già thì chỉ làm ta thêm oán. Sông Kỳ còn có bờ, sông Thấp còn có giới hạn[4]. Khi còn nhỏ, cùng nhau vui chơi, nói nói cười cười, chúng ta thề ước thật thành khẩn. Nhưng thôi không cần nghĩ lại việc trước nữa, quên đi cho rồi!

---

(1) Nguyên văn: "*Di vọng Phục quan*"; có người cho rằng "Phục quan" là đất Phục -quan, cửa Phục - quan, nơi người chồng ở. Nhưng có người cho rằng "phục" là trở về, "quan" là đón ải, nói chàng trai khi đến nhà cô gái thường đi qua. Chúng ta thiên về ý thứ hai.

(2) Nói "*cây dâu lá còn xanh mượt*" là để ví nhan sắc của người phụ nữ trong những ngày còn trẻ.

(3) Ý nói người phụ nữ sau khi bị ruồng bỏ, qua sông Kỳ về nhà.

(4) *Sông Kỳ, sông Thấp còn có bờ, có giới hạn*, cũng như con người còn có chỗ dựa. Tác giả nghĩ đến cuộc sống tương lai của mình không nơi nương tựa.

CHÀNG TRAI

Thằng cha trông bộ hiền lành,
Đem tiền đẹm bạc, đến mình cân tơ.
Cân tơ nào phải cân tơ,
Ấy là lại để cùng ta hẹn hò.
Đưa anh qua khỏi con đò,
Tiễn anh cho đến tận gò Đốn Khâu
Phải rằng em chẳng muốn theo,
Anh không tốt mối, nên điều hẹn sai.
Xin đừng vội giận, anh ơi.
Đến thu, ta sẽ nối lời nước non.
Trèo lên tường đổ bên nhà,
Để ta ngóng thử đâu là Phục-quan,
Ngóng trông chẳng thấy Phục-quan,
Nước mắt ta khóc chứa chan sụt sùi.
Phục quan trông đã thấy rồi,
Cười cười nói nói còn vui nào bì.
Mày bói chẳng còn hồ nghi,
Thời đem xe lại, ta đi với mày.
Cây dâu kia,
Khi còn tươi tốt,
Lá trên cành,
Nhẫy nhượt nhường bao.
Này này ta bảo con cưu,
Quả dâu chớ có ăn vào mà chơi!
Làm thân con gái, ai ơi.
Chớ nên cùng với con trai phải lòng!
Trai kia cùng gái phải lòng,

Kiếm cân mà gõ, còn hòng một hai.
Con gái mà phải lòng trai,
Cái hư biết để cho ai bây giờ.
Cây dâu đến lúc rụng rồi,
Lá dâu vàng úa mà rơi nhường này.
Từ khi ta đến nhà mày,
Uống ăn kham khổ đã đầy ba năm.
Cánh gà xe, ướt đầm sau trước;
Nước sông Kỳ, mặt nước láng lai!
Gái này ăn ở chẳng sai;
Trai kia ăn ở ra hai ba lòng!
Ba năm ăn ở nhà chồng,
Công kia việc nọ chút lòng quản bao.
Thức khuya, dậy sớm ra vào,
Thật là chẳng có lúc nào ngồi chơi.
Lời xưa mười đã thỏa mười,
Đem lòng giận dữ cho người thêm đau.
Anh em biết đấy là đâu,
Chỉ rằng khúc khích cùng nhau mà cười.
Nỗi mình biết nói cùng ai,
Chẳng qua thân lại thương đời cho qua.
Cùng nhau mong những cùng già,
Đến già mày để cho ta oán mày.
Sông kia với chỗ thấp này,
Sông kia có vở, chỗ thấp này bờ cao.
Cùng nhau trong thuở trái đào,
Cười nói ngọt ngào, thề ước phân minh.
Nỗi sau chẳng nghĩ cho rành,
Đã không nghĩ trước thôi đành luỵ sau!

NGUYỄN KHẮC HIẾU dịch[1]

(1) Sách đã dẫn.

QUÂN TỬ VU DỊCH

Quân tử vu dịch,
Bất tri kỳ kỳ.
Hạt chí tai?
Kê thê vũ thì.
Nhật chi tịch hĩ,
Dương ngưu hạ lai.
Quân tử vu dịch,
Như chi hà vật tư?
Quân tử vu dịch,
Bất nhật bất nguyệt.
Hạt kỳ hữu quát?
Kê thê vu kiệt,
Nhật chi tịch hỉ,
Dương ngưu hạ quát,
Quân tử vu dịch,
Cẩu vô cơ khát.

Dịch nghĩa

CHÀNG ĐI TÒNG QUÂN[1]

Chàng đi tòng quân, không hẹn ngày về. Bao giờ mới trở lại? Kìa con gà, tối đến nó về ngủ ở hốc tường, khi mặt trời lặn, dê trâu cũng kéo về chuồng cả[2]. Chàng đi tòng quân, làm sao thiếp không thương nhớ được?

Chàng đi tòng quân, hết ngày này sang tháng khác. Bao giờ mới được sum họp với nhau? Kìa con gà, tối đến về ngủ đậu

(1) Tác giả là một người phụ nữ nhớ chồng tòng quân ở xa.
(2) Nhìn gà về ổ, trâu dê vào chuồng, nàng day dứt nhớ chồng mình đang ở xa.

ở tre, khi mặt trời lặn, dê trâu đều đoàn tụ. Chàng đi tòng quân, chắc không phải nhịn đói chịu khát!

TƯƠNG TRỌNG TỬ

Tương Trọng tử hề,
Vô du ngã lý.
Vô chiết ngã thụ kỷ.
Khởi cảm ái chi?
Uý ngã phụ mẫu.
Trọng khả hoài dã;
Phụ mẫu chi ngôn,
Diệc khả uý dã.
Tương Trọng tử hề,
Vu du ngã tường,
Vô chiết ngã thụ tang.
Khởi cảm ái chi?
Uý ngã chư huynh.
Trọng khả hoài dã;
Chư huynh chi ngôn,
Diệc khả uý dã.
Tương Trọng tử hề,
Vô du ngã viên,
Vô chiết ngã thụ đàn.
Khởi cảm ái chi?
Uý nhân chi đa ngôn,
Trọng khả hoài dã,
Nhân chi đa ngôn,
Diệc khả uý dã.

Dịch nghĩa

TƯƠNG TRỌNG TỬ[1]

Xin anh Trọng tử, chớ đến xóm tôi, chớ bẻ cành cây kỷ[2] tôi trồng. Không phải tôi tiếc gì cành cây kỷ đâu, chỉ vì tôi sợ cha mẹ tôi thôi. Anh đáng yêu thật, nhưng lời cha mẹ quở trách, cũng đáng sợ lắm!

Xin anh Trọng tử, chớ trèo qua tường nhà tôi, chớ bẻ cành cây dâu tôi trồng. Không phải tôi tiếc gì cành cây dâu đâu, chỉ vì tôi sợ các anh tôi. Anh đáng yêu thật, nhưng những lời các anh quở trách, cũng đáng sợ lắm!

Xin anh Trọng tử, chớ qua vườn nhà tôi, chớ vin bẻ cành cây đàn[3] tôi trồng. Không phải tôi tiếc gì cành cây đàn đâu, chỉ vì tôi sợ miệng người đời. Anh đáng yêu thật, nhưng miệng người đời cũng đáng sợ lắm!

Dịch thơ

Chàng ơi chớ lẻn vào đây
Chớ leo mà gãy cành cây trong vườn
Tình chàng đâu dám không thương
Nhưng lời cha mẹ xem thường được đâu
Tình chàng em vẫn ghi sâu
Nhưng lời cha mẹ em đâu dám nhờn

(Nam Trân dịch)
(Ba phần dịch một phần đầu)

---

(1) *Trọng tử* là tiếng gọi chàng con trai. Cũng có ý kiến cho Trọng Tử là tên riêng hoặc chàng trai. Người con gái yêu người con trai, nhưng vì cha mẹ, anh em và họ hàng, nên không thể công nhiên gặp gỡ người yêu được. Nàng khuyên người yêu không nên đến thăm, nhưng mặt khác tỏ tình tha thiết của mình, và cũng nói lên tâm trạng của những người phụ nữ bị lễ giáo phong kiến ràng buộc.

(2) *Cây kỷ*, loại cây liễu.

(3) *Cây đàn*, loại cây gỗ cứng.

GIẢO ĐỒNG

Bỉ giảo đồng hề;
Bất dữ ngã ngôn hề!
Duy tử chi cố,
Sử ngã bất năng xan hề!
Bỉ giảo đồng hề,
Bất dữ ngã thực hề!
Duy tử chi cố,
Sử ngã bất năng tức hề!

Dịch nghĩa

CHÀNG TRAI XINH ĐẸP[1]

Hỡi chàng trai xinh đẹp[2] kia, sao không cùng nói chuyện với ta? Cũng chỉ vì chàng mà ta ăn không ngon.

Hỡi chàng trai xinh đẹp kia, sao không cùng ăn với ta! Chỉ vì chàng mà ta ngủ không yên.

Dịch thơ

"Hỡi chú chàng ngông
Sao không chuyện trò,
Bởi chỉ vì chàng,
Mà ta quên ăn.
Hỡi chú chàng ngông,
Sao không cùng ăn
Bởi chỉ vì chàng
Mà ta quên ngủ".

(Giảo đồng - Vệ phong)
(Chuyển dẫn giáo trình LS VHTQI. GD. H.1963)

---

(1) Đây là một bài tình ca. Vì người yêu không cùng sống chung, nên nàng ăn không ngon ngủ không yên.

(2) Có sách chú *"giảo đồng"* là chàng trai xinh đẹp. Có người lại cho rằng đó là tiếng chửi với nghĩa thân mật.

TỬ CÂM

Thanh thanh tử câm,
Du du ngã tâm,
Túng ngã bất vãng.
Tử ninh bất tự âm!
Thanh thanh tử bội,
Du du ngã tư,
Túng ngã bất vãng.
Tử ninh bất lai!
Thao hề đạt hề,
Tại thành khuyết hề.
Nhất nhật bất kiến,
Như tam nguyệt hề.

Dịch nghĩa

CỔ ÁO CHÀNG

Cổ áo chàng màu xanh xanh, lòng ta nhớ không nguôi. Ta không thể đến chỗ chàng ở, nhưng chàng há lại chẳng cho ta biết tin tức hay sao ?

Cái giây đeo ngọc của chàng màu xanh xanh, lòng ta nhớ không nguôi. Ta không thể đến được chỗ chàng ở, nhưng chàng há lại chẳng đi lại được chỗ ta hay sao ?

Chàng đi dạo chơi ở cửa thành, ta luôn luôn tơ tưởng đến chàng. Một ngày không gặp mặt chàng, ta thấy hầu như ba tháng trời!

THẬP MẪU CHI GIAN

Thập mẫu chi gian hề,
Tang giả nhàn nhàn hề,

Tác giả là một người phụ nữ, trông ngóng, mong chờ, oán trách người yêu. Bài thơ ca ngợi cuộc sống đầy phấn khởi vui tươi.

Hành dữ tử hoàn hề.
Thập mẫu chi ngoại hề,
Tang giả tiết tiết hề,
Hành dữ tử thệ hề.

Dịch nghĩa

ĐÁM RUỘNG DÂU MƯỜI MẪU

Đám ruộng dâu rộng mười mẫu, người hái dâu, hái ung dung. Hái xong, ta cùng bạn lên đường về nhà.

Đám ruộng dâu rộng ngoài mười mẫu, người hái dâu hái thật là thoải mái. Hái xong, ta cùng bạn lên đường về nhà.

Dịch thơ

ĐÁM RUỘNG DÂU MƯỜI MẪU

Ngàn dâu xa xa hề,
Cành dâu là dà hề,
Bạn ơi cùng trở về.
Tăm tắp ngoài thành hề,
Lá dâu xanh xanh hề,
Bạn ơi cùng trở về.

(Chuyển dẫn văn học Trung Quốc – Tài liệu tham khảo – NXBGD H.1963)

THẠC THỬ

Thạc thử, thạc thử,
Vô thực ngã thử.
Tam tuế quán nhữ,
Mạc ngã khẳng cố,
Thệ tương khứ nhữ,
Thích bỉ lạc thổ,
Lạc thổ, lạc thổ,

Viên đắc ngã sở.
Thạc thử, thạc thử,
Vô thực ngã mạch,
Tam tuế quán nhữ,
Mạc ngã khẳng đức,
Thệ tương khứ nhữ,
Thích bỉ lạc quốc,
Lạc quốc, lạc quốc,
Viên đắc ngã trực.
Thạc thử, thạc thử,
Vô thực ngã miêu,
Tam tuế quán nhữ,
Mạc ngã khẳng lao.
Thệ tương khứ nhữ.
Thích bỉ lạc giao,
Lạc giao, lạc giao.
Thuỳ chi vĩnh hào?

Dịch nghĩa

CON CHUỘT XÙ[1]

Con chuột xù, con chuột xù, chớ ăn ngô tao. Tao đã nuôi mày ba năm rồi[2], nhưng mày không hề nghĩ đến tao. Tao thề quyết bỏ mày đi, tìm đến nơi tốt lành[3]. Nơi tốt lành, nơi đó chúng tao có thể an cư lạc nghiệp.

---

(1) Đây là một bài thơ phản ánh lòng căm thù của nhân dân đối với sự bóc lột tàn nhẫn của giai cấp thống trị, đồng thời thể hiện nguyện vọng của nhân dân muốn tìm một xã hội tốt đẹp, không bị áp bức bóc lột...

(2) *Ba năm* chỉ một thời gian dài.

(3) Những chữ *"lạc thổ"*, *"lạc quốc"*, *"lạc giao"* đều mượn để chỉ những đất lý tưởng, tốt đẹp, sống ở đó có thể khỏi bị áp bức, bóc lột... Đương nhiên đây chỉ là sự không tưởng của nhân dân. Vì trong thời bấy giờ, nhân dân quyết không thể tìm được nơi nào không bị áp bức bóc lột.

Con chuột xù, con chuột xù, chớ ăn lúa mạch tao! Tao đã nuôi mày ba năm rồi, nhưng mày không hề để lại một tí ân đức nào cho chúng tao cả. Tao thề quyết bỏ mày mà đi, tìm đến nước tốt lành. Nước tốt lành, nước tốt lành, nơi đó chúng tao có thể an cư lạc nghiệp.

Con chuột xù, con chuột xù, chớ ăn mạ non tao. Tao đã nuôi mày ba năm rồi, nhưng mày không an ủi tao. Tao thề bỏ mày mà đi, tìm đất ngoại ô[1] tốt đẹp. Ngoại ô tốt đẹp, ngoại ô tốt đẹp, còn ai mà ngồi than ngắn thở dài nữa?

Dịch thơ

CHUỘT XÙ

Chuột xù, chuột xù!
Chớ ăn kê ta.
Bao năm nuôi mày,
Mày có biết đâu.
Ta sẽ tránh mày,
Đi đến xứ nào,
Lạc thổ, lạc thổ,
Lý tưởng làm sao![2]

(Chuyển dẫn Văn học Trung Quốc – Tài liệu tham khảo – NXBGD H.1963)

PHẠT ĐÀN

Khảm khảm phạt đàn hề,
Trí chi hà chi ngạn hề,
Hà thủy thanh thả liên ỷ.
Bất giá bất sắc,
Hồ thủ hòa tam bách triền hề ?

(1) Nguyên văn là: "*lạc giao*". Nơi hoang dã rộng rãi ở ngoại thành gọi là giao.
(2) *Thạc thử* ba chương dịch thành một chương.

Bất thủ bất lạp,
Hồ chiêm nhĩ đình hữu huyền huyên hề ?
Bỉ quân tử hề, bất tố xan hề!
Khảm khảm phạt bức hề,
Trí chi hà chi trắc hề.
Hà thủy thanh thả trực ỷ.
Bất giá bất sắc,
Hồ thủ hòa tam bách ức hề ?
Bất thủ bất lạp,
Hồ chiêm nhĩ đình hữu huyền đặc hề ?
Bỉ quân tử hề, bất tố thực hề!
Trí chi hà chi thần hề,
Khảm khảm phạt luân hề,
Hà thủy thanh thả luân ỷ.
Bất gia bất sắc,
Hồ thủ hòa tam bách quân hề ?
Bất thủ bất lạp,
Hồ chiêm nhĩ đình hữu huyền thuần hề ?
Bỉ quân tử hề, Bất tố xan hề!

Dịch nghĩa

CHẶT GỖ ĐÀN

Chát chát! *chặt gỗ* đàn. Chặt xong để trên bờ sông, nước sông *trong và gợn sóng*. Những kẻ không cày cấy, sao mỗi mùa thu được ba trăm triền ? (2) Không săn bắn, sao trong nhà vẫn thấy treo da dã thú ? Những người quân tử kia ơi(3), các người không phải là kẻ ăn không ngồi rồi hay sao ?

---

(1) Bài thơ này chỉ trích những kẻ bóc lột, ăn không ngồi rồi, phản ánh tinh thần phản kháng của nhân dân lao động đối với giai cấp thống trị.

(2) "*Triền*", "*ức*", "*quân*" đều là những đơn vị đo lường, đều có nghĩa là "*bó*" cả.

(3) *Quân tử*, chỉ kẻ bóc lột, tuy tác giả dùng có vẻ tôn kính, nhưng kỳ thực có ý xem khinh.

Chát chát, chặt gỗ đàn *làm trục xe*, chúng ta chặt xong để bên sông, nước sông *trong và chảy thẳng*. Những kẻ không cày cấy, sao mỗi mùa vẫn thu được ba trăm ức. Không săn bắn, sao trong nhà vẫn thấy treo đầy dã thú lớn ? Những người quân tử kia ơi, các người không phải là những kẻ ăn không ngồi rồi hay sao!

Chát chát, chặt gỗ đàn làm *bánh xe*, chặt xong để bên sông, nước sông *trong gợn sóng*. Những kẻ không cày cấy, sao mỗi mùa vẫn thu được ba trăm quân ? Không săn bắn, sao trong nhà vẫn thấy treo đầy chim thuần ? Những người quân tử kia ơi, các người không phải là những kẻ ăn không ngồi rồi hay sao ?

Dịch thơ (1)

Chan chát, chát chan
Đẵn cây gỗ đàn rồi đưa xuống bến,
Dòng nước xanh chảy xoắn thành vòng.
Cấy không mà cắt cũng không,
Cớ sao lúa bỏ chất chồng hàng muôn ?
Không hề săn bắn núi non,
Mà treo lơ lửng mấy con lợn nòi ?
Tai to mặt lớn ai ơi!
Bỏ ngay cái thói ngồi rồi ăn không.

Nam Trân dịch

BẢO VŨ

Túc túc bảo vũ,
Tập vu bao hứa.
Vương sự mi cổ,
Bất năng nghệ tắc thử.

(1) Chỉ dịch một khổ thơ.

Phụ mẫu hà cô ?
Du du thương thiên.
Hạt kỳ hữu sở!
Túc túc bảo dực,
Tập vu bao cức.
Vương sự mi cổ,
Bất năng nghệ thử tắc.
Phụ mẫu hà thực ?
Du du thượng thiên,
Hạt kỳ hữu cực.
Túc túc bảo hàng,
Tập vu bao tang.
Vương sự mi cổ,
Bất năng nghệ đạo lương.
Phụ mẫu hà thường ?
Du du thượng thiên,
Hạt kỳ hữu thường.

Dịch nghĩa

CHIM BẢO XỈA CÁNH[1]

Con chim bảo[2] xỉa cánh kêu xè xè, bay về đậu ở chùm cây lịch[3]. Phục dịch việc vua, không có lúc nào nghỉ ngơi, cũng không trồng lúa trồng ngô được, cha mẹ biết nương tựa vào đâu? Trời cao thăm thẳm, biết lúc nào có thể an cư một nơi nhất định ?

---

(1) Bài thơ này phản ánh nỗi khổ của nhân dân khi đi phục dịch, bỏ ruộng đất không ai cày bừa, cha mẹ nhịn đói, không nơi nương tựa, và nói lên lòng khát vọng một cuộc sống thái bình.

(2) *Chim bảo*, giống chim nhạn, nhưng to hơn, dịch *chim cu* là dịch tạm. Loài chim này không có ngón chân sau, do đó đậu trên cây không vững, dùng để ví với nhân dân lao động phải chịu lao dịch khổ cực, không có lúc nào nghỉ ngơi.

(3) *Cây lịch* là cây có quả hình tròn, vỏ cây làm thuốc nhuộm.

Con chim bảo xỉa cánh kêu xè xè, đậu ở chùm cây gai. Phục dịch việc vua, không có lúc nào nghỉ ngơi, cũng không trồng lúa trồng ngô được, cha mẹ biết lấy gì ăn ? Trời cao thăm thẳm, lúc nào mới hết khổ?

Con chim bảo xỉa lông kêu xè xè, đậu ở chùm cây dâu. Phục dịch việc vua, không có lúc nào nghỉ ngơi, cũng không trồng lúa kê được, cha mẹ biết lấy gì ăn ? Trời cao thăm thẳm, lúc nào có thể trở lại cuộc sống bình thường ?

Dịch thơ

CHIM CU XỈA CÁNH[1]

Cu cu bay đậu lùm gai,
Việc vua đầy rẫy biết ngày nào xong ?
Lúa kê ai vãi xuống đồng,
Cha mẹ đói lòng biết lấy gì ăn ?
Trời cao trời có hay chăng?
Chừng nào hết việc mà mong trở về ?

(Chuyển dẫn Văn học Trung Quốc Tài liệu tham khảo. NXBGD H.1963)

THẤT NGUYỆT

Thất nguyệt lưu hoả,
Cửu nguyệt thụ y.
Nhất chi nhật tất phát,
Nhị chi nhật lật liệt;
Vô y vô hạt,
Hà dĩ tốt tuế!
Tam chi nhật vô tự,
Tứ chi nhật cử chỉ;
Đồng ngã phụ tử,
Diệp bỉ nam mẫu.
Điền tuấn chí hỉ.

(1) Chỉ dịch một khổ thơ.

Thất nguyệt lưu hoả,
Cửu nguyệt thụ y.
Xuân nhật tải dương,
Hữu minh thương canh.
Nữ chấp ý khuông,
Tôn bỉ vi hành.
Viện cầu nhu tang
Xuân nhật trì trì
Thái phồn kỳ kỳ.
Nữ tâm thương bi,
Đãi cập công tử đồng quy.
Thất nguyệt lưu hỏa
Bát nguyệt hà vĩ
Tàm nguyệt điều tang.
Thủ bỉ phủ thương
Dĩ phạt viễn dương,
Y bỉ nữ tang
Thất nguyệt minh quyết
Bát nguyệt tái tích
Tái huyền tái tích
Tái huyền tái hoàng
Ngã chu khổng dương
Vĩ công tử thường.
Tứ nguyệt tú yêu,
Ngũ nguyệt minh điểu,
Bát nguyệt kỳ hoạch
Thập nguyệt vẫn trạch
Nhất chi nhật vu lạc
Thủ bỉ hồ li,
Vi công tử cầu.
Nhị chi nhật kỳ đồng,
Tái toản vũ công.
Ngôn tư kỳ tông,
Hiến kiên vu công.
Ngũ nguyệt tư chung động cổ,
Lục nguyệt sa kê chấn vũ.
Thất nguyệt tại dã,

Bát nguyệt tại vũ,
Cửu nguyệt tại hộ,
Thập nguyệt tất xuất nhập ngũ sàng hạ.
Khung trất huân thử,
Tái lương cẩn hộ,
Ta ngã phụ tử,
Viết vi cải tuế,
Nhập thử thất xứ.
Lục nguyệt thực uất cập úc,
Thất nguyệt phanh quỳ cập thực.
Bát nguyệt bác táo,
Thập nguyệt hoạch đao,
Vi thủ xuân tửu,
Dĩ giới my thọ.
Thất nguyệt thực qua,
Bát nguyệt đoạn hồ,
Cửu nguyệt thúc thủ.
Thái đồ tân hư,
Thực ngã nông phu.

Cửu nguyệt trúc trường phố,
Thập nguyệt nạp hòa giá.
Thử tắc trùng mục,
Hoà ma thúc mạch.
Ta ngã nông phu.
Ngã giá ký đồng,
Thượng nhập chấp cung công!
Trú nhĩ vu mao,
Tiêu nhĩ sách đào.
Cực kỳ thừa ốc.
Kỳ thủy bá bách cốc.

Nhị chi nhật tạc băng xung xung,
Tam chi nhật nạp vu lăng âm.
Tứ chỉ nhật kỳ tao,
Hiến cao tế phỉ.
Cửu nguyệt túc sương,

Thập nguyệt địch trường.
Bằng tửu tư hưởng,
Viết sát cao dương.
Tế bỉ công đường,
Xưng bỉ tư quang,
"Vạn thọ vô cương"!

Dịch nghĩa

THÁNG BẢY[1]

Tháng bảy sao Hoả chuyển về hướng Tây, tháng chín giao việc may áo quần rét cho đàn bà. Tháng mười một gió lạnh thổi thông thốc, tháng mười hai trời càng lạnh; không có áo quần ấm, làm thế nào qua mùa đông! Tháng giêng sửa soạn cày bừa, đến tháng hai ra đồng, vợ con cùng đi theo, mang cơm ra đồng. Bọn điền quan[2] vui mừng.

Tháng bảy sao hoả chuyển về tây, tháng chín giao việc may áo quần rét cho đàn bà. Ngày xuân trời ấm áp, con chim hoàng anh kêu líu lo. Các cô thôn nữ tay cầm giỏ đi theo đường mòn hái những lá dâu non, mùa xuân ngày dài, hái được rất nhiều lá dâu. Các cô rất lo buồn, họ sợ công tử bắt về.

Tháng bảy, sao hoả chuyển về tây, tháng tám đi chặt lau (làm nong nuôi tằm), tháng ba cắt sửa cành dâu, lấy rìu chặt bớt những cành mọc dài và xa, vin cành có lá dâu non. Tháng bảy con quyết[3] kêu, tháng tám bắt đầu dệt vải. Tấm vải màu đen, màu vàng, màu đỏ, rất đẹp, để cho công tử may áo quần

(1) Bài thơ này phản ánh đời sống vất vả quanh năm của nhân dân lao động lúc bấy giờ. Họ phải đổ sức lao động làm việc để giai cấp thống trị hưởng thụ.

(2) *Điền quan*, quan phụ trách về nông, do giai cấp thống trị cử đến để thống trị nhân dân.

(3) *Con quyết*, một loại sáo.

Tháng tư cây viễn chí[1] ra quả, tháng năm ve kêu. Tháng tám gặt, tháng mười là cây rụng. Tháng mười một đi săn chồn, săn được chồn đem về lấy da cho công tử làm áo. Đến tháng mười hai, tụ tập lại, rồi cùng đi săn.

Được con thú nhỏ, về ta; thú lớn, nộp cho quan.

Tháng năm dế cọ chân, tháng sáu sa kê[2] đập cánh, Tháng bảy (dế) ở ngoài đồng, tháng tám bò vào thềm, tháng chín vào nhà, tháng mười bò xuống giường. Nhét tất cả cửa hang, đốt lửa hun chuột. Lấy đất trét cửa sổ phía bắc. Lại một năm qua, vợ ơi, con ơi vào nhà mà trú!

Tháng sáu ăn quả lê và quả mận, tháng bảy nấu quì, nấu đậu. Tháng tám đập táo, tháng mười gặt lúa, nấu rượu mùa xuân. Tháng bảy ăn dưa, tháng tám hái bầu, tháng chín hái mè. Hái các thứ rau đắng mà ăn, phả, chặt cây có mùi hôi làm củi, bữa cơm của người nông phu chỉ có thế.

Tháng chín sửa sân đập lúa, tháng mười nộp lúa vào kho. Tất cả lúa mì, lúa mạch, lúa sớm, lúa muộn, đậu, vừng. Bọn nông phu chúng ta, lúa nộp rồi, còn phải xây dinh thự, ban ngày cắt tranh, ban đêm bện thừng. Trèo nhanh lên mái nhà[3], để vụ gieo mạ sắp bắt đầu.

Tháng chạp đục băng kêu chan chát, tháng giêng đem băng cho vào hầm đất, tháng hai cúng dê cúng hẹ. Tháng chín sương xuống, tháng mười quét dọn sân. Uống hai chén rượu, lại giết cả dê, đem dâng lên công đường[4] nâng cốc chúc mừng "vạn thọ vô cương".

---

(1) *Viễn chí*, loài cây quả có vị đắng, có thể làm thuốc. Có người gọi là lê.

(2) *Sa kê*, con cồ cộ, theo tự điển Trung Việt của Văn Tân.

(3) Cả hai câu này có nghĩa: chúng ta nên tranh thủ thời gian sửa soạn chỗ ở, nếu không đến đầu mùa xuân đã gieo cấy lúa rồi.

(4) *Công đường*, là trụ sở công cộng thời cổ.

THÁNG BẢY

Hoàng hôn tháng bảy,
Sao hôm chênh chếch,
Tháng chín chớm lạnh,
Áo kép phải dệt,
Tháng một gió thông thốc,
Tháng chạp càng heo hút.
Chẳng áo quần dày,
Lấy gì chống rét!
Tháng giêng sửa cày cuốc,
Tháng hai khởi công,
Cùng vợ con ta,
Mang cơm tận đồng,
Đốc công vừa lòng.
Hoàng hôn tháng bảy,
Sao hôm chênh chếch,
Tháng chín chớm lạnh,
Áo kép phải dệt,
Ngày xuân nắng đẹp,
Oanh hót vang vang,
Thôn nữ mang giỏ,
Men theo đường làng,
Tìm lá dâu non.
Trời xuân chầm chậm.
Cỏ dày khóm khóm.
Thôn nữ sầu bi,
Sợ "công tử" bắt đi.
Hoàng hôn tháng bảy,

Sao hôm chênh chếch,
Tháng chín chớm lạnh,
Áo kép phải dệt.
Tháng tám cắt lau,
Tháng ba xới dâu,
Cầm búa cầm dao,
Phát bót cành cao,
Vít cành hái lá.
Tháng bảy sáo gọi,
Tháng tám dệt vải,
Nhuộm đen, nhuộm vàng.
Màu nâu đẹp hơn,
Công tử may quần.
Tháng tư trời trong,.
Rau dầu trổ bông,
Tháng năm ve hát.
Tháng tám mùa gặt,
Tháng mười rụng lá trạch.
Tháng một săn cáo,
Lại bắt cả chồn,
Công tử làm áo.
Tháng chạp họp lại,
Vừa tập vừa săn,
Thú con được ăn,
Thú lớn phải nộp.
Tháng năm châu chấu cọ chân,
Tháng sáu dế sành đập cánh,
Dế mèn tháng bảy,
Ở ngoài đồng cỏ,
Tháng tám vào thềm,

Tháng chín vào cửa,
Tháng mười dế chui gầm giường.
Xông nhà, hun chuột,
Che song phía bắc.
Trét đất cửa phên,
Thương vợ con mình,
Vào ở tạm thôi!
Sắp đến tết rồi!
Tháng sáu ăn lê và đào,
Tháng bảy nấu quì cùng đậu.
Tháng tám đập táo,
Tháng mười lúa lên,
Đem ủ rượu xuân,
Để cúng quỷ thần.
Tháng bảy ăn dưa,
Tháng tám hái bầu,
Tháng chín mè rụng,
Rau đắng củi sung,
Làm cơm nhà nông.
Tháng chín dọn sàn,
Tháng mười lo gặt.
Nếp, ngô, cao lương,
Lúa, mè, kê, mạch.
Bọn nông nô mình,
Hái gặt tạm xong,
Phải xoay việc công;
Ngày đi cắt tranh,
Đêm bện thành tấm,
Mau lợp cho xong,
Đã đến mùa gieo trồng.

Tháng chạp đục băng chan chát,
Tháng giêng cho vào hầm đất,
Tháng hai ngày tốt.
Nấu hẹ, mổ dê,
Để tế thần rét.
Tháng chín sa sương.
Tháng mười dọn vườn.
Cơm mùa rượu mới,
Lại giết dê con,
Dâng lên công đường,
Nâng cao cốc mừng,
"Vạn thọ vô cương".

(Chuyển dẫn Văn học Trung Quốc
Tài liệu tham khảo – NXBGD H.1963)

ĐÔNG SƠN

Ngã tổ đông sơn,
Thao thao bất quy.
Ngã lai tự đông,
Linh vũ kỳ mông.
Ngã đông viết quy,
Ngã tâm tây bi.
Chế bỉ thường y,
Vật sĩ hành mai.
Quyên quyên giả chúc,
Chưng tại tang dã.
Đôn bỉ độc túc,
Diệc tai xa hạ.
Ngã tổ đông sơn,
Thao thao bất quy.

Ngã lai tự đông,
Linh vũ kỳ mông.
Quả loã chi thực,
Diệc thi vu vũ.
Y uy tại thất,
Tiêu tiêu tại hộ.
Định đoàn lộc trường,
Tập diêu tiêu hành.
Bất khả uý dã?
Y khả hoài dã!
Ngã tổ đông sơn,
Thao thao bất quy.
Ngã lai tự đông,
Linh vũ kỳ mông.
Quan minh vu điệt,
Phụ thán vu thất.
Sải tảo khung thất,
Ngã chinh duật chí.
Hữu đôn qua khổ,
Chưng tại lật tân;
Tự ngã bất kiến,
Vu kim tam niên!
Ngã tổ đông sơn,
Thao thao bất quy.
Ngã lai tự đông,
Linh vũ kỳ mông.
Thương canh vu phi,
Tập diêu kỳ vũ.
Chi tử vu quy,
Hoàng bác kỳ mã.
Thân kết kỳ ly,

Cửu thập kỳ nghi.
Kỳ tân khổng gia,
Kỳ cựu như chi hầu.

Dịch nghĩa

NÚI ĐÔNG[1]

Ta đến núi Đông[2] đã lâu rồi, vẫn chưa được về. Ta đi trên con đường từ phương đông lại, mưa bay lâm râm. Khi ở phương đông, mỗi lần nói sẽ về quê, thì lòng đã nhớ mong phương tây. Về nhà ta sẽ mặc áo thường, không phải đi hành quân nữa[3]. Như con sâu quấn tròn ở vườn dâu[4] ta cũng nằm khoanh ngủ dưới xe[5].

Ta đến núi Đông, đã lâu rồi, vẫn chưa được về. Ta đi trên con đường từ phương đông lại, mưa bay lâm râm, đưa bò đến thềm nhà. Gián đất đầy vách, nhện giăng lưới trên cửa. Nhà ở làm nơi trú cho hươu núi, ma trơi bay lập loè. Không đáng sợ ư? nhưng lòng ta vẫn nhớ tới quê hương[6].

Ta đến núi Đông, đã lâu rồi, vẫn chưa được về. Ta đi trên con đường từ phương đông lại, mưa bay lâm râm. Con cò đậu ở gò đất kêu lên. Vợ ta ngồi than thở trong nhà. Vợ ta quét dọn nhà cửa. Ta là chinh phụ sắp trở về. Quả bầu để trên đống củi; từ ngày chồng ra đi, đến nay đã ba năm[7].

---

(1) Đây là bài thơ miêu tả tâm trạng người lính đi thú, lâu ngày trên đường về quê.

(2) *Núi Đông*, nơi người lính – tác giả bài thơ – đóng giữ.

(3) Nguyên văn: "*Vật sĩ hành mai*", thời cổ khi đi hành quân, mỗi người phải ngậm một cái tăm để khỏi nói chuyện. Ở đây ý nói không phải hành quân, không phải sống quân lính.

(4) Câu trên và câu dưới đối chiếu nhau. Người chiến sĩ gian khổ, sống không nhà không cửa, đêm đến phải khoanh tròn ngủ dưới xe, chẳng khác gì sâu bọ.

(5) Cả chương miêu tả người lính đi tòng quân lâu ngày, may khỏi chết được trở lại cuộc sống bình thường.

(6) Tưởng tượng cảnh sau ngày ra đi, nhà cửa hoang vắng thật đáng sợ. Nhưng vì nhớ quê hương tha thiết nên vẫn muốn trở về.

(7) Tác giả tưởng tượng tâm trạng của vợ ở nhà đang mong đợi mình.

Ta đến núi Đông đã lâu rồi, vẫn chưa được về. Ta đi trên con đường từ phương đông lại, mưa bay lâm râm. Con chim oanh bay, cánh nở rực rỡ. Có cô con gái về nhà chồng, ngồi trên xe có ngựa tía, ngựa vàng kéo. Mẹ nàng thắt giải lưng cho nàng[1], nghi lễ kết hôn rất hậu. Duyên mới thật là nồng, duyên cũ thì thế nào?[2].

Dịch thơ

NÚI ĐÔNG

Từ ngày ta trẩy núi Đông,
Năm qua tháng lại vẫn không được về.
Hôm nay ta bước ra về,
Trời mù mịt khắp tứ bề mưa bay.
Khi thân ở phía đông này,
Mà lòng tơ tưởng phía tây bàng hoàng.
Thảnh thơi mặc bộ áo thường,
Ngậm tăm, không. Bắt xếp hàng ... cũng không.
Trong đám dâu, con sâu nhỏ, kìa trông,
Nó bò lổm ngổm, nó không có nhà.
Thân ta chẳng khác sâu mà!
Bấy nay ngủ dưới chiếu xa một mình.
Từ ngày ta trẩy núi Đông,
Năm qua tháng lại vẫn không được về.
Hôm nay ta bước ra về,
Trời mờ mịt khắp tư bề mưa bay.

---

(1) Thời xưa, khi gả con gái lấy chồng, người mẹ thân hành thắt giải lưng cho con.

(2) Nguyên văn hai câu này là: "*Kỳ tân khổng gia, kỳ cựu như chi hà!*". Hiện nay có nhiều cách hiểu khác nhau. Có người cho rằng, người vợ khi mới về nhà chồng, rất đẹp, nhưng đã ba năm rồi, không biết còn giữ được sắc đẹp nữa hay không. Có người cho rằng: người lính nhìn cảnh cưới xin của người khác mà ước mong duyên cũ của mình sẽ đậm đà gấp bội.

Chắc rằng bầu bí mọc đầy,
Bò qua, bò lại, bò ngay vào nhà.
Ở trong nhà biết bao là gián đất,
Nhện ngoài hiên giăng chật khắp nơi.
Vườn hoang dê núi rong chơi,
Đêm hôm đom đóm, ma trơi lập loè.
Cảnh cửa nhà, nghĩ đến mà ghê!
Từ ngày ta trẩy núi Đông,
Năm qua tháng lại vẫn không được về.
Hôm nay ta bước ra về,
Trời mờ mịt khắp tư bề mưa bay.
Bên gò đất cò bay đến đợi,
Vợ thở than xiết nỗi đau lòng,
Quét cái nhà lau cái phòng,
Trong khi quét dọn, tưởng chồng về đây.
Dưa hoang, mướp đắng mọc đầy,
Trên đống củi, quả trứu dây là đà.
Ngày ta từ biệt cửa nhà,
Đến nay tính lại đã ba năm trời.
Từ ngày ta trẩy núi Đông
Năm qua tháng lại vẫn không được về.
Hôm nay ta trở ra về,
Trời mờ mịt, khắp tư bề mưa bay.
Rực rỡ oanh bay, bay qua bay lại,
Có cô con gái,
Về phía nhà chồng.
Một đoàn ngựa tía, ngựa hồng đón cô.
Thắt lưng thì mẹ thắt cho,
Lễ thì đủ lễ đưa cô về nhà.
Người ta duyên mới vui hòa,
Mình đây duyên cũ đậm đà gấp đôi

NAM TRÂN dịch[1]

(1) Trích trong bản dịch *Kinh thi* chưa xuất bản.

THÁI VI

Thái vi thái vi,
Vi diệc tác chỉ.
Viết quy viết quy,
Tuế diệc mô chỉ.
Mỵ thất mỵ gia,
Hiểm doãn chị cố.
Bất hoàng khải cử,
Hiểm doãn chi cố.
Thái vi thái vi,
Vi diệc nhu chỉ.
Viết quy viết quy,
Tâm diệc ưu chỉ.
Ưu tâm liệt liệt,
Tải cơ tải khát,
Ngã thú vị định,
Mỵ sử quy sinh.
Thái vi thái vi,
Vị diệc cương chỉ.
Viết quy viết quy,
Tuế diệc dương chỉ.
Vương sự mỵ cổ,
Bất hoàng khải xử.
Ưu tâm khổng cứu,
Ngã hành bất lai.
Bỉ nhĩ duy hà,
Duy thường chi hoa.
Bỉ lộ tư hà,
Quân tử chi xa.
Nhung xa ký giá,
Tứ mẫu nghiệp nghiệp.

Khởi cảm định cư,
Nhất nguyệt tam tiệp.
Giá bỉ tứ mẫu,
Tứ mẫu quỳ quỳ.
Quân tử sở y,
Tiểu nhân sở phỉ.
Tứ mẫu dực dực.
Tượng nhĩ ngư phục,
Khởi bất nhật giới!
Hiểm doãn khổng cức.
Tích ngã vãng bỹ,
Dương liễu y y.
Kim ngã lai tư,
Vũ tuyết phi phi.
Hành đạo trì trì,
Tải khát tải cơ,
Ngã tâm thương bi,
Mạc tư ngã ai.

Dịch nghĩa

HÁI RAU VI[1]

Hái rau vi, hái rau vi! Rau vi đã mọc rồi. Nói sắp về, sắp về, nhưng đã gần một năm, vẫn chưa về được. Ta không nhà không cửa[2] cũng chỉ vì quân giặc Hiểm Doãn. Ta không được yên ổn nghỉ ngơi, chỉ vì giặc Hiểm Doãn[3].

(1) Đời Chu (có thể là Chu Tuyên Vương) giặc Hiểm Doãn (ngoại tộc phía bắc Trung Quốc) xâm lược Trung Quốc, vua nhà Chu cử binh đi dẹp. Tác giả bài thơ là những người lính tại ngũ. Bài thơ nói lên nỗi khổ của những ngày tòng quân, và lòng yêu nước, căm thù giặc của nhân dân lao động.

(2) Người lính phải đi viễn thú ở ngoài, mặc dù có nhà cửa, xem cũng như không.

(3) Cả chương nói lên nguyên nhân phải đi viễn thú, vì giặc Hiểm Doãn.

Hái rau vi, hái rau vi! Rau vi xanh non rồi. Nói sắp về, sắp về, trong lòng cũng lo buồn lắm. Lòng ta lo buồn như lửa đốt, khi hành quân vừa đói lại vừa khát. Nơi đóng quân không cố định, nên không thể bảo người về nhà hỏi thăm tin tức được.

Hái rau vi, hái rau vi! Rau vi đã cứng rồi. Nói sắp về, sắp về, năm nay đã đến tháng mười. Việc vua không lúc nào xong, nên không được rảnh mà ngồi lâu ở yên được. Trong lòng ta rất đau buồn, khổ sở, đi đã lâu mà vẫn chưa về.

Hoa nở nhiều kia là hoa gì ? Chính là hoa thường lệ[1]. Chiếc xe cao lớn kia là của ai ? Chính là xe của tướng soái.

Xe ngựa đã đóng trận rồi, bốn con thật là hùng mạnh, ta há dám ngồi yên ? Một tháng thắng ba lần.

Bốn con ngựa dóng xe, bốn con ngựa oai hùng. Tướng soái ngồi trên xe, binh sĩ nấp sau xe[2]. Bốn con ngựa đi chỉnh tề, mọi người mang theo cung bằng ngà voi và túi đựng tên bằng da cá. Hàng ngày ta há không cảnh giác ư? Quân Hiểm Doãn đến rất gấp.

Ngày ta xuất chinh, cây dương liễu thướt tha, nay ta trở về, tuyết xuống dồn dập. Ta đi chầm chậm, bụng vừa đói vừa khát. Lòng ta đau xót, chẳng ai biết nỗi lòng ta!

---

(1) *Thường lệ* là loại hoa, hai ba đoá kết lại với nhau, khi hoa nở thường chúc đầu xuống đất. Quả giống quả lê.

(2) Chủ soái ngồi trên xe để chỉ huy, bộ binh đi sau xe, lấy xe làm vật yểm hộ.

2. TẢN VĂN TIÊN TẦN(*)

1. *Tả truyện*
   - Khuất Hoàn đi sứ nước Tề.
   - Tử Tang và Bách Lý bàn vua Tần chuyển thóc sang nước Tấn.
   - Trùng Nhĩ chạy trốn khắp các nước.
   - Lòng cương trực.
2. *Chiến quốc sách*
   - Trâu Kỵ khuyên vua Tề nghe lời can gián.
   - Thuốc bất tử.
   - Đường Thư thuyết Tiền Vương.
   - Tô Tần yết kiến vua Sở.
   - Nhan Xúc thuyết Tề vương.
3. *Luận ngữ*
   - Tử viết...
   - Tử Lộ, Tăng Tích, Nhiễm Hữu.
   - Công Tây Hoa ngồi hầu Khổng Tử.
4. *Mạnh Tử*
   - Vợ chồng người nước Tề.
   - Nên xử thế nào?
   - Không nước nào mạnh bằng nước Tấn.
   - Mạnh Tử yết kiến Lương Tương Vương.
5. *Mặc Tử*
   - Kiêm ái
   - Phi công.

---

* *Tản Văn* : Thời Xuân Thu Chiến quốc, các nước thôn tính lẫn nhau hết sức tàn khốc. Có người đã ghi chép lại những sự kiện lịch sử đó. Về văn học có bốn tác phẩm thường được nhắc đến : "Xuân thu, Tả truyện, Quốc sử, Chiến quốc sách. Sau đây tuyển chọn một số bài trong các tác phẩm đó.

TẢ TRUYỆN

KHUẤT HOÀN[1] ĐI SỨ NƯỚC TỀ[2]

Vua nước Sở sai Khuất Hoàn đến chỗ nước Tề đóng quân. Quân Tề lui về đóng ở Thiệu Lăng[3].

Vua Tề[4] dàn quân của các nước chư hầu, rồi cùng Khuất Hoàn cỡi xe đi xem. Vua Tề nói:

– Đâu có phải vì ta[5] mà là vì kế tục việc giao hiếu với tiên quân ta khi trước[6]. Chẳng hay vua Sở nhà ngươi có chịu cùng ta giao hiếu hay không?

Khuất Hoàn thưa:

– Nhà vua yêu mến nước Sở tôi, thu nạp vua nước Sở tôi, đó là nguyện vọng của vua Sở tôi.

Vua Tề nói:

– Đem quân này chiến đấu, ai có thể địch nổi! Đem quân này phá thành, thành nào mà chả tan!

---

(1) *Khuất Hoàn*, quan đại phu nước Sở, cùng họ với vua Sở.

(2) *Nước Tề*, một nước lớn đời Xuân thu, Chiến quốc, ở vào tỉnh Sơn Đông ngày nay.

(3) *Thiệu Lăng*, đất của nước Sở, ở vào huyện Yên Thành, tỉnh Hà Nam ngày nay.

(4) *Vua Tề*, tức Tề Hoàn Công.

(5) Nguyên văn: "*Khởi bất cốc thị vi*", "*bất cốc*" có nghĩa là bất thiện (không tốt), tiếng xưng hô khiêm tốn, vua Tề tự gọi mình là "bất thiện".

(6) Có nghĩa là: sở dĩ các nước chư hầu đem quân đến đây phục tòng ta, không phải vì quan hệ riêng mà là kế tục việc giao hiếu với các vua trước.

Khuất Hoàn thưa:

– Nếu nhà vua dùng đức để yên ủi chư hầu, thì ai dám không phục? Nhưng nếu nhà vua dùng vũ lực (để đàn áp chư hầu) thì nước Sở tôi có núi Phương Thành[1] làm thành, có sông Hán Thủy[2] làm hào, dù quân nước Tề đông cũng không thể phá nước tôi được.

Sau đó, Khuất Hoàn và các nước chư hầu liên minh với nhau.

TỬ TANG VÀ BÁCH LÝ[3] BÀN VUA TẦN[4] CHUYỂN THÓC SANG NƯỚC TẤN[5]

Nước Tấn đói mấy năm liền, (Vua nước Tấn là Huệ công) sai người sang nước Tần xin mua thóc.

Vua Tần hỏi Tử Tang:

– Ta có nên bán thóc cho nước Tấn không?

Tử Tang thưa:

– Ta ăn ở hậu, cho họ mua, họ sẽ báo ơn ta, vậy nhà vua còn muốn gì nữa ? Ta ăn ở hậu, cho họ mua mà họ không báo ơn ta, thì nhân dân nước họ sẽ chán ghét, và sẽ lìa bỏ vua họ. Dân họ chán ghét lìa bỏ vua họ, nếu ta đem quân sang đánh, họ đã không được lòng dân, tất nhiên họ sẽ thất bại.

---

(1) Phương Thành, tên núi hiểm trở của nước Sở, ở vào huyện Trúc San, tỉnh Hồ Bắc ngày nay.

(2) *Hán Thủy*, tên sông dài rộng của nước Sở, phát nguyên từ tỉnh Thiểm Tây, đến huyện Hán Dương, chảy vào sông Trường Giang.

(3) Tử Tang, tức Công tôn Chi, quan đại phu nước Tần. Bách Lý, tức Bách Lý Hề, trước ở Ngu, sau sang làm đại phu nước Tần.

(4) Tần là nước lớn mạnh đời Xuân thu, Chiến quốc, ở vào tỉnh Cam Túc, tỉnh Thiểm Tây ngày nay.

(5) Tấn cũng là nước lớn mạnh thời Xuân thu, Chiến quốc, ở vào miền Nam tỉnh Sơn Tây và miền nam tỉnh Hồ Bắc ngày nay.

Vua Tần hỏi Bách Lý:

– Ta có nên cho nước Tấn mua thóc không?

Bách Lý thưa:

– Trời làm đói kém khắp nơi, các nước đều chịu. Nước láng giềng có tai hoạ, ta cứu họ, thương họ, đó là đạo lý; làm theo đạo lý, tất trời sẽ giáng phúc.

Thế rồi, vua Tần cho chuyển thóc sang nước Tấn.

TRÙNG NHĨ[1] CHẠY TRỐN KHẮP CÁC NƯỚC

Công tử nước Tấn là Trùng Nhĩ gặp nạn, chạy đến Bồ thành[2], người nước Tấn đem quân đến đánh. Người Bồ thành muốn nghênh chiến, Trùng Nhĩ không cho, nói:

– Ta nhờ mệnh nhà vua, được hưởng bổng lộc dưỡng sinh của vua cha, nên được lòng người. Được lòng người rồi lại cạnh tranh với vua cha, thì còn tội gì to hơn. Ta lại chạy trốn vậy.

Rồi Trùng Nhĩ chạy sang nước Địch[3]. Chạy theo Trùng Nhĩ có Hồ Yển, Triệu Thôi, Điển Hiệt, Ngụy Vũ Tử, Tư Không Quý tử[4].

Người nước Địch đánh đến đất Tường Cao Nhự[5], bắt hai người con gái là Thúc Ngỗi, Quý Ngỗi tặng cho Trùng Nhĩ.

---

(1) Trùng Nhĩ con thứ vua Hiến Tông nước Tấn, trốn ra nước ngoài, sau về làm vua, bá chủ chư hầu, tức Văn Công nước Tấn.

(2) Bồ-thành, tên một nước nhỏ đời Xuân thu, Chiến quốc, ở vào phía tây huyện Đại Lệ, tỉnh Thiểm Tây ngày nay.

(3) Nước Địch, tên một nước ở phương bắc Trung Quốc thời cổ.

(4) Hồ Yển, tự là Tử Phạm. Hồ Yển, Triệu Thôi, Điển Hiệt, Ngụy Vũ Tử, Tư Không Quý tử, đều là những người giúp đắc lực cho công tử Trùng Nhĩ gây dựng nghiệp lớn. Sau đều được liệt vào hàng đại phu nước Tấn.

(5) Tường Cao Nhự, một chủng tộc thời Xuân thu.

Trùng Nhĩ lấy Quý Ngỗi, sinh hạ hai con trai là Bá Du và Thúc Lưu, đem Thúc Ngỗi gả cho Triệu Thôi, sau sinh ra Thuẫn[1].

Khi sắp bỏ nước Địch sang Tề, Trùng Nhĩ bảo Quý Ngỗi:

– Chờ ta hai mươi lăm năm, nếu ta không trở lại sẽ đi lấy chồng khác.

Quý Ngỗi thưa:

– Đợi hai mươi lăm năm mới được đi lấy người khác, thì đã nằm trong áo quan rồi! Vậy xin hứa cứ đợi công tử.

Trùng Nhĩ ở nước Địch mười hai năm, mới bỏ sang nước khác. Sang nước Vệ[2], Vệ Văn công không dùng lễ đối đãi, cho ra ở đất Ngũ Lộc[3], Trùng Nhĩ đến nhà người thôn quê xin ăn. Người thôn quê lấy cục đất cho Trùng Nhĩ, Trùng Nhĩ tức giận muốn đánh, Tử Phạm[4] nói:

– Đó là của trời cho.

Trùng Nhĩ mới cung kính vái lạy tạ ơn, nhận lấy cục đất để lên xe rồi đi.

Sang nước Tề, Tề Hoàn Công gả con gái là Khương thị cho, lại cho hai mươi con ngựa, Trùng Nhĩ muốn sống yên tại đấy, những người đi theo đều cho là không nên. Họ định sang nước khác, bàn với Trùng Nhĩ ở dưới cây dâu. Người tỳ thiếp chăn tằm ở trên cây dâu, nghe được về nói với Khương thị, Khương thị giết chết người tỳ thiếp ấy, rồi bảo Trùng Nhĩ:

– Công tử có chí bốn phương, có người biết mưu ấy, thiếp đã giết rồi.

Trùng Nhĩ nói:

– Ta không có ý muốn đi đâu cả.

---

(1) Tức Triệu Thuẫn, sau làm quan đại phu nước Tấn.

(2) Nước Vệ, một nước nhỏ đời Xuân thu, Chiến quốc, ở vào tỉnh Hà Bắc và một ít tỉnh Hà Nam ngày nay.

(3) Ngũ Lộc, tên đất của nước Vệ, ở vào huyện Bộc Dương, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

(4) Tử Phạm, tên tự của Hồ Yển.

Khương thị nói:

– Nên đi đi, quyến luyến vợ con, ở yên một chỗ, sẽ hại đến công danh.

Trùng Nhĩ không nghe; Khương thị bàn với Tử Phạm, cho Trùng Nhĩ uống rượu say rồi bỏ lên xe, chở đi khỏi nước Tề. Trùng Nhĩ tỉnh rượu, lấy giáo đuổi Tử Phạm.

Khi đến nước Tào[1], vua Cung Công nước Tào nghe nói xương sườn của Trùng Nhĩ liền lại làm một, muốn xem Trùng Nhĩ lúc cởi trần. Nhằm khi Trùng Nhĩ tắm, đến tận nơi xem.

Vợ Hy Phụ Kỵ[2] nói với chồng:

– Tôi xem những người đi theo công tử nước Tấn đều có tài giúp nước cả. Nếu dùng giúp nước, thì công tử tất sẽ trở về nước làm vua. Về nước làm vua, tất sẽ làm bá chủ các nước chư hầu. Khi đã làm bá chủ các nước chư hầu thì sẽ quở trách những người vô lễ trước đây, trước hết là Tào. Mình sao chẳng sớm chịu ăn ở hai lòng một chút?

Hy Phụ Kỵ mới biếu Trùng Nhĩ một mâm cơm, trong liễn cơm có để một viên ngọc bích. Trùng Nhĩ chỉ nhận mâm cơm, còn viên ngọc bích thì trả lại. Khi Trùng Nhĩ đến nước Tống, Tống Tương công tặng cho hai mươi con ngựa. Đến nước Trịnh, Trịnh Văn Công cũng khinh bỉ Trùng Nhĩ. Thúc Chiêm[3] can Văn Công nói:

– Tôi nghe nói trời mở mặt cho ai, thì người khác không thể kịp được. Công tử nước Tấn có ba việc, ý trời chắc có lẽ định gây dựng cho công tử chăng? Nhà vua nên lấy lễ mà tiếp đãi. Một là trai gái cùng họ, lấy nhau, con cháu không được hưng thịnh, công tử nước Tấn, mẹ là họ Cơ[4], thế mà đến nay

---

(1) Nước Tào, tên một nước nhỏ đời Xuân thu, Chiến quốc, ở vào tỉnh Sơn đông ngày nay.

(2) Hy Phụ Kỵ, quan đại phu nước Tào.

(3) Thúc Chiêm, quan đại phu nước Trịnh, có tiếng là hiền tài.

(4) Họ Cơ, bố Trùng Nhĩ họ Cơ, mẹ Trùng Nhĩ họ Cơ; cùng họ Cơ, thế là cùng họ lấy nhau.

vẫn còn sống. Hai là, công tử bị nạn trốn ra nước ngoài, thế mà trời không cho nước Tấn yên, (hình như trời muốn) cho công tử trở về nước. Ba là, công tử có ba người tài, đáng làm người trên, thế mà vẫn đi tuỳ tòng. Nước Tấn và nước Trịnh cùng phe với nhau, con em nước Tấn đi qua nước Trịnh, được tiếp đãi có lễ độ, huống chi đối với người trời định mở mặt cho mình lại khinh bỉ ư?

Văn Công không nghe.

Trùng Nhĩ đến nước Sở, vua Sở mở tiệc mời công tử, rồi nói:

– Công tử nếu được về nước Tấn thì lấy gì báo ơn cho ta?

Trùng Nhĩ thưa:

– Gái đẹp, ngọc lụa, nhà vua có cả; lông các loại chim đẹp, rặng và da các loài thú quý, đất nước nhà vua nhiều. Những thứ đưa sang nước tôi, đều là thứ thừa thãi của nhà vua. Vậy biết lấy gì để báo đáp?

Vua Sở nói:

– Tuy như thế, nhưng công tử tất cũng có gì báo đáp chứ?

Trùng Nhĩ thưa:

– Nếu nhờ oai linh nhà vua, tôi được trở về nước Tấn, khi nước Tấn, nước Sở có việc binh, gặp nhau ở trung nguyên[1], quân nước Tấn sẽ lui tránh quân nhà vua chín mươi dặm đất. Nếu nước Sở không dừng quân cứ tiến, tôi sẽ tay trái cầm roi ngựa, cầm cung, tay phải mang túi cung, cùng nhà vua tiếp kiến.

Tử Ngọc[2] nghe nói thế, xin vua Sở giết Trùng Nhĩ. Vua Sở nói:

---

(1) Trung nguyên, chỉ miền hạ du sông Hoàng Hà.

(2) Tử Ngọc, quan đại khanh nước Sở, tức là Thành đắc Thần. Sau giao chiến với Tấn, thua rồi tự sát. Trùng Nhĩ được tin mừng nói: chả ai hại ta nữa.

– Công tử nước Tấn là người quảng đại mà lại tiết kiệm, văn hoa mà lại có lễ độ. Những người đi theo nghiêm chỉnh mà lại khoan dung, trung thành mà lại tận lực. Vua nước Tấn không người thân, trong và ngoài đều ghét. Nghe nói con cháu Đường Thúc họ Cơ, một ngày một suy. Người có thể khôi phục lại nước Tấn là công tử chăng? Ý trời đã định như vậy, ai có thể bỏ công tử được. Nếu trái ý trời, tất có tội.

Bấy giờ mới đưa Trùng Nhĩ đến nước Tần. Vua Tần tặng công tử năm người con gái, trong đó có Hoài Doanh. Nàng bưng chậu, múc nước để Trùng Nhĩ rửa tay. Trùng Nhĩ vẩy làm ướt cả áo Hoài Doanh. Nàng tức giận nói:

– Nước Tần, nước Tấn lớn ngang nhau, tại sao bắt tôi hầu hạ nhà ngươi.

Công tử sợ, bỏ mũ xuống, tạ tội.

Ngày khác, vua Tần thết tiệc Trùng Nhĩ, Tử Phạm nói:

– Tôi ăn nói đối đáp không bằng Triệu Thôi, xin để Triệu Thôi theo công tử đi dự tiệc.

Trong bữa tiệc, Trùng Nhĩ hát bài *Hà thủy*(1). Vua Tần hát bài *Lục nguyệt*(2). Triệu Thôi nói:

– Công tử nên đến lạy tạ ơn.

Trùng Nhĩ xuống thềm, cúi đầu lạy. Vua Tần cũng xuống thềm một bậc, từ chối. Triệu Thôi thưa với vua Tần:

– Nhà vua đem việc phò tá thiên tử, mong chờ Trùng Nhĩ, Trùng Nhĩ dám chẳng bái tạ ơn lớn ấy ư?

---

(1) Hà thủy, tên một bài thơ nói nước sông chảy xuống bể, ý nói bể là nước Tần, để tôn trọng Tần.

(2) Lục nguyệt, là bài thơ ca tụng Doãn Cát Phủ giúp Chu Tuyên vương bắc phạt, thu được thắng lợi, ý mong Trùng Nhĩ trở về nước Tấn sẽ giúp thiên tử.

LÒNG CƯƠNG TRỰC

Thôi Trữ là quyền thần nước Tề, định giết vua Trang công bèn hội họp sĩ phu lại ăn thề. Ai nấy đều sợ hãi, răm rắp vâng lời. Duy có Án Tử nghiễm nhiên như không, nhất quyết không chịu thề.

Thôi Trữ bảo Án Tử:

– Người nghe ta, ta lấy được nước, thì ta cho một nửa? Nhược bằng không nghe, ta giết ngay lập tức.

Lúc ấy bốn mặt quân lính hầm hầm đưa gươm giáo định chém Án Tử. Án Tử, mặt không biến sắc, ung dung nói:

– Lấy lợi nhử người ta, mà bảo người ta phản lại vua, là bất nhân; lấy vũ khí hiếp người ta, làm người ta mất chí khí, là bất dũng. Người giết ta, ta không sợ.

Thôi Trữ nghe nói, không dám làm gì Án Tử. Án Tử đứng dậy, ung dung bước ra.[1]

CHIẾN QUỐC SÁCH
TRÂU KỲ KHUYÊN VUA TỀ NGHE LỜI CAN GIÁN

Trâu Kỳ[2] người cao tám thước, diện mạo rất tươi đẹp. Một buổi sáng, ông ta đóng áo mũ vào soi gương, hỏi vợ:

– Ta so với Từ Công[3] ở thành bắc, ai đẹp hơn?

---

(1) Trích trong *Cổ học tinh hoa* của Nguyễn Văn Ngọc, Trần Lê Nhân. Xuất bản năm 1951.

(2) Trâu Kỳ, người nước Tề, có tài biện luận, gảy đàn cầm sắt rất hay, trước làm tướng, sau phong hầu, rất được vua Tề tín nhiệm.

(3) Từ Công, còn có người gọi là Từ Quân Bình, người đẹp có tiếng ở nước Tề.

Vợ trả lời:

- Mình đẹp hơn nhiều! Từ Công đâu có thể sánh với mình được!

Ông ta vẫn không tin, hỏi lại người thiếp:

- Ta so với Từ Công, ai đẹp hơn?

Thiếp trả lời:

- Từ Công không thể đẹp bằng mình được!

Sáng hôm sau, có khách đến chơi, Trâu Kỵ ngồi nói chuyện với khách, lại hỏi:

- Tôi so với Từ Công, ai đẹp hơn?

Khách trả lời:

- Từ Công không đẹp bằng ngài được.

Hôm sau, Từ Công đến, Trâu Kỵ ngắm kỹ Từ Công, tự biết mình không đẹp bằng; soi gương quả thấy kém xa.

Đêm nằm nghĩ, ông ta mới tỉnh ngộ:

- Vợ ta khen ta đẹp, là thiên vị ta, vợ lẽ ta khen ta đẹp, là sợ ta, khách khen ta đẹp, là có ý cầu cạnh ta.

Thế rồi, Trâu Kỵ vào triều yết kiến vua Uy Vương[1] nói:

- Thần tự biết mình không đẹp bằng Từ Công, thế mà vợ tôi thiên vị tôi, vợ lẽ tôi sợ tôi, khách muốn cầu cạnh tôi, đều cho tôi là đẹp hơn Từ Công cả. Nay nước Tề lớn, đất vuông ngàn dặm, có một trăm hai mươi thành. Cung phi, tả hữu, không ai không thiên vị nhà vua; quan lại trong triều, không ai không sợ vua, dân chúng trong nước, không ai không muốn cầu cạnh nhà vua. Cứ xem thế, thì nhà vua bị bưng bít đến cực độ rồi!

Vua Uy Vương bảo:

- Phải.

---

(1) Uy Vương, tên là Nhân Tề, vua nước Tề.

Thế rồi hạ lệnh:

– Quan lại nhân dân, người nào có thể trước mặt ta mà chỉ trích những sai lầm của ta sẽ được thưởng hạng nhất. Người nào dâng thư khuyên can ta sẽ được thưởng hạng nhì. Người nào ở chợ hay tại triều bàn luận những sai lầm của ta, để cho ta được nghe thấy, sẽ được thưởng hạng ba.

Lệnh vua truyền xuống, quần thần đến can, cửa đình đông như chợ. Mấy tháng sau, người đến can ít dần; một năm sau, tuy vẫn có người muốn nói, nhưng không có gì đáng can gián nữa.

Các nước Yên, Triệu, Hàn, Nguy, nghe thấy thế, đều đến triều yết kiến vua Tề. Thế là "thắng ngay tại triều"(1)

THUỐC BẤT TỬ

Có người đem thuốc bất tử đem dâng vua Sở(2). Quân bảo vệ trong cung hỏi:

– Thuốc này có thể uống được không?

Người ấy trả lời:

– Được.

Viên quan giật lấy thuốc mà uống. Vua tức giận, sai người đem chém. Viên quan nhờ kẻ đến thuyết vua Sở:

– Thần hỏi người dâng thuốc, người ấy trả lời có thể uống được nên thần mới uống. Thật thần vô tội, mà tội ở người dâng thuốc. Người ta dâng thuốc "bất tử" cho vua, thần uống vào, mà lại bị vua giết, như vậy đó là "thuốc tử". Vua giết thần là giết một người vô tội. Nhưng thiên hạ dối vua thì vua vẫn tin.

Vua Sở nghe nói, tha cho không giết.

---

(1) Có nghĩa là: không cần chiến tranh, mà có thể thắng các nước được.

(2) Chỉ Sở Tương Vương.

ĐƯỜNG THƯ THUYẾT TẦN VƯƠNG

Vua Tần[1] sai người đến bảo An lăng quân[2]:

– Quả nhân muốn đem năm trăm dặm đất đổi lấy vùng An lăng. Ngài có bằng lòng không?

An lăng quân nói:

– Đại vương gia ân, lấy đất lớn đổi đất nhỏ, là điều rất tốt. Nhưng An lăng là đất của Tiên vương phong cho, nguyện giữ đến cùng, không dám đổi.

Vua Tần không vui. Vì thế An lăng phái Đường Thư sang sứ Tần.

Vua Tần nói với Đường Thư:

– Quả nhân đem năm trăm dặm đổi lấy vùng An lăng, nhưng An lăng quân không nghe là có làm sao? Tần đã diệt Hán và Nguỵ, thế mà năm mươi dặm đất của An lăng quân vẫn còn, ấy là vì ta thấy An lăng quân là người nhiều tuổi, trung hậu, nên để yên đó thôi. Nay quả nhân đem miếng đất rộng gấp mươi lần, để An lăng quân mở rộng biên cương, mà ông ta lại không nhận ý tốt của quả nhân. Như vậy là xem thường quả nhân chăng?

Đường Thư trả lời:

– Không phải như vậy! Vua tôi nhận đất của Tiên vương thì phải giữ lấy, dù ngài đổi cho một vùng đất rộng nghìn dặm vua tôi cũng không dám, nữa là năm trăm dặm?

Vua Tần nổi giận, nói:

– Chắc nhà ngươi cũng đã từng nghe nói Thiên tử giận ra sao rồi chứ?

---

(1) Vua Tần, tức Tần Thủy Hoàng.

(2) *An lăng quân*; An lăng là một nước nhỏ, phụ thuộc nước Nguỵ, thuộc tỉnh Hà Nam ngày nay. An lăng quân là vua nước An lăng.

Đường Thư trả lời:

– Thần chưa hề nghe.

Vua Tần nói:

– Khi Thiên tử giận thì một triệu người phải phơi thây, máu sẽ chảy một nghìn dặm.

Đường Thư nói:

– Thế đại vương đã từng nghe nói kẻ áo vải giận như thế nào chưa?

Vua Tần nói:

– Kẻ áo vải giận chẳng qua bỏ mũ, cởi giầy đi hai chân không, đập đầu xuống đất mà thôi.

Đường Thư nói:

– Kẻ tầm thường giận, thì như thế, dũng sĩ giận thì khác. Chuyên Chư giết Vương Liêu[1], sao chổi che khuất cả mặt trăng; Nhiếp Chính giết Hàn Khôi[2] thì mống trắng xuyên qua mặt trời; Yêu Ly giết Khánh Kỵ[3] thì chim ưng xanh bay sà xuống cung điện[4]. Ba người đó là những dũng sĩ áo vải, họ giận nhưng không để lộ ra ngoài, những điều lành dữ đã hiển hiện trong trời đất. Nay thêm thần nữa là bốn người. Nếu kẻ dũng sĩ này giận thì sẽ có hai người phơi thây, máu chảy năm bước, thiên hạ sẽ mặc áo tang. Những việc ấy xảy ra ngay bây giờ đây.

---

(1) Chuyên Chư là dũng sĩ nước Ngô thời Xuân thu. Ngô công tử, là Quang, muốn đoạt ngôi vua, sai Chuyên Chư ám sát vua Ngô, là Liêu.

(2) Nhiếp Chính, dũng sĩ nước Tề thời Chiến quốc. Đại phu nước Hàn là Nghiêm Trọng tử có thù với Tể tướng nước Hàn, là Hàn Khôi (còn có tên là Hiệp Luỹ). Trọng tử nhờ Nhiếp Chính giết Hàn Khôi.

(3) Yêu Ly, dũng sĩ nước Ngô thời Xuân thu, Khánh Kỵ là con Vương Liêu, sau khi Liêu chết, công tử Quang sai Yêu Ly ám sát Khánh Kỵ.

(4) Ý nói việc làm của những người này đã xúc động đến trời, làm thay đổi những hiện tượng tự nhiên.

Nói đoạn, rút kiếm đứng dậy.

Vua Tần tái xanh mặt, quỳ thẳng người tạ tội.

– Xin mời tiên sinh ngồi, làm gì phải đến nỗi thế! Quả nhân đã hiểu rồi, Hàn, Nguỵ bị Tần tiêu diệt, nhưng đất An lăng chỉ rộng năm mươi dặm, mà còn được là nhờ có tiên sinh!

GIANG NHẤT ĐÁP SỞ TUYÊN VƯƠNG[1]

Vua Tuyên Vương làm vua cả nước Sở. Chiêu Hề Tuất[2] chỉ là một người bầy tôi vua Tuyên Vương. Thế mà người phương bắc ai nghe thấy Chiêu Hề Tuất cũng phải kinh sợ. Vua lấy làm lạ, một hôm hỏi quần thần vì cớ làm sao. Không ai trả lời nổi. Chỉ có Giang Nhất[3]thưa rằng:

– Con hổ hay bắt các giống thú để ăn thịt. Một hôm bắt được con hồ. Hồ bảo: "Liệu đó, chớ có động chạm đến ta mà chết. Ta là trời sai xuống, cầm quyền coi hết cả bách thú. Ngươi mà ăn thịt ta, là ngươi trái mệnh trời. Không tin thử để ta đi trước, ngươi theo hầu sau, xem có con thú nào trông thấy ta mà lại không sợ hãi tìm đường trốn cho mau không!

Hổ cho hồ nói thật, bèn theo hồ đi. Quả nhiên bách thú trông thấy đều sợ mà chạy cả. Hổ vẫn không biết rằng bách thú sợ mình mà chạy cứ tưởng là sợ hồ. Nay nước vua mạnh, quân nhiều, mà vua giao cả quyền cho Chiêu Hề Tuất, người phương bắc sợ Hề Tuất, nhưng kỳ thực là sợ vua, cũng như bách thú sợ hổ vậy".

---

(1) Theo bản dịch trong "Cổ học tinh hoa" (sách đã dẫn).

(2) Chiêu Hề Tuất, danh tướng của nước Sở lúc bấy giờ, cùng họ với vua Sở.

(3) Giang Nhất, người nước Nguỵ, người có nhiều mưu mẹo, làm quan ở nước Sở.

TÔ TẦN YẾT KIẾN VUA SỞ[1]

Tô Tần[2] sang nước Sở, chầu chực suốt ba ngày mới được vào yết kiến vua Sở. Đến khi được yết kiến, Tô Tần nói xong câu chuyện là xin cáo biệt ngay.

Vua Sở bảo:

– Quả nhân nghe tiếng tiên sinh quý như nghe tiếng một bậc cổ nhân. Nay tiên sinh đã không quản xa xôi, đến chơi với quả nhân, lại không chịu ở lại là cớ làm sao?

Tô Tần đáp:

– Tôi xem ra bên nước Sở ta đồ ăn đắt hơn ngọc, củi đắt hơn quế, quan khó được trông thấy như ma, vua khó được yết kiến như trời. Nhà vua nay muốn bắt tôi ăn ngọc, thổi quế, nhờ ma để thấy trời hay sao?

Vua Sở nói:

– Xin mời tiên sinh cứ ở lại. Quả nhân nghe đã hiểu ra rồi.

NHAN XÚC THUYẾT TỀ VƯƠNG

Tuyên Vương nước Tề[3] gọi Nhan Xúc[4] vào yết kiến, bảo:

– Xúc, lại đây!

Xúc cũng nói:

– Vua, lại đây!

Tuyên Vương tỏ vẻ không bằng lòng. Các quan tả hữu bảo:

---

(1) Theo *Cổ học tinh hoa* (sách đã dẫn).

(2) Tô Tần, một nhà du thuyết giỏi thời Chiến quốc, đi thuyết sáu nước đồng minh với nhau để chống lại Tần.

(3) Tuyên vương, vua nước Tề, tên là Tịch Cương.

(4) Nhan Xúc, người nước Tề thời Chiến quốc.

- Vua là nhân quân, Xúc là nhân thần, vua nói: "Xúc lại đây", Xúc cũng nói: "Vua lại đây", như thế có nghe được không?

Nhan Xúc đáp:

- Xúc đi tới nhà vua, như vậy là Xúc hâm mộ quyền thế, vua đi tới Xúc là vua trọng hiền tài. Để Xúc mang tiếng hâm mộ quyền thế, sao bằng để vua được tiếng trọng hiền tài.

Tuyên Vương nổi giận, biến sắc nói:

- Quân vương đáng tôn quý hay hiền sĩ đáng tôn quý?

Nhan Xúc đáp:

- Kẻ sĩ đáng tôn quý, quân vương không đáng tôn quý.

Vua nói:

- Có lý do gì không?

Nhan Xúc đáp:

- Có. Ngày trước khi nước Tần đánh nước Tề, có hạ lệnh: Nếu kẻ nào dám hái củi cách mộ Liễu Quý[1] năm mươi bước, sẽ bị tội chết, không được ân xá. Lại hạ lệnh: người nào lấy được nhiều đầu, vua Tề sẽ phong vạn hộ hầu[2] và thưởng hai vạn lạng vàng. Cứ thế thì đầu ông vua sống không bằng mộ người hiền sĩ chết.

Tuyên Vương nói:

- Than ôi! Sao có thể khinh nhờn bực quân tử được! Quả nhân tự chuốc lấy nhục. Quả nhân nguyện làm học trò tiên sinh. Nhan tiên sinh giao du cùng quả nhân, ăn uống sẽ có trâu dê lợn, đi đâu sẽ có xe, áo quần vợ con tiên sinh sẽ rất đẹp.

Nhan Xúc từ chối nói:

- Viên ngọc vốn ở núi, đem ra mài đẽo thì vỡ ngay. Đồ làm ra không phải là không quý, nhưng bản chất của ngọc không còn toàn vẹn nữa rồi. Hiền sĩ sinh nơi thôn dã, nay được trọng

(1) Liễu Hạ Quý, quan đại phu nước Lỗ, người hòa khí có tiếng.

(2) Vạn hộ hầu, tước hầu, có thực ấp một vạn nhà.

dụng, có bổng lộc, không phải không tôn quý, hiển đạt, nhưng thân thể, tinh thần không toàn vẹn nữa rồi. Xúc này nguyện được ăn cơm thong thả thì cũng thấy ngon như ăn cơm thịt[5], được đi thong thả thì cũng thấy sướng như ngồi xe, giữ mình không có tội lỗi gì thì cũng vẻ vang như quý hiển, tâm thần thanh tịnh, làm công việc chân chính để làm lạc thú cho mình.

Nói xong, lạy hai lạy rồi từ biệt Tuyên Vương đi ra.

Người quân tử nói: – Nhan Xúc thật là người tri túc, giữ nguyên bản chất của mình như viên ngọc chưa hề bị mài đẽo nên suốt đời không bị nhục.

LUẬN NGỮ

– Tử viết: Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ ?

Khổng Tử nói: Học và luôn luôn luyện tập, không vui hay sao?

– Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?

Có bạn từ phương xa lại, không vui hay sao?

– Nhân bất tri bất uẩn, bất diệc quân tử hồ?

Người ta không biết mình, mà mình không buồn giận, như thế há không phải là người quân tử ư?

– Tử viết: Ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sư hỹ.

Khổng Tử nói: Một người thường xuyên ôn cái cũ để biết thêm cái mới thì có thể làm thầy được.

– Tử viết: Học nhi bất tư, tắc vong; tư nhi bất học, tắc đãi.

Khổng tử nói: Học mà không suy nghĩ, thì không hiểu; suy nghĩ mà không học, thì nguy hiểm.

– Tử viết: Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất chi, thị tri dã.

Khổng Tử nói: Biết thì nói biết, không biết thì nói không biết, như thế mới gọi là biết.

- Tử viết: Kiến hiền, tư tề yên, kiến bất hiền, nhi nội tự dã tỉnh.

Khổng Tử nói: Gặp người tốt, nghĩ cách bằng họ; gặp người xấu, tự xét mình.

- Tử viết: Quân tử bệnh vô năng yên, bất bệnh nhân chi bất kỷ tri dã.

Khổng Tử nói: Quân tử lo mình không có năng lực, không lo người khác không biết mình.

- Tử viết: Quả nhi bất cải, thị vi quả hỹ.

Khổng Tử nói: Mắc sai lầm mà không sửa chữa, đấy chính là sai lầm.

TỬ LỘ, TĂNG TÍCH, NHIỄM HỮU, CÔNG TÂY HOA NGỒI HẦU KHỔNG TỬ

Tử Lộ, Tăng Tích, Nhiễm Hữu, Công Tây Hoa[1] ngồi hầu Khổng Tử; Khổng Tử nói:

- Chớ vì ta hơn tuổi các ngươi mà các ngươi ngại, không nói rõ chí hướng của các ngươi. Thường ngày ở nhà các ngươi vẫn nói: "không ai biết mình", giả sử có người biết mà dùng, thì các ngươi sẽ làm gì?

Tử Lộ đứng phắt dậy thưa:

- Nước có nghìn cỗ xe, ở chẹt giữa các nước lớn, lại còn mắc nạn binh đao, do đó mà sinh ra đói kém. Giá Do[2] được

(1) Tử Lộ, học trò Khổng Tử, họ Trọng, tính hiếu thảo, cương trực, dũng cảm, có khả năng về quân sự - Nhiễm Hữu, Tăng Tích, học trò của Khổng Tử, người nước Lỗ. Công Tây Hoa, học trò Khổng Tử, có tài ngoại giao.

(2) Do, tên Tử Lộ.

đắc dụng và thực hành chính sự ở đấy, thì không đầy ba năm có thể làm cho dân dũng cảm lên mà chiến đấu, và biết phân biệt phải trái.

Khổng Tử mỉm cười nói:

– Cầu[1], còn ngươi thì thế nào?

– Nước nhỏ độ sáu bảy mươi dặm, hoặc năm sáu mươi dặm. Giá Cầu được thực hành chính sự ở đấy, thì khoảng ba năm, có thể làm cho dân no đủ. Còn như việc lễ nhạc để giáo hóa dân thì đợi bậc quân tử.

Khổng Tử nói:

– Xích[2], ngươi thì thế nào?

– Con không dám nói hay, chỉ muốn học thôi. Khi có việc tế tự tại tôn miếu, hay có việc hội họp các nước chư hầu, Xích sẽ mặc áo huyền đoan[3] đội mũ chương phủ[4], chỉ muốn làm người tướng lễ nhỏ thôi.

Khổng Tử nói:

– Điểm[5], ngươi thì thế nào?

Tăng Tích đương gảy đàn, dừng lại, tiếng đàn nghe còn vang, rồi đặt đàn xuống, thưa:

– Ý con khác hẳn ba anh con.

– Còn ngần ngại gì? Chẳng qua người nào cũng nói chí hướng người ấy ra.

Tăng Tích nói:

---

(1) Cầu, tên Nhiễm Hữu.

(2) Xích, tên Công Tây Hoa.

(3) Áo huyền đoan, là loại lễ phục dài, rộng, màu huyền.

(4) Chương phủ, là loại mũ đội khi hành lễ

(5) Điểm, tên Tăng Tích, có khi gọi là Tăng Điểm.

– Bây giờ đã cuối xuân, áo mát đã may xong, con sẽ cùng năm sáu anh thanh niên, sáu bảy trẻ em, đi tắm sông Nghi, hóng gió ở Vũ vu[1], ca hát rồi trở về.

Khổng Tử nghe, thở khoan khoái nói:

– Ta cũng thích như Điểm.

Ba người kia ra về, Tăng Tích còn ở lại sau. Tăng Tích nói:

– Thưa, những câu nói của ba anh con thế nào ạ?

Khổng Tử nói:

– Mỗi người đều nói chí hướng của mình đấy thôi.

Tăng Tích nói:

– Tại sao anh Do nói, thày lại mỉm cười?

Khổng Tử nói:

– Trị nước cần phải dùng lễ, câu nói của Do không khiêm tốn, vì thế mà ta cười. Còn việc của Cầu, chả phải là việc của một nước chư hầu ư ? Chưa thấy nơi nào rộng sáu bảy mươi dặm hay năm sáu mươi dặm mà không phải là một nước cả. Thế Xích không phải nói việc của một nước ư ? Tế tự nhà tôn miếu, hội họp cùng các chư hầu, chả phải là công việc của một nước chư hầu là gì ? Xích mà làm người tướng lễ nhỏ, thì ai có thể làm người tướng lễ lớn ?

MẠNH TỬ
VỢ CHỒNG NGƯỜI NƯỚC TỀ

Người nước Tề có hai vợ, vợ cả và vợ lẽ, ngày ngày người chồng ra đi, cứ sáng ra đi, tối đến mới về hôm nào cũng rượu

(1) Sông Nghi, ở tỉnh Sơn Đông ngày nay, ở đây vì có dòng nước ấm chảy vào, nên cuối xuân có thể tắm được.

Vũ vu, đài để tế trời đảo vũ; thời cổ khi cúng trời cầu mưa, người ta dùng âm nhạc, vũ đạo vì vậy gọi là Vũ vu.

thịt no say, phè phỡn. Người vợ hỏi cùng ăn uống với ai, anh ta đều trả lời là đi ăn uống toàn với những bậc giàu có, sang trọng cả. Một hôm, vợ cả bảo vợ bé:

– Chồng ta ra đi, lúc nào cũng ăn uống rượu thịt no say, mới về, nếu có hỏi đến ăn uống với ai, thì đều trả lời là ăn uống với những người giàu có sang trọng cả, mà từ trước đến nay chưa hề thấy có người nào giàu sang đến chơi nhà ta cả. Ta thử dò xem chồng ta đi những đâu và chơi với ai.

Sáng sớm hôm sau, nàng lén đi theo sau chồng, đi hết làng này đến xóm khác, không thấy một người nào dừng lại nói chuyện với chồng mình cả. Cuối cùng đến phía đông ngoại thành, có đám cất mả, người ta đang tế lễ, ăn uống, người chồng xin thức ăn dư, chưa đủ, lại đến xin nơi khác, đó là cách để ăn uống no say.

Người vợ lớn về nhà, bảo với người vợ lẽ:

– Chồng là người trông cậy suốt đời, mà hôm nay là như vậy!

Nói xong, vợ cả và vợ lẽ, chửi chồng và ngồi nhìn nhau khóc trước sân. Khi người chồng về, tưởng người vợ chưa biết việc, vẫn ra bộ làm kiểu như trước.

Người quân tử nhìn đó, mà ngẫm nghĩ sự đời, những kẻ cầu công danh phú quý, không mấy kẻ ở nhà vợ cả, vợ lẽ không thẹn, không tủi, không ngấm ngầm khóc với nhau như hai vợ người nước Tề này vậy.

Theo CỔ HỌC TINH HOA

NÊN XỬ THẾ NÀO?

Mạnh Tử hỏi vua Tuyên Vương nước Tề rằng:

– Giả sử có người bầy tôi nhà vua, đem áo quần, lương thực của vợ con gửi cho người bạn thân, nhờ trông nom vợ con

giúp để sang chơi nước Sở có việc; đến lúc về mới biết, bạn để cho vợ con đói rét, thì người ấy nên xử với bạn thế nào?

Vua Tuyên Vương đáp:

– Nên tuyệt giao.

Mạnh Tử lại hỏi:

– Giả sử có người làm quan, không hoàn thành trách nhiệm của mình, thì nhà vua nên xử thế nào với viên quan ấy?

Vua nói:

– Nên bãi đi.

Mạnh Tử nhân đấy, hỏi luôn câu nữa:

– Thế thì làm vua một nước mà không sửa sang việc chính trị, việc giáo dục để đến nỗi trong nước không được bình trị thì trách nhiệm tại ai và nên xử trí như thế nào?

Vua Tuyên Vương nghe nói, ngảnh sang bên tả, bên hữu, nói lảng sang chuyện khác, cố ý chữa thẹn, vừa tránh không trả lời.

Theo CỔ HỌC TINH HOA

KHÔNG NƯỚC NÀO MẠNH BẰNG NƯỚC TẤN[1]

Huệ Vương nước Lương hỏi Mạnh Tử:

– Trong thiên hạ, không nước nào mạnh bằng nước Tấn, tiên sinh đã biết. Đến quả nhân, thì đằng đông bị thua nước Tề[2] chết mất người con trưởng; đằng tây mất đất về nước Tần

(1) Nước Lương vốn dòng dõi họ Ngu, làm quan đại phu nước Tấn khi xưa, sau cùng với họ Hàn, Triệu chia đất Tấn ra làm ba, gọi là Tam Tấn, nên Huệ vương mới gọi nước mình là nước Tấn.

(2) Năm 314 trước Công nguyên, nước Tề sai tướng là Điền Kỵ, đem quân đánh Ngụy, Ngụy thua to ở Mã Lăng, tướng của Ngụy là Bàng Quyền bị giết, thái tử nước Ngụy bị bắt. Vua Huệ Vương muốn nói đến việc này.

bảy trăm dặm[1]; đằng nam bị nhục với nước Sở[2], quả nhân lấy làm xấu hổ lắm. Muốn rửa mối hận cho những người đã mất, không biết nên làm thế nào?

Mạnh Tử đáp:

– Đất vuông trăm dặm, cũng có thể làm nên sự nghiệp thịnh vượng trong thiên hạ[3]. Nếu nhà vua thi hành nhân chính cho đơn giản, bớt hình phạt, nhẹ thuế má, để dân được cày sâu bừa kỹ, những người lớn có ngày rảnh rỗi để học điều hiếu để trung tín, vào để thờ đấng phụ huynh trong nhà, ra để thờ bậc tôn trưởng ngoài nước, như thế thì chỉ sắm gậy cũng có thể đánh tan quân giáp bền gươm sắc của nước Tấn nước Sở được.

"Nước kia cướp mất mùa làm ruộng của dân, khiến dân không được cày bừa để nuôi cha mẹ, cha mẹ đói rét, anh em vợ con lìa tan. Nước kia hãm hại dân, nhà vua đem quân đến hỏi tội nước đó, thì dân nước đó còn ai là kẻ địch lại vua nữa".

"Cho nên lời cổ có nói: "Người nhân không ai địch nổi". Xin vua chớ ngờ.

Dựa theo bản dịch trong *NAM PHONG.*

MẠNH TỬ YẾT KIẾN LƯƠNG TƯƠNG VƯƠNG

Mạnh Tử vào yết kiến Tương vương[4] nước Lương, khi trở ra, nói chuyện với người rằng:

---

(1) Năm 340 trước Công nguyên, Tần đánh Ngụy, Ngụy dời đô đến Đại Lương dâng đất Hà Tây cho Tần.

(2) Năm 354 trước Công nguyên, Lương Huệ Vương cử quân vây Triệu. Triệu cầu cứu Sở, vua Sở cho quân chiếm đất Ngụy.

(3) Ý Mạnh Tử bảo: Vua chớ lo nước Lương ngày nay hao quân mất đất, thế nước yếu hèn, không làm gì được. Nếu có chí tự cường, thì dẫu cõi đất nhỏ hẹp vuông độ trăm dặm, cũng có thể thống trị được thiên hạ. Huống hồ nước Lương còn là nước lớn, có nghìn dặm, lo gì chẳng làm cho thiên hạ thịnh vượng được.

(4) Tương vương, con cả của Huệ vương, lên ngôi năm 335 trước Công nguyên.

– Trông xa thì chẳng giống ông vua, đến gần thì chẳng có uy nghi gì đáng sợ. Lại thốt nhiên hỏi rằng: "làm thế nào ổn định được thiên hạ?" – Ta trả lời, thiên hạ thống nhất sẽ được ổn định. Vua hỏi: "Ai thống nhất được?" – Ta trả lời: Ông vua không hay giết người thì thống nhất được. Vua lại hỏi: "Ai chịu theo về với mình" – Ta trả lời: Thiên hạ chẳng ai là chẳng theo về đây. Vua biết trồng lúa mạ không ? Khoảng tháng bảy, tháng tám, nắng thì khô lúa; trời mà đùn đùn bốc mây, ào ào đổ mưa, thì lúa mơn mởn tốt bật lên ngay, như thế thì ai có thể ngăn lại được. Ôi! các ông nhân mục trong thiên hạ[1] đời nay, chưa có ông nào là chẳng thích giết người. Nếu có ông vua nào không thích giết người, thì thiên hạ đều nghểnh cổ mà mong cả. Thật như vậy, dân theo về, cũng như nước chảy xuống chỗ trũng, ầm ầm xô xuống, ai ngăn lại được.

Dựa theo bản dịch trong *NAM PHONG*.

MẶC TỬ

KIÊM ÁI

Thánh nhân lấy việc trị thiên hạ làm nhiệm vụ, cần phải biết loạn tự đâu dấy lên, mới có thể trị được loạn. Không biết loạn từ đâu dấy lên, thì không thể trị được. Ví như người thầy thuốc trị bệnh, phải biết bệnh phát từ đâu, mới có thể trị được. Trị loạn, lẽ nào không giống như vậy! Phải biết loạn từ đâu dấy lên, mới có thể trị được loạn, không biết loạn từ đâu dấy lên, thì không thể trị được. Thánh nhân lấy việc trị thiên hạ làm nhiệm vụ, không thể không xét loạn từ đâu dấy lên.

Hãy xét loạn từ đâu dấy lên. Dấy lên từ chỗ không tương ái. Bầy tôi và con bất hiếu với vua, cha, thế gọi là loạn. Con

(1) Nhân mục tức nhân quân, chỉ những ông vua dạy dỗ nhân dân.

chỉ yêu mình, không yêu cha, làm hại cha, mà mình được lợi; em chỉ yêu mình, không yêu anh, làm hại anh, mà mình được lợi; bầy tôi yêu mình, không yêu vua, làm hại vua, mà mình được lợi. Thế là loạn. Cha mà không yêu con, anh mà không yêu em, vua mà không yêu bầy tôi, như thế thiên hạ cũng gọi là loạn. Cha chỉ yêu mình, không yêu con, làm hại con, mà mình được lợi. Anh chỉ yêu mình, không yêu em, làm hại em, mà mình được lợi. Vua chỉ yêu mình, không yêu bầy tôi, làm hại bầy tôi, mà mình được lợi; Tại sao vậy? Đều là vì không tương ái.

Nói đến trộm cướp trong thiên hạ cũng vậy. Kẻ trộm chỉ yêu nhà nó, không yêu nhà người khác, cho nên trộm nhà người khác để nhà nó có lợi. Kẻ cướp chỉ yêu thân nó, không yêu thân người khác, do đó cướp của người khác để làm lợi cho nó. Tại sao vậy? đều là vì không tương ái. Kẻ đại phu làm rối loạn nhà của nhau, chư hầu đánh nước của nhau cũng vậy. Kẻ đại phu yêu nhà của mình, không yêu nhà của người khác, cho nên làm loạn nhà người khác để nhà mình được lợi. Chư hầu yêu nước của mình, không yêu nước của người khác cho nên đi đánh nước khác để nước mình có lợi. Những việc loạn trong thiên hạ, đều như thế cả thôi. Xét điều đó từ đâu mà ra ? Đều vì không tương ái. Nếu làm cho mọi người trong thiên hạ yêu lẫn nhau, yêu người như yêu mình, thì còn đâu bất hiếu ? Xem cha, anh, và vua như mình, làm sao mà không hiếu ? Còn đâu chuyện tự ái? Xem em, con và bầy tôi như thân mình, làm sao mà không tự ái ? Do đó những chuyện bất hiếu, bất tử đều không còn nữa.

Còn chuyện trộm cướp ư? Xem nhà người như nhà mình, ai còn làm loạn? Xem nước người như nước mình, ai còn đánh nhau? Do đó mà việc đại phu làm rối loạn nhà nhau, việc chư hầu đánh nước của nhau, đều không còn nữa. Nếu làm cho mọi người trong thiên hạ đều yêu mến lẫn nhau, trộm cướp đều không còn nữa; vua, tôi, cha, con đều giữ đạo hiếu từ, như vậy

thiên hạ sẽ thái bình. Cho nên trong thiên hạ mọi người thương yêu lẫn nhau, thì sẽ thái bình, căm ghét lẫn nhau, thì sẽ loạn lạc.

Do đó Mặc Tử nói "Không thể không khuyên yêu người", chính là cái đạo lý đó.

PHI CÔNG

Nay có người vào vườn kẻ khác, hái trộm đào và lê, mọi người nghe đều chê cười; người thi hành chính sự ở trên bắt được, sẽ trừng phạt. Vì sao vậy? Vì làm hại người khác để lợi cho mình. Đến những kẻ trộm chó, lợn gà của người khác, thì còn bất nghĩa hơn là vào vườn kẻ khác trộm đào lê; ... Vì sao vậy? Vì hắn làm tổn hại người khác càng nhiều, thì sự bất nhân càng lớn, tội càng nặng.

Đến những kẻ vào chuồng người khác, trộm ngựa, trộm trâu, thì còn bất nghĩa hơn là trộm chó, lợn, gà. Vì sao vậy? Vì hắn làm hại người khác càng nhiều.

Nếu làm tổn hại người khác càng nhiều, thì sự bất nhân càng lớn, tội càng nặng. Đến những kẻ giết người vô tội, lấy áo quần, dao kiếm của họ, thì còn bất nghĩa hơn kẻ vào chuồng trộm ngựa trộm trâu. Vì sao vậy ? Vì hắn làm hại người khác càng nhiều.

Nếu làm tổn hại người khác càng nhiều, sự bất nhân càng lớn, tội càng nặng. Những việc như vậy, người quân tử trong thiên hạ đều biết không đúng nên phản đối, cho là "bất nghĩa". Nay làm những việc bất nghĩa lớn, như xâm lược nước khác, lại không biết phản đối, trái lại tán dương cho rằng đó là "nghĩa". Như thế có thể gọi là biết phân biệt điều "nghĩa", và điều "bất nghĩa" không?

Giết một người, cho là "bất nghĩa", nhất định phải tội chết. Nếu suy luận ra, giết mười người thế là mười lần bất nghĩa,

nhất định phải mười tội chết. Giết một trăm người là một trăm lần bất nghĩa, nhất định phải một trăm tội chết. Như vậy, quân tử trong thiên hạ đều biết không đúng, nên phản đối cho là "bất nghĩa". Nay làm những việc đại bất nghĩa, như xâm lược nước khác, lại không biết phản đối, trái lại tán dương cho rằng đó là "nghĩa".

Quả thật có người không biết đó là việc bất nghĩa, mà viết vào giấy để truyền hậu thế, thì còn được. Nếu như biết là bất nghĩa thì còn lý do gì mà viết lại vào giấy để truyền cho hậu thế ?

Nay có người thấy đen ít mà nói là đen, thấy đen nhiều mà nói là "trắng", thì nhất định phải cho người đó không biết phân biệt "trắng" và "đen"; nếm không thấy đắng lắm, mà nói là đắng, nếm thấy đắng mà nói là "ngọt", thì nhất định phải cho rằng người đó không biết phân biệt "ngọt" và "đắng". Nay chuyện nhỏ thấy sai thì biết mà phản đối, chuyện lớn thấy sai như xâm lược nước khác, thì lại không biết phản đối mà còn tán dương, cho đó là "nghĩa". Như vậy gọi là biết phân biệt "nghĩa" và "bất nghĩa" ư? Do đó có thể thấy người quân tử trong thiên hạ phân biệt "nghĩa" và "bất nghĩa" hỗn loạn như thế nào?

3. KHUẤT NGUYÊN *

(-340 - 278 Tr CN)

LY TAO

I

Bá Dung (2) nhớ cha ta thuở nọ,
Vốn dòng vua về họ Cao Dương (3)
Tháng giêng đầu tiết xuân sang,
Cõi đời ta xuống giữa đương ngày Dần (4)
Buổi trứng nước ân cần săn sóc,
Biết bao nhiêu khó nhọc công cha (5)
Chữ hay kén đặt cho ta:
Tên là Chính Tắc, tự là Linh Quân (6)
Trong ta đã mười phần lộng lẫy,
Chải chuốt càng thêm nảy xinh tươi: (7)
Sới ngàn, nhài bãi, khoác ngoài...
Tết lan thu lại làm đai đeo thường... (8)
Sợ chẳng kịp, ta càng mê mải,
Tuổi xanh nào có đợi gì ai! (9)

---

* Khuyết Nguyên: Nhà thơ Trung Quốc. Tên thật là Bình. Nguyên là tên chữ, nhưng người ta vẫn quen gọi là Khuất Nguyên (chưa xác định được quê quán, gia thế và niên biểu, chỉ biết ông người nước Sở, sống vào nửa sau thời Chiến quốc). Tác phẩm gồm: Thiên vấn, Cửu ca, Cửu chương, Ly tao, Chiêu hồn.

Mộc lan sớm cắt trên đồi...
Đông thanh chiếu hái bên ngoài bến sông... (10)
Ngày tháng vút đi không trở lại:
Vừa xuân qua đã lại thu sang!
Đoái trông cỏ áy cây vàng,
Sợ con người đẹp muộn màng lỡ duyên! (11)
Tuổi đang trẻ nết quen càn rỡ,
Thế mà không đổi sửa cho đành (12)
Ngựa hay cưỡi lấy! Đi nhanh!
Lại đây! Ta chỉ cho mình đường quang... (13)
Đời Ba vua (14) thuở đương rực rỡ,
Các giống thơm hớn hở vui tươi... (15)
Hoa tiêu, hoa quế lộn mùi,
Cứ gì hoa huệ được người yêu đương!... (16)
Theo đạo chính nhằm đường ngay thẳng,
Nghiêu, Thuấn (17) xưa thật đấng minh quân.
Cớ sao Kiệt, Trụ (18) ngu đần,
Đâm đầu lối tắt, sa chân đường cùng!
Hám vui bọn chúng không biết sợ,
Đường tối tăm hiểm trở xiết bao! (19)
Xe loan (20) e lúc đổ nhào,
Phải rằng ta sợ thiệt vào đến thân! (21)
Cố theo kịp gót chân vua trước,
Quản chi công xuôi ngược long đong! (22)
Tình ta mình chẳng xét cùng! (23)
Nghe lời ton hót đem lòng giận ta!
Nói thẳng vẫn biết là có hại (24)
Biết vậy mà nín mãi không đành!

Chín lần trời hãy chứng minh,
Chỉ vì ta quá yêu mình (25) đấy thôi!
Trước cùng ta nặng lời thề ước,
Sau vì đâu biếng nhác đơn sai ?
Biệt ly ta chẳng quản nài,
Xót mình (26) lòng dạ đổi dời bao phen.

* *
*

Chín vườn lan lại nghìn sào huệ,
Một mình ta chăm chỉ hôm mai.
Tử tiêu bạch chỉ xen vai,
Kẹ trong đỗ nhược, bao ngoài tân di... (27)
Mong cành lá có khi đua nảy,
Chờ đến mùa hái lấy hoa tươi ... (28)
Bỏ rơi ta thiết chi đời,
Thấy trăm hoa chịu lạc loài mà thương! (29)
Chúng (30) chen chúc trên đường vụ lợi,
Tấm lòng tham, tham mãi, tham hoài!
Đem dạ mình, đo bụng người,
Sinh tình ghen ghét, đặt lời gièm pha!
Mồi phú quý cố mà theo đuổi,
Phải lòng ta có vội thế đâu!
Cái già sồng sộc theo nhau (31)
E không để được về sau tiếng lành.
Ăn hoa rụng bên nhành thu cúc,...
Uống sương sa dưới gốc mộc lan... (32)
Tình yêu khôn đẹp muôn vàn!
Khát hoài! đói mãi! phàn nàn mà chi! (33)

Rút rễ cây ta xe sợi chỉ,
Xâu cành hoa thiên lý xinh xinh...
Cành lan, cành huệ trắng tinh,
Dây ngần bền dẻo tết manh áo ngoài...
Áo như thế thói đời chẳng mặc!
Ta cứ theo phép tắc ngày xưa!
Dẫu rằng đời có chẳng ưa,
Thì xin theo lối cũng như Bành Hàm (34)

* *
*

Đời người khổ kể làm sao xiết!
Đành than dài, gạt vết lệ hoen! (35)
Làm xinh ta khéo vô duyên!
Sớm vừa can gián, chiều liền sa cơ!
Sa cơ mặc, nhởn nhơ vẫn thế!
Vẫn đeo lan, giắt huệ như xưa! (36)
Lòng ta đã thích đã ưa,
Dẫu rằng chín chết có chừa được đâu! (37)
Trách mình (38) chẳng suy sau, xét trước,
Mãi mà không rõ được thói đời! (39)
Chúng ghen ta có mày ngài (40)
Phao cho ta tiếng con người lẳng lơ!
Người đời thật đã thừa khôn khéo,
Đưa nhau theo mức vẹo thước cong:
Khuôn vuông mẫu thẳng chẳng dùng,
Cúi luồn cầu cạnh một dòng như nhau!
Một mình chịu ngậm sầu nuốt tủi,
Nói ai hay nông nỗi lúc này ?

Thà cho sống đọa thác đày,
Lòng ta không nỡ để lây thói thường!
Loài chim cắt ngang tàng bay bổng (41)
Vốn xưa nay là giống không đàn.
Vuông tròn vốn chẳng cùng làn!
Khác đường ai để yên hàn cho ai? (42)
Trách điều lỗi, mặc lời soi mói!
Nén chí xưa, cam nỗi xót xa,
Thánh hiền xưa cũng như ta:
Thẳng ngay mà chết, ấy là chết trong! (43)
Tiếc nhận lối mà không biết lối,
Liệu về thôi, ở lại chi lâu ?
Lạc đường cũng chửa xa đâu,
Quay xe trở lại cho mau còn vừa!
Giục vó ngựa lên bờ Lan dã...
Sang gò Tiêu (44) thong thả nghỉ ngơi.
Tiến ra chẳng hợp với đời,
Lui về sửa lại mặc ngoài cho xinh.
Hái sen, súng, cắt manh áo đẹp...
Cắt phù dung may nếp xiêm dài...
Đời không biết đến mặc đời,
Tình ta ví hẳn vẹn mười thơm tho!
Mũ ta đội xốc cho cao ngất,
Đai ta đeo buông thật dịu dàng...
Khắp mình thơm nức sáng choang,
Đẹp còn giữ được chất thường chưa phai.
Chợt quay lại liếc chơi ta muốn,
Đi xem cho khắp bốn cõi hoang...

Rung rinh bao thứ điểm trang!
Ngạt ngào càng thấy rõ ràng mùi thơm.
Đời ta cũng riêng ham từng món,
Như ta đây chỉ muốn làm xinh.
Phân thây xé xác cũng đành!
Lòng này hồ dễ dỗ dành được sao! (45)

II

Tiếng cô chị (46) bước vào léo xéo,
Mắng ta rằng: "Rõ khéo ngẩn ngơ,
"Bướng như chàng Cổn (47) ngày xưa,
"Bỏ mình núi Vũ bây giờ ai thương ?
"Sao em thích khoe khoang chải chuốt
"Riêng một mình giữ một vẻ xinh ?
"Đầy nhà dây rợ cỏ tranh,
"Người ta mặc cả sao mình lại không ?
"Nói với chúng dễ hòng nói xiết!
"Ai là người xét hết lòng ta ?
"Đời đều bè đảng gian tà,
"Một mình ta nói, nói mà ai nghe!" (48)

* *
*

Trong đạo thánh liệu bề theo dõi,
Đến chi đây xiết nỗi tân toan! (49)
Sang Nam qua ngọn Tương, Ngoan (50)
Tới đền vua Thuấn (51) ta than vài lời:
"Mê hát xướng kìa đời nhà Hạ,

Vua Thái Khang thỏa dạ vui chơi (52)
Chẳng lo chẳng nghĩ lâu dài,
Năm con mới phải lạc loài bốn phương (53)
Vua Nghệ chỉ ham đường săn bắn,
Say chim muông quên hẳn việc thường (54)
Tham vui, vua Xúc (55) hoang tàng,
Cả hai đều phải thịt xương tan tành!
Đến vua Nhiêu (56) cậy mình sức khoẻ,
Chẳng giữ gìn phỉ chí ăn chơi.
Quên mình ngày tháng dông dài,
Quá ra khi đã để rơi cả đầu!
Hạ Kiệt (57) có biết đâu đạo cả,
Lần lữa trông tai vạ đến nơi
Vua Tân (58) ướp món thịt người
Cũng vì thế mới hết đời nhà Thương!
Lại xét đến Vũ, Thang, Văn, Võ (59)
Kính mà nghiêm chẳng bỏ đạo hằng (60)
Cất dùng toàn bọn tài năng,
Theo khuôn, giữ mực thẳng băng một chiều!
Ông trời chẳng riêng yêu ai hết!
Xem thấy ai đức nết thì nên.
Xưa nay chỉ bực thánh hiền
Thương dân mới được cầm quyền trị dân.
Trông sau trước xét lần sự thế,
Hãy để tâm suy nghĩ cho cùng.
Làm đâu được việc bất công!
Những phường bất nghĩa có dùng được đâu!
Lòng này nghĩ trước sau như một,

Dẫu chết ngay chẳng chút nao nao!
Người xưa oan thác biết bao!
Then vuông lựa có vào sao lỗ tròn" (61)
Nức nở khóc lo buồn đầy dạ,
Tủi cho thân sinh đã lỗi thời!
Gạt sầu bức cánh huệ tươi...
Áo khăn lã chã lệ rơi ướt đầm! (62)

* *
*

Quỳ khép áo lầm rầm khấn vái:
"Xin dốc theo lẽ phải đường ngay!"
Quay ra đạp gió rẽ mây,
Cưỡi rồng giống phượng định ngày chơi xa:
Sớm Thương ngô, chiều qua Huyền phố (63)
Đền thần linh (64) xa ngó cửa ngoài.
Chốn này muốn tạm nghỉ ngơi,
Chiều hôm bảng lảng mặt trời xuống nhanh...
"Hy Hoà hỡi (65) nể tình ta với!
"Lối non đoài chớ vội xông pha (66)
"Quản bao nước thẳm non xa,
"Để ta tìm kiếm cho ra bạn lòng!"
Cho ngựa uống bên đồng Dục Nhật (67)
Buông dây cương ở đất Phù tang (68)
Nhởn nhơ chốc lát dọc đường,
Bẻ cành nhược mộc chăng ngang mặt trời (69)
Chị trăng (70) phải nhanh chân tiến bước,
Dì gió (71) cho lần bước theo sau,
Chim loan (72) mở lối đi đầu,

Nhưng thần sấm sét đốc hầu chưa xong!
Ta giục phượng gia công bay mãi,
Suốt ngày đêm giong ruổi cho mau.
Cơn giông bão táp theo hầu!
Cầu vồng mống cụt đem nhau đến chào! (73)
Khắp các ngả trước sau tới tấp,
Đủ mọi màu trên dưới tơi bời...
Ta truyền mở cửa nhà trời!
Lính canh lại tựa cửa ngoài nhìn ta.
Người mỏi mệt, ngày đà sẩm tối,
Đứng bơ phờ tay với bông lan!
Cõi đời nhơ đục muôn vàn,
Ghét tài, ghét đẹp, thói càn đã quen (74)

* *
*

Sớm gióng ngựa qua miền Bạch thủy (75)
Lên Lãng phong (76) ta sẽ dừng cương.
Không ai là gái đảm đang,
Trông về nước Sở gạt hàng lệ rơi. (77)
Chơi cung Xuân (78) này nơi thanh nhã,
Đeo giắt thêm hai đoá hoa quỳnh...
Hoa tươi còn chửa lìa cành
Xem ai là gái hữu tình ta đưa.
Sai thần mây đi mưa về gió,
Cung Bí Phi (79) tìm rõ tới nơi...
Mối may ta lại cậy người...
Cởi dây đeo để ngỏ lời giao đoan! (80)
Trải mấy độ qua ngàn vượt núi

Bống dọc ngang đường lối khó thông.
Chiều hôm về nghỉ non cùng,
Sớm ra gội tóc trên sông Vĩ bàn (81)
Nàng cậy đẹp khinh nhờn quen thói (82)
Quên tháng ngày mê mải rong chơi...
Đẹp nhưng mất nết xin thôi,
Bỏ tìm chốn khác lấy người đoan trang...
Vùng trời rộng bốn phương man mác,
Xem khắp rồi lại bước xuống đời.
Hữu Nhung trông với cõi ngoài,
Long lanh đến Ngọc, thấy người gái xinh... (83)
Mượn chim trấm (84) mối manh nói hộ,
Trấm trả lời "Việc đó không xuôi!"
Kìa chim tu hú dại đời,
Ta còn ghét nó là loài tinh ranh...
Mình khuây khoả lấy mình chẳng nổi,
Lòng hồ nghi trăm mối vấn vương.
Chịu lời ta đã phượng hoàng (85)
Chỉ e ta đến sau chàng Cao Tân... (86)
Xa tìm chốn yên thân chẳng có,
Đành lênh đênh đây đó biết sao!
Thiếu Khang (87) đang lúc ba đào,
Họ Kiệu (88) hai gái sánh vào vừa xinh...
Lý đã kén mối manh lại vụng...
Chỗ hẹn lời e cũng không bền (89)
Người đời bẩn tưởi nhỏ nhen,
Chuộng bên gian ác, ghét bên hiền tài.
Buồng the đã là nơi cách trở,

Nhà vua còn đương cữ mê say,
Ôm lòng biết ngỏ ai hay ?
Bước đời nhịn mãi nước này được sao ? (90)
Chẻ nắm cỏ Quỳnh mao (91) làm thẻ,
Mượn Linh phân (92) gieo quẻ nhân duyên.
Quẻ rằng: "Ao ước thì nên,
Bên tài, bên sắc, đôi bên cùng lòng...
Nghĩ chín cõi (93) mênh mông rộng rãi,
Phải riêng đây có gái kén chồng ?
Đường xa xin chớ ngại ngùng,
Người xinh ai chả đem lòng khát khao ?
Cỏ thơm kể nơi nào chẳng có,
Thương tiếc chi quê cũ nữa anh! ... (94)
Quáng loà bao kẻ chung quanh,
Dở hay ai xót cho mình nữa đâu!
Lòng yêu ghét khác nhau biết mấy...!
Bọn chúng coi thật thấy lạ đời.
Cỏ hôi đeo giắt đầy người!
Hoa lan thơm ngát chê bai chẳng dùng (95)
Loài cây cỏ không còn phân biệt,
Giống ngọc lành xét biết đâu mà!
Phân tro xếp đống đầy nhà!
Cành hồi, cành quế cho là không thơm! (96)
Quẻ dạy thế ở làm chi nữa,
Nhưng lòng còn lưỡng lự chưa đi...
Chiều nay sắp đặt lễ nghi
Mời Vu Hàm (97) lại ta thì hỏi han.
Chín dãy núi chập chờn đón rước, (98)

Trăm vị thần chứng chạc tới nơi,
Hào quang rực rỡ đầy trời, (99)
Vì ta dạy hết mọi lời thủy chung.
Rằng (100) "Lên xuống cố công tìm hỏi,
"Ai cùng mình khuôn lối như in...
"Vũ, Thang kén lựa tôi hiền:
"Chí, Cao Dao (101) được chúng tin yêu vì... (102)
"Quả là đẹp, cứ gì tốt mối!
"Giá ngọc lành há phải bán rong! (103)
"Duyệt xưa đắp đất ngoài đồng,
"Vũ Đình (104) tìm gặp tin dùng chẳng nghi...
"Lã Vọng trước (105) làm nghề bán thịt,
"Gặp Văn Vương mới biết tướng tài.
"Chăn trâu Ninh Thích (106) hát chơi,
"Tề Hoàn nghe đã cho vời làm quan,
"Tuổi chưa muộn lo toan còn kịp,
"Thời đương vừa thu xếp đi cho!
"Véo von đề quyết gọi thu (107)
"Trăng hoa e lúc thơm tho chẳng còn! (108)"
Vòng hoa quỳnh đẹp giòn biết mấy, (109)
Che lấp đi, ai biết vẻ xinh!
Ghét ghen chúng chẳng thương tình,
E khi dập gãy tan tành biết đâu...
Trách thời tiết thật mau thay đổi (110)
Nào lữa lần được mãi cho cam!
Hoa lan giờ đã hết thơm,
Hoa nhài, hoa huệ hòa làm cỏ tranh... (111)
Bao nhiêu giống hương thanh, sắc đẹp,

Đều dốc đời, đổi kiếp hôi tanh!...
Không năng chải chuốt làm xinh,
Tại ai đâu chỉ tại mình đấy thôi!
Lan (112) ta tưởng đáng nơi tin cậy,
Có ngờ đâu bóng bẩy mà hư!
Theo đời bỏ vẻ đẹp xưa,
Đua đòi cẩu thả cũng như mọi loài...
Tiêu: (113) bợ đỡ nịnh đời ra mặt!
Túi thuốc trừ nhét chặt thù du! (114)
Đem thân cầu cạnh bôn xu,
Còn đâu giữ được thơm tho tính trời!
Thói thường vốn theo thời thay đổi,
Ai giữ mình cho khỏi suy đi!
Tiêu, lan còn chả ra gì,
Trách chi đến sói, kể chi đến nhài!
Riêng hoa quỳnh thật loài đáng quý,
Tới nay còn giữ vẻ năm xưa (115)
Hương còn thoang thoảng xa đưa,
Đẹp còn nguyên vẹn vẫn như ngày nào ?
Tự an ủi, theo vào mực thước,
Ngắm hoa đeo hồi trước còn xinh.
Khắp vùng trời đất mông mênh,
Tìm cho thấy bạn hữu tình mới thôi. (116)
Linh phân dạy: "quẻ coi tốt lắm!"
Chọn ngày lành ta sắm sửa đi.
Hoa quỳnh bẻ lấy phòng khi
Cành thì làm bánh, cánh thì làm cơm...
Lợn ngà, ngọc, đóng làm xe cõi...

Kéo xe ta phất phới rồng bay...
Đi cho vắng mặt khuất mày! (117)
Lòng lìa, thế bắt thân này phải xa!
Đường thăm thẳm trông ra quanh quất,
Hãy vòng xe qua đất Côn lôn,
Vang vang nhạc ngọc thét dồn,
Mây màu lấp lánh vây tròn trước sau...
Sớm bên trời bắt đầu rong ruổi,
Chiều hôm ta tới cõi cực Tây! (118)
Trước xe đón ngọc cờ bay,
Phượng hoàng vỗ cánh tung mây tuyệt vời! (119)
Chốc ta lại qua chơi bể Cát (120)
Theo dòng sông bát ngát đỏ ngầu! (121)
Thuồng luồng sửa bến cho mau! (122)
Bảo Tây Hoàng phải bắc cầu ta sang... (123)
Xa thăm thẳm cõi đường hiểm trở,
Dồn các xe giúp đỡ ta cùng!
Bất Chu (124) lối tả đi vòng,
Hẹn ngày tháng chỉ qua vùng bể Tây (125)
Đều tay sắp giật dây cương ngọc,
Nghìn xe cùng một lúc ra đi,
Tám rồng bay lượn trước xe,
Cờ mây phất phới, bóng che rợp trời.
Hãy ngừng bước, tạm nguôi dạ tủi,
Buông thần hồn lên cõi cao xa.
Múa Thiều (126) hát khúc *Cửu ca*
Tháng ngày thong thả liệu mà làm khuây.
Cất mình khoảng trời mây rộng rãi,

Chợt ngoảnh đầu trông lại quê hương.
Ngựa buồn, đầy tớ thảm thương,
Co ro, nhớn nhác, ngại đường chẳng đi (127)
Văn rằng:
370. Thôi! Thương tiếc làm chi cho cực!
Biết ta đâu một nước không người! (128)
Chính lành làm sức với ai ?
373. Bành Hàm (129) đâu đó, ta thời đi theo (130)

N.T dịch

---

(1) Nghĩa của hai chữ *Ly tao*, từ trước đến nay, có nhiều ý kiến không thống nhất. Trong *Sử ký, Khuất Nguyên liệt truyện,* Tư Mã Thiên viết: *Ly tao giả do ly ưu đãi*; như vậy "tao" có nghĩa là "ưu", còn nghĩa của chữ "ly" thì không giải thích. Ban Cố đời Đông Hán viết: "Ly, do tao dã; tao, ưu dã. Minh kỷ tao ưu tác từ dã" ("ly" có nghĩa là gặp phải, "tao" là ưu buồn, gặp phải điều lo buồn nên làm ra bài thơ này). Vương Dật nói: "Ly, biệt dã; tao, trừu dã" có nghĩa là *ly biệt và ưu buồn...* Những học giả đời nay, có người cho là "tao ưu nhi tác" (sáng tác khi gặp đau buồn); hoặc "ly biệt chi ưu" (nỗi buồn khi biệt ly...)

(2) Nguyên văn là: *Đế Cao Dương chi miêu duệ hề*
Trẫm hoàng khảo viết Bá Dung.
Bá Dung, cha của Khuất Nguyên. "Trẫm" là "tôi" "ta". Từ Tần Thủy Hoàng trở về trước, bất cứ ai cũng có thể xưng là "trẫm", sau khi trở thành đại danh từ, chỉ nhà vua mới được xưng hô. "Hoàng" là quang minh, có người cho rằng "Hoàng khảo" tức là người cha đã quá cố.

(3) *Cao Dương*, biệt hiệu của Chương Húc, thủ lĩnh một bộ tộc nguyên thủy. Con cháu của Chương Húc là Hùng Dịch, thần của Chu Thành vương, được phong nước Sở. Thời Xuân thu, con của Sở Vũ vương là Hà, được phong đất Khuất, con cháu về sau lấy họ Khuất, Khuất Nguyên là cháu Khuất Hà. Như vậy Khuất Nguyên cùng họ với vua Sở.

(4) Khuất Nguyên sinh ngày Dần, tháng Dần, năm Dần. Nguyên văn của hai câu này là: *Nhiếp đề chinh vu mạnh châu hề, Duy canh dần ngô đĩ giáng.*
Thời cổ, người ta dùng "Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi" để tính năm, đều có tên gọi riêng. *Nhiếp đề* là tên riêng của năm Dần. Người ta cũng dùng tên riêng để gọi tháng. *Mạnh châu* là tháng giêng, tháng giêng còn gọi là tháng Dần.

(5) Khi còn nhỏ Khuất Nguyên được sự giáo dục, săn sóc chu đáo của cha. Nguyên văn của hai câu này là:

Hoàng lãm quỹ dư sơ độ hề, Triệu tích dư dĩ gia danh. nghĩa là: sau khi ra đời, cha ta xét ngày tháng năm đẻ, bèn đặt cho ta một cái tên rất hay. Câu "*Buổi trứng nước ân cần săn sóc. Biết bao nhiêu khó nhọc công cha.*", do người dịch thêm vào.

(6) Khuất Nguyên tên là Bình, tự Nguyên. "*Chính tắc*" tức là phép tắc công chính, hàm nghĩa chữ Bình. *Linh quân*, "linh" là "thiện", tức là "rất", "quân" là "bằng" có nghĩa là đất rất bằng phẳng, hàm nghĩa của chữ "Nguyên".

(7) Cả hai câu có nghĩa: Khuất Nguyên đã có phẩm chất đạo đức tốt đẹp, lại còn có tài năng.

(8) *Sói ngàn, lan thu...* loại cỏ thơm, tượng trưng phẩm chất đạo đức tốt đẹp của Khuất Nguyên (Lan thu, lan nở mùa thu). Nguyên văn của hai câu này là: *Hỗ giang ly dữ tịch chỉ hề,*
Nhẫn thu lan dĩ vi bội.
nghĩa là: Hái giang ly (loại cỏ thơm) và cỏ chỉ mọc nơi vắng vẻ khoác lên người; xâu hoa lan mùa thu thành chuỗi, quấn quanh mình. (*Hỗ*: phương ngôn nước Sở, có nghĩa là đeo, khoác lên người; *nhẫn*: xâu thành chuỗi; *bội*: đeo, buộc quanh người).

(9) Sợ thời gian qua quá nhanh, nên tranh thủ thời gian tự tu dưỡng.

(10) Nguyên văn: *Triêu khiên tỉ chi mộc lan hề,*
Tịch lãm châu chi túc mãng.
Nghĩa: Sáng, ta hái hoa mộc lan trên núi, chiều, ta lượm cỏ túc mãng (tên loài cỏ sinh vào mùa đông không héo úa, lúc nào cũng xanh tốt, tươi đẹp) trên bãi sông. Khuất Nguyên mượn việc hái hoa cỏ thơm để ví việc tu dưỡng phẩm chất đạo đức.

(11) Nguyên văn: *Duy thảo mộc chi linh lạc hề,*
Khủng mỹ nhân chi trì mộ.
Nghĩa: Nghĩ đến chuyện cỏ cây đến kỳ héo úa tàn rụng, mà lo cho nhà vua mỗi tuổi một già.
Có người cho rằng "*con người đẹp*" chỉ Sở Hoài Vương. Có người cho Khuất Nguyên tự ví mình. Chúng ta thiên về ý kiến đầu. Khuất Nguyên muốn nhà vua sửa chữa những sai lầm và theo những chủ trương của mình để xây dựng nước nhà thịnh vượng.

(12) Khuất Nguyên trách vua Sở, không nhân lúc còn tráng kiện, mà vất bỏ những hành vi đen tối, bẩn thỉu.

(13) Nguyên văn: *Thừa kỳ ký dĩ trì sinh hề,*
Lai! Ngô đạo phù tiên lộ.
Nghĩa: Cưỡi ngựa kỳ, ngựa ký (những loài ngựa hay) giong ruổi chỉ việc thi hành chính sự, đây, tôi xin làm người đưa đường dẫn lối. Nếu nhà vua Sở dùng hiền thần để sửa đổi chính sự, Khuất Nguyên sẽ là người đưa đường dẫn lối, đưa vua đi theo đường ngay.
Cả đoạn trên, nhà thơ kể lại gia đình, năm sinh, tên tự và việc tu dưỡng tài năng, đạo đức, nguyện vọng giúp vua.

(14) *Ba vua:* Vũ nhà Hạ, Thành Thang nhà Thương và Văn Vương nhà Chu. Có người cho là ba ông vua nước Sở. Chúng ta thiên về ý đầu.

(15) Ba ông vua này biết dùng người hiền tài nên nhân tài các nơi tập trung lại, cùng lo gánh vác việc nước. *Các giống thơm*, chỉ những người hiền tài các nơi.

(16) *Hoa tiêu, hoa quế, hoa huệ*. là những hoa thơm, chỉ những người hiền tài.

(17) Theo truyền thuyết Nghiêu, Thuấn là những ông vua quàng minh, chính đại thời cổ.

(18) Kiệt, Trụ là những tên vua tàn bạo, hoang dâm vô độ, nhân dân căm ghét. Câu trên và câu dưới đối nhau, mượn cổ răn kim.

(19) Bọn gian quan nịnh thần đương triều chỉ vì mưu cầu công danh phú quý nên tiền đồ của quốc gia vừa đen tối vừa nguy hiểm.

(20) *Xe loan* là xe vua dùng, tượng trưng cho quốc gia.

(21) Không ngại tính mạng nguy hiểm mà chỉ sợ quốc gia diệt vong.

(22) Khuất Nguyên mong vua Sở đi theo con đường của ba vua, hoặc Nghiêu Thuấn đã đi, làm cho nước nhà giàu mạnh. Khuất Nguyên nguyện chạy trước sau xe vua, đem sức giúp vua, giúp nước.

(23) Khuất Nguyên trách vua Sở Hoài Vương không chịu đi sâu tìm hiểu lòng ngay thật của mình, mà lại nghe lời gièm pha của bọn gian thần.

(24) Biết rằng "*trung ngôn trực gián*" là có hại cho bản thân, nhưng không để trong bụng được, không thể không nói ra.

(25) "*Mình*" chỉ Sở Hoài Vương.

(26) Nguyên văn: *Thương linh tu chi số hóa, linh tu* cùng nghĩa với chữ *thần thánh*, chỉ Sở Hoài Vương. *Số*: nhiều lần, *hóa*: thay đổi – Phải xa rời triều chính, đối với ta không có gì là đau khổ, khó lòng chịu đựng nổi; nhưng ta chỉ đau lòng vì sự thay đổi ý kiến của nhà vua.

Chỉ vì ta quá yêu mình đấy thôi thể hiện tư tưởng trung quân của Khuất Nguyên, tư tưởng yêu nước và tư tưởng trung quân của Khuất Nguyên kết hợp làm một.

Đoạn này, tác giả đưa chuyện các ông vua thời cổ ra làm gương: nói lên lòng trung thành của mình và tâm trạng của mình khi không được vua Sở dùng.

(27) *Lan, huệ, đỗ nhược, tân di...* là những cỏ thơm; lấy việc trồng cỏ thơm để ví với việc bồi dưỡng nhân tài.

(28) Sau khi hiền tài được bồi dưỡng, sẽ dùng họ vào việc trị nước.

(29) Nguyên văn: *Tuy uỷ tuyệt kỳ diệc hà thương hề,*
Ai chung phương chi vu uế.

Có thể giải thích rằng: dù cho bản thân của tác giả mòn mỏi vàng võ vì phải bồi dưỡng hiền tài, cũng không đáng lo, đáng lo là những người hiền tài ấy lại biến chất, thay lòng đổi dạ. Có sách giải thích: hoa cỏ thơm (những nhân tài được bồi dưỡng) vàng võ khô héo cũng không đáng buồn, mà đau khổ nhất là những nhân tài ấy thay lòng đổi dạ. Cũng có người nói Khuất Nguyên rất đau khổ cho nhân tài không được dùng; hoặc: cỏ thơm kia (tự ví với mình) dù bị khô héo rơi rụng thì cũng không có gì đáng buồn, đáng buồn là ở chỗ loài cỏ dại đua mọc rậm rì (bọn gian quan nịnh thần) lấn át cả cỏ thơm.

(30) *Chúng*, chỉ bọn gian quan nịnh thần nước Sở.

(31) Điều Khuất Nguyên lo ngại nhất là tuổi già sắp đến, công danh chưa thành.

(32) *Ăn hoa rụng... Uống sương sa...* tự ví với việc tu dưỡng phẩm chất đạo đức.

(33) *Tình yêu* là đức hạnh của nhà thơ, thật là đẹp đẽ, trong sạch, thân hình dù có vàng vọ, xanh xao cũng không có gì đáng suy nghĩ, bận tâm.

(34) Bành Hàm là hiền đại phu đời Ân, có lần can gián vua, vua không nghe, bèn nhảy xuống sông tự tử. Qua câu thơ này, ta được biết Khuất Nguyên sáng tác *Ly tao*, cũng là lúc ông quyết định nhảy xuống sông tự tử.

Đoạn này, nhà thơ nói chuyện mình bồi dưỡng nhân tài, nhưng gặp phải bọn xiểm nịnh.

(35) Nguyên văn: *Trường thái tức dĩ yểm thế hề,*
Ai dân sinh chi đa gian.

Dân tức là người, *dân sinh* tức là nhân sinh. Khuất Nguyên nói lên những nỗi gian nan mà mình gặp phải. Có người cho rằng hai câu này thể hiện tư tưởng yêu dân của Khuất Nguyên.

(36) Lấy việc trang sức để ví việc tu dưỡng. "Huệ" "Lan" tượng trưng cho phẩm chất tốt đẹp. Ý nói, cho dù nhà vua và quần thần ghét bỏ ta vì ta chuộng đạo đức, nhưng ta không hề vì thế mà thay lòng đổi dạ.

(37) Tu thân là việc nhà thơ ưa thích, dù có bị tội chết cũng không hề hối hận. *Chín chết: Cửu tử*. Cửu đây không có nghĩa là chín, mà chỉ số nhiều, nhiều lần.

(38) *Mình* chỉ vua Sở

(39) Nguyên văn: *Chung bất sát phu dân tâm.* Oán trách nhà vua không chịu quan sát dân tâm. *Dân tâm* có nghĩa là nhân tâm, lòng của Khuất Nguyên. (40) *Chúng*, bọn gian quan nịnh thần chung quanh vua Sở, *Mày ngài*, ý nói hiền tài, người có đức hạnh, tiết tháo.

(41) Nguyên văn: *Chi điểu chi bất quần hề,*
Tự tiền thế nhi cố nhiên.

Chi điểu: loài chim khoẻ, lớn; *quần*: bầy, đàn. Chim lớn chẳng thể cùng đàn với loài chim sẻ, đó là lẽ cố nhiên từ ngày xưa đã thế.

Những người có lòng kiên cường chính trực, không về hùa với thế tục.

(42) *Vuông*, ví hành vi ngay thẳng của người quân tử; *tròn*, ví những kẻ gian thần siểm nịnh. Cả hai câu có nghĩa: vuông và tròn làm thế nào hợp với nhau, con người khác chí hướng làm sao sống chung nhau.

(43) Đoạn này nói, tuy bọn tiểu nhân chèn ép, nhưng chí hướng không thay đổi.

(44) Trên bờ sông trồng hoa lan, trên gò trồng cây tiêu.

(45) Dù cho tội bị phanh thây xé xác cũng không bao giờ thay lòng đổi dạ, lẽ đâu vì sự gièm pha của bọn gian thần mà lại lo sợ.

Đoạn trên Khuất Nguyên định đi theo con đường "độc thiện kỳ thân" nhưng không nỡ, hơn nữa ý chí cuối cùng cũng không thể khuất phục.

(46)Nguyên văn: *Nữ tu chi thiền viên hề.* Có người nói Nữ Tu là chị Khuất Nguyên, cũng có người nói Nữ Tu là tên một người ở gái, hoặc là thiếp, hoặc là bạn.

(47) Cổn là cha vua Vũ, một nhân vật thần thoại. Tính Cổn cương trực, vì không nghe lệnh vua Nghiêu mà phải bỏ mạng ở núi Vũ.

(48) *Đoạn trên là lời của cô chị, khuyên Khuất Nguyên nên theo thế tục.* (49) Học

tập những điều tiết tháo và trung chính của thánh hiền ngày trước, nhưng đau buồn gặp phải kẻ bài xích, nếm mùi cay đắng của cuộc đời.

(50) Tương, Ngoan, tên sông ở Hồ nam ngày nay. Từ câu này trở xuống đều là những lời nói tưởng tượng.

(51) Vua Thuấn có tên là Trùng Hoa. Thuấn chết chôn ở núi Cửu nghi, tức Thương ngô (Hồ nam). Khuất Nguyên trình bày nỗi khổ của mình với hồn vua Thuấn.

(52) Nguyên văn: *Khảo Cửu biện dữ Cửu ca hề,*
Hạ Khang ngu dĩ tư trùng.

Người sáng lập ra nhà Hạ là Khải, con của Vũ. Theo thần thoại cổ đại thì Khải lên trời lấy nhạc khúc là "Cửu biện" và "Cửu ca". Đến con là Thái Khang tức Hạ Khang, dùng *Cửu ca* để ca hát, vui chơi hưởng lạc.

(53) *Năm con* là năm người con của Thái Khang. Trong lúc vua Thái Khang đi du ngoạn ở ngoài, thì vua nước Hữu cùng là Nghệ, đoạt ngôi vua của Thái Khang. Năm người con của Thái Khang trốn khỏi kinh thành, từ đó nước mất. Có sách chép: Ngũ Tử (tức Ngũ Quan) còn gọi là Vũ Quan, con nhỏ của vua Khải. Vì Khải hoang dâm vô độ, nên Ngũ Tử nổi loạn cướp ngôi vua.

(54) Sau khi cướp ngôi vua, Nghệ (có tài bắn tên, vợ là Hằng Nga) sống hoang dâm hưởng lạc, chuyên săn bắn, không đoái hoài đến việc nước.

(55) Xúc, tức Hàn Xúc, tướng của Nghệ. Tương truyền Hàn Xúc mê vợ Nghệ, bèn sai Bàng Mông bắn chết Nghệ để cướp vợ Nghệ.

(56) Nhiêu, con Hàn Xúc, vì cả ngày sống hoang dâm hưởng lạc nên bị người Thái Khang cắt mất đầu.

(57) Kiệt, tên vua tàn bạo đời Hạ.

(58) Trụ, còn gọi là Hậu Tân, tên vua rất tàn bạo, giết Tỉ Can, Mai Bá. .. dùng thịt những người này làm mắm.

(59) Văn, là Chu Văn vương. Võ, là Chu Võ vương.

(60) Giữ đúng mực thước, không sai sót điều gì.

(61) Hai câu này có ý nói: người hiền đời xưa, sở dĩ chết oan vì họ không biết bợ đỡ nịnh hót vua như bọn tiểu nhân.

(62) Ý nói lấy cánh huệ mà lau nước mắt, nhưng nước mắt ướt đầm cả áo.
Đoạn trên Khuất Nguyên cử những ví dụ cụ thể của các minh quân và bạo chúa, để chứng minh lẽ đời: theo đường ngay lẽ thẳng tất sẽ hưng, ngược lại tất sẽ bại. Bản thân cũng không thể bỏ đường ngay mà đi tơn hót bợ đỡ, hi vọng được nghe lời chỉ giáo của vua Thuấn.

(63) Thương ngô: tên đất; vua Thuấn chết, chôn tại núi Cửu nghi ở Thương ngô. Huyền phố, tên đất trong thần thoại, trên núi Côn lôn, chỗ thần tiên ở. Ý nói: buổi sáng xuất phát từ Thương ngô ở phương Nam, chiều đến Huyền phố ở phương Bắc.

(64) Chỗ ở của thần.

(65) Hy Hoà, một nhân vật trong thần thoại, người đánh xe cho mặt trời. (66) Khuất Nguyên ra lệnh cho Hy Hoà đi chậm lại, không nên để mặt trời lặn vội. Theo nguyên văn: *Ngô lệnh Hy Hoà nhĩ tiết hề, Vọng yên tư nhi vật bách. Yên tư*, tên núi trong thần thoại, tương truyền là nơi mặt trời lặn. Ở đây người dịch dịch là lối non đoài.

(67) Nguyên văn: *Ẩm dư mã ư Hàm trì hề.* Hàm trì, tên ao nước trong thần thoại, là nơi mặt trời tắm. Người dịch dịch là *Dục Nhật.*

(68) *Phù tang*, cây dâu trong thần thoại, sinh nơi mặt trời mọc. Cả hai câu có nghĩa: Khuất Nguyên cho ngựa uống bên đồng Dục Nhật, sau đấy buộc ngựa ở cây dâu nơi mặt trời mọc.

(69) *Nhược mộc* là loại cây trong thần thoại, lá xanh, hoa đỏ, sinh nơi mặt trời lặn, dùng cành nhược mộc chắn ngang mặt trời không cho nó rơi xuống.

(70) *Chị Trăng*, theo nguyên văn là Vọng Thư, nhân vật trong huyền thoại, người đánh xe cho thần mặt trăng.

(71) *Dì gió*, nguyên văn là Phi Liêm, là thần gió.

(72) *Chim loan*, chim phượng hoàng.

(73) Khuất Nguyên sai khiến cả cầu vồng, mống cụt, cơn giông, bão táp, bắt chúng phục vụ mình.

(74) *Đoạn trên, Khuất Nguyên khi lên khi xuống tìm người bạn lòng*, muốn gặp thiên đế, nhưng không được.

(75) *Bạch thủy*, tên con sông chảy từ núi Côn lôn.

(76) *Lăng phong*, tên núi trong thần thoại, trên núi Côn lôn.

(77) Ý nói cầu nữ thần nhưng không gặp.

(78) Cung xuân, là cung điện nơi thần xuân ở, đến đây nhà thơ bẻ nhánh hoa quỳnh, trang sức thêm cho mình.

(79) Bí Phi là con gái họ Phục Hy, chết đuối ở Lạc thủy, sau thành nữ thần của Lạc thủy.

(80) Cỏi dây đeo làm vật đính ước.

(81) Vĩ bàn là tên con sông trong thần thoại, bắt nguồn từ núi Yêm Tử. Non cùng, theo nguyên văn là Cùng thạch, tên núi, nơi Hậu Nghệ ở.

(82) Bí Phi cậy đẹp, sinh ra kiêu ngạo.

(83) Nguyên văn: *Vọng Giao đài chi yểu khiển hề,*
Kiến Hữu Nhung chi đật nữ

Giao đài là đài làm bằng ngọc, cao và dài, Hữu Nhung là một bộ lạc thời nguyên thủy. Theo truyền thuyết thì họ Hữu Nhung có người con gái là Giản Địch ở tại Giao Đài, sau lấy Đế Cốc, sinh ra Tiết, Tiết là tổ tiên nhà Thương.

(84) Chim trẫm, loại chim cánh có chất độc, ở đây dùng để ví với kẻ nham hiểm.

(85) Phượng hoàng nhận mệnh lệnh của Khuất Nguyên làm người mối lái.

(86) Cao Tân, biệt hiệu của Đế cốc. Phượng hoàng nhận lời đi làm mối hộ, nhưng lại sợ Cao Tân đến trước cưới Giản Địch rồi.

Trở lên trên, ý muốn nói cần Giản Địch, nhưng không có người mối tốt.

(87) Thiếu Khang, con của Hạ Hậu tướng. Theo truyền thuyết, Hàn Xúc sai Nhiêu giết Hạ Hậu tướng. Thiếu Khang chạy sang nước Hữu Ngu. Sau giết Nhiêu, khôi phục lại nhà Hạ.

(88) Họ Kiệu ở nước Hữu Ngu, có hai người con gái. Thời còn nhỏ vì bị Hàn Xúc bức hại, Thiếu Khang chạy đến nước Hữu Ngu. Vua nước Hữu Ngu gả hai người con gái cho Thiếu Khang.

VĂN HỌC HÁN

TƯ MÃ THIÊN - SỬ KÝ (145 - 90? Tr CN)

1. Tiệc hồng môn
2. Liêm Pha - Lạn Tương Như.
3. Kinh Kha

---

* Tư Mã Thiên (145-90? trước CN) là nhà viết sử đồng thời là nhà văn. Ông tự là Tử Trường, người tỉnh Thiểm Tây, tổ tiên từng làm sử quan đời Chu, cha là Tư Mã Đàm giữ chức Thái sử lệnh đời Hán Vũ Đế.

Tác phẩm chủ yếu là bộ *Sử ký*.

Sử ký vốn gọi là *Sách Thái sử công*, cuốn sử đồ sộ đồng thời cũng là tác phẩm văn học nổi tiếng. Tất cả trên 52 vạn chữ, 130 thiên, gồm 5 phần: *Bản ký* (12), *Biểu* (10), *Thư* (8), *Thế gia*(30), *Liệt truyện* (70).

1. TIỆC HỒNG MÔN

... Sáng hôm sau, Bái Công dẫn hơn một trăm xa kị đi yết kiến Hạng vương, đến dốc Hồng Môn, vào ra mắt Hạng Vương, thưa rằng:

– Thần cùng với Tướng quân tận lực đánh Tần, Tướng quân đánh mặt Hà Bắc, thần đánh mặt Hà Nam, nhưng có ngờ đâu thần lại vào được ải quan trước mà phá đất Tần để lại được gặp Tướng quân ở đây. Nay, nghe có kẻ tiểu nhân nói ra nói vào, khiến cho Tướng quân đối với thần không khỏi có điều hiềm khích.

Hạng Vương nói:

– Thì tại viên tả tư mã của Bái Công là Tào Vô Thương nó nói với tôi chớ, nếu không thì Tịch này đâu đến[1] nỗi thế.

Rồi ngày hôm đó, Hạng Vương giữ luôn Bái Công ở lại uống rượu. Hạng vương và Hạng Bá ngồi quay mặt về phương đông[2].

Á Phủ[3] quay về phương nam. Á Phủ đây là Phạm Tăng. Bái công quay về phương bắc, Trương Lương đứng túc trực ngoảnh

---

(1) Bản Hội Chú chép: "Tịch hà dĩ chí thử". Bản Thục, bản Bách Nạp, bản Cấp Cổ đều chép "Tịch hà dĩ sinh thử" nghĩa là "Tịch này đâu có lòng thế".

(2) Theo tục lệ Trung Hoa xưa, ngồi ngoảnh mặt về phương đông là biểu hiện rằng mình tôn quí, có địa vị.

(3) Có địa vị "xấp xỉ gần bằng cha người ta". Tiếng tôn xưng người được hết sức kính trọng. Đồng nghĩa với hai tiếng "Trọng phủ" mà Tề Hoàn Công đã dùng để xưng hô với Quản Di Ngô.

mặt về phương tây. Phạm Tăng nhiều lần đưa mắt nhìn Hạng vương, ba lần nâng miếng ngọc quyết[1] đang đeo, ngầm đưa ý. Hạng vương lặng yên không phản ứng. Phạm Tăng đứng dậy, đi ra ngoài, gọi Hạng Trang, bảo:

– Chúa công là người bất nhẫn. Ông vào chúc thọ đi, chúc xong, xin cho được múa gươm, rồi thừa dịp giết phứt Bái công đi. Bằng không thì rồi bọn các ông sẽ bị hắn bắt hết.

Trang vào chúc thọ. Chúc xong, thưa rằng:

– Chúa công uống rượu với Bái công giữa chốn ba quân, không biết lấy gì mua vui, thần xin được phép múa gươm.

Hạng vương nói:

– Được.

Hạng Trang tuốt gươm đứng dậy múa. Hạng Bá cũng tuốt gươm đứng dậy múa theo, luôn luôn đưa mình đỡ cho Bái công, Trang không hạ thủ được. Thấy vậy, Trương Lương bèn chạy ra Viên Môn tìm Phàn Khoái. Phàn Khoái hỏi:

– Sự thể hôm nay ra sao?

Lương đáp:

– Gấp lắm! Hiện giờ, Hạng Trang đang múa gươm, luôn luôn để ý nhắm Bái công.

Khoái nói:

– Vậy thì gấp thật, xin cho tôi vào, quyết một phen sống mái. Tức thì Phàn Khoái đeo gươm, mang khiên xông vào viên môn. Tên vệ sĩ coi cửa đưa kích ra muốn cản không cho Phàn Khoái vào. Phàn Khoái đưa khiên gạt ngang cây kích, khiến cho tên vệ sĩ ngã, mà lọt vào. Khoái vén màn đứng quay mặt.

– Tên kia đến đây làm gì ?

Trương Lương vội đáp:

---

(1) Ngọc bích hình tròn, giữa có lỗ thủng. Phần nửa ngọc bích gọi là ngọc quyết. Nâng *ngọc quyết* có ý bảo ngầm "phải *quyết liệt* làm tới đi".

– Đó là viên tham thừa[1] cận vệ của Bái công, tên là Phàn Khoái.

Hạng vương bảo:

– Tráng sĩ! ta tặng nhà ngươi một chén rượu!

Rồi đưa cho một chén "vại".

Khoái lạy tạ rồi đứng dậy uống. Hạng vương nói:

– Ta tặng ngươi một đùi heo!

Rồi đưa cho cả một cái đùi heo sống[2]. Khoái úp cái khiên xuống đất, để đùi heo lên trên, tuốt gươm cắt, nhấm. Hạng vương hỏi:

– Tráng sĩ! Uống được nữa không?

Đáp:

– Cái chết thần còn chẳng từ, từ gì chén rượu! Vua Tần nọ, lòng beo dạ sói, giết người, đếm không xuể, làm tội người như sợ không xiết, cho nên cả thiên hạ nối dây làm phản. Hoài vương có ước với chư hầu rằng: " Người nào phá được Tần, vào Hàm Dương trước, người đó được làm vua". Nay Bái công phá được Tần, vào Hàm Dương trước, tơ hào không dám động chạm, niêm phong các cung thất mà rút quân về Bá Thượng để chờ đại vương tới. Phải cho tướng đóng giữ ải quan là để phòng quân cướp trộm lui tới. Khó nhọc và công to như thế mà chưa được phong hầu tưởng thưởng.

Hạng vương chưa biết trả lời ra sao, chỉ bảo:

– Ngồi xuống.

Phàn Khoái ngồi xuống bên cạnh Trương Lương. Một lát sau Bái công đứng lên mượn cớ đi nhà sau, bảo Khoái cùng ra theo mình.

---

(1) Còn gọi là bồi thừa, tức như chức cận thị cảnh vệ bây giờ.

(2) Nguyên văn là "trệ kiện" vai heo. Vương Bá Tường cắt nghĩa là: đùi heo cắt ngoàm lên tận vai, nghĩa là cả chiếc đùi lớn.

Bái công ra rồi, Hạng vương sai tên đô uý là Trần Bình đuổi theo gọi lại. Bái công nói với Phàn Khoái:

– Ra đi mà chưa cáo từ, làm thế nào bây giờ?

Phàn Khoái đáp:

– Làm đại sự, không nên câu chấp tiểu tiết. Bây giờ, người ta là dao, là thớt, chúng ta là thịt, là cá. Cáo từ làm gì?

Thế là hai người đi thẳng. Trước khi đi, Bái công hạ lệnh cho Trương Lương ở lại xin lỗi hộ, Lương hỏi Bái công:

– Lúc Đại vương đến đây, có mang theo những thứ gì?

Đáp:

– Có đem theo đôi ngọc bích, định biếu Hạng vương, và đôi chén ngọc, định cho Á Phủ. Gặp lúc họ nổi giận, không dám đưa ra. Ông biếu họ hộ tôi.

– Xin vâng.

Lúc đó, Hạng vương đóng quân ở Hồng Môn, Bái công ở Bá Thượng, hai bên cách nhau bốn mươi dặm. Bái công tính bỏ đội xa kị, một mình cưỡi ngựa, cùng với bốn người là Phàn Khoái, Hạ Hầu Anh, Cân Cường và Kỉ Tín, cầm gươm, khiên chạy bộ, cùng trốn, men theo chân núi Li Sơn mà chạy tắt qua huyện Chỉ Dương, nên bảo:

– Theo con đường này, từ đây đến chỗ quân ta đóng, chỉ độ hai mươi dặm là cùng. Ông liệu chừng nào tôi về đến nơi rồi thì hãy vào gặp họ.

Bái công đi khỏi, liệu chừng chạy đường tắt thì về tới quân doanh rồi, bấy giờ Trương Lương mới vào xin lỗi Hạng vương:

– Bái công quá chén, không vào cáo biệt Đại vương được, căn dặn Lương tôi kính dâng Đại vương đôi ngọc bích này và kính biếu quan Đại tướng quân đôi chén ngọc.

Hạng vương hỏi:

– Bái công bây giờ ở đâu ?

Đáp:

– Nghe Đại vương có ý muốn hạch tội, cho nên đã một mình lẻn đi, tới chỗ đóng quân rồi.

Hạng vương nhận đôi ngọc bích, đặt bên chỗ ngồi. Á Phủ nhận đôi chén ngọc, quăng luôn xuống đất, tuốt gươm chém nát, nói:

– Chao ôi! Cái thằng con nít này[1] không thể tính việc với hắn được. Người cướp mất thiên hạ của Hạng vương tất phải là Bái công. Bọn mình nay là tù binh của hắn rồi.

Bái công về đến nơi, lập tức giết Tào Vô Thương.

Mấy hôm sau, Hạng vương tiến quân về tây, làm cỏ thành Hàm Dương, giết vua Tần đã đầu hàng là Tử Anh, đốt hết cung thất nhà Tần, ba tháng chưa tắt ngọn lửa, của cải, đàn bà, vơ vét sạch, đem theo về đông. Có người nói với Hạng vương rằng:

– Đất Quan Trung bốn bề núi sông hiểm trở, đất đai phì nhiêu, có thể đóng đô ở đó mà mưu đồ nghiệp bá được.

Hạng vương thấy cung thất của Tần đã bị đốt phá tan hoang, vả lại lòng vẫn tưởng nhớ quê hương muốn trở về đông[2] cho nên nói:

– Giàu sang mà không về quê quán, thì có khác gì mặc áo gấm đi đêm, còn ai biết!

Người kia phê bình: người ta bảo: "Người Sở là đồ khỉ đột đội mũ người!". Thì ra đúng thật!

Câu nói đó đến tai Hạng vương, Hạng vương cho luộc sống người ấy.

---

(1) Trỏ Hạng vương.

(2) Vì căn cứ địa của Sở là ở về miền đông, vả lòng Vũ vẫn nhớ Hoài vương Tâm.

2. LIÊM PHA - LẠN TƯƠNG NHƯ

Liêm Pha là một lương tướng đời Triệu. Đời Triệu Huệ Văn vương, năm thứ 16, Liêm Pha giúp Triệu đánh Tề đại bại, lấy được Dương Tân và được lãnh chức thượng khanh, nổi tiếng với chư hầu là người có dũng khí. Lạn Tương Như, người nước Triệu, là xá nhân[1] của viên thái giám trưởng trong cung Triệu tên là Mậu Hiền. Triệu Huệ vương được ngọc hòa bích[2] của nước Sở. Hay tin ấy, Tần Chiêu vương gửi thư cho Triệu vương bàn với đại tướng quân Liêm Pha và các đại thần: "Cho Tần thì sợ bị lừa, thành chẳng được, mất không ngọc, không cho thì sợ Tần đánh". Chưa biết nên như thế nào, tìm người khả dĩ sai đi sứ Tần cũng chưa được ai. Thủ lĩnh thái giám Mậu Hiền nói:

- Viên xá nhân tên Lạn Tương Như của thần có thể đi sứ Tần được.

Vua hỏi:

- Sao biết?

---

(1) Xem chú thích trong bài "Thuật trường sinh bất lão của Lý Thiếu Quân" ở trên.

(2) Ngọc bích họ Hoà: Một người nước Sở, họ Hoà (Biên Hoà) kiếm được một viên đá trong có ngọc, đem dâng Sở Lệ vương. Lệ vương đưa cho thợ ngọc xem, thợ ngọc bảo là đá chứ không phải là ngọc. Lệ vương cho là họ Hoà nói dối, cắt mất chân trái. Sở Vũ vương lên ngôi, họ Hoà lại dâng ngọc, thợ ngọc lại bảo là đá, họ Hoà mất nốt chân phải.

Thưa:

– Trước đây có lần thần phạm tội, định bỏ trốn sang nước Yên. Viên xá nhân Tương Như can và hỏi thần:

– Tại sao ngài quen Yên vương ? Thần đáp:

– Ta từng theo đại vương trong một cuộc hội nghị với Yên vương trên lãnh thổ Triệu. Yên vương cầm tay ta, nói "Xin kết làm bạn", do đó ta quen Yên vương và bởi thế ta muốn đi sang Yên.

Tương Như nói với thần:

– Nước Triệu mạnh, nước Yên yếu, mà ngài lại được Triệu vương yêu, cho nên Yên vương mới muốn kết giao với ngài. Nay, ngài lại bỏ Triệu trốn sang Yên, Yên sợ Triệu, tất không dám chứa mà còn trói nộp cho vua Triệu là khác. Tốt hơn hết là ngài nên cởi trần phủ phục mà chịu tội, may ra còn thoát.

Thần theo lời khuyên đó và Đại vương đã gia ân xá tội cho thần thật. Thần trộm nghĩ người đó là một dũng sĩ, có trí mưu, nên cho đi sứ Tần.

Triệu vương bèn vời Lạn Tương Như vô hỏi:

– Tần vương xin đổi mười lăm thành lấy viên Hoà bích của quả nhân, có nên đổi không?

Tương Như đáp:

– Tần mạnh mà Triệu yếu, không thể không đổi được.

– Lấy ngọc rồi không giao thành cho ta thì làm thế nào?

– Tần đổi thành lấy ngọc mà Triệu không đổi thì lỗi đó về phần Triệu. Triệu cho ngọc mà Tần không giao thành thì lỗi về phần Tần. Cân nhắc hai đàng, nên để cho Tần mang tiếng trái.

– Ai đi sứ bây giờ?

– Nếu quả Đại vương không có người, thì thần xin lĩnh ngọc bích đi sứ. Thành giao cho Triệu, thì ngọc ở lại đất Tần, thành

không giao thì thần xin đem ngọc bích còn nguyên vẹn về, trả lại Triệu.

Triệu vương bèn sai Tương Như mang ngọc bích sang Tần.

Vua Tần ngự ở hành cung Chương Đài. Tương Như nâng ngọc bích dâng Tần vương. Vua Tần mừng lắm, đưa ngọc cho các mĩ nhân và bọn tả hữu lần lượt cùng coi. Bọn tả hữu đều hô "vạn tuế". Xem ý vua Tần không muốn giao thành để đáp lại, Tương Như bèn tiến lên thưa rằng:

"Ngọc bích ấy có vết, thần xin chỉ cho Đại vương"

Tần sai trao lại ngọc, Tương Như được dịp nắm chặt lấy ngọc, lùi lại mấy bước, tựa lưng vào cột, hầm hầm nổi giận, tóc dựng ngược cả mũ, bảo Tần vương rằng:

– Đại vương muốn được ngọc bích, gửi thư đến Triệu vương, Triệu vương họp quần thần lại bàn, quần thần đều nói: "Nước Tần tham, ỷ mạnh, dùng lời nói suông đòi cho ngọc bích, chứ khó lòng chịu giao thành cho Triệu". Mọi người quyết nghị không cho ngọc. Riêng thần nghĩ: bọn áo vải chơi với nhau còn chẳng lừa đảo nhau, huống hồ là một nước lớn. Vả lại vì một viên ngọc bích mà làm cho nước Tần hùng mạnh phải buồn lòng là điều không nên. Bấy giờ Triệu vương mới trai giới trong năm ngày, sai thần bưng ngọc bích cùng quốc thư đến đây lạy dâng Đại vương. Tại sao vậy? Tại quý trọng uy vọng của một nước lớn, nên mới xử sự cung kính như thế. Nay thần đến đây, Đại vương lại tiếp thần ở một hành cung (chứ không phải ở nơi triều đường) một cách rất là ngạo mạn; được ngọc rồi lại đưa cho các mĩ nhân xem, như có ý giễu cợt thần. Xem chừng Đại vương không muốn đánh đổi thành ấp, cho nên thần lấy lại ngọc. Nếu quả đại vương định bức bách thần, thì đầu thần và ngọc bích sẽ tan tành cùng cái cột này.

Tương Như, tay cầm ngọc, mắt liếc cột, như thể sắp đập. Tần vương sợ Tương Như đập thật, thì vỡ mất ngọc, bèn năn

nỉ tạ lỗi, triệu viên quan hữu trách đem địa đồ ra chỉ mười lăm thành nào, từ đâu đến đâu, sẽ giao cho Triệu. Biết ý Tần vương chỉ vờ vịt chứ không thật lòng trao thành cho Triệu. Tương Như bèn nói với Tần vương:

– Ngọc bích họ Hoà là một bảo vật lừng danh trong thiên hạ. Triệu vương sợ, cho nên không dám không dâng. Trước khi trao ngọc, Triệu vương đã trai giới năm ngày, nay Đại vương cũng nên trai giới năm ngày, rồi thiết đại lễ "Cửu tấn" ở giữa triều đường[1] thì thần mới dám dâng ngọc.

Liệu chừng không thể cưỡng đoạt được, Tần vương bèn hứa sẽ trai giới năm ngày và mời Tương Như nghỉ ở khách quán Quảng Thành. Đoán chừng rằng Tần vương tuy trai giới đấy nhưng nhất định sẽ bội ước, Tương Như cho tuỳ viên của mình cải trang, lén theo đường tắt, đem ngọc về Triệu.

Sau năm ngày trai giới, Tần vương đặt lễ "Cửu tấn" ở nơi triều đường và mời Lạn Tương Như, vị sứ giả của vua Triệu tới dự. Tương Như đến, nói với Tần vương:

– Nước Tần, với hơn hai chục ông vua, kể từ Mục công đến nay, chưa từng bao giờ giao ước minh bạch và chắc chắn với ai, cho nên thật tình thần e rằng Đại vương gạt và do đó phụ lòng Triệu vương; bởi vậy thần đã sai người mang ngọc bích về, lúc này tới nước Triệu rồi. Nước Tần mạnh, nước Triệu yếu, Đại vương sai sứ giả một mình sang Triệu, tức thì Triệu phải đem ngọc dâng ngay; mạnh như Tần mà bây giờ cắt mười lăm thành nhường cho Triệu trước, thì lẽ nào Triệu dám giữ lại ngọc để đắc tội với Đại vương là đáng tội chết, vậy thần xin đến bên vạc dầu và tuỳ Đại vương cùng các vị bầy tôi của Đại vương suy tính cho kỹ mà quyết định.

---

(1) Tức "Cửu nghi", một đại lễ ngoại giao đời Chu để tiếp rước khách quý (có chín "tấn giả" tức chín viên quan tiếp tân lần lượt xưng hô, đón rước lên thềm, cho nên gọi là "Cửu tấn" hoặc "Cửu nghi".

Tần vương và quần thần nhìn nhau hầm hè, bọn tả hữu có người muốn lôi ngay Tương Như đi. Thấy thế, Tần vương nói: "Bây giờ có giết Tương Như thì rốt cuộc cũng chẳng được ngọc bích mà lại tuyệt mất mối tình giao hảo giữa Tần và Triệu, chi bằng nhân dịp này, hậu đãi hắn, cho hắn về Triệu, Triệu vương há vì một viên ngọc bích mà lại lừa gạt nước Tần ư!"

Chung cục, lễ cửu tấn được tổ chức: Tần vương tiếp rước Tương Như một cách trọng thể ngay ở triều rồi cho ông được thong thả trở về Triệu.

Tương Như về Triệu, Triệu vương cho Tương Như xứng đáng là một quan đại phu hiền tài đã không làm nhục sứ mệnh ở nước chư hầu và cử ông lên làm thượng đại phu. Tần không cho Triệu đất mà Triệu cũng không cho Tần ngọc.

Sau, Tần đánh Triệu, hạ được Thạch Thành. Năm sau lại đánh Triệu, giết chết hai vạn người. Tần vương sai sứ giả sang nói cho Triệu vương biết muốn mở hòa hội với Triệu tại Mẫn Trì[1] phía ngoài Tây Hà, Triệu vương sợ Tần, tính không đi dự. Liêm Pha và Lạn Tương Như bàn rằng:

– Đại vương không đi là tỏ ra Triệu yếu và sợ.

Triệu vương bèn đi, có Tương Như đi theo. Liêm Pha đưa ra đến biên cảnh, lúc tương biệt giao hẹn với vua:

– Đại vương đi, kể cả thời giờ đi, về và hội họp, sẽ không quá ba mươi ngày. Ba mươi ngày mà không thấy Đại vương về thì nên cho lập thái tử lên ngôi để Tần hết hi vọng bắt chẹt.

Triệu vương bằng lòng và đến Mẫn Trì hội kiến với Tần vương. Rượu đang lúc say vui, Tần vương nói:

– Quả nhân trộm nghe nói Triệu vương ưa chơi nhạc, vậy xin Triệu vương tấu đàn sắt[2].

---

(1) Mẫn Trì ở vào phía nam Tây Hà, đứng về phía Triệu mà nói thì khỏi Tây mới đến Mẫn Trì. Tần hạ Thạch Thành vào năm 18, đời Triệu Huệ Văn vương, hòa hội Mẫn Trì diễn ra năm thứ 20 đời vua này. Như vậy, trước câu: "Tần vương sai sứ giả sang nói....", cũng phải thêm hai chữ "Năm sau" nữa mới đúng.

(2) Một thứ đàn to và dài hơn đàn cầm, thường có 25 dây.

Triệu vương gảy đàn sắt. Quan ngự sử nước Tần tiến lên làm công việc kỉ sự viết rằng[1] "Năm ấy ngày tháng ấy, Tần vương hội ẩm với Triệu vương và sai Triệu vương tấu đàn sắt". Lạn Tương Như tiến lên nói:

– Triệu vương trộm nghe nói Tần vương rất sành nghe các điệu hát của nước Tần, vậy xin dâng Tần vương cái vò rượu để Tần vương đánh nhịp, cho cuộc cùng nhau đàn hát thêm vui.

Tần vương nổi giận, không chịu. Tức thì Tương Như tiến lên với chiếc vò, quỳ luôn xuống trước mặt Tần vương. Tần vương vẫn không chịu đánh nhịp. Tương Như nói:

– Chỉ còn cách Đại vương có không đầy năm thước, Tương Như tôi xin lấy máu ở cổ mà vẩy áo Đại vương[2].

Bọn tả hữu của Tần vương muốn đâm Tương Như. Tương Như trừng mắt thét mắng, làm cho bọn tả hữu sợ khiếp, Tần vương lòng tuy không vui, nhưng cũng phải miễn cưỡng gõ nhịp vậy. Tương Như ngoái lại đòi quan ngự sử nước Triệu tới, bảo viết: "Năm ấy, ngày tháng ấy, Tần vương vì Triệu vương mà gõ vò rượu cầm nhịp". Quần thần nước Tần nói:

– Xin nước Triệu mười lăm thành làm lễ mừng thọ Tần vương!

Lạn Tương Như cũng nói:

– Xin nước Tần kinh đô Hàm Dương làm lễ mừng thọ Triệu vương!

Tần vương bãi tiệc, rốt cuộc không thủ thắng được với Triệu, Triệu cũng chuẩn bị binh vệ, đề phòng việc bất trắc xảy ra từ phía Tần. Và Tần không dám sinh sự.

---

(1) Thời Chiến quốc, chức ngự sử chuyên làm công việc sử quan, ghi chép những quốc gia đại sự.

(2) Ngầm tỏ ý giết chết Tần vương.

Trở về Triệu, vì có công lớn, Tương Như được thăng làm thượng khanh, trên cả Liêm Pha. Liêm Pha nói:

– Ta là đại tướng của nước Triệu, tác chiến, hạ thành, công trạng lớn thế, mà Lạn Tương Như chỉ nhờ miệng lưỡi đưa đẩy lại được ngôi cao hơn ta; vả Tương Như vốn xuất thân hèn hạ[1] ta lấy làm xấu hổ, không chịu ở hàng dưới hắn.

Và tuyên bố rằng:

– Ta gặp Tương Như, nhất định phải làm nhục hắn.

Tương Như được tin đó, tránh không chịu dàn mặt Liêm Pha. Mỗi khi thiết triều, Tương Như thường cáo bệnh để khỏi phải tranh vị thứ trên dưới với Liêm Pha. Về sau có lần ra đường, thấy bóng Liêm Pha, Tương Như ngoặt xe lẩn tránh. Đám xá nhân của Tương Như can:

– Chúng tôi sở dĩ bỏ cả bà con họ hàng, đến đây thờ ngài là chỉ vì hâm mộ Ngài là người cao nghĩa. Nay Ngài với Liêm Pha cùng là đại khanh cả, vậy mà ngài Liêm Pha buông lời bất lịch sự với Ngài, Ngài lại lẩn tránh, sợ hãi quá lắm, bọn người dung tục cũng còn lấy thế làm xấu hổ, huống hồ là bậc khanh tướng như Ngài! Thôi, chúng tôi bỉ lậu tầm thường xin từ biệt Ngài.

Lạn Tương Như cố nèo lại, nói:

– Các ông hãy thử so sánh, xem thử Liêm tướng quân có đáng sợ bằng Tần vương không?

Đáp:

– Không bằng.

Tương Như nói:

– Tần vương uy lớn như thế, mà Tương Như tôi dám mắng vào mặt giữa chốn triều đường và làm nhục cả bọn bầy tôi của hắn đấy; dù rằng kém cỏi, Tương Như tôi đâu đến nỗi sợ Liêm tướng quân! Nhưng Tương Như tôi thiết nghĩ: sở dĩ nước Tần

(1) Lạn Tương Như xuất thân chỉ là xá nhân của một hoạn quan (Thái giám).

hùng cường kia không dám đem quân đánh Triệu, là vì ở đây còn có hai chúng tôi. Hai con hổ mà chọi nhau, thì thế tất phải con sống, con chết. Sở dĩ Tương Như tôi nhẫn nhục nhường nhịn, là vì Tương Như tôi để mối nguy của quốc gia lên trên cái hiềm thù cá nhân đấy.

Lời nói này đến tai Liêm Pha, Liêm Pha cởi trần, lưng mang cành cây có gai[1] nhân danh là khách, đến nhà Tương Như tạ tội:

– Con người đê tiện này, không ngờ tướng quân[2] rộng lượng tha thứ đến độ ấy.

Rốt cuộc, hai bên vui vẻ với nhau, kết làm đôi bạn "thề cùng sống chết".

Năm đó, Liêm Pha đánh Tề ở phía đông, phá được một đạo quân. Cách hai năm sau, lại đánh hạ được ấp Kỳ[3] của Tề. Ba năm sau, Liêm Pha đánh Ngụy, hạ được thành Phòng Lăng và An Dương. Bốn năm sau, Lạn Tương Như làm tướng cầm quân đánh Tề, mới đến Bình Ấp[4] thì ngừng. Năm sau, Triệu Xa phá quân Tần dưới thành Ốc Dữ.

* *

*

Triệu Xa là một chức viên thu thuế điền, đến thu nhà Bình Nguyên quân, Bình Nguyên quân không đóng, Triệu Xa trị tội cứ theo pháp luật hiện hành: giết chín người quản lý của Bình Nguyên quân. Bình Nguyên quân giận, toan giết Xa. Nhân lúc tự biện hộ, Xa thưa với Bình Nguyên quân:

---

(1) Để tỏ ý hối lỗi, chịu tội.

(2) Thời đó, các quan thượng khanh kiêm cả chức văn (hàng tướng quốc) lẫn chức võ (hàng đại tướng) cho nên Lạn Tương Như được xưng hô là Tướng quân.

(3) Theo Triệu Thế Gia, năm thứ 23 đời Triệu Huệ Văn vương, Liêm Pha làm tướng đánh lấy ấp Kì. Nhưng Tề Thế Gia không chép việc này. Có lẽ ấp Kì, như vậy, là đất ở vào khoảng giữa hai nước Triệu và Tề, chứ chưa chắc đã thuộc hẳn đất Tề.

(4) Một ấp của Triệu, quân Lạn Tương Như chưa ra tới biên cảnh thì ngừng chiến.

– Ngài là một vị quý công tử nước Triệu, nếu Ngài không tôn trọng công thất, thì pháp luật sẽ mất hiệu lực, pháp luật mà mất hiệu lực thì quốc gia suy yếu, quốc gia suy yếu thì chư hầu đem quân xâm lược, và nước Triệu sẽ không còn, như thế hỏi Ngài còn có thể giữ được giàu có như hiện giờ không? Cao sang như Ngài mà tôn trọng công thất, giữ gìn pháp luật thì giữa kẻ trên người dưới, giữa công và tư, có sự công bằng, giữa kẻ trên người dưới, giữa công và tư có sự công bằng thì nước giàu, nghĩa là nước Triệu sẽ vững. Ngài là người tôn trọng tôn thất, chả lẽ lại chịu để cho chư hầu khinh ư!

Bình Nguyên quân cho Xa là người hiền, tâu lên với vua. Vua cử Xa chức quản lý quốc gia thuế vụ, thuế vụ rất công bằng, dân giàu mà kho đụn của nhà nước dồi dào.

Nước Tần đánh nước Hàn, đóng quân ở Ốc Dữ. Triệu vương triệu Liêm Pha hỏi:

– Cứu được không?

Đáp:

– Đường xa, lại vừa hiểm, vừa hẹp, khó cứu.

Lại triệu Nhạc Thừa, hỏi. Nhạc Thừa cũng trả lời như Liêm Pha. Hỏi đến Triệu Xa, Triệu Xa đáp:

– Đường xa vừa hiểm vừa hẹp, hai bên đánh nhau có thể ví như hai con chuột chọi nhau trong hang, bên nào khoẻ bên ấy thắng. Vua bèn cử Triệu Xa làm tướng, cầm quân cứu Hàn.

Quân ra khỏi Hàm Đan được ba mươi dặm, Triệu Xa ra quân lệnh:

– Hễ can gián về quân sự thì bị tử hình.

Quân Tần đóng ở phía tây thành Vũ An. Quân Tần nổi trống thúc quân, mái ngói các nhà ở Vũ An rung chuyển. Có một tuần thám viên nói: phải cấp cứu thành Vũ An. Triệu Xa lập tức đem chém. Cố thủ, ngừng lại hai mươi tám ngày không tiến quân, lại đắp thêm thành luỹ. Quân gián điệp của Tần trà

trộn vào quân doanh của Triệu. Triệu Xa cho ăn uống tử tế rồi để mặc cho đi thoát, để về mà báo cho tướng Tần. Tướng Tần được báo cáo mừng lắm, nói:

– Mới ra khỏi quốc đô ba mươi dặm mà đã ngừng quân, lại đắp thêm thành luỹ, khiếp nhược như thế, thì Ốc Dữ sẽ chẳng còn lo là đất của Triệu nữa.

Để cho gián điệp địch đi thoát, rồi cấp tốc cuốn giáp thẳng tiến nghênh địch, chỉ trong hai ngày một đêm đã tới gần Ốc Dữ, cho lệnh quân thiện xạ đóng đồn cách Ốc Dữ năm mươi dặm. Thành luỹ Triệu đắp xong thì quân Tần hay tin, dốc toàn lực kéo tới. Một quân sĩ tên Hứa Lịch xin vào dâng lời can về việc quân. Triệu Xa truyền:

– Cho vào!

Hứa Lịch nói:

– Quân Tần không ngờ quân Triệu tới đây, họ kéo tới, khí thế tất hung lắm. Tướng quân tất phải tập trung lực lượng mà đối phó, nếu không tất thua.

Triệu Xa nói:

– Đồng ý!

Hứa Lịch nói:

– Bây giờ tôi xin chịu tội chém ngang lưng.

Triệu Xa nói:

– Đợi đã, sẽ có lệnh sau.

Hứa Lịch, người Hàm Đan[1] lại xin can, nói:

– Bên nào chiếm được ngọn núi ở phía bắc thành Ốc Dữ trước, bên ấy sẽ thắng, bên nào đến sau bên ấy sẽ thua.

(1) Nguyên văn chữ Hán "Hàm Đan nhân Hứa Lịch". Theo sách Ẩn, thì hai chữ Hàm Đan ở đây đúng ra phải là hai chữ "Dục chiến" có nghĩa là "lúc sắp đánh". Sách Thông giám thì cho rằng hai chữ Hàm Đan thuộc vào câu trên: "đợi lệnh từ Hàm Đan sẽ tới sau".

Triệu Xa nghe theo, lập tức phái một vạn quân tiến chiếm ngọn núi ở phía bắc Ốc Dữ. Quân Tần đến sau, cố tranh ngọn núi mà không lên được, Triệu Xa tung quân đánh, đại phá quân Tần. Quân Tần tan, chạy. Quân Triệu giải vây thành Ốc Dữ mà trở về. Triệu Huệ Văn vương phong Xa làm Mã phục quân và cất Hứa Lĩnh lên làm quốc uý[1]. Thế là Triệu Xa ngang hàng với Liêm Pha và Lạn Tương Như.

Bốn năm sau,[2] Triệu Huệ Văn vương mất, con là Hiếu Thành vương lên ngôi. Năm thứ bảy[3] đời Hiếu Thành vương, quân Tần và quân Triệu cầm cự nhau ở Trường Bình. Lúc đó Triệu Xa đã mất, Lạn Tương Như thì đau nặng, Triệu sai Liêm Pha cầm quân đánh Tần. Tần thắng Triệu mấy trận. Quân Triệu cố thủ không ứng chiến; quân Tần nhiều lần khiêu chiến mà Liêm Pha cũng mặc. Triệu vương tin lời gián điệp của Tần phao bậy: "Nước Tần chỉ ngại mỗi một điều là Triệu Quát, con Mã Phục quân Triệu Xá, được làm tướng mà thôi". Vì thế mới cử Triệu Quát làm tướng cầm quân thay Liêm Pha. Lạn Trương Như nói :

– Đại vương tin vào danh tiếng của Quát mà dùng Quát, dùng Quát khác nào gắn chặt "trụ đàn"[4] vào mặt đàn sắt mà gảy[5]. Quát chỉ giỏi đọc sách của cha để lại chớ không biết ứng biến.

Triệu vương không nghe, cứ cử Quát làm tướng.

---

(1) Cấp vũ quan ở liền dưới cấp tướng quân. Đời sau gọi là Đô uý.

(2) Triệu Xa phá quân Tần ở Ốc Dữ vào năm 29 đời Huệ Văn vương (270 tr. T.L). Đến năm 33 thì Huệ vương mất, Hiếu Thành vương lên ngôi.

(3) Đúng ra là năm thứ sáu, chứ không phải năm thứ bảy. Triệu thua trận Trường Bình vào năm Tân Sửu đúng là năm thứ sáu đời Hiếu Thành vương.

(4) Trụ đàn dựng trên mặt đàn, xê dịch được, để làm cho dây căng hoặc chùng tuỳ ý.

(5) Gắn "trụ" vào mặt đàn, trụ không xê dịch được, thì tiếng đàn hết đổi thay tuỳ ý người chơi, ý nói không biết ứng biến.

Triệu Quát từ nhỏ đọc binh pháp, bàn quân sự, cho rằng thiên hạ chẳng có ai địch nổi mình. Quát từng bàn quân sự với cha, Triệu Xa không bắt bẻ, vặn vẹo nổi, nhưng vẫn không cho là phải. Mẹ Quát hỏi lí do, Xa đáp:

– Việc binh cực kỳ nguy hiểm, mà Quát lại khinh thường. Nước Triệu không cử Quát làm tướng thì thôi, chứ cử nó thì cái người làm vỡ quân Triệu tất là nó.

Đến lúc Quát làm tướng sắp cất quân, mẹ Quát dâng thư lên Triệu vương nói:

– Không nên để Quát làm tướng.

Triệu vương hỏi:

– Tại sao?

Đáp:

– Xưa, thiếp tôi thờ cha nó, (thấy) cha nó lúc đang làm tướng cung phụng hàng chục người như bậc thầy, đích thân bưng cơm, rót rượu; cư xử với hàng trăm người khác như bạn, tất cả những gì Đại vương và tôn thất ban thưởng đều phân phát cho quân quan và các bậc sĩ đại phu; từ ngày chịu mệnh Đại vương cầm quân đánh giặc, không hề còn hỏi đến việc nhà nữa. Nay Quát bỗng chốc được cử làm tướng, ngồi ngảnh mặt về hướng đông[1], chễm chệ tiếp kiến thuộc hạ, quân quan không dám ngửng mặt nhìn; vàng lụa Đại vương cho, đều được đem về nhà cất kỹ, ngày ngày nghe ngóng chỗ nào có nhà ruộng vừa ý và hời giá, có thể mua được là mua ngay. Đại vương cho rằng nó bằng cha nó ư? Cha con khác dạ, xin Đại vương đừng cho nó làm tướng.

Triệu vương nói:

– Nhà ngươi đừng nói nữa, ta quyết định rồi!

---

(1) Tục xưa trọng phía tay mặt và phương đông. Ngồi ngảnh mặt về phương đông là chỗ ngồi cao quý.

Bà lão thừa dịp, thưa:

– Đại vương nhất quyết cho nó cầm quân đánh giặc, nếu có xảy ra điều gì bất như ý, thiếp tôi xin được khỏi bị liên luỵ!

Triệu vương bằng lòng.

Triệu Quát lên thay Liêm Pha, bao nhiêu chương trình, biện pháp cũ thay đổi hết, nhiều quan quân liêu thuộc bị thuyên chuyển. Tướng Tần là Bạch Khởi được tin, bèn dùng chiến thuật bất thường, cho quân mai phục rồi vờ thua chạy, chẹn đường tiếp tế và cắt quân Triệu ra làm đôi; lòng quân Triệu li tán. Được bốn mươi ngày thì quân Triệu cạn lương, bị đói. Triệu Quát tung số quân tinh nhuệ nhất ra mặt trận và đích thân điều khiển. Quân Tần bắn chết Triệu Quát. Quân Quát thua cả mấy mươi vạn người đầu hàng quân Tần và đều bị quân Tần chôn sống hết. Trước sau, Triệu mất tất cả bốn mươi lăm vạn quân. Năm sau, quân Tần vây kinh đô Hàm Đan hơn một năm. Hàm Đan lâm nguy, sắp sửa mất, nhờ có quân của hai nước Sở, Ngụy tới cứu mới được giải thoát. Mẹ Quát đã có lời nói trước, nên Triệu vương không giết.

Năm năm sau, khi Hàm Đan được giải vây, nước Yên theo kế của Lật Phúc cho rằng: "Trai tráng của Triệu bị chết hết ở Trường Bình, đám con bồ côi của họ bỏ lại còn chưa trưởng thành", cất quân đánh Triệu. Triệu sai Liêm Pha cầm quân chống lại, đại phá quân Yên ở ấp Cảo[1] giết chết Lật Phúc, rồi vây nước Yên, Yên phải cắt năm thành xin hòa, Triệu mới nghe. Triệu đem ấp Uý Văn phong cho Liêm Pha làm Tín Bình quân và cử Pha quyền nhiếp quốc chính.

Hồi Liêm Pha bị Triệu Quát thay thế, ở Trường Bình về, trong lúc thất thế, gia khách bỏ đi hết, đến khi phục chức – làm tướng như cũ – bọn này lại kéo về. Liêm Pha nói:

– Xin mời các ông đi cho!

---

(1) Vốn là một ấp của Tấn lúc đó thuộc Triệu. Nay thuộc tỉnh Hà Bắc ở phía bắc huyện Bách Hương.

Bọn này nói:

– Chao ôi, sao mà Ngài thấy muộn quá vậy! Giao tình buổi bây giờ đều theo cái lối bán buôn nơi chợ búa (thấy lợi thì bu vào). Ngài có quyền thế, thì chúng tôi theo Ngài, Ngài không còn quyền thế thì chúng tôi bỏ, lẽ vốn như vậy, có gì mà phàn nàn!

Sáu năm sau, Triệu sai Liêm Pha đánh nước Ngụy, hạ được thành Phồn Dương.

Triệu Hiếu Thành vương mất, con là Điệu Tương vương lên nối ngôi, cử Nhạc Thừa lên thay Liêm Pha. Liêm Pha giận, đem quân đánh Nhạc Thừa, Nhạc Thừa chạy, Liêm Pha bèn trốn sang Đại Lương, kinh đô nước Nguỵ. Năm sau, nước Triệu cử Lí Mục làm tướng đánh nước Yên, hạ được thành Vũ Toại và Phương Thành. Liêm Pha ở lại Đại Lương đã lâu mà nước Nguỵ vẫn không thể tin dùng. Vì quân Triệu nhiều lần bị khốn với quân Tần, nên Triệu vương muốn lại được Liêm Pha giúp, Liêm Pha cũng muốn được Triệu tái dụng. Triệu vương sai sứ giả đi dò xét, xem Liêm Pha còn có thể dùng được không. Kẻ thù của Liêm Pha là Quách Khai đút nhiều vàng cho sứ giả để sứ giả nói xấu Liêm Pha. Sứ giả gặp Liêm Pha; Liêm Pha ăn một bữa hết một đấu gạo và mười cân thịt, mặc áo giáp lên ngựa, tỏ ra mình vẫn còn dùng được. Sứ giả về báo với Triệu vương rằng:

– Liêm tướng quân tuy già nhưng ăn còn khoẻ. Có điều ngồi với tôi một lúc mà đi đại tiện đến ba lần.

Triệu vương cho là già, không triệu nữa. Nước Sở nghe tin Liêm Pha ở nước Nguỵ thì ngầm sai người sang rước Liêm Pha làm tướng ở nước Sở, không lập được công nào, nói:

– Ta muốn sử dụng người Triệu[1].

(1) Giải thích câu này, Vương Bá Tường cho rằng người nước khác không chịu để Liêm Pha sử dụng một cách dễ dàng, nên Liêm Pha mới có câu nói ấy.

Sau, Liêm Pha mất ở Thọ Xuân[1].

Lí Mục là một tướng giỏi của nước Triệu, cầm quân trấn thủ biên cảnh phía bắc. Thường đóng ở Nhạn Môn thuộc nước Đại để chống Hung Nô. Để tiện sử dụng và chi phối đám quân quan thuộc hạ, tất cả thuế chợ thu được đều nhập quỹ mạc phủ để dùng vào quân phí. Mỗi ngày ngả mấy con bò để nuôi quân, cho họ tập luyện cưỡi ngựa bắn tên, canh gác cẩn mật các tiền đồn - nơi có đặt những đài đốt lửa báo động - và hậu đãi các chiến sĩ. Có lập ước rằng: "Nếu quân Hung Nô xâm nhập biên cảnh cướp bóc, thì phải thu thập của cải gia súc mà rút lui, ai trái lệnh đó, dám tự ý bắt giặc thì sẽ bị tử hình. Mỗi lần Hung Nô tràn vào, có lửa báo động là ai nấy thu thập của cải gia súc rút lui, chớ không dám đánh. Như thế vài năm, không tổn thất gì. Nhưng Hung Nô thì cho là Lí Mục nhát sợ, mà ngay quân lính Triệu đóng nơi biên giới cũng cho là tướng của mình nhát sợ. Triệu vương quở Lí Mục, Lí Mục vẫn thế không thay đổi chính sách, Triệu vương giận, triệu Lí Mục về, cử người khác thay.

Hơn một năm sau, mỗi lần Hung Nô xâm nhập là quân Triệu ra nghênh chiến, nhưng nhiều phen bất lợi, bị tổn thất nặng, dân địa phương mất cả cày cấy chăn nuôi. Triệu vương lại phải mời Lí Mục, Lí Mục đóng cửa, kiên quyết vin cớ đau yếu không chịu nhận lời mời. Triệu vương cố ép, Lí Mục nói:

- Đại vương nhất định dùng tôi, thì tôi sẽ vẫn giữ chính sách cũ đấy, Đại vương có cho phép tôi thế, thì tôi mới dám vâng lệnh.

Triệu vương bằng lòng, Lí Mục đến nơi lại ra lệnh như xưa. Hung Nô tràn vào mấy năm mà chẳng lấy được gì, họ kết luận rằng tướng Triệu nhát gan thật. Quân lính thường ngày được

(1) Lúc đó thuộc nước Sở. Nay là Thọ huyện, tỉnh An Huy. Đương thời, nước Sở sợ nước Tần thiên đô từ Dĩnh về đấy, cho nên vẫn gọi Dĩnh. Và trên thực tế, Thọ Xuân là kinh đô Sở.

thưởng mà không được dùng thì ai nấy đều muốn được một phen sống mái với địch. Bèn lựa chọn đủ một ngàn ba trăm cỗ xe, một vạn ba ngàn con ngựa, năm vạn dũng sĩ và mười vạn xạ thủ có tài bắn cung, có tổ chức cẩn thận và cho tập dượt tác chiến. Tung gia súc và mục tử ra đầy đồng. Người Hung Nô kéo vào một ít là bên này vờ sợ chạy, để lại vài ngàn người cho chúng bắt. Vua Hung Nô được tin, bèn xuất đại quân tràn vào đất Triệu. Lí Mục dùng nhiều kì kế, mai phục tập kích vào hai bên sườn địch, phá tan và giết chết hơn mười vạn quân Hung Nô. Diệt rợ Đan Lam, phá rợ Đông Hồ, chinh phục rợ Lâm Hồ, vua Hung Nô bỏ chạy. Cho tới hơn mười năm sau vụ này, quân Hung Nô vẫn không dám bén mảng đến biên cảnh nước Triệu.

Năm thứ nhất đời Triệu Điệu Tương vương – lúc đó Liêm Pha đã chạy sang Ngụy, – nước Triệu sai Lí Mục đánh nước Yên, lấy được Vũ Toại và Phương Thành. Cách hai năm sau, Bàng Huyên phá quân Yên giết Kịch Tân. Bảy năm sau, Tần phá được Triệu, giết tướng Triệu là Hổ Chiếp ở Vũ Toại, chém mười vạn đầu. Triệu bèn cử Lí Mục ra làm đại tướng quân, đánh tan quân Tấn ở Nghi An, đuổi tướng Tần là Hoàn Nghĩ. Lí Mục được phong làm Vũ An quân. Cách ba năm sau, Tần đánh Bàn Ngô, Lí Mục phá tan quân Tần, đồng thời chống cự quân Hàn, Ngụy ở phía nam[1].

Năm thứ bảy đời Triệu vương Thiên, Tần sai Vương Tiễn đánh Triệu. Triệu sai Lí Mục và Tư Mã Thượng ngăn địch. Tần đút nhiều vàng cho sủng thần của Triệu vương là Quách Khai, để phản gián, nói với vua Triệu rằng Lí Mục và Tư Mã Thượng định làm phản. Triệu vương bèn sai Triệu Thông và tướng của Tề là Nhan Tụ cầm quân thay Lí Mục, Lí Mục không chịu, Triệu vương sai người bắt cóc và chém đầu Lí Mục. Tư Mã Thượng bị truất phế. Ba tháng sau, Vương Tiễn đánh gấp Triệu,

(1) Lúc đó Hàn và Ngụy đã phục tùng Tần.

phá tan quân Triệu và giết chết Triệu Thông, bắt sống Triệu vương Thiên cùng tướng Nhan Tụ. Thế là Tần diệt được Triệu.

* *
*

Thái sử công nói:

Biết thế tất chết thì tự nhiên hóa ra dũng[1]. Bình tâm chịu chết không khó, xử trí được cái chết mới khó. Lạn Tương Như, khi tay giơ ngọc, mắt liếc cột, miệng quát bọn tả hữu của Tần vương, là ở vào cái thế bất quá bị giết là cùng. Thế nhưng, có khi kẻ sĩ vì nhát gan sinh yếu mềm mà không dám bày tỏ thái độ. Tương Như đã biểu lộ hùng khí của mình, khiến cho địch quốc phải kính phục; ông đã nhường nhịn Liêm Pha, khiến cho danh dự của mình được xem trọng vòi vọi như ngọn núi Thái Sơn[2] cách xử sự của ông có thể nói được là gồm đủ trí dũng..

(1) Một câu thành ngữ thời đó.

(2) Người Trung Hoa coi Thái Sơn là ngọn núi cao nhất trong nước, sánh ngang với sao Bắc Đẩu.

3. KINH KHA

Kinh Kha người nước Vệ. Tổ tiên vốn người Tề. Dời trở về Tề, Kinh Kha được người Tề gọi là Khánh khanh. Sau Kinh Kha được dời đến nước Yên, người Yên gọi là Khánh khanh[1].

Kinh Kha thích đọc sách, sành môn đánh kiếm; đem kiếm thuật thuyết Vệ Nguyên quân, nhưng Vệ Nguyên quân không dùng. Sau đó, Tần đánh Ngụy, thiết lập Đông Quận, thân thuộc Vệ Nguyên quân bị dời đến đất Dã Vương[2]. Kinh Kha từng đến chơi đất Du Thứ, cùng Cái Nhiếp bàn kiếm thuật. Cái Nhiếp có điều giận, quắc mắt nhìn Kinh Kha, Kinh Kha bỏ đi. Có người xin cho mời Kinh Kha đến bàn lại, Cái Nhiếp nói:

– Hôm nọ cùng hắn bàn kiếm thuật, ta không đồng ý, đã quắc mắt nhìn hắn. Thử tìm mà xem, chắc là đi rồi, không dám ở lại.

Cho sứ giả đến nhà trọ tìm, thì Kinh Kha đã đáp xe rời Du Thứ. Sứ giả về báo, Cái Nhiếp bảo:

– Cố nhiên là "dông" rồi! Hôm nọ ta quắc mắt nhìn, đã làm hắn khiếp phục mà!

Kinh Kha đến chơi Hàm Đan, đánh bạc với Lỗ Câu Tiễn[3]; đôi bên tranh giành phần thắng, Lỗ Câu Tiễn nổi giận quát mắng, Kinh Kha lặng thinh rút lui, từ đó tránh mặt.

---

(1) Nước Tề có họ Khánh. Tổ tiên Kinh Kha là người Tề, có lẽ họ Khánh, cho nên người Tề mới gọi Kinh Kha là Khánh khanh (tiếng tôn xưng, tương tự như tiếng "Ngài" của Việt Nam).

(2) Nay là huyện Tầm Dương, tỉnh Hà Nam. Tần thiết lập Đông Quận năm trước thì năm sau (241 tr T.L) lại lấy đất Triều Ca của Ngụy (Thành Triều Ca cũ nay ở phía đông bắc Kỳ Huyện tỉnh Hà Nam). Vệ Nguyên Quân bèn dời về Dã Vương.

(3) Đại khái là hâm mộ Việt vương Câu Tiễn xưa nên mới lấy tên ấy mà đặt tên mình.

Khi đến nước Yên, Kinh Kha mến bọn làm nghề mổ chó và một người chơi đàn "trúc"[1], tên là Cao Tiệm Li. Kinh Kha thích rượu, ngày ngày cùng bọn người mổ chó và Cao Tiệm Li đánh chén ở chợ nước Yên, đến lúc vui chén[2] thì Cao Tiệm Li đánh đàn trúc, Kinh Kha hát theo, cùng nhau mua vui rồi lại cùng nhau khóc, như thể giữa chợ quanh mình không còn có ai. Kinh Kha tuy rong chơi giữa đám tửu đồ, nhưng bản tính sâu sắc, điềm tĩnh và thích đọc sách, đến chơi nước nào cũng kết giao với những bậc hiền hào; đến nước Yên, xử sĩ nước này là Điền Quang tiên sinh cũng tiếp đãi rất là tử tế, biết rằng không phải hạng người tầm thường.

Được ít lâu, thì vừa hay thái tử Đan[3] nước Yên làm con tin ở nước Tần bỏ trốn về nước Yên. Thái tử Đan đã từng làm con tin ở nước Triệu mà Tần vương Chính thì đẻ ở nước Triệu, lúc nhỏ vẫn chơi đùa với Đan; đến khi Chính được lập làm Tần vương và Đan làm con tin ở Tần thì Tần vương lại đãi Đan không được tử tế, cho nên Đan giận mà bỏ trốn về. Trốn về là để tính việc báo thù Tần vương, nhưng hiềm vì nước nhỏ, không đủ sức. Về sau Tần xua quân ra Sơn Đông, đánh Tề, Sở, tam Tấn (Triệu, Nguỵ, Hàn) áp dụng chính sách "tằm thực" đối với các nước chư hầu[4] và sắp tỉa đến nước Yên. Vua tôi nước Yên đều sợ vạ tới. Thái tử Đan lo, vấn kế quan sư phó là Cúc Vũ. Cúc Vũ đáp:

– Đất Tần rộng khắp thiên hạ, uy hiếp nước Hàn, nước Nguỵ, nước Triệu; phía bắc có núi Cam Toàn, cửa Cốc Khẩu vững chắc; phía nam có sông Kinh, sông Vị chảy qua, có sông Ba, sông Hán màu mỡ; phía mặt có núi non đất Lũng Tây, đất Ba Thục; phía trái có cửa Hàm Cốc, dẫy Hào Sơn hiểm trở, dân đông mà quân mạnh, khí giới lại dồi dào; Nếu Tần muốn

---

(1) Nhạc khí năm dây, khi chơi, tay trái đỡ đàn, tay phải gõ bằng thanh trúc.

(2) Nguyên chữ Hán là "tửu hàm". Có hai nghĩa: a) Ngà say; b) Uống đến lúc vui chén, mọi người đứng lên chúc tụng, múa hát.

(3) Con Yên vương Hi. Tần vương Chính lên ngôi, thái tử Đan sang làm con tin ở Tần. Yên vương Hi năm thứ 23 (tức Tần vương Chính năm thứ 15, 232 tr. T.L). Đan từ Tần trốn về, lúc đó Kinh Kha ở Yên.

(4) Nuốt dần các nước chư hầu như tằm ăn dâu.

mở rộng bờ cõi thì (các nước ở) phía nam Trường Thành, phía bắc Dịch Thủy này khó mà yên ổn được. Tội gì mà hờn giận vì bị khinh khi, "đụng vào những cái vẩy ngược dưới họng rồng"[1]

Đan nói:

– Vậy thì làm sao bây giờ?

Đáp:

– Để nghỉ kỹ đã.

Ít lâu sau, một vị tướng quân nước Tần là Phàn Ô Kỳ vì có lỗi với vua Tần, bỏ chạy sang Yên. Thái tử Đan lưu lại và cấp nhà cho ở. Cúc Vũ can:

– Không nên! Vua Tần bạo ngược, chỉ một việc hắn để tâm giận Yên cũng đáng cho ta lo ngại rồi, huống hồ hắn lại còn nghe tiếng Phàn tướng quân ở đây! Như thế là "để thịt trên lối đi của cọp"[2], tai vạ không sao cứu được. Dù cho hiền tài như Quản Trọng, Án Anh cũng vô phương mà thôi! Xin thái tử mau mau cho đưa Phàn tướng quân sang Hung Nô, để hắn hết chỗ tạ khẩu. Xin phía tây thỉ giao ước với Tam Tấn, phía nam thì liên kết với Tề, Sở, phía bắc thì giao hảo với thiền vu. Sau đó mới có thể tính chuyện đối phó với Tần được.

Thái tử Đan nói:

– Kế của thái phó lâu la, mất nhiều ngày giờ, Đan tôi sốt ruột, e không nấn ná được nữa. Vả lại, chẳng những thế mà thôi, Phàn tướng quân gặp bước khốn cùng, hết nơi nương tựa, phải đem quân về với Đan này, thì, dù sao đi nữa, Đan tôi cũng không thể vì sự ép buộc của nước Tần cậy mạnh, mà hắt hủi một người bạn đáng thương, đẩy ông ta sang Hung Nô. Nếu như thế thì đời Đan tôi kể như hết rồi! Xin thái phó tính lại.

Cúc Vũ nói:

---

(1) "Phê Kì nghịch lân". Thành ngữ thời đó. Tương truyền dưới họng rồng có một lớp vẩy ngược, hễ đụng vào thì bị con vật giết chết.

(2) "Uỷ nhục đương ngã hồ chi hề". Thành ngữ lưu hành thời đó, ý nói: không còn hòng tránh được tai hoạ.

– Làm điều nguy hiểm, lại muốn cầu sự an toàn, gây mối hoạ hoạn, mà mong được phúc lợi, mưu nông mà oán sâu, để vẹn giao tình với một người mà không đoái tới cái lại lớn của quốc gia, như thế gọi là chuốc thêm oán gây thêm hoạ. Bỏ cái lông hồng vào lò than mà đốt thì hẳn là chẳng còn gì, đối với nước Tần hung bạo mà gây oán, chọc tức, thì thôi! còn nói chi? Nước Yên có Điền Quang tiên sinh là người trí, mưu sâu mà dũng khí trầm, có thể cùng tính việc được.

Thái tử Đan nói:

– Muốn nhờ thái phó cho gặp Điền tiên sinh được chăng?

Cúc Vũ đáp: – Xin vâng!

Đến thăm Điền Quang, Cúc Vũ nói:

– Thái tử muốn đem việc nước nhờ Tiên sinh tính giùm. Điền Quang thưa:

– Xin vâng lời dạy.

Rồi ra đi. Thái tử ra đón, đi giựt lùi rước vào, quỳ xuống phủi chiếu. Điền Quang an tọa. Chung quanh không có ai. Thái tử rời chiếu mà thưa rằng: – Nước Yên và nước Tần ở vào cái thế một mất một còn, dám xin Tiên sinh lưu ý đến điều đó cho.

Điền Quang nói:

– Thần nghe: "ngựa kì, ngựa kí đang lúc sung sức thì ngày chạy ngàn dặm, đến lúc già cỗi thì chạy thua cả loài ngựa hèn"[(1)]. Nay thái tử nghe nói đến Quang này lúc còn cường tráng, không biết rằng tinh lực của thần nay tiêu tán rồi. Tuy Quang này không dám mưu đồ quốc sự, nhưng có người quen thân là Kinh Kha có thể dùng được.

Thái tử Đan nói:

– Muốn nhờ Tiên sinh giới thiệu để kết giao với Kinh Kha được chăng?

---

(1) "Kỳ kí thịnh tráng chi thì, nhất nhật nhi trì thiện lý, chí kỳ suy lão, nô mã tiên chi". Thành ngữ lưu hành lúc đó. Kỳ, kí là giống ngựa hay.

– Xin vâng.

Nói rồi, Điền Quang liền đứng dậy, đi ra. Thái tử tiễn đến cửa, căn dặn:

– Việc Đan tôi thưa với Tiên sinh và lời Tiên sinh nói với Đan tôi có liên quan đến quốc gia đại sự, nên Tiên sinh giữ kín cho.

Điền Quang cúi mình, cười:

– Vâng!

Điền Quang lọm khọm đến thăm Kinh Kha, nói:

– Quang này quen thân với ông, người nước Yên chẳng ai là không biết điều đó. Nay, thái tử nghe nói đến Quang tôi thuở thịnh thời mà không hay rằng thân hình Quang tôi bây giờ đã suy nhược, nên mới bảo Quang tôi rằng: "Nước Yên nước Tần ở vào cái thế một mất một còn, dám xin tiên sinh lưu ý đến điều đó cho". Quang tôi trộm nghĩ không cần giữ kẽ, có nói với thái tử về ông, nên Ông hãy vào cung thăm thái tử.

Kinh Kha nói:

– Xin theo lời dạy.

Điền Quang nói:

– Quang tôi nghe nói: bậc trưởng giả[1] nhất cử nhất động không để cho người ta sinh nghi. Nay, thái tử bảo Quang tôi rằng: "Việc Đan tôi thưa với tiên sinh có liên quan đến quốc gia đại sự, xin Tiên sinh giữ kín cho". Thế nghĩa là thái tử ngờ Quang tôi đó. Hành động mà để cho người ta ngờ thì không phải là một kẻ có tiết tháo.

Có ý tự sát để kích thích Kinh Kha, Điền Quang nói thêm:

– Xin Ông vào gặp ngay thái tử và nói giúp: "Quang này đã chết rồi, để chứng tỏ rằng Quang tôi đã "giữ kín"."

(1) Bậc lão thành được người tín trọng nhất lúc đó.

Rồi tự đâm cổ mà chết.

Kinh Kha vào yết kiến thái tử, nói Điền Quang đã chết, và kể lại lời Điền Quang trối trăng. Thái tử Đan lạy hai lạy, quỳ xuống, lết lại, nước mắt ròng ròng, một lát sau mới nói:

– Sở dĩ Đan tôi căn dặn Điền tiên sinh giữ kín cho là vì lo cho đại sự được thành. Nay, Điền tiên sinh lấy cái chết để chứng tỏ rằng mình không tiết lậu, lòng Đan này há muốn thế đâu!

Kinh Kha yên vị rồi, thái tử rời chiếu, cúi đầu, nói:

– Điền tiên sinh không biết Đan tôi bất tiếu, cho Đan tôi được tới trước mặt Ông để có dịp giãi bày điều mình muốn nói, đó là lòng trời thương nước Yên mà không bỏ kẻ ít đức này vậy. Nay, nước Tần có lòng tham lợi mà dục vọng không có chừng, không chiếm hết được đất trong thiên hạ, không cai trị được hết dân trong hải nội thì chưa vừa ý. Hiện Tần đã cầm tù vua nước Hàn, thu hết đất đai của nước này[1], lại cất quân đánh nước Sở ở phía nam, tới sát nước Triệu ở phía bắc, Vương Tiễn đem vài mươi vạn quân chống ở đất Chương đất Nghiệp mà Lý Tín lại xua quân uy hiếp Thái Nguyên và Vân Trung; Triệu không chống nổi Tần, tất phải đầu hàng; Triệu đầu hàng thì tai hoạ tới Yên. Nước Yên nhỏ yếu, đã mấy phen khốn khổ vì nạn binh đao, bây giờ có huy động toàn quân chống Tần cũng không chống nổi; chư hầu thì quy phục Tần, không dám theo kế hoạch hợp tung. Theo ngu kiến, Đan tôi tính rằng: nếu được một dũng sĩ sang Tần, vạch cho Tần thấy cái lợi lớn, vua Tần tham lam bị cám dỗ thì việc tất thành: dũng sĩ sẽ uy hiếp Tần vương, bắt phải trả lại chư hầu những đất đai đã chiếm cứ, như Tào Mạt bắt Tề Hoàn Công. Làm được như thế thì hay nhất. Nếu không được thì thừa dịp đâm chết hắn đi. Tướng lãnh

(1) Tần vương Chính, năm thứ 17 (230 tr.T.L), sai quan nội sử, tên Đằng (Lục Quốc Biểu ghi là Thắng), đánh và diệt Hàn, bắt Hàn vương An và chiếm hết đất Hàn, đổi làm quận Dĩnh Xuyên – Hàn vương An là ông vua thứ 11 của Hàn, trị vì 9 năm (238 – 230 tr. T.L).

của Tần nắm trọn binh quyền ở ngoài mà bên trong có loạn thì vua tôi họ sẽ ngờ nhau, chư hầu sẽ nhân cơ hội thi hành kế hoạch hợp tung thì việc phá Tần tất thành tựu. Đó là nguyện vọng lớn nhất của Đan tôi, nhưng không biết ai là người cho Đan tôi uỷ thác tính mệnh. Xin Kinh khanh lưu ý cho.

Một lúc sau, Kinh Kha mới nói:

– Đó là quốc gia đại sự, Kha tôi tài hèn sức mọn, e không gánh vác nổi.

Thái tử Đan bước tới, cúi đầu, van nài, xin đừng từ chối, bấy giờ Kinh Kha mới chịu nhận lời. Kinh Kha bèn được tôn làm thượng khanh, được ở quán xá hạng nhất; thái tử hằng ngày thân đến tận nơi thăm hỏi, dâng cỗ thái lao[1], thỉnh thoảng lại đem biếu những của quý, vật lạ, xe ngựa, gái đẹp, Kinh Kha muốn gì, tuỳ ý.

Lâu rồi mà Kinh Kha vẫn chưa có ý muốn ra đi. Tướng Vương Tiễn của Tần phá tan quân Triệu, bắt Triệu vương[2] cầm tù, tiến lên phía bắc, tới biên giới phía nam của Yên. Thái tử Đan sợ, nói với Kinh Kha:

– Quân Tần chỉ trong sớm tối sẽ qua sông Dịch. Như vậy, dù có muốn hầu hạ Ông mãi mãi, há còn được ru!

Kinh Kha nói:

– Thái tử không nhắc, tôi cũng xin đi; nay đi mà không có vật gì để chứng minh lòng thành thì Tần chưa tin nào. Phàn tướng quân là người mà Tần vương đang muốn mua bằng ngàn cân vàng và một ấp muôn nóc nhà. Nếu được cái đầu Phàn tướng quân và tấm địa đồ đất Đốc Hàng[3] của nước Yên mà dâng cho Tần vương thì Tần vương sẽ rất vui lòng tiếp Kha tôi và Kha tôi mới có dịp báo đáp được thái tử.

(1) Cỗ ba thứ thịt: thịt bò, thịt cừu và thịt lợn.

(2) Tần vương Chính năm thứ 19 (228 tr. T.L), Vương Tiễn phá nước Triệu, bắt Triệu vương Thiên. Thiên là con U Mục vương, là ông vua thứ 10 của nước Triệu, trị vì được 8 năm (235–228 tr.T.L).

(3) Lúc đó Yên muốn vờ dâng đất này cho Tần.

Thái tử Đan nói:

- Phàn tướng quân gặp bước khốn cùng, về với Đan tôi, Đan tôi không nỡ vì việc riêng của mình mà lại làm tổn thương cái ý của bậc trưởng giả. Xin Ông tính lại cho.

Kinh Kha biết lòng thái tử không nỡ, bèn đến thăm riêng Phàn Ô Kì, nói rằng:

- Nước Tần đối xử với Tướng quân có thể nói là tàn nhẫn, cha mẹ họ hàng của Tướng quân đều bị giết hết, hoặc bắt giữ làm nô tì. Nay nghe nói họ lại mua cái đầu của Tướng quân bằng ngàn cân vàng và ấp muôn nóc nhà. Vậy thì Tướng quân tính sao?

Phàn Ô Kì ngửa mặt nhìn lên trời, thở dài, nhỏ lệ:

- Ô Kì tôi mỗi khi nghĩ đến cái thảm cảnh đó thì lại đau đến tận xương tuỷ, có điều vẫn chẳng nghĩ ra được kế gì.

Kinh Kha nói:

- Nay có kế này có thể giải nguy được cho nước Yên và báo thù được cho tướng quân, không biết tướng quân nghĩ sao?

Ô Kì tiến lại gần:

- Kế như thế nào?

- Xin được cái đầu của tướng quân để dâng vua Tần, vua Tần tất sẽ vui vẻ mà tiếp tôi; tôi tay trái sẽ túm lấy tay áo hắn, tay phải sẽ đâm thẳng vào ngực hắn; như vậy, mối thù của Tướng quân trả được mà cái nhục bị khinh khi của nước Yên cũng rửa xong. Tướng quân có ý gì chăng?

Ô Kì giựt phắt một bên tay áo, để lộ cổ tay phải, tay trái nắm chặt cổ tay phải[1], nói:

- Đó là điều làm cho tôi ngày đêm nghiến răng nát ruột, bây giờ mới được nghe lời Ông dạy.

Rồi đâm cổ mà chết.

---

(1) Cực tả sự tức giận của Phàn Ô Kì

Thái tử Đan hay tin vội chạy đến, ôm thây mà khóc rất thảm thương. Việc đã trót rồi, bèn bỏ đầu Ô Kì vào hòm, phong kín.

Lúc đó, thái tử đã liệu trước, sai đi khắp nước lùng cho ra một cây chủy thủ thật sắc và đã mua được của người Triệu cây Từ phu nhân[1] với giá tiền một trăm dật vàng, đem về thuê thợ tẩm thuốc độc. Thử vào người, máu chỉ rướm như một sợi tơ nhỏ cũng chết tức khắc, không một ai thoát.

Hành lý của Kinh Kha thu xếp xong. Nước Yên có một dũng sĩ là Tần Vũ Vương, năm mười ba tuổi giết người, không ai dám ngước mắt nhìn thẳng hắn. Vậy Tần Vũ Dương được cử đi theo giúp sức Kinh Kha. Kinh Kha đợi một người để cùng đi, người đó ở xa chưa tới. Ông sắp xếp sẵn hộ hành lý, một lát sau vẫn chưa khởi hành. Thái tử thấy Kinh Kha chần chừ, ngờ đã hối mà đổi ý, nên lại nhắc:

– Mặt trời sắp lặn, Kinh khanh tính đã nên lên đường chưa? Đan tôi xin được cho Tần Vũ Dương đi trước. Kinh Kha giận quát thái tử:

– Sao Thái tử lại cho hắn đi? Đi mà không về được là tại cái thằng con nít này đây! Mang một con chủy thủ vào đất Tần đầy bất trắc, sở dĩ tôi nán lại là để đợi một người bạn của tôi cùng đi. Nay Thái tử cho là dùng dằng, thì thôi, xin từ biệt.

Nói rồi ra đi. Thái tử và những tân khách biết chuyện đều áo trắng, mũ trắng[2], tiễn đưa. Đến bờ sông Dịch, làm lễ "Tổ đạo"[3] xong, thì lên đường. Cao Tiệm Li đánh trúc, Kinh Kha hát theo, tiếng đàn giọng hát trầm trầm thảm thiết, người nghe đều nhỏ lệ sụt sùi. Rồi lại vừa tiến lên vừa hát rằng:

---

(1) Là người tích trữ một cây chủy thủ sắc. Nhân cây chủy thủ này nổi tiếng, người ta gọi luôn nó là Từ phu nhân.

(2) Áo mũ mang khi đi đưa tang màu trắng. Biết ra đi khó về nên tiễn đưa với đồ tang phục. Và, cũng là để kích thích người đi.

(3) Tục xưa, khi đi xa, người ta làm lễ tế thần đường sá. Tế xong uống rượu tiễn đưa gọi là "Tổ". Cho nên lễ tiễn người đi xa gọi là "Tổ đạo".

"Gió vi vút chừ, sông Dịch lạnh tê,

"Tráng sĩ một đi chừ không trở về!

Âm điệu khẳng khái kích ngang, khiến ai nấy trợn mắt, dựng tóc. Kinh Kha lên xe, không một lần ngoái lại.

Đến đất Tần, đem lễ vật đáng ngàn dật vàng đút lót cho tên sủng thần của Tần vương là quan trung thứ sử Mông Gia. Gia tâu giúp với Tần vương rằng:

– Vua Yên quả thật sợ oai Đại vương, không dám đem quân chống với quân của đại vương, tự nguyện đem cả nước về quy phục, đặt mình vào hàng chư hầu, nạp cống, phục dịch như một quận huyện để được giữ vẹn tôn miếu mà thờ phượng các vua trước. Vua Yên sợ hãi không dám tự tiện trần tình, đã kính cẩn chặt đầu Phàn Ô Kì gói kín với tấm bản đồ đất Đốc Hàng của Yên, bái tống đến sân rồng, cho sứ giả vào tâu trình Đại vương, kính xin Đại vương truyền lệnh.

Tần vương nghe nói mừng lắm, cho thiết triều làm lễ Cửu tấn[1], tiếp kiến sứ Yên ở cung Hàm Dương. Kinh Kha bưng cái hộp đựng đầu Phàn Ô Kì, Tần Vũ Dương bưng cái hộp đựng bản đồ, người trước kẻ sau, theo chức vụ to nhỏ đi vào. Tới trước bệ rồng, Tần Vũ Dương thất sắc run rẩy, quần thần thấy vậy lấy làm lạ. Kinh Kha quay nhìn Vũ Dương, rồi tươi cười tiến lên tạ tội:

– Người man di phương bắc quê mùa, chưa bao giờ được ra mắt thiên tử cho nên sợ hãi. Xin Đại vương tha thứ, cho phép được tới trước mặt Đại vương để làm tròn sứ mạng.

Tần vương bảo Kinh Kha:

– Lấy bản đồ Vũ Dương cầm đưa lên đây.

Kinh Kha dâng lên, Tần vương lần mở ra xem, mở gần hết thì lòi chuôi con chủy thủ. Kinh Kha thừa dịp, tay trái nắm tay

(1) Lễ triều sính long trọng nhất thời bấy giờ.

áo Tần vương, tay phải cầm con chủy thủ đâm. Nhát đâm hụt, Tần vương hoảng sợ, đứng phắt dậy, tay áo đứt rời. Tần vương rút gươm, gươm dài vướng vỏ. Lúc đó, luống cuống, gươm lại mắc kẹt chặt quá, nên không rút ngay được. Kinh Kha đuổi Tần vương, Tần vương chạy quanh cái cột. Bọn triều thần đều kinh ngạc, vì sự việc xảy ra bất ngờ, nên không ai giữ được bình tĩnh. Theo quốc pháp nhà Tần, quần thần khi vào hầu trong điện, cấm không được mang theo binh khí, dù là thứ binh khí nhỏ. Các viên lang trung[1] cầm khí giới đứng sắp hàng ở dưới điện thì không có chiếu đòi, không được lên. Trong lúc gấp rút, không kịp xuống chiếu, cho nên Kinh Kha đuổi Tần vương mà quần thần không có khí giới chỉ cuống quýt tay không xúm đánh Kinh Kha. Viên thị y[2] là Hạ Vô Thư quăng cả cái tay nải thuốc vào Kinh Kha. Tần vương cứ vòng quanh cái cột nhà mà chạy, cuống quýt không còn biết phải làm thế nào. Bọn tả hữu nhắc:

– Đại vương, đẩy kiếm ra phía sau lưng.

Tần vương đẩy kiếm ra sau lưng, tuốt chém Kinh Kha gãy đùi bên trái. Bị thương, Kinh Kha phóng con chủy thủ, nhưng không trúng Tần vương mà trúng vào cây cột gỗ đồng[3] Tần vương chém tiếp, Kinh Kha bị tám nhát gươm. Biết việc không thành, Kinh Kha dựa cột mà cười, ngồi xổm mà mắng:

– Việc mà không thành là vì ta muốn bắt sống nó, buộc nó phải nhận lời (trả lại đất đai đã chiếm của chư hầu), để ta được báo đáp thái tử.

Quân tả hữu đã giết chết Kinh Kha mà hồi lâu Tần vương vẫn còn bực dọc. Rồi thì luận công tội, tuỳ công nhiều ít, tội nặng nhẹ mà thưởng phạt, ban cho Hạ Vô Thư hai trăm dật vàng, nói: "Vô Thư yêu ta, quăng cả tay nải thuốc vào Kinh Kha".

---

(1) Cận vệ.

(2) Viên ngự y theo hầu săn sóc sức khoẻ cho vua.

(3) Sách "Yên Đan tử" chép là cột đồng: "Kinh Kha rút con chủy thủ ném Tần vương... mũi nhọn đâm phập vào cột đồng loé lửa".

Tần vương bấy giờ giận lắm, gửi thêm quân đến nước Triệu, xuống chiếu cho Vương Tiễn đánh nước Yên. Tháng Mười[1] lấy được Kế Thành, Yên vương Hỉ và thái tử Đan dốc hết quân tinh nhuệ ra phía đông, giữ đất Liêu Đông. Tướng Tần là Lí Tín truy kích gấp Yên vương. Vua nước Đại là Gia[2] gửi thư cho Yên vương Hỉ, nói:

- Quân Tần truy kích quân Yên gấp như vậy là tại thái tử Đan cả, nay nếu nhà vua giết Đan mà đem nộp Tần vương, Tần vương chắc chịu hòa giải và thần Xã, thần Tắc[3] may ra còn được cúng tế.

Sau Lí Tín đuổi theo Đan, Đan trốn tránh trong miền Diễn Thủy, Yên vương sai người chém đầu thái tử Đan đem nộp cho Tần, Tần lại tiến quân đánh. Năm năm sau,[4] Tần diệt được Yên, bắt Yên vương Hỉ làm tù binh. Năm sau Tần kiêm tính được cả thiên hạ và lên ngôi hoàng đế.

Lúc quân Tần truy tầm thái tử Đan, bạn bè vây cánh của Kinh Kha chạy trốn hết. Cao Tiệm Li, đổi tên đổi họ, đến đất Tống Tử làm thuê. Lâu ngày, công việc vất vả quá, một hôm, nghe trên nhà chủ có khách chơi đàn trúc, (Tiệm Li) loanh quanh bỏ đi không dứt, chốc chốc lại buột miệng nói: "Có tiếng đúng, có tiếng sai".

Một người làm mướn cùng nhà đem lời đó mách ông chủ:

---

(1) Tháng Mười năm thứ 21 đời Tần vương Chính (năm thứ 29 đời Yên vương Hỉ: 226 tr.T.L).

(2) Túc Triệu công tử Gia. Tần phá Hàm Đan, bắt Triệu vương Thiên, Công tử Gia tự lập làm vua nước Đại. Sau cũng bị Tần bắt.

(3) Xã là thần đất, Tắc là thần lúa. Xưa, người ta coi Xã, Tắc là tượng trưng cho quốc gia. Ý nói: may còn giữ được nước.

(4) Năm thứ 25 đời Tần vương Chính (Yên vương Hỉ năm thứ 33: 222 tr. T.L) Tần diệt Yên, tính ra sau khi phá Kế Thành năm năm.

– Người làm thuê ấy biết âm nhạc, hắn bình phẩm vụng, nói thế nọ thế kia.

Ông chủ cho đòi (Tiệm Li) lên đánh đàn trúc, cử toạ khen hay và thưởng rượu. Cao Tiệm Li nghĩ thầm: " Trốn tránh, chui rúc mãi thế này, thì biết đến bao giờ!". Bèn lui về lấy cây đàn trúc cùng bộ quần áo lịch sự bấy lâu vẫn giấu ở trong rương, đem ra mặc và đàng hoàng trở lại. Mọi người đều kinh ngạc, bước xuống đón rước, lấy lễ bình đẳng tiếp đãi, coi như một vị thượng khách lại mời vừa đàn, vừa ca. Khách không ai không nhỏ lệ mà ra về. Những nhà khá giả đất Tống Tử thay phiên nhau mời về tiếp đãi. Tiếng đồn đến tai Tần Thủy Hoàng. Tần Thủy Hoàng cho vời. Có người nhận ra tâu: "Bẩm, Cao Tiệm Li đó".

Tấn Thủy Hoàng mến tài chơi đàn trúc, tha cho tội chết, chỉ làm cho mù[1].

Mỗi lần Cao Tiệm Li đánh trúc là mỗi lần được khen. Dần dà được tới gần (Thủy Hoàng) hơn. Cao Tiệm Li bèn đổ chì vào lòng đàn, nhích lại gần nữa, gần nữa, vung đàn đập Tần Thủy Hoàng, nhưng hụt, Cao Tiệm Li bèn bị giết. Và từ đấy về sau, cho đến hết đời, Tần Thủy Hoàng không còn cho một người dân thường nào tới gần mình nữa.

Sau khi nghe chuyện Kinh Kha hành thích Tần vương, Lỗ Câu Tiễn nói riêng: "Hỡi ơi! Tiếc thay ông ta đã không luyện kĩ kiếm thuật. Ta xét lầm người lắm. Ngày trước ta đã quát mắng ông, hẳn ông đã cho ta là người tầm thường (cho nên bỏ đi không thèm gặp lại)".

* *
*

(1) Có thuyết nói rõ: Cao Tiệm Li mù vì bị hun bằng phân ngựa

Thái sử công nói:

- Người đời mỗi khi nhắc đến chuyện Kinh Kha thường nói đến vận mệnh của thái tử Đan, đến việc "Trời mưa thóc, ngựa mọc sừng"[1]. Thuyết đó quá đáng. Lại cho rằng việc Kinh Kha đâm Tần Thủy Hoàng cũng là chuyện bịa đặt. (Nhưng) Công tôn Quý Công và Đổng Sinh trước từng đi lại với Hạ Vô Thư, có biết rõ câu chuyện và có kể lại cho tôi nghe việc xảy ra như thế.

Từ Tào Mạt đến Kinh Kha, cả thảy là năm người[2]. Nghĩa cử của họ có thành công, có thất bại, nhưng chí nguyện của họ thì đều rõ ràng và không hề sứt mẻ; tiếng thơm muôn thuở, há phải hư truyền.

Nguyễn Hiến Lê - Giản Chi dịch

(NXB Văn học, H.1994)

---

(1) Sách Yên Đan tử chép: "Thái tử Đan làm con tin ở Tần, vì Tần vương bạc đãi nên muốn xin về. Tần vương nói: "Làm cho quạ bạc đầu, ngựa mọc sừng thì cho về". Đan ngửa mặt trông trời, than thở, tức thì xảy ra hiện tượng quạ bạc đầu, ngựa mọc sừng. Tần vương phải để cho Đan ra đi, nhưng cho đặt ngầm máy móc để phá hủy chiếc cầu Đan sẽ đi qua. Đan qua cầu, máy móc kia bỗng hỏng và cầu không sập. Sách Phong Tục Thông chép: "Vì thái tử Đan mà trời mưa thóc, quạ bạc đầu, ngựa mọc sừng".

(2) Năm thích khách: 1- Tào Mạt; 2- Chuyên Chư; 3- Dự Nhượng; 4- Nhiếp Chính; 5- Kinh Kha.

VĂN HỌC TẤN

THƠ ĐÀO TIỀM (365 - 427)*

1. Quy khứ lai từ (Về đi thôi)
2. Đào hoa nguyên ký (Suối hoa đào)
3. Ẩm tửu (Uống rượu)
4. Độc "Sơn hải kinh" (Xem Sơn hải kinh)
5. Nghỉ cổ (Phỏng cổ)

* Đào Tiềm, tự Nguyên Lượng, còn gọi là Đào Uyên Minh, người tỉnh Giang Tây, xuất thân gia đình địa chủ sa sút. Đã từng làm quan, vì bất đắc chí cho nên giữ chức nào cũng chỉ một thời gian ngắn.

1. QUY KHỨ LAI TỪ[1]

(Về đi thôi)

Dịch nghĩa

VỀ ĐI THÔI!

Ruộng vườn sắp trở thành hoang vu, cớ sao chưa về? Đã để tâm hồn cho thể xác sai khiến[2], thì làm sao còn ảo não, buồn khổ một mình mà làm chi? Ta đã hiểu rõ rồi, những việc đã qua không thể sửa chữa được, nhưng những việc sau này còn có thể đổi thay, bởi vì ta chưa đi sâu vào con đường lầm lạc. Ta thấy rõ ngày hôm nay ta đúng, mà ngày hôm qua là sai. Thuyền nhè nhẹ lướt đi, gió mát thổi bay tà áo. Hỏi thăm khách qua đường, con đường phía trước, giận thay, ánh mặt trời buổi mai lờ mờ không rõ.

Nhìn thấy nhà, lòng vui sướng quá, ta rảo bước đi nhanh. Đầy tớ chạy ra đón ta, con thơ chờ ta ở cổng. Cỏ hoang phủ lấp đường đi trong vườn, nhưng cây tùng, cây cúc vẫn như xưa. Dắt con vào nhà, có sẵn rượu đầy vò. Ta cầm bình rượu tự rót cho ta. Trông thấy cành lá tươi tốt trước sân, mà lòng vui vô hạn. Ngồi dựa vào cửa sổ phía nam, mà ký thác tâm tình phóng khoáng, mới biết nơi nhỏ hẹp này đủ để duỗi chân, cũng đủ sống an nhàn. Ngày ngày đi bách bộ trong vườn, thích thú biết bao. Tuy có cửa ngõ, nhưng lúc nào ta cũng đóng kín, ta chống gậy đi mãi, lâu lâu lại ngừng lên nhìn về phía xa. Đám mây tự nhiên bay ra khỏi núi, chim bay mỏi cánh thì nhớ bay về. Mặt trời sắp khuất sau rặng núi, nhưng ta vẫn đứng mân mê cây tùng lẻ loi, thơ thẩn đấy mãi.

---

(1) Bài này Đào Yuên Minh làm năm 405, khi từ chức Bành Trạch lệnh về nhà, kể lại tâm tình và thú vui của mình. Lúc này nhà thơ 41 tuổi.

(2) Trong lòng không muốn ra làm quan, nhưng vì đói rét phải ra tìm bổng lộc, trái với chỉ nguyện của mình.

Về đi thôi! Từ đây không giao du với ai nữa, ta với đời không còn liên quan gì với nhau nữa. Giao du để làm gì? Ta vui sướng lắng nghe những lời tình tứ của người thân, ta vui với đèn sách để giải mối ưu phiền trong lòng ta. Nhà nông cho ta biết ngày xuân đã đến, phải cày cấy đám ruộng ở phía tây. Có lúc ta ngồi trên chiếc xe mui, có lúc ta chèo con thuyền nhỏ. Ta cho thuyền đi vào sâu tìm nguồn suối, hay là đánh xe lên các đống gò. Cỏ cây xanh tốt, suối chảy không ngừng. Ta càng thèm muốn thấy vạn vật gặp thời, và càng cảm thương cho việc xuất xử của ta.

Nhưng thôi! Tấm thân gửi trên cõi đời này, hỏi còn được mấy lúc. Sao không để mặc cho nó trôi đi, còn hoảng hốt muốn đi đâu nữa? Giàu sang vốn không phải sở nguyện của ta, mà cảnh tiên thì ta không có cách gì đi tới. Nay gặp thời tiết đẹp, một mình ta dạo chơi, hoặc cầm gậy bới cỏ hoang. Tới bờ ruộng hoang, ta ngâm nga, lội dòng suối, ta làm thơ, mặc vạn vật biến hóa cho đến lúc tận cùng. Vui đạo trời, biết mệnh người, còn có điều gì nghi hoặc nữa.

Dịch thơ

QUY KHỨ LAI TỪ

Đi về sao chẳng về đi,
Ruộng hoang vườn rậm còn chi không về?
Đem tâm để hình kia sai khiến,
Còn ngậm ngùi than vãn với ai?
Ăn năn thì sự đã rồi,
Từ đây nghĩ lại, biết thôi mới là.
Lối đi lạc chưa xa là mấy,
Nay khôn rồi chẳng dại như xưa.

Con thuyền thuận nẻo gió đưa,
Gió hây hẩy ảo thuyền lơ lửng chèo.
Hỏi hành khách lối nào đi tới,
Bóng mập mờ trời mới rạng đông.
Miền quê rẻo trước xa trông,
Chân hăm hở bước đường mong tới nhà.
Chạy đón chủ năm ba đầy tớ,
Đứng chờ ông mấy đứa trẻ con;
Rậm rì bao khóm con con,
Mấy cây tùng cúc vẫn còn như xưa.
Tay dắt trẻ vào nhà mừng rỡ,
Rượu đậm đà sẵn chứa đầy vò;
Thoạt ngồi tay đã nghiêng hồ,
Cười nơm sân trước thấp tho mấy cành.
Ngồi riễu cợt một mình trước sổ;
Khéo cũng hay vừa chỗ rung đùi;
Thăm vườn dạo thú hôm mai,
Cửa dù có, vẫn then cài như không.
Chống gậy dạo quanh vườn lại nghỉ,
Ngắm cảnh trời khi ghé trông lên;
Mây đùn mấy đám tự nhiên,
Chim bay mỏi cánh đã quen lối về.
Bóng chiều ngả bốn bề bát ngát,
Quanh gốc tùng tựa mát thảnh thơi.
Từ đây về thực, về rồi,
Thôi xin từ tuyệt với người vãng lai.
Vì ta đã với đời chẳng hiệp,
Cần chi mà giao thiệp với ai!
Chuyện trò thân thích mấy người,
Bạn cùng đèn sách khi vui đỡ buồn.

Người làm ruộng ôn tồn hỏi chuyện,
Tới xuân rồi sắp đến việc ta.
Hoặc truyền sắm sửa câu xa,
Hoặc khi đủng đỉnh thuyền ra thăm đồng.
Dưới khe nọ nước vòng uốn éo,
Bên đường kia gò kéo gập ghềnh;
Cỏ cây mơn mởn màu xanh,
Suối tuôn róc rách bên ghềnh chảy ra.
Ngắm muôn vật đương mùa tươi tốt,
Ngán cho ta thôi trót già rồi.
Thôi còn mấy nỗi ở đời,
Khứ lưu sao chẳng phóng hoài tự nhiên,
Có chi nghỉ thêm phiền tấc dạ,
Đi đâu mà tất tả vội chi?
Giàu sang đã chẳng thiết gì,
Cung tiên chưa dễ hẹn kỳ lên chơi!
Chi bằng lúc chiều trời êm ả,
Việc điền viên vất vả mà vui.
Lên cao hát một tiếng dài,
Xuống dòng nước chảy ngâm vài bốn câu.
Hình thể này mặc dầu tạo hóa,
Tới lúc nào hết cả thì thôi.
Lòng ta phó với mệnh trời,
Đừng ngờ chi nữa cứ vui vẻ hoài!

TỪ LONG dịch
(Trích trong *Việt Nam văn học sử yếu* của Dương Quảng Hàm).

2. ĐÀO HOA NGUYÊN KÝ[1]

(Suối hoa đào)

Giữa năm Thái nguyên triều Tấn[2], có một ngư ông ở Vũ-lăng[3], chèo chiếc thuyền nhỏ, đi dọc theo bờ suối, quên không biết mình đi đã bao xa. Bỗng thấy một rừng hoa đào rộng chừng vài trăm bộ, ngoài đào ra không có cây nào khác. Trên mặt đất, cỏ thơm mọc đầy, cánh hoa đào rơi man mác. Ngư ông lấy làm lạ, lại đi tới, định bụng đi hết rừng đào. Nhưng hết rừng đào thì đến nguồn nước. Có một ngọn núi, trong núi có một cái động nhỏ, trong động phảng phất như có ánh sáng. Ngư ông bèn buộc thuyền, theo cửa động đi vào. Mới đầu động rất đẹp, chỉ lọt một người đi. Nhưng bước thêm mười bước nữa thì thấy động to và sáng sủa lắm. Đất đai bằng phẳng, rộng rãi, nhà cửa chỉnh tề, có ruộng phì nhiêu, có ao xinh đẹp, có cây dâu, cây trúc, đường sá giao nhau. Ở đây cũng nghe tiếng gà gáy, tiếng chó sủa. Người ta đi lại cày bừa, ăn mặc giống như người ngoài. Kẻ già, người trẻ, ai nấy vui tươi hớn hở. Trông thấy ngư ông, họ rất đỗi ngạc nhiên, hỏi từ đâu tới. Ngư ông kể hết đầu đuôi. Họ liền mời về nhà thết rượu, giết gà, dọn cơm khoản đãi. Người trong thôn biết tin, chạy đến hỏi han. Họ kể rằng, đời Tần, tổ tiên họ chạy loạn, đem vợ con họ hàng vào chỗ hang cùng ngõ hẻm này, và không trở ra nữa, cách tuyệt với

(1) Bài này vốn là bài tựa cho bài thơ nhan đề là *Đào hoa nguyên thi*.

(2) Thái Nguyên là niên hiệu của Thiếu võ đế triều Tấn (376–397), tuy có năm tháng như vậy, nhưng không phải là chuyện có thực. Theo các nhà khảo cứu Trung Quốc, trong sách cũ như *Tăng Đương tướng sứ, Tam quốc chí* cũng kể những chuyện tương tự.

(3) Vũ-lăng nay là huyện Thường Đức, tỉnh Hồ-nam.

người ngoài. Họ hỏi hiện nay là triều đại nào. Họ không biết có đời Hán, tất nhiên không biết triều Ngụy, triều Tấn. Ngư ông đem những chuyện mình biết nói cho họ nghe. Nghe xong họ cũng than thở. Lần lượt họ mời ngư ông về nhà riêng, thết cơm rượu. Qua mấy ngày, ngư ông từ tạ ra về. Họ dặn dò: "Chuyện trong này không nên nói cho người ngoài biết nhé!". Ngư ông đi ra tìm thuyền, theo lối cũ chèo về, qua chỗ nào cũng ghi dấu lại. Về tới phủ, ngư ông vào yết kiến quan thái thú, trình bày những việc mắt thấy tai nghe. Viên thái thú sai người đi cùng ngư ông theo chỗ đã đánh dấu, nhưng rồi bị lạc, không nhìn nhận ra lối nữa. Một kẻ sĩ khoáng đạt ở Nam dương[1], là Lưu Tử Ký[2], nghe tin, cả mừng cũng thân hành đi tìm, nhưng chưa tìm ra, đã ốm chết. Về sau không ai dò thăm con đường đó nữa.

(1) Nam dương nay thuộc tỉnh Hà Nam.

(2) Lưu Tử Ký tên là Ký Chi, người triều Tấn hay đi du sơn thuỷ.

3. ẨM TỬU[1]

(Uống rượu)

Kết lư tại nhàn cảnh,
Nhi vô xa mã huyên;
Vấn quân hà năng nhĩ?
Tâm viễn địa tự nhiên.
Thái cúc đông ly hạ,
Du nhiên kiến Nam Sơn[2]
Sơn khí nhật đa giai,
Phi điểu tương dữ hoàn.
Thử trung hữu chân ý,
Dục biện dĩ vong ngôn[3]

Dịch nghĩa

UỐNG RƯỢU

Làm nhà ở giữa chỗ đông người, nhưng không có tiếng xe ngựa ồn ào, hỏi làm sao được như thế? Vì lòng xa vắng nên cảnh cũng quạnh hiu. Hái hoa cúc ở bờ dậu phía đông, thanh nhàn nhìn ngọn Nam Sơn mây núi buổi chiều đẹp, cùng chim bay trở về. Trong đó có chân ý, muốn nói nhưng quên lời.

---

(1) Dưới đề "Ẩm tửu" có cả thảy 20 bài. Trong mấy lời đề tựa, nhà thơ nói "mình nhàn cư không có mấy lúc vui, thỉnh thoảng có rượu ngon thì đêm nào cũng uống. Uống say thì làm thơ cho đỡ buồn". Các nhà phê bình Trung Quốc cho rằng những bài thơ này làm vào khoảng Đào Tiềm hơn 53 tuổi, vào năm 417.

(2) Tương truyền ăn hoa cúc có thể sống lâu, Nam Sơn tượng trưng cho tuổi thọ (*"Như Nam Sơn chi thọ"*, Kinh thi). Hai câu này là hai câu thơ của Đào Tiềm thường được truyền tụng.

(3) Bài thơ này tỏ rõ thái độ kiên quyết thối ẩn của Đào Tiềm. Thái độ đó xuất phát từ ý thức đối với nền chính trị đen tối lúc bấy giờ. Thối ẩn chỉ là một phương thức phản kháng tiêu cực.

4. ĐỘC "SƠN HẢI KINH"[1]
(Xem Sơn hải kinh)

Tinh vệ hàm vi mộc[2]
Tương dĩ điền thương hải.
Hình thiên vũ can thích[3]
Mãnh chi cố thường tại.
Đồng vật ký vô lự,
Hoá khứ bất phục hối[4]
Đồ thiết tại tích tâm,
Lương thần tự khả đãi!

Dịch nghĩa

XEM "SƠN HẢI KINH"

Tinh vệ ngậm cành cây, mang lấp biển xanh. Hình thiên múa rìu búa, chí khí mãnh liệt vẫn còn. Cùng là vật đã không lo, có hóa cũng không hối. Tráng chí ngày xưa vô ích, ngày đẹp đâu còn nữa!

---

(1) *Sơn hải kinh* là một bộ sách gồm 18 quyển, sáng tác vào khoảng thế kỷ thứ 4 đến thứ 2 trước Công nguyên, gồm những truyện thần thoại cổ Trung Quốc. Dưới đề *"Đọc – Sơn hải kinh"*, Đào Tiềm làm cả thảy 13 bài, đây trích một bài.

(2) *Tinh vệ*: Sách *Sơn hải kinh* chép: trên núi Phát Cưu, có con chim tên Tinh vệ, thường ngậm cành cây và đá ở núi Tây Sơn mà lấp Đông Hải.

(3) *Hình thiên*: Sách *Sơn hải kinh* chép: có một loài thú tên là hình thiên, tranh thần với Đế, Đế chặt đầu, nó bèn lấy vú làm mắt, lấy rốn làm miệng, cầm can thích mà múa. *Can* là cái thuẫn, lách; *Kích* là rìu, búa, đều là vũ khí.

(4) Ý nói: Vạn vật đều là vật cả, thì người có hóa thành vật khác cũng không có gì phải hối hận.

5. NGHỈ CỔ[1]

(Phỏng cổ)

Thiếu thời tráng thả lệ,
Vũ kiếm độc hành dù.
Thuỳ ngôn hành du cận?
Trương-dạ chí U-châu[2]
Cơ thực Thú-dương-vi[3]
Khát ẩm Dịch thuỷ lưu[4].
Bất kiến tương tri nhân,
Duy kiến cổ thời khâu
Lộ bàng lưỡng cao phần.
Bá Nha dữ Trang Chu[5].
Thử sĩ nan tái đắc,
Ngô hành dục hà cầu?

Dịch nghĩa

PHỎNG CỔ

Thuở nhỏ khoẻ và hăng, chống kiếm phiêu lưu một mình. Ai bảo đi gần? Từ Trương dạ đến U châu. Đói ăn rau vị núi Thú dương, khát uống nước sông Dịch thuỷ. Không gặp kẻ tri âm, chỉ thấy gò đống xưa. Cạnh đường thấy hai ngôi mộ, đó là mộ Bá Nha và mộ Trang Chu. Khó mà gặp lại những con người như thế. Ta còn phải phiêu lưu tìm cái gì?

---

(1) Dưới đề "Nghỉ cổ" có cả thảy chín bài, đều là cảm thương thời thế, truy mộ tiết nghĩa.

(2) *Trương da*, nay ở tỉnh Cam Túc, U châu nay ở Đông bắc, tỉnh Hà bắc.

(3) Lấy tích Bá Di, Thúc Tề, con vua Cổ Trúc đời Thương. Nhà Thương mất, hai người không chịu ăn lúa nhà Chu, ở ẩn núi Thú dương, hái rau vi ăn.

(4) Lấy tích Kinh Kha vì thái tử Đan nước Yên mà nhận giết vua Tần, thái tử cùng tân khách mặc đồ tang đưa ra đến sông Dịch-thuỷ. Hai câu này tỏ ý khâm phục tiết nghĩa của Bá Di, Thúc Tề và Kinh Kha.

(5) *Bá Nha*, người nước Sở, hay đàn, bạn thân với Chung Tử Kỳ, Chung Tử Kỳ chết, Bá Nha cắt dây phá đàn, cho rằng trên đời không còn ai thưởng thức tiếng đàn của mình nữa. *Trang Chu*, tức Trang tử, bạn thân với Huệ Thi, Huệ Thi chết, Trang tử không đàm đạo với ai nữa, cho rằng trên đời không còn ai hiểu mình.

VĂN HỌC ĐỜI ĐƯỜNG

THƠ ĐƯỜNG (618 - 907)

Thơ Đường ra đời vào đời Đường (618 - 907) nên gọi là Thơ Đường. Đó là một thành tựu hết sức rực rỡ và độc đáo, không chỉ của nền thơ ca cổ điển Trung Quốc mà của cả nền thơ ca nhân loại. Hiện còn 48.000 bài được sưu tập lại trong cuốn *Toàn Đường thi* của trên 2.300 tác giả

1. VƯƠNG BỘT (649 - 676)

THỤC TRUNG CỬU NHẬT

Cửu nguyệt, cửu nhật Vọng Hương đài,
Tha tịch, tha hương tống khách bôi.
Nhân tình dĩ yếm Nam - Trung khổ
Hồng nhạn nạ tòng Bắc địa lai?

Dịch nghĩa

MỒNG CHÍN THÁNG CHÍN[1] Ở ĐẤT THỤC

Mồng chín, tháng chín lên đài Vọng Hương[2]
Trên chiếu lạ, giữa quê người, mấy chén tiễn khách.
Lòng người đã chán cảnh khổ ở Nam Trung[3]
Chim hồng nhạn từ đất Bắc bay đến đây làm gì?

Dịch thơ

Mồng chín tháng chín : Vọng Hương đài,
Cất chén quê người tiễn bước ai,
Nỗi khổ Nam Trung lòng đã chán,
Nhạn hồng đất Bắc xuống chi đây?

KHƯƠNG HỮU DỤNG

(1) Tết Trùng dương

(2) Ở phía bắc Thành Đô.

(3) Tức là đất Thục. Bấy giờ Vương Bột bị vua ruồng ra ở đó.

2. TRẦN TỬ NGANG (661 - 701)

ĐĂNG U CHÂU ĐÀI CA

Tiền bất kiến cổ nhân,
Hậu bất kiến lai giả.
Niệm thiên địa chi du du,
Độc thương nhiên nhi thế hạ.

Dịch nghĩa

BÀI CA LÚC LÊN ĐÀI U CHÂU[1]

Trước không thấy người xưa,
Sau không thấy kẻ sắp đến.
Nghĩ trời đất mênh mang không cùng,
Một mình bùi ngùi nhỏ nước mắt.

Dịch thơ

Người trước chẳng thấy ai,
Người sau thì chưa thấy.
Gẫm trời đất thật vô cùng,
Riêng lòng đau mà lệ chảy.

TƯƠNG NHƯ

(1) Hiện nay là thành phố Bắc Kinh

3. MẠNH HẠO NHIÊN (689 - 740)

XUÂN HIỂU

Xuân miên bất giác hiểu
Xứ xứ văn đề điểu
Dạ lại phong vũ thanh,
Hoa lạc tri đa thiểu

Dịch nghĩa

BUỔI SỚM MÙA XUÂN

Giấc ngủ đêm xuân không biết trời đã sáng
Nơi nơi đều nghe chim hót vang,
Đêm qua rầm rập tiếng gió mưa,
Chẳng hay có bao nhiêu hoa đã rụng.

Dịch thơ

Giấc xuân, sáng chẳng biết ;
Khắp nơi chim ríu rít ;
Đêm nghe tiếng gió mưa ;
Hoa rụng nhiều hay ít?

TƯƠNG NHƯ

QUÁ CỐ NHÂN TRANG

Cấn nhân cụ kê thử,
Yêu ngã chí điền gia.
Lục thụ thôn biên hợp,
Thanh sơn quách ngoại tà.
Khai hiên diện trường phố,
Bả tửu thoại tang ma.
Đãi đáo trùng dương nhật,
Hoàn lai tựu cúc hoa.

Dịch nghĩa

QUA TRANG TRẠI NGƯỜI BẠN CŨ

Bạn cũ đã đủ gà cùng gạo nếp,
Mời ta đến nhà ở nông thôn.
Cây xanh bao vây quanh xóm.
Núi biếc thoai thoải ngoài thành.
Mở cửa hiên, nhìn ra vườn tược,
Nâng chén rượu, nói chuyện trồng dâu, trồng đay.
Hẹn nhau đến ngày trùng dương,
Sẽ lại đến thăm hoa cúc.

Dịch thơ

Đủ gà, đủ gạo nếp ;
Bạn mời ta đến nhà.
Quanh làng cây san sát ;
Ngoài luỹ núi tà tà.
Cửa nhòm cảnh vườn tược ;
Rượu hứng chuyện tằm tơ.
Hẹn đến này trùng cửu ;
Về xem cúc nở hoa.

CHÂU GIANG và TƯỜNG NHƯ

QUY CHUNG NAM SƠN

Bắc khuyết hưu thướng thư
Nam Sơn quy tệ lư.
Bất tài, minh chủ khí,
Đa bệnh, cố nhân sơ.
Bạch phát thôi niên lão,
Thanh dương bức tuế trừ.
Vĩnh hoài sầu bất mị,
Tùng nguyệt dạ song hư.

Dịch nghĩa

TRỞ VỀ NÚI CHUNG NAM[1]

Cửa Bắc[2] đừng dâng thư nữa,
Hãy về túp nhà nát ở núi Chung Nam.
Vì bất tài nên vua hiền ghét bỏ,
Vốn hay ốm nên bạn cũ lạt dần.
Tóc trắng như giục tuổi già đến mau,
Tiết thanh xuân dồn cho năm tháng chóng hết.
Nghĩ ngợi mãi sinh buồn mất ngủ,
Trăng lấp ló ngọn tùng, cửa sổ ban đêm để ngỏ.

Dịch thơ

Cổng Bắc đừng dâng giấy ;
Non Nam hãy lại nhà,
Kém tài, vua chúa bỏ ;
Hay ốm, bạn bè xa.
Tóc bạc đưa già đến ;
Ngày xanh giục tết qua.
Bâng khuâng nằm chẳng ngủ ;
Cửa ngỏ bóng trăng tà.

NGÔ TẤT TỐ

(1) Cũng gọi Nam Sơn, ở Thiểm Tây.
(2) Chỉ nơi vua ở

4. VƯƠNG XƯƠNG LINH (698 - 757)

KHUÊ OÁN

Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,
Xuân nhật ngưng trang thướng thuý lâu
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,
Hối giao phu tế mịch phong hầu.

Dịch nghĩa

NỖI OÁN CỦA NGƯỜI PHÒNG KHUÊ

Người đàn bà trẻ nơi phòng khuê (ngây thơ)
không biết buồn,
Ngày xuân trang điểm xong, bước lên lầu đẹp.
Chợt thấy sắc (xuân) của cây dương liễu đầu đường,
Hối hận đã để chồng đi tòng quân để kiếm ấn
phong hầu !

Dịch thơ

Trẻ trung nàng biết chi sầu,
Ngày xuân trang điểm lên lầu ngắm gương.
Nhác trông vẻ liễu bên đường,
"Phong hầu" nghĩ dại, xui chàng kiếm chi !

TẢN ĐÀ

ĐIỆN TIỀN KHÚC

Tạc dạ phong khai lộ tỉnh đào,
Vị Ương tiền điện nguyệt luân cao.
Bình Dương ca vũ tân thừa sủng,
Liêm ngoại xuân hàn tứ cẩm bào.

Dịch nghĩa

KHÚC ĐIỆN TIỀN

Đêm qua gió thổi làm nở tung hoa đào trên giếng lộ thiên,
Trước đền Vị Ương vầng trăng lên cao[1]
Cô gái múa hát ở nhà công chúa Bình Dương
mới được vua yêu dấu,
Hơi xuân lạnh vừa chớm đến ngoài rèm đã được
ban áo gấm.

Dịch thơ

Bên giếng đêm qua gió cợt đào,
Vị Ương đền nọ bóng trăng cao.
Vua yêu con hát Bình Dương mới,
Xuân lạnh ngoài hiên phát cẩm bào.

KHƯƠNG HỮU DỤNG

(1) Em gái Lý Diên Niên ; nguyên là ca vũ nữ ở nhà Bình Dương công chúa, được Hán Vũ Đế yêu.

5. VƯƠNG DUY (701 - 761)

ĐIỂU MINH GIẢN

Nhân nhàn quế hoa lạc,
Dạ tĩnh xuân sơn không.
Nguyệt xuất kinh sơn điểu,
Thời minh tại giản trung.

Dịch nghĩa

KHE CHIM KÊU

Người thảnh thơi, hoa quế rụng,
Đêm im lặng, non xuân vắng không.
Ánh trăng lố lên làm chim núi giật mình,
Thỉnh thoảng cất tiếng kêu trong khe suối.

Dịch thơ

Người nhàn hoa quế nhẹ rơi,
Đêm xuân lặng ngắt trái đồi vắng tanh
Trăng lên, chim núi giật mình,
Tiếng kêu thủng thẳng đưa quanh khe đồi.

NGÔ TẤT TỐ

Người nhàn hoa quế rụng;
Đêm xuân núi vắng teo;
Trăng lên chim núi hãi,
Dưới khe chốc chốc kêu.

TƯƠNG NHƯ

TỐNG BIỆT

Há mã ẩm quân tửu
Vấn quân hà sở chi?
Quân ngôn bất đắc ý,
Quy ngọa Nam Sơn thuỳ.

Đãn khứ mạc phục vấn,
Bạch vân vô tận kỳ !

Dịch nghĩa

TIỄN BIỆT

Xuống ngựa mời bác uống rượu,
Hỏi bác đi đâu đấy?
Bác rằng không được vừa ý,
Về nằm dài ven núi Nam Sơn[1]
(Mời bác) cứ đi. Tôi không hỏi nữa.
Mây trắng bay không bao giờ cùng !

Dịch thơ

Xuống yên chuốc chén rượu đào,
Hỏi anh đi đến nơi nào, hỡi anh?
Thưa rằng : lòng đã bất bình,
Nam Sơn kia để cho mình nghỉ ngơi,
Anh đi, tôi chẳng dài lời,
Kìa làn mây trắng bên trời ngổn ngang,

NGUYỄN HỮU BỒNG

QUÁ HƯƠNG TÍCH TỰ

Bất tri Hương Tích tự
Sổ lý nhập vân phong.

Cổ mộc vô nhân kính,
Thâm sơn hà xứ chung?
Tuyền thanh yết nguy thạch,
Nhật sắc lãnh thanh tùng.
Bạc mộ không đàm khúc,
An thiền chế độc long.

Dịch nghĩa

QUA CHÙA HƯƠNG TÍCH[2]

Chẳng biết chùa Hương Tích ở đâu,
Đi mấy dặm vào đến non cao ngất.

(1) Tức Chung Nam, ở tỉnh Thiểm Tây ngày nay.
(2) Chùa ở phía Bắc hang Tý Ngọ, thuộc tỉnh Hồ Nam.

Cổ thụ um tùm, không có lối người qua lại,
Núi sâu thăm thẳm, tiếng chuông đâu ngân dài?
Nước suối đập vào gành đá như nghẹn ngào nức nở,
Mặt trời xuyên qua lùm thông xanh, thêm vẻ lạnh lùng.
Chiều hôm, còn trơ lại khúc đầm,
Muốn trị con rồng dữ thì quy y đạo Phật[1]

Dịch thơ

Chẳng hay Hương Tích chùa đâu,
Đi đôi ba dặm, lên đầu non cao.
Cây um đồng tắt vắng teo,
Núi sâu, chuông vẳng nơi nào tiếng đưa?
Suối kêu gành đá ria bờ,
Lạnh lùng bóng nắng chui lùa thông xanh.
Trời hôm tấc dạ thanh minh,
Quy y đạo Phật sửa mình là hơn.

TẢN ĐÀ

(1) Chuyện thần thoại xưa : Ở Tây Phương, có con rồng độc ở một cái ao trong núi. Trước đấy, 500 lái buôn ngủ đỗ tại bên ao, rồng nổi giận, dâng nước giết chết cả bọn. Vua Bàn Xà liền đọc thần chú trị rồng, rồng ăn năn hối lỗi, vua mới tha. Câu này ý nói muốn rửa lòng tà, phải quy y cửa Phật.

6. LÝ BẠCH (701 - 762)

HOÀNG HẠC LÂU TỐNG MẠNH HẠO NHIÊN CHI QUẢNG LĂNG

Cố nhân tây từ Hoàng Hạc lâu,
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu.
Cô phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.

Dịch nghĩa

TẠI LẦU HOÀNG HẠC[1] TIỄN MẠNH HẠO NHIÊN ĐI QUẢNG LĂNG[2]

Bạn cũ dời khỏi lầu Hoàng Hạc, ở phía Tây,
Xuôi xuống Dương Châu giữa tháng ba mùa hoa khói.
Bóng cánh buồm lẻ loi xa dần trong khoảng không xanh biếc.
Chỉ thấy Trường Giang chảy miệt bên trời.

Dịch thơ

Bạn từ lầu Hạc lên đường,
Giữa mùa hoa khói, châu Dương xuôi dòng.
Bóng buồm đã khuất bầu không,
Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời.

NGÔ TẤT TỐ

TƯƠNG TIẾN TỬU

Quân bất kiến Hoàng Hà chi thuỷ thiên thượng lai,
Bôn lưu đáo hải bất phục hồi !
Hựu bất kiến cao đường minh kính bi bạch phát,

(1) Tại huyện Vũ Xương, tỉnh Hồ Bắc.
(2) Thuộc địa phận tỉnh Giang Tô.

Triêu như thanh ti mộ thành tuyết.
Nhân sinh đắc ý tu tận hoan,
Mạc sử kim tôn không đối nguyệt !
Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng,
Thiên kim tán tận hoàn phục lai.
Phanh dương tể ngưu thả vi lạc,
Hội tu nhất ẩm tam bách bôi.
Sầm phu tử,
Đan Khâu sinh,
Tương tiến tửu,
Bôi mạc đình !
Dữ quân ca nhất khúc,
Thỉnh quân vị ngã khuynh nhĩ thính.
Chung cổ soạn ngọc bất túc quý,
Đãn nguyện trường tuý bất nguyện tỉnh !
Cổ lai thánh hiền giai tịch mịch,
Duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh.
Trần Vương tích thời yến Bình Lạc,
Đấu tửu thập thiên tứ hoan hước.
Chủ nhân hà vi ngôn thiểu tiền,
Kính tu cô thủ đối quân chước.
Ngũ hoa mã,
Thiên kim cừu.
Hô nhi tương xuất hoán mỹ tửu,
Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu.

Dịch nghĩa

SẮP MỜI RƯỢU[1]

Bạn chẳng thấy nước sông Hoàng từ trên trời xuống,
Cuồn cuộn chảy ra biển không trở lại.
Lại chẳng thấy : gương sáng lầu cao chiếu nỗi buồn tóc trắng,
Sớm còn như tơ xanh, chiều đã như tuyết.
Đời người khi đắc ý nên tận hưởng niềm vui,
Đừng để chén vàng trơ dưới nguyệt.
Trời sinh thân ta tất có chỗ dùng,
Nghìn vàng tiêu hết rồi lại có,

(1) Tên một khúc nhạc cổ

Mổ dê, giết trâu để tìm thú vui,
Tất phải uống một lần đủ ba trăm chén.
Hỡi bác Sầm, hỡi anh Đan Khâu[1],
Rượu sắp dâng rồi, bạn đừng ngừng lại.
Vì bạn, ta hát lên một bài,
Vì ta, mời bạn nghiêng tai lắng nghe :
Tiệc ngon giữa tiếng trống chuông[2] cũng không đáng quý.
Ta không muốn tỉnh, chỉ muốn say rền,
Từ xưa thánh hiền đều vắng ngắt,
Duy kẻ uống rượu được lưu danh.
Thời trước Trần Vương[3] yến ẩm cung Bình Lạc,
Rượu vạn đồng một đấu, mặc sức vui uống nô đùa.
Chủ nhân có sao lại nói thiếu tiền,
Mua rượu mau để bạn cùng ta chuốc chén.
Này đây ngựa năm sắc, áo cừu quý ngàn vàng,
Con hỡi ! hãy đem đổi lấy rượu ngon,
Cùng nhau phá tan cơn sầu muôn thuở.

Dịch thơ

Há chẳng thấy !
Nước sông Hoàng từ trời tuôn xuống
Chảy nhanh ra biển chẳng quay về,
Lại chẳng thấy
Thềm cao gương soi rầu tóc bạc
Sớm như tơ xanh, chiều tựa tuyết?
Đời người đắc ý hãy vui tràn,
Chớ để bình vàng suông bóng nguyệt !
Trời sinh thân ta, hẳn có dùng,
Nghìn vàng tiêu hết rồi lại đến.
Mổ dê, giết trâu, cứ vui đi,
Uống liền một mạch ba trăm chén !
Bác Sầm ơi ! Bác Đan ơi,
Sắp mời rượu, chớ có thôi !
Vì nhau tôi xin hát,
Hãy vì tôi hai bác nghe cùng :

(1) Hai người bạn thân của Lý Bạch
(2) Tiệc lớn nhà quyền quý có âm nhạc chuông trống
(3) Tào Thực, còn Tào Tháo, một nhà thơ có tiếng thời Kiến An.

"Này cỗ ngọc, nhạc rung, chẳng chuộng,
"Muốn say hoài, chẳng muốn tỉnh chi !
"Thánh hiền, tên tuổi bặt đi,
"Chỉ phường thánh rượu tiếng ghi muôn đời !
"Xưa Trần Vương yến nơi Bình Lạc,
"Rượu tiền muôn đùa cợt tha hồ"
Chủ nhân kêu thiếu tiền ru?
Để cùng dốc chén, ta mua đi nào !
Đây ngựa gấm, đây áo cừu,
Này con, đổi rượu hết,
Cùng nhau ta giết cái sầu nghìn thu !

HOÀNG TẠO và TƯỚNG NHƯ

THU PHỐ CA

Bạch phát tam thiên trượng
Duyên sầu tự cá trường
Bất tri minh kính lý,
Hà xứ đắc thu sương?

Dịch nghĩa

BÀI CA THU PHỐ [1]

Tóc trắng ba nghìn trượng,
Theo mối sầu dài lê thê.
Chẳng hay trong gương sáng,
Còn chỗ nào để lọt sương thu?

Dịch thơ

Tóc trắng ba nghìn trượng,
Vì buồn, dài lạ sao !
Trong gương thật chẳng hiểu,
Sương thu vào lối nào.

TRÚC KHÊ

(1) Tên huyện nay thuộc tỉnh An Huy

TẢO PHÁT BẠCH ĐẾ THÀNH

Triêu từ Bạch Đế thái vân gian,
Thiên lý Giang Lăng nhất nhật hoàn.
Lưỡng ngạn viên thanh đề bất tận,
Khinh chu dĩ quá vạn trùng san.

Dịch nghĩa

SỚM RA ĐI TỪ THÀNH BẠCH ĐẾ[1]

Sáng từ biệt thành Bạch Đế, trong làn mây rực rỡ,
Một ngày vượt ngàn dặm về tới Giang Lăng[2]
Hai bên bờ sông tiếng vượn kêu không dứt,
Thuyền nhẹ tênh đã vượt núi non muôn trùng.

Dịch thơ

Sớm từ Bạch Đế, rực ngàn mây,
Muôn dặm, Giang Lăng, tới một ngày.
Vượn hót ven sông nghe rỉ rả,
Thuyền qua muôn núi nhẹ như bay.

TƯƠNG NHƯ

NGUYỆT HẠ ĐỘC CHƯỚC

Hoa gian nhất hồ tửu,
Độc chước vô tương thân.
Cử bôi yêu minh nguyệt,
Đối ảnh thành tam nhân.
Nguyệt ký bất giải ẩm,
Ảnh đồ tuỳ ngã thân.
Tạm bạn nguyệt tương ảnh,
Hành lạc tu cập xuân.
Ngã ca nguyệt bồi hồi ;
Ngã vũ ảnh linh loạn.
Tỉnh thì đồng giao hoan.

(1) Thành xây trên núi ở miền thượng lưu sông Trường Giang, thường có mây bao phủ ; hiện nay còn di chỉ ở Tứ Xuyên.

(2) Ở tỉnh Hồ Bắc, cách thành Bạch Đế 2.200 dặm.

Tuý hậu các phân tán.
Vĩnh kết vô tình du,
Tương kỳ diểu Vân Hán.

Dịch nghĩa

MỘT MÌNH UỐNG RƯỢU DƯỚI TRĂNG

Trong hoa một bình rượu,
Một mình rót uống, không ai là bạn thân.
Nâng chén mời trăng sáng,
Cùng bóng mình, hóa ba người.
Trăng đã không biết uống rượu,
Bóng chỉ theo thân mình.
Tạm làm bạn với trăng và bóng,
Hưởng niềm vui cần phải kịp ngày xuân.
Ta hát, trăng bồi hồi không đi,
Ta múa, bóng bập bùng quay cuồng.
Lúc tỉnh cùng nhau vui,
Sau khi say, lại cùng phân tán,
Tình chơi vu vơ[1] thắt chặt mãi mãi,
Hẹn hò nhau trên cao vút sông Ngân !

Dịch thơ

Có rượu không có bạn,
Một mình chuốc dưới hoa.
Cất chén mời Trăng sáng,
Mình với Bóng là ba.
Trăng đã không biết uống,
Bóng chỉ quấn theo ta.
Tạm cùng Trăng với Bóng,
Chơi xuân cho kịp mà !
Ta hát, Trăng bồi hồi,
Ta múa, Bóng rối loạn,
Lúc tỉnh cùng nhau vui,
Say rồi đều phân tán.
Gắn bó cuộc vong tình,
Hẹn nhau tít Vân Hán.

(1) Nguyên văn : Mối "giao du vô tình" cũng có chỗ giảng là nơi giao du vong tình : trăng quên mình là trăng, người quên mình là người.

7. THÔI HIỆU (704 - 754)

HOÀNG HẠC LÂU

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng Hạc Lâu.
Hoàng Hạc nhất khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du.
Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Dịch nghĩa

LẦU HOÀNG HẠC[1]

Người xưa đã cưỡi hạc vàng bay đi rồi[2]
Lầu Hạc Vàng còn trơ lại đây.
Hạc vàng một khi đã bay đi, không trở lại nữa,
Mây trắng nghìn thu lớn vởn hoài.
Mặt sông lúc trời tạnh, phản chiếu cây cối Hán Dương[3] rõ mồn một,
Cỏ thơm trên bãi Anh Vũ[4] mơn mởn xanh tươi.
Trời tối rồi, đâu là quê hương mình?
Trên sông khói tỏa, sóng gợn, khiến người sinh buồn !

Dịch thơ

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu,
Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ.
Hạc vàng đi mất từ xưa !
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
Hán Dương sông tạnh cây bày,
Bãi xa Anh Vũ xanh đầy cỏ non.
Quê hương khuất bóng hoàng hôn,
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?

TẢN ĐÀ

---

(1) Ở góc tây nam thành Vũ Xương.
(2) Tục truyền Phí Văn Vi thành tiên, thường cưỡi hạc về nghỉ ở lầu Hoàng Hạc.
(3) Một địa điểm bên sông Dương Tử tỉnh Hồ Bắc.
(4) Khu bãi bến khúc sông Vũ Xương tỉnh Hồ Bắc.

Ai cưỡi hạc vàng đi mất hút,
Trò làu Hoàng Hạc chốn này thôi !
Hạc vàng một đã đi, đi biệt,
Mây trắng ngàn năm bay chơi vơi,
Sông tạnh Hán Dương cây sáng ửng.
Cỏ thơm Anh Vũ bãi xanh ngời.
Hoàng hôn về đó, quê đâu tá?
Khói sóng trên sông não dạ người.

KHƯƠNG HỮU DỤNG

8. ĐỖ PHỦ (712 - 770)

NGUYỆT DẠ

Kim dạ Phu Châu nguyệt
Khuê trung chỉ độc khan.
Dao liên tiểu nhi nữ,
Vị giải ức Trường An.
Hương vụ vân hoàn thấp,
Thanh huy ngọc tý hàn.
Hà thời ỷ hư hoảng,
Song chiếu lệ ngân can?

Dịch nghĩa

ĐÊM TRĂNG

Vầng trăng ở Phu Châu[1] đêm nay,
Trong phòng khuê chỉ có một người đang ngắm.
Cảm thương con cái thơ ngây ở xa,
Chưa biết nhớ (cha đang ở) Trường An !
Sương móc đượm mùi thơm làm ướt mái tóc mây,
Ánh trăng trong sáng làm giá lạnh cánh tay ngọc.
Bao giờ (được cùng nhau) tựa bên rèm cửa sổ,
Để trăng chiếu cả đôi ta cho ngấn lệ được ráo?

Dịch thơ

Châu Phu này lúc trăng soi,
Buồng the đêm vắng riêng coi một mình.
Đoái thương thơ dại đầu xanh,
Tràng An chưa biết mang tình nhớ nhau.
Sương sa thơm ướt mái đầu,
Cánh tay ngọc trắng lạnh mầu sáng trong.
Bao giờ tựa bức màn không,
Gương soi chung bóng lệ ròng sương khô.

TẢN ĐÀ

1. Nay là địa phận phía nam huyện Trung Bộ, tỉnh Thiểm Tây. Vợ con Đỗ Phủ ở đấy trong lúc Đỗ Phủ bị quân An Lộc Sơn bắt giam ở Trường An.

THẠCH HÀO LẠI

Mộ đầu Thạch Hào thôn,
Hữu lại dạ tróc nhân.
Lão ông du tường tẩu,
Lão phụ xuất khan môn.
Lại hô nhất hà nộ,
Phụ đề nhất hà khổ !
Thính phụ tiền trí từ :
"Tam nam Nghiệp Thành thú ;
"Nhất nam phụ thư chí :
"Nhị nam tân chiến tử.
"Tồn giả thả thâu sinh,
"Tử giả trường dĩ hỹ !
"Thất trung cánh vô nhân
"Duy hữu nhũ hạ tôn :
"Hữu tôn mẫu vị khứ,
"Xuất nhập vô hoàn quần.
"Lão ẩu lực tuy suy,
"Thỉnh tòng lại dạ quy.
"Cấp ứng Hà Dương dịch,
"Do đắc bị thần xuy".
Dạ cửu ngữ thanh tuyệt,
Như văn khốc u yết.
Thiên minh đăng tiền đồ,
Độc dữ lão ông biệt.

Dịch nghĩa

VIÊN LẠI THÔN THẠCH HÀO

Buổi tối đến ngủ đỗ ở thôn Thạch Hào[1]
Đêm ấy có viên lại đến bắt người.
Ông già vượt tường chạy trốn,
Bà già ra coi cổng.
Viên lại quát tháo sao dữ thế !
Bà già kêu van sao mà khổ thế !
Lắng nghe bà van lơn :
"Có ba con trai đều đi thú ở Nghiệp Thành,[2]

(1) Thuộc huyện Thiểm, tỉnh Hà Nam ngày nay
(2) Nay là huyện An Dương, thuộc tỉnh Hà Nam

Một đứa vừa gửi thư cho biết :
Hai đứa kia vừa chết trận cả !
Đứa sống, sống bấp bênh,
Đứa chết thế là hết !
Trong nhà chẳng còn ai,
Chỉ có đứa cháu đang ấp vú.
Vì có cháu nên mẹ cháu chưa đi,
Ra vào, không có lấy một manh quần lành.
Già này tuy sức đã kém,
Cũng xin theo cậu về ngay đêm nay.
Nếu được kíp chuyển đi phục dịch ở Hà Dương[1]
Thì còn kịp sửa soạn bữa cơm sáng".
Đêm khuya, tiếng nói đã im bặt,
Vẫn còn như nghe tiếng nghẹn ngào thút thít.
Sớm mai khách lên đường,
Chỉ cùng ông già từ biệt !

Dịch thơ

Chiều trú Thạch Hào thôn,
Đêm có lại bắt người.
Ông lão vượt tường trốn,
Bà lão ra cửa coi.
Lại quát tháo, ghê thật !
Bà kêu khổ, thương ôi !
Thoạt nghe bà lão thưa :
"Ba con đi lính trấn,
"Một đứa gửi tin về :
"Hai đứa vừa chết trận,
"Đứa sống sống qua ngày.
"Đứa chết đành thiệt phận.
"Trong nhà chẳng còn ai,
"Chỉ đứa cháu bú mẹ.
"Bận con, nó chưa đi,
"Tấm quần không lành lẽ.
"Mụ đây tuy già yếu,
"Xin theo bác đi ngay,
"Về Hà Dương nhận việc,

(1) Một miền ở phía tây huyện Vụ, Thuộc tỉnh Hà Nam

"Kịp thổi bữa sáng mai".
Đêm khuya đã dứt lời,
Như nghẹn ngào ảo não.
Sáng từ biệt lên đường,
Chỉ còn độc ông lão.

PHẠM LÊ DUYÊN và TƯỜNG NHƯ

VÔ GIA BIỆT

Tịch mịch Thiên Bảo hậu,
Viên lư đãn cao lê.
Ngã lý bách dư gia.
Thế loạn các đông tê (tây)
Tồn giả vô tiêu tức,
Tử giả vi trần nê !
Tiện tử nhân trận bại,
Quy lai tầm cựu khê.
Cửu hành kiến không hạng,
Nhật sấu khí thảm thê !
Đãn đối hồ dữ ly,
Thụ mao nộ ngã đề.
Tứ lân hà sở hữu?
Nhất nhị lão quả thê,
Túc điểu luyến bản chi,
An từ thả cùng thê.
Phương xuân độc hạ xừ,
Nhật mộ hoàn quán khuê.
Huyện lại tri ngã chí,
Triệu linh tập cổ bề.
Tuy tòng bản châu dịch,
Nội cố vô sở huề.
Cận hành chỉ nhất thân,
Viễn khứ chung chuyển mê.
Gia hương ký đãng tận,
Viễn cận lý diệc tề.
Vĩnh thống trường bệnh mẫu,
Ngũ niên uỷ câu khê !
Sinh ngã bất đắc lực,
Chung thân lưỡng toan tê !
Nhân sinh vô gia biệt,
Hà dĩ vi chưng lê?

Dịch nghĩa

CUỘC TỪ BIỆT CỦA KẺ KHÔNG NHÀ

Cảnh tiêu điều sau năm Thiên Bảo[1]
Nhà vườn toàn là cỏ dại.
Xóm mình có hơn trăm nhà,
Gặp đời loạn, mỗi người đi một phương.
Người con không tin tức gì,
Người chết biến thành bụi đất !
Thân hèn vì thua trận,
Tìm lối cũ quay về.
Đi mãi chỉ thấy ngõ vắng,
Ánh nắng thoi thóp, cảnh tượng thê lương !
Trước mắt chỉ thấy cáo cùng cầy,
Xù lông nhìn ta gầm gừ, giận dữ.
Bốn bề hàng xóm còn gì đây?
Một vài bà già goá bụa.
Chim ngủ mến cành quen,
Đâu dám ngại, đành nương náu với nghèo khổ !
Giữa mùa xuân thui thủi vác cuốc,
Chiều tối vẫn tát nước ngoài đồng.
Bọn nha lại trên huyện biết mình về,
Gọi bắt đi tập trống trận.
Nhìn lại chẳng có người nào.
Đi gần chỉ có một thân,
Đi xa cuối cùng lạc lối !
Quê nhà đã sạch sành sanh,
Dù xa hay gần thì cũng thế.
Xót thương vô cùng, mẹ già ốm lâu năm,
Chết đã năm năm rồi vẫn vùi bên khe lạnh.
Đẻ ra mình mà chẳng được nhờ,
Suốt đời mẹ con đều chua xót !
Đời người đến nỗi không có nhà mà từ biệt,
Thực làm kẻ dân đen cũng không đáng.

Dịch thơ

Quạnh quẽ sau Thiên Bảo,
Vườn lều chỉ cỏ gai !

---

(1) Niên hiệu Đường Huyền Tông (742 – 755)

Làng tôi dư trăm nhà,
Thời loạn tản đông tây.
Người còn không tin tức,
Người chết lấp bùn lầy.
Thằng tôi nhân thua trận,
Tìm về lối cũ đây.
Đi hoài thấy ngõ trống,
Buồn tênh bóng nắng gầy !
Chỉ gặp chồn với cáo
Xù lông khịt dọa tôi.
Quanh làng gì đâu có?
Bà goá một đôi người !
Chim còn mến cành cũ,
Đậu khổ vẫn không rời.
Mùa xuân, riêng vác cuốc,
Tối, còn tưới nương soi.
Viên huyện hay tôi về,
Ra lính, đã cho đòi.
Tuy làm lính trong hạt,
Trong nhà không còn ai.
Đi gần riêng lủi thủi,
Đi xa biệt mù khơi.
Quê nhà đà hết sạch,
Xa gần cũng thế thôi !
Xót nỗi mẹ đau ốm,
Vùi xác năm năm rồi !
Sinh tôi chẳng được gì,
Suốt đời hận cả đôi !
Người không nhà mà biệt,
Sao gọi được là người?

KHƯƠNG HỮU DỤNG

MAO ỐC VI THU PHONG SỞ PHÁ CA

Bát nguyệt thu cao phong nộ hào,
Quyển ngã ốc thượng tam trùng mao.
Mao phi độ giang sái giang giao :
Cao giả quải quyên trường lâm sao,

Hả giả phiêu chuyển trầm đường ao.
Nam thôn quần đồng khi ngã lão vô lực,
Nhẫn năng đối diện vi đạo tặc.
Công nhiên bão mao nhập trúc khứ,
Thần tiêu khẩu táo hô bất đắc,
Quy lai ỷ trượng tự thán tức.
Nga khoảnh phong định, vân mặc sắc,
Thu thiên mạc mạc hướng hôn hắc.
Bố khâm đa niên lãnh tự thiết,
Kiêu[1] nhi ác ngoạ đạp lý liệt.
Sàng đầu ốc lậu vô căn xứ,
Vũ cước như ma vị đoạn tuyệt.
Tự kinh táng loạn thiểu thuỵ miên,
Trường dạ triêm thấp hà do triệt !
An đắc quảng hạ thiên vạn gian,
Đại tý thiên hạ hàn sĩ câu hoan nhan.
Phong vũ bất động, an như sơn.
Ô hô ! hà thì nhãn tiền đột ngột hiện thử ốc,
Ngô lư độc phá thụ đống tử diệc túc !

Dịch nghĩa

BÀI HÁT GIÓ THU TỐC NHÀ

Tháng tám, đang giữa mùa thu, gió gào dữ dội,
Cuốn phăng cả mấy lớp tranh trên mái nhà ta.
Tranh bay qua sông, rải rác khắp cả vùng ven sông.
Cái bay cao thì mắc trên ngọn cây rừng,
Cái bay thấp thì quay lộn rồi rơi xuống vùng chuôm ao chìm nghỉm.
Lũ trẻ xóm nam khinh ta già yếu.
Trước mắt ta dám làm đám kẻ cướp :
Cứ công nhiên ôm tranh chạy khuất vào bụi tre,
Rát cổ bỏng họng, gào chẳng ăn thua gì,
Ta đành quay về chống gậy đứng thở dài !
Chốc lát gió yên, mây đen như mực,
Cảnh trời thu mịt mờ, mỗi lúc một tối.
Chiếc chăn vải đã cũ, lạnh như đồng,
Thằng con xấu nết, nằm trái thói, lục đục đạp rách toang.
Nhà đã dột giường không còn chỗ khô,

Mưa cứ rả rích không ngớt hạt.
Từ khi loạn lạc,(1) mình đã ít ngủ,
Nay lại bị dầm nước thâu đêm, chịu sao nổi được đến sáng !
Ước gì có hàng nghìn vạn gian nhà rộng rãi,
Để che ủ cho tất cả hàn sĩ trong thiên hạ.
Khiến mặt ai cũng được tươi vui,
Vững như núi chẳng sợ mưa gió lay chuyển !
Than ôi ! Bao giờ được trông thấy ngôi nhà ấy hiện ra cao ngất,
Thì dù một cái nhà ta tan nát, một mình ta chết cũng cam lòng.

Dịch thơ

Tháng tám thu cao, gió thổi lồng,
Tranh mái nhà ta bốc sạch không !
Bay qua lạch nước rắc bên đồng :
Mảng cao, ngọn miếu giắt lung tung,
Mảng thấp, lều bều nổi dưới sông.
Xóm nam, dàn trẻ khinh ta già lật đật,
Nỡ ra ăn cướp ngay trước mắt !
Lũ trẻ ngỗn nghện cắp tranh vào.
Khản tiếng, rát hầu, dành chịu mất !
Trở về, tựa gậy, thở dài vặt.
Chốc lát gió yên, mây xám ngắt,
Man mác trời thu vừa tối bắt,
Chăn vải lâu năm lạnh hơn sắt !
Con thơ nằm hỗn đạp rách tung,
Nhà dột !... đầu giường ướt như giặt !
Giọt mưa sình sịch còn chưa dứt,
Từ hồi chạy loạn ngủ ít đi,
Ướt át suất đêm khôn nhắm mắt !
Ước gì có được nhà rộng, nghìn muôn gian,
Che chung gầm trời, dân rét đều hân hoan !
Gió mưa không núng, vững như Thái San.
Trời ơi ! Bao giờ trước mắt ngất nghểu toà nhà đó,
Riêng lều ta đổ, chịu chết cóng cũng bõ !.

(1) Loạn An Lộc Sơn

N. T.

THU HỨNG (bát thủ tuyển nhị)

I

Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,
Vu Sơn, Vu Giáp khí tiêu sâm.
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.
Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.
Hàn y xứ xứ thôi đao xích,
Bạch Đế thành cao cấp mộ châm.

Dịch nghĩa

HỨNG THU (tám bài chọn hai)

I

Hạt móc trắng làm cho rừng cây phong tiêu điều,
Núi Vu[1], kẽm Vu[2] hơi thu hiu hắt.
Trong lòng sông, sóng nhảy tận lưng trời,
Trên cửa ải, mây đùn tiếp với mặt đất.
Khóm cúc nở hoa, từ độ ấy đã hai lần làm rơi nước mắt.
Nỗi lòng quê cũ, buộc mãi với con thuyền quạnh hiu.
Lo áo rét, chỗ nào dao thước cũng rộn ràng,
Thành Bạch Đế[3] cao vút, tiếng nện vải về chiều nghe càng mau.

Dịch thơ

Lác đác rừng phong hạt móc sa,
Ngàn non hiu hắt, khí thu loà.
Lưng trời sóng rợn lòng sông thẳm,
Mặt đất mây dùn cửa ải xa.
Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ,
Con thuyền buộc chặt mối tình nhà.
Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước,
Thành Bạch, chầy vang bóng ác tà.

NGUYỄN CÔNG TRỨ

---

(1) và (2) Đều ở Quỳ Châu

(3) Một thành ở Quỳ Châu, do Công Tôn Thuật xây đắp. Khi Thuật đóng giữ đất Thục, tự xưng là Bạch Đế, nên mới gọi tên như vậy.

II

Văn đạo Trường An tự dịch kỳ,
Bách niên thế sự bất thăng bi !
Vương hầu đệ trạch giai tân chủ,
Văn vũ y quan dị tích thì.
Trực Bắc quan sơn kim cổ chấn,
Chinh tây xa mã vũ thư trì !
Ngư long tịch mịch thu giang lãnh,
Cố quốc bình cư hữu sở ti (tư)

Dịch nghĩa

II

Nghe nói tình hình Trường An biến chuyển như cuộc cờ,
Trăm năm cuộc đời biết bao đau xót.
Nhà cửa vương hầu đều đổi chủ mới,
Áo mũ văn võ khác hẳn thời xưa.
Quan san Trực Bắc[1] vang động tiếng trống, tiếng chiêng,
Cuộc chinh tây[2] đang nhộn nhịp ngựa xe, tờ hịch có cài lông gà truyền đi tới tấp.
(Ở Quỳ phủ đây) Sông thu lạnh lẽo, rồng cá im lìm,
Lòng lại nhớ đến nơi cố đô Trường An ngày trước.

Dịch thơ

Nghe nói Trường An tựa cuộc cờ,
Trăm năm thế sự xót xa chưa?
Lâu đài nếp cũ người trông mới,
Áo mũ triều nay kiểu khác xưa.
Canh bắc ải quan rền trống gióng,
Dẹp tây xe ngựa rộn tin đưa.
Cá rồng tịch mịch, sông thu lạnh,
Nước cũ bình yên, chạnh mối tơ.

K.D

(1) Miền Trực Bắc đang có loạn, phải dùng đến quân sự.
(2) Chỉ việc nhà Đường đánh dẹp giặc Thổ Phồn.

TUYỆT CÚ

Lưỡng cá hoàng ly minh thuý liễu,
Nhất hàng bạch lộ thướng thanh thiên.
Song hàm Tây Lĩnh thiên thu tuyết,
Môn bạc Đông Ngô vạn lý thuyền.

Dịch nghĩa

TUYỆT CÚ

Đôi chim oanh vàng hót trong liễu biếc.
Một hàng cò trắng bay lên trời xanh.
Cửa sổ ngậm tuyết Tây Lĩnh đọng hàng nghìn năm,
Trước cửa, thuyền Đông Ngô từ muôn dặm đến đỗ.

Dịch thơ

Hai cái oanh vàng kêu liễu biếc
Một hàng cò trắng vút trời xanh
Nghìn năm tuyết núi song in sắc
Muôn dặm thuyền Ngô cửa rập rình.

TẢN ĐÀ

9. SẦM THAM (715 - 770)

TẨU MÃ XUYÊN HÀNH, PHỤNG TỐNG PHONG ĐẠI PHU XUẤT SƯ TÂY CHINH

Quân bất kiến Tẩu Mã Xuyên hành tuyết hải biên,
Bình sa mãng mãng hoàng nhập thiên.
Luân Đài cửu nguyệt phong dạ hống,
Nhất xuyên toái thạch đại như đẩu,
Tuỳ phong mãn địa thạch loạn tẩu.
Hung Nô thảo hoàng mã chính phì,
Kim Sơn tây kiến yên trần phi,
Hán gia đại tướng tây xuất sư.
Tướng quân kim giáp dạ bất thoát,
Bán dạ quân hành qua tương bát,
Phong đầu như đao, diện như cát.
Mã mao đái tuyết hãn khí chưng,
Ngũ hoa liên tiền tuyền tác băng,
Mạc trung thảo hịch nghiễn thuỷ ngưng.
Lỗ kỵ văn chi ưng đởm nhiếp,
Liệu chi đoản binh bất cảm tiếp,
Xa Sư tây môn trữ hiến tiệp.

Dịch nghĩa

BÀI HÁT "SÔNG TẨU MÃ"(1) TIỄN ĐẠI PHU HỌ PHONG(2) XUẤT QUÂN ĐÁNH GIẶC PHƯƠNG TÂY

Ngươi thấy chăng, sông Tẩu Mã chảy ven bể tuyết
Bãi cát phẳng mênh mông, vàng khè giáp chân trời,
Đất Luân Đài(3), tháng chín, ban đêm gió gầm.
Cả một dọc sông, đá vụn to như đấu,
Theo gió lăn lóc đầy mặt đất.
Đất Hung Nô, mùa cỏ vàng, chính là lúc ngựa đang béo,
Nhìn về phía núi Kim Sơn(4) ở phía Tây : khói bụi mịt mù.

---

(1) Ở phía bắc Duy Ngô Nhĩ thuộc tỉnh Tân Cương ngày nay.
(2) Tướng Phong Thường Thành bấy giờ đóng giữ phía tây bắc Trung Quốc
(3) Cũng thuộc khu tự trị Duy Ngô Nhĩ.
(4) Tức núi A Nhĩ Thái.

Đại tướng nhà Hán ra quân nhằm tiến về phía đó.
Áo giáp sắt trên mình, đêm cũng không cởi,
Nửa đêm hành quân, giáo mác chạm nhau,
Ngọn gió buốt như dao cắt mặt.
Lông ngựa đọng tuyết, mồ hôi bốc hơi,
Đồ thắng trên mình ngựa nằm hoa, thoắt đã đọng váng,
Mực trên nghiên đang thảo hịch trong trướng cũng đóng thành băng.
Đội kỵ binh giặc nghe thấy, hẳn phải mất mật,
Tự biết gươm ngắn, không dám đến gần,
Trước cửa tây nước Xa Sư[1] ta đang chờ dâng tin thắng trận.

Dịch thơ

Ngươi thấy chăng :
Tẩu Mã Xuyên bể tuyết ngời,
Cát vàng bát ngát tận chân trời?
Luân Đài tháng chín gió đêm rú,
Lòng sông, đã vụn to như đấu,
Gió đẩy chạy bừa khắp trong xứ.
Hung Nô cỏ vàng, ngựa béo quay,
Kim Sơn khói bụi ngút miền tây,
Hán triều đại tướng xuất binh ngay.
Thâu đêm tướng quân mặc áo sắt,
Loảng xoảng giáo gươm đi khuya khoắt,
Ngọn gió như dao thổi rách mặt.
Tuyết đầm mình ngựa bốc hơi lên,
Ngựa hoa băng đóng cộm cương yên,
Trong doanh viết hịch váng đầy nghiên.
Địch quân vừa nghe đã khủng khiếp.
Tự biết sức hèn không đánh tiếp.
Cửa tây ta chờ tin báo tiệp

CHÂU GIANG VÀ TƯỚNG NHƯ

SƠN PHÒNG XUÂN SỰ

Lương viên nhật mộ loạn phi nha,
Cực mục tiêu điều tam lưỡng gia.

(1) Một nước xưa, nay là Duy Ngô Nhĩ.

Đình thụ bất tri nhân khứ tận,
Xuân lai hoàn phát cựu thời hoa.

Dịch nghĩa

CẢNH XUÂN TRONG NẾP NHÀ TRÊN NÚI

Cảnh vườn Lương[1] lúc chiều tà, quạ bay tới tấp,
Trông hết tầm mắt cũng chỉ thấy xơ xác vài ba nhà.
Cây trước sân không biết rằng người đã đi hết,
Mùa xuân về còn trổ những bông hoa ngày xưa !

Dịch thơ

Trời tối, vườn Lương quạ dập dìu,
Nhà xa mấy nóc, cảnh đìu hiu.
Cây sân chẳng biết người đi hết,
Xuân tới, hoa xưa vẫn nở đều.

NGÔ TẤT TỐ

HÀNH QUÂN CỬU NHẬT, TƯ TRƯỜNG AN CỐ VIÊN

Cưỡng dục đăng cao khứ,
Vô nhân tống tửu lai.
Dao lân cố viên cúc,
Ưng bạng chiến trường khai.

Dịch nghĩa

KHI HÀNH QUÂN, GẶP NGÀY TRÙNG CỬU[2] NHỚ VƯỜN CŨ Ở TRƯỜNG AN

Cố gượng lên chỗ cao chơi,
(Nhưng) không ai đưa cho rượu
Ở xa nhớ cúc vườn cũ.
Có lẽ đang nở hoa bên chiến trường.

Dịch thơ

Đã toan cố gượng lên cao,
Nhưng còn hũ rượu ai nào đưa lên?
Đoái thương khóm cúc cố viên,
Thu này e cũng nở bên chiến trường.

K.D

(1) Vườn của Lương Hiếu Vương xưa.
(2) Tức ngày mồng 9 tháng 9 âm lịch.

10. BẠCH CƯ DỊ (772 - 846)

TRÌ THƯỢNG

Tiểu oa sanh tiểu đỉnh
Thâu thái bạch liên hồi
Bất giải tàng tung tích
Phù bình nhất đạo khai

Dịch nghĩa

TRÊN AO

Cô bé ngồi trên thuyền con
Hái trộm hoa sen trắng về
Không biết giấu tung tích
Để bèo trên mặt nước dạt thành một vệt

Dịch thơ

Cô em bơi chiếc thuyền con
Bẻ hoa sen trắng lon xon trốn về
Ngây thơ chẳng biết giấu che
Mặt bèo còn rẽ lối đi rành rành

TRẦN TRỌNG KIM

MẠI THÁN ÔNG

Mại thán ông !
Phạt tân, thiêu thán Nam sơn trung.
Mãn diện trần hôi yên hoả sắc,
Lưỡng mấn thương thương, thập chỉ hắc,
Mại thán đắc tiền hà sở doanh?
Thân thượng y thường, khẩu trung thực,
Khả liên thân thượng y chính đan,
Tâm ưu thán tiện nguyện thiên hàn.
Dạ lai thành ngoại nhất xích tuyết,
Hiểu giá thán xa triển băng triệt.

Ngưu khốn, nhân cơ, nhật dĩ cao,
Thị nam môn ngoại nê trung yết.
Lưỡng kỵ phiên phiên lai thị thuỳ?
Hoàng y sứ giả, bạch sam nhi.
Thủ bả văn thư, khẩu xưng "sắc",
Hồi xa sất ngưu khiên hướng bắc
Nhất xa thán trọng thiên dư cân,
Cung sứ khu tương tích bất đắc.
Bán thất hồng sa, nhất trượng lăng,
Hệ hướng ngưu đầu sung thán trIJ.

Dịch nghĩa

ÔNG BÁN THAN

Ông bán than ! Đốn củi, đốt than ở trong núi Nam,
Mặt đầy tro bụi, và khói ám,
Hai mái tóc hoa râm, mười ngón tay đen kịt.
Bán than được tiền, thì ông định làm gì?
May quần áo che thân và kiếm miếng ăn nuôi miệng,
Đáng thương là trên mình ông chỉ có một manh áo đơn,
Thế mà, vì lo than rẻ, ông chỉ mong trời rét.
Đêm qua ngoài thành tuyết xuống dày hàng thước,
Sớm sớm ông đã đánh xe than lăn theo vết bánh xe đầy băng.
Trâu mỏi, người đói, mặt trời lên đã cao,
Ông nghỉ ngay trên vũng bùn ở ngoài chợ cửa nam.
Kìa ! hai người cưỡi ngựa chạy lại phăng phăng kia là ai thế?
Hai sứ giả[1] một áo vàng và một áo trắng
Tay cầm tờ công văn, miệng quát : "sắc"[2]
Quay xe, hò trâu kéo về phía Bắc.
Một xe than nặng hơn nghìn cân,
Người nhà vua lấy đi, tiếc cũng chẳng được !
Nửa tấm the hồng, một trượng lĩnh,
Buộc lên sừng trâu thay tiền than !

Dịch thơ

Ông bán than !
Đốt củi đốt than trong núi Nam

(1) Người của vua sai đi, ở đây chỉ bọn thái giám
(2) Mệnh lệnh của vua.

Mặt mày tro bụi khói lửa ám
Mái tóc hoa râm tay dEn ngòm !
Bán than được tiền ông tính toán :
Phần sắm quần áo, phần gạo cơm.
Thương thay ! Trên mình áo mỏng dính,
Lòng lo than rẻ, mong trời lạnh !
Đêm qua ngoài thành tuyết hàng thước,
Sớm đánh xe than, răinh băng ướt,
Trâu mỏi, người đói, mặt trời cao,
Bùn lầy cửa Nam tạm nghỉ bước.
Băng băng đôi ngựa, kìa ai nhỉ?
Áo vàng, áo trắng hai quan thị.
Tay giơ giấy tờ, mồm quát : "Sắc !"
Quay xe hò trâu kéo về Bắc.
Một xe than nặng hơn nghìn cân,
Người nhà vua lấy, tiếc chẳng được.
Nửa tấm lụa hồng, một trượng the,
Buộc lên sừng trâu, không lấy? mặc !

HOÀNG TẠO và TƯƠNG NHƯ

TỲ BÀ HÀNH

Tầm Dương giang đầu dạ tống khách,
Phong diệp địch hoa thu sắt sắt.
Chủ nhân há mã khách tại thuyền,
Cử tửu dịch ẩm vô quản huyền.
Tuý bất thành hoan, thảm tương biệt,
Biệt thời mang mang giang tẩm nguyệt.
Hốt văn thuỷ thượng tỳ bà thanh,
Chủ nhân vong quy khách bất phát.
Tầm thanh ám vấn đàn giả thuỳ?
Tỳ bà thanh đình dục ngữ trì.
Di thuyền tương cận yêu tương kiến,
Thiêm tửu hồi đăng trụng khai yến.
Thính hô vạn hoán thuỷ xuất lai,
Do bão tỳ bà bán già diện.

Chuyển trục bát huyền tam lưỡng thanh.
Vị thành khúc điệu, tiên hữu tình.
Huyền huyền yểm ức, thanh thanh tứ,
Tự tố bình sinh bất đắc chí.
Đê mi tín thủ tục tục đàn,
Thuyết tận tâm trung vô hạn sự.
Khinh lung mạn nhiên mạt phục khiêu,
Sơ vi "Nghê thường", hậu "Lục yêu".
Đại huyền tao tao như cấp vũ,
Tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ.
Tao tao thiết thiết thác tạp đàn,
Đại châu tiểu châu lạc ngọc bàn.
Gian quan oanh ngữ hoa để hoạt,
U yết tuyền lưu thuỷ há than.
Thuỷ tuyền lãnh sáp huyền ngưng tuyệt,
Ngưng tuyệt bất thông thanh tạm yết.
Biệt hữu u tình ám hận sinh.
Thử thời vô thanh thắng hữu thanh.
Ngân bình sạ phá thuỷ tương bỉnh,
Thiết kỵ đột xuất đao thương minh.
Khúc chung thu bát đương tâm hoạch ;
Tứ huyền nhất thanh như liệt bạch.
Đông thuyền tây phảng tiễu vô ngôn,
Duy kiến giang tâm thu nguyệt bạch.
Trầm ngâm phóng bát sáp huyền trung,
Chỉnh đốn y thường khởi liễm dung.
Tự ngôn : "Bản htị kinh thành nữ,
"Gia tại Hà Mô lăng hạ trú.
"Thập tam học đắc tỳ bà thành,
"Danh thuộc giáo phường đệ nhất bộ.
"Khúc bãi tằng giao Thiện tài phục,
"Trang thành mỗi bị Thu nương đố.
"Ngũ Lăng niên thiếu tranh triển đầu,
"Nhất khúc hồng tiêu bất tri số.

"Điễn đầu ngân tì kích tiết toái,
"Huyết sắc là quần phiên tửu ố.
"Kim niên hoan tiếu phục minh niên,
"Thu nguyệt xuân phong đẳng nhàn độ.
"Đệ tẩu tòng quân, a di tử,
"Mộ khứ, triêu lai nhan sắc cố,
"Môn tiền lãnh lạc xa mã hy,
"Lão đại giá tác thương nhân phụ,
"Thương nhân trọng lợi, khinh biệt ly,
"Tiền nguyệt Phù Lương mãi trà khứ?
"Khứ lại giang khẩu thủ không thuyền,
"Nhiễu thuyền nguyệt minh, giang thuỷ hàn,
"Dạ thâm hốt mộng thiếu niên sự,
"Mộng đề trang lệ hồng lan can".
Ngã văn tỳ bà dĩ thán tức,
Hựu văn thử ngữ trụng tức tức,
Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân,
Tương phùng hà tất tằng tương thức.
"Ngã tòng khứ niên từ đế kinh,
"Trích cư ngoạ bệnh Tầm Dương thành.
"Tầm Dương địa tịch vô âm nhạc,
"Chung tuế bất văn ty trúc thanh.
"Trú cận Bồn Giang địa đê thấp,
"Hoàng lô khổ trúc nhiễu trạch sinh.
"Kỳ gian đán mộ văn hà vật,
"Đỗ quyên đề huyết viên ai minh.
"Xuân giang hoa triêu thu nguyệt dạ,
"Vãng vãng thủ tửu hoàn độc khuynh.
"Khởi vô sơn ca dữ thôn địch,
"Ẩu á trào triết nan vi thinh.
"Kim dạ văn quân tỳ bà ngữ,
"Như thính tiên nhạc nhĩ tạm minh.
"Mạc từ cánh toạ đàn nhất khúc,

"Vị quân phiên tác *Tỳ bà hành*".
Cảm ngã thử ngôn lương cửu lập,
Khước tọa xúc huyền huyền chuyển cấp.
Thê thê bất tự hướng tiền thanh,
Mãn tọa trùng văn giai yểm khấp.
Tọa trung khấp hạ thuỳ tối đa?
Giang châu tư mã thanh sam thấp !

Dịch nghĩa

TỲ BÀ HÀNH

Bến Tầm Dương[1] ban đêm tiễn khách,
Lá phong, hoa lau hơi thu xào xạc.
Chủ nhân xuống ngựa, khách ở trong thuyền,
Nâng chén định uống trong cảnh không đàn, không sáo.
(Nhưng) say mà không thành cuộc vui, lại buồn sắp phải từ biệt,
Lúc từ biệt ánh trăng dầm trong lòng sông mênh mang.
Chợt nghe có tiếng tỳ bà văng vẳng trên mặt nước,
Chủ nhân quên về, khách không rời bến.
Lần đến nơi có tiếng đàn, sẽ hỏi : "Ai đàn tá?"
Tiếng đàn ngừng lại, ý muốn thưa, nhưng lại tần ngần.
Dời thuyền đến gần, mời cho được gặp mặt,
Rót thêm rượu, giong lại đèn, tiệc vui mở tiếp.
Hết lời mời mọc, mới chịu bước ra,
Còn ôm cây tỳ bà che khuất nửa mặt.
Vặn trục lên dây, dạo qua đôi ba tiếng,
Tuy chưa thành khúc điệu nhưng nghe đã có tình.
Mỗi dây ngân lên là những lời ấm ức, mỗi tiếng toát ra bao nhiêu tình tứ,
Nhường như kể hết nỗi bất bình trong đời mình.

(1) Khúc sông Trường Giang chảy qua tỉnh Giang Tây, thị trấn Cửu Giang

Nhẹ cúi đôi mày, thuận tay đều đều gẩy,
Nỗi niềm tâm sự, giãi hết nguồn cơn.
Nắn nhẹ, bắt khoan vê rồi lại dạo,
Hết khúc Nghê thường[1], đến khúc Lục yêu[2],
Dây to rào rạt như mưa sầm sập tới,
Dây nhỏ tỉ tê, gẩy xen thành nhịp,
Như bao hạt châu lớn nhỏ rắc xuống mâm ngọc.
Ca oanh trơn giọng, líu lô trong hoa,
Dịp suối ngập ngừng, nước dội xuống thác.
Suối bỗng rét đọng lại, dây đàn ngừng bặt,
Dây ngừng bặt tiếng tạm im.
Lại hiện ra vẻ sầu hận thầm kín khác,
Lúc này lặng lẽ lại tình tứ hơn là lúc có tiếng đàn.
Bỗng như bình bạc vỡ tan, nước tuôn tung toé,
Đoàn thiết kỵ xung đột, gươm dao đang gầm.
Khúc vừa xong, giữa mặt đàn, phẩy một nhát mạnh,
Cả bốn dây, như một tiếng xe lụa, vang lên.
Thuyền mảng đông tây, lặng im phăng phắc,
Chỉ thấy vầng trăng thu trắng xoá giữa lòng sông.
Lặng lẽ gài chiếc que gảy vào dây đàn,
Xốc áo khép nép đứng dậy,
Kể lể : "Em vốn là người kinh thành,
Nhà ở dưới làng Hà Mô,
Mười ba tuổi đã học thạo ngón tỳ bà,
Tên đứng vào hàng nhất trong phường hát.
Sau mỗi khúc đàn, thường bọn thiện tài phải phục,
Trang điểm xong từng bị ả Thu phát ghen,
Bọn thiếu niên ở Ngũ Lăng tranh nhau tặng thưởng,
Một khúc đàn, đếm không xuể những tấm lụa đào.
Vành lược bạc, cành hoa vàng gẫy tan dịp gõ,
Bức quần lụa hồng, hoen ố những vết rượu rơi.

(1) Tức là khúc "Nghê thường vũ y"
(2) Tên một khúc nhạc.

Cuộc truy hoan qua năm này sang năm khác,
Trăng thu trong, gió xuân mát, thờ ơ trôi qua.
Bỗng đứa em trai phải tòng quân, dì lại chết,
Sớm lại, chiều qua, nhan sắc kém sút.
Trước cửa vắng tanh, xe ngựa thưa.
Trở về già gá nghĩa cùng một chú lái.
Chú lái chỉ tham lợi, coi thường biệt ly,
Bỏ đi Phù Lương buôn chè từ tháng trước.
Từ đấy một mình với chiếc thuyền không,
Trăng rọi quanh thuyền, nước sông lạnh ngắt.
Đêm khuya bỗng mơ lại cuộc đời tuổi xuân,
Lệ hồng trong mơ, ngổn ngang trên má phấn".
Ta nghe tiếng tỳ bà đã ngậm ngùi thay,
Lại nghe câu chuyện càng thêm nức nở :
"Cùng là khách lưu lạc nơi chân trời,
Gặp nhau đây, cứ gì phải là quen biết sẵn?
Ta từ năm ngoái từ giã kinh đô[1]
Bị giáng trích ốm nằm ở thành Tầm Dương.
Tầm Dương là nơi hẻo lánh, làm gì có âm nhạc,
Suốt năm không hề được nghe tiếng sáo, tiếng đàn.
Nhà ở lại gần sông Bồn, nơi ẩm trũng,
Lau úa, trúc gầy, mọc chung quanh nhà.
Ở đấy nghe thấy gì lúc sớm tối?
Quyên kêu khắc khoải, vượn hót nỉ non.
Trước những cảnh sông xuân hoa sớm, đêm thu trăng tròn,
Thường thường chỉ một mình dốc chén.
Há phải không có tiếng hát núi, tiếng sáo đồng,
Khốn nỗi líu lô, líu lường, nghe thêm khó chịu.
Đêm nay mới được nghe tiếng tỳ bà của nàng,
Chẳng khác được nghe nhạc tiên, tai bỗng khoan khoái :

(1) Tháng mười năm Nguyên Hoà thứ 10 (815) Bạch Cư Dị bị đổi ra làm tư mã ở Giang Châu

Hãy vui lòng ngồi lại chơi khúc nữa,
Ta sẽ vì nàng chuyển thành một thiên "Tỳ bà hành"
Cảm lời ta, nàng tần ngần đứng lặng,
Rồi ngồi xuống lên dây, tiếng dây nhộn nhịp ;
Rầu rầu khác hẳn tiếng đàn vừa qua,
Khiến cả đám tiệc đều bưng mặt khóc.
Trong đó ai khóc nhiều hơn?
Quan tư mã Giang Châu vạt áo xanh ướt đẫm.

Dịch thơ

Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách,
Quạch hơi thu, lau lách đìu hiu.
Người xuống ngựa, khách dừng chèo,
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc ti
Say những luống ngại khi chia rẽ.
Nước mênh mông đượm vẻ gương trong.
Đàn ai nghe vẳng bên sông.
Chủ khuây khoả lại, khách dùng dằng xuôi.
Tìm tiếng sẽ hỏi ai đàn tá?
Dừng dây tơ nấn ná làm thinh.
Dời thuyền ghé lại thăm tình.
Chong đèn, thêm rượu, còn dành tiệc vui
Mời mọc mãi, thấy người bỡ ngỡ,
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa.
Vặn dàn mấy tiếng dạo qua,
Dẫu chưa nên khúc, tình đà thoảng hay.
Nghe não nuột mấy dây buồn bực,
Dường than niềm tấm tức bấy lâu ;
Mày chau tay gẩy khúc sầu,
Dãi bầy hết nỗi trước sau muôn vàn.
Ngón buông, bắt khoan khoan dìu dặt,
Trước Nghê thường sau thoắt Lục yêu ;
Dây to nhường đổ mưa rào,

Nỉ non dây nhỏ khác nào chuyện riêng.
Tiếng cao thấp lựa chen lần gẩy,
Mâm ngọc đâu bỗng nẩy hạt châu.
Trong hoa oanh ríu rít nhau,
Nước tuôn róc rách, chảy mau xuống ghềnh.
Nước suối lạnh, day mành ngừng đứt,
Ngừng đứt nên phút bặt tiếng tơ ;
Ôm sầu, mang giận ngẩn ngơ,
Tiếng tơ lặng ngắt, bây giờ càng hay.
Bình hạc vỡ tuôn đầy dòng nước,
Ngựa sắt giong, xô xát tiếng đao ;
Cung đàn trọn khúc thanh tao,
Tiếng buông xé lụa, lụa vào bốn dây.
Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt,
Một vầng trăng trong vắt lòng sông ;
Ngậm ngùi đàn bát xếp xong,
Áo xiêm khép nép hầu mong giãi lời.
Rằng : "Xưa vốn là người kẻ chợ.
Cồn Hà Mô trú ở lân la ;
Học đàn từ thuở mười ba,
Giáo phường đệ nhất chỉ đà chép tên.
Gã Thiện tài sợ phen dừng khúc,
Ả Thu nương ghen lúc điểm tô :
Ngũ Lăng, chàng trẻ ganh đua,
Biết bao the thắm chuốc mua tiếng đàn.
Vành lược bạc gẫy tan dịp gõ,
Bức quần hồng hoen ố rượu rơi :
Năm năm lần lữa vui cười,
Mải trăng hoa chẳng đoái hoài xuân thu.
Buồn em trẩy, lại lo dì thác,
Sầu hôm mai đổi khác hình dong ;
Cửa ngoài xe ngựa vắng không,
Thân già mới kết duyên cùng khách thương.

Khách trọng lợi khinh đường ly cách,
Mải buôn chè sớm tếch nguồn khơi ;
Thuyền không, đậu bến mặc ai,
Quanh thuyền trăng dãi, nước trôi lạnh lùng.
Đêm khuya, sực nhớ vòng tuổi trẻ,
Chợt mơ màng dòng lệ đỏ hoen."
Nghe đàn ta đã trạnh buồn,
Lại rầu nghe nỗi nỉ non mấy lời :
"Cùng một lứa bên trời lận đận,
Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau ;
Từ xa kinh khuyết bấy lâu,
Tầm Dương đất trích gối sầu hôm mai.
Chốn cùng tịch lấy ai vui thích,
Tai chẳng nghe đàn địch cả năm :
Sông Bồn gần chốn cát lầm,
Lau vàng, trúc võ, âm thầm, quanh hiên.
Tiếng chi đó nghe liền sớm tối :
Cuốc kêu sầu, vượn hót véo von ;
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
Lần lần tay chuốc chén son ngập ngừng.
Há chẳng có ca rừng, địch nội?
Giọng líu lo, buồn nỗi khó nghe ;
Tỳ bà nghe dạo canh khuya,
Dường như tiên nhạc gần kề bên tai.
Hãy ngồi lại gẩy chơi khúc nữa,
Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca."
Đứng lâu dường cảm lời ta,
Lại ngồi lựa phím đàn đà kíp dây.
Nghe não nuột khác tay đàn trước,
Khắp tiệc hoa sướt mướt lệ rơi ;
Lệ ai chan chứa hơn người?
Giang Châu tư mã đượm mùi áo xanh.

PHAN HUY VỊNH

TRƯỜNG HẬN CA

Hán hoàng trọng sắc tư khuynh quốc.
Ngự vũ đa niên cầu bất đắc.
Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành,
Dưỡng tại thâm khuê nhân vị thức.
Thiên sinh lệ chất nan tự khí,
Nhất triêu tuyển tại quân vương trắc.
Hồi đầu nhất tiếu bách mị sinh,
Lục cung phấn đại vô nhan sắc,
Xuân hàn tứ dục Hoa Thanh trì,
Ôn tuyền thuỷ hoạt tẩy ngưng chi.
Thị nhi phù khởi kiều vô lực,
Thuỷ thị tân thừa ân trạch thì.
Vân mấn hoa nhan kim bộ dao,
Phù dung trướng noãn độ xuân tiêu.
Xuân tiêu khổ đoản nhật cao khởi,
Tòng thử quân vương bất tảo triều
Thừa hoan thị yến vô nhàn hạ,
Xuân tòng xuân du dạ chuyên dạ.
Hậu cung giai lệ tam thiên nhân,
Tam thiên sủng ái tại nhất thân.
Kim ốc trang thành kiều thị dạ.
Ngọc lâu yến bãi tuý hòa xuân.
Tỷ muội, đệ huynh giai liệt thổ,
Khả liên quang thái sinh môn hộ.
Toại linh thiên hạ phụ mẫu tâm,
Bất trọng sinh nam trọng sinh nữ.
Ly cung cao xứ nhập thanh vân,
Tiên nhạc phong phiêu xứ xứ văn.
Hoãn ca mạn vũ ngưng ty trúc,
Tận nhật quân vương khan bất túc.
Ngư Dương bề cổ động địa lai.
Kinh phá Nghê thường vũ y khúc !

Cửu trùng thành khuyết yên trần sinh,
Thiên thặng vạn kỵ tây nam hành.
Thuý hoa dao dao hành phục chỉ
Tây xuất đô môn bách dư lý.
Lục quân bất phát vô nại hà,
Uyển chuyển nga my mã tiền tử.
Hoa điền uỷ địa vô nhân thu,
Thuý kiều, kim tước, ngọc tao đầu.
Quân vương yểm diện cứu bất đắc,
Hồi khan huyết lệ tương hòa lưu.
Hoàng ai tản mạn phong tiêu tác.
Vân sạn oanh vu đăng Kiếm Các.
Nga My sơn hạ thiểu nhân hành,
Tinh kỳ vô quang nhật sắc bạc.
Thục giang thuỷ bích Thục sơn thanh.
Thánh chủ triêu triêu mộ mộ tình.
Hành cung kiến nguyệt thương tâm sắc.
Dạ vũ văn linh trường đoạn thanh.
Thiên tuyền địa chuyển hồi long ngự.
Đáo thử trù trừ bất năng khứ.
Mã Ngôi pha hạ nê thổ trung,
Bất kiến ngọc nhan không tử xứ.
Quân thần tương cố tận triêm y,
Đông vọng đô môn tín mã quy.
Quy lai trì uyển giai y cựu,
Thái Dịch phù dung Vị Ương liễu ;
Phù du như diện liễu như mi,
Đối thử như hà bất lệ thuỳ !
Xuân phong đào lý hoa khai nhật,
Thu vũ ngô đồng diệp lạc thì.
Tây cung nam nội đa thu thảo,
Lạc diệp mãn giai hồng bất tảo.
Lê Viên đệ tử bạch phát tân,

Tiêu phòng a giám thanh nga lão.
Tịch điện huỳnh phi tứ tiểu nhiên,
Cô đăng khiêu tận vị thành miên.
Trì trì chung cổ sơ trường dạ,
Cảnh cảnh tinh Hà dục thự thiên.
Uyên ương ngoã lãnh sương hoa trọng,
Phí thuý khâm hàn thuỳ dữ cộng?
Du du sinh tử biệt kinh niên.
Hồn phách bất tằng lai nhập mộng.
Lâm Cùng đạo sĩ Hồng Đô khách.
Năng dĩ tinh thành trí hồn phách.
Vị cảm quân vương triển chuyển tư,
Toại giao phương sĩ ân cần mịch.
Bài không ngự khí bôn như điện,
Thăng thiên nhập địa cầu chi biến.
Thượng cùng bích lạc hạ hoàng tuyền.
Lưỡng xứ mang mang giai bất kiến.
Hốt văn hải thượng hữu tiên sơn.
Sơn tại hư vô phiêu diểu gian,
Lâu các linh lung ngũ vân khởi.
Kỳ trung xước ước đa tiên tử.
Trung hữu nhất nhân tự Ngọc Chân,
Tuyết phu hoa mạo sâm si thị.
Kim khuyết tây sương khấu ngọc quynh.
Chuyển giao Tiểu Ngọc báo Song Thành.
Văn đạo Hán gia thiên tử sứ,
Cửu hoa trướng lý mộng hồn kinh.
Lãm y thôi chẩm khởi bồi hồi,
Châu bạc ngân bình dĩ lý khai.
Vân kết bán thiên tân thuỵ giác,
Hoa quan bất chỉnh há đường lai.
Phong xuy tiên duệ phiêu phiêu cử,
Do tự Nghê thường vũ y vũ.

Ngọc dung tịch mịch lệ lan can,
Lê hoa nhất chi xuân đới vũ.
Hàm tình ngưng thế tạ quân vương,
Nhất biệt âm dung lưỡng diểu mang !
Chiêu Dương điện lý ân ái tuyệt,
Bồng Lai cung trung nhật nguyệt trường.
Hồi đầu hạ vọng nhân hoàn xứ,
Bất kiến Trường An kiến trần vụ.
Duy tương cựu vật biểu thâm tình,
Điến hạp kim thoa ký tương khứ.
Thoa lưu nhất cổ, hạp nhất phiến,
Thoa tích hoàng kim hạp phân điến,
Đãn giao tâm sự kim điến kiên,
Thiên thượng nhân gian hội tương kiến.
Lâm biệt ân cần trụng kỳ từ,
Từ trung hữu thệ lưỡng tâm tri :
Thất nguyệt thất nhật Trường sinh điện.
Dạ bán vô nhân tư ngữ thì.
"Tại địa nguyện tác tỵ dực điểu,
Tại địa nguyện vi liên lý chi."
Thiên trường địa cửu hữu thì tận,
Thử hận miên miên vô tuyệt kỳ.

Dịch nghĩa

TRƯỜNG HẬN CA

Vua Hán[1] trọng sắc đẹp, muốn có một người nghiêng nước nghiêng thành

Ở ngôi bao năm tìm kiếm không được.
Họ Dương có cô gái mới lớn lên,
Nuôi dạy ở nơi buồng the, người ngoài chưa ai biết.
Vẻ đẹp trời sinh khó tự bỏ hoài,

(1) Chỉ Đường Minh Hoàng.

Một sớm được tuyển vào bên vua.
Mỗi lần ngoảnh mặt, nhoẻn cười lại lộ ra trăm vẻ đáng yêu.
Sáu cung[1] son phấn không còn ai đáng gọi là có nhan sắc nữa.
Tiết xuân lạnh, được tắm ở hồ Hoa Thanh[2],
Suối ấm, nước trơn giội trên da trắng mịn như mỡ đông.
Thị tỳ nâng dậy, yếu mềm như không còn sức nữa,
Ấy là lần đầu tiên được thấm nhuần ơn vua.
Tóc mây, mặt hoa, những chuỗi ngọc trên đầu rung rinh,
Màn phù dung ấm áp, đêm xuân này qua đêm xuân khác.
Bực nỗi đêm xuân ngắn ngủi, mặt trời lên cao rồi mới dậy,
Từ đấy vua không ra coi chầu sớm nữa.
Khi mua vui, khi hầu tiệc, chẳng lúc nào ngơi,
Mùa xuân theo đi chơi xuân, đêm nào cũng là riêng của nàng với vua.
Gái đẹp nơi hậu cung hàng ba nghìn người,
Tình yêu thương đối với ba nghìn người ấy nay trút cả vào một mình nàng,
Nơi nhà vàng, trang hoàng xong, là chỗ của những đêm hầu hạ nũng nịu,
Tiệc lầu ngọc, tan rồi là buổi say sưa với cả chiều xuân êm ái !
Chị em, anh em đều được cất đất phong quan,
Khen thay ! một mình làm vẻ vang cho cả nhà cả họ !
Khiến cho lòng những người làm cha mẹ trong thiên hạ,
Quý sinh con gái hơn con trai.
Cung điện trên núi Ly Sơn[3] cao vút mây xanh.
Khúc nhạc tiên theo gió đưa đi, nơi nơi nghe tiếng.
Giọng ca trầm trầm, điệu múa khoan khoan hoà với tiếng đàn tiếng sáo.
Suốt ngày vua xem không xuể.

---

(1) Chỉ chung các nơi vợ vua ở.
(2) Một hồ trên núi Ly Sơn, có suối nước ấm. Đường Minh Hoàng sai xây cung điện ở đấy để làm nơi nghỉ, chơi.
(3) Tức là núi Ly Nhung, ở tỉnh Thiểm Tây ngày nay.

Tiếng trống trận Ngư Dương[1] bỗng dậy đất kéo đến,
Làm cho điệu múa "Nghê thường vũ y[2]" tan tác kinh hoàng.
Chín lần thành khuyết, khói bụi mịt mù,
Nghìn cỗ xe, muôn cỗ ngựa chạy về tây nam.
Tàn thắm, cờ hoa ngả nghiêng dùng dắng.
Đi ra phía tây, khỏi công thành được hơn trăm dặm.
Bỗng sáu quan không chịu tiến, tình thế khó xong,
Gái mày ngài phải quần quại chết trước đầu ngựa.
Bông hoa vàng, cành thuý kiều, hình kim tước và trâm ngọc cài đầu,
Rơi rắc trên mặt đất chẳng còn ai nhặt,
Cứu không nổi, vua đành bưng mặt,
Khi nhìn lại, máu pha nước mắt đã chảy ròng ròng,
Bụi vàng tản mát bay, gió hiu hắt thổi,
Những đọt thang mây vẫn uốn khúc cheo leo trên núi Kiếm Các
Dưới chân núi Nga My[3] thưa thớt người đi,
Bóng cờ ủ rũ, ánh mặt trời bạch phếch
Sông đất Thục[4] biếc, núi đất Thục xanh
Ánh trăng nơi hành cung, trông những đau lòng.
Tiếng kiểng lúc đêm mưa, nghe càng đứt ruột.
Trời xoay đất chuyển, xe rồng[5] lại trở về.
Tới đó[6] dùng dắng không nỡ dời chân.
Trong đống đất bùn, trên bãi Mã Ngôi,
Mặt ngọc nào thấy đâu, còn trơ chỗ thác uổng !
Vua tôi nhìn nhau, ai nấy lệ rơi thấm áo,
Hướng về phương đông, phía cổng thành, mặc cho vó ngựa quen đường lững thững bước về.
Tới nơi, ao vườn vẫn nguyên như cũ
Hoa phù dung hồ Thái Dịch, liễu cung Vị Ương
Thấy hoa phù dung, nhớ đến mặt (nàng), thấy lá liễu, nhớ lông mày (nàng)

---

(1) Nơi An Lộc Sơn trấn thủ, thuộc tỉnh Hà Bắc ngày nay.

(2) Một điệu múa gốc từ Ấn Độ, truyền sang Trung Quốc, Đường Minh Hoàng sửa đổi lại thành một điệu ca vũ trong Hoàng cung.

(3) Ở phía tây nam tỉnh Tứ Xuyên ngày nay.

(4) Nay là tỉnh Tứ Xuyên.

(5) Xe của vua

(6) Chỉ bãi Mã Ngôi, nơi Dương Quý Phi chết

Trước cảnh ấy, cầm sao được giọt lệ !
Những buổi gió xuân, đào lý nở hoa.
Những lúc mưa thu, ngô đồng rụng lá.
Đền Tây Cung[1] điện Nam Nội[2] cỏ thu mọc đầy,
Lá rụng tơi bời, đỏ thềm không ai quét.
Bọn con em nơi Lê Viên[3] tóc đà nhuốm bạc.
Lũ thái giám, thị tỳ chốn tiêu phòng[3] cũng đã già rồi.
Trước điện, buổi tối, cái đóm bay, cảnh tình lặng ngắt.
Ngọn đèn vò võ khêu đã hết bấc, giấc mộng vẫn
chưa thành.
Tiếng trống cầm canh chầm chậm, qua đêm mới
bắt đầu dài,
Ánh sao lấp lánh trên sông Ngân lúc trời sắp sáng,
Lớp sương nặng phủ trên mái ngói uyên ương[4] giá ngắt.
Chăn cánh trả, lạnh như tiền, chung đắp cùng ai?
Kẻ khuất người còn xa nhau đã hơn năm trời đằng đẵng
Hồn phách chưa từng gặp nhau trong giấc chiêm bao !
Một đạo sĩ ở Lâm Cùng[5] đến chơi Hồng Đô[6]
Có phép thuật tinh thành gọi được hồn phách người chết.
Vì cảm nỗi lòng vua nhớ nhung trằn trọc,
Mới sai phương sĩ[7] hết lòng tìm kiếm :
Xé tầng mây, cưỡi làn gió, đi nhanh như chớp,
Lên trời, xuống đất, tìm khắp mọi nơi.
Trên từ mây biếc, dưới đến suối vàng,
Cả hai nơi đều mênh mang không thấy.
Chợt nghe ở ngoài bể có ngọn núi tiên.
Núi rập rờn trong khoảng hư vô huyền ảo.
Lầu gác lộng lẫy, năm thức mây lồng.
Có bao nàng tiên thướt tha yểu điệu,
Trong đó, một nàng tên gọi Ngọc Chân.
Da tuyết, mặt hoa na ná giống.
Gõ cửa ngọc mái tây nơi kim khuyết

---

(1).(2). Tên hai cung. Đường Minh Hoàng sau khi chạy loạn trở về, truyền ngôi cho con, làm thái thượng hoàng và lần lượt ở hai cung này.

(3) Tên một điện trong cung Vị Ương đời Hán, nơi vợ vua ở.

(4) Nguỵ Văn Đế nằm mơ thấy hai viên ngói rơi xuống đất hoá đôi uyên ương, về sau người ta gọi thứ ngói cứ ghép hai phiến một để lợp nhà là ngói uyên ương.

(5) Nay là huyện Cùng Lai, tỉnh Tứ Xuyên.

(6) Nguyên là cửa một cung điện đời Hán ; nay dùng để chỉ nơi Kinh đô.

(7) Tức đạo sĩ

Nhờ Tiểu Ngọc, truyền bảo đến Song Thành[1]
Nghe có sứ vua Hán tới
Trong màn cửu hoa giật mình tỉnh giấc,
Khép áo, đẩy gối, bồi hồi trở dậy.
Cánh rèm châu, bức mành bạc từ từ mở ra,
Bối tóc mây hơi lệch, vẻ còn ngái ngủ.
Mũ hoa đội chưa ngay, vội bước xuống thềm.
Gió thổi, vạt áo nhẹ nhẹ bay,
Hệt như lúc đang múa khúc "Nghê thường vũ y"
Vẻ ngọc âm thầm, vắn dài hàng lệ,
Một cành hoa lê đẫm hạt mưa xuân.
Đăm đăm khoé mắt, nghẹn ngào :
"Đa tạ lòng quân vương.
"Một lần từ biệt đôi ngả cách mặt khuất lời
"Tình ân ái ở điện Chiêu Dương thế là đoạn tuyệt.
"Ngày tháng trong cung Bồng Lai dài đằng đẵng.
"Ngoảnh mặt nhìn xuống cõi đời,
"Không thấy Trường An, chỉ thấy bụi trần mờ mịt !
"Nay xin mượn vật cũ để tỏ tình thâm.
"Chiếc hộp khảm, cành kim thoa, gửi mang về giúp.
"Thoa để lại một nhánh, hộp để lại một mảnh,
"Thoa bẻ nhánh vàng, hộp chia mảnh khảm,
"Chỉ nguyên tấm lòng bền như vàng như khảm,
"Kẻ trên đời, người trần thế sẽ còn gặp nhau !"
Lúc sắp từ biệt còn ân cần nhắn gửi mấy lời
Trong đó có lời thề riêng, chỉ hai tấm lòng được biết.
Đó là đêm mồng bảy tháng bảy, tại điện Trường Sinh[2]
Nửa đêm, người vắng, thề riêng với nhau :
"Ở trên trời nguyện làm chim liền cánh,
"Ở dưới đất, nguyện làm cây liền cành".
Trời đất dài lâu cũng có lúc hết,
Hận này dằng dặc, không thuở nào cùng !

Dịch thơ

Đức vua Hán mến người khuynh quốc,
Trải bao năm tìm chuốc công tai.
Nhà Dương có gái mới choai,

(1) Tên hai tiên nữ.
(2) Một điện trong cung Hoa Thanh đời Đường

Buồng xuân khoá kín chưa ai bạn cùng.
Lạ gì của tuyết đông ngọc dúc,
Chốn ngai vàng phút chốc ngồi bên.
Một cười trăm vẻ thiên nhiên,
Sáu cung nhan sắc thua hờn phấn son.
Trời xuân lạnh, suối tuôn mạch ấm,
Da mỡ đông kỳ tắm ao Hoa.
Vua yêu bận ấy mới là,
Con hầu nâng dậy coi dà mệt thay !
Vàng nhẹ bước lung lay tóc mái,
Màn phù dung êm ái đêm xuân.
Đêm xuân vắn vủi có ngần,
Ngai rồng từ dấy chậm phần vua ra.
Suốt ngày tháng tiệc hoa vui mãi.
Đêm xuân tàn, xuân lại còn đêm.
Ba nghìn xinh dẹp chị em,
Ba nghìn yêu quý chất nêm một mình.
Nhà vàng đúc, đêm thanh ôm ấp,
Lầu ngọc cao, say ắp mầu xuân.
Anh em sướng đủ mọi phần,
Mà cho thiên hạ có lần rẻ trai.
Văng tiên nhạc khắp nơi nghe biết,
Làn gió đưa cao tít Ly Cung.
Suốt ngày múa hát thung dung,
Tiếng tơ, tiếng trúc say lòng quân vương.
Ầm tiếng trống Ngư Dương kéo đến,
Khúc Nghê thường tan biến như không.
Chín lần thành khuyết bụi tung,
Nghìn xe, muôn ngựa qua vùng tây nam.
Đi lại đứng hơn trăm dặm đất,
Cờ thuý hoa bóng phất lung lay,
Sáu quân dùng dằng làm rầy,
Mày ngài trước ngựa lúc này thương ôi !
Ai người nhặt thoa rơi bỏ đất,
Ôi ! Thuý kiều ngọc nát vàng phai.
Quân vương bưng mặt cho rồi,
Quay đầu trông lại, máu trôi lệ dàn.
Gió tung bụi mê man tản mác.
Đường thang mây Kiếm Các lần đi.

Vắng tanh, dưới núi Nga My,
Mặt trời nhạt thếch, tinh kỳ buồn tênh !
Đất Ba Thục non xanh nước biếc,
Lòng vua cha thương tiếc hôm mai.
Thấy trăng luống những đau người,
Đêm mưa đứt ruột, canh dài tiếng chuông.
Phút trời đất quay cuồng vận số,
Bánh xe rồng đến chỗ ngày xưa.
Đất bùn chỗ chết còn trơ,
Thấy đâu mặt ngọc ! bây giờ Mã Ngôi !
Đầm vạt áo, vua tôi giọt lệ,
Gióng dây cương, ngựa tế về đông.
Cảnh xưa dương liễu, phù dung,
Vị Ương, Thái Dịch hồ cung vẹn mười.
Phù dung đó, mặt ai đâu tá?
Mày liễu đâu? Cho lá còn như.
Càng trông hoa liễu năm xưa,
Càng xui nước mắt như mưa ướt đầm,
Xuân đào lý gió đêm huê nở,
Thu khi mưa rụng lá ngô đồng,
Kìa Nam Uyển, nọ Tây Cung,
Đầy thềm ai quét lá hồng thu rơi?
Vườn lê cũ những ai con hát?
Mái tóc coi trắng phớt lạ lùng.
Những ai coi giữ tiêu phòng,
Mày xanh thuở ấy này cùng già nhăn.
Trước cung điện nhìn sân đêm tối,
Đom đóm bay gợi mối u sầu.
Ngọn đèn khêu đã cạn dầu,
Khó thay, giấc ngủ dễ hầu ngủ xong !
Tiếng canh tối tùng tùng điểm trống,
Năm canh dài chẳng thấy giống đêm xưa...
Sông Ngân lấp lánh sao thưa,
Trời như muốn sáng, sao chưa sáng trời?
Trên mái ngói sương rơi ướt lạnh,
Trong chăn nằm bên cạnh nào ai?
Cách năm sống thác đôi nơi,
Thấy đâu hồn phách vãng lai giấc nồng?
Khách đạo sĩ Lâm Cùng có gã,

Chơi Hồng Đô phép lạ thần thông.
Xót vì vua chúa nhớ nhung,
Mới sai phương sĩ hết lòng ra tay.
Cưỡi luồng gió như bay như biến,
Trên trời xanh, dưới đến đất đen.
Hai nơi bích lạc, hoàng tuyền,
Dưới trên tìm khắp mơ huyền thấy chi !
Sực nghe nói tìm đi mé bể,
Có non tiên ngoài phía hư không.
Rực vàng cung điện linh lung,
Xa trông năm sắc mây lồng đẹp sao !
Trong tha thướt biết bao tiên tử,
Một nàng tiên tên chữ Ngọc Chân,
Mặt hoa da tuyết trắng ngần,
Dáng như người ấy có phần phải chăng?
Mái tây gõ cửa vàng then ngọc,
Cậy đưa tin Tiểu Ngọc, Song Thành,
Nghe tin sứ giả Hán Đình,
Cửu hoa trong trướng giật mình giấc mơ,
Cầm áo dậy, thẫn thơ buồn bực,
Mở rèm châu, bình bạc lần ra.
Bâng khuâng nửa mai mây tà,
Thềm cao xuống chiếc mũ hoa lệch đầu.
Phới tay áo bay màu ngọn gió,
Giống Nghê thường khúc múa năm xưa.
Lệ dàn mặt ngọc lưa thưa,
Cành lê hoa chíu hạt mưa xuân đầm.
Ngừng nước mắt âm thầm buồn bã,
Đội ơn lòng, xin tạ quân vương.
Từ ngày cách trở đôi phương,
Vắng tanh tăm tiếng, mơ màng hình dong.
Nơi đế điện dứt vòng ân ái,
Chốn tiên cung thư thái tháng ngày.
Cõi trần ngoảnh lại mà hay,
Tràng An chẳng thấy, thấy đầy bụi nhơ !
Lấy chi tỏ tình xưa thăm thú?
Gửi cành hoa vật cũ cầm xuôi,
Thoa vàng hộp khảm phân đôi,
Nửa xin để lại nửa thời đem đi.
Chỉ xin nguyện lòng ghi dạ tạc,

Tựa thoa vàng bền chắc không phai.
Thời cho cách trở đôi nơi,
Nhân gian rồi với trên trời gặp nhau.
Ân cần dặn mấy câu lâm biệt,
Lời thề xưa lòng biết với lòng
Là đêm trùng thất ngồi chung,
Trường sinh sẵn điện vắng không bóng người.
Xin kết nguyện chim trời liền cánh,
Xin làm cây cành nhánh liền nhau.
Thấm chi trời đất dài lâu,
Giận này dằng dặc dễ hầu có nguôi.

TẢN ĐÀ

11. LIỄU TÔNG NGUYÊN (773 - 819)

GIANG TUYẾT

Thiên sơn điểu phi tuyệt,
Vạn kinh nhân tung diệt.
Cô chu thôi lạp ông,
Độc điếu hàn giang tuyết.

Dịch nghĩa

TUYẾT TRÊN SÔNG

Giữa ngàn non, chim bay tắt bóng,
Trên đường muôn ngả, dấu người vắng tanh.
Thuyền trơ trọi, ông già nón lá áo tơi,
Một mình ngồi thả câu trong tuyết trên sông lạnh.

Dịch thơ

Nghìn non, bóng chim tắt,
Muôn nẻo, dấu người không.
Thuyền đơn, ông tơi nón,
Một mình câu tuyết sông.

TƯƠNG NHƯ

DỮ HẠO SƠ THƯỢNG NHÂN ĐỒNG KHÁN SƠN KÝ KINH HOA THÂN CỐ

Hải bạn tiêm sơn tự kiếm mang,
Thu lại xứ xứ cát sầu trường.
Nhược vi hoá đắc thân thiên ức,
Tán tác phong đầu vọng cố hương.

Dịch nghĩa

CÙNG THƯỢNG NHÂN HẠO SƠ NGẮM NÚI, GỬI NHỮNG NGƯỜI THÂN THÍCH CŨ Ở KINH HOA[1]

Núi ở trên bờ bể nhọn như mũi gươm,
Mùa thu tới, đâu đâu cũng cắt dạ sầu thương.
Ví bằng thân này biến hoá được thành ra ngàn ức,
Thì sẽ tản ra những đầu non, vọng về quê nhà.

Dịch thơ

Ven biển đầu non tựa mũi gươm,
Đến thu đều cắt dạ sầu thương.
Thân này ví phỏng thành muôn ức.
Đứng vạn đầu non ngóng cố hương.

TƯƠNG NHƯ

1. Tức Kinh đô

12. THÔI HỘ
(Sống khoảng trước - sau 796)

ĐỀ ĐÔ THÀNH NAM TRANG

Tích niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ,
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

Dịch nghĩa

ĐỀ Ở TRẠI PHÍA NAM ĐÔ THÀNH[1]

Năm ngoái hôm nay trong cổng này,
Mặt người và hoa đào, màu hồng ánh lẫn nhau.
(Giờ đây) mặt người không biết đã đi đâu,
(Chỉ còn) hoa đào vẫn cười trước gió đông[2] như cũ.

Dịch thơ

Cửa đây, năm ngoái cũng ngày này,
Má phấn, hoa đào ửng dỏ hây.
Má phấn giờ đâu? đâu vắng tá?
Hoa đào còn bỡn gió xuân đây.

TƯƠNG NHƯ

THANH MINH

Thanh minh thời tiết vũ phân phân,
Lộ thượng hành nhân dục đoạn hồn.
Tá vấn tửu gia hà xứ hữu,
Mục đồng dao chỉ Hạnh Hoa thôn.

Dịch nghĩa

TIẾT THANH MINH

Tiết Thanh minh mưa rơi lất phất,
Người đi trên đường buồn tan nát cả tấm lòng.

---

(1) Trường An

(2) Đông phong, gió phương đông tức là gió xuân. Theo các bản mới đều chép : xuân phong.

Ướm hỏi nơi nào có quán rượu,
Trẻ chăn trâu chỉ xóm Hạnh Hoa ở đằng xa.

Dịch thơ

Thanh minh lất phất mưa phùn,
Khách đi đường thấm nỗi buồn xót xa.
Hỏi thăm quán rượu đâu à?
Mục đồng chỉ lối Hạnh Hoa thôn ngoài.

TƯỚNG NHƯ

XÍCH BÍCH

Chiết kích trầm sa thiết bị tiêu,
Tự tương ma tẩy nhận tiền triều.
Đông phong bất dữ Chu lang tiện,
Đồng Tước xuân thâm toả nhị Kiều.

Dịch nghĩa

SÔNG XÍCH BÍCH[1]

Mũi kích gãy nằm trong cát, sắt chưa mòn hết.
Tự tay mình mài rũa, đã nhận thấy dấu vết triều đại trước.
Gió đông ví không thuận tiện cho chàng Chu Du[2]
Thì cảnh xuân thâm nghiêm của đài Đồng Tước[3]
đã khoá chặt hai nàng Kiều[4]

Dịch thơ

Cát vùi lưỡi kích còn trơ,
Rũa mài nhận dấu triều xưa rõ ràng.
Gió đông ví phụ Chu lang,
Một nền Đồng Tước khoá xuân hai Kiều.

TƯỚNG NHƯ

(1) Một khúc sông trên Trường Giang, thuộc huyện Gia Ngư, tỉnh Hồ Bắc
(2) Chu Du nhờ gió đông nổi lên mới dùng hoả công đốt cháy các chiến thuyền của Tào Tháo.
(3) Đài do Tào Tháo dựng lên (trong địa phận tỉnh Hà Nam hiện nay).
(4) Hai chị em họ Kiều. Chị lấy Tôn Sách, em lấy Chu Du.

TẶNG BIỆT

Đa tình khước thị tổng vô tình,
Duy giác tôn tiền tiếu bất thành,
Lạp chúc hữu tâm hoàn tích biệt,
Thế nhân thuỳ lệ đáo thiên minh

Dịch nghĩa

TẶNG NHAU KHI CHIA TAY

Đa tình rút cục hoá vô tình,
Chỉ cảm thấy trước chén rượu muốn cười không được.
Ngọn nến có lòng thương tiếc lúc chia tay,
Rỏ lệ thay người đến tận sáng.

Dịch thơ

Đa tình mà lại hoá vô tình,
Thật khó làm vui trước chén quỳnh.
Chiếc nến có lòng còn luyến tiếc,
Thay người nhỏ lệ suốt năm canh.

TƯƠNG NHƯ dịch

13. LÝ THƯƠNG ẨN (813 - 858)

VÔ ĐỀ

Tương kiến thời nan, biệt diệc nan,
Đông phong vô lực bách hoa tàn.
Xuân tàm đáo tử ti phương tận,
Lạp cự thành hôi lệ thuỷ can.
Hiểu kính đãn sầu vân mấn cải,
Dạ ngâm ưng giác nguyệt quang hàn.
Bồng Lai thử khứ vô đa lộ,
Thanh điểu ân cần vị thám khan.

Dịch nghĩa

KHÔNG ĐẦU ĐỀ

Gặp nhau thật khó khăn, xa nhau cũng khó khăn,
Gió đông yếu ớt, trăm hoa tàn.
Con tằm đến chết, tơ nhả ra mới hết,
Nến sáp thành tro, lệ rỏ mới khô.
Xem gương buổi sớm, những buồn tóc mây đổi màu,
Ngâm thơ ban đêm, càng cảm thấy ánh trăng giá lạnh.
Lần này tới Bồng Lai đường xa không mấy,
Ân cần nhờ chim xanh thăm hỏi giúp ta.

Dịch thơ

Khó gặp nhau mà cũng khó xa
Gió xuân dành để rụng trăm hoa
Con tằm đến thác tơ còn vướng,
Chiếc nến chưa tàn lệ vẫn sa.
Sáng ngắm gương, buồn thay mái tuyết,
Đêm ngâm thơ, thấy lạnh trăng ngà.
Bồng Lai tới đó không xa mấy,
Cậy với chim xanh dọ lối mà.

KHƯƠNG HỮU DỤNG và TƯƠNG NHƯ dịch

TẢO KHỞI

Phong lộ đạm thanh thần
Liêm gian độc khởi nhân,
Oanh đề hoa hựu tiếu,
Tất cánh thị thuỳ xuân?

Dịch nghĩa

DẬY SỚM

Gió lặng sương êm, sớm mai mát mẻ,
Trong rèm có người một mình tỉnh dậy.
Chim oanh hót, hoa lại cười,
Cảnh xuân thực ra dành cho ai?

Dịch thơ

Gió êm sương nhạt sớm mai,
Một mình thức dậy khoan thai trước mành.
Hoa cười oanh nói trên cành,
Gẫm xem xuân sắc trời dành cho ai?

K.D

14. BÌ NHẬT HƯU (833 - 883)

TƯỢNG UẨN THÁN

Thâm thu tượng tử thục,
Tản lạc trăn vu cương.
Khu khu hoàng phát uẩn,
Thập chi tiễn thần sương,
Di thời thuỷ doanh cúc,
Tân nhật phương mãn khuông.
Kỷ bộc phục kỷ chưng,
Dụng tác tam đông lương,

Sơn tiền hữu thục đạo,
Tử tuệ tập nhân hương.
Tế hoạch hựu tinh thung
Lạp lạp như ngọc đương.
Trì chi nạp vu quan,
Tư thất vô thương sương.
Như hà nhất thạch dư,
Chỉ tác ngũ đẩu lường?

Giảo lại bất uý hình,
Tham quan bất tị tang.
Nông thì tác tư trái,
Nông tất quy quan thương.
Tự đông cập vu xuân,
Tượng thực cuống cơ trường.
Ngô văn Điền Thành Tử,
Trá nhân do tự vương.
Hu ta phùng tượng uẩn
Bất giác lệ triêm thường

Dịch nghĩa

LỜI THAN CỦA BÀ NHẶT HẠT GIẺ

Cuối thu, quả giẻ chín,
Rụng rải rác trên đồi đầy gai góc.
Một bà lưng còng, tóc ngả màu vàng,
Dẫm lên lớp sương mai để nhặt.

Khá lâu mới được một vốc tay,
Cả ngày mới được đầy rổ.
Rồi phơi đi, đồ lại mấy lần,
Để làm lương ăn trong ba tháng đông.

Trước núi có đồng lúa chín,
Những bông tím sẫm, ngào ngạt hương thơm.
Gặt lượm cẩn thận, xay giã kỹ càng,
Hạt nào hạt nấy trắng muốt như ngọc.

Đem gạo nộp cho quan,
Là trong nhà dốc bồ
Tại sao hơn một thạch(1) gạo,
Mà chỉ tính có năm đấu?

Bọn gian lại không sợ pháp luật,
Lũ tham quan không kiêng tham tang.
Đang vụ, phải đi vay riêng để cấy cày :
Gặt về, thu hết vào kho nhà nước.
Từ mùa đông đến mùa xuân.
Lấy quả giẻ để đánh lừa dạ dày !
Ta nghe xưa có Điền Thành Tử(2)
Chỉ nhân nghĩa vờ mà dựng được nghiệp vua.

Than ôi ! gặp bà nhặt quả giẻ,
Bỗng rưng lệ rơi thấm áo xiêm.

---

(1) Đơn vị đo lường ngày xưa

(2) Tể tướng nước Tề đời Chiến quốc, cố ý mua chuộc lòng người đã dùng đấu lớn cho dân vay thóc và khi thu về, vẫn tính số đấu đã vay, nhưng dùng đấu nhỏ hơn, về sau con cháu làm vua nước Tề.

Thu già, quả giẻ chín,
Rụng lăn dưới cỏ đồi.
Lưng còng, bà tóc bạc,
Nhặt giẻ đạp sương mai.
Hồi lâu được một nắm,
Hết ngày đầy giỏ cời.
Mấy lần phơi, lăn hấp,
Để cuối đông cầm hơi.
Trước núi có lúa chín,
Bông tím, hương ngát mùi.
Sàng kỹ lại giã sạch,
Hạt hạt như ngọc trai.
Thuế quan đem nộp tất,
Vựa nhà không hột rơi.
Có sao già một thạch,
Chỉ còn năm đấu thôi?
Lại không sợ phép nước,
Quan cướp giữa ban ngày
Giữa mùa vay chủ nợ,
Cuối mùa đổ cho người.
Mùa đông đến mùa xuân,
Hột giẻ dối dạ dày.
Ta nghe Điền Thành Tử,
Giả nhân nghĩa, nên ngôi.
Ôi ! gặp bà nhặt giẻ,
Bất giác lệ tuôn dài.

KHƯƠNG HỮU DỤNG

15. NHIẾP DI TRUNG (837 - ?)

VỊNH ĐIỀN GIA

Nhị nguyệt mại tân ti,
Ngũ nguyệt thiếu tân cốc.
Y đắc nhãn tiền sang,
Uyển khước tâm đầu nhục.
Ngã nguyện quân vương tâm,
Hoá tác quang minh chúc.
Bất chiếu ỷ la diên,
Chỉ chiếu đào vong ốc.

Dịch nghĩa

VỊNH NHÀ NÔNG

Tháng hai bán non tơ mới,
Tháng năm bán trước thóc mới,
Chữa được vết thương trước mắt,
Phải khoét miếng thịt ở cuống tim.
Ta ước ao lòng nhà vua
Hoá làm ngọn đuốc sáng,
Không soi những tiệc đầy lượt là,
Mà chỉ soi những nhà đã xiêu giạt.

Dịch thơ

Tháng hai bán sớm tơ,
Tháng năm bán non thóc.
Cắt miếng thịt cuống tim,
Trị vết thương trước mắt.
Ta ước lòng nhà vua,
Hoá thành ánh ngọn đuốc.
Chẳng soi tiệc hào hoa,
Chỉ soi nhà xiêu giạt.

KHƯƠNG HỮU DỤNG

16. ĐỖ TUÂN HẠC (846 - 907)

SƠN TRUNG QUẢ PHỤ

Phu nhân binh tử thủ bồng mao,
Ma trữ y sam, mấn phát tiêu.
Tang giá phế lai do nạp thuế,
Điền viên hoang hậu thượng chinh miêu.
Thời khiêu dã thái hoà căn chử,
Toàn chước sinh sài đới diệp thiêu.
Nhiệm thị thâm sơn cánh thâm xứ,
Dã ưng vô kế tị chinh diêu.

Dịch nghĩa

NGƯỜI ĐÀN BÀ GOÁ TRONG NÚI

Chồng chết vì chiến trận nên một mình giữ nếp nhà tranh,
Áo bằng gai, đầu tóc vàng khè.
Việc tầm tang bỏ hoang rồi, thuế vẫn phải nộp,
Ruộng vườn đã hoang vu còn bị đòi thuế thóc lúa.
Bữa ăn thường hái rau dại nấu cả rễ,
Thiếu củi, đem cành tươi vừa chặt được, để cả lá mà đốt.
Dù vào tận núi sâu, càng sâu hơn nữa,
Cũng không cách nào tránh khỏi đóng thuế đi phu.

Dịch thơ

Vì chồng chết trận, giữ cơ ngơi,
Mái tóc vàng hoe, tấm áo gai.
Vườn ruộng hoang tàn, tô vẫn thúc,
Dâu tằm bỏ phế, thuế chưa thôi.

17. TRẦN ĐÀO

(Sống khoảng trước - sau 850)

LŨNG TÂY HÀNH

Thệ tảo hung nô bất cố thân
Ngũ thiên điêu cẩm táng Hồ trần
Khả liên Vô Định hà biên cốt
Do thị xuân khuê mộng lý nhân !

Dịch nghĩa

BÀI HÁT LŨNG TÂY[1]

Không đoái tiếc thân mình, thề quét sạch Hung Nô,
Năm nghìn tướng sĩ, áo gấm, mũ lông điêu, đã vùi xác ở đất Hồ
Đáng thương cho nắm xương bên sông Vô Định[2]
Vẫn còn là người trong chiêm bao của khách phòng xuân!

Dịch thơ

Thề quét Hung Nô sá mất còn,
Năm nghìn tướng sĩ đất Hồ chôn.
Thương thay! xương chất bờ Vô Định
Mà vẫn người trong mộng gối xuân

KHƯƠNG HỮU DỤNG và TƯƠNG NHƯ

(1) Lũng Tây : nay thuộc tỉnh Cam Túc.

(2) Sông Vô Định : thuộc tỉnh Thiểm Tây, con sông thay đổi bất thường nên gọi như vậy

18. TÀO ĐƯỜNG (THỜI KỲ VÃN ĐƯỜNG)

TIÊN TỬ TỐNG LƯU, NGUYÊN XUẤT ĐỘNG

Ân cần tương tống xuất Thiên Thai,
Tiên cảnh na năng khước tái lai.
Vân dịch ký qui tu cưỡng ẩm,
Ngọc thư vô sự mạc tần khai
Hoa đương động khẩu ưng trường tại,
Thuỷ đáo nhân gian định bất hồi
Trù trướng khê đầu tòng thử biệt,
Bích sơn minh nguyệt chiếu thương đài

Dịch nghĩa

NÀNG TIÊN TIỄN LƯU, NGUYỄN RA KHỎI ĐỘNG

Ân cần tiễn nhau ra khỏi núi Thiên Thai
Cõi tiên đâu có thể đến lần nữa được?
Rượu Vân dịch[1], người đã về cố uống đi !
Lá Ngọc thư[2], nếu không cần đừng năng mở
Hoa cửa động đang còn tươi mãi,
Nước về trần quyết không quay lại.
Ngơ ngẩn đầu suối ly biệt từ đây,
(Chỉ còn) ánh trăng trên núi biếc soi lớp rêu xanh.

Dịch thơ

Ân cần đưa khỏi lối Thiên Thai
Tiên cảnh khôn mong trở lại rồi
Chén rượu ngày về nên gượng uống,
Phong thư vô sự chớ thường coi.
Hoa nương cửa động hoa thơm mãi,
Nước xuống khơi trần nước chảy xuôi,
Theo tiễn bâng khuâng trên suối lạnh,
Rêu ngàn non quạnh bóng trăng soi.

NGÂN GIANG

---

(1) Vân dịch : Thứ rượu tiên, người uống được trường sinh.

(2) Ngọc thư : lá thư quý báu, nói lẽ mầu nhiệm của cõi tiên.

VĂN HỌC TỐNG

THƠ TÔ THỨC (1037-1101)*

1. Thủy điệu ca đầu.
2. Niệm nô kiều.
3. Tiền Xích Bích phú.
4. Hậu Xích Bích phú.

THƠ LỤC DU** (1125 - 1210)

1. Kim thác đạo hành.
2. Quan sơn nguyệt.
3. Chiến thành nam.
4. Thư phẫn.
5. Lũng đầu thủy.
6. Nông gia thán.

---

* Tô Thức còn gọi là Tô Đông Pha sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống văn học. Ông đỗ tiến sĩ năm 21 tuổi, làm quan cho đến lúc từ trần. Tác phẩm có khoảng 4000 bài thơ, hơn 300 bài từ và rất nhiều bài văn xuôi.

** Lục Du là nhà thơ yêu nước nổi tiếng thời Nam Tống, năm 29 tuổi đỗ tiến sĩ. Ông luôn chủ trương khôi phục lãnh thổ và đã hai lần tham gia Bắc phạt, song đều bị bại, nên bị triều đình hèn nhát dập vùi. Tác phẩm để lại là "Kiếm nam thi cảo" gồm khoảng 9300 bài thơ, 130 bài từ và nhiều bài văn xuôi khác.

1. THƠ TÔ THỨC

THỦY ĐIỆU CA ĐẦU

Minh nguyệt kỷ thời hữu?
Bả tửu vấn thanh thiên.
Bất tri thiên thượng cung khuyết,
Kim tịch thị hà niên?
Ngã dục thừa phong quy khứ,
Duy khủng quỳnh lâu ngọc vũ,
Cao xứ bất thăng hán,
Khởi vũ lộng thanh ảnh,
Há tự tại nhân gian?
Chuyển châu các,
Đê ỷ hộ,
Chiếu vô miên.
Bất ưng hữu hận,
Há sự trường hướng biệt thời viên?
Nhân hữu bi hoan ly hợp,
Nguyệt hữu âm tinh viên khuyết,
Thử sự cổ nan toàn.
Đãn nguyện nhân trường cửu,
Thiên lý cộng thuyền quyên.

Dịch nghĩa

BÀI TỪ ĐIỆU "THỦY ĐIỆU CA ĐẦU"

Trăng có từ bao giờ? Cầm chén rượu hỏi trời xanh. Không biết trên cung khuyết nhà trời, đêm nay là năm nào? Ta muốn cưỡi gió trở về nơi đó, chỉ sợ lầu quỳnh nhà ngọc, cao vút lạnh không chịu nổi. Sao bằng cứ ở nhân gian nhảy múa vui đùa dưới bóng trăng thanh.

Lần qua gác tía, cúi nhòm cửa là, soi người không ngủ. Tưởng trăng chẳng đáng giận ai, cớ sao lại cứ tròn mãi lúc người ta ly biệt? Người có lúc buồn, lúc vui, lúc tan, lúc hợp. Trăng có khi mờ, khi tỏ, khi khuyết, khi tròn, việc ấy từ xưa không trọn vẹn, chỉ ước ao cho người sống mãi, nghìn dặm cùng chung bóng dịu dàng.

Trăng có từ bao thuở?
Nâng chén hỏi trời cao.
Đêm nay nơi thiên cung nguyệt điện,
Chẳng biết thuộc năm nào?
Ta muốn bay về theo gió,
Chỉ sợ lầu quỳnh gác ngọc,
Cao thẳm rét biết nhường bao.
Múa nhảy mừng vui bóng nguyệt,
Cõi trần thích thú nhiều hơn.
Qua gác tía.
Dòm cửa gấm,
Dọi canh sầu.
Chẳng nên oán giận,
Có sao tròn mãi lúc lìa nhau?
Người có vui buồn tan hợp,
Trăng có tỏ mờ tròn khuyết,
Từ xưa khó trọn đều.
Chỉ ước người sống mãi,
Dặm nghìn chung bóng yêu kiều.

NAM TRÂN dịch.

NIỆM NÔ KIỀU

Đại giang đông khứ.
Lãng đào tận thiên cổ phong lưu nhân vật.
Cố luỹ tây biên,
Nhân đạo thị Tam Quốc Chu Lang Xích Bích.
Loạn thạch xuyên không,
Kinh đào phách ngạn.
Quyển khởi thiên đôi tuyết, đống
Giang sơn như họa,
Nhất thời đa thiểu hào kiệt!
Dao tưởng Công Cẩn đương niên,
Tiểu Kiều sơ giá liễu,
Hùng tư anh phát.
Vũ phiến luân cân,
Đàm tiếu gian,
Cường lỗ hôi phi yên diệt.
Cố quốc thần du,
Đa tình ưng tiếu ngã,
Tảo sinh hoa phát.

Nhân gian như mộng,
Nhất tôn hoàn loát giang nguyệt.

Dịch nghĩa

BÀI TỪ ĐIỆU "NIỆM NÔ KIỀU"

Sông Trường Giang chảy về đông, làn sóng cuốn đi hết những nhân vật phong lưu ngàn thuở. Luỹ cũ ở phía tây, nghe nói đây là nơi diễn ra trận Xích Bích của Chu Du thời Tam Quốc. Núi đá lởm chởm cao chọc trời, đợt sóng kinh người vỗ vào bờ, cuộn lên tựa nghìn đống tuyết. Non sông như vẽ, một thuở biết bao anh tài.

Xa tưởng chàng Công Cẩn thuở ấy, vừa cưới Tiểu Kiều, tư thế hào hùng, với chiếc quạt lông, với khăn giải lụa, trong chốc lát cười nói mà thuyền kẻ địch tan tành như tro vạc khói bay. Thả tinh thần đi thăm nước cũ, đáng cười ta là kẻ đa tình, tuổi chửa bao nhiêu đầu đã bạc. Đời người như giấc mộng, bình rượu còn đem tưới xuống mặt trăng dưới lòng sông.

Dịch thơ

Sông lớn về đông,
Sông gạn hết nhân vật phong lưu muôn thuở.
Nghe rằng phía tây luỹ cũ,
Xích-bích xưa lừng lẫy tiếng Chu Du.
Đá chọc mây mù,
Bờ gầm sóng hãi,
Bọt ngầu lên nghìn đống tuyết to.
Giang sơn như vẽ,
Biết bao hào kiệt thời xưa.
Nhớ lại Công Cẩn bấy giờ,
Sánh Tiểu Kiều duyên mới,
Tư thái anh hùng,
Khăn lụa quạt lông,
Nói cười khoan khoái,
Diệt quân Tào trong trận hoả công.
Mơ thời Tam quốc,
Đáng cười ta con người đa cảm,
Tóc vội sương lồng.
Cõi đời như mộng,
Rượu còn đem tưới trăng sông.

NAM TRÂN dịch.

TIỀN XÍCH BÍCH PHÚ [1]

Ngày rằm tháng bảy mùa thu năm Nhâm Tuất[2], Tô Tử cùng khách bơi thuyền, chơi dưới núi Xích Bích[3]. Hây hây gió mát, sóng lặng như tờ. Rót rượu mời khách, đọc thơ Minh Nguyệt[4], ngâm thơ Yểu điệu[5]. Một lát, trăng lên khỏi núi đằng đông, lững thững giữa hai khoảng sao Ngưu, Đẩu. Sương trắng xoá, toả trên mặt sông, nước trong tiếp nối chân trời. Mặc cho lá thuyền nhỏ trôi giữa dòng sông mênh mông bát ngát. Nhẹ nhàng như cưỡi gió trên không, không biết đến đâu thì hết. Phơi phới như kẻ đạo sĩ thoát cảnh tục bay lên cảnh tiên. Lòng phấn chấn, nâng cốc, gõ mạn thuyền ca rằng:

Thung thăng thuyền quế chèo lan,
Khua tan sóng nước trăng vờn chơi vơi.
Bên lòng canh cánh nhớ ai,
Nhớ người quân tử bên trời xa xăm[6]

Khách có người dựa lời ta ca, thổi sáo hòa theo. Tiếng sáo rên rỉ như oán, như sầu, như khóc, như than. Dư âm lanh lảnh không dứt như sợi tơ, có thể làm cho thuồng luồng trong hang sâu phải quay cuồng, người đàn bà goá trên chiếc thuyền cô quạnh phải rơi lệ. Tô Tử buồn rầu, thu vạt áo, ngồi ngay ngắn, hỏi khách:

– Sao tiếng sáo lại não nùng như thế?

Khách đáp:

---

(1) Bài dịch này nguyên là của Phan Kế Bính đăng trên *Đông Dương tạp chí* số 63. Chúng tôi có theo bản dịch ra tiếng bạch thoại mà sửa chữa một vài chỗ.

(2) Nhâm Tuất, tức là năm Tống Thần Tông, Nguyên Phong năm thứ 4.

(3) Xích Bích là tên một dãy núi ở huyện Gia Ngư, tỉnh Hồ Bắc, trên bờ sông Dương Tử. Năm 208, Tào Tháo từ đất Giang Lăng, đánh đuổi Lưu Bị. Bị cầu cứu Tôn Quyền. Tướng Tôn Quyền là Chu Du dùng lối hoả công đánh, thuyền của Tào Tháo cháy sạch, quân Tào thua to. Hai bên bờ sông vì lửa đốt biến thành màu đỏ, nên gọi Xích Bích (Vách đỏ). Tô Đông Pha bị trích ở Hoàng Châu (nay là huyện Hoàng Cương, tỉnh Hồ Bắc). Ở Hoàng Châu cũng có một dãy núi sắc đá đỏ cũng gọi là Xích Bích. Tô Đông Pha đi chơi dưới dãy núi này rồi làm bài phú trên.

(4) Thơ *Minh nguyệt* tức bài *Nguyệt xuất* trong *Kinh thi* (Trần phong).

(5) *Chương Yểu điệu* là chương đầu của bài *Nguyệt xuất*.

(6) Mấy câu thơ chữ Hán như sau:
Quế trạo hồ lan tương,
Kích không mình hề tố lưu quang
Điệu điệu hề dư hoài,
Vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương.
(Mỹ nhân ở đây không phải là người đẹp mà là quân tử, bạn ở trong triều).

– Câu "*Trăng sáng sao thưa, quạ bay về nam*"[1], chẳng phải là của Tào Mạnh Đức[2] đó ư? Nơi đây phía tây thì nhìn ra Hạ Khẩu[3], phía đông thì nhìn ra Vũ-xương[4], núi non bao quanh, cây cối um tùm, chẳng phải là nơi Tào Mạnh Đức bị Chu Du[5] vây hãm đó ư? Đang lúc Tào Mạnh Đức phá đất Kinh Châu[6], xuống thành Giang Lăng[7], thuận dòng mà đi về phía đông, tàu bè muôn dặm, cờ tán rợp trời, rót chén rượu đứng trên mặt sông, cầm ngang ngọn giáo, ngâm câu thơ, thực là anh hùng một đời. Thế mà nay ở đâu rồi! Huống chi tôi với bác, đánh cá kiếm củi ở bến sông này, kết bạn cùng tôm cá, chơi bời với hươu nai, bơi một chiếc thuyền con, nhấc chén rượu mời nhau, gửi thân phù du trong khoảng trời đất, nhỏ bé như hạt thóc trong biển cả. Thương thay cho sinh mệnh ngắn ngủi của con người mà thèm cái vô cùng vô tận của con sông Trường Giang. Tôi biết không thể dắt được tiên ngao du nơi này nơi nọ, ôm lấy vùng trăng tỏ mà sống mãi ở đời, nên mới gửi gắm dư âm trong làn gió hắt hiu này.

Tô tử nói:

– Bác có biết nước và trăng không? Nước chảy mãi thế kia nhưng chưa từng trôi qua. Trăng khi tròn khi khuyết như thế kia nhưng cũng chưa hề to hơn hoặc mất đi! Bởi từ nơi biến đổi mà nhìn thì khoảng trời đất chẳng qua như một chớp mắt. Nhưng nếu từ nơi không biến đổi mà xem, thì muôn vật cùng ta vẫn là vô cùng vô tận. Như thế thì có gì là đáng thèm nữa. Vả lại trong khoảng trời đất, vật nào có chủ ấy. Nếu không phải là của mình dù một ly cũng không lấy được. Chỉ có ngọn gió mát trên sông, cùng vừng trăng tỏ trong núi, tại ta nghe thì thành thanh âm, mắt ta trông thì thành màu sắc, lấy không ai cấm, dùng không bao giờ hết. Đó là kho vô tận của tạo hóa, và đó cũng là thú của bác với tôi.

Khách nghe mừng mà cười, rửa chén, rót rượu uống lần nữa. Khi đồ nhắm, hoa quả đã hết, mâm chén bỏ ngổn ngang, khách cùng ta gối đầu ngủ ở trong thuyền, không biết vừng đông đã sáng bạch từ bao giờ.

---

(1) Nguyên văn: "Nguyệt minh tinh hy, Ô thước nam phi"
Hai câu này ở trong bài *Đoản ca hành* của Tào Tháo.
(2) *Tào Mạnh Đức*, tức Tào Tháo.
(3) *Hạ Khẩu* nay là Hàn Khẩu.
(4) *Vũ xương* ở tỉnh Hồ Bắc.
(5) Nói chuyện đánh cá ở sông Xích Bích.
(6) *Kinh Châu*, nay thuộc tỉnh Hồ Nam.
(7) *Giang Lăng* thuộc tỉnh Hồ Bắc.

HẬU XÍCH - BÍCH PHÚ

Giữa tháng mười năm ấy, ta rời Tuyết Dương[1] đi Lâm Cao[2]. Đi cùng ta có hai người khách, qua dốc Hoàng nề. Sương đã xuống, cây rụng sạch lá. Bóng người in trên mặt đất, ngẩng đầu thấy vừng trăng sáng. Trông bốn phương lòng vui khấp khởi. Vừa đi vừa ca hát với nhau. Ta phàn nàn: "Có khách mà không có rượu, có rượu cũng chẳng có thức nhắm, làm gì cho qua đêm trăng trong gió mát này?". Khách bảo: "Chiều nay tôi cất lưới được một con cá, miệng rộng vây nhỏ, hình thù giống loại cá lô ở sông Tùng Giang[3]. Nhưng tìm đâu ra rượu?".

Ta về bàn cùng vợ, vợ nói: "Từ lâu tôi vẫn cất một đấu rượu phòng khi mình cần dùng". Thế rồi cùng mang rượu và cá xuống thuyền, cùng khách lại dạo chơi dưới núi Xích Bích. Nước chảy rì rào, bờ cao nghìn thước. Núi càng cao trông trăng càng nhỏ. Nước rút xuống, sỏi đá nhô lên. Chưa bao lâu mà vẻ núi sông đã thay đổi, không còn nhận được nữa. Ta vén áo bước lên bờ, giẫm đá cao lởm chởm. Vạch bụi bờ rậm rịt, ngồi trên những tảng đá hình thù như hổ báo, trèo lên cây cổ thụ uốn khúc mình rồng, ngửng lên vin tổ cắt trên cành cao, cúi đầu nhìn cung đài của thủy thần sâu thẳm. Hai người khách không thể đến chỗ này cùng ta được. Bỗng có một tiếng kêu dài rung chuyển cả cỏ cây, dội vang rừng núi, gió nổi sóng trào. Lòng ta cũng trở nên buồn lặng, rùng mình sợ hãi, không thể ở đó lâu. Bèn trở lại thuyền, cho thuyền ra giữa dòng, mặc cho trôi đi đâu thì đi. Đêm đã gần khuya, bốn bề im lặng. Vừa lúc ấy, có một con chim hạc, từ phía đông lại, bay qua sông, cánh lớn như bánh xe, thân như người mặc áo đen, xiêm trắng, kêu một tiếng dài, lướt qua thuyền ta rồi bay thẳng về phương tây. Một lát sau, khách từ giã, ta cũng về nhà ngủ. Trong giấc mơ thấy một vị đạo sĩ mặc áo lông, uốn mình nhảy múa đến Lâm cao, chào ta rồi hỏi: "Đi chơi Xích Bích có vui không?". Ta hỏi họ tên, nhưng vị đạo sĩ cúi đầu không đáp. " Thôi ta biết rồi! Bóng chim đêm trước lướt qua thuyền ta chính là người đấy ư?" Đạo sĩ quay đầu mỉm cười. Ta cũng sực tỉnh. Vội mở cửa nhìn thì đã biến đâu rồi.

---

(1) *Tuyết đường*: ngôi nhà Tô Thức làm ở Hoàng Châu trong thời gian bị trích.

(2) *Lâm cao*: tên đất cũng ở Hoàng Châu.

(3) *Tùng Giang*: là một con sông ở Giang Tô.

2. THƠ LỤC DU

KIM THÁC ĐAO HÀNH[1]

Hoàng kim thác đao[2] bạch ngọc trang[3]
Dạ xuyên song phi xuất quang mang,
Trượng phu ngũ thập công vị lập,
Đề đao độc lập cố bát hoang[4].
Kinh hoa[5] kết giao tận kỳ sĩ,
Ý khí tương kỳ cộng sinh tử.
Thiên niên sử sách sĩ vô danh,
Nhất phiến đan tâm báo thiên tử.
Nễ lai tòng quân Thiên Hán[6] tân,
Nam Sơn[7] hiển tuyết ngọc lân tuân.
Ô hô! Sở tuy tam hộ năng vong Tần[8]
Khởi hữu đường đường Trung Quốc không vô nhân!

Dịch nghĩa

BÀI CA THANH GƯƠM MẠ VÀNG

cây gươm báu thếp vàng nạm ngọc
Đêm khuya ánh sáng rọi qua cửa sổ.
Kẻ trượng phu năm mươi tuổi đầu chưa lập nên công danh.
Cầm gươm đứng một mình nhìn bốn phương hoang vắng.
Lúc ở kinh đô, từng kết bạn với những kẻ hào hùng,

(1) Bài thơ này làm năm 1173, chủ yếu nói chí nguyện của mình vì nước lập công danh, trước sau như một. Có nhiều người khác cũng phấn đấu như mình, cho nên Trung Quốc không thể diệt vong, việc khôi phục giang sơn nhất định sẽ được thực hiện.
(2) *Kim thác đao*: con dao (kiếm), trên lưỡi có khảm vàng. Một thứ kiếm quý.
(3) *Bạch ngọc trang*: chỉ cán dao (kiếm), vỏ dao có khảm bạch ngọc.
(4) *Bát hoang*: chỉ chỗ xa vắng, hoang vu.
(5) *Kinh hoa*: tức kinh sư, kinh đô. Chỉ Lâm An, kinh đô Nam Tống.
(6) *Thiên Hán*: chỉ sông Hán Thủy, một nhánh sông Trường Giang.
(7) *Nam sơn*: tức Chang nam sơn, tên núi miền nam tỉnh Thiểm Tây.
(8) *Sở tuy tam hộ năng vong Tần:* Thời Chiến quốc nước Tần dùng thủ đoạn ngoại giao cô lập nước Sở. Sở Hoài vương đem binh đánh Tần, quân Tần thua. Nhưng rồi Sở Hoài vương bị vua Tần lừa sang đất mình, giữ lại Hoài vương chết ở đấy. Người nước Sở rất phẫn nộ. Trong dân gian có truyền câu: "Sở tuy tam hộ, vong Tần tất Sở" (ý nói: nước Sở tuy người ít nhưng nước Sở sẽ làm cho nước Tần suy vong). Lục Du dùng điều này để nói rằng Tống Huy Tông và Tống Khâm Tông tuy bị Kim bắt làm tù binh, đất Trung Nguyên tuy bị Kim xâm lược, nhưng nhân dân Trung Quốc quyết tâm là nhất định sẽ tiêu diệt được Kim để phục thù.

Quyết tâm sống chết cùng nhau khôi phục giang sơn.
(*Có gì*) hổ thẹn bằng không có tên trong sử sách nghìn thu.
(*Nên nguyện*) đem tấm lòng son báo đền ơn thiên tử.
Anh đến đây tòng quân ở bờ sông Hán thủy.
Nhìn lên ngọn núi Chung Nam sơn, sáng mai trông thấy tuyết chồng chất lấp lánh như ngọc.
Ô hô! Nước Sở tuy ít người nhưng có thể làm cho Tần suy vong.
Há Trung Quốc đất rộng nhiều người mà không có ai? (*đứng ra phục được đất nước hay sao*).

Dịch thơ

Thanh gươm báu vàng pha ngọc dát,
Giữa đêm trường ánh hắt qua song.
Năm mươi chửa lập nên công,
Cầm gươm đứng giữa non sông lặng nhìn.
Bạn kỳ sĩ kết thân thuở trước,
Hẹn cùng nhau vì nước diệt thù.
Tấc lòng báo đáp ơn sâu,
Hổ chưa tên tuổi nghìn sau với đời.
Sông Thiên hán cõi ngoài vùng vẫy,
Núi Nam sơn tuyết rải long lanh.
Sở Tần chuyện cũ rành rành,
Lẽ nào Trung Quốc lại đành bó tay.

QUAN SƠN NGUYỆT[1]

Hòa nhung[2] chiếu hạ thập ngũ niên,
Tướng quân bất chiến không lâm biên,
Chu môn trầm trầm án ca vũ.
Cưu mã phỉ tử, cung đoạn huyền!
Thú lâu điêu đẩu thôi lạc nguyệt,
Tam thập tòng quân kim bạch phát.

Bài thơ này làm năm 1177, lúc ở Thành Đô, đại ý nói từ khi vua Tống nghị hòa với Kim, chia cắt đất nước, bọn hảo môn quý tộc vẫn sống xa hoa, hưởng lạc, tướng quân thì không nghĩ đến chiến đấu nữa, sĩ binh sống mòn mỏi ở biên cương, do đó Kim tha hồ xâm lược Trung Nguyên, nhân dân hết sức cực khổ, ngày đêm mong mỏi quân Tống lên thu phục giang sơn.

(1) *Quan sơn nguyệt*: tên một điệu Nhạc phủ đời Hán. Các triều đại thường lấy đầu đề Nhạc phủ đặt tên cho những bài thơ của mình.

(2) *Hoà Nhung*: Chỉ việc vua Tống Hiến Tông năm 1164 hạ chiếu giảng hòa với quân Kim. Từ đó cho đến khi Lục Du làm bài thơ này là mười lăm năm.

Địch lý thuỳ tri tráng sĩ tâm?
Sa đầu không chiến tòng chinh cốt.
Trung nguyên can qua cổ diệc văn,
Khởi hữu nghịch Hồ truyền tử tôn?
Di dân[1]nhẫn tử vọng khôi phục,
Kỷ xứ kim tiêu thuỳ lệ ngân!

Dịch nghĩa

Từ khi vua ra chiếu cầu hòa đến nay đã mười lăm năm,
Tướng quân không đánh nữa, ở biên thuỳ qua ngày đoạn tháng không làm gì hết.
Ở chốn cửa son, bọn hào môn vọng tộc vẫn ngày đêm ca múa vui chơi.
Ngựa héo chết trong chuồng, cung đứt dây!
Mõ cầm canh ở đồn thú giục trăng lặn.
Kẻ chiến sĩ tòng quân từ năm ba mươi nay tóc đã bạc.
Ai hiểu nỗi lòng tráng sĩ gửi trong tiếng địch?
Ngoài bãi cát, xương chiến sĩ phơi đầy.
Thường nghe nói Trung nguyên xưa kia bao nhiêu lần bị xâm lấn.
Nhưng há giặc Hồ có thể truyền ngôi cho con cháu?
Nhân dân chịu chết, chờ ngày khôi phục.
Đêm nay, bao nhiêu nơi, nước mắt đang rơi.

Dịch thơ

"Cầu hòa" chiếu xuống bao năm trường.
Tướng thôi đánh giặc chỉ ngồi suông.
Cửa son đắm đuối vui ca múa,
Cung đứt, ngựa héo chết trong chuồng.
Mõ canh trên lầu giục trăng lặn,
Ba chục tòng quân nay tóc trắng.
Nỗi lòng tráng sĩ ai thấu chăng?
Xương phơi đầy đồng hoang bãi vắng.
Xưa kia ngoại tộc lấy Trung Nguyên.
Ai để chúng đời đời chiếm cứ?
Mong ngày khôi phục chết cũng cam.
Lệ di dân tuôn rơi bao xót!

---

(1) *Di dân*: dân ở trong vùng bị chiếm.

CHIẾN THÀNH NAM [1]

Vương sư xuất thành nam,
Trần đầu ám thành bắc.
Ngũ quân chiến mã như thác tú.
Xuất nhập biến hóa bất khả trắc.
Nghịch Hồ khi thiên phụ Trung Quốc,
Hổ lang tuy mãnh ná thắng đức?
Mã tiền ôn y tranh khất hàng.
Mãn địa tung hoành đầu kiếm kích.
Tướng quân trú pha ủng hoàng kỳ[2].
Khiển kỳ truyền lệnh vật tự nghi,
Chiến thư hứa như dĩ bất tử,
Cổ lật[3] hà vi hãn như tẩy!

Dịch nghĩa

Quân nhà vua xuất phát phía nam thành,
Phía bắc thành, bụi bay vù lên.
Quân lính, ngựa chiến bày bố thiên hình vạn trạng.
Ra vào, biến hóa, không lường được.
Giặc Hồ bất chấp cả mệnh trời xâm lăng đất Trung Quốc,
Lang sói tuy dữ nhưng làm sao thắng được đức,
Trước ngựa, chúng khóc lóc xin hàng,
Kiếm kích quăng xuống đầy đất,
Tướng quân đóng quân ở bờ núi treo cờ vàng lên.
Phát binh truyền lệnh không nên nghi ngờ,
Lệnh vua đưa xuống không giết chết người,
Nhưng không biết làm sao hai chân chúng cứ run lên,
mồ hôi đổ xuống như tắm.

THỰ PHẪN**

Tảo tuế na tri thế sự gian?
Trung Nguyên bắc vọng khí như sơn.

---

* Bài thơ này làm năm 1177, lúc nhà thơ ở Thành Đô. Ông tưởng tượng quân Nam Tống xuất binh đánh Kim, chiếm lại được Trung Nguyên. Giặc thua, bỏ kiếm xuống, đầu hàng.

(1) *Chiến thành nam*: cũng là tên một điệu Nhạc phủ.

(2) *Hoàng kỳ*: cờ vàng. Cờ Nam Tống màu vàng.

(3) *Cổ lật*: hai chân run.

Lâu thuyền[1] dạ tuyết Qua Châu độ[2]
Thiết mã thu phong Đại Tán quan[3].
Tái thượng trường thành[4] không tự hứa.
Kinh trung suy mấn dĩ tiêu ban.
Xuất sư nhất biểu[5] chân danh thế,
Thiên tải thuỳ kham bá trọng[6] gian?

Dịch nghĩa

GHI LÒNG PHẪN UẤT

Thuở nhỏ nào biết việc đời khó khăn như thế!
Nhìn bên Trung Nguyên ở phía bắc, lòng uất giận ngùn ngụt cao như núi.
Ở bến Qua Châu, giữa đêm tuyết, chiến thuyền của ta từng chặn đường quân giặc.
Ở quan Đại Tán, ngựa sắt của ta đã đánh lui chúng lúc gió thu về.
Đã từng hứa sẽ trở thành danh tướng lập công khôi phục giang sơn.
Nay cầm gương soi thấy tóc bạc mà chí chưa thành.
Xưa kia Gia Cát Lượng là bậc danh thế đã viết biểu xuất sư Bắc phạt đánh Tào Nguỵ,
Ngàn thu há ai dám so sánh!

Dịch thơ

Tuổi thơ nào biết việc đời khó?
Nhìn đất Trung Nguyên hận ngút cao.
Ngựa sắt gió thu qua Đại Tán,
Chiến thuyền đêm tuyết chặn Qua Châu.
Cứu nước lập công chí chưa đạt.
Soi gương màu tóc đã hầu phai.
Xuất-sư Gia Cát lừng tên tuổi,
Mấy kẻ xưa nay dám đọ tài.

Bài thơ này làm năm 1186, lúc ở Sơn Âm, quê nhà.

(1) *Lâu thuyền*: chiến thuyền.
(2) *Qua châu độ*: bến đò Qua châu ở tỉnh Giang Tây. Năm 1161, quân Kim mang quân xuống xâm lược miền Nam, qua bến đò này, nhưng bị chiến thuyền miền Nam chặn đường không qua được.
(3) *Đại tán quan*: tên một cửa ải ở tỉnh Thiểm tây. Cũng năm 1161, quân Kim chiếm cửa ải này, nhưng năm sau thì phải thối binh. Do đó nhà Tống lại thu hồi được.
(4) *Trường thành*: đời xưa các danh tướng thường tự ví mình như bức trường thành.
(5) *Xuất sư biểu*: chỉ việc Gia Cát Lượng viết biểu xuất quân đánh Tào nguỵ, kiên trì Bắc phạt.
(6) *Bá trọng*: bá thường dùng để chỉ anh, trọng chỉ em.

LŨNG ĐẦU THỦY[1]

Lũng đầu thập nguyệt thiên vũ sương,
Tráng sĩ dạ văn lục trầm thương.
Ngoa văn Lũng thủy tư cố hương.
Tam canh khởi tọa lệ sổ hàng.
Ngã ngũ tráng sĩ miễn tự cường.
Nam nhi truỵ địa chí tứ phương.
Loả thi mã cách cố kỳ thường,
Khởi nhược phụ nữ bất hạ thường ?
Sinh phùng hòa thân tối khả thương,
Tuế liễn kim như thâu Hồ, Khương [2]
Dạ thị Thái Bạch[3], thâu quang mang;
Báo quốc dục tử vô chiến trường!

Dịch nghĩa

Tháng mười núi Lũng sương xuống,
Tráng sĩ đêm đến rút chiếc thương sơn màu xanh.
Nghe dòng nước sông Lũng, nhớ quê hương.
Canh ba ngồi dậy nước mắt chảy ròng ròng.
Ta dùng lời cổ lệ người tráng sĩ;
Nam nhi sinh ra trên đời chí ở bốn phương,
Da ngựa bọc thây là chuyện thường
Há như phụ nữ không xuống nhà dưới *(ý nói hèn yếu).*
Sống buổi "hòa thân" thật đáng thương.
Hàng năm xe vàng lụa cống Hồ, Khương.
Đêm nhìn thấy sao Thái Bạch mờ,
Muốn hy sinh cứu nước, nhưng không có chiến trường.

Dịch thơ

Tráng sĩ đêm đêm rút chuôi kiếm,
Tháng mười núi Lũng phủ đầy sương.
Canh ba ngồi dậy tuôn trào lệ,
Nghe dòng Lũng chảy nhớ quê hương,
Hỡi người tráng sĩ nên ra sức;

Bài thơ này làm năm 1196, lúc nhà thơ ở Sơn Âm, quê nhà.

(1) *Lũng đầu thủy*: tên một điệu Nhạc phủ. Lũng Đầu vốn là tên đất cũng gọi là Lũng Sơn, Lũng Thủ, ở tây bắc huyện Lũng, tỉnh Thiểm Tây.

(2) Năm 1141, Nam Tống nghị hòa với quân Kim, mỗi năm phải cống 25 vạn lạng vàng và 25 vạn tấm lụa. Năm 1164, bớt xuống 20 vạn lạng vàng và 20 vạn tấm lụa. *Hồ, Khương*: ở đây chỉ người Kim.

(3) *Thái bạch*: tức Kim tinh. Theo mê tín ngày trước thì sao Thái bạch là tượng trưng của các vị đại tướng quân. Câu này ý nói triều đình không có ý Bắc phạt nữa.

Khí phách nam nhi ở bốn phương.
Há lại yếu hèn như phụ nữ?
Da ngựa bọc thây là chuyện thường.
Sống buổi "cầu hòa" bao tủi nhục,
Hàng năm vàng lụa cống Hồ, Khương.
Đêm nhìn thấy sao Thái Bạch lặn,
Muốn chết cứu nước, không chiến trường.

NÔNG GIA THÁN

Hữu sơn giai chủng mạch,
Hữu thủy giai chủng canh.
Ngưu lĩnh sang kiến cốt.
Sất sắt do dạ canh,
Kiệt lực sự bản nghiệp,
Sở nguyện lạc thái bình.
Môn tiền thuỳ bác trác[1]?
Huyện lai trưng tô thanh.
Nhất thân nhập huyện đình,
Nhất dạ cùng xuy bảng.
Nhân thục bất đạn tử,
Tự kế vô do sinh.
Hoàn gia dục cụ thuyết,
Khủng thương phụ mẫu tình.
Lão nhân thảng đắc thục,
Thê tử hồng trao khinh.

Dịch nghĩa

LỜI NHÀ NÔNG THAN THỞ

Có núi đều trồng lúa mạch,
Có nước đều trồng lúa nếp.
Cổ trâu gầy thấy xương,
Nghé ngọ đêm khuya còn cày.
Ra sức cày cấy,
Mong được vui thái bình.
Ai gõ trước cửa?
Tiếng huyện lại đến thu tô.
Một mình vào sân huyện,
Đêm ngày bị đánh đập.

Bài thơ này làm năm 1195, lúc nhà thơ ở Sơn Âm, quê nhà.
(1) *Bác trác*: gõ cửa.

VĂN HỌC NGUYÊN

TẠP KỊCH

QUAN HÁN KHANH*(1229?-1307?)

1. Đậu Nga oan (Quan Hán Khanh)
2. Tây sương ký (Vương Thực Phủ)

* *Quan Hán Khanh (1229? – 1307?)*

Nhà soạn kịch Trung Quốc đời Nguyên, người Đại Độ (nay là Bắc Kinh). Hiện nay vẫn chưa biết tên thật của ông, Hán Khanh chỉ là bút danh. Ông soạn tất cả 63 vở kịch, hiện còn lại 13. *Đậu Nga oan, Cứu phong trần, Bái Nguyệt đình, Đơn đao hội* là những vở kịch nổi tiếng của ông.

Sau đây xin tóm tắt cốt truyện và trích đoạn vở kịch *Đậu Nga oan*.

1. ĐẬU NGA OAN

Đậu Thiên Chương, vốn người Trường An, là một thầy đồ nghèo, vợ chết, có một người con gái tên Đoan Vân mới lên bảy. Công danh chưa toại, ông ta lưu ngụ huyện Sơn Dương, Sở châu, và có vay bà quả phụ họ Thái hai mươi lạng bạc. Đến kỳ lên kinh ứng thi, ông đành phải đem con gả cho bà Thái nuôi làm dâu để gán nợ, lại được thêm ít tiền ăn đường. Từ đó, Đoan Vân đổi tên là Đậu Nga.

Đậu Nga lên mười bảy tuổi thì lấy con trai bà Thái. Được hai năm, không may chồng chết. Nay đã hết tang, nàng đã hai mươi tuổi.

Ở Sơn dương có một ông thày thuốc họ La cũng mắc nợ bà Thái mười lạng bạc, bây giờ cả vốn lẫn lời đã đến hai mươi lạng. Bà Thái đến đòi nợ. Ông ta lừa bà Thái đến quãng đồng vắng, lấy dây thắt cổ cho chết. May lúc đó có bố con Trương Lư đi qua, ông thày thuốc bỏ chạy. Bố con Trương Lư cứu bà Thái sống. Bà Thái lấy làm cảm ơn và kể tình cảnh nhà mình và việc mình bị lừa như thế nào cho bố con Trương Lư nghe. Trương Lư nghe chuyện, biết bà Thái nhà giàu, lại là đàn bà goá và còn có một người con dâu trẻ cũng goá chồng, bèn có ý định để bố lấy bà Thái, còn hắn thì lấy người con dâu làm vợ. Bà Thái không bằng lòng. Trương Lư bảo nếu không bằng lòng thì lấy dây thừng thắt cổ bà ta lại. Không biết làm thế nào, bà Thái phải dẫn hai bố con Trương Lư về nhà rồi bàn với con dâu xem sao. Đậu Nga không bằng lòng, kiên quyết cự

tuyệt. Cuối cùng bà Thái lấy bố Trương Lư, nhưng Đậu Nga trước sau vẫn không chịu.

Trương Lư tìm cách ép Đậu Nga. Một hôm bà Thái bảo Đậu Nga nấu cháo ăn. Cháo chín, Lư bỏ thuốc độc vào hòng giết bà Thái lấy gia tài và để cho Đậu Nga trơ trọi, không nơi nương tựa, phải lấy hắn. Không ngờ trước khi ăn, bà Thái lại mời bố Lư ăn trước. Bố Lư quay ra chết. Lư thấy việc không thành, bèn uy hiếp Đậu Nga, bảo nếu không bằng lòng làm vợ hắn thì hắn sẽ cáo quan là giết bố hắn. Đậu Nga vẫn cự tuyệt, thà lên quan chứ không chịu làm điều sỉ nhục. Nàng tin quan sẽ làm rõ trắng đen. Nhưng quan - Ngột Đào - lại nghe lời thằng lưu manh kia đè nàng ra đánh, tra tấn, chết đi sống lại, mà nàng vẫn không chịu nhận. Quan bèn đưa bà Thái ra tra. Đậu Nga không muốn mẹ chồng bị đánh đập, cuối cùng nàng đã nhận cái việc mà nàng không làm. Thế là bị chém. Trước khi chịu chém, nàng xin giám trảm quan giải một chiếc chiếu sạch chỗ nàng đứng và treo một giải lụa trắng lên cột cờ bên cạnh. Nàng nói nếu nàng chết oan thì máu của nàng sẽ không rơi xuống đất mà sẽ phun thẳng lên tấm lụa, và trời sẽ phủ xuống một lớp tuyết dày trên thể xác nàng, mặc dù lúc bấy giờ là đang giữa mùa hạ nắng gay gắt. Sau cùng, nàng cầu trời sẽ làm đại hạn ba năm liền ở đất Sở-châu, nơi nàng chết oan. Những lời cầu đó đều được ứng nghiệm.

Chính vì Sở-châu bị đại hạn ba năm liền nên triều đình cho rằng có vụ xét oan, linh hồn tội nhân báo thù, và phái người về thẩm tra các vụ án. Người được phái đi lại là Đậu Thiên Chương, thân sinh Đậu Nga, lúc bấy giờ đã đỗ làm quan và giữ chức đề hình. Một hôm, ông ta xem đến hồ sơ Đậu Nga thì thấy tội đáng chết, bèn xếp lại. Bỗng ông ta buồn ngủ, gục đầu vào án thiếp đi và nằm mộng thấy con. Tỉnh dậy hồ sơ vẫn để trước mặt. Oan hồn Đậu Nga hiện lên nói rõ nỗi oan ức của mình. Đậu Thiên Chương cho đòi Lư, ông thầy thuốc và bà Thái đến. Oan hồn Đậu Nga lại hiện lên bắt Lư thú tội.

Chúng vẫn một mực không thú. Sau tra tấn mãi mới biết sự thật. Kết quả: Lư bị buộc tội âm mưu giết người, lừa kẻ lương thiện, đưa ra chém đầu. Tên quan huyện xử sai bị đánh trăm trượng đuổi về. Tên thày thuốc bán thuốc độc giết người, bị đưa ra chợ chém đầu. Bà Thái được đưa về nhà dưỡng lão. Đậu Thiên Chương lại sai người làm lễ siêu độ cho oan hồn con gái.

Hồi III trích sau nói về đoạn quan huyện xử tội Đậu Nga.

Hồi III

Quan huyện dẫn một tên lính hầu vào

QUAN HUYỆN:

Ngâm:

Ta làm quan rất là chu đáo,
Ai kiện ai cáo phải bạc vàng.
Quan trên muốn xét tỏ tường,
Thì ta cáo bệnh nằm ở tư đường không ra.

Nói: Ta đây quan huyện Sở châu. Hôm nay ta ra công đường xét xử. Quân bay đâu, truyền lệnh đi!

(Quân lính truyền lệnh)

(Trương Lư kéo Đậu Nga và bà Thái vào)

TRƯƠNG LƯ: Xin cáo trạng! Xin cáo trạng!

LÍNH HẦU: Cho vào. *(Trương Lư và Đậu Nga quỳ xuống chào quan huyện, quan huyện cũng quỳ xuống chào lại).*

QUAN HUYỆN: *(quỳ)* Xin mời đứng dậy!

LÍNH HẦU: Bẩm tướng công, nó là những người đi hầu kiện, sao tướng công lại quỳ chào nó ạ!

QUAN HUYỆN: Mày không rõ chứ, người đến kiện là cha mẹ tao, cho tao cơm ăn, cho tao áo mặc đấy!
(Lính hầu gật đầu)

QUAN HUYỆN: Bên nào là nguyên, bên nào là bị? Cứ thật khai ra!

TRƯƠNG LƯ: Con chính là nguyên cáo, Trương Lư. Con kiện con Đậu Nga, nó bỏ thuốc độc vào cháo giết chết cha con. Ơn quan xét xử.

QUAN HUYỆN: Đứa nào bỏ thuốc độc?

ĐẬU NGA: Không phải con ạ!

BÀ THÁI: Cũng không phải con ạ!
TRƯƠNG LƯ: Cũng không phải con ạ!

QUAN HUYỆN: Không phải ai cả thì chắc là ta bỏ thuốc độc hay sao?

ĐẬU NGA:
Hát:

Ngài sáng như gương, trong tựa nước
Xin ngài hãy xét soi cho thiếp được nhờ.
Bát cháo kia, ngũ vị thiếp bỏ vừa,
Trăm sự khác thiếp chẳng hề biết được.
Lão già nọ cứ đòi nếm trước,
Vừa nếm xong đã ngã lăn quay.
Giữa chốn công đình, thiếp đâu dám nói sai,
Chuyện có thế, thiếp xin khai có thế.

QUAN HUYỆN: Người đê tiện là như thế đấy! Không khảo thì không xưng. Quân bay đâu! Chọn cái gậy thật to đánh con này cho tao! *(Tên lính đánh Đậu Nga. Đậu Nga ngất đi ba lần và ba lần hắn lấy nước phun vào mặt cho tỉnh lại).*

ĐẬU NGA:

Hát:

Đánh đau thế làm sao chịu nổi,
Vì mẹ làm, con đổ lỗi cho ai!
Hỡi những người cải giá hãy xem đây!
Xem cảnh thiếp như vầy mà tránh,
Chúng nạt nộ, thiếp hồn xiêu phách tán.
Đã mấy lần thiếp tỉnh lại mê,
Roi giáng xuống, máu dầm dề,
Vùi hoa dập liễu, còn gì là thân!
Hỏi đền trời xin soi thấu nỗi oan khiên,
Thuốc độc kia ai bỏ mà nên,
Xin quan hãy xét trắng đen cho rõ.

QUAN HUYỆN: Mày có chịu khai không ?

ĐẬU NGA: Quả thực, không phải con bỏ thuốc độc.

QUAN: Không phải là mày, thì quân bay, đánh con mụ già kia cho tao!

ĐẬU NGA (*vội vàng*): Khoan, khoan, xin đừng đánh mẹ con, thôi con xin nhận. Chính con bỏ thuốc độc cho lão ta chết.

QUAN: Lấy gông gông nó lại, giam vào ngục tối. Ngày mai, đưa ra chợ chém đầu.

BÀ THÁI (*khóc*): Đậu Nga con ơi! Vì mẹ mà con chết oan! Mẹ đau xót lắm con ơi!

ĐẬU NGA:

Hát:

Ta đành chịu hàm oan mà chết,
Nhưng không buông tha đứa háo sắc hoang dâm!
Dối người, không dối mãi được trăm năm,

Nỗi oan khuất đất trời sẽ biết.
Bây giờ ta đành chịu chết,
Nhưng ta sẽ làm cho ra nhẽ mới thôi!
Ta đã nhận bỏ thuốc độc lão kia rồi!
Bao nhiêu tội ta xin chịu cả.
Mẹ ơi! Khai ra chịu tội chết oan,
Không khai để mẹ chịu đòn sao đang!

(*Lính dẫn Đậu Nga vào*)

TRƯƠNG LƯ: Ngày mai chém Đậu Nga thì oan của cha tôi mới được rửa sạch (*vào*).

BÀ THÁI: Con ơi! Ngày mai, ngày mai người ta chém đầu con. Trời ơi! Tôi đau xót quá!

QUAN: Ngày mai sẽ đem Đậu Nga ra chợ chém đầu. Bây giờ bãi hầu. Quân bay! Đưa ngựa tới đây để ta về tư thất uống rượu! (*vào*)

(*Giám trảm quan ra*)

GIÁM TRẢM QUAN: Ta đây là giám trảm quan. Hôm nay xử chém phạm nhân. Ta phải cấm đường không cho ai qua lại. (*Lính rung ba hồi trống, đánh ba hồi thanh la. Tên đao phủ mài dao, vẫy cờ. Đậu Nga mang gông đi ra. Trống, thanh la lại nổi lên).*

ĐAO PHỦ: Nhanh lên! Không cho ai qua lại đường này.

ĐẬU NGA:

Hát:

Không tội mà phạm phép nhà vua,
Không ngờ lại phải đem đi hành hình.
Nỗi oan, khóc động trời xanh,
Đất trời, không cứu nỗi mình khỏi oan.
Vừng nhật nguyệt sớm chiều soi tỏ,
Cảnh núi sông còn đó chứng minh.
Trời ơi sao chẳng xét tình,

Đục trong không rõ, trắng đen không tường.
Người nhân chịu mọi tai ương,
Người ác lại được mọi đường giàu sang.
Trời mà cũng mềm nắn rắn buông,
Đất mà cũng theo nước đẩy thuyền trôi xuôi.
Xấu tốt không phân được rạch ròi,
Thì sao xứng với đất trời nữa đây!
Khóc van cũng uổng công thôi!

ĐAO PHỦ: Nhanh lên! Mất thì giờ!

ĐẬU NGA:

Hát:

Vướng gông cùm thật là khó bước,
Họ lôi em đi ngược đi xuôi.
Để em xin tỏ đôi lời.

ĐAO PHỦ: Muốn nói điều gì ?

ĐẬU NGA:

Hát:

Đi phố trước, lòng em đau xót,
Đi phố sau, em chết yên lòng.
Xin anh chớ ngại mất công.

ĐAO PHỦ: Đi ra pháp trường, có muốn gặp ai không? Để gọi ra đây cho gặp cũng được.

ĐẬU NGA: Em sắp chết. Có ai thân thích mà gặp!

ĐAO PHỦ: Thế sao lại đòi đi về phố sau ?

ĐẬU NGA:

Hát:

Xin anh đừng dắt em về phố trước,
Hãy cho em đi về phía phố sau,
Riêng em chẳng có gì đâu,
Sợ mẹ em trông thấy mà đau đớn lòng!

ĐAO PHỦ: Không lo cho tính mạng của mình lại khéo lo cho bà ấy nữa!

ĐẬU NGA: Mẹ em sẽ nhìn thấy em bị gông cùm đưa ra chém ở pháp trường như thế này ư ?

Hát: *Đừng để mẹ em đau khổ anh ơi!*
Anh hãy làm phúc giúp người sắp chết!

BÀ THÁI (*ra*): Trời ơi! Con dâu tôi đấy ư ?

ĐAO PHỦ: Mụ kia, tránh ra!

ĐẬU NGA: Mẹ em đã ra đấy thì xin cho mẹ em lại, em dặn điều này.

ĐAO PHỦ: Này mụ kia! Lại đây! Dâu mụ muốn nói chuyện với mụ!

BÀ THÁI: Con ơi! Mẹ đau xót lắm, con ơi!

ĐẬU NGA: Mẹ ạ! Khi mẹ ốm, muốn ăn bát cháo lòng dê, con nấu cho mẹ. Thằng Lư bảo con đi lấy muối, giấm, rồi nó bỏ thuốc độc vào cháo, bảo con đưa đến cho mẹ. Nó không ngờ bố nó lại ăn phải. Nó bỏ thuốc độc vào cháo là định giết mẹ, để ép con phải lấy nó. Nó không ngờ bố nó lại chết thay mẹ. Nó trả thù, kiện con trước cửa quan. Con không muốn để mẹ bị đánh oan, con nhận liều, bây giờ con phải ra pháp trường chịu chém. Mẹ ơi, từ nay về sau, có cơm canh, mẹ cho con nửa bát, mẹ nhớ đốt tiền giấy cho con, đốt cho con một trăm tờ, mẹ nhé! Mẹ thương lấy đứa con dâu của mẹ!

Hát:

Mẹ ơi! thương lấy Đậu Nga,
Chết oan chết uổng làm ma không đầu.
Con trước đã làm dâu của mẹ,
Mẹ hãy thương lấy trẻ mồ côi,
Mấy năm phụng dưỡng liền tay,

Mẹ cho bát cháo làm may oan hồn.

BÀ THÁI (*khóc*): Con đừng lo! Mẹ đau xót lắm con ơi!

ĐẬU NGA: *Mẹ hãy đốt cho con vàng giấy,*
Con sẽ đem con tiến chồng con.
Chúng con van thấu trời xanh,
Chẳng còn công lý oan khiên thế này!

ĐAO PHỦ: Bây giờ mụ tránh ra. Đến giờ rồi! *(Đậu Nga quỳ xuống. Đao phủ mở gông cho Đậu Nga)*

ĐẬU NGA: Thưa quan giám trảm, em xin quan ba điều, được quan y cho thì chết không oán thán gì nữa. Em xin một chiếc chiếu sạch và xin một giải lụa trắng dài hai trượng treo trên cột cờ. Khi đao chém đầu em rơi, máu em sẽ không chảy xuống đất mà sẽ phun thẳng lên tấm lụa kia. Bây giờ là giữa mùa nóng bức, nếu em chết oan thì tuyết sẽ rơi xuống dầy ba thước phủ lấy xác em và đất Sở châu này sẽ hạn hán ba năm liền.

ĐAO PHỦ: Im đi! Chỉ nói nhảm!
(Cầm cờ vẫy)

ĐAO PHỦ: Sao trời bỗng tối âm u, tuyết lại rơi như thế này!
(Cầu khấn)

ĐẬU NGA:
Ngâm: *Tuyết giáng một lần vì Châu Diễn*[1] *đó,*
Tuyết giáng lần này để tỏ Đậu Nga oan.

(Đao phủ vung dao chém. Bọn lính nhìn xác nàng rơi xuống).

ĐAO PHỦ: Nhát chém sắc thật! Thôi, ta đi uống rượu đi!
(Mọi người vác xác đi)

TRƯƠNG CHÍNH *dịch.*

---

(1) Châu Diễn người thời Chiến quốc (475–221 trước Công nguyên) là một người tôi trung của vua nước Yên. Có kẻ vu oan, ông ta bị bắt giam. Vì có một nỗi oan ức như vậy, nên tuyết giáng xuống giữa mùa hạ.

2. VƯƠNG THỰC PHỦ

TÂY SƯƠNG KÝ

Trương Quân Thuỵ, một thư sinh, sang đất Bồ chơi và đến văn cảnh chùa Phổ cứu. Tình cờ gặp Oanh Oanh trong điện Phật, chàng bị sắc đẹp của nàng lôi cuốn, bèn tìm cách xin vào chùa ở trọ để được gần nàng (Oanh Oanh và mẹ, Thôi phu nhân, cũng ở trong chùa này. Bố là quan tướng quốc, chết rồi. Mẹ con đưa nhau về quê, nhân có loạn tạm lánh ở đây. Quan tài ông ta còn quàn trong chùa). Đến đêm, Trương ngâm thơ tỏ tình, Oanh Oanh họa lại. Khi Thôi phu nhân làm chay cho chồng, Trương cũng nhờ sư cụ thêm một phần lễ làm chay cho cha, mượn cớ để có thể gặp Oanh Oanh.

Tên thủ lĩnh giặc, Tôn Phi Hổ, dẫn năm nghìn quân bao vây chùa Phổ cứu, đòi lấy Oanh Oanh. Thôi phu nhân tuyên bố, ai giải vây được, sẽ gả Oanh Oanh cho. Trương Quân Thuỵ nhận, một mặt tìm kế trì hoãn cuộc tấn công của giặc, một mặt viết thư nhờ sư Huệ Minh đưa đến cầu cứu tướng quân Đỗ Xác ở gần đất Bồ. Đỗ là bạn Trương đem binh sang, bắt được Tôn Phi Hổ. Nhưng thoát khỏi tai nạn. Thôi phu nhân nuốt lời hứa. Bà thết tiệc mời Trương để tạ ơn, gọi Oanh Oanh ra chào Trương

---

* *Vương Thực Phủ*.

Về Vương Thực Phủ, tài liệu còn lại rất ít, chỉ biết được ông người Đại Độ (Bắc Kinh). Ông sáng tác tạp kịch vào khoảng năm 1290 – 1300 đời Nguyên. Ông để lại hơn 10 vở tạp kịch nhưng đặc sắc nhất là *Tây sương ký*, còn các vở khác ít ai biết đến.

Sau đây tóm tắt cốt truyện và trích đoạn vở kịch Tây sương ký.

làm lễ nhận nhau là anh em và cho biết Oanh Oanh đã hứa hôn với Trịnh Hằng, cháu gọi bà bằng dì, nên không thể gả cho Trương được. Trương Quân Thuỵ và Thôi Oanh Oanh đều đau khổ. Trương ôm đàn gảy, tỏ nỗi lòng mình. Oanh Oanh đứng bên cửa sổ nghe đàn, rất lấy làm cảm động.

Trương không lấy được Oanh Oanh, ốm tương tư. Oanh Oanh cũng rất khổ não. Lúc Hồng đến thăm, Trương viết thư nhờ Hồng đưa cho Oanh Oanh. Hồng không dám đưa tận tay chỉ bỏ vào hộp nữ trang. Oanh Oanh đọc thư, nổi giận, mắng Hồng không được mang những loại thư như thế về nữa, rồi viết thư trả lời, bảo Hồng đưa cho Trương. Thấy Oanh Oanh giận, Hồng ngỡ là trong thư nàng cự tuyệt, Hồng kể cho Trương nghe. Trương tuyệt vọng. Nhưng đến khi mở thư ra xem thì đó là một bài thơ ước hẹn. Thơ nhan đề: Trăng sáng đêm rằm.

Cửa hé theo luồng gió,
Trăng chờ dưới mái tây,
Chạm tường hoa động bóng,
Người ngọc đến đâu đây.

Rõ ràng là nàng hẹn chàng đêm ấy sẽ gặp mặt. Trương mừng quá, kể cho Hồng nghe, Hồng mới biết là Oanh Oanh giấu mình và mình bị mắng oan. Tối hôm ước hẹn, chàng leo tường sang. Oanh Oanh thấy có Hồng bên cạnh, liền thay đổi thái độ, trách mắng và cự tuyệt Trương. Trương ngẩn người, đứng câm miệng, Hồng cũng không rõ thật hay giả. Để dò xét, Hồng bảo đưa Trương vào tố cáo với Thôi phu nhân, Oanh Oanh ngăn lại. Sau lần ấy, Trương lại nổi bệnh, ngày càng nặng. Thôi phu nhân nghe tin Trương ốm, sai Hồng sang thăm. Oanh Oanh cũng gửi cho Trương một bức thư, hẹn chiều tối sẽ sang. Xem thư Trương khỏi bệnh.

Từ đêm Oanh Oanh sang thăm Quân Thuỵ, đôi thanh niên ấy đã bí mật đi lại với nhau. Thôi phu nhân đành phải thừa nhận sự thực đó. Nhưng bà bắt Trương phải về Kinh ứng thi,

công thành danh toại mới cho kết hôn. Trương đành phải vâng lời. Oanh Oanh và Quân Thuỵ đành phải chia tay nhau. Đêm đầu tiên trong quán trọ, Trương nằm mộng thấy Oanh Oanh chạy theo, lại bị quân lính đuổi. Trong lúc hoảng sợ chàng ôm lấy nàng, nhưng tỉnh dậy mới biết là cơn ác mộng.

Quân Thuỵ vào Kinh thi đỗ Trạng nguyên, sai tiểu đồng về báo tin, Oanh Oanh vui mừng khôn xiết, lấy quần áo đồ vật thường mang trong người gửi tặng. Trương nhìn vật, nghĩ đến người càng thêm mong nhớ. Nhưng mối tình duyên còn nhiều sóng gió. Trong lúc Trương vâng lệnh triều đình lưu lại Kinh làm quan, không ngờ cháu Thôi phu nhân, Trịnh Hằng, đến chơi, phao tin lừa dối mẹ con họ Thôi, bảo là Trương đã lấy vợ khác rồi. Thôi phu nhân tin là thật dịnh để cho Trịnh Hằng cưới Oanh Oanh. Nhưng Trương Quân Thuỵ đã về. Đến nơi biết sự tình bèn nhờ tướng quân Đỗ Xác giúp đỡ. Đỗ Xác mắng Trịnh Hằng cướp vợ người, Trịnh Hằng run sợ, xin rút lui rồi đập đầu vào cây chết. Đỗ Xác đứng làm chủ hôn cho hai người.

Màn khảo hoa trích sau nói về đoạn bà lớn tra tấn Hồng và Hồng kết án bà lớn.

KHẢO HOA

Một cảnh – Biệt thự họ Thôi

(Cảnh một)

BÀ LỚN (*cùng cậu Hoan ra*)

Mấy hôm nay tôi thấy con Oanh Oanh ăn nói ơ hờ, tinh thần hoảng hốt, khổ người, vẻ mặt, khác hẳn ngày thường, lòng tôi thật lấy làm phân vân quá!

CẬU HOAN: Thưa tối hôm nọ Bà lớn đi nghỉ rồi, con thấy cô với con Hồng ra thắp hương ngoài vườn hoa đến nửa đêm không thấy về!

BÀ LỚN: Mày đi gọi con Hồng ra đây! (*Cậu Hoan gọi con Hồng*)

CON HỒNG: Cậu gọi gì tôi đấy ?

CẬU HOAN: Bà biết mày với cô ra vườn hoa! Bây giờ gọi mày ra hỏi đấy!

CON HỒNG (*giật mình*). Trời ơi! Cô làm khổ lây đến tôi rồi! Cậu cứ ra trước đi! Tôi ra ngay đấy!

Vỉa:

Nước đầy ao ngọc uyên nằm ngủ!
Gió lọt buồng thêu vẹt lắm lời!

Hát:

Muốn cho bể rộng, sông dài,
Đi khuya về sớm hôm mai gọi là!
Chỉ vì cô đắm nguyệt say hoa,
Ngày đêm thôi những lo xa ngại gần!
Nằm lười ngủ gắng hư thân!
Dầm sương, dãi gió, quên dần thói xưa!
Bà thì bụng dạ không vừa!
Thật không bà cũng đổ ngờ như không!
Ngờ: Cô là vợ! Cậu là chồng!
Mà con Hồng là lão tơ hồng xe quanh!
Nữa là cô sóng thu đã gợn khóe tình,
Non xuân đã nhạt màu xanh, lần lần;
Cài khuyết áo, riết đai quần,
So ra gầy béo mấy phần khác xưa!
Nhìn xem đã lạ lùng chưa!
Tuy rằng vẫn dẹp, hẳn như hai người!

Tôi tính lát nữa, vào trước mặt Bà lớn, tất nhiên Bà lớn thét: Con đĩ non kia!

Trước sau tao đã dặn mày:
Nó đi đâu phải đêm ngày trông coi!

Có sao mày lại nghe ai,
Vạch đường cho nó chạy dông dài những đâu?
Nào! Đáp sao trôi bấy nhiêu câu ?

Tôi đành lẽ phải thưa: Bẩm bà! Con Hồng từ bé đến lớn không hề biết nói dối ... Thế rồi....

Sẽ đem kể hết gót đầu bà nghe!

Thế nhưng nào tôi có được gì cho cam!

Đôi bên má tựa vai kề,
Trăm trò còn có trò gì trò không!
Mình tôi đứng lại ngoài song,
Muốn ho cũng phải nén lòng đứng im!
Xanh xanh rêu phủ quanh thềm!
Hài hoa thấm ướt sương đêm lạnh lùng!
Bây giờ: đem da non đỡ lấy roi song,
Thiệt tình mà hỏi nên công cán gì!

Thôi! thưa cô, con vào đây! Nói trôi ra, cô chớ mừng! Nói chẳng trôi ra, cô cũng đừng nên giận! Cô cứ đứng đây mà nghe ngóng nhé! (*Vào trước mặt Bà lớn*)

BÀ LỚN: Con đĩ non kia! Sao không quỳ xuống! Mày đã biết tội chưa ?

CON HỒNG: Thưa bà, con không biết ạ!

BÀ LỚN: Mày còn già mồm à ? Nói thực đi ta tha cho! Bằng không nói thực, bà đánh cho con đĩ non tan xác! (*Hỏi*): Nửa đêm hôm nọ, mày đưa cô ra ngoài vườn hoa, phải không?

CON HỒNG: Thưa không! Ai trông thấy ạ ?

BÀ LỚN: Thằng Hoan trông thấy! Mày còn chối ? (*Rút roi đánh*)

CON HỒNG: Bà bất tất phải đánh con cho bẩn tay! Xin bà hãy bớt giận, lặng nghe con kể:

Canh khuya, tạm nghỉ tay làm,
Cô cùng con nói tọa đàm mấy câu!

Mãi sau mới sẽ bảo nhau,
Rằng: sao anh yếu bấy lâu chưa lành!
Trộm phép bà hai đứa chúng mình!
Sang phòng sách hỏi bệnh tình xem sao ?

BÀ LỚN: Hỏi thăm à! Cậu ấy nói ra làm sao?

CON HỒNG:

Cậu ấy bảo: Chỉ tại bà, ơn đổi làm thù,
Nên chi tôi: Đương mừng mà lại hóa ra lo mọi bề!
Cậu ấy bảo: Hồng ơi! Em về ngủ trước đi!
Cậu ấy bảo: Còn cô ở lại, rồi thì về sau!

BÀ LỚN: Trời ơi! Con đĩ non kia! Nó là con gái, mày để nó ở lại làm trò gì ?

CON HỒNG:

Chắc là tiêm thuốc bổ cho nhau!
Cái trò trai gái biết đâu mà cùng!
Kể đến nay hơn một tháng ròng,
Đôi bên đêm vẫn nằm chung một giường!
Bà tra chi ngành ngọn rõ ràng!
Thôi đi còn được, hãy liệu đường thôi đi!
Cả đôi cùng vàng đá tri tri,
Đã biết gì là sợ! Biết gì là lo!

BÀ LỚN: Chuyện này chỉ tại mày! Con đĩ non kia ạ!

CON HỒNG: Đó không phải là lỗi tự con, tự cô hay tự cậu Trương, mà là lỗi tự bà!

BÀ LỚN: Lỗi tự ta ?

CON HỒNG: Thưa bà, người ta ở đời, cốt có chữ tín! Làm người mà không giữ chữ tín, cái đó rất không nên! Hồi ấy giặc

vây chùa Phổ Cứu, bà hứa: Ai lui được giặc, bà gả con gái cho. Cậu Trương ví không say nhan sắc của cô, thì có hoài công đâu mà bày mưu, lập kế. Sau khi giặc tan, nhà yên, bà hối ngay lời hứa trước. Thế có phải là thất tín không ? Bà đã không bằng lòng gả, thì nên đền công cho ít vàng lụa để cho cậu ấy xa hẳn nhà này ra. Đâu có lẽ lại mời ở lại phòng sách, để cho gái không chồng, trai không vợ, gần kề gang tấc, dòm dỏ lẫn nhau ? Ấy chỉ vì có thế mà có câu chuyện này! Bây giờ, nếu bà không bưng bít đi thì, một là nhơ nhuốc đến gia phong nhà ông lớn, hai là cậu Trương làm ơn mà thành ra phải chịu nhục, ba là kiện đến cửa quan, trước hết bà cũng có tội trị nhà không nghiêm. Chi bằng bà đại lượng bỏ qua lỗi nhỏ, tác thành là xong việc lớn. Như thế tiện hơn cả.

"Gái to dùng để trong nhà"
Phương ngôn đã dạy, dạy là chẳng sai!
Bên thì tài mạo tuyệt vời...
Bên thì sắc nước, hương trời ai hơn...
Bên thì công hạnh vẹn toàn...
Bên thì kinh sử thuộc trơn làu làu...
Lôi thôi ra, có được gì đâu!
Thù sâu đem trả ơn sâu sao đành!
Lý ru ? Còn phải có tình!
Cầu quân phá giặc công trình bao nhiêu?
Cậu Trương mà nhục nhã đến điều,
Thì quan Tướng cũng trăm điều xấu xa!
Làm chi tội báo oan gia!
Sao cho khỏi hại thịt da nhà mình!
Dám xin Bà lớn làm thinh!

BÀ LỚN: Con đĩ non này nói nghe cũng có lẽ! Thật ta cũng vô phúc mới đẻ ra đứa con gái hư như vậy! Đến quan gia,

cũng nhục nhã cho ông cha lắm ! Thôi! Thôi! Nhà ta đây, trai không ai phạm tội, gái không ai hai chồng. .. Đành gả cho thằng khốn nạn ấy vậy! Hồng! Mày hãy vào gọi con đĩ ấy ra đây cho ta!

CON HỒNG (*mời*): Thưa cô! Chiếc roi của bà cứ lượn mãi ở trên mình con, lăm lăm chỉ chực xơi thịt! Thế mà con nói trôi đấy, bây giờ bà mời cô sang.

OANH OANH: Thẹn chết đi mất! Còn mặt nào trông thấy mẹ?

CON HỒNG: Trời ơi! Cô lại còn... Trước mặt mẹ, có việc gì mà thẹn! Thẹn thì đừng.... có được không!

Đầu cành vừa thấp thoáng ánh trăng!
Cuối vườn cô đã băng chừng tìm hoa!
Làm con cũng thẹn lây mà...
Tỳ răng cắn vạt áo là đứng yên!
Sẽ đưa con mắt liếc nhìn,
Thấy cô để hở gót sen bên ngoài...
Bên thì ấm ú van nài,
Bên thì mải miết chẳng rời ra cho!
Bấy giờ sao không thẹn, thưa cô!
(Oanh Oanh vào trước mặt Bà lớn)

BÀ LỚN: Con ơi con!... (*khóc, Oanh Oanh khóc theo, con Hồng cũng khóc*!) Con ơi con! Con bây giờ bị người quyến dỗ, làm những việc hèn hạ như thế, đều là nợ kiếp trước của mẹ cả, còn trách ai được. Thưa đến quan, nhục nhã đến cha con. Con nhà ông Tướng quốc như nhà ta, đâu có làm những việc như thế! (*Oanh Oanh khóc òa lên*!) Con Hồng đĩ cô ra! Thôi! Thôi! Chỉ tự ta không biết đường dạy con cả! Mày ra phòng sách gọi thằng mặt chó vào đây! (*Con Hồng gọi cậu Trương*).

CẬU TRƯƠNG: Ai gọi tôi đấy?

CON HỒNG: Việc của cậu vỡ rồi. Bà cho tôi gọi cậu đấy!

CẬU TRƯƠNG: Chị Hồng, cực chẳng đã! Chị che đậy cho chút. Không biết đứa nào mách lẻo với bà! Tôi sợ quá, sang sao được bây giờ ?

CON HỒNG: Cậu đừng vờ cẩn thận nữa! Hãy đánh bạo sang! Mau lên!

Việc vỡ rồi! Che đậy được đâu!
Chính em thú hết trước sau với bà!
Bà bằng lòng bù rượu, bù trà...
Cậu còn vẽ chuyện lo xa lo gần!
Lễ nghi, mối lái không cần!
Thiếu đâu cứ bổ vào thân con Hồng!
Tốt mã mà đoảng chuyện lạ lùng!
Ai ngờ giáo bạc cốt trong sáp vàng!
(Cậu Trương vào chào Bà lớn).

BÀ LỚN: Cậu học trò hay chữ, há lại không nhớ câu: "Điều gì trái với đức nết các vua đời trước, ta không dám làm..." Giờ tôi đưa đến cửa quan, chỉ thêm nhục cho gia thế nhà tôi. Cực chẳng đã, đành gả con Oanh Oanh cho cậu. Thế nhưng ba họ nhà tôi không hề kén rể áo vải. Ngày mai cậu phải vào Kinh thi hội! Còn vợ cậu để đây tôi nuôi hộ. Bao giờ thi đậu làm quan thì về. Bằng không thì đừng nhìn mặt tôi nữa. *(Cậu Trương nín lặng quỳ lạy).*

CON HỒNG: *Tạ trời! Tạ đất! Muôn tạ ơn bà!*
Thôi chẳng còn ủ mặt, chau mày!
Tương tư nhẹ gánh từ rày về sau.
Ái ân mới chạm nước đầu...
Nào ai có liệu được đâu việc đời!
Trời sinh khuôn mặt xinh tươi,

Cũng cần phải để cho người yêu đương!

BÀ LỚN: Hồng! Ra bảo thu xếp hành lý; sắp đặt cỗ bàn, rượu quả; ngày mai đem ra trường đình để tiễn cậu Trương vào Kinh:

Gửi lời nhắn liễu, dặn mai,
Mắt xanh sắp sẵn đưa người đi xa...
(*Cùng Oanh Oanh vào*)

CON HỒNG:

Tiệc vui hãy đợi ngày về,
Một nhà loan phượng bốn bề sanh ca!
Chú bây giờ mối đã được chi mà!
Rượu cheo cỗ cưới còn là chuyện suông!

N. T *dịch*
(Nhà xuất bản Tân Việt, 1941).

VĂN HỌC MINH - THANH

TIỂU THUYẾT CỔ ĐIỂN

1. Tam quốc chí diễn nghĩa (La Quán Trung).
2. Thủy hử (Thi Nại Am)
3. Tây Du Ký (Ngô Thừa Ân)
4. Kim Bình Mai (Tiếu Tiếu Sinh)
5. Liêu trai chí dị (Bồ Tùng Linh)
6. Chuyện làng nho (Ngô Kính Tử).
7. Hồng lâu mộng (Tào Tuyết Cần).

1. LA QUÁN TRUNG*

TAM QUỐC CHÍ DIỄN NGHĨA

Tam quốc chí diễn nghĩa là một bộ tiểu thuyết mượn đề tài lịch sử và có sáng tác thêm. Nhiều tài liệu lịch sử được đưa vào khá chính xác, nhưng cũng rất nhiều chi tiết thuộc về truyền thuyết, không có căn cứ.

Tam quốc chí diễn nghĩa kể lại cuộc đấu tranh giữa ba tập đoàn thống trị phong kiến Nguỵ, Thục, Ngô từ cuối đời Hán đến đầu đời Tấn, gồm 97 năm (184 - 280 sau Công nguyên). Chuyện bắt đầu từ cuộc khởi nghĩa của Hoàng Cân và sự trấn áp của giai cấp thống trị. Bọn quân phiệt dần chiếm cứ đất đai, tranh giành lẫn nhau. Triều đình Hán danh tuy còn, nhưng thực đã mất. Về sau *ba tay quân phiệt* lớn là *Tào Tháo, Tôn Kiên, và Lưu Bị* đã tiêu diệt được bọn quân phiệt khác, tạo thành cục diện ba chân vạc và cứ liên tiếp chiến tranh.

Tào Nguỵ. Khi Hán Linh đế mất, ngoại thích là Hà Tiến và bọn liên quý tộc Viên Thiệu cho vời Đổng Trác ở Lũng Tây

---

* *La Quán Trung (1330?– 1400?)* tên La Bản, tự Quán Trung, hiệu Hồ Hải Tản Nhân, người Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây, sống vào cuối Nguyên, đầu Minh. Người ta ít biết về cuộc đời tư của ông. Tác phẩm để lại: *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, Tuỳ Đường Lưỡng Triều Chí Truyện, Tấn Đường Ngũ Đại Sử Diễn Nghĩa, Bình yêu truyện*, và vở tạp kịch *Tống Thái Tổ Long Hổ Phong Vân Hội*. Trong số đó tác phẩm *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa là* nổi tiếng hơn cả.

quan bị tiêu diệt, nhưng Đổng Trác lại thao túng cả đại quyền trong triều, dựa vào vũ lực, lập Hiến đế. Viên Thiệu chạy ra Quan Đông. Các trấn quận tôn y lên làm minh chủ, phát động cuộc đại hỗn chiến chống lại Đổng Trác.

Hán Hiến đế lúc đầu ở trong tay Đổng Trác, sau lại bị Tào Tháo nắm, rồi về Hứa Xương. Bọn quân phiệt đóng trên đất Hà Nam như Lã Bố, Trương Tú, Viên Thuật trước sau đều bị Tào Tháo đánh tan. Viên Thiệu có lực lượng mạnh hơn Tào Tháo cũng thua. Thế là Tào Tháo làm bá chủ một mình ở Trung Nguyên. Tháo tập luyện thủy quân ở Kinh Châu, tưởng thuận dòng đánh bại Tôn Quyền. Không ngờ Lưu Bị, Tôn Quyền liên hiệp cùng nhau ra sức đánh cho Tào Tháo thua to và phải rút khỏi Kinh Châu (trận Xích Bích). Tháo còn động binh nhiều lần đánh Đông Ngô, Thục Hán, nhưng không chiếm được phần thắng lợi. Tào Tháo chết. Tào Phi bắt Hiến đế nhường ngôi cho hắn và dựng lên triều Nguỵ. Cuối cùng chính quyền Nguỵ rơi vào tay Tư Mã Ý.

Thục Hán. Lưu Bị tuy có nổi được trong cuộc dẹp Hoàng Cân, nhưng vì thực lực không đủ nên không có địa bàn nhất định, phải phụ thuộc vào Tào Tháo, Viên Thiệu, Lưu Biểu. Lưu Bị được những anh em kết nghĩa như Quan Công, Trương Phi, và một tay chính khách có tiếng, Gia Cát Lượng, giúp sức. Khi Tào Tháo đánh phá Kinh Châu, Bị hợp sức với Tôn Quyền đánh một trận lớn ở Xích Bích. Tháo thua, rút lui. Lỗ Túc khuyên Tôn Quyền cho Bị mượn tạm đất Kinh Châu, rồi từ đó đem quân đánh Ích Châu. Bôn tẩu hai mươi năm trời nay mới có được khu vực rộng rãi như vậy.

Trong trận đánh Phàn Thành, Tào Tháo liên hiệp với Tôn Quyền đánh úp Quan Vũ. Quân Quan Vũ tan vỡ. Quan Vũ bị tướng Ngô giết chết.

Khi Tào Phi cướp ngôi nhà Hán, Lưu Bị cũng xưng đế ở đất Thục. Lưu Bị giận Tôn Quyền về việc giết Quan Vũ kéo đại quân đánh Ngô. Lưu Bị thua, nhưng rồi hai nước lại giao thiệp như cũ. Lưu Bị ốm chết ở thành Bạch đế. Con là Lưu Thiện nối ngôi. Thừa tướng là Gia Cát Lượng cầm toàn quyền

giúp việc. Lượng mở hai chiến dịch lớn, bảy lần bắt sống tên Mạnh Hoạch, một tù trưởng miền Nam, và sáu lần đưa quân đánh Ngụy ở Kỳ Sơn. Lượng chết vì bị bệnh. Hai mươi chín năm sau, Tư Mã Chiêu, tướng Ngụy, đánh diệt Thục.

Tôn Ngô. Cha con Tôn Kiên, Tôn Sách đều nổi lên trong cuộc dẹp Hoàng Cân. Sau Tôn Sách đưa quân vượt qua Dương Tử, dẹp xong vùng Giang Đông, đang trù kế hoạch đánh Tào Tháo thì bị thích khách giết. Em ruột là Tôn Quyền nối ngôi. Các quan văn võ có Chu Du, Hoàng Cái, Lỗ Túc, Gia Cát Cẩn. Nền tảng Ngô dần dần củng cố. Trận Xích Bích đánh tan quân Tào Tháo là trận quyết định của thế tam quốc, nhưng không bao lâu Chu Du ốm chết. Lỗ Túc thay Chu Du cầm quân. Lỗ Túc hết sức chủ trương liên minh với Lưu Bị, nhưng đến khi Lỗ Túc chết thì Tôn Quyền dâng biểu xin hàng Tào Tháo. Lúc đó Tào Phi đã cướp ngôi nhà Hán và phong Quyền làm vương. Được ít lâu sau Quyền tự xưng làm Hoàng đế. Cuối cùng Tư Mã Viêm tiến đánh diệt Ngô.

Hồi thứ nhất

TIỆC VƯỜN ĐÀO, ANH HÙNG KẾT NGHĨA CHÉM KHĂN VÀNG, HÀO KIỆT LẬP CÔNG

Thế lớn trong thiên hạ, cứ tan lâu rồi lại hợp, hợp lâu rồi lại tan; như cuối đời Chu, bảy nước tranh giành xâu xé nhau rồi sau lại hợp về nhà Tần. Đến khi nhà Tần mất, thì Hán Sở tranh hùng rồi sau thiên hạ lại hợp về tay nhà Hán.

Nhà Hán, từ lúc vua Cao tổ (Bái Công), chém rắn trắng khởi nghĩa, thống nhất được thiên hạ, sau vua Quang Vũ lên ngôi, rồi truyền mãi đến vua Hiến đế; lúc bấy giờ lại chia thành ba nước.

Nguyên nhân gây ra biến loạn ấy là do hai vua Hoàn đế, Linh đế. Vua Hoàn đế tin dùng lũ hoạn quan, cầm cố những người hiền sĩ. Đến lúc vua Hoàn đế băng hà, Vua Linh đế lên ngôi nối nghiệp; được quan đại tướng quân Đậu Vũ, quan thái

phó Trần Phồn giúp đỡ. Khi ấy trong triều có bọn hoạn quan là lũ Tào Tiết lộng quyền. Đậu Vũ, Trần Phồn lập mưu định trừ bọn ấy đi, nhưng vì cơ mưu tiết lộ nên lại bị chúng nó giết mất. Từ đấy, bọn hoạn quan ngày càng ngạo ngược.

Ngày rằm tháng tư năm Kiến Ninh thứ 2 (167 sau công lịch), vua ngự điện Ôn Đức, tự nhiên có cơn gió to ầm ầm từ góc điện nổi lên, rồi thấy một con rắn xanh lớn ở trên xà nhà quăng xuống quần quại trên long án. Vua kinh hoàng ngã đùng ra, các quan tả hữu vội cứu vực vào trong cung; ở ngoài văn võ cũng sợ chạy cả. Được một lát con rắn biến mất và bỗng nhiên mưa to, sấm sét ầm ầm, đổ nhà đổ cửa không biết bao nhiêu mà kể.

Tháng hai, năm Kiến Ninh thứ tư (169) tỉnh Lạc Dương có động đất, nước bể dâng lên ngập lưng trời, dân cư ở ven bể bị sóng lớn cuốn trôi đi mất cả.

Năm Quang Hoà thứ nhất (178), một con gà mái tự dưng hóa ra gà trống. Mồng 1 tháng 6 năm ấy, một luồng khí đen dài chừng hơn mười trượng bay vào trong điện Ôn Đức. Qua tháng bảy lại có lắm điều gở lạ: cầu vồng mọc ở giữa Ngọc đường; rặng núi Ngũ Nguyên bỗng dưng lở sụt xuống.

Vua hạ chiếu, hỏi thần xem tự đâu mà sinh ra những điềm quái gở ấy. Có quan nghị lang là Sài Ung dâng sớ lên, lời lẽ thống thiết, nói rằng "Cầu vồng sa xuống, gà mái hóa trống, ấy là bởi quyền chính trong nước ở trong tay đàn bà và ở tay kẻ hoạn...". Vua xem sớ ngậm ngùi đứng dậy thay áo. Tào Tiết khi ấy đứng hầu sau Ngài nghe trộm thấy, trong lòng căm giận, bèn mách bảo đồng bọn, bàn mưu kiếm cớ vu hãm Sài Ung, cách quan đuổi về quê quán.

Về sau, bọn hoạn quan là Trương Nhượng, Triệu Trung, Phong Tư, Đoàn Khuê, Tào Tiết, Hầu Lãm, Kiển Thạc, Trình Khoáng, Hạ Huy, Quách Thắng , cả thảy mười người gọi là mười quan "thường thị", bè đảng với nhau kéo cánh làm càn. Nhà vua

tin dùng tôn trọng Trương Nhượng, gọi là "á phụ" (nghĩa là vua coi như cha).

Từ đấy chính sự trong triều ngày càng đổ nát, lòng người náo loạn, giặc cướp nổi lên như ong.

Khi ấy ở đất Cự Lộc có một nhà ba anh em: anh cả là Trương Giác[1], em hai là Trương Bào, em út là Trương Lương.

Trương Giác vốn thi tú tài trượt, nhân thế bực mình vào núi hái thuốc. Đi đường gặp một ông cụ già mặt tròn mắt biếc, tay chống gậy lê, gọi Trương Giác vào trong một cái động, trao cho ba quyển sách và bảo rằng: "Đây là cuốn "Thái bình yêu thuật", có được cuốn này ngươi nên thay trời dạy người để cứu lấy đời. Nếu sau này manh tâm tà gian ắt bị ác báo". Trương Giác sụp xuống lạy, hỏi họ tên thì cụ già nói: "Ta là Nam Hoa lão tiên", nói đoạn hóa một trận gió biến mất.

Trương Giác được ba quyển sách ấy đem về ngày đêm học tập, không bao lâu biết đủ các phép hô gió gọi mưa, tự xưng là Thái bình đạo nhân.

Đến tháng giêng, năm Trung bình thứ nhất (184), có bệnh ôn dịch. Trương Giác làm ra nước phép chữa bệnh, cứu được nhiều người, tự xưng là Đại hiền lương sư. Giác có đồ đệ năm trăm người, đi dạo các nơi, ai cũng biết phép thư phù niệm chú. Về sau đồ đệ càng ngày càng đông: Giác bèn chia học trò ra ba mươi sáu phương, phương lớn hơn một vạn người, phương nhỏ sáu bảy nghìn người, phương nào cũng đặt một người làm thủ lĩnh xưng là tướng quân. Giác nói phao lên rằng: "trời xanh đã chết, trời vàng nên dựng" " Đến năm giáp tý, thiên hạ thái bình" Rồi sai người lấy đất thó trắng viết hai chữ "Giáp tý" ở ngay giữa cửa. Nhân dân tám châu Thanh, U, Tứ, Kỳ, Kinh, Dương, Duyện, Dự nhà nào cũng thờ mấy chữ hiệu: "Đại hiền lương sư Trương Giác".

---

(1) Bản dịch cũ là Trương Giốc, nay sửa lại.

Trương Giác lại sai đồng đảng là Mã Nguyên Nghĩa mật đem vàng lụa vào Kinh kết giao với tên hoạn quan Phong Tư, để làm nội ứng, rồi bàn với hai em rằng:

– Không gì khó bằng thu phục được lòng dân, nay lòng dân đã quy thuận về ta, nếu không thừa thế chiếm lấy thiên hạ thì thật là đáng tiếc lắm.

Bèn một mặt sai may cờ vàng hẹn ngày khởi sự, một mặt sai đồ đệ là Đường Châu đem thư báo cho Phong Tư biết. Nhưng Đường Châu lại đi thẳng đến cửa cung tố cáo.

Được tin, vua liền triệu quan đại tướng quân Hà Tiến điều binh bắt chém Mã Nguyên Nghĩa và bắt cả bọn Phong Tư bỏ ngục. Trương Giác thấy việc đã tiết lộ, vội vàng cử binh khởi sự, tự xưng là Thiên công tướng quân, Trương Bảo xưng Địa công tướng quân, Trương Lương xưng Nhân công tướng quân: nói với mọi người rằng: "Nay vận nhà Hán sắp hết, đại thánh nhân ra đời. Các người nên thuận mệnh trời, theo về ta để cùng vui hưởng thái bình!" .

Nhân dân bốn phương đội khăn vàng, đi theo Trương Giác có tới bốn năm mươi vạn người. Thế giặc dữ dội, quan quân thua chạy như vịt. Hà Tiến một mặt tâu vua, xin hoả tốc xuống chiếu cho các nơi phòng giữ giết giặc lập công; một mặt sai ba quan trung lang tướng là Lự Thực, Hoàng Phủ Tung, Chu Tuấn đem quân tinh nhuệ chia ra làm ba ngả dẹp giặc.

Trong khi ấy, quân Trương Giác có một toán xâm phạm bờ cõi U Châu. Quan thái thú châu ấy là Lưu Yên, người làng Kinh Lăng, đất Giang Hạ, dòng dõi Lỗ Cung vương nhà Hán, nghe tin quân giặc sắp đến, liền triệu quan hiệu uý Châu Tĩnh đến bàn bạc, Tĩnh nói:

– Quân giặc nhiều, quân ta ít, ông nên tức khắc chiêu mộ thêm quân thì mới kịp ứng phó.

Lưu Yên cho là phải, bèn sai treo bảng mộ quân.

Khi bảng treo đến Trác quận thì có ngay một vị anh hùng ra ứng mộ. Vị anh hùng ấy không thích đọc sách mấy, tính ôn hòa, ít nói, mừng giận không hề lộ ra mặt, vốn có chí lớn, chỉ thích kết giao với những tay hào kiệt trong thiên hạ. Kể dáng người thì mình cao bảy thước rưỡi[1], hai tai chảy xuống gần vai, hai tay buông khỏi đầu gối, mắt trông thấy được tai, mặt đẹp như ngọc, môi đỏ như son, tức dòng dõi Trung Sơn Tĩnh Vương Lưu Thắng, cháu năm đời vua Cảnh đế nhà Hán, họ Lưu, tên Bị, tự là Huyền Đức.

Ngày trước con Lưu Thắng là Lưu Trinh, về đời vua Hán Vũ, được phong làm Trác lộc Đình hầu, sau vì tội góp thiếu tiền cúng tế bị mất chức, vì vậy còn sót một ngành ở Trác quận.

Ông của Huyền Đức là Lưu Hùng, cha là Lưu Hoằng. Hoằng thi đỗ hiếu liêm[2], đã từng làm quan, nhưng mất sớm. Huyền Đức mồ côi cha, thờ mẹ rất hiếu, nhà nghèo, phải làm nghề đóng dép, dệt chiếu kiếm ăn.

Nhà Huyền Đức ở thôn Lâu Tang, mé đông nam có một cây dâu rất lớn, cao hơn năm trượng, xa trông từng lớp trên xoè ra như cái tán che cỗ xe. Có người thầy tướng đi qua trông thấy khen rằng: "Nhà có cây dâu này tất sinh quý tử". Lúc Huyền Đức còn thơ ấu, cùng trẻ con chơi dưới gốc dâu, thường vẫn nói rằng:"Ngày sau ta làm vua, cũng ngự cái xe có tán che như cây dâu này". Người chú là Lưu Nguyên Khởi nghe nói, lấy làm lạ bảo rằng: "Thằng bé này không phải người thường". Nhân thấy Huyền Đức nhà nghèo, thường tư cấp cho.

Huyền Đức, năm mười lăm tuổi, mẹ cho đi học, thờ Trịnh Huyền và Lưu Thạc làm thầy và cùng với Công Tôn Toản kết bạn học. Lúc Lưu Yên treo bảng mộ quân, thì Huyền Đức hai mươi tám tuổi.

---

(1) Một thước Trung Quốc bằng 1/3 mét.

(2) Thực ra được phong làm người hiếu đễ và liêm khiết ở địa phương.

Bấy giờ Huyền Đức đọc bảng văn rồi thở dài. Có một người đứng phía sau nói lớn lên rằng:

– Đại trượng phu như ông, không ra giúp nước đứng thở dài đó, được việc chi ?

Huyền Đức ngoảnh lại nhìn: người ấy mình cao tám thước, đầu báo, mắt tròn, râu hùm, hàm én, tiếng vang như sấm, dáng người như ngựa phi, Huyền Đức thấy dung mạo khác thường, liền hỏi họ tên. Người ấy nói:

– Tôi họ Trương tên Phi, tự là Dực Đức, ở Trác quận đã lâu đời. Gia tư có trang trại ruộng vườn, lại có lò mổ lợn và ngôi hàng bán rượu. Tôi chỉ thích kết giao với hào kiệt trong thiên hạ. Vừa rồi thấy ông xem bảng rồi thở dài, nên tôi mới hỏi.

Huyền Đức nói:

– Tôi đây vốn dòng dõi nhà Hán, họ Lưu tên Bị; nay thấy giặc Khăn vàng nổi loạn, muốn ra dẹp giặc yên dân, chỉ hiềm sức mình không làm nổi, nên mới thở dài. Phi nói:

– Nhà tôi gia tư cũng khá. Ý tôi muốn chiêu mộ trai tráng trong làng, cùng ông mưu đồ việc lớn, ông tính sao ?

Huyền Đức mừng lắm. Hai người bèn rủ nhau vào hàng uống rượu.

Đương đánh chén, thấy một người cao lớn lực lưỡng, đẩy một cỗ xe đến cửa, vào hàng ngồi phịch xuống, gọi nhà hàng:

– Rượu mau lên! Để ta uống xong còn vào thành ứng mộ.

Huyền Đức nhìn xem thấy người ấy mình cao chín thước, râu dài hai thước, mặt đỏ như gấc, môi như tô son, mắt phượng, mày tằm, oai phong lẫm liệt. Huyền Đức bèn mời cùng ngồi và hỏi họ tên. Người ấy nói:

– Tôi họ Quan tên Vũ, tự Trường Sinh, sau đổi là Vân Trường, người làng Giải Lương, tỉnh Hà Đông. Nhân thấy có đứa thổ hào ỷ thế hiếp người, tôi bèn giết chết rồi đi làm kẻ

giang hồ đã năm, sáu năm rồi. Nay nghe ở đây có lệnh chiêu binh phá giặc nên tôi đến ứng mộ.

Huyền Đức cũng đem chí mình ra nói. Vân Trường rất mừng. Bèn cùng đến trại của Trương Phi bàn tính việc lớn. Phi nói:

- Sau trại tôi có một vườn đào đang nở hoa đẹp lắm; ngày mai ta nên làm lễ tế trời đất ở trong vườn, rồi ba chúng ta kết làm anh em, cùng tòng hợp sức, sau mới có thể tính được việc lớn.

Huyền Đức, Vân Trường đều nói:

- Như thế tốt lắm!

Ngày hôm sau sửa soạn trâu đen ngựa trắng và các lễ vật ở trong vườn đào, ba người đốt hương lạy hai lạy thề rằng:

- Chúng tôi là Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi, dẫu rằng khác họ, song đã kết làm anh em, thì phải cùng lòng hợp sức, cứu khốn phù nguy, trên báo đền nợ nước, dưới yên định lệ dân. Chúng tôi không cầu sinh cùng ngày, cùng tháng, cùng năm, chỉ muốn chết cùng năm, cùng ngày, cùng tháng. Hoàng thiên hậu thổ soi xét lòng này. Nếu ai bội nghĩa quên ơn thì trời người cùng giết!

Thề xong, tôn Huyền Đức làm anh cả, Quan Vũ thứ hai, Trương Phi em út. Rồi mổ trâu đặt tiệc, tụ họp dũng sĩ trong làng được ba trăm người, cùng đến vườn đào uống một bữa rượu thật say. Hôm sau ba người sửa soạn khí giới, đương lo còn thiếu ngựa cưỡi, thì thấy báo có hai người lái buôn dắt một đàn ngựa đến trại.

Huyền Đức nói:

- Thực là trời giúp chúng ta!

Nói đoạn ba người cùng ra cửa trại đón.

Nguyên hai người khách ấy đều là lái buôn lớn ở Trang Sơn, một người tên Trương Thế Bình, một người tên Tô Song,

hàng năm vẫn đem ngựa lên bán miền Bắc, chỉ vì lúc ấy dọc đường có nhiều giặc cướp nên quay trở về. Huyền Đức mời hai người vào trại, làm rượu khoản đãi và nói rõ ý mình đang muốn dẹp giặc yên dân. Hai người cả mừng tình nguyện tặng năm mươi con ngựa tốt, năm trăm lạng vàng bạc và một nghìn cân sắt để làm khí giới.

Huyền Đức cảm tạ hai người khách và tiến lên đường, rồi sai thợ rèn đến đánh hai thanh kiếm, Vân Trường đánh một thanh long đao nặng tám mươi hai cân, Trương Phi đánh một ngọn xà mâu dài một trượng tám thước. Mỗi người làm một bộ áo giáp, họp hương dũng được hơn năm trăm người, đem nhau đến gặp Châu Tĩnh. Châu Tĩnh đưa đến yết kiến quan thái thú Lưu Yên. Ba người thi lễ xong, đều xưng họ tên. Huyền Đức kể rõ tôn phái, Lưu Yên cả mừng nhận Huyền Đức là cháu.

Lưu Quan Trường thử vũ khí.

Vài hôm sau, có tin báo tướng giặc Khăn vàng là Trình Viễn Chí đem năm vạn quân đến đánh Trác Quận. Lưu Yên sai Châu Tĩnh dẫn ba anh em Huyền Đức đem năm trăm quân đi trước phá giặc. Ba anh em Huyền Đức vui mừng hớn hở đi ngay. Lúc đến dưới núi Đại Hưng, thấy giặc đều xoã tóc chít khăn vàng. Hai bên đối trận, Huyền Đức nhảy ngựa vụt ra, tả có Vân Trường, hữu có Dực Đức, giơ roi mắng lớn:

– Quân giặc phản nước kia! Sao không xuống ngựa hàng ngay đi ?

Trình Viễn Chí cả giận, sai phó tướng Đặng Mậu ra đánh. Trương Phi cầm mâu xông ra đâm trúng vào bụng Đặng Mậu. Đặng Mậu ngã lăn xuống ngựa chết. Trình Viễn Chí thấy vậy, thúc ngựa múa đao xông thẳng vào định chém Trương Phi, tức thì Vân Trường múa long đao tế ngựa ra đón địch. Trình Viễn Chí trông thấy hoảng sợ, chưa kịp trở tay đã bị đao của Vân Trường xẻ làm hai đoạn.

Đời sau có thơ khen hai người rằng:

Anh hùng xuất hiện buổi ban đầu
Người thử long đao kẻ thử mâu
Mới bước chân ra uy đã dữ
Tiếng căm lừng lẫy cuộc ganh nhau

Quân giặc thấy Trình Viễn Chí bị chém, đều vác ngược giáo ù té chạy. Huyền Đức thúc quân đuổi theo, giặc ra hàng không biết bao nhiêu mà kể. Ba người đại thắng kéo quân trở về. Lưu Yên thân ra đón tiếp, khao thưởng ba quân.

Hôm sau Lưu Yên tiếp được tờ điệp của quan thái thú Thanh Châu tên là Cung Cảnh, báo tin bị giặc Khăn vàng bao vây, thành sắp vỡ, kíp xin cho quân đến cứu. Lưu Yên bàn với Huyền Đức, Huyền Đức nói:

– Bị này tình nguyện đem quân đi cứu!

Lưu Yên bèn sai Châu Tĩnh đem năm nghìn quân cùng Huyền Đức, Quan, Trương kéo đến Thanh Châu.

Giặc thấy có quân đến cứu, chia quân đón đánh. Huyền Đức thấy quân mình ít, khó đánh được, lui ba mươi dặm đóng trại, rồi bảo Quan, Trương rằng:

– Giặc nhiều, ta ít, tất phải dùng kỳ binh mới có thể thắng được.

Bèn sai Vân Trường dẫn một nghìn quân phục bên tả núi, Trương Phi dẫn một nghìn quân phục bên hữu núi, hẹn rằng nghe tiếng chiêng thì cùng kéo ra tiếp ứng.

Ngày hôm sau Huyền Đức cùng Châu Tĩnh dẫn quân đánh trống hò reo thẳng tiến. Quân giặc vội vã kéo ra đón đánh. Huyền Đức lui binh ngay. Giặc thừa thế đuổi trận. Vừa qua sườn núi, trong quân Huyền Đức khua chiêng vang lên. Hai đạo quân tả hữu xô ra.

Huyền Đức thúc quân quay lại, ba mặt giáp đánh, quân giặc thua to, chạy đến dưới thành Thanh Châu, quan thái thú Cung Cảnh cũng đem dân binh ra trợ chiến, quân giặc bị chết rất nhiều, giải được vòng vây.

Đời sau có thơ khen Huyền Đức rằng:

Bày mưu đặt mẹo khéo ra công,
Đôi hổ chung quy kém một rồng.
Buổi mới đã nên công trạng lớn,
Chia ba chân vạc đáng anh hùng.

Cung Cảnh khao quân xong, Châu Tĩnh muốn về, Huyền Đức nói:

– Mới rồi nghe tin quan trung lang tướng Lư Thực cùng Trương Giác đánh nhau ở Quảng Tôn, Bị nầy trước kia có học Lư tướng quân, nghĩa đạo thầy trò, muốn sang giúp sức.

Châu Tĩnh dẫn quân về một mình, còn Huyền Đức cùng Quan, Trương dẫn năm trăm quần bản bộ sang Quảng Tôn.

Khi ba người đến dinh quân Lư Thực, vào trướng thi lễ, bày tỏ ý kiến mình, thì Lư Thực mừng lắm, lưu lại ở trướng tiền đợi khi dùng đến.

Bấy giờ quân Trương Giác mười lăm vạn, quân Lư Thực năm vạn, đang chống nhau ở Quảng Tôn, chưa rõ bên nào thua được.

Một hôm Lư Thực bảo Huyền Đức rằng:

– Trương Giác đã bị ta vây ở đây rồi. Duy hai em nó là Trương Bảo, Trương Lương đang chống nhau với Hoàng Phủ Tung và Chu Tuấn ở Đĩnh Xuyên. Ông nên đem ngay quân bản bộ và một nghìn quân ta giúp thêm, đến thẳng Đĩnh Xuyên dò xem tin tức ra sao, rồi cùng nhau hẹn ngày tiến đánh.

Huyền Đức lĩnh mệnh, đem quân đi cả ngày đêm đến Đình Xuyên.

Lúc ấy Hoàng Phủ Tung, Chu Tuấn đem quân đánh giặc, giặc bị thua luôn, phải lui về Trưởng Xã, dựa theo bụi rậm đóng trại. Tung bàn với Tuấn rằng:

– Quân giặc dựa vào chỗ có cỏ rậm đóng quân thì ta nên dùng mẹo hoả công.

Bèn sai quân sĩ mỗi người một bó cỏ, ngầm đi mai phục. Đêm ấy trời nổi cơn gió lớn, vào khoảng canh hai, quân phục kéo vào phóng hoả, Tung và Tuấn đều dẫn quân đến đánh, khói lửa ngút trời, quân giặc hoảng sợ, người không kịp mặc giáp, ngựa không kịp thắng yên, xô nhau mà chạy. Đôi bên đánh nhau đến sáng, Trương Lương, Trương Bảo phải dẫn tàn quân cướp đường mà chạy. Bỗng thấy một toán quân mã cờ đỏ xông ra chặn đường. Một tướng đi đầu, mình cao bảy thước, mắt nhỏ râu dài.

Viên tướng ấy là ai? Tức là quan kỵ đô uý, người ở Tiêu Quận nước Bái, họ Tào tên Tháo tự xưng là Mạnh Đức.

Cha Tào Tháo là Tào Tung, vốn xưa họ Hạ Hầu, nhận làm con nuôi quan trung thường thị Tào Đằng, nên đổi theo họ Tào. Tháo tiểu tự là A Man, và đặt một tên nữa là Cát Lợi. Lúc Tháo còn trẻ, thì chỉ thích săn bắn, ham múa hát, nổi tiếng là một tay cơ biến quyền mưu. Người chú Tháo thấy Tháo chơi

bời vô độ, giận lắm, bèn mách với Tào Tung. Tung trách mắng Tháo. Tháo nghĩ ngay một kế, lúc thấy chú đến, giả tảng nằm quay ra đất, làm như trúng phong. Chú Tháo thấy vậy cả sợ, chạy đến bảo Tung. Tung vội lại xem, thấy Tháo không có bệnh chi cả, liền hỏi:

– Chú mày nói mày trúng phong, đã khỏi rồi à?

– Thưa cha, thuở bé đến giờ con có bệnh ấy đâu! Chẳng qua chú con ghét con, cho nên đặt điều ra thế.

Tung tưởng thật. Từ đấy người chú kể tội Tháo, Tung đều không nghe nữa, nhân thế Tháo cũng được tự do phóng đãng hơn xưa.

Bấy giờ có người tên là Kiều Huyên bảo Tháo rằng:

– Thiên hạ sắp loạn, phi có tay tài giỏi hơn đời thì không sao dẹp được loạn. Làm được như thế có lẽ chỉ có bác!

Người đất Nam Dương là Hà Ngung một hôm trông thấy Tháo cũng tán tụng rằng:

– Nhà Hán sắp mất, yên được thiên hạ chắc chỉ có người này!

Người đất Nhữ Nam là Hứa Thiệu có tiếng là giỏi biết người. Tháo thân đến hỏi:

– Như tôi là người thế nào?

Thiệu không trả lời.

Tháo hỏi lại lần nữa.

Thiệu nói:

– Anh là năng thần[1] của đời trị và gian hùng của đời loạn!

Tháo nghe nói cả mừng.

Năm Tháo hai mươi tuổi thi đỗ hiếu liêm, bổ làm quan lang, sau lại thăng chức đô uý huyện Lạc Dương. Lúc mới đến

(1) Quan giỏi

nhận chức, Tháo sai treo hơn mười cái roi ngũ sắc ở bốn cửa huyện, không kể hào quý, hễ ai phạm pháp đều không tha. Chú quan trung thường thị Kiển Thạc vác đao đi đêm. Tháo đi tuần bắt được cũng đem nọc đánh ngay. Bởi thế trong ngoài kinh sợ, không ai dám làm trái phép. Sau Tháo được thăng chức Lệnh doãn Đốn kỷ. Nhân giặc Khăn vàng nổi loạn, Tháo lại được thăng làm quan kỵ đô uý, đem năm nghìn quân kỵ mã và bộ binh đến Đĩnh Xuyên giúp đánh. Tình cờ dọc đường, gặp Trương Lương, Trương Bảo thua chạy. Tháo đón đánh một trận kịch liệt, chém giết hơn một vạn người, cướp được cờ, trống, ngựa, khí giới rất nhiều. Lương, Bảo cố chết mới chạy thoát. Tháo vào yết kiến Hoàng Phủ Tung, Chu Tuấn rồi lại dẫn quân đi đuổi Trương Lương, Trương Bảo ngay.

Nhắc lại Huyền Đức dẫn Quan, Trương đi gần đến Đĩnh Xuyên, nghe tiếng reo hò đánh nhau, lại trông thấy lửa sáng rực trời, vội thúc quân kéo đến, tới nơi giặc đã chạy tan hết rồi. Huyền Đức vào yết kiến Hoàng Phủ Tung, Chu Tuấn nói lại ý kiến của Lư Thực, Tung nói:

– Nay Trương Lương, Trương Bảo thế cùng lực kiệt, tất chạy đến Quảng Tôn nương nhờ Trương Giác. Ông nên đi gấp đường về giúp ngay Lư Thực.

Huyền Đức nghe lời dẫn quân trở lại.

Khi mới đi được nửa đường gặp một toán người ngựa, áp giải một xe tù, trên xe có một cũi nhốt một người tù, té ra chính là Lư Thực. Huyền Đức giật mình kinh hãi, vội xuống ngựa chạy đến hỏi thăm. Thực nói:

– Ta vây đánh Trương Giác, sắp sửa phá tan, chỉ vì Giác dùng yêu thuật, nên còn nhùng nhằng chưa phá hẳn được. Triều đình sai viên hoạn quan tên là Tả Phong đến dò xét quân tình. Phong đòi ăn của đút không được, vì lương quân ta còn thiếu, tiền đâu mà cung đốn họ, bởi thế Tả Phong căm giận, về triều tâu man cho ta ru rú ở trong luỹ cao không chịu đánh giặc,

làm cho lòng quân chán nản. Triều đình nổi giận, sai quan trung lang tướng Đổng Trác đến cầm quân thay ta, và bắt ta về kinh hỏi tội.

Trương Phi nghe nói, nổi giận đùng đùng, toan giết hết toán quân áp giải để cứu Lư Thực. Huyền Đức vội ngăn lại bảo rằng:

– Không nên, triều đình đã có công luận, chú không được xử sự một cách nóng nảy như thế.

Quân sĩ lại giải Lư Thực đi.

Quan Công nói:

– Nay Lư trung lang đã bị bắt, người khác thay quyền, chúng ta đến đấy cũng vô ích, chi bằng hãy về Trác quận.

Huyền Đức lấy làm phải, bèn dẫn quân về phía bắc.

Đi được hai ngày, bỗng nghe thấy sau núi có tiếng đánh nhau hò hét. Huyền Đức cùng Quan, Trương cưỡi ngựa lên đồi cao trông xem, thấy quân Hán bị thua đương chạy, giặc Khăn vàng đông như kiến cỏ đương đuổi theo sau, trên lá cờ viết bốn chữ " Thiên công tướng quân" rất lớn. Huyền Đức nói:

– Trương Giác đây rồi! Đánh ngay đi!

Ba người đều phi ngựa dẫn quân ra đánh. Lúc ấy Trương Giác đang thừa thắng đuổi Đổng Trác, bỗng gặp ba người đem quân chẹn đánh, quân Giác hoảng loạn, phải thua chạy đến ngoài năm mươi dặm.

Ba người cứu được Đổng Trác về trại. Trác hỏi ba người hiện làm quân gì ?

Huyền Đức nói: "Chân trắng"[1]

Trác khinh thường, không thèm đáp tạ lại.

Huyền Đức bỏ đi, Trương Phi cả giận nói rằng:

– Thằng cha này láo quá! Chúng ta lăn lộn vào đất chết để cứu nó ra, nó không ơn thì chớ, lại còn làm phách khinh người đến thế, nếu không giết nó, sao hả được giận này ?

(1) Ý nói là người chưa có chức tước và công trạng gì.

Bèn cầm dao vào trướng định giết Đổng Trác.

Đó chính là:

Nhân tình thế thái vẫn xưa nay
Ai biết anh hùng lúc trắng tay!
Nếu được người người như Dực Đức,
Trên đời hẳn hết kẻ không hay!

Muốn biết tính mạng Đổng Trác thế nào, xem hồi sau sẽ rõ.

Hồi thứ hai mươi tám

CHÉM SÁI DƯƠNG, ANH EM HÒA GIẢI HỘI CỔ THÀNH, VUA TÔI TỤ NGHĨA

Đây nói Quan Công cùng Tôn Càn đưa hai phu nhân sang Nhữ Nam, không ngờ Hạ Hầu Đôn đem ba trăm quân kỵ mã đuổi theo. Tôn Càn bảo vệ xa trượng đi trước. Quan Công quay ngựa bảo Hạ Hầu Đôn:

– Mi lại đuổi ta làm mất cả lượng khoan hồng của thừa tướng!

Hạ Hầu Đôn nói:

– Thừa tướng không có công văn truyền báo. Mi đi dọc đường giết người, lại giết cả bộ tướng của tao, rất là vô lễ. Phen này ta quyết bắt mi giải về để thừa tướng xét xử.

Nói xong, tế ngựa vác giáo toan đánh Quan Công. Chợt thấy đằng sau một người cưỡi ngựa chạy đến, nói to:

– Không được đánh nhau với Vân Trường!

Quan Công dừng cương ngựa lại. Sứ giả thò tay vào bọc lấy tờ công văn ra, bảo Hạ Hầu Đôn rằng:

– Thừa tướng kính yêu Vân Trường là người trung nghĩa, sợ qua các cửa quan có việc ngăn trở, nên sai tôi đem công văn này báo khắp các nơi.

Đôn hỏi:

- Thế Quan Vũ đi đường giết mấy tướng giữ ải, việc ấy thừa tướng biết chưa?

Sứ thưa:

- Việc ấy thừa tướng chưa biết.

Đôn nói:

- Thế thì ta phải bắt sống nó đem về trình thừa tướng mới được, rồi thừa tướng có tha thì tha.

Quan Công nói:

- Ta há sợ mi à?

Rồi vỗ ngựa cầm đao xán vào đánh Đôn, Đôn cầm giáo nghênh địch. Hai người đánh nhau được mười hiệp, lại có một người phi ngựa đến nói to:

- Hai tướng quân hãy dừng tay!

Đôn chống giáo hỏi:

- Thừa tướng bảo bắt quan mỗ phải không?

Sứ giả thưa:

- Không phải! Thừa tướng sợ các tướng giữ cửa quan ngăn cản Quan tướng quân nên sai tôi đem công văn đến báo các nơi để Quan tướng quân đi.

Đôn lại hỏi:

- Thế việc nó giết người, thừa tướng đã biết chưa ?

Sứ giả nói:

- Chưa.

Đôn nói:

- Nếu thừa tướng chưa biết thì không thể tha được.

Đôn chỉ huy quân sĩ vây lấy Quan Công. Quan Công giận lắm, múa đao lại đánh. Hai bên sắp sửa giao chiến, bỗng sau trận có người tế ngựa lại gọi to:

– Vân Trường, Nguyên Nhượng đừng đánh nhau nữa!

Hai người cùng trông xem ai, thì là Trương Liêu. Hai bên đều ghìm ngựa lại. Trương Liêu lại gần nói:

– Phụng chỉ thừa tướng: vì biết Vân Trường đi đường có vượt qua mấy cửa ải giết mấy tướng, thừa tướng sợ Vân Trường đi đường bị ngăn trở, nên sai tôi đi truyền dụ các ải cứ để cho Vân Trường đi.

Hạ Hầu Đôn nói:

– Tần Kỳ là cháu Sái Dương, hắn đem gửi ta, nay lại bị Quan mỗ giết, Sái Dương sao chịu để yên ?

Liêu nói:

– Tôi gặp Sái tướng quân sẽ có cách phân giải. Thừa tướng đã có lượng khoan dung để cho Vân Trường đi, ông không nên trái lệnh thừa tướng.

Hạ Hầu Đôn đành rút quân về.

Liêu hỏi Quan Công:

– Vân Trường nay muốn đi đâu?

Quan Công nói:

– Tôi nghe anh tôi bây giờ lại không ở chỗ Viên Thiệu nữa nên định đi tìm khắp thiên hạ.

Liêu nói:

– Nếu chưa biết Huyền Đức ở đâu, hãy trở về gặp thừa tướng đã, anh nghĩ thế nào?

Quan Công cười nói:

– Có lẽ đâu lại thế! Văn Viễn về gặp thừa tướng làm ơn tạ tội hộ tôi.

Nói rồi vái chào Trương Liêu, từ biệt. Trương Liêu và Hạ Hầu Đôn đem quân về.

Quan Công theo kịp xa trượng, nói chuyện lại với Tôn Càn. Hai người giống ngựa ngang nhau cùng đi.

Đi được vài ngày, bỗng gặp cơn mưa to, hành trang ướt cả. Trông xa bên chân núi chỉ có một cái trại. Quan Công dẫn xa trượng vào đó xin nghỉ trọ.

Trong nhà một ông già ra đón. Quan công kể rõ sự tình. Ông già nói:

– Tôi họ Quách tên Thường, đời đời ở đây. Được nghe tiếng ngài đã lâu, nay được bái kiến thật là may mắn.

Nói rồi sai giết dê làm rượu thết đãi, mời hai phu nhân vào tạm nghỉ ở nhà trong. Quách Thường ngồi tiếp Quan Công và Tôn Càn ở nhà ngoài uống rượu. Một bên hơ đồ hành lý; một bên cho ngựa ăn uống.

Đến lúc trời sâm sẩm tối, thấy một chàng tuổi trẻ đem vài người đi vào, đi thẳng lên nhà. Quách Thường gọi bảo:

– Con lại đây bái kiến tướng công.

Nhân nói với Quan Công:

– Đây là con trai tôi.

Quan Công hỏi:

– Đi đâu về ?

Thường nói:

– Cháu đi săn bắn mới về.

Người con trai chào Quan Công, rồi lại xuống thềm đi mất. Quách Thường khóc nói:

– Nhà lão phu xưa nay chuyên nghề cày ruộng đọc sách, chỉ sinh được một đứa con trai này, nó chẳng chăm lo việc nhà, chỉ mê chơi bời săn bắn, thực không may cho nhà lão phu.

Quan Công nói:

– Nay đương thời loạn, nếu tinh thông nghề võ, cũng có thể lập được công danh, sao lại gọi là không may?

Thường nói:

– Nếu nó chuyên tập nghề võ, thì là người có chí; nhưng nay nó chỉ dông dài, lêu lổng, bởi thế lão phu rất lấy làm lo.

Quan Công nghe chuyện cũng ái ngại cho ông cụ.

Đến canh khuya, Quách Thường cáo từ đi ra. Quan Công cùng Tôn Càn sắp đi ngủ, chợt nghe đằng sau nhà có tiếng ngựa hí người kêu.

Quan Công vội gọi người nhà, chẳng thấy ai thưa, liền cùng Tôn Càn cầm gươm đi ra xem, thì thấy con Quách Thường ngã quay dưới đất, kêu la rầm rĩ, người nhà thì đang đánh nhau với một bọn trang khách. Quan Công hỏi có làm sao, người nhà thưa:

– Anh này toan ăn trộm ngựa Xích Thố, bị ngựa đá ngã, chúng tôi nghe thấy tiếng kêu, chạy lại xem, thì những người này lại đến đánh chúng tôi.

Quan Công giận nói:

– Đồ chuột nhắt sao dám trộm ngựa của ta!

Rồi toan lại đánh cho một trận, Quách Thường chạy đến kêu van:

– Thằng con lão phu hư hỏng dám làm việc càn bậy này, tội nó thực đáng chết. Nhưng vợ già tôi thương yêu nó, xin tướng quân rủ lòng nhân từ tha tội cho nó.

Quan Công nói:

– Thằng bé này thực là hư hỏng, như lời ông vừa nói: thực đúng với câu cổ ngữ: "Biết con không ai bằng cha". Thôi nể ông tôi hãy tha cho nó.

Bèn bảo người nhà trông ngựa cẩn thận, đuổi bọn trang khách, rồi cùng Tôn Càn vào nhà khách nghỉ.

Hôm sau vợ chồng Quách Thường ra lạy ở dưới thềm, xin lỗi:

– Đứa con dại chúng tôi xúc phạm oai hùm, nhờ ơn tướng quân tha thứ, chúng tôi cảm tạ vô cùng.

Quan Công bảo:

– Gọi nó ra đây để ta lấy lẽ phải dạy bảo nó.

Thường nói:

– Canh tư đêm hôm qua, nó cùng mấy đứa vô lại dắt nhau đi đâu rồi.

Quan Công tạ biệt Quách Thường, mời hai chị lên xe cùng Tôn Càn sánh ngựa bảo vệ xa trượng, đi theo đường núi.

Đi ước được ba mươi dặm, thấy đằng sau núi có hơn một trăm người kéo ra, hai người đi đầu cưỡi ngựa, một người đội khăn vàng, mình mặc áo chiến; một người chính là con Quách Thường. Người khăn vàng nói rằng:

– Ta là bộ tướng của Thiên công tướng quân Trương Giác. Người kia để ngựa Xích Thố lại, thì ta tha cho đi.

Quan Công nghe nói cười to nói:

– Bọn giặc điên kia! Đã đi theo Trương Giác, hẳn có biết tiếng ba anh em Lưu, Quan, Trương ?

Người khăn vàng rằng:

– Ta chỉ biết tiếng người mặt đỏ râu dài là Quan Vân Trường nhưng ta chưa được thấy mặt bao giờ. Mi là người nào?

Quan Công cắp đao, dừng ngựa, cởi túi râu ra, vuốt cho mà coi. Người ấy vội vàng nhảy xuống ngựa, nắm đầu con Quách Thường, lôi lại nộp trước ngựa Quan Công. Quan Công hỏi họ tên, người ấy thưa:

– Tôi họ Bùi tên là Nguyên Thiệu, từ khi Trương Giác chết giờ, không có ai làm chủ, phải vào tụ tập trong núi rừng. Sớm hôm nay, thằng này mách tôi rằng có một người khách cưỡi một con ngựa đi nghìn dặm, ngủ trọ nhà nó, nó rủ tôi đi ăn cướp ngựa. Không ngờ lại được gặp tướng quân.

Con Quách Thường cũng phục xuống lạy xin tha tội. Quan Công nói:

– Ta nể mặt bố mày mà tha cho mày.

Con Quách Thường ôm đầu thui thủi đi mất. Quan Công hỏi Nguyên Thiệu:

– Ngươi không biết mặt ta sao lại biết tiếng?

Nguyên Thiệu thưa:

– Cách đây hai mươi dặm, có núi Ngoạ Ngưu. Trong núi ấy có một người ở Quan Tây, họ Châu tên Thương[1] hai cánh tay nhắc nổi nghìn cân, bắp thịt cứng, râu xồm, hình dáng dữ tợn, nguyên là bộ hạ Trương Bảo. Từ khi Trương Bảo chết, Châu Thương tụ tập trong rừng, thường nói đến đại danh tướng quân, tiếc rằng không có cách nào được gặp.

Quan Công nói:

– Rừng xanh không phải là nơi hào kiệt nương mình. Các ông từ rầy nên bỏ tà theo chính, đừng có tự làm phí mất thân mình.

Nguyên Thiệu lạy tạ.

Trong khi đang nói chuyện, thấy ở đằng xa có một toán quân kéo đến. Nguyên Thiệu nói:

– Đó hẳn là Châu Thương.

Quan Công đứng lại, thấy một người mặt đen, mình cao lớn, cưỡi ngựa vác dáo dẫn quân đến, trông thấy Quan Công vừa mừng vừa sợ, nói ngay rằng:

– Đây là Quan tướng quân rồi!

Rồi vội vàng xuống ngựa, thụp lạy bên đường, nói:

– Tôi là Châu Thương xin bái kiến tướng quân!

Quan Công nói:

---

(1) Bản dịch cũ in là Châu Sương. Nay sửa lại.

– Tráng sĩ đã biết ta ở nơi nào vậy?

Châu Thương thưa:

– Khi xưa tôi theo giặc Khăn vàng là Trương Bảo, đã được biết tôn nhan, tiếc rằng mình trót theo giặc, không được theo hầu. Ngày nay may được bái kiến ở đây, tướng quân đừng ruồng bỏ, cho làm lính hộ, sớm tối cầm roi theo sau ngựa, dẫu chết cũng cam tâm.

Quan Công thấy Châu Thương lòng rất thành thực, hỏi:

– Ngươi theo ta, còn thủ hạ của ngươi thì làm thế nào?

Châu Thương nói:

– Ai muốn theo thì theo, bằng không thì tùy ý.

Mọi người đều xin đi theo cả. Quan Công vội vàng xuống ngựa, đến trước xe bẩm hỏi hai chị, Cam phu nhân nói:

– Từ khi chú rời Hứa Đô, một mình đi đến đây trải bao nhiêu gian nan, chưa từng cần có quân mã đi theo. Trước kia Liêu Hoá muốn đi theo, chú cũng từ chối, nay sao cho quân Châu Thương đi theo ? Đó là thiển kiến của chị em đàn bà chúng tôi, xin tùy ý chú suy xét.

Quan Công nói:

– Chị nói rất phải.

Bèn bảo Châu Thương rằng:

– Không phải ta không có tình, nhưng vì hai phu nhân không ưng, các ngươi hãy về núi, đợi khi nào ta tìm thấy anh ta, bấy giờ sẽ sai người đi gọi.

Châu Thương đập đầu xuống đất nói:

– Châu Thương là một kẻ thô mãng, đã lỡ bước đi theo giặc; nay được gặp tướng quân, khác nào được trông thấy trời và mặt trời, sao bỏ lỡ cơ hội này ? Nếu đông người đi theo không tiện, xin cho chúng ở lại với Nguyên Thiệu, còn tôi chỉ xin một mình đi bộ theo tướng quân, dẫu đường xa muôn dặm cũng không ngần ngại.

Quan Công lại đem lời ấy bẩm với hai chị. Cam phu nhân nói:

– Một vài người đi theo thì được.

Quan Công sai Châu Thương giao cả quân cho Bùi Nguyên Thiệu. Nguyên Thiệu nói:

– Ta cũng muốn đi theo Quan tướng quân.

Châu Thương nói:

– Nếu anh cũng đi thì quân tan hết, chi bằng anh hãy tạm thống lĩnh lấy, để tôi đi theo Quan tướng quân, hễ có đóng ở đâu, tôi sẽ về gọi anh.

Nguyên Thiệu bùi ngùi từ biệt.

Châu Thương theo Quan Công sang Nhữ Nam. Đi được vài ngày, trông xa xa trên đỉnh núi có một toà thành. Quan Công hỏi thổ dân là thành nào, thổ dân nói:

– Đây gọi là Cổ Thành. Mấy tháng trước có một tướng, tên gọi Trương Phi, dẫn vài mươi quân kỵ đến, đuổi quan huyện đi, chiếm lấy thành trì, mộ quân tậu ngựa, chứa cỏ tích lương, nay có đến năm ba nghìn quân mã. Chung quanh đây không ai dám chống lại.

Quan Công nghe nói, mừng rỡ vô cùng:

– Em ta từ khi ở Từ Châu thất tán, lâu nay vẫn không biết ở đâu, ai ngờ hóa ra ở đây!

Liền sai ngay Tôn Càn vào thành báo tin, bảo Trương Phi ra đón hai chị.

Trương Phi từ khi trốn vào núi Mang Đãng, ở hơn một tháng. Một bữa ra ngoài nghe ngóng tin tức Huyền Đức, chợt đi qua Cổ Thành, vào huyện vay lương thực. Quan huyện không cho vay, Phi nổi giận đuổi ngay quan huyện đi, cướp lấy thành trì, tạm lấy chốn nương thân.

Hôm ấy Tôn Càn theo lệnh Quan Công, vào thành ra mắt Trương, thi lễ xong nói chuyện Huyền Đức đã bỏ Viên Thiệu

sang Nhữ Nam. Vân Trường thì ở Hứa Đô vừa đưa hai phu nhân đến đây. Rồi mời Trương Phi ra đón.

Phi nghe xong, chẳng nói năng gì, lập tức mặc áo giáp vác mâu lên ngựa, dẫn một nghìn quân, đi tắt ra cửa bắc. Tôn Càn thấy lạ nhưng không dám hỏi, cũng phải theo ra thành.

Quan Công trông thấy Trương Phi ra, mừng rỡ vô cùng, giao long đao cho Châu Thương cầm, tế ngựa lại đón. Trương Phi mắt tròn xoe, râu vểnh ngược, hò thét như sấm, múa sà mâu chạy lại đâm Quan Công.

Quan Công giật mình, vội tránh mũi mâu, hỏi:

– Hiền đệ, cớ sao như thế, há quên nghĩa vườn đào ru ?

Trương Phi hầm hầm quát:

– Mày đã bội nghĩa còn mặt nào đến gặp tao nữa?

Quan Công nói:

– Ta làm sao mà bội nghĩa ?

Trương Phi nói:

– Mày bỏ anh, hàng Tào Tháo được phong hầu phong tước, nay lại đến đây đánh lừa tao! Phen này tao quyết liều sống chết với mày.

Quan Công nói:

– Chuyện này em không biết, ta cũng khó nói. May có hai chị ở đây, em đến mà hỏi.

Hai phu nhân nghe thấy thế, vội vàng vén màn xe, gọi:

– Chú ba sao lại thế ?

Phi nói:

– Xin hai chị hãy thong thả, để tôi giết thằng phụ nghĩa này đã, rồi sẽ mời hai chị vào thành.

Cam phu nhân nói:

– Khoan đã chú ba, khoan đã! Chớ hấp tấp mà làm càn bây giờ. Chú hai không biết tin tức mọi người ở đâu, nên phải

tạm nương mình bên Tào. Nay đã biết anh nhà ở Nhữ Nam, không ngại hiểm trở, đưa lũ ta đến đây. Chú không được nghĩ lầm như thế.

My phu nhân cũng nói:

- Chú hai trước ở Hứa Đô, thực là bất đắc dĩ.

Phi nói:

- Hai chị bị nó lừa dối đấy. Trung thần thà chịu chết chứ không chịu nhục. Có lẽ đâu đại trượng phu lại thờ hai chủ!

Quan Công nói:

- Hiền đệ đừng nói vậy, oan uổng anh quá!

Tôn Càn nói:

- Vân Trường đến đây là cốt để tìm tướng quân.

Trương Phi mắng:

- Mày cũng nói láo, nó đâu có bụng tốt, nó lại đây là để bắt ta đó!

Quan Công nói:

- Nếu ta đến bắt em, tất phải đem theo quân mã chứ!

Trương Phi trỏ tay đằng xa, nói:

- Không phải quân mã là gì kia?

Quan Công ngoảnh đầu lại, quả nhiên thấy bụi bay mù mịt, một toán quân mã kéo đến, cờ hiệu phấp phới chính là cờ Tào. Trương Phi nổi giận nói:

- Bây giờ còn chối nữa thôi ?

Rồi múa bát sà mâu hăm hở lại đâm Quan Công. Quan Công vừa đỡ, vừa can:

- Hiền đệ hãy khoan, xem ta chém tên tướng ấy, để tỏ lòng thực của ta.

Trương Phi nói:

- Nếu mày quả có lòng thực, ta đánh ba hồi trống mày phải chém được tên tướng ấy.

Quan Công nhận lời. Một lát quân Tào kéo đến, Sái Dương đi đầu, vác đao tế ngựa chạy lại, quát to:

– Mày giết cháu tao là Tần Kỳ, lại trốn đến đây, tao phụng mệnh thừa tướng đến bắt mày.

Quan Công chẳng nói một lời, múa long đao xô lại, Trương Phi thẳng cánh đánh trống, chưa dứt một hồi, đầu Sái Dương đã lăn dưới đất.

Quân Tào chạy tan tác, Quan Công bắt một tên lính cầm cờ hiệu hỏi chuyện đầu đuôi. Tên lính thưa:

– Sái Dương nghe tin tướng quân giết mất cháu ngoại là Tần Kỳ, nổi giận đùng đùng, muốn sang Hà Bắc đánh nhau với tướng quân. Thừa tướng không cho đi, nên sai Sái Dương sang Nhữ Nam đánh Lưu Tích, không ngờ đi đến đây lại gặp tướng quân.

Quan Công sai tên lính đến kể chuyện ấy cho Trương Phi nghe. Phi hỏi kỹ việc ở Hứa Đô, tên lính kể hết nông nỗi từ đầu đến cuối, bấy giờ Trương Phi mới tin anh là thực.

Giữa lúc ấy, có quân đến báo:

– Ngoài cửa nam có vài mươi quân kỵ mã đi lại rất khẩn cấp không biết là những người nào?

Phi lấy làm hồ nghi, chạy ra cửa nam xem, quả thấy một toán mươi quân kỵ mã đeo cung nhẹ, cài tên ngắn, chạy lại. Thấy Phi, chúng vội vàng xuống ngựa. Phi nhìn ra thì là My Chúc và My Phương.

Trương Phi xuống ngựa chào hỏi, Chúc nói:

– Từ khi ở Từ Châu thất tán, hai anh em tôi trốn nạn về làng ở, sai người đi dò thăm tin tức, biết Quan Vân Trường đã hàng Tào Tháo, chúa công thì ở Hà Bắc; lại nghe nói Giản Ung cũng sang Hà Bắc rồi. Nhưng lại không biết tướng quân ở đâu. Bữa nọ, gặp một bọn khách đi đường, nói chuyện có một tướng họ Trương, hình dáng như thế, chiếm cứ Cổ Thành. Anh em tôi đoán tất là tướng quân, nên lại đây tìm hỏi. Thực là may quá!

Phi nói:

– Vân Trường và Tôn Càn vừa đưa hai chị đến đây. Anh ta bây giờ ở đâu, ta cũng biết cả rồi.

Hai anh em họ My mừng rỡ vô cùng, cùng đến chào Quan Công, và bái kiến hai phu nhân.

Phi mời hai chị vào thành.

Trương Phi nghe hết chuyện rỏ nước mắt khóc, thụp xuống lạy Vân Trường.

Vào đến nhà, hai bà mới kể lại những việc Quan Công đã trải qua. Trương Phi nghe hết chuyện, rỏ nước mắt khóc, thụp xuống lạy Vân Trường. Hai anh em My Chúc, My Phương thấy vậy cũng động lòng thương cảm.

Trương Phi cũng đem chuyện mình từ khi xa nhau đến giờ ra kể, rồi sai mở tiệc yến lớn ăn mừng.

Hôm sau Trương Phi muốn đi với Quan Công đến Nhữ Nam gặp Huyền Đức.

Quan Công nói:

– Hiền đệ nên trông nom hai chị, tạm đóng quân ở thành này, đợi tôi cùng Tôn Càn đi trước, thăm dò tin tức huynh trưởng đã.

Phi vâng lời. Quan Công cùng Tôn Càn dẫn đầu vài mươi quân kỵ mã đến Nhữ Nam.

Lưu Tích, Cung Đô ra đón. Quan Công hỏi:

– Hoàng thúc ở đâu?

Lưu Tích nói:

– Hoàng thúc đến đây ở được vài tháng, vì thấy quân ít, lại sang Hà Bắc thương lượng với Viên Bản Sơ.

Quan Công bực dọc không vui.

Tôn Càn nói:

– Việc gì tướng quân phải lo buồn? Tôi lại chịu khó đi một phen nữa sang Hà Bắc, nói với Hoàng thúc cùng đến Cổ Thành.

Quan Công nghe lời Tôn Càn, từ biệt Lưu Tích, Cung Đô, về Cổ Thành, thuật chuyện lại với Trương Phi. Trương Phi lại đòi sang Hà Bắc. Quan Công nói:

– Duy có một thành này là nơi chúng ta yên thân, chưa nên bỏ mà đi. Hiền đệ nên ở lại đây, để anh cùng Tôn Càn sang bên Viên Thiệu tìm huynh trưởng về đây tụ họp. Hiền đệ nên giữ vững thành này.

Trương Phi nói:

– Anh đã chém mất Nhan Lương, Văn Sú của Viên Thiệu, nay lại sang đó sao được ?

Quan Công nói:

- Không ngại, anh đến đó, sẽ tùy cơ ứng biến.

Bèn gọi Châu Thương hỏi:

- Bùi Nguyên Thiệu ở núi Ngoạ Ngưu có bao nhiêu quân mã ?

Thương thưa:

- Ước độ bốn năm trăm.

Quan Công nói:

- Nay ta đi tắt đường gần, tìm huynh trưởng. Ngươi nên về núi Ngoạ Ngưu, bảo đem hết cả quân mã ở đấy đi đường cái to đón ta.

Châu Thương lĩnh mệnh đi.

Quan Công cùng Tôn Càn đem hơn hai mươi quân kỵ mã đi tắt sang Hà Bắc. Khi đến gần địa giới, Tôn Càn nói:

- Tướng quân không nên vào vội, hãy tạm nghỉ ở đây, chờ tôi ra mắt Hoàng thúc trước, rồi thế nào sẽ hay.

Quan Công y lời, để Tôn Càn đi trước. Rồi trông ở làng xa xa có một cái trại, bèn cùng các người tùy tùng vào đó xin nghỉ trọ.

Trong nhà có một ông già chống gậy ra chào hỏi. Quan Công lấy chuyện thực ra nói, ông già nói:

- Tôi cũng họ Quan tên Định, nghe thấy tiếng tăm ngài đã lâu, nay mới được bái kiến.

Ông già sai hai con ra lạy, mời Quan Công và các người tùy tùng vào trong nhà khoản đãi tử tế.

Tôn Càn một mình vào Ký Châu, tìm được đến Huyền Đức nói rõ mọi việc.

Huyền Đức nói:

- Giản Ung cũng ở đây. Nên mật mời đến cùng bàn.

Một lát Giản Ung đến. Chào hỏi xong, cùng bàn kế thoát thân, Ung nói:

– Chúa công ngày mai gặp Viên Thiệu, nói xin sang Kinh Châu, nhủ Lưu Biểu cùng đánh Tào Tháo, thế là có thời cơ đi thẳng.

Huyền Đức hỏi:

– Kế ấy thực là diệu, nhưng ông có đi theo được không?

Giản Ụng thưa:

– Tôi sẽ có kế thoát thân.

Bàn định đâu đấy, hôm sau Huyền Đức vào gặp Viên Thiệu nói:

– Lưu Cảnh Thăng trấn giữ chín quận Kinh, Tương, binh mạnh lương nhiều.

Ta nên hẹn với y để cùng đánh Tào Tháo.

Thiệu nói:

– Ta đã sai sứ đến rủ hắn, nhưng hắn chưa chịu nghe.

Huyền Đức nói:

– Lưu Biểu vốn đồng tông với tôi, tôi xin đi nói, tất theo ngay.

Thiệu nói:

– Được Lưu Biểu, hơn Lưu Tích nhiều. Rồi sai Huyền Đức đi, Thiệu lại nói:

– Mới đây ta nghe Quan Vân Trường đã bỏ Tào Tháo, muốn đến Hà Bắc. Ta phải giết đi để báo thù cho Nhan Lương, Văn Sú.

Huyện Đức nói:

– Minh công trước muốn dùng Quan Vũ, nên tôi gọi đến, nay sao Minh công lại muốn giết đi ? Vả Nhan Lương, Văn Sú chỉ bằng hai con hươu mà thôi. Quan Vũ bằng một con hổ. Mất hai hươu được một hổ, Minh công còn hối hận gì?

Thiệu cười nói:

– Ta vốn vẫn yêu Vân Trường, ta nói đùa thế thôi. Ông lại nên cho đi gọi một lần nữa, bảo đến cho nhanh.

Huyền Đức nói:

– Vâng, xin sai ngay Tôn Càn đi gọi.

Thiệu mừng, theo lời ấy.

Khi Huyền Đức đi khỏi, Giản Ung bước lên thưa:

– Huyền Đức phen này đi, chắc không về nữa. Tôi xin đi cùng, trước là để dụ Lưu Biểu, sau là để kìm giữ Huyền Đức.

Thiệu lấy làm phải, sai ngay Giản Ung cùng đi với Huyền Đức.

Quách Đồ can rằng:

– Lưu Bị đi dụ Lưu Tích chưa được việc gì, nay chúa công lại sai cùng Giản Ung đến Kinh Châu, chắc là không trở về nữa.

Thiệu nói:

– Ngươi chớ đa nghi, Giản Ung là người hiểu biết đấy.

Quách Đồ thở dài trở ra.

Huyền Đức sai Tôn Càn đi trước về báo Quan Công rồi cùng Giản Ung từ biệt Viên Thiệu, lên ngựa ra thành.

Huyền Đức đi đến đầu địa giới, Tôn Càn ra đón mời về nhà Quan Định.

Quan Công ra cửa đón vào, hai người cầm tay nhau, khóc lóc mãi.

Quan Định đem hai con ra lạy chào. Huyền Đức hỏi họ tên nhà chủ. Quan Công nói:

– Người này cùng họ với em, có hai con trai: con cả là Quan Ninh, học nghề văn; con thứ là Quan Bình, học nghề võ.

Quan Định nói:

– Ý tôi muốn cho con thứ hai theo hầu Quan tướng quân, chưa biết có được dung nạp không?

Huyền Đức hỏi:

– Quan Bình năm nay bao nhiêu tuổi?

Định thưa:

– Cháu năm nay mười tám tuổi.

Huyền Đức nói:

– Đa tạ nhã ý của bậc trưởng gia, em tôi chưa có con, nay muốn xin cậu thứ hai làm con nuôi, trưởng gia nghĩ thế nào?

Quan Định mừng lắm, đem ngay Quan Bình ra lạy Quan Công nhận làm bố, gọi Huyền Đức là bá phụ.

Huyền Đức sợ Viên Thiệu cho người đuổi theo, vội vàng thu xếp để đi. Quan Bình theo Quan Công cùng đi một thể. Quan Định đi tiễn một thôi đường rồi trở về. Quan Công dặn đi theo hướng đến núi Ngoạ Ngưu.

Đang đi chợt gặp Châu Thương dẫn vài mươi người bị thương đến. Quan Công đem Châu Thương đến lạy Huyền Đức, rồi mới hỏi duyên cớ, Châu Thương nói:

– Khi tôi chưa đến núi Ngoạ Ngưu có một tướng cưỡi ngựa qua đó, đánh nhau với Bùi Nguyên Thiệu, chỉ một hiệp đâm chết Nguyên Thiệu, chiêu hàng quân sĩ chiếm giữ sơn trại. Khi tôi đến gọi quân sĩ ra, chỉ có mấy người dám ra, còn thì đều sợ hãi, không dám rời bỏ sơn trại. Tôi giận lắm, cùng với tướng ấy đánh nhau, tôi bị đâm ba vết thương, bởi vậy tôi chạy lại đây báo chúa công biết.

Huyền Đức hỏi tướng ấy hình dạng thế nào, họ tên là gì thì Châu Thương nói:

– Trông người rất hùng tráng, không biết tên họ là gì.

Quan Công thúc ngựa đi trước, Huyền Đức đi sau, tắt đến núi Ngoạ Ngưu. Châu Thương đến đứng dưới núi, mắng chửi, tướng ấy mặc áo giáp, vác giáo tế ngựa đem quân xuống núi.

Huyền Đức trông thấy quất ngựa ra ngay gọi to:

- Có phải Triệu Tử Long đó không ?

Tướng ấy thấy Huyền Đức, nhảy từ trên yên ngựa xuống đất, thụp lạy ở bên đường: quả nhiên là Triệu Tử Long.

Huyền Đức, Quan Công cùng xuống ngựa, hỏi Tử Long căn do làm sao lại ở đó, Tử Long thưa:

- Tôi từ khi từ biệt sứ quân đi theo Công Tôn Toản không ngờ Toản không chịu nghe lời phải, đến nỗi quân thua, phải tự đốt chết. Viên Thiệu mấy lần cho gọi tôi. Tôi cho Viên Thiệu cũng không biết dùng người, nên cũng chưa đến. Sau định sang Từ Châu theo sứ quân thì lại nghe Từ Châu đã thất thủ. Vân Trường thì theo Tào Tháo; sứ quân thì thấy nói ở bên Viên Thiệu. Đã hai ba lần muốn đến để tìm sứ quân, nhưng lại sợ Viên Thiệu ngờ vực, long đong bốn bể, không có chỗ nào nương mình. Mới đi qua chỗ này, chợt gặp Bùi Nguyên Thiệu xuống núi toan cướp ngựa của tôi, nên tôi giết đi nhân thể mượn chỗ yên thân. Gần đây nghe tin Dực Đức ở Cổ Thành, tôi cũng định đến đó nhưng chưa biết thực hư thế nào. Nay gặp sứ quân ở đây thực là may quá.

Huyền Đức mừng lắm, kể lại chuyện trước, Quan Công cũng thuật lại những chuyện đã qua.

Huyền Đức lại nói:

- Từ khi ta mới gặp được Tử Long, đã có tình lưu luyến không bỏ được. Ngày nay lại được gặp, thực là may.

Triệu Tử Long nói:

- Tôi đã đi khắp bốn phương, chọn chủ để thờ, mà chưa từng thấy ai bằng tướng quân. Nay được theo hầu thực là mãn nguyện bình sinh: dẫu rằng gan óc lầm đất, cũng không hối hận gì.

Ngay hôm ấy đốt trại trên núi, xuất lĩnh chúng quân theo cả Huyền Đức đến Cổ Thành.

Trương Phi, My Chúc, My Phương ra đón vào thành, chào chào, hỏi hỏi, mừng mừng, rỡ rỡ khôn xiết kể. Hai bà kể lại chuyện Quan Công. Huyền Đức than thở mãi.

Bấy giờ giết bò mổ ngựa, trước bái tạ trời đất, sau khao thưởng quân sĩ. Huyền Đức thấy anh em lại được sum họp một nơi, tướng tá chẳng thiếu người nào, lại thêm được Triệu Tử Long; Quan Công lại mời được Quan Bình , Châu Thương, vui mừng khôn xiết, yến tiệc liền mấy ngày. Đời sau có thơ rằng:

Ngán nỗi anh em cảnh biệt ly
Biệt vô âm tín đã bao kỳ!
Vua tôi nay lại mừng sum họp
Hổ gió rồng mây chính gặp thi.

Bấy giờ Huyền Đức, Quan, Trương, Triệu Vân, Tôn Càn, My Chúc, My Phương, Quan Bình, Châu Thương, thống lĩnh quân mã, cả thảy được bốn năm nghìn người.

Huyền Đức muốn bỏ Cổ Thành sang Nhữ Nam. Vừa khi Lưu Tích, Cung Đô sai người đến mời, bèn đem cả quân sang đóng ở Nhữ Nam, chiêu quân tậu ngựa, lo tính việc đi đánh dẹp.

Trong khi ấy, Viên Thiệu thấy Huyền Đức không về, giận lắm muốn khởi binh đi đánh. Quách Đồ can rằng:

– Lưu Bị không đáng lo, Tào Tháo là kình địch, phải trừ mới được. Lưu Biểu tuy giữ ở Kinh Châu, nhưng sức còn yếu. Tôn Bá Phù ở Giang Đông, uy trấn Tam Giang, đất liền sáu quận, mưu thần võ sĩ rất nhiều, nên sai người đến kết hiếu để cùng đánh Tào Tháo.

Thiệu nghe lời, lập tức viết thư, sai Trần Chấn đem sang Giang Đông gặp Tôn Sách.

Thế là:

Đất Hà Bắc anh hùng đi mất
Xứ Giang Đông hào kiệt tìm ra.

Chưa biết sự thể về sau ra làm sao, xem đến hồi sau sẽ rõ.

Hồi bốn mươi ba

GIA CÁT LƯỢNG KHUA MÉP BẺ BỌN NHO LỖ TỬ KÍNH[1] DÙNG SỨC BÁC LỜI CHÚNG

Lỗ Túc và Khổng Minh từ biệt Huyền Dức, Lưu Kỳ xuống thuyền đến quận Sài Tang. Hai người cùng ngồi trong thuyền nói chuyện. Lỗ Túc dặn Khổng Minh rằng:

- Tiên sinh có vào ra mắt Tôn tướng quân, thì đừng nói thật bên Tào lắm quân nhiều tướng nhé!

Khổng Minh nói:

- Điều ấy Tử Kính không phải dặn. Tôi sẽ liệu lời thưa gửi.

Khi thuyền cập bến, Túc mời Khổng Minh về nghỉ trong quán dịch, rồi thân vào gặp ngay Tôn Quyền trước. Quyền đương họp các quan ở trong triều bàn việc, nghe tin Lỗ Túc về, gọi ngay vào, hỏi:

- Tử Kính sang Giang Hạ thấy hiện tình thế nào?

Túc đáp:

- Cũng đã biết được ít nhiều, xin để thư thả sẽ thưa.

Quyền đưa tờ hịch của Tào Tháo cho Túc xem và bảo rằng:

- Hôm nọ Tào Tháo sai sứ đưa văn hịch đến đây, ta đã cho sứ quay về. Nay đương bàn việc ấy với các quan chưa xong.

Túc tiếp lấy tờ hịch xem. Trong hịch nói đại khái như sau:

"Ta phụng mệnh vua, đánh kẻ có tội. Cờ sao trỏ về nam, Lưu Tôn phải bó tay, dân Kinh, Tương nghe thấy tin, răm rắp hàng phục. Nay thống lĩnh trăm vạn hùng binh, nghìn viên thượng tướng, muốn cùng với tướng quân họp săn ở Giang Hạ, để đánh Lưu Bị, cùng chia đất đai, giao hảo với nhau mãi mãi. Xin đừng ngờ vực, trả lời ngay cho".

---

(1) Lỗ Tử Kính tức Lỗ Túc, mưu sĩ nước Ngô.

Lỗ Túc xem xong, hỏi:

– Ý chúa công thế nào?

Quyền nói:

– Ta cũng chưa quyết định.

Trương Chiêu nói:

– Tào Tháo thống lĩnh quân trăm vạn, mượn tiếng thiên tử, đánh dẹp bốn phương, mình cự lại thì là nghịch. Vả lại chỗ dựa của chúa công để chống với Tào Tháo là sông Trường Giang. Nay Tháo đã lấy được Kinh Châu, ta không còn độc chiếm cái thế hiểm trở của non sông đó rồi, khó địch được nữa. Vậy cứ ý tôi, đầu hàng là kế vẹn toàn.

Các mưu sĩ đều nói:

– Lời Tử Bố chính hợp lòng trời!

Tôn Quyền ngồi ngẫn ngừ không nói.

Trương Chiêu lại tiếp:

– Chúa công không nên nghi ngại gì nữa. Nếu hàng Tào thì dân Đông Ngô được yên, mà sáu quận Giang Nam cũng giữ được.

Tôn Quyền vẫn cúi đầu không nói gì.

Một lát, Quyền đứng dậy thay áo. Lỗ Túc theo sau, Quyền biết ý cầm tay Túc hỏi rằng:

– Ý ông thế nào?

Túc nói:

– Vừa rồi, bọn họ nói như thế, thật lỡ mất việc của tướng quân. Mọi người ai cũng có thể hàng Tào Tháo được, duy có tướng quân thì không hàng được.

Quyền hỏi: – Sao vậy?

Túc nói:

– Như lũ Túc này mà hàng, thì Tháo phong cho làm quan, áo gấm về làng, mà cũng không phải mất đi đất đai gì cả.

Tướng quân mà hàng Tào thì về đâu? Chức tước bất quá phong hầu là cùng, xe một cỗ, ngựa một con, đầy tớ vài ba người, muốn ngồi ngoảnh mặt về nam mà xưng Cô[1], còn được nữa không? Xem như thế, ý họ ai cũng chỉ biết thân người nấy mà thôi, nên sớm định kế lớn.

Quyền than rằng:

– Ta nghe chúng nghị luận thật là thất vọng. Tử Kính mới ngỏ kế lớn, chính hợp ý ta. Quả thật trời đem Tử Kính cho ta đó! Nhưng Tháo mới được quân Viên Thiệu, gần đây lại được quân Kinh Châu, thế lớn lắm, ta sợ địch không nổi.

Túc nói:

– Tôi vừa sang Giang-hạ, đem được em Gia Cát Cẩn là Gia Cát Lượng về đây, chúa công nên gọi vào hỏi, sẽ biết tình hình thế nào?

Tôn Quyền hỏi:

– Ngoạ Long tiên sinh có ở đây à?

Túc nói:

– Hiện đương nghỉ ở ngoài quán dịch.

Quyền nói:

– Hôm nay đã tối rồi, đừng cho vào gặp vội. Để ngày mai họp cả văn võ dưới trướng, trước hết cho gặp các tay anh tuấn Giang Đông đã, rồi sẽ mời lên triều đường bàn việc.

Túc lĩnh mệnh trở ra. Hôm sau Túc vào quán dịch, ra mắt Khổng Minh lại dặn rằng:

– Hôm nay ông vào gặp chủ tôi, xin chớ nói Tào Tháo nhiều binh lắm tướng.

Khổng Minh cười đáp rằng:

– Tôi sẽ tùy cơ mà liệu, không để lỡ việc đâu!

---

(1) Vương tự xưng là *Cô* cũng như hoàng đế tự xưng là *Trẫm*.

Túc mới dẫn Khổng Minh đến dưới trướng, đã thấy bọn Trương Chiêu, Cố Ung, toàn ban văn võ hơn hai chục người, mũ cao đai rộng, y phục chỉnh tề, ngồi có thứ tự rồi. Khổng Minh chào hỏi từng người, thông tính danh[1] đâu đấy, rồi đến ngồi trên ghế tân khách.

Bọn Trương Chiêu thấy Khổng Minh hình dung sáng sủa, mặt mũi khôi ngô, biết rằng người này tất là người đi thuyết khách. Trương Chiêu mới gợi trước rằng:

– Chiêu tôi chỉ là một kẻ học trò ngu hèn bên Giang Đông, lâu nay vẫn được nghe tiếng tiên sinh nằm khểnh trong Long Trung, ví mình với Quản Trọng, Nhạc Nghị, lời ấy chẳng biết thực hay hư ?

Khổng Minh đáp:

– Phải, Lượng tôi cũng có hợm mình mà ví thế.

Chiêu lại nói:

– Mới đây, tôi nghe Lưu Dự Châu[2] ba lần cầu đến tiên sinh ở lều tranh, may được tiên sinh như cá được nước, cũng toan thu sạch cả Kinh, Tương, nay chỉ có một buổi sáng mà về tay Tào Tháo hết, chẳng biết thế là ý làm sao ?

Khổng Minh nghĩ thầm: "Trương Chiêu là một tay mưu sĩ bậc nhất của Tôn Quyền, nếu mình không áp đảo được hắn thì sao thuyết phục được Tôn Quyền?", bèn đáp rằng:

– Kể lấy đất Hán Thượng, ta coi dễ như chơi; hiềm vì chủ ta là Lưu Dự Châu, muốn làm điều nhân nghĩa, không nỡ cướp cơ nghiệp của người đồng tông, cho nên nhất định không lấy. Lưu Tôn là một đứa trẻ thơ, tin nghe lời nịnh, bí mật hàng Tào, cho nên mới để cho Tào Tháo ngông cuồng. Nay chủ ta đóng quân ở Giang Hạ, sẽ có kế khác, những kẻ tầm thường có hiểu sao được ?

---

(1) Giới thiệu tên họ.

(2) Tức Lưu Bị, coi đất Dự Châu.

Chiêu nói:

– Nếu thế thì tiên sinh lời nói không đi đôi với việc làm rồi. Tiên sinh đã ví mình với Quản Trọng, Nhạc Nghị, mà Quản Trọng ngày xưa giúp Hoàn Công bá được chư hầu, định được thiên hạ; Nhạc Nghị ngày xưa giúp nước Yên đương suy yếu mà hạ được hơn bảy mươi thành nước Tề. Hai người ấy thực có tài tế thế. Tiên sinh thì trước ở trong lều tranh, chỉ cười phong cợt nguyệt, xếp gối ngồi cao; nay đã theo Lưu Dự Châu thì phải nên vì dân mà mưu điều lợi, bỏ điều hại, dẹp trừ kẻ loạn tặc mới phải chứ! Vả, tôi xem khi Lưu Dự Châu chưa được tiên sinh, thì còn tung hoành đây đó, chiếm giữ thành trì; nay được tiên sinh, ai cũng mong ngóng, đến đứa trẻ con cũng phải cho đó là hổ sinh cánh, nhà Hán sắp sửa lại hưng, họ Tào sắp đổ. Cựu thần trong triều, ẩn sĩ nơi rừng rú, ai cũng lau mắt chờ xem, tưởng là tiên sinh với Lưu Dự Châu sắp xua tan mây mù trên trời cao, để cho thiên hạ lại được nhìn thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng; cứu vớt dân ra khỏi cơn nước lửa, giúp đỡ thiên hạ yên ổn làm ăn, chính là lúc này vậy. Ai ngờ từ khi tiên sinh về với Dự Châu, quân Tào mới đến, đã bỏ giáp quẳng gươm, trông thấy bóng là chạy; trên không báo được Lưu Biểu, để yên thứ dân; dưới lại chẳng giúp được con côi, giữ lấy bờ cõi; bỏ Tân Dã chạy khỏi Phàn Thành; thua Dương Dương chạy ra Hạ Khẩu, chẳng có lấy một chỗ dung thân. Thế chẳng hóa ra Dự Châu từ khi được tiên sinh lại không bằng trước ru? Quản Trọng, Nhạc Nghị chắc cũng như thế đó ư? Đó là mấy lời quê kệch, xin tiên sinh đừng chấp.

Khổng Minh nghe xong, cười ha hả mà rằng:

– Cái chí khí của chim bằng, các loại chim há biết được sao? Ví dụ người bệnh nặng, trước hết phải cho uống nước cơm nước cháo, thuốc thang; lúc nào phủ tạng điều hòa, thân thể hồi phục, bấy giờ mới cho bổ bằng cá thịt, trị bằng thuốc mạnh, thì gốc bệnh mới tiệt, sinh bệnh mới an toàn. Nếu bệnh còn nặng, phủ tạng còn yếu, đã trị ngay bằng thuốc mạnh, bổ ngay

bằng vị ngon, thì khó lòng chữa được. Chủ ta, trước thua ở Nhữ Nam, đến nhờ Lưu Biểu, quân không đầy một nghìn, tướng chỉ có Quan, Trương, Triệu, chính là lúc bệnh đang nguy ngập. Tân Dã là một huyện nhỏ, hẻo lánh, dân cư thưa thớt, lương thực ít ỏi, chủ ta chẳng qua đến nương tạm đó mà thôi, có phải muốn khư khư ngồi giữ cái xó ấy đâu. Trong hoàn cảnh quân sĩ không sẵn, thành quách không bền, quân không luyện tập, chạy ăn từng bữa, thế mà lửa cháy Bác Vọng, nước ngập Bạch Hà, khiến bọn Hạ Hầu Đôn, Tào Nhân phải lòng run mật vỡ; thiết tưởng Quản Trọng, Nhạc Nghị dùng binh cũng vị tất đã hơn gì! Đến như Lưu Tôn hàng Tào, Dự Châu hoàn toàn không biết; vả lại, không nỡ nhân lúc loạn mà cướp lấy cơ nghiệp người đồng tông. Thật là đại nhân, đại nghĩa. Còn trận thua ở Đương Dương, vì có vài vạn dân, già trẻ dắt díu đi theo, không nỡ bỏ, nên mỗi ngày chỉ đi được mười dặm, đành rằng chịu thua; không tưởng đến lấy Giang Lăng, cam chịu thất bại, ấy cũng là đại nhân, đại nghĩa vậy! Còn như ít không địch được nhiều, thì được thua chỉ là việc thường thôi. Ngày xưa Cao Hoàng thua luôn với Hạng Vũ, sau chỉ một trận ở Cao Hạ là thành công; đó không phải là mẹo tài của Hàn Tín ư? Tín thờ Cao Tổ đã lâu, cũng không mấy khi thắng; bởi vì kế lớn nhà nước, xã tắc an nguy, đều đã có chủ trương. Không như cái lũ khoác lác, hư danh bịp bợm, ngồi một xó mà lý thuyết suông thì không ai bằng; đến lúc có việc thì trăm phần chẳng được phần nào, thật đáng để cho thiên hạ chê cười!

Bị thuyết một hồi, Trương Chiêu không còn thở được ra câu nào nữa. Lại có một người cất tiếng hỏi rằng:

– Nay Tào Tháo quân hàng trăm vạn, tướng ước nghìn viên, uy thế như rồng như hổ, nuốt chửng Giang Hạ; ông bảo làm sao?

Khổng Minh trông xem ai, thì là Ngu Phiên. Khổng Minh nói:

– Tào Tháo thu quân rơm rác của Viên Thiệu, nhặt quân ô hợp của Lưu Biểu, dù đông mấy trăm vạn cũng không đáng sợ gì hết.

Ngu Phiên cười mát:

– Quân thua ở Đương Dương, kế cùng ở Hạ Khẩu, đi van xin cứu viện không xong, còn nói không sợ, thật là khoác lác để bịp người đó thôi!

Khổng Minh đáp:

– Lưu Dự Châu đem vài nghìn quân nhân nghĩa địch sao được trăm vạn quân tàn bạo ? Lui về giữ Hạ Khẩu là để chờ thời cơ đấy! Nay Giang Đông, binh tinh lương đủ, lại có sông Trường Giang hiểm trở, thế mà còn xui chủ uốn gối hàng giặc, không nghĩ đến thiên hạ chê cười. Do đó mà suy, thì Lưu Dự Châu thật không sợ gì giặc Tháo vậy!

Ngu Phiên chịu cứng. Lại có một người lên tiếng hỏi:

– Khổng Minh muốn uốn lưỡi Tô Tần, Trương Nghi sang làm thuyết khách ở Giang Đông này chăng?

Khổng Minh nhìn xem ai, thì là Bộ Trắc, bèn đáp rằng:

– Bộ Tử Sơn chỉ biết Tô Tần, Trương Nghi là biện sĩ, chuyên nghề nói mép, chứ không biết Tô Tần, Trương Nghi cũng là những trang hào kiệt. Tô Tần đeo ấn làm tướng sáu nước, Trương Nghi hai lần làm tướng nhà Tần, đều có tài giúp gây nên cơ nghiệp, đâu thèm so sánh với những kẻ sợ thế mạnh, lấn người yếu, tránh kiếm, lẩn đao. Các người mới nghe thấy Tào Tháo phao tin đã vội co vòi xin hàng rồi, còn dám cười Tô Tần, Trương Nghi sao được ?

Bộ Trắc im ngay, không dám nói gì nữa.

Lại có người hỏi rằng:

– Thế Khổng Minh cho Tào Tháo là người thế nào?

Khổng Minh nhìn xem ai, thì là Tiết Tung, bèn đáp rằng:

– Tào Tháo là giặc nhà Hán còn gì phải hỏi?

Tung nói:

– Ông lầm rồi. Nhà Hán truyền ngôi kế thế đến nay, số trời sắp hết. Giờ đây thiên hạ chia ba, Tháo đã nắm mất hai phần rồi, nhân tâm ai cũng quy phục cả. Duy có Lưu Dự Châu không biết thiên thời, muốn gượng tranh với Tháo, khác nào trứng chọi với đá, sao chẳng thất bại?

Khổng Minh quát to lên rằng:

– Tiết Kính Văn sao dám thở ra câu vô quân vô phụ ấy ? Người ta sinh ra ở đời phải lấy trung hiếu làm cốt. Ông đã làm tôi nhà Hán, nếu kẻ nào phản nghịch, phải thề giết chết nó đi, mới là phải đạo. Nay tổ tôn Tào Tháo đời đời ăn lộc nhà Hán, Tháo đã không nghĩ báo ơn, lại mang lòng phản nghịch, thiên hạ đều oán ghét cả. Ông lại dám đổ cho số trời, thật là con người vô quân vô phụ, không xứng đáng bàn luận! Chớ có nói nữa.

Tiết Tung đỏ mày xám mặt, câm như miệng hến. Lại có một người hỏi rằng: – Tào Tháo tuy rằng mượn tiếng thiên tử để sai khiến chư hầu, nhưng cũng còn là con cháu ông tướng quốc Tào Tham ngày xưa. Lưu Dự Châu vẫn tự xưng là dòng dõi Trung Sơn Tĩnh Vương, nhưng không có bằng cứ nào; hiện mắt trông thấy chỉ là một người dệt chiếu, bán giày, sánh với Tào Tháo sao được?

Khổng Minh nhìn xem ai, thì là Lục Tích, liền cười nói:

– Ông có phải người ăn cắp quýt ở trong bữa tiệc của Viên Thiệu đó không? Xin hãy ngồi nghe ta giảng giải cho: Tào Tháo đã là con cháu tướng quốc họ Tào, thì là đời đời làm tôi nhà Hán, nay dám chuyên quyền ngang ngược, khinh nhờn cả vua; như thế hắn không những là vô quân mà lại là khinh cả tổ tiên mình; không những là loạn thần của nhà Hán, mà là đứa con bất hiếu của họ Tào nữa. Lưu Dự Châu đường đường một bậc tôn thất, đương kim hoàng đế hiện đã xét gia phả và phong tước cho, sao dám bảo là không có căn cứ ? Vả đức Cao Tổ

ngày xưa, xuất thân làm đinh trưởng, mà sau được thiên hạ, thì dệt chiếu, bán giày có gì là nhục ? Kiến thử[1] ông như trẻ con, không nên ngồi nói chuyện với cao sĩ.

Lục Tích ngồi im thin thít.

Lại một người hỏi rằng:

– Khổng Minh chỉ được cái già mồm lắm lẽ, không phải là chính luận; không cần dài dòng làm gì nữa, hãy xin hỏi Khổng Minh đã học những sách gì?

Khổng Minh nhìn xem, thì là Nghiêm Tuấn, liền đáp:

– Tìm từng chương, dò từng câu, chỉ là bọn hủ nho mà thôi, sao có xây dựng được nước non cơ nghiệp ? Vả như ngày xưa Y Doãn cầy ở đất Sằn, Tử Nha câu trên sông Vị, Trương Lương, Trần Bình, Đặng Vũ, Cảnh Cam, đều có tài giúp vua giúp nước cả, mà cũng không cần xem xét ngày thường học những sách vở gì ? Có đâu lại bắt chước bọn thư sinh, bo bo sách vở, cái đen bàn trắng, múa văn khua bút đó ư?

Nghiêm Tuấn cúi đầu tiu nghỉu ngồi im. Lại một người lớn tiếng nói:

– Ông chỉ được việc nói khoác là giỏi, vị tất đã có thực học, tôi chỉ sợ bọn nhà nho cười cho thôi.

Khổng Minh nhìn xem thì là Trình Đức Khu ở Nữu Nam, liền đáp:

– Nho cũng có nho quân tử, cũng có nho tiểu nhân. Nho quân tử thì trung vua yêu nước, giữ chính ghét tà, chuyên làm những điều ích lợi chung, tiếng để đời sau. Còn như loại nho tiểu nhân thì chỉ cặm cụi văn chương, miệt mài bút nghiên; còn trẻ làm phú, đầu bạc đọc kinh, dưới bút dẫu có nghìn lời, trong bụng không được một mẹo. Xem như Dương Hùng, văn chương có tiếng một đời, mà khuất mình đi thờ Vương Mãng, rồi cũng đến đâm đầu xuống lầu mà chết. Thế gọi là nho tiểu nhân, dẫu ngày làm hàng vạn câu thơ, cũng có ích gì đâu.

---

(1) Xem đó thì thấy.

Trình Đức Khu cũng ứ cổ nốt.

Chúng thấy Khổng Minh ứng đối như nước chảy, ai cũng sợ mất vía. Lúc đó còn có hai người là Trương Ôn, Lạc Thống sắp sửa muốn hỏi. Bỗng bên ngoài có một người chạy vào quát to lên rằng:

- Khổng Minh là bậc kỳ tài đời nay, các người lấy môi mép vặn người, đó không phải là kính khách. Đại quân của Tào Tháo đã đến bờ cõi, tìm kế chống giặc chẳng tìm, cứ ngồi đấu khẩu như thế, ích gì?

Các tướng nhìn xem ai, thì là Hoàng Cái, biểu tự Công Phúc, người Linh Lăng, hiện đương làm quan coi lương ở Đông Ngô. Lúc ấy Hoàng Cái bảo Khổng Minh rằng:

- Tôi nghe "Nói nhiều dù được lợi, cũng không bằng ngồi im không nói". Sao ông không đem lời vàng đá ra mà nói với chủ tôi, đâu lại thừa hơi mà cãi vã với họ làm gì?

Khổng Minh đáp:

- Các ông không biết việc đời mà hỏi, chẳng lẽ không nói.

Hoàng Cái, Lỗ Túc dẫn Khổng Minh vào, đến cửa giữa gặp Gia Cát Cẩn, Khổng Minh chào hỏi. Cẩn nói:

- Hiền đệ đã sang Giang Đông, sao không lại thăm ta?

Khổng Minh đáp:

- Em đã thờ Lưu Dự Châu, nên phải đặt việc công lên trước, rồi sau mới đến việc tư. Việc công chưa xong, nên chưa dám đến, xin anh tha thứ cho.

Cẩn nói:

- Hiền đệ vào yết kiến Ngô Hầu xong, rồi đến chỗ ta nói chuyện.

Nói đoạn đi thẳng.

Lỗ Túc nói:

- Mới rồi tôi dặn những điều gì, không nên lầm lỡ.

Khổng Minh gật đầu xin vâng. Hai người lên đến thềm, Tôn Quyền xuống đón, đãi rất tử tế. Nghi lễ xong, Quyền mời Khổng Minh ngồi. Các văn vũ đứng sắp hàng hai bên.

Lỗ Túc đứng bên cạnh Khổng Minh, chỉ đợi xem Khổng Minh nói với Quyền thế nào. Khổng Minh giãi bày ý kiến Huyền Đức, rồi liếc mắt nom Tôn Quyền, thấy Quyền mắt biếc, râu đỏ, tướng mạo đường bệ, liền nghĩ thầm rằng: "Người này tướng mạo khác thường, chỉ ưa nói khích chứ không ưa thuyết phục; đợi khi nào hỏi, bấy giờ ta sẽ khích cho mấy câu là hơn!"

Khi tả hữu dâng trà xong, Tôn Quyền nói:

- Ta thường được nghe Lỗ Tử Kính nói đến tài túc hạ[1], nay may được gặp, xin túc hạ cố điều gì hay chỉ bảo cho.

Khổng Minh đáp:

- Chúng tôi không tài ít học, không đáng để ngài hỏi.

Tôn Quyền nói:

- Túc hạ mới rồi ở Tân Dã, giúp Lưu Dự Châu đánh nhau với Tào Tháo, tất biết tình hình bên Tào thế nào ?

Khổng Minh đáp:

- Lưu Dự Châu binh đơn, tướng ít; thành Tân Dã đã nhỏ lại không có lương, đâu dám chống nhau với Tào Tháo ?

Quyền lại hỏi:

- Quân Tào nhiều hay ít?

Khổng Minh nói:

- Cả quân mã, quân bộ và quân thủy, ước độ hơn trăm vạn.

Quyền trố mắt, ngạc nhiên hỏi:

- Ông nói dối ta chăng?

Khổng Minh đáp:

---

(1) Cũng như nói: ông.

– Không dám dối đâu: Tào Tháo ở Duyên Châu đã có hai mươi vạn; bình xong Viên Thiệu, lại thêm năm sáu mươi vạn; quân mới mộ ở Trung Nguyên được ba bốn mươi vạn. Tính ra có kém gì một trăm năm mươi vạn. Thế mà Lượng nói có một trăm vạn là còn sợ người Giang Đông mất vía đó thôi!

Lỗ Túc đứng cạnh nghe nói, tái mặt lại, đưa mắt cho Khổng Minh. Khổng Minh cứ lờ đi.

Quyền lại hỏi:

– Chiến tướng bộ hạ của Tháo nhiều hay ít?

Khổng Minh nói:

– Những mưu sĩ lắm mưu nhiều trí và những tướng dấu tài đánh giỏi, ít ra cũng được vài nghìn.

Quyền lại hỏi:

– Nay Tháo đã bình được Kinh, Sở, còn có tham vọng gì nữa không?

Khổng Minh đáp:

– Tào Tháo hiện nay hạ trại kín ven sông, sắm sửa thuyền bè, chẳng lấy Giang Đông thì lấy đâu?

Quyền lại hỏi:

– Đối với âm mưu ấy của Tào Tháo, nên đánh hay không, xin túc hạ hãy quyết định giúp ta một lời?

Khổng Minh nói:

– Lượng tôi có một lời, nhưng chỉ sợ tướng quân chẳng chịu nghe thôi.

Quyền nói:

– Xin cho nghe mấy lời cao luận.

Khổng Minh nói:

– Trước kia thiên hạ đại loạn, nên tướng quân khởi ở Giang Đông, Lưu Dự Châu tụ quân ở Hán Nam, để cùng tranh giành với Tào Tháo. Nay Tháo đã dẹp được nạn lớn, tình hình sắp

ổn định xong. Vừa đây Tháo lại phá được Kinh Châu, uy lừng bốn bể. Bây giờ dẫu có anh hùng cũng không có đất dụng võ, cho nên Dự Châu phải trốn tránh đến đây. Vậy xin tướng quân lượng xét sức mà tính toán công việc. Nếu tướng quân có thể lấy quân Ngô, Việt mà chống Tào Tháo được, thì nên sớm cự tuyệt nó đi. Nếu không muốn thế, sao không theo ngay lời các mưu sĩ đã bàn, thu quân mã, xếp áo giáp lại, rồi ngảnh mặt về phương Bắc mà hàng ?

Tôn Quyền chưa kịp đáp, Khổng Minh lại nói rằng:

– Tướng quân ngoài mặt thì giả tiếng phục tùng, nhưng trong bụng vẫn còn ngờ vực. Việc kíp rồi mà không quyết đoán, thì vạ đến nơi đó!

Tôn Quyền lại hỏi:

– Nếu quả như lời ông, thì sao Lưu Dự Châu không hàng Tào đi?

Khổng Minh đáp:

– Ngày xưa Điền Hoành là một tráng sĩ nước Tề, còn biết giữ nghĩa không chịu nhục, huống chi Lưu Dự Châu là tôn thất nhà Hán, anh hùng lừng lẫy trên đời, kẻ sĩ thấy đều trông mong. Việc không xong là bởi trời, có đâu lại chịu luồn cúi người ta ?

Tôn Quyền nghe Khổng Minh nói xong, nét mặt hầm hầm, rũ áo đứng dậy, lui vào nhà sau. Các quan cùng tủm tỉm cười và giải tán.

Lỗ Túc trách Khổng Minh rằng:

– Sao tiên sinh lại nói thế ? May mà chủ tôi rộng lượng, không nỡ trách mắng, chứ những lời tiên sinh vừa nói là khinh miệt chủ tôi lắm đấy.

Khổng Minh ngẩng mặt cười, nói:

– Sao không có lượng bao dung như thế ? Ta đã có mẹo phá được Tào Tháo, vì không hỏi tới, nên ta không nói đó thôi.

Túc nói:

– Nếu quả tiên sinh có mẹo hay, tôi xin vào mời chủ tôi ra để tiên sinh dạy cho.

Khổng Minh nói:

– Quân trăm vạn của Tào Tháo, ta coi như đàn kiến, chỉ giơ tay một cái là tan như cám cả!

Túc nghe nói, liền vào nhà sau gặp Tôn Quyền, Quyền lúc ấy vẫn còn bực, ngảnh lại bảo Lỗ Túc rằng:

– Khổng Minh khinh ta quá chừng!

Túc nói:

– Tôi cũng đã trách Khổng Minh, thì Khổng Minh cười mà trách lại rằng chúa công không có lượng dung người, cho nên Khổng Minh có mẹo phá Tào cũng không muốn nói ra cho biết. Xin chúa công hãy thử hỏi Khổng Minh xem thế nào ?

Quyền bèn lập tức nguôi giận làm vui, nói:

– À, thế ra Khổng Minh vẫn có mẹo hay, nên nói khích ta. Ta một lúc nghĩ nông cạn, tí nữa lỡ mất việc to.

Lập tức cùng Lỗ Túc lại ra triều đường, mời Khổng Minh vào nói chuyện.

Quyền xin lỗi Khổng Minh rằng:

– Vừa rồi tôi trót lỡ lời, xin tiên sinh tha lỗi cho.

Khổng Minh cũng tạ lời rằng:

– Lượng cũng nói năng lỗ mãng, xin tướng quân cũng thứ tội cho.

Quyền mời ngay Khổng Minh vào nhà sau làm tiệc khoản đãi. Được vài tuần rượu, Quyền hỏi rằng:

– Tào Tháo vốn chỉ ghét Lã Bố, Lưu Biểu, Viên Thiệu, Viên Thuật, Lưu Dự Châu với tôi mà thôi. Nay đã trừ được cả, duy chỉ còn Dự Châu với tôi. Tôi không thể đem cả nước Ngô dâng cho người ta được. Kế của tôi đã quyết, nhưng phi Lưu Dự Châu

giúp cho thì cũng không ai đương nổi được với Tào Tháo bây giờ. Mà Dự Châu vừa mới thua trận, làm thế nào mà chống được nạn này ?

Khổng Minh nói:

– Dự Châu tuy mới thua, nhưng Quan Vân Trường còn thống lĩnh hàng vạn tinh binh; Lưu Kỳ ở Giang Hạ cũng có chừng vạn quân sĩ. Quân Tào Tháo từ xa đến, tất cũng mỏi mệt. Mới đây, lại đuổi Dự Châu, quân khinh kỵ, đi ba trăm dặm một ngày, khác nào nỏ cứng giương lên đã đuối sức, chưa chắc bắn thủng được mảnh lụa mỏng. Vả lại người phương Bắc không quen đánh thủy; sĩ dân ở Kinh Châu gặp thế bức phải phục Tào, chớ không phải là tự nguyện. Nay tướng quân thật muốn đồng tâm hiệp lực với Dự Châu, thì làm gì không phá được Tào Tháo ? Quân Tào Tháo bị phá, tất phải kéo về Bắc, thế thì Kinh, Ngô lại mạnh, mà hình thành thế chân vạc được. Cơ hội được thua, chỉ trong lúc này, xin tướng quân hãy nghĩ cho kỹ mà quyết đi!

Quyền mừng lắm nói:

– Mấy lời của tiên sinh, thật đã làm sáng mắt cho ta. Ý ta đã quyết, không còn hồ nghi gì nữa.

Ngay hôm ấy, Quyền thương nghị khởi binh để cùng đi phá Tào Tháo và sai Lỗ Túc đem ý định đó truyền ra cho văn võ đều biết. Rồi đưa Khổng Minh đến nhà quán dịch nghỉ ngơi.

Trương Chiêu biết Tôn Quyền muốn khởi binh, mới bàn với mọi người rằng:

– Lại mắc phải mẹo Khổng Minh mất rồi!

Chiêu vội vàng vào ra mắt Tôn Quyền nói:

– Chúng tôi nghe chúa công muốn dấy binh đánh nhau với Tào Tháo. Chúa công hãy nên so mình với Viên Thiệu xem thế nào? Tào Tháo khi trước binh mọn, tướng ít, còn đánh được Viên Thiệu; huống hồ bây giờ cầm hơn trăm vạn quân trong

tay sang đánh mặt nam, há nên khinh địch ? Nếu chúa công nghe lời Gia Cát Lượng, hấp tấp động binh, thì thật là đội củi khô đi chữa cháy đó.

Tôn Quyền chỉ cúi đầu ngồi im.

Cố Ung nói:

– Lưu Bị vì Tào Tháo đánh thua, nên muốn mượn quân ta để cự lại Tào Tháo, chúa công sao lại để cho người ta lợi dụng mình ? Xin hãy nghe lời Tử Bố.

Tôn Quyền cũng ngần ngừ không quyết. Bọn Trương Chiêu ra, Lỗ Túc lại vào nói rằng:

– Bọn Trương Chiêu chỉ khuyên tướng quân dùng động binh để xin hàng Tào Tháo; đó đều là mưu của những kẻ chỉ biết giữ mình và vợ con đó thôi, xin chúa công đừng nghe.

Tôn Quyền vẫn còn do dự, Túc lại nói:

– Nếu chúa công hoài nghi tất bị chúng làm lỡ việc.

Quyền nói:

– Ngươi hãy lui ra, để ta còn nghĩ kỹ đã.

Túc trở ra, bấy giờ bọn võ tướng có nhiều người muốn đánh, nhưng bọn quan văn ai cũng muốn hàng; mọi người bàn bạc phân vân, không nhất trí.

Tôn Quyền vào nhà trong ăn ngủ không yên, vẫn phân vân chưa định, Ngô Quốc Thái[1] thấy thế, mới hỏi:

– Con suy nghĩ việc gì đến bỏ ăn lẫn ngủ thế?

Quyền nói:

– Nay Tào Tháo đóng quân ở Giang-hán, có ý muốn hạ Giang-nam; hỏi các văn vũ, kẻ muốn hàng, người muốn đánh. Nếu đánh thì e mình ít không địch được nổi nhiều; muốn hàng lại sợ Tào Tháo không dung, bởi thế mà con phân vân chưa định.

---

(1) Vợ lẽ Tôn Kiên, dì ghẻ Tôn Quyền.

Ngô Quốc Thái hỏi:

– Con không nhớ lời chị ta lúc lâm chung dặn lại thế nào ư?

Tôn Quyền sực nhớ lời trước, như người say tỉnh lại, như người ngủ mê thức dậy.

Ấy là:

Nhớ lời Quốc Thái truyền khi mất,
Nên để Chu lang lập chiến công.

Muốn biết lời di chúc của Quốc Thái, xin xem hồi sau.

BÙI KỶ *dịch*
(Nhà xuất bản Phổ thông)

2. THI NẠI AM*

THỦY HỬ

Thủy hử là một cuốn tiểu thuyết lịch sử miêu tả một cuộc khởi nghĩa của nông dân vào cuối thời Bắc Tống vào khoảng thế kỷ XII. Tác giả sáng tạo thêm nhiều, nhưng đã trình bày được tỉ mỉ quá trình diễn biến của cuộc khởi nghĩa nông dân ở vùng Lương Sơn Bạc. Đặc biệt tác giả theo dõi từng nhân vật từ khi họ gặp chuyện bất mãn với giai cấp thống trị cho đến khi họ lên tụ nghĩa ở Lương Sơn Bạc, như Lâm Xung, Lỗ Trí Thâm, Tống Giang, Võ Tòng, v.v... Mỗi người xuất thân một thành phần khác nhau, nhưng ai cũng bất đắc chí, và bắt buộc phải lên Lương Sơn Bạc chờ thời trừ gian.

Bảy mươi mốt hồi đầu, tác giả miêu tả quá trình phát triển từ nhỏ đến lớn của phong trào, và từ hồi bảy mươi hai trở về sau, tác giả miêu tả sự thất bại của phong trào.

Từ khi tụ nghĩa, các anh hùng Lương Sơn Bạc đã nhiều lần mang quân xuống núi, đánh trang trại của các tên địa chủ đầu sỏ, đánh dinh phủ của triều đình (đánh Chúc Gia Trang, Hỗ Gia Trang, đánh phủ Cao Đường, đánh Hô Diên Chước, đánh phủ Thanh Châu, đánh phủ Tăng Gia, đánh phủ Đông Bình, phủ Đông Xương, phủ Đại Danh).

---

* Về *Thi Nại Am* không có tài liệu nói về tiểu sử, chỉ biết ông sống vào khoảng cuối Nguyên đầu Minh, cùng thời với La Quán Trung, người đất Đông Đô. Theo truyền thuyết ông có liên hệ với phong trào khởi nghĩa nông dân cuối Nguyên. Tác phẩm nổi tiếng duy nhất là *Thuỷ Hử*.

Tống Giang, lãnh tụ của phong trào, sau khi dựng cho Lương Sơn Bạc một cơ sở khá vững mạnh, sau khi nam chinh bắc chiến, công hãm các đồn phủ của triều đình, làm kinh động nửa đất Trung Quốc, hình như không làm gì nữa, chỉ ngồi chờ "quốc gia tái dụng" để ra phù trợ giang sơn. Do đó mà khi hoàng đế "chiêu an" thì ông bó tay hàng rồi lại ra sức tiêu diệt những cuộc vũ trang khởi nghĩa khác của Điền Hổ, Phương Lạp, Vương Khánh.

Khúc đệm

TRƯƠNG THIỀN SƯ CẦU YÊN ÔN DỊCH HỒNG THÁI UÝ LỠ SỔNG YÊU MA

Đáng thương thay, cuốn sách này viết xong mà đặt tên là Thủy hử ? Vậy thì 108 người ấy là có người thực chăng ? Hay là không có người thực chăng ? Nếu quả là có người thực ấy, thì lại lòng nào mà ra ở tận nơi Thủy bạc thế kia ? Mà nếu quả không có người thực, thì trong bụng tác giả cuốn sách này, ta không hiểu có cái oán khổ đến chừng nào, mà phải đặt ra 108 người, mà phải đẩy cho ra ở tận nơi bến nước xa xăm !

Ta nghe: "Khắp trong mặt đất, đâu không phải tôi của nhà vua ? Khắp dưới gầm trời, đâu không phải là đất của nhà vua? Vậy 108 người mà không có, thì đành thôi không nói. Nhưng nếu 108 người mà quả có thực, thì có lẽ rằng họ muốn cho những nơi thành Uyển Tử, bến Liễu Nhi là một chỗ không phải thuộc vào phạm vi triều đình nhà Tống hay sao ?

Ta đọc sách Mạnh Tử đến chỗ: "Bá Di lánh Trụ ra ngoài bến Bắc Hải, Thái Công lánh Trụ ra ngoài bến Đông Hải". Ta chưa từng chẳng than rằng:

"Trụ tuy không ra gì, nhưng không thể tránh vậy, bốn bể tuy xa, cũng vẫn là đất của Trụ. Hai ông già xướng cho quần chúng bỏ cũ theo mới, tuy là Thánh nhân, song không phải là một điều hay. Thầy Mạnh Tử xưng là sở nguyện học Khổng Tử,

thực ra chưa thoát cái sáo du sĩ của đời Chiến quốc cho nên mới thốt ra câu đó làm cho đời sau không được hài lòng. Nếu phải Khổng Tử thì tất không đời nào nói ra như vậy ?". Nay 108 người kia quả là có, thì cái chí không những như Bá Di, Thái Công ra bể lánh Trụ mà thôi, đại nghĩa diệt cả người thân, thì còn lấy gì mà dạy được ? Bằng 108 người đó mà bảo là không, thì tác giả cuốn này đã đặt ra mà nói. Vậy kẻ viết cuốn sách này, ta không biết trong có những oan khổ thế nào mà lại đặt ra như vậy? Nhưng đến bậc hiền như thầy Mạnh Tử còn không tránh được lời chê "Được điều to hỏng điều nhỏ", vậy thì trách chi đến hạng Bãi quan (*Nói những người chép dã sử cùng tiểu thuyết, mà người ta gọi làm là Tỳ quan xưa nay*) Những bậc quân tử sau này cũng nên đọc sách, mà thương cho cái tâm của tác giả là phải.

"Cổ nhân làm sách, thường bao nhiêu năm dàn tứ, bao nhiêu năm gom tài, rồi lại bao nhiêu năm kinh doanh điểm suyết, bấy giờ mới thoát cho ra mà thành cuốn sách. Người nay không biết xem sách, thường thường mở sách xem đọc láo nháo lằng xằng, đến nỗi trong sách cổ nhân bao nhiêu chỗ đắc ý, bao nhiêu chỗ bất đắc ý, bao nhiêu chỗ chuyển bút, bao nhiêu chỗ khó chuyển bút, nào nơi sấn nước sinh bóng, nào nơi đương không xuất kỳ, nơi không thể thêm, nơi không thể bớt, nơi chêm nối vào sau, nơi cắm lộn lên trước, bao nhiêu phương pháp, bao nhiêu gân đốt, thấy đều mặc nhiên không hiểu, chỉ cứ thoáng qua những cái sự tích trước sau, những sự phải trái thành bại, cốt để nổi cờ giống trống trong khi rượu trước trà sau, cười xoà nói lớn mà thôi. Than ôi! Sử Ký vốn xưng là Ngũ Đế, còn không tuần nhã, mà khiến cho tấm thân khó nói đến được. Vậy có lẽ nào nay đem cái việc của lục lâm hào kiệt, mà cho là quân tử có thể thường nhắc đến được hay sao ? Ta chỉ riêng thương một nỗi cái tinh thần của độc giả không nảy ra được, thì bao nhiêu ý tứ của tác giả cũng đến lấp hết còn chi ! "Không hiểu nỗi khổ, là phụ thợ hay !". Bởi vậy ta, không thể chối từ mà viết mấy lời như thế.

Trong một hồi này, có bản để là "Khiết Tử" (khúc đệm) Khiết Tử nghĩa là con vật này để dẫn con vật kia ra vậy. Đem

ôn dịch làm đệm, đệm tới việc cầu đảo. Đem cầu đảo làm đệm, đệm ra Thiên Sư, đem Thiên Sư làm đệm, đệm ra Hồng Tín, đem Hồng Tín ra làm đệm, đệm ra cuộc du sơn, đem cuộc du sơn làm đệm, đệm ra khai Thạch Kiệt, đem Thạch Kiệt ra làm đệm, đệm ra 36 vị Thiên Cương, và 72 vị Địa Sát, đó đều là đệm chính vậy. Khoảng giữa lại đệm ra hai tiên sinh Hy Di và Khang Tiết đệm ra kiếp vận định số; đem Võ Đức Hoàng Đế, đệm cho Bao Chửng, Địch Thanh đệm ra các tên của tinh thần, đem con Rắn và con Hổ ở trong rừng đệm ra Trần Đạt, Dương Xuân, đem Hồng Tín kiêu tình đệm ra Cao Cầu và Xái Kính; và đem tên đạo ngây ngô khó khăn, đệm thẳng ra Hoàng Phủ xem tướng ngựa, ở hồi thứ 70 để làm kết thúc. Đó đều là *đệm kỳ* vậy.

"Loạn ly ngũ đại rối tơi bời,
"Phút chốc mây tan lại thấy trời,
"Cây cỏ trăm năm mưa móc mướt;
"Thư xe muôn dặm nước non dài,
"Tầm thường ngõ hẹp xanh vàng thắm;
"Chót vót lầu cao sáo nhị vui,
"Thiên hạ thái bình ngày rỗi rãi,
"Oanh ca ríu rít kiểng cao chơi".

(Thơ hay! Một bộ sách thơ mở đầu, thơ kết thúc, thiên hạ thái bình mở đầu, thiên hạ thái bình kết thúc).

Bốn câu thơ đó, là vào hồi vua Thần Tông nhà Tống, do một vị danh nho họ Thiệu, tên là Nghiên Phu, đạo hiệu Khang Tiết tiên sinh soạn ra (*một thầy toán số*), chủ ý bài thơ, là than thở khoảng đời Ngũ Đại Tàn Đường, thiên hạ gươm giáo không yên, buổi sớm thuộc Lương, buổi chiều thuộc Tấn, đúng như bốn câu mà thiên hạ vẫn truyền khẩu đã lâu:

"Châu, Lý, Thạch, Lưu, Quách;
Lương, Đường, Tấn, Hán, Châu.
"Có tới mười lăm Đế...
Gieo loạn năm mươi thâu".

(15, 50, lộn lên lộn xuống diễn ra hai số trong cung Hà Đồ, lại càng tuyệt diệu).

Kế đó đạo trời xoay chuyển, mới sinh ra Thái Tổ Võ Đức Hoàng Đế (*viết to bốn chữ Võ Đức Hoàng Đế, cho thấy một triều đình chánh đáng khác thường*). Khi ngài mới ra đời, có điềm hồng quang, đầy trời (*Thánh nhân ra đời, hồng quang đầy trời, yêu quái ra đời, có điềm mây đen một đám*), hương lạ suốt đêm không tan, tức là một vị Tích Lịch Đại Tiên, ở trên Thượng giới giáng hạ xuống trần (*Mở đầu để dẫn dắt các vị Thiên Cương cùng Địa Sát sau này*). Ngài là một vị anh hùng dũng mãnh, khí lượng khoan hồng, các vị Đế Vương từ xưa không sánh kịp. Trong tay ngài, một cây gậy với một thân hình, đánh tan 400 toà quận châu, đều là họ Triệu (*Câu nói tối diệu trình bày rõ ràng bao nhiêu gươm gây trong bộ sách này, đều theo trong chế độ của một ông vua*). Vị Thiên Tử quét hết hoàn vũ, rửa sạch Trung nguyên, lập nước gọi là Đại Tống, đóng đô ở đất Biện Lương, 9 triều 8 Đế làm ra, mở cơ nghiệp Đế Vương trong khoảng 400 năm. Vì thế Nghiêu Phu mới có thơ khen ngợi: "*Phút chốc mây tan lại thấy trời*". Chính là nói rõ trăm họ từ đây lại trông thấy Mặt Trời.

Lúc đó, ở Tây Nhạc Hoa Sơn, có một người ẩn sĩ, tên gọi Trần Đoàn (*Lại có một thầy toán số... Hai vị tiên sinh trong bụng toàn là sẵn có: Sáu sáu ba mươi sáu viên, lại thêm bảy mươi hai toà nữa vậy*), là một vị đạo cao đức trọng, có thể xem hiểu khí sắc, mây gió trên trời. Một hôm Trần Đoàn cỡi lừa xuống núi, lững thững đi về con đường Hoa Âm. Trong khi đi đường, chợt nghe thấy khách đi đường lao xao thuật chuyện (*ngầm chứa cả một pho truyện phê bình ở dưới*): "Hiện nay Sài Thế Tông ở Đông Kinh, đã nhường ngôi cho Triệu Kiểm Điểm thay vị làm vua...".

Trần Đoàn tiên sinh, nghe nói trong lòng mừng rỡ, vỗ tay lên trán, ngồi trên mình lừa cười ha hả, đến nỗi ngã lăn xuống đất. Mọi người xúm lại hỏi, thì tiên sinh đáp rằng:

– Thiên hạ từ đây mới được yên định. Thế mới chính là trên hợp lòng trời, dưới hợp lẽ đất, và giữa thuận với nhân hòa.

Vua Võ Đức làm vua được 17 năm, thiên hạ thái bình, rồi truyền ngôi cho Ngự Đệ là Thái Tôn (*Lập từ Nguyên, trỏ sang Tống, truyền vị cho Ngự Đệ, cái truyền là nghi vậy*). Thái Tôn Hoàng Đế, ở ngôi 22 năm, truyền ngôi cho Châu Tôn Hoàng Đế lại truyền cho Nhân Tôn. Nhân Tôn Hoàng Đế nguyên là Xích Cước Đại Tiên trên thượng giới. (*Lại hé chút ánh sáng cho Thiên Cương, và Địa Sát sau này*). Khi mới giáng sinh, đêm ngày chỉ khóc không ngừng, triều đình phải yết bảng đi khắp nơi, tìm thầy chạy chữa. Cảm động tới Thiên Đình, sai Thái Bạch Kim Tinh xuống hạ giới (*Bổng không lại thò một vị tinh thần cốt để dẫn dắt 108 vị tinh thần sắp tới*) hóa ra một ông già, đến nơi dán biển, tự nói là có thể chữa được bệnh khóc của Hoàng Thái Tử ? Viên quan yết bảng đưa vào trong triều yết kiến Châu Tôn Thiên Tử, Thiên Tử liền truyền cho ông già vào trong cung xem bệnh cho Thái Tử, ông già đi thẳng vào cung, ẵm ngay Thái Tử lên tay, ghé vào tai, nói ra 8 chữ thì Thái Tử bỗng nín bặt ngay (*chuyện lạ văn lạ*). Lão già đó cũng không nói tên họ là chi, rồi hóa một trận gió mà biến đi mất. Người ta nhận thấy ông già nói 8 chữ bên tai Thái Tử là: "Văn có Văn Khúc, Võ có Võ Khúc" (*Bổng dưng hai vị tinh tú khác, để dẫn dắt 108 toà sau, thực là diệu diệu... 8 chữ mà thực chỉ có 4 chữ: Ý lạ văn lạ*) rõ ràng cho biết là Thượng Đế sai hai vị tinh thần trong cung Tử Vi để giúp cho Thiên Tử bấy giờ. (*Tinh thần gọi là Tào, việc lạ; Tinh Thần mà xuống được, việc lạ. Tinh Thần mà bị Ngọc Hoàng sai xuống, việc lạ. Ngọc Hoàng sai Tinh Thần giúp Thiên Tử, việc lạ*). Văn Khúc Tinh Quân tức Nam Nha Khai Phong Phủ, Chử Long Đồ Các, Đại Học Sĩ Bao Chửng, mà Võ Khúc tức là Chinh Tây Hạ Quốc, Đại Nguyên Soái Địch Thanh, (*Do truyện Thân; Lã truyền sang liệt tinh, cách dùng rất khéo*).

Hai vị hiền thần nói trên, giúp Hoàng Đế ở ngôi 24 năm, đổi niên hiệu 9 lần từ Thiên Thánh nguyên niên năm Quí Hợi lên ngôi vua đến năm Thiên Thánh thứ 9, thiên hạ thái bình, ngũ cốc phong đăng, nhân dân yên vui, đi đường không ai nhặt của đánh rơi, suốt đêm không nhà nào phải đóng cửa, trong chín năm đó gọi là một Đăng (*Nhất Đăng, Nhị Đăng, Tam Đăng, có thực không thực, chấp thành câu chuyện rất diệu*).

Từ Minh Đạo nguyên niên đến Hoàng Cực thứ ba, trong chín năm dân cũng phong phú, gọi là Nhị Đăng.

Từ năm Hoàng Hựu thứ tư đến năm Gia Hựu thứ hai, trong chín năm lúa thóc cũng được mùa to, gọi là Tam Đăng.

Tiếp luôn trong khoảng 3 lần 9 là 27 năm ấy, gọi là đời "Tam Đăng" (*9 năm 1 Đăng, lại 9 năm 2 Đăng, lại 9 năm 3 Đăng. Tiếp luôn 3 lần 9, 27 năm, gọi lại cái đời Tam Đăng, ý bút đều theo ở hai tiên sinh Khang Tiết và Hy Di viết ra*). Lúc đó trăm họ đều nhận được những sự khoái lạc không phải là ít. Nhưng ai ngờ cực lạc sinh ai (*vui quá hóa buồn*) nên đến mùa xuân năm Gia Hựu thứ ba, bỗng không xảy ra ôn dịch thịnh hành, khắp từ Giang Nam, thẳng đến hai kinh, nhân dân không một nơi nào là không mắc chứng đó. Các châu các quận sớ tấu lên Thiên Tử chẳng khác gì bướm bay. Ngay đến trong thành Đông Kinh, từ quân đến dân bị chết có tới quá nửa. Chủ phủ Khai Phong là Bao Đãi Chế đã phải thân hành cùng các cơ cục cứu tế xuất tiền mua thuốc để cứu chữa cho dân. Nhưng rút cục không cản nổi (*tức là việc chính, không thể không nêu trước ngay ra*) ôn dịch càng ngày càng thịnh hành lên. Văn võ trăm quan thương nghị với nhau, đều đến viện "Đãi Lậu" tụ họp[1], đợi sáng để tâu cùng Thiên Tử.

Ngày hôm ấy là mồng 3 tháng 3 năm Gia Hựu thứ 3 (*hợp thành số 9, Dương cực tới nơi tận cùng của số 9. Theo nghĩa*

(1) Một nơi để các quan túc trực ban đêm, đợi lúc vào triều.

kinh Dịch: Cùng thì phải *biến, mà biến ra pho truyện Thủy Hử này).* Vào khoảng 3 khắc canh 5, Thiên Tử ra điện Tử Thần coi triều. Sau khi các quan triều hạ xong rồi, theo lệ có quan Điện Đầu hỏi lên rằng:

– Có việc chi thì ban tâu sớm, không việc thì cuốn rèm lui chầu ?

Liền thấy trong ban bộ có Tể Tướng là Triệu Khiết, và Tham Chính Văn, là Văn Ngạn Bác đứng ra tâu rằng:

– Hiện nay ôn dịch thịnh hành, quân dân chết hại rất nhiều, dám xin Bệ Hạ tha tội mở ân, giảm hình bớt thuế *(Tức là lời chính, không được nêu ngay lên trước)* cầu thoát thiên tai để cứu dân chúng.

Thiên Tử nghe tâu, lập tức sắc cho Hàn Lâm Viện thảo chiếu, nhất diện *giáng chỉ* tha tội tù thiên hạ, bao nhiêu thuế má trong nhân gian thấy đều được miễn giảm thuế. Nhất diện hạ lệnh cho các miếu mạo đền chùa, phải tế lễ cầu đảo suốt ngày đêm.

Chẳng dè sau đó, việc ôn dịch lại càng thịnh hành, không sao giảm bớt chút nào, Nhân Tôn thấy thế, lòng không thể yên, lại phải tập họp các quan để bàn kế. Lúc đó trong ban Đại Thần có một viên đứng ra xin tâu. Thiên Tử nom ra thì là viên Tham Tri Chính sự Phạm Trọng Yêm ra lạy chào mà tâu lên rằng:

– Hiện nay tai nạn thịnh hành nhân dân chết hại lầm than, sớm chiều không sao yên ổn. Theo thần ngu kiến, muốn cầu thoát khỏi nạn này, tất phải tuyên mời Tự Hán Thiên Sư, cấp tốc vào trào, lập đàn 3600 phần Thiên La đại tấu để tâu Ngọc Hoàng Thượng Đế, thì mới có thể gỡ được ôn dịch cho dân. *(Không cần đem hết văn thực bày ra chỉ tùy văn mượn vào cũng đủ. Bắt đầu thuốc men, thứ đến tu tinh, tới đoạn ba mới thề ngón cầu đảo Phật Trời).*

Nhân Tôn Thiên Tử ưng lời tâu, sai ngay Hàn Lâm Học Sĩ thảo một đạo chiếu, Thiên Tử ngự bút thân viết tờ chiếu lại đem một cây Ngự hương (*nén hương*) khâm sai trong ngoài sửa soạn, cử vị Điện tiền Thái Uý là Hồng Tín, xung làm Thiên Sứ, lập tức ra núi Long Hổ ở Tín Châu, thuộc tỉnh Giang Tây, tuyên thỉnh Tự Hán Thiên Sư Trương Nhân Chân gấp rút vào trào, kỳ đảo ôn dịch. Trên chốn Kim Điện, nhà vua thân hành đốt ngự hương tay cầm tờ chiếu giơ trao cho Hồng Thái Uý, lập tức lên đường đi ngay. Hồng Tín vâng lãnh Thánh chỉ bái từ Thiên Tử, đeo chiếu thư lên lưng, tay cầm ngự hương, đem mấy chục tên tùy tòng, lên ngựa đi ra ngoài Đông Kinh, theo đường về mạn Quý Khê ở về Tín Châu.

Trải bao nhiêu ngày (*gọn*), đến địa hạt Tín Châu thuộc tỉnh Giang Tây, các quan viên lớn nhỏ ra tận ngoài thành nghinh tiếp. Rồi cùng báo ngay cho các đạo sĩ trụ trì trong Thượng Thanh Cung, trên núi Long Hổ được biết, để sửa soạn tiếp chiếu thư (*Đó là viên quan tiếp chiếu, rồi vào báo với đạo chúng*). Ngày hôm sau các quan đều đưa tiễn Thái Uý đi đến núi Long Hổ. Tới nơi đã thấy bao nhiêu đạo chúng ở Thượng Thanh Cung, khua chuông giống trống, bầy dẫy đèn hương, chăng đủ tràng phan bảo cái, dẫn đoàn bát âm xuống núi để cùng đón chiếu chỉ nhà vua (*Đây là ngày hôm sau các quan đưa Thái Uý và đạo chúng tiếp chiếu thư*) đi thẳng lên Thượng Thanh Cung xuống ngựa.

Lúc đó, trên từ trụ trì chân nhân, dưới đến các hạng đạo đồng hầu hạ, thấy đều xúm xít đón rước vào điện Tam Thanh, xin đem tờ chiếu chỉ cúng dâng ở ngay chính giữa. (*Trên dưới trước sau, chiếu thư ở giữa, lòng gấm miệng hoa, tùy bút thành điệu*). Hồng Thái Uý liền hỏi vị chân nhân giám cung:

– Thiên sư hiện nay ở nơi nào?

– Dám thưa cùng Thái Uý, Thiên Sư hiện nay gọi là Hư Tĩnh Thiến Sư, tính thích thanh cao, ít ưa đưa đón, tự ở một

mình ngay trên núi Long Hổ, lập một am cỏ để dưỡng chân tu tính. Bởi thế nên người không ở tại cung đây?

– Vậy ngày nay Thiên Tử có tuyên chiếu, thì làm sao mà gặp được?

– Bây giờ chiếu chỉ hãy tạm lưu trên điện đây, bần đạo cũng không dám tự tiện mở đọc. Và xin Thái Uý hãy vào phương trượng dùng trà, rồi sẽ bàn định.

Bấy giờ đem chiếu thư cung kính để ở trên điện Tam Thanh (*Tờ chiếu*) rồi cùng mọi người dẫn các quan vào trong phương trượng. Thái Uý ngồi ở chính giữa, các hàng chấp sự dâng trà, kế dâng các đồ chay lên, thủy lục đều đủ cả. Khi dùng trà xong, Thái Uý lại hỏi Chân Nhân:

– Nếu vậy Thiên Sư ở trên đỉnh núi, sao không cho người lên thỉnh ngài xuống, để mở tuyên chiếu chỉ ?

Chân Nhân bẩm rằng:

– Tổ sư tuy ở trên núi, nhưng thực ra đạo hạnh phi thường có thể cưỡi mây đạp gió, tung tích không định. Chính bọn đồng đạo cũng ít khi được gặp, còn cách nào mà thỉnh Người xuống được ?

– Cứ như thế, thì làm cách nào mà gặp được? Hiện nay trong kinh sư ôn dịch thịnh hành, đương kim Thiên Tử phái hạ quan đem ngự thư đan chiếu gồm cả long hương, đến thỉnh Thiên Sư, muốn lập đàn 3600 La Thiên đại tiếu để cầu đảo thiên tai, cứu vớt muôn dân. Như thế phỏng làm thế nào cho được?

Chân Nhân bẩm rằng:

– Thiên Tử muốn cứu muôn dân, trừ phi Thái Uý phải sửa một điểm chí thành tâm. (*Câu này không những chỉ nói về việc cầu đảo ôn dịch mà thôi, ôi, Thiên Tử há lại không muốn cứu vạn dân ? mà đã muốn cứu vạn dân, lẽ nào lại không trông cả vào Thái Uý ? Nếu Thái Uý quả không thành tâm, thì làm*

sao cứu được vạn dân ? Thái Uý đã không cứu được vạn dân, thì sao còn làm được trên đáp lòng Thiên Tử ? Lời nói tuy không nhiều mà ý rất sâu xa, thế mới gọi là Chân Nhân) chay sạch tắm gội, thay đổi xống áo, không mang quân hầu, tự mình đeo chiếu thư, đốt ngự hương, đi bộ lên núi, lạy lục khẩn cầu, thì Thiên Sư mới cho được thấy. Nhược bằng bụng không có chí thành thì chỉ đi suông một chuyến, cũng khó lòng mà gặp được Thiên Sư.

Thái Uý nghe, đáp luôn rằng:

– Tôi ở kinh sư ăn chay đến đây, lẽ nào lại không chí thành ? Đã như thế tôi quyết theo đúng lời nói; sáng mai buổi sớm tinh mơ, sẽ đi lên núi.

Đêm hôm đó đều tạm yên nghỉ. Canh năm sáng hôm sau, các đạo sĩ dậy sớm, sửa soạn nước thơm, mời Thái Uý tắm gội, thay cả bộ quần áo vải mới nguyên; chân đi đôi giày bằng cỏ, ăn cơm chay, lấy chiếu thư bọc bao lụa vàng đeo trên lưng (*tờ chiếu*), tay cầm cái lư bằng bạc con con, trong đốt một chút hương ngự (*hương*). Đoạn mọi người cùng các đạo sĩ đứng ra phía núi đằng sau, trỏ lên đường tắt, chân nhân lại bẩm Thái Uý rằng:

– Thái Uý muốn cứu vạn dân, xin chớ đem lòng thoái hối, chỉ nên chăm chăm chí thành đi lên (*Toàn giọng đinh ninh dặn dò Thái Uý phải nhớ cái bí quyết, là vì Thiên Tử cứu vớt muôn dân, chứ không phải mời đón vị Thiên Sư trong đêm nay).*

Thái Uý từ biệt mọi người, miệng tung bảo hiệu đức Thiên Tôn, dông bước lên núi. Một mình thui thủi, đi chừng một hồi, vin cây vạch đá, ước đã qua mấy ngọn núi, mới độ hai ba dặm đường, thì thấy hai chân muốn đã dừng lên, muốn như không đi được nữa. Ngoài miệng tuy không dám nói ra, nhưng trong bụng trù trừ, lẩm bẩm một mình:

"Ta là quý quan triều đình, (*Xấu hổ, Bốn chữ Quý quan triều đình, xô đẩy biết bao anh hùng vào nơi Bến nước: câu đó*

lại do ở miệng lão này nói ra). Khi ở kinh sư chồng đệm mà nằm, bày vạc mà ăn, cũng còn thấy mình mỏi mệt (*Lời nói tuyệt diệu, chồng đệm bày vạc cũng còn mỏi mệt, vậy sao không xoay nguyên khí, giúp Hoá Công để rồi cùng nghỉ?).* Ta có bao giờ lại xỏ giầy cỏ, đi đường núi thế này ? Nào biết Thiên Sư của họ ở đâu mà bắt hạ quan, phải chịu cực khổ thế này ?

Lại đi được độ dăm chục bước, thì vai đã xô lên, hơi đã thở ngắn đi. Chợt thấy trong nơi khoé núi, nổi một trận gió *(tả thực xuất sắc).* Gió vừa lướt qua thì phía sau cây thông thét ra một tiếng đánh ầm khác nào sét đánh (*Tả thực xuất sắc*). Vụt một cái nhảy ra một con hùm lông gấm, mặt xanh râu trắng rất to. (*Trước tả gió, thứ đến tả gấm, thứ ba tả hổ, chỉ một ngọn núi, nảy ra bao nhiêu chuyện lạ. Một vị hảo hán quảng mở đầu sách).*

Hồng Thái Uý giật mình đánh thót, kêu lên một tiếng "ối chà!" (*Một lời nói tối hậu của bọn khi quân mãi quốc chán đời?)* rồi ngã lộn về phía sau. Con hùm nom thấy nhằm nhằm vào Hồng Thái Uý, quay tả lượn hữu, kêu rống một hồi, rồi đánh vụt quay về phía sau, nhảy vọt ngay xuống khe núi. Hồng Thái Uý bị ngã lộn nhào ở bên gốc cây, hoảng sợ đến nỗi 36 cái răng đập vào nhau kêu chan chát *(Câu lạ)*, suốt mình cứng đờ như cây gỗ trúng phong (*Câu lạ*), hai bộ giò rõ hệt con gà chọi bị thua, *(Câu lạ; bốn câu chỉ là một câu, một lối văn đều là tuyệt diệu)* trông kêu khổ liên thanh, con hổ đi chừng uống cạn chén trà, mới dám lóp ngóp bò dậy, lại nhặt cái lư hương con ở trên mặt đất, đem ít ngự hương đốt tiếp *(Hương, sao không tả chiếu, ờ chiếu ở trên lưng, chắc còn nguyên như cũ),* lại đi lên núi chăm chăm vào tìm Thiên Sư, đi chừng 4,5 bước, tự thở dài trong miệng, trong bụng oán kêu:

– "Hoàng đế (*4 chữ đọc liền một hơi mới thú. "Chồng đệm bày đỉnh" nghĩa là trong bụng và trong mồm, lúc nào cũng thường thường có bốn chữ đó),* ***ngự hạn ta đến chốn này, để ta phải chịu một phen khổ sở...".***

Nói chưa dứt lời, bỗng lại cảm thấy một cơn gió từ đâu đưa tới *(tả thực xuất sắc)*, thổi một luồng hơi độc bốc ngay lên; Thái Uý cố trấn tĩnh nom thì thấy trong đám giây rợ ở bên núi có tiếng sột soạt (*tả ra xuất sắc*) lòi ra một con Rắn Mang Hoa to bằng cái thùng gỗ *(Cũng trước tả gió, thứ đến tiếng, lại thứ tả rắn. Vị hảo hán thứ nhì ở trong đầu trang sách);* Thái Uý trông thấy lại một phen kinh hoảng, tay rời cái lư hương, *(Hương; trước đây không có thế)*, kêu vội lên mấy tiếng:

– Phen này thì ta chết mất!

Đoạn rồi ngã kềnh ra phiến đá ở đằng sau. Thì thấy con rắn nó đi sù đến thẳng phiến đá, nhìn chăm chăm vào mặt Thái Uý, cuộn tròn khúc lại, hai mắt loé ra hai đạo kim quang, há miệng rất to, thè dài đầu lưỡi, phun phè phè hơi độc lên mặt Thái Uý, làm cho Thái Uý ba hồn phiêu dạt, bảy vía hoang mang. Con rắn nhìn ngắm Thái Uý một hồi, rồi quay ngoắt ra phía núi, mà không thấy nữa. Thái Uý lóp ngóp bò dậy, miệng lẩm bẩm:

– Xấu hổ; kinh chết hạ quan. Nom đến khắp người, thì những cục máu nổi lên như những nắm tay (*Đây không phải là trước tả kỹ sau tả dối, chính ngoài bốn chữ lại thêm một câu nữa mà thôi;)* Trong miệng lẩm bẩm mắng bọn đạo sĩ:

– "Chúng nó vô lễ, dám đùa hạ quan, để cho ta chịu biết bao kinh sợ. Nếu phen này lên núi, tìm không thấy Thiên Sư, thì xuống đây sẽ nói chuyện với hắn."

Lại nhặt lấy cái lư hương cũ, (*Hương*); sửa lại tờ chiếu buộc ở trên lưng (*Chiếu: Trước không nói đến chiếu thư, nay lại nói đến, cũng là diệu*), sắn lại xống áo mũ giầy, định lại đi lên trên núi. Vừa khi cất bước (*Phép bút biến, nếu không thì lên núi từ lúc nào rồi*). Chợt thấy sau lưng cây thông, văng vẳng có tiếng sáo thổi, từ từ lại gần. Hồng Thái Uý định thần nhìn lại, thì thấy một tên đạo đồng, cưỡi một con bò, tay hoành ống sáo bằng sắt, miệng cười hớn hở đi sang núi (*Một hổ, một rắn,*

sau lại tiếp đến đoạn này, bút mực biến chuyển không thể nói;) Thái Uý trông thấy, liền gọi đạo đồng mà hỏi:

– Nhà ngươi ở đâu đến, có nhận biết ta chăng?

Tên đạo đồng không thèm nhìn, chỉ cứ thổi sáo (*tả thực điệu quá*). Thái Uý hỏi luôn mấy câu, đạo đồng cứ cười ha ha, giơ cây sáo bằng sắt, trỏ vào Hồng Thái Uý (*tả thực rõ điệu*) và nói:

– Bác đến đây có phải là muốn gặp Thiên Sư hay không?

Thái Uý cả kinh hỏi luôn:

– Ngươi là đạo đồng, làm sao lại biết? *(Chỉ nên trả lời rằng: Ngươi là Thái Uý làm sao lại biết?)*

Đạo đồng cười, trả lời:

– Buổi sáng hôm nay tôi ở trong am hầu Thiên Sư nghe thấy ngài nói:

"Hôm nay Thiên Tử sai Hồng Thái Uý, mang đan chiếu và ngự hương tới trong núi này, mời ta đi xuống Đông Kinh lập đàn tràng 3600 La Thiên, cầu đảo ôn dịch cho thiên hạ.... Nay ta đi vân du... Chắc là sớm chiều hôm nay, Ngài không ở trong am vậy, ông đừng nên đi lên nữa. Trong núi trùng độc thú dữ rất nhiều, e có khi hại đến tính mạng của ông.

Thái Uý lại hỏi dồn:

– Ngươi đừng nói loè ta nữa ?

Đạo đồng cười xoà một tiếng không thèm trả lời, lại thổi lên thanh sáo, chuyển quanh khúc núi mà đi (*tả thực là điệu*) Thái Uý nghĩ khẩm lẩm trong bụng:

"Thằng bé này lại làm sao mà biết rõ công việc ấy? Chắc có lẽ Thiên Sư dặn hắn, nhất định không sai... (*Bốn chữ này tả hết những cái mà Thái Uý vẫn cho rằng là phải xưa nay*). Cũng muốn đi lên núi nữa, nhưng vừa rồi mới bị kinh sợ hoảng hồn, thiếu một chút nữa thì đi đứt tính mạng. Vậy bất nhược đi xuống là hơn. Thái Uý liền cầm lư hương (*Hương*), lại tìm

đường cũ đi vội xuống núi. Các đạo sĩ đón tiếp mời về phương trượng ngồi nghỉ. Chân Nhân liền hỏi:

– Người có gặp được Thiên Sư hay không?

Thái Uý đáp:

– Ta là quý quan trong triều, sao lại bảo ta đi lên con đường núi, chịu bao nhiêu tân khổ, thiếu chút nữa mất cả tính mệnh? Thoạt tiên đi tới lưng chừng núi, gặp một con hổ sù, mắt xanh râu trắng, làm cho hạ quan kinh sợ mất cả hồn vía. Lại đi qua một quãng núi nữa, trong bụi rậm xổ ra một con rắn lớn Mang Hoa, nằm quanh một đống cản mất đường đi, nếu không phải phúc phận nhà tôi to lớn, thì làm chi còn được tính mạng mà về kinh (*Giống tốt*). Đó toàn thị là bọn đạo chúng các anh chơi xỏ hạ quan tất cả...

Chân Nhân đáp lại rằng:

– Bần đạo đâu dám khinh mạn Đại Thần. Đó chẳng qua là Tổ Sư thử lòng Thái Uý, núi đây dẫu có hùm có rắn cũng không hại người. (*Một lời tóm tắt tất cả 108 người, trong một bộ truyện*).

Thái Uý nói tiếp:

– Chính lúc tôi đi không được, đương toan bước lên núi, thì chỉ thấy bên phía cây thông, thò ra một tên đạo đồng, cưỡi con bò vàng, thổi cây sáo sắt, đi qua phía núi, tôi liền hỏi hắn đi đâu, và có hiểu tôi không ? Thì hắn trả lời là biết tất cả, và nói Thiên Sư dặn hôm nay cưỡi hạc vân du đã đi Đông Kinh rồi. Nhân thế hạ quan mới trở về đây.

Chân Nhân nói:

– Vậy là Thái Uý đã để mất cơ hội, mục đồng ấy chính là Thiên Sư đó. (*Chỉ nói có một, không được đến hai*).

Thái Uý nói:

– Ngài đã là Thiên Sư, sao lại tầm thường như vậy ? (*Một câu này dóng thẳng đến sau việc Hoàng Phủ Đoan xem tướng*

ngựa ở hồi thứ 70 tỏ rõ ra một bộ truyện, trình bầy 108 người, đều là quý quan ở Triều đình chê là tầm thường, mà bỏ lỡ ra ngoài hạng đực cái đen vàng vậy. Sao lại không nói, đã là Thiên Sư, sao dữ dội như thế?)

Chân Nhân đáp rằng:

– Thiên Sư bây giờ không phải là thường, tuy là ít tuổi, nhưng đạo hạnh phi thường. Người là một hạng ngạch ngoại (*108 người cũng bảo là ngạch ngoại cả*). Bách phương biến hóa, rất là linh nghiệm, đã được người đời vẫn xưng là Đạo Thông tổ sư xưa nay.

Hồng Thái Uý lại nói:

– Tôi nếu như thế, có mắt không trông thấy chân sư, đến nỗi ngay trước mắt mà để lỡ mất.

Chân Nhân đáp:

– Thái Uý hãy xin phóng tâm. Tổ sư đã có pháp chỉ là đi rồi, thì khi Thái Uý về đến kinh sư, các việc đàn tràng, tất là Tổ Sư đã làm xong rồi.

Thái Uý nghe nói mới hơi yên tâm. Chân Nhân một mặt sai bầy yến tiệc khoản đãi Thái Uý, xin đem đan chiếu bọc vào trong hòm ngự thư, lưu ở trong cung Thượng Thanh (*xong tờ chiếu*) còn long ngự hương đem đốt lên ở điện Tam Thanh (*xong Ngự hương*). Hôm ấy trong nơi phương trượng, cả bầy chay cúng, đặt yến uống rượu, đến chiều mới tan. Ngủ một đêm đến sáng, buổi sáng hôm sau, Chân Nhân cùng đạo chúng, dóng dả bọn chấp sự, mời Thái Uý đi du sơn (*Thiên hạ vốn vô sự, chơi núi cứ chơi đi*), Thái Uý cả mừng, cùng bao nhiêu người đi bộ ra ngoài phương trượng, phía trước có hai tên đạo đồng dẫn đường. Đi tới trước cung sau cung, xem ngắm không biết bao nhiêu phong cảnh. Trên điện Tam Thanh, phú quý không thể tả hết. Dưới hành lang bên tả có Cửu Thiên Điện, Tử Vi Điện và Bắc Cực Điện; Dưới hành lang bên hữu có Thái Ất Điện, Tam Cung Điện và Khu Tà Điện (*Đem các điện, Cửu Thiên, Tử*

Vi, Bắc Cực và Thái Ất, Tam Cung, dẫn ra một điện Khu Tà, lại đem một điện khu tà, dẫn ra một điện Phục Ma).

Xem khắp cung một lượt, đi quanh qua phía sau hữu lang, Thái Uý nom thấy lại là một nơi điện vũ, một dãy toàn thị tường đỏ, ngay phía trước mặt có hai cánh cửa đỏ chói, trên cạnh cửa có hai cái lá rất to khoá chặt hai cánh cửa, ngoài mặt niêm mấy tờ niêm phong, trên giấy niêm phong, đóng chi chít những dấu đỏ. Phía trước thềm có một biển sơn son thiếp vàng, trên viết bốn chữ bằng vàng, đề là: "Toà Điện Phục Ma", *(tả thấy ghê người bút mực lâm ly đến bực).*

Thái Uý trỏ hỏi:

– Điện này là chỗ nào thế?

Chân Nhân nói:

– Đây là một cái điện của đức Lão Tổ Thiên Sư giam trấn phục ma từ trước.

Thái Uý lại hỏi:

– Làm sao ở trên lại dán chi chít những niêm phong như thế ?

– Đây là do Lão Tổ Động Huyền Quốc Sư về đời Đại Đường, giam cầm Ma Vương ở đây, nhưng cứ trải qua một đời, Thiên Sư chính tay lại dán thêm một tờ niêm phong *(Tư tưởng lạ: Văn lạ)*, khiến cho con con cháu cháu về sau không được mở liều, để cho xổng mất Ma Vương, thì rất là lợi hại. Tới nay đã trải tám chín đời, Tổ Sư đều không dám mở, dùng thứ khoá bằng đồng sắt, rất tốt để khoá, không ai biết trong đó có những gì ? Tiểu đạo từ khi đến trụ trì ở đây hơn 30 năm, cũng chỉ nghe nói *(diệu)* thế thôi.

Hồng Thái Uý nghe dứt lời, trong bụng lấy làm kinh quái, *(Trước kinh)*, tự nghĩ: ta thử xem Ma Vương thế nào, liền nói ngay với Chân Nhân rằng:

– Ngươi hãy mở cửa ra cho tôi xem mặt mũi Ma Vương như thế nào?

Chân Nhân bẩm rằng:

– Thưa Thái Uý, điện này quyết không mở được. Các bậc tiên tổ Thiên Sư ân cần khuyên bảo mọi người sau đây không được thiện tiện mở ra. (*Một lần bẩm*).

Thái Uý cười nói: (*Thứ đến cười*)

– Nói nhảm, các ngươi muốn gây ra yêu quái gở lạ, phiến hoặc lương dân, cố ý bầy ra chỗ đó, giả dối là giam Ma Vương, cho nổi tiếng đạo thuật của mình. Ta đây đã đọc sách Nhất Giám *(Con người gớm: văn pháp gớm)*, làm gì có phép khoá giữ Ma Vương ? Cái đạo quỷ thần xa cách u minh, ta không tin có Ma Vương ở trong, hãy mở ngay ra cho ta để ta xem Ma Vương nó như thế nào?

Chân Nhân năm bảy lần từ chối, nói rằng:

– Toà điện đó không thể mở được, và nếu trái ra ắt xảy ra sự tai hại vô cùng.

Thái Uý nổi giận *(Lại giận)*, trỏ mắng bọn chúng rằng:

– Các ngươi không mở ta xem, ta về trào phen này, trước hết hãy tấu cho các ngươi là ngăn trở tuyên chiếu, làm trái thánh chỉ, không cho ta gặp Thiên Sư, để ghép vào tội phạm. *(Coi anh ta dựng đứng buộc ngang cho người một cái án rất lớn, đủ biết các ông Thái Uý từ trước đến nay, vẫn cùng một lối)*. Sau sẽ tâu cho các ngươi tư thiết ra tào điện này, nói vờ là giam khoá Ma Vương, để dối lừa trăm họ muôn dân, rồi sẽ thu điệp của các ngươi, mà khắc trán cho đi phát phối tận nơi biên viễn, để chịu sự khổ nhục. *(Sau đây biết bao nhiêu người bị khắc trán phát phối quận châu, chỉ là theo luật của quan trước đây mà xử đoán)*.

Bọn Chân Nhân khiếp sợ oai quyền của Thái Uý (*Chân Nhân còn sợ oai quyền của Thái Uý nữa là kẻ khác*), bèn phải

gọi mấy người đạo chúng thợ rèn đến, trước hết lột bỏ các niêm phong ra, đem búa sắt chặt bỏ các khoá, mọi người đẩy tung cửa điện, rồi cùng nhau kéo vào trong điện, chỉ thấy tối đen như mực, không thấy vật gì. Thái Uý bắt lấy mấy chục bó đuốc đốt lên để soi khắp bốn bên, cũng không thấy một vật gì. Duy chỗ chính giữa có một cái hốc đá vuông, cao chừng 5,6 thước, phía dưới có một con rùa đá, nằm phục vị, đã già nửa chìm xuống dưới đất lầy. (Một bộ sách gồm 70 hồi, lấy hốc đá làm khởi đầu, lại lấy hốc đá làm kết thúc, thực là kỳ tuyệt. Chữ Kiệt là *(cái mốc đây, tục bản làm chữ Bi là cái bia)* soi lên cái mốc đá thấy mặt trước đều chạm trổ vẽ rồng triện phượng, thiên thư phù lục, ai cũng không hiểu ? *(cùng với hồi thứ 70, cùng một lối chương pháp)*. Soi phía sau mốc đá, thì thấy có khắc bốn chữ chân rất lớn "Gặp Hồng thì mở". *(Văn lạ, nói lạ)*, Hồng Thái Uý nom thấy bốn chữ đó lấy làm mừng rơn *(Lại đến mừng)*, liền nói với Chân Nhân rằng:

– Các ngươi ngăn cản tôi, biết đâu mấy trăm năm trước đây, đã chưa rõ tên họ của tôi đây rồi, "Gặp Hồng thì mở", rõ ràng là bảo tôi phải mở ra, còn có gì là ngại ? Tôi tưởng Ma Vương đó, chỉ ở dưới cái mốc đá này, chúng ta cứ gọi thêm người, mang nhiều mai cuốc đến đây, đào lên là được.

Chân Nhân vội bẩm:

– Thái Uý không nên đào lên, sợ có chuyện lợi hại thương phạm đến người, rất là bất tiện *(Lại bẩm)*.

Thái Uý nổi giận *(lại nổi giận)* quát lên rằng:

– Các ngươi tu hành không hiểu cái gì. Ngay trên mốc đá nói rõ ràng: Gặp ta thì mở, vậy sao các ngươi ngăn cản ta? Phải mau mau lập tức gọi thêm người đến mở cho ta.

Chân Nhân lại đôi ba phen kêu bẩm, sợ có điều nguy hiểm không hay.

Thái Uý nhất định không nghe *(Chép kỹ Chân Nhân một lần bẩm, hai lần bẩm, bẩm rồi lại bẩm, để chứng tỏ các hạng*

Thiên Cương, Địa Sát ra đời, không phải một cách dễ dàng). Mãi đành sau phải gọi thực nhiều người, xúm vào trước hết đẩy đổ cái mốc đá ở trên, rồi hì hục đào con rùa đá đến nửa ngày trời mới lên được. Lại đào sâu thêm xuống tới chừng 3,4 thước thì thấy có một phiến đá xanh lớn, rộng chừng một trượng. Hồng Thái Uý lại quát sai đào thêm nữa. Chân Nhân lại khổ sở khuyên nài, xin đừng đào nữa, nhưng Thái Uý nhất định không nghe, mãi sau bất đắc dĩ mọi người phải xúm vào khiêng miếng đá ra để xem. Thì thấy phía dưới phiến đá ấy là một cái hang rất sâu muôn trượng, và tiếp liền lên là một tiếng bật một tiếng nổ vang động khác thường. Tiếng nổ vừa lên, thì chỉ thấy một luồng hắc khí từ trong hang phụt lên, đánh đổ hẳn một bên góc điện.

Đoạn luồng hắc khí tung lên trời, lơ lửng trên không, tan ra một trăm mười đạo kim quang, chia tan đi khắp bốn phương tám ngả. *(Một ngọn búa ghê người, sau đây hoặc xưng ta, xưng tớ, xưng kẻ mọn này, xưng ta hay xưng lão gia đây, cũng do ở một câu này biến ra cả).* Hết thảy mọi người đều kinh sợ, quẳng vất cả khí giới, rồi chen nhau chạy thục thân té ngã lung tung ra khắp lượt. Đến nỗi Hồng Thái Uý cũng đờ mắt há mồm, không biết lối nào mà trở, mặt đen sạm lại, chạy vội đi xuống phía dưới. Lúc đó chỉ thấy Chân Nhân kêu thảm kêu thiết không thôi. Thái Uý hỏi:

– Những cái chạy lên là hàng yêu quái gì đó!

Chân Nhân nói:

– Thái Uý không rõ, nguyên trong điện này, trước kia Lão Tổ Thiên Sư là Huyền Không Động Chân Nhân, truyền lại phù phép, có dặn cặn kẽ rằng:

"Trong điện này giam giữ 36 vị Thiên Cương và 72 vị sao Địa Sát, tổng cộng 108 Ma quân ở đó. Trên dựng cái bia tròn khắc rồng chạm phượng, và tên tuổi để trấn giữ nơi đây. Nếu sau này lại thả cho chúng ra đời, thì tất là làm khổ cho sinh

linh hạ giới vô cùng". Vậy nay Thái Uý thả cho chúng ra, thì biết làm sao bây giờ?

Thái Uý nghe nói mồ hôi toát đẫm ra người, run lên không được, vội vàng thu xếp hành lý, dẫn bọn tùy tùng xuống núi, quay về kinh sư. Chân Nhân đem đồ đệ đưa tiễn bọn Thái Uý, rồi quay về bảo nhau tu bổ điện miếu và dựng lại tấm bia như trước.

Đàng kia Hồng Thái Uý trở về, trong khi đi đường, dặn bọn tùy tùng bỉm hẳn câu chuyện ma quỷ, không ai được nói hở ra, sợ đến tai Thiên Tử lại bị quở phạt (*tả đúng Thái Uý*). Cấp đường về tới kinh sư, bước vào trong thành, thì đã thấy người ta đồn đại là "Vị Thiên Sư đã đến Đông Kinh, ở nơi cấm viện làm 7 đêm 7 ngày cầu nguyện, phát cho phù chú, cứu chữa tai ương, tật dịch đã hết, dân lại được sống yên vui, và Thiên Sư đã từ giã triều đình, cưỡi hạc trèo mây, trở về Long Hổ Sơn vừa đoạn".

Thái Uý sáng sớm hôm sau vào chầu thiên tử, tâu việc đã đến tận nơi, đã mời Thiên Sư và đã vội vàng về tới đó phục mạng. Vua Nhân Tôn ưng lời tâu, thưởng cho Hồng Tín Thái Uý về mà nhận chức cũ.

Sau đó Nhân Tôn ở ngôi vua, cộng tất cả 42 năm, khi mất không có con trai, phải truyền ngôi cho người con trai Bộc An Uý Vương Doãn Nhượng và là cháu đích tôn Thái Tôn Hoàng Đế, nối ngôi làm vua gọi là Anh Tôn, Anh Tôn ở ngôi vua được 4 năm, truyền ngôi cho thái tử là Thần Tôn; Thần Tôn ở ngôi 18 năm truyền cho thái tử là Triết Tôn. Lúc đó thiên hạ thái bình. (*Một bộ sách hàng mấy vạn câu, lại dùng bốn chữ "Thiên hạ thái bình" để mở đầu, và dùng bốn chữ "Thiên hạ thái bình" kết thúc, thực là tuyệt diệu*), bốn phương vô sự, không cần phải nói. Nhưng nếu thực thái bình vô sự, thì nay đây mở sách diễn nghĩa, hỏi rằng kể ra những chuyện gì đây? (*Bỗng dưng giở ra một ngọn bút, lôi ra thành một pho sách rất lớn dưới đây*). Xin

độc giả chớ vội, đây mới chỉ là một khúc mở đầu, rồi sau đây sẽ có:

1- Vương Giáo Đầu phủ Duyên lánh gót;
Cửu Văn Long thôn Sử ra tay.

2- Sử Đại Lang nửa đêm đốt trại;
Lỗ Đề Hạt giữa chợ giết người.

3- Triệu Viên ngoại sửa lại Văn Thù Viện;
Lỗ Trí Thâm khua động Ngũ Đài Sơn.

4- Chàng bé gan kinh hồn nơi ngọc trướng;
Sư to bụng ra sức xóm Đào hoa.

5- Rừng Xích Tùng, Cửu Văn Long ra oai;
Chùa Ngoã Quan, Lỗ Trí Thâm phóng lửa.

6- Hoa hòa thượng nhổ bật gốc Thuỳ Dương;
Báo Tử Đầu lạc vào đường Bạch Hổ.

7- Đất Thương Châu, Lâm Giáo Đầu chịu nhục;
Rừng Trư Lâm, Hoa hòa thượng xung gan.

8- Thử ngón gậy, Lâm Xung hạ Giáo Đầu;
Mở cánh cổng, Sài Tiến đón tân khách.

9- Một mũi dao, moi gan quân tàn bạo;
Ba chén rượu, say tít cả giang sơn.

10- Giả dạng ngao du cứu người hảo hán;
Đề thơ cảm khái kết bạn Lương Sơn.

11- Múa đao thần, Lâm Xung gặp người ngang sức;
Bán gươm báu, Dương Chí giết cọp không lòng.

12- Nơi Đông Quách, Cấp Tiên Phong tranh công;
Đất Bắc Kinh, Thanh Diện Thú đấu võ.

13- Xích Phát Quỷ, say nằm Linh Quang Điện;
Tiểu Thiên Vương nghĩa nhận Đông Khê thôn.

14- Ngô Học Cứu thuyết ba chàng họ Nguyễn;
Công Tôn Thắng ứng bảy vì sao.

15- Tải kim ngân, Dương Chí vâng mệnh;
Cướp lễ vật, Ngô Dụng dùng mưu.
16- Đánh chén không tiền, gặp tay đao thủ;
Trới sư lập mẹo, cướp núi Nhị Long.
17- Mỹ Nhiêm Công dùng mẹo lừa Sắp Si Hổ;
Tống Công Minh vì tình thả Tiểu Thiên Vương.
18- Lâm Xung đốt cháy nơi Thủy Bạc;
Tiểu Cái đốt lấy vũng Lương Sơn.
19- Vì nghĩa chung, Tiểu Cái lên ngôi chủ trại;
Đền ơn cả, Lưu Đường rảo bước đêm trăng.
20- Kiển Bà say đả Đường Ngưu Nhi;
Tống Giang giận giết Diêm Bà Tích.
21- Hùa đảng gian dâm, trước nơi cửa huyện;
Tha người hiếu nghĩa, trong chốn nhà Hầm.
22- Quận Hoành Hải Sài Tiến tiếp khách;
Núi Cảnh Dương, Võ Tòng đánh hùm.
23- Gặp anh em thỏa lòng hòa thuận;
Lừa trai gái ghét giống gian dâm.
24- Bày mưu mô lão bà dụ khách;
Ham tình dục gái đĩ giết chồng.
25- Cửu Thúc giấu xương chờ hiệp khách;
Võ Tòng giết chị tế hồn anh.
26- Đất Mạnh Châu, Mẫu Dược Xoa bán thịt người;
Đường Thập Tự, Võ Đô Đầu gặp hảo hán.
27- Cự mặt Quản Doanh, anh tù cứng cổ;
Mộ danh hảo hớn, cậu trẻ ra ơn.
28- Trại Bình An lạy cầu Võ Nghĩa Sĩ;
Rừng Khoái Hoạt say đánh Tưởng Môn Thần.
29- Thi Ân ba lần vào lạo ngục;
Võ Tòng một phen náo Phi Vân.

30- Trảng sáng mài dao, báo oán giết nhà Đô Giám;
Trời đêm lánh nạn, giả sư qua núi Ngô Công.
31- Võ Hành Giả say rượu bị bắt;
Tống Công Minh vì nghĩa được tha.
32- Xem Ngao Sơn, Tống Giang bị bắt;
Náo Thanh Phong, Hoa Vinh trả thù.
33- Đường Thanh Châu, Trấn Tam Sơn bị bắt;
Núi Ngoã Lịch, Tích Lịch Hoả mắc mưu.
34- Nơi lữ điếm, Thạch Dũng đưa thơ;
Vùng Lương Sơn, Hoa Vinh bắn nhạn.
35- Vùng Lương Sơn, Ngô Dụng cứ Đới Tung;
Núi Cảnh Sơn, Tống Giang gặp Lý Tuấn.
36- Bến Tầm Dương canh khuya mắc nạn;
Nơi Giang Phủ đất khách rời chân.
37- Tống Giang cười nói, gợi tức Đới Tung;
Lý Quỳ hung hăng, đánh dìm Trương Thuận.
38- Gác Tầm Dương, đề thơ tâm huyết;
Chốn Lương Sơn, nghe nỗi kinh hoàng.
39- Cướp pháp trường, hảo hán tiếc hảo hán;
Họp nghĩa đảng, anh hùng mến anh hùng.
40- Tống Giang mưu đánh Vô Vi Quân;
Trương Thuận bắt sống Hoàng Văn Bính.
41- Hoàn Đạo Đồ, nhận ba quyển thiên thư;
Tống Công Minh, gặp Cửu Thiên Huyền Nữ.
42- Thương mẫu thân, Lý Quỳ giết bốn hổ;
Cứu đồng đảng, Chu Quý dốc một lòng.
43- Cầm Báo Tử, ngõ hẻm gặp Đới Tung;
Bệnh Quan Sách, đường dài quen Thạch Tú.
44- Phòng riêng ton hót, Dương Hùng gặp gái voi dầy,
Đêm vắng xông pha, Thạch Tú giết sư hổ lửa.

45- Núi Thuý Bình, Thạch Tú giết vợ;
Diễm Chúc Gia, Trương Bình đốt nhà.
46- Quỷ Kiểm Nhi nhờ thân giúp bạn;
Tống Công Minh nổi giận dấy binh.
47- Bắt Nuỵ Hổ, nữ tướng ra công;
Đánh Chúc Gia, quân sư xuống cứu.
48- Mắc mẹo gian, Giải Trân, Giải Bảo phá ngục;
Bày mưu khéo, Tôn Lập, Tôn Tân cướp lao.
49- Bày kế liên hoàn, phá nhà họ Chúc;
Kéo cờ đắc thắng về núi Lương Sơn.
50- Sắp Sĩ Hổ, vác gông đánh chết cô đào;
Mỹ Nhiệm Công mắc mưu mất toi cậu ấm.
51- Lý Quỳ đánh chết Ân Thiên Tích;
Sài Tiến bị hãm Cao Đường Châu.
52- Đới Tung vâng mệnh, tìm Công Tôn Thắng;
Lý Quỳ sốt ruột chém La Chân Nhân.
53- Nhập Vân Long, đấu phép phá Cao Liêm;
Hắc Toàn Phong xuống giếng cứu Sài Tiến.
54- Cao Thái Uý huy động quân ba lộ;
Hô Duyên Chước bầy trận ngựa liên hoàn.
55- Ngô Dụng sai Thời Thiên, cấp bảo giấp;
Thang Long lừa Từ Ninh lên Lương Sơn.
56- Từ Ninh dạy phép câu liêm sang;
Tống Giang phá trận liên hoàn mã.
57- Họp tam quân đánh phủ Thanh Châu;
Kết đồng tâm, về nơi Thủy Bạc.
58- Núi Tây Nhạc giả danh Thái Uý;
Đất Hoa Sơn cứu bạn anh hùng.
59- Núi Mang Đãng, Công Tôn (*Thắng*) dùng phép;
Chợ Tăng Đầu, Tiểu Cái trúng tên.

60- Lừa Ngọc Kỳ Lân, Ngô Dụng dùng mẹo;
Quấy Kim Sa Đô, Ngô Dụng trổ tài.
61- Ban lãnh tiến, Yến Thanh cứu chủ;
Cướp pháp trường, Thạch Tú thi gan.
62- Tống Giang quyết đánh Đại Danh thành;
Quan Thắng bàn phá Lương Sơn Bạc.
63- Đêm trăng Duyên Chước lừa Quan Thắng;
Trời tuyết Công Minh bắt Sách Siêu.
64- Thác Tháp Thiên Vương, trong mơ hiển thánh;
Lăng Lý Bạch Điều, dưới nước báo oan.
65- Đốt Thuý Vân Lâu Thời Thiên vâng mệnh;
Phá Đại Danh Phủ, Ngô Dụng lập công.
66- Về Sơn Bạc, Tống Giang khao thưởng tam quân;
Đến Lãng Châu, Quan Thắng chiêu hàng hai tướng.
67- Tống Công Minh đêm phá Tăng Đầu Thị;
Lư Tuấn Nghĩa, bắt sống Sử Văn Cung.
68- Tới Đông Bình Phủ, Cửu Văn Long mắc nạn;
Bắt Song Thương tướng, Tống Công Minh thành công.
69- Một Vũ Tiễn, ném đá đánh anh hùng;
Tống Công Minh bỏ lương bắt anh hùng.
70- Nhà Trung Nghĩa, bia đá nổi hàng văn;
Vũng Lương Sơn, bạn vàng kinh giấc mộng.

Tổng cộng bộ sách 70 hồi chính truyện và 140 câu đề mục, diễn tả ra:

Trong thành Uyển Tử chứa nghĩa sĩ;
Giữa vũng Liêu Nhi họp Giao Long.

Kết là câu chuyện thế nào, xin coi dưới các hồi trình giải.

Hồi thứ nhất

VƯƠNG GIÁO ĐẦU, PHỦ DUYÊN LÁNH GÓT; CỬU VĂN LONG, THÔN SỬ RA TAY

Về đời nhà Tống, Triết Tôn Hoàng Đế làm vua, cách với đời của vua Nhân Tôn Hoàng Đế đã xa; Giữa phủ Khai Phong, ở ngay Đông Kinh, thuộc khu của thành Tuyên Vũ Quân nảy nòi một tên con nhà lông bông mất dạy, là dòng họ Cao, bày hàng đứng vào thứ hai. Anh ta thuở nhỏ không chịu làm ăn, chỉ thích múa thương đánh gậy, và đá cầu rất giỏi, bởi thế trong Kinh Sư gọi anh ta là Cao Cầu, đổi gọi Cao Nhị. Do chữ Cầu có chữ Mao là lông ở bên cạnh, sau phát tích khá lên, mới đổi chữ Cầu có chữ Nhân là người đứng cạnh.

Anh chàng này lại giỏi thổi sáo múa bộ, chơi bời nghịch ngợm đủ lối, mà còn học đòi thơ phú, võ vẽ sách vở, nhưng nói đến Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín, hạnh trung lương, thì tuyệt nhiên không hiểu chút gì.

Suốt ngày anh ta chỉ ở trong thành ngoài thành Đông Kinh, bám vào những tay du thủ du thực, đánh đu với một anh con trai Sinh Thiết Vương – Viên Ngoại để kiếm tiền tiêu xài, đĩ bợm với nhau.

Bất đồ không bao lâu bị Viên Ngoại có đơn thưa kiện Cao Cầu trong phủ Khai Phong, quan phủ cho bắt Cao Cầu kết án phạt đánh 20 trượng, trục xuất ra khỏi Đông Kinh, cấm nhân dân ở trong thành không ai được dung túng ở trong nhà.

Cao Cầu vô kế khả thi, đành phải sang miền Hoài Tây, chạy vào bám ở một nơi sòng bạc của Liễu Đại Lang gần đó.

Anh này nguyên tên là Liễu Thế Quyền, bình sinh chỉ quen kết nạp những hạng bơ biếng phỉnh phờ, bao nhiêu hạng dông dài bợm bãi đâu đâu, cũng đều chứa chấp hết thảy.

Cao Cầu tới đó được tới ba năm, nhân gặp khi Triết Tôn Thiên Tử đi lễ Nam Giao, cảm thấy mưa hòa gió thuận, gia ơn đại xá cho các tội tù, và Cao Cầu cũng dự vào hạng ấy.

Được tin ân xá, Cao Cầu nhân muốn trở về Đông Kinh, liền nói cho Thế Quyền hay. Liễu Thế Quyền vốn có một người bà con, tên là Đổng Trương Sĩ mở hàng thuốc sống ở phía cầu Kim Lương trong Đông Kinh liền viết một phong thư và thu xếp ít tiền lộ phí, giới thiệu cho Cao Cầu sang ở với Đổng.

Cao Cầu được thư giới thiệu, lập tức từ giã Liễu Đại Lang đeo khăn gói tìm lối quay về Đông Kinh, thẳng đến cầu Kim Lương, kiếm hàng thuốc Bắc Đổng Sinh, đưa thư trình diện.

Đổng Trương Sĩ trông thấy Cao Cầu, lại thấy bức thư của Liễu Thế Quyền, trong bụng nghĩ thầm:

"Thằng cha Cao Cầu này, nhà ta dung làm sao được. Nếu phải hắn là người có chí hướng thành thực, thì cũng có thể cho ở đây, quanh quẩn ra vào, kèm dạy cho mấy đứa nhỏ... Nhưng hắn lại là một tay du thủ, du thực, con nhà mất dạy, không một chút tín nghĩa gì, hơn nữa trước đây đã phạm tội phát phối, thì chứng cũ đã chừa sao được?

Nay ta để luôn trong nhà, không khỏi con trẻ tập theo những thói vô loại, rồi đây biết làm sao kịp ? Mà nếu không dung hắn ở đây, thì đối với Liễu Đại Lang cũng hơi có điều bất tiện..."

Nhân thế phải làm ra bộ vui vẻ tươi cười, hãy lưu Cao Cầu ở lại trong nhà, và hằng ngày cung đốn rượu chè rất là tử tế.

Cách 10 hôm sau, Đổng Trương Sĩ chợt nghĩ được ra một kế liền sắm sửa quần áo mới, viết một phong thư rồi bảo Cao Cầu:

– Nhà đệ ở đây, như ánh sáng của con đom đóm, không thể soi rõ được người, chỉ sợ sau này lầm lỡ cho túc hạ, nay tôi tiến túc hạ sang chỗ quan Học Sĩ Tiểu Tô, sau này sẽ có đường xuất thân cho túc hạ chẳng hay túc hạ nghĩ sao?

Cao Cầu nghe nói mừng rỡ mà cảm tạ Trương Sĩ, Trương Sĩ liền trao quần áo cho Cao Cầu mặc, và sai người mang thư sang phủ Học Sĩ.

Khi tới nơi, môn lại vào báo cho Học Sĩ ra, sau khi trông thấy Cao Cầu, và đọc qua bức thư, Học Sĩ hiểu Cao Cầu là hạng người phù phiếm phỉnh phờ, liền nghĩ thầm:

– Nhà ta đây dung hạng này thế nào được? Chi bằng ta lưu chút nhân tình, tiến cử anh ta sang phủ Phò Mã Vương Tấn Khanh, để làm người hầu thân tùy. Ông này vẫn thường gọi là Tiểu Vương, Đô Thái Uý, tất là ông ta ưa thích những loại người này... " Liền viết thư trả lời cho Đổng Trương Sĩ, rồi lưu Cao Cầu ở trong phủ một đêm.

Sáng hôm sau, viết một bức thư trình, sai một tên gia nhân mẫn cán đưa dẫn Cao Cầu sang phủ Tiểu Vương Đô Thái Uý.

Vị Thái Uý này nguyên là chồng của bà chị Triết Tôn Hoàng Đế, và là phò mã vua Thần Tôn khi trước vốn là người thích những bọn phong lưu phóng đãng xưa nay, khi nhận được thư của Học Sĩ đưa Cao Cầu đến, thì trong lòng lấy làm mừng rỡ liền viết thư trả lời quan Học Sĩ, mà lưu Cao Cầu ở phủ, để cho hầu hạ trân trọng.

Từ đó Cao Cầu được Đô Uý tin dùng, khi ăn ở lúc ra vào, chả khác chi người nhà thân mật vậy.

Một hôm gặp ngày sinh nhật Đô Thái Uý, trong phủ bày đặt yến tiệc để mời Đoan Vương sang dự tiệc.

Đoan Vương là con trai thứ II vua Thần Tôn, là em vua Triết Tôn, và là em vợ Đô Thái Uý, hiện giữ chức Đông giá, bài hiệu là Cửu Thiên Vương, vốn là người thông minh tuấn tú, am hiểu mọi cách chơi bời, những sự du nhân, không gì là không thích, các ngón cầm, kỳ, thi, hoạ, ca vũ, thanh âm, cùng là ngón múa gậy, đá cầu là ngón chơi sở thích nhất cả.

Hôm đó Đoan Vương sang dự tiệc ở phủ Đô Thái Uý, khi rượu đã vài tuần rồi, đứng dậy chạy vào thư viện để xem. Chợt trông thấy trên bàn sách có một đôi sư tử chặn giấy làm bằng thứ ngọc dương chi rất là tinh hảo, liền cầm tay ngắm nghía hồi lâu mà luôn mồm khen ngợi.

Vương Đô Uý thấy Đoan Vương có ý thích liền nói:

– Ở đây có một cái giá bút rồng bằng ngọc cũng một người thợ ấy chế ra, để mai xin đem sang dâng ngài dùng. Đoan Vương mừng rỡ tạ ơn, rồi lại cùng nhau quay ra dự tiệc, mãi đến chiều tan tiệc mới lui về vương phủ.

Ngày hôm sau, Tiểu Vương Đô Thái Uý, lấy đôi sư tử cùng cái giá bút rồng bằng ngọc, bỏ vào cái hộp nhỏ bằng vàng, lấy lụa bọc ngoài và viết một phong thư sai Cao Cầu đưa sang vương phủ.

Cao Cầu vâng lệnh đem các lễ vật sang phủ Đoan Vương.

Khi tới cổng, báo cho người canh cổng vào bẩm báo với Đoan Vương.

Người canh cổng vào một lúc rồi chạy ra bảo Cao Cầu rằng:

– Có phải ngươi bên phủ Phò Mã, thì cứ vào trong sân điện kia, ngài đương đánh cầu ở đấy.

Cao Cầu nghe nói liền nhờ dẫn vào.

Khi tới sân điện, thấy Đoan Vương đầu đội mũ sa, mình mặc áo long bào hoa tía, lưng thắt đai văn vũ, tay cầm một bên áo xốc lên, chân đi đôi giầy bít gót, thêu phượng bay bằng kim tuyến, cùng với năm bảy tiểu môn đá cầu, Cao Cầu thấy vậy đứng núp đàng sau đám hoàng môn mà không dám thò mặt ra.

Chợt khi ấy quả cầu ở trên không rơi xuống đất, Đoan Vương đón không được, lại bắn đến bên cạnh Cao Cầu, chàng ta liều gan đá luôn một quả về cho Đoan Vương. Đoan Vương thấy vậy lấy làm thích, gọi đến gần mà hỏi là: Ngươi ở đâu?

Cao Cầu quỳ xuống đất kêu rằng:

– Con là người bên phủ Đô Thái Uý, sai đưa sang mấy bộ đồ ngọc, và bức thư sang dâng đại vương.

Nói đoạn liền lấy thư đưa lên, Đoan Vương xem xong mỉm cười ra dáng vui mừng, không kịp xem đến các đồ ngọc, vội sai quân hầu đem cất đi, và lại hỏi luôn Cao Cầu rằng:

– Nhà ngươi tên là gì? Cũng biết đá cầu hay sao?

Cao Cầu cung kính bẩm rằng:

– Con tên là Cao Cầu, thuở nhỏ cũng có học đôi chút.

Đoan Vương cười mà bảo rằng:

– Nếu vậy ngươi thử đá chơi với ta một chút xem sao?

– Con đâu dám vô lễ.

– Việc chơi phải như thế mới vui, cho phép ngươi cứ đá thử, ngại chi?

Cao Cầu từ chối năm bảy lượt, Đoan Vương nhất định không nghe, sau bất đắc dĩ phải xin lỗi để vào đá.

Cao Cầu vừa mới đá luôn được mấy quả, Đoan Vương đã vỗ tay khen giỏi.

Bấy giờ chàng mới trổ hết tài bình sinh đá đông đỡ tây, tung cao hứng thấp, làm cho quả cầu kia hết lên lại xuống, hết dọc lại ngang, con mắt nhanh nhẹn đến đâu cũng theo kịp; Đoan Vương reo to lên lấy làm thích thú, rồi giữ riết Cao Cầu ở đấy mà không cho trở về nữa.

Về phần Đô Thái Uý từ khi sai Cao Cầu đi rồi, mong mỏi suốt ngày hôm ấy, cũng không thấy về, trong lòng lấy làm nghi ngại, không hiểu cớ làm sao?

Chợt thấy sáng hôm sau, thấy người nhà Đoan Vương đưa giấy đến mời sang vương phủ.

Đô Thái Uý thấy vậy vội vàng dóng ngựa đi ngay. Khi tới nơi Đoan Vương mừng rỡ đón chào, trước hết tạ ơn về những sự tặng đãi các đồ ngọc ngoạn, rồi sau mời vào dự tiệc.

Chè chén hồi lâu, Đoan Vương nói với Đô Thái Uý rằng:

– Tên Cao Cầu ở bên quý phủ có tài đá cầu rất giỏi, ý tôi muốn lưu hắn ở lại đây, để sớm khuya thưởng thức cho vui, chẳng hay Thái Uý có ưng thế cho chăng?

Đô Thái Uý vui cười mà đáp rằng:

– Nếu điện hạ bằng lòng cho hắn ở đây thì tôi đâu lại không thuận, vậy từ nay xin cứ để cho hắn theo hầu.

Đoan Vương nghe nói tỏ lòng mừng rỡ, cảm ơn Đô Thái Uý, rồi cùng nhau chè chén, mãi khi mặt trời lặn mới tan.

Từ đó Đoan Vương để Cao Cầu hầu hạ thân mật ở trong nơi cung cấm, ngày đêm một bước không rời, cái cảnh tao tế của cậu đãng tử ngày xưa, nay đã bội phần vinh hạnh.

Được ngót hai tháng sau, vì Triết Tôn Hoàng Đế không có con trai, các quan trong triều thương nghị lập Đoan Vương lên làm Thiên Tử, xưng đế hiệu là Huy Tôn, gọi là Ngọc Thành Giáo Chủ, Vi Diệu Hoàng Đế.

Sau khi đã lên ngôi Thiên Tử, liền triệu Cao Cầu đến mà bảo rằng:

– Trẫm cũng muốn đãi ngươi lên quan chức, song tất phải đợi có công lao mới được, nay trẫm hãy giao cho viện Khu Mật, biên tên ngươi vào danh sách, tùy giá thiên chuyển, rồi sẽ liệu thăng dần.

Nhân thế mới trong nửa năm trời, Cao Cầu đã thăng lên chức Điện Suý Thái Uý, liền chọn ngày lành tháng tốt đến phủ nhận việc quan.

Khi đó các hàng nha thuộc cùng các quân lính mã bộ đều hết thảy phải vào bái yết kiến quan Điện Suý mới.

Quan Điện Suý tra kiểm các hàng đủ mặt, duy còn thiếu tên Giáo đầu là Vương Tiến vì mắc bệnh hơn nửa tháng nay không thể vào hầu được.

Điện Suý ra oai giận dữ sai Bái Hầu đi bắt Vương Tiến ngay.

Bái Hầu vâng lệnh đến báo cho Vương Tiến biết, và giục phải vào hầu ngay, nếu không Điện Suý tất là quở trách.

Vương Tiến bấy giờ tuy yếu đau mới khỏi, song thấy mệnh lệnh thúc bách như vậy, bất đắc dĩ phải vào soái phủ để yết kiến.

Khi tới nơi vừa mới cúi lạy được bốn lạy đứng lên, thì Cao Cầu đã cất tiếng hỏi ngay rằng:

– Tên này có phải là con Vương Thắng, làm đồ quân Giáo Đầu không?

– Bẩm vâng.

Cao Cầu quát to lên rằng:

– Mày là đồ bán thuốc múa lao ở đầu đường xó chợ, còn biết võ nghệ gì, các quan trước đã suy cử xằng mày làm chức Giáo Đầu, thế mà nay mày dám khinh bỉ ta, không chịu đến để kiểm duyệt là nghĩa làm sao?

Vương Tiến cúi đầu kêu rằng:

– Con đâu dám thế, thực là con bị bệnh chưa khỏi.

Cao Thái Uý không đợi nói hết, vội ngắt mắng ngay rằng:

– Mày đã đau bệnh chưa khỏi, sao mày lại đi được đến đây?

– Bẩm thấy lệnh cho đòi, nên con phải cố gượng dậy để đến hầu.

Cao Thái Uý không phân biệt phải trái, vội nổi giận thét tả hữu lôi cổ Vương Tiến đánh mấy chục roi, bấy giờ các nha tướng cùng quân chính tư, thấy Thái Uý toan đánh Vương Tiến, liền đổ xô đến can rằng:

– Ngày hôm nay là ngày Thái Uý mới đến phó nhậm ở đây, xin ngài hãy rộng tha cho Giáo Đầu để được trọn sự vui mừng buổi mới.

Thái Uý thấy nhiều người khuyên giải thì gượng nguôi giận mà bảo Vương Tiến rằng:

- Ta nể mặt các tướng khuyên can, hôm nay ta hãy tạm tha cho người rồi mai sẽ liệu.

Vương Tiến lạy tạ, ngẩng đầu lên trông rõ mặt Điện Suý, thì bỗng ngạc nhiên run sợ, vừa bước chân lui ra vừa lẩm bẩm thở dài một mình:

- Trời ơi. Tưởng rằng Điện Cao Suý là ai, té ra chính là bác Cao Cầu ngày xưa, bác ta học múa gậy, bị phụ thân ta đánh cho một gậy, nằm sệt mãi đến ba bốn tháng không dậy được, vì thế bác ta sinh ra hiềm khích với nhà mình? Nay không biết bác ta vì cớ chi mà bác ta đã làm tới chức Điện Suý như thế ? Nếu vậy thì tất là tính mệnh ta khó lòng mà chu toàn với hắn ta được.

Nhân thế trong lòng lo âu phiền muộn, lững thững về đến nhà lúc nào không biết. Vương Tiến vốn không có vợ con, chỉ có một bà mẹ già đã ngoài sáu mươi cùng ở.

Khi đó chàng về tới nhà, liền đem đầu đuôi câu chuyện thuật cho bà mẹ nghe, hai người lấy làm ách vân đến nơi, khó lòng mà thoát khỏi.

Bà mẹ sụt sùi than khóc hồi lâu, rồi bảo Vương Tiến rằng:

- Con ơi. Ba mươi sáu chước, chước nào là hơn ? Bất nhược hai mẹ con ta trốn trước là ổn.

- Vâng, có lẽ kế ấy là tiện hơn cả.

- Đành vậy, nhưng con ơi, biết tránh vào đâu bây giờ?

- Thưa mẹ, có quan Kinh Lược ở phủ Duyên An, các hàng quan quân của ngài, thường khi qua tới kinh sư, vẫn thích cái lối võ nghệ của con, vậy nay thử liều sang ở đó thì may ra cũng có cơ an thân mà lập nghiệp được.

Bà mẹ lấy làm phải, quyết kế trốn sang phủ Duyên An, nhưng lại nghĩ đi nghĩ lại mà bảo con rằng:

– Ở đây có hai tên con Bái Quân là Trương và Lý là do Điện Suý cắt ra để hầu, nay nếu ta trốn đi, mà lỡ hai tên ấy biết, thì làm thế nào cho thoát.

Vương Tiến cười mà đáp rằng:

– Cái đó con đã có cách xử trí, xin mẫu thân chớ lo.

Chiều hôm ấy, Vương Tiến gọi tên Trương Bài lên cho ăn cơm trước mà bảo rằng:

– Dạo trước ta yếu, có đến cầu Nhạc Miếu tại ngoài cửa Toan Tảo, ngày nay bệnh khỏi ta định sáng mai đi trả lễ, vậy ngươi ăn xong phải đến đó trước, bảo Thủ Từ quét tước sạch sẽ, và làm lễ tam sinh, để sáng mai ta ra lễ tạ.

Trương Bái vâng lời, cơm nước xong rồi, đi đến Nhạc Miếu trước.

Đêm hôm ấy, hai mẹ con Vương Tiến sửa soạn hành lý; gói ghém tiền nong buộc làm hai túi rất to, chờ đến canh năm Vương Tiến gọi Lý Bài dậy, phân phó rằng: Ngươi mang lạng bạc này đến Nhạc Miếu, cùng với Trương Bài mua lễ tam sinh, làm cho sạch sẽ cẩn thận, để chờ ở đó, rồi ta đến lễ sau.

Nói đoạn đưa tiền cho Lý Bài đi, vào khoảng giữa trống canh năm trời còn sẩm tối, Vương Tiến soạn xong hành lý, khoác hai túi vào hai bên mình ngựa, buộc bịu cẩn thận đâu đấy, còn các đồ vật nặng nề, bỏ lại ở nhà, khoá chặt cửa lại, rồi dắt mẹ lên ngựa, mình thì gánh một gánh hành lý con con lén ra cửa Tây Hoa, trông đường đi về Duyên An Phủ.

Sáng hôm sau hai tên bái quân Trương và Lý sắm các lễ vật sẵn sàng, đợi Vương Giáo Đầu mãi gần trưa cũng không thấy tới, tên Lý Bái lấy làm sốt ruột, mới chạy về nhà để tìm Vương Tiến.

Khi tới nơi thấy cửa đóng then cài, mà kiếm đâu cũng không ra Vương Tiến. Được một lát Trương Bài cũng sốt ruột ra về.

Sáng hôm sau hai tên quân bài phải vào báo cho Điện Suý biết mẹ con Vương Tiến đã khoá cửa bỏ nhà, mà trốn đi đâu mất.

Cao Thái Uý nghe báo cả giận mà rằng:

– Quân này gớm thật, để ta xem rõ nó trốn đi đâu?

Nói đoạn, sai viết văn thư tư đi các châu, để truy nã hai mẹ con Vương Tiến.

Về phần Vương Tiến sau khi đi khỏi Đông Kinh thì đêm ngủ trọ ngày lên đường, dãi gió dầm sương, hai mẹ con rất là vất vả.

Đường đi được hơn một tháng, nghe chừng gần tới Duyên An, hai mẹ con lấy làm vui mừng, mải nói chuyện với nhau, bất giác trời tối lúc nào không biết. Khi quay ra toan tìm chỗ trọ thì độ đường đã lỡ, không còn hàng quán đâu đây, trong bụng đã có phần lo sợ. May đâu chợt trông thấy đàng xa có khu rừng con, lại có bóng đèn sáng chiếu lập loè, chắc rằng ở đó có nhà trọ được, liền cùng nhau rảo bước đến xem.

Tới nơi, quả nhiên là một trang viện lớn, có tường đất bao bọc chung quanh, ngoài trồng toàn liễu, có tới ba bốn trăm cây, xanh biếc chẳng khác chi một khu rừng tùng vậy.

Bây giờ hai người lần đến trang viện, gọi cửa hồi lâu, mới thấy một người chạy ra hỏi.

Vương Tiến hạ gánh hành lý ở trên vai xuống, chắp tay chào người kia mà nói rằng:

– Thưa người, bà con tôi chẳng may đi quá lỡ mất độ đường, không có quán hàng để trọ, vậy chúng tôi muốn phiền người cho vào ngủ trọ ở đây một tối, sáng mai xin nộp tiền trọ cẩn thận, có được chăng?

Người kia nói:

– Để tôi vào nói với trang chủ xem sao, nếu được thì sẽ mời vào nghỉ.

Nói rồi vào trong nhà một lát chạy ra bảo Vương Tiến rằng:

– Ông chủ tôi đã ưng lời rồi, xin cứ vào trong nhà.

Vương Tiến quảy gánh lên vai, dắt ngựa đi theo người kia, vào bên cạnh chỗ nhà lúa, đặt gánh xuống, đỡ mẹ xuống ngựa, và dắt ngựa ra buộc ở gốc cây liễu gần đó. Đoạn cùng vào thảo đường để chào chủ nhân. Chủ nhân này đã ngoài sáu mươi tuổi, râu tóc bạc phơ, mình mặc áo rộng, chân mang giầy da, trông ra dáng một ông trưởng giả, khi thấy mẹ con Vương Tiến tới nơi liền mời ngồi tử tế và hỏi tên họ.

Vương Tiến nói dối là người họ Trương, vốn ở kinh sư, vì buôn bán thua lỗ, phải đi tìm bà con ở Phú Duyên An để nương nhờ, nhân lỡ bước xin vào để trọ.

Người chủ nghe nói cũng yên chí cho là thực, liền sai người dọn cơm mời mẹ con Vương Tiến ăn.

Cơm nước xong rồi, chủ nhân đưa hai người sang phòng khách để nghỉ. Vương Tiến nói với chủ nhân rằng:

– Có con ngựa của mẹ tôi cưỡi, nhờ người bảo người nhà cho ăn uống cẩn thận, tôi xin tạ ơn sau.

Chủ nhân cười và đáp rằng:

– Được... nhà tôi cũng có ngựa để tôi bảo nó dắt ra chuồng cho ăn uống một thể.

Nói đoạn đi vào phòng nghỉ.

Sáng hôm sau, khi mặt trời mọc đã cao, mà chưa thấy mẹ con Vương Tiến dậy, sau người chủ đi đến phòng khách, thấy tiếng mẹ con Vương Tiến kêu rên mà cửa phòng chưa mở, liền hỏi lên rằng:

– Trời đã sáng lâu rồi mà các ngài chưa dậy hay sao?

Vương Tiến nghe tiếng hỏi, vội vàng chạy ra vái chủ nhân mà nói rằng:

– Thưa ngài chúng tôi dậy đã lâu, nhưng mẹ tôi đi đường mỏi mệt, hôm qua sinh chứng đau bụng, cho nên tôi chưa dám mở cửa đi ra.

Trang chủ nghe nói, liền bảo Vương Tiến rằng:

- Nếu thế thì ông nói với cụ cứ yên tâm ở lưu lại đây mấy hôm, để tôi tìm thầy thuốc đến chữa.

Vương Tiến vui mừng cảm tạ, rồi lưu mẹ ở đó để phục thuốc, cách năm sáu hôm bệnh của mẹ đã khỏi.

Vương Tiến liền thu thập hành lý để sắp sửa ra đi. Khi ra ngoài tầu nom ngựa, thì thấy có một chàng thiếu niên cởi trần mặc quần đùi, to béo phục phịch, đương múa roi một mình ở sau sân.

Vương Tiến đứng xem một lát, bất giác bật miệng nói lên rằng:

- Roi múa đã khá lắm. Nhưng còn nhiều chỗ hớ hênh, chưa có thể gọi là hảo hán được.

Người thiếu niên nghe nói, ngẩng lên thấy Vương Tiến, bỗng nổi giận quát:

- Anh là người nào, dám chê võ nghệ của ta? Ta đi học võ đã bảy tám ông thầy, có lẽ lại không bằng anh hay sao? Có giỏi vào đây đánh thử với ta vài hiệp xem sao?

Đương khi quát tháo ầm ỹ, thì thấy trang chủ ở đâu chạy ra mắng thiếu niên rằng:

- Mày không được vô lễ thế.

Người thiếu niên nói:

- Anh ta là người nào, mà dám chê võ nghệ của con?

Trang chủ quay lại hỏi Vương Tiến rằng:

- Khách cũng biết đánh roi gậy chăng?

Vương Tiến đáp:

- Tôi có biết đôi chút, nhưng thiếu niên kia là người nào?

- Thưa hắn là con của lão đấy.

- Nếu vậy thì tôi xin sửa giúp cho cậu ấy, nhưng không biết cậu ấy có bằng lòng không?

Trang chủ nói:

– Ngài có lòng như thế, thì còn gì hơn nữa?

Nói xong liền gọi chàng thiếu niên ấy đến bái chào Vương Tiến làm sư phụ. Thiếu niên nhất định không nghe, lại ra dáng tức giận mà rằng:

– Cha đừng nghe anh ta nói liều, nếu anh ta giỏi, thì xin ra đây hãy đánh với con vài hiệp, có được thì con xin bái làm sư phụ ngay.

Vương Tiến đáp luôn rằng:

– Được. Nếu cậu muốn thi tài, thì có khó gì.

Chàng thiếu niên nghe lời, liền múa vung roi chạy thẳng đến chỗ Vương Tiến mà nói rằng:

– Bác có giỏi cứ ra đây.

Vương Tiến thấy chàng ta hăng hái quá vậy, chỉ cười không nói gì.

Sau trang chủ quay sang nói với Vương Tiến:

– Nếu ngài có lòng bảo giúp cháu, thì xin ngài cứ thử cho nó biết tay, có ngại gì.

– Nhưng tôi e lỡ ra, không tiện cho cậu ấy.

– Xin ngài cứ thử xem, nếu nó có gẫy chân gẫy tay, thì cũng là tại nó; còn kêu ai được nữa.

Vương Tiến bất đắc dĩ, phải ra chỗ giá cắm gậy, rút lấy một cây roi, đi ra giữa sân, múa qua mấy vòng cho thiếu niên xem.

Chàng thiếu niên xem một lát, rồi cũng cầm roi xông ra đánh, Vương Tiến chạy giật lùi, rồi giơ tay ra đỡ, chứ không đánh lại.

Chàng thiếu niên lại sấn đến gần Vương Tiến. Vương Tiến liền giơ roi ra bộ đánh rất mạnh, chàng thiếu niên giơ roi vội lên đỡ. Vương Tiến lại trở đầu roi dí vào bụng thiếu niên, đẩy

một cái thật mạnh, làm cho thiếu niên không kịp phòng bị, ngã một cái rất nên thân, Vương Tiến vội vất roi ra đất, chạy lại nâng người thiếu niên dậy, cười nói khuyên giải mấy câu.

Người thiếu niên bị một ngọn roi ấy, mới phục tài Vương Tiến, lớp ngớp bò dậy, vái lấy vái để mà rằng:

– Thưa ngài, thực là tôi đã uổng công học tập bao thầy, mà rút cục không thấm vào đâu so với sư phụ cả. Vậy xin ngài tha lỗi mà dạy bảo cho?

Vương Tiến cười mà rằng:

– Tôi đến đây quấy quả cũng nhiều, không biết lấy gì đền ơn cho được. Nếu cậu muốn học tập thêm thì tôi xin hết lòng bảo giúp, không dám tiếc chi.

Trang chủ nghe nói cũng lấy làm mừng, bắt con trai đi theo Vương Tiến vào trong nhà, rồi sai gia nhân giết dê và dọn rượu, thiết đãi mẹ con Vương Tiến. Trong khi dự tiệc, trang chủ cất tiếng mời Vương Tiến rồi hỏi rằng:

– Tôi xem ngài võ nghệ cao cường như vậy, tất là ngài đã làm chức Giáo Đầu thì phải? Bố con nhà tôi thực là có mắt mà không trông thấy núi, xin ngài xá lỗi cho.

Vương Tiến cười mà đáp rằng:

– Chẳng dám dấu chi cụ, tôi nay thực không phải là người họ Trương, mà chính là Giáo Đầu Vương Tiến dạy tám mươi vạn Cấm Binh ở Đông Kinh. Chỉ suốt ngày múa đao cầm gậy, còn kém chi ai. Nay nhân vì Cao Thái Uý mới đến nhận chức có lòng thù ghét với tôi. Tôi tự nghĩ mình cũng không địch lại nổi, cho nên hai mẹ con tôi bất đắc dĩ trốn sang phủ Duyên An, để vào hầu quan Trung Kinh Lược. Bất đồ lỡ bước tới đây nhờ được lão nhân có lòng hậu đãi, lại mời thầy chữa bệnh cho mẹ tôi, như thế thực là nghĩa nặng ơn sâu, biết lấy gì báo đáp. Nếu công tử nhà có muốn học tập cho được hoàn toàn, thì tôi xin bảo giúp cho, còn như những ngón gậy đó, chẳng qua chỉ trông cho đẹp mắt, chứ đến khi ra trận, thì chẳng vào đâu.

Trang chủ nghe nói, càng bội phần trân trọng, gọi con trai bảo rằng:

– Nếu vậy con phải lạy tạ sư phụ lần nữa mới được?

Chàng thiếu niên đứng dậy lạy tạ Vương Tiến, rồi lại cùng ngồi dự tiệc.

Trang chủ kể chuyện lại với Vương Tiến rằng:

– Nguyên tổ phụ tôi từ xưa vẫn ở địa hạt huyện Hoa Âm này, đàng trước có dãy núi Thiếu Hoa, thôn này tên gọi là Sử Gia Thôn, có tới bốn trăm nhà ở, đều là họ Sử ở cả. Nhà tôi chỉ được thằng cháu đây, nhưng tính nó du đãng, không chịu cày cấy làm ăn, chỉ thích múa côn đánh gậy, mẹ nó ngăn mãi không được, thành ra lo quá mà chết, còn tôi đây cũng phải chiều lòng nó vậy. Từ xưa đến nay, phí tổn kể hết bao nhiêu tiền, để đón thầy học võ, rồi lại thuê thợ chế cho một cái áo giáp, đằng trước có thêu chín con rồng rực rỡ, nhân thế ở quanh đây, ai cũng gọi nó là Cửu Văn Long Sử Tiến. May nay lại được ngài quá bộ đến đây, vậy xin ngài làm phúc dạy dỗ giúp cho, lão tôi xin hết lòng cảm tạ.

Vương Tiến cả mừng đáp rằng:

– Vâng cụ đã dạy thế, thì từ nay tôi xin lưu lại đây, để bảo giúp cho cậu ấy thành tài, rồi tôi sẽ xin từ biệt.

Khi cơm rượu xong rồi, trang chủ lưu hai mẹ con Vương Tiến ở lại đó, để cho con học tập.

Từ đó, hằng ngày Vương Tiến bắt Sử Tiến học tập mười tám thứ võ nghệ, giảng dạy kỹ càng, luật phép nghiêm chỉnh, thấm thoắt trong nửa năm trời, không gì là không tinh thông kín đáo.

Được ít lâu Vương Tiến thấy Sử Tiến khá rồi, mọi môn đều giỏi cả, tự nghĩ mình ở đây lưu luyến mãi thì không tiện, liền ngỏ lời với trang chủ và Sử Tiến cáo từ, để sang Duyên An Phủ kiếm kế lập thân.

Trang chủ cùng con là Sử Tiến cố ý vật nài lưu lại, song Vương Tiến nhất định không nghe, bất đắc dĩ phải đặt tiệc tiễn hành, và đưa ra mấy tấm vải đoạn cùng hai trăm lạng bạc, để tặng Vương Tiến lên đường.

Sáng hôm sau, Vương Tiến sửa soạn hành lý, chỉnh đốn cung ngựa, từ giã hai bố con Sử Tiến ra đi. Sử Tiến bắt người gánh đồ hành lý, hết trong một ngày, đưa chân mẹ con thầy học, ra khỏi 10 dặm rồi mới bái biệt trở về.

Sử Tiến từ khi Sư phụ đi rồi, thì ngày ngày luyện tập một mình, hết đao lại thương, hết cung lại ngựa, có khi nửa đêm diễn võ ở vườn sau, có lúc ban ngày múa chơi ở sân trước, tháng ngày lần thẩn quên cả tấm thân.

Cách nửa năm sau, một ngày kia, trang chủ bị cảm rất nặng, Sử Tiến sai người đến đón thầy thuốc khắp mọi nơi, chữa chạy không thiếu gì phương sách, nhưng mình già tuổi yếu, bệnh thế triền miên, được mấy hôm thì ông đã về nơi tiên giới. Sử Tiến đau đớn khóc thương, nhất diện sắm sanh khâm liệm quách quan, nhất diện đón thầy về làm chay cúng Phật, cho tỉnh độ siêu sinh, rồi chọn tháng tốt ngày lành, làm lễ mai táng ở ngọn núi bên tây.

Từ đó Sử Tiến trong lòng buồn bã, lại càng không thiết đến công việc nông, chỉ đêm ngày lẩn thẩn tìm người đấu võ thi tài làm thích.

Một hôm vào khoảng trung tuần tháng sáu, trời đương bức nực lạ thường, Sử Tiến vác cái ghế ra gốc cây liễu ở gần cạnh bục thóc để ngồi hứng mát. Chợt thấy ở dưới gốc cây tùng bên kia, có người ngấp nghé nom dòm, chàng lấy làm ngạc nhiên quát hỏi lên rằng:

– Quái! Anh nào nom dòm nhà ta thế kia?

Hỏi đoạn, đứng dậy chạy ra xem, thì thấy tên Lý Cát, là tay đi săn đương đứng ở đó. Sử Tiến lại hỏi luôn rằng:

– Lý Cát! Ngươi nấp nom gì đấy ? Hay là muốn thử võ với ta chăng?

Lý Cát dạ! Mà đáp lại rằng:

– Thưa cậu, tôi đến đây muốn săn mấy con cầy, để kiếm rượu, nhưng thấy cậu ngồi đó, nên tôi không dám vào.

– Sao dạo trước săn bắn được cái gì, anh cũng mang đến đây bán, tôi chưa từng chịu tiền của anh bao giờ ? Thế mà lâu nay không thấy mang đến đây bán cho tôi nữa. Hay là anh khinh tôi không có tiền chăng?

– Có đâu dám thế, vì dạo này săn không được cái gì, cho nên không dám đến đấy thôi.

Sử Tiến quát lên rằng:

– Anh nói cuội, núi Thiếu Hoa rộng lớn như vậy, mà lại không có con vật gì hay sao.

Lý Cát nói rằng:

– Thưa cậu. Nguyên ở núi Thiếu Hoa bây giờ có một bọn cướp đến đông, người đầu đảng là Thần Cơ quân sư Chu Vũ, tự xưng làm Đại Vương; người thứ hai là Khiếu Giản Hổ Trần Đạt; còn người thứ ba là Bạch Hoa Sà Dương Xuân, tụ đến năm bảy trăm lâu la, và mấy trăm cỗ ngựa, để đi cướp bóc kiếm ăn. Quan huyện Hoa Âm cấm mãi không được, phải treo giải ba nghìn quan tiền để thưởng người bắt cướp, nhưng nào có ai dám động đến chúng nó đâu ? Bởi thế lâu nay chúng tôi không dám lên núi, nên không kiếm được gì.

Sử Tiến lắc đầu nói rằng:

– Ta cũng thấy nói có bọn cướp ở đấy, nhưng không ngờ nó hống hách như vậy. Lý Cát ôi! Hôm nay nếu có kiếm được cái gì, thì ngươi mang đến đây bán cho ta mới được.

Lý Cát vâng dạ luôn mồm rồi đi.

Sử Tiến quay vào nhà trong suy nghĩ một mình:

– Bọn cướp nó lộng hành như vậy, thì tất nhiên có phen quấy rối đến chỗ ta, vậy bất nhược ta phải phòng bị ngay mới được.

Chàng nghĩ như vậy, liền sai người nhà mổ thịt hai con trâu, rồi cho mời mấy trăm nhà trong thôn đến chén.

Khi dưới trên đã tề tựu cả rồi, Sử Tiến cất chén rượu mời, nói với hàng thôn rằng:

– Tôi nghe thấy trộm cướp đến đóng trên núi Thiếu Hoa, đây quân gia có tới năm bảy trăm người, sức mạnh người đông, không ai cản nổi thế tất sau này phải quấy nhiễu đến ta, vậy tôi muốn mời đồng dân đến đây, để bàn kế phòng bị, kẻo lỡ khi nguy hiểm đến nơi, khó lòng tránh khỏi. Từ nay các nhà ở trong hàng thôn, ai ai cũng phải phòng bị khí giới, và đặt mõ làm hiệu, nếu có động dạng gì cứ đánh mõ lên, thì các nhà khác phải đổ đến ứng cứu cho mau.

Các thôn dân nghe nói đều đồng thanh rằng:

– Chúng tôi là nông dân, không biết chút gì, vậy các việc xin nhờ Đại Lang tất cả, hễ có động dạng ở đâu, chúng tôi xin vâng lời đến cứu.

Khi chè chén xong rồi, các dân thôn đâu đấy về nhà, sửa soạn võ khí theo như lời Sử Tiến đã dặn, còn Sử Tiến thì sửa sang cổng ngõ ngăn ngừa giậu vách, và sắp sẵn các đồ đai giáp cung ngựa, để dự bị chống giặc.

Nguyên bọn giặc này, đến đóng ở núi Thiếu Hoa, có ba người làm trùm, một người tên là Thần Cơ Quân Sư Chu Vũ, vốn người ở đất Định Viễn, sai khiến hai cây song đao, võ nghệ dẫu không ra gì, song cũng biết ít nhiều trận pháp, lại mưu lược cũng hơi thông. Một người tên là Trần Đạt; quê ở Nghiệp Thành, vốn hay dùng dây cương sang để ra trận; còn một người thứ ba tên là Dương Xuân, người đất Bồ Châu, huyện Giải Lương, thường cầm một thanh đại đao rất lớn.

Một hôm Chu Vũ bảo với Trần Đạt, Dương Xuân rằng:

– Nghe nói huyện Hoa Âm có treo giải ba nghìn quan tiền thưởng người trói nã bọn ta, vậy thì bất nhật tất có quan quân kéo đến, thế mà trong trại ta lương thảo không còn là bao, chỉ e khi binh hoả đến nơi, thì khó lòng chống cự. Nay nhân khi nhàn hạ, sao ta không liệu kế đi tảo vác lấy lương thảo đem về mà phòng bị, sẵn sàng cho vững dạ.

Khiêu Giản Hổ Trần Đạt gật đầu đáp rằng:

– Phải lắm, bất nhược ta đến huyện Hoa Âm mượn ngay họ ít lương thảo, xem họ xử trí ra sao đã.

Bạch Hoa Sà Dương Xuân gạt ngay đi rằng:

– Ta không nên đến huyện Hoa Âm cứ kéo ngay vào Bồ Thành có lẽ lại thanh thỏa hơn.

Trần Đạt nói:

– Huyện Bồ Thành người thưa lương ít, lấy được bao nhiêu, chi bằng đến huyện Hoa Âm nhân dân giàu có, tiền thóc sẵn sàng, có thú hơn không?

Dương Xuân nói:

– Đành vậy, nhưng anh phải biết rằng, đường đi Hoa Âm, tất phải qua Sử Gia Thôn, ở đấy có anh Cửu Văn Long Sử Tiến cũng là một tay đại bợm, nếu không trừ được nó, thì sao nó để cho đi.

Trần Đạt làm bộ mạnh bạo mà rằng:

– Sao chú bé mật thế; một thằng nhãi con còn sợ, thì địch sao nổi với quân quan.

Dương Xuân nói:

– Anh chớ nên khinh người ấy mới được.

Chu Vũ nói:

– Tôi cũng nghe thấy nói đến hắn ta anh hùng mà võ nghệ rất giỏi, có lẽ đừng nên phạm vào đấy thì hơn.

Trần Đạt có ý không bằng lòng: – Các ông thực là chỉ biết tâng bốc chí khí người ta , mà làm nhụt mất cả uy phong của mình, nó bất quá là người, chứ có ba đầu sáu tay gì mà sợ.

Nói đoạn thét ngay đám lâu la:

– Chúng bay sắp ngựa đem đây, ta hãy phá thôn Sử Gia rồi lấy huyện Hoa Âm cho mà xem.

Chu Vũ và Dương Xuân thấy vậy, tỏ ý can ngăn, song Trần Đạt nhất định không nghe, vác thương lên ngựa, dẫn hơn một trăm lâu la, đánh trống khua chiêng, thẳng vào thôn họ Sử. Sử Tiến đương khi chuẩn bị sẵn sàng để chờ giặc đến bỗng nghe tin báo, thì khua mõ ra lệnh cho thôn dân đổ đến.

Khi thôn dân nghe tiếng hiệu, thì ba bốn trăm nhà đều tay gươm tay gậy bảo nhau kéo đến cứu ứng, tới nơi thấy Sử Tiến đầu đội khăn chữ nhất, mình mặc áo giáp hồng, chân đi giầy tía, lưng thắt dây da, trước sau ngực đều có kính yểm tâm, lưng đeo bao tê, tay cầm cây đao ba mũi, rất là oai vệ. Bấy giờ người nhà dắt ra một con ngựa đỏ, Sử Tiến nhảy lên mình ngựa, đàng trước có hơn bốn mươi gia nhân tráng kiện dàn hàng, lại có tám chín người thôn trang khoẻ mạnh đi kèm hai bên, còn bao nhiêu thôn dân đi theo sau cùng kéo ra cửa thôn. Vừa đi tới chỗ sườn núi đã thấy Trần Đạt, đầu đội khăn hồng, mình mặc áo giáp sắt bọc vàng, chân đi đôi giầy ống, cưỡi con ngựa trắng cao đầu, tay vác thanh cương mâu, dẫn lâu la kéo tới.

Sử Tiến trông thấy quát lên hỏi rằng:

– Các ngươi ở đâu dám đến đất này quấy nhiễu lương dân? Tội ấy cũng đáng chết, nay còn muốn cả gan xâm phạm đến chỗ ta ở hay sao?

Trần Đạt ngồi trên mình ngựa đáp rằng:

– Vì trong trại chúng tôi thiếu ăn, muốn sang huyện Hoa Âm để vay lương thực, đường đi qua quý thôn đây, muốn phiền ngài cho đi nhờ, khi trở về tôi xin hậu tạ.

Sử Tiến nghe dứt lời quát lên rằng:

- Các ngươi nói dễ chưa, ta đây đương tính đi tróc nã các ngươi, nay may lại tự dẫn đến , tất là không thể nào tha ra được.

Trần Đạt lại nói:

- Ngài ơi! Trong bốn bể đâu cũng là anh em hết cả, hẹp chi mà ngài không cho chúng tôi mượn lối để đi?

Sử Tiến cười đáp:

- Đành vậy, nhưng có một vật kia, nó không chịu cho các ngươi mượn đường để đi, ngươi thử hỏi xem nó có bằng lòng không, thì ta sẽ dung cho các ngươi.

Trần Đạt nghe nói cả giận mà rằng: - Anh này giỏi, anh bảo ta hỏi ai?

- Ngươi hỏi thanh đao ở trong tay ta đây này, xem nó có bằng lòng không?

Trần Đạt hầm hầm không đợi nói dứt lời, vội múa cương sang xông vào, đánh thẳng. Bên kia Sử Tiến cũng giơ đao, xông ngựa ra chống cự.

Đôi bên đánh lộn bậy hồi lâu, Sử Tiến giả cách hớ hênh, Trần Đạt liền cầm thương nhằm Sử Tiến đâm một nhát thật mạnh. Sử Tiến quay ngoắt ngựa nhảy rất nhanh, để tránh mũi thương, rồi quay ngoắt ngay vào Trần Đạt, Trần Đạt còn luống cuống toan quay đầu để đỡ, bỗng bị Sử Tiến quăng dây nhợ quấn chặt lấy mình, giật ngã xuống ngựa. Bọn lâu la thấy chủ tướng đã thua, đứa nào đứa ấy đều thục thân mà chạy cả. Sử Tiến hò tụi sơn trang khiêng Trần Đạt về trói ở sân, để đợi khi bắt được hai tên kia, sẽ giải quan một thể, đoạn rồi đem rượu thịt khao thưởng tại thôn trang rất là vui vẻ.

Bên kia Chu Vũ, Dương Xuân từ khi Trần Đạt đem lâu la ra đi, trong lòng vẫn áy náy không yên, hai người còn đang bàn

bạc nghỉ ngợi, thì bỗng thấy một lũ lâu la hớt ha hớt hải, chạy về đem chuyện Trần Đạt bị bắt, giải bầy cho nghe.

Chu Vũ nghe nói biến sắc mặt kêu lên rằng:

- Hắn không nghe lời ta, quả nhiên tai hoạ tới nơi, còn làm sao cho kịp?

Chu Vũ lắc đầu mà rằng:

- Khó lòng, Sử Tiến không phải là người vừa, anh em ta địch làm sao nổi?

- Bây giờ tôi có một khổ kế này, nếu mà không cứu được Trần Đạt ra thì anh với tôi cũng là chịu chết cả thôi.

- Khổ kế là thế nào?

Chu Vũ ghé vào tai Dương Xuân nói thầm mấy câu, rồi lại bảo rằng:

- Trừ phi như thế, thì may ra có thể được mà thôi.

Dương Xuân hơi có dáng mừng mà rằng:

- Nếu vậy thì ta phải mau lên, chứ trì hoãn làm sao được nữa?

Nói đoạn hai người cùng đi.

Bấy giờ Sử Tiến khao thưởng trong thôn, vừa đoạn, trong lòng đương nóng nảy mong bắt nốt hai tên kia, để cùng đem với Trần Đạt giải quan một thể. Bỗng thấy tráng đinh vào báo rằng:

- Có hai người đến ngoài cổng, nói là Dương Xuân, Chu Vũ đến hầu.

Sử Tiến nghe nói cả mừng rằng:

- "Nếu vậy thì ta thành công rồi, hai thằng ấy có lên trời cũng không thoát được". Đoạn nhất diện sai người đánh hiệu cho dân thôn kéo đến, nhất diện sai lấy ngựa để ra cổng trại xem sao? Đương khi sắp sửa cung ngựa, thì đã thấy Dương Xuân cùng Chu Vũ đi bộ bước vào hiên trại, quỳ xuống đất khóc sướt mướt mà không nói gì?

Sử Tiến thấy vậy quát hỏi:

– Các ngươi định làm kế sách gì ở đây? Chu Vũ sụt sùi nói rằng:

– Thưa ngài: ba anh em chúng tôi chỉ vì nhiều khi bị quan trên ức hiếp, bất đắc dĩ phải đem nhau đi cướp bóc kiếm ăn. Kỳ thủy có nguyện với nhau, không cầu được cùng một ngày sống, mà chỉ cầu sao được cùng chết một ngày, tình thân ái của ba chúng tôi, không dám đâu ví với Đào Viên Tam Nghĩa, song sự tử sinh cố kết, thì cũng hơi giống như nhau. Nay em Trần Đạt chúng tôi, chỉ vì không nghe lời tôi bảo, thiện tiện tới đây, phạm đến uy ngài, để ngài bắt được, sự ấy tự nó làm ra, đành là tự thân phải chịu, không còn kêu oán được ai. Vì vậy chúng tôi xin đến đây để nộp thân cho ngài, ngài nghĩ đến tình cố kết của chúng tôi, mà cho đem nộp quan trên tất cả, để anh em chúng tôi được cùng trông thấy nhau, tức là hạnh phúc cho chúng tôi lắm. Chúng tôi được chết về tay một bậc anh hùng như ngài, không dám có điều chi là hối hận.

Sử Tiến nghe nói, tự nghĩ một mình:

– Ừ ba thằng này nó có nghĩa khí với nhau như thế, nay nếu ta đem bắt mà giải quan, thì tất nhiên bọn hảo hán ở đời phải cười ta là người hẹp lượng, xưa nay thường nói, làm đấng anh hùng phải dung kẻ dưới, việc này có lẽ ta phải xử trí sao đây?

Nghĩ đoạn liền bảo hai người kia rằng:

– Các ngươi đi theo ta vào trong này.

Chu Vũ, Dương Xuân ung dung đi theo Sử Tiến vào đến nhà sau; rồi lại quỳ xuống mà kêu xin chịu trói. Sử Tiến đôi ba phen bảo cứ đứng dậy, song hai người nhất định không nghe, cứ chăm chăm quỳ nguyên như trước.

Sử Tiến thấy vậy trong lòng rất cảm động không yên, liền sẽ bảo hai người rằng:

– Các ngươi đã có nghĩa khí đối đãi với nhau như thế, ta đây cũng không nỡ bắt làm chi? Vậy ta muốn tha cho Trần Đạt trở về, thì các ngươi nghĩ sao?

Chu Vũ nói:

– Có đâu chúng tôi lại để luỵ đến anh hùng như thế? Thà rằng xin ngài cứ giải chúng tôi mà lấy thưởng còn hơn.

Sử Tiến nghe nói, lại càng mủi lòng, liền kéo hai người đứng dậy, rồi tha trói cho Trần Đạt, sai người đem rượu thịt ra cho ba người cùng uống và hứa cho về.

Khi uống rượu say sưa, ba người cùng ân cần tạ ơn Sử Tiến rồi quay về trại. Tới trại, Chu Vũ bảo hai người kia rằng:

– Nếu ta không làm cái khổ kế như vậy, thì khó lòng mà cứu được tính mạng cho toàn. Nhưng thế nào mặc lòng, Sử Đại Lang cũng là một tay nghĩa khí lạ thường, cho nên mới đãi chúng ta như thế. Vậy nay mai ta phải kiếm lễ vật gì, mà tạ ơn người ấy mới được.

Cách mươi hôm sau, Chu Vũ sai mấy tên lâu la, vào hồi chập tối, mang ba mươi nén vàng đến để tạ ơn Sử Tiến. Thoạt tiên, Sử Tiến thấy vậy còn từ chối không nhận. Sau thấy tên lâu la kêu nài thảm thiết, thì cũng cảm lòng tốt mà thu lấy. Đoạn, sai lấy cơm rượu cho tên lâu la ăn uống, mà thưởng tiền cho về.

Vào khoảng nửa tháng sau, lũ Chu Vũ kiếm được một hạt minh châu rất lớn, cũng lại sai người đến dâng Sử Tiến.

Sử Tiến nhận minh châu trong lòng lấy làm nghĩ ngợi:

– Ba người này thành thực trọng đãi ta như thế, nếu ta không có gì xử lại với họ thì tất nhiên họ không tâm phục với mình.

Nghĩ đoạn liền sai người nhà đi mua gấm, đặt may ba cái áo, để tặng ba người.

Cách mấy hôm sau, áo đã may xong, Sử Tiến lại mua ba con dê béo, quay chín tử tế rồi cho tên Vương Tứ đem áo gấm và dê béo vào trại, để tặng bọn Chu Vũ, Dương Xuân. Vương Tứ là một tay người nhà rất thông thạo ở trong trang viện, nhân thế Sử Tiến mới tin dùng mà sai đến những việc bí mật như vậy.

Vương Tứ tới sơn trại, bọn Chu Vũ nhận được lễ vật mừng rỡ cảm tạ, đoạn rồi cũng sai lấy rượu ngon thịt béo cho Vương Tứ ăn, lại thưởng cho mươi lạng bạc đem về.

Từ đó Sử Tiến cùng với bọn Chu Vũ thường tặng đưa lễ vật cho nhau, tình ý xem ra cũng hơi có chiều thân mật.

Ngày đi tháng lại, một hôm gần đến tết Trung thu, Sử Tiến muốn tìm bọn Chu Vũ đến để nói chuyện cho vui, liền viết một bức thư sai Vương Tứ đưa sang sơn trại, hẹn mời Chu Vũ, Dương Xuân và Trần Đạt, đến hôm giữa tết Trung thu, thì cùng đến thôn trang để trông trăng đánh chén. Chu Vũ nhận được thư, trong bụng mừng rỡ vô cùng, liền viết thư đáp, xin đến hôm ấy thì cả ba anh em cùng y lời phó ước. Viết xong thư đưa cho Vương Tứ, sai lấy rượu cho uống, và thưởng cho năm nén bạc rồi mới cho về. Vương Tứ bỏ phong thư vào túi vái tạ ba người. Vừa ra đến cổng, bỗng gặp một tên lâu la vẫn hay đưa lễ vật sang trang viện xưa nay. Tên ấy trông thấy Vương Tứ thì vội mừng hớn hở, lôi kéo vào hàng rượu con con ở gần đấy để thiết đãi. Vương Tứ vừa mới uống rượu của bọn Chu Vũ thưởng xong, lại bị tên lâu la ép luôn mươi chén nữa, thì thấy chuếnh choáng muốn say, liền đứng dậy từ giã lâu la vội vã ra về.

Khi đi được mấy bước, thấy hơi rượu càng ngày càng bốc, dần dần choáng váng ngả nghiêng như muốn ngã, Vương Tứ cố gượng toan đi cho về đến nhà. Bất đồ mới đi độ mươi dặm đường, đến một khu rừng con gần đó, thì mê mệt say sưa, rồi nằm vật ngay xuống, không biết trời đất chi nữa.

Bấy giờ có tên Lý Cát đương đi săn ở khu rừng ấy, khi thấy động, chạy đến xem, thì biết ngay Vương Tứ là người nhà của Sử Tiến. Liền cố sức dìu dậy muốn đưa về, song dù làm thế nào, cũng không dìu dắt đi được, bất đắc dĩ phải đành mặc đấy. Dè đâu Vương Tứ say quá đến nỗi có mấy lạng bạc của bọn Chu Vũ cho, và bức thư trả lời của bọn họ cũng đánh rơi cả ra mà không biết. Lý Cát bất thình lình nom thấy, liền tự nghĩ trong bụng: "Ta làm gì một lúc mà được bằng này tiền, bất nhược gặp cơ hội này, ta thủ phăng của anh này, để mà chè chén, có thú hơn không?". Nghĩ xong nhặt lấy tiền đút vào túi, rồi lại cất lấy phong thư để xem. Lý Cát cũng hơi võ vẽ được năm ba chữ, mở thư ra xem thấy trên đề: "Chúng tôi Chu Vũ, Dương Xuân và Trần Đạt, ở Thiếu Hoa Sơn, kính thưa ông Sử Tiến..." còn ở dưới, liên chi hồ điệp, không hiểu là chữ nghĩa gì, trong bụng nghĩ thầm, nói lẩm bẩm một mình: "Cái này chắc ba chú ở Thiếu Hoa Sơn lại kết giao với Sử Tiến, hôm nọ ta đến qua sơn trang hắn còn giậm doạ quát tháo với ta, ai ngờ chính hắn lại thông đồng với bọn giết người lấy của, mà nạt chúng ta? Được lắm; ta cứ giữ nghề thả lưới mò trăng này mãi, thì đến bao giờ cho phú quý? Âu là đương dịp quan trên đương thưởng tiền bắt cướp, ta đem bức thư ra tố giác, hoạ may có cơ hội gì tốt cũng nên", nghĩ đoạn liền đút luôn cả bức thư vào túi, đi ngay lên huyện Hoa Âm để tố cáo.

Khi Vương Tứ cựa mình tỉnh dậy, mở mắt trông thấy trăng sáng tờ mờ, bốn bên toàn là cỏ cây rừng núi, bấy giờ mới biết là mình bị chén đã quá say, mà nằm ở đó, liền đứng dậy sờ đến túi, thì tiền không thấy mà giấy cũng không. Trong bụng bàng hoàng tìm khắp chung quanh không còn tăm hơi chi cả? "Trời ơi! Không biết đứa nào tinh khôn đến thế, ai xui cho nó đến đây mà lấy của mình? Ừ thì tiền nong mất chẳng cần chi, nhưng còn bức thư kia, ngộ lỡ ra đứa nào biết đến thì sao?".

Vương Tứ nghĩ vậy, vò đầu vò tóc, tính quẩn toan quanh, chợt nghĩ ra một kế: "Nếu ta bây giờ nói thực với Sử Đại Lang thì tất là không yên được, vậy bất nhược ta nói phăng là không có thư từ gì cả là xong."

Định kế xong rồi, đi thẳng một mạch, vào khoảng đầu trống canh năm về tới nhà, vào báo cho Sử Tiến biết. Sử Tiến thấy Vương Tứ về liền hỏi:

– Sao ngươi đi lâu làm vậy?

– Dạ! Bẩm cậu, con đi vào đến đó, ba ông ấy còn lưu lại cho con uống rượu thật say, cho nên bây giờ con mới về được.

– Có giấy má gì không ?

– Bẩm không, các ông ấy toan, viết thư trả lời, nhưng sợ lỡ đi đường say rượu, mà đánh rơi mất thì khốn. Vì thế con bảo các ông cứ dặn miệng thôi cũng được, vậy các ông ấy có dặn con nói để cảm tạ Đại Lang và hẹn rằng hôm ấy thế nào cũng xin đến sớm.

Sử Tiến khen rằng:

– Anh tinh lắm, nếu thế thì không phụ lòng ta tin cậy thực; nhưng đã vậy, thì mai sớm phải đi lên huyện mà sắm sửa hoa quả, và các thức rượu chè sẵn cho ta.

Vương Tứ vâng lời lui ra, cách mấy hôm đến ngày Rằm tháng tám, khí trời mát mẻ, cảnh vật êm đềm, lũ Chu Vũ, Dương Xuân và Trần Đạt, giao việc trại cho bọn lâu la coi sóc, rồi đem mấy người thân tín đều dắt đoản đao, thủ thân mà cùng sang Sử thôn phó ước.

Buổi chiều hôm ấy, ở nhà Sử Tiến đã bày tiệc sẵn sàng để đợi. Khi bọn Chu Vũ tới nơi; Sử Tiến rất mừng rỡ, đón rước mời chào, cùng nhau đàm đạo hồi lâu, rồi mới mời vào dự tiệc. Bấy giờ vừa khi sẩm tối, bốn bên mây tạnh trời quang, bóng Hằng Nga vằng vặc ở phương đông đã lù lù kéo đến, soi sáng vào bàn tiệc Trung thu. Sử Tiến cùng bọn Chu Vũ, Dương Xuân cất chén thù tạc với nhau, rất là đắc chí, chợt đâu có tiếng người ồn ào, ở phía ngoài tường, đoạn rồi thấy đóm đuốc sáng quắc tứ bề. Sử Tiến ngạc nhiên kinh lạ, đứng dậy bảo với ba người kia rằng:

– Ba bác hãy ngồi đây xơi rượu, để tôi chạy ra xem việc chi huyên náo thế kia? Nói xong chạy ra quát người nhà đóng chặt cổng ngõ lại, rồi lấy thang trèo lên tường nom, thì thấy quan Huyện Uý huyện Hoa Âm đương ngồi trên mình ngựa, dẫn hai tên Đô Đầu, Đốc Xuất và ba bốn trăm thổ binh vây bọc quanh nhà mình, Sử Tiến thấy vậy, chạy vào báo cho ba người kia biết, ai nấy đều kinh hoàng sợ hãi, chưa biết định kế ra sao?

Rượu còn chuếnh choáng,
Người đã xôn xao,
Vì không tỏ mặt anh hào,
Bỗng chưng đâu có luỵ vào đến thân?
Đã nên có dũng có nhân,
Nặng lòng nghĩa hiệp, nhẹ cân bạc tiền
Nước non đã vực anh tài
Sá chi luồn cúi thiệt đời bồng lang;
Tiếng hào còn để làm gương,
Trăm năm thẹn chết những phường tham ngu.

LỜI BÀN CỦA THÁNH THÁN

Một bộ sách lớn gồm bảy mươi hồi, sắp tả ra một trăm linh tám anh hùng. Khi mới mở đầu câu chuyện không thể tả ngay ra hết, hãy tả một người Cao Cầu như khởi điểm. Nếu chẳng tả Cao Cầu, lại tả ngay một trăm linh tám vị anh hùng, thì ra mối loạn bắt đầu tự lũ dưới. Nay chẳng tả ngay lũ anh hùng ấy, mà tả Cao Cầu trước, thì thấy mối loạn sinh ra vốn tự người trên. Xét loạn tự lũ dưới sinh ra, sao dung thứ được? Đó là điều kiêng kị của tác giả đối với mọi chuyện. Nay mối loạn tự người trên sinh ra, không nên để cho to lớn, đó cũng là điều lo sâu của tác giả đối với mọi chuyện. Một bộ sách lớn gồm bảy mươi hồi, mở đầu thấy tả Cao Cầu, mới viết ra vậy.

Cao Cầu trở lại Đông Kinh đắc dụng, khiến Vương Tiến bỏ quan chức trốn đi, Vương Tiến kia là bậc người thế nào? Vốn người chẳng bỏ nghiệp cha, khéo nuôi chí mẹ, tức là con hiếu đấy! Khiến ta càng nhớ đến câu: Muốn cầu tôi trung, phải xem ở đám con hiếu... Như thế Vương Tiến cũng là bậc tôi trung, từ xưa con hiếu tôi trung, được coi như tường lân oai phượng, hay như ngọc bích tròn, với ngọc khuê vuông, tìm khắp bốn bể chưa chắc lấy nổi một người. Cầu ráo riết trăm năm, cũng chưa chắc lấy được một người như thế mà đánh sịch một cái lại có đây, thì đáng tôn quý, đáng vinh dự lắm chứ? Sao mà sinh sự oán ghét, lại toan đánh mắng, đến điều muốn giết chết, bức bách cho phải bỏ ra đi, thế là tại đâu? Đó từ Vương Tiến bỏ đi, đem lại một trăm linh tám người tới vậy.

Như thế Cao Cầu khởi xướng cho một trăm lẻ tám người sinh chuyện. Vì sau Vương Tiến bỏ đi, lại tiếp đến Sử Tiến, chữ Sử là họ kia, cũng chữ Sử là sách sử vậy, ý nói quan Tỳ Sử cũng chỉ chép sử. Hỡi ơi! Từ xưa có sử để mà chép mọi việc, thì nay quan Tỳ Sử chép gì, hãy chép việc của một trăm lẻ tám người vậy, chép đám người ấy cũng cho là sử ư? Cho là sử vì lời bàn của dân chúng, cũng là sử được, kể ra dân chúng đâu dám cãi bàn việc nước, bấy lâu nay dân chúng đâu dám cãi bàn, một khi dân chúng chẳng dám cãi bàn, mà lại cứ dám cãi bàn, thì đủ biết thiên hạ không còn đạo nữa ! Cũng như Vương Tiến phải bỏ đi vì Cao Cầu được trở lại vậy.

Họ Sử cũng như sách sử vậy, vốn có chuyện vậy, còn Tiến thì nghĩa làm sao đây? Xét rằng kẻ kia vốn tự hứa ra tên, dù chẳng phải quan Tỳ Sử chép truyện, song đã tiến dẫn thành sử vậy, ngươi Sử Tiến để tiến dẫn truyện thành ra sử, vốn có vậy. Còn Vương Tiến là nghĩa làm sao? Xét rằng phải được người như thế, ngõ hầu bậc thánh ở ngôi vua, để dạy dân tiến lên vương đạo, phải là như người Vương Tiến, rồi dạy dân tiến lên

vương đạo, thế thì một trăm lẻ tám người kia, theo vương đạo phải đem giết bỏ.

Một trăm lẻ tám người kia, theo vương đạo phải đem giết bỏ, sao còn hiện ra một Vương Tiến đáng là dân của bậc thánh minh? Xét rằng Vương Tiến chẳng bỏ nghiệp cha, khéo nuôi chí mẹ, đáng xuất hiện trung gian, để làm gương lắm? Thế rồi chẳng hiện ở trung gian như điểm danh chẳng tới, chẳng thấy từ đâu diễn mãi ra, trốn một bước Diên An; Lại chẳng thấy hiện ra sau cuối nữa, chả có từ đầu tới cuối, cũng như con thần long đó ư? Để cho một trăm lẻ tám người kia, đều hiện ra hết, ta thấy rằng họ khỏi với tội chết vậy, nhưng vẫn chưa bằng Vương Tiến, một trăm lẻ tám người kia, xét chưa bằng ấy, vậy sau mới biết khó làm nổi như Vương Tiến. Xét, chẳng hiện làm đầu, để bảo cho người ta, đời loạn nên ẩn, chớ xuất đầu ra; Xét, chẳng hiện ra cuối nữa cũng bảo cho người ta, đời loạn quyết không nên thu tàn cục.

Một bộ sách bảy mươi hồi, với một trăm lẻ tám người, theo 36 vị Thiên Cương, thì ngôi sao Tống Giang làm chủ; mà khi trước làm trộm cướp vậy, lại theo 72 vị Địa sát, có ngôi sao Chu Vũ, dẫu rằng bút lục tung hoành của tác giả rất khéo, song cũng ngược với đạo trời mà làm ra vậy.

Thứ diễn đến Khiêu Giản Hổ Trần Đạt, Bạch Hoa Sà Dương Xuân là ẩn nhiên bao quát một bộ sách bảy mươi hồi, có một trăm lẻ tám người đều như hùm, như rắn, chả quý gì mà biết tới. Đã biết sự ẩn quát một bộ sách bảy mươi hồi với một trăm lẻ tám người thì dùng để làm gì? Nói rằng đấy là Khế Tử, để diễn ra bộ sách, mà Thợ Trời hóa hiện, mới có một rắn một hùm, khiến độc giả thấy Trần Đạt, Dương Xuân, làm danh hiệu bao gồm một trăm lẻ tám vị anh hùng hảo hán vậy.

LỖ ĐỀ HẠT[1] ĐẤM CHẾT TRẤN QUAN TÂY

Ba người rẽ đường, đến dưới chân cầu có một hàng rượu nổi tiếng của họ Phan. Trước cửa có chiếc sào cắm lá cờ phấp phới trước gió. Ba người bước lên chọn một góc sạch sẽ. Đề Hạt ngồi ghế chủ, Lý Trung đối diện, còn Sử Tiến ngồi thứ. Tửu bảo[2] vái chào, nhận ra Lỗ đề hạt, bèn nói: "Quan nhân đề hạt muốn dùng bao nhiêu rượu?". Lỗ Đạt đáp: "Hãy đem trước bốn giác[3] rượu ra đây". Tửu bảo bày ra đủ món ăn và hoa quả nhắm rượu, rồi lại hỏi: "Quan nhân dùng món gì ăn cơm? " Lỗ Đạt đáp: "Hỏi chi! Có gì thì mang ra, ăn xong sẽ trả tiền. Thằng này cứ tới quấy rầy!". Tửu bảo đi xuống, vội vã đem rượu nóng lên, còn những món nhắm thì sau mới bày đầy một mâm.

Ba người uống cạn vài chén, đương nói chuyện về đường roi ngón gậy thật là hợp ý, thì nghe thấy cách bên vách có tiếng khóc ti tỉ. Lỗ Đạt nổi giận, quăng tất cả đĩa cốc xuống sàn gác. Tửu bảo nghe tiếng, hốt hoảng chạy lên thấy Lỗ đề hạt đương hầm hầm. Tửu bảo xoa tay nói: "Quan nhân cần món gì xin bảo để dọn lên? " Lỗ Đạt đáp: "Ta à, muốn cái gì! Mi cũng nên biết mặt ta này! Sao lại để đứa nào khóc ti tỉ bên kia vách hử? Quấy rầy cả bữa rượu của quan nhân? Xưa nay ta có thiếu nhà mi tiền nhỏ nào không?" Tửu bảo đáp: "Xin quan nhân chớ giận, tiểu nhân đâu dám xui người rên khóc để quấy rầy bữa tiệc. Đó là bố con chị hát hầu rượu ở đây khóc, mà không biết có quan nhân tới, bất chợt cực thân mà khóc" Lỗ đề hạt nói: "Thật là quái gở, mi gọi nó ra đây cho ta". Tửu bảo đi gọi. Được một lúc thì thấy hai người tới, đi trước là cô

(1) Tức Lỗ Đạt tức Trí Thâm (pháp danh khi đi tu). Đề hạt là chức quan.
(2) Người hầu rượu.
(3) Cái đong rượu bằng sừng.

gái trạc mười tám mười chín, đi sau là một cụ già năm sáu mươi cầm phách bước tới trước mặt. Nhìn cô gái tuy chẳng được xinh đẹp lắm, nhưng nhan sắc dễ coi. Cô gái chùi nước mắt rồi chắp tay vái chào chúc ba lời vạn phúc. Cụ già cũng chào.

Lỗ Đạt hỏi: "Hai người ở đâu? Tại sao mà khóc?". Cô gái trả lời: "Quan nhân chưa rõ xin để tôi thưa. Chúng tôi là người Đông Kinh, vì cha mẹ đến Vị Chân này tìm người nhà, nhưng họ lại dọn đi Nam Kinh mất rồi, mẹ tôi trọ hàng ốm rồi chết. Cha con tôi lưu lạc đành chịu vất vả. Ở đây có một người nhà giàu gọi là Trấn quan tây, đại quan nhân họ Trịnh, thấy tôi thì cho mối lái đến ép làm nàng hầu. Giấy để là mua ba nghìn quan, nhưng tiền hư khế thực mà chỉ cốt lấy thân tôi. Chưa được ba tháng thì vợ cả đánh ghen, đuổi tôi ra, không cho ở nhà rồi giao cho chủ hàng này phải truy cho đủ ba nghìn. Cha tôi thì nhút nhát cãi lý với nó không được, vả lại nó là người lắm tiền nhiều thế. Trước kia, nó có cho đồng nhỏ nào thì bây giờ đâu có tiền trả nó? Chẳng còn kế gì, nhân lúc bé cha tôi có dạy tôi hát vài bài vặt, đành phải tới đây hát hầu rượu, ngày kiếm được ít tiền thì phải nộp cho nó, hơn nữa, còn giữ được chút ít cho bố con lần bữa, nhưng hai ngày nay thì vắng khách, sai mất hẹn nộp, sợ nó đến đòi lại bị đánh chửi. Bố con tôi nghĩ tới nỗi khổ nhục này, không còn biết kêu vào đâu mà chỉ còn có khóc, mong nhờ giơ cao đánh sẽ mà thứ cho".

Lỗ đề hạt lại hỏi: "Chị tên gì? Trọ ở hàng nào? Còn cái tên Trấn quan tây, đại quan nhân họ Trịnh thì nó ở đâu?". Cụ già thưa: "Già họ Kim, đứng thứ hai. Con bé này gọi là Thuý Liên. Đại quan nhân họ Trịnh là người bán thịt ở cầu Trạng Nguyên tên là Trịnh Đồ, hiệu là Trấn quan tây. Cha con già trọ ở nhà trọ Lỗ gia trước cửa Đông". Lỗ Đạt nghe xong nói: "Hứ! Ta ngỡ đại quan nhân họ Trịnh nào, té ra là thằng Trịnh Đồ mổ lợn, cái thứ đồ lưu manh vô lại, nhờ ơn núp dưới bóng tướng công kinh lược Tiểu Trung nhà ta mới được mở hàng thịt, mà nó khinh rẻ người đến bực này!". Bèn quay đầu sang

Lý Trung và Sử Tiến mà nói: "Hai vị cứ ngồi đây, đợi tôi đi quật chết thằng này". Hai người ôm lấy, can: "Đại ca nguôi giận, để mai ta sẽ nói chuyện". Can ngăn năm lần bảy lượt mà không được.

Lỗ Đạt lại nói: "Ông già này, lại đây ta giúp cho ít tiền chi dùng lộ phí, mai phải trở về Đông Kinh, có được không?". Hai bố con đáp: "Nếu có thể trở về quê nhà thật là như bố mẹ sống lại. Nhưng đời nào nhà hàng cho đi, vì họ sợ Trịnh quan đại nhân bắt đền". Lỗ đề hạt nói: "Điều này không sao, ta khắc lo liệu". Bèn móc trong mình ra được năm lạng đặt trên bàn, rồi ngó Sử Tiến nói: "Hôm nay tôi mang có ít, anh sẵn có cho tôi vay, mai sẽ trả". Sử Tiến đáp: "Có đáng bao nhiêu mà đại ca phải trả", bèn rút trong bao một đĩnh mười lạng đặt lên bàn. Lỗ Đạt lại quay sang hỏi Lý Trung: "Anh cũng cho tôi vay chút ít". Lý Trung móc bên mình ra hai lạng. Lỗ đề hạt nhắm còn cho là ít, bèn nói: "Người thế này mà chẳng sởi lởi chút nào!". Lỗ Đạt đưa mười lăm lạng cho lão Kim, dặn: "Đây là tiền để hai người chi dùng, về thu xếp hành lý ngay. Mai ta sẽ đến đón lên đường, đố đứa nào dám giữ!". Kim lão và con gái cảm ơn. Lỗ Đạt quăng trả lại Lý Trung hai lạng bạc.

Ba người uống cạn hai giác rượu. Lỗ Đạt bước xuống lầu, kêu: "Nè, ông chủ, tiền rượu mai ta sẽ trả". Ông chủ trả lời ngay: "Xin mời đề hạt cứ về, ăn uống không bao nhiêu, chỉ sợ ngài không thèm chịu nữa thôi!". Ba người bước khỏi tiệm rượu Phan gia, ra tới đường thì chia tay. Sử Tiến, Lý Trung vào nghỉ trọ.

Lỗ đề hạt trở về nhà đằng trước phủ Kinh lược, vào phòng nghỉ, cơm chiều không ăn, nằm ngủ, hằn học. Chủ nhân không dám hỏi.

Còn Kim lão được mười lăm nén bạc trở về điếm dặn con gái chờ, rồi ra ngoài thành chỗ xa vắng tìm một cỗ xe. Trở về

thu xếp hành lý, trả tiền trọ tiền cơm, chỉ còn đợi sáng mai. Đêm đó không xảy ra chuyện gì. Sáng sau, canh năm trỗi dậy, bố con bèn nhóm lửa thổi cơm, ăn xong thì thu gọn. Trời mới rạng sáng đã thấy Lỗ đề hạt sải bước tiến vào, lớn tiếng gọi: "Bớ tiểu nhị trong điếm, Kim lão nghỉ ở phòng nào?". Tiểu nhị nói: "Thưa Kim công, có Lỗ đề hạt tới đây hỏi cụ". Kim lão mở cửa phòng, nói: "Quan nhân đề hạt, xin mời vào trong ngồi!". Lỗ Đạt nói: "Ngồi cái gì, ông đi thì cứ đi, còn đợi chi!". Kim lão dẫn con gái ra, đặt gánh lên vai, cám ơn đề hạt, rồi bước ra cửa. Tiểu nhị ngăn lại, hỏi: "Kim công đi đâu?". Lỗ Đạt hỏi vặn: "Ông ta còn thiếu tiền trọ của mi à?". Tiểu nhị đáp: "Tiền trọ thì tối qua đã trả hết rồi, chỉ còn thiếu tiền bán thân của của Trịnh quan đại nhân, tiểu nhân đây phải bảo chứng giữ lại". Lỗ đề hạt đáp: "Món tiền của Trịnh Đồ cứ để ta trả, mi để cho ông già này trở về quê!". Tên tiểu nhị đâu dám thả cho đi. Lỗ Đạt nổi giận, giơ năm ngón tay tát tiểu nhị hộc máu mồm, lại đấm cho một quả rơi hai chiếc răng cửa, tiểu nhị lồm cồm bò dậy, lẻn vào nhà trốn như chuột. Chủ điếm chẳng dám bước ra ngăn cản. Lúc đó Kim lão vội vã thoát khỏi điếm, ra ngoài thành, đến chỗ thuê xe hôm qua.

Lỗ Đạt nghĩ: "Chỉ sợ thằng tiểu nhị nó ra cản đường", bèn đặt chiếc ghế ngồi trong điếm hai giờ, phỏng chừng Kim công đã đi rồi mới chịu đứng dậy bước tới cầu Trạng-nguyên.

Trịnh Đồ ở đây mở hai cửa hàng, hai phản thịt, treo dăm ba súc thịt lợn to. Trịnh Đồ đương ngồi trước cửa sau quầy hàng coi hơn chục người đương pha thịt bán. Lỗ Đạt đến trước cửa, lên tiếng gọi: "Bớ Trịnh Đồ!". Trịnh Đồ nhìn ra, thấy Lỗ đề hạt thì vội vàng bước ra khỏi quầy hàng, vái chào: "Xin đề hạt thứ lỗi!", rồi gọi người hầu bưng chiếc ghế ra mời ngồi. Lỗ Đạt ngồi xuống nói: "Ta phụng lệnh tướng công Kinh lược mua mười cân thịt nạc thái thật nhỏ, không được dính tí mỡ nào". Trịnh Đồ nói: "Xin vâng! Anh em lọc lấy mười cân thịt". Lỗ đề hạt nói: "Bọn chúng bẩn thỉu không được thái, mi phải thái cho

ta". Trịnh Đồ đáp: "Thưa được, để tiểu nhân thái lấy". Rồi tự đến phản thịt, chọn mười cân thịt nạc, thái rất nhỏ. Còn tên tiểu nhị lấy khăn bịt đầu muốn tới báo chuyện Kim lão cho Trịnh Đồ hay, nhưng thấy Lỗ đề hạt ngồi gần phản thịt bên cửa thì chẳng dám lại gần, đứng xa xa dưới mái hiên ngóng đợi.

Còn Trịnh Đồ tự tay thái mười cân thịt cũng mất nửa giờ, bọc lá sen rồi nói: "Đề hạt cho người mang về chứ?". Lỗ Đạt nói: "Mang cái gì! Khoan đã! Lại còn mua mười cân đều mỡ cả, không được lẫn miếng nạc nào, mà cũng phải thái nhỏ". Trịnh Đồ nói: "Vừa rồi đòi thịt nạc, có lẽ trong phủ muốn làm nhân vằn thắn, chứ thịt mỡ thái nhỏ để làm gì?". Lỗ Đạt trợn mắt đáp: "Đó là lệnh tướng công truyền cho ta, đứa nào dám hỏi!". Trịnh Đồ nói: "Nếu là thứ cần đến, thì tiểu nhân xin thái". Bèn chọn lấy mười cân thịt béo, cũng thái thật nhỏ rồi gói lá sen. Làm suốt buổi sáng thì vừa tới bữa cơm.

Tiểu nhị không dám tới gần, mà đến khách hàng cũng chẳng dám mua.

Trịnh Đồ nói: "Để cho người mang hầu đề hạt đưa sang bên phủ!". Lỗ Đạt nói: "Còn phải mua mười cân sụn, cũng phải thái nhỏ mà không được dính tí thịt nào". Trịnh Đồ cười nói: "Có dễ đề hạt tới đây đùa tôi chăng?". Lỗ Đạt nghe xong, nhảy phắt dậy, hai gói ở nắm tay, trợn mắt ngó Trịnh Đồ, nói: "Ta thật muốn đùa mi đó", rồi ném hai gói vô mặt tung ra như một trận mưa thịt. Trịnh Đồ cả giận, hơi tức tự chân xung đầu, ngọn lửa trong tâm bừng không dập tắt được, bèn nắm con dao phay trên bàn thịt nhảy xông lại. Lỗ đề hạt đã ré chân bước ra giữa đường.

Mấy nhà láng giềng và chục người làm chẳng ai dám can. Người đi hai bên đường đều dừng chân, tên tiểu nhị thì đứng ngây người.

Trịnh Đồ tay phải nắm dao, tay trái định tóm Lỗ Đạt, nhưng bị y thừa thế nắm tay trái đẩy lại rồi đá vào bụng dưới ngã dúi xuống mặt đường. Lỗ Đạt lại xông tới đạp lên ngực giơ nắm tay to như cái búa, ngó Trịnh Đồ nói: "Ta hầu cửa tướng công Kinh lược làm tới liêm phóng sứ ngũ lộ Quan tây, mới đáng xưng là Trấn quan tây. Mi là thằng mổ lợn bán thịt, coi như đồ chó mà dám xưng là Trấn quan tây. Sao mi dám lừa đảo Kim Thuý Liên?". Đấm một quả vào mũi, máu đỏ vọt ra, mũi vẹt sang một bên, chẳng khác gì mở cửa hàng tương mắm: mặn có, chua có, cay có, đều vọt ra cả. Trịnh Đồ không cựa nổi, dao bầu rơi một bên, miệng thì nói: "Cứ đánh chết đi". Lỗ Đạt chửi: "Mẹ đồ giặc! Còn dám mở mồm!" Lại đấm quả nữa xuống tròng mắt, khoé mắt bị xé, con ngươi lòi ra, thì lại như mở ngôi hàng lụa màu: đỏ có, đen có, tía có, đều bày ra cả.

Hai bên đứng xem sợ Lỗ đề hạt, ai dám vào can?

Trịnh Đồ chịu không được nữa, xin tha.

Lỗ Đạt thét rằng: "Đồ lưu manh, mi mà chống ta đến cùng thì ta lại tha cho, giờ mi xin tha thì ta lại không tha!". Lại đấm một quả vào thái dương thì như chạy đàn đạo tràng: khánh có, não có, bạt có,[1] nhất tề nổi vang. Khi Lỗ Đạt ngó thì thấy Trịnh Đồ nằm xoài xuống đất, miệng chỉ thấy thở ra, không hít vào nữa, cựa quậy không được.

Lỗ đề hạt giả ý nói: "À, đồ mày giả chết à, ông lại đánh nữa!". Rồi thấy mặt nó nhợt dần đi. Lỗ Đạt nghĩ: "Mình chỉ tính đánh cho nó một trận đau, biết đâu có ba quả mà nó đã chết, mình lại bị án thì ai mang cơm nước cho, chi bằng ta trốn trước". Bèn co chân chạy, ngoái đầu chõ Trịnh Đồ: "Mày giả chết! Rồi tao còn xử cho mày nữa". Vừa chửi vừa rảo bước đi.

---

(1) Khánh, não bạt là những nhạc cụ.

Láng giềng trong phố cùng người làm của Trịnh Đồ không ai dám ra ngăn.

Lỗ đề hạt về đến nhà trọ cuốn ít quần áo, tế nhuyễn tiền nong, còn áo cũ đồ nặng để lại, xách cây roi tề mi chạy ra cửa Nam rồi trốn đi.

Bọn người nhà Trịnh Đồ cùng tên tiểu nhị đến cứu chữa hắn giờ lâu, nhưng không sống lại, ô hô chết rồi! Các người hàng xóm làm cáo trạng trình lên châu nha. Quan phủ doãn lên công đường xem xong thấy Lỗ Đạt là đề hạt trong phủ quan Kinh lược... không dám tự tiện cho đi bắt. Lập tức lên kiệu sang tới trước phủ Kinh lược rồi nhờ quân sĩ vào báo. Kinh lược mời Phủ doãn vào sảnh, thi lễ xong, hỏi đến có việc gì? Phủ doãn bẩm lên: "Xin trình tướng công, có Lỗ Đạt làm đề hạt trong phủ vô cớ đấm chết Trịnh Đồ ngoài chợ, chưa bẩm tới tướng công thì không dám tự tiện cho bắt hung thủ". Kinh lược nghe xong, giật mình suy nghĩ: "Lỗ Đạt này tuy có giỏi võ nghệ, nhưng tính nết thô lỗ, nay giết người ta, che chở sao được. Thôi cứ để cho quan Phủ doãn tra hỏi". Bèn trả lời: "Lỗ Đạt người này là quân quan bên nha Kinh lược phụ thân tôi, vì ở đây thiếu người giúp đỡ, nên đưa hắn sang làm đề hạt, đã có phạm tội giết người, ông cứ cho bắt chiếu luật mà xét. Khi nào có đủ cung chiêu định tội rồi thì phải báo lên cho phụ thân tôi mới được xử. Vì e sau này ngoài biên ải có việc cần đến người này thì hóa ra ta là người có lỗi". Phủ doãn bẩm: "Hạ quan cho hỏi tình do, sau sẽ bẩm lên tướng công Lão Kinh lược, rồi mới dám xử". Phủ doãn cáo từ Kinh lược rồi ra trước phủ, lên kiệu trở về nha, thăng đường truyền nha lại thảo văn thư cho đi trốc nã phạm nhân là Lỗ Đạt.

Khi đó thì viên quan họ Vương lĩnh công văn, bèn cùng với hai mươi người lính sang nhà trọ của Lỗ đề hạt. Thì chủ nhà thưa là vừa rồi thấy xách bao cầm roi ngắn đi rồi. Tiểu nhân tưởng là đi việc công sai không dám hỏi. Vương quan sát nghe rồi, cho mở cửa buồng thì chỉ thấy có ít quần áo cũ và chăn

đêm thôi, Vương quan sát bèn cùng chủ nhà đi tìm bên đông, bên tây, rồi lại đến cả châu từ nam chí bắc mà không bắt được. Vương quan sát lại cho bắt hai nhà láng giềng cùng với chủ nhà theo mình lên nha hỏi bẩm:

"Lỗ đề hạt sợ tội không biết đi nơi nào, chỉ có bắt chủ nhà và láng giềng tới đây". Phủ doãn nghe xong cho bắt giam lại. Một mặt chọ gọi các nhà láng giềng Trịnh Đồ, điểm lính ngũ tác[1] giúp quan địa phương cùng chức dịch xã phường khám nghiệm lại hai ba lần rồi cho nhà Trịnh Đồ liệm vào quan tài quàn ngoài chùa; một mặt lập thành bản án định kỳ cho công sai đi lùng bắt hung thủ, người đứng nguyên cáo được bảo lĩnh trở về nhà. Láng giềng Trịnh Đồ bị đánh đòn vì không ra ứng cứu. Chủ nhà và láng giềng nhà trọ không bị xét hỏi. Vì Lỗ Đạt trốn rồi, thảo công văn đi truy nã khắp nơi bắt ngay về, treo thưởng nghìn quan tiền, hình dạng Lỗ Đạt, cho treo khắp nơi. Còn một số người biết việc mà đã lơ là thì sẽ hỏi sau. Thân nhân của Trịnh Đồ cho về nhà làm ma.

Còn nói Lỗ Đạt khi rời khỏi Vị Châu thì hốt hoảng chạy loanh quanh từ đông chí tây vượt qua mấy châu phủ. Thật là "Đói không kén ăn, rét không chọn quần áo, vội không chọn đường, nghèo không kén vợ". Lỗ Đạt hoảng hốt chạy cướp đường, đương lúc chẳng biết đi đâu mà lạc lõng đến hơn nửa tháng thì đến huyện Nhạn Môn ở Đại Châu. Bước vào thành, thấy phố xá tấp nập, người ở đông đúc, xe ngựa như nêm, hàng hóa khắp nơi, mọi mặt đều có đủ bày xếp đẹp mắt. Tuy chỉ là một huyện mà xem hơn cả phủ châu. Lỗ Đạt đang đi thì thấy ở đầu ngã tư có một đám đông người đương đứng xem bảng. Tuy thấy xúm xít, nhưng Lỗ Đạt cũng lách vào để nghe vì không biết chữ, chỉ thấy người ta đọc rằng: *"Huyện Nhan Môn ở Đại Châu phụng mệnh quan chỉ huy ở phủ Thái Nguyên, chuẩn cho Vị Châu truy nã phạm nhân Lỗ Đạt tức đề hạt trong phủ Kinh lược đã đánh chết Trịnh Đồ. Kẻ nào chứa chấp trong nhà sẽ đồng tội với phạm nhân. Ai bắt được hay đến báo quan sẽ thưởng nghìn quan tiền...".*

Lỗ đề hạt đương nghe tới chỗ đó, thấy sau lưng có người gọi to: "Trương đại ca, sao anh lại tới đây?". Rồi ôm xốc lấy người, kéo ra khỏi ngã tư.

Vì chẳng gặp người này, việc đời đâu có đổi thay, làm cho Lỗ đề hạt cắt bộ tóc dài, cạo chòm râu chổi, thay đổi họ tên hung thủ, làm cho chư phật La hán phải bận lòng: Thực là:

Gậy thiêng mở rộng đường nguy hiểm,
Đao giới trừ ngay đứa bạo tàn.

Khi Lỗ đề hạt quay mình lại xem ai lôi kéo mình thì chẳng phải ai xa lạ, chính là Kim lão mà mình đã cứu ở tửu lâu tại Vị Châu. Ông già dắt Lỗ Đạt tới chỗ vắng, nói: "Thưa ân nhân, người thật là bạo quá! Người ta đương yết bảng treo giải nghìn quan tiền để bắt, sao ông lại còn đứng xem bảng? Nếu không gặp được lão hán thì có dễ bị người ta bắt rồi. Trên bảng có đề tên tuổi, hình dạng quê quán đấy!". Lỗ Đạt đáp: "Ta chẳng dối ông, chỉ vì việc của ông mà hôm đó lên cầu Trạng Nguyên, vừa gặp thằng Trịnh Đồ, ta đấm cho ba quả chết tươi, vì vậy mà trốn. Chạy một mạch đã năm mươi ngày cũng không dè tới đây. Sao ông không trở về Đông Kinh mà cũng lại ở đây?". Kim lão đáp: "Xin trình với ân nhân là từ khi cứu lão, thuê được chiếc xe, vốn định trở về Đông Kinh, nhưng sợ thằng đó nó chạy theo bắt lại, thì có ân nhân ở đâu đó cứu cho nữa, nên không đi Đông Kinh mà chuyển về hướng bắc, thì may gặp ông láng giềng cũ tới đây buôn bán đưa cha con tôi tới đây. May nhờ ông ta làm mối gả con gái lão cho một nhà giàu lớn là Triệu viên ngoại làm vợ bé, bây giờ ăn mặc đầy đủ, đều là nhờ ân nhân cả. Con gái tôi thường nói với ông ta về ơn lớn của Lỗ đề hạt. Viên ngoại này cũng thích múa roi tập gậy, thường ngỏ lời muốn được gặp ân nhân thì phúc quá. Và cũng chỉ nghĩ cách làm thế nào gặp được? Xin mời ân nhân về nhà nghỉ vài hôm ta sẽ bàn chuyện sau".

Lỗ đề hạt bèn đi với Kim lão, chừng được nửa dặm thì tới cửa, rồi ông lão vén mành gọi: "Con ơi, đại ân nhân đã tới".

Người con gái ăn vận đẹp đẽ, bước ra mời Lỗ Đạt vào trong ngồi, cắm nến thắp lên lạy sáu lạy, nói: "Nếu chẳng có được ân nhân cứu giúp thì làm gì có được ngày nay!". Lạy xong nói: "Xin mời ân nhân lên gác ngồi". Lỗ Đạt đáp: "Không nên bày vẽ, ta phải đi đây". Kim lão liền nói: "Ân nhân đã tới đây, ai lại để người đi như thế!". Ông già đón lấy roi, bọc mời lên gác ngồi rồi dặn con: "Con ở đây hầu ân nhân để cha đi dọn cơm nước". Lỗ Đạt nói: "Có cơm thường thì cho ăn, không phải bầy biện chi cả". Ông già nói: "Ơn của đề hạt dẫu chết chưa đủ đền, một bữa cơm rau muối có đáng chi cho người phải nghĩ". Người con gái giữ Lỗ Đạt ngồi trên lầu, Kim lão đi xuống gọi thằng nhỏ mới đến ở, đoạn dặn con đỏ nhóm lửa. Ông già đi với thằng nhỏ ra phố mua cá tươi, gà giò, ngỗng thái, cá mắm và hoa quả đầu mùa. Rồi mở rượu làm rau, dọn ra bưng lên lầu. Trên bàn bày ba chiếc cốc, ba đôi đũa, đủ các món ăn. Con hầu lấy bình bạc hâm rượu. Hai cha con thay phiên nhau chuốc chén. Kim lão sụp xuống đất lạy. Lỗ đề hạt nói: "Ông ơi, làm gì mà phải sụp xuống đất thế. Thật làm tôi bối rối quá!". Kim lão đáp: "Xin ân nhân nghe tôi thưa chuyện: Khi mà lão hán mới tới đây, thì đã viết một bài chỉ đỏ, sớm chiều thắp nhang, cha con ngày nào cũng lạy, nay chính ân nhân tới đây sao mà chẳng lạy cho được!". Lỗ Đạt nói: "Thật khó được có người lòng thành như ông".

Ba người uống rượu thong thả. Trời gần chiều, thì nghe dưới lầu có tiếng hô đánh. Lỗ đề hạt mở cửa sổ ra xem thấy có hai ba chục người đều cầm roi gậy, miệng hô lớn: "Bắt lấy nó!". Trong đám đông có một người cưỡi ngựa, miệng thét: "Không để cho thằng giặc chạy thoát". Lỗ Đạt thấy có vẻ nguy, bèn nắm chiếc ghế định ném xuống. Kim lão hớt hải xua tay, bảo: "Xin cứ yên đã!". Ông già vội vã bước xuống lầu, đến bên cạnh người cưỡi ngựa nói vài câu. Người đó cười, rồi bảo hai ba chục người kia lui về.

Người đó xuống ngựa bước vào trong. Ông già mời Lỗ đề hạt ra. Người kia vội cúi mình vái nói: "Nghe danh không bằng thấy mặt, thấy mặt hơn là nghe danh! Xin kính chào nghĩa sĩ đề hạt". Lỗ Đạt bèn hỏi ông già: "Vị quan nhân này là ai? Vốn chẳng biết nhau, sao lại chào tôi?". Ông già đáp: "Đây là chồng của con gái tôi, Triệu viên ngoại đó. Vừa rồi nghe thoáng già có dẫn một người đàn ông nào lên lầu, nên nổi giận dẫn trang khách[1] đến đánh. Lão hán bèn nói rõ nên đã cho các người về rồi". Lỗ Đạt nói: "À ra thế đấy, vậy không trách viên ngoại được". Triệu viên ngoại lại mời Lỗ đề hạt lên lầu ngồi. Kim lão lại dọn mâm khác, bày rượu ra khoản đãi. Triệu viên ngoại nhường Lỗ Đạt ngồi trên, Lỗ Đạt nói: "Tôi đâu dám!". Viên ngoại nói: "Đó là tương kính mà thôi. Tiểu tử nghe danh đề hạt là người hào kiệt, hôm nay trời run rủi được gặp thật là vạn hạnh". Lỗ Đạt đáp: "Tôi chỉ là con người thô lỗ, lại phạm tội giết người. Ví bằng được viên ngoại không bỏ kẻ nghèo hèn, tương thức kết nhau, thì tôi đây có bao nhiêu tài xin đem giúp cả". Triệu viên ngoại rất mừng, bèn hỏi về chuyện giết Trịnh Đồ. Kế tới nói chuyện về đường roi môn gậy, uống bữa rượu khuya rồi mới đi nghỉ.

Hôm sau đợi trời sáng, Triệu viên ngoại nói: "Ở đây sợ không tiện, xin mời đề hạt đến tệ trang trú chân ít lâu". Lỗ Đạt hỏi: "Quý trang ở đâu?". Viên ngoại đáp: "Cách đây hơn mười dặm, gọi là thôn Thất Bảo". Lỗ Đạt nói: "Được lắm!". Viên ngoại bèn cho người đi trước về trang dắt tới một con ngựa. Chưa tới trưa, ngựa đã tới, viên ngoại bèn mời Lỗ đề hạt lên ngựa, bảo trang khách gánh hành lý. Lỗ Đạt từ giã cha con Kim lão cùng lên ngựa với Triệu viên ngoại. Hai người giống cương cùng đi dọc đường chuyện vãn nhằm tới thôn Thất Bảo. Chẳng mấy lúc tới trước trang rồi xuống ngựa. Triệu viên ngoại dắt tay Lỗ Đạt lên tới thảo đường phân ngôi chủ khách ngồi

(1) Những người ở trong trang trại, tức là đầy tớ, tay sai.

xuống, rồi một mặt bảo giết dê bày rượu khoản đãi. Tới chiều dọn phòng khách an nghỉ. Hôm sau cũng lại bày tiệc rượu. Lỗ Đạt nói: "Viên ngoại quá yêu, tôi biết lấy gì báo đáp". Triệu viên ngoại bèn đáp: "Cùng là anh em bốn bể cả, sao lại nói chuyện báo đáp làm chi!".

Từ đó, Lỗ Đạt ở trong trang Triệu viên ngoại được năm bảy ngày. Bỗng một hôm, hai người đương ngồi trong thư viện nói chuyện thì thấy Kim lão hớt hải chạy thẳng vào chỗ hai người; thấy không có ai bèn nói với Lỗ Đạt: "Thưa ân nhân, không phải là già sợ bóng gió. Số là hôm trước lão mời ông uống rượu trên lầu, viên ngoại vì nghe lầm người báo, có dắt trang khách đến làm náo động phố phường, sau lại thấy lui cả, thành ra người ta đâm nghi, nói ra nói vào, nên hôm qua có ba bốn người lính công sai đến dò la gắt gao, sợ rằng chúng sẽ tới trang này để lùng bắt ân nhân. Nếu để sơ suất, thì nước sẽ đến chân đấy". Lỗ Đạt đáp: "Thế thì tôi đi ngay thôi". Triệu viên ngoại nói: "Nếu giữ đề hạt ở đây, sợ gặp cảnh núi cao nước cạn làm cho đề hạt phải oán hờn. Mà không mời đề hạt ở đây thì mặt này chẳng ra sao cả! Triệu mỗ tôi cũng biết đạo lý, muốn làm cho đề hạt vạn vô nhất thất[1] được yên tâm tránh nạn, nhưng chỉ sợ đề hạt không chịu". Lỗ Đạt nói: "Tôi là người đáng chết, mà nếu được vào chỗ yên thân là tốt, chuyện chi mà không chịu". Triệu viên ngoại nói: "Nếu được vậy, thì tốt quá. Cách đây hơn ba mươi dặm, có một quả núi gọi là Ngũ Đài sơn. Trên núi có viện Văn Thù, nguyên trước là đạo tràng thờ Văn Thù bồ tát, có năm bảy trăm sư, đứng đầu là Trí Chân trưởng lão, người anh em với tôi. Ông tôi trước có cúng tiền cho nhà chùa, và là đàn việt trong hàng thí chủ. Tôi đã từng phát nguyện sẽ thế độ cho một vị sư vào chùa đó, và mua tờ độ điệp ngũ hoa[2], nhưng tới giờ chưa tìm được người tâm phúc

(1) Là không việc gì

(2) Giấy chứng minh của quan cấp cho sư và đạo sĩ.

để hoàn thành lời nguyện này. Nếu để hạt chịu đi thì bao nhiêu phí tổn Triệu mỗ này xin chu tất. Chẳng hay ngài có chịu cắt tóc làm sư không ?". Lỗ Đạt suy nghĩ: Lúc này mà bỏ đi, thì biết nương nhờ vào ai ? Chi bằng ta đành đi con đường này xong. Bèn đáp: "Đã nhờ có viên ngoại chủ trương thì tôi tình nguyện làm hòa thượng. Mọi sự nhờ viên ngoại cả".

Bàn tính xong, ngay đêm hôm đó thu xếp đồ đạc gấm vóc và lễ vật. Hôm sau dậy sớm, trang khách gánh đồ đi, hai người bèn đến thẳng Ngũ Đài sơn. Qua giờ thìn thì tới núi. Triệu viên ngoại và Lỗ Đạt ngồi kiệu lên núi, một mặt cho trang khách đi báo trước. Khi đến trước núi thì đã có đô tự, giám tự ra đón. Hai người xuống kiệu ngồi đợi ở ngoài cổng chùa. Trí Chân trưởng lão nghe báo, bèn dẫn thủ toạ, thị giả ra ngoài sơn môn đón. Triệu viên ngoại và Lỗ Đạt thi lễ. Trí chân trưởng lão chắp tay hỏi thăm, nói: "Thí chủ đi đường khó nhọc lắm!". Triệu viên ngoại đáp: "Có chút việc xin đến đây bàn chuyện". Trí Chân lão nói: "Xin hãy mời viên ngoại vào trong phương trượng dùng trà". Triệu viên ngoại đi trước, Lỗ Đạt theo sau. Lúc vào trong phương trượng, trưởng lão mời viên ngoại ngồi lên ghế khách. Lỗ Đạt liền ngồi ở cuối ghế. Viên ngoại ghé tai Lỗ Đạt nói: "Ông tới đây xuất gia mà ngồi đối diện với trưởng lão không tiện". Lỗ Đạt đáp: "Nhà đây nào có biết thế". Rồi đứng ra ngồi sau vai viên ngoại. Đàng trước có thủ toạ, duy na[1], thị giả, giám tự, đô tự, tri khách, thư ký theo thứ bậc đứng sang làm hai bên.

Trang khách cất kiệu xong, thì cùng bưng các hộp vào trong phương trượng bày ra trước mặt. Trưởng lão nói: "Có việc gì lại đem đồ lễ tới đây? Chùa cũng nhờ vả đàn việt[2] nhiều". Triệu viên ngoại đáp: "Gọi là có chút lễ mọn, sá gì phải cảm ơn". Đạo nhân thu nhận rồi cho chú tiểu đem vào.

---

(1) Vị sư dưới thủ toạ, chuyên quản lý các sư. Đây là các chức vị trong chùa.

(2) Tiếng nhà chùa gọi các tín chủ.

Triệu viên ngoại nói: "Có một việc muốn thưa với đại hòa thượng: Triệu mỗ trước kia có phát nguyện thế độ cho một người làm sư ở đây, nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành lời nguyện. Nay có tiểu đệ, họ Lỗ, xuất thân nghề võ ở quan nội, nhân thấy cõi trần cay đắng, tình nguyện bỏ tục xuất gia. Vậy mong trưởng lão thu nhận, mở lượng đại từ đại bi, nể mặt Triệu mỗ này mà thí phát cho; bao nhiêu phí tổn đệ tử xin chu tất; cúi mong trưởng lão vo tròn quả phúc thì thật là may mắn". Lão tăng nghe xong, đáp: "Mối nhân duyên này thật làm rạng rỡ cho sơn môn của lão tăng, dễ lắm, dễ lắm, hãy xin mời dùng trà đã". Chú tiểu bưng trà ra, uống xong thì thu dọn khay chén. Chân trưởng lão bèn gọi thủ toạ, duy na đến bàn luận việc thí độ cho tiểu mới, lại dặn giám tự, đô tự dọn cơm chay.

Thủ toạ bàn tán với các sư ở ngoài: "Người này chẳng có dáng con người xuất gia, sao mà đôi mắt dữ thế!". Các sư nói: "Sư tri khách hãy ra mời khách nghỉ ngơi, chúng tôi sẽ bàn tính với trưởng lão". Sư tri khách ra mời Triệu viên ngoại và Lỗ Đạt vào nhà khách. Thủ toạ và chúng tăng bẩm với trưởng lão: "Cái người vừa rồi muốn xin xuất gia coi hình dung dữ tợn, mặt mũi ngang bướng, không thể cạo đầu cho hắn được, e rằng sau này sẽ làm luỵ đến sơn môn". Trưởng lão nói: "Hắn là em của đàn việt Triệu viên ngoại. Ta phải nể mặt ông ta mới được, các ngươi đừng có nghi ngại, để ta xem sao". Trưởng lão thắp một bó hương[1], xếp vòng tròn ngồi toạ thiền, niệm kinh rồi nhập định. Hương tàn mới trở ra nói với các sư: "Có thể cạo đầu cho hắn. Người này ứng với thiên tinh, lòng dạ ngay thẳng, tuy có đôi chút khí hung hăng, số mạng lại vương nhiều rắc rối, nhưng sau này cũng sẽ được thanh tịnh, chứng quả phi thường, các ngươi chưa sánh kịp đâu; phải nhớ lời ta, không được gàn quái". Thủ toạ nói với các sư: "Trưởng lão đã có chiều thiên vị, chúng tôi đành theo ý Người thôi, chẳng lẽ chẳng nói, nói mà Người không nghe thì thôi vậy".

(1) Thành tâm thắp hương, mùi hương thấu lên trời Phật.

Trưởng lão truyền dọn cơm chay mời Triệu viên ngoại; ăn xong, giám tự tính toán việc lễ. Triệu viên ngoại đưa tiền ra, sai người đi mua sắm, một mặt trong chùa cho khâu giầy sư, áo sư, mũ sư, cà sa và chiếu. Vài ngày thì sắm sửa xong cả. Trưởng lão chọn ngày lành, giờ tốt, cho nổi chuông trống họp đủ mặt trên pháp đường. Năm, sáu trăm sư, đều mặc cà sa tề chỉnh ra trước pháp toà chắp tay làm lễ rồi chia làm hai ban. Triệu viên ngoại đem tiền bạc, khăn áo, hương thơm dâng lên pháp toà rồi làm lễ. Khi đọc xong sớ biểu, chú tiểu bèn đem Lỗ Đạt đến trước pháp toà. Một vị duy na bảo Lỗ Đạt cởi khăn ra, tóc chia làm chín búi, cuốn lên. Người cạo bèn cạo một vòng đầu, sắp cạo đến râu thì Lỗ Đạt nói: "Thôi, để lại cho nhà đây ít râu nào". Các sư nhịn cười chẳng được. Trí Chân lão ra trước pháp toà nói: "Mọi người hãy nghe bài kệ. Người niệm rằng: "Tấc cỏ không chừa, sáu căn sạch hết, cạo đầu cho ngươi, để khỏi tranh giành". Trưởng lão đọc xong lời kệ, thét một tiếng: "Hừ, cạo cho kỳ hết!". Người cạo quệt một nhát dao là sạch nhẵn. Sư thủ toạ trình độ điệp lên pháp toà xin trưởng lão ban cho pháp danh. Trưởng lão bèn cầm tờ độ điệp chưa có tên rồi đọc lời kệ rằng: "Linh quang một điểm, giá đáng nghìn vàng, phép phật rộng rãi, đặt tên Trí Thâm". Trưởng lão ban pháp danh xong, cầm độ điệp đưa cho thư ký điền tên vào, rồi giao cho Lỗ Trí Thâm giữ. Trưởng lão ban cà sa bảo Trí Thâm mặc vào. Giám tự lại dắt ra trước pháp toà. Trưởng lão sờ đầu mà dặn phải nhớ: "Quy thứ nhất là giữ tính phật, quy thứ hai là theo chính pháp, quy thứ ba là kính thầy bạn, thế gọi là tam quy[1]. Còn ngũ giới là: Không được sát sinh, không được trộm cắp, không được dâm tà, không được uống rượu, không được nói càn". Trí Thâm không biết cách nói trong nhà chùa là "vâng" và "không", chỉ trả lời cộc lốc: "Nhà đây biết rồi". Các sư đều

(1) Quy là tin, giới là răn. Hễ đọc mỗi điều quy, thì trả lời "vâng", đọc mỗi điều giới thì trả lời "không". Cách nói trên giới đàn..

cười. Sau khi đã nghe lời quy, giới, Triệu viên ngoại mời các sư sang ngồi bên nhà phật đường, thết bữa cơm chay và tặng lễ vật cho các vị sư chức sự. Đô tự dẫn Trí Thâm đi chào các sư huynh sư đệ, rồi dắt sang tạm nghỉ ở tuyển phật trường trong khu rừng ở sau lưng gian nhà các sư ngủ. Đêm đó không xảy ra chuyện gì.

Hôm sau, Triệu viên ngoại cần phải về, khi từ giã trưởng lão, hai người đều bịn rịn hồi lâu. Dùng xong cơm chay buổi sáng, các sư đưa ra khỏi sơn môn. Triệu viên ngoại chắp tay nói: "Bạch trên có trưởng lão và các sư phụ tại đây, các vị đã làm việc từ bi, thằng em là Lỗ Trí Thâm vốn người ngay thẳng cục mịch, sau này có sơ suất trong buổi lễ, ăn nói kém khuôn phép, có phạm vào thanh quy, cúi xin nể Triệu mỗ này mà tha thứ cho". Trưởng lão nói: "Xin viên ngoại yên tâm, lão tăng đây sẽ dần dần dạy cho hắn biết tụng kinh niệm phật, tham thiền tu đạo". Viên ngoại hứa sau này sẽ xin đền ơn, rồi gọi Trí Thâm từ trong đám người đến dưới bóng cây thông, khẽ tiếng dặn dò: "Hiền đệ ơi, từ hôm nay chẳng nên như trước nữa, phàm làm điều gì cũng phải khuôn phép, không được coi thường; nếu để xảy ra chuyện gì, e khó bề gặp được nhau nữa, phải giữ mình, quần áo mặc anh, sẽ có người mang tới". Trí Thâm đáp: "Đúng thế, những lời dặn của đại ca, nhà đây xin theo cả". Lúc đó, Triệu viên ngoại từ biệt trưởng lão và mọi người rồi lên kiệu, gọi trang khách đem theo một chiếc kiệu không, quẩy hòm không xuống núi trở về nhà. Còn trưởng lão thì dẫn các vị sư quay vào chùa.

Lỗ Trí Thâm bước vào khu rừng có tuyển phật trường, gieo mình xuống giường đánh một giấc. Hai chú sư lay dậy nói: "Không được, đã là xuất gia sao không học toạ thiền". Trí Thâm nói: "Nhà đây ngủ phỏng can gì đến chú? ". Sư chú nói: "Thiện tai!"(1) Trí Thâm quát: "Ba ba cũng ăn nữa là lươn"(1) Sư chú nói: "Khổ vậy!"(1) Trí Thâm nói: "Hứ! Ba ba bụng to, vừa béo,

(1) Chỗ này dịch ra tiếng Việt, mất ý nghĩa buồn cười. "Thiện" là tốt lành, còn có nghĩa là "con lươn". "Khổ" còn có nghĩa là "đắng".

vừa ngọt ăn ngon lắm, sao bảo là đắng?" Hai vị sư đành bỏ mặc cho ngủ. Hôm sau họ muốn đến mách với trưởng lão là Trí Thâm vô lễ như thế, nhưng chủ toạ can: "Trưởng lão nói là sau này chứng quả của hắn sẽ khác thường, chúng ta chẳng sánh kịp đâu. Thôi ta cứ nên khoan thứ. Các chú đừng có xét nét rồi đòi hắn phải làm như mọi người khác". Sư chú đã bỏ đi, Trí Thâm thấy không ai dám nói mình nữa, nên cứ tối đến là ngả mình ruỗi tay ngủ kỹ; đêm ngáy như sấm, lúc nào mớt thì chập choạng lại đàng sau điện phật ỉa đái vung ra đấy. Thị giả bèn bẩm lên trưởng lão: "Trí Thâm vô lễ quá, chẳng giữ chút thể diện người xuất gia! Cảnh chùa này không thể chứa được con người như vậy". Trưởng lão quát: "Chớ nói bậy! Phải nể mặt viên ngoại ! Sau này nó sẽ sửa chữa". Từ đó, chẳng còn ai dám nói điều gì nữa.

TRÊN LẦU TẦM DƯƠNG TỐNG GIANG ĐỀ THƠ LÀM PHẢN

.....

Tống Giang nghỉ trong doanh đến năm bảy ngày, thấy trong người đã yên và bệnh đã khỏi, bèn định vào thành đi tìm Đái Tôn. Lại qua một ngày nữa, cũng không thấy Đái Tôn tới. Hôm sau ăn cơm sáng xong vào khoảng giờ thìn, chàng dắt ít bạc vụn khoá cửa buồng đi ra khỏi doanh, rồi thuận bước vào phố chơi. Đến trong thành ghé phía bên trái đàng trước nha môn để tìm Đái viện trưởng. Có người nói: "Ông ta không có nhà, thường hay ở trong am Quan âm bên cạnh miếu Thành hoàng!". Tống Giang nghe xong, bèn đi thẳng đến đó tìm, thấy cửa đã khoá. Bèn lại đi tìm Lý Quỳ, có nhiều người bảo: "Hắn ta là thần không đầu, không có nhà cửa, chỉ ngủ ở trong nhà lao thì chịu, không thể nào tìm được, nay nghỉ bên đông hai ngày, mai ghé bên đoài ít bữa, biết hắn ở đâu mà tìm!". Tống Giang lại đi tìm Trương Thuận, thì người ta bảo: "Hắn ở trong xóm ngoài

thành. Đến giờ mua cá thì ở bên sông Tầm Dương, có vào đây chỉ là đi đòi nợ mà thôi!". Tống Giang nghe xong, bèn đi ra ngoài thành tìm, nhưng biết tìm vào đâu! Đành một mình lủi thủi thuận chân bước đi xem cái cảnh đẹp trên sông, xem *mãi chẳng chán*. Đương đi chợt bước qua một quán rượu, ngẩng mặt xem, thấy đàng trước có treo một tấm cờ bài bằng vải xanh trên đề năm chữ: "*Tầm Dương giang chính khổ*", ngoài hàng hiên trạm trổ treo một tấm hoành phi có ba chữ đại tự của Tô Đông Pha "*Tầm Dương lâu*". Tống Giang xem xong bèn nói: "Khi ta ở huyện Vận Thành, vẫn nghe thấy nói tại Giang Châu có Tầm Dương lâu rất đẹp, thì ra ở đây! Bây giờ tuy mình đi một mình, tội gì để uổng mất, cứ lên lầu vui chơi một lúc". Tống Giang bèn lên lầu, thấy bên cửa trên cái cột hồng hoa có hai tấm gỗ sơn trắng, mỗi tấm viết năm chữ đại tự: "*Thế gian vô tỉ tửu*", "*Thiên hạ hữu danh lâu*"[1]. Tống Giang bèn lên lầu, tìm một phòng trông ra sông, tựa vào lan can mà nhìn quanh tấm tắc khen mãi. Tửu bảo lên lầu hỏi: "Thưa quan nhân, ngài còn đợi khách hay là có một mình đến đây tiêu khiển?". Tống Giang đáp: "Còn đợi hai vị khách, nhưng chưa thấy lại. Anh hãy đem cho tôi bình rượu ngon, hoa quả và thịt, có gì cứ bán, - cá không ăn đâu". Tửu bảo nghe xong bèn xuống lầu. Được một lúc, bưng mâm lên, có một bình rượu ngon "*Lam kiều phong nguyệt*", rồi bày các món ăn và hoa quả để nhắm rượu; nào là thịt cừu béo, gà giò, ngỗng thái nhỏ, thịt nạc đều đơm đầy trong các đĩa chu hồng.

Tống Giang nhìn xong trong bụng rất vui và khen: "Món ăn đã ngon, bát đĩa lại đẹp, thật là xứng đáng danh tiếng đất Giang Châu! Ta tuy là phạm tội bị đày xa tới đây, thế mà cũng được thấy sơn thủy hữu tình. Quê nhà ta cũng có mấy nơi danh sơn cổ tích nhưng sánh sao kịp phong cảnh này". Rồi một mình một cốc, tựa lan can uống miết, bất giác say mềm, gợi nỗi quan

(1) Rượu ngon không đâu bằng. Lầu danh tiếng trong thiên hạ.

hoài, chàng *nghĩ rằng*: "Ta sinh ở Sơn Đông, lớn ở Vận Thành, xuất thân đi làm thơ lại, kết giao với bao nhiêu là hảo hán giang hồ, chỉ để lại một cái hư danh! Nay đã ngoại tam tuần, danh không thành, công chẳng lập, lại bị thích chữ vào hai má đày tới đây. Hỏi bao giờ mới được gặp lại cha già và đứa em!". Bất giác men rượu bốc lên, chàng *bùi ngùi rơi giọt lệ*; gió thổi vào mặt, xúc động nỗi đau lòng, chàng bỗng nghĩ ra một bài từ *Tây giang nguyệt*. Bèn gọi tửu bảo cho mượn bút nghiên, đứng dậy ngắm nghía, thấy trên bức tường trắng đã có nhiều người đến trước đề vịnh. Tống Giang *nghĩ*: "Sao ta chẳng viết lên đây? Ví dù sau này mà vinh thân, trở về chốn này để xem lại lần nữa, ghi lấy ngày tháng để nhớ cái khổ hôm nay". Nhân lúc tửu hứng, mực mài thật đặc, bút thấm thật đầy, rồi viết lên bức tường trắng:

Thuở nhỏ cũng từng kinh sử làu,
Lớn lên đã rắp những mưu sâu.
Cọp còn nấp bóng trong rừng vắng,
Giấu vuốt che nanh chịu cơ cầu.
Chẳng may chữ thích nhơ trên mặt,
Tấm thân đày ải đất Giang Châu,
Ngày nào rửa sạch oan thù ấy,
Thì nước Tầm Dương máu đỏ ngầu.

Tống Giang viết xong, đọc lại, cả mừng và cười lớn. Vừa uống thêm mấy chén, bất giác vui quá, múa may chân tay như phát cuồng, rồi lại cầm bút viết thêm bốn câu sau bài *Tây giang nguyệt*, viết rằng:

Lòng ở Sơn Đông, thân gửi Ngô,
Bọt bèo trôi giạt sóng giang hồ.
Một mai thỏa cánh bằng tung gió,
Khinh cả Hoàng Sào[1] *chửa trượng phu!*

(1) Hoàng Sào khởi nghĩa về đời vua Hi Tôn nhà Đường, sự nghiệp chỉ có mười năm.

Tống Giang viết xong rồi ghi ngay đàng sau bốn chữ lớn: "*Vận thành Tống Giang tác*". Đề xong, quẳng bút lên bàn, lại hát một lúc, uống vài chén, bất giác say mềm, không uống được nữa, rồi gọi tửu bảo tính tiền, số tiền lẻ còn lại cũng thưởng cho hắn nốt. Chàng phất tay áo xuống lầu, đi chập choạng trở về doanh. Chàng mở cửa buồng, rồi lăn ngay lên giường đánh một giấc tới canh năm. Lúc tỉnh rượu, không nhớ gì đến chuyện đề thơ trên lầu Tầm Dương nữa. Vì hôm trước quá uống, nên hôm đó mệt cứ nằm lì trong buồng. Chuyện không nói nữa.

Nói về ở đối diện với bờ Giang Châu có một thành gọi là Vô-vi quân, vốn là một nơi hoang vắng. Trong thành có viên thông phán[1] tại gia, họ Hoàng, tên kép Văn Bính. Người này tuy có học kinh thư, nhưng là đồ a dua xiểm nịnh, bụng dạ hẹp hòi chỉ hay ghen ghét người tài giỏi, nghĩ cách hãm hại ai hơn mình và khinh rẻ ai kém mình, chỉ tìm cách hại người. Hắn biết tri phủ Sái Cửu là con của thái sư đương triều thì ngày nào cũng vào ton hót, thường cứ hay qua sông để thăm tri phủ và mong ta tìm cách cất nhắc cho một chức làm quan. Cũng là số mạng Tống Giang đã đến hồi bị khổ ải mới vướng phải kẻ đối đầu này. Hôm đó Hoàng Văn Bính đương ngồi nhàn ở nhà, không có gì tiêu khiển, bèn dắt hai tên đầy tớ mua một ít lễ vật, rồi ngồi chiếc thuyền nhẹ vượt qua sông để sang phủ hầu Sái Cửu. Thì vừa lúc trong phủ có bày yến tiệc nên không dám vào; rồi cho quay thuyền về, chiếc thuyền đã được đầy tớ buộc ngay dưới Tầm Dương lầu. Hôm đó trời oi bức, Hoàng Văn Bính bèn lên ngồi chơi một lúc, thuận chân bước vào tửu khố, nhìn quanh quất rồi lên lầu tựa vào lan can để tiêu khiển, thấy trên vách có nhiều bài đề vịnh, cũng có bài hay, cũng có bài lung tung. Hoàng Văn Bính xem xong cười khảy. Khi đọc đến bài *Tây giang nguyệt* và bốn câu thơ ngâm của Tống Giang thì giật mình: "À, đây là bài thơ làm phản, ai viết thế này!

(1) Về nhà Tống, muốn giảm bớt quyền quân, nên triều đình cử thông phán được tham gia chính sự với quan châu quan huyện.

Bên dưới có năm chữ đại tự là "*Vận thành Tống Giang tác*". Hoàng Văn Bính đọc lại lần nữa:

"Thuở nhỏ cũng từng kinh sử làu,
Lớn lên đã rắp những mưu sâu".

bèn cười nhạt nói: "Thằng này cũng khá tự phụ". Lại đọc:

Cọp còn nằm nấp trong rừng vắng,
Giấu vuốt che nanh chịu cơ cầu."

lại nghiêng đầu nói: "Thằng này đúng là thằng không chịu yên phận". Lại đọc:

"Chẳng may chữ thích nhơ trên mặt,
Tấm thân đày ải đất Giang Châu".

rồi cười nói: "Chẳng phải là người có trí cao thượng, mà ra chỉ là một thằng tù đày!", rồi lại đọc tới câu:

"Ngày nào rửa được oan thù ấy,
Thì nước Tầm Dương máu đỏ ngầu".

lắc đầu nói: "À thằng này nó báo thù ai? Thì ra nó muốn tới đây sinh sự? Xét ra mày chỉ là một tù đày thì làm được quái gì?". Rồi đọc đến câu thơ:

"Lòng ở Sơn Đông, thân gửi Ngô
Bọt bèo trôi giạt sóng giang hồ".

Hắn gật đầu nói: "À hai câu này còn có thể tha được", rồi đọc nữa:

"Một mai thỏa cánh bằng tung gió,
Khinh cả Hoàng Sào chửa trượng phu".

thì thè lưỡi lắc đầu nói: "À thằng này vô lễ, nó lại đòi hơn cả Hoàng Sào, thế không gọi là mưu phản thì còn gọi là gì?". Hắn đọc đến năm chữ "*Vận thành Tống Giang tác*", bèn nghĩ: "Ta cũng đã từng nghe nhiều đến tên này, nó chỉ là một thằng tiểu lại!". Bèn gọi tửu bảo lại hỏi: "Hai bài thơ này thực ra là ai viết ở đây?". Tửu bảo đáp: "Tối qua có một người đến đây ngồi một mình uống hết một bình rượu rồi viết ra đó". Hoàng Văn Bính hỏi: "Áng chừng hình dáng nó như thế nào?". Tửu bảo đáp:

"Trên má có hai hàng kim ấn, người béo lùn, chắc là người trong doanh của nhà lao trong thành". Hoàng Văn Bính bảo: "được rồi!". Bèn mượn bút nghiên, lấy tờ giấy sao lại bài thơ, giắt trong mình và dặn tửu bảo không được cạo đi.

Hoàng Văn Bính xuống lầu rồi đi thuyền về nghỉ một đêm. Hôm sau ăn cơm xong, cho đầy tớ gánh cái quầy và đến thẳng phủ thì vừa lúc quan phủ thăng đường, cho người vào báo. Một lúc lâu tri phủ mới cho người ra mời vào hậu đường. Tri phủ hỏi thăm Hoàng Văn Bính xong, thì tên này dâng lễ vật rồi được mời ngồi. Hoàng Văn Bính bẩm rằng: "Tối qua Văn Bính này có qua sông đến đây bái vọng, nhưng thấy có bày yến tiệc nên không dám vào. Hôm nay lại đến hầu ân tướng". Tri phủ đáp: "Ông thông phán là người tâm phúc, sao chẳng cùng vào dự tiệc có can chi, để cho hạ quan lại được tiếp đãi". Kẻ chấp sự đưa trà lên. Hoàng Văn Bính nói: "Xin trình tướng công ngồi trên, cho tôi được hỏi: chẳng hay gần đây ân tướng thái sư có sai ai lại đây không?". Tri phủ nói là hôm trước mới có thư tới. Hoàng Văn Bính lại hỏi gần đây ở kinh đô có tin tức gì không. Tri phủ đáp: "Thư nhà có nói rõ là: gần đây ở Thái sử viện toà Tư Thiên giám có tâu rằng, đêm đêm xem thiên văn thấy sao Thiên cang chiếu vào đất Ngô, Sở, có thể có kẻ làm loạn, phải nên đi dò xét để tiễu trừ. Lại nghe thấy ngoài đường chợ, có những câu đồng dao trẻ con hát:

Hao quốc nhân gia mộc,
Đao binh điểm thủy công.
Tung hoành tam thập lục,
Bá loạn tại Sơn Đông[1].

Vì vậy nên có dặn dò hạ quan phải giữ gìn địa phương cho được cẩn mật". Hoàng Văn Bính suy nghĩ một lúc rồi cười nói: "Thưa ân tướng, việc này chẳng phải ngẫu nhiên". Bèn rút trong

(1) Vì đây là bài sấm, chỉ tạm dịch: "Quốc gia hao tổn vì gia mộc, cuộc đao binh có điềm thủy công. Tung hoành ba mươi sáu, gieo loạn khắp Sơn Đông.

tay áo bài thơ hấn mới sao được trình lên tri phủ và nói: "Ngờ đâu là nó ở ngay đây". Tri phủ xem xong, nói: "Đây là bài thơ làm phản, ông thông phán lấy ở đâu ra?". Hoàng Văn Bính thưa: "Tối qua tiểu sinh không dám vào phủ, trở về đến bên sông, không có gì tiêu khiển bèn lên lầu Tầm Dương hóng mát, nhìn những bài của bọn ngồi không ngâm vịnh thì thấy trên bức tường vôi trắng có một bài thơ mới đề...! ". Tri phủ hỏi "đứa nào viết?". Hoàng Văn Bính trả lời: "Bẩm tướng công, trên vách có đề rành rành tên họ, là "Vận Thành Tống Giang tác". Tri phủ hỏi: "Tống Giang là người nào ?" Hoàng Văn Bính đáp: "Nó có viết rõ ràng hai câu:

"Chẳng may chữ thích nhơ trên mặt,
"Tấm thân đày ải đất Giang Châu."

thì rõ ràng là một đứa tù đày, một tên phạm tội đương bị giam ở nhà lao trong thành". Tri phủ nói: "Ngữ một thằng tù đày thì làm nổi trò gì!". Hoàng Văn Bính nói: "Bẩm tướng công, chẳng nên coi thường nó! Vừa rồi tướng công có nói là thư nhà kể chuyện đồng dao của trẻ con hát, quả là ứng với người này!". Tri phủ nói: "Lấy chi mà biết!". Hoàng Văn Bính nói: "*Hao quốc nhân gia mộc*" nghĩa là: cái đứa làm hao tán tiền lương của quốc gia, thì đầu chữ *gia* mà dưới có chữ *mộc* thật quả là chữ *Tống* rồi; đến câu thứ nhì "*Đao binh điểm thủy công*" nghĩa là cái kẻ mà dấy đao binh, thì chữ thủy, bên cạnh có chữ công có phải rành rành là chữ *Giang* không? Người này họ Tống tên Giang lại làm thơ phản, thật đúng là số trời mà là phúc cho muôn dân!". Tri phủ lại hỏi: "Thế nào là "*tung hoành tam thập lục, bá loạn tại Sơn Đông*". Hoàng Văn Bính đáp: "Thì hoặc là lục lục chi niên, hay là lục lục chi số[1]. "*Bá loạn tại Sơn Đông*", thì bây giờ huyện Vận Thành chính ở trong đất Sơn Đông. Thế là bốn câu đồng dao đều ứng cả rồi!". Tri phủ lại nói: "Không biết người này có ở đây không?". Hoàng Văn Bính lại trả lời: "Tối qua có hỏi tửu bảo thì hấn nói người này mới viết hôm trước. Điều này thì dễ thôi: cứ lấy danh sách trong

lao thành ra tra sẽ biết có hay không?". Tri phủ khen là thông phán có cao kiến. Rồi gọi người lấy sổ sách lao thành để ở trong kho ra xem. Người đó bèn lấy ra. Sãi Cửu kiếm lấy, dưới sổ quả có mấy chữ: "*Vào tháng năm có một tên tù mới bị phát vãng tới đây, tên là Tống Giang ở huyện Vận Thành*". Hoàng Văn Bính xem xong nói: "Người này thật ứng với lời đồng dao, chẳng nên coi thường! Nhược bằng ta trì hoãn, tin tức lộ ra ngoài mất; xin cho công sai đi bắt ngay giam vào nhà lao rồi sẽ bàn sau". Tri phủ rất đồng ý bèn thăng đường gọi viên tiết cấp đến ngay. Đái Tôn ra trước tiền sảnh, Tri phủ nói: "Anh và ta đem công sai xuống lao thành cho mau, để bắt thằng phạm nhân Tống Giang người huyện Vận Thành đã dám ngâm thơ làm phản trên lầu Tầm Dương, không được để chậm giây phút nào".

KỲ ÂN và TRÚC ĐÌNH dịch
(Nhà xuất bản Văn hóa, H. 1962).

(1) Năm thứ 36, hay là số ba mươi sáu người..

3. NGÔ THỪA ÂN*

TÂY DU KÝ

Tây du ký kể chuyện Huyền Trang sang Ấn Độ thỉnh kinh. Huyền Trang người họ Trần quê ở Lạc Dương, tỉnh Hà Nam, thuở nhỏ cùng anh xuất gia đi tu. Vị sư trẻ tuổi đó đọc rất nhiều sách Phật, say mê triết lý Phật, ôm hoài bão sang tận quê hương Phật để tìm hiểu hơn nữa lẽ sâu kín mầu nhiệm của Phật pháp. Lúc đó là thời Đường Thái Tông. Nhưng Đường Thái Tông có lệnh cấm xuất cảnh, Huyền Trang bèn trà trộn vào đám thương nhân Tây vực, vượt khỏi biên giới, qua Ngọc Môn quan, theo con đường phía bắc Tân Cương, vượt Thông Lĩnh, vượt Nhiệt Hải, qua hai mươi bốn nước, đến Ấn Độ. Tất nhiên dọc đường ông gặp nhiều hiểm trở, sa mạc, rừng rậm, núi băng, quan ải, thú dữ, rắn độc, giặc cướp v.v... Nhưng Huyền Trang đã quyết trí tây hành thì không chịu lùi một bước. Đi chỉ đi một mình, có khi phải nhịn khát hai ba ngày trời, nhưng cuối cùng đến được đất Phật. Ông ở lại Ấn Độ hơn mười năm, học được nhiều thứ tiếng, đi chất vấn khắp các đại sư. Ra đi mới hơn hai mươi tư tuổi (629), lúc về nước đã 41 tuổi (645). Cuộc hành trình của ông mất mười bảy năm. Ông đưa về

---

* Ngô Thừa Ân (1500? - 1581?) Tên chữ Nhữ Trung, hiệu Xạ Dương Sơn Nhân, người đất Hoài An, tỉnh Giang Tô. Sử sách không ghi chép gì nhiều về ông, chỉ biết ông là học trò nghèo, con một nhà buôn nhỏ, học giỏi nhưng mãi đến 43 tuổi mới đỗ *Tuế cống sinh*. Ông ham mê truyện thần tiên, truyền thuyết dã sử. .. Năm 71 tuổi viết *Tây Du Ký*, trước đó có bộ truyện chí quái *Vũ Đình Chí*. Tác phẩm của ông được sưu tập thành bộ *Xạ Dương tiên sinh tồn cảo*.

657 bộ kinh, dùng hai mươi bốn con ngựa tải. Đường Thái Tông cũng hết sức khâm phục cho trụ trì chùa Hoàng phúc, Từ ân ở thủ đô Trường An cho đến khi hoá. Từ khi về nước, Ông ra sức tổ chức dịch các bản kinh đem về, công việc tiến hành trong mười chín năm. Mấy tháng trước khi tịch, ông vẫn cầm bút. Thọ 69 tuổi (năm 664), có hàng trăm vạn người đến dự tang lễ.

Còn chuyện này khi trở thành tiểu thuyết dân gian thì không còn giống sự thực lịch sử nữa. Địa vị của Huyền Trang trở thành thứ yếu. Và rất nhiều tình tiết được thêm vào. Những tình tiết đó Ngô Thừa Ân đã tiếp thu, sửa chữa lại, sáng tạo thêm.

Có thể chia 100 hồi trong Tây du ký ra như sau:

Hồi 1 đến hồi 7 tả lai lịch của Tôn Ngộ Không, nhân vật chính. Tôn Ngộ Không là một con khỉ xuất từ một hòn đá tiên ở núi Hoa quả sơn, nước Ngao Lai, thuộc Đông thắng- thần - châu (tên bịa đặt), từ nhỏ đã thông minh, mưu trí, dũng cảm. Khi tìm ra động Thuỷ tiên thì được đàn khỉ ở đây tôn làm Mỹ hầu vương. Sau đó đi tầm sư học đạo, học được 72 phép biến hoá thần thông, rồi làm náo động Đông hải và Âm ty. Ngọc đế được tin sai thiên tướng xuống bắt, ra thánh chỉ "chiêu an", dụ dỗ đưa lên thượng giới, cho một chức quan nhỏ để giữ chân lại. Nhưng không thoả chí, phá rối trật tự trên trời, hai lần đại náo thiên cung, đánh cho thiên tướng tả tơi, không ai địch nổi, Ngọc đế phải phái Nhi lang thần ra phép biến hoá mới bắt được. Thái thượng lão quân bèn bỏ vào lò bát quái. Phá lò bát quái, Ngọc đế bèn thỉnh Như lai đến, và lúc ấy mới bị đè bẹp dưới núi Ngũ Hành Sơn.

Hồi 8 đến hồi 12 kể lai lịch Huyền Trang và nguyên do đi lấy kinh. Đoạn này không có gì đặc biệt.

Từ hồi 13 trở đi là tả quá trình đi lấy kinh. Huyền Trang ra đi không lấy gì làm tin tưởng lắm vào công việc của mình chỉ vì đã phát lời thề và được vua ban ân nên phải đi. Có hai đồ đệ đi theo. Đến Song thoa lĩnh thì hai người này bị Hổ

(Dần tướng quân) và gấu (Hùm sơn quân) ăn thịt mất, chỉ còn lại một mình một ngựa. Lúc đó gặp Tôn Ngộ Không đang nằm bẹp dưới Ngũ Hành Sơn, Ngộ Không nguyện làm đồ đệ cho Huyền Trang nên được giải phóng. Nhiều lần bỏ về, Huyền Trang phải dùng đến cái mũ "khẩu tháp thi" Quan âm cho, lừa chụp vào đầu Tôn Ngộ Không mỗi lúc y dở tính thì niệm chú, mũ siết chặt đầu lại đau điếng thế là ngã vật xuống. Nhờ vậy mà Huyền Trang chế ngự được Tôn Ngộ Không và y bắt buộc phải theo đi. Tuy bất đắc dĩ phải quy y, nhưng tính vẫn như xưa, không thay đổi, chinh phục được các thứ yêu ma quỷ quái dọc đường. Gặp cả thảy 81 nạn, phần lớn đều nhờ Tôn Ngộ Không mà vượt qua được, Chư Bát Giới, Sa Tăng cũng có đóng góp một phần.

Hồi thứ nhất

GẤU THIÊNG ẤP Ủ, NGUỒN RỘNG CHẢY TÂM TÍNH SỬA SANG, ĐẠO LỚN SINH

Có bài thơ rằng:

Thuở hoang sơ đất trời còn chưa tỏ,
Chốn mênh mông nào có bóng người
Từ khi Bàn Cổ ra đời.
Đục trong phân biệt, khác thời hỗn mang.
Che chở khắp nhờ ơn trời đất,
Phát minh ra muôn vật tốt thay.
Muôn hay tạo hoá công dày,
"Tây du"[1] *truyện ấy đọc ngay đi nào.*

Từng nghe số của trời đất, gồm một trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm năm làm một nguyên. Một nguyên chia làm mười hai hội, tức mười hai chi: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Mỗi một hội là mười nghìn tám trăm năm. Lại lấy một ngày mà nói: giờ Tý được khi dương,

(1) Nguyên văn: Tây du thừa ách

thì giờ Sửu gà gáy. Giờ Dần ánh sáng chưa khắp, thì giờ Mão mặt Trời mọc. Giờ Thìn ăn cơm xong, thì giờ Tỵ đã liền kề. Giờ Ngọ mặt trời ở giữa trời, thì giờ Mùi ngả về tây. Giờ Thân là lúc mặt trời lặn ở phương tây. Giờ Tuất là lúc hoàng hôn và giờ Hợi mọi người yên nghỉ. So trong số lớn đến cuối hội Tuất là lúc trời đất tối tăm mờ mịt, muôn vật ở vào vận bĩ. Vào đầu hội Hợi, đúng lúc đang mờ mịt, người và vật đều chưa có, nên gọi là hỗn độn. Trải qua năm nghìn bốn trăm năm nữa, hội Hợi sắp hết. Hết vòng lại quay lại từ đầu, chuyển sang hội Tý, trở lại dần dần sáng tỏ. Thiệu Khang Tiết[1] nói:

"Giữa giờ Tý đông chí,
Lòng trời chẳng đổi đời
Lúc một dương lay động
Vạn vật chưa ra đời"

Đến đây trời bắt đầu có rễ. Lại trải qua năm nghìn bốn trăm năm, đúng vào hội Tý, những thứ nhẹ trong bay lên, có mặt trời, mặt trăng, tinh tú. Mặt Trời, mặt trăng, tinh tú (tinh và thần) gọi là tứ tượng. Cho nên nói rằng: trời mở ở Tý. Lại trải qua năm nghìn bốn trăm năm, hội Tý sắp hết, gần sang hội Sửu, thì dần dần rắn chắc. *Kinh Dịch* nói: "Lớn thay đúc nguyên của quẻ Càn! Tuyệt thay đức nguyên của quẻ Khôn! Vạn vật nhờ đó sinh ra, là thuận theo trời". Đến đây đất bắt đầu ngưng kết. Lại trải qua năm nghìn bốn trăm năm, đúng vào hội Sửu, những thứ nặng đục ngưng xuống. Có nước, có lửa, có núi, có đá, có đất. Nước, lửa, núi, đá, đất gọi là ngũ hành. Cho nên nói rằng: đất mở ở cửa Sửu. Lại trải qua năm nghìn bốn trăm năm, hội sửu hết, hội Dần bắt đầu, muôn vật sinh ra. Sách Lịch nói: "Khi trời bay xuống, khi đất bốc lên trời đất giao hoà, muôn vật sinh ra". Đến đây, trời đất sáng sủa, âm dương giao hoà. Lại trải qua năm nghìn bốn trăm năm, đúng vào hội Dần, sinh người, sinh thú, sinh chim, gọi là tam tài, gồm trời, đất, người định vị. Cho nên nói rằng: người sinh ra ở Dần.

(1) Thiệu Khang Tiết: Một nhà triết học nổi tiếng đời Tống

... Nhớ xưa từ thuở Bàn Cổ mới mở mang đời Tam Hoàng vừa cai trị, đời Ngũ đế định ra nhân tuân, bấy giờ thế giới mới chia ra làm bốn châu lớn.

1. Đông Thắng Thần Châu
2. Tây Ngưu Hạ Châu
3. Nam Thiệm Bộ Châu
4. Bắc Câu Lư Châu

Bộ sách này chỉ nói riêng về Đông Thắng Thần Châu

Lúc đó ngoài biển mới chỉ thấy có một nước. Nước này gọi là nước Ngạo Lai ở sát gần biển lớn. Giữa biển có một ngọn núi đẹp, gọi là núi Hoa Quả. Chính núi này là mạch núi của mười châu, cội nguồn của ba đảo, đứng sừng sững từ lúc mặt trời mới chia trong đục, hình thành từ thuở thế giới vẫn hồng hoang. Đó thật là một ngọn núi quý! Có bài thơ rằng:

Thế trấn giữa mênh mông
Oai yên nơi bể ngọc
Triều dâng núi bạc cá vào hang,
Sóng tung hoa tuyết rồng về vực
Đỉnh cao chót vót góc nam phương.
Vách núi nguy nga miền đông hải,
Sườn dựng đá cổ quái,
Vách phẳng đỉnh thanh kỳ.
Phượng đẹp hót líu lo,
Kỳ lân nhàn nằm khểnh.
Đầu núi gà gáy lanh lảnh,
Bên hang bóng rồng lượn vào ra.
Cáo tiên hươu già quanh quẩn rừng xa,
Cây cao chim thiêng hạc đen bay lượn
Cỏ lạ hoa thơm màu thắm đượm,
Tùng xanh trắc biếc bóng um tùm.

Đào tiên chín mọng vẻ thơm ngon,
Trúc xanh mây lành che vương vấn.
Một ngọn suối trong dây mây quấn,
Bốn mặt vách cao cỏ mọc xanh.

Chính là nơi:

Cột trời sừng sững dựng giữa trăm sông.
Gốc đất lớn to muôn đời không đổi.

Trên đỉnh ngọn núi này, có một tảng đá tiên cao đến ba trượng sáu thước năm tấc, xung quanh hai trượng bốn thước. Chiều cao ba trượng sáu thước năm tấc cùng hợp với vòng trời ba trăm sáu mươi năm độ. Xung quanh hai trượng bốn thước, hợp với chính lịch hai mươi bốn khí. Trên có chín khiêu tám lỗ hợp với cửu cung bát quái. Bốn bề không có cây cối rủ bóng. Hai bên phải trái, chỉ rặt cỏ chi, cỏ lan quấn quít lấy nhau. Có lẽ từ khi tảng đá mới sinh ra, đã bẩm ban khí thiêng của trời đất, tinh hoa của đất trời, mặt trăng đã tấu, nên mới tinh thông thế. Bên trong tảng đá chứa đựng một bào thai tiên. Một hôm tảng đá nứt đôi, sinh ra một quả trứng tròn, to bằng quả cầu, gặp gió hoá thành một con khỉ đá, đủ cả mặt mũi chân tay. Con khỉ đá liền học bò, học chạy, vái lạy bốn phương, mắt dọi hai luồng hào quang, chiếu lên tận trời làm kinh động thượng đế[1] lúc ấy đang ngự trị ở điện Linh Tiêu [2] cùng các vị tiên. Nhìn thấy tia hào quang chói lọi, Thượng đế lập tức ra lệnh Thiên lý nhãn, Thuận phong nhĩ, mở cửa Nam thiên xem xét. Hai tướng vâng chỉ ra xem, nhìn nghe đích thực, một lát quay về báo:

– Thần vâng chỉ ra xem xét chỗ có ánh hào quang. Đó là nước Ngạo Lai ở biển Đông thuộc Đông Thắng Thần Châu. Nơi ấy có ngọn núi Hoa Quả, trên núi có tảng đá tiên đẻ ra quả

(1) Nguyên văn: Cao thiên thượng thánh đại từ nhân giả Ngọc Hoàng đại thiên lớn huyền khung cao thượng đế.

(2) Nguyên văn: Kinh khuyết vân cung Linh Tiêu bảo điện.

trứng đá, gặp gió hoá thành một con khỉ đá, biết vái lạy bốn phương, mắt dọi hào quang chiếu sáng tận thiên phủ. Nếu nay cho ăn mồi bằng nước cháo, hào quang sẽ tắt ngay.

Hoàng Đế rủ lòng nhân từ nói:

– Đó là một vật ở hạ giới, do tinh hoa trời đất hoá sinh ra, có gì là lạ

Con khỉ ấy sống ở trong núi, đi đi lại lại nhảy nhót nô đùa, tìm ăn cỏ cây, uống nước suối trong, hái hoa rừng, tìm quả núi, làm bạn với lang trùng, kết đàn với hổ báo, thân mật với hươu nai, chan hoà với khỉ vượn, đêm ngủ vách núi non, ngày chơi trong hang động. Thực là:

Trong non không hay năm tháng
Rét hết chẳng biết tiết xuân.

Một hôm, khí trời nóng bức, khỉ đá cùng với đoàn khỉ đi tránh nóng, cùng nhau đến đùa giỡn dưới bóng thông già:

Từng con nô giỡn,
Leo cây, vin cành
Hái hoa, tìm quả
Nhảy nhót lanh chanh
Nào trèo đống cát
Nào xây tháp tầng
Tìm bắt bươm bướm
Chuồn chuồn vồ lanh
Con lạy Bồ tát
Con vái trời xanh
Con xe dây sắn
Con đan hài vân
Tìm bắt chấy rận
Cắn móng tay, chân
Gãi cào xúm xít
Co kéo loanh quanh

Nô đùa thoả thích
Trong rừng thông xanh
Tắm táp nghịch ngợm
Giữa suối trong lành

Lũ khỉ nô đùa một lúc, rồi lại xuống suối tắm mát. Chúng thấy nước suối chảy xiết, sóng bắn tung toé. Xưa có câu: "Chim có giọng chim, Thú có tiếng thú". Lũ khỉ đều nói:

– Dòng suối này không biết từ đâu chảy đến, nhân chúng ta hôm nay nhàn rỗi, cứ men theo bờ suối, tìm đến tận đầu nguồn của nó chơi đi!

Cả bầy reo hò, đực cái dắt nhau, anh em ríu rít chạy cả lại, men theo bờ suối bò lên núi. Đến đầu nguồn, chỉ thấy một thác nước trắng xoá:

Một dải trắng xoá cầu vồng
Nghìn tầm sóng tuyết mịt mùng bay ngang
Vi vu gió biển thổi tràn
Mặt sông soi tỏ vầng trăng thuở nào
Khí lạnh tê buốt non cao
Nước nguồn mát lạnh xanh màu cỏ cây
Thác trong cuồn cuộn đêm ngày
Xa trông nom tựa rèm mây lưng trời.

Bọn khỉ vỗ tay thú vị:

– Nước sâu lắm! Nước sâu lắm! Chỗ này vốn ăn *thông xuống chân núi chảy ra tận biển lớn*

Bọn khỉ lại nói:

– Có một việc này, nếu ai chui vào tìm ra đầu nguồn mà *mình mẩy không xây xát*, chúng ta sẽ tôn làm vua. Nói xong chúng *hú vang ba tiếng*. Bỗng từ trong bụi rậm, một con *khỉ đá nhảy ra lớn tiếng nói:*

– Tôi xin đi! Tôi xin đi.

Con khỉ đẹp lắm. Thực là:

Tiếng thơm nay đã nổi
Thời đến vận hanh thông
Có duyên nương chốn ấy
Vua sai vào điện cung

Khỉ đá *nhắm mắt vươn mình nhảy phóc một cái vào giữa thác nước* rồi mở mắt ngẩng đầu nhìn, thì ra suối không có nước, thấy rõ ràng một cái cầu. Khỉ đá đứng im, định thần nhìn kỹ, thì ra một cái cầu sắt. Nước dưới gầm chảy vào lỗ đá, khi nước chảy ngược, cửa cầu liền đóng lại. Khỉ đá nhảy lên đầu cầu, vừa đi vừa nhìn thấy hình như có nhà cửa, người ở. Thực là một nơi tuyệt diệu! Chỉ thấy:

Rêu xanh xanh từng đám
Mây trắng trắng ngọc ngà
Long lanh lớp yên hà,
Cửa nhà hư tĩnh quá!
Ghế ngồi hoa nở đỏ
Thạch nhũ rủ động sâu
Hoa cỏ, thắm một mầu
Bếp đá còn vết lửa
Trên án thức ăn còn nguyền cả,
Giường đá trắng bong thật tuyệt trần
Chậu đá, bát đá đẹp vô cùng
Dăm ba khóm trúc xanh mát rượi
Hoa mai trắng ngần nở lác đác
Tùng xanh cành lá mướt mưa xuân
Chẳng khác chi nhà cửa thường dân.

Xem xét hồi lâu khỉ đá đi ra giữa cầu, nhìn ngắm hai bên chỉ thấy có tấm bia đá khắc bằng chữ to[1] "núi Hoa Quả,

(1) Nguyên văn: một chữ khải to. Chữ khải là một kiểu chữ nét chân phương, ngay ngắn, mạch lạc, rõ ràng, khác với kiểu chữ thảo.

động Thuỷ Liêm"[1]. Nó mừng quá, vội chạy về, nhắm mắt vươn mình, nhảy ra khỏi suối nước, cười khanh khách nói:

- Gặp may rồi! Gặp may rồi!

Lũ khỉ xúm lại hỏi:

- Trong ấy thế nào? Nước có sâu lắm không?

Khỉ đá cười:

- Không có nước, không có nước, chỉ có một chiếc cầu sắt, bên cầu là một cơ nghiệp trời đất xây dựng lên

Lũ khỉ nói:

- Sao biết đó là toà cơ nghiệp?

Khỉ đá cười:

- Dòng nước này chảy xói dưới chân cầu, chảy ngược lại thì lấp cửa cầu. Bên cầu có cây cối hoa cỏ, có một toà nhà đá, trong nhà có hang đá, bếp đá, bát đá, chậu đá, giường đá, ghế đá. Ở giữa có tấm biển đá, khắc hàng chữ "núi Hoa Quả, động Thuỷ Liêm". Thực là chốn yên thân của bọn ta. Bên trong động lại rộng rãi, có thể chứa đựng được hàng trăm hàng nghìn người già trẻ. Chúng ta đưa nhau vào đó ở, tránh được khi trời nóng lạnh. Trong ấy:

Chính nơi tránh gió nương hình
Mưa rơi chẳng ngại thân mình lạnh run
Trong này chẳng sợ tuyết sương
Ngoài kia sấm nổ, đây thường chẳng nghe
Sáng ngời lớp lớp ráng che
Mây lành lững thững đi về quanh hang
Tùng trúc tươi tốt mỡ màng
Hoa thơm cỏ lạ ngày càng thêm xuân.

---

(1) Nguyên văn: Hoa Quả sơn phúc địa, Thuỷ Liêm động đông thiên, chúng tôi (ND) lược ngắn lại

Lũ khỉ nghe xong, thích thú nói:

– Anh đi trước, dẫn chúng tôi vào theo đi! Vào đi! Khỉ đá nhắm mắt *nhún mình, nhảy xuống* kêu to:

– Tất cả theo ta mau!

Có mấy con khỉ *bạo dạn nhảy theo*. Những con nhút nhát co đầu, rụt cổ, vuốt mặt vò tai, la hét một hồi mới dám nhảy xuống. Nhảy qua đầu cầu rồi, con nào con ấy giật chậu, cướp bát, chiếm bếp, tranh giường khiêng đi khiêng lại. Thật là giống khỉ hiếu động không lúc nào để yên chân tay, khuân dọn một lúc, mệt nhoài, chúng mới thôi. Lúc ấy, khỉ đá *ngồi ngay ngắn* ở bên ngoài nói:

– Thưa các vị, người mà bất tín, thì chẳng ra gì. Các vị vừa nói ai tài giỏi, chui ra chui vào, thân thể không việc gì thì tôn làm vua. Nay ta vào được lại ra được rồi lại vào, tìm thấy được động trời, để chúng ta có cuộc sống yên ổn, ai nấy đều được hưởng phúc có cơ nghiệp, thế mà tại sao lại không tôn ta làm vua? Lũ khỉ nghe nói, đều chắp tay cúi đầu, không dám trái lệnh. Chúng bèn theo tuổi chia ban, cùng sụp lạy hô vang:

– Đại vương vạn tuế![1]

Từ đó khỉ đá lên ngôi vua, giấu chữ "đá" đi mà xưng là "Mỹ hầu vương". Có thơ rằng:

Ba dương hoà, nở muôn loài
Đá tiên chứa đựng đất trời tinh hoa
Hầu tinh từ trứng hoá ra
Họ tên đổi khác thật là khéo hay?
Vẻ ngoài cũng chẳng thua ai hình hài
Nhân gian kiếp kiếp trò đời
Xưng vua, xưng chúa một thời dọc ngang

Hầu vương liền chỉ huy một đàn khỉ vượn, khỉ cái, khỉ ngựa, sắp đặt thành quân, thân, tả, sứ, sớm dạo chơi núi Hoa

(1) Nguyên Văn : Thiên tuế

Quả, đêm về ngủ động Thuỷ Liêm, cùng nhau đồng lòng, chẳng lẫn vào đàn chim bay, không theo vào loài thú chạy, độc lập xưng vương, rất là thích thú. Thật là:

Xuân đến thì hái trăm hoa
Hè về tìm quả quanh nhà bầy ăn
Thu sang đào củ thơm lành,
Đông qua đi kiếm hoàng tinh về xài.

Hầu vương hưởng phúc vui vẻ, thoắt đã *ba bốn trăm năm*. Một hôm, Hầu vương đang cùng bạn bè yến tiệc vui vẻ, bỗng nhiên trở nên *phiền não, nước mắt giàn giụa*. Lũ khỉ thấy thế sợ hãi sụp lạy, hỏi:

– Đại vương làm sao thế?

Hầu vương nói:

– Ta tuy trong lúc vui thích, nhưng *có một điều phải lo xa, cho nên phiền não.*

Lũ khỉ lại cười, nói:

– Đại vương thực không biết thế nào là đủ. Chúng ta đang ngày ngày hưởng sung sướng ở nơi phúc địa non tiên, thần châu cổ động, không chịu kỳ lân cai trị, phượng hoàng quản lý, lại chẳng bị vua chúa nhân gian quản thúc, tự do đi lại, thực là vô cùng hạnh phúc, việc gì phải lo xa, chuốc lấy phiền não nữa! Hầu vương nói:

– Ngày nay tuy không phải theo pháp luật của vua chúa, không sợ oại quyền của thú muông, nhưng một mai tuổi già sức yếu, lão Diêm vương vẫn ngấm ngầm quản lý. Một ngày kia chết đi, chẳng hoá uổng công sinh ở thế gian, không được hưởng mãi phúc trời ư?

Lũ khỉ nghe nói như thế, con nào con nấy cúi đầu che mặt khóc thút thít, *lo sợ về nỗi vô thường*

Bỗng trong ban bệ, một con vượn lưng thẳng nhảy ra, lớn tiếng thưa rằng:

– Đại vương biết lo xa như thế, vậy là *đạo tâm thực đã khai phát' rồi đấy*. Hiện nay ngoài năm giống[1] thì có ba bậc danh sắc là không bị Diêm vương cai quản.

Hầu vương nói:

– Nhà ngươi có biết ba bậc ấy không?

Con vượn thưa:

– Đó là ba bậc: Phật, tiên và thần thánh, thoát khỏi luân hồi, không sinh không diệt, thọ ngang cùng trời đất, núi sông.

Hầu vương nói:

– Ba bậc đó ở đâu?

Con vượn thưa:

– Họ ở ngay trong thế giới Diêm phù này, những nơi động cổ, núi tiên.

Hầu vương nghe nói, trong lòng thoả mãn, vui mừng nói rằng:

– Ngày mai ta sẽ từ giã các người xuống núi, đi khắp góc biển chân trời, quyết tâm tìm cho được ba đấng ấy, học lấy phép sống mãi không già, để tránh nạn Diêm vương.

Ôi, câu nói đó thúc giục vượt qua lưới luân hồi làm thành Tề Thiên đại thánh!

Lũ khỉ vỗ tay tán thưởng nói:

– Hay lắm! Hay lắm! Ngày mai chúng tôi sẽ vượt núi băng ngàn tìm nhiều loại hoa quả đặt tiệc lớn tiễn đại vương.

Ngày hôm sau, cả lũ khỉ rủ nhau đi hái đào tiên, lấy quả lạ, tìm thuốc rừng, hoàng tinh, lan thơm, huệ ngát, quả lạ, hoa kỳ, đủ các thức bày biện chỉnh tề trên bàn đá, ghế đá, cùng với thức nhắm, rượu ngon, chỉ thấy những:

---

(1) Năm giống: Người xưa chia động vật ra năm loài: Loài người là "Khoả trùng" (trần trụi), loài thú là "mao trùng"; loài chim là "vũ trùng"; loài cá là "lân trùng" (có vẩy); loài côn trùng là "giới trùng" (theo nguyên chú)

Anh đào đỏ ửng ngon lành
Mơ kia chín mọng vị thanh ngọt ngào
Nhãn tươi, nước ngọt làm sao!
Vải thiều hạt nhỏ quả nào cũng thơm
Lâm cầm màu biếc tươi nguyên
Từng chùm bửa chín hái chen lá già
Lê đầu thỏ, táo trứng gà,
Bổ người giải khát cùng là tỉnh men,
Hạnh đào ngọt tựa quỳnh tương
Mận mềm mơ rắn ăn ngon nhất đời!
Thị tròn thơm, sắc vàng tươi,
Dưa hấu ruột đỏ, hạt ngời sắc đen
Lựu chín nứt, hạt như ken
Hạt dẻ nhân rắn lại thêm béo bùi
Pha trà – ngân hạnh tuyệt vời!
Dừa tươi, ngon chín nấu nồi rượu ngon,
Bòng, na, mít, dứa ngát thơm
Cam, chanh, quýt, mía dâng lên chật bàn,
Thuốc tiên bao thức trên ngàn,
Sắc trong nồi đá, tiệc càng thêm ngon.
Dù ai sướng nhất thế gian,
Cũng không sánh kịp Hầu vương tiệc này.

Lũ khỉ mời Hầu vương ngồi lên trên, còn lại xếp theo thứ tự tuổi tác ngồi ở dưới. Chúng lần lượt dâng rượu, dâng hoa, dâng quả, ăn uống vui vẻ suốt một ngày. Hôm sau, Mỹ hầu vương dậy sớm, truyền lệnh:

– Các con hãy đi lấy một ít cây thông khô, đóng một cái bè, chặt cây tre làm sào chống, nhặt nhạnh ít hoa quả, để ta làm thức ăn đi đường.

Rồi một mình Hầu vương xuống bè, ra sức chèo chống lênh đênh thẳng hướng biển cả mà đi. Thuận chiều gió nên chẳng

bao lâu bè giạt vào địa giới Nam Thiên Bộ Châu. Chuyến đi này thật là:

Đạo hưng trời để khỉ tiên,
Rời non thuận gió lênh đênh cưỡi bè.
Học tiên đạo, vượt biển xa,
Bền lòng vững chí ắt là thành công.
Gặp duyên có phúc, có phần,
Bởi tin đắc đạo lòng không lo phiền.
May thay gặp được chân tiên,
Rõ ràng gốc ngọn tỏ tường đạo sâu.

Đúng gặp lúc thời vận của Hầu vương đến, nên từ lúc cưỡi bè ra đi, luôn luôn có gió Đông nam thổi mạnh, đưa bè tới bờ Tây bắc là địa giới của Nam Thiên Bộ Châu. Hầu vương chống sào đo nước, thấy đã hơi nông, bèn rời bè nhảy lên bờ, chỉ thấy có người đánh cá, bẫy chim, đào sò, phơi muối. Hắn bèn đến gần giả làm ma quái đùa giỡn, doạ nạt, khiến mọi người sợ hãi, vứt bẫy quăng lưới chạy toán loạn. Hầu vương bắt được một người chạy không kịp, lột lấy quần áo, bắt chước mặc vào người mình, nghênh ngáo đi khắp châu huyện, phố xá, học lễ, học nói, ngày ăn tối ngủ, *một lòng dò hỏi đạo Phật tiên thần thánh*, tìm phương thuật *trẻ mãi không già* nhưng chỉ thấy người đời toàn là hạng đua tranh danh lợi, không có một người lo lắng mệnh thân. Thật là:

Đua chen danh lợi dập dồn,
Thức khuya dậy sớm chẳng còn tự do.
Mong tuấn mã khi cưỡi lừa,
Làm quan tể tướng, lại mơ vương hầu.
Mệt nhoài cơm áo tranh nhau,
Chẳng lo quỷ sứ bắt chầu Diêm vương.
Mải mê vun đắp cháu con,
Nào ai tỉnh giấc tìm đường hồi tâm.

Hầu vương tìm học đạo tiên, không biết ở đâu cả. Ở Nam Thiên Bộ Châu, sục sạo thành lớn, thấm thoát đã tám, chín năm. Rồi một hôm đi đến Tây Dương đại hải, nghỉ bụng ngoài biển nhất định có thần tiên. Bèn tự mình đóng bè, vượt qua Tây Hải, thẳng tới địa phận Tây Ngưu Hạ Châu. Hầu vương lên bờ tìm hỏi, chợt nhìn thấy một toà *núi cao xinh đẹp, rừng rậm âm u* và chẳng sợ lang sói, hùm beo trèo lên tận đỉnh núi *quan sát*. Quả là một ngọn núi tuyệt đẹp:

Nghìn non như giáo dựng
Muôn tầng tựa bình phong.
Nắng dọi biếc hơi lam,
Mưa nhuần sắc núi thẫm.
Cổ thụ dây mây quấn,
Bến cũ đường thanh u.
Hoa cỏ lạ xanh rì,
Trúc tùng xanh mươn mướt.
Nghìn năm thắm mãi miền đất phúc,
Bốn mùa đượm vẻ chốn Doanh Bồng.
Ríu rít tiếng chim rừng,
Dạt dào dòng suối lượn.
Tầng tầng hang hốc chi lan quấn,
Chốn chốn vách non rêu phủ xanh.
Nhấp nhô thế núi đẹp như tranh,
Hẳn phải có cao nhân ở ẩn.

Đang ngồi *xem xét*, Hầu vương chợt nghe thấy trong rừng sâu có tiếng người, bèn vội vàng chạy vào rừng, lắng tai *nghe* biết là tiếng hát.

Hát rằng:

Xem cơ mục cán rìu rồi,
Chặt cây chan chát trên đồi cây xanh.
Cửa hang lững thững mây lành,

Bán củi mua rượu thoả tình say sưa.
Đêm thu trời biếc sao thưa,
Gối cây nằm khểnh, hững hờ ngắm trăng.
Vô tư đánh một giấc nồng,
Sáng rồi ta lại vào rừng chặt cây.
Chiều về một gánh trên vai,
Nghêu ngao giữa chợ đổi vài thúng ngô.
Thời giá vẫn rẻ như xưa,
Luông thung tráo đấu lọc lừa làm chi.
Mặc vinh nhục, kệ thị phi,
Ung dung điềm đạm ta thì sống lâu
Gặp nhau: Phật đạo phép mầu
Bình tâm tĩnh toạ giảng câu "Hoàng đình".

Hầu vương vừa nghe xong, thấy trong lòng phấn chấn nghĩ: "Hoá ra thần tiên ẩn ở đây" vội vàng đi vào bên trong, nhìn kỹ thấy có một người tiều phu đang gio rìu chặt củi, ăn mặc khác thường:

Đầu đội nón mo nang
Mình mặc áo vải sợi bông dệt thành.
Hầu bao bằng lụa tơ tằm,
Chân đi hài cỏ đan bằng sợi mây.
Cây rìu sắt nắm trong tay,
Trên vai một gánh củi gai đỏ hồng.
Đẵn cây chặt củi thong dong,
Tiều phu nghề ấy ai bằng được ta?

Hầu vương đến gần nói:

– Xin kính chào lão thần tiên

Người kiếm củi vội vàng quăng búa, quay người lại đáp lễ:

– Không dám, không dám! Tôi là người vụng về, ăn mặc lôi thôi chẳng dám nhận hai tiếng "thần tiên".

Hầu vương thưa:

– Ngài không phải thần tiên, thì sao lại nói ra những lời thần tiên như vậy?

Người kiếm củi nói:

– Tôi có nói lời thần tiên nào đâu?

Hầu vương nói:

– Khi tôi vừa đến mé rừng đã nghe thấy ngài nói: "Gặp nhau: Phật đạo phép mầu, bình tâm tĩnh toạ giảng câu Hoàng đình", Hoàng đình là chân ngôn đạo đức, vậy chẳng phải thần tiên là gì?

Người kiếm củi cười, nói:

– Chẳng dấu gì bác, bài hát đó tên là: "Măn đình phương" của một vị thần tiên dạy cho tôi. Vị ấy là hàng xóm của tôi. Ngài thấy tôi công việc vất vả, lại hay buồn phiền, bèn dạy cho tôi, và dặn rằng: "Khi nào buồn phiền, thì hát bài ấy, một là giải trí, hai là hết khổ". Hôm nay tôi có điều lo lắng, lòng dạ buồn phiền nên mới hát bài ấy, không ngờ bác lại nghe được.

Hầu vương nói:

– Nhà ông ở cạnh thần tiên, sao ông không chịu theo họ tu hành, để học lấy phép trẻ mãi không già, chẳng tốt lắm ư?

Người kiếm củi nói:

– Tôi cả đời cực khổ. Từ nhỏ, nhờ ơn cha mẹ nuôi nấng, đến năm tám, chín tuổi mới hơi biết việc đời. Chẳng may bố chết, mẹ ở goá, lại không có anh em, chỉ có một mình tôi, tôi chẳng biết làm gì, chỉ biết sớm tối trông nom mẹ. Giờ đây mẹ tôi già rồi. Tôi chẳng dám đi đâu. Ruộng vườn bỏ hoang, ăn mặc chẳng đủ, hàng ngày chỉ biết kiếm củi đem ra chợ bán lấy mấy đồng, đong vài đấu gạo, mang về thổi cơm nấu nước phụng dưỡng mẹ già. Vì thế, tôi không tu hành được.

Hầu vương nói:

– Nghe lời ông nói, thì quả là người hiếu hạnh quân tử, sau này ắt sẽ gặp điều hay. Bây giờ tôi nhờ ông chỉ dùm cho nơi thần tiên ở, để tôi được đến vái chào.

Người kiếm củi cười:

– Gần thôi, gần thôi. Núi này gọi là "Linh Đài Phương Thốn". Trong núi có động "Tà Nguyệt Tam Tinh". Trong động có vị thần tiên tên gọi Tu Bồ Đề tổ sư. Vị sư ấy có rất nhiều đồ đệ, nay vẫn còn khoảng ba bốn chục người tu hành. Nhà bác cứ đi theo con đường mòn này, thẳng hướng Nam khoảng bảy, tám dặm là đến nơi.

Hầu vương nắm tay người kiếm củi, nói:

– Thưa lão huynh, lão huynh làm ơn đưa tôi đến. Nếu tốt lành, tôi không bao giờ quên ơn chỉ dẫn.

Người kiếm củi nói:

– Bác là người hảo hán mà không biết thông biến. Tôi chẳng vừa nói với bác là gì, bác không hiểu ư? Nếu tôi đi với bác, thì bỏ dở việc bán củi của tôi. Mẹ già tôi lấy ai phụng dưỡng? Tôi còn bận kiếm củi, bác cứ đi đi! Hầu vương nghe nói như vậy, bèn từ biệt người kiếm củi, ra khỏi rừng sâu tìm đường vượt qua sườn núi khoảng độ bảy, tám dặm, quả nhiên nhìn thấy một toà động phủ. Hầu vương thẳng người lên nhìn kỹ. Thật là một nơi tuyệt đẹp. Chỉ thấy:

Ráng mây rực rỡ
Nhật nguyệt huy hoàng.
Nghìn cây trắc cổ, Muôn đốt trúc vàng
Nghìn cây trắc cổ, mưa đượm lưng trời xanh mướt mướt
Muôn đốt trúc vàng khói lồng cửa động về mang mang
Ngoài cửa hoa thêm thêu gấm
Bên cầu cỏ ngọc đưa hương.

Chênh vênh vách đá rêu xanh phủ.
Chất ngất non cao cổ thụ trường
Hạc tiên hót văng vẳng
Phượng Hoàng bay chập chờn
Hạc tiên hót, tiếng vang chín chằm xa thẳm
Phượng hoàng lượn, lông màu rực ánh vân quang
ẩn hiện đủ vượn đen hươu trắng
Ra vào nhiều Voi ngọc lân vàng
Ngắm nhìn nơi phúc địa
Thật một chốn thiên đường.

Lại thấy cửa động đóng chặt im phăng phắc không dấu chân người. Hầu vương chợt ngoảnh đầu lại, nhìn thấy sườn non có một tấm bia đá cao hơn ba trượng, rộng hơn tám thước, trên khắc một hàng mười chữ lớn "núi Linh Đài Phương Thốn, động Tà Nguyệt Tam Tinh" Mỹ hầu vương vô cùng phấn khởi nói:

– Người vùng này quả là thật thà chất phác. Đúng là có động như thế!

Hầu vương *đứng xem hồi lâu* chẳng dám *gõ cửa*, rồi trèo lên ngọn cây thông, hái quả ăn chơi.

Lát sau, chỉ nghe thấy một tiếng kẹt, cửa động mở. Một chú *tiểu đồng từ bên trong đi ra*, dáng người thanh tú, vẻ mặt khôi ngô, khác hẳn người thường:

Đầu tết hai bím trái đào,
Tay áo lụng thụng gió vào phất phơ.
Mặt mũi lộ vẻ thanh kỳ,
Tầm trông thanh thoát, tướng thì lâng lâng
Khách ngoại vật sống muôn năm,
Trẻ thơ thọ mãi ở trong núi rừng.
Bụi trần chẳng bợn đến thân,
Thung dung nào biết tháng năm trôi ngừng.

Tiểu đồng vừa ra khỏi cửa, liền kêu to rằng:

- Kẻ nào nghịch ngợm, quấy rối ở đây thế?

Hầu vương từ trên cây nhảy xuống, đến trước mặt tiểu đồng, lễ phép nói:

- Thưa tiểu đồng, tôi là đệ tử đi tìm học đạo tiên, đâu dám quấy rối.

Tiểu đồng cười, nói:

- Anh là người đi tìm

Hầu vương thưa:

- Vâng

Tiểu đồng nói:

- Sư phụ vừa mới đăng đàn giảng đạo, chưa nói rõ nguyên do, đã bảo tôi ra mở cửa. Ngài nói: "Ngoài cửa có kẻ tu hành đến, nên ra đón tiếp, có lẽ là anh chăng?

Hầu vương cười, nói:

- Chính tôi! Chính tôi!

Tiểu đồng nói:

- Anh đi theo tôi.

Hầu vương sửa sang lại quần áo ngay ngắn, theo tiểu đồng đi thẳng vào trong động sâu, nhìn thấy gác tía lầu son, cửa châu nhà ngọc, tầng tầng lớp lớp cảnh vật cực kỳ u tĩnh. Hầu vương đi thẳng đến dưới đài ngọc, thấy vị Bồ Đề tổ sư ngồi ngay ngắn ở trên, hai bên có ba mươi vị tiểu tiên đứng hầu. Quả là:

Kim tiên đại giác sạch ghê,
Phương Tây diệu tướng Bồ Đề tổ sư.
Không sinh diệt, đức cao xa,
Thần tròn khí dẹt rất là từ bi.
Chân như bản tính an vi,
Tự nhiên không tịch, tuỳ nghi biến đời.

Trang nghiêm thọ sánh đất đất trời,
Pháp sư muôn kiếp sáng ngời là đây.

Hầu vương vừa nhìn thấy đã cúi người lạy liên tiếp và nói:

– Thưa sư phụ, thưa sư phụ, đệ tử con lòng thành chầu lễ.

Tổ sư nói:

– Nhà ngươi là người ở đâu, mau nói rõ quê quán họ tên rồi hãy lạy.

Hầu vương thưa:

– Đệ tử là người động Thuỷ Liêm, núi Hoa Quả, nước Ngạo Lai, thuộc Đông Thắng Thần Châu.

Tổ sư quát mắng ra lệnh:

– Tống cổ nó ra! Thằng này là hạng dối trá quanh co, còn tu hành thành đạo quả sao được!

Hầu vương sợ hãi dập đầu thưa:

– Đệ tử nói thật mà, đâu dám nói dối.

Tổ sư nói:

– Mày nói thực thà, mà lại nói Đông Thắng Thần Châu à? Từ nơi ấy đến đây cách hai lần biển lớn, một toà Nam Thiên Bộ Châu, làm sao mà tới được?

Hầu vương cúi đầu thưa:

– Đệ tử lênh đênh vượt biển, lang thang trên bộ mười mấy năm trời mới đến được đây.

Tổ sư nói:

– Ừ, đi mãi dần dà cũng đến nơi. Thế tính [1] người là gì?

Hầu vương đáp:

– Con không có tính. Người ta mắng con, con cũng không giận; đánh con, con cũng không tức; chỉ lạy họ mà thôi, cả đời con không có tính.

---

(1) Tính: chữ Hán nghĩa là "họ", đồng âm với chữ tính nghĩa là tính tình. Hầu vương không hiểu, trả lời nhầm.

Tổ sư nói:

– Không phải là tính tình. Thế cha mẹ ngươi vốn là gì?

Hầu vương đáp:

– Con cũng không có bố mẹ.

Tổ sư nói:

– Không có bố mẹ thì đẻ ra ở lỗ nẻ chắc ?(1)

Hầu vương thưa:

– Con tuy không phải đẻ ra ở lỗ nẻ, nhưng lại từ trong tấm đá sinh ra. Con chỉ nhớ rằng trên núi Hoa Quả có một tảng đá tiên, năm ấy tảng đá vỡ ra và sinh ra con.

Tổ sư nghe nói, trong dạ mừng thầm, nói:

– Như thế là trời đất sinh ra thành ngươi. Nhà ngươi hãy đứng dậy, đi lại ta xem.

Hầu vương nhảy tót lên, loanh quanh chạy hai vòng.

Tổ sư cười, nói:

– Chữ "tôn" bỏ bộ thú bên cạnh đi, còn lại chữ tử và chữ hệ. Tử là con trai, hệ là trẻ nhỏ. Nhà ngươi chính hợp với bản chất trẻ nhỏ. Vậy đặt cho ngươi là họ "Tôn" nghe!

Hầu vương nghe nói trong lòng vui mừng khôn xiết cúi đầu lạy tạ rằng:

– Hay quá, hay quá! Hôm nay con mới biết có họ. Đội ơn sư phụ từ bi, con đã có họ, xin đặt cả tên cho con để tiện gọi.

Tổ sư nói:

– Trong môn phái ta có *mười hai chữ* để phân phát đặt tên, đến nhà ngươi là môn đệ *nhóm mười*

Hầu vương hỏi:

– Mười hai chữ là gì?

Tổ sư nói:

---

(1) Nguyên văn: Đẻ ra ở trên cây.

– Mười hai chữ là: Quảng, Đại, Trí, Tuệ, Nhân, Như, Tính, Hải, Đĩnh, Ngộ, Viên, Giác. Đến lượt ngươi là chữ "Ngộ". Vậy đặt cho nhà ngươi pháp danh là "Tôn Ngộ Không" có được không?

Hầu vương cười, nói:

– Hay quá, hay quá! Từ nay ta sẽ là Tôn Ngộ Không.

Chính là:

Hỗn mang mới mở vốn không họ,
Phá hết mịt mờ: Phải Ngộ Không (1)

Muốn biết Ngộ Không tu hành đắc đạo ra sao, xem hồi sau sẽ rõ.

Hồi IV
QUAN PHONG BẬT MÃ LÒNG SAO XỨNG TÊN GỌI TỀ THIÊN DẠ CHẲNG YÊN

Thái bạch kim tinh dẫn Ngộ Không đến ngoài điện Linh Tiêu không đợi tuyên chiếu, đi thẳng vào trước ngự toạ. Ngộ Không đứng ra bên cạnh, không lễ, chỉ lắng tai nghe Kim tinh tâu:

– Thần phụng sắc chỉ đi, đã triệu được yêu tiên đến.

Thượng đế vẫn rủ rèm, hỏi ra:

– Đứa nào là yêu tiên?

Ngộ Không chỉ cúi mình trả lời:

– Lão Tôn đây!

Các tiên châu ở đấy đều sợ hãi, thất sắc nói:

– Loài khỉ kia, sao không phục lạy yết kiến, lại dám ứng đối vô lễ "Lão Tôn đây" tội đáng chết! tội đáng chết!

---

(1) Ngộ Không: có nghĩa là giác ngộ lẽ sắc không. Đạo Phật quan niệm rằng ai giác ngộ được lẽ sắc không, thấy sự vật chỉ là không giả tạm, thì mới sáng suốt, hết mê mờ.

Thượng đế truyền chỉ:

_ Tôn Ngộ Không là yêu tiên của hạ giới, mới được thành người, chưa biết lễ nghĩa, hãy tha tội cho.

Các tiên giục:

_ Tạ ơn đi!

Ngộ Không chỉ trông lên, xướng lên một tiếng thật to:

- Vâng:

Thượng đế truyền xếp hai hàng văn võ xem có đâu thiếu quan chức , để bổ Ngộ Không vào. Vũ khúc tinh quân ở bên chuyển lên tâu:

- Các cung các điện đều không thiếu quan, chỉ có ngự mã giám[1] thiếu viên quản sự.

Thượng đế phán:

- Cho Ngộ Không làm Bật mã ôn[2].

Mọi người lại giục tạ ân

Ngộ Không cũng chỉ trông lên, nói to một tiếng:

- Vâng!

Thượng đế lại sai Mộc đức tinh quân đưa Ngộ Không đến ngự mã giám nhận chức. Bấy giờ Ngộ Không vui mừng đi theo Mộc đức tinh quân đến nhận chức. Xong việc, khi Mộc đức tinh quân về cung, Ngộ Không liền hội họp tất cả các giám thừa, giám mã, điển ba, lực sĩ, tất cả các quan to, quan nhỏ lại kiểm tra công việc. Sở giám này chỉ có độ nghìn con ngựa. Ngộ Không xét lại sổ sách điểm rõ số ngựa trong sổ này, điển ba giữ việc mua rơm cỏ, lực sĩ coi việc tắm cho ngựa, cho ngựa ăn, cho ngựa uống. Giám thừa, giám phó giữ việc thôi đốc. Bật mã ôn ngày đêm không ngủ trông nom ngựa. Ban ngày còn chơi đùa, ban đêm thì chăm sóc ân cần, như ngựa ngủ thì đánh thức cho

---

(1) Sở chăn ngựa.

(2) Theo truyền thuyết dân gian, con khỉ có thể tránh được dịch ngựa. Tác giả dùng chữ đồng âm với chữ tránh dịch ngựa (Bật mã ôn) để đặt ra chức này.

ăn cỏ, ngựa chạy quanh thì bắt về chuồng. Những con thiên mã thấy Bật mã ôn là chỏng tai giậm cẳng, nhưng ngược lại chúng được nuôi nấng béo tốt. Chốc đã hơn nửa tháng. Một hôm được nhàn hạ, các giám quan sửa tiệc rượu vừa là để thù tiếp Bật mã ôn, vừa là để chúc mừng bạn mới.

Chính đang lúc vui vẻ, Hầu vương chợt ngừng chén hỏi:

- Chức Bật mã ôn của tôi là quan hàm gì?

- Chỉ có tên là quan như thế đấy!

Hầu vương lại hỏi:

- Không phẩm nào thì là to nhất rồi còn gì?

Chúng nói:

- Không to! Không to đâu! Chức ấy chỉ mới gọi là chưa vào hàng quan.

Hầu vương hỏi:

- Sao lại gọi là chưa vào hàng quan?

Chúng nói:

- Nghĩa là bậc cuối cùng mạt hạng. Chức ấy rất thấp, rất nhỏ, chỉ có việc trông ngựa thôi. Tựa như ngài đây từ khi đến nhậm, siêng năng, nuôi ngựa được béo, thì chỉ được một tiếng khen tốt. Nếu như hơi để ngựa gầy thì lại bị trách phạt ngay. Nhất là để tổn thương đến ngựa thì còn bị phạt tiền chuộc tội.

Hầu vương nghe nói, nổi giận đùng đùng, nghiến răng nói:

- Khinh rẻ lão Tôn như thế này ư? Lão Tôn ở núi Hoa Quả đương làm vua, làm cha, cớ sao dám lừa dối ta đến đây để nuôi ngựa cho họ? Nuôi ngựa là việc của những người tầm thường, là việc nhỏ nhen, mà lại đem đãi ta ư? Không thèm làm nữa! Ta đi đây!

Nói rồi, đạp đổ công án,, lấy bảo bối trong tai ra múa tít vừa đi, vừa đánh ra khỏi ngự mã giám, tới thẳng cửa Nam thiên. Thiên binh biết Hầu vương đã được biên tên vào sổ tiên,

đang là Bật mã ôn, không giám ngăn trở mặc cho Hầu vương ra khỏi cửa trời. Một lát sau, Hầu vương về đến núi Hoa Quả. Ở trên mây xuống, Hầu vương thấy bốn tướng và yêu vương đương luyện tập cho quân sĩ, bèn lên tiếng quát to:

– Các em! Lão Tôn đã về đây!

Bọn khỉ trông thấy Hầu vương đều sụp lạy rồi rước vào trong động, mời Hầu vương lên bảo vị, bày tiệc rượu tiếp đón. Lũ khỉ đều nói:

– Xin mừng đại vương lên trời đã được mười mấy năm, nay vinh quy tất đắc ý?

Hầu vương đáp:

– Ta chỉ ở trên trời hơn nửa tháng, mà đã mười mấy năm ư?

Bọn hầu đáp:

– Đại vương ở trên trời một ngày là bằng một năm ở hạ giới. Chẳng hay đại vương đã làm quan chức gì ở trên đó?

Hầu vương xua tay:

– Không đáng nói, không đáng nói. Nói ra thêm xấu hổ! Thượng đế không biết dùng người, thấy hình dạng lão Tôn như thế này, cho ta làm chức Bật mã ôn, nguyện làm cái việc nuôi ngựa chẳng có hàm phẩm gì cả. Khi mới đến, ta không biết, cứ nhởn nhơ ở trong ngự mã giám, sau hỏi các bạn đồng sự, mới biết là chức ti tiện, ta rất buồn liền đạp đổ tiệc rượu không nhận quan hàm, rồi bỏ về đây.

Bọn khỉ nói:

– Về là phải, về là phải, đại vương làm vua làm chúa ở động này, sang trọng sung sướng biết chừng nào, việc gì phải làm phu coi ngựa cho ai?

Nói xong bọn khỉ giục làm tiệc rượu mau để Hầu vương giải phiền.

Đương lúc uống rượu có người vào báo:

– Thưa đại vương, ngoài cửa có Độ giốc quỷ vương muốn yết kiến.

Hầu vương truyền cho vào.

Quỷ vương ăn mặc chỉnh tề vào động, cúi đầu làm lễ. Hầu vương hỏi:

Các ngươi đến đây có việc gì?

Quỷ vương thưa:

– Lâu nay nghe tiếng đại vương chiêu hiền, nhưng chưa có dịp tới. Nay thấy đại vương được ghi vào sổ trời, vinh quy đắc ý, chúng tôi đến dâng một tấm hoàng bào mừng đại vương và xin vương nếu không cho tôi là hèn hạ thu dụng cho, tôi nguyện xin gắng sức đem tài khuyển mã đền ơn tri ngộ.

Hầu vương cả mừng, mặc áo hoàng bào vào mình. Cả bọn vui vẻ, sung sướng đứng sắp hàng lạy. Hầu vương liền phong luôn quỉ vương làm tướng tiên phong tiền bộ. Quỉ vương tạ ơn tâu:

– Đại vương khi ở trên trời lâu làm chức gì?

Hầu vương đáp:

– Thượng đế khinh người, cho ta làm chức Bật mã ôn gì ấy!

Quỉ vương nghe biết liền tâu:

– Đại vương có phép thần thông như thế, sao lại đi nuôi ngựa cho họ? Có làm đến "Tề thiên đại thánh', gì mà không được?

Hầu vương nghe lấy làm vui mừng nói luôn mấy tiếng

– Tốt! Tốt! Tốt!

Liền sai bốn kiện tướng:

– May ngay cho ta một lá cờ trên thêu bốn chữ lớn: "*Tề thiên đại thánh*" [1] *Dựng cột cờ treo ngay trước cửa động! Từ nay trở đi, các ngươi chỉ được gọi là Tề thiên đại thánh, không được gọi là Đại vương nữa. Và truyền ngay cho yêu vương các động cùng biết một thể!*

Ngày hôm sau, Thượng đế thiết triều, thấy Trương tiên sư dẫn các viên giám thừa, giám phó ở ngự mã giám, đến trước đan trì quỳ lạy tâu:

– Vạn tuế, Bật mã ôn mới bổ là Tông Ngộ Không, vì thấy chức quan nhỏ, nên đã bỏ thiên cung đi hôm qua rồi.

Lại thấy Tăng tràng thiên vương dẫn các thiên binh cũng đến tâu:

– Bật mã ôn ra khỏi cửa trời đi đã lâu, không biết vì lẽ gì?

Thượng đế nghe nói lập tức truyền chỉ:

– Hàng hàng văn võ cứ về giữ chức, trẫm sẽ sai thiên binh đi nã bắt con quái ấy!

Trong ban có Thác tháp Lý thiên vương và Na tra tam thái tử bước ra khỏi ban tâu:

– Tiểu thần này tuy bất tài cũng xin giáng chỉ cho đi.

Thượng đế cả mừng bèn phong Thác tháp Lý thiên vương làm Giáng ma đại nguyên soái, Na tra tam thái tử là Tam đàn hải hội đại thần, lập tức cất quân xuống hạ giới.

Lý thiên vương và Na tra cúi đầu từ tạ, đi thẳng về bản cung kiểm điểm ba quân, gọi các đầu mục, cho Cự linh thần làm tiên phong, Ngư đỗ tướng đoạn hậu, Dược soa tướng đốc quân. Một nháy mắt quân đã ra khỏi cửa Nam Thiên, thẳng tới núi Hoa Quả, chọn nơi an dinh hạ trại, rồi truyền lệnh cho Cự linh thần ra khiêu chiến. Cự linh thần vâng lệnh nai nịt gọn gàng, cầm cây búa Tuyên hoa đến ngoài thuỷ động, thấy ngoài cửa động có rất nhiều yêu ma, đều là loài sài lang hổ báo, nô đùa nhảy nhót múa gươm, khoa giáo bò la ầm ỹ.

---

(1) Bậc đại thánh ngang hàng với trời.

Cự linh thần quát:

– Bọn súc sinh kia đi báo ngay cho Bật mã ôn biết, ta là đại tướng trên trời, vâng sắc chỉ Ngọc hoàng đến đây bắt y, mau bảo y ra đầu hàng ngay thì chúng bay mới khỏi tan xác!

Bọn yêu vội chạy dạt về báo truyền vào trong động:

– Tai vạ rồi! Tai vạ rồi!

Hầu vương hỏi:

– Tai vạ gì?

Các yêu thưa:

– Ngoài cửa có một thiên tướng, gọi đến quan hàm của Đại thánh và nói vâng sắc chỉ Thượng đế đến đây thu phục, bảo mau mau ra hàng mới khỏi sát hại đến tính mệnh chúng con.

Hầu vương nghe nói, truyền:

– Đem áo giáp ra đây cho ta!

Rồi đội mũ vàng đỏ, mặc áo giáp vàng, đi hài vân, tay cầm gậy Như ý dẫn quân ra cửa bày trận. Cự linh thần trông thấy Hầu vương mình mặc áo giáp vàng oai vệ, đầu đội mũ vàng rực rỡ, tay cầm gậy Như ý bịt vàng, chân đi giầy vân đầu rất ăn ý, hai mắt sáng như sao, hai tai rủ xuống đến vai, tiếng nói vang như chuông khánh, mõm nhọn răng nhe, rõ Bật mã ôn, nhưng lòng cao ngạo muốn làm Tề thiên đại thánh. Cự linh thần lớn tiếng quát:

– Loài khỉ khỉa, có biết ta là ai không?

Đại thánh nghe tiếng, vội hỏi:

– Ngươi là thần hèn ở nơi nào? Ta không biết, ngươi phải nói tên ta nghe.

Cự linh thần nói:

– Ta là Cự linh thiên tướng, tướng thiên phong bộ hạ của Cao thượng thần Thác tháp Lý thiên vương, vâng thánh chỉ thượng đế đến đây thu phục ngươi. Ngươi mau sắm sửa hành

trang quy thuận mệnh trời để người núi này khỏi vạ du tri, bằng nói nửa lời chữ "không", thì chớp mắt, thân ngươi sẽ tan tác ra phấn bụi.

Hầu vương nổi giận quát:

- Đồ hèn hạ, ngươi dám khua môi múa mép, ta định đãi ngươi một chuỳ chết tươi, nhưng sợ không có người về báo với triều đình, nên ta hãy tha chết cho ngươi để ngươi mau về nói với Thượng đế rằng Thượng đế thực không biết dùng người, ta tài năng có thừa, sao dám cho ta chức nuôi ngựa? Ngươi hãy xem chữ hiệu cờ của ta kia kìa. Nếu Thượng đế y như những chữ ấy, tự nhiên trời đất sẽ thanh bình. Nếu không, ta sẽ đánh lên đến Linh tiêu điện, ngay long sàng của Thượng đế cũng không ngồi được nữa đâu.

Cự linh thần nghe nói, trừng mắt nhìn xem, quả thấy ngoài cửa có lá cờ thêu bốn chữ lớn "*Tề thiên đại thánh*" liền cười nhạt nói:

- Loài khỉ ngu xuẩn kia, lếu láo không biết gì dám nhận là Tề thiên đại thánh, hãy thử nếm một nhát búa của ta đây!

Liền vung búa bổ xuống.

Hầu vương không hề hoảng sợ, lấy gậy bịt vàng ra đón đỡ. Thật là một trường hỗn chiến:

"Gậy Như ý,
Búa Tuyên hoa
Hai kẻ anh hùng gặp gỡ,
Một đôi gậy, búa giao gia,
Nông sâu chưa rõ,
Ướm độ dò la.
Người này trong lòng biến hoá.
Kẻ kia ngoài miệng ba hoa.
Hoá phép phun mây, nuốt gió.
Ra tay tung cát, bay xa,

Thiên tướng thần thông nhiều đạo pháp,
Hầu vương biến hoá không bến bờ,
Gậy giơ tựa rồng phun nước,
Búa đánh như phượng xuyên hoa,
Danh tiếng Cự linh thiên hạ khét,
Mà xem bản lĩnh còn kém xa.
Nhẹ nhàng Đại thánh giơ gậy sắt,
Gõ khẽ vào ai sượt cả da".

Cự linh thần không địch nổi, bị hầu vương đánh một gậy vào đầu, vội giơ búa ra đỡ, nghe rắc một cái, cán búa gẫy làm hai đoạn, vội vàng bỏ chạy. Hầu vương cười nói:

– Đồ hèn, đồ hèn! Ta tha cho mày đấy, mau mau về báo tin đi! Cự linh thần về dinh yết kiến Lý thiên vương, ấp úng quỳ tâu:

– Bật mã ôn thật là thần thông quảng đại, mạt tướng này đánh không nổi, chịu bại trận, xin về chịu tội. Lý thiên vương nổi giận nói:

– Tên này làm nhụt nhuệ khí ba quân, lôi ra chém đi! Thái tử Na tra ở bên chạy ra lạy kêu cho Cự linh thần:

– Xin phụ vương bớt giận tha tội cho Cự linh thần, để con dàn quân ra trận xem sao đã.

Na tra thái tử giáp trụ chỉnh tề, chạy ra ngoài định vòng đến động Thuỷ Liêm. Ngộ Không đương lúc thu binh, thấy thái tử Na tra đến, ra dáng dũng mãnh, đúng là một thái tử giỏi:

"Tóc ngôi vừa chấm trán,
Mớ chỏm chửa xoã vai,
Khôi ngô mà nhanh nhẹn,
Thanh tú lại hùng oai,
Chẳng khác gì kỳ lân trên thượng giới.
Y như chim phượng ngoài trần ai.
Thật quả giống rồng không tướng tục.

Cho nên tuổi trẻ dã hơn dời,
Mình mang dủ sáu binh khí
Biến hoá phi đàng khắp mọi nơi.
Vâng lệnh Ngọc hoàng ban chiếu chỉ,
Sắc phong Hải hội, hiệu Tam đài"

Ngộ Không lại gần hỏi:

- Chú là con cái nhà ai ? Đến cửa ta có việc gì ?

Na tra thái tử quát:

- Giống khỉ yêu quái kia, ngươi không nhận ra ta ư ? Ta là Thái tử, con Thác tháp thiên vương, nay phụng mệnh Thượng đế, đến đây bắt ngươi.

Ngộ Không cười:

- Thái tử ranh con kia, răng non chưa mọc, máu đầu chưa khô, sao dám nói láo thế ? Ta tha cho không đánh, ngươi cứ xem hiệu cờ của ta, thấy có những chữ gì về tâu với Thượng đế phong cho ta quan hàm như thế, không cần phải cất quân đi ta cũng tự quy thuận. Nếu không được toại ý ta, ta sẽ đánh đến điện Linh tiêu.

Na tra ngẩng đầu lên xem thì là bốn chữ "*Tề thiên đại thánh*" liền nói: - Yêu hầu kia, có phép thần thông gì mà dám xưng danh hiệu như thế! Ngươi không sợ hả ! Hãy nếm thử lưỡi gươm của ta đây!

Ngộ Không thách:

- Ta đứng yên đây cho ngươi chém, mặc ý muốn chém mấy nhát xem nào.

Na tra cả giận hô to một tiếng:

- "Biến"

Tức thì biến ra ba đầu sáu tay rất dữ dội, cầm sáu thứ binh khí: gươm chém yêu, đao bổ yêu, dây trói yêu, chầy giã yêu, quả câu vóc, bánh xe lửa, xông vào đánh.

Ngộ Không thấy thế giật mình nói:

- Bé con kia mà cũng có phép thuật ư? Chớ có vô lễ! Hãy xem thần thông của ta.

Nói xong hô:

- "Biến"

Rồi cũng biến ra ba đầu sáu tay, cầm cây gậy bịt vàng, vung một cái cũng biến ra ba cây gậy ra đánh đỡ. Cuộc chiến đấu thật là long trời lở đất:

"Sáu tay thái tử tuyệt vời,
Thạch hầu vương cũng là trời sinh ra.
Hai bên đối thủ tay già,
Gặp nhau mới thật cùng là bản nguyên.
Một bên vâng lệnh chỉ truyền,
Một bên tự dối muốn lên đánh trời.
Gươm chém yêu thật tuyệt vời,
Đao bổ yêu rõ phách rời hồn kinh.
Dây trói yêu cuốn vào mình,
Chày giã yêu mạnh như hình hổ lang.
Bánh xe lửa loé chớp nhằng,
Cầu thêu qua lại dọc ngang trên đầu.
Ra roi Đại thánh rất mầu,
Đón sau đỡ trước lầu lầu mưu cơ.
Đánh nhau chưa rõ hơn thua,
Trong lòng Thái tử bao giờ chịu thôi.
Binh khí biến hoá không ngơi".

Thái tử và Ngộ Không đều trổ oai thần, đánh nhau đến ba mươi hợp. Sáu ban binh khí của Thái tử biến ra hàng nghìn, hàng vạn, gậy Như ý của Tôn Ngộ Không cũng biến thành hàng nghìn, hàng vạn. Giữa không trung tựa như mưa trút sao sa, không phân thua được, Tôn Ngộ Không mắt tinh tay khoẻ, đương lúc hỗn chiến, liền nhổ một sợi lông hô:

– "Biến"

Lập tức biến ngay ra một Tôn Ngộ Không giả, tay cầm gậy sắt đánh hờ Na Tra, còn Ngộ Không thực lượn lại đằng sau Na Tra nhè tay trái đánh vào. Na Tra đương lúc hoá phép, nghe tiếng gậy sắt vút, vội tránh, nhưng không kịp trở tay đã bị đánh một gậy đau quá, vội thu thập bảo bối lại, đem sáu ban binh khí dồn mình như cũ, thua trận chạy về.

Trên trận, Lý thiên vương sớm đã nhìn rõ tình hình, toan mang quân trợ chiến ngay, hay đâu Thái tử đã chạy đến trước mặt, run sợ nói:

– Thưa phụ vương, Bật mã ôn thật là đứa giỏi. Những phép thuật của con cũng không đánh nổi nó, đã bị nó đánh bị thương!

Thiên vương cả sợ, thất sắc nói:

– Nó thần thông biến hoá như thế, làm sao mà thắng được?

Thái tử nói:

– Ngoài cửa đông nó có dựng một ngọn cờ, trên viết bốn chữ "*Tề thiên đại thánh*". Nó tự khoe khoang: nếu Thượng đế phong cho nó làm "*Tề thiên đại thánh*" thì các việc xong hết. Bằng không, nó sẽ đánh thẳng lên Linh tiêu điện!!

Thiên vương nói:

– Đã như vậy không cần đánh nhau với nó nữa. Hãy trở về thượng giới, đem việc đó tâu lên, để lại điều thêm thiên binh vây bắt nó cũng chưa muộn.

Thái tử bị đau không dám đánh nhau nữa, nên cùng Thiên vương về trời tâu Thượng đế.

Hầu vương đắc thắng về núi. Yêu vương bày mươi hai động cùng với sáu anh em đều đến chúc mừng. Trong động mở tiệc linh đình. Hầu vương nói với sáu anh em:

– Tiểu đệ đã xưng là Tề thiên đại thánh. Anh em cũng đều nên xưng là đại thánh đi thôi!

Ngưu ma vương bỗng nói to:

– Hiền đệ nói rất phải. Ta sẽ xưng là Bình thiên đại thánh.

Giao ma vương nói:

– Tôi xưng là Phúc hải đại thánh.

Bằng ma vương nói:

– Tôi xưng là Hỗn thiên đại thánh.

Sư đà ma nói:

– Tôi xưng là Di sơn đại thánh.

Di hầu vương nói:

– Tôi xưng là Thông phong đại thánh.

Ngung thú vương nói:

– Tôi xưng là Khu thần đại thánh.

Lúc đó bẩy đại thánh tự suy tôn, tự xưng, tự liệu vui chơi suốt một ngày rồi mới giải tán.

Lại nói Lý thiên vương cùng tam thái tử dẫn mọi tướng về đến điện Linh tiêu vào tâu rằng:

– Chúng tôi vâng thánh chỉ đem quân xuống hạ giới thu phục yêu tiên Tôn Ngộ Không, không dè nó thần thông quảng đại không thể đánh được, trông mong Thánh thượng cho thêm quân đi tiễu trừ.

Thượng đế nói:

– Liệu một con khỉ yêu quái có gì giỏi giang cho lắm mà lại phải thêm quân?

Thái tử tiến lại gần tâu rằng:

– Cúi mong Thánh thượng tha tội chết cho hạ thần. Con yêu khỉ kia dùng một cây gậy sắt, trước đánh lại Cự linh thần, sau đánh bị thương tay hạ thần. Ngoài cửa động của nó có trồng một cây cờ, trên viết bốn chữ "*Tề thiên đại thánh*". Nó nói, nếu phong cho chức ấy thì sẽ xin bãi binh đầu hàng. Nếu không nó sẽ đánh lên tận Linh tiêu điện.

Thượng đế nghe lời hoảng sợ nói:

– Con khỉ yêu quái kia, sao dám cuồng vọng thế? Các tướng phải tức tốc đi tiêu diệt ngay.

Đương khi nói thế, trong ban bộ lại có Thái Bạch kim tinh ra tâu:

– Con khỉ quái ấy chỉ biết nói, chứ không biết thế nào là lớn nhỏ. Nếu đem thêm quân đánh nhau với nó, một lúc cũng khó thu phục được, mà lại mệt quân. Chi bằng Thượng đế đại xá từ bi, lại xuống chiếu chỉ chiêu an nó, bảo cho nó làm Tề thiên đại thánh, chỉ là phong hàm thôi, chứ không có bổng lộc gì.

Thượng đế nói:

– Sao lại nói quan hàm mà không có bổng lộc?

Kim tinh tâu:

Danh tuy là Tề thiên đại thánh nhưng không cho làm gì, không cấp bổng lộc, chỉ nuôi ở trong vòng trời đất để thu phục lòng tà của nó, để nó không sinh ra cuồng vọng, ngõ hầu trời đất được yên tĩnh, bốn bề mới an ninh.

Thượng đế nghe lời nói:

– Y lời tâu của khanh.

Lập tức sai làm tờ chiêu thư, lại cho Kim tinh đi xuống hạ giới.

Kim tinh ra cửa Nam thiên đi thẳng xuống Hoa Quả sơn, đến động Thuỷ Liêm xem xét. Lần này thật khác lần trước, oai phong lẫm lẫm, sát khí đằng đằng, các yêu tinh không giống gì là không có. Con nào con ấy đều vác gươm đeo kiếm, múa đao đánh gậy, kêu la nhảy nhót. Chúng trông thấy Kim tinh đều chạy lên chực đánh. Kim tinh nói:

– Các đầu mục lại đây. Phiền các chú vào báo cho Đại thánh biết ta là thiên sứ của Thượng đế sai xuống, có thánh chỉ triệu mời.

Chúng yêu liền chạy vào phi báo:

– Ở ngoài có một ông già nói là thiên sứ ở Thượng giới mang chiếu chỉ xuống mời Đại vương.

Ngộ Không nói:

– Đến cũng tốt, đến cũng tốt. Nghĩ lại việc Thái Bạch kim tinh đến lần trước, ngày ấy mời ta lên trời, quan tước dẫu rằng không vừa ý, nhưng cũng đã được một lần lên trời, nhận rõ đường đi lối lại ở thiên cung. Lần này lại có người đến, chắc có điều hay.

Liền truyền lệnh cho các đầu mục mở cờ dong trống, sắp hàng ra đón tiếp. Đại thánh dẫn bọn khỉ, đội mũ mặc giáp, ngoài mặc áo hoàng bào đỏ, chân dận vận hài, đi vội ra khỏi cửa động, cúi mình làm lễ nói to:

– Mời lão tinh vào, xin ngài tha lỗi cho tôi không kịp đón tiếp.

Kim tinh rảo bước đi thẳng vào trong động, đứng quay mặt về phía nam nói:

– Tôi nói để Đại thánh rõ: trước đây Đại thánh vì hiềm chức quan nhỏ, bỏ ngự mã giám, các quan lớn nhỏ trong giám đều tâu với Thượng đế có truyền phán: phàm việc trao quan chức phải từ thấp lên cao, sao lại hiềm là nhỏ? Ngay đó có Lý thiên vương dẫn Na tra thái tử đem thiên binh xuống đánh nhau với ngài, không biết là Đại thánh có nhiều phép, cho nên bị thua phải chạy về tâu rằng: Đại thánh có một cây cờ, muốn làm chức Tề thiên đại thánh. Các võ tướng còn toan những nọ, kia, nhưng già này hết sức mạo muội, tâu xin cho đại thánh để khỏi phải động binh mà cứ mời đại vương lên trao chức. Thượng đế chuẩn y lời tâu, nên tôi đến mời đại thánh.

Ngộ Không cười, nói:

– Lần trước để ông khó nhọc, lần này ông lại quá yêu. Đa tạ, đa tạ! Nhưng không biết trên trời có chức Tề thiên đại thánh không?

Kim tinh nói:

– Già này đã tâu được chuẩn y chức ấy, mới dám vâng chỉ xuống đây. Nếu có điều gì không vừa ý xin cứ bắt tội già này là được.

Ngộ Không rất mừng, khẩn cầu lưu lại mở tiệc ăn uống nhưng không được, lúc đó mới cùng Kim tinh cưỡi mây lành đến cửa Nam thiên. Thiên binh, thiên tướng đều đứng chắp tay nghênh tiếp. Hầu vương đi thẳng vào điện Linh tiêu.

Kim tinh quỳ tâu:

– Hạ thần phụng chiếu triệu Bật mã ôn Tôn Ngộ Không đã về.

Thượng đế nói:

– Tôn Ngộ Không lại gần đây. Ngày nay triệu nhà ngươi đến, truyền phong cho làm chức Tề thiên đại thánh. Quan đã cực phẩm, nhưng không được làm việc hồ đồ.

Hầu vương chỉ dạ một tiếng rồi nói rõ tạ ơn hai quan công cán họ Trương, họ Lỗ.

Thượng đế sai làm ngay một toà phủ Tề thiên đại thánh ở bên vườn Bàn đào. Trong phủ đặt ra hai ty, gọi là An tĩnh ty và Ninh thần ty, trong ty đều có tiên lại giúp việc. Lại sai Ngũ đẩu tinh quân đưa Ngộ Không đến nhận chức và ban cho hai bình rượu ngự, mười đoá hoa vàng cho đại thánh được vui lòng, yên trí đừng làm việc quàng bậy. Ngay ngày hôm ấy, Ngũ đẩu tinh quân đưa Ngộ Không đến phủ. Ngộ Không mở bình rượu ra đãi Ngũ đẩu tinh quân và cùng với mọi người uống vui vẻ. Tiệc xong, tiên Ngũ đẩu tinh quân về cung, Ngộ Không ở lại thiên cung lấy làm vui thích, không nghĩ ngợi, không nghi ngại gì, vì tiên danh đã được chữa vào sổ trường sinh, không bị doạ vào vòng sinh tử luân hồi nữa.

(Bản dịch của Nhà xuất bản phổ thông)

Hồi thứ hai mươi bảy

THẦY MA BA LƯỢT TRÊU TAM TẠNG ĐƯỜNG TĂNG GIẬN ĐUỔI MỸ HẦU VƯƠNG

Lại nói chuyện thầy trò Tam Tạng sáng sớm hôm sau thu xếp ra đi, Trấn Nguyên tiêu nhận kết nghĩa anh em với Hành Giả, hai người tâm đầu ý hợp, lưu luyến chẳng muốn rời nhau, lại tiệc tùng khoản đãi liên tục năm sáu hôm. Tam Tạng từ hôm ăn thảo hoàn đơn, khác nào thay da đổi thịt, người khoẻ, tâm tính phấn khởi, tấm lòng đi lấy kinh càng tha thiết, chẳng chịu dùng dằng ở thêm, chủ nhân bất đắc dĩ đành để họ lên đường.

Thế là thầy trò từ biệt ra đi, chẳng mấy chốc thấy một ngọn núi cao, Tam Tạng nói:

– Đồ đệ này, ngọn núi phía trước hiểm trở quá, e ngựa chẳng đi nổi, các con phải cẩn thận đấy.

Hành Giả nói:

– Sư phụ cứ yên tâm, chúng con biết rồi.

Nói đoạn, xông lên trước con ngựa, cầm ngang cây gậy, xông xáo mở đường, lên tới sườn núi cao, chỉ thấy:

Núi non trùng điệp
Khe suối uốn quanh
Hổ báo lũ lượt,
Hươu nai rập rình.
Vô số lợn dê chạy nhảy,
Cơ man cáo thỏ tung hoành.
Trăn dài nghìn thước
Rắn lớn muôn tầm.
Trăn dài nghìn thước tuôn khí độc,
Rắn lớn muôn tầm nhả nọc tanh,

Ven đường gai góc chàng chịt,
Sườn non cỏ thụ tươi xanh.
Dây leo bò khắp đất,
Cỏ thơm mọc như thành,
Biển bắc trời bảng lảng,
Trời nam mây dăng dăng.
Nguyên khí đắp bồi từ thượng cổ,
Vầng ô lạnh lẽo núi muôn tầng.

Đường Tăng ngồi trên mình ngựa lo sợ. Đại thánh bèn thi thố tài năng, múa gậy sắt, miệng hò hét, khiến cho các loài lang trùng trốn náu, hổ báo chạy dài. Thầy trò đi sâu vào trong núi, tới đoạn gập ghềnh Tam Tạng nói:

– Ngộ Không ơi, ngày hôm nay, ta đói lắm, con đi tìm ít cơm ăn đi!

Hành Giả cười ngất, nói:

– Sư phụ chẳng hiểu gì cả, giữa vùng núi hiểm, trước chẳng có bản, sau chẳng có làng, có tiền cũng không có chỗ mà mua, bảo con đi tìm cơm ở đâu?

Tam Tạng trong lòng không vui, mắng Ngộ Không:

– Con khỉ này, nhà ngươi không nghĩ tới khi bị Như Lai nhốt trong hộp đá dưới chân núi Lưỡng Giới, mồm nói được nhưng chân không đi được, nhờ ta cứu thoát, quy y thụ giới, nhận làm đồ đệ, thế mà không chịu cố gắng, chỉ sinh lòng lười biếng!

Hành Giả nói:

– Con vẫn chịu khó, đâu có lười biếng?

Tam Tạng nói:

– Nhà ngươi chịu khó, thế sao không đi tìm cơm cho ta ? Ta đói bụng đi sao nổi ? Hơn nữa, vùng núi này đầy lam sơn chướng khí, làm sao đến chùa Lôi Âm được ?

Hành Giả nói:

- Sư phụ đừng gắt nữa, nói ít chứ ! Con biết tính thầy cao ngạo, trái ý thầy một tý là thầy niệm chú ngay. Thôi, thầy xuống ngựa ngồi nghỉ đi, đợi con tìm đâu có nhà dân xin ít cơm chay vậy.

Hành Giả co người nhảy vút lên mây, lấy tay khum khum che mắt, quan sát khắp nơi, chỉ thấy con đường sang phương tây vắng vẻ tịnh không một làng bản, xóm thôn nào, toàn là cây cối, chẳng vệt khói buông. Một lúc lâu, Hành Giả nhìn thấy ở phía chính Nam có một ngọn núi cao. Phía đông ngọn núi, thấy một dải hồng tươi, Hành Giả bèn nhảy xuống nói:

- Thưa sư phụ, có cái ăn rồi.

Trưởng lão hỏi thức gì, Hành Giả thưa:

- Vùng này không có nhà dân xin cơm đâu, nhưng phía nam ngọn núi có một dải đỏ, ắt là đào rừng chín mọng, con đi hái mời thầy sơi.

Tam Tạng mừng:

- Người xuất gia có đào mà ăn là quý lắm rồi!

Hành Giả lấy ra chiếc liễn, nhảy vút lên mây, dùng phép cân đẩu vân đi loang loáng, khí lạnh thổi vù vù, chớp mắt đã tới ngọn núi phía Nam hái đào. Chuyện không nói nữa.

Lại nói chuyện người ta thường có câu: "Non cao lắm quái, núi hiểm nhiều ma" đúng như vậy. Núi này có một con yêu tinh. Khi Hành Giả ra đi, làm kinh động con yêu quái. Trên tầng mây, đạp luồng gió âm, hắn nhìn thấy Đường Tăng đang ngồi dưới đất, xiết bao mừng rỡ, nói:

- May quá! May quá! Mấy năm nay mọi người thường nói về lão hòa thượng nhà Đường bên phương Đông đi lấy kinh "Đại Thặng". Lão vốn là Kim Thiền Tử hóa thân, tu hành mười đời, ăn được một miếng thịt của lão sẽ sống lâu mãi mãi. Hôm nay lão đến đây rồi!

Yêu tinh định xông ra bắt sống luôn, nhưng thấy bên cạnh Tam Tạng có hai đại tướng bảo vệ, bèn không dám vội vã. Hai viên đại tướng ấy là ai? Đó là Bát Giới và Sa Tăng. Bát Giới và Sa Tăng tuy chẳng có võ nghệ cao cường gì. Nhưng Bát Giới là Thiên Bồng Nguyên Soái, Sa Tăng là Quyển Liêm đại tướng, Uy vũ của họ cũng chưa biết thế nào, nên yêu tinh cũng không dám đường đột, bèn nói:

– Ta tạm trêu họ tí chút xem sao?

Nói đoạn, dừng vệt gió âm nhảy xuống, nấp trong hốc núi, lắc mình một cái, biến thành một cô gái xinh đẹp tuyệt vời, mày ngài mắt phượng, răng trắng, môi hồng, tay trái cầm một chiếc liễn xanh, tay phải cầm một chiếc bình lục, từ hướng Tây đi về phía Đường Tăng:

Thánh tăng dừng ngựa sườn non,
Bỗng đâu cô gái nõn nường tới bên.
Búp tay trắng muốt ngó sen,
Quần là mỏng dính như in cặp đùi.
Mặt hoa lúng liếng môi cười,
Liễu in khói biếc – nét ngài mỏng manh
Ngó nghiêng đôi mắt đưa tình,
Xem ra đang bước tới gần Đường Tăng.

Tam Tạng trông thấy gọi:

– Bát Giới, Sa Tăng ơi, Ngộ Không vừa nói chỗ này đồng không mông quạnh không có người ở, thế mà các con xem, chẳng phải là người đang đi tới gì kia?

Bát Giới nói:

– Sư phụ và Sa Tăng cứ ngồi đây, để lão Trư đi xem xem. Nói xong, chú ngốc vứt đinh ba, sửa lại áo xống, bước khệnh khạng ra vẻ phong thái nhà nho, tới đón cô gái. Thật là: Xa trông thì chẳng thấy gì, đến gần mới biết cực kỳ xinh tươi. Cô gái:

Người đâu trong ngọc trắng ngà,
Áo the hở ngực dẫy đà cặp lê.
Liễu xanh xanh biếc hàng mi,
Mắt phượng chơm chớp khác gì sao băng.
Dung nhan đầy đặn khuôn trăng,
Thiên nhiên phú bẩm cao thanh dáng người.
Nhẹ như én lượn bầu trời,
Tiếng oanh thỏ thẻ, lòng người ngẩn ngơ.
Hải đường mơn mởn cành tơ,
Lung linh thược dược như đưa xuân tình.

Bát Giới thấy cô gái xinh đẹp tuyệt trần lòng dục trỗi dậy, không chịu nổi, nhưng cố giữ không dám nói bậy bạ, cất tiếng:

– Chào cô[1], cô đi đâu đấy? Tay cầm vật gì vậy?

Rõ ràng là một con yêu tinh, nhưng Bát Giới không nhận ra. Cô gái đáp lại liến thoắng:

– Thưa trưởng lão, cái liễn xanh này đựng cơm gạo tám, còn chiếc bình lục này đựng bánh bao. Em mang tới đây chẳng có ý gì khác, ngoài việc phát nguyện dâng cơm chay cho trưởng lão.

Bát Giới nghe vậy, trong lòng hí hửng, vội vàng quay người, chạy một mạch như lợn phải gió, trở về báo với Tam Tạng:

– Sư phụ ơi, đúng là "ở hiền gặp lành"[2], sư phụ đói, sư huynh bảo đi tìm cơm chay, con khỉ ấy không biết đi hái đào hay nghịch ngợm ở đâu rồi, hốc cho lắm vào, rồi có khi còn cãi nhau với người ta, hay là lại ngã cây nữa ấy chứ. Sư phụ xem kìa, chẳng phải là người mang cơm chay đến đó sao?

Đường Tăng không tin, nói:

– Đồ bị thịt ngốc nghếch! Từ lúc chúng ta đi tới giờ, chưa gặp một người tốt nào, làm gì có người mang cơm chay lại dâng?

---

(1) Nguyên văn: Nữ bồ tát.

(2) Nguyên văn; Người hiền tự có trời giúp.

Bát Giới nói:

- Thưa sư phụ, chẳng phải đang đến gì kia?

Tam Tạng vừa nhìn thấy, vội vàng đứng dậy, chắp tay trước ngực chào: - Kính chào bà. Nhà bà ở đâu? Gia đình ra sao? Có muốn cầu mong gì mà đến dâng cơm chay vậy?

Rõ ràng là một con yêu tinh, mà Tam Tạng cũng không nhận ra. Yêu tinh thấy Đường Tăng hỏi lai lịch, bèn rắp tâm dối trá, múa mép khua môi rằng:

- Thưa sư phụ, ngọn núi này gọi là Bạch Hổ tinh, hổ báo, rắn rết cũng phải sợ. Nhà tôi ở mé chính tây. Cha mẹ tôi hãy còn sống, thường đọc kinh làm thiện, hay thết đãi cơm chay các hòa thượng xa gần, song hiềm một nỗi không có con, cúng cầu mãi mới sinh được mình tôi là gái. Các cụ muốn tìm nơi môn đệ gả chồng cho tôi, nhưng e già cả không nơi nương tựa, đành phải gả chồng và cho ở rể, để phụng dưỡng tuổi già.

Tam Tạng nghe vậy nói:

- Bà nói sai rồi, Thánh nhân có câu: "Cha mẹ còn sống, không được đi chơi xa. Nếu có đi phải cho cha mẹ biết nơi chốn". Các cụ đang còn, lại kén rể cho bà. Nếu bà có muốn cầu xin gì thì bảo nam giới đi cũng được, tại sao lại đi một mình trong núi, chẳng có người đi theo, vậy là không giữ tròn đạo đức của nữ giới đâu.

Cô gái cười thỏ thẻ, nói khéo:

- Thưa sư phụ, chồng tôi đưa mấy người làm công đi cuốc ruộng ở thung lũng phía bắc. Tôi nấu cơm trưa, mang đi cho họ. Nhưng mùa màng bận rộn, chẳng sai được ai, cha mẹ thì già, phải tự mang đi, bất ngờ gặp ba ngài từ phương xa tới, nghĩ tới cha mẹ hay làm việc thiện, nên mới dâng cơm chay, nếu mấy ngài không hiềm nghi thì xin nhận tấm lòng thành.

Tam Tạng nói:

– Xin cảm ơn! Xin cảm ơn! Một người đồ đệ của tôi đi tìm quả cũng sắp về rồi, tôi chẳng dám ăn đâu. Nếu chúng tôi ăn, chồng bà biết sẽ mắng bà, thì đó chẳng phải là tội của bần tăng này hay sao?

Cô gái thấy Đường Tăng không chịu ăn, lại càng tươi cười mời mọc:

– Sư phụ ạ, cha mẹ tôi dâng cơm chay thì kể làm gì. Chồng tôi cũng thực là một người tốt, suốt đời chỉ biết sửa dưỡng bậc cầu, kính già thương trẻ, nếu biết là dâng cơm chay mời các nhà sư thì tình cảm vợ chồng chúng tôi càng khăng khít gắn bó hơn đấy.

Nhưng Tam Tạng vẫn không chịu ăn. Chú ngốc đứng bên cạnh khó chịu, dẩu mồm lẩu bẩu oán trách:

– Thiên hạ có vô số nhà sư, chẳng ai gần như cụ hòa thượng nhà mình, cơm đã sẵn ba phần rồi mà chẳng chịu ăn, cứ đợi con khỉ về chia làm bốn phần mới ăn hẳn?

Rồi chẳng phân trần gì nữa, thò ngay mõm vào liễn định chén liền.

Bống Hành Giả từ trên đỉnh núi phía Nam, hái được mấy quả đào, đựng trong liễn, chỉ bằng một cân đẩu vân, đã về đến nơi trợn đôi mắt lửa người vàng nhìn kỹ, nhận ra ngay cô gái là con yêu tinh, liền đặt liễn, rút gậy sắt, nhằm đầu bổ xuống. Tam Tạng vội vàng lấy tay ngăn lại, nói:

– Ngộ Không, con xông vào đánh ai ?

Hành Giả nói:

– Sư phụ ạ, đứa con gái đứng trước mặt thầy không phải là người tốt đâu. Nó là con yêu tinh lừa thầy đấy !

Tam Tạng nói:

– Con khỉ kia, trước kia còn có chút nhãn lực, bây giờ sao ăn nói bừa bãi thế! Bà đây có lòng tốt mang cơm chay đến mời chúng ta, tại sao con lại bảo là yêu tinh?

Hành Giả cười nói:

– Sư phụ đâu có nhận ra! Lão Tôn trước kia, khi còn là yêu ma động Thủy Liêm, lúc nào muốn ăn thịt người đều làm cách như thế này: hoặc biến thành vàng, bạc, nhà cửa, hoặc biến thành gái đẹp say người. Kẻ nào ngu si đắm phải lòng con, là bị con lừa mang về động. Lúc ấy, thì tuỳ ý con, hoặc nấu hoặc kho, ăn không hết, con phơi khô để dành phòng lúc mưa dầm. Sư phụ ơi, con mà về chậm, thì nhất định sư phụ mắc mưu nó, bị nó làm hại rồi.

Đường Tăng đâu có chịu tin, một mực nói là người tốt, Hành Giả nói:

– Sư phụ ạ, con biết rồi. Sư phụ thấy nó mặt mũi xinh đẹp, tất động lòng phàm. Nếu quả đúng như thế, thì bảo Bát Giới chặt cây, Sa Tăng tìm cỏ, con làm thợ mộc, dựng tạm cho thầy túp lều, thầy với nó động phòng thành thân, chúng con sẽ tản đi. Âu thế cũng là một sự nghiệp, hà tất phải lặn lội đi lấy kinh làm gì.

Tam Tạng vốn là người hiền lành nhu mì, nay nghe Hành Giả nói như vậy, thì xấu hổ đỏ mặt tía tai.

Đang lúc Tam Tạng xấu hổ, Hành Giả nổi tính hung, rút gậy sắt, nhằm đúng mặt yêu tinh bổ xuống. Yêu tinh cũng có chút tài nghệ, dùng "phép giải thây". Thấy Hành Giả vung gậy đánh, bèn lấy hết tinh thần giở "phép giải thây" chạy trước, để lại cái xác chết giả nằm lăn trên mặt đất, khiến cho Tam Tạng run rẩy sợ hãi, lẩm bẩm.

Hành Giả nói:

– Sư phụ chớ giận nữa, cứ đến xem trong liễn kia đựng cái gì?

Sa Tăng đỡ Tam Tạng tới gần xem: Dâu cơ cơm tám, gạo thơm, mà toàn là giòi bọ nhung nhúc, cũng chẳng có bánh bao bánh rán, chỉ thấy ễnh ương, cóc nhái nhẩy lung tung khắp mặt đất. Lúc này Đường Tăng mới hơi tin được vài phần, Bát Giới không kìm được bực tức, đứng cạnh dẩu cái mõm dài chọc ngang:

- Thưa sư phụ, đúng ra thì cô gái này là một nông dân đi đưa cơm ra đồng, giữa đường gặp chúng ta, chứ đâu có phải là yêu tinh? Cây gậy của anh con nặng, chạy lại định đánh thử cô ta một gậy, không ngờ quá tay đánh chết, sợ thầy niệm chú khẩu cô nhi nên cố ý dùng phép, biến ra những thứ ấy che mắt thầy, để thầy không niệm chú đấy thôi.

Tam Tạng nghe câu nói ấy, khí giận lại bốc lên, tin chú ngốc xúc xiểm, bèn tay bắt quyết, mồm niệm chú.

Hành Giả vội kêu:

- Đau đầu quá! Đau đầu quá! Đừng niệm nữa, đừng niệm nữa! Có gì xin thầy cứ nói.

Đường Tăng nói:

- Còn nói gì nữa. Người xuất gia phải luôn luôn mở lòng từ bi, một ý nghĩ cũng phải nghĩ lành, quét nhà còn e con kiến chết, thắp đèn vẫn sợ cháy thiêu thân. Thế mà nhà ngươi bước bước hành hung, vô cớ đánh chết người, thì lấy kinh về phỏng có ích gì? Thôi nhà ngươi cút ngay đi!

Hành Giả nói:

- Sư phụ bảo con đi đâu?

Đường Tăng nói:

- Ta không cần nhà ngươi làm đồ đệ nữa.

Hành Giả nói:

Thầy không cần con làm đồ đệ, chỉ sợ thầy không sang nổi phương Tây thôi.

Đường Tăng nói:

– Tính mệnh ta là do trời. Nếu đến số bị con yêu tinh kia ăn thịt, thì tránh cũng không khỏi. Nếu không nhà ngươi giải được đại hạn cho ta sao? Nhà ngươi cứ cút ngay đi!

Hành Giả nói:

– Sư phụ ạ, con đi đâu cũng được thôi, chỉ e rằng chưa báo đền được công ơn sư phụ.

Đường Tăng nói:

– Ta có ân huệ gì với nhà ngươi?

Đại Thánh nghe vậy, vội vàng quỳ xuống, dập đầu thưa:

– Lão Tôn này do đại náo thiên cung, tự gây tội hại mình, bị phật tổ giam dưới chân núi Lưỡng Giới, may nhờ có Quan Âm Bồ Tát cho được thụ giới hạnh, lại được sư phụ cứu thoát, nếu không cùng đi với sư phụ sang phương Tây, thì rõ là "quên ơn chẳng phải là quân tử, muôn kiếp nghìn đời để tiếng chê".

Đường Tăng vốn là một vị thánh tăng rất từ bi, thấy Hành Giả nói tha thiết thương tâm, lại thay đổi chủ ý, nói:

– Đã vậy, thì tạm tha cho con lần này, từ rầy không được vô lễ nữa. Nếu quen thói làm ác như vừa rồi, thì ta sẽ niệm chú hai mươi lần!

Hành Giả thưa:

– Sư phụ đánh ba mươi lần cũng được, từ nay con sẽ không đánh người nữa.

Nói đoạn, đỡ Đường Tăng lên ngựa, đem đào ra mời, Đường Tăng ngồi lên mình ngựa ăn tạm mấy quả đào đỡ đói.

Lại nói chuyện con yêu tinh thoát mình bay lên không trung (bởi cây gậy của Hành Giả có đánh chết được nó đâu, nó đã xuất thần trốn thoát rồi) đứng trên đám mây, nghiến răng nghiến lợi nhìn Hành Giả căm tức nói:

– Mấy năm trước ta đã nghe nói tài nghệ của nhà ngươi, hôm nay mới thấy quả đúng không sai. Đường Tăng không nhận ra ta, đã toan ăn cơm, chỉ cần cúi xuống ngửi một cái, là ta

sẽ cắp lấy, biến thành mồi của ta rồi. Không ngờ hắn trở về, phá mất công việc của ta, lại suýt nữa bị hắn nện một gậy. Bây giờ tha cho lão hòa thượng này, thì hóa ra công mình là công cốc[1] à? Phải trêu lão lần nữa mới được!

Yêu tinh bèn dừng đám mây đen, nhẩy xuống trước sườn núi, lắc mình một cái, biến thành một bà già tuổi chạc tám mươi, tay chống cây gậy trúc, vừa đi vừa khóc nức nở, tiến lại phía Đường Tăng. Bát Giới nhìn thấy, sợ hãi nói:

- Sư phụ ơi, bà cụ kia đi tìm người đấy!

Đường Tăng hỏi:

- Tìm ai?

Bát Giới thưa:

- Người mà sư huynh đánh chết chắc là con gái của cụ ấy. Đúng là cụ ấy đi tìm con gái không sai.

Hành Giả nói:

- Chú đừng nói bậy! Cô gái ấy tuổi mười tám, bà cụ này tuổi tám mươi, chả lẽ sáu mươi tuổi vẫn còn con đẻ à? Đúng là giả dối, để lão Tôn đi xem xem!

Thế là Hành Giả rảo cẳng, bước lại gần xem xét.

Thì ra:

Biến thành bà cụ giả
Mái tóc bạc như sương
Tập tễnh lê chân bước
Chậm chạp tựa loài sên
Mặt quắt tàu lá héo
Người ngợm gầy trơ xương
Gò má nhô nhọn hoắt
Môi trề xuống dị thường
Già nua dáng mệt mỏi
Đầy mặt vết tàn nhang.

(1) Nguyên văn: có mệt nhọc mà không có công.

Hành Giả nhận ra ngay là yêu tinh, liền chẳng nói năng nửa lời, vung gậy nhằm đầu nó bổ xuống. Yêu tinh vừa thấy Hành Giả vung gậy, vội vàng dùng phép "giải thây" như lần trước trốn thoát, để lại cái xác chết giả nằm quay bên đường. Đường Tăng nhìn thấy, sợ hãi xuống ngựa, nhắm mắt ngồi ngay vệ đường chẳng nói chẳng rằng niệm đúng hai mươi lượt bài chú "khẩn cô nhi" làm cho đầu Hành Giả đau đớn vô cùng, lăn lộn quần quại van xin Tam Tạng:

- Sư phụ đừng niệm nữa! Cứ nói con xin nghe!

Đường Tăng nói:

- Còn nói gì nữa! Người xuất gia tai nghe lời thiện, thì không sa xuống địa ngục. Ta đã khuyên bảo nhà ngươi như thế, mà sao nhà ngươi cứ một mực hành hung? Trước nhà ngươi dám đánh chết một người vô tội, nay lại còn đánh chết một người nữa, thế là cớ sao?

Hành Giả nói:

- Mụ ấy là yêu tinh đấy.

Đường Tăng nói:

- Con khỉ này chỉ nói nhảm! Lấy đâu ra mà lắm yêu tinh thế? Nhà ngươi là hạng không có lòng thiện, quen thói làm ác, cút ngay đi!

Hành Giả nói:

- Sư phụ lại đuổi con đi sao? Đi cũng được thôi, nhưng có một điều con không bằng lòng.

Đường Tăng hỏi:

- Không bằng lòng nỗi gì?

Bát Giới nói:

- Anh ấy muốn chia hành lý với sư phụ đấy. Theo sư phụ làm hòa thượng mấy năm, chẳng lẽ lại trở về tay không à? Sư phụ xem trong tay nải có cái áo cũ, mũ rách nào thì chia cho anh ấy vậy!

Hành Giả nghe nói, tức nảy người lên nói:

– Đồ mõm dài xấu xa kia, từ ngày lão Tôn theo đạo Sa Môn, không hề mảy may có lòng ghen ghét tham lam, chia hành lý mà làm gì!

Đường Tăng nói:

– Nhà ngươi không có lòng tham lam, ghen ghét thế tại sao không đi?

Hành Giả nói:

– Chẳng dấu gì sư phụ, năm trăm năm trước, lão Tôn nổi tiếng là anh hùng ở động Thủy Liêm, núi Hoa Quả, thu phục yêu ma bảy mươi hai động, trong tay có bốn vạn bảy nghìn tiểu yêu, đầu đội mũ kim ô, mình mặc áo bào đỏ, lưng thắt đai lam điểm, chân đi hài bộ vân, tay cầm gậy Như ý nạm vàng, thực là đáng mặt! Từ ngày cắt tóc theo đạo Sa Môn, theo sư phụ làm đồ đệ, bị thầy chụp vòng khẩn cô nhi lên đầu, nếu cứ để thế mà về thì còn mặt mũi nào nhìn người cố hương nữa? Nếu quả sư phụ không cần con nữa, thì sư phụ hãy niệm "túng cô nhi chú", cởi cái vòng ấy ra, trao lại trả thầy để thầy chụp lên đầu người khác, như vậy con mới sung sướng bằng lòng. Cũng là đi theo thầy một độ, chẳng lẽ chút mong muốn ấy cũng không được sao?

Đường Tăng cả sợ nói:

– Ngộ Không, khi ấy Bồ Tát chỉ trao cho ta bài chú "khẩn cô nhi", chứ không có bài chú "túng cô nhi" nào cả.

Hành Giả nói:

– Nếu không có bài "túng cô nhi", thì sư phụ lại cho con đi theo vậy.

Đường Tăng không biết làm thế nào, đành nói:

– Thôi nhà ngươi đứng dậy. Ta tạm tha cho nhà ngươi lần nữa, nhưng từ rầy chớ có hành hung nữa.

Hành Giả nói:

– Con không dám thế nữa đâu ạ.

Đoạn lại đỡ Đường Tăng lên ngựa, mở đường tiến lên.

Lại nói chuyện con yêu tinh, phát gậy thứ hai của Hành

Giả cũng không giết chết được nó. Đứng trên không trung, yêu tinh khen Hành Giả hết lời:

– Hầu Vương khá thật, mắt tinh quá! Ta đã biến như thế mà hắn vẫn nhận ra. Bọn hòa thượng này đi nhanh lắm, qua khỏi ngọn núi này về phía Tây bốn mươi dặm, không phải phạm vi ta cai quản nữa, thì sẽ bị yêu ma khác bắt mất. Lúc ấy thì thực là "Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm". Ta phải trêu hắn lần nữa mới xong.

Nói đoạn, Yêu tinh lại dừng vệt gió âm, nhẩy xuống sườn núi, lắc mình một cái, biến thành một ông già:

Tóc bạc như Bành Tổ
Râu dài như Thọ Tinh
Nghễnh ngãng tai rền sấm,
Lèm nhèm mắt loét tinh.
Gậy rồng lê từng bước,
Áo hạc mặc thùng thình,
Tay lần lần tràng hạt,
Lẩm nhẩm Nam vô kinh.

Đường Tăng ngồi trên mình ngựa, trong lòng mừng rỡ, nói:

– A di đà phật, phương Tây quý hóa quá, cụ già bước không vững thế kia mà vẫn tụng kinh! Bát Giới nói:

– Sư phụ chớ khen quá lời, cụ ấy là mối hoạ đấy!

Đường Tăng hỏi:

– Mối hoạ là thế nào?

Bát Giới thưa:

– Sư huynh đánh chết con gái cụ ấy, lại đánh chết cả vợ cụ ấy. Chính cụ ấy đi tìm vợ con đấy. Nếu chúng ta bị cụ ấy tóm được ấy à, thì sư phụ phải đền mạng, bị xử chém, con là tòng phạm bị sung quân, Sa Tăng là người bị sai khiến, bị đi đầy. Sư huynh thì dùng chước chuồn, chỉ chết ba thầy trò ta gio đầu chịu báng!

Hành Giả nghe vậy nói:

- Thằng ngốc kia chỉ ăn nói nhảm nhí, lừa sao được sư phụ? Để lão Tôn này lại xem sao.

Nói xong, bèn rút gậy ra giấu trong người, bước lên đón quái vật, cất tiếng chào:

- Lão quan đi đâu vậy? có việc gì mà vừa đi vừa đọc kinh?

Yêu tinh tính toán nhầm, cứ tưởng Tôn Ngộ Không tâm thường, bèn đáp:

- Thưa trưởng lão, tổ tiên nhà tôi sinh sống ở vùng này, suốt đời chúng tôi chỉ biết làm việc thiện bố thí tăng, tụng kinh niệm phật. Số chúng tôi không có con trai, chỉ sinh được một mụn con gái, định cho gửi rể, sáng nay đưa cơm ra đồng, sợ rơi vào miệng Hổ. Bà lão nhà tôi đã đi tìm, mãi mà chẳng thấy về, không biết lại lạc phương nào rồi, tôi đành phải đi tìm. Nếu quả nhiên thiệt mạng, thì cũng chẳng biết làm sao, đành thu nhặt hài cốt mang về chôn cất vậy.

Hành Giả cười nói:

- Ồ ta đây là thủy tổ của loài cọp. Tại sao nhà ngươi dám lấy "vải thưa che mắt thánh"[1] lừa ta? Bịp ta sao nổi, ta nhận ra ngay nhà ngươi là một con yêu tinh!

Yêu tinh sợ líu cả lưỡi chẳng nói được câu nào, Hành Giả rút gậy sắt ra, bụng nghĩ thầm:

- Nếu không đánh nó, nó lại lên mặt. Đánh nó, lại sợ sư phụ niệm chú thì chết!

Song lại nghĩ:

- Không đánh chết nó, nhỡ nó lừa tóm được sư phụ, thì ta lại chẳng phải nhọc công phí sức đi cứu sao? ... Phải đánh thôi, đánh một gậy cho chết, sư phụ chẳng lẽ niệm chú mãi? Người ta thường có câu: "Hổ ác không ăn thịt con". Ta lại ăn nói khôn khéo, miệng lưỡi linh hoạt, trí trá một chập là cũng xong thôi.

Thế là Đại Thánh niệm thần chú, gọi ngay thổ địa, sơn thần vùng này lên dặn rằng:

---

(1) Nguyên văn: giấu quỷ trong tay áo.

– Con yêu tinh này ba lần trêu sư phụ ta, lần này ta phải đánh chết nó, các ngài phải đứng trên không trung làm chứng cho ta đừng để nó chạy thoát.

Các vị thần vâng lệnh răm rắp, đứng trên đám mây theo dõi. Đại Thánh bèn vung gậy đánh ngã quay yêu tinh. Lần này mới tuyệt được linh quang của nó.

Đường Tăng ngồi trên mình ngựa, run rẩy sợ hãi, nói không ra hơi, Bát Giới đứng bên cạnh cười, nói:

– Hành Giả phát rồ rồi, một buổi đánh chết ba người.

Đường Tăng định niệm chú, Hành Giả vội vàng đến trước ngựa nói:

– Sư phụ ơi, đừng niệm, đừng niệm! Sư phụ hãy đến mà xem hình thù của nó.

Thì ra chỉ có đống xương khô nát vụn. Đường Tăng sợ hãi hỏi:

– Ngộ Không, người này vừa mới chết, chẳng lẽ đã thành đống xương khô rồi cơ à?

Hành Giả đáp:

– Nó chỉ là một cái thây chết khô, hồn phách tác quái, mê người hại đạo, bị con đánh chết, nay hiện nguyên bản tướng. Trên xương sống nó chẳng có hàng chữ "Bạch Cốt phu nhân" là gì kia?

Đường Tăng nghe nói đã có phần tin, nhưng làm sao cấm được Bát Giới đứng cạnh chõ mồm vào:

– Sư phụ ạ, anh ấy tay khoẻ gậy dài, đánh chết người, sợ thầy niệm chú, nên mới cố ý biến hóa như thế để che mắt thầy đấy.

Đường Tăng ba phải, tin ngay Bát Giới, niệm chú liền, Hành Giả đau quá, quỳ xuống đất van xin:

– Sư phụ đừng niệm nữa, đừng niệm nữa! Có gì cứ nói đi, con xin nghe đây!

Đường Tăng nói:

– Đồ khỉ, còn nói gì nữa! Người xuất gia làm việc thiện

như cỏ trong vườn xuân, không thấy nó lớn lên, nhưng càng ngày càng tăng. Người làm việc ác, như hòn đá mài dao, không thấy nó mòn, nhưng càng ngày càng lõm xuống. Nhà ngươi giữa nơi hoang vu hẻo lánh, đánh chết liền ba người, may mà không ai tố cáo, chẳng kẻ hỏi tra. Giá như giữa thành thị, người đông như hội, với cây gậy lợi hại kia, chẳng kể hay dở, đánh bừa vào người ta, gây ra tai vạ, phỏng ta có thoát tội không? Thôi, nhà ngươi hãy xéo đi!

Hành Giả nói:

- Sư phụ mắng oan con rồi. Rõ ràng nó là con yêu tinh, rắp tâm làm hại thầy, con đánh chết nó, giúp thầy trừ hoạ, mà thầy không nhận ra, lại tin thằng ngốc dèm pha, mấy lần đuổi con. Người ta thường nói "Sự bất quá tam", con mà không đi, thành ra hạng hạ lưu không biết xấu hổ. Thôi, con đi đây, đi đây! Đi cũng được thôi, chỉ e sư phụ không có thủ hạ giỏi.

Đường Tăng nổi cáu nói:

- Con khỉ kia chớ có vô lễ! Cứ tưởng chỉ có mình nhà ngươi là người giỏi thôi à? còn Ngộ Năng, Ngộ Tĩnh không giỏi chắc?

Đại Thánh nghe nói hai người kia là tài giỏi không nén được đau lòng, nói với Đường Tăng:

-Than ôi! Kể từ ngày sư phụ rời Tràng An, chỉ có mỗi Lưu Bá Khâm tiễn đưa. Khi đến núi Lưỡng Giới, cứu con ra, con nhận thầy làm sư phụ, đã từng chui động thẳm, vượt rừng sâu, bắt ma trắc quái, thu phục Bát Giới, Sa Tăng, nếm đủ muôn vàn cay đắng, đến bây giờ, sư phụ đâm ra tối tăm lẫn cẫn, một mực đuổi con đi. Thế mới hay: "Được chim bỏ lá, được cá quăng câu". Thôi được, thôi được! nhưng chỉ sợ sư phụ niệm chú khẩn cô nhi thôi.

Đường Tăng nói:

- Ta không niệm nữa đâu.

Hành Giả nói:

– Khó lắm, khó lắm! Ngộ gặp nơi nào ma thiêng nước độc, chẳng thể thoát thân, Bát Giới, Sa Tăng không cứu nổi, bấy giờ nghĩ đến con, thầy nhịn sao nổi không niệm chú? Ở nơi vạn dặm xa xôi, đầu con lại nhức nhối. Lúc ấy lại phải đến gặp thầy, chi bằng không nên như thế là hơn.

Đường Tăng thấy Hành Giả kèo nhèo mãi, càng giận dữ, vội vàng xuống ngựa, sai Sa Tăng mở khăn gói lấy giấy bút, lấy nước suối mài mực, viết một tờ giấy đuổi, đưa cho Hành Giả, nói:

– Con khỉ, cầm lấy tờ giấy này làm bằng. Không bao giờ ta nhận nhà ngươi làm đồ đệ nữa. Nếu còn gặp nhà ngươi, ta sẽ xuống ngục A Tỳ!

Hành Giả cầm ngay lấy tờ đơn, nói:

– Sư phụ chẳng phải thề nữa, con đi đây!

Đoạn gấp tờ đơn đút vào trong tay áo, rồi ôn tồn nói với Đường Tăng:

– Thưa sư phụ, con đã đi theo thầy một đạo, lại chịu ơn Bồ Tát chỉ giáo, hôm nay giữa đường dang dở, công quả chẳng thành. Vậy mời thầy ngồi xuống đây, cho con lạy tạ, con đi mới yên tâm.

Đường Tăng quay lưng lại không thèm nhìn, miệng lúng búng nói:

– Ta là hòa thượng tốt, không nhận lễ của kẻ xấu! Đại Thánh thấy Đường Tăng không thèm nhìn, bèn dùng phép "ngoại thân,", nhổ ba sợi lông gáy hà hơi, hô "biến", tức thì biến thành ba Hành Giả, cùng với bản thân là bốn, đứng bốn phía, quanh sư phụ lạy tạ.

Đường Tăng không thể lẩn tránh được, đành nhận một lễ.

Xong việc, Đại Thánh đứng dậy, rùng mình thu lông lại, dặn dò Sa Tăng rằng:

– Hiền đệ là một người tốt, phải đề phòng Bát Giới ăn

không nói có, dọc đường càng phải cẩn thận. Ngộ có yêu tinh bắt giữ sư phụ, thì chú cứ nói lão Tôn đây là đồ đệ của Người. Ma quái khắp nơi nghe thấy tài nghệ của ta là không dám hãm hại sư phụ đâu.

Đường Tăng nói:

– Ta là hòa thượng tốt, không cần mượn tên tuổi của kẻ xấu đâu. Nhà ngươi cút ngay đi!

Đại Thánh thấy Đường Tăng ba bốn phen không thay lòng đổi ý, chẳng biết làm thế nào, đành bỏ đi.

Thật là:

Nuốt nước mắt giã từ sư phụ
Nén đau thương nhắn nhủ Sa Tăng.
Sườn non rẽ cỏ băng băng,
Hai chân đi khắp xa gần đó đây,
Khắp trời đất vần xoay mọi nhẽ,
Vượt bể non tài nghệ đất trời
Phút giây bóng dáng xa vời
Lối xưa nẻo cũ về rồi, từ nay...

Hành Giả đành từ biệt Đường Tăng, dùng phép cân đẩu vân, bay thẳng về động Thủy Liêm núi Hoa Quả. Đương một mình buồn da diết, bỗng nghe tiếng nước réo ào ào bên tai, Đại Thánh bèn từ trên không trung nhìn xuống, thì ra là tiếng nước triều dâng ở Đông dương Đại Hải, bất giác lại nhớ tới Đường Tăng, không ngăn được hai hàng lệ nhỏ, phải dừng lại hồi lâu trên mây rồi mới đi được.

Cuối cùng không biết chuyến đi này đi như thế nào, xem hồi sau sẽ rõ.

NHƯ SƠN, XUÂN HẢI,
PHƯƠNG Oanh *dịch*
NXB Văn học, H. 1989

4. TIẾU TIẾU SINH*

KIM BÌNH MAI

Kim Bình Mai - là bộ tiểu thuyết sinh hoạt của nhà văn Trung Quốc Lam Lãng Tiếu Tiếu Sinh (tên thật có thể là Lý Khai Thiên. 1501 - 1568). Tác giả chủ yếu mô tả cuộc đời đầy tội ác, dơ bẩn của tên tài phú Tây Môn Khánh, một nhân vật trong Thủy Hử. Câu chuyện Tây Môn Khánh trong Kim Bình Mai đã được sáng tạo thêm nhiều nhân vật, nhiều tình tiết. Tây Môn Khánh vốn là chủ hiệu thuốc. Hắn có một vợ chính và ba người thiếp. Ngày đêm chơi bời phóng đãng, lại kết nghĩa với mười tên du côn để làm bạn ăn chơi. Thấy Phan Kim Liên đẹp, hắn lập mưu giết chồng nàng là Võ Đại, rồi cưới nàng làm thiếp, rồi lại cướp vợ bạn kết nghĩa là Lý Bình Nhi, rồi gian dâm với Bàng Xuân Mai đầy tớ của Kim Liên (nên tên truyện Kim Bình Mai là ghép tên ba người đàn bà trên). Bên ngoài, Tây Môn Khánh nhận Thái Kinh, một trọng thần triều đình là cha nuôi, nên được bổ một chức quan coi việc xử án trong huyện. Có quyền, có tiền, có thế, Tây Môn Khánh càng ăn chơi phóng đãng, cuối cùng chết trong tay Phan Kim Liên. Cuộc sống gia đình hắn cũng rất đen tối. Kim Liên, Xuân Mai đều là đàn bà hư hỏng, trác táng, đều chết đau khổ. Hiếu Ca là con trai độc nhất của Tây Môn Khánh, trong một cuộc chạy loạn, một nhà sư cho biết Ca là kiếp sau của Khánh phải xuất gia mới khỏi nạn.

Sau đây là hai trích đoạn: Tây Môn Khánh cưới Mạnh Ngọc Lầu (hồi 8) và "Rơi da không bằng nước mắt" (hồi 20)

---

* Về Tiếu Tiếu Sinh cũng có ít tài liệu nói về ông. Tên thật có thể là Lý Khai Thiên (1501 - 1568)

Hồi 8

VUI DUYÊN MỚI

Trong khi đó thì ở nhà, mọi người không biết Tây Môn Khánh đi đâu, muốn tìm cũng không biết tìm ở đâu. Tiết tẩu nhi biết Đại An là gia nhân thân tín của Tây Môn Khánh, bèn gọi vào hỏi:

– Có biết đại quan nhân hiện ở đâu không ?

Đại An đáp:

– Chắc gia gia đang ở ngoài tiệm, cùng Phó nhị thúc tính toán bạc chứ gì.

Tiết tẩu bèn tới tiệm dược phẩm, thì thấy Tây Môn Khánh đang cùng viên quản lý tính tiền. Bèn gật gật đầu gọi ra. Tây Môn Khánh vội bước ra, cùng Tiết tẩu tới một nơi vắng vẻ để nói chuyện.

Tây Môn Khánh hỏi:

– Có chuyện gì không ?

Tiết tẩu đáp:

– Tôi muốn nói với đại quan nhân về chuyện hôn nhân, đại quan nhân đang muốn có một vị tam nương chứ gì ?

Tây Môn Khánh hỏi:

– Nhưng người nào vậy ?

Tiết tẩu đáp:

– Vị nương tử này chắc là đại quan nhân cũng biết hoặc đã nghe nói. Đó là vị nương tử trong gia đình họ Dương ở cửa Nam. Gia đình có tiền, lại có cơ sở làm ăn buôn bán ở Nam Kinh nữa. Nương tử đó có tới bốn năm chiếc rương toàn vàng bạc châu báu và đồ nữ trang, còn tiền mặt thì trong tay hiện có trên ngàn lạng. Người chồng đã chết ở xa, nương tử ở goá

đã hơn một năm nay rồi, lại không có con cái gì cả, hiện chỉ vào khoảng hai mươi lăm hai mươi sáu là cùng, mà nhan sắc xinh đẹp, cốt cách phong lưu lắm. Lại còn lanh lợi hoạt bát, giỏi quán xuyến gia đình, có tài nội trợ nữ công, giỏi chơi đàn nguyệt. Cô ta vốn họ Mạnh, là con thứ ba trong nhà, gia đình bên mẹ hiện ngụ tại ngõ Xú Thủy. Đại quan nhân nghĩ thế nào?

Tây Môn Khánh ngẫm nghĩ rồi hỏi:

– Nếu vậy thì chừng nào có thể hội kiến với cô ta được ?

Tiết tẩu nói:

– Việc gặp mặt chưa cần thiết, còn phải xem đại quan nhân có chịu không, rồi lại còn tính toán trước đã. Hiện Mạnh tam nương ở bên nhà chồng, gia đình chồng thì chỉ có người cô chồng là Dương cô nương là đáng kể, lại còn có người cậu là Trương Tứ. Dương cô nương lúc trước có chồng họ Tôn, ngụ tại nhà của Từ công phía bắc huyện đây này, nhưng sau chồng chết, ở vậy ba bốn chục năm nay, con cái không có, chỉ nhờ vả đám cháu. Đại quan nhân muốn thành việc thì phải tới cầu cạnh bà ta. Bà ta đặc biệt là chỉ thích tiền tài mà thôi, chuyện gì cũng vậy, miễn có tiền là được. Đại quan nhân trong nhà hiện còn ít lụa quý, có thể lấy ra rồi mua thêm ít lễ vật gì đó, ngày mai thân tới gặp bà ta, lại cho thêm ít lạng bạc thì xong. Nếu bà ta đứng ra lo liệu chuyện này thì gia đình bên chồng của Mạnh tam nương không ai dám đứng ra phản đối cả.

Tây Môn Khánh nghe xong mừng lắm, hẹn rằng ngày mai nhân tốt ngày, sẽ mang lễ vật tới gặp Dương cô nương. Sau đó hai người chia tay, Tây Môn Khánh lại trở vào tiệm để tính tiền, gần khuya mới về nhà.

Sáng hôm sau, Tây môn Khánh dậy sớm, lấy ra một xấp lụa quý, lại mua thêm ít lễ vật, giao cho Tiết tẩu mang. Tây Môn Khánh cưỡi ngựa chậm chạp mà đi, Tiết tẩu và vài gia nhân đi bộ theo sau. Tới nơi, Tiết tẩu vào trước thưa với Dương cô nương rằng:

– Có một vị đại tài chủ ở gần đây muốn kết thân. Tôi nói rằng trong gia đình họ Dương này thì chỉ có cô nãi nãi là toàn quyền quyết định, nên mạo muội dẫn vị đại tài chủ đó tới đây yết kiến cô nãi nãi. Hiện vị đó còn đang đứng hầu ở ngoài. Dương bà xuýt xoa:

– Ái dà, vậy sao không nói trước ? Xin mời vào đi.

Đoạn quay lại bảo các a hoàn sửa soạn trà nước. Tiết tẩu kính cẩn bày lễ vật lên bàn rồi lui ra gọi Tây Môn Khánh vào. Tây Môn Khánh ăn mặc cực sang, bước vào sụp lạy bốn lạy, Dương bà không biết làm sao, chỉ vội vàng trả lễ, nhưng Tây Môn Khánh không chịu, nhất định bắt Dương bà phải ngồi nhận lạy. Dương bà không từ chối được, phải nhận hai lạy rồi phân chủ khách mời ngồi, rồi hỏi:

– Chẳng hay đại quan nhân phương danh quí tính là gì ?

Tiết tẩu đứng bên trả lời:

– Dạ thưa đây là Tây Môn đại quan nhân, cự phú nhất nhì trong huyện đó, đại quan nhân có mở tiệm dược phẩm lớn nhất huyện, trong nhà tiền muôn bạc vạn, nhưng hiện chưa có người quán xuyến gia đình, nên hôm nay mạo muội tới đây yết kiến cô nãi nãi để xin được kết thân.

Dương bà vui vẻ nói:

– Nếu quả quan nhân đây có lòng đoái hoài tới cháu dâu tôi xin cứ nói chuyện, việc gì phải uổng tiền mua lễ vật tốn kém như thế này ? Khiến cho già này từ chối thì hóa ra phụ lòng mà nhận thì lại hổ thẹn.

Tây Môn Khánh chưa gì đã gọi Vương bà bằng cô:

– Dạ thưa, cô nương là bề trên, dù tới đây không có chuyện gì cũng phải có lễ vật để tỏ lòng hiếu kính, huống gì là ...

Nói tới đây thì cười mà bỏ lửng. Dương bà bèn đứng dậy, vái tạ hai vái rồi sai a hoàn cất lễ vật đi, sau đó mời Tây Môn Khánh uống trà, Dương bà nói:

– Chẳng giấu gì đại quan nhân, cháu trai tôi lúc sinh thời cũng có chút ít tiền của, nhưng chết đi thì tiền của về cả tay cháu dâu tôi. Chẳng biết của cải có bao nhiêu nhưng bạc mặt thì cũng trên ngàn lạng. Quan nhân cho là giàu hay nghèo thì tôi không biết, tôi chỉ sự thật mà nói, miễn sao quan nhân thực lòng đoái tưởng tới nó là được. Tôi thì cũng chẳng đòi hỏi gì, đến ngay cả cỗ quan tài tôi cũng không xin quan nhân đâu. Tuy nhiên tôi cũng không hoàn toàn quyết định được việc này, để tôi nói qua với cậu của nó là Trương Tứ xem sao đã.

Tây Môn Khánh cười thưa:

– Xin lão cô nương yên lòng, chuyện giàu nghèo mà kể làm chi, chỉ xin cô nương đứng ra tác thành cho là quý rồi. Còn bổn phận của con cháu là phải đền ơn xứng đáng thì đó là chuyện tất nhiên.

Đoạn quay lại bảo gia nhân đưa một cái hộp, mở ra trong có sáu đĩnh bạc tuyết hoa sáng ngời, để lên bàn rồi nói:

– Chỗ này tuy chẳng đáng gì nhưng xin đưa trước để lão cô nương dùng vào việc trà nước, chừng nào xong việc thì tiểu nhân này xin đền ơn xứng đáng.

Dương bà sáng mắt lên cười tít mà bảo:

– Quan nhân xử thế này quả là làm già này khó nghĩ quá, việc chưa tới đâu cả, mà ... mà ...

Tiết tẩu đứng bên đỡ lời:

– Xin cô nãi nãi đừng quá bận tâm như vậy, đại quan nhân chúng tôi đây không bao giờ để ý đến chuyện tiền tài, mà chỉ một lòng muốn xin được kết thân mà thôi, xin cứ nhận cho đại quan nhân chúng tôi được vui. Chính vì đại quan nhân chúng tôi đây là người hào phóng nên các tướng công Tri phủ Tri huyện lai vãng là thường lắm.

Đôi bên trò chuyện như pháo ran. Sau một tuần trà nữa thì Tây Môn Khánh đứng dậy cáo từ, Dương bà lưu giữ thế nào cũng không được, Tiết tẩu nói:

– Hôm nay được may mắn diện kiến bà cô, để mai mốt thì xin cho đại quan nhân chúng tôi được diện kiến đại nương.

Dương bà cười:

– Chuyện đó thì lúc nào chả được. Già tin rằng thế nào nó cũng mừng lắm, vì được một người như đại quan nhân đây để mắt tới mà còn không chịu thì chịu ai bây giờ ?

Tây Môn Khánh vái chào rồi lui ra. Dương bà nói:

– Hôm nay quả là già không hề được biết đại quan nhân quang lâm đến đây nên việc đón tiếp không được chuẩn bị trước, vậy có gì sơ sót thì xin giành chữ đại xá cho già nhờ.

Nói xong theo ra đưa tiễn, nhưng Tây Môn Khánh ngăn lại. Ra tới cổng Tiết tẩu nói:

– Đại quan nhân thấy không ? Tôi nói có sai đâu. Bây giờ đại quan nhân cứ về trước đi, tôi còn ở lại đây bàn tính cho rõ ràng, rồi ngày mai mình tới xem mặt Tam nương.

Tây Môn Khánh lấy một lạng bạc ra tặng Tiết tẩu rồi lên ngựa về nhà. Tiết tẩu ở lại nói chuyện với Dương bà tới tối hôm đó mới về.

Sáng hôm sau, Tây Môn Khánh mũ áo cực kì sang trọng, cưỡi bạch mã mà tới cửa Nam, có Tiết tẩu và hai gia nhân là Đại An và Bình An cưỡi lừa theo hầu. Tới nhà họ Dương, Tây Môn Khánh nhìn kỹ mới thấy nhà cửa đồ sộ nguy nga. Tiết tẩu mời Tây Môn Khánh xuống ngựa đi bộ vào. Hai bên đường từ cổng vào là những hàng trúc xanh biếc, giữa sân rộng là một hòn giả sơn đồ sộ và các loại cây cảnh quý giá. Lên tới phòng khách, Tiết tẩu vén mành, mời Tây Môn Khánh vào ngồi. Trong phòng trần thiết rất huy hoàng, đồ đạc toàn loại quý. Tiết tẩu vào trong rồi ghé tai Tây Môn Khánh nói nhỏ:

– Người ta còn trang điểm, đại quan nhân chịu khó ngồi chờ một chút.

Gia nhân nhà họ Dương đem trà ra, Tây Môn Khánh vừa uống trà vừa nghe Tiết tẩu nói:

– Đại quan nhân không biết, nương tử này giỏi giang lắm, một tay quán xuyến việc nhà đâu ra đấy, lại có riêng một nam gia nhân và hai a hoàn lớn năm nay chừng mười lăm tuổi, tên là Lan Hương, a hoàn nhỏ tên là Tiểu Loan, mới mười hai tuổi, tất cả sẽ theo nương tử về nhà mình sau này đó. Tôi cố gắng lo cho xong vụ này để rồi cũng có ít tiền làm nhà mà ở chứ.

Tây Môn Khánh bảo:

– Chuyện đó có gì phải gấp.

Tiết tẩu nói:

– Năm ngoái đại quan nhân hứa cho tôi xin xấp vải để thưởng công cho tôi đi mua dược phẩm, vậy mà cũng chẳng thấy cho, bây giờ lại định không thưởng già cho tôi trong vụ này sao ?

Đang nói chuyện thì một a hoàn chạy ra gọi Tiết tẩu. Lát sau nghe tiếng chân bước nhẹ, rồi mùi lan xạ phảng phất đâu đây, Tiết tẩu vén rèm lên, Mạnh tam nương yểu điệu bước ra. Tây Môn Khánh ngẩn ngơ người ra mà nhìn. Nàng quả là đẹp tuyệt trần, khổ người thon nhỏ, dáng đi tha thướt, mặt hoa da phấn, sóng mắt phượng long lanh, thật là muôn phần diễm lệ. Nhìn những bước đi, gấu quần lộ ra đôi hài nhỏ xíu thật dễ thương. Tây Môn Khánh mới nhìn qua đã thập phần đắc ý. Tam nương bước tới thi lễ rồi ngồi xuống tràng kỷ đối diện với khách. Tây Môn Khánh đáp lễ xong, cứ ngồi ngây ra mà ngắm, Tam nương hơi cúi đầu e thẹn. Tây Môn Khánh mở lời:

– Thưa nương tử, tôi chẳng may chính thất không còn, muốn được nương tử rủ lòng thương về giúp tôi quán xuyến gia đình, chẳng hay tôn ý thế nào?

Tam nương liếc nhìn, thấy Tây Môn Khánh diện mạo thanh tú quả là trang phong nhã hào hoa, trong lòng thập phần ưng ý, bèn quay sang hỏi Tiết tẩu:

– Quan nhân đây năm nay niên kỷ bao nhiêu ? Đại nương ở nhà quy tiên đã được bao lâu rồi ?

Tiết tẩu chưa kịp đáp thì Tây Môn Khánh đã nói:

– Dạ thưa, tiểu nhân đây năm nay đã hai mươi tám, tiện nội khuất núi cũng đã hơn một năm rồi. Tiện đây cũng xin mạo muội hỏi thanh xuân nương tử là bao ?

Tam nương đáp nhỏ:

Năm nay tôi đã ba mươi.

Tây Môn Khánh nói:

– Như vậy tức là hơn tôi hai tuổi.

Tiết tẩu vội nói:

– Đại quan nhân không nghe người ta nói "gái hơn hai trai hơn một" hay sao ? Vợ hơn chồng hai tuổi làm ăn mới khá.

A hoàn đem thứ trà ngon ra, Tam nương tự tay nâng một chén lên mời Tây Môn Khánh. Rồi chúc câu vạn phúc. Trong khi Tam nương đứng lên mời trà thì gấu quần lộ ra đôi hài nhỏ xíu, không quá ba tấc. Tiết tẩu ngầm chỉ cho Tây Môn Khánh thấy. Tây Môn Khánh gật đầu mỉm cười hài lòng lắm, rồi vội đỡ lấy chén trà mà nói lời cảm tạ. Tam nương lại cầm chén trà thứ nhì mời Tiết tẩu, rồi ngồi xuống uống trà tiếp chuyện. Tây Môn Khánh gọi Đại An đưa lên hai xấp gấm, một đôi thoa ngọc, sáu chiếc nhẫn vàng, tất cả để trên một chiếc mâm son, đặt lên bàn. Tiết tẩu nhắc Tam nương thâu nhận và cảm tạ, rồi hỏi Tây Môn Khánh:

– Đại quan nhân định làm lễ vào ngày nào để tôi còn chuẩn bị.

Tây Môn Khánh đáp:

– Nếu được nương tử đây rủ lòng chấp thuận thì ngày hai mươi bốn tháng này làm lễ hỏi, rồi mồng 2 tháng sau xin làm lễ cưới.

Tam nương cúi đầu nói:

- Nếu vậy thì để tôi sai người lên thưa với cô nương tôi.

Tiết tẩu vội nói:

- Hôm qua đại quan nhân chúng tôi đã tới gặp cô nãi nãi thưa chuyện xong xuôi cả rồi.

Tam nương ngẩng lên hỏi:

- Cô nương tôi nói sao.

Tiết tẩu cười đáp:

- Cô nãi nãi nghe đại quan nhân tôi thưa chuyện xong thì vui mừng lắm, bảo là nương tử không bằng lòng đại quan nhân chúng tôi thì còn bằng lòng ai được nữa.

Tam nương nói:

- Nếu vậy tức là cô nương tôi bằng lòng rồi, như vậy càng tốt.

Ba người nói vài câu nữa rồi Tây Môn Khánh đứng dậy cáo từ. Tiết tẩu đưa Tây Môn Khánh ra tới cổng rồi hỏi:

- Thấy mặt rồi đó, đại quan nhân thấy thế nào ?

Tây Môn Khánh gật đầu rồi cười bảo:

- Thật nhọc công tẩu tẩu quá.

Tiết tẩu bảo:

- Bây giờ thì đại quan nhân cứ về trước đi, tôi còn ở lại bàn tính cho xong đã.

Tây Môn Khánh gật đầu, lên ngựa dẫn gia nhân về.

Tiết tẩu trở vào nói với Tam nương:

- Thế nào ? Nương tử có hài lòng đại quan nhân chúng tôi không ?

Tam nương hỏi:

- Nhưng không biết trong nhà hiện thời có thê thiếp gì không ?

Tiết tẩu cười:

– Có hay không thì cũng chẳng thành vấn đề, ăn thua ở đại quan nhân mà thôi. Được người chồng giàu có như vậy là quý rồi. Không phải tôi nói khoe, nhưng quả là đại quan nhân chúng tôi giàu nhất nhì huyện Thanh Hà này đó. Lại toàn chơi với Tri phủ Tri huyện, mới đây lại thông gia với quan Đề đốc chỉ huy thập bát vạn cấm quân ở Đông Kinh. Danh giá thế thần như vậy thì huyện này còn ai bằng nữa.

Tam nương gọi a hoàn dọn cơm rượu ra đãi Tiết tẩu. Đang ăn thì gia nhân của Dương bà đem một quả đồ ăn và bánh trái đến mà thưa:

– Nãi nãi sai tôi tới biếu đại nương, lại hỏi rằng chuyện hôn nhân, đại nương đã quyết định chưa ?

Tam nương bảo:

– Về thưa là ta cám ơn cô nãi nãi, lại thưa rằng chuyện đó ta cũng quyết định xong rồi.

Tiết tẩu nhắc:

– Xin cô nãi nãi biết rõ ngày giờ đi.

Tam nương thưởng cho gia nhân mấy quan tiền rồi bảo:

– Nhớ thưa thêm là ngày hai mươi bốn tháng này thì làm lễ hỏi, rồi mồng hai tháng sau làm lễ cưới.

Gia nhân vâng lời cáo lui. Tiết tẩu nói:

– Cô nãi nãi đó có những gì vậy ? Xin bớt cho tôi chút đỉnh, gói về cho đám trẻ nó mừng.

Tam nương sai a hoàn gói cho Tiết tẩu ít bánh trái. Ăn xong, Tiết tẩu cáo từ mà về.

Nói về người cậu của Tam nương là Trương Tứ, chỉ muốn gả bán Tam nương cách nào để chiếm được của cải, nay nghe tin Tây Môn Khánh tới cầu hôn thì vừa lo vừa sợ vừa tức giận, suy đi tính lại, chỉ có cách phá đám là tốt hơn cả, bèn tới bảo Tam nương:

– Đừng nên thuận làm vợ Tây Môn Khánh, mà nên nghe ta về làm kế thất của Thượng cử nhân, con trai Thượng đại gia là hơn. Người ta là con nhà thi lễ, lại có tài sản ruộng nương đâu có thua gì Tây Môn Khánh. Còn Tây Môn Khánh ở nhà đã có chính thất là con gái của Ngô Thiên Hộ, ai cũng biết. Về làm vợ của Tây Môn Khánh thì chỉ làm bé mà thôi. Hiện trong nhà Tây Môn Khánh lại còn mấy người vợ bé nữa, như vậy thì cháu là vợ bé thứ mấy ? Như vậy thì còn ra cái gì nữa ?

Tam nương nghe xong thì biết là Trương Tứ định phá cuộc hôn nhân này, bèn nói:

– Nếu quả là người ta đã có chính thất thì cháu bằng lòng làm em. Vả lại dù có năm thê bảy thiếp đi nữa thì cũng ăn thua ở người chồng, chồng yêu quý mình thì chẳng có gì đáng ngại. Xin đừng lo gì cho cháu cả.

Trương Tứ bảo:

– Không phải chỉ có chuyện vợ lớn vợ bé mà thôi đâu, Tây Môn Khánh còn là con người thấy mới nới cũ, hành động không tình nghĩa gì cả. Lúc nào chán thê chán thiếp thì gọi người mai mối tới để bán cho người khác. Cháu liệu có chịu nổi cảnh đó không ?

Tam nương lắc đầu:

– Cữu cữu à, người đàn ông dù có tàn nhẫn thế nào thì cũng không bao giờ phụ rẫy được người vợ cần mẫn đảm đang. Về bên đó, cháu sẽ quán xuyến việc nhà, trổ tài tháo vát để người chồng phải quý nể cháu.

Trương Tứ nói lại:

– Ta lại còn biết là Tây Môn Khánh còn đứa con gái mười bốn tuổi, cái cảnh dì ghẻ con chồng nó phiền phức lắm đấy.

Tam nương nói:

– Có ngại gì điều ấy, ăn thua ở mình, ăn ở sao cho lớn ra lớn, nhỏ ra nhỏ, mình lại thương yêu nó thì có gì đáng ngại đâu. Như vậy thì chồng cũng vui lòng mà con chồng đối với mình cũng phải hiếu thuận. Đừng nói là có đứa con chồng, dù có tới mười đứa con chồng, cháu cũng không quan tâm.

Trương Tứ lại nói:

– Nhưng còn chuyện này, Tây Môn Khánh là người háo sắc, tính tình không đứng đắn, thường lai vãng ăn nằm với những bọn liễu ngõ hoa tường, ai cũng biết, cháu về làm vợ nó rồi không biết ra sao.

Tam nương nói:

– Cái đó thì có hề gì. Người ta còn trong tuổi thanh niên, có theo bạn bè chơi bời đây đó thì cũng là chuyện thường tình, có gì mà phải lo. Vả lại chuyện nhân duyên là số phần tiền định, xin cữu cữu khỏi nhọc lòng để ý.

Trương Tứ không còn cách gì thuyết phục Tam nương, nói câu nào cũng bị đối lý, bèn hầm hầm ra về, vừa buồn vừa thẹn. Về tới nhà, Trương Tứ bàn tính với vợ, sau cùng hai vợ chồng đồng ý là nhờ đứa cháu tên là Dương Tông Bảo mà tìm cách đoạt mấy rương vàng bạc của Tam nương.

Ngày hai mươi bốn tháng đó, lễ hỏi diễn ra. Sau đó thì Trương Tứ tới gặp Tam nương mà bảo:

– Chồng trước của cháu là Dương Tông Tích, em chồng của cháu là Dương Tông Bảo, đều là cháu của ta. Chẳng may thằng anh mất đi, bao nhiêu tiền bạc nó dành dụm làm ăn bây giờ một mình cháu giữ. Thằng em bây giờ là do ta nuôi nấng. Nó còn nhỏ dại, nó lại là em cùng cha cùng mẹ với chồng trước của cháu. Bây giờ cháu bước đi bước nữa, chẳng lẽ cháu không để lại cho nó phần nào hay sao ? Bây giờ thì cháu phải mở các rương của cải ra, ta đã mời nhiều người đến đây chứng kiến.

Tam nương nghe vậy thì khóc mà nói:

– Cữu cữu và các vị nghĩ coi, lúc trước chồng cháu mất đi, cháu đã mang tiếng là mưu sát chồng để đoạt của cải, bây giờ đầu còn xanh tuổi còn trẻ, cháu phải bước đi bước nữa, thì lại bị nghi là mang theo của cải đi. Thật ra thì của cải có gì ? có được ít lạng bạc thì vẫn cất trong phòng, cháu ra đi quả không mang theo chút gì cả, nhất nhất đều để lại cho em chồng cháu. Còn ít trăm lạng người ta còn nợ thì cháu cũng xin giao lại cả cho cữu cữu. Như vậy thì còn tiền bạc của cải ở đâu nữa ?

Trương Tứ bảo:

– Trước mặt mọi người đây cháu nói là không có tiền bạc của cải gì, vậy cháu cứ mở các rương ra xem có hay không. Nếu có thì cháu cứ việc mang đi, ta cũng không nói gì đâu.

Tam nương nói:

– Cháu đã nói không có là không có, việc gì phải mở ra.

Đang lúc mọi người ồn ào thì Dương bà từ trong bước ra. Mọi người im lặng. Dương bà mời mọi người ngồi, gọi gia nhân đem trà ra rồi nói:

– Thưa với các vị đây đều là hàng xóm láng giềng của chúng tôi, hẳn đều biết tôi là cô chồng của nó. Chồng nó dù chết rồi cũng vẫn là cháu của tôi, cháu tôi nó có để lại tiền bạc của cải hay không thì các vị cũng không cần biết, mà cữu cữu của nó là bên ngoại cũng chẳng nên biết làm gì. Tôi không hiểu tại sao Trương Tứ cữu lại muốn ngăn trở việc hôn nhân này, ngăn trở để làm gì.

Đám hàng xóm đều bảo:

– Lão bà nói có lý.

Dương bà nói tiếp:

- Hay là những tiền bạc của cải đó là do bên ngoại của nó đem đến ? Nếu không phải vậy thì không cần biết. Tôi cũng xin nói là cháu dâu tôi đây là người có nhân có nghĩa, ôn nhu hòa thuận, không có biết tính toán lợi hại như ai đâu.

Trương Tứ lườm Dương bà rồi bảo:

- Phải, nó không biết tính toán nhưng đã có người khác tính toán cho nó.

Dương bà bị chạm nọc thì giận lắm, mặt mũi đỏ rầm lên, chỉ Trương Tứ mà mắng:

- Trương Tứ, ngươi không được ăn nói hỗn xược hàm hồ. Ta tuy không phải là được hưởng hương hoa của nhà họ Dương, nhưng ngươi thì phải nhờ gia đình họ Dương mà sống.

Trương Tứ cũng giận nói:

- Tôi tuy không phải họ Dương, nhưng cả hai đứa cháu tôi đều do chính chị ruột tôi mang nặng đẻ đau và đích thân nuôi dưỡng. Còn mụ tuy là họ Dương mà không biết giữ gìn của cải cho họ Dương, lại đem dâng cho người ngoài, không biết xấu hổ hay sao ?

Dương bà nổi giận đùng đùng mắng:

- Đồ vô liêm sỉ kia, cháu dâu tao đầu còn xanh tuổi còn trẻ, sao ngươi lại muốn giữ nó ở nhà làm gì ? Có phải ngươi định loạn luân để nghĩ chuyện bậy bạ rồi đoạt tài sản của nó không ?

Trương Tứ quát:

- Câm mồm đi, đừng có vu oan giá hoạ, ta già rồi, chỉ nghĩa đến tương lai cháu ta là Dương Tông Bảo mà thôi, nay mai nó lớn lên cần phải có tiền bạc lo cho nó, đâu như mụ, cháu ruột không thương, lại thương người ngoài.

Dương bà nhảy lên đong đỏng xỉa xói:

- Thằng già họ Trương kia, chuyện là chuyện gia đình tao, ngươi đừng có can thiệp, ngươi ăn không nói có thì lúc chết xuống âm ti địa ngục, quỷ xứ nó xé xác ngươi ra.

Trương Tứ cũng không vừa:

- Con mụ già kia, ngươi lúc trẻ thì dâm đãng, lúc già thì tham lam, thảo nào trời phật trừng phạt, ngươi không có được mụn con, thật là cái đồ tuyệt giống. Hay hay dở thì nó lòi ra đấy.

Tình hình mỗi lúc một gay go thêm, đám hàng xóm phải xúm lại khuyên giải:

- Lão cữu à, thôi nhường lão cô đây vài câu cho êm chuyện đi.

Trong khi đó, Tiết tẩu dẫn vài gia nhân của Tây Môn Khánh sang để dọn đồ đạc giùm Tam nương về trước, thấy vậy bèn hối thúc gia nhân lẹ chân lẹ tay dọn hết rương hòm đồ đạc của Tam nương về. Trương Tứ thấy vậy giận quá, mắt mở trừng trừng mà không nói được lời nào. Đám hàng xóm khuyên giải thêm ít lời rồi giải tán.

Tới ngày mùng hai tháng sáu, Tây Môn Khánh cưỡi ngựa, dẫn theo một cỗ kiệu lớn sang rước Tam nương về. Em chồng Tam nương là Dương Tông Bảo, năm đó mới khoảng mười tuổi, cũng cưỡi ngựa tiễn chân chị dâu tái giá. Tây Môn Khánh mến lắm, tặng cho lụa và bạc. Các a hoàn Lan Hương. Tiểu Loan và mấy người gia nhân thân tín của Tam nương cũng hành lý đi theo chủ.

Hôm sau, Dương bà dẫn hai người chị của Tam nương sang nhà Tây Môn Khánh, hai người chị đó là Mạnh đại tẩu và Mạnh nhị tẩu. Tây Môn Khánh tạ ơn cho Dương bà bảy chục lạng bạc, hai xấp lụa quý.

Tam nương được ở riêng tại ba gian nhà ở phía tây, và trở thành vợ thứ ba của Tây Môn Khánh, được đặt hiệu là Ngọc Lâu. Từ đó lớn bé trong nhà đều gọi là Tam nương. Tây Môn Khánh cưới được Tam nương về thì ngày đêm quấn quýt không rời ái ân đằm thắm không sao kể xiết...

Hồi 20

ROI DA KHÔNG BẰNG NƯỚC MẮT

Hôm đó, sau khi ăn sinh nhật tại nhà Hạ Đề hình, Tây Môn Khánh lên ngựa trở về, giữa đường gặp hai người chặn lại xin tiền. Đó là hai tên côn đồ chuyên sống vào nghề trộm cướp đâm chém, một đứa là Thảo Lý Xà Lỗ Hoa, một đứa là Quá Nhai Thử Trương Thắng. Hai tên này vẫn thường được Tây Môn Khánh trợ cấp tiền bạc và sẵn sàng giúp Tây Môn Khánh trong mọi việc hợp với khả năng của chúng.

Tây Môn Khánh dừng ngựa lại, hai tên côn đồ chạy tới, nửa đứng nửa quỳ mà nói:

– Đại quan nhân lâm tới đâu vậy ?

Tây Môn Khánh bảo:

– Ta đang về chứ đi đâu, ta vừa mới ăn sinh nhật tại nhà quan Đề hình Hạ gia.

Đoạn nhìn hai tên côn đồ và bảo:

– Ta có chút việc muốn phiền hai chú, hai chú sẵn lòng giúp chăng ?

Hai đứa giành nhau mà nói:

– Sao đại quan nhân lại dạy như thế ? Chúng tôi từ trước tới nay thọ ơn đại nhân quá nhiều mà chưa từng báo đáp, bây giờ đại quan nhân cần gì xin cứ chỉ dạy, dầu có nhảy vào nước sôi lửa bỏng, tôi cũng chả dám từ nan.

Tây Môn Khánh bảo:

– Vậy thì được lắm, ngày mai hai chú tới nhà tôi, sẽ nói chuyện sau.

Hai đứa nói:

– Việc gì phải để đến ngày mai cho thêm lâu lắc, đại quan nhân có chuyện gì xin cứ nói ngay cho anh em chúng tôi biết.

Tây Môn Khánh bèn xuống ngựa, kể tai hai tên côn đồ nói rõ đầu đuôi vụ Tương Trúc Sơn cưới Lý Bình Nhi, rồi nói thêm:

– Chỉ cần hai đứa nói dùm vài tiếng là được.

Đoạn thò tay vào túi, dốc ra được bốn năm lạng bạc vụn, cho hết hai đứa, lại nói thêm:

– Bây giờ là để hai chú uống rượu chơi thôi, lo việc xong, ta sẽ trọng thưởng.

Lỗ Hoa nói:

– Tưởng đại quan nhân cần chuyện gì khó khăn như xuống biển Đông bẻ ngạnh cá kình hoặc lên Nhạc Hoa sơn vặn răng mãnh hổ thì chúng tôi không làm được thật, chứ còn chuyện này thì có đáng gì. Chúng tôi thọ ơn đại quan nhân quá nhiều, nay vì một chuyện cỏn con như thế này mà giám nhận bạc hay sao ?

Tây Môn Khánh bảo:

– Nếu hai chú không nhận thì tôi không dám phiền hai chú nữa.

Nói xong làm bộ bảo Đại An cất bạc đi rồi định phất ngựa mà về. Trương Thắng vội mắng Lỗ Hoa:

– Mày thật giờ này mà chưa biết tính tình đại quan nhân đây hay sao ?

Vừa nói vừa giữ cương ngựa Tây Môn Khánh lại, sau đó giơ hai tay nhận bạc, rồi cả hai quỳ ngay bên đường lạy tạ, đoạn nói:

– Bây giờ xin đại quan nhân cứ về phủ nghỉ ngơi, thế nào anh em chúng tôi cũng dâng cho đại quan nhân một trận cười hả hê. Còn chuyện tiến dẫn chúng tôi vào làm việc tại phủ Đề hình, xin đại quan nhân để ý cho.

Tây Môn Khánh bảo:

- Được rồi, cứ lo việc này đi đã, chuyện kia chưa cần gấp lắm.

Nói xong giục ngựa về nhà. Hai tên côn đồ cũng kéo nhau đi.

Tây Môn Khánh về tới nhà thì trời cũng đã về chiều. Gia nhân thấy Tây Môn Khánh từ xa đã chạy vào báo, Nguyệt Nương và mọi người vội phân tán, ai về phòng nấy. Chỉ có Kim Liên thì gọi lại hỏi:

- Ta không ở nhà, nàng ra đây làm gì ?

Kim Liên cười đáp:

- Hôm nay chúng tôi nhân buổi nhàn hạ, cùng đại thư thư vào đây ngoạn cảnh, không ngờ chàng về sớm quá vậy.

Tây Môn Khánh dịu giọng bảo:

- Hôm nay tại nhà Hạ Đề hình, tiệc rượu vui vẻ lắm, nhưng vì đường xa, tôi mới về sớm.

Nói xong cởi áo ngoài ra. Kim Liên đỡ áo, đoạn nói:

- Chàng có muốn uống rượu không, để tôi bảo chúng nó sửa soạn.

Tây Môn Khánh thấy Xuân Mai đứng hầu thì quay lại bảo:

- Dọn ngay tại hoa viên này, không cần nhiều thức ăn, chỉ cần lấy bình rượu Bồ Đào cho ta là được.

Hai người dắt nhau vào ngôi đình trong hoa viên, ngồi vào bàn mà đợi. Tây Môn Khánh ngắm Kim Liên, thấy nàng hôm nay đẹp hơn hẳn mọi hôm, chiếc áo lụa trầm hương thêu ngũ sắc càng làm tôn nổi nét mặt diễm kiều, Những cánh hoa tươi cài trên đầu càng làm tôn nổi mái tóc mây. Tây Môn Khánh hài lòng lắm. Lát sau Xuân Mai đem rượu và thức ăn ra, Kim Liên tự tay rót rượu gắp thức ăn đưa lên tận miệng Tây Môn Khánh. Tây Môn Khánh ăn uống vui vẻ lắm, bảo Kim Liên rằng:

– Ta có chuyện này nói trước với nàng để nàng biết mà cười chơi. Tên lang băm họ Tương dám mở tiệm thuốc, để rồi ngày mai coi cái mặt nó ra thế nào cho biết.

Kim Liên hỏi:

– Chuyện như thế nào mới được chứ ?

Tây Môn Khánh bèn kể lại tình cờ gặp hai tên côn đồ Trương Lỗ, rồi nhờ chúng giúp mình phá Tương Túc Sơn. Kim Liên nghe xong cười phá lên:

– Chàng làm vậy sau này nhiều tội lắm đó. À mà Tương tiên sinh có phải là người vẫn tới chữa bệnh cho gia đình mình không ? Tôi thấy hắn ta cũng hiền lành lễ độ đấy chứ gặp ai thì cúi đầu thật thấp, tội nghiệp lắm. Chàng cũng nên vừa vừa thôi, đừng quá tay.

Tây Môn Khánh bảo:

– Nàng không biết thằng khốn đó đâu, mỗi lần tới đây nó thường lấm lét nhìn trộm nàng đó. Kim Liên cười:

– Chàng nói sao chứ tôi không tin là một người có chữ nghĩa mà lại có những hành động như thế.

Tây Môn Khánh bảo:

– Nàng cứ nhìn bề ngoài như vậy thì lầm chết, thảo nào nàng chỉ để ý tới bề ngoài của đàn ông mà thôi.

Kim Liên nói sang chuyện khác, hai người vừa ăn uống vừa cười nói một hồi rồi về phòng.

Lại nói đến Bình Nhi, thì Bình Nhi làm vợ Tương Túc Sơn cũng được khoảng hai tháng. Mới đầu hai người tương đắc hòa hợp lắm, nhưng sau rồi không hiểu tại sao Bình Nhi đuổi Trúc Sơn ra ngủ tiệm thuốc, không cho ngủ chung với mình nữa. Trúc Sơn buồn giận lắm, suốt ngày chỉ ngồi sau quầy thuốc mà nghĩ ngợi vẩn vơ. Một hôm thấy hai người đàn ông từ ngoài bước vào, dáng điệu nghênh ngang, tự kéo ghế mà ngồi. Một người hỏi:

– Tiệm của ông có vị thuốc Cẩu hoàng không ?

Trúc Sơn đứng dậy cười đáp:

– Ngài nói chơi hay sao chứ làm gì có vị đó, chỉ có vị Ngưu hoàng mà thôi.

Người lạ bảo:

– Nếu không có Cẩu hoàng thì có vị Băng thán cũng được. Lấy ra đây cho tôi coi rồi tôi lấy vài lạng.

Trúc Sơn nói:

– Chỉ có Băng phiến chứ làm gì có Băng thán, Băng phiến của nước Ba Tư là tốt nhất.

Người kia bảo bạn:

Thôi, hỏi làm gì, tiệm này mới mở được mấy ngày, làm gì có những vị thuốc đó. Thôi để tôi nói thẳng vào chuyện thì hơn.

Đoạn quay lại bảo Trúc Sơn:

– Này Tương nhị ca, nhị ca nằm mơ hay sao đây ? Nhị ca còn nhớ lúc trước, vợ chết, nhị ca phải vay của Lỗ ca đây ba mươi lạng bạc, bây giờ cả vốn lẫn lời tính ra cũng không phải ít. Hôm nay Lỗ ca tới đây thấy nhị ca làm ăn khá giả, lại có cửa tiệm lớn lao, nên mới mượn chuyện hỏi thuốc để xem nhị ca có nhận ra không, vậy mà nhị ca không thèm nhận ra, bây giờ thì nhận ra hay không nhận ra cũng nên trả tiền cho người ta đi.

Trúc Sơn nghe xong giật mình hoảng sợ nói:

– Tôi có quen biết vị này đâu mà bảo là tôi vay tiền ?

Trương Thắng bảo:

– Không mượn tiền sao người ta lại tới đòi ? Xưa nay làm gì có chuyện lạ như vậy ?

Trúc Sơn nói:

– Tôi chưa được hân hạnh quen biết nhị vị, cũng không biết cao danh quý tính nhị vị là gì, tại sao lại tới đòi tiền tôi, như vậy là thế nào ?

Trương Thắng bảo:

- Sao nhị ca chóng quên thế ? Ngày trước nhị ca còn nghèo nàn, nhờ Lỗ ca đây trợ giúp, bây giờ nhị ca mới được mát mặt như thế này, vậy thì còn nợ bao nhiêu phải trả chứ.

Lỗ Hoa nói:

- Tôi họ Lỗ tên Hoa, năm nọ nhị ca có vay của tôi ba mươi lạng bạc để làm đám tang cho vợ, nay thì cả vốn lẫn lời là bốn mươi tám lạng, sao lại không chịu trả ?

Trúc Sơn luống cuống nói:

- Tôi có mượn tiền của ngài bao giờ đâu, mà có mượn thì cũng phải có giấy nợ có người chứng chứ.

Trương Thắng bảo:

- Tôi Trương Thắng, là người chứng đây.

Nói xong lấy ra một tờ giấy, chìa cho Trúc Sơn coi. Trúc Sơn vừa sợ vừa giận, mặt tái đi, mắng rằng:

- Đồ khốn, chúng bay là bọn côn đồ từ đâu tới đây dám làm tiền ta ?

Lỗ Hoa giận lắm, đánh ngay một trái thôi sơn vào giữa mặt Trúc Sơn rồi lật đổ mấy tủ thuốc, các vị thuốc tung toé khắp nhà. Trúc Sơn kêu:

- Đám côn đồ trộm cướp dám lộng hành như thế này sao?

Đoạn gọi Thiên Phúc ra. Thiên Phúc vừa mới thò mặt ra đã bị Lỗ Hoa đá cho một đá ngã quỵ, bèn lùi lại, không dám nhúc nhích. Trương Thắng làm bộ cản ngăn:

- Lỗ ca cứ từ từ, có lẽ lâu ngày sợ Tương nhị ca đây quên chăng, để rồi Tương nhị ca trả đầy đủ cho Lỗ ca là được chứ gì.

Đoạn quay lại hỏi Trúc Sơn:

- Tương nhị ca nghĩ sao ?

Trúc Sơn dịu giọng:

– Dù là tôi có mượn tiền đi nữa thì cũng phải thủng thẳng nói chuyện chứ sao lại phá nhà tôi như thế này ?

Trương Thắng bảo:

– Nếu Tương nhị ca biết điều chịu trả nợ thì tôi sẽ nói với Lỗ ca bỏ số tiền lời đi, nợ thì phải trả, sao nhị ca lại giở thói ương ngạnh để đến nỗi xảy ra chuyện đáng tiếc ?

Trúc Sơn dậm chân:

– Tức chết mất thôi, việc này phải lên quan mới được. Tôi mượn tiền bao giờ đâu.

Trương Thắng cười:

– Chắc nhị ca uống rượu nên nói ẩu chăng ?

Nói chưa dứt lời thì Lỗ Hoa đã giáng ngay một quyền vào mặt Trúc Sơn, khiến Trúc Sơn xổ khăn xổ tóc, chảy cả máu mũi ra, Trúc Sơn kêu la inh ỏi, nhưng lại bị lính tuần tới trói lại giải lên quan. Bình Nhi ở trong nhà theo dõi mọi chuyện, thấy Trúc Sơn bị bắt thì sai Phùng ma ma ra gỡ bảng hiệu, đóng cửa chặt lại. Đồng bọn của Lỗ Hoa tới báo với Tây Môn Khánh, Tây Môn Khánh liền viết thiếp tới huyện nhờ đưa nội vụ lên phủ Đề hình, đồng thời lại viết thiếp gửi cho Hạ Đề hình.

Hôm sau Hạ Đề hình đăng đường, coi tờ trình rồi cho dẫn Trúc Sơn ra hỏi:

– Ngươi là Tương Trúc Sơn tự là Văn Hệ phải không ? Tại sao ngươi vay tiền của Lỗ Hoa, đã không chịu trả lại hành hung người ta ? Như vậy là thế nào ?

Trúc Sơn thưa:

– Tôi quả không hề mượn tiền của người này mà cũng không hề quen biết hắn ta nữa. Vậy mà tự nhiên người này lại tới đòi tiền tôi, hành hung tôi, lại còn phá hại hàng hóa đồ đạc của tôi nữa. Thật tôi không hiểu tại sao.

Hạ Đề hình quát hỏi:

– Lỗ Hoa, ngươi có nói gì không ?

Lỗ Hoa thưa:

– Hắn có vay tiền của tôi để làm đám tang cho vợ, nay đã ba năm rồi mà không chịu trả. Hôm qua tôi nghe nói là hắn hồi này làm ăn khá giả, mở tiệm thuốc to lớn, bèn tới đòi, vậy mà hắn vu oan là tôi hành hung và phá hại đồ đạc hàng hóa của hắn. Hiện còn tờ giấy vay tiền đây, và có cả người chứng là Trương Thắng nữa. Xin đèn trời soi xét cho tôi.

Nói xong rút trong tay áo tờ giấy nợ giả mạo ra trình lên. Hạ Đề hình cầm lấy đọc, thấy giấy nợ viết như sau: "Tôi là Tương Văn Huệ, hành nghề lang y tại huyện, vì vợ chết không có tiền ma chay, nên nhờ Trương Thắng làm chứng để vay của Lỗ Hoa một số bạc là ba mươi lạng, số lời hàng tháng là ba phân, hẹn sang năm sẽ giao hoàn cả vốn lẫn lời, không dám chậm trễ. Nay tờ giấy này để làm bằng".

Hạ Đề hình đọc xong giận dữ đạp bàn quát:

– Giỏi thật, giấy vay nợ còn đây, người chứng còn đây, vậy mà nói láo.

Đoạn sai tả hữu đem cây trượng ra, nọc Trúc Sơn đánh ba mươi trượng, khiến cho quần áo tả tơi, thịt máu chảy vô cùng đau thương. Sau đó lại sai lính dẫn Trúc Sơn về nhà, lấy ba mươi lạng mà trả cho Lỗ Hoa, nếu không sẽ phải trở lại nha môn chịu ngồi tù. Trúc Sơn gượng đau về kêu khóc xin Bình Nhi xuất tiền ra trả. Nhưng Bình Nhi mắng:

– Con người vô liêm sỉ kia, anh đưa tiền cho tôi được đồng nào bao giờ không mà bây giờ hỏi tiền tôi ? Tôi biết anh như thế này thì tôi chẳng lấy anh làm gì cho xấu hổ.

Lính huyện thấy trong nhà có chuyện cãi cọ bèn nói lớn:

– Nếu Tương Văn Huệ không có tiền thì đừng chậm trễ nữa, hãy mau theo chúng tôi về nha môn.

Trúc Sơn vội chạy ra nói vài lời với lính huyện rồi lại quay vào quỳ khóc mà nói:

– Xin nàng làm ơn lấy đức, cho tôi ba mươi lạng để trả cho kẻ kia, nếu không tôi sẽ bị giam cầm đánh đập chắc không sống nổi.

Bình Nhi bất đắc dĩ phải lấy ba mươi lạng đưa cho Trúc Sơn để đem ra trả cho Lỗ Hoa, ký vào giấy là đã trả nợ xong.

Lỗ Hoa và Trương Thắng sau khi lấy được ba mươi lạng bèn tới nhà Tây Môn Khánh thưa chuyện. Tây Môn Khánh nghe xong vui lắm, sai dọn tiệc thết đãi. Lỗ Hoa lấy số bạc ba mươi lạng ra đưa cho Tây Môn Khánh. Tây Môn Khánh đời nào chịu nhận bèn bảo:

– Hai chú cứ giữ lấy mua rượu mà uống, sau này tôi còn nhờ vả hai chú nhiều nữa.

Lỗ Hoa và Trương Thắng ăn uống xong thì cáo từ mà đi.

Về phần Trúc Sơn sau khi trả ba mươi lạng cho Lỗ Hoa thì bị Bình Nhi mắng:

– Anh chỉ được cái tài ăn hại phá của mà thôi. Nay mai rồi cả căn nhà này anh cũng làm tiêu tan cho mà coi. Bây giờ anh có đường có nẻo thì đi đi, mang cả thuốc men dụng cụ của anh đi cho khuất mắt tôi.

Trúc Sơn vừa thẹn vừa giận không nói nên lời, chỉ nuốt giận đi tìm nhà thuê rồi lóc cóc dọn thuốc men dao cầu thuyền tán mà đi. Từ đó hai người rời xa nhau.

Từ khi Bình Nhi đuổi Trúc Sơn đi thì ngày đêm chỉ tơ tưởng tới Tây Môn Khánh. Sau đó nghe nói là Tây Môn Khánh đã được vô sự, thì trong lòng hối hận lắm, ngày đêm chỉ trang điểm cho đẹp rồi ra tựa cửa chờ mong.

Một hôm, Đại An cưỡi ngựa đi ngang thấy tiệm thuốc đã dẹp, cửa đóng im ỉm thì quay về thưa lại cho chủ hay. Tây Môn Khánh bảo:

– Chắc là thằng khốn đó bị đánh, rồi lâm bệnh đóng cửa nằm trong nhà chứ gì ? Nó có khỏi được thì mau ra cũng phải là nửa tháng.

Nói xong rồi bỏ qua, không để ý tới nữa.

Mấy hôm sau là rằm tháng tám, sinh nhật của Nguyệt Nương, khách khứa ra vào tấp nập. Nguyệt Nương dọn tiệc tại phòng khách mà đãi. Tây Môn Khánh vì đang lạnh lùng với Nguyệt Nương nên từ sớm đã đến nhà Lý Quế Thư vui chơi, dặn Đại An là tới tối thì đem ngựa tới đón. Tây Môn Khánh có Ứng Bá Tước và Tạ Hy Đại. Hôm đó Quế Khanh cũng có nhà, cùng em bồi rượu cho đám Tây Môn Khánh.

Tới chiều, Đại An dẫn ngựa tới. Tây Môn Khánh hỏi:

– Nhà có chuyện gì lạ không ?

Đại An thưa:

– Không có chuyện gì cả, khách khứa ra về cả rồi, đại nương cũng đã về phòng nghỉ ngơi. Hôm nay Hoa đại nương cũng sai Phùng ma ma đem lễ vật tới chúc thọ đại nương, lễ rất hậu, có cả một đôi hài do chính tay nhị nương làm nữa.

Tây Môn Khánh thấy mặt Đại An đỏ rồi hỏi:

– Ngươi uống rượu phải không ?

Đại An ngập ngừng thưa:

– Hồi nãy đi ngang đường Sư Tử, Nhị nương gọi tôi vào cho uống rượu, tôi nói là đi đón gia gia, không dám uống, nhưng nhị nương cứ ép, tôi không từ được nên phải uống hai chung do đó mặt đỏ lên như thế này. Hiện Nhị nương hối hận lắm, nói chuyện với tôi mà cứ khóc. Hôm trước tôi thưa chuyện, gia gia không tin. Nhị nương hiện cũng đã đuổi người họ Tương đi rồi, và chỉ mong gia gia nghỉ lại để được về hầu gia gia mà thôi. Nhị nương đau buồn gầy yếu lắm, nhờ tôi thỉnh gia gia tới để được xin lỗi gia gia. Nếu gia gia hồi tâm thì để tôi ghé qua nói một tiếng cho Nhị nương mừng.

Tây Môn Khánh bảo:

– Con dâm phụ đó có thay lòng đổi dạ, bây giờ còn muốn gì nữa. Nhưng thôi, đã vậy thì ngươi tới nói là phải biện lễ mà chờ ta đến.

Đại An nói:

– Vâng để tôi đi ngay, Nhị Nương đang mỏi mắt chờ tôi mang tin vui tới. Ở đây có Bình An và Hoạ Đồng hầu hạ gia gia là được rồi.

Tây Môn Khánh bảo:

– Được rồi ngươi cứ đi đi.

Đại An phóng ngựa thẳng tới nhà Bình Nhi báo tin mừng. Bình Nhi nghe xong như chết đi rồi được sống lại, cười bảo:

– Cảm tạ ngươi nhiều lắm, ta làm phiền ngươi quá nhiều, chuyện này thành được, cũng là do ngươi cả.

Nói xong lật đật dọn rượu thịt khoản đãi Đại An.

Mấy hôm sau, vào ngày hai mươi tháng tám, Tây Môn Khánh vì chưa làm hòa với Nguyệt Nương nên dọn qua Ngoạn Hoa Lâu bên nhà mới, rồi sang chuẩn bị một cỗ kiệu, một xấp lụa, bốn cỗ đèn lồng, cho Đại An và Bình Nhi về. Bình Nhi ăn mặc sang trọng, trang điểm lộng lẫy, giao nhà cửa cho Phùng ma ma và Thiên Phúc mà lên kiệu về nhà Tây Môn Khánh. Trong khi đó Tây Môn Khánh ăn mặc chỉnh tề ngồi đợi Bình Nhi bên nhà mới.

Kiệu của Bình Nhi đến cổng, không được ai ra tiếp đón. Ngọc Lâu biết chuyện vội chạy lên gặp Nguyệt Nương và bảo:

– Đại nương là chủ nhà, nay người ta đã tới cổng, Đại nương cũng nên cho người tiếp đón, nếu không sợ rằng gia gia buồn giận. Hiện gia gia ở bên nhà mới, mà kiệu người ta ngừng đợi ngoài cổng, để lâu e không tiện.

Nguyệt nương đang giận Tây Môn Khánh nên không muốn ra tiếp đón, nhưng lại sợ rằng Tây Môn Khánh sẽ kiếm chuyện lôi thôi. Trầm ngâm giây lát rồi miễn cưỡng dời bước ra tiếp

đón Bình Nhi rồi sai đưa sang nhà mới ngay. Các a hoàn Tú Xuân và Nghênh Xuân đã dọn dẹp trang hoàng sẵn phòng cho Bình Nhi, nhưng tối hôm đó Tây Môn Khánh buồn bực, nên không đến với Bình Nhi.

Mãi hôm sau Tây Môn Khánh mới bảo Bình Nhi vào diện kiến để phân lớn nhỏ và để được nhìn nhận là hàng thứ sáu trong nhà. sau đó, liền trong ba hôm, Tây Môn Khánh cho dọn tiệc lớn, thết đãi khách khứa bạn bè. Nhưng đêm đầu tiên Bình Nhi được chính thức nhìn nhận là vợ thứ sáu, Tây Môn Khánh không đến với Bình Nhi, mà lại đến với Kim Liên. Kim Liên bảo:

– Người ta là người mới, mà đêm đầu tiên chàng không đến với người ta là thế nào ?

Tây Môn Khánh cười bảo:

– Nàng chưa biết tính nết con dâm phụ đó đâu, cứ để từ từ không vội.

Sau ba ngày đãi tiệc, nếp sống trong nhà đã trở lại bình thường, nhưng Tây Môn Khánh vẫn chưa chịu tới với Bình Nhi, mà lại đến với Ngọc Lâu.

Bình Nhi sau mấy đêm liền không thấy Tây Môn Khánh tới thì khóc lóc buồn rầu. Đến đêm thứ tư, sau khi cho hai a hoàn đi ngủ, Bình Nhi cởi dây lưng treo cổ lên xà nhà tự ải. Hai a hoàn mới ngủ nên chưa say, chợt thức giấc, thấy đèn nến lờ mờ, chạy vào phòng Bình Nhi thì thấy Bình Nhi đã tự tử. Thật là:

Gối lạnh còn chờ cơn mộng thắm,
Hồn thơm đã định xuống hoàng tuyền.

Hai a hoàn thấy vậy sợ quá, vội tung cửa ra gọi Xuân Mai:

– Thư thư ơi, nương nương tôi tự tử rồi.

Kim Liên và Xuân Mai hốt hoảng chạy sang cắt dây hạ xuống để trên giường tìm phương cấp cứu. Lát sau Bình Nhi mới từ từ tỉnh lại. Kim Liên bảo Xuân Mai:

– Ngươi chạy mời gia gia tới đây ngay.

Lúc đó Tây Môn Khánh chưa ngủ, mà còn đang uống rượu trong phòng Ngọc Lâu. Ngọc Lâu cũng đang khuyên Tây Môn Khánh nên đến với Bình nhi, rồi nói thêm:

– Mấy đêm liền chàng không đến, e Lục nương buồn tủi tội nghiệp. Vả lại Lục nương rất có thể nghĩ rằng chúng tôi cầm giữ chàng.

Tây Môn Khánh bảo:

– Được rồi, qua đêm nay sẽ hay. Nàng không biết chứ con dâm phụ đó gớm lắm. Chồng mới chết đã thúc giục tôi cưới về, tôi nhiều việc bận chưa lo ngay được thì vồ ngay lấy thằng họ Tương. Tôi còn đang ngại là thằng đó có thể tìm đến đây gây chuyện lôi thôi nữa.

Ngọc Lâu bảo:

– Chàng giận cũng phải, nhưng bây giờ thì dù sao người ta cũng đã về đây rồi, chàng nên nguôi giận là hơn.

Đang nói thì nghe bên ngoài có tiếng gọi cửa rất gấp. Ngọc Lâu sai Lan Hương ra hỏi. Lan Hương trở vào thưa:

– Xuân Mai thỉnh gia gia tới ngay, Lục nương tự tử rồi.

Ngọc Lâu hoảng sợ bảo:

– Đó, tôi giục chàng đến với người ta, chàng không nghe, còn đặt chuyện này chuyện kia. Bây giờ xảy ra cớ sự thế này thì có chết không chứ.

Nói xong sai đốt đèn lồng, cùng Tây Môn Khánh tới ngay. Lát sau thì Nguyệt Nương và Kiều Nhi cũng tới. Nguyệt Nương hỏi:

– Ngũ muội đã đổ nước gừng chưa ?

Kim Liên đáp:

– Tôi có dùng nước gừng cứu tỉnh rồi.

Bình Nhi nằm trên gường, thấy mọi người tới đông đủ thì cứ nghẹn ngào mãi, lát sau mới nức nở khóc được. Tây Môn Khánh thấy Bình Nhi vô sự thì bỏ về phòng Ngọc Lâu trước. Nguyệt Nương và mọi người còn ở lại khuyên giải một hồi rồi ai về phòng nấy.

Hôm sau, Tây Môn Khánh nói với đám thê thiếp:

– Các nàng không biết thủ đoạn của con dâm phụ đó đâu, nó giả vờ để làm mọi người sợ mà thôi. Để tối nay tôi tới đó bắt được tự tử, nếu nó không chịu, tôi sẽ cho nó ăn roi ngựa. Nó chưa biết tôi là ai mà. Mọi người đều xúm lại khuyên can. Tây Môn Khánh không nói gì.

Tối hôm đó Tây Môn Khánh giấu roi ngựa trong tay áo mà tới phòng Bình Nhi, lại dặn Xuân Mai đóng hết các cửa, không được cho ai vào. Ngọc Lâu và Kim Liên lảng vảng xa xa để theo dõi.

Trong phòng, Bình Nhi biết Tây Môn Khánh vào nhưng cứ nằm trên gường mà khóc, rồi cho hai a hoàn lui ra ngoài. Tây Môn Khánh kéo nghế ngồi xuống, trỏ Bình Nhi mà mắng:

– Dâm phụ kia, tại sao mày lại về nhà tao để tự tử, định gieo tai vạ cho tao hay sao ? Mày theo thằng khốn đó rồi, tao đâu có mời mày về đây ? Mày nhờ gia nhân của tao van xin giùm, tao mới rủ lòng cho về đây, vậy mà mày dám giả chết để lừa gạt mọi người. Tao từ nhỏ chưa được thấy ai tự tử bao giờ nên hôm nay tới đây bắt mày phải tự tử cho tao coi.

Nói xong rút ra một cuộn dây thừng, ném vào mặt Bình Nhi. Bình Nhi chợt nhớ lại lời Tương Trúc Sơn nói về hành động tàn bạo của Tây Môn Khánh đối với thê thiếp, nay nhìn tận mắt quả là đúng. Vì vậy vừa hối hận, vừa đau buồn, chỉ gục mặt mà khóc. Tây Môn Khánh giận lắm, quát tháo bắt Bình Nhi cởi bỏ hết xiêm y rồi quỳ xuống đất trước mặt mình. Bình Nhi không chịu. Tây Môn Khánh nhảy xổ tới lôi tuột xuống đất, thẳng cánh quất mấy roi, Bình Nhi mới chịu cởi bỏ hết xiêm

áo, run rẩy quỳ mọp xuống. Tây Môn Khánh ngồi xuống ghế vung vẩy ngọn roi da mà dằn giọng hỏi:

– Dâm phụ kia, ta đã dặn mày là hãy đợi, trong nhà ta còn nhiều chuyện quan trọng cần phải quyết định cho xong, vậy mà tại sao mày không chịu nghe lời, mà lại vồ lấy cái thằng họ Tương khốn kiếp ? Mày lấy ai, ta không nói làm gì, nhưng cái thằng họ Tương thì có gì để mày phải mê mệt. Mày cưới nó chứ không phải nó cưới mày. Mày lại mua nhà cho nó, bỏ tiền ra cho nó mở tiệm thuốc, có phải mày định giúp nó cạnh tranh với ta chăng ?

Bình Nhi cúi mặt đáp:

– Bây giờ tôi cũng chẳng biết nói sao, mà hối thì cũng muộn rồi. Nhưng từ khi chàng hứa rồi không thấy lại, tôi buồn sầu đêm đợi ngày mong. Rồi bên vườn của Kiều Hoàng thân có những loài ma quái hiện ra chàng mà đến với tôi. Thường thường đêm nào ma quỷ cũng hiện hình chàng mà đến, rồi tới hừng đông gà gáy mới chịu đi. Chàng không tin thì cứ hỏi Phùng ma ma và hai đứa a hoàn tất rõ. Ma quỷ nó làm tôi bệnh gần chết, nhờ tên họ Tương tới cho thuốc mới khỏi. Tên này tán tỉnh, lại nói rằng chàng đang gặp chuyện nguy nan và đã phải đi Đông Kinh lo chạy tội rồi. Tôi phần sợ ma quỷ, phần tin lời nó nên mới trót dại lấy nó. Ngờ đâu ít lâu thì xảy ra chuyện nó quỵt nợ của người ta, bị người ta đánh rồi đưa tới quan. Tôi nén giận bỏ tiền ra trả nợ cho nó rồi đuổi nó đi.

Tây Môn Khánh hỏi:

– Nghe đâu mày xúi nó làm đơn tố cáo ta chiếm đoạt vàng bạc của cải của mày phải không ?

Bình Nhi kêu lên:

– Trời ơi, làm gì có chuyện đó, tôi mà làm chuyện đó thì cứ giết chết tôi đi.

Tây Môn Khánh cười gằn:

– Mà dù có chuyện đó chăng nữa ta cũng chẳng sợ. Mày cậy mày có tiền nên mới thay chồng như thay áo, thứ như mày

thì ta cũng chẳng dung được đâu. Ta nói thật, chuyện thằng họ Tương bị đánh và bị lên quan, chính là thủ đoạn của ta đó, nhưng mới chỉ là thủ đoạn nhỏ nhặt mà thôi, chỉ cố dằn mặt thằng khốn đó. Còn nếu ta không thương tình thì cả mày cũng không thoát đâu.

Bình Nhi nói:

- Tôi cũng biết đó là do chàng sắp đặt, nhưng như vậy tức là chàng còn thương đến tôi. Còn nếu quả thật chàng không còn thương tôi nữa thì tôi có chết cũng đành.

Bình Nhi được đà, đem hết lời ngon tiếng ngọt ra nói. Lát sau Tây Môn Khánh có vẻ bớt giận bảo:

- Dâm phụ kia, ta hỏi đây, ta với thằng khốn họ Tương, ai hơn ai ?

Bình Nhi vội đáp:

- Nó làm sao so được với chàng mà hỏi. Chàng cao như trời, nó thấp như đất, chàng ở trên ba mươi ba từng trời, chuyện trò với Ngọc Hoàng tiên nữ, nó chín mươi chín từng dưới đất, làm bạn với quỷ sứ Diêm Vương. Những đồ vật của cải của chàng trong nhà, chắc là cả ngàn năm nó cũng chưa được nhìn thấy. Mà chẳng cần nói tới thằng họ Tương cứ nói ngay tới Hoa Tử Hư kia cũng chưa bén gót chàng. Tôi như người bệnh lâu năm, chàng như viên thuốc thánh. Tôi có điều gì không nên không phải thì nhờ chàng ngày một ngày hai từ từ dạy dỗ cho.

Bình Nhi nói tới đâu, ruột gan Tây Môn Khánh nở ra tới đó, bèn buông roi, nâng dậy, bảo mặc xiêm y, sau đó nói:

- Nàng nói đúng, nó như cái đĩa, ta như bầu trời, làm sao mà so được.

Đoạn bảo Xuân Mai kê bàn dọn tiệc, hai người cùng nhau đối ẩm. Đêm đó Tây Môn Khánh ở lại với Bình Nhi.

Thật là:

Bên tây mưa dội, bên đông nắng
Những tưởng vô duyên lại hữu tình.

5. BỒ TÙNG LINH * (1640-1715)

LIÊU TRAI CHÍ DỊ

ĐẠO SĨ NÚI LAO

Ấp tôi có chàng họ Vương, vào hàng thứ bảy, là con nhà cố gia, tuổi trẻ mộ đạo. Nghe nói núi Lao Sơn có nhiều tiên ở, liền quẩy tráp đi thăm. Trèo lên một ngọn núi, thấy có nhà quán, um tùm râm mát. Một vị đạo sĩ ngồi trên tấm bồ đoàn[1] tóc trắng rủ xuống tận cổ, tinh thần trông sắc sảo. Khấu đầu, bắt chuyện thấy đạo lý rất huyền diệu, bèn xin thờ làm thầy. Đạo sĩ nói:

- Chỉ sợ sức yếu, không chịu nổi khó nhọc.

- Thưa là "Được".

Học trò đạo sĩ đông lắm, gần tối mới kéo hết về. Vương cùng họ cúi đầu làm lễ, rồi lưu lại trong quán.

Sáng tinh sương, đạo sĩ gọi Vương, đưa cho cái búa, bảo theo đám học trò đi hái củi. Vương kính cẩn vâng lời.

Được hơn một tháng, tay chân phồng rộp thành chai, cực khổ không chịu nổi, đã ngầm có bụng muốn về. Một buổi chiều, trở về, có hai người khách đang cùng thầy uống rượu. Trời đã tối mà chưa thấy đèn lửa gì cả. Thầy bèn cắt một miếng giấy

---

* Nhà viết truyện ngắn nổi tiếng Trung Quốc đời Thanh, tự Lưu Tiên, còn có tự Kiếm Thần, hiệu Liễu Tuyền, người Sơn Đông. Xuất thân trong một gia đình địa chủ sa sút, long đong trên con đường khoa hoạn. Sống cuộc đời đạm bạc nơi thôn dã, vừa dạy học vừa sưu tầm truyện ma quái trong dân gian. Ông để lại một bộ *Văn Tập* (4 quyển), Thi Tập (6 quyển) với *Liêu Trai Chí Dị*, tác phẩm nổi tiếng.

(1) Chiếc chiếu đan bằng cỏ bồ, hình tròn, để người tu hành quỳ hoặc ngồi cho êm, mỗi khi hành lễ.

như hình cái gương, dán lên vách. Phút chốc, ánh trăng vằng vặc soi sáng khắp nhà[1], trông rõ từng sợi tơ, cái tóc. Đám học trò chạy quanh hầu hạ.

Một người khách nói:

– Đêm nay đẹp trời có thể vui chơi, nên cho ai nấy cùng vui.

Bèn lấy hồ rượu trên bàn, chia cho đám học trò, lại dặn nên uống thật say. Vương nghĩ bụng: bảy tám người một hồ rượu, làm sao cho đủ được ? Mỗi người đều tìm một chén, bát[2] tranh nhau rót uống trước, chỉ sợ rượu trong hồ hết mất. Thế mà rót hết lần này lượt khác, vẫn chẳng vơi đi chút nào.

Bụng thầm lấy làm lạ. Giây lát, một vị khác nói:

– Đã làm ơn ban cho ánh sáng trăng, mà lại chỉ tịch mịch uống suông. sao không gọi Hằng Nga xuống chơi ?

Đạo sĩ bèn lấy một chiếc đũa, vét vào trong trăng. Bỗng thấy một người đẹp từ trong vùng ánh trăng bước ra; mới đầu chừa đầy một thước, xuống tới đất thì cao lớn như người thường; lưng thon nhỏ, cổ trắng muốt, phất phới múa khúc *Nghê thường*.

Rồi ca rằng:

Tiên, tiên nào!
Về đây nao!
Giữ ta mãi chốn Quảng hàn sao!

Âm thanh trong trẻo, cao vút, nghe hay như tiếng tiêu, tiếng sáo. Ca xong, uốn lượn mà đứng lên, rồi nhảy lên mặt bàn, ngoảnh đi ngoảnh lại, đã biến trở lại thành chiếc đũa. Ba người cùng cười lớn. Lại một vị khách nói:

– Đêm nay vui quá, nhưng tửu lượng không biết đâu cho cùng! Có thể tiễn chúng tôi lên cung nguyệt được chăng ?

---

(1) Có bản: "soi sáng khắp vách"

(2) Nguyên văn là "ang", tức cái chậu; chúng tôi dịch thoát.

Ba người bèn dời chiếu tiệc vào dần trong trăng. Mọi người đều nhìn thấy rõ cả ba đang ngồi trong trăng uống rượu, râu, lông mày, đều trông thấy hết, như bóng hiện trong gương. Một chốc, ánh trăng mờ tối dần; học trò châm đèn mang đến thì một mình đạo sĩ còn ngồi đấy mà khách đã biến đâu mất. Trên bàn thức nhắm đã còn là miếng giấy tròn như tấm gương mà thôi. Đạo sĩ hỏi:

– Đã uống đủ cả chưa ?

Cùng thưa:

– Đủ cả.

– Đủ rồi thì nên đi ngủ sớm, đừng làm lỡ việc kiếm củi ngày mai.

Chúng đều "vâng" mà lui ra. Vương lòng thầm thích thú, hâm mộ, bụng muốn về lại tiêu tan.

Lại một tháng nữa, khổ không thể nào kham nổi, mà đạo sĩ tịnh không truyền dạy cho một phép nào. Sốt ruột không chờ được nữa, bèn lên cáo từ rằng:

– Đệ tử này vượt mấy trăm dặm đường đến đây thụ nghiệp với thầy; dẫu chẳng học được cái thuật trường sinh bất tử, thì cũng mong thầy dạy cho chút gì gọi là ba tấm lòng cầu học. Thế mà qua hai ba tháng, chỉ những sáng đi kiếm củi, tối lại trở về. Hồi còn ở nhà, đệ tử chưa bao giờ phải chịu khổ như thế.

Đạo sĩ cười, bảo:

– Ta vẫn nói là anh không kham khổ khó nhọc, nay đã quả nhiên. Sáng mai, sẽ cho người dẫn anh về.

Vương nói.

– Đệ tử làm lụng đã bao ngày, xin thầy dạy qua cho một thuật mọn khỏi phụ công lao đệ tử lặn lội tới đây.

Đạo sĩ hỏi:

- Muốn học thuật gì ?

Vương đáp:

- Thường thấy thầy đi đâu, tường vách không ngăn cản được. Chỉ xin được một phép ấy cũng đủ.

Đạo sĩ cười nhận lời. Bèn đem bí quyết truyền cho, bảo miệng đọc mấy câu thần chú, xong rồi hô: "vào đi!" Vương đối diện với bức tường mà không dám vào. Đạo sĩ lại bảo:

- Cứ vào thử đi!

Vương theo lời, thong thả tiến lại, đến tường thì bị vấp. Đạo sĩ bảo:

- Cúi đầu, vào rõ nhanh, đừng lần chần!

Vương quả quyết, đứng cách tường mấy bước, lao nhanh tới. Gặp tường. cảm thấy trống không như không có vật gì cả. Quay nhìn lại, thì đã ở bên kia tường rồi. Mừng quá, và lạy tạ. Đạo sĩ bảo:

- Về nhà nên giữ mình đứng đắn, không thế thì phép không nghiệm nữa đâu.

Nói rồi cấp lộ phí cho về.

Đến nhà, chàng khoe đã gặp được tiên, tường vách dày đến đâu cũng không thể ngăn mình được. Vợ không tin. Vương làm đúng như đạo sĩ đã dạy, đứng cách tường mấy bước, chạy ù vào. Đầu đụng phải tường cứng, bổng ngã lăn đùng. Vợ đỡ dậy, nhìn xem, thấy trán đã sưng lên như một quả trứng lớn. Vợ đưa ngón tay lêu lêu, diễu cho. Vương vừa thẹn vừa ức, chỉ biết chửi đạo sĩ bất lương mà thôi.

NGUYỄN ĐỨC LÂN dịch

(Truyện Lao Sơn đạo sĩ. Quyển 1)

TỊCH PHƯƠNG BÌNH

Tịch Phương Bình, Người Đông An[1], cha tên là Liêm, thẳng tính nhưng nóng vụng; nhân cùng một người nhà giàu họ Dương trong làng có truyện hiềm khích. Họ Dương chết trước: mấy năm sau Liêm mắc bệnh nguy kịch, bảo mọi người rằng:

– Lão Dương nay đang lo lót ở dưới âm ty, sai người bắt tôi.

Được một chốc, mình mẩy tấy đỏ lên, kêu gào mấy tiếng rồi chết. Tịch buồn thảm, không ăn nói:

– Cha tôi thật thà chất phát, nay bị loài quỷ dữ lăng nhục, tôi phải đánh đường xuống đất thân oan cho cha mới được.

Từ bấy giờ không nói năng gì nữa, lúc thì ngồi, lúc lại đứng, tình trạng giống hệt như người ngây, thì ra hồn đã lìa khỏi xác.

Thoạt đầu, Tịch cảm thấy mình ra khỏi cửa, không biết đi đâu. Nhìn trên đường thấy có người đi, bèn hỏi thăm đâu là thành quách của ấp. Một lát, vào đến thành thì cha mình đã bị giam vào ngục, xa xa trông thấy cha đang nằm dưới thềm, có vẻ khổ sở lắm. Ngước lên nhìn thấy con, nước mắt ông bỗng trào ra, liền gọi:

– Bọn lại ngục đứa nào cũng nhận hối lộ và được rỉ tai trước cả, nên ngày đêm đánh đập tra khảo, đùi vế dập nát đến tệ hại.

Tịch nổi nóng, lớn tiếng mắng quân canh ngục:

– Nếu như cha ta có tội, thì đã có phép vua, đồ quỷ chết rấp chúng bay há lại có thể hoành hành như thế được sao ?

---

(1) Có nhiều nơi mang tên Đông An. Có thể đây là tên một châu xưa, nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

Mắng rồi bèn trở ra, kiếm giấy bút làm đơn. Vừa gặp phiên hầu buổi sớm của thành hoàng[1], chàng đệ đơn lên kêu oan. Họ Dương sợ, đút lót từ trong đến ngoài, rồi mới ra công đường đối chất. Thành hoàng lấy cớ lời tố cáo của Tịch không có bằng cứ, chẳng coi ra gì cả. Tịch uất ức mà không còn chỗ nào giải bầy, bèn cứ mò mẫm mà đi, chừng hơn trăm dặm thì đến quận, đem tình trạng quan lại, chức dịch tư túi, trình lên viên quan đầu quận. Việc trì hoãn đến nửa tháng mới được đem ra xử. Quan quận cho Tịch một trận đòn, rồi phê vào đơn, trả về cho thành hoàng xét lại án.

Tịch trở về ấp cũ, chịu đủ mọi thứ gông cùm, đau đớn oan ức không biết trút đâu cho hả. Thành hoàng lại sợ chàng lại kiện nữa, bèn sai nha dịch áp giải về nhà. Nha dịch đưa về đầu cổng mới bỏ đi. Tịch không chịu vào, lại trốn xuống cõi âm, đến tận phủ Diêm Vương, tố cáo tội tham tàn của quận và ấp. Diêm Vương lập tức cho bắt cả hai đến đối chất. Hai viên quan mật sai người tâm phúc đến thương thuyết với Tịch, hứa biếu Tịch ngàn vàng. Tịch không nghe. Mấy hôm sau, chủ nhà trọ nói với Tịch rằng:

– Anh giữ ý khăng khăng quá, quan phủ đã cầu hòa mà cứ cố chấp không nghe. Nay nghe đâu người nào cũng có thư riêng dâng lên Diêm Vương, sợ việc hỏng mất.

Tịch cho là lời đồn vu vơ ngoài đường, cũng chưa tin lắm. Chốc lát có người mặc áo đen[2] gọi vào hầu.

Lên giữa công đường, trông thấy Diêm Vương mặt có sắc giận, không nói năng gì, truyền đánh ngay hai mươi roi. Tịch xẵng giọng hỏi:

– Kẻ tiểu nhân này có tội gì ?.

Diêm Vương tảng lờ như không nghe. Tịch chịu đòn, kêu to lên:

---

(1) Viên quan ở âm phủ, coi một ấp.

(1) Lính hầu ở các nha môn ngày trước

– Phải đòn là đúng lắm! Ai bảo mi[1] không có tiền!

Diêm Vương càng giận, truyền lệnh đặt lên giường lửa. Hai tên quỷ liền tóm lấy chân Tịch. Trông sang thềm phía Đông thấy có chiếc giường sắt, lửa đốt ở phía dưới, cả mặt giường đều đỏ rực. Bọn quỷ cởi áo Tịch ra, đặt chàng nằm lên giường, đưa tay lăn qua lật lại. Đau buốt, xương thịt cháy đen, khổ không chết đi được. Ước chừng hơn một giờ, quỷ bảo:

– Đủ rồi!

Bèn đỡ chàng dậy, bắt xuống giường mặc áo, may còn tập tễnh mà đi được.

Lại dẫn đến trước công đường. Diêm Vương hỏi:

– Còn dám kiện nữa không ?

Tịch đáp:

– Oan tỏ chưa giải, tấc lòng này vẫn không nguội lạnh; nếu nói rằng không kiện nữa thì chính là lừa dối đại vương thôi. Nhất định còn kiện nữa!

Lại hỏi:

– Lấy lời lẽ gì mà kiện ?

Tịch đáp:

– Những cái thân tôi đang phải chịu đây, đều là lời lẽ cả đấy.

Diêm Vương nổi giận, hạ lệnh dùng cưa, xẻ thân thể chàng ra. Hai tên quỷ liền kéo đi, nhìn thấy một cây gỗ dựng đứng, cao hơn tám chín thước, lại có hai tấm ván đặt ngửa ở phía dưới; từ trên xuống dưới máu còn đọng bê bết. Đang sắp chịu trói, bỗng bên công đường có tiếng gọi to:

– Họ Tịch kia!

Hai tên quỷ lại điệu chàng về ngay chỗ cũ. Diêm Vương lại hỏi:

---

(1) Nguyên văn: "ngã" là tôi, chúng tôi dịch thoát.

– Còn dám kiện nữa thôi ?

Đáp rằng:

– Nhất định kiện nữa!

Diêm Vương truyền lệnh bắt ra cưa mau. Đến dưới cây gỗ, bọn quỷ bèn dùng hai mảnh ván kẹp Tịch vào giữa, rồi trói vào thân cây. Lưỡi cưa vừa hạ xuống, đã cảm thấy đỉnh đầu tách dần ra, đau không sao chịu nổi, nhưng cũng cố nhịn đau không kêu. Nghe bọn quỷ nói với nhau:

– Gan thay anh chàng này!

Lưỡi cưa đưa xoèn xoẹt, xuống dần đến dưới ngực. Lại nghe một tên quỷ nói:

– Người này chí hiếu, không có tội gì, hãy cho chệch lưỡi cưa đi một tý, đừng để hại đến quả tim của hắn.

Liền cảm thấy lưỡi cưa cong chếch chếch mà ấn xuống. Càng đau đớn khổ sở gấp bội. Chỉ giây lát, nửa thân đã tách rời. Vừa cởi ván ra, hai mảnh thân đều đổ ụp. Quỷ lên công đường lớn tiếng trình báo. Trên công đường truyền gọi, bảo khớp thân thể lại, rồi lên bái kiến. Hai tên quỷ tức thì đưa tay đẩy, khiến cho hai mảnh thân hợp ngay lại, rồi kéo dậy bảo đi. Tịch cảm thấy ở chỗ đường cưa đã dính liền, đau nhức nhối, chừng như lại muốn xé ra, đi nửa bước lại ngã dúi. Một tên quỷ rút ngay giải thắt lưng bằng dây tơ của mình ra, trao cho chàng nói:

– Tặng cái này, để đền đáp lòng hiếu thảo của ngươi.

Chàng nhận lấy đeo vào thì thân thể đột nhiên khoẻ khoắn trở lại, không còn nhức nhối khổ sở tí nào. Bèn lên công đường, sụp lạy. Diêm Vương lại vẫn hỏi như trước. Tịch sợ lại phải tái diễn những cực hình tàn ác, bèn đáp là không kiện nữa. Diêm Vương lập tức hạ lệnh đưa chàng trở về dương gian. Sai nha đưa ra khỏi cửa Bắc, chỉ vẽ đường cho chàng rồi quay đi.

Tịch nghĩ các công sở dưới cõi âm lại còn mờ ám hơn ở trên trần thế, nhưng không còn con đường nào để kêu thấu tới tai thượng đế thì biết làm gì được! thế gian vẫn truyền rằng có thần Nhị Lang[1] ở Quán Khẩu là thân thuộc về bên ngoại của thượng đế. Vị thần này thông minh chính trực, đến đấy kêu, tất có linh ứng khác thường. Lại mừng thầm hai tên sai nha đã đi rồi, bèn quay sang hướng Nam. Giữa lúc đang rong ruổi, bỗng có hai người đuổi theo, nói:

– Đại Vương ngờ ngươi không chịu về, nay quả thế thực.

Rồi tóm lấy chàng, đưa trở lại yết kiến Diêm Vương. Bụng nghĩ chắc Diêm Vương lần này sẽ càng bực bội hơn, tai vạ lại càng thảm khốc; ấy thế mà Diêm Vương không hề có sắc giận, chỉ bảo Tịch rằng:

– Lòng hiếu của ngươi thật chí thành. Nhưng nỗi oan của cha ngươi, ta đã rửa sạch cho rồi, nay đã được đầu thai vào nhà giàu sang, chẳng cần ngươi phải kêu nài làm gì nữa. Nay đưa ngươi về. Cho ngươi một sản nghiệp đáng giá nghìn vàng, lại ban cho tuổi thọ, thì đã mãn nguyện hay chưa ?

Bèn ghi vào sổ, đóng ấn lớn vào, sai lính đưa cho nhìn tận mắt. Tịch tạ ơn, lui xuống. Quỷ đưa chàng trở ra. Ra đến đường, đuổi thì mắng rằng:

– Thằng giặc gian hoạt này, luôn luôn tráo trở, khiến cho người ta phải chạy ngược chạy xuôi muốn chết! Nếu còn tái phạm thì phải bắt bỏ vào cái cối xay lớn, nghiến cho nát nhừ ra.

Tịch trừng mắt quát:

– Đồ ma quỷ, làm gì thế ? Tính ta chịu được dao cưa nhưng không chịu được roi vọt đâu. Xin hãy trở lại yết kiến đại vương, nếu Diêm Vương ta tự mình về lấy, thì cũng chẳng việc gì phải vất vả các anh phải tiễn.

---

(1) Chi Dương Tiễn, theo truyền thuyết là cháu ngoại của Ngọc Hoàng thượng đế.

Nói rồi liền chạy trở lại. Hai tên quỷ sợ, dùng lời ôn tồn khuyên dỗ chàng về. Tịch cố đi thực chậm rãi, đi được vài bước lại nghỉ ở bên đường. Quỷ nuốt giận không dám nói gì nữa. Chừng nửa ngày, đến một thôn kia, có ngôi nhà cánh cửa nửa mở nửa khép, quỷ kéo chàng ngồi xuống. Tịch nhân tiện ngồi tựa trên bậc cửa. Hai tên quỷ thừa lúc chàng không đề phòng, đẩy luôn vào bên trong cửa. Chàng thất đảm, kịp định thần nhìn lại, thì thân mình đã hóa thành đứa trẻ sơ sinh. Phẫn uất, chỉ kêu khóc, không bú, ba ngày liền chết.

Vong hồn phiêu diêu đây đó mà vẫn không quên Quán Khẩu. Bôn tẩu chừng vài chục dặm, bỗng thấy một cỗ xe cắm lọng lông chim đi tới, cờ quạt, kiếm kích đứng chắn ngang đường. Đang vượt đường để tránh, chẳng may chạm vào nghi trượng, chàng bị mấy người cưỡi ngựa đi trước bắt được, trói lại, giải đến trước xe. Ngẩng lên thấy ở trong xe có một người trai trẻ, tướng mạo khôi ngô, kỳ vĩ, hỏi Tịch là người nào ? Giữa lúc người đây oan ức mà chưa có chỗ để tuôn ra, lại nghĩ đây tất là một vị quan lớn, hoặc giả cũng là người có thể ra oai tác phúc được, Tịch bèn kể hết mọi nỗi thống khổ đau đớn của mình. Người trong xe truyền lệnh cởi trói cho chàng, và bảo đi theo sau xe. Lát sau, đến một nơi, có hơn mười viên quan ra đón ở bên đường. Người ngồi trong xe hỏi han từng người một. Thế rồi, trỏ vào Tịch, bảo một vị quan rằng:

– Đây là người dưới âm, đang muốn đến đây tố tụng. Nên giúp anh ta làm rõ trắng đen ngay.

Tịch hỏi dò những người theo hầu, mới biết người ngồi trong xe là Cửu Vương điện hạ [1], con trai thượng đế, con người mà ông dặn dò chính là Nhị Lang. Tịch nhìn, Nhị Lạng mình cao, râu rậm, không giống như người thế gian vẫn đồn.

Sau khi Cửu Vương đã đi khỏi, Tịch theo Nhị Lang đến một toà dinh thự, thì cha mình và họ Dương, cùng đám nha lại đều đã có mặt. Chỉ thoáng chốc, trong xe tù lại có những tù nhân bước ra, đó là Diêm Vương, viên quan đầu quận và thành hoàng.

---

(1) Tiếng xưng hô hoàng tử hoặc vua chư hầu.

Tất cả đều phải lên công đường đối chất và thẩm vấn. Những lời Tịch khai không có một chỗ nào dối trá. Ba viên quan run lẩy bẩy, trông bộ dạng y như những con chuột bò mọp dưới đất. Nhị Lang cầm bút phê ngay bản án, khoảnh khắc truyền đưa phán quyết xuống cho mấy người can án cùng xem.

Án rằng:

"Kẻ giữ ngôi báu dưới Diêm La: Chức phong đến tước vương; thân chịu ơn Thượng đế. Tự mình phải giữ cao khiết; để noi gương dẫn dắt quân thần. Không nên vấy mực đua tham; chuốc lấy tiếng đèm quan nhuốc. Thế mà cũng yên đai, kiếm kích; luống khoe khoang phẩm trật cao sang. Gớm thay loài dê độc lang tham; làm điếm nhục cả nhân thần khí tiết. Đục đánh khăng, dùi liền đánh dục, vợ con người còn trơ mỗi xương da; kìm vồ cá, tôm bị cá vồ, mạng sâu kiến nhỏ nhoi dáng xót, Vậy nên: vốc nước Tây Giang, vì ngươi rửa ruột; tất phải: đôi giường Đông Bích, mời bác vào vò[1].

"Thành hoàng, quận thú: là quan chức phụ mẫu chi dân; giúp Thượng đế trâu dê chăn dắt. Dẫu phẩm trật đứng vào hàng thấp; mà tận tâm nào sợ gãy lưng[2]*. Hoặc có khi chịu sức ép quan trên; người vững chí cũng cần cứng cổ. Thế mà: trên dưới vung tay làm điều làm ó, quên phắt đi dân chúng khốn cùng; lại nữa: dương dương dắc chí giảo hoạt gian manh, nào sá kể mình là quỷ đói. Vì của đút mà bẻ cong pháp luật; thật là quân dạ thú mặt người. Cho nên cần rút tuỷ nhổ lông, liệt vào tội chết; kể cũng dáng lột da xé xác, bắt phải đầu thai.*

---

(1) Ý nói người cầm cán cân pháp luật mà bất minh thì phải xử theo pháp luật. Theo *Tư trị thông giám:* Chu Hưng là quan hữu thừa đời Dường, cùng Lai Tuấn Thần, đều là những cai ngục tàn ác. Có lần Chu Hưng phạm tội, Võ Tắc Thiên mật sai Tuấn Thần thẩm vấn. Tuấn Thần đến hỏi Chu Hưng: nếu thẩm vấn tội nhân mà chúng không chịu khai thì nên dùng cách gì ? Hưng bảo: lấy một chiếc vò lớn nung đỏ lên rồi bỏ phạm nhân vào đấy thì chúng phải khai ngay. Tuấn Thần làm như lời anh nói. Xong bảo Hưng rằng: Trong cung có cáo giác anh phạm tội, vậy xin mời anh vào vò cho. Hưng sợ hãi đành cúi đầu chịu tội.

Các diễn tích "Nước Tây Giang" và "Giường Đông Bích", nhiều chú thích trước nay đều chưa thật rõ.

(2) Xuất xứ từ điển tích Đào Tiềm đời Tấn không vì mấy đấu gạo mà chịu gãy lưng ở đây, ý nói cúc cung tận tuỵ vì công việc.

"Bọn sai nha: đã phiên chế vào nha môn ma quỷ; còn làm sao giữ được tính người! Nơi cửa công lẽ ra nên phải tu tỉnh hành vi, ngõ hầu còn có dịp hoàn sinh; chốn bể khổ có sao dám khuấy cho nổi sóng, gây nên một trời oan nghiệt? Tung hoành như cường khấu, mặt chó gầy tháng sáu sinh sương(1). *phá phách lại kêu làng, cậy oai hổ chặn đường chín ngả*(2). *Chốn uy minh mặc sức ra uy, ai cũng biết cai tù thần thế; giúp ôn quan làm điều bạo ngược, người đều kinh đồ tể*(3) *to quyền. Thật đáng đem ra trước pháp trường, chân tay chặt hết: lại phải ném vào nước sôi trong vạc, rút hết gân xương.*

"Dương Mỗ kia: Giàu có mà bất nhân; ranh ma thêm điêu trá. Đem vàng choẻ che trùm địa phủ, khiến cõi âm tăm tối mù mịt, điện Diêm La khuất lấp mây mù; để hơi đồng xông thấu trời cao, để cho thành chết uổng bao người, không được chứng đôi vầng nhật nguyệt. Mùi tiền tanh còn khiến sai được quỷ; sức bạc mạnh thông suốt thẳng đến thần. Cần tịch thu gia sản họ Dương; để đền đáp hiếu tình chàng Tịch".

Lập tức giải phạm nhân ra núi Đông Nhạc thi hành bản án. Lại nói với Tịch Liêm:

– Nghĩ đến lòng hiếu thảo của con ngươi, vả tính ngươi cũng hiền lành, vậy cho tăng tuổi thọ thêm ba kỳ nữa(4).

Nhân sai hai người đưa họ về làng. Tịch bèn sao chép lại bản án, trên đường đi hai cha con cùng xem. Về tới nhà Tịch tỉnh lại trước, bảo người nhà mở áo quan để nhìn cha, thì xác

---

(1) *Mặt chó gầy tháng Sáu sinh sương:* ý muốn hình dung khuôn mặt bọn nha lại nham hiểm, sắc trắng nhợt. Ngoài ra, còn có thêm ý nghĩa: chính bọn quan lại đó bẻ cong pháp luật, muốn làm gì thì làm , nên dân chúng phải chịu nhiều oan khuất. Xuất xứ từ điển tích: Trâu Diễn thời Chiến quốc trung thành với Yến Huệ vương, khi bị Yến hạ ngục, Diễn ngửa mặt lên trời mà khóc. Trời cảm động, nên mặc dầu đang mùa hạ mà sương vẫn rơi xuống.

(2) Tức con đường lớn, phần lớn là đường ở kinh đô.

(3) Nguyên văn là "Đồ Bá", là biệt hiệu dân chúng dành cho Nghiêm Diên Niên đời Hán, một viên thái thú tàn ác, giết hại rất nhiều tù phạm. Chúng tôi dịch thoát.

(4) Một kỳ là 12 năm.

còn cứng đờ, lạnh như băng. Đợi suốt một ngày mới nóng dần lên, rồi sau sống lại. Kịp đến khi tìm tờ sao bản án thì không thấy đâu nữa.

Từ đấy, nhà ngày càng thịnh; trong khoảng ba năm ruộng tốt đầy đồng. Mà con cháu họ Dương thì trở nên nghèo hèn; lầu gác, ruộng nương, hết thẩy đều về tay họ Tịch. Trong làng cũng có người mua ruộng ấy, đêm nằm mộng thấy thần nhân đến mắng:

- Đấy là sản vật của nhà họ Tịch, ngươi làm sao có được?

Trước kia còn chưa tin lắm, đến khi trồng trọt, thì suốt năm không thu được lấy một đấu thóc; vì thế, lại phải bán về cho Tịch.

Cha Tịch sống đến hơn chín mươi tuổi mới mất.

TẢN ĐÀ, CAO XUÂN HUY
NGUYỄN HUỆ CHI dịch
(NXB Văn Học, H.1989)

6. NGÔ KÍNH TỬ* (1701 - 1754)

CHUYỆN LÀNG NHO

Chuyện làng Nho, gồm 55 hồi. Trong đó tác giả xây dựng hơn 100 nhân vật khác nhau. Không có nhân vật nào là nhân vật chính. Các nhân vật không nhất thiết có liên quan với nhau. Có nhân vật chỉ xuất hiện trong một hai hồi rồi để chỗ cho nhân vật khác. Có nhân vật ở hồi này là chủ yếu nhưng hồi sau trở thành thứ yếu.

Cách kết cấu phân tán, nhưng chủ đề thì rất tập trung, tức là phản ánh được đầy đủ và toàn diện hình ảnh những người trí thức trong xã hội phong kiến.

---

* Ngô Kính Tử (1701 - 1754) tự Mẫn Hiên, hiệu Lạp Dân, về già lấy hiệu Văn Mộc lão nhân, người huyện Toàn Tiên, tỉnh An Huy. Năm 30 tuổi dời nhà lên Nam Kinh. Từ năm 41 tuổi cảnh sống nghèo khó. Tính khí ông quật cường, coi thường công danh khoa cử. Ông mất ở Dương Châu để lại *Văn mộc sơn phòng thi văn tập* (12 quyển hiện còn 4). *Thi Thuyết* (7 quyển). Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là *Chuyện Làng Nho* viết xong lúc ông 49 tuổi sau khi mất mới được xuất bản.

PHẠM TIẾN THI ĐỖ CỬ NHÂN

Phạm Tiến thi đỗ về nhà, mẹ và vợ đều mừng rỡ. Đang nấu cơm thì ông già họ Hồ hàng thịt đến, tay cầm một mớ lòng và một bình rượu.

Phạm Tiến vái chào. Ngồi xong, lão hàng thịt nói:

– Ta không may gả con gái ta cho cái thứ đói rạc như anh, mấy năm nay không biết tốn bao nhiêu tiền bạc của ta. Lần này nhờ phúc đức ta, anh mới thi đỗ. Vì thế ta mang rượu đến mừng đây.

Phạm tiến vâng vâng, dạ dạ, gọi vợ đem lòng đi luộc và hâm rượu. Hai người ngồi trong lều cỏ. Bà mẹ và con dâu xuống bếp làm cơm. Lão hàng thịt lại dặn rể:

– Nay anh thi đỗ rồi, việc gì cũng phải cho ra thể ra thống đấy. Gặp người như hạng ta là hạng danh giá lại là bậc cha chú, thì không làm bộ với ta làm gì, chứ gặp cái thứ cày ruộng, gánh phân, cái thứ bách tính ngu dốt kia mà cứ khúm khúm núm núm như thế, cứ xem bằng vai bằng vế với mình, thì hỏng mất hết cả qui củ nhà trường, làm cho ta cũng mất luôn cả thể diện. Tính anh dễ dãi, thế nào cũng xong, nên ta phải dặn dò anh để người ta khỏi chê cười.

– Thầy nói là phải lắm.

Lão hàng thịt lại nói:

– Để bà cụ cùng ăn cho vui. Tội nghiệp! Bà cụ ngày nào cũng ăn có độc rau, kể cũng đáng buồn. Để con gái ta cùng ăn nữa! Từ khi nó về nhà anh, mười mấy năm nay, không biết nó đã được ăn mỡ lợn vài ba lần chưa? Thật tội nghiệp! Thật tội nghiệp!

– Nói xong hai mẹ con cùng lên ngồi ăn. Ăn đến khi trời xế bóng, lão hàng thịt ta ngà ngà say. Bây giờ hai mẹ con cảm tạ rối rít. Lão hàng thịt phủi áo, bê cái bụng phệ ra đi.

Hôm sau, Phạm Tiến thăm bà con. Nguỵ Hiếu Cổ[1] lại hẹn với các bạn cùng đi lại thăm lẫn nhau. Năm ấy lại là năm thi ở tỉnh, nên có nhiều hội bình văn! Chẳng bao lâu tháng sáu đã hết, các bạn đồng khoá rủ Phạm Tiến cùng đi thi hương. Phạm Tiến không có tiền đi đường, chạy đến bàn với ông gia. Lão hàng thịt nhổ vào mặt Phạm, mắng cho một trận:

– Thôi! Không nên mất thì giờ nữa. Vừa mới thi đỗ tú tài, anh đã như "con cóc muốn ăn thịt ngỗng trời". Tôi nghe người ta nói anh đỗ không phải nhờ văn hay. Ông giám khảo thấy anh già, thương tình cho anh đỗ thôi. Thế mà anh còn muốn thi đỗ cử nhân nữa kia! Anh có biết những người đỗ cử nhân đều là "Sao Văn khúc[2]" trên trời cả không? Không thấy gia đình họ Trương trên tỉnh sao? Họ đều nhà giàu ức vạn, mặt vuông tai lớn. Chứ cái thứ môi trề và cằm khỉ như anh, sao không đái vào bùn mà soi thử xem sao? Như thế mà lại còn đòi "ăn cứt ngỗng trời" à? Thôi đi! Sang năm tôi tìm cho anh một chỗ dạy trẻ, mỗi năm vài lạng bạc đủ nuôi mụ vợ với bà mẹ đang chết dở là được rồi! Anh còn muốn tiền tôi à! Tôi mỗi ngày giết một con lợn chẳng được mấy đồng tiền, bây giờ vứt tiền cho anh ném xuống nước thì cả nhà tôi trẻ già lấy gì mà sống!

Y cứ chửi luôn miệng, làm Phạm Tiến hoảng sợ. Phạm Tiến ra về, nghĩ bụng:

– Thầy ta nói văn chương đã chín. Xưa nay có ai không thi lại đỗ bây giờ. Ta không thi thì chịu sao được?

---

(1) Một người cùng thi đỗ với Phạm Tiến.

(2) Theo mê tín cũ thì những người viết văn hay đều là sao Văn khúc giáng sinh.

Phạm bàn bạc với mấy người bạn nhờ giúp mình tiền và đi thẳng lên tỉnh thi, không cho ông già biết. Thi xong, Phạm trở về thì cả nhà hai ba ngày đói lăn đói lóc. Lão hàng thịt lại mắng cho một trận.

Ngày treo bảng, trong nhà không có gạo bữa sáng. Bà mẹ nói với Phạm Tiến:

- Còn có một con gà mái mẹ đây! Mày ra chợ bán đi mua ít gạo nấu cháo mà ăn. Tao đói mờ mắt rồi!

Phạm Tiến vội ôm gà ra cổng. Vừa mới đi được vài giờ đã nghe thanh la vang rầm, ba con ngựa chạy đến, ba người nhảy xuống ngựa, buộc ngựa ở cái lều cỏ, kêu to lên:

- Mời ông Phạm ra, ông đỗ cao, chúng tôi đến mừng đây.

Bà mẹ không biết chuyện gì, nép mình trong nhà. Khi nghe rõ ràng con mình đã đỗ rồi, mới thò đầu ra nói:

- Mời các vị ngồi, con tôi vừa đi ra ngoài vắng.

Mấy người báo tin nói:

- À, thế ra bà cụ cố!

Mọi người chạy đến xin tiền mừng. Vừa lúc đang nói chuyện ồn ào, lại thấy mấy con ngựa nữa đến. Người báo tin lần thứ hai, lần thứ ba đến, cùng nhau vào nhà. Trong nhà đầy cả người. Xóm giềng đến chen nhau xem. Bà mẹ không biết làm sao liền nhờ một người chạy đi tìm con.

Người hàng xóm kia chạy như bay ra chợ, nhưng không thấy Phạm đâu cả. Chạy thẳng đến phía đông chợ, thấy Phạm Tiến đang ôm gà, nhìn ngang nhìn ngửa xem có ai mua không:

- Ông Phạm! Về ngay đi! May quá ông đỗ cử nhân rồi! Người báo hỉ đến đầy cả nhà rồi!

Phạm Tiến nghe gọi đến mình, cho là đùa, giả vờ không biết, cúi đầu đi thẳng. Người hàng xóm thấy y không để ý gì, chạy lại toan giật con gà ở trong tay.

Phạm Tiến nói:

– Ông không mua lại giật gà tôi làm gì?

Người hàng xóm nói:

– Ông đỗ rồi. Tôi gọi ông về nhà để tiếp người báo hỉ.

Phạm Tiến nói:

– Ông ơi! Ông biết cho rằng hôm nay tôi không có gạo, bây giờ phải bán con gà để mà sống! Ông đừng quấy rầy nữa! Tôi không đùa với ông đâu! Ông về thôi! Đừng làm tôi không bán được gà!

Người hàng xóm thấy y không tin, bèn giành lấy gà, ném xuống đất, lôi y về nhà.

Người báo tin thấy Phạm Tiến bèn nói:

– May quá, ông tân khoa đây rồi!

Họ chen đến báo với Pham. Phạm đi thẳng vào nhà, thấy tờ báo thiếp đã treo lên, trên viết: "*Mừng ông Phạm, huý là Tiến đã thi đỗ thứ bảy, trường thi tỉnh Quảng Đông. Chúc ông lên kinh thi đỗ hoàng giáp*".

Phạm Tiến không thấy thì thôi, chứ đã nhìn thì đọc đi đọc lại rồi vỗ tay reo:

– Hay, hay quá! Ta đỗ rồi!

Nói xong, y ngã lăn ra bất tỉnh, hai hàm răng nghiến chặt. Bà cụ hoảng hốt vội đem nước đến đổ. Y bò dậy vỗ tay reo:

– Hay! Hay thật! Ta đỗ rồi!

Rồi chạy ra ngoài làm cho mọi người đến báo hỉ hoảng hồn. Y chạy ra khỏi nhà một quãng thì trượt chân, lăn tỏm xuống một cái ao. Y lại bò lên, đầu tóc rối bù, hai tay bùn be bét, cả mình ướt át. Không ai giữ y được nữa, y vừa vỗ tay vừa cười, chạy thẳng váo đầu xóm. Mọi người nhìn ngơ ngác đều nói:

– Ông tân khoa mừng quá hóa điên!

Bà cụ nói:

– Làm sao mà lại thế này, hỡi trời! Đỗ được cử nhân lại mắc phải bệnh điên thế này, thì bao giờ mới khỏi!

Vợ là Hồ thị nói:

- Sáng vừa mới đi, sao giờ lại mắc bệnh như thế này!

Mọi người khuyên giải:

- Bà cụ không nên hoảng sợ, nay chúng tôi sẽ cho hai người đi theo ông Phạm. Còn gà, trứng, rượu, gạo, người ta mang đến đây, thì mang ra đãi những người báo tin đi, rồi ta bàn tính sau.

Lúc bấy giờ, hàng xóm người đem trứng gà, người đem rượu, người thì đem vài đấu gạo đến. Có người đem hai con gà.

Vợ Phạm Tiến vừa khóc vừa than, đem tất cả vào bếp.

Láng giềng kéo bàn nghế đến, mời những người báo tin uống rượu. Họ bàn bạc:

- Ông ta điên rồi! Bây giờ làm thế nào?

Một người nói :

- Tôi có cách này không biết có làm được không ?

Mọi người hỏi:

- Cách gì?

Người báo tin nói:

- Phải có một người mà ông Phạm thường sợ nhất mới làm được. Chỉ vì ông ta vui mừng quá, đờm nó rược lên, làm cho ngất đi. Cần có người mà ông ta sợ đến tát một cái mà nói với ông ta: "Lời báo tin đó là lừa mày đó, mày không đỗ đâu!". Ông ta nghe thấy thế thì sợ hãi, sẽ nôn oẹ đờm ra, và như thế là sẽ tỉnh.

Mọi người đều vỗ tay nói:

- Cách đó hay! Rất hay! Người ông Phạm sợ nhất thì không ai bằng ông Hồ hàng thịt. Tốt lắm! Gọi ngay ông ta! Có lẽ ông ta chưa biết đâu, vì đang bận bán thịt ở chợ.

Lại có người nói:

– Nếu ông ta bán thịt ngoài chợ thì ông ta đã biết rồi. Từ canh năm ông ta đi xóm đông mua lợn, đến bây giờ chưa về. Mau mau chạy đi tìm.

Mọi người chạy biến đi tìm. Chạy được nửa đường thì lão hàng thịt về. Đằng sau có một người giúp việc mang bảy tám cân thịt, bốn năm ngàn đồng đến mừng. Đến cửa gặp bà cụ. Bà cụ vừa khóc vừa kể lại câu chuyện. Lão hàng thịt nói:

– Không có lẽ vô phúc thế!

Bên ngoài có người mời y ra. Y giao tiền và thịt cho con gái và chạy ra. Mọi người đem việc ấy ra bàn. Y cho là khó và nói:

– Mặc dù ông ta là rể của tôi, nhưng giờ ông ta đỗ cử nhân, thì đã là "sao trên trời" rồi. Tát ngôi "sao trên trời"làm sao được? Tôi nghe nói tát ngôi sao trên trời thì bị Diêm vương đánh một trăm gậy sắt rồi giam ở dưới địa ngục tầng thứ mười tám, không bao giờ được hóa kiếp thành người nữa. Tôi không giám làm việc ấy đâu!

Một người hàng xóm mỉa mai nói:

– Thôi đi ông! Ngày nào ông cũng vác dao giết lợn. Dao đâm vào thì trắng, rút ta thì đỏ. Diêm vương đã bảo phản quan ghi không biết mấy nghìn gậy sắt rồi. Bây giờ có thêm một trăm gậy nữa cũng chẳng vào đâu! Chỉ sợ đánh hết gậy của Diêm vương cũng chưa hết tội. Nhưng bây giờ ông cứu được ông rể quí thì có lẽ Diêm vương sẽ tính công cho ông và kéo lên địa ngục tầng thứ mười bảy cũng chưa biết chừng?

Những người báo hỉ nói:

– Thôi đừng đùa dai nữa. Này ông! Việc phải làm như vậy đấy! Gặp lúc biến thì phải tòng quyền chứ!

Bị mọi người thúc quá, lão hàng thịt đành phải nghe.

Y uống liền hai chén tống rượu để cho có gan. Bao nhiêu lo lắng mất hết, cái bộ mặt hung ác hàng ngày lộ ra, y xắn

ống tay áo đẩy cả mỡ và chạy ra đầu xóm. Năm sáu người chạy theo. Bà cụ chạy ra cửa nói:

– Ông ơi! Doạ thôi nhé! Chớ đánh nó đau đấy!

Hàng xóm nói:

– Đã đành! Dặn làm quái gì!

Nói xong cũng chạy theo.

Lão hàng thịt ta ra đầu xóm thấy Phạm Tiến đang ngồi trước cửa miếu, đầu bù tóc rối, mặt be bét những bùn, giày mất đâu một chiếc, đang vỗ tay reo:

– Đỗ rồi! Đỗ rồi !

Lão hàng thịt ta chạy xô đến như vị hung thần nói:

– Thằng súc sinh này! Mày đỗ cái gì?

Và tát vào mặt một cái. Hàng xóm nhịn cười không được.

Không ngờ lão hàng thịt tuy làm liều tát một cái, nhưng đã đâm sợ rồi, bàn tay run lật bật, không dám tát cái nữa. Phạm Tiến thì bị một cái tát hết hồn, ngất đi, lăn quay ra đất. Hàng xóm chạy đến xoa lưng, bóp bụng hồi lâu mới thở và tỉnh lại. Mắt y dần dần sáng ra và y không điên nữa. Mọi người vực dậy, mượn cái nghế của ông thầy thuốc "gù lưng" làm thuốc ngoại khoa cho y ngồi. Lão hàng thịt ngồi bên, không ngờ bàn tay đau nhức không sao nắm lại được. Y sợ hãi nghĩ thầm: "Quả không thể tát sao Văn khúc trên trời thực. Nay Đức Phật trị mình đây."

Nghĩ thế lại càng đau thêm, bèn chạy vào nhà thầy lang lấy cao để dán.

Phạm Tiến thấy mọi người, hỏi:

– Tại sao tôi lại ở đây? Suốt nửa ngày nay tôi mê mê mẩn mẩn như người trong mộng. Hàng xóm nói:

– Ông nghe tin đỗ cao, mừng quá, đờm nó mới bốc lên. Hồi nãy vừa oẹ đờm ra mới khỏi đấy. Thôi, mời ông về nhà để cho những người báo hỉ họ đi.

Phạm Tiến nói:

- Phải, tôi cũng nhớ rằng tôi đỗ thứ bảy.

Phạm Tiến một mặt vấn lại tóc, một mặt mượn ông lang một thau nước để rửa mặt. Một người hàng xóm đã tìm ra chiếc giày và xỏ vào chân cho y. Phạm Tiến thấy ông già đến, sợ lại đến mắng mình. Nhưng lão hàng thịt nói: - Hiền tế[1] ơi, không phải tôi cả gan làm thế đâu. Đó là bà cụ bảo tôi làm để giúp đấy thôi.

Một người hàng xóm nói:

- Ông ta mời "tát yêu" một cái thôi. Chốc nữa, ông Phạm rửa mặt chắc phải rửa ra đến nửa chậu mỡ đấy!

Một người nói:

- Này ông! Cái tay kia mai không giết lợn được nữa đâu!

- Tao còn giết lợn làm quái gì nữa. Rể tao không nuôi được nửa đời tao sướng sao? Tao thường nói, ông rể tao tài cao học rộng, lại đẹp trai hơn cả ông Trương, ông Chu. Trên thị trấn chẳng có anh nào mặt mày sánh kịp! Các anh không biết đấy, nói vô phép với các anh, chứ ta có cặp mắt tinh đời, biết người hay kẻ dở. Nhớ năm trước đây, con gái ta đã hơn ba mươi tuổi, có nhiều người nhà giàu muốn kết bạn. Nhưng ta thấy con gái ta mặt mày phúc khí, thế nào cũng làm bà quan, hôm nay hóa ra đúng!

Nói xong cười khanh khách. Mọi người cũng cười theo. Phạm Tiến rửa mặt xong, ông lang lại bưng trà ra uống, rồi mọi người về nhà. Phạm Tiến đi trước, lão hàng thịt và hàng xóm đi sau. Ông ta thấy áo quần rể đằng sau lấm be bét, nhăn nhó, bèn cúi xuống vuốt đi vuốt lại cho rể hàng mấy chục lượt.

Về đến nhà, lão hàng thịt nói to:

- Quan đã về rồi!

Bà cụ chạy ra đón, thấy con không điên nữa, vui mừng vô cùng. Hỏi đến mấy người báo hỉ thì bà cụ nói bà đã biếu họ

(1) Tức rể.

mấy ngàn đồng tiền của lão hàng thịt đem đến và họ đã đi rồi. Phạm Tiến vái chào mẹ, lại vái chào ông gia. Lão hàng thịt hai ba lần từ chối nói:

– Số tiền có là bao! Không đủ cho ông thưởng người ta!

Phạm Tiến lại cảm ơn hàng xóm. Đang ngồi nói chuyện thì thấy một người quản gia sang trọng tay cầm một cái thiếp đỏ lớn chạy vào báo:

– Ông Trương đến chào ông tân khoa họ Phạm.

– Nói song, kiệu đã đến cổng. Lão hàng thịt vội vàng chạy xuống phòng con gái không dám ra. Hàng xóm cũng đều về hết.

Phạm Tiến ra cửa đón khách. Trương xuống kiệu, đầu đội mũ sa, mặc áo cổ tròn màu hoa quì, mang đai vàng, giầy đen. Hắn xuất thân là cử nhân, đã làm chi huyện, biệt hiệu là Tĩnh Trai. Phạm Tiến mời vào trong nhà, hai người cúi đầu chào nhau rồi cùng ngồi ngang hàng nhau theo địa vị chủ khách. Trương nói:

– Tiên sinh là người cùng huyện, nhưng xưa nay chưa có dịp quen.

Phạm Tiến nói:

– Văn sinh[1] mấy lần hâm mộ tiên sinh, chỉ vì không có dịp gặp gỡ.

– Tôi xem danh sách những người thi đỗ. Phòng sư[2] của ông là ông Thang, chi huyện Cao Yếu, tức là học trò của tổ phụ tôi. Vì vậy ông là người anh em thân thiết với tôi.

– Văn sinh may mắn mà đỗ được, thực lấy làm hổ thẹn, nhưng rất hân hạnh được làm môn sinh lão tiên sinh.

Trương nhìn bốn phía nói:

– Tiên sinh quả thực "gia thế thanh bần".

---

(1) Kẻ sinh sau, cũng như nói: tôi.

(2) Người quan chấm thi ở phòng mình.

Bèn lấy ở người tuỳ tùng ra một gói bạc và nói:

– Đệ không có gì để tỏ lòng kính trọng, nay có năm mươi lạng bạc, xin tiên sinh tạm nhận. Cái nhà này thực ra không đủ ở, sau này còn có khách khứa, coi rất không tiện. Đệ có một cái nhà ở đường lớn cửa Đông, nhà làm kiểu chữ "Tam"[1] tuy không được cao rộng nhưng cũng sạch sẽ, mời tiên sinh đến đấy để tiện sớm hôm thỉnh giáo.

Phạm Tiến hai ba lần từ chối. Trương lại cứ nài ép nói:

– Chúng ta thân với nhau như anh em ruột thịt. Tiên sinh làm thế cho như tôi là người xa lạ.

Phạm Tiến mới nhận bạc bái tạ. Nói chuyện một lát, khách ra về. Lão hàng thịt đợi Trương đã lên kiệu xong mới ra nhà khách.

Phạm Tiến giao bạc cho vợ mở xem, toàn là bạc trắng xoá có dấu ấn rõ ràng, bèn gói hai đĩnh và mời ông hàng thịt họ Hồ ra:

– Khi nãy thầy có lòng đem năm ngàn đồng tiền đến. Đây có sáu lạng bạc, xin thầy cầm cho con.

Lão hàng thịt cầm bạc nắm chặt trong tay, nhưng lại đưa ra nói:

– Cái này thì anh cầm lấy. Tôi đem tiền đến mừng, lại lấy tiền anh về thì sao nên?

– Con hiện nay còn mấy lạng bạc nữa. Khi tiêu hết lại sẽ đến xin thầy.

Lão hàng thịt liền co tay về, giắt bạc vào lưng, miệng nói:

– Thôi được. Anh bạn bè với cụ Trương, thiếu gì tiền? Nhà ông ta tiền bạc còn nhiều hơn nhà vua kia! Nhà ông ta là nhà chủ mua thịt tôi đấy. Một năm vô sự ra cũng dùng hết bốn năm nghìn cân. Bạc đối với họ thì nghĩa lý gì!

---

(1) Ba dãy nhà song song với nhau.

Lại quay lại nói với con gái:

– Sáng nay tao đem tiền đến, thì cái thằng anh chết tiệt của mày không cho. Tao nói: "Nhà ông ta giờ khác xưa. Chẳng thiếu gì người mang tiền đến cho ông ta dùng. Chỉ sợ ông ta không nhận tiền của ta mà thôi". Nay quả thế thật! Ta đem số tiền này về mắng cho cái thằng chết tiệt kia một trận.

Nói xong, từ tạ rối rít, cúi cổ, cười, về nhà.

PHAN VÕ – NHỮ THÀNH dịch
(Nhà xuất bản Văn hóa)

HỒI THỨ BA MƯƠI SÁU

Huyện Thường kẻ chân nho giáng sinh,
Đến Thái bá bục danh hiền chủ tế,

Ở huyện Thường Thục phủ Tô châu, đất Ứng Thiên có một cái làng nhỏ, gọi là làng Lân Phất. Làng có độ hai trăm nhà đều làm nghề nông. Chỉ có một người họ Ngu trong thời Thành Hoá (1465 – 1487) có đi học đỗ tú tài đã ba mươi năm nay. Ông ta chỉ dạy học trò ở trong làng. Làng này cách thành phố mười lăm dặm. Ngoài lúc đi thi, Ngu tú tài không hề bước chân đến thành phố bao giờ. Ông ta thọ ngoại tám mươi tuổi. Người con thì hỏng, cũng sống bằng nghề dạy học. Lúc trung niên, vẫn chưa có con nối dõi. Hai vợ chồng đến điện Văn Xương đế quân để cầu tự. Ban đêm nằm mơ thấy Văn Xương tay cầm một tờ giấy đưa cho họ, trên có viết một câu ở Kinh Dịch "Quân tử dĩ quả hạnh dục đức" (Người quân tử nuôi dưỡng cái đức tốt bằng hạnh kiểm đứng đắn).

Sau đó, người vợ có mang, đủ mười tháng sinh được đứa con trai. Người chồng đến tạ ơn và đặt tên cho con là Dục Đức, tự là Quả Hạnh, sau này là Ngu bác sĩ. Ngu Dục Đức lên ba đã mồ côi mẹ, người cha mang con đến nơi mình dạy học.

Năm Dục Đức lên sáu, người cha bắt đầu dạy cho học. Năm Dục Đức lên mười thì người cha được mời dạy học ở một nhà cụ Kỳ trong làng. Thầy học và chủ nhà rất có tương đắc. Dạy học được bốn năm, cha của Dục Đức mắc bệnh mất. Lúc lâm chung có giao Dục Đức bây giờ mười bốn tuổi cho cụ Kỳ. Cụ Kỳ nói:

– Con của ông không giống con của người khác. Khi ông mất đi, tôi sẽ nuôi anh ấy để dạy con tôi học.

Cụ Kỳ viết ngay tên của mình là Kỳ Liên vào một cái danh thiếp, vào thư phòng cùng với đứa con lên chín tuổi lạy chào thầy học mới. Từ đấy Ngu Dục Đức dạy học ở nhà cụ Kỳ.

Huyện Thường Thục là một nơi có nhiều văn nhân nổi tiếng. Bấy giờ có một người là Vân Tình Xuyên nổi lên nhất trong thiên hạ về thơ, từ và cổ văn. Ngu Dục Đức mới mười bảy tuổi, mười tám tuổi thường theo Tình Xuyên học thơ văn. Cụ Kỳ nói:

– Ông Ngu, ông là học trò nghèo thì học thơ văn làm gì cho vô ích. Ông phải học cái gì để mà kiếm ăn chứ! Lúc nhỏ tôi có học địa lý, có học số tử vi. Tôi sẽ đem dạy lại ông để cho ông dùng khi nào cần.

Ngu Dục Đức ra sức học tập. Cụ Kỳ lại nói:

– Ông cũng mua mấy quyển sách thi cử để đọc, Sau này nếu thi đỗ, việc dạy học lại càng dễ.

Nghe lời cụ Kỳ, Ngu Dục Đức cũng lấy sách thi cử ra đọc. Năm hai mươi bốn tuổi, Ngu đi thi đỗ huyện. Năm sau, nhà họ Dương ở thôn Dương Gia cách đấy hai mươi dặm mời Ngu đến dạy, mỗi năm ba mươi lạng bạc. Đầu tháng giêng Ngu đến đó dạy học, đến tháng chạp lại trở về nhà cụ Kỳ ăn tết.

Được hai năm, cụ Kỳ nói:

– Cụ nhà ta có khi còn sống đã tìm cho ông một đám ở thôn Hoàng. Nay nên cưới đi.

Ngu còn để dành được mười mấy lạng bạc tiền dạy học và mượn thêm mười mấy lạng tiền dạy học sang năm để cưới vợ. Cụ kỳ cho hai vợ chồng ở nhờ nhà mình. Sau một tháng, Ngu lại đi dạy. Hai năm sau, Ngu dành dụm được hai, ba mươi lạng bạc, thuê một cái nhà bốn gian bên nhà cụ Kỳ để ở, và thuê một người đầy tớ nhỏ. Sau khi Ngu đã đi dạy, người đầy tớ mỗi buổi sáng đi ba dặm đường đến chợ để mua thức ăn, dầu, muối, rau đem về nhà cho bà chủ. Sau khi sinh nở, vợ Ngu Dục Đức mắc bệnh, tiền dạy không đủ thuốc thang, mỗi ngày chỉ ăn ba bữa cháo trắng. Sau đó, sức khoẻ dần dần bình phục. Năm ba mươi hai tuổi, Ngu không có nơi nào mời dạy học nữa, người vợ nói:

– Năm nay làm gì đây?

– Không lo! Từ khi ta đi dạy học đến nay, mỗi năm chỉ được ba mươi lạng. Năm nào, tháng giêng họ chỉ trả hai mươi lạng thôi, thì trong lòng ta buồn rầu. Nhưng đến tháng tư, tháng năm, lại thêm mấy đứa học trò, thêm mấy bài văn để chữa có thêm mấy lạng thì trong lòng ta vui mừng, nói "Tốt ! Năm nay khá đấy ". Nhưng trong nhà lại có việc xảy ra phải tiêu nhẵn số tiền. Cho nên xét cho cùng cái gì cũng có tiền định, không cần lo làm gì.

Quả nhiên, qua một thời gian, cụ Kỳ đến nói:

– Ở làng xa có cụ Trịnh muốn mời ông đến để cất mả.

Ngu Dục Đức mang la bàn cố ý tìm một chỗ đất tốt. Chôn cất xong, họ Trịnh đem mười hai lạng bạc ra tạ ơn. Bấy giờ vào khoảng giữa tháng ba, Ngu gọi một chiếc thuyền để về nhà. Hai bến bờ nào đào, nào liễu, lại có gió thổi nhẹ nhàng, trong lòng Ngu rất khoan khoái. Đến một nơi vắng vẻ, thấy một chiếc thuyền đang đánh cá trên sông, Ngu nằm trong thuyền nhìn ra ngoài cửa bỗng thấy ở bên kia hồ có một người nhảy xuống sộng tự tử. Ngu giật mình bảo người lái bơi thuyền đến cứu. Khi lôi lên, thì người kia áo quần ướt sũng. Cũng may bấy giờ

tiết trời ấm áp. Ngu bảo cởi áo quần ướt ra, bảo người chèo thuyền lấy một bộ áo quần khô cho người kia thay rồi mời vào khoang thuyền hỏi tại sao lại liều thân như vậy. Người kia nói:

– Con vốn làm nghề cày ruộng ở làng này. Con cày ruộng cho người ta, nhưng kiếm được bao nhiêu thì bị chủ ruộng lấy mất hết. Cha mẹ con mắc bệnh chết ở trong nhà, con không có tiền mua quan tài. Con nghĩ rằng làm người đến thế thì sống làm gì nữa không bằng chết đi còn hơn[1].

Ngu Dục Đức nói:

– Cái đó tỏ rằng ông là người con có hiếu, nhưng ông không nên nghĩ đến việc quyên sinh làm gì. Đây tôi có mười hai lạng bạc là của người ta cho tôi. Tôi không thể đưa cho ông hết vì tôi cần phải giữ một ít để sống vài tháng. Tôi xin đưa ông bốn lạng. Ông về nói với bà con thân thích trong làng giúp đỡ thêm. Như thế ông sẽ có thể chôn cất ông cụ được.

Ngu bèn cởi hành lý ra cân lấy bốn lạng bạc đưa cho người kia. Người kia nhận số tiền lạy tạ và nói:

– Ân nhân tên họ là gì?

– Tôi họ Ngu ở thôn Lân Phất. Chúng ta không nên nói chuyện ân đức làm gì. Anh mau mau lo liệu việc của anh đi.

Người kia cảm tạ rồi đi.

Ngu về nhà, nửa năm ấy, Ngu lại tìm được chỗ dạy học. Mùa đông, vợ Ngu sinh một đứa con trai. Để nhớ ơn cụ Kỳ đã giúp đỡ mình, Ngu đặt tên cho con là Cảm Kỳ (Cảm ơn đức của Kỳ). Ngu dạy học năm sáu năm nữa cho đến năm bốn mươi mốt tuổi. Năm ấy thi hương, cụ Kỳ tiễn Ngu lên đường và nói:

– Năm nay thế nào ông cũng đỗ cao.

– Tại sao bác biết?

---

(1) Ngô Kính Tử hay nói đến sinh hoạt hiện thực của dân nghèo như chuyện hai vợ chồng cụ già ở hồi thứ ba mươi lăm; chuyện người nông dân đi tự tử ở hồi thứ ba mươi sáu.

– Bởi vì ông làm nhiều việc có âm đức.

– Thưa bác, nào tôi có làm được việc gì có âm đức đâu. Như việc ông thật lòng thật dạ tìm đất cho người ta. Tôi lại nghe đâu ông cứu người, giúp họ chôn cất cha họ như thế là có âm đức.

Ngu cười mà rằng:

– Âm đức là phải làm thế nào mà chỉ có người làm ơn biết mà thôi. Nay cụ đã biết việc đó rồi thì còn âm đức ở đâu nữa!

– Nhất định là có âm đức. Thế nào ông cũng đỗ.

Sau khi thi ở Nam Kinh về, Ngu mắc bệnh phong hàn không dạy được. Ngày treo bảng. Người báo tin đến làng; cụ Kỳ dẫn anh đến nhà nói:

– Ông Ngu, ông đỗ rồi!

Ngu đang ốm nghe tin, bàn với vợ đem cầm áo quần để lấy tiền nhờ cụ Kỳ tạ người báo tin. Mấy ngày sau, bệnh lành, Ngu lên Kinh, cung khai tam đại. Lúc trở về, bạn bè và chủ nhà đều đến mừng. Ngu thu xếp công việc để lên Kinh thi hội nhưng không đỗ tiến sĩ.

May mắn sao, ở Thường Thục có một ông quan họ Khang được bổ làm tuần vũ Sơn Đông. Khang hẹn Ngu đi Sơn Đông để làm việc ở nha môn của mình. Hai người đối đãi với nhau tương đắc lắm. Ở nha môn có người đồng sự họ Vưu tên là Tư, tự là Tư Thâm. Thấy Ngu Dục Đức là người văn chương và phẩm hạnh đều giỏi, Vưu liều xin làm học trò, cùng ở một phòng sớm tối học hỏi. Bấy giờ là lúc nhà vua cầu hiền. Khang tuần vũ nghĩ đến việc tiến cử một người. Vưu Tư Thâm nói:

– Nay theo phép lớn của triều đình, cứ như ý con thì cụ Khang tiến cử thầy là đúng nhất.

Ngu Dục Đức cười mà nói rằng:

– Tôi đâu xứng đáng để nhà vua mời ra. Cụ Khang muốn tiến cử ai thì tuỳ ý cụ. Nếu tôi lại đến nhờ cụ tiến cử thì cũng đâu là phẩm hạnh nữa?

– Nếu thầy không muốn làm quan thì đợi đến khi nào cụ Khang tiến cử lên Hoàng đế, lúc ấy hoặc là thầy bệ kiến, hoặc là thầy không bệ kiến rồi thầy xin từ quan về nhà thì cũng tỏ là người cao thượng.

– Ông nói như thế là sai. Nếu tôi nhờ quan tuần vũ tiến cử tôi rồi khi được bệ kiến tôi lại từ quan xin về, thì không phải là thực tâm[1], không thực tâm trong việc cầu tiến cử, cũng như không thực tâm trong việc từ quan. Làm như thế để làm gì?

Ngu nói song cười khanh khách. Ngu ở Sơn Đông hơn hai năm lại lên Kinh thi hội, nhưng vẫn không đỗ. Ngu đi thuyền về Giang Nam dạy học như cũ.

Ba năm sau, Ngu Dục Đức năm mươi tuổi, nhờ một người họ Nghiêm vốn làm quản gia cho họ Dương cùng đi với mình lên Kinh thi hội. Lần này Ngu đỗ tiến sĩ. Thi điện thì lại đỗ nhị giáp. Triều đình định bổ vào hàn lâm. Trong số những người đỗ tiến sĩ cũng có những người năm mươi tuổi. Nhưng lệ thường khi đi thi ai cũng đều bớt tuổi cả. Chỉ có một mình Ngu là viết đúng chữ mà thôi. Nhà vua nhìn thấy danh sách bèn nói:

– Ngu Dục Đức tuổi đã già vậy cho ông ta làm một chức quan rảnh.

Cho nên Ngu Dục Đức được bổ làm bác sĩ trường Quốc Tử Giám ở Nam Kinh, Ngu mừng rỡ nói:

– Nam Kinh là nơi phong cảnh đẹp, nước non thanh tú, lại gần nhà. Lần này đến đấy ta đem vợ con cùng đi. Như thế còn hơn làm một anh hàn lâm xác.

Ngu bèn từ biệt các quan chấm thi và các bạn đồng hương của mình. Một người bạn họ Vương làm hàn lâm viện thị độc dặn:

---

(1) Đặc tính căn bản của Ngu là sự thành thực.

– Trong trường Quốc Tử Giám ở Nam Kinh có một người tên là Vũ Thư tự là Chính Tự, là một người con rất có hiếu với mẹ và rất tài hoa. Ông đến đó nên chiếu cố anh ta một chút.

Ngu nghe lời, thu xếp hành lý đến Nam Kinh nhận chức, sai người đến huyện Thường Thực đưa gia quyến mình lên. Bấy giờ, cậu con trai là Ngu Cảm Kỳ đã mười tám tuổi cũng theo mẹ lên Nam Kinh. Sau khi đến thăm cụ Lý làm Tế tửu trường Quốc Tử Giám, Ngu bước vào công đường, học trò trường Giám đều kéo nhau đến chào. Nhìn trong số danh thiếp thấy có đề tên Vũ Thư, Ngu hỏi:

Ở đây ai là Vũ Thư?

Trong đám học trò, có một người thấp bé bước ra nói:

– Thưa con là Vũ Thư!

– Ở Kinh tôi đã được nghe nói anh là một người con có hiếu lại rất có tài.

Ngu cúi chào Vũ Thư và mời tất cả mọi người ngồi. Ngồi xong Vũ Thư nói:

– Tài văn chương của thầy sáng ngời như sao Bắc đẩu. Chúng con hôm nay may mắn được học khác nào trời hạn được mưa.

Ngu bác sĩ nói:

– Tôi lần đầu tiên đến đây, mọi việc mong được chỉ giáo. Anh ở trường giám mấy năm rồi?

Vũ Thư nói:

– Không dám giấu gì thầy, con mồ côi cha từ khi còn nhỏ, cứ lo ở nhà phụng dưỡng phụ thân. Vì cô độc một mình, không có anh em bà con, con phải lo liệu tất cả việc ăn mặc. Vì thế lúc mẹ con còn sống, con không có thì giờ học hành và đi thi. Không may mẹ con mất đi, tất cả mọi việc chôn cất đều nhờ ông Đỗ Thiếu Khanh ở Thiên Trường giúp đỡ hết. Con có học làm thơ với ông Đỗ Thiếu Khanh.

Ngu bác sĩ nói:

– Trước đây tôi có xem một tập thơ của ông Đỗ Thiếu Khanh ở trên bàn nhà ông Vưu Tư Thâm. Quả thực là một bậc kỳ tài! Ông Thiếu Khanh có ở đây không?

– Ông ta có cái nhà bên bờ sông gần cầu Lợi Thiệp.

– Lại còn một vị nữa là ông Trang Triệu Quang được nhà vua cho hồ Nguyên Vũ. Ông ta có ở trong hồ không?

Vũ Thư nói:

– Ông ta hiện nay ở hồ Nguyên Vũ rất kén chọn trong việc tiếp khách.

Ngu bác sĩ nói:

– Ngày mai tôi sẽ đến thăm ông ta.

Vũ Thư nói:

– Con thật không biết viết văn bát cổ cho nên mấy lâu nay vẫn cứ nghèo khổ, không biết làm thế nào. Đi dạy học cũng không ai mượn. Sau đó con đành phải mua mấy quyển sách để học rồi cũng làm được vài bài. Nhờ vậy đi thi cũng đỗ, được vào trường. Các vị thầy ở đây không hiểu sao lại cho con đỗ đầu, có học bổng. Văn chương của con thực không hay nhưng thi lần nào cũng đỗ đầu. Lần trước đây có một vị tôn sư cho thi học sinh tất cả tám nơi, con cũng đỗ đầu, vì vậy con mới được vào trường này. Tuy vậy, con vẫn thấy văn chương của con còn kém lắm.

Ngu bắc sĩ nói:

– Tôi cũng không chịu khó làm văn bát cổ.

Vũ Thư nói:

– Vì vậy hôm nay con không đem văn bát cổ đến để thầy xem. Khi nào chép xong những bài thơ phú thường ngày vẫn làm cùng với quyển giải thích về cổ văn và những bài tản văn khác, con sẽ đem đến để nhờ thầy chỉ giáo.

– Như vậy đủ thấy ông lắm tài khiến cho người ta kính phục. Nếu có thơ phú và cổ văn lại càng tốt, tôi sẽ xem cẩn thận. À bà cụ nhà ta đã được sắc phong chưa?

– Mẹ con đáng lý được sắc phong rồi nhưng nhà vẫn nghèo quá không sao có tiền đưa đến nha môn để lo việc ấy. Cho nên cứ đành phải để chậm mãi đến ngày nay. Cái đó thực là lỗi tại con.

Ngu bắc sĩ nói:

– Việc đó trì hoãn sao được?

Bèn bảo người lấy nghiên bút ra, và nói với Vũ Thư:

– Anh hãy viết một tờ khai kỹ càng về việc ấy.

Sau đó gọi người thư lại đến và dặn:

– Anh phải làm ngay một tờ trình về tiết hạnh và lòng hiếu của bà cụ ông Vũ để căn cứ vào đó làm một báo cáo tường tận, còn việc tiền nong cứ mặc tôi lo liệu.

Người thư lại vâng dạ rồi đi ra. Vũ Thư cúi đầu lạy tạ. Những người khác cũng thay mặt Vũ Thư lạy tạ rồi từ biệt đi ra. Ngu tiễn họ ra cửa mới trở vào.

Hôm sau, Ngu đến hồ Nguyên Vũ thăm Trang Thiệu Quang nhưng không được gặp. Ngu lại đến thăm Đỗ Thiếu Khanh ở cái nhà bên bờ sông. Đỗ thân hành ra tiếp. Ngu kể lại rằng ông nội mình là học trò Đỗ Trạng Nguyên tức cố của ông Đỗ Thiếu Khanh, Đỗ bèn gọi ông bằng chú. Hai người kể lại chuyện cũ. Ngu nhắc đến việc mình đi thăm Trang Thiệu Quang nhưng vô duyên không được gặp mặt. Thiếu Khanh nói:

– Ông ta không biết chú là ai! Để cháu đến nhà nói với ông ta.

Hôm sau Thiếu Khanh đến hồ Nguyên Vũ gặp Trang Thiệu Quang. Thiếu Khanh hỏi:

Hôm qua Ngu bác sĩ đến thăm anh tại sao lại không tiếp?

– Tôi đã đoạn tuyệt với những người áo mũ rồi. Ông ta tuy là quan nhỏ, tôi cũng không muốn gặp.

– Ông ta khác hẳn những người khác. Không những ông ta không có vẻ con người bác học, lại không có vẻ của một ông tiến sĩ. Lòng ông ta cao thượng và trong sạch, có thể so sánh với Bá Di, Liễu Hạ Huệ, Đào Uyên Minh[1] Khi nào anh gặp sẽ thấy.

Trang Thiệu Quang nghe vậy bèn đến nhà thăm. Hai người mới gặp nhau đã xem nhau như bạn cũ. Ngu kính phục Trang là người điềm đạm, Trang kính phục Ngu là người nho nhã. Họ kết nghĩa làm bạn sống chết bên nhau.

Nửa năm sau, Ngu cưới vợ cho con mình. Người con lấy cháu cụ Kỳ. Người con cụ Kỳ trước kia là học trò của Ngu, sau thành thông gia. Nhờ vậy, Ngu đã đền ơn cụ Kỳ đối với mình. Cụ Kỳ đưa cháu gái đến nhà Ngu bác sĩ để làm lễ cưới, đồng thời có một người a hoàn đi theo. Từ đó về sau, vợ của Ngu mới có một người đầy tớ gái để sai vặt. Việc cưới vừa xong, Ngu lại đem người a hoàn gả cho con trai của người quản gia họ Nghiêm. Người quản gia đem mười lạng bạc đến làm tiền chuộc a hoàn. Ngu nói:

– Ông còn phải lo chăn màn giường chiếu chứ! Mười lạng bạc này là của ông. Ông cứ mang tiền về mà sắm sửa.

Người quản gia rập đầu lạy tạ đi ra.

Thấm thoát đến tháng hai, mùa xuân đã đến. Những cây hồng mai năm ngoái do tay Ngu bác sĩ trồng khi đến nhận chức, nay đã nở hoa. Ngu bác sĩ mừng rỡ bảo người nhà sửa soạn tiệc rượu mời Đỗ Thiếu Khanh ngồi dưới gốc mai nói chuyện. Ngu nói:

---

(1) Bá Di, người cuối đời nhà Thương, không chịu theo nhà Chu, lên núi Thú Dương ở ẩn rồi chết đói. Liễu Hạ Huệ người nước Lỗ đời Xuân Thu làm quan ngay thẳng bị cách chức ba lần vẫn vui vẻ. Đào Uyên Minh; người đời Tấn, từ quan về lấy thơ; rượu làm vui, một thi gia nổi tiếng của Trung Quốc.

– Anh Thiếu Khanh! Mùa xuân đã đến rồi! Không biết dọc bờ sông mấy mươi dặm hoa mai nở như thế nào rồi! Lúc nào tôi với anh mang theo rượu dắt nhau đi xem đi!

– Cháu cũng nghĩ như vậy. Phải hẹn với anh Trương Thiệu Quang cùng đi chơi suốt một ngày mới được!

Đang nói chuyện thì có một người khách bước vào. Cả hai đều ở trước cửa trường Quốc Tử Giám và mấy năm nay vẫn học ở đấy, một người là Chư Tín, một người là Y Chiêu. Thấy hai người vào, Ngu bác sĩ vái chào và cùng ngồi. Hai người không giám ngồi trước Đỗ Thiếu Khanh. Rượu đem lên, họ bắt đầu uống. Chư Tín nói:

– Vào ngày đầu xuân, thầy cũng nên ăn mừng ngày sinh nhật. Lễ vật thầy nhận được có thể dùng hết cả mùa xuân.

Y Chiêu nói:

– Chúng con muốn thưa với thầy chúng con sẽ viết giấy để thông báo cho tất cả học trò.

Ngu bác sĩ nói:

– Tôi sinh vào tháng tám, làm bây giờ để làm gì?

Y Chiêu nói:

– Cái đó không ngại. Tháng hai làm tháng tám lại làm nữa.

– Sao lại làm thế? Làm thế người ta cười cho! Xin mời hai ông uống rượu.

Thiếu khanh cũng cười, Ngu bác sĩ nói:

– Anh Thiếu Khanh! Tôi có một việc muốn bàn với anh. Hôm trước đây trong phủ Trung Sơn Vương có một người liệt nữ, người ta nhờ tôi làm một bài văn bia, họ đưa cho tôi tám mươi lạng bạc hiện nay còn ở đây. Tôi nhờ anh làm hộ việc đó và cầm giúp số tiền này để dùng vào việc mua rượu, xem hoa.

– Chú cứ viết văn bia cũng được chứ sao? Chú sai cháu làm việc ấy để làm gì?

Ngu cười mà nói:

- Tài của tôi làm sao bằng tài của anh? Anh cứ làm đi.

Bèn lấy trong ống tay áo ra một tờ giấy có ghi sơ lược tất cả đời của người liệt nữ. Ngu đưa tờ giấy cho Đỗ rồi bảo người nhà mang hai gói bạc đến nhà Đỗ. Người nhà mang bạc đi. Lại có người vào báo:

- Ông Thang đã đến!

Ngu bác sĩ nói:

- Mời ông ta vào đây!

Ngu nói với những người khách:

- Ông Thang là cháu tôi, gọi tôi bằng cậu. Lúc tôi lên Nam Kinh tôi để nhà lại cho ông ta ở, vì vậy ông ta đến đây thăm tôi. Đang nói chuyện thì Thang bước vào chào rồi ngồi xuống. Sau mấy câu chuyện suông, Thang nói:

- Thưa cậu, nửa năm nay vì thiếu tiền nên cháu đã bán nhà của cậu rồi.

- Cái đó không có gì lạ. Năm nay anh không có cách gì sinh sống; trong nhà lại phải ăn tiêu thì có cái gì mà chẳng bán. Nhưng đường sá xa xôi như thế mà anh đến mãi đây nói với tôi để làm gì.

- Thưa cậu! Sau khi bán nhà rồi cháu không biết ở vào đâu cho nên cháu đến đây thưa với cậu mượn cậu ít tiền thuê mấy gian nhà ở.

Ngu gật đầu:

- Được! Bán đi rồi thì ở vào đâu! May quá hiện nay ta có ba bốn mươi lạng đây, anh cầm lấy để ngày mai thuê một cái nhà để mà ở.

Thang không nói gì nữa. Bữa tiệc xong, Thiếu Khanh từ biệt ra về. Hai người khách còn ở lại. Ngu bác sĩ ngồi tiếp. Y Chiêu hỏi:

– Thầy và ông Đỗ Thiếu Khanh quen nhau như thế nào?

– Ông ta là bạn cũ của tôi. Thực là một người tài hoa!

Y Chiêu nói:

– Theo ý con, con không nghĩ thế. Ở Nam Kinh người ta đều biết ông ta trước kia giầu có, bây giờ sa sút. Ông chỉ chuyên lừa người khác để lấy tiền chứ không có phẩm hạnh gì hết.

– Anh bảo ông ta không có phẩm hạnh như thế nào?

– Ông ta cứ mang vợ ra ngoài quán uống rượu, ai cũng chê cười.

– Cái đó chỉ rằng ông ta là người nho nhã phong lưu. Những người tục khách biết sao được!

Chư Tín nói:

– Nói như vậy cũng đúng, nhưng lần sau thầy có thơ văn gì viết mà có tiền thì đừng giao cho ông ta. Ông ta không phải là người thi cử, vậy khó lòng viết được cái gì hay, sợ làm mất danh tiếng của thầy. Ở trường Giám có bao nhiêu người học sinh đã thi đỗ. Thầy bảo làm, chúng con sẽ làm, đã hay lại không mất tiền.

Ngu bác sĩ nghiêm nét mặt nói:

– Nói như vậy không được! Tài danh của ông Đỗ mọi người đều biết, văn thơ ông ta ai mà không phục. Mỗi khi tôi nhờ ông ta viết một cái gì, ông ta chỉ làm cho tôi thêm nổi tiếng. Vả chăng, người ta đưa cho tội một trăm lạng bạc nhưng tôi còn giữ lại hai mươi lạng để cho người cháu của tôi kia mà[1].

Hai người kia không biết ăn nói như thế nào bèn xin cáo từ ra về.

Hôm sau, Phủ Ứng Thiên đưa một anh giám sinh đến giao cho Ngu bác sĩ để trừng trị vì phạm tội đánh bạc. Sai nhân

(1) Cách tả sự chân thật của Ngu thực là đặc sắc.

để anh ta ngồi trong nhà người giữ cổng rồi vào báo với Ngu bác sĩ.

- Thưa ngài! Nên khoá anh ta ở đâu!

- Hãy mời anh ta vào đây!

Anh giám sinh này họ Đoan người ở nhà quê lên. Anh ta bước vào, nước mắt đầm đìa vội vàng quỳ xuống đất kêu oan. Ngu bác sĩ nói:

- Ta biết cả rồi.

Ngu bèn giữ y ở lại thư phòng, ngày ngày cùng ăn cơm uống rượu, lại đem chăn đệm của mình trải cho y ngủ. Hôm sau Ngu đến nha môn quan phủ doãn minh oan cho anh ta rồi tha cho về.

Anh giám sinh cuối đầu lạy tạ nói:

- Dù tan xương nát thịt con cũng không làm sao báo đáp được ơn thầy.

- Đó là việc thường! Anh oan uổng thì tôi phải minh oan cho anh chứ có gì đâu!

- Minh oan cố nhiên là ơn của thầy. Lúc đầu bị đưa đến đây trong lòng con phân vân không hiểu thầy sẽ xử trí với con như thế nào, người sai nhân sẽ đòi con bao nhiêu tiền hay con sẽ bị giam vào nơi nào. Không ngờ thầy lại đối đãi với con như đối với một người khách quý! Không những con không bị xử phạt gì hết, trái lại con lại được sống hai ngày sung sướng nhất trong đời. Cái ơn sâu ấy con trả bao giờ cho hết!

Anh đã bỏ phí mất bao nhiêu ngày trời vào cái việc này rồi. Thôi mau mau về nhà đừng nói dông dài làm gì nữa.

Người giám sinh từ biệt ra về.

Vài hôm sau, người giữ cửa đưa vào một tờ danh thiếp lớn màu đỏ trên viết: Trì Hành Sơn, Mã Thuần Thượng, Quý Vi Tiêu, Cừ Dật Phu, Vũ Thư, Dư Hoà Thanh và Đỗ Thiếu Khanh cùng đến chào.

họ Giả. Theo bà và một số người khác trong gia đình, người xứng đáng làm vợ Bảo Ngọc là Tiết Bảo Thoa. Hai người là chị em con dì. Tiết Bảo Thoa nhà giàu, người lại khoẻ mạnh, tính nết đảm đương, óc cũng phong kiến như tất cả những người trong gia đình này. Chuyện cưới xin của Bảo Ngọc và của Bảo Thoa đã được người lớn trong nhà bàn định, sắp đặt nhưng vẫn giấu không cho Bảo Ngọc và Đại Ngọc biết. Cuối cùng Đại Ngọc cũng biết. Nàng tuyệt vọng, và đúng ngày cưới, nàng uất ức ho ra máu chết. Còn Bảo Ngọc lúc đó vẫn chưa hay biết gì, tưởng cùng được người yêu kết duyên trăm năm. Không ngờ đến khi cất chiếc khăn điều che mặt cô dâu thì té ra là Tiết Bảo Thoa. Chàng bị lừa. Chàng hết sức đau khổ, rồi lâm bệnh, cuối cùng xuất gia đi tu.

Bảo Ngọc trước khi đi vẫn ăn ở với Bảo Thoa, người vợ chàng không yêu, trong một thời gian, và sinh được một con kế thừa sự nghiệp tổ tiên: mặt khác thì tích cực học tập đi thi. Thi đỗ rồi mới xuất gia. Và gia đình họ Giả sau một thời gian sa sút lại được khôi phục lại.

Hồi thứ nhất
CHÂN SĨ ẨN TRONG MỘNG ẢO BIẾT ĐÁ THIÊNG; GIẢ VŨ THÔN LÚC PHONG TRẦN MƠ NGƯỜI ĐẸP

Hồi thứ nhất này là hồi mở đầu của cuốn sách[1]. Người làm sách xin nói:

---

(1) Hồi này có thể chia làm hai phần. Phần thứ nhất bắt đầu từ câu: "Người làm sách xin nói" đến câu "ai hay thú vị chứa đầy ở trong", nói tóm tắt nguyên uỷ nội dung của cuốn truyện và dụng ý của tác giả. Thí dụ Chân Sĩ Ẩn, Giả Vũ Thôn v.v... đều là báo trước những điều sẽ nói ở hồi hai. Đây là một lối văn ký thác, ẩn ẩn hiện hiện, thực thực hư hư, một nghệ thuật đặc biệt, khác với tiểu thuyết diễn nghĩa; còn phần thứ hai mới bắt đầu vào chính truyện.

"Trải qua những đời mộng ảo, nên có *ý giấu những việc thực,* mượn chuyện "Hòn đá thiêng" mà viết ra bộ *Thạch đầu ký* này; vì vậy tôi đặt nhân vật của tôi là Chân Sĩ Ẩn v.v...[1].

Trong sách viết việc gì ? người nào ?

Người làm sách lại xin nói: "Nay tôi đã sống cuộc đời gió bụi, không làm nên trò trống gì. Chợt nghĩ đến những người con gái ngày trước cùng sống với tôi, so sánh kỹ lưỡng, thấy sự hiểu biết và việc làm của họ đều hơn tôi. Tôi đường đường là bậc tu mi, lại chịu kém bạn quần thoa, thực rất đáng thẹn! Bây giờ hối cũng vô ích, biết làm thế nào! Tôi nghĩ trước kia được ơn trời, nhờ tổ, mặc đẹp, ăn ngon, mà phụ công nuôi dưỡng của cha mẹ, trái lời dặn bảo của thầy bạn, đến nỗi ngày nay mối nghề không thành, nửa đời long đong, nên muốn đem những chuyện đó chép thành một bộ sách bày tỏ với mọi người. Tôi biết rằng mang tội rất nhiều. Nhưng trong khuê các còn biết bao người tài giỏi, tôi không thể nhất quyết mượn cớ ngu dại muốn che giấu lỗi mình, để cho họ bị mai một. Cho nên, đám cỏ lều tranh, giường tre bếp đất, đều thúc giục tôi thực hiện lòng mong ước dùng bút mực viết ra lời. Dù tôi học ít, hạ bút không viết nên văn, tôi cũng chẳng ngại gì mượn lời nôm na thêu dệt bày tỏ ra đây câu chuyện để mua vui cho mọi người. Vì vậy tôi lại đặt nhân vật là Giả Vũ Thôn[2], v.v... "

Đó là đầu đề và ý chính của hồi này. Mở đầu cuốn truyện, thấy câu *phong trần mơ người đẹp,* chắc ai cũng biết người viết sách vốn chỉ ghi chép những chuyện bạn bè, tình tứ trong khuê các, chứ không có ý chửi đời. Tuy có một vài chỗ nói đến nhân tình thế thái, nhưng đó là bất đắc dĩ, mong độc giả nhớ cho.

---

(1) Chân Sĩ Ẩn và Chân Sự Ấn (dịch nghĩa là "giấu những sự thực") theo âm Trung Quốc đọc giống nhau. Tác giả có ý dùng ba chữ Chân Sĩ Ẩn đặt tên cho nhân vật đầu tiên trong truyện để nói nội dung toàn bộ cuốn chuyện là giấu thật đi mà nói như là chuyện chiêm bao.

(2) Nguyễn văn chữ Trung Quốc "Giả ngữ thôn ngữ". Chữ "giả ngữ thôn" đọc cũng giống như "Giả Vũ Thôn"

Lẵng đẵng trên đời khéo khổ công,
Tiệc tùng rốt cuộc chỉ là không.
Muôn trò mừng tủi đều hư ảo,
Một giấc xưa nay rõ viển vông.
Vạt thắm nào riêng người dẫm lệ
Tình ngây còn vướng hận ôm lòng.
Xem ra chữ chữ toàn bằng huyết.
Cay đắng mười năm khéo lạ lùng.

Độc giả! các bạn bảo sách này do đâu mà ra? Nói nguồn gốc nó thì dường như hoang đường; nhưng xem kỹ rất thú vị. Tôi xin kể rõ lai lịch để độc giả khỏi lầm:

Khi xưa Nữ Oa luyện đá vá trời[1] ở đỉnh Vô kê trên núi Đại hoang, luyện được ba vạn sáu nghìn năm trăm linh một viên, mỗi viên cao mười hai trượng, vuông hai mươi bốn trượng. Nhưng bà chỉ dùng ba vạn sáu nghìn năm trăm viên, còn thừa một viên bỏ lại ở chân núi Thanh Ngạnh. Ngờ đâu viên đá này từ khi được luyện đã có linh tính. Nhân thấy những viên đá khác được đem vá trời, còn mình vô tài, bị loại, nó rất tủi hận, ngày đêm kêu khóc buồn rầu.

Một hôm, nó đương than phiền chợt thấy có một nhà sư, một đạo sĩ, cốt cách phong độ khác thường, cười cười nói nói, từ đằng xa đi đến bên núi Thạch Ngạnh, rồi ngồi bên hòn đá nói chuyện. Lúc đầu hai người còn nói những chuyện núi mây, bể mù, thần tiên, huyền ảo, sau nói đến vinh hoa phú quí dưới cõi hồng trần. Hòn đá nghe thấy, bất giác động lòng phàm tục, cũng muốn xuống đó hưởng mùi vinh hoa phú quí, nhưng thấy mình thô kệch càng thêm tủi phận. Sau bất đắc dĩ nó mượn tiếng người, cất giọng hỏi:

– Thưa hai sư phụ! Đệ tử là vật ngu xuẩn xin thất lễ! Vừa qua nghe hai vị sư phụ nói chuyện về cảnh phồn hoa dưới trần gian, trong lòng đệ tử rất thầm mến, đệ tử tuy ngu xuẩn, nhưng

(1) Truyện thần thoại: Trước kia trời chưa kín hẳn, Nữ Oa luyện đá năm sắc lên vá trời.

cũng có chút linh tính. Vả lại thấy hai vị sư phụ có vẻ tiên phong đạo cốt, chắc chắn không phải hạng người tầm thường, nhất định có tài vá trời, cứu thế, có đức xót vật, thương người! Nếu được hai vị sự phụ mở lòng từ bi, mang đệ tử xuống cõi trần cho đệ tử hưởng ít năm giàu sang êm ấm, thì đệ tử xin đời đời kiếp kiếp ghi nhớ ơn sâu.

Nghe xong, hai vị sư, đạo cả cười:

– Khéo thật! Khéo thật! Trong cõi hồng trần đành rằng có nhiều thú vị, nhưng không phải là nơi nương náu lâu dài. Huống chi "ngọc lành có vết, việc đời đa đoan", tám chữ này thường đi liền với nhau. Rồi trong chớp mắt, vui hết đến buồn, người thay cảnh đổi, rút cuộc chỉ là giấc mộng, muôn cõi đều trở thành không! Như thế chẳng thà đừng xuống là hơn.

Nhưng lửa trần rực cháy trong lòng, thì dù có nói thế nào cũng khó mà lọt tai hòn đá được. Nó cứ kêu mãi mãi. Hai vị sư biết không thể ngăn cản nổi, liền thở dài mà rằng:

– Đây cũng là cái số kiếp tình lắm muốn động, có là từ không mà ra đó thôi! Đã vậy, ta sẽ mang ngươi đi, cho ngươi hưởng thụ, nhưng khi bất như ý thì ngươi đừng hối.

Hòn đá nói:

– Tất nhiên! Tất nhiên!

Nhà sư nói:

– Ngươi bảo ngươi có linh tính nhưng sao lại dại dột ngu ngốc thế ? Thật là ngươi chẳng có quí báu, chẳng kỳ lạ ở chỗ nào cả, chỉ đáng dẫm chân lên thôi. Nhưng thôi, ta sẽ giở hết phép thuật, giúp ngươi một tay. Khi nào mãn kiếp, ngươi trở lại bản chất của mình, thế là kết liễu số phận. Ngươi thấy thế nào?

Hòn đá nghe xong, cảm ơn không ngớt. Nhà sư liền niệm chú viết bùa, giở hết phép thuật, làm cho hòn đá kếch sù ấy phút chốc hóa ra viên ngọc báu trong sáng long lanh, thu hình lại nhỏ bằng viên ngọc đeo dưới dây quạt, có thể cầm hoặc đeo vào người được. Nhà sư nâng lên trên tay, cười nói:

– Coi hình dáng ngươi thì cũng là vật báu đây, chỉ hiền một nỗi không có giá trị thực; bây giờ ta khắc mấy chữ, để mọi người trông thấy, biết ngay ngươi là vật lạ. ta sẽ mang ngươi đến một nơi thịnh vượng, một họ dòng dõi, một chốn phồn hoa, giàu sang êm ấm, cho ngươi được an thân lạc nghiệp.

Hòn đá mừng rỡ hỏi:

– Không biết sư phụ viết vào đó những chữ gì ? Và mang đi đâu ? Dám xin sư phụ nói rõ để đệ tử khỏi áy náy.

Nhà sư cười nói:

– Ngươi chớ hỏi vội, sau này sẽ biết.

Nói đoạn, nhà sư để hòn đá vào trong tay áo, cùng đạo sĩ phơi phới ra đi, không biết về hướng nào.

Trải qua không biết mấy đời kiếp, có vị Không Không đạo nhân đi cầu tiên học đạo, qua đỉnh Vô kê núi Đại hoang, đến chân núi Thanh Ngạnh, chợt trông thấy một hòn đá lớn, trên mặt có khắc chữ kể rõ lai lịch. Không Không đạo nhân xem từ đầu đến cuối, biết rằng nó là một hòn đá không đủ vá trời, muốn biến làm người, đã được hai vị Mang Mang đạo sĩ, Diểu Diểu chân nhân đưa nó xuống trần nếm đủ mùi đời lạnh nhạt, tan hợp bi hoan. Mặt sau lại có một bài kệ:

Tài đâu toan những vá trời,
Uổng công đày xuống cõi đời bấy lâu.
Từ kiếp trước đến kiếp sau,
Biết nhờ ai chép mấy câu truyền kỳ?

Sau đó, ghi rõ hòn đá này xuống đâu, đầu thai vào đâu, trải qua đoạn đường thế nào, cả đến những việc vụn vặt trong gia đình, tình tứ, thơ từ trong khuê các, đều chép đủ cả, xem ra cũng có thú vị đỡ buồn, nhưng không biết từ thời đại nào, ở địa phương nào và nước nào ?

Không Không đạo nhân liền hỏi hòn đá:

– Này Thạch huynh, cứ lời anh nói thì câu chuyện này của anh rất thú vị, nên mới viết rõ vào đây, muốn để lưu truyền việc lạ ấy cho đời. Nhưng ta xem, một là không biết vào thời

đại nào, hai là đây không phải những thiện chính của bậc đại hiền đại trung để sửa sang triều đình, chỉnh đốn phong tục, chẳng qua toàn là chuyện một vài người con gái kỳ quặc, hoặc là người đa tình, hoặc là si tình, hoặc là người tài năng tầm thường, chứ không có cái tài cái đức của Á Thái, nàng Ban. Giả sử ta có sao lại, sợ người đời không thích xem thôi.

Hòn đá cười mà rằng:

– Thưa sư phụ, sao người nghĩ lẩn thẩn thế ?

Nếu bảo không có thời đại tra cứu, thì sư phụ cứ việc mượn niên hiệu đời Hán, đời Đường mà viết vào, có khó gì đâu. Nhưng tôi thiết tưởng những chuyện trong dã sử xưa nay đều theo một lối như nhau; sao bằng chuyện của tôi không theo khuôn sáo cũ, chỉ ghi chép những sự việc và tình cảm tôi đã trải qua, mới là mới mẻ ít có! Việc gì phải đòi hỏi cho có thời đại mới được cơ chứ! Vả chăng những người tục ở nơi kẻ chợ rất ít đọc sách nói về đạo lý sửa sang triều đình, chỉnh đốn phong tục, phần đông chỉ thích xem những chuyện vụn vặt, lại có thú vị. Gẫm trong dã sử xưa nay, biết bao chuyện dèm chê vua quân, hoặc là nói xấu vợ con người ta, đầy dãy những gian dâm hung ác, kể sao cho xiết; lại còn những ngòi bút chỉ viết về trăng gió dâm dục xấu xa, di hại trong văn mặc, làm hư hỏng cả con em người ta. Đến những sách nói về giai nhân tài tử, thì nghìn bộ đều theo một khuôn sáo, đầy rẫy những Phan An, Tử Kiến, Tây Tử, Văn Quân, đã thế rốt cuộc lại không khỏi sa vào phù phiếm. Người làm sách chẳng qua muốn viết vài bài thơ tình của mình, nên đã cố ý đặt ra một đôi trai gái, rồi xen một thằng tiểu nhân vào quấy rối, ví như vai hề trong tấn tuồng. Lại có những bọn tôi đòi mở miệng là "chi hồ giã dả", hết đạo lý đến văn chương, cho nên nếu xem từ đầu đến cuối thì toàn là những việc mâu thuẫn nhau chẳng có gì là hợp tình hợp lý hết. Sao cho bằng mấy người con gái này mà nửa quãng đời tôi đã trông thấy, nghe thấy, tuy không dám ví với những người trong các sách thủa xưa, nhưng xem đầu đuôi câu chuyện, cũng có thể bớt buồn. Lại có mấy bài thơ nhảm nhí, cũng có thể cho người đọc bật cơm ra và nhân vui uống thêm mấy chén

rượu. Còn như những cảnh hợp tan vui buồn, thịnh suy, và những cảnh ngộ thay đổi, từ đầu đến cuối đều theo sát sự thực không có thêm bớt tô vẽ chút nào, không vì chiều lòng người đọc mà xuyên tạc sự thật. Hiện giờ người nghèo thì ngày lo cơm áo; kẻ giàu lại nảy lòng tham không cùng, rồi một chút là họ nghỉ ngay đến dâm dục, sắc đẹp, giàu sang, sầu não, còn hơi nào đọc sách nữa. Vì vậy cuốn truyện của tôi cũng không muốn được đời khen ngợi và mọi người thích đọc. Chỉ mong khi tỉnh rượu, lúc tàn canh, hoặc khi muốn trốn đời, tìm đường tiêu khiển, họ đem truyện tôi ra xem, có lẽ tôi sẽ giúp đỡng theo đuổi những việc hão huyền cho tốn tuổi thọ, như thế nghĩa là tránh được miệng thế khen chê, khỏi phải chạy vạy đâu đó. Hơn nữa nó cũng khiến người đời đổi tâm con mắt, chứ không như những quyển sách đầy sáo ngữ cũ rích gán ghép bừa bãi, nói toàn chuyện vụt gặp vụt tan, đầy rẫy nào là tài nhân, thục nữ, nào là Tử Kiến, Văn Quân, Hồng Nương, Tiểu Ngọc... ý sư phụ nghĩ thế nào ?

Không Không đạo nhân nghe vậy, ngẫm nghĩ một lúc, rồi xem lại tryện *Thạch đầu ký* một lần nữa. Nhân thấy ở đây tuy cũng có những lời vạch kẻ gian, chê người nịnh, mắng người ác, diệt kẻ tà, như không có ý mỉa mai thời thế. Đến như những việc vua nhân, tôi trung, cha hiền, con hiếu, tức là tất cả những chỗ quan hệ đến luân thường, thì đều một mực ca gợi công đức, thực không sách nào sánh kịp. Trong đó chủ yếu tuy nói về tình, nhưng chẳng qua là chép việc thực, chứ không một chút bịa đặt như những sách thiên về dâm tình hò hẹn, thề thốt riêng tây. Đạo nhân thấy nó không dính dáng đến thời thế, mới chép từ đầu đến cuối để truyền câu truyện kỳ lạ này, cho mọi người. Vị đạo nhân thấy "sắc" là do "không" mà ra, rồi "tình" lại do "sắc" trở về "không"(1) cho nên đổi tên mình là Tỉnh Tăng, đổi

(1) Theo thuyết nhà Phật, phàm cái gì giác quan không cảm thấy được thì gọi là "không" cái gì giác quan cảm thụ được gọi là "sắc".

truyện *Thạch đầu ký* là *Tình Tăng lục*. Không Mai Khê ở Đông lỗ đề là *Phong nguyệt bảo giám*[1]. Sau Tảo Tuyết cần mười năm đọc bộ sách này ở trong hiên Điện hồng, thêm bớt năm lần, xếp thành mục lục chia ra từng chương từng hồi, lại đề là *Kim lăng thập nhị thoa*, và đề một bài thơ.

Đầy trang những truyện hoang đường,
Tràn trề nước mắt bao nhường chua cay,
Đừng cho tác giả là ngây,
Ai hay ý vị chứa đầy ở trong ?

Nguồn gốc truyện *Thạch đầu ký* đã nói rõ rồi, bây giờ xem trên mặt hòn đá, chép những việc gì ?

Trên mặt hòn đá đã chép: khi ấy đất thủng về phía Đông nam[2], phía ấy có đất Cô tô, có thành Xương môn là chỗ ở của nhà phú quý phong lưu vào bậc nhất nhì trên đời. Ngoài cửa Xương môn có phố Thập lý, trong phố có ngõ Nhân thanh, trong ngõ có toà miếu cổ, vì địa thế chật hẹp, người ta đều gọi là "miếu Hồ lô". Cạnh miếu có một nhà hương hoạn[3] họ Chân tên Phi, tên chữ là Sĩ Ẩn, vợ họ Phong, tính tình hiền hậu, hiểu biết lễ nghĩa. Nhà này không giàu sang lắm, nhưng người ở trong vùng vẫn cho là một họ có danh vọng. Chân Sĩ Ẩn tính tình điềm đạm, không thích công danh, hàng ngày chỉ lấy ngắm hoa, trồng trúc, uống rượu ngâm thơ làm vui; nhưng hiềm một nỗi là tuổi đã năm mươi mà chưa có con trai, chỉ có một mụn gái tên là Anh Liên mới lên ba tuổi.

Một hôm giữa lúc mùa hạ ngày dài, Sĩ Ẩn ngồi rồi trong thư phòng, mỏi tay buông sách, ngủ ngục xuống ghế. Trong khi

---

(1) Gương báu để soi việc gió trăng, tức là việc tình duyên; gương soi để khuyên răn người đời.

(2) Theo thần thoại Trung Quốc: từ lúc mới có trời đất, trời nghiêng về phía Tây bắc, đất trũng về phía Đông nam.

(3) Thân hào trong làng.

mơ màng, thấy mình đi đến một chỗ không biết địa phương nào. Chợt gặp một nhà sư, một đạo sĩ, vừa đi vừa nói chuyện. Đạo sĩ nói:

– Ông mang vật xuẩn ngốc ấy đi đâu ?

Nhà sư cười:

– Ông cứ yên tâm. Hiện giờ có một cái án phong lưu cần phải chấm dứt. Nhân dịp một bọn oan gia phong lưu sắp sửa đầu thai xuống trần, tôi bỏ nó vào đây để nó hóa kiếp làm người.

– Thế ra sẽ có bọn oan gia phong lưu đổi kiếp xuống trần. Nhưng không biết xuống đâu ?

– Việc này nói ra thì buồn cười lắm. Thật là câu chuyện nghìn xưa ít thấy. Chỉ vì trên bờ sông Linh Hà ở Tây Phương, bên cạnh hòn đá Tam sinh[1] có một cây Giáng Châu được Thần Anh[2] làm chức châu chực ở cung Xích hà ngày ngày lấy nước cam lộ chăm bón, cây Giáng Châu thoát được hình cây, hóa thành hình người, tu luyện thành người con gái, suốt ngày rong chơi ngoài cõi trời Ly hận[3] đói thì ăn quả "Mật thanh"[4], khát thì uống nước bể "quán sầu"[5]. Chỉ vì chưa trả được bón tưới, cho nên trong lòng nó vẫn mắc míu, khi nào cũng cảm thấy như còn vương vấn một mối tình gì đây. Gần đây, Thần Anh bị lửa trần rực cháy trong lòng, nhân gặp đời thái bình thịnh vượng muốn xuống cõi trần để qua kiếp "ảo duyên". Nên đã đến trước mặt vị tiên Cảnh Ảo ghi sổ. Cảnh Ảo liền hỏi đến mối

---

(1) Đường thư: nhà sư Viên quan gặp Lý Nguyên, trở viên đá ở Tam giáo: "đây là chỗ thác sinh của ta, 12 năm sau, chúng ta sẽ gặp nhau ở đây". Đến đêm, viên quan chết, 12 năm sau, Lý Nguyên lại đến chỗ cũ, gặp một mục đồng, tức là viên quan, về sau người ta dùng điển này chỉ cuộc tình duyên: viên đá nghi rõ tình duyên của một đôi trai gái, phải trải qua kiếp khác, có khi phải trải qua ba kiếp, vì thế gọi là tam sinh.

(2) Hòn đá thiêng.

(3) Cõi đời đáng oán giận vì phải chia lìa nhau.

(4) Quả chứa những tình riêng bí mật.

(5) Nước để tưới sự buồn.

tình bón tưới, biết chưa trả xong, muốn nhân đó để kết liễu câu chuyện. Nàng Giáng Châu nói: "Chàng ra ơn mưa móc, mà ta không có nước để trả lại. Chàng đã xuống trần làm người, ta cũng phải đi theo. Ta lấy hết nước mắt của đời ta để trả lại chàng, như thế mới trang trải xong!" Vì thế dẫn ra bao nhiêu oan gia phong lưu để phải xuống trần, để kết liễu án đó.

– Việc này lạ thật! Xưa nay chưa từng nghe thấy truyện trả nợ bằng nước mắt bao giờ! Nghĩ lại truyện này thật phiền phức, tế nhị hơn các truyện trăng gió trước kia nhiều.

– Xưa nay những nhân vật phong lưu chẳng qua chỉ để lại một chút gì rất ít với một số thơ từ mà thôi. Còn những chuyện ăn uống trong gia đình, trong khuê các thì không bao giờ ghi chép đầy đủ. Hơn nữa, những truyện trăng gió, phần nhiều chỉ là "trộm hương cắp ngọc, hò hẹn riêng tây" mà thôi, chưa hề nói tới chân tình của người con gái. Tưởng lũ người này xuống trần, thì những bọn si tình, hám sắc, hiền ngu bất tiếu ở đây, khác hẳn các truyện trước để lại.

– Gặp dịp này, sao chúng ta không xuống trần siêu độ cho mấy kẻ ấy, chẳng phải là một việc công đức hay sao ?

– Điều ông nói chính hợp ý tôi. Chúng ta hãy đem vật xuẩn ngốc này đến cung vị tiên Cảnh Ảo để giao dứt khoát. Chờ cho bọn nghiệt quỷ phong lưu xuống trần hết đã, tôi với ông hãy xuống. Bây giờ chúng mới xuống có một nửa thôi, và tất cả vẫn chưa nhóm họp lại.

– Đã thế tôi sẽ cùng đi với ông.

Chân Sĩ Ẩn nghe rõ ràng câu chuyện không biết "vật xuẩn ngốc" là gì, bèn đến chào hỏi:

– Xin kính chào hai vị.

Hai vị tăng, đạo đáp lễ lại.

Sĩ Ẩn lại nói:

– Vừa rồi đệ tử được hai vị nói chuyện nhân quả, một chuyện mà người trần ít khi được nghe. Đệ tử ngu dốt, không hiểu thấu mấy; nếu được hai vị dạy bảo, mở lòng ngu muội, đệ tử xin lắng nghe, được cảnh tỉnh đôi chút, hoạ may có thể thoát khỏi nỗi khổ trầm luân chăng.

Hai vị cười:

– Đó là cơ trời, không thể tiết lộ được. Cứ đến lúc đó mà không quên hai chúng ta, thì người có thể thoát khỏi hố lửa[1].

Sĩ Ẩn nghe thế, không tiện hỏi lại, nhân cười nói:

– Tuy cơ trời không thể tiết lộ được, nhưng vừa rồi các vị nói "cái vật xuẩn ngốc" ấy, đệ tử không biết là cái gì, có thể xem được không ?

Nhà sư nói:

– Nhà ngươi nhắc đến vật ấy, thế là có duyên gặp nó đấy!

Nói đoạn, đem hòn đá ra cho Sĩ Ẩn xem.

Sĩ Ẩn cầm xem, một hòn ngọc sáng đẹp, mặt trên khắc rõ bốn chữ *Thông linh bảo ngọc*. Mặt sau có mấy hàng chữ nhỏ. Sĩ Ẩn đương muốn xem kỹ, thì nhà sư bảo ngay: "đã đến Ảo Cảnh rồi" và giật ngay lấy hòn đá, cùng đạo sĩ đến một toà nhà bia lớn, trước mặt có đề bốn chữ *Thái hư Ảo Cảnh*; hai bên lại có đôi câu đối:

Giả bảo là chân, chân cũng giả,
Không làm gia có, có rồi không.

Sĩ Ẩn đang muốn cất bước đi theo, chợt một tiếng sét dữ dội như núi lở đất sụp. Sĩ Ẩn kêu lên một tiếng, mở choàng mắt ra, chỉ thấy trời nắng chang chang, rặng chuối phơ phất, những việc trong mộng đã quên mất một nửa. Lại thấy vú già ẵm Anh Liên đến, nhìn đứa con gái mặt mày tươi đẹp, ngoan

(1) Theo thuyết của nhà Phật, ba ác đạo: địa ngục, súc sinh, ngã quỷ gọi là hố lửa.

ngoãn đáng mừng. Sĩ Ẩn giơ tay bế vào lòng, đùa với nó một lúc, rồi ẵm ra ngoài phố xem người qua lại nhộn nhịp. Khi xấp quay về, thấy một nhà sư, một đạo sĩ đi lại. Nhà sư đầu chốc, đi đất, đạo sĩ chân kiễng, tóc bù, đang cười cười nói nói, như dại như điên. Đến trước cửa, trông thấy Sĩ Ẩn ẵm Anh Liên, nhà sư khóc to lên:

– Thí chủ! Con bé này có mệnh không có vận, làm luỵ đến cha mẹ, thỉ chủ ẵm nó làm gì ?

Sĩ Ẩn nghe nói, cho là rồ dại không thèm chấp. Nhà sư thấy thế lại nói:

– Thí chủ cho tôi cho! Thí chủ cho tôi chọ!

Sĩ Ẩn khó chịu, ẵm ngay con toan quay về nhà.

Nhà sư trỏ vào Sĩ Ẩn cười ồ lên, rồi đọc ngay bốn câu:

Chú ngốc nuông con khéo nực cười,
Gương lăng(1) *luống để tuyết pha phôi,*
Nguyên tiêu(2) *đêm ấy coi chừng dấy,*
Lửa khói tan tành sắp tới nơi.

Sĩ Ẩn nghe thấy rõ ràng, trong lòng do dự, muốn đến hỏi lai lịch, thì đạo sĩ đã bảo vị sư:

– Chúng ta không cần cùng đi một đường, hãy tạm chia tay, mỗi người mỗi việc. Ba kiếp sau tôi chờ ông ở núi Bắc Mang, chúng ta sẽ lại họp mặt, rồi đến Thái hư Ảo Cảnh xoá sổ để kết thúc truyện này.

Nhà sư nói:

– Hay lắm! Hay lắm!

---

(1) Lăng Hoa Kính, một thứ gương quý ở lầu trang: cũng dùng để ví người đàn bà đẹp. Chữ Lăng ở đây còn ẩn dấu một sấm ngữ, vì Anh Liên về sau bị Tiết Bàn cướp lấy làm tiểu thiếp, đổi tên là Hương Lăng.

(2) Ngày rằm tháng giêng, cũng gọi là tiết hoa đăng.

Nói xong, thoáng một cái hai người mất hút, không thấy đâu nữa. Sĩ Ẩn nghĩ bụng: "Hai người tất có lai lịch, đáng lẽ ta nên hỏi rõ mới phải, bây giờ ăn năn cũng muộn rồi".

Sĩ Ẩn đang lúc vẩn vơ suy nghĩ, chợt trông thấy một nhà nho nghèo, ở trọ trong miếu Hồ lô, bên cạnh nhà mình, họ Giả tên Hoá, tên chữ là Thời Thi, biệt hiệu Vũ Thôn, đi đến. Giả Vũ Thôn người Hồ Châu, vốn dòng thi thư thế hoạn, nhưng vì sinh vào lúc cảnh nhà sa sút, của hết người hiếm, chỉ còn trơ trọi một mình. Ở nhà cũng vô ích, Vũ Thôn lên Kinh mong lập công danh, dựng lại cơ nghiệp. Hắn đến đây từ năm ngoái, vì túng thiếu nên đành ở tạm trong miếu, hàng ngày bán chữ viết văn để sống, bởi thế Sĩ Ẩn thường cùng hắn đi lại chơi bời.

Vũ thôn trông thấy Sĩ Ẩn, vội vàng chào hỏi:

– Tiên sinh đứng ngóng gì đấy, chắc ngoài phố có cái gì mới lạ ?

Sĩ Ẩn cười đáp:

– Chẳng có gì, chỉ vì cháu khóc, tôi mang nó ra đây. Đương lúc buồn lại gặp Tôn huynh đến, xin mời vào chơi, chúng ta nói chuyện tiêu khiển cho hết quãng ngày dài dằng dặc này.

Sĩ Ẩn sai người ẵm con đi, rồi dắt tay Vũ Thôn vào thư phòng, gọi tiểu đồng pha trà.

Hai người vừa mới nói chuyện được năm ba câu có người nhà vào bảo:

– Có cụ Nghiêm đến chơi.

Sĩ Ẩn vội vàng đứng dậy cáo lỗi:

– Xin tôn huynh thứ lỗi, hãy tạm ngồi chơi, tôi đi ra rồi sẽ trở lại ngay.

Vũ Thôn cũng đứng dậy khiêm tốn nói:

– Xin tiên sinh cứ tự tiện, tôi đến chơi luôn, có chờ một lúc cũng chẳng sao.

Nói xong Sĩ Ẩn đi ra.

Vũ Thôn ngồi buồn, giở sách ra xem, chợt nghe ngoài cửa sổ có tiếng người con gái ho. Vũ Thôn đứng dạy nhìn ra, thấy một a hoàn đang hái hoa: dáng điệu thanh nhã, mặt mày tươi tắn, tuy không đẹp lắm, nhưng có một vài nét làm người ta xiêu lòng. Vũ Thôn bất giác đứng ngây người ra. A hoàn hái hoa xong, sắp đi, bỗng ngẩng đầu lên trông thấy có người đứng trong cửa sổ, áo cũ khăn rách, tuy có vẻ nghèo, nhưng lưng tròn, vai rộng, mặt to, miệng vuông, lông mày sắc, đôi mắt sáng, mũi thẳng, má nở. Nó vội quay mình lánh đi, nghĩ bụng: "người này dáng điệu oai vệ lại ăn mặc lam lũ như vậy ? Có lẽ là ông Giả Vũ Thôn mà chủ ta không nhắc đến chăng ? Chủ ta vẫn có ý muốn giúp đỡ ông ta, nhưng chưa có dịp. Những khách quen nhà ta không có ai nghèo túng cả. Nhất định là hắn chứ chẳng còn ai. Thảo nào chủ ta thường nói ông này không phải là người chịu khổ mãi. Nghĩ thế, tự nhiên nó lại quay đầu lại nhìn. Vũ Thôn thấy a hoàn ngoảnh lại, cho là nàng có ý với mình, vui mừng khôn xiết, nghĩ bụng: "người con gái này có mắt tinh đời, quả là người tri kỷ trong lúc phong trần".

Một lúc tiểu đồng đi vào, Vũ Thôn mới biết ngoài nhà giữ khách lại ăn cơm. Hắn không chờ được, bèn theo đường bên cạnh đi ra. Sĩ Ẩn thết khách xong, biết Vũ Thôn đã về rồi, cũng không tiện cho đi mời nữa.

Một hôm vào tiết trời trung thu, ăn tiệc xong, Sĩ Ẩn sai dọn một tiệc nữa ở thư phòng, rồi tự mình đi dưới bóng trăng đến miếu với Vũ Thôn.

Từ ngày Vũ Thôn thấy a hoàn của nhà họ Chân nhìn mình mấy lần, cho là tri kỷ, nên lúc nào cũng tơ tưởng đến. Nhân gặp tiết trung thu, ngắm trăng nhớ đến người, Vũ Thôn ngâm một bài thơ ngũ ngôn:

Ba sinh chưa thỏa nguyện.
Tấc dạ những thêm sầu.

Buồn quá hay ủ mặt,
Đi qua thường ngoái đầu.
Trước gió riêng nhìn bóng.
Dưới trăng ai bạn bầu ?
Chị Nguyệt hay chăng tá ?
Mời lên chốn ngọc lâu.

Vũ Thôn ngâm xong nghĩ mình bình sinh có chí khi lớn, nhưng chưa gặp thời, liền ngửa mặt lên trời:

Ngọc giấu đáy hòm chờ giá bán,
Thoa nằm trong hộp đợi thời bay.

Sĩ Ẩn đi đến, nghe thấy, cười nói:

– Tôn huynh thật có chí hơn người!

Vũ Thôn vội cười đáp:

– Không dám! Chợt ngâm câu thơ cổ, có đâu dám ngông cuồng đến thế! Và hỏi lại:

– Tiên sinh cao hứng gì mà đến đây ?

Sĩ Ẩn cười nói:

– Đêm nay tiết trung thu, tục thường gọi tiết đoàn viên. Nghĩ đến tôn huynh trọ ở trốn tăng phòng, có lẽ cũng hưu quạnh, cho nên tôi có bày riêng một tiệc mời tôn huynh sang bên nhà thưởng trăng, không biết tôn huynh có chiếu cố cho không ?

Vũ Thôn nhận lời ngay, cười nói:

– Được, tiên sinh quá yêu, tiểu đệ đâu dám trái ý.

Vũ Thôn liền theo Sĩ Ẩn về thư phòng.

Hai người uống rượu nước trà xong. Một chốc, tiệc bày ra, rượu ngon, thức nhắm tốt, không cần phải nói. Hai người lúc đầu còn uống thong thả, sau dần trò chuyện cao hứng, thi nhau chuốc chén. Bấy giờ ngoài phố nhà nào nhà ấy đàn sáo ca hát. Vừng trăng vặc vặc, sáng tỏ giữa trời. Hai người càng hào hứng,

rót đến đâu cạn đến đấy. Vũ Thôn lúc này đã ngà ngà say, không giữ nổi cuồng hứng, trông trăng ngụ ý ngâm một bài.

Đêm rằm gặp buổi đoàn loan,
Sáng trong, dõi khắp lan can phía ngoài.
Vừng trăng vừa ló trên trời,
Dưới trần ngửa mặt muôn người ngắm trông.

Sĩ Ẩn nghe rồi nói to:

– Hay lắm! Tôi thường nói tôn huynh không phải là người tầm thường. Nay ngâm câu này, tất có triệu chứng bay nhảy, chả mấy ngày nữa sẽ nhẹ bước thang mây. Đáng mừng! Đáng mừng!

Rồi tự tay rót một chén rượu chúc mừng. Vũ Thôn uống cạn, than rằng:

– Không phải văn sinh say rượu nói ngông đâu. Về lối học Khoa cử, văn sinh cũng có thể dự tên trên bảng. Chỉ vì hiện nay thiếu tiền lộ phí, không xoay vào đâu được. Đường vào Kinh thì xa, nếu chỉ nhờ vào tiền bán chữ, viết văn, không thể đủ được!

Sĩ Ẩn không đợi nói hết, ngắt lời ngay:

– Sao tôn huynh không nói trước ? Tôi vẫn có ý ấy, nhưng mỗi khi gặp, không thấy tôn huynh nói đến, nên tôi không dám đường đột. Tôi tuy bất tài, cũng có thể hiểu được hai chữ nghĩa và lợi. Sang năm có khoa thi, tôn huynh nên lên Kinh ngay. Một khi bảng xuân cao chiếm, mới khỏi phụ tài học của mình. Còn tiền lộ phí, tôi xin thu xếp hộ, không dám làm phụ lòng tin yêu của tôn huynh đối với tôi.

Liền sai tiểu đồng vào lấy năm mươi lạng bạc và hai bộ quần áo rét ra, đưa cho Vũ Thôn. Sĩ Ẩn lại nói:

– Ngày 19 là ngày hoàng đạo, tôn huynh nên đáp thuyền đi ngay. Chờ khi cánh hồng bay bổng, mùa đông sang năm

chúng ta sẽ lại gặp nhau, há không phải là một việc vui sướng hay sao ?

Vũ Thông nhận tiền và áo, chỉ cám ơn một lời, rồi cứ uống rượu cười nói tự nhiên, đến canh ba mới tan tiệc.

Sĩ Ẩn tiễn Vũ Thôn về rồi vào buồng ngủ một mạch, khi mặt trời lên ba con sào mới dậy. Nhân nghĩ việc đêm qua, Sĩ Ẩn muốn viết hai bức thư, gởi cho người quen làm quan ở Kinh, tiến cử Vũ Thôn, để Vũ Thôn có chỗ nương thân. Liền cho người nhà đến mời Vũ Thôn, người nhà vừa đi đã về ngay nói:

– Hoà thượng ở đó bảo ông Giả đã đi vào Kinh từ canh năm và có lời thưa với cụ rằng: người đọc sách không cần ngày "hoàng đạo" hay "hắc đạo" chỉ cần được việc thôi, nên không kịp lại từ biệt.

Sĩ Ẩn nghe nói, cũng thôi không nghĩ đến nữa.

Tháng ngày thấm thoắt, đã đến tiết Nguyên tiêu, Sĩ Ẩn sai người nhà là Hoắc Khải ẵm Anh Liên đi xem hội hoa đăng. Đến nửa đêm, Hoắc Khải đặt Anh Liên ngồi ở ngoài cửa một nhà rồi đi tiểu. Khi quay lại, không thấy Anh Liên đâu, Hoắc Khải hốt hoảng đi tìm suốt đêm, sợ không dám về báo cho chủ biết, liền trốn đi nơi khác.

Sáng hôm sau, vợ chồng Sĩ Ẩn không thấy con về, biết rằng có chuyện không hay xảy ra, liền sai người đi tìm các ngả, tuyệt nhiên không thấy tung tích. Vợ chồng Sĩ Ẩn nửa đời người mới có mụn con gái, bây giờ lạc mất, buồn rầu biết là chừng nào! Vì thế ngày đêm than khóc, dở chết dở sống. Một tháng sau vì thương nhớ con Sĩ Ẩn bị ốm, vợ là họ Phong cũng ốm, ngày ngày thuốc thang bói toán.

Đến rằm tháng ba, trong miếu Hồ lô bày cỗ cúng Phật, hòa thượng không cẩn thận để chảo dầu bốc cháy lan ra giấy dán cửa sổ. Các nhà ở vùng ấy đều giậu tre vách ván, dường như đó cũng là số kiếp phải chịu, nên cứ nhà nọ cháy sang nhà kia,

cả phố bốc lên như núi lửa. Bây giờ tuy có quân dân đến chữa, nhưng lửa đã cháy to, không sao cứu được! Cháy suốt một đêm mới tắt, bao nhiêu là đều hóa ra tro. Đáng thương nhất là họ Chân ở ngay liền miếu, chỉ còn trơ lại một đống ngói gạch vụn. May sao hai vợ chồng và người nhà không ai việc gì. Sĩ Ẩn giậm chân thở dài , bàn với vợ về trại ở. Nhưng lại bị mấy năm mất mùa, trộm cướp như ong, tranh ruộng cướp đất, dân khổ trăm chiều. Vì vậy quan quân đến nã bắt luôn, khó bề yên thân được. Sĩ Ẩn phải bán trang trại, đem vợ và hai người đầy tớ gái về ở với bố vợ là Phong Túc, một người làm ruộng nhưng là hạng giàu có ở châu Đại Như.

Thấy con rể bối rối đến ở nhờ, Phong Túc trong bụng khó chịu. Sĩ Ẩn may còn có số tiền, liền bỏ ra nhờ bố vợ mua hộ nhà đất để làm kế sinh nhai. Phong Túc vừa mua, vừa ăn bớt, chỉ được một ít nhà nát, ruộng xấu. Sĩ Ẩn lại là nhà nho, không quen việc cày cấy, gượng gạo qua một vài năm, vốn liếng hết sạch. Phong Túc trước mặt rể thì nói năm ba câu sáo, nhưng khi giặp người khác thì lại nói xấu rể chỉ quen ăn biếng làm. Sĩ Ẩn biết thế, trong lòng rất hối hận, nghĩ đến tai biến năm trước, vừa tức vừa giận, càng thêm ấp ủ nỗi thương tâm. Một người gần đến tuổi già như Sĩ Ẩn, chịu sao nổi cảnh đau ốm và nghèo khổ giày vò, dần dần càng ngày cảm thấy quang cảnh tiêu điều. Một hôm, Sĩ Ẩn chống gậy ra phố chơi cho đỡ buồn, chợt thấy một vị đạo sĩ kiếng chân, giày gai áo rách, nghông cuồng phóng túng, tập tễnh đi đến, miệng đọc mấy câu:

Người đời đều cho thần tiên hay.
Mà chuyện công danh lại vẫn say!
Xưa nay tướng soái nơi nào đây,
Một dãy mồ hoang cỏ mọc đầy!

Người đời đều cho thần tiên hay,
Nhưng hám vàng bạc lòng không khuây!

Suốt ngày những mong chứa cho đầy,
Đến lúc đầy rồi mắt nhắm ngay!

Người đời đều cho thần tiên hay!
Nhưng thích vợ đẹp lòng không khuây!
Lúc sống ái ân kể suốt ngày,
Lúc chết liền bỏ theo người ngay!

Người đời đều cho thần tiên hay,
Muốn đông con cháu lòng không khuây!
Xưa nay cha mẹ thực khờ thay,
Con hiền cháu thảo ai thấy đây!

Sĩ Ẩn nghe thấy, lại ngay trước mặt hỏi:

– Người đọc những câu gì mà chỉ nghe thấy "hảo liễu" "hảo liễu" thôi.

Đạo sĩ cười đáp:

– Nếu đã nghe thấy hai chữ "hảo" và "liễu" thì cũng đáng khen cho ngươi là sáng suốt. Phải biết muôn việc ở đời "hảo" tức là "liễu", "liễu" tức là "hảo" nếu không "liễu" thì không "hảo" mà muốn "hảo" thì "liễu". Vì thế bài hát này ta gọi là bài "*hảo liễu ca*"(1).

Sĩ Ẩn người vốn thông minh, nghe nói thế, trong bụng tỉnh ngộ ngay, liền cười nói:

– Hãy thong thả! để tôi giải nghĩa bài "*Hảo liễu ca*", người nghĩ thế nào ?

Đạo sĩ cười bảo:

– Nhà ngươi cứ giải nghĩa đi.

---

(1) Bài hát này trong nguyên văn; chữ cuối các câu thứ nhất đều là chữ "hảo" là tốt; chữ cuối cùng các câu thứ hai và thứ tư đều là chữ "liễu" là hết; cho nên gọi là "*Hảo liễu ca*".

Sĩ Ấn đọc luôn:

Giờ đây lều cỏ vắng tanh,
Trước kia trâm hốt sắp quanh đầy giường!
Giờ đây cây cỏ ngổn ngang,
Trước kia vũ tạ ca trường là đây;
Xà chạm kia nhện giăng đầy,
Màn the nay rủ cạnh ngay cửa bồng.
Xưa sao phấn dậm hương nồng,
Mà nay sương nhuộm như bông trên đầu ?
Bãi tha ma có xa đâu,
Là nơi màn thắm là lầu uyên ương.
Hòm kia đầy những bạc vàng,
Phút đâu hành khất bên đường là ai ?
Những than số phận của người,
Biết đâu mình đã sa nơi vũng lầy ?
Giai thời dạy những điều hay,
Ngờ đâu trộm cướp sau này xấu xa.
Gái thời kén cửa chọn nhà,
Ngờ đâu nhắm chỗ yên hoa rơi vào!
Mũ the che nhỏ hay sao,
Để gông cùm phải vương vào đáng lo.
Trước manh áo rách co ro.
Măng bào giờ khoác lại cho là dài.
Ầm ầm trên chốn vũ đài,
Người kia vừa xuống thì người này lên.
Thực là dại dại điên điên,
Quê ai mà nhận là miền làng ta.
Quay đầu giờ mới tỉnh ra,
May quần áo cưới đều là vì ai!

Đạo sĩ khiễng chân nghe xong, vỗ tay cười nói:

– Giải nghĩa rất đúng! giải nghĩa rất đúng!

Sĩ Ẩn nói:

– Chúng ta đi thôi.

Rồi đỡ ngay cái tay nải ở trên vai đạo sĩ, đeo lên lưng, cùng đạo sĩ vùn vụt ra đi, không về nhà nữa.

Tin ấy đồn ầm ngoài phố, người nọ nói với người kia cho là chuyện lạ. Họ Phong nghe vậy, khóc ngất đi nhiều lần, rồi bàn với bố, cho người đi tìm các nơi, nhưng nào thấy tung tích? Không làm thế nào được, họ Phong đành ở nương nhờ bố mẹ cho qua ngày. May sao có hai a hoàn theo hầu bên mình, ba thầy trò ngày đêm khâu vá lấy tiền giúp thêm bố mẹ. Phong Túc hàng ngày cứ nói ra nói vào, nhưng không làm thế nào được.

– Một hôm, a hoàn nhà họ Chân ra ngoài cửa mua chỉ, nghe thấy đường phố có tiếng quát tháo. Mọi người đều nói: "Quan mới đã đến!" A hoàn nấp trong cửa thấy quân lính hàng đôi đi trước, một cỗ kiệu lớn rước một vị mặc áo mũ đại trào theo sau. A hoàn giật mình nghĩ bụng: "Ông quan này trông quen quen, hình như mình đã gặp ở đâu rồi ?" Rồi nó vào nhà, cũng không nghĩ đến nữa. Đến tối, lúc sắp đi ngủ, chợt có tiếng gõ cửa, nhiều người nói ồn ào: "Người nhà của quan huyện đến hỏi có việc!". Phong Túc nghe thấy sợ tái người, không biết có tai vạ gì.

Hồi thứ năm

CHƠI CÕI ẢO, MƯỜI HAI THOA CHỈ ĐƯỜNG MÊ; UỐNG RƯỢU TIÊN, MỘNG LẦU HỒNG DIỄN THÀNH KHÚC

Ngày xuân uể oải lịm trong chăn,
Như dắt nàng tiên lánh cõi trần.
Vào hão hoa tư ai đấy nhỉ,
Phong lưu gây lấy nợ vào thân.

Việc mẹ con họ Tiết đến ở phủ Vịnh hãy tạm ngừng. Nay nói Lâm Đại Ngọc từ khi đến phủ Vinh, được Giả mẫu thương yêu muôn phần, ăn ở đi đứng, nhất nhất đều như Bảo Ngọc, nay Nghênh Xuân, Thám Xuân, Tích Xuân cũng không bằng . Bảo Ngọc và Đại Ngọc thì thân nhau hơn hẳn mọi người; ngày cùng vui chơi chung, tối cùng ngủ chung, rất hòa thuận, thân mật như keo sơn, không hề xích mích với nhau điều gì. Nay

---

* Hồi này có hai điểm nên chú ý:

a) Tổng quát tất cả những nhân vật và những sự việc quan hệ mật thiết với Bảo Ngọc và gia đình họ Giả. Kim lăng Thập nhị thoa chính sách phó sách, hựu phó sách và mười hai bài ca *Hồng lâu mộng*, có thể gọi là những câu sấm, hoặc là lá số tiền định. Theo những việc ở các hồi sau chúng ta có thể đoán: thí dụ bài một: Tinh Văn bị đuổi về nhà rồi chết; bài hai: Tập Nhân về sau lấy Tưởng Ngọc Hàm là một chàng hát tuồng; bài ba, Hương Lăng tức Anh Liên con Chân Sĩ Ẩn lấy Tiết Bàn đẻ con rồi chết, bài tư: Bảo Ngọc yêu Đại Ngọc. Bảo Thoa lại lấy Bảo Ngọc, rồi Bảo Ngọc bỏ Bảo Thoa đi tu; bài năm: Nguyên Xuân lấy vua, không được lâu rồi chết. Còn những bài khác hoặc nói về Đại Ngọc chết non hoặc nói về Diệu Ngọc bị kẻ cướp bắt đi, hoặc nói về Nghênh Xuân lấy phải chồng bất lương, hoặc nói về Tích Xuân chán đời đi tu, v.v. Đọc các hồi sau sẽ đoán ra được, kể ra cũng hoang đường thật. Tác giả cố ý bài trí dàn ra một cảnh mộng để xây dựng nội dung cuốn truyện đó mà thôi.

b) Nói nhiều về tình như Triêu dế, Mộ Khốc, Xuân cảm, Thu bi... Lại nói đến cả chữ "dâm", có thể ngờ là "dâm thư", nhưng suy nghĩ hai chữ "cảnh ảo", (cảnh là cảnh tình, ảo là mộng ảo) tác giả có ngụ ý khuyên răn, không nên lấy từ hại ý mà chê là tục.

bất thình lình có Tiết Bảo Thoa đến, tuy không lớn tuổi hơn mấy, nhưng phẩm cách đứng đắn, phong tư lộng lẫy, ai cũng cho là hơn Đại ngọc. Bảo Thoa lại cư xử khoát đạt, tuỳ phận theo thời; không giống như Đại Ngọc có tính kiêu kỳ tự phụ, chẳng chịu kém ai, cho nên rất được lòng người dưới. Ngay bọn a hoàn cũng thích gần Bảo Thoa. Vì thế Đại Ngọc cũng hơi ấm ức khó chịu, nhưng Bảo Thoa thì thản nhiên như không.

Bảo Ngọc còn trẻ con, tính lại vụng về, ngang trái, coi anh chị em ai cũng như ai, không hề phân biệt thân sơ xa gần. Bấy nay Bảo Ngọc, Đại Ngọc ở trong buồng Giả mẫu, quen biết hơn và tất nhiên cũng thân mật hơn. Đã thân mật thì dễ xảy ra những chuyện hiểu lầm nhau không thể tránh được. Có một hôm, không biết vì việc gì, hai người trò chuyện không hợp nhau, Đại Ngọc bực bội vào buồng khóc một mình. Bảo Ngọc hối hận đã nói sỗ sàng, liền lại làm thân, Đại Ngọc mới dần dần nguôi giận.

Nhân dịp vườn bên phủ Vinh hoa mai nở rộ, vợ Giả Trân là Vưu Thị bày tiệc, rồi sai vợ chồng Giả Dung sang tận nơi mời Giả mẫu, Hình phu nhân, Vương phu nhân sang thưởng hoa.

Giả mẫu và mọi người ăn sáng xong, sang vườn Hội phương ngắm cảnh. Trước còn uống trà, sau mới uống rượu. Đây chỉ là tiệc rượu riêng trong hai phủ Ninh và phủ Vinh thôi, không có sự gì lạ đáng chép cả.

Một lúc sau, Bảo Ngọc mệt, muốn về nghỉ trưa. Giả mẫu định sai người đưa về nghỉ một chốc rồi sẽ đến. Vợ Giả Dung là họ Tần, vội cười nói:

– Ở đây có dọn một gian buồng cho chú Bảo nghỉ rồi. Xin cụ yên lòng, cứ giao chú ấy cho cháu là được.

Rồi bảo vú già và a hoàn của Bảo Ngọc: "các bà các chị mời chú Bảo đi theo tôi".

Giả mẫu biết Tần thị rất chu tất, vì chị ta là người mềm mại, dịu dàng, cư xử lại hòa nhã khéo léo rất được vừa ý trong

đám chắt dâu. Thấy Tần thị dẫn Bảo Ngọc đi nghỉ. Giả mẫu mới yên tâm.

Khi Tần Thị dẫn mọi người đến buồng trong, Bảo Ngọc ngửng đầu trông, thấy trên treo bức vẽ "Nhiên lê đồ"[1]. Bức vẽ rất đẹp, nhưng không biết của ai, trong bụng Bảo Ngọc không thích. Lại có một đôi câu đối:

Thế sự tinh thông đều là học vấn,

Nhân tình lịch duyệt mới gọi văn chương.

Đọc xong câu đối, Bảo Ngọc nhìn nhà cửa rất đẹp, đồ bài trí rất trang hoàng, nhưng nhất định không chịu ở, liền nói:

– Mau ra ngay, mau ra ngay!

Tần thị cười nói:

– Chỗ này không vừa ý thì chú đi đâu bây giờ ?

Nếu không, chú đến ở buồng tôi vậy.

Bảo Ngọc gật đầu mỉm cười, một bà già nói:

– Có lẽ nào chú lại đến ngủ ở buồng cháu dâu ?

Tần thị cười nói:

– Ôi dào! Không sợ chú ấy phật ý. Chú ấy đã lớn đâu mà phải e dè ? Chị không thấy tháng trước em tôi đến đây chơi à? Tuy nó bằng tuổi chú Bảo, nhưng để hai người đứng với nhau có lẽ nó còn cao hơn kia.

Bảo Ngọc hỏi:

– Tại làm sao tôi chưa được gặp ? Đi gọi lại đây tôi xem.

Mọi người cười nói:

– Ở xa hai ba mươi dặm, gọi ngay thế nào được. Sau này cũng có ngày gặp nhau.

Đến buồng Tần thị, Bảo Ngọc vừa mới bước chân vào, đã thoảng cọ mùi thơm say sưa. Khi ấy mặt Bảo Ngọc dính lại, người nhủn ra, nói ngay:

---

(1) Bức tranh vẽ người đốt gậy cỏ lê. Lưu Hướng đời Tây Hán đến đọc sách ở gác Trạch Cừ, có một vị tiên chống gậy cỏ lê đến đốt đầu gậy làm đèn cho Lưu Hướng đọc. Về sau dùng điển này chỉ người chăm học, đọc sách cả đêm.

– Mùi thơn thích nhỉ ?

Trong buồng, trên tường treo bức hoạ "*Hải đường xuân thuy*"[1] của Đường Bá Hổ vẽ, hai bên có đôi câu đối của học sĩ Tần Thái Hư đời Tống:

Lờ mờ giấc mộng hơi xuân lạnh,
Ngào ngạt mùi hương rượu khá nồng.

Trên án bày có một cái gương quý của Võ Tắc Thiên[2] đời Đường. Một bên bày cái mâm vàng mà Triệu Phi Yến[3] đã đứng lên múa, trên mâm để quả dưa mà An Lộc Sơn[4] đã ném vào vú Dương Quý Phi. Đằng trước kê một cái giường báu của công chúa Thọ Xương[4] nằm ở điện Hàm Chương, mắc cái màn liên châu của công chúa Đồng Xương[5] dệt ra.

Bảo Ngọc thấy vậy cười nói:

– Ở đây tốt! Ở đây tốt!

Tần thị cười:

– Cái buồng của tôi dù thần tiên cũng có thể ở được.

Nói xong, Tần thị tự tay mở cái chăn lụa mà chính tay Tây Nhi đã giặt, và đặt sẵn cái gối Uyên Ương mà Hồng Nương đã ôm khi xưa. Thấy Bảo Ngọc ngủ yên, bọn bà già rủ nhau ra ngoài, chỉ để Tập Nhân, My Nhân, Tinh Văn, Xạ Nguyệt, bốn người ở lại túc trực. Tần thị gọi mấy a hoàn nhỏ ra ngồi ngoài thềm, đừng cho mèo chó đến cắn nhau.

Bảo Ngọc vừa nhắm mắt đã bàng hoàng ngủ say. Tưởng như Tần thị còn đứng trước mặt mình. Bảo Ngọc lững thững theo Tần thị đi đến một chỗ lan can sơn đỏ, thềm xây bằng ngọc, cây xanh ngắt, suối trong veo, không vướng một chút bụi trần.

---

(1) Hải đường ngủ đêm xuân.
(1) Vợ Đường Cao Tông. Khi Cao Tông chết, bà tự xưng là Tắc Thiên hoàng đế.
(2) Vợ Hán Thành đế, người rất nhẹ, có thể đứng trên cái mâm mà múa.
(3) An Lộc Sơn, người đời Đường, Tư thông với Dương Quý Phi.
(4) Cũng gọi là Thọ Dương công chúa, con gái vua Tống Vũ Đế.
(5) Chưa tường.

Bảo Ngọc ở trong giấc mộng rất vui sướng nghĩ bụng " Chỗ này thú lắm, ước gì ta được ở đây suốt đời, dù mất cả nhà cũng vui lòng hơn là bị cha mẹ và thầy học kèm thúc". Đương lúc nghĩ vẩn vơ, nghe thấy sau núi có tiếng người hát:

Mộng đẹp, mây tan trong mộng,
Hoa bay, nước cuốn hoa.
Nhắn bảo ban nhi nữ
Buồn hão chuốc chi mà ?

Bảo Ngọc nghe rõ đó là tiếng hát của người con gái. Tiếng hát chưa rứt đã có một mỹ nhân ở đàng xa đi lại, thướt tha lững thững, không giống người trần chút nào. Có bài phú tả chân sau đây:

Vừa qua rừng liễu, đã tới buồng hoa,
Chỗ đang đi, chim trên cành, tiếng kêu xào xạc;
Khi sắp đến, bước quanh thềm, bóng lượn thướt tha.
Ve vẩy tay tiên, xạ lan ngào ngạt
Phấy phơ tà áo, hoàn bội gần xa,
Mặt hoa đào, làn tóc mây xanh ngắt;
Môi anh đào, răng hạt lựu hương pha.
Tuyết múa, gió quay, lưng ong mềm mại,
Mặt tươi, da bóng, chân thuý chói loà.
Thấp thoáng trong hoa, như mừng như giận.
Nhởn nhơ mặt nước, khi bổng khi là.
Mày liễu cau cau, muốn nói mà còn e lệ;
Gót sen chầm chậm, muốn dừng mà vẫn dạo qua
Phẩm chất đáng khen, giá trong ngọc sáng;
Áo quần rất đẹp, lộng lẫy văn hoa,
Kể dung mạo, hương lồng ngọc giát;
Ví phong tư, rồng cuốn, phương sa.

Trắng như hoa mai tuyết phủ,
Sạch như bông huệ sương pha.
Nhàn tĩnh như cỗi thông mọc trong không cốc,
Diễm lệ như mây ráng soi dưới trừng ba.
Văn vẻ như rồng bơi trong đầm uốn khúc,
Quang thái như trăng rọi trên sông Ngân hà.
Tây Thi đáng thẹn, Vương Tường kém xa.
Lạ thay đến tự phương nào ? Sinh ở đâu ta ?
Thật vậy chốn Giao trì khó bề sánh kịp, nơi tử phủ dễ kiếm đâu ra.
Hỏi người nào dấy quả bậc tiên nga.

Bảo Ngọc trông thấy đây là một tiên cô, mừng rỡ vội chào, cười hỏi:

– Tiên cô ở đâu đến đây, bây giờ định đi đâu ? Tôi không biết chỗ này là chỗ nào, nhờ tiên cô dẫn tôi đi.

Tiên cô cười nói:

– Ta là vị tiên ở Thái hư ảo cảnh(1), động Khiển Hương, núi Phóng Xuân(2), thuộc trời Li Hận, bể Quán Sầu, phàm những việc nợ trăng, tình gió, gái giận, trai si ở cõi trần đều thuộc ta cai quản. Nhân gần đây có bọn phong lưu oan nghiệt tụ tập ở nơi này nên ta đến thăm dò cơ hội gieo rắc mọi nỗi tương tư. Nay gặp anh cũng không phải là ngẫu nhiên. Chỗ ta ở cũng gần, không có vật gì, chỉ có chén trà tiên, tự tay hái lấy, hũ rượu ngon tự tay nấu lấy, vài cô múa hát, tập rèn đã lâu, và mười hai khúc Hồng lâu mộng mới phổ vào cung đàn. Anh có muốn theo ta đi chơi không ?

---

(1) Thái hư: Hư không, không có thật; ảo cảnh: Cõi huyền ảo.

(2) Phóng xuân: thả cho mùa xuân được tự do.

Bảo Ngọc nghe xong, sung sướng nhảy lên, quên bẵng Tần thị không biết ở đâu, liền theo ngay tiên cô đến một nơi. Chợt trong thấy một toà nhà phía trước, trên biển đề bốn chữ to: "*Thái hư ảo cảnh*". Hai bên có đôi câu đối:

Giả bảo là chân, chân cũng giả;

Không làm ra có, có rồi không.

Đi qua toà nhà đến một cửa cung, trên treo biển có bốn chữ lớn; "*Nghiệt hải tình thiên*"(1) và đôi câu đối:

Đất rộng, trời cao, khôn gỡ nổi mối tình kim cổ;

Trai si, gái oán, khó đền xong món nợ gió trăng.

Bảo Ngọc xem xong nghĩ bụng: "À ra thế đấy. Nhưng thế nào là "*tình kim cổ*" và "*nợ gió trăng*" ? phải hiểu rõ câu này mới được". Bảo Ngọc vừa mới nghĩ thế, ngờ đâu con ma tình đã lấn sâu vào tận cao hoang(2) Cậu ta theo tiên cô vào đến cửa thứ hai, thấy hai toà nhà bên cạnh đều có hoành phi câu đối, không tài nào xem hết được, chỉ thấy mấy chỗ đề những chữ:

"*Si tình ti*", "*Kết oán ti*", "*Triều đề ti*", "*Dạ oán ti*",

"*Xuân cảm ti*", "*Thu bi ti*".

Bảo Ngọc hỏi tiên cô:

– Xin phiền tiên cô dẫn tôi vào xem trong các ti có được không ?

Tiên cô nói:

– Trong các ti chứa toàn sổ sách của tất cả con gái trong thiên hạ từ trước và sau này, anh người trần mắt thịt không thể biết được.

Bảo Ngọc khi nào chịu thôi, cứ khẩn khoản nài xin mấy lần. Tiên cô mới bảo:

---

(1) Nghiệt hải: bể oan nghiệt,, tình thiên: trời ái tình.

(2) Cao hoang: hai cái huyệt ở trong người, châm cứu không đến. Thường dùng để chỉ cái bệnh không chữa được.

– Thôi được, vào đây mà xem.

Bảo Ngọc thích lắm, vừa ngẩng đầu nhìn, thấy một ti có biển đề chữ: "*Bạc mệnh ti*" hai bên có câu đối:

Xuân hận, thu sầu mình chuốc lấy;

Mặt hoa da phấn đẹp vì ai ?

Bảo Ngọc xem xong, trong long than thở. Đi vào trong cửa thấy mười mấy cái tủ lớn đều niêm phong cẩn thận đều có đề tên các tỉnh. Bảo Ngọc chỉ chăm chú nhìn xem có tờ niêm phong nào đề tên tỉnh mình, chứ không có để ý đến các tỉnh khác. Chợt thấy có một cái tủ đề: "*Kim lăng thập nhị thoa chính sách*". *Bảo Ngọc hỏi:*

– Sao lại gọi là "*Kim lăng thập nhị thoa chính sách ?* "

Tiên cô nói:

– Tức là quyển sổ nghi tên mười hai người con gái đứng đầu trong tỉnh anh, cho nên gọi là chính sách.

Bảo Ngọc nói:

– Người ta thường nói Kim Lăng rộng lắm, làm sao chỉ có mười hai người ? Ngay trong nhà chúng tôi, trên dưới cũng đã có hàng mấy trăm người rồi!

Tiên cô cười nói:

– Con gái trong tỉnh anh rất nhiều, nhưng đây chỉ biên những người nào cần biên thôi. Hai tủ để hai bên là hạng thứ nhì. Những hạng tầm thường thì không cần biên vào.

Bảo Ngọc lại xem đến cái tủ đề: "*Kim Lăng thập nhị thoa phó sách*", rồi lại có một tủ nữa đề: *Kim lăng thập nhị thoa hựu phó sách*". Bảo Ngọc giơ tay mở tủ, rút một quyển trong "*hựu phó sách*" ra xem. Vừa mở ra, thấy một bức vẽ, trên bìa không phải là nhân vật, cũng không phải là sơn thuỷ, chẳng qua màu mực lờ mờ. Trên giấy đầy những mây đen mờ đục mà thôi. Sau có mấy hàng chữ:

Trăng trong khó gặp, mây đẹp dễ tan,
Lòng sao cao quý, phận lại dê hèn.
Tinh khôn, đài các tổ người ghen,
Chịu tiếng ong ve thành tổn thọ,
Đa tình công tử luống than phiền.

Bảo Ngọc xem xong, không hiểu, lại thấy mặt sau vẽ một khóm hoa tươi, một cái giường chải chiếu rách, có đề mấy câu:

Nhũn nhặn thuận hòa uổng cả,
Lan thơm, quế ngát, thừa thôi.
Khen cho ưu linh(1) *phúc tốt,*
Ngờ đâu công tử duyên ôi!

Bảo Ngọc xem xong lại càng không hiểu, cất quyển sổ ấy vào tủ và mở tủ đựng "*phó sách*", lấy một quyển ra xem, thấy trang đầu có vẽ một cành hoa quế, mé dưới có cái ao, nước cạn, bùn khô, cây sen héo, ngó sen tàn. Mặt sau có đề thơ:

Sen thơm liền gốc nở chùm hoa,
Gặp gỡ đường đời thực xót xa.
Từ lúc cây trồng hai chỗ đất (2) .
Hương hồn trở lại chốn quê nhà.

Bảo Ngọc xem cũng không hiểu. Lại lấy một quyển ở trong tủ "*Chính sách*" ra xem, thấy trang đầu có hai cây khô, trên cây treo một cái đai ngọc; dưới đất có một đống tuyết, trong tuyết có cái trâm vàng. Có bốn câu thơ:

Than ôi có đức dừng thoi,
Thương ơi cô gái có tài vịnh bông.
Ai treo đai ngọc giữa rừng (3),
Trâm vàng ai đã vùi trong tuyết dày ?

---

(1) Con hát.
(2) Dây là kiểu đố chữ. *Cây tức là mộc, đất tức là thổ* . Mộc ở bên hai chữ thổ là chữ *quê*.
(3) Ngọc tức Bảo Ngọc. Rừng tức Lâm Đại Ngọc.

Bảo Ngọc vẫn không hiểu, muốn hỏi cho ra, nhưng biết rằng tiên cô chẳng chịu tiết lộ cơ trời, muốn cất sổ đi, nhưng lại tiếc, liền giở xem những trang sau, thì thấy vẽ một cái cung, trên cung treo một quả phật thủ.

Có đề bài thơ:

Sau tuổi hai mươi đã trải đời,
Kìa hoa lựu nở cửa cung soi.
Ba xuân nào được bằng xuân mới,
Thỏ gặp hùm kia giấc mộng xuôi[1].

Mặt sau lại vẽ hai người thả diều, một vùng bể lớn, một cái thuyền lớn, trong thuyền có một cô gái bưng mặt khóc. Sau bức hoạ có bốn câu:

Chí cao tài giỏi có ai bì,
Gặp lúc nhà suy, vận cũng suy,
Nhớ tiếc thanh xuân ra bến khóc.
Gió đông nghìn dặm mộng xa đi.

Mặt sau, vẽ mấy đám mây bay, một dòng nước chảy, có đề mấy câu:

Giàu sang cũng thế thôi.
Từ bé mẹ cha bỏ đi rồi.
Nhìn bóng chiều ngậm ngùi,
Sông Tương nước chảy mây Sở trôi.

Mặt sau thấy vẽ một viên ngọc quý, vất ở đống bùn. Có mấy câu đoán:

Muốn sạch mà không sạch.
Rằng không chửa hẳn không.
Thương thay mình vàng ngọc,
Bùn lầy sa vào trong.

---

(1) Thỏ tức là Mão, hùm tức là Dần. Theo chuyện, Nguyên Xuân chết vào cuối năm Dần, đầu năm Mão.

Mặt sau lại vẽ một con lang dữ, đuổi bắt một mỹ nữ, định ăn thịt. Dưới có câu:

Rõ ràng giống sói Trung Sơn,
Gặp khi đắc ý ngông cuồng lắm thay.
Làm cho hoa liễu thân này,
Hoàng lương giấc mộng mới đầy một năm.

Mặt sau lại vẽ một toà miếu cổ, trong có một mỹ nhân ngồi xem kinh, có mấy câu phán:

Biết rõ ba xuân cảnh chóng già,
Thời trang đổi lấy áo cà sa.
Thương thay con gái nhà khuê các,
Một ngọn đèn xanh cạnh Phật bà.

Mặt sau vẽ một núi băng, trên có mấy câu phán:

Chim phượng kìa sao đến lỗi trời,
Người đều yêu mến bực cao tài,
Một theo hai lệnh, ba thôi cả,[1]
Nhìn lại Kim Lăng luống ngậm ngùi.

Mặt sau vẽ một cái nhà trong vùng thôn quê vắng vẻ, có một mỹ nhân dệt cửi. Có mấy câu phán:

Vận suy đừng kể rằng sang,
Nhà suy chớ kể họ hàng gần xa.
Tình cờ cứu giúp người ta,
Khéo sao Lưu thị lại là ân nhân.

Sau bài thơ vẽ một chậu lan, cạnh có một mỹ nhân đội mũ phượng, đeo cái khoác vai màu ráng trời, và có mấy câu phán:

Gặp xuân đào lý quả muôn vàn,
Rốt cuộc sao bằng một chậu lan.
Nước sạch, băng trong ghen ghét hão,
Tiếng tăm còn để lại nhân gian.

---

(1) Đây là một câu sấm ngữ "theo" tức là chữ *tòng*. "Lệnh" tức chữ *lệnh* "*Thôi*" *tức chữ hưu*. Ý nói: Lúc đầu nói gì cũng nghe, sau sai khiến được người, cuối cùng bị người bỏ.

Lại có một toà lầu cao, trên có một mỹ nhân treo cổ tự tử. Có mấy câu phán:

Trời tình, bể tình là mộng ảo,
Mà tội dân kia cũng bởi tình.
Đầu têu nào phải "Vinh" hư hỏng,
Mở lối khơi nguồn, thực tại "Ninh".

Bảo Ngọc còn muốn xem nữa. Tiên cô biết Bảo Ngọc tư chất thông minh, tinh thần mẫn tuệ, sợ lộ thiên cơ, bèn gấp sổ lại, cười bảo:

– Hãy đi theo ta vào xem phong cảnh, sao lại ở đây đoán vơ đoán vẩn làm gì ?

Bảo Ngọc mơ màng, bất giác buông quyển sổ ra, theo tiên cô đi về đằng sau. Thấy cột vẽ, xà chạm, rèm châu, màn thêu, hoa tiêu, cỏ lạ, hoa thơm ngào ngạt, thực là cảnh tuyệt đẹp, đúng như câu:

Cửa sổ sáng lay, vàng giải đất;
Sóng quỳnh tuyết chiếu, ngọc làm nhà.

Bảo Ngọc đương mải miết xem, chợt tiên cô gọi:

– Chị em đâu đi ra đón quý khách!

Tiếng gọi chưa rứt, đã thấy mấy cô tiên ở trong buồng, áo lông thướt tha, tươi như hoa xuân, đẹp như trăng thu, chạy ra. Trông thấy Bảo Ngọc, các nàng tiên đều trách Cảnh ảo tiên cô:

– Chúng em không biết là "quý khách" nào, vội vàng ra đón. Chị đã bảo ngày này giờ này sẽ có linh hồn em Giáng Châu đến ngoạn cảnh, chúng em chờ mãi, sao bây giờ lại dẫn cái của ô trọc đến đây làm bẩn cả nơi nữ nhi thanh tịnh này ?

Bảo Ngọc nghe nói, giật mình, cảm thấy mình dơ bẩn đáng thẹn, muốn lùi ra. Tiên cô vội nắm lại và quay về các nàng tiên nói:

– Các em không biết đầu đuôi việc này. Nguyên hôm nay ta định đến phủ Vinh đón Giáng Châu. Khi đi qua phủ Ninh, gặp linh hồn hai ông Ninh công, Vinh công nói với ta rằng: "Nhà chúng ta từ đầu quốc triều, đời đời công danh phú quý

đã trăm năm nay, bây giờ số phận đã hết, không thể kéo lại được nữa. Con cháu chúng tôi tuy nhiều, nhưng chẳng có đứa nào nối nghiệp. Chỉ có cháu đích tôn là Bảo Ngọc, có chút thông minh đĩnh ngộ, may ra có thể thành đạt được, nhưng vì tính nó ngang trái kỳ quặc, sợ không ai dìu dắt vào đường chính. May gặp tiên cô đến đây. Xin nhờ lấy những việc tình dục thanh sắc răn bảo bệnh si ngoan của nó, hoạ chăng nó có thể tháo vòng mê muội, đi vào đường chính, thì rất may cho anh em chúng tôi". Vì hai ông ký thác như thế nên ta có lòng từ bi dắt nó đến đây. Trước hết cho nó xem thật kỹ những quyển sổ ghi số mệnh chung thân của ba hạng con gái nhà nó, nhưng nó vẫn chưa tỉnh ngộ, nên ta lại dẫn đến đây để trải hết những cái ảo cảnh ăn ngon, hát hay, sắc đẹp, hoạ may nó có tỉnh ngộ chăng ?

Nói đoạn, tiên cô dắt Bảo Ngọc vào trong nhà. Một mùi thơm mê hồn không biết là thứ gì. Bảo Ngọc không nhịn được, phải hỏi. Tiên cô cười nhạt:

– Mùi thơm này dưới trần không có, anh làm sao biết được. Đây là tinh hoa của cỏ lạ mới mọc ở những nơi danh sơn thắng cảnh, lại hợp chế với dầu các cây quí gọi là "*Thiên hồng nhất quật*"(1).

Bảo ngọc nghe rất ham thích. Bấy giờ mọi người vào chỗ ngồi, tiểu hoàn dâng trà, Bảo Ngọc thấy hương thanh vị thơm, không phải là trà thường, liền hỏi trà gì, tiên cô nói:

– Trà này lấy ở Động Khiển Hương núi Phó Xuân, pha bằng nước móc đọng ở trên hoa lá cõi tiên, gọi là "*Thiên hồng nhất quật*"(2).

Nghe xong, Bảo Ngọc gật đầu khen. Nhìn vào trong phòng thì thấy đàn ngọc, đỉnh báu, tranh cổ, thơ mới, không thiếu thứ gì. Dưới cửa sổ lại có mấy bản đàn, có hộp chữ trang hoen phấn. Trên vách có treo câu đối:

---

(1) Tinh tuý của các thứ hoa thơm.

(2) Một cái hang, chứa hàng nghìn màu hoa đỏ.

Đất u vi linh tú:

Trời "vô khả nại ha" (1)

Bảo Ngọc xem xong lại hỏi các nàng tiên, thì một là Si Mộng tiên cô, một là Chung Tình đại sĩ, một là Dẫn Sầu kim nữ, không ai giống ai. Một chốc tiểu hoàn đến dọn bàn đặt ghế bày tiệc. Chính là:

Chén hồ phách, cốc pha lê,

Bên này rượu ngọc, bên kia rượu quỳnh.

Bảo Ngọc thấy rượu thơm ngọt khác thường, lại hỏi. Tiên cô nói:

– Rượu này cất bằng nhuỵ trăm thứ hoa, nước muôn thứ cây, thêm vào tuỷ con lân, sữa con phượng, vì thế gọi là rượu *"Vạn diễm đồng bôi"*(2).

Bảo Ngọc tấm tắc khen mãi.

Khi uống rượu, có mười hai vũ nữ lên hỏi diễn khúc gì. Tiên cô nói:

– Diễn mười hai khúc Hồng Lâu Mộng mới đặt ra.

Vũ nữ vâng lời, liền lần gẩy phím đàn, nhẹ gõ dịp phách. Vừa mới hát câu *"Mịt mù khi mới mo toạn"*. Tiên cô bảo Bảo Ngọc:

– Khúc này không phải như khúc dưới trần thường hát, phải có vai học trò, vai nữ, vai hề, vai lão, lại có chín cung giọng nam và giọng bắc. Ở đây thì hoặc để vịnh một người, hoặc cảm hoài một việc, ngẫu nhiên thành một khúc, phổ vào âm nhạc ngay. Nếu không phải là người trong cuộc thì không hiểu được cái hay của nó. Khúc hát này chắc anh chưa hiểu rõ lắm. Nếu không xem vở trước, thì khi nghe cũng là vô vị thôi.

Nói xong, lại bảo tiểu hoàn đưa vở *"Hồng lâu mộng"* cho Bảo Ngọc. Bảo Ngọc cầm lấy, mắt xem vở, tai nghe hát, có những bài sau đây:

---

(1) Một thành ngữ có ý nói: đành chịu với định mệnh.

(2) Muôn sắc đẹp cùng chuốc chén.

Khúc một: GIÁO ĐẦU HỒNG LÂU MỘNG.

Mịt mù khi mới mở toang
Giống tình ai đã chịu mang vào mình.
Chỉ vì tình lại gặp tình,
Gió trăng nồng dượm không dành xa nhau.
Khi vắng vẻ lúc buồn rầu,
Thưa trời nên dãi nỗi sầu thơ ngây.
Mộng hồng lâu diễn khúc này.
Thương vàng tiếc ngọc tỏ bày nỗi riêng.

Khúc hai: CHUNG THÂN NGỘ (Lỡ nhau suốt đời).

Ai rằng vàng ngọc duyên ưa,
Ta quên cây, đá, thề xưa được nào.
Trơ trơ người tuyết trên cao,
Ngoài đời, rừng vắng khuây sao được nàn.
Cuộc đời ngán nỗi tang thương,
Đẹp không toàn đẹp, lời càng đúng thay.
Dù cho án đặt ngang mày,
Cuối cùng vẫn thấy lòng này băn khăn.

Khúc ba: UỔNG NGƯNG MI (Hoài công biết nhau)

Một bên hoa nở vương tiên,
Một bên ngọc đẹp không hoen ố màu.
Bảo rằng chả có duyên đâu,
Thì sao lại được gặp nhau kiếp này ?
Bảo rằng sẵn có duyên may,
Thì sao sau lại đổi thay lời nguyền ?
Một bên ngầm ngấm than phiền,
Một bên đeo đẳng hão huyền uổng công.
Một bên trăng dọi trên sông,
Một bên hoa nở bóng lồng trong gương,
Mắt này có mấy hạt sương,
Mà dòng chảy suốt năm trường, được chăng ?

Bảo Ngọc nghe xong, thấy liên miên, viển vông, chưa có gì hay, nhưng âm điệu réo rắt làm cho hồn phách say mê. Vì vậy chẳng hỏi đầu đuôi, chẳng cần lai lịch, chỉ nghe để giải buồn thôi. Lại có những khúc hát tiếp:

Khúc bốn: HẬN VÔ THƯỜNG (Bực tức cuộc thay đổi)

Đương vui chợt đã buồn ngay,
Trố nhìn mọi việc thôi rày bỏ qua.
Hồn thơm dàng dặc bay xa,
Non cao trời rộng đây là quê hương.
Tìm nơi báo mộng giá nương.
Suối vàng con đã lỡ đường thần hôn.
Mau mau lùi bước là hơn.

Khúc năm: PHÂN CỐT NHỤC (Cốt nhục phân ly)

Đường xa mưa gió một chèo.
Cửa nhà, ruột thịt thôi đều bỏ qua.
Con đành lỗi với mẹ cha,
Khóc thương chỉ thiệt thân già đấy thôi.
Cùng thông số đã định rồi,
Hợp tan âu cũng duyên trời chi đây,
Phân chia hai ngả từ nay,
Dám mong giữ được ngày ngày bình yên,
Con đi xin chớ lo phiền.

Khúc sáu: LẠC TRUNG BI: (Buồn trong cảnh vui)

Mồ côi từ lúc lọt lòng,
Dù nơi khuê các, chớ hòng ai thương,
Anh đào được tính hiên ngang
Tình riêng nhi nữ chưa vương vít lòng.
Thân này trăng sáng gió trong,
Chàng tiên mong được sánh cùng lứa đôi,
Những mong trời đất lâu dài

Bõ khi trẻ dại gặp thời gian nan.
Ngờ đâu nước cạn mây tan,
Tương giang[1]*lạnh ngắt, Cao đường vắng tanh...*
Trần hoàn may rủi đã đành,
Việc gì khóc quấn lo quanh bận lòng.

Khúc bảy: THẾ NAM DUNG (Đời không ưa)

Lan vì chất, tiên vì tài,
Chỉ hiềm cô tịch, tinh trời bẩm sinh.
Cho là ăn thịt[2] *hôi tanh,*
Lựa the, là lượt, coi khinh không thèm.
Biết đâu cao quá, đời ghen,
Biết đâu sạch quá, đời khen da mà.
Đàn xanh, đền cổ, người già,
Uổng công trang điểm, xuân đà kém xuân.
Ngán cho cái kiếp phong trần,
Sau này cũng lại xấu dần mãi đi.
Ngọc kia bùn trát đen sì,
Vương tôn công tử còn gì là duyên.

Khúc tám: HỈ OAN GIA (Gặp oan gia không đáng mừng lại mừng)

Người đâu hung ác lạ lùng,
Khác nào giống sói ở vùng Trung San.
Bấy lâu tình ái quên tràn,
Kiêu dâm chỉ việc mê man tháng ngày,
Cửa hầu bồ liễu thơ ngây,
Thân ngàn vàng nỡ đoạ đầy cho đang,
Một năm duyên đã bẽ bàng,
Hồn thơm phách đẹp, suối vàng xa chơi,

---

(1) Tên một con sông ở Hồ Nam, chỗ Nga Hoàng và Nữ Anh ngồi khóc vua Thuấn. Về sau dùng điều này tả nỗi trai gái tương tư.

(2) Chỉ những người làm quan ăn lương.

Khúc chín: HƯ HOA NGỘ (Biết tuổi hoa là không thật)

Cảnh xuân nhìn đã rõ rồi,
Liễu xanh, đào thắm hãy ngồi xem sao
Thiều hoa đuổi sạch đi nào,
Tìm nơi nhã đạm thanh cao khác đời.
Kể chi đào nở trên trời,
Kể chi nhị hạnh lựng mùi trong mây.
Rốt cùng nào có ai hay,
Tuyết thu đâu đã kéo ngay đến rồi.
Xóm Dương than khóc tiếng người,
Rừng phong vẳng tiếng ma ngồi ngâm nga.
Lại còn cảnh khác bày ra,
Ngút trời cỏ héo che qua nấm mồ,
Đó là biến đổi lắm trò,
Trước nghèo, sau có, trăm lo suốt đời.
Dày vò hoa cũng thế thôi.
Xuân mời hoa đến, thu mời hoa đi.
Tử sinh lẽ ấy đem suy,
Dù ai muốn trốn, trốn chi được mà.
Phương Tây có cõi Bà Sa,
Nghe đồn có quả tên là Trường Sinh.

Khúc mười: THÔNG MINH LỤY (Mắc luỵ thông minh)

Việc đời tính rất thông minh,
Còn mình, mình tính phận mình vẫn sai,
Sống lăn ruột đã nát rồi,
Chết mang tiếng hão là người tinh ranh,
Trước kia giàu có khang ninh,
Đến sau cơ nghiệp tan tành khắp nơi,
Uổng công áy náy nửa đời,
Khác gì một giấc mộng dài thâu canh.

Ầm ầm như sắp đổ đình,
Chập chờn như ngọn đèn xanh cạn dầu,
Vừa vui vẻ đã âu sầu,
Đời người biến đổi biết đâu mà lường.

Khúc mười một: LƯU DƯ KHÁNH (Phúc thừa sót lại)

May sao gặp được ân nhân,
Lờ mờ dư phúc nương thân đó mà.
Âm công vui lấy phúc nhà.
Hết lòng cứu giúp người ta khi nghèo.
Anh gian, cậu ác chớ theo,
Những tình máu mủ, chỉ yêu bạc tiền.
Có trời báo ứng ở trên.

Khúc mười hai: VĂN THIỀU HOA (Cảnh xuân về cuối)

Còn gì ân ái trong gương,
Còn gì giấc mộng trên đường công danh.
Cảnh thiều hoa đi sao nhanh,
Chăn uyên màn gấm thôi đành bỏ qua.
Mũ châu, áo phượng thướt tha,
Chống làm sao nổi vận nhà bấp bênh.
Già, nghèo khó chịu đã đành,
Cũng nên tích đức để dành về sau.
Ngông nghênh trâm ngọc trên đầu,
Ấn vàng trước ngực muôn màu sáng trưng.
Uy quyền lộc vị lẫy lừng,
Suối vàng buồn thảm đường chừng gần thôi.
Xưa nay khanh tướng còn ai,
Hoạ còn tiếng hão cho đời đợi khen.

Khúc mười ba: HẢO SỰ CHUNG (việc hay đến lúc hết)

Xuân đi hương vẫn cong rơi,
Nguyệt hoa gây vạ suy đồi vì ai ?

Nhà suy bởi tại Kính rồi,
Nhà tan trước hết tội thời tại Ninh.
Gây nên oan trái vì tình.

Khúc mười bốn: PHI ĐIỂU CÁC ĐẦU LÂM (Chim bay về rừng)

Quan thì cơ nghiệp suy tàn,
Giàu thì vàng bạc cũng tan hết rồi.
Có ơn, chết để trốn đời,
Rành rành báo ứng những ai phụ lòng.
Mạng đền mạng, đã trả xong,
Lệ đền lệ, đã ròng ròng tuôn rơi.
Oan oan đừng lấy làm chơi.
Hợp tan đã trốn được trời hay chưa ?
Gian nan là bởi kiếp xưa,
Giá mà phú quý là nhờ vận may,
Không thì vào cửa "Không" này,
Dại thì tính mệnh có ngày mất toi.
Như chim khi đã hết mồi,
Bay về rừng thẳm đậu nơi yên lành.

Hát xong, tiên nữ lại hát những bài phụ, thấy Bảo Ngọc không thấy làm thích lắm, tiên cô thở dài:

– Anh ngốc này vẫn chưa tỉnh ngộ.

Bảo Ngọc thấy mình bàng hoàng hoảng hốt, vội bảo ca nữ đừng hát nữa, và kêu say, xin đi nằm. Tiên cô truyền bảo dọn bàn tiệc đi, đưa Bảo Ngọc vào một buồng thêu thơm tho. Trong đó trang hoàng nhiều đồ xưa nay chưa từng thấy. Đáng sợ nhất là có một nàng tiên ngồi đấy, tươi đẹp nhu mì, giống hệt Bảo Thoa, dịu dàng phong lưu lại như Đại Ngọc. Bảo Ngọc chưa biết thế nào, chợt nghe tiên cô nói:

– Dưới trần bao nhiêu nhà phú quý, những nơi gió trăng trước cửa sổ, khói mây trong buồng thêu, đều bị bọn trai hư gái hỏng làm nhơ bẩn. Đáng giận hơn nữa là xưa nay những bọn con nhà khinh bạc hay biện bạch rằng "hiếu sắc mà không dâm" lại bảo "tình mà không dâm", đó chỉ là những lời để che lấp thói xấu mà thôi. Biết đâu "hiếu sắc tức là dâm", "biết tình lại càng dâm". Vì thế cuộc gặp gỡ ở Vu Sơn, chuyện vui thú về mây mưa, đều do chuộng sắc ham tình mà gây nên. Ta ưa anh, vì anh là một người dâm nhất thiên hạ xưa nay.

Bảo Ngọc nghe xong sợ hãi vội vàng nói:

– Tiên cô lầm rồi. Tôi vì lười học, cha mẹ thường mắng luôn, đâu còn dám chạm đến chữ "dâm". Vả lại tôi còn bé, chẳng biết "dâm" là thế nào ?

Tiên cô nói:

– Không phải thế đâu. Dâm thì một lẽ nhưng ý thì khác nhau. Những kẻ hiếu dâm trên đời chẳng qua là tra sắc đẹp, thích múa hát, đùa bỡn không chán, "mây mưa" bừa bãi không chừng, chỉ sợ thiên hạ không đủ mỹ nữ để cung thú vui chốc lát cho mình, đó là những hạng ngu xuẩn, chỉ biết thú vui bề ngoài thôi. Như anh khi mới sinh đã mang một mối si tình, chúng ta gọi thế là "ý dâm". Hai chữ "ý dâm" chỉ có thể hiểu ngầm trong lòng chứ không thể nói ra miệng được. Riêng anh thì xứng với hai chữ này. Ở trong khuê các anh có thể là bạn tốt đấy nhưng khi ra đời thì vẫn mang tiếng là người vớ vẩn, quái gở, sẽ bị trăm miệng cười giễu, muôn mắt lườm nguýt. Nay ta đã gặp hai cụ Vinh công, Ninh công nhà anh tha thiết kí thác, ta không nỡ để cho anh là người làm vẻ vang cho bọn khuê các mà lại bị đời ruồng bỏ. Vì thế, ta dắt anh đến đây cho uống rượu ngon, thưởng trà tiên, nghe hát hay, lại gả cho anh một cô con gái tên là Kiêm Mỹ, tên chữ là Khả Khanh. Đêm nay được giờ tốt nên thành thân ngay. Chẳng qua để cho anh nhận biết ảo cảnh cõi tiên còn thế, huống chi là dưới trần. Từ giờ trở đi, nên xem xét cho kỹ, tỉnh ngộ và sửa đổi mối tình si đi, chú ý vào đạo Khổng, Mạnh, dấn mình vào con đường giúp đời, giúp nước mới được.

Nói song tiên cô thầm dạy cách "mây mưa", rồi đẩy Bảo Ngọc vào buồng, khép cửa lại.

Bảo Ngọc mơ mơ màng màng theo lời tiên cô dạy, làm những việc như vợ chồng ân ái với nhau. Đến hôm sau thì ân tình đằm thắm, trò chuyện nỉ non, cùng Khả Khanh bịn rịn không muốn rời một bước. Nhân lúc hai người dắt tay đi chơi, đến một chỗ gai góc đầy đường, hùm sói hàng đàn, trước mắt lại có một cái suối nước đen không có cầu sang. Đương lúc dùng dằng, chợt thấy Cảnh ảo tiên cô từ phía sau gọi:

– Đừng đi nữa, quay về ngay.

Bảo Ngọc vội đứng dừng lại hỏi:

– Đây là chỗ nào ?

Tiên cô nói:

– Đây là bến mê, sâu hàng vạn trượng, rộng hàng muôn dặm, không có thuyền đi qua, chỉ có một cái mảng gỗ, Mộc Cư Sĩ bẻ lái Hôi Thị Giả, đẩy sào trở không lấy tiền, ai có đạo duyên, mới sang được. Nay anh ngẫu nhiên đến đây, nếu không may ngã xuống đó thì thực phụ những lời dặn bảo ân cần của ta.

Nói chưa dứt lời thì nghe thấy ở trong bến Mê có tiếng ầm ầm như sấm, có nhiều quỷ dạ xoa dưới bể nhô lên định lôi Bảo Ngọc, làm Bảo Ngọc sợ hãi mồ hôi toát ra như mưa, kêu thất thanh "Khả Khanh cứu tôi với!". Bọn Tập nhân và a hoàn vội vàng chạy đến ôm Bảo Ngọc và nói:

– Cậu đừng sợ, chúng tôi ở cả đây.

Tần thị đương ở ngoài buồng dặn dò đám a hoàn nhỏ coi giữ đừng cho chó mèo cắn nhau; chợt nghe thấy Bảo Ngọc nằm mê gọi tên mình liên tục, trong bụng đâm buồn bực: "Ở đây chẳng ai biết tên mình cả, sao trong chiêm bao, Bảo Ngọc lại biết mà gọi ra. Thực là:

Một hồi mộng kín chờ ai đấy ?
Nghìn thuở tình ngây một tớ thôi.

Hồi mười bảy, mười tám

ĐỀ CÂU ĐỐI TRONG VƯỜN BÁO QUAN, THỬ TÀI BẢO NGỌC; VỀ THĂM NHÀ Ở PHỦ VINH QUỐC, GẶP TIẾT NGUYÊN TIÊU

Giầu sang là đáng thích,
Li biệt lại khôn khuây.
Tiếng hão dành mua được,
Ai hay nỗi đắng cay.

Tần Chung chết rồi, Bảo Ngọc khóc lóc mãi, bọn Lý Quý phải khuyên giải, khi về nhà hãy còn ngậm ngùi thương sót. Giả mẫu đã gửi giúp mấy chục lạng bạc, lại sắm sửa lễ vật để Bảo Ngọc đến viếng. Sau bẩy ngày chôn cất xong, Bảo Ngọc nhớ tiếc nhưng chẳng biết làm thế nào và cũng chẳng biết bao giờ mới nguôi được.

Một hôm Giả Trân đến trình Giả Chính:

– Công việc sửa sang trong vườn cũ đã xong, ông Cả đã đến xem, chỉ chờ ông đến xem có chỗ nào chưa ổn thì sửa sang lại và cần phải đề biển, câu đối.

Giả chính nghĩ một lúc rồi nói:

– Đề biển và câu đối là một việc khó, cứ nhẽ ra thì xin quý phi mới phải. Nhưng người chưa trông thấy thì cũng khó nghĩ phỏng ra được. Nếu chờ khi người đến thì bao nhiêu cảnh trí, bao nhiêu lâu đài lại không có chữ để vào, mặc dù cây hoa non nước có đẹp đẽ dường nào cũng kém phần sinh sắc.

Bọn gia khách đứng bên cạnh nói:

– Ngài nghĩ rất phải. Cứ ý chúng tôi thì biển và câu đối không thể thiếu, nhưng cũng không thể đặt tên trước được. Bây giờ tuỳ theo từng cảnh mà đề hai, ba, bốn chữ gì na ná cho hợp rồi làm bằng lồng đèn treo tạm lên đã, chờ khi Quý phi đi du ngoạn, sẽ xin người đặt tên, như thế có tiện không ?

Giả Chính nói:

– Nghĩ thế đúng đấy. Bây giờ ta hãy đi xem các nơi rồi cứ để đi, nếu ổn thì dùng, không ổn thì nhờ ông Vũ Thôn đến sửa lại.

Mọi người cười nói:

– Hôm nay ngài nghĩ chắc là hay, cần gì phải đợi ông Vũ Thôn.

Giả Chính cười nói:

– Các ông không biết, tôi từ bé đến giờ, về việc vịnh hoa chim non nước, cũng thường thôi. Bây giờ có tuổi, lại bận việc văn áng nhiều, nên thú ngắm vịnh lại càng sao nhãng. Dù có nghĩ ra thì cũng quê mùa, lại làm cho vườn hoa cây cảnh kém phần xinh đẹp, chẳng còn thú gì!

Bọn gia khách nói:

– Cái đó không ngại, chúng tôi cũng nghĩ, ai nấy đều theo sở trường của mình, hay thì để, dở thì bỏ, cũng chăng hề gì.

Giả chính nói:

– Như thế phải đấy. Hôm nay khi trời ấm áp chúng ta đi chơi một lượt. Nói rồi đứng dậy dẫn mọi người đi. Giả Trân đi trước, báo cho mọi người biết.

Bảo Ngọc hồi này vì nhớ Tần Chung, lòng thương xót mãi. Thấy vậy Giả mẫu thường sai dẫn đến vườn mới dạo cảnh cho khuây. Một hôm, vừa vào đến vườn, chợt gặp Giả Trân. Giả Trân cười bảo:

– Sao chú không tránh đi chỗ khác, chốc nữa ông lên đấy.

Bảo Ngọc nghe thấy, dẫn ngay lũ hầu, chạy vút ra khỏi vườn. Vừa đi đến quãng đường vòng, thì gặp ngay Giả Chính dẫn các gia khách đến. Bảo Ngọc tránh không kịp, đành đứng về một bên.

Gần đây, Giả Chính thường nghe Đại Nho khen Bảo Ngọc làm câu đối khá, tuy không thích học nhưng cũng có tài vặt.

Vì thế Giả Chính bảo Bảo Ngọc đi theo vào trong vườn, ý muốn thử tài xem sao. Bảo Ngọc chưa biết ý định của bố , đành phải đi theo. Vừa đến cửa vườn, đã thấy Giả Trân dẫn các người chấp sự đứng hầu một bên. Giả Chính bảo:

– Cháu hãy cho đóng cửa vườn lại, để chúng ta xem bên ngoài đã rồi sẽ vào sau.

Giả Trân sai người đóng cửa lại.

Giả Chính trước hết ngắm nhìn năm gian cửa chính, nóc nhà cong, lợp ngói ống, cánh cửa và bực cửa đều trạm trổ theo kiểu mới, không sơn vẽ hoa hoè, một dãy tường tuyết quét vôi trắng xoá, dưới thềm lát đá trắng thành bình hoa sen. Nhìn hai bên tường trắng như tuyết, dưới xây đá có vân như da hổ, không loè loẹt như lối nhà giàu. Giả Chính lấy làm thích, bảo mở cửa đi vào. Thoạt nhìn, một dải núi xanh chắn ngay trước mặt. Các gia khách đều nói:

– Núi đẹp thật!

Giả Chính nói:

– Nếu không có núi này, thì khi vào sẽ trông thấy hết cả các cảnh đẹp ở trong vườn, còn thú gì nữa ?

Mọi người nói:

– Rất đúng, Nếu ngài không có kiến thức rộng rãi thì làm sao nghĩ được như thế!

Đi vào tận nơi, thấy đá trắng chồng chất, hoặc như hình cổ quái, hoặc như hình thú dữ, ngang dọc đứng chầu nhau, bên trên, rêu xanh lấm tấm, cây leo chỗ thưa, chỗ nhặt. Ở giữa hiện lên một con đường nhỏ quanh co. Giả Chính nói:

– Chúng ta vào con đường này chơi, rồi ra đường bên kia, thế mới nhìn khắp được.

Rồi bảo Giả Trân dẫn đường, còn mình thì dắt Bảo Ngọc đi quanh lên núi. Ngẩng lên trông thấy phía trước có một tảng đá, mặt phẳng như gương, chính là chỗ đáng để làm thơ.

Giả Chính quay lại hỏi:

– Các ông xem chỗ này đề thế nào cho hay ?

Có người xin đề hai chữ "Điệp thuý"(1), có người xin đề: "Cẩm chướng"(2), có người xin đề: "Trại Hương Lô"(3), lại có người xin đề: "Tiểu Chung Nam"(4). Tất cả hàng mấy chục tên. Mọi người biết Giả Chính muốn thử tài Bảo Ngọc, cho nên đều nghĩ mấy chữ sáo mép cho qua. Bảo Ngọc cũng biết ý ấy.

Giả Chính nghe xong, ngoảnh lại hỏi Bảo Ngọc, Bảo Ngọc nói:

– Cổ nhân có câu: "Mới không bằng cũ, cổ vẫn hơn kim". Nơi này, không phải là nơi chính, chẳng qua là bước đầu vào vườn ngắm cảnh, chưa thể đề gì được. Sao bằng dùng ngay mấy chữ cũ: "*Khúc kính thông u*"(5) mới có nghĩa bao quát và hàm súc.

Mọi người khen:

– Phải lắm! Hay lắm! cậu Hai thông minh, tài tình, không như chúng tôi là hạng mọt sách.

Giả chính cười nói:

– Không nên khen nó quá, nó còn bé, chẳng qua nghĩ mười hiểu một, làm trò cười đấy thôi, để sau bàn lại.

Mọi người lại đi vào hang đá, thấy cây đẹp xanh um, hoa lá rực rỡ, một dòng nước trong từ chỗ cây cối từ xa chảy xuống khe đá. Đi mấy bước nữa, rẽ sang phía bắc, có một chỗ rộng phẳng, hai bên có lầu cao vút, nóc vẽ, cột sơn, ẩn nấp dưới sườn núi ngọn cây. Cúi xuống nhìn thì thấy: dòng trong chảy

---

(1) Màu xanh của núi và của cây cối chồng chất lên nhau.

(2) Núi gấm.

(3) Trại: thi nhau. Hương lô: Đời Hán có người thợ khéo làm một cái lư hương như hình quả núi, gọi là Bắc Sơn hương lô. Ở đây ý nói quả núi này đẹp hơn Bắc Sơn hương lô.

(4) Núi Chung Nam nhỏ: một quả núi ở phía nam Thiểm Tây, phía đông Hà Nam, phía tây Cam Túc, phong cảnh rất đẹp.

(5) con đường nhỏ, quanh co, đưa đến chỗ thắng cảnh.

ngọc, bực đá xuyên mày, lan can đá trắng, bao lượn quanh hồ. Đầu cầu đá ba nhịp con thú giả trông như khi ngậm vào, khi nhả ra. Trên cầu có cái đình.

Giả Chính cùng mọi người vào ngồi trong đình, hỏi:

– Theo ý các ông nên đề chữ gì ở đây ?

Mọi người đều nói:

– Ngày trước trong bài ký "Tuỳ Ông đình" của Âu Dương Tu[1] có câu *"hữu đình dực nhiên"*[2] vậy nên đặt tên là *"Dực nhiên"*.

Giả Chính nói:

– *"Dực nhiên"* hay thật, nhưng đình này ở trên mặt nước, cũng nên nói đến nước mới phải. Cứ ý tôi nghĩ, Âu Dương Tu có câu *"Tả ư lưỡng phong chi gian"*[4] vậy nên dùng chữ "tả" mới được.

Có một người khách nói:

– Phải lắm! Thế thì nên dùng hai chữ "Tả ngọc"[4] là hay.

Giả Chính vuốt râu ngẫm nghĩ, rồi sai Bảo Ngọc cũng thử nghĩ xem.

Bảo Ngọc nói:

– Cha vừa dạy rất phải, nhưng xét cho kỹ, có lẽ ngày trước Âu Dương Tu dùng chữ "tả" để vào Nhưỡng tuyền[5] thì đúng, bây giờ là chữ "tả" ở đây hình như chưa ổn. Huống chi đây là biệt thự "tỉnh thân", cũng nên theo như thể văn ứng chế, nếu dùng chữ "Tả ngọc", con sợ thô lậu không nhã. Xin đề thế nào cho có nghĩa sâu xa hơn.

Giả Chính cười nói:

---

(1) Âu Dương Tu tự là Vĩnh Thúc, hiệu là Tuý Ông, một nhà văn nổi tiếng ở đời Tống có làm hai bài ký Tuý Ông đình. Nay ở Từ Huyện; tỉnh An Huy, còn có tích cái đình này.

(2) Quang đãng, sáng sủa.

(3) Suối chảy qua khe giữa hai quả núi.

(4) Nước chảy ra từng hạt ngọc.

(5) Nước suối ngon có thể dùng để nấu rượu.

– Các ông nghe nó nói thế nào ? Vừa rồi mọi người đặt chữ mới, thì mày bảo không bằng dùng chữ cũ; bây giờ dùng chữ cũ, mày lại bảo là không ổn! Thế mày định dùng chữ gì ?

Bảo Ngọc thưa:

– Dùng hai chữ "Tả ngọc", sao bằng dùng hai chữ "Thấm phương"[1] chẳng mới và lịch sự hay sao ?

Giả Chính vuốt râu, gật đầu không nói gì. Mọi người đều chiều ý ngay, khen Bảo Ngọc tài tình khác thường.

Giả Chính nói:

– Để hai chữ trên biển cũng dễ, thử làn đôi câu đối bảy chữ xem sao.

Bảo Ngọc nhìn quanh một lượt, nghĩ ngay ra, bèn đọc:

Quanh bờ vẻ biếc ba hàng liễu;
Cách bến mùi thơm một dãy hoa.

Giả Chính nghe xong gật đầu mỉm cười. Mọi người lại khen ngợi một hồi. Ra khỏi đình, sang qua ao, từ một ngọn núi, một hòn đá, một bông hoa, một gốc cây chỗ nào họ cũng để ý ngắm nghía. Chợt ngẩng đầu lên thấy trước mặt một dãy tường trắng, mấy ngôi nhà con xinh xắn, thấp thoáng trong đám hàng nghìn khóm trúc xanh. Mọi người đều nói: "Chỗ này nhã thật! Rồi cùng đi vào. Bước vào cửa là một dãy hành lang quanh co. Dưới thềm có con đường đá. Mặt trước ba gian nhà nhỏ, sạch sẽ, cửa khép, cửa mở. Trong nhà kê bàn ghế giường chiếu ngay ngắn gọn gàng. Từ phía trong có cửa con đi ra sân sau, có mấy cây lê cao lớn, mấy cụm chuối um tùm. Lui về phía sau, lại có vài gian nhà nhỏ. Chân tường có một dòng suối rộng chừng một thước, quanh co bao thềm đến dãy nhà đằng trước, rồi từ trong những khóm trúc róc rách chảy ra.

Giả Chính cười nói:

---

(1) Nước đượm mùi thơm.

– Chỗ này thú đấy. Đêm trăng mà ngồi dưới cửa sổ đọc sách, cũng không uổng một đời.

Nói rồi nhìn Bảo Ngọc. Bảo Ngọc sợ quá cúi đầu xuống. Mọi người vội vàng nói lảng qua chuyện khác. Có hai người nói:

– Chỗ này nên đề một cái biển bốn chữ.

Giả Chính cười hỏi:

– Bốn chữ gì ? Một người đọc:

– "*Kỳ thuỷ di phong*"(1).

Giả Chính nói:

– Quê lắm.

Lại một người đọc:

– "*Thư viên nhã tích*"(2).

Giả Chính nói:

– Cũng quê.

Giả Trân đứng bên cạnh nói:

– Lại đến chú Bảo nghĩ thôi.

Giả Chính nói:

– Nó là đồ khinh bạc, chưa làm nổi đã khen chê người khác.

Mọi người nói:

– Khen chê đúng thì làm thế nào được.

Giả Chính vội nói:

– Thôi! Đừng nuông nó thế. – Rồi bảo: – Hôm nay cho mày muốn nói gì thì nói, phải bàn cãi ra lẽ đã rồi mới cho mày làm. Những câu đề vừa rồi, có câu nào được không ?

Bảo Ngọc nói:

– Hình như đều không được cả.

---

(1) Điển tích trong kinh Thi: Phong nhã của bến kỳ sót lại.

(2) Di tích của vườn Thư.

Giả Chính cười nhạt:

- Làm sao mà không được ?

Bảo Ngọc nói:

- Đây là nơi chơi đầu của Quý phi, nên có những lời chúc tụng mới phải. Nếu muốn dùng bốn chữ để biển thì có chữ sẵn của cổ nhân rồi, cần gì phải làm nữa.

Giả Chính nói:

- "Kỳ thuỷ" và "Thư viên" không phải là chữ của cổ nhân hay sao ?

Bảo Ngọc thưa:

- Mấy chữ ấy cũ lắm, sao bằng đề: "*Hữu phượng lai nghi*"(1) còn hơn.

Mọi người nhao lên khen hay. Giả Chính gật đầu nói:

- Thằng ngu! Thực là đồ ""lấy ống dòm trời, lấy bầu đong bể".

Lại bảo:

- Phải đề một câu đối nữa.

Bảo Ngọc lại đọc.

Bên cửa cờ tan tay vẫn mát;
Trong lò trà cạn khói còn thơm.

Giả Chính lắc đầu:

- Chưa lấy gì làm hay.

Nói xong, dắt mọi người đi ra. Lúc sắp đi, chợt nghĩ việc gì, Giả Chính hỏi Giả Trân:

- Chỗ này nhà cửa, bàn ghế có đủ, nhưng màn, rèm và các đồ cần thiết đã xép đặt đâu vào đấy chưa ?

Giả Trân thưa:

---

(1) Có chim phượng đến múa, ý nói điềm lành trong cảnh tượng thái bình.

– Những đồ cần thiết phải sắm thêm nhiều, đến ngày ấy sẽ đâu có đấy. Các thứ màn, rèm, hôm nọ chú Liễn nói còn thiếu, vì mới lúc khởi công, đã vẽ bản đồ theo đúng kích thước và sai người đi thửa, hôm qua chắc đã làm một nửa.

Giả Chính nghe nói, biết việc này không phải của Giả Trân, liền cho đi gọi Giả Liễn. Một lúc, Giả Liễn đến. Giả Chính hỏi:

– Tất cả bao nhiêu thứ ? Đã được bao nhiêu rồi ? Còn thiếu bao nhiêu nữa ?

Giả Liễn nghe xong, vội vàng rút quyển sổ ở trong ống giày ra xem, rồi trình:

– Các thủ đoạn thêu rồng, thêu hoa, các thứ hoa lụa chỉ điều, chỉ viền, các thứ màn che lớn nhỏ cộng một trăm hai mươi chiếc. Hôm nọ đã được tám mươi chiếc, còn thiếu bốn mươi chiếc. Rèm hai trăm chiếc sắm đủ rồi. Ngoài ra còn rèm da hai trăm chiếc, rèm trúc sơn đỏ tết chỉ vàng một trăm chiếc, rèm trúc sơn đen hai trăm chiếc, rèm thêu hoa năm màu hai trăm chiếc, mỗi thứ đã được một nửa, đến mùa thu thì đủ cả, gối tựa, khăn bàn, quần giường, đệm nghế, mỗi thứ một nghìn hai trăm chiếc, đã đủ cả rồi.

Mọi người vừa nói chuyện vừa đi, đến một ngọn núi xanh chênh chếch. Đi vào trong núi, thấp thoáng có một bức tường thấp, đất vàng, trên tường có rơm che, có mấy trăm cây hoa hạnh, trông như lửa phun, ráng phủ. Mặt trong có mấy gian nhà tranh, mặt ngoài có những cây dâu, dâm bụt và găng mơn mởn tốt tươi theo nhau chỗ nhô ra, chỗ lượn vào, đan thành hai hàng rào có cái giếng thơi, bên cạnh có gầu và trục kéo nước; mé dưới có mảnh ruộng nhỏ phẳng lỳ, có luống rau tươi tốt, trông bát ngát mênh mông.

Giả Chính nói:

– Chỗ này thế mà có ý nghĩa lắm. Tuy tự tay người ta bày đặt ra, nhưng nhìn đến ai cũng phải cảm xúc, khêu gợi lòng ta

muốn về hưởng thú điền viên. Chúng ta hãy vào đấy nghỉ ngơi xem.

Nói xong đang định đi vào, chợt thấy một bên hàng dậu có một hòn đá, cũng là chỗ đáng đề thơ. Mọi người cười nói:

– Đẹp lắm! Đẹp lắm! Chỗ này mà treo biển đề chữ, thì hết hẳn phong vị nhà quê. Dựng một cái bia ở đây lại càng thêm vẻ đẹp. Nếu không có bài thơ "*Điền gia*" của ông Phạm Thạch Hồ[1] thì không tả hết được cái đẹp của nó.

Giả Chính nói:

– Xin các ông đề cho.

Mọi người nói:

– Vừa rồi cậu Bảo nói làm mới không bằng theo cũ, cổ nhân đã nói nhiều rồi, chi bằng đề ngay "*Hạnh hoa thôn*" là hay.

Giả Chính nghe nói, cười bảo Giả Trân:

– Nhờ có câu ấy, ta lại nghĩ ra một điều. Chỗ này đẹp cả, chỉ thiếu một cái kỳ bài bán rượu thôi. Ngày mai làm cho ta một cái, mặt ngoài cứ theo lối nhà quê, không cần trang hoàng, lấy một con sào treo bài ký vào rồi buộc lên ngọn cây là được.

Giả Trân vâng lời, lại thưa:

– Chỗ này không cần nuôi các loài chim đẹp biết hót, chỉ nuôi ngỗng, vịt, gà v.v... thì mới đúng.

Mọi người đều nói:

– Đúng đấy!

Giả Chính lại nói:

– "Hạnh hoa thôn" hay thực, nhưng hiềm vì phạm vào chính tên thôn của người ta, đợi xin Quý phi đặt tên mới phải.

---

(1) Phạm Thành Đại, hiệu Thạch Hồ cư sĩ một nhà văn nổi tiếng đời Cao Tông triều Nam Tống, có làm bài thơ tả phong vị nhà làm ruộng.

Mọi người nói:

– Phải đấy, nhưng bỏ trống không tiện, cũng nên dùng chữ gì ?

Mọi người đương nghĩ, Bảo Ngọc sốt ruột, không chờ Giả Chính bảo, nói ngay:

– Thơ cũ có câu "*Hồng hạnh sao dầu quải tửu kỳ*"(1). Nay xin đề bốn chữ: "*Hạnh liêm tại vọng*"(2) là hơn.

Mọi người đều nói:

– Hai chữ "tại vọng" hay lắm, lại ngụ ý "Hạnh hoa thôn".

Bảo Ngọc cười nhạt"

– Tên thôn mà dùng hai chữ "Hạnh hoa" thì quê lắm. Thơ Đường có câu: "*Sài môn lâm đạo hoa hương*"(3). Sao không dùng ba chữ "*Đạo hương thôn*" có hay không ?

Mọi người đều vỗ tay khen. Giả Chính quát to:

– Thằng súc sinh ngu ngốc kia, mày biết được mấy vị cổ nhân, nhớ được mấy bài thơ cũ, đã dám múa mép trước các vị tiền bối ? Vừa rồi cho phép mày nói bừa, chẳng qua ta thử xem mày hay dở thế nào, để làm trò cười đấy thôi. Mày cứ tưởng thực đấy à?

Nói xong, dẫn mọi người vào trong nhà tranh. Ở đây, cửa sổ dán giấy, giường gỗ đơn sơ, không có gì là hào hoa phú quí cả.

Giả Chính trong lòng rất sung sướng, lại nhìn Bảo Ngọc nói:

– Chỗ này thế nào?

Mọi người thấy hỏi, đều khẽ đẩy Bảo Ngọc, xui Bảo Ngọc nói là đẹp. Bảo Ngọc không nghe, nói ngay:

---

(1) Trên ngọn cây mận treo kỳ bài bán rượu.

(2) Cờ bán rượu trên cây hạnh trước mặt.

(3) Cửa che dòm xuống nước, mùi lúa thơm ngào ngạt.

– Xem ra chỗ này kém xa "Hữu phương lai nghi".

Giả Chính nói:

– Hừ! Đồ ngu xuẩn! Chả biết gì. Mày chỉ thích lầu son gác tía đẹp đẽ một cách thô tục, biết đâu được cái cảnh u nhã này. Rút lại, chỉ vì lỗi tại mày không chịu đọc sách thôi.

Bảo Ngọc vội đáp:

– Cha dạy đành là phải, nhưng cổ nhân có nói hai chữ "*Thiên nhiên*" Con không hiểu ý ra làm sao ?

Ai nấy thấy Bảo Ngọc bướng bỉnh, sợ sẽ bị mắng; nay thấy hắn hỏi nghĩa hai chữ "thiên nhiên" đều vội nói;

– Cái gì cậu cũng hiểu cả, sao lại còn phải hỏi hai chữ "thiên nhiên". "Thiên nhiên" nghĩa là tự nhiên thiên thành, không phải sức người làm được.

Bảo Ngọc nói:

– Thế thì chỗ này đặt thành trang trại, rõ ràng là do người bày đặt ra. Xa thì không có làng xóm, gần thì không có thành quách, dựa vào núi thì không có mạch, trông ra nước thì không có nguồn, chỗ cao thì không có tháp nhà chùa, chỗ thấp thì không có cầu ra chợ, trơ trọi đứng một mình, không phải là nơi bao la rộng rãi. Sao bằng mấy nơi trước có vẻ tự nhiên hơn. Tuy có giống trúc, khơi suối cũng hơi xuyên tạc, nhưng không hại gì. Cổ nhân có bốn chữ "Bức tranh thiên nhiên', sợ chỗ này không đáng có sơn trang, và sơn thuỷ, mà gượng bày đặt ra, dù khéo léo đến đâu cũng vẫn không hợp.

Bảo Ngọc nói chưa dứt lời, Giả Chính nổi dận thét lên:

– Thôi, bước ngay!

Bảo Ngọc vừa đi ra, Giả Chính lại thét: "hãy quay lại, làm thêm câu đối nữa, nếu không làm được thì ta sẽ vả vào mồm".

Bảo Ngọc đành phải đọc:

Giặt vải xanh tươi người dưới bến;

Hái rau thơm đượm khách trong mây.

Giả Chính nghe xong, lắc đầu nói:

– Cũng chẳng ra gì!

Rồi dắt mọi người ra, đi quanh sườn núi, khi trong hoa, khi dưới liễu, khi trên núi, khi bên sông, đến rặng đồ mi, vào giàn mộc hương, lên đỉnh mẫu đơn, qua vườn thược dược, tới viện tường vi, tựa vào khóm ba tiêu, ngang dọc, quanh co; chợt nghe thấy tiếng nước ở trong hang đá róc rách chảy ra, trên thì dây leo lòng thòng rũ xuống, dưới thì hoa rụng rập rờn trôi quanh.

Mọi người đều nói" "Đẹp lắm!"

Giả Chính hỏi:

– Các ông định đề chữ gì ?

Mọi người đều nói:

– Không cần phải nghĩ nữa, cứ viết ba chữ "*Vũ lăng nguyên*"(1) là được rồi.

Giả Chính cười nói:

– Cũ lắm! Lại không đúng sự thực.

Mọi người cười:

– Không thì đề bốn chữ "*Tần nhân cựu xá*"(2) cũng được.

Bảo Ngọc nói:

– Lại càng hỏng nữa. "Tần nhân cựu xá" có ý là tránh loạn, dùng thế nào được ? Chi bằng dùng bốn chữ "*Liễu đình hoa tự*" là hơn(3).

Giả Chính nói:

– Cũng lại nhảm nữa!

Giả Chính đi vào trong hang, hỏi Giả Trân:

– Có thuyền không ?

---

(1) Theo bài ký. "Nguồn đào" (Đào nguyên) của đào tiềm đời Tấn.

(2) Nhà cũ của người đời Tần, tức là người đời Tần vào tránh loạn ở trong Đào nguyên.

(3) Bờ có liễu bên hoa (cỏ liễu là một loại cỏ thơm mọc dưới nước).

Giả Trân nói:

– Có bốn thuyền hái hoa sen, một thuyền ngồi chơi, nhưng bây giờ chưa làm xong.

Giả Chính cười nói:

– Tiếc rằng không vào được.

Giả Trân nói:

– Đi quanh lên núi, sẽ đến nơi.

Nói rồi đi trước dẫn đường. Mọi người níu dây vịn cây đi lên, thấy mặt nước hoa rụng man mát, dòng suối trong vắt rập rờn quanh co; hai hàng liễu rủ bên bờ, những cây đào, cây mận, mọc chen nhau che rợp cả bóng mặt trời. Khắp nơi, không có một chút đất bụi. Trong rặng liễu nhô ra một nhịp cầu, lan can sơn đỏ. Qua cầu, đường thông các ngả; xa xa, có một toà nhà ngói mát mẻ và một dãy tường hoa. Ở đây mạch núi chính đều xuyên qua tường xuyên đi các ngả.

Giả Chính nói:

– Toà nhà này ở đây chẳng có nghĩa lý gì!

Rồi bước vào cửa. Chợt thấy mặt trước có một quả núi đá lấp lánh cao ngất trời, xung quanh bao bọc bằng các thứ đá đủ các màu, che kín hẳn những nhà cửa bên trong. Ở đây, không có một gốc cây, toàn những cỏ lạ hoặc leo lên núi, hoặc bò ra đất, hoặc từ trên núi rủ xuống, hoặc luồn qua khe đá chui ra; lại có những dây từ mái nhà bò xuống, leo quanh cột chằng chịt cả bờ hè, như dải xanh phất phơ, như sợi vàng uốn khúc, quả đỏ hoa vàng, hương thơm ngào ngạt, không một thứ hoa nào có thể bì được. Giả Chính nói:

– Thú quá! Chỉ hiềm không biết là những loại cỏ gì ?

Có người nói là: "Tiết lệ đằng la".

Giả Chính nói:

– Tiết lệ đằng la làm gì có hương thơm lạ này ?

Bảo Ngọc nói:

– Thực không phải. Trong loại cỏ này cũng có "tiết lệ đằng la", nhưng hương thơm là của "đỗ nhược hành vu". Còn cái giống này, hình như đây là cỏ "chỉ lan", kia là cỏ "thanh cát", đây là "kim đăng" kia là "ngọc lộ", thứ đỏ kia là "tử vân", thứ xanh này là "thanh chỉ". Nhớ đến cỏ lạ đã nói ở trong *Ly tao văn tuyển* [1], nào là hoắc nạp, khương vựng, nào là luân tổ, tử giáng; lại còn có cỏ thạch phàm, thuỷ tùng, phù lưu; cũng có những cỏ lục di, đan tiêu, mi vu, phong liên v.v... Nay đã lâu năm, người đời không thể nhớ lại được, nên cứ trông hình dạng mà đặt tên; dần dần gọi sai đi, có lẽ thế đấy...

Bảo Ngọc nói chưa dứt lời, Giả Chính thét lên:

– Ai hỏi đến mày ?

Bảo Ngọc sợ quá lùi xuống, không dám nói nữa.

Giả Chính thấy hai bên hành lang có tay vịn, nhân tiện đi vào. Trước mặt, năm gian nhà mát mẻ, giàn hoa dựng lên, bốn mặt hành lang cửa sổ sơn xanh vách bóng, trông rất thanh nhã. Giả Chính thở dài:

– Ở đây mà pha trà, đánh đàn, thì chả cần phải đốt trầm nữa. Không ngờ lại có chỗ này, các ông chắc phải có những câu hay để ở đây cho khỏi phụ cảnh đẹp.

Mọi người cười nói:

– Sao bằng để bốn chữ "*Lan phong huệ lộ*"[2] là thiết thực hơn.

Giả Chính nói:

– Thế mới được bốn chữ thôi, còn câu đối ?

Một người nói:

– Tôi nghĩ được một câu, xin các vị chữa cho. Nói rồi đọc:

---

(1) Văn của Khuất Nguyên.

(2) Gió hoa lan, sương hoa huệ.

Đỗ nhược ngạt ngào châu minh nguyệt;
Xạ lan sực nức viện tà dương.

Mọi người nói:

– Hay thì hay thực, chỉ có hai chữ "*tà dương*" chưa ổn.

Người ấy nói:

– Cổ thi có câu "*Mi vu mãn viện khắp tà dương*[1]

Mọi người nói:

– Buồn lắm! Buồn lắm!

Lại có một người nói:

– Tôi cũng có một câu, xin cáe vị chữa cho. Nói xong đọc:

Ba ngõ gió đưa hương ngọc huệ;
Một sân giăng rọi bóng kim lan.

Giả Chính vuốt râu, ngẫm nghĩ, cũng muốn đề một câu. Chợt trông thấy Bảo Ngọc đứng yên bên cạnh; mới thét:

– Sao lúc đáng nói mày không nói, định để người ta mời mày hay sao ?

Bảo Ngọc thưa:

– Chỗ này làm gì có "lan xạ", "minh nguyệt" và "châu chử", nếu cứ kể ra cho hết, thì đề đến hai trăm câu cũng không đủ.

Giả Chính nói:

– Ai gõ đầu mày bắt phải nói những câu ấy ?

Bảo Ngọc thưa:

– Đã thế thì cái biển nên đề bốn chữ: "*Hành chi thanh phân*[2] câu đối thì đề:

Ngâm câu đâu khấu, thơ càng đẹp;
Say giấc đồ mi, mộng vẫn thơm.

Giả Chính cười nói:

---

(1) Hoa cỏ đầy sân khóc bóng chiều.
(2) Thơm mát của cỏ hành cỏ chi.

– Mày lại ăn cắp cái câu "*Thư thành tiêu diệp văn do lục*"(1) lấy gì làm lạ.

Mọi người nói:

– Bài "*Phượng hoàng đài*" của ông Lý Thái Bạch cũng ăn cắp bài "*Hoàng lao lâu*", chỉ cốt ăn cắp khéo là được. Bây giờ có nghĩ kỹ ra thì câu của cậu còn nhã và mạnh hơn câu "*Thư thành tiêu diệp*" nhiều, khéo câu "thư thành..." lại ăn cắp ở câu này cũng nên.

Giả Chính cười nói:

– Có nhẽ nào thế ?

Mọi người đi ra, không mấy chốc đã thấy gác tía nguy nga, lầu son cao ngất, nhà cửa san sát. Gường đi quanh Sơ Tùng xanh chạm mái, ngọc lan quanh thềm; mặt thú, đầu ly, sơn vàng sáng nhoáng. Giả Chính nói:

– Đây là điện chính, xa hoa quá!

Mọi người đều nói:

– Thế mới hợp thể, tuy rằng Quý phi thích tiết kiệm thực, nhưng bây giờ đã tôn quý rồi, lễ nghi như thế, chẳng lấy gì làm quá.

Vừa nói vừa đi, thấy mặt trước có một cái cổng chào xây bằng ngọc thạch, phía bên trong cuốn ly vòm, chạm chổ rất khéo. Giả Chính nói:

– Chỗ này để chữ gì được ?

Mọi người nói:

– Nên để "*Bồng lai tiên cảnh*"

Giả Chính lắc đầu không nói gì.

Bảo Ngọc trông thấy chỗ này, lòng tự nhiên xúc động, hình như mình đã được thấy ở đâu rồi, nhưng không nhớ ngày tháng

---

(1) Viết hoa lá chuối chữ còn xanh.

năm nào[1]. Giả Chính lại bảo đề, Bảo Ngọc đang ngẫm nghĩ cảnh trước, không để bụng đến việc này. Mọi người không biết ý, cho là Bảo Ngọc bị quở mắng, từ bấy đến giờ tinh thần rối loạn, luẩn quẩn không nghĩ ra; nếu giục, sợ xảy ra sự gì thì không tiện, bèn nói với Giả Chính.

– Thôi! Xin để ngày mai sẽ đề.

Giả Chính cũng sợ Giả mẫu không yên lòng, cười nhạt:

– Thằng súc sinh, mày đã đến lúc hết khoe giỏi rồi! Thôi ta hạn cho mày, đến ngày mai, nếu không đề được, ta nhất định không tha cho đâu.

Chỗ này quan hệ nhất, phải làm cho hay mới được!

Nói xong, dẫn mọi người đi xem chỗ khác. Kể từ khi vào cửa vườn đến giờ, mười phần mới đi ngắm được năm sáu. Lúc này, có người vào báo: "Có ông Vũ Thôn sai người đến trình việc". Giả Chính cười nói:

– Còn vài chỗ chưa đến được, chúng ta hãy theo đường này đi ra, thì dù chưa biết hết cũng có thể xem qua loa.

Liền dẫn mọi người đến một cái cầu lớn, thấy nước như phèn thuỷ tinh dội vào, thì ra cái cầu này là cửa đập thông ra ngoài sông, khơi thành suối để dẫn nước vào.

Giả Chính hỏi:

– Đặt tên cái đập này là gì ?

Bảo Ngọc nói:

– Đây là dòng chính của suối "*Thấm phương*", thì nên đặt là "*Đập Thấm phương.*"

Giả Chính nói:

– Mày lại nói nhảm, không nên dùng hai chữ "Thấm phương".

---

(1) Chỗ này ý nói Bảo Ngọc nhớ lại giấc mộng đã nói ở trong hồi thứ năm.

Mọi người theo đường đi ra, thấy có những nhà rộng, lều tranh, tường đá, cửa hoa, dưới núi có chùa, trong rừng có phòng luyện thuốc, hiên dài, động sâu, nhà vuông, đình tròn. Giả Chính không đi hết được. Vì đã nửa ngày chưa được nhỉ ngơi; lưng đau chân mỏi, chợt trông thấy phía trước có một cái nhà. Giả Chính nói: "Nơi này có thể nghỉ được". Liền đi theo con đường nhỏ quanh khóm bích đào, qua cửa tò vò đan bằng trúc và cài hoa. Chợt thấy tường trắng vây quanh, ngoài có liễu xanh rủ xuống. Giả Chính cùng mọi người đi vào. Hai bên, hành lang nối nhau, ở trong lác đác mấy ngọn núi. Một bên có mấy khóm chuối; một bên là cây hải đường của phủ tây, trông như cái tán, dây rủ xanh biếc, hoa đỏ như son.

Một người nói:

– Hoa đẹp nhỉ! Hải đường có nhiều, nhưng chưa thấy cây nào đẹp như thế này:

Giả Chính nói:

– Đây là "Nữ Nhi đường", lấy giống ở nước ngoài. Tục truyền giống này ở nước Nữ Nhi. Bên ấy có rất nhiều, nhưng cũng là lời hoang đường không đáng tin.

Một người nói:

– Bảo rằng hoang đường không đáng tin thì tại sao từ lâu đã có cái tên ấy.

Bảo Ngọc nói:

– Phần nhiều các nhà ngâm vịnh thấy hoa này đỏ như son, ẻo lả như có bệnh, gần giống phong độ của người trong khuê các, cho nên đặt tên là "Nữ Nhi". Có lẽ sau này người đời không thích nghe cái tên ấy, bèn dựa vào sử sách cho có chứng cớ rồi cứ thế truyền sai mãi đi, để thành sự thực.

Mọi người đều gật đầu khen ngợi, rồi ra ngồi cả ở giường ngoài hiên, Giả Chính bảo:

– Nên đề mấy chữ gì thực mới đây ?

Một người khách nói:

– Nên đề hai chữ "*Tiêu hạc*"[1]. – Lại một người nói: Nên đề bốn chữ "*Sùng quang phiếm thái*"[2]. Giả Chính cùng mọi người nói:"*Sùng quang phiếm thái* hay!"

Bảo Ngọc nói:

– Hay đấy, nhưng đáng tiếc!

Mọi người nói:

– Sao lại đáng tiếc ?

Bảo Ngọc nói:

– Chỗ này trồng chuối và hải đường, ám chỉ màu đỏ và màu xanh. Nếu chỉ nói chuối mà bỏ sót hải đường thì không hay; trái lại nói hải đường mà bỏ sót chuối cũng không hay; như thế không chỉ có chuối không có hải đường, càng không thể chỉ có hải đường mà không có chuối.

Giả Chính nói:

– Ý mày định viết chữ gì ?

Bảo Ngọc nói:

– Con muốn viết viết bốn chữ "*Hồng hương lục ngọc*" thì mới đủ cả hai nghĩa.

Giả Chính lắc đầu:

– Không được, không được!

Mọi người vào trong buồng, thấy ở đấy trang trí không giống các nơi, nhìn chỗ nào cũng như chỗ nào. Nguyên ở đây chung quanh đều ghép gỗ chạm nổi của những tay thợ rất tài tình: chỗ có chạm trăm con dơi bay vòng quanh, chỗ thì chạm ba người bạn mùa đông[3], chỗ thì chạm sông núi, nhân vật, chỗ

---

(1) Cây chuối và con hạc.

(2) Màu sáng lộng lẫy dọi ra nhiều vẻ.

(3) Tùng, trúc, mai gọi là ba người bạn mùa đông.

thì chạm các thứ chim, cỏ, cây hoa hoặc thập cẩm, hoặc đồ cổ, hoặc chữ phúc, chữ thọ; các thứ này đều được khảm vàng ngọc đủ các màu sắc. Có nhiều ô vuông, tròn khác nhau: theo hình hoa quỳ, chuối, vòng tròn hay bán nguyệt để bỏ sách, bút nghiên, đặt đỉnh, lọ hoa chậu cây. Thật là trăm hoa nghìn gấm, chói lọi khắp nơi. Chỗ này cửa sổ dán lụa ngũ sắc xinh xắn; chỗ kia cửa che lụa lờ mờ. Khắp tường, có bày các đồ cổ, như đàn, gươm, bầu rượu v.v... đều đặt trong từng ô một, phẳng lỳ với mặt tường. Mọi người đều khen:

"Thực là tinh xảo! Làm được thế này khó lắm!"

Giả Chính chưa đi đến từng thứ hai đã lạc đường: trông sang tả có cửa ra vào, nhìn sang bên hữu có cửa sổ ngăn lại, tiến lên phía trước bị một tủ sách chắn ngang, quay lại phía sau thấy cửa sổ che màn lụa trông rõ lối đi. Khi đến nơi, chợt thấy có người lù lù đi lại giống mình như hệt, đó là cái gương pha lê lớn. Luồn qua cái gương lại thấy nhiều cửa. Giả Trân cười nói:

– Ông cứ theo tôi, đi đường này ra thì đến sân sau. Ở đằng sau đi ra thì gần hơn đằng trước.

Mọi người đi quanh hai lần cửa gấm, quả nhiên có một lối ra. Trong sân có nhiều giàn hoa tường vi. Qua hàng rào hoa, thấy có một khe nước chắn ngang. Mọi người thấy làm lạ mới nói:

– Dòng nước này từ đâu đến đây ?

Giả Trân trỏ ra đằng xa nói:

– Nó từ cửa đập đằng kia chảy đến cửa hang, theo trỗ trũng ở núi phía đông bắc dẫn đến trang trại. Lại có dòng nhỏ chảy ra phía tây nam, đến đấy hợp lại làm một, rồi theo chân tường chảy đi.

Mọi người đều nói: "khéo quá nhỉ!"

Chợt thấy có một ngọn núi chắn ngang, ai nấy đều sợ lạc đường. Giả Trân cười nói:

– Cứ đi theo tôi.

Rồi hắn đi trước dẫn đường. Vòng khỏi chân núi một quãng lại là đường to bằng phẳng, có một cái cửa hiện ra trước mắt. Mọi người nói: "Thú thực, thú thực! Thần kỳ tinh xảo đến thế là cùng!"

Bây giờ Bảo Ngọc chỉ để tâm nhớ nhà, không thấy Giả Chính bảo gì, đành phải theo đến thư phòng. Giả Chính sực nhớ, nói:

– Mày còn chưa về à ? Đi chơi nửa ngày trời vẫn chưa chán hay sao ? Chắc cụ lại mong đấy. Về ngay đi. Nuông lắm sinh hư thôi!

Bảo Ngọc nghe vậy mới dám về. Ra đến ngoài, bọn hầu bé của Giả Chính chạy lại ôm lấy nói:

– May mà hôm nay ông nhà vui đấy. Vừa rồi cụ mấy lần cho người ra hỏi, chúng tôi đều nói ông đương vui với cậu; nếu không thì cụ đã gọi cậu về ngay rồi, còn trổ tài làm sao được? Ai cũng bảo thơ cậu hay hơn mọi người. Hôm nay được hãnh diện như thế, phải thưởng cho chúng tôi mới được.

Bảo Ngọc cười nói:

– Cho mỗi người một quan tiền.

Mọi người nói:

– Một quan tiền thì ai mà chẳng có ? Thưởng cho cả cái túi của cậu!

Nói xong đứa cởi lấy cái túi, đứa lấy túi quạt, chẳng kể đầu đuôi, chúng lấy sạch các thứ đeo ở trong người Bảo Ngọc. Rồi nói:

– Thôi đưa cậu về đi.

Một lũ vây tròn lấy Bảo Ngọc, dẫn về đến tận cửa Giả mẫu. Bấy giờ Giả mẫu đương mong, thấy Bảo ngọc về, biết là không xảy chuyện gì, trong lòng rất vui.

Hồi hai mươi ba

MƯỢN CÂU VĂN TÂY SƯƠNG KÝ, GIỜ GIỌNG GIỄU ĐÙA; NGHE KHÚC HÁT MẪU ĐƠN ĐÌNH CHẠNH LÒNG HỜN TỦI

Nguyên Phi sau khi từ vườn Đại quan về cung, sai Thám Xuân chép lại tất cả những bài đề vịnh hôm ấy, rồi tự tay xếp thứ tự hơn kém, truyền dựng bia ở trong vườn để ghi lại một cuộc chơi phong nhã hiếm có xưa nay. Giả Chính liền sai đi các chợ tìm thợ khéo đến vườn mài đá, khắc chữ. Giả Trân sai bọn Giả Dung, Giả Bình trông nom công việc. Giả Tường vì bận về trông nom bọn con hát và các đồ diễn tuồng, nên không được rỗi. Giả Trân lại gọi thêm bọn Giả Xương, Giả Lăng đến trông coi giúp, công cuộc bắt đầu vào việc nấu sáp, đục đá.

Nói đến mười hai ni cô ở miếu Ngọc hoàng và am Đạt-ma dọn ra bên ngoài, không ở trong vườn nữa; Giả Chính muốn phân họ đi các nơi. Chu thị là mẹ Giả Cần ở phố sau, đang muốn xin với Giả Chính cho con việc làm để lấy tiền tiêu. May sao nghe có việc này, liền đi xe đến nhờ Phượng Thư[1].

Phượng Thư biết Chu thị xưa nay không hay cạy thần cậy thế mấy, liền nhận lời. Nghĩ ngợi một lúc, Phượng Thư sang trình Vương phu nhân:

– Không nên cho bọn ni cô và đạo cô đi ở nơi khác. Bất thần quí phi ra chơi, cần đến họ sẽ có ngay. Nếu cho họ đi, khi cần đến, phải mất nhiều thì giờ, tốn công sức. Cứ như ý con, nên cho họ ở cả vào chùa Thiết hạm, hàng tháng cho một người đem vài lạng bạc đến mua gạo củi cho họ là được rồi. Khi cần, ta chỉ gọi một tiếng là có, không mất công gì cả.

Vương phu nhân đến bàn với Giả Chính. Giả Chính cười nói:

– Bây giờ nhắc đến, tôi mới nhớ, vậy cứ thế mà làm.

---

(1) Tức Vương Hy Phượng.

Rồi lập tức cho gọi Giả Liễn.

Giả Liễn đương ăn cơm với Phượng Thư, thấy gọi, liền bỏ cơm xuống, đứng dậy ngay. Phượng Thư níu lại cười nói

– Hãy khoan đã, tôi bảo câu này: Việc khác thì tôi không cần, nhưng nếu là bọn ni cô và đạo cô, thì thế nào cũng phải theo tôi dặn mà nói.

Rồi dặn Giả Liễn mấy câu. Giả Liễu lắc đầu cười:

– Có giỏi mợ đi mà nói, tôi mặc kệ.

Phượng Thư ngẩng cổ lên, bỏ đũa xuống. Vẻ mặt nửa cười nửa không, lườm Giả Liễn:

– Cậu nói thực hay nói đùa đấy ?

Giả Liễn cười nói:

– Con chị Năm ở phòng phía tây là Giả Vân đã xin với tôi hai ba lần. Tôi bảo nó hãy chờ, chẳng mấy khi có việc này, mợ lại định cướp mất.

Phượng Thư cười:

– Cậu cứ yên tâm, Quý phi đã dặn trồng nhiều tùng, bách về phía đông bắc trong vườn và hoa cỏ ở trước lầu. Khi nào khởi công tôi sẽ cho cháu Vân trông nom việc ấy.

Giả Liễn nói:

– Thôi được. Nhưng tại sao đêm hôm qua tôi muốn "đổi lối mới", mợ lại cứ vùng vằng hất chân tay tôi ra.

Phượng Thư nghe nói, nhoẻn cười, phỉ vào Giả Liễn một cái rồi cúi đầu ăn cơm.

Giả Liễn cười rồi chạy một mạch đến hầu Giả Chính, thì quả là việc các ni cô. Giả Liễn cứ theo lời Phượng Thư dặn, nói:

– Xem ra cháu Cần đã thông thạo, có thể giao cho nó trông nom, cứ theo lệ thường, mỗi tháng chỉ việc chi và lĩnh tiền là xong.

Giả Chính xưa nay vẫn không nhìn đến những việc nhỏ nhặt, nghe Giả Liễn nói bằng lòng ngay.

Giả Liễn về nhà bảo Phượng Thư. Phượng Thư sai người bảo ngay Chu thị. Giả Cần đến, cảm ơn vợ chồng Giả Liễn. Phượng Thư muốn tỏ ra thân thiết, bảo hắn viết giấy nhận trước ba tháng lương. Giả Liễn đóng dấu, phát thẻ cho hắn đi lĩnh. Kho bạc cứ theo số lương phát cho ba trăm bạc trắng xoá. Giả Cần đưa biếu người cân một lạng để uống nước. Rồi sai đứa hầu nhỏ đem về nhà. Hắn bàn với mẹ xong, lập tức thuê mấy cỗ xe, đến cửa nách phủ Vinh, gọi hai mươi bốn người ra, ngồi cả lên xe, đi một mạch đến chùa Thiết Hạm.

Nói về Nguyên phi ở trong cung đã xếp xong thứ tự những bài đề vịnh vườn Đại quan rồi. Chợt nghĩ đến phong cảnh trong vườn, sau lần ra chơi, chắc là Giả Chính bắt đóng khóa cẩn thận,. không cho ai đi lại, như thế chẳng hóa phụ cái cảnh đẹp ấy lắm sao ? Vả chăng đám chị em trong nhà đều là người biết đề vịnh cả, sao ta không bảo họ sang đây, để đến nỗi người tài buồn tẻ, hoa liễu kém tươi ! Lại nghĩ đến Bảo Ngọc không như các em khác, từ bé đến lớn vẫn ở luôn với đám chị em; nếu không cho sang đây, sẽ làm cho cậu ta buồn, mà Giả mẫu và Vương phu nhân cũng không được vui. Vậy nên cho Bảo Ngọc ở luôn đấy mới phải. Nguyên phi liền sai thái giám là Hạ Trung đem một đạo dụ đến phủ Vinh truyền cho bọn Bảo Thoa vào ở trong vườn, không được đóng khoá như trước. Bảo Ngọc cũng được đến ở đấy đọc sách.

Giả Chính và Vương phu nhân nhận được dụ, đến trình Giả mẫu, rồi sai người vào trong vườn dọn dẹp sắp đặt giường ghế, treo rèm màn. Bảo Ngọc nghe tin, khôn xiết vui mừng. Đương lúc vòi vĩnh Giả mẫu, đòi cái nọ, đòi cái kia, thì có a hoàn[1] đến nói:

---

(1) Người hầu gái

"Ông sai gọi cậu Bảo".

Bảo Ngọc sa sầm nét mặt, mất vui, ngồi ngẩn ra một lúc, rồi uốn éo níu chặt lấy Giả mẫu, không chịu đi.

Giả mẫu an ủi:

– Của quí của bà này! Cháu cứ đi đi, đã có bà. Cha cháu không dám làm gì cháu đâu! Vả cháu vừa làm được những bài thơ hay nên chị cháu muốn cho cháu vào trong vườn ở. Cha cháu sợ cháu vào trong ấy hay quấy rầy, nên gọi đến dặn bảo mấy câu đấy thôi. Hễ cha bảo gì, cháu cứ vâng lời ngay là xong.

Giả mẫu nói xong, gọi hai bà già đến dặn: "Đưa cậu Bảo sang, và chớ để ông làm cho cậu ấy sợ". Bà già vâng lời, đi.

Bảo Ngọc chầm chậm bước đi, mãi mới đến nơi. Giả Chính đương ở buồng Vương phu nhân bàn tính công việc. Bọn Kim Xuyến, Thái Vân, Thái Phượng, Tú Loan, Tú Phượng đương đứng ở dưới thềm, trông thấy Bảo Ngọc, đều nhoẻn miệng cười. Kim Xuyến nắm tay Bảo Ngọc lại, khẽ bảo:

– Môi tôi vừa bôi nhiều sáp thơm và ngọt lắm, cậu có thích ăn không ?

Thái Vân đẩy Kim Xuyến ra, cười nói:

– Người ta đương ruột rối bời bời, mày còn trêu trọc mãi! Lúc này ông bà đang vui đấy, cậu đi vào đi.

Bảo Ngọc đẩy cửa vào. Giả Chính và Vương phu nhân ở cả trong buồng. Dì Triệu vén rèm. Bảo Ngọc vào, thấy Giả Chính và Vương phu nhân đương ngồi trên giường nói chuyện. Bọn Nghênh Xuân, Thám Xuân, Tích Xuân, Giả Hoàn đều ngồi ghế dưới. Thấy Bảo Ngọc vào, Thám Xuân, Tích Xuân, và Giả Hoàn đều đứng dậy.

Giả Chính ngước mắt nhìn, thấy Bảo Ngọc dáng điệu thanh nhã, vẻ mặt tuấn tú, ngoảnh lại nhìn Giả Hoàn, thì diện mạo ươn hèn, đi đứng thô lỗ, khiến cho ông ta lại nhớ ngay đến

Giả Châu. Nghĩ đến Vương phu nhân chỉ có một đứa con đẻ, yêu quí như ngọc mà mình đầu đã hoa râm, bỗng lòng ghét Bảo Ngọc của ông ta đã bớt đi nhiều. Liền nói:

– Quí phi bảo mày suốt ngày đi chơi, không chịu học hành; nay bắt mày ở trong vườn đọc sách với các chị em. Mày phải cố học, nếu còn lêu lổng thì liệu hồn đấy!

Bảo Ngọc vâng lia lịa, Vương phu nhân dắt lại cho ngồi bên cạnh. Các chị em cũng đâu ngồi đấy. Vương phu nhân sờ cổ Bảo Ngọc hỏi;

– Những viên thuốc hôm nọ uống hết chưa?

– Còn một viên.

– Ngày mai lại lấy mười viên nữa. Mỗi đêm trước khi đi ngủ, bảo Tập Nhân cho uống một viên.

– Vâng. Trước khi đi ngủ, Tập Nhân vẫn cho con uống.

Giả Chính hỏi:

– Tập Nhân là ai?

Vương phu nhân đáp:

– Là một a hoàn.

– A hoàn thì gọi tên gì không được. Đứa tai quái nào đã đặt cho nó cái tên ấy?

Vương phu nhân thấy Giả Chính không thích, liền dấu hộ Bảo Ngọc, nói:

– Đó là bà đặt cho nó đấy.

Giả Chính nói:

– Bà hiểu đâu những chữ ấy. Nhất định lại thằng Bảo Ngọc.

Bảo Ngọc biết không dấu nổi, đứng dậy thưa:

– Vì thường đọc thơ, con nhớ có câu: *Hoa khí tập nhân tri trú noãn*[1]. Nó là họ hoa, nên con tiện miệng con đặt cho nó cái tên ấy.

---

(1) Mùi thơm của hoa ngát xung quanh người, biết là ban ngày trời ấm.

Vương phu nhân vội bảo Bảo Ngọc:

– Về đổi ngay cái tên ấy đi. – Và quay sang nói với Giả Chính – Ông cũng không nên để tâm về việc nhỏ này.

Giả Chính nói:

– Kể ra cũng chẳng hại gì, không cần phải đổi. Nhưng xem thế đủ biết nó không lo việc chính, chỉ thích những lời văn trai lơ phù phiếm thôi.

Ông ta quát to một tiếng:

– Đồ súc sinh, sao không bước đi!

Vương phu nhân vội nói:

– Thôi về đi, có lẽ bà đương chờ con đấy!

Bảo Ngọc vâng lời, thong thả ra đi, nhìn Kim Xuyến, lè lưỡi cười, rồi theo hai vú già chạy một mạch về nhà. Lúc này Tập Nhân đang dựa cửa, thấy Bảo Ngọc về được êm ấm, cười hỏi:

– Ông gọi cậu đến làm gì ?

– Chẳng có việc gì cả. Ông sợ tôi vào ở đấy quấy rối, nên bảo mấy câu thôi.

Nói xong, Bảo Ngọc chạy sang bên Giả mẫu trình hết đầu đuôi. Khi ấy Đại Ngọc ở đấy, Bảo Ngọc liền hỏi:

– Cô thích ở chỗ nào?

Đại Ngọc đang tính toán việc ấy, thấy Bảo Ngọc hỏi, nên cười nói:

– Tôi thích ở quán Tiêu Tương. Ở đấy có mấy khóm trúc, quanh co một dẫy bao lan, tĩnh mịch hơn cả chỗ khác.

Bảo Ngọc vỗ tay cười:

– Thực đúng ý tôi! Tôi cũng muốn cô ở đấy. Tôi ở viện Di Hồng. Hai chúng ta lại được gần nhau, và đều được yên lòng.

Hai người đang bàn định,, thì Giả Chính sai người đến thỉnh Giả mẫu;

– Đến hai mươi hai tháng hai này tốt ngày, xin cho các cháu các cô dọn vào ở trong vườn.

Trong mấy ngày ấy, người nhà chia nhau vào vườn dọn dẹp. Bảo Thoa ở Hành Vu uyển, Đại Ngọc ở quán Tiêu Tương, Nghênh Xuân ở Lầu Xuyết Cẩm, Thám Xuân ở Thu Sảng trai, Tích Xuân ở hiên Lục Phong, Lý Hoàn ở thôn Đạo Hương, Bảo Ngọc ở viện Di Hồng. Mỗi nơi phải thêm hai bà già, bốn a hoàn. Ngoài bà vú và các người hầu cận, còn có nhiều người chuyên giữ việc dọn dẹp quét rửa. Đến ngày hai mươi hai, đâu đấy đều dọn dẹp sạch sẽ cả. Bấy giờ trong vườn phút đã hoa chào đai gấm, liễu đón gió thơm, không còn vắng vẻ như khi trước nữa.

Bảo Ngọc từ khi vào ở trong vườn, lòng đầy vui thích, chẳng mong gì khác nữa. Ngày nào cậu ta cũng chỉ cùng chị em và bọn a hoàn họp mặt một chỗ, hoặc đọc sách, hoặc viết lách, gẩy đàn, đánh cờ, học vẽ, làm thơ, thêu loan, trổ phượng, chọi cỏ, hái hoa, ngâm thơ, hát lẩy, đố chữ, đoán mùi quả, tha hồ chơi bời thỏa thích. Bảo Ngọc có bốn bài tức cảnh bốn mùa, tuy không hay lắm, nhưng cũng tả được tình cảm chân thực:

TỨC CẢNH ĐÊM XUÂN

Trướng ráng màn mây sắm sẵn rồi
Ngõ ngoài tiếng ếch thoáng bên tai.
Gối vương hơi lạnh mưa ngoài cửa,
Mắt ngắm màu xuân mộng gặp người.
Cây nến khóc ai dàn dụa mãi!
Bông hoa hờn khách ủ ê hoài!
A hoàn chẳng biết lười hay nũng ?
Vẫn cứ ôm chăn, vẫn nói cười.

TỨC CẢNH ĐÊM HÈ

Thêu khuya ai mới ngủ say,
Trong lồng, anh vũ gọi ngay pha chè.
Gương xa nguyệt gọi song the,
Đào vân ngào ngạt, hương chè vua ban.
Móc sen cốc ngọc đầy tràn,
Ngả nghiêng gió liễu bên giàn pha lê.
Trên đỉnh phe phẩy quạt hè,
Lầu son trang điểm rèm che cuốn liền.

TỨC CẢNH ĐÊM THU

Trong Giáng Vân hiên vắng tiếng người.
Màn the nhấp nhánh bóng trăng trôi.
Hạc nồng giấc điệp trên rêu đá,
Quạ dẫm sương ngô cạnh giếng khơi.
Hầu đến giải chăn, đàn phượng múa,
Người về tựa cửa, cánh hoa rơi[1],
Quá say trằn trọc đêm còn khát,
Quạt nước pha trà hãy uống chơi.

TỨC CẢNH ĐÊM ĐÔNG

Mơ màng mai trúc trống ba rồi
Đệm gấm chăn lông vẫn tỉnh hoài
Sân rợp bóng thông chim hạc đứng,
Oanh êm giọng hát, tuyết hoa rơi.
Ai trùm áo thuý, hồn thơ lạnh,
Đây khoác da điêu, sức rượu lười.
Cô gái hầu trà xem đã thạo,
Lấy ngay tuyết mới thử pha chơi

(1) Nguyên văn câu này: Khi người tựa cửa quay về thì hoa tuyết rơi đầy.

Thấy mấy bài thơ này là của một công tử mười hai, mười ba tuổi ở phủ Vinh làm ra, những bọn xu phụ thế lợi lúc ấy tranh nhau biên chép truyền tụng khắp nơi. Những bạn trẻ lãng mạn, thích câu trai lơ trêu gợi, cũng viết vào quạt, hoặc để lên tường, để thỉnh thoảng ngâm nga. Vì thế có nhiều người đến xin chữ, xin thơ, xin vẽ, xin đề, Bảo Ngọc thành ra đắc ý, ngày nào cũng bận về việc thú hứng. Không ngờ, tỉnh quá hóa động; một hôm Bảo Ngọc thấy buồn rầu khó chịu, nhìn cái này không đẹp, cái kia không hay, ra vào lên xuống chỉ thấy bực mình. Trong vườn, phần đông là bọn con gái đang còn tính nết thơ ngây, cười nói hồn nhiên, ăn ở đứng ngồi gặp đâu hay đấy, thì biết thế nào được tâm sự của Bảo Ngọc ?

Bảo Ngọc khó chịu, không thích ở trong vườn, chỉ thích ra ngoài phóng túng cho rộng cẳng, nhưng lại ngớ ngẩn, không nói ra được sở thích của mình. Dính Yên thấy thế, muốn bày trò vui, nhưng nghĩ đi nghĩ lại, cái gì Bảo Ngọc cũng chơi chán rồi, khó có trò vui, chỉ có một thứ là chưa trông thấy. Nó liền đi đến các bảng sách, tìm tòi những chuyện như: *Phi Yến, Hợp Đức, Võ Tắc Thiên, Dương Quý Phi* và các chuyện thần kỳ khác, mua mấy bộ đem về biếu Bảo Ngọc.

Bảo Ngọc chưa được xem sách này bao giờ, quả nhiên thích lắm, như là bắt được của báu. Dính Yên lại dặn:

– Cậu không nên đem vào trong vườn, nếu để cho người ta trông thấy, thì tôi sẽ bị ăn đòn!

Nhưng Bảo Ngọc khi nào lại chịu nghe ? Cứ tính quanh tính quẩn hai ba lần, rồi chọn những bộ nào lời văn hơi thanh nhã, để ở trên giường, chờ khi vắng người mới đem ra xem; còn những bộ tục quá thì dấu ở buồng sách bên ngoài.

Một hôm vào trung tuần tháng ba. Cơm sáng xong, Bảo Ngọc đến ngồi trên hòn đá dưới cây đào, cạnh cầu Thẩm

Phương, giở cuốn Hội châu ký[1] ra xem. Khi giở đến chương "Lạc hồng thành trận"[2], chợt cơn gió lướt qua, hoa đào trên cây rụng xuống đầu đầy cả người, cả sách, cả trên mặt đất, Bảo Ngọc muốn rũ đi, nhưng lại sợ chân dẫm phải, đành hứng lấy hoa, đem thả xuống ao. Những cánh hoa ấy cư lênh đênh nổi trên mặt nước, rồi qua đập Thẩm Phương trôi đi.

Bảo Ngọc quay lại, thấy trên mặt đất vẫn còn nhiều cánh hoa. Đương lúc dùng dằng, chợt nghe đằng sau có người hỏi: "anh ở đây làm gì thế? " Bảo Ngọc quay lại, thấy Đại Ngọc vai vác cái cuốc, đeo cái túi the, tay cầm cái chổi quét hoa. Bảo Ngọc cười nói:

– Tốt lắm. Bây giờ cô hãy đi quét hết những cánh hoa còn lại kia đem thả xuống nước. Tôi vừa thả xuống đấy nhiều lắm.

Đại Ngọc nói:

– Thả xuống nước không được đâu. Anh tưởng nước ở đây sạch à ? Khi chảy đến chỗ gần nhà người ta ở, thì nước chứa đủ hôi thối, vẫn làm hoa dơ bẩn. Ô gò đằng kia tôi đã đào một cái mả để chôn hoa. Nay ta quét hết, bỏ vào túi này, đem đến đấy chôn. Hoa lâu ngày hóa ra đất, như thế chẳng sạch hay sao ?

Bảo Ngọc nghe vậy mừng lắm, cười:

– Để tôi bỏ sách xuống, cùng đi nhặt với cô.

Đại Ngọc hỏi: "Sách gì đấy? ".

Bảo Ngọc vội giấu đi rồi nói:

– Chẳng qua những sách "*Đại học, Trung dung*" thôi.

Anh còn giở trò ma quỉ giấu tôi à ? Muốn tốt, anh đưa ngay cho tôi xem. – Cho cô xem, tôi chẳng sợ gì. Nhưng xem

(1) Tức Tây xương ký. Nguyên Chuẩn đời Đường làm ra.

(2) Hoa đỏ rụng thành từng trận.

xong, cô đừng kể lại cho ai biết. Truyện này văn viết hay lắm, nếu cô xem nó thì quên cả ăn.

Nói xong đưa sách cho Đại Ngọc.

Đại Ngọc bỏ các đồ nhặt hoa xuống, cầm lấy sách, càng xem càng thích, chừng chưa ăn xong bữa cơm, đã xem hết cả mười sáu hồi. Thấy lời văn rung động, trong miệng nhường có mùi thơm. Đại Ngọc chăm chú đọc xong ngẩn người ra, cố nhẩm cho nhớ.

Bảo Ngọc cười:

– Cô xem có hay không ?

Đại Ngọc gật đầu cười:

– Xem thú thật!

Bảo Ngọc cười nói:

– Tôi là người nhiều sầu, có bệnh, cô là trang nghiêng nước nghiêng thành[1].

Đại Ngọc nghe nói câu ấy, mặt và tai đỏ ửng lên, lập tức dựng ngược lông mày, như cau lại mà không phải là cau, trố hai con mắt, như trợn mà không phải là trợn. Má đào nổi giận, mặt phấn ngậm hờn, trỏ vào mặt Bảo Ngọc:

– Anh nói bậy muốn chết đấy! Dám đem những lời lẳng lơ suồng sã lăng nhăng để khinh nhờn tôi! Tôi về mách cậu mợ đấy!

Nói hai chữ "khinh nhờn", mặt Đại Ngọc đỏ ngầu lên, nguây nguẩy chạy đi ngay.

Bảo Ngọc vội đứng ngăn lại nói:

– Xin cô hãy tha cho tôi lần này, nếu tôi có bụng khinh nhờn cô, sau này tôi ngã xuống ao, bị giải ăn thịt, hóa ra con rùa. Khi nào cô làm bà nhất phẩm phu nhân, già ốm về chầu phật, tôi sẽ đến mộ đội bia cho cô suốt đời.

---

(1) Cũng chữ trong Tây sương ký.

Câu ấy làm cho Đại Ngọc phì cười, dịu mắt nói:

– Hơi một tí đã sợ run lên. Thế mà anh hay nói bậy! Thôi chẳng qua tốt mã mà đoảng, bề ngoài giáo bạc, cốt trong sắt vàng!

Bảo Ngọc nghe vậy cười nói:

– Cô nói gì đấy!

Đại Ngọc cười:

– Anh bảo anh liếc mắt qua cũng thuộc, có lẽ tôi không nhìn một cái được mười dòng ư ?

Bảo Ngọc vừa cất sách đi, vừa cười nói:

– Thôi, đừng nói đến chuyện ấy nữa, chúng ta đi chôn hoa đi.

Rồi hai người cùng đi nhặt và chôn hoa. Vừa xong thì Tập Nhân chạy đến nói:

– Tôi tìm cậu khắp nơi, chẳng thấy cậu đâu cả. Cậu mợ đến đây làm gì thế ? Ông cả ở bên kia khó ở, các cô sang thăm cả rồi, cụ bảo tôi đi tìm cậu sang thăm. Cậu thay quần áo ngay đi.

Bảo Ngọc liền cầm lấy sách, từ biệt Đại Ngọc, cùng Tập Nhân quay về.

Đại Ngọc thấy Bảo Ngọc đi rồi, các chị em lại không có ai ở đây, một mình thui thủi về buồng. Vừa đi đến góc tường điện Lê nương, thì nghe ở trong nhà có tiếng sáo, tiếng hát trầm bổng dịu dàng. Đại Ngọc biết ngay là bọn mười hai con thỏ đương tập diễn tuồng. Đại Ngọc không để ý nghe, nhưng cũng có hai câu lọt vào tai, rõ ràng không sót chữ nào:

Trước sao hồng tía đua chen,

Giờ sao giếng lấp tường nghiêng thế này ?

Nghe xong, Đại Ngọc rất thương cảm, đứng dừng lắng tai nghe, lại thấy hát:

Ngày xuân cảnh đẹp đã qua,

Niềm vui rộn rã ở nhà nào đây ?

Đại Ngọc gật đầu khen ngợi, nghĩ bụng: "Thế ra ở trong vở hát cũng có nhiều câu văn hay, tiếc rằng người đời chỉ biết nghe, chưa chắc đã thưởng thức được những cái hay trong đó", chợt lại hối không nên nghĩ nhảm, bỏ nhỡ những khúc hát. Đại Ngọc lại lắng tai nghe nữa, thấy hát câu:

Chỉ vì nàng người đẹp như hoa
Tuổi trôi như nước... (1)

Nghe câu này, tâm thần Đại Ngọc choáng váng, sau lại thấy những câu: *Thương mình ở chốn thâm khuê...* lại càng như say như dại, không đứng vững được, Đại Ngọc ngồi trên hòn đá ngẫm nghĩ ý vị tám chữ: *Người đẹp như hoa, tuổi trôi như nước.* Chợt nhớ đến cổ nhân có câu: *Nước chảy hoa tan khéo hững hờ,* mà trong từ khúc này lại có câu: *Nước chảy hoa trôi xuân đã hết, trên trời cõi tục...* vả lại trong Tây sương ký có câu:

Hoa rơi dòng nước đỏ ngòm,
Muôn sầu vơ vẩn héo hon lòng này.

Bao nhiêu ý nghĩ dồn lại, làm Bảo Ngọc đắn đo suy nghĩ, bất giác tâm thần ngẩn ngơ, nước mắt tràn quanh. Đương lúc phiền não, chưa tìm được cách khuây khoả, bỗng có người đập một cái vào lưng.

Thật là:

Sớm phấn đêm thêu nào nghĩ đến,
Nhìn trăng hứng gió lại buồn thêm.

VŨ BỘI HOÀNG, NGUYỄN THỌ,
NGUYỄN DOÃN dịch
(Nhà xuất bản Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 1989)

---

(1) Câu này trích trong vở Mẫu đơn đình, Thang, Hiển Tổ đời Minh soạn

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

1. LỖ TẤN (1881 - 1936)

Truyện ngắn

Tạp văn

2. QUÁCH MẠT NHƯỢC (1892 - 1978)

Nữ Thần

3. TÀO NGU (1910 - 1996)

Lôi Vũ

Nhật xuất

1. LỖ TẤN (1881 - 1936)

Là nhà văn lớn của nền văn học Trung Quốc, tên thật là Chu Thụ Nhân, tự là Dự Tài, bút danh Lỗ Tấn. Ông xuất thân trong một gia đình quan lại sa sút. Trước học thuốc, sau chuyển sang hoạt động văn học nghệ thuật. Ông sáng tác nhiều thể loại, trong đó truyện ngắn và tạp văn là xuất sắc hơn cả. Tất cả tác phẩm của ông đều được tổng hợp thành Lỗ Tấn toàn tập gồm 10 quyển.

TRUYỆN NGẮN[1]

NHẬT KÝ NGƯỜI ĐIÊN[2]

Hai anh em nhà nọ, nay tạm giấu tên, đều là bạn thân của tôi ngày trước ở trường trung học. Xa cách lâu ngày dần dần vắng tin nhau. Gần đây, tình cờ được tin một trong hai người ốm nặng; nhân về quê chơi, có ghé thăm, nhưng lại chỉ gặp người anh. Ông ta cho biết người ốm chính là người em.

---

(1) Những truyện ngắn tuyển chọn ở đây rút trong *Lỗ Tấn Truyện ngắn chọn lọc* do Trương Chính dịch, NXB Văn học H. 1979.

(2) Truyện này trước đăng ở *Tân thanh niên*, số tháng 5 năm 1918. Trong lịch sử văn học Trung Quốc, đó là tác phẩm đầu tiên đả kích đạo đức phong kiến - thứ "lễ giáo ăn thịt người" - một cách sâu sắc.

– Cám ơn anh không ngại đường xa đến thăm, nhưng chú nó nay đã lành rồi, hiện đang đến tỉnh X, chờ được bổ đi làm việc.

Rồi cười phá lên, lấy ra hai tập nhật ký, bảo có thể xem đấy biết được bệnh trạng lúc bấy giờ thế nào; chỗ bạn cũ với nhau, chẳng có gì ngại. Cầm về, đọc qua một lượt biết anh ta mắc bệnh "bách hại cuồng"(1)*. Tập nhật ký đó viết rất lộn xộn, không có thứ tự, lại lắm câu hết sức hoang đường. Cũng chẳng ghi ngày tháng, duy màu mực và nét chữ có khác nhau, biết không phải viết một mạch. Cũng có những đoạn khá mạch lạc, xin trích ra đây hiến các nhà y học làm tài liệu nghiên cứu. Những chữ viết sai cũng cứ để vậy, không thay đổi. Chỉ có tên người, tuy là người ở chốn thôn quê, không ai biết, không quan hệ đến đại thể, nhưng cũng đổi hết. Còn như tên tập nhật ký thì chính người viết sau khi khỏi bệnh đề như vậy, cứ để nguyên.*

Ngày 2 tháng 4 năm Dân quốc thứ 7.

I

Đêm nay trăng đẹp quá.

Hơn ba mươi năm nay, không thấy; hôm nay thấy, tinh thần sảng khoái lạ thường. Mới biết hơn ba mươi năm nay, mình toàn sống trong tăm tối. Nhưng phải hết sức cẩn thận. Nếu không, tại sao con chó nhà họ Triệu lại lườm mình như thế?

Mình sợ là phải lắm.

II

Hôm nay không trăng. Biết là không ổn rồi. Lúc sáng bước chân ra cửa, đã hết sức cẩn thận, thế mà ông Triệu lại nhìn

(1) Một thứ bệnh điên, người bệnh lúc nào cũng thấy người ta hại mình (N.D).

mình bằng một con mắt quái gở: hình như sợ mình mà cũng hình như muốn hại mình. Còn có bảy tám người nữa chụm đầu thì thầm với nhau về mình, lại sợ mình thấy. Những người gặp trên đường cũng đều như thế cả. Có một người dữ tợn nhất, há hốc miệng, nhìn mình, cười một cái, làm mình lạnh toát từ đầu đến chân. Cho biết họ đã sắp đặt đâu vào đó cả rồi!

Nhưng mình không sợ, cứ đường mình mình đi. Phía trước, một bầy trẻ cũng đang bàn tán gì về mình. Ánh mắt cũng y hệt ánh mắt ông Triệu, mặt cũng tái mét. Nghĩ bụng không hiểu chúng nó thù gì mình mà cũng lại như thế. Mình không nhịn được, nói to: "Cái gì nào? Nói đi?", thì chúng nó bỏ chạy.

Mình nghĩ không rõ mình với ông Triệu, cả với những người gặp trên đường kia, có thù oán gì. Chỉ hai mươi năm trước đây, mình có giẫm lên cuốn sổ ghi nợ mấy mươi đời của cụ Cổ Cữu[1]. Cụ ta rất không bằng lòng. Ông Triệu tuy không quen biết gì cụ Cổ Cữu, nhưng nhất định có nghe phong thanh, rồi bất bình thay, rủ cả những người gặp trên đường kia oán mình, chống lại mình. Nhưng mấy đứa trẻ kia? Hồi đó, chúng nó chưa đẻ, tại sao bây giờ cũng trợn mắt kỳ dị như thế, hình như sợ mình mà hình như cũng muốn hại mình? Thật là làm cho mình kinh hãi, làm cho mình vừa ngạc nhiên vừa đau xót.

Hiểu ra rồi! Đó là bố mẹ chúng nó bày vẽ cho!

III

Suốt đêm không sao ngủ được. Việc gì cũng phải suy nghĩ mới vỡ nhẽ.

---

(1) Cổ Cữu: lâu đời. Cụ Cổ Cữu là một tên tượng trưng chỉ những nhân vật bảo thủ. Cuốn sổ nói ở đây ám chỉ lịch sử thống trị tràng kỳ của giai cấp phong kiến. *Giẫm lên cuốn sổ ghi nợ ấy* tức là vi phạm lễ giáo phong kiến, có hành vi chống lại chế độ phong kiến.

Bọn họ trước kia có kẻ bị ông huyện cùm kẹp, có kẻ bị thân hào vả miệng, có kẻ bị nha lại cướp vợ cướp con, có kẻ cha mẹ bị chủ nợ bức quá phải tự sát, nhưng bấy giờ, họ đâu có đáng sợ và hung ác như hôm qua!

Lạ nhất là người đàn bà hôm qua ngoài phố, vừa đánh con vừa nói: "Đồ ranh con! Tao có ăn được thịt mày một miếng mới hả giận!" Con mắt bà ta lại cứ nhìn mình chòng chọc. Mình thất kinh hồn vía, không làm sao che giấu được nỗi sợ hãi. Thế rồi, cả đám người đứng đấy, mặt tái mét, răng nhọn hoắt, phá lên cười. Lão Năm Trần chạy lại lôi bừa mình về.

Lôi bừa mình về nhà, người trong nhà đều giả vờ không biết mình. Ánh mắt cũng y như những người kia. Mình vừa bước chân vào phòng sách thì họ liền khoá trái cửa, nhốt lại, y như nhốt gà nhốt vịt. Việc này càng khiến cho mình không hiểu họ định làm cái gì.

Mấy hôm trước, người tá điền bên thôn Lang - sói sang báo mất mùa, kể chuyện với ông anh mình rằng bên ấy, có một tên đại ác bị người ta đánh chết. Có kẻ đến moi tim moi gan đem về rán mỡ ăn để cho được can đảm. Mình nói xen vào mấy câu thì ông anh và người tá điền trố mắt nhìn. Hôm nay, mới biết là ánh mắt họ cũng giống hệt ánh mắt những người gặp ngoài đường kia!

Nghĩ lại mà lạnh từ đầu đến chân.

Họ đã ăn được thịt người thì vị tất lại không ăn được thịt mình!

Rõ ràng câu nói "Ăn thịt mày một miếng..." của người đàn bà nọ, tiếng cười của những người mặt tái mét, răng nhọn hoắt kia, và mẩu chuyện của người tá điền hôm trước, đều là những ám hiệu cả. Mình thấy rõ trong lời nói của họ có thuốc độc, trong giọng cười họ có dao găm. Răng thì nhăn ra trắng hếu. Toàn bọn ăn thịt người!

Theo mình nghĩ, tuy mình không phải là một người ác, nhưng từ ngày mình giẫm lên cuốn sổ ghi nợ của cụ Cổ Cữu, thì không còn thể nói chắc được nữa. Huống hồ, họ giở mặt một cái là có thể đổ riệt cho người ta là người ác. Còn nhớ hồi ông anh bày cho mình làm luận. Mặc dù nhân vật đem ra bàn tốt đến đâu, hễ tìm được cách chê vài câu là ông ta khuyên cho mấy khuyên. Và đối với những nhân vật xấu, hễ lựa lời bào chữa, là ông ta phê ngay bên cạnh "*Phiên thiên diệu thủ, dữ chúng bất đồng*" (Có biện luận! Độc đáo!). Như vậy thì mình làm sao đoán biết được tâm tư họ thế nào! Huống hồ khi họ đã muốn ăn thịt mình!

Việc gì cũng phải suy nghĩ mới vỡ nhẽ. Cổ lai, việc ăn thịt người thường lắm, mình cũng còn nhớ, nhưng, không được thật rõ. Liền giở lịch sử ra tra cứu thử. Lịch sử không đề niên đại, có điều trang nào cũng có mấy chữ "nhân, nghĩa, đạo đức" viết lung tung tí mẹt. Trằn trọc không sao ngủ được, đành cầm đọc thật kỹ, mãi đến khuya, mới thấy từ đầu chí cuối, ở giữa các hàng, ba chữ: "Ăn thịt người".

Những chữ đó trên trang sách và những lời nói của người tá điền cũng lại cười khì khì và trợn mắt nhìn mình một cách quái gở.

Mình cũng là người, họ định ăn thịt mình thật!

IV

Sáng nay, ngồi yên tĩnh được một lúc. Lão Năm Trần bưng cơm vào. Một đĩa rau, một đĩa cá hấp. Mắt cá trắng dã và cứng đờ, miệng há hốc ra, trông y như bọn ăn thịt người kia. Ăn mấy miếng, thấy nhờn nhờn, không biết thịt cá hay thịt người đây. Thế là mửa nhào ra hết!

Mình nói: "Ông năm à! Nói giùm với anh tôi rằng ở đây buồn lắm, tôi muốn ra vườn dạo quanh một lúc".

Lão Năm không trả lời, đi thẳng, đứng lại một lát, rồi đến mở cửa.

Mình cứ ngồi im để xem họ xử trí với mình ra làm sao. Biết chắc họ nhất định không chịu buông tha mình đâu. Quả nhiên, ông anh dẫn một lão già nào vào, bước rất thư thả. Lão ta có cặp mắt rất dữ, sợ mình trông thấy, nên cứ cúi gằm mặt xuống đất, chỉ nhìn trộm mình qua đối kính trắng. Ông anh nói:

- Hôm hay hình như chú có đỡ hơn thì phải?

Mình nói:

- Vâng.

Ông anh nói:

- Hôm nay mời cụ Hà đến xem mạch cho chú.

Mình nói:

- Được.

Kỳ thực, há mình lại không biết lão già này chỉ là một tay giết người trá hình hay sao? Rõ ràng lấy cớ đến bắt mạch để dò xem béo hay gầy. Với cái công đó, lão ta sẽ được chia một phần mà ăn. Mình cũng chẳng sợ. Tuy không hề ăn thịt người, nhưng mình còn can đảm hơn họ nhiều. Cứ đưa tay ra, xem lão ta giở trò gì. Lão ta ngồi xuống, nhắm mắt lại, sờ sờ mó mó một lúc, lại ngồi thừ ra một lúc, rồi gương tròn đôi mắt quỷ sứ, nói:

- Không nên nghĩ vơ vẩn. Tĩnh dưỡng mấy ngày là khỏi.

"Không nên nghĩ vơ vẩn. Tĩnh dưỡng...". Tĩnh dưỡng cho béo, tự nhiên họ sẽ được nhiều thịt mà ăn! Mình thì được cái gì? Làm thế nào "khỏi" được? Bọn họ muốn ăn thịt người, nhưng lại cứ lấm la lấm lét, muốn che giấu đi, không dám đường hoàng ra tay, làm mình cười chết đi được. Không nhịn nổi, mình cười phá lên, thích thú quá. Riêng mình, mình biết tiếng cười của mình là một tiếng cười dũng cảm, nghĩa khí. Lão già và ông

anh mặt cứ tái đi, bị cái dũng cảm, cái nghĩa khí của mình áp đảo.

Nhưng mình dũng cảm thì họ lại càng muốn ăn thịt mình, hòng chia sẻ chút dũng cảm đó. Lão già ra khỏi cửa, bước được mấy bước, đã ghé tai nói thầm với ông anh:

- Cho ăn ngay[1].

Ông anh gật đầu. Té ra có cả anh nữa hay sao! Điều vừa phát hiện, tuy giống như bất ngờ, nhưng thật ra thì cũng đã biết rồi. Ông anh mình cũng cùng một bọn với những người ăn thịt mình!

Ông anh mình là một kẻ ăn thịt người!

Mình là em một kẻ ăn thịt người!

Chính mình bị ăn thịt nhưng lại vẫn là em một kẻ ăn thịt người!

Mấy hôm nay nghĩ lại: giá thử lão già kia không phải là tay giết người trá hình mà quả là thầy thuốc thật thì lão ta cũng vẫn là một kẻ ăn thịt người thôi. Tổ sư các ông ấy là Lý Thời - Trân đã viết rõ ràng trong cuốn *Bản thảo gì gì ấy*[2] rằng: thịt người có thể rán ăn được. Lão ta còn có thể nói lão ta không ăn thịt người nữa ư?

Còn như ông anh mình, cũng chẳng phải là ai đổ oan cho đâu! Hồi ông ta giảng sách cho mình, chính miệng ông ta nói có thể "đổi con mà ăn" ("*Dịch tử nhi thực*")[3]. Lại một lần,

---

(1) Nguyên văn: *Cản khẩn ngật bãi*: ý ông thầy thuốc muốn nói: *Cho uống ngay*. Chữ ngật có nghĩa là *ăn* cũng có nghĩa là *uống* (như *ngật trà, ngật dược*: uống chè, uống thuốc). Đây là một cách chơi chữ rất tài, không dịch được (N.D).

(2) Chỉ cuốn *Bản thảo cương mục* của Lý Thời Trân (1518 - 1593), đời Minh. Đó là bộ sách kinh điển nghiên cứu được tính của Trung Quốc. Gồm 52 quyển.

(3) "*Dịch tử nhi thực*", "*Thực nhục tẩm bì*" là chữ trong *Tả truyện. Dịch tử nhi thực* nguyên là chỉ cảnh tượng thê thảm khi thành bị vây. "Người nước Sở vây nước Tống, người nước Tống đổi con mà ăn, chặt xương mà nhen lửa". *Thực nhục tẩm bì* là lấy trong câu Tấn Châu - Xước nói Tề Trang Công: "Nhưng hai người đó cũng như loài cầm thú, tôi sẽ xẻo thịt mà ăn, lấy da mà làm nệm". Hai người đó chỉ Thực Xước và Quách Tố, người nước Tề bị Châu Xước bắt được).

ngẫu nhiên bàn luận đến một người không tốt nào đó, ông ta liền nói không những phải giết đi, lại còn phải "xẻo thịt mà ăn, lấy da mà làm nệm" ("*Thực nhục tẩm bì*")[1]. Hồi ấy mình còn nhỏ, nghe nói, tim cứ đập mãi. Hôm trước, người tá điền thôn Lang – sói sang nói chuyện ăn gan người ông ta chẳng lấy làm lạ chút nào cả, cứ gật đầu lia lịa. Đủ rõ tâm địa ông ta vẫn ác như trước. Đã có thể "đổi con mà ăn" thì cái gì mà chẳng đổi được, người nào mà chẳng ăn được. Trước kia mình chỉ nghe ông ta giảng, cũng hồ đồ cho qua đi. Bây giờ mới biết rằng ngay từ khi ông ta giảng, không những mép ông ta còn nhậy mỡ người mà bụng ông ta thì đang tơ tưởng đến chuyện ăn thịt người.

V

Tối om om. Không biết ngày hay đêm nữa. Con chó nhà họ Triệu lại sủa lên rồi!

Hung ác như sử tử, khiếp nhược như thỏ, giảo quyệt như hồ ly...

VII

Mình biết mưu của họ rồi. Ra mặt giết thì không muốn và cũng không dám, sợ tai vạ, nên họ thông đồng với nhau, bủa lưới bức mình phải tự sát. Cứ nhìn bộ điệu bọn đàn ông đàn bà ngoài phố hôm nọ và hành vi ông anh mấy hôm nay, có thể rõ được tám chín phần. Tốt nhất là mình cởi thắt lưng ra,

---

(1) "*Dịch tử nhi thực*". "*Thực nhục tẩm bì*" là chữ trong *Tả truyện. Dịch tử nhi thực* nguyên là chỉ cảnh tượng thê thảm khi thành bị vây. "Người nước Sở vây nước Tống, người nước Tống đổi con mà ăn, chặt xương mà nhen lửa". *Thực nhục tẩm bì* là lấy trong câu Tấn Châu – Xước nói Tề Trang Công: "Nhưng hai người đó cũng như loài cầm thú, tôi sẽ xẻo thịt mà ăn, lấy da mà làm nệm". Hai người đó chỉ Thực Xước và Quách Tố, người nước Tề bị Châu Xước bắt được).

cột lên xà nhà, rồi treo cổ cho chết đi. Họ không mang tội giết người mà vẫn được như ý muốn. Tất nhiên họ sẽ sung sướng mà reo cười lên. Bằng không thì mình phải khiếp sợ, buồn rầu mà chết. Dù gầy đi ít nhiều, họ cũng vui lòng.

Họ chỉ ăn được thịt chết! Nhớ trong sách nào có nói đến một con vật tên là *Hyène*[1] mắt rất dễ sợ và hình thù rất xấu xí, thường ăn thịt chết, xương to mấy cũng nhai nát ra rồi nuốt tất. Nghĩ mà rùng mình! Con Hyène là bà con với lang sói, lang sói là họ hàng với chó. Hôm trước con chó nhà họ Triệu cứ lườm mình, đủ biết nó cũng đồng mưu với những người kia và đã ăn ý với nhau từ trước. Lão già nọ dù có cúi gầm mặt xuống đất, há có thể lừa nổi mình!

Đáng thương hại nhất là ông anh mình. Ông ta cũng là người, sao ông ta không sợ mà lại mưu với bọn kia ăn thịt mình nhỉ? Hay là vốn đã quen đi như thế từ lâu rồi, không cho là chuyện trái nữa chăng? Hay là táng tận lương tâm rồi, biết mà cứ làm chăng?

Mình nguyền rủa những kẻ ăn thịt người, và phải bắt đầu nguyền rủa ông ta trước. Muốn khuyên can những kẻ ăn thịt người cũng phải bắt đầu khuyên can ông ta trước.

VIII

Thật ra, điều đó nhẽ ra họ phải biết từ lâu rồi!...

Bỗng có một người nào đi vào, trạc trên dưới hai mươi tuổi, nhìn không thật rõ tướng mạo, mặt tươi cười hớn hở, gật đầu chào mình. Cái cười của anh ta không ra vẻ chân tình. Mình liền hỏi:

– Ăn thịt người, có nên không?

Anh ta vẫn cười mà nói:

---

(1) Con Hyène (i-e-nơ) thường đi theo sư tử, hổ và ăn những miếng thịt thừa những con vật kia để lại.

– Không phải là năm đói kém thì sao lại ăn thịt người?

Mình hiểu ngay anh ta cũng một phường, thích ăn thịt người. Mình càng can đảm lên, cứ hỏi:

– Có nên không?

– Chuyện đó hỏi làm gì? Ông đến là hay... nói đùa... Hôm nay trời đẹp lắm!

Phải, trời đẹp lắm, trăng sáng lắm, nhưng tôi hỏi anh, "có nên không?"

Anh ta ngỏ ý không thích mình hỏi như thế, trả lời vu vơ:

– Không ...

– Không nên à? Thế sao họ cứ ăn?

– Đâu có chuyện ấy!

– Đâu có chuyện ấy à? Bên thôn Lang – sói, người ta vừa mới ăn đấy! lại trong sách cũng chép như thế, bằng chữ đỏ mực còn tươi rói.

Mặt anh ta tái xanh. Anh ta trợn tròn mắt, nói:

– Có lẽ có. Xưa này vẫn thế...

– Xưa nay vẫn thế thì nên à?

– Tôi không muốn nói với ông về chuyện đó nữa. Và ông cũng không nên nói nữa. Ông càng nói càng sai.

Mình nhảy chồm lên, giương to mắt. Anh ta liền biến mất. Mồ hôi ướt đẫm cả người. Anh ta còn ít tuổi hơn ông anh mình nhiều, nhưng cũng cùng một phường. Nhất định là bố mẹ anh ta bày vẽ cho anh ta. Sợ anh ta đã bày vẽ lại cho con anh ta rồi cũng nên! Chả trách ngay cả bọn trẻ con cũng nhìn mình một cách dữ tợn.

IX

Muốn ăn thịt người khác, nhưng lại sợ người khác ăn thịt nên họ giữ miếng nhau, nhìn nhau ngờ vực...

Bỏ được tâm địa ấy đi mà yên trí làm việc, đi đứng ăn ngủ, khoan khoái biết chừng nào! Chỉ cần qua được bước khó khăn đó, vượt qua được cửa ải đó. Nhưng họ, cha con, anh em, vợ chồng, bè bạn, thầy trò, thù địch và cả những người không hề quen biết nhau nữa đều cùng một bè với nhau, khuyến khích nhau, lôi kéo nhau, dù chết cũng không chịu bước qua bước đó.

X

Sáng sớm, đi tìm ông anh. Ông ta đang đứng ngoài cửa nhìn trời. Mình đi đến sau lưng, đứng ở khung cửa rồi nói rất bình tĩnh, rất hòa nhã.

– Anh à! Có điều này muốn nói với anh.

Ông ta vội vã quay lại, gật đầu.

– Nói gì cứ nói đi.

– Chỉ có điều này thôi, nhưng khó nói quá. Anh này, có lẽ xưa kia, khi con người còn man rợ, họ đã từng ăn thịt người. Nhưng rồi về sau, tâm tư thay đổi, có kẻ không ăn nữa, muốn trở nên tốt, nên họ đã trở thành người, trở thành những người chân chính. Có kẻ vẫn ăn... Cũng như sâu bọ, có thứ biến thành chim, cá, khỉ, và cuối cùng biến thành người. Có kẻ không muốn trở nên tốt đến nay vẫn là sâu bọ. Kẻ ăn thịt người so với kẻ không ăn thịt người, xấu hổ biết mấy! Sợ còn xấu hổ hơn sâu bọ, so với khỉ nhiều, nhiều lắm.

Dịch Nha[1] nấu thịt con dâng cho Kiệt, Trụ ăn. Đó là chuyện ngày trước. Ai biết được từ khi bàn cổ khai thiên lập địa, người vẫn ăn thịt người cho đến con Dịch Nha, và từ con Dịch

(1) Dịch Nha người nước Tề, đời Xuân Thu, có tài nấu nướng. Truyền rằng Tề Hoàn Công than thở chưa hề được biết mùi vị thịt trẻ con ra sao. Dịch Nha bèn nấu thịt con mình dâng Tề Hoàn Công trước. Ai biết được từ khi Bàn Cổ khai thiên lập địa, người vẫn ăn thịt người

Nha cho đến ông Từ Tích Lâm[1] rồi từ ông Từ Tích – lâm cho đến cái anh gì bên thôn Lang – sới! Năm ngoái, trên tỉnh có mấy tên phạm nhân bị chém, còn có người mắc bệnh lao lấy bánh bao chấm máu liếm[2].

Họ định ăn thịt em, một mình anh cố nhiên không làm gì được, nhưng hà tất anh phải vào hùa với họ! Kẻ ăn được thịt người thì cái gì mà không làm được. Họ đã ăn được thịt em thì họ cũng có thể ăn được thịt anh.

Cùng một bọn, họ cũng có thể ăn được thịt nhau. Chỉ cần bước một bước thôi, chỉ cần bỏ ngay cái thói ấy đi thì ai nấy đều được yên ổn, thái bình. Đành rằng xưa nay vẫn thế, nhưng bây giờ chúng ta có thể tốt với nhau hơn. Không được ư ? Anh ơi! Em tin rằng anh sẽ nói có thể được. Nhưng hôm nọ, khi người tá điền đến xin giảm tô, anh lại nói là không thể được.

Lúc đầu, ông ta chỉ cười nhạt, nhưng rồi cặp mắt trở nên hung dữ. Đến khi mình nói toạc những ý nghĩa bí mật của họ thì mặt ông ta xanh đi. Một đám đông xúm trước cổng, trong đó có ông Triệu và con chó nhà ông ta. Họ chen chúc nhau thò đầu vào xem. Có kẻ mình không nhìn rõ mặt, hình như họ lấy vải chùm đầu lại, có kẻ mặt vẫn xanh lè, răng vẫn nhọn hoắt, miệng mỉm cười. Mình biết là họ cùng một phường, cùng là những kẻ ăn thịt người cả. Nhưng cũng biết tâm tư họ không giống nhau. Có kẻ thì cho cứ nên ăn, vì xưa nay vẫn thế; có kẻ thì cho không nên ăn, nhưng vẫn cứ muốn ăn, lại sợ người khác nói toạc ra, nên khi nghe mình nói, họ giận lắm, tuy họ vẫn mỉm miệng cười nhạt.

Lúc đó, ông anh mình bỗng trở nên hung dữ quát to:

– Đi đi! Người điên chứ có gì mà xem!

---

(1) Từ Tích Lâm ám chỉ Từ Tích Lân, một nhà cách mạng cuối đời Thanh. Năm 1907, ông đâm chết tên tuần vũ tỉnh An Huy, tên là Ân Minh, bị bắt rồi bị hại. Bọn tay chân Ân Minh moi gan nấu ăn. Đây là một chữ viết sai (*Lân* viết ra *Lâm*) như nói trong lời nói đầu, mà tác giả không sửa chữa, cứ để nguyên.

(2) Xem truyện *Thuốc*

Lúc đó, mình lại hiểu ngay mánh khoé của họ. Không những họ không chịu thay đổi, mà họ lại sắp đặt sẵn để vu cho mình là điên! Sau này, ăn thịt mình, không những họ sẽ được thái bình vô sự, mà có lẽ có người còn cám ơn họ là đằng khác. Người tá điền nói người bị đưa ra ăn thịt là một người ác. Cũng là mánh khoé ấy. Cũng là giọng lưỡi ấy!

Lão Năm Trần bước vào, mặt cũng hầm hầm. Làm sao bịt được miệng mình! Mình cứ nhất định nói cho họ rõ:

– Các người có thể thay đổi được. Hãy thực tâm mà thay đổi đi! Nên biết rằng sau này không ai dung thứ cho kẻ ăn thịt người sống trên thế gian này nữa đâu!

Các người không thay đổi thì các người cũng sẽ bị ăn thịt cả. Dù có con đàn cháu lũ, cũng sẽ bị những người chân chính tiêu diệt, chẳng khác gì người đi săn tiêu diệt lang sói!

– Cũng giống như sâu bọ mà thôi!

Đám người trước cổng bị lão Năm Trần xua đuổi đi hết. Không rõ ông anh mình cũng đi đâu mất. Lão Năm Trần khuyên mình nên vào trong nhà. Trong nhà tối om om. Trên đầu, kèo, xà nhà rung chuyển lên. Rung chuyển một hồi rồi to dần, chặt đống trên người mình.

Nặng quá thể, không nhúc nhích được. Ý hẳn là đè mình chết mất thôi. Biết là không phải nặng thật, mình cố giãy giụa, mồ hôi đổ ra như tắm. Nhưng vẫn cứ nói:

– Các người thay đổi ngay đi, thành tâm mà thay đổi đi! Các người nên biết rằng tương lai, người ta không dung thứ những kẻ ăn thịt người đâu!...

XI

Không thấy mặt trời nữa. Cửa cũng đóng kín. Ngày ngày hai bữa cơm.

Cầm đũa lại nghĩ đến ông anh. Hiểu ra rồi, tại sao mà đứa em gái mình lại chết. Cũng là vì ông ta cả. Hồi đó, nó mới lên năm, dễ thương quá! Tưởng như là còn trông thấy nó trước

mất. Mẹ khóc mãi. Ông ta khuyên đừng khóc nữa. Chắc là ông ta đã ăn thịt đi rồi, bây giờ nghe khóc, ông ta cầm lòng không đậu. Nếu như còn cầm lòng không đậu, thì...

Đứa em gái mình bị ông anh ăn thịt, mẹ có biết thế hay không, mình làm sao hiểu được!

Nghĩ có lẽ mẹ cũng biết. Chẳng qua khi khóc, mẹ không nói ra ra đó thôi. Chắc cũng cho là phải. Còn nhớ hồi lên bốn lên năm, mình đang ngồi hóng mát trước nhà, nghe ông anh nói rằng: Cha mẹ ốm đau, con phải cắt một miếng thịt, nấu chín, dâng cho cha mẹ, mới là có hiếu. Mẹ cũng không cãi lại. Ăn được một miếng thì tất nhiên có thể ăn cả con người. Nhưng bây giờ nhớ lại thì hôm ấy, nghe mẹ khóc, thương tâm quá đi mất! Thật là một chuyện lạ lùng!

Không thể nghĩ được nữa.

Bây giờ mới biết mình đã sống bao nhiêu năm ở một nơi mà người ta ăn thịt lẫn nhau từ bốn nghìn năm nay. Đứa em gái mình chết đúng vào lúc ông anh lên cai quản trong nhà. Vị tất ông ta đã không đem thịt nó trà trộn vào các thức ăn rồi giấu giếm đi đưa cho mọi người ăn!

Vị tất vô ý mình đã chẳng ăn một vài miếng thịt của đứa em! Và bây giờ đến lượt mình...

Mình là một kẻ có truyền thống ăn thịt người trên bốn nghìn năm; lúc đầu không biết nhưng bây giờ biết rồi thì khó lòng mà nhìn mặt những người chân chính.

XIII

Chắc cũng còn có những đứa trẻ chưa từng ăn thịt người chứ?

Hãy cứu lấy các em!(1)

Tháng 1 năm 1918

---

(1) Khi đã giác ngộ về giai cấp, không tin vào tiến hóa luận nữa, Lỗ Tấn có viết: *... Bây giờ nếu lại đăng một bài nghị luận rất mực ôn hòa như "hãy cứu lấy các em" thì, ngay tôi, nghe cũng thấy rỗng tuếch" (Trả lời ông Hữu Hằng, Tạp văn, tập II, trang 68).*

THUỐC[1]

I

Một đêm thu gần về sáng, trăng lặn rồi, nhưng mặt trời chưa mọc. Tầng không xanh thẳm. Ngoài những giống đi ăn đêm, còn thì ngủ say cả. Lão Hoa Thuyên bỗng ngồi dậy, đánh diêm, thắp cái đèn nhầy nhụa những dầu là dầu. Ánh đèn trắng xanh sáng khắp hai gian quán trà.

– Bố thằng Thuyên đi đấy à?

Đó là tiếng một người đàn bà đã có tuổi. Ở buồng phía trong bỗng nổi lên một cơn ho.

– Ừ.

Lão vừa trả lời, vừa lắng tai nghe tiếng ho, vừa cài nút áo, rồi chìa tay ra, nói tiếp:

– Đưa đây tôi.

---

(1) *Thuốc* đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Tân thanh niên*, số tháng 5, năm 1919. Hạ Du, nhân vật trong truyện, ám chỉ nữ sĩ Thu Cận, một nhà cách mạng cuối đời Thanh, bị hại sau Từ Tích Lân, ngay ở phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, quê tác giả. Chỗ Thu Cận bị hành hình là con đường Hiên đình khẩu, nội thành Thiệu Hưng. Cạnh đường có một nhà bia, trên có treo cái biển đề bốn chữ. *"Cổ hiên đình khẩu"*. Bốn chữ này, đoạn sau có nhắc tới. Thu Cận và Từ Tích Lân đều là người Thiệu Hưng, cùng quê với Lỗ Tấn, cùng lưu học ở Nhật Bản với Lỗ Tấn. Trong bài *Anh Phạm Ái Nông (Nhặt cánh hoa tàn – Tạp văn,* tập II – Nhà xuất bản Văn học), có một đoạn nói: "Sau khi du học về nước, anh (Phạm Ái Nông) làm hậu bổ đạo An Huy, phụ trách tuần cảnh, một địa vị rất thích hợp để mưu sát tên tuần vũ nọ. Tiếp theo đó, mọi người đều đoán là anh sẽ bị cực hình, họ hàng sẽ bị liên luỵ. Không bao lâu, lại có tin chị Thu Cận bị giết ở Thiện Hưng, ông Từ Tích Lân thì moi gan, bọn lính tay chân của Ân Minh xào lên ăn sạch. Ai cũng hết sức giận". (N.D).

Bà Hoa sờ soạng một lúc lâu dưới gối, lấy ra một gói bạc đồng, đưa cho chồng. Lão cầm lấy, bỏ vào túi áo, tay run run, vuốt hai ba lần phía ngoài túi, rồi thắp cái đèn lồng, tắt ngọn đèn con, đi vào buồng phía trong. Buồng phía trong có tiếng động lạch cạnh, tiếp theo là một cơn ho. Đợi cơn ho dứt, lão mới khẽ nói:

– Thuyên à! Con cứ nằm đấy! Công việc dọn hàng để mẹ con lo cho.

Không nghe con nói gì, lão cho rằng nó đã yên tâm nằm ngủ lại rồi, bèn mở cửa đi ra. Bên ngoài, trời tối om, và hết sức vắng. Chỉ mặt đường xam xám là trông thấy rõ. Chiếc đèn lồng chiếu thẳng vào hai chân lão bước đều đều. Thỉnh thoảng, gặp một vài con chó, nhưng chẳng con nào buồn sủa. Trời lạnh hơn trong nhà nhiều, nhưng lão cảm thấy sảng khoái, như bỗng dưng mình trẻ lại, và ai cho phép thần thông cải tử hoàn sinh. Lão bước những bước thật dài. Trời cũng sáng dần và đường cũng càng lâu càng rõ.

Đang chăm chú bước, bỗng lão giật mình nhìn thấy ngã ba đường đằng xa, trước mặt. Lão quay lại, đi mấy bước, tìm một cửa hiệu còn đóng kín mít, rẽ vào dưới mái hiên, tựa lưng vào cửa. Một lúc lâu, lão thấy hơi lành lạnh.

– Hừ! một ông già!

– Thích nhé!...

Lão lại giật mình, trố mắt nhìn. Có mấy người đi qua. Một người còn quay đầu lại nhìn lão. Lão không trông rõ là ai, nhưng thấy ánh mặt cú vọ ngời lên, như người đói lâu ngày thấy cơm. Lão nhìn chiếc đèn lồng. Đèn tắt rồi. Lão đặt tay lên túi áo. Gói bạc vẫn cồm cộm ở đấy. Ngước đầu nhìn xung quanh, lão thấy bao nhiêu người kỳ dị hết sức, cứ hai ba người một, đi đi lại lại như những bóng ma. Nhưng nhìn kỹ thì lại chẳng lấy gì làm quái lạ nữa.

Một lát lại thấy mấy người lính đi đi lại lại. Đằng xa cũng thấy rõ miếng vải tròn màu trắng ở vạt áo trước và vạt áo sau; khi họ đi qua trước mắt thì thấy cả đường viền màu đỏ thẫm trên chiếc áo dấu[1]. Tiếng chân bước ào ào. Trong nháy mắt, bao nhiêu người đi qua . Những người túm năm tụm ba lúc nãy bỗng cũng dồn lại một chỗ, rồi xô nhà tới như nước thủy triều, gần đến ngã ba đường thì bỗng đứng dừng lại, vây thành một nửa vòng tròn.

Lão Thuyên cũng nhìn về phía đó, nhưng chỉ thấy lưng người mà thôi. Người nào người nấy dướn cổ ra như cổ vịt bị một bàn tay vô hình nắm lấy xách lên. Im lặng một lát. Bỗng hình như có tiếng động. Rồi cả đám xô đẩy nhau ào ào, lùi về phía sau đến chỗ lão đứng, chen lão suýt nữa ngã.

– Này! Tiền trao cháo múc, đưa đây!

Một người áo quần đen ngòm đứng trước mặt lão, mắt sắc như hai lưỡi dao chọc thẳng vào lão làm lão co rúm lại. Hắn xoè về phía lão một bàn tay to tướng, tay kia cầm một chiếc bánh bao nhuốm máu, đỏ tươi, máu còn nhỏ từng giọt, từng giọt[2].

Lão vội vàng móc gói bạc trong túi ra, run run đưa cho hắn, nhưng lại ngại không dám cầm chiếc bánh. Hắn sốt ruột, nói to:

– Sợ cái gì? Sao không cầm lấy?

Lão còn trù trừ. Người mặc đồ đen giật lấy chiếc đèn lồng, xé toạc tờ giấy dán bên ngoài, bọc chiếc bánh lại, nhét vào tay lão, tay kia thì giật lấy gói bạc, nắn nắn, rồi quay đi, miệng càu nhàu:

– Cái lão này!

---

(1) Áo lính ngày xưa.

(2) Ở Trung Quốc, trước kia, có tục mê tín, cho rằng máu người có thể trị được bệnh lao. Mỗi khi có tù bị chém, thường có người đến mua những chiếc bánh bao mà tên đao phủ đã tẩm máu đưa về cho người bệnh ăn.

– Chữa cho ai đấy?

Lão Thuyên nghe hình như có người nào hỏi, nhưng lão không trả lời. Lúc này, lão còn để hết tinh thần vào cái gói bánh như nhà mười đời độc đinh nâng niu con, không chú ý đến gì nữa. Lão sẽ mang cái gói này về nhà, đem sinh mệnh lại cho con lão, và lão sẽ sung sướng biết bao!

Mặt trời đã mọc chiếu sáng con đường lớn đi về nhà lão, và cũng chiếu sáng cái biển mục nát trên cái nhà bia ở ngã ba đường sau lưng lão, có đề bốn chữ thếp vàng đã nhạt màu: *Cổ ... đình khẩu*[1].

Lão Thuyên về đến nhà thì quán hàng đã bày biện sạch sẽ, các dãy bàn trơn bóng sắp đặt ngăn nắp. Nhưng không có khách, chỉ có thằng Thuyên đang ngồi ăn cơm ở cái bàn dãy phía trong, mồ hôi trán nhỏ từng giọt to tướng, chiếc áo kép dính vào xương sống, hai xương vai gồ lên thành chữ "bát" in nổi. Thấy vậy, lão không khỏi chau mày. Bà Hoa từ trong bếp vội vã chạy ra, giương to mắt nói, đôi môi run run:

– Có được không?

– Được rồi!

Hai người cùng trở vào bếp, bàn bạc một hồi. Bà Hoa lại đi ra, một lát cầm về một cánh lá sen già, trải lên mặt bàn. Lão cũng mở cái chao đèn, cầm chiếc bánh đẫm máu, lấy lá sen bọc lại. Thằng Thuyên đã ăn xong. Bà Hoa vội nói:

– Thuyên, con cứ ngồi đấy, đừng vào trong này!

Lão Thuyên vừa thổi lửa trong bếp, vừa cầm cái gói lá xanh và cái chao đèn rách nát loang lổ máu, dúi vào bếp. Ngọn lửa đỏ sẫm bốc lên. Một mùi thơm quái lạ tràn ngập cả quán trà.

– Thơm ghê nhỉ! Hai bác ăn quà sáng gì đấy?

---

(1) Tức *Cổ hiên đình khẩu* ở cái nhà bia đường Hiên đình khẩu, chỗ Thu Cận bị hành hình. Tác giả cố ý để trống chữ *Hiên* không viết (N.D).

Cậu Năm Gù đi vào. Cậu ta ngày nào cũng lê la ở cái quán này, thường đến sớm nhất mà cũng về muộn hơn ai hết. Vừa đi vào, cậu ta liền ngồi vào cái bàn ở góc tường phía ngoài gần đường cái, hỏi ngay. Nhưng không ai trả lời.

– Rang cơm đấy à?

Vẫn không ai trả lời. Lão Thuyên vội chạy ra, pha trà cho cậu.

– Thuyên ơi! Vào đây con!

Bà Hoa gọi con vào nhà trong, giữa nhà đặt sẵn một chiếc ghế đẩu. Thuyên ngồi xuống. Bà ta bưng một cái đĩa lại, trên đĩa có vật gì tròn tròn, đen thui, nói rất khẽ:

– Ăn đi con! Sẽ khỏi ngay!...

Thuyên cầm lấy vật đen thui, nhìn một lúc, có cảm giác rất lạ không biết thế nào mà nói, như đang cầm tính mệnh của chính mình trong tay. Y bẻ đôi ra, rất cẩn thận. Một làn hơi trắng bốc ra từ lần vỏ bánh cháy sém. Làn hơi tan dần, mới thấy đó là hai nửa miếng bánh đã nằm gọn trong bụng, mùi vị như thế nào cũng đã quên rồi. Trước mặt chỉ còn trơ lại chiếc đĩa không. Lão Thuyên đứng một bên, bà Hoa đứng một bên, trố mắt nhìn con như muốn rót vào người con một cái gì, đồng thời cũng muốn lấy ra một cái gì. Thuyên nghe tim mình đập mạnh không sao cầm nổi, đưa tay vuốt ngực. Lại một cơn ho.

– Thôi con đi ngủ một giấc, sẽ khỏi ngay!

Thuyên nghe lời mẹ, vừa ho vừa nằm xuống. Đợi nghe tiếng thở dìu dịu, bà Hoa mới nhẹ nhàng lấy chiếc mền kép vá chằng chịt đắp cho con.

III

Quán trà đã đông khách. Lão Thuyên cũng bận, tay xách chiếc ấm đồng lớn, đi đi lại lại, pha trà. Hai mắt lão thâm quầng.

Một người râu hoa râm nói:

– Ông Thuyên à! Mệt phải không? Hay là ốm đấy?

– Có làm sao đâu!

Người râu hoa râm chữa lời:

– Không sao à? Ừ, nghe tiếng cười thì không ra người ốm!

– Chỉ vì ông ta lận đận quá! Giá thằng con...

Cậu Năm Gù chưa dứt lời thì một người mặt thịt ngang phè từ ngoài đâm sầm vào. Hắn mặc chiếc áo vải màu huyền, không gài khuy, dải thắt lưng cũng màu huyền quấn ở ngoài, xộc xệch. Vừa vào, đã nói oang oang:

– Đã ăn chưa? Đỡ rồi chứ? Ông Thuyên này! May phúc cho nhà ông đấy nhé! Phúc nhà ông, đấy là nhờ tôi biết tin sớm...

Lão Thuyên một tay xách ấm trà, một tay buông xuống vẻ cung kính, cười hề hề, lắng tai nghe hắn nói. Cả quán cũng cung kính lắng tai nghe hắn nói. Bà Hoa mắt cũng thâm quầng, tươi cười, mang đến trước mặt hắn một cái chén, bỏ một nhúm trà và thêm vào một quả trám. Lão Thuyên liền đem nước sôi lại chế.

Người mặt thịt ngang phè vẫn nói oang oang:

– Cam đoan thế nào cũng khỏi. Thứ thuốc này đặc biệt lắm. Ông tính lấy về còn nóng hôi hổi, và ăn cũng còn nóng hôi hổi.

Bà Hoa cám ơn hắn hết lời:

– Thật đấy! Không có bác Cả Khang đây giúp cho thì đừng có hòng...

– Cam đoan thế nào cũng khỏi. Ăn còn nóng hôi hổi thế kia mà! Bánh bao tẩm máu người như thế, lao gì ăn mà chẳng khỏi!

Bà Hoa nghe nói đến "lao", sắc mặt hơi đổi khác, ý không được vui, có điều cũng gượng cười, bỏ đi, ngượng nghịu. Nhưng

bác Cả Khang không để ý đến, cứ giương cổ nói oang oang, đến nỗi thằng Thuyên nằm ngủ trong nhà cũng phải ho lên như phụ hoạ theo.

– Ừ, thằng Thuyên nhà ông may phúc thật! Nhất định khỏi thôi mà! Chẳng trách ông cứ cười cả ngày!

Người râu hoa râm vừa nói vừa đi lại trước mặt bác Cả Khang, hạ thấp giọng nói:

– Bác cả này! Nghe nói tên phạm chém hôm nay là người họ Hạ. Con nhà ai đấy nhỉ? Tội gì thế hở bác?

– Con nhà ai nữa! Con nhà bà Tứ chứ con nhà ai? Thằng quỷ sứ!

Bác cả Khang thấy mọi người vểnh tai nghe lấy làm thú lắm, những thớ thịt trên mặt nổi từng cục. Bác ta cao hứng nói càng to:

– Cái thằng nhãi con ấy không muốn sống nữa, thế thôi. Lần này, tớ chẳng nước mẹ gì. Đến cái áo nó cởi ra, cũng lão Nghĩa, cái lão đề lao mắt đỏ như mắt cá chép ấy, lấy mất. May nhất có thể nói là ông Thuyên nhà này, thứ đến là Cụ Ba. Cụ ta được thưởng hai mươi lăm lạng bạc trắng xoá, một mình bỏ túi tất, chẳng mất cho ai một đồng kẽm!

Thằng Thuyên từ nhà trong đi ra bước chậm rãi, hai tay ôm ngực, ho lấy ho để. Y vào bếp, xúc một bát cơm nguội, chan ít nước nóng, ngồi ăn. Bà Hoa bước theo con, khẽ hỏi:

– Thuyên! Con có đỡ tí nào không con? Con vẫn cứ hay đói bụng thế à?

– Cam đoan là khỏi mà!

Bác Cả Khang liếc nhìn thằng Thuyên một cái, rồi quay lại, tiếp tục câu chuyện với mọi người.

– Cụ Ba đến là khôn! Giá cụ ta không dem thằng cháu ra thú thì cả nhà mất đầu hết. Nay thì được bao nhiêu là bạc!

Còn cái thằng nhãi con ấy thì chẳng ra cái thá gì hết. Nằm trong tù rồi mà còn dám rủ lão đề lao làm giặc!

Một anh chàng trạc hơn hai mươi tuổi ngồi dãy bàn sau, nghe nói, tức máu:

– Ái chà chà! Ghê nhỉ!

– Anh phải biết, lão Nghĩa mắt cá chép đến lân la hỏi dò hắn thì hắn bắt chuyện ngay. Hắn nói: Thiên hạ nhà Mãn Thanh chính là của chúng ta[1]. Thử nghĩ xem, nói thế mà nói được à? Lão Nghĩa mắt cá chép cũng biết nhà hắn chỉ có mụ mẹ già, nhưng không ngờ hắn lại nghèo gặm không ra đến như thế, đã tức anh ách rồi, thế mà hắn lại còn vuốt râu cọp, nên lão ta liền đánh cho hai bạt tai.

Cậu Năm Gù ngồi ở góc tường, nghe nói, thú quá:

– Lão Nghĩa là tay võ rất cừ, hai cái tát ấy cũng đủ cho hắn ta xài đấy nhỉ!

– Cái thằng khốn nạn! Đánh, có sợ đâu! Lại còn nói: Thật đáng thương hại, thật đáng thương hại! Người râu hoa râm nói:

– Đánh cái đồ ấy, thương hại cái gì?

Bác Cả Khang tỏ vẻ khinh bỉ, cười nhạt:

– Ông chưa nghe ra, xem bộ hắn lúc đó, thì hắn muốn nói: đáng thương hại, là lão Nghĩa đáng thương hại kia!

Mấy ai nấy bỗng ngơ ngác. Không ai nói gì cả.

Thằng Thuyên đã ăn cơm xong, mồ hôi ướt đầm, trên đầu hơi bốc phừng phừng.

Người râu hoa râm bỗng vỡ nhẽ, nói:

– Lão Nghĩa mà đáng thương hại à? Điên! Hắn điên thật rồi!

---

(1) Những nhà cách mạng Trung Quốc năm 1907 hô hào đồng bào nổi dậy chống Mãn Thanh, thường đưa ra khẩu hiệu: "Thiên hạ nhà Mãn Thanh là của chúng ta", nghĩa là nước Trung Quốc là của người Trung Quốc (N.D).

Anh chàng hai mươi tuổi cũng vỡ nhẽ:

– Điên thật rồi!

Khách trong quán lại nhao nhao lên, nói nói cười cười. Thằng Thuyên cũng thừa dịp ho cố mạng. Bác Cả Khang chạy lại, vỗ vai, nói:

– Thuyên à! Cam đoan thế nào mày cũng khỏi. Mày đừng ho như thế. Cam đoan thế nào cũng khỏi.

Cậu Năm Gù gật gù nói:

– Điên thật rồi!

IV

Miếng đất dọc chân thành phía ngoài cửa tây vốn là đất công. Ở giữa có con đường mòn nhỏ hẹp, cong queo, do những người hay đi tắt giẫm mãi thành đường. Đó cũng lại là cái ranh giới tự nhiên giữa nghĩa địa những người chết chém hoặc chết tù, ở về phía tay trái, và nghĩa địa những người nghèo, ở về phía tay phải. Cả hai nơi, mộ dày khít, lớp này lớp khác, như bánh bao nhà giàu ngày mừng thọ.

Tiết Thanh minh năm ấy, trời lạnh lắm. Những cây dương liễu mới đâm ra được những mầm non bằng nửa hạt gạo. Trời vừa rạng đã thấy bà Hoa bày ra trước nấm mộ mới đắp, bên phải đường mòn, một bát cơm, bốn đĩa thức ăn, rồi khóc một hồi. Đốt xong thếp vàng giấy, bà ta ngồi bệt xuống đất, ngẩn ngơ như đang chờ đợi cái gì. Chính bà ta cũng chẳng biết bà ta chờ đợi cái gì nữa. Gió hiu hiu thổi vào mớ tóc cắt ngắn của bà ta, so với năm ngoái chắc là bạc nhiều lắm rồi.

Lại một người đàn bà khác đang đi dọc đường mòn, tóc cũng bạc già nửa, áo quần rách rưới, tay xách chiếc giỏ tròn sơn đỏ, cũ nát, phía ngoài giắt thếp vàng giấy, cứ đi ba bước, lại đứng dừng lại. Chợt thấy bà Hoa ngồi bệt giữa đất đang nhìn mình thì bà kia ngập ngừng không dám bước tới nữa, sắc

mặt xanh xao bỗng hơi đỏ lên vì xấu hổ, nhưng rồi cũng đánh liều đi tới trước nấm mộ bên trái đường mòn, đặt chiếc giỏ xuống.

Nấm mộ này với nấm mộ thằng Thuyên nằm cùng một hàng, chỉ cách con đường mòn ở giữa. Thấy bà kia cũng bày ra một bát cơm, bốn đĩa thức ăn, đứng khóc một hồi, rồi đốt vàng, thì bà Hoa trong bụng nghĩ thầm: "Chắc cũng là con chết!". Bà kia nhìn vơ vẩn xung quanh một lát, bỗng tay chân hơi run lên, rồi loạng choạng lùi lại mấy bước, mắt trợn trừng, ngơ ngác:

Thấy thế, bà Hoa sợ bà kia thương con quá phát điên chăng, cầm lòng không đậu, bèn đứng dậy, bước sang bên kia đường mòn, khẽ nói:

– Bà ơi! Thôi mà, thương xót làm chi nữa! Ta về đi thôi!

Bà kia hơi gật đầu, nhưng mắt vẫn trừng trừng rồi ấp úng nói khe khẽ:

– Kìa,... bà trông kia kìa, cái gì thế này?

Bà Hoa nhìn theo ngón tay chỉ, thấy nấm mộ trước mặt, cỏ chưa xanh khắp, còn loang lổ từng mẩu đất vàng khè, rất khó coi; lại nhìn kỹ phía trên, bất giác giật mình. Rõ ràng có một vòng hoa, hoa trắng hoa hồng xen lẫn nhau, nằm khoanh trên nấm mộ khum khum.

Cả hai bà, mắt loà từ lâu rồi, nhưng nhìn những cánh hoa trắng hoa hồng kia thì còn thấy rõ. Hoa không nhiều lắm, xếp thành vòng tròn tròn, không lấy gì làm đẹp, nhưng cũng chỉnh tề[1]. Bà Hoa vội nhìn về phía mộ con mình và những nấm mộ khác xung quanh, chỉ thấy lác đác vài nụ hoa bé tí, trắng trắng xanh xanh, tuy trời giá lạnh nhưng cũng chưa tàn. Bà ta bỗng thấy lòng trống trải, không thỏa, nhưng rồi cũng không muốn suy nghĩ thêm. Bà kia bước lại gần mộ con, nhìn kỹ một lượt,

(1) Chính là vòng hoa mà trong bài *Tựa viết lấy*, Lỗ Tấn nói đã thêm vào mộ anh Du. Vòng hoa này chứng tỏ tinh thần lạc quan của tác giả tin tưởng ở cách mạng, mặc dù lúc bấy giờ những người cách mạng bị khủng bố ráo riết, và chính tác giả đang có một tâm trạng hết sức bi đát (N.D).

rồi nói một mình: "Hoa không có gốc, không phải dưới đất mọc lên! Ai đã đến đây? Trẻ con không thể đến chơi. Bà con họ hàng nhất định là không ai đến rồi!... Thế này là thế nào?". Nghĩ rồi lại nghĩ, bỗng nước mắt trào ra, bà ta khóc to:

– Du ơi! Oan cho con lắm Du ơi! Chắc con không quên được và con đau lòng lắm, phải không con? Con hiển hiện lên cho mẹ biết con ơi!

Bà ta nhìn xung quanh, chỉ thấy một con quạ đen đậu trên cành khô trụi lá. Rồi lại khóc:

– Mẹ biết rồi! Du ơi! Trời còn có mắt, chúng nó giết con thì rồi trời báo hại chúng nó thôi! Du ơi! con nhắm mắt thế cũng yên phận con. Hồn con còn ở đâu đây thì hẳng nghe lời mẹ nói. Con ứng vào con quạ kia đến đậu vào nấm mộ con cho mẹ xem, con ơi!

Gió đã tắt. Những ngọn cỏ khô đứng thẳng tắp như những sợi dây đồng. Một tiếng rên rỉ run run đưa lên giữa không trung, nhỏ dần, nhỏ dần, rồi tắt hẳn. Xung quanh vắng lặng như tờ. Hai bà già đứng giữa đám cỏ khô, ngước mắt nhìn con quạ. Con quạ vẫn đậu trên cành khô trụi lá, rụt cổ lại, im lìm như đúc bằng sắt.

Một lúc lâu người đi viếng càng đông. Bóng kẻ già người trẻ thấp thoáng giữa các nấm mộ.

Không hiểu sao, bà Hoa cảm thấy người nhẹ đi như cất được gánh nặng. Bà ta nghĩ đến chuyện về, khuyên giải bà kia:

– Ta về đi thôi!

Bà kia thở dài một cái, uể oải thu dọn bát đĩa, lại chần chừ một lúc, rồi cũng chậm rãi bước đi, lầm bầm nói một mình:

– Thế là thế nào nhỉ?

Hai bà đi chưa được vài ba chục bước, bỗng nghe sau lưng một tiếng "Coạ... ạ" rất to. Hai bà giật mình, ngoảnh lại, thì thấy con quạ xoè đôi cánh, nhún mình, rồi như một mũi tên, vút bay thẳng về phía chân trời xa.

Tháng 4 năm 1919

CỐ HƯƠNG[1]

Tôi không quản trời lạnh giá, về thăm làng cũ, xa những hai ngàn dặm mà tôi đã từ biệt hơn hai mươi năm nay.

Đang độ giữa đông. Gần về đến làng, trời lại càng u ám. Gió lạnh lùa vào khoang thuyền, vi vu. Nhìn qua các khe hở mui thuyền, thấy xa gần thấp thoáng mấy thôn xóm tiêu điều, hoang vắng, nằm im lìm dưới vòm trời màu vàng úa. Không nén được, lòng tôi se lại.

A, đây có phải làng làng cũ mà hai mươi năm trời nay tôi hằng ghi lấy hình ảnh trong ký ức không?

Hình ảnh làng cũ trong ký ức tôi không giống hẳn như thế này. Làng cũ tôi đẹp hơn kia! Nhưng nếu phải nhớ rõ nét đẹp như thế nào, nói rõ đẹp ở chỗ nào thì thật không có hình ảnh, ngôn ngữ nào diễn tả ra cho được. Phảng phất thì cũng có hơi giống đấy. Tôi nghĩ bụng: Hẳn làng cũ mình vốn chỉ như thế kia thôi, tuy chưa tiến bộ hơn xưa, nhưng cũng vị tất đến nỗi thê lương như mình tưởng. Chẳng qua là tâm tình mình đã đổi khác, bởi vì về thăm chuyến này, lòng mình vốn đã không vui.

Về thăm chuyến này, ý định để từ giã nó lần cuối cùng. Ngôi nhà cũ nơi cả đại gia đình chúng tôi đời đời ở chung với nhau, mà chúng tôi đã phải đồng tình bán cho người ta rồi, nội năm nay phải giao cho họ. Vì thế, tôi cần phải về trước tết, vĩnh biệt ngôi nhà yêu dấu và từ giã làng cũ thân yêu, đem gia đình đến nơi đất khách mà tôi đang làm ăn, sinh sống.

---

(1) Truyện. *Cố hương* đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Tân thanh niên*, tháng 5 năm 1921. Truyện viết theo thể ký ức. Năm 1919. Lỗ Tấn từ Bắc Kinh có về Thiệu Hưng (tỉnh Triết Giang quê hương của ông) và cũng là lần cuối cùng, để bán ngôi nhà cũ của mình. (N. D.)

Tinh mơ sáng hôm sau, tôi về tới cổng nhà. Trên mái ngói, mấy cọng tranh khô phất phơ trước gió, đủ rõ nhà không đổi chủ không được. Những gia đình khác đã dọn đi rồi, cho nên cảnh tượng càng hiu quạnh. Tôi vừa bước vào gian nhà chúng tôi ở thì mẹ tôi đã chạy ra đón. Hoàng, đứa cháu vừa mới lên tám tuổi, cũng chạy theo sau.

Mẹ tôi rất mừng rỡ, nhưng nét mặt vẫn ẩn một nỗi buồn thầm kín. Mẹ tôi bảo tôi ngồi xuống, nghỉ ngơi, uống trà, không đả động gì đến chuyện dọn nhà cả. Cháu Hoàng chưa gặp tôi bao giờ chỉ dám đứng đằng xa nhìn tôi chòng chọc.

Nhưng rồi chúng tôi cũng bàn đến chuyện dọn nhà. Tôi nói nhà trên kia đã thuê xong, cũng đã sắm được ít đồ đạc, giờ hãy đem các thứ đồ gỗ ở nhà này bán đi hết lấy tiền mua thêm sau. Mẹ tôi cho cũng phải và bảo hành lý đã thu xếp gọn gàng đâu vào đấy cả rồi, đồ gỗ không tiện chuyên chở cũng bán được một ít rồi, nhưng tiền chưa thu vén được đủ.

Mẹ tôi nói:

– Con hãy nghỉ ngơi vài hôm, đi thăm các nhà bà con một chút rồi mẹ con mình lên đường.

– Vâng.

– Có anh Nhuận Thổ lần nào đến chơi cũng nhắc nhở đến con và rất mong có ngày được gặp con. Mẹ đã nhắn tin cho anh ấy biết chừng ngày nào con về.

Có lẽ anh ấy cũng sắp đến thôi.

Lúc bấy giờ trong ký ức tôi, bỗng hiện ra một cảnh tượng thần tiên, kỳ dị: Một vầng trăng tròn vàng thắm treo lơ lửng trên nền trời xanh đậm, dưới là một bãi cát bên bờ biển, trồng toàn dưa hấu, bát ngát một mầu xanh rờn. Giữa ruộng dưa, một đứa trẻ chạc mười một, mười hai tuổi, cổ đeo vòng bạc, tay lăm lăm cầm chiếc đinh ba, đang cố sức đâm theo một con "tra"[1].

(1) Theo bức thư của Chương Y Bình gửi cho người dịch tiểu thuyết của Lỗ Tấn ra tiếng Nga thì ông đã hỏi Lỗ Tấn. Lỗ Tấn trả lời, đó là tên thú ông tuỳ tiện đặt ra. Cũng là một loại lợn rừng.

Con vật bỗng quay lại, luồn qua háng đứa bé, chạy mất.

Đứa bé ấy chính là Nhuận Thổ. Khi tôi quen Nhuận Thổ, cách đây khoảng chừng ba mươi năm, Nhuận Thổ chỉ độ lên mười. Lúc đó thầy tôi hãy còn, cảnh nhà sung túc, tôi đàng hoàng là một cậu ấm. Năm ấy là năm đến lượt nhà tôi lo giỗ tổ. Nghe nói thì cứ hơn ba mươi năm mới đến lượt lo giỗ này một lần, cho nên rất linh đình. Giỗ vào tháng giêng; lễ vật rất nhiều, các đồ tế rất sang, người đến lễ cũng rất đông, vì thế phải đề phòng mất cắp. Nhà tôi chỉ nuôi một người ở tháng (địa phương tôi, người đi làm thuê chia làm ba hạng, "trường niên", làm thuê từng ngày gọi là "đoản công", nhà mình cũng có cày, chỉ giỗ tết, hay vụ thu hồ, đến làm mướn cho người ta thì gọi là "ở tháng"). Người ở bận quá, làm không hết việc, liền xin thầy tôi cho gọi thằng con là Nhuận Thổ đến để cho nó trông coi các thứ đồ tế cho.

Thầy tôi bằng lòng. Tôi cũng rất thích vì cũng đã có nghe nói đến Nhuận Thổ, lại biết Nhuận Thổ với tôi tuổi cũng suýt soát bằng nhau. Hắn sinh tháng nhuận, ngũ hành khuyết thổ[1], nên bố hắn đặt tên là Nhuận Thổ.

Hắn bẫy chim sẻ thì tài lắm.

Thế là ngày nào tôi cũng mong cho mau đến năm mới. Năm mới đến thì Nhuận Thổ cũng đến mà! Chờ mãi mới hết năm. Một hôm, mẹ tôi bảo: "Thằng Nhuận Thổ đến rồi đấy!". Tôi liền chạy ra xem. Hắn đang đứng trong bếp, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí teo, cổ đeo vòng bạc sáng loáng. Đủ biết bố hắn quý hắn như thế nào: "sợ hắn khó nuôi, bố hắn đã nguyện trước thần phật làm vòng xích, xích lại. Hắn thấy ai là bẽn lẽn, chỉ không bẽn lẽn với một mình tôi thôi. Khi vắng người, hắn mới nói chuyện với tôi. Thế là chưa đầy nửa ngày, chúng tôi đã thân nhau.

---

(1) Theo lời mê tín về tướng số thì mệnh người có ngũ hành : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Có đủ ngũ hành là số tốt, khuyết một hành là số xấu. Khuyết hành nào thì lấy tên hành ấy mà đặt tên, có thể bổ cứu cho vận mệnh.

Không biết bấy giờ chúng tôi nói với nhau những gì, chỉ nhớ rằng Nhuận Thổ thích chí lắm. Hắn bảo lên tỉnh hắn mới được trông thấy những điều hắn chưa bao giờ trông thấy cả.

Hôm sau, tôi rủ hắn bẫy chim. Hắn nói:

– Không được đâu! Phải chờ tuyết xuống cho nhiều đã. Làng em toàn đất cát, hễ tuyết xuống là em quét lấy một khoảng đất trống, dùng một cái que ngắn chống một cái nong lớn, rắc ít lúa lép, thấy chim tước xuống ăn, đứng đằng xa giật mạnh sợi dây buộc vào cái que, thế là chim bị chụp vào nong hết. Thứ nào cũng có: sẻ đồng, chào mào, "bột cô", sẻ xanh lưng(1).

Thế là tôi lại càng chờ ngày tuyết xuống.

Nhuận Thổ lại nói:

– Bây giờ trời đang rét lắm. Đến mùa hè, anh xuống nhà em chơi. Ban ngày, chúng mình ra biển nhặt vỏ sò, màu đỏ có, màu xanh có, đủ cả. Có cả sò "mặt quỷ", sò "tay phật". Tối đến, em và thầy em đi canh dưa thì anh cũng đi...

– Canh trộm à?

– Không phải. Ở làng em, người đi qua đường khát nước hái một quả dưa ăn, không kể là lấy trộm. Canh là canh lợn rừng, nhím, tra. Này nhé! Sáng trăng. Có tiếng sột soạt. Tra đang ngốn dưa đấy! Thế là cầm đinh ba khe khẽ tiến lên...

– Hồi đó – và cho cả đến bây giờ nữa –, tôi vẫn chưa biết con tra là con gì. Chẳng căn cứ vào đâu, tôi cứ tưởng tượng hình thù nó như con chó con nhưng dữ tợn hơn. – Nó không cắn à?

– Đã có đinh ba rồi. Tiến lên gần, thấy tra là đâm ngay. Giống ấy tinh khôn lắm. Nó quay lại, đâm thẳng về phía mình, rồi luồn qua háng mình, biến mất. Lông, da nó trơn như mỡ.

---

(1) Trong bài *Từ vườn bách thảo đến trường Tam vị (Nhặt cánh hoa tàn, Tạp văn, 1)*, Lỗ Tấn cũng có nhắc lại một kỷ niệm tương tự như thế, nhưng lại nói "đó là cách mà bố Nhuận Thổ bày vẽ cho". Nhuận Thổ, một người có thật tên là Chương Vận Thủy, người Thiệu Hưng. Bố anh là Phúc Khánh, một người nông dân, kiêm nghề đan lát, thường đến làm thuê ở nhà tác giả. (N. D).

Tôi chưa hề biết trên đời này lại có những chuyện mới lạ như vậy: bên bờ biển có những vỏ sò đủ màu sắc như thế kia, và có được quả dưa hấu ăn cũng phải trải qua bao nhiêu là nguy hiểm. Trước đây tôi chỉ biết quả dưa hấu bán ở hàng hoa quả mà thôi!

– Ở đất cát chúng em, lúc thủy triều dâng lên, có rất nhiều những con "cá nhảy", cứ nhảy lung tung, hai chân như chân nhái.

Trời! Nhuận Thổ hắn biết nhiều chuyện lạ lùng lắm, kể không xiết! Những chuyện đó, bạn bè tôi từ trước đến nay, không ai biết cả. Chúng nó không biết là vì trong khi Nhuận Thổ sống bên bờ biển thì chúng nó, cũng như tôi, chỉ nhìn thấy một mảnh trời vuông trên bốn bức tường cao bao bọc lấy cái sân nhà mà thôi!

Nhưng tiếc thay, đã hết tháng giêng. Nhuận Thổ phải về quê hắn. Lòng tôi xốn xang, tôi khóc to lên. Hắn lẩn trong bếp, cũng khóc mà không chịu về. Nhưng rồi bố hắn cũng lôi hắn đi. Sau đó, hắn có nhờ bố hắn mang lên cho tôi một bọc vỏ sò và mấy thứ lông chim rất đẹp. Tôi cũng có vài lần gửi cho hắn ít quà. Nhưng từ đấy chúng tôi không hề gặp mặt nhau nữa[1].

---

(1) Trong đoạn này, Lỗ Tấn hết sức ca ngợi Nhuận Thổ, xây dựng hình ảnh một em bé nông thôn, trong trắng, chất phác, nhiều tình cảm, vì có lao động nên tháo vát và biết nhiều chuyện hơn các em bé con nhà địa chủ. Ta có thể gặp lại những điều nhận xét này trong bài *Hát tường ngày nước thần*. Trong bài tựa *Tuyển tập truyện ngắn bản tiếng Anh*, ông có viết một câu thành thực như sau: "Tôi sinh trưởng trong một gia đình lớn ở đô thị, từ bé chịu giáo huấn của sách vở và thầy đồ, cho nên cũng xem đại chúng cần lao như bức tranh hoa điểu. Có khi dũng cảm thấy cái giả dối và thối nát của cái gọi là xã hội thượng lưu, song tôi vẫn ham mộ cái yên vui của nó. Nhưng quê ngoại mẹ tôi là nông thôn, khiến tôi thỉnh thoảng gần gũi nông dân, dần dần biết họ suốt đời bị áp bức, chịu bao đau khổ, chú đâu có được như bức tranh hoa điểu. Về sau... ngẫu nhiên có dịp được viết văn, tôi bèn dùng hình thức truyện ngắn lần lượt viết ra sự truỵ lạc của cái gọi là xã hội thượng lưu và nỗi bất hạnh của xã hội lớp dưới". *Cố hương, A Q. chính truyện, Lễ cầu phúc* là những truyện như thế. (N.D)

Bây giờ mẹ tôi nhắc đến Nhuận Thổ, ký ức tôi bỗng dưng như bừng sáng lên trong chốc lát. Tôi cảm thấy tựa hồ tôi đã tìm ra được quê hương tôi đẹp ở chỗ nào rồi. Tôi trả lời mẹ tôi:

– Thế thì hay quá! Anh ta... ra sao?

– Anh ta ấy à? Tình cảnh cũng chẳng ra gì. – Mẹ tôi vừa nói vừa nhìn ra phía ngoài –... Mấy người kia lại đến! Nói mua đồ gỗ nhưng cứ tiện tay mang bừa đi. Mẹ phải ra xem xem sao.

Mẹ tôi đứng dậy, đi ra. Ngoài cửa có tiếng đàn bà đang hỏi chuyện. Tôi gọi cháu Hoằng đến gần, hỏi vớ vẩn: hỏi nó đã biết viết chưa, có thích đi xa không.

– Chúng ta có đi tàu hoả không, bác?

– Có, chúng ta đi tàu hoả.

– Thế có đi thuyền không, bác?

– Có, đi thuyền trước...

Bỗng có tiếng ai lạ, the thé nói to lên:

– Thế này rồi kia à! Râu mọc dài thế này rồi kia à!

Tôi giật mình, vội ngửng đầu lên thì trông thấy một người đàn bà, trên dưới năm mươi tuổi, lưỡng quyền nhô ra, môi mỏng dính, hai tay chống nạnh, không buộc thắt lưng, chân đứng chạng ra, giống hệt cái com pa trong bộ đồ vẽ, có hai chân bé tí.

Tôi rất lấy làm ngạc nhiên. May mà lúc đó mẹ tôi bước vào, đỡ lời cho:

– Cháu nó đi xa lâu ngày thành ra quên hết cả. Con nhớ nhá!

Rồi ngoảnh về phía tôi nói:

Đây là thím Hai Dương ở xế cửa nhà ta đây mà! Thím mở hàng bán đậu phụ.

À! Nhớ ra rồi. Hồi tôi còn bé, quả có một chị Hai Dương vẫn ngồi trong quán bán đậu phụ xế cửa nhà tôi, người ta gọi chị là "nàng Tây Thi đậu phụ". Nhưng hồi đó, chị xoa phấn, lưỡng quyền không cao như thế này, môi cũng không mỏng như bây giờ. Và chị cứ ngồi suốt buổi nên tôi cũng chưa hề được nhìn thấy cái dáng điệu "com - pa" của chị. Hồi đó người ta nói, sở dĩ hàng đậu phụ bán chạy là vì có chị ta. Song có lẽ tôi không cùng lứa tuổi với chị, cũng chưa bao giờ bị chị ta làm cho đắm đuối, nên mới quên bẵng đi. Nhưng cái "com - pa" kia lấy làm bất bình lắm, tỏ vẻ khinh bỉ, cười khảy tôi như cười khảy một người Pháp không biết đến Nã - phá - luân[1], một người Mỹ không biết đến Hoa - thịnh - đốn[2] vậy! Rồi nói:

- Quên à? Phải, bây giờ cao sang rồi thì để ý đâu đến bọn chúng tôi nữa!

Tôi hoảng hốt, đứng dậy nói:

- Đâu có phải thế! Tôi...

- Thế thì tôi nói anh nghe nhé! Anh Tấn này! Anh bây giờ sang trọng rồi, còn cần quái gì các thứ đồ gỗ hư hỏng này nữa. Chuyên chở lại lịch kịch lắm. Cho chúng tôi khuân đi thôi. Chúng tôi nhà nghèo dùng được tất.

- Có gì đâu mà sang trọng! Chúng tôi cần phải bán các thứ này đi để...

- Ái chà! Anh bây giờ làm quan rồi mà bảo là không sang trọng? Những ba nàng hầu. Mỗi lần đi đâu là ngồi kiệu lớn tám người khiêng, còn bảo là không sang trọng? Hừ! Chẳng cái gì giấu nổi chúng tôi đâu!

Tôi biết không thể nói làm sao được, đành ngậm miệng, đứng trầm ngâm.

---

(1) Túc Napoléon (1766 - 1821), vua nước Pháp nổi tiếng một thời.

(2) Túc Washington (1732 - 1799), một trong những người xây dựng nước cộng hòa Mỹ.

– Ôi chào! Thật là càng giàu có càng không dám rời một đồng xu! Càng không dám rời một đồng xu lại càng giàu có!

Mụ "com – pạ" tức giận, miệng lẩm bẩm, quay gót thong thả đi ra, tiện tay giật luôn đôi bít tất tay của mẹ tôi giắt vào lưng quần, cút thẳng.

Sau đó, lại có mấy người bà con hàng xóm và mấy người thân thuộc đến thăm. Tôi vừa tiếp khách vừa tìm chút thì giờ rảnh sửa soạn hành lý. Như thế mất ba, bốn ngày.

Một hôm, trời rét lắm. Quá trưa, tôi vừa ăn cơm xong, đang ngồi uống trà, bỗng nghe như có tiếng ai ở ngoài đi vào. Ngoảnh ra xem, tôi ngạc nhiên vô cùng, vội vàng đứng dây ra đón.

Người đi vào là Nhuận Thổ. Tuy tôi nhận ra ngay là Nhuận Thổ, nhưng lại không phải là Nhuận Thổ trong ký ức tôi. Anh cao gấp hai trước; khuôn mặt tròn trĩnh nước da bánh mật trước kia nay đổi thành vàng xạm, lại có thêm những nếp răn sâu hóm. Cặp mắt giống hệt cặp mắt bố anh ngày trước, mi mắt viền đỏ húp mọng lên. Tôi không lấy làm lạ: ở miền biển, gió thổi suốt ngày, đại để ai cũng thế cả. Anh đội một cái mũ lông chiên rách tươm, mặc một chiếc áo bông mỏng dính, người co ro cúm rúm, tay cầm một bọc giấy và một tẩu thuốc lá dài. Bàn tay này cũng không phải là bàn tay tôi còn nhớ, hồng hào, lanh lẹn, mập mạp, cứng rắn, mà vừa thô kệch vừa nặng nề, lại nứt nẻ như vỏ cây thông.

Lúc bấy giờ tôi mừng rỡ vô cùng, nhưng chưa biết nói thế nào cho phải, đành chỉ hỏi:

– À, anh Nhuận Thổ, anh đã đến đấy à!...

Tôi còn có rất nhiều chuyện để nói tiếp, tưởng chừng có thể tuôn ra như nước chảy: nào là chim chào mào, nào là cá nhảy, vỏ sò, tra..., nhưng không biết hình như có cái gì chẹn lại, chỉ loanh quanh trong đầu óc, không thốt ra thành lời được.

Nhuận Thổ đứng dừng lại, nét mặt vừa hớn hở vừa thê lương, môi mấp máy, nhưng cũng nói không ra tiếng. Rồi bỗng anh lấy một dáng điệu cung kính, chào rất rành mạch:

– Bẩm ông!

Tôi như điếng người đi. Thôi đúng rồi! Giữa chúng tôi đã có một bức tường khá dày ngăn cách. Thật là bi đát. Tôi cũng nói không nên lời.

Anh ta ngoảnh đầu lại gọi:

– Thủy Sinh. Con không lạy ông đi kìa!

Anh liền kéo đứa bé nấp sau lưng anh ra. Trông nó giống hệt anh hai mươi năm về trước, chỉ điều vàng vọt, gầy còm hơn một tí, và cổ không đeo vòng bạc mà thôi.

– Thưa, đây là cháu thứ năm đấy ạ! Chưa đi đâu bao giờ, cứ thấy ai là lẩn tránh...

Mẹ tôi và cháu Hoằng chừng đã nghe thấy tiếng, từ trên gác đi xuống.

Anh Nhuận Thổ nói:

Lạy cụ ạ! Thư cụ con đã nhận được, biết ông có về chơi, thật mừng quá!

Mẹ tôi vui vẻ nói:

– Ấy, sao lại khách tình thế! Chẳng phải là trước kia, vẫn gọi nhau bằng anh em cơ mà? Cứ gọi là anh Tấn như trước thôi!

– Ái chà! Cụ thật là... Như thế thì còn ra thể thống nào nữa. Hồi đó, còn nhỏ dại, chưa hiểu...

Anh Nhuận Thổ vừa nói vừa gọi Thủy Sinh lại chào, nhưng thằng bé bẽn lẽn, bám sát vào lưng bố.

Mẹ tôi nói:

– Cháu Thủy Sinh đấy à? Cháu thứ năm phải không nhỉ? Toàn là người lạ, chả trách rụt rè là phải, Hoằng đâu, dẫn em ra chơi đi!

Hoằng nghe nói liền gọi Thủy Sinh. Thủy Sinh nhẹ nhàng, khoan khoái cùng Hoằng đi ra, Mẹ tôi bảo Nhuận Thổ ngồi. Anh ngập ngừng một lát rồi cũng ngồi xuống, để cái tẩu thuốc dựa vào mé bàn, đưa cái gói giấy ra nói:

– Ngày đông tháng giá, chẳng có gì. Đây chỉ là ít đậu xanh của nhà phơi khô, xin ông...

Tôi hỏi thăm gia đình anh. Anh chỉ lắc đầu.

Bẩm, vất vả lắm! Cháu thứ sáu cũng đã giúp được việc, nhưng nhà vẫn không đủ ăn, lại có được sống yên ổn đâu!... Chỗ nào cũng hỏi tiền, chẳng có luật lệ gì cả. Mùa lại mất. Trồng được gì là gánh đi bán tất. Chỉ đóng góp vài lần là đã cụt vốn rồi. Không đem bán thì lại thối mục hết.

Anh cứ lắc đầu. Những nếp răn khắc sâu trên mặt anh tuyệt nhiên không động đậy. Trong anh phảng phất như một pho tượng đá. Có lẽ anh chỉ cảm thấy khổ nhưng không nói ra được hết, ngồi trầm ngâm một lúc, rồi cầm lấy dọc tẩu, lặng lẽ hút thuốc.

Mẹ tôi hỏi chuyện anh, biết nhà anh bận lắm việc, ngày mai phải về, lại chưa ăn cơm trưa, liền bảo anh xuống bếp rang cơm ăn.

Anh đi ra. Mẹ tôi và tôi đều than thở, buồn cho cảnh nhà anh: con đông, mùa mất, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào, đày đoạ thân anh khiến anh trở thành đần độn, mụ mẫm đi[1]! Mẹ tôi bàn với tôi:

– Cái gì không cần chở đi thì cho anh ta hết. Cứ để cho tuỳ ý chọn, lấy cái nào thì lấy.

---

(1) Kể từ khi tên bán nước Viên Thế Khải chết đi (1916), bọn đế quốc càng tranh giành nhau ảnh hưởng ở Trung Quốc, giúp cho một số quân phiệt gây nội chiến liên miên, tạo nên cảnh đục nước béo cò. Bọn địa chủ lại càng tăng cường bóc lột địa tô, cho vay nặng lãi, đem sự tổn hại của chúng trút lên đầu người nông dân lao động. (N.D).

Đến chiều anh chọn xong mấy thứ: một đôi bàn dài, bốn chiếc ghế dựa, một bộ tam sự và một cái cân. Anh lại xin tất cả các đống tro (ở quê tôi, người ta nấu bằng rơm rạ, tro có thể dùng bón ruộng), chờ khi nào chúng tôi lên đường là đem thuyền đến chở.

Đêm đến, chúng tôi cũng có nói vài ba câu chuyện phiếm, toàn là những chuyện chẳng quan trọng gì. Sáng hôm sau, anh đem Thủy Sinh về.

Chín ngày sau, chúng tôi lên đường. Sáng sớm, Nhuận Thổ đã đến rồi. Thủy Sinh không đi theo. Anh chỉ đem theo một đứa cháu gái năm tuổi để trông thuyền. Chúng tôi bận rộn suốt ngày, không có thì giờ trò chuyện. Khách khứa cũng nhiều. Kẻ đến đưa chân, người đến lấy đồ đạc. Gần tối, chúng tôi xuống thuyền thì tất cả đồ đạc trong ngôi nhà cũ, hư hỏng, to nhỏ, xấu tốt đều mang đi sạch trơn như quét.

Thuyền chúng tôi thẳng tiến. Trong hoàng hôn, những dãy núi xanh bên bờ sông đen sẫm lại., nối tiếp nhau chạy lùi về phía sau lái.

Tôi và cháu Hoằng ngồi tựa cửa thuyền, cùng nhìn phong cảnh mờ ảo bên ngoài. Bỗng cháu Hoằng hỏi:

– Bác này! Lúc nào chúng ta lại trở về nhỉ?

– Trở về ? Sao cháu chưa đi đã nghĩ đến chuyện trở về?

– Nhưng mà thằng Thủy Sinh nó hẹn cháu đến nhà nó chơi cơ mà!

Hoằng giương to đôi mắt đen láy nhìn tôi, ngây người suy nghĩ.

Tôi và mẹ tôi đều có ý buồn, thế là lại nhắc đến Nhuận Thổ. Mẹ tôi nói: – Cái chị Hai Dương, "nàng Tây Thi đậu phụ" ấy mà! Từ khi nhà ta bắt đầu sửa soạn hành lý, chẳng ngày nào là chị ta không đến. Hôm trước, chị ta đứng cạnh đống tro, moi ra hơn mười chiếc, cả bát lẫn đĩa, bàn tán một hồi rồi nói

quyết rằng Nhuận Thổ vùi vào đấy để khi nào xúc tro mang đi luôn. Chị ta khám phá ra việc đó, tự cho mình là có công, liền lấy ngay cái "cẩu khí sát"(một dụng cụ ở quê tôi dùng nuôi gà làm bằng một tấm ván, trên có song song, trong đựng thức ăn, gà chỉ việc thò cổ vào mổ còn chó thì đứng nhìn chịu chết), rồi chạy biến. Tuy chị ta lùn và chân bé tí tẹo thế mà chạy cũng nhanh đáo để!

Ngôi nhà cũ xa dần, phong cảnh làng cũ mờ dần, nhưng lòng tôi thì không chút lưu luyến'. Tôi chỉ cảm thấy xung quanh tôi là bốn bức tường vô hình, nhưng rất cao, làm cho tôi vô cùng lẻ loi, ngột ngạt. Hình ảnh đứa bé oai hùng, cổ đeo vòng bạc, đứng giữa ruộng dưa hấu, tôi vốn nhớ rõ lắm, nhưng giờ đây bỗng nhiên cũng mờ nhạt đi, khiến tôi lại càng thêm ảo não.

Mẹ và cháu Hoằng đã ngủ rồi.

Tôi nằm xuống, nghe nước róc rách vỗ vào mạn thuyền, biết là tôi đang đi theo con đường của tôi. Tôi nghĩ bụng: tôi và Nhuận Thổ, tuy cách bức đến như thế này, nhưng con cháu chúng tôi vẫn còn thân thiết với nhau. Chẳng phải là cháu Hoằng đang tưởng nhớ đến Thủy Sinh đó ư? Tôi mong sao chúng nó sẽ không giống chúng tôi, không bao giờ phải cách bức nhau cả... Nhưng tôi không muốn chúng nó vì thân thiết với nhau mà phải vất vả, chạy vạy như tôi, cũng không muốn chúng nó phải khốn khổ đần độn như Nhuận Thổ; cũng không muốn chúng nó phải khốn khổ mà tàn nhẫn như bao nhiêu người khác. Chúng nó cần phải sống một cuộc đời mới, một cuộc đời mà chúng tôi chưa từng được sống.

Tôi nghĩ đến những niềm hy vọng, bỗng nhiên hoảng sợ. Khi Nhuận Thổ xin chiếc lư hương và đôi đèn nến, tôi cười thầm, cho rằng anh ta lúc nào cũng không quên sùng bái tượng gỗ.

Nhưng bây giờ, điều tôi đang gọi là hy vọng đây, biết đâu không phải là một tượng gỗ tự tay tôi chế tạo ra? Có khác

chăng là những điều anh ta mong ước thì gần gũi, còn những điều tôi mong ước thì xa vời đó thôi.

Tôi đang mơ màng, thì trước mắt tôi hiện ra cảnh tượng một cánh đồng cát, màu xanh biếc, cạnh bờ biển; trên vòm trời xanh đậm, treo lơ lửng một vừng trăng tròn vàng thắm. Tôi nghĩ bụng: đã gọi là hy vọng thì không thể nói đâu là thực, đâu là hư. Cũng giống như những con đường trên mặt đất; kỳ thực, trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi.

Tháng giêng năm 1921.

AQ. CHÍNH TRUYỆN[1]

I. TỰA

Tôi có ý viết cho chú A Q. một pho chính truyện đã mấy năm trời rồi, nhưng một đằng tính viết một đằng lại ngần ngại. Điều đó đủ chứng tỏ rằng tôi chẳng có tư cách một nhà "lập ngôn" tí nào[2]. Chả là xưa nay những ngòi bút bất hủ phải dành để viết về những nhân vật bất hủ. Thế rồi, nhân vật nhờ văn chương mà trường thọ, văn chương cũng nhờ nhân vật mà được lưu truyền. Rút cục, văn chương nhờ nhân vật hay nhân vật nhờ văn chương mà được lưu truyền, cũng khó nói cho minh bạch. Ấy thế mà chung quy tôi lại vẫn cứ nghĩ đến viết truyện[3] cho A Q. Thì ra tâm trí tôi như có ma quỷ ám ảnh.

---

(1) Truyện này lần lượt đăng lần đầu tiên ở tờ phụ trương *Thần báo*, từ tháng 12 năm 1922. Những truyện khác thì tác giả đề tên là Lỗ Tấn, riêng truyện này thì lại lấy tên là Ba Nhân. Năm 1925, chính tác giả có viết một bài tựa cho bản dịch tiếng Nga, bài tựa này sau thu thập trong *Tập ngoại tập*. Năm 1926, lại viết bài " *Vì sao tôi viết A Q. chính truyện*" thu thập trong "*Hoa cái tập tục biên*".

(2) Hai chữ "lập ngôn" trích ở *Tả truyện*. Các nhà văn ngày trước vẫn dùng hai chữ này để chỉ công trạng những người đã nói hoặc đã viết những lời lưu truyền về sau. Các nhà nho Trung Quốc ngày trước cho rằng: có ba hạng người "bất hủ", một là *lập đức*, hai là *lập công*, ba là *lập ngôn*. Trong câu này, Lỗ Tấn có ý giễu cợt những nhà văn viết văn ngôn, những nhà văn "Hàn lâm viện". (N.D).

(3) *Truyện* là một lối văn trọng thể trong lịch sử văn học Trung Quốc. *Truyện* là chuyên nghệ của các sử quan ngày xưa. Những bài chép ở sử các vương triều đời trước đều gọi là *sử truyện*. Về sau truyện chia ra nhiều lối. Tư Mã Thiên, nhà sử đời Tiền Hán, đã chép *liệt truyện* đầu tiên, tức là truyện các danh nhân đời xưa. Về sau, các nhà sử đều bắt chước mà chép theo thể liệt truyện. Vì truyện các danh nhân được liệt vào chính sử cho nên người ta cũng gọi là *chính truyện* (hay là *bản truyện*), nghĩa là truyện một nhân vật trong chính sử. Còn có nhiều

Nhưng vừa cầm bút định viết thiên văn chương "tốc hủ" này, tôi đã cảm thấy nhiều điều khó khăn.

Một là cái nhan đề cuốn truyện. Đức Thánh nói rằng: "Danh bất chính tắc ngôn bất thuận" (Tên không đúng thì lời nói không xuôi). Ấy là một điều mình phải đặc biệt chú ý. Truyện có nhiều loại: liệt truyện, tự truyện, nội truyện, ngoại truyện, biệt truyện, gia truyện, tiểu truyện...; phiền một nỗi không có một tên nào hợp cả. Gọi là "liệt truyện" ư? Thì đây nào có phải là một nhân vật có tên tuổi bằng vai bằng lứa với những nhân vật tai to mặt lớn trong "chính sử"! Gọi là "tự truyện" ư? Thì tôi nào có phải là A Q! Nói là "ngoại truyện" thì "nội truyện" ở đâu? Còn nói là "nội truyện" thì A Q. quyết không phải là thần tiên. Hay là dùng chữ "biệt truyện" vậy? Khốn nỗi ông Đại Tổng thống, ngài chưa hề hạ dụ cho Quốc sử quán chép "bản truyện" của AQ. bao giờ. Vẫn biết rằng mặc dù trong bộ chính sử nước Anh không hề chép Liệt truyện các người đánh bạc, mà nhà đại văn hào Dickens cũng đã viết ra bộ *Liệt truyện những người đánh bạc*[1] nhưng một nhà văn hào thì có thể như thế chứ bọn mình thì quyết không xong. Sau nữa, còn hai chữ "gia truyện". Nhưng

---

lối truyện khác nữa: *tự truyện* do tác giả chép lấy truyện mình; *nội truyện* là truyện ký chép theo lối tiểu thuyết thần tiên; *ngoại truyện* hay *biệt truyện* là truyện của một danh nhân đã có truyện chép ở liệt truyện, chính truyện hay bản truyện rồi, nhưng còn có vài chuyện chưa chép mà người sau cóp nhặt chép lại để bổ khuyết, (chữ *ngoại*, chữ *liệt* ở đây là đối lập với chữ *chính*, chữ *bản* trong *chính truyện, bản truyện*); *gia truyện* là chuyện riêng của một nhân vật nào phần nhiều do bà con, bạn bè chép; *tiểu truyện* là chuyện chép qua loa thân thế một người (N.D)

(1) Charles Dichkens (1812 – 1870) là một nhà viết tiểu thuyết người Anh. Cuốn *Liệt truyện những người đánh bạc* do Trần Đại Đăng... dịch, Thương vụ ấn thư quán xuất bản. Tên sách chính là *Rodney Slone*. Sách đó A. Conan Doyle (1859 – 1926). Lỗ Tấn có viết: *"Liệt truyện những người đánh bạc là tên dịch cuốn Rodney, cuốn này là của A. Conan Doyle. Trong A Q. chính truyện, ghi là của Dickens. Đấy là tôi nhớ nhầm"*.

tôi không rõ tôi với A Q. có phải bà con không, mà con cháu y cũng chưa nhờ tôi viết hộ bao giờ! Hay gọi là "tiểu truyện"[1]? Thì A Q. cũng chưa hề có một bộ "đại truyện" nào cả. Nói tóm lại, truyện này cũng có thể cho là một bộ "bản truyện", nhưng xét ra, văn chương của tôi nôm na mách quế lắm, toàn dùng những lời của "anh kéo xe, chị bán tương"[2], lẽ nào lại dám lạm dụng như thế! Cực chẳng đã, đành phải mượn hai chữ "chính truyện" trong câu đưa đẩy mà mấy nhà viết tiểu thuyết "không chính quy" vẫn dùng: "*Nhàn thoại hưu đề ngôn quy chính truyện*" (Hãy gác những chuyện rườm rà để kể lại chuyện chính)[3] mà đặt cho bộ sách cái tên "chính truyện", mặc dù hai chữ này có thể lẫn lộn với hai chữ "chính truyền" trong tên bộ sách có tiếng của cổ nhân là bộ *Thư pháp chính truyền*[4] thì cũng mặc!

Hai là, lệ thường viết truyện, người ta vẫn hay mào đầu bằng mấy chữ: "Ông Mỗ, tự là Mỗ, người xứ nọ, xứ kia..." thế nhưng tôi lại không biết A Q. họ gì hết. Có một lần, tưởng như A Q. là họ Triệu; nhưng đến ngày hôm sau thì lại không lấy gì làm chắc nữa. Ấy là hôm cậu con cụ Cố nhà họ Triệu vừa thi đỗ tú tài; tiếng phèng la *bèng! bèng!* báo tin cho làng nước biết; A Q. uống luôn hai bát rượu tăm rồi khoa chân múa tay nói rằng: tin ấy cũng làm cho y rất vẻ vang, bởi vì y vốn là bà con với cụ Triệu; nếu tính đúng thế thứ thì y còn đứng

---

(1) *Đại truyện* không phải là một thể văn chép truyện. Chẳng qua Lỗ Tấn dựa vào chữ *tiểu truyện* mà đặt thêm một danh từ mới để chế giễu các nhà văn viết bằng văn ngôn mà thôi (N.D).

(2) Đây nói văn bạch thoại. Lỗ Tấn nhắc lại lời của Lâm Thư (tức Lâm Cầm Nam) trong bức thư gửi cho Thái Nguyên Bồi phản đối văn bạch thoại.

(3) Trong các bộ tiểu thuyết Trung Quốc ngày trước, tác giả thường dùng mấy chữ "Nhàn thoại hưu đề ngôn quy chính truyện" để làm câu đưa đẩy (N.D)

(4) Chữ *truyện* cũng viết giống chữ *truyền*. Sách này dạy về cách viết chữ do Phùng Võ đời Thanh soạn.

ngang hàng với ông nội cậu tú kia đây! Lúc đó, những người xung quanh nghe cũng có vẻ kính nể y. Nào ngờ, hôm sau bác khán đã gọi A Q. đến nhà cụ Cố họ Triệu. Vừa thấy A Q., cụ mặt bừng bừng mắng ngay:

– A Q.! Mày là một thằng khốn nạn! Mày nói là tao họ hàng với mày à!

A Q. đứng câm miệng.

Cụ càng nhìn, càng giận, sấn tới mấy bước nữa, nói:

– Mày dám nói láo như thế à? Làm sao tao lại họ hàng với mày được? Mày mà người họ Triệu à?

A Q. im thin thít, muốn liệu thế chuồn; nhưng cụ Cố đã nhảy tới, tát cho một tát vào mặt.

– Mày là người họ Triệu thế nào được kia chứ? Mày mà họ Triệu vào cái ngữ nào?

A Q. không hề biện bác gì về chỗ y chính là họ Triệu hay không cả, chỉ đưa tay sờ vào má bên trái, rồi cùng bác khán đi ra. Ra khỏi cửa, bác khán còn mắng cho một mẻ nữa, đành phải kính cho bác hai quan tiền rượu. Những người biết chuyện đều cho A Q. đến là vớ vẩn, khi không chuốc lấy trận đòn oan, chứ nào đã chắc gì mình là người họ Triệu; mà dẫu có quả là người họ Triệu đi nữa thì trước mặt cụ Cố, cũng không nên nói dại như vậy. Thế là từ đấy về sau, không ai nhắc đến chuyện A Q. họ gì nữa. Vì vậy mà tôi không biết được thực tình A Q. họ gì cả.

Ba là, tôi cũng không biết chữ tên A Q. viết như thế nào[1]. Lúc y còn sống, người ta gọi y là A Quây, đến khi chết rồi thì chả hề ai nhắc đến tên ấy nữa, còn nói gì đến việc chép vào sử sách! Mà nếu như có việc chép vào sử sách, thì đây là lần đầu tiên đây, cho nên sự khó khăn này tôi vấp trước ai hết. Tôi từng có lúc nghĩ kỹ rằng: A Quây là A Quế hay là A Quý

(1) Viết theo chữ Trung Quốc (N.D)

đây?[1]. Nếu như A Q. có cái biệt hiêu là Nguyệt đình hoặc giả y đã ăn sinh nhật vào khoảng tháng tám thì nhất định là A Quế đứt đi rồi. Nhưng y là chưa hề có biệt hiệu – mà có nữa cũng không ai biết – lại cũng chưa hề gửi thiếp cho ai vào ngày sinh nhật để người ta gửi đến cho những bài thơ chúc tụng, thành ra viết A Quế là võ đoán. Lại nếu như y có một ông anh hoặc một ông em tên là A Phú chẳng hạn thì nhất định y là A Quí; nhưng y chỉ trơ trọi có một mình. Vậy viết A Quí cũng chẳng có bằng chứng gì. Còn những chữ lạ khác cùng âm *quây* thì tìm không ra. Trước đây, tôi cũng có hỏi qua cậu Tú con cụ Triệu; nào ngờ một người uyên bác như cậu ấy mà cũng mù tịt. Cậu ta lại kết luận rằng đó là tại ông Trần Độc Tú đấy! Ông ta ra tờ *Tân thanh niên*[2] rồi đề xướng việc đem chữ Trung Quốc mà viết theo lối chữ Tây, thành ra quốc tuý trầm luân, không biết tra khảo vào đâu nữa. Cuối cùng, tôi đành phải nhờ một người làng lục hộ hồ sơ án A Q. xem sao. Ròng rã tám tháng trời, người ta mới trả lời cho tôi rằng: Trong bản án không hề thấy tên nào đọc na ná là A Quây cả. Không biết có chắc hay không, hoặc giả người ta không tra khảo gì cả cũng nên, nhưng tôi không còn có cách nào khác nữa. Sợ lối "chú âm phù hiệu" chưa được thông dụng, tôi đành dùng lối chữ Tây, theo cách phiên âm của người Anh mà viết thành A Quây, và viết tắt là A Q. Như thế tôi đã nhắm mắt làm theo bọn Tân thanh niên, trong lòng cũng hết sức áy náy, nhưng cậu Tú còn bí nữa là tôi đây, biết làm thế nào?

Bốn là, quê quán A Q. Nếu như y là người họ Triệu thì bây giờ theo thói quen hay xưng quận vọng, có thể chiếu theo chỗ

(1) Theo tiếng Trung Quốc thì chữ Quế và Quý đều đọc âm Quây cả (N.D).

(2) Trần Độc Tú cực lực chủ trương bỏ hẳn cách viết chữ Hàn mà viết theo tự mẫu La – tinh. Hồi đó, Lỗ Tấn cũng từng chủ trương như vậy. Đây chỉ là nhân tiện viết mấy câu để châm biếm những khối óc bảo thủ không muốn thay đổi (N.D).

chú giải trong cuốn *Quận danh bách gia tính*[1] mà nói rằng: y là người "Thiên Thuỷ, miền Lũng Tây" Nhưng đáng tiếc, A Q. họ gì chưa rõ lắm, thì quê quán y ở đâu cũng chưa có thể định được. Tiếng rằng A Q. vẫn trú ngụ ở làng Mùi, nhưng y lại cứ luôn luôn đi ngủ trọ đâu đâu ấy, thành thử không thể nói y là người làng Mùi được. Nếu nói là người làng Mùi thì trái với phép viết sử.

Một điều an ủi cho tôi là còn có chữ A[2] thì đúng hết sức, quyết không mắc vào khuyết điểm vơ quàng vơ xiên, có thể đưa ra tuyên bố cùng các nhà thông thái được. Còn như những việc khác thì kẻ thiển học này không dám xuyên tạc, chỉ mong các đồ đệ của ông Hồ Thích Chi[3] là những người "sính lịch sử, sính khảo cứ" sau này có tìm ra manh mối gì khác chăng? Nhưng lúc đó, e cuốn A Q. *chính truyện* này của tôi đã mất tích từ bao giờ rồi...

Trên đây cũng cho đi là một bài tựa.

II - LƯỢC THUẬT NHỮNG CHUYỆN ĐẮC THẮNG CỦA A Q.

A Q. không những tên, họ, quê quán đều mập mờ, cho đến "hành trạng" trước kia ra sao cũng không rõ ràng nốt. Số là người làng Mùi đối với A Q. thì cần y làm công cho, hoặc chỉ đem y ra làm trò cười mà thôi, chứ không bao giờ có ai chú ý đến "hành trạng" của y cả. Mà chính y tự mình cũng chưa

---

(1) *Bách gia tính* là một bộ sách vỡ lòng ngày trước đi học thường dùng. Các tên họ sắp thành thơ bốn chữ cho dễ đọc. *Quận danh bách gia tính* cũng thuộc loại đó, mỗi họ có chú thêm tên quận (cũng gọi là quận vọng), chỉ họ ấy nguyên thời trước ở đất nào. Thí dụ: họ Triệu ở Thiên Thuỷ, Lũng Tây...

(2) A là tiếng người Trung Quốc dùng để gọi một người nào, khi không cần gọi họ, nhất là những người dưới mình. Thí dụ A Quây, A Hùng (N.D).

(3) Hồ Thích Chi tức Hồ Thích, nhà văn phản động, trước kia cũng từng tham gia mặt trận văn hoá thời Ngũ tứ.

hề bao giờ nói tới chuyện đó hết. Chỉ có những lúc cãi lộn với ai thì hoạ hoằn y mới trừng ngược mắt lên mà tuyên bố:

– Nhà tao xưa kia có bề có thế bằng mấy mày kia! Thứ mày thấm vào đâu! A Q. không hề có nhà cửa. Y ở ngay trong đền Thổ Cốc làng Mùi. Y cũng không có nghề nghiệp nhất định, chỉ đi làm thuê làm mướn cho người ta, ai thuê gặt lúa thì gặt lúa, thuê giã gạo thì giã gạo, thuê chống thuyền thì chống thuyền. Ngộ những lúc công việc kéo dài thì y ở lại trong nhà chủ tạm thời hôm đó, xong công việc lại đi. Cho nên, người ta có bận bịu lắm thì còn nhớ đến A Q., nhưng nhớ là nhớ công ăn việc làm, chứ nào phải nhớ gì đến "hành trạng"! Đến lúc rỗi rãi thì luôn cả A Q. người ta cũng chả nhớ nữa, còn nói gì đến "hành trạng"!

Ấy thế mà có một lần, một ông lão nào đã tâng bốc y một câu như sau: "A Q. được việc thật!". Lúc đó A Q. đang đánh trần đứng trước lão, người gầy gò và bộ uể oải; người ngoài nghe chả ai hiểu lão kia nói thật tình hay chế giễu, nhưng A Q. thì rất lấy làm đắc ý.

A Q. lại có tính tự cao. Cả bấy nhiêu mặt dân trong làng Mùi, y tuyệt nhiên không đếm xỉa đến ai cả. Cho đến hai cậu đồ trong làng cũng vậy, y vẫn xem thường hết sức. *Phù* cậu đồ *giả*, ngày sau có thể thành thầy tú *giả dã*. Cụ Cố nhà họ Triệu và cụ Cố nhà họ Tiền là hai người mà trong làng ai ai cũng kính trọng, bởi vì hai cụ gia tư đã giàu có, lại hai cậu con là hai cậu đồ; thế mà chỉ một mình A Q. là không ra vẻ sùng bái lắm. Y nghĩ bụng: "Con tớ ngày sau lại không làm nên, to bằng năm bằng mười lũ ấy à". Hơn nữa, A Q. lại có thể lên mặt với cả làng Mùi ở chỗ y đã lên huyện mấy bận, mặc dù y có trọng gì lũ phố phường! Thì chẳng hạn như cái ghế dài ba thước, rộng ba tấc, ở làng Mùi gọi là "ghế dài", thế mà trên huyện họ lại gọi là "tràng kỷ"! Y nghĩ bụng: "Gọi như thế là sai! Là đáng cười!". Ở làng Mùi, rán cá to người ta bao giờ

cũng cho thêm một vài lá hành dài bằng ba đốt tay, thế mà trên huyện, họ lại cho nhánh hành thái nhỏ vào! A Q. nghĩ bụng: "Thế là sai, là đáng cười!". Nhưng người làng Mùi là những người nhà quê, chưa hề đi đâu cả lại chẳng đáng cười hơn ai hết hay sao? Một đời chúng nó chưa hề biết trên huyện người ta rán cá như thế nào kia mà!.

A Q. là người "trước kia có bề có thế", kiến thức rộng, lại "được việc", kể ra cũng đã có thể gọi là người "hoàn toàn" lắm rồi. Chỉ đáng tiếc là trong người y còn có một tí khuyết điểm. Bực bội nhất là ngay trên đầu có một đám sẹo to tướng chẳng biết từ bao giờ. Mặc dù đám sẹo đó cũng là vật sở hữu của y, nhưng xem trong ý tứ y thì hình như y cũng chẳng cho là quý báu gì, bởi vì y kiêng tuyệt không dùng đến tiếng "sẹo" và tất cả những tiếng âm gần giống âm "sẹo". Về sau cứ mở rộng dần ra, tiếng "sáng", tiếng "rạng" cũng kiêng, rồi tiếng "đèn", tiếng "đuốc" cũng kiêng tuốt. Chẳng cứ người nào, bất kỳ vô tình hay hữu ý mà phạm phải huý là A Q. nổi giận, cái đám sẹo đỏ ửng lên; y nhìn để đánh giá đối thủ rồi kẻ ít mồm ít miệng là y chửi, kẻ sức yếu là y đánh. Nhưng chẳng biết thế quái nào, A Q. thường vẫn thua nhiều hơn là được. Do đó dần dần y thay đổi chính sách, về sau chỉ lườm kẻ thù bằng một cặp mắt giận dữ nữa mà thôi.

Nào ngờ, sau lúc A Q. thi hành cái chính sách "lườm nguýt" đó thì bọn vô công rồi nghề ở làng Mùi lại càng thích chọc nghẹo y hơn. Hễ thấy mặt A Q. đâu là y như chúng nó giả vờ làm bộ ngạc nhiên nói:

- Ớ kìa! Sáng quang lên rồi kia kìa!

A Q. lại nổi giận, lại lườm bằng một cặp mắt rất dữ tợn.

Nhưng chúng nó vẫn không sợ, cứ nói:

- À, té ra có ngọn đèn bảo hiểm[1] kia kìa!

(1) Thứ đèn thợ mỏ vẫn dùng ở dưới hầm để trông cho rõ mà làm việc.

Không có cách gì đối phó A Q. đành nghĩ ra một câu để trả thù:

– Thứ chúng mày không xứng...

Lúc đó, y lại có cảm tưởng rằng cái sẹo trên đầu y không phải là một cái sẹo tầm thường mà là cái sẹo vinh diệu, danh giá nữa kia. Nhưng như trên kia đã nói, A Q. là người kiến thức rộng, y biết ngay rằng nếu y nói nữa nhất định sẽ phạm huý, nên y không nói hết câu.

Thế mà lắm đứa vẫn chưa chịu thôi, cứ ghẹo y, thành ra cuối cùng lại đánh nhau. Thực tế thì A Q. thua, người ta nắm lấy cái đuôi sam vàng hoe của y dúi đầu vào tường thình thình bốn năm cái liền rồi mới hả dạ bỏ đi vẻ đắc thắng. Còn A Q. thì đứng ngẩn người ra một lúc, nghĩ bụng:

– Nó đánh mình thì khác gì nó đánh bố nó. Thật, thời buổi này hết chỗ nói!

Rồi cũng hớn hở ra về, vẻ đắc thắng.

Cái điều A Q. vừa nghĩ trong bụng, về sau y nói toạc ra. Vì vậy, những kẻ vẫn hay chọc ghẹo y đều biết rõ cái thủ đoạn đắc thắng tưởng tượng đó của y. Cho nên, từ đó hễ đứa nào tóm lấy cái đuôi sam vàng hoe của y, nó cũng bảo:

– A Q. này! Đây không phải là con đánh bố đâu nhé! Đây là người đánh con vật, nghe chưa? Hãy nói đi nào: người đánh con vật!

A Q. hai tay cố giữ lấy cái đuôi sam, nghếch đầu lên nói:

– Đánh con sâu! Được chưa! Tớ là con sâu! Chưa thả ra à?

Tuy A Q. đã nhận là sâu rồi mà nó vẫn chưa chịu thả. Nó vẫn tóm lấy đầu y dúi luôn năm sáu cái thình thình nữa vào chỗ nào gần đó rồi mới hả dạ bỏ đi, vẻ đắc thắng, yên trí rằng

sau trận này y có thể xấu hổ mà chết đi được! Nhưng chưa đầy mươi giây đồng hồ sau. A Q. đã lại hớn hở ra về có vẻ đắc thắng. Y nhận thấy y là người giỏi nhịn nhục bậc nhất, và ngoài việc "nhịn nhục" ra không kể thì vẫn là người "bậc nhất". Trạng nguyên cũng chẳng là người "bậc nhất" đó sao? "Thứ mày kể vào đâu"!

Sau lúc đã dùng bấy nhiêu phương pháp thần diệu ra đối phó với kẻ thù, A Q. liền khoan khoái đi tới quán rượu, nốc luôn mấy chén, đùa cợt với anh này, cãi lộn với anh kia, lại "đắc thắng" rồi mới hớn hở trở về đền Thổ Cốc, ngả ra làm một giấc say sưa.

Giá phỏng trong túi sẵn tiền thì A Q. đi đánh bạc. Giữa một đám người xúm nhau ngồi xổm, A Q. mặt đầm đìa những mồ hôi là mồ hôi, chen ngay vào, tiếng nói giòn hơn ai hết!

– Này, cửa *Thanh long*, bốn quan đấy!

– Mở *lớ*!

Bác nhà cái vừa mở vừa xướng, mặt cũng đầm đìa những mồ hôi là mồ hôi.

– *Thiên môn lớ*... Bao nhiêu *cửa giác* cho về *lớ*! Cửa *Nhân* và *Xuyên đường* để lại *lớ*! Tiền A Q. đâu? đưa đây!

– Cửa *Xuyên đường* một quan này! Quan năm nay!

Giữa bấy nhiêu tiếng xướng ngân nga đó, tiền của A Q. cứ thế dần dần luồn vào túi một bọn người khác, mặt cũng đầm đìa những mồ hôi là mồ hôi. Cuối cùng, A Q. đành tháo ra ngoài vòng, đứng sau lưng bọn con bạc mà nhìn vào và hồi hộp thay cho kẻ khác, cho đến lúc tan sòng mới ngậm ngùi trở về đền Thổ Cốc, để hôm sau sẽ lại vác cặp mắt sưng húp đi làm thuê.

Kể ra, "mất ngựa biết đâu không phải là một điều may cho ông già cửa ải"[1]. Đã có lần, A Q. bất hạnh được luôn một canh bạc, nhưng lần ấy cơ hồ lại như là thất bại.

Đêm hôm ấy, làng Mùi rước thần. Theo lệ thường làng có tổ chức một đám hát. Bên rạp hát, cũng theo lệ thường, có mấy sòng bạc. Đối với A Q., tiếng trống, tiếng phèng la bên rạp như phảng phất ở đâu ngoài mười dặm đường xa dội lại. Chỉ có tiếng xướng của nhà cái là y nghe rành mạch. Y được luôn mấy hội. Tiền đồng thành bạc hào, bạc hào thành bạc đồng, bạc đồng chồng chất dần dần thành một đống: A Q. sướng quá chừng.

– Này, *Thiên môn* hai đồng này!

A Q. không biết rõ ai đánh nhau với ai và vì cớ gì. Tiếng mắng chửi, tiếng đấm đá loạn xạ, choáng cả đầu óc một hồi khá lâu. Lúc y ngồi dậy được thì lũ con bạc đã biến đâu mất, cả bọn người xung quanh hồi này cũng không thấy một ai nữa! A Q. cảm thấy có mấy chỗ đau ran lên như vừa bị mấy quả đấm mấy cú đá vào người. Trước mặt y, một bọn đứng nhìn ra vẻ ngạc nhiên. A Q. bàng hoàng về đến Thổ Cốc, đến lúc định được thần hồn mới sực nhớ ra rằng đống tiền của mình cũng bay đâu mất rồi. Trong ngày hội, bọn phường bạc đều là người tứ chiếng, biết dò đâu cho ra manh mối?

---

(1) Dịch câu: *Tái ông thất mã, an tri phi phúc*" trong *Hoài nam tử*. Lỗ Tấn vẫn hay dùng điển tích để đùa bỡn với lối văn cổ. *Hoài năm tử* chép chuyện Tái ông như sau: "Ông cụ già cửa ải mất ngựa. Người ta đến hỏi thăm, ông nói: "Biết đâu mất ngựa là điều may"! Mấy tháng sau, con ngựa vừa mất lại dẫn một con ngựa Hồ rất tốt về. Người ta đến mừng ông. Ông lại nói: "Biết đâu được ngựa không phải là một điều may!"Quả nhiên, vài hôm sau, người con ông cưỡi ngựa ngã, gẫy mất một chân. Người ta lại đến thăm, ông nói: "Biết đâu đây không phải là một điều rủi." Thì năm sau, vùng ấy bị giặc đến cướp, người làng ra đánh bị chết gần hết, duy hai bố con ông vì bố già, con què mà sống sót.
Câu chuyện Tái ông, người ta vẫn thường dẫn làm điển tích văn liệu để nói rằng: việc đời may rủi thật khó mà biết trước (N.D).

Rõ ràng một đống bạc đồng trắng xoá lên đó! Lại là của mình, thế mà bây giờ biến đâu mất! Cứ cho là "con nó cướp của bố đi" và tự mắng mình là "đồ con sâu" cũng vẫn không khuây được. Lần ấy, A Q. mới hơi cảm thấy nỗi đau khổ của sự thất bại.

Nhưng chẳng mấy chốc là A Q. lại đã chuyển bại thành thắng. Y sẽ giang cánh tay phải lên, rán hết sức đánh vào mặt y luôn hai bạt tai, đau ran lên. Đánh xong, là y hả dạ ngay tựa hồ người đánh là mình mà người bị đánh lại là một "mình" nào khác... Rồi một lát, y có cảm tưởng rằng y vừa mới đánh một đứa nào ấy, mặc dù còn đau nhức cả mặt mũi. Y hả lòng hả dạ vẻ đắc thắng, ngả lưng xuống giường.

Thế là ngủ thẳng.

III. LƯỢC THUẬT THÊM VỀ NHỮNG CHUYỆN ĐẮC THẮNG CỦA A Q

Tiếng rằng A Q. bao giờ cũng "đắc thắng", nhưng mãi đến ngày được cụ Cố nhà họ Triệu tát cho mấy tát tai thì y mới nổi tiếng hẳn.

Đưa hai quan tiền rượu kỉnh bác khán xong xuôi rồi, A Q. uất ức ngả lưng xuống giường, nghĩ bụng: "Thời buổi này, hết chỗ nói! Con đánh bố!". Thế rồi y lại sực nghĩ ra rằng: Cụ Cố nhà họ Triệu, oai vệ biết bao nhiêu mà mình cũng xem như là bậc con mình, cho nên y lại dần dần tỏ vẻ đắc y. Rồi y đứng dậy, hát bài "*Gái goá thăm mồ*"[1] và đi tới quán rượu. Trong lúc đó, y có cảm tưởng là cụ Cố nhà họ Triệu vẫn là một nhân vật oai vệ hơn ai hết.

Nói nghe ra có vẻ lạ lùng, từ hôm A Q. bị đánh, quả nhiên người làng đối với y xem chừng kiêng nể hơn trước nhiều. Thấy vậy, A Q. nghĩ bụng: "Hẳn có lẽ bởi vì mình là bực bố cụ Cố nhà họ Triệu!". Thật ra, nào có phải thế. Theo lệ thường, ở làng

(1) Một vở kịch lưu hành ở địa phương Thiện Hưng (Chiết Giang), quê tác giả.

Mùi, nếu tên Kèo đánh tên Cột, anh Ba đánh anh Năm thì xưa nay chẳng ai để ý đến cả. Phải dính dáng đến một nhân vật "xù" như là cụ Cố nhà họ Triệu chẳng hạn thì mới có tiếng đồn. Lúc đã có tiếng đồn thì không những người đánh đã có danh có giá mà luôn cả người bị đánh cũng nhờ đó mà lẫy lừng. Còn như nói đến sự phải trái thì nhất định là lỗi về A Q. rồi, không cần phải bàn nữa. Tại sao vậy? Thì chả lẽ cụ Cố nhà họ Triệu lại có thể có lỗi được hay sao? Nhưng, A Q. có lỗi, thì sao người ta lại có vẻ kiêng nể y hơn trước? Nào ai biết đâu đây! Kẻ xuyên tạc thì cho rằng hoặc giả là vì A Q. nói y là bà con với cụ cố họ Triệu, tuy bị đánh đấy, xong người ta vẫn e rằng A Q. nói cũng có phần nào đúng, thà kiêng nể y chút đỉnh có lẽ cũng êm hơn. Nếu không phải như thế thì chắc cũng như con bò thái lao tế thánh[1] tuy cũng chỉ là một con vật, chẳng khác con dê, con lợn thường, nhưng đã được Đức Thánh ngài nhúng đũa vào rồi thì bao nhiêu tiên nho, đố bác nào dám động vào nữa!

Từ đó, A Q. đắc ý được mấy năm ròng.

Rồi, đến mùa xuân năm nọ, A Q. say mềm bước đi trên con đường làng, bỗng thấy lão Vương Râu xồm đang mình trần trùi trụi ngồi bắt rận bên một góc tường dưới bóng mặt trời. Bất giác, A Q. cũng nghe ngứa ran cả mình lên. Cái lão Vương Râu xồm này, râu vừa xồm lại vừa lắm sẹo, trong làng vẫn quen gọi là lão Vương Sẹo Xồm, nhưng A Q. bỏ bớt chữ "sẹo" đi. Và A Q. khinh lão ra mặt. Cứ trong ý tứ A Q. thì sẹo chẳng lấy gì làm lạ cả, chỉ bộ râu quai nón kia mới kỳ quặc, mới là chướng mắt. Thế rồi A Q. ngồi xuống cạnh Vương Râu xồm. Nếu kẻ khác thì chưa hẳn A Q. đã ngồi cạnh một cách vô ý vô tứ như vậy. Nhưng lão râu xồm này thì sợ cóc gì mà chẳng ngồi! Nói thực, A Q. chịu ngồi như thế này là vẻ vang cho lão ta lắm rồi.

---

(1) Theo tục lệ tế lễ ngày trước thì thái lao chỉ bò, lợn, dê (tam sinh). Về sau thì thái lao chỉ con bò.

A Q. cũng cởi mảnh áo cộc đụp rách ra, và cũng mầm mò, tìm tòi một lúc. Chẳng biết vì áo mới giặt hayvì A Q. lơ đễnh, mà một hồi khá lâu, y chỉ bắt được có ba bốn con thôi! Liếc qua bên cạnh thấy lão râu xồm đã làm luôn một thôi ba, bốn, năm, sáu con, và bỏ vào miệng, nghe đánh "bụp" lên từng tiếng một!

A Q. lúc đầu còn thất vọng, sau phải cáu lên. Làm sao cái lão Vương Râu xồm đáng ghét thế kia mà lại bắt được nhiều rận như vậy, còn mình thì ít ỏi thế này, còn gì là thể thống nữa! Y muốn tìm cho ra một hai chú rõ to, thế mà vẫn không được! Tìm đi tìm lại, mãi mới được một chú choai choai. A Q. nét mặt hầm hầm, nhét vào giữa cặp môi dày, rán hết sức cúp một cái, thế mà chỉ nghe tẹt một tiếng, vẫn không kêu to bằng Vương Râu xồm.

Vết sẹo trên đầu A Q. đỏ bừng lên. Y vất mẹ áo xuống đất nhổ một bãi nước bọt, nói:

- Đồ sâu róm!

- Đồ chó đẻ, mày mắng ai đấy!

Vương Râu xồm vừa trả lời vừa ngước mắt lên, ra vẻ khinh bỉ.

Gần đây A Q. tiếng được người ta hơi kiêng nể và cũng hay lên mặt, nhưng gặp tụi lưu manh trong làng thường cà khịa với y thì y vẫn e sợ. Chỉ có lần này là tinh thần thượng võ của y lại hăng lên ghê lắm! Cái thằng râu quai nón xồm xoàm cả mặt kia cũng dám nói lếu láo à?

- Thằng nào nghe là chửi thằng ấy!

A Q. đứng phắt dậy, hai tay chống nạnh

- Thằng này lại ngứa xương ống rồi hẳn?

Vương Râu xồm vừa nói vừa khoác áo lên mình, cũng đứng dậy.

A Q. tưởng nó định chuồn, thốc ngay vào, cho một quả đấm. Quả đấm chưa bén tầm thì Vương Râu xồm đã tóm lấy, giật một cái. A Q. loạng choạng ngã xấp xuống. Tức thì Vương Râu xồm níu lấy cái đuôi sam, lôi tới bên tường định chiếu lệ dúi đầu vào tường... A Q. nghiêng đầu lên nói:

– Quân tử chỉ đấu khẩu ai đi đấu sức?

Hình như lão Vương Râu xồm này không quân tử cho lắm, nên nó không đếm xỉa tới câu nói ấy, cứ dúi đầu A Q. vào tường luôn năm cái, đoạn rán sức xô một cái thật mạnh làm cho A Q. ngã té ra đằng kia có đến sáu thước, bấy giờ mới hả dạ bỏ đi.

Trong ký ức của A Q. thật chưa bao giờ có một chuyện nhục nhã như thế. Số là đối với Vương Râu xồm quai nón kia, trước nay A Q. cười nó thì có, chứ bao giờ nó lại dám cười A Q? Nói gì đến chuyện đấm đá! Thế mà lần này... nó lại dám thượng cẳng chân hạ cẳng tay, ai ngờ như thế được! Chẳng lẽ lại đúng như người ta nói: vì đức Hoàng đến bỏ khoa thi rồi, không cần lấy tú tài cử nhân nữa, do đó mà thanh thế họ Triệu nhà mình từ nay kém oai đi. Có thế chúng nó mới dám xem khinh mình ra mặt.

A Q. đứng ngơ ngác chả hiểu thế nào cả.

Đằng xa có người đi tới. Thì chính là kẻ thù của A Q. hắn là đứa mà A Q. xưa nay vẫn ghét đứt mắt đi được. Ấy là thằng con cả nhà cụ Cố nhà họ Tiền. Trước đây, hắn có lên học trường Tây trên tỉnh, rồi không biết thế nào lại tuốt sang Nhật. Nửa năm sau, hắn về nhà, cặp giò cứ ngay đơ ra[1], cái đuôi sam cũng biến đâu mất. Mẹ hắn khóc bù lu bù loa mấy mươi bận, rồi vợ hắn cũng nhảy xuống giếng định tử tự ba lần liền. Về sau mụ mẹ hắn đi đâu cũng nói: "Cái đuôi sam kia là bị một bọn côn đồ phục rượu cho say rồi cắt mất đi đấy! Lẽ ra

(1) Cách nói của người thôn quê chế giễu những người mặc âu phục.

cháu nó có thể làm quan to rồi kia... Nhưng bây giờ thì đành phải chờ cho tóc dài trở lại đã rồi mới nói chuyện ấy!" Nhưng A Q. không chịu tin như vậy, cứ gọi cậu cả nhà họ Tiền là "thằng Tây giả", là "Hán gian", hễ thấy mặt là chửi thầm trong bụng.

Điều mà A Q. ghét cay ghét đắng là cái đuôi sam giả của hắn. Đến cái đuôi sam mà cũng làm giả nốt thì còn gì là nhân cách? Thế mà con vợ hắn cũng không biết đường nhảy xuống giếng một lần thứ tư nữa cho chết quách đi, thì thứ đàn bà ấy quyết không phải là hạng người chính đính!...(1).

Lão "Tây giả" đi lại gần.

– Thằng trọc! Đồ con lừa!

Xưa nay A Q. vẫn chỉ chửi thầm trong bụng. Nhưng lần này vì "chính khí" mà nổi giận, và vì muốn trả thù, nên trong lúc vô tình, y đã thốt thành lời. Ai ngờ "thằng trọc" đã hầm hầm bước tới, tay cầm cái ba – toong sơn vàng mà y vẫn gọi là cái gậy đại tang. Trong giây lát, y biết ngay là có lẽ hắn sẽ đánh, cho nên y triển hết gân, gò cả hai vai lên mà chờ... Thì quả nhiên, *đốp*, tựa hồ cái gậy kia đã giáng vào đầu y rồi!

– Tớ nói thằng kia cơ mà!

A Q. chỉ đứa bé đứng bên cạnh, phân bua.

Đốp! đốp! đốp!

Đấy lại là việc nhục nhã thứ hai trong ký ức A Q. Cũng may là sau mấy tiếng *đốp! đốp* đó thì A Q. đã lại tựa hồ cho thế là xong hẳn đi một chuyện, và y đã cảm thấy trong người nhẹ nhõm. Vả lại "quên" là cái bửu bối gia truyền cũng phát huy tác dụng. A Q. chậm rãi bước gần tới quán rượu đã hơi có vẻ đắc ý.

Nhưng trước mặt y, cô tiểu chùa Tĩnh tu đã ở đâu đằng kia đi lại. Ngày thường cứ mỗi lần gặp cô tiểu này là thế nào

---

(1) Đây là tư tưởng phong kiến về người phụ nữ mà A Q. chịu ảnh hưởng của giai cấp thống trị. (N.D)

A Q. cũng chửi một câu, huống hồ hôm nay, sau khi y bị nhục. A Q. sực nhớ điều gì, thế là lại nổi giận. Y nghĩ bụng: thì ra chỉ vì hôm nay ông bước chân ra cửa gặp ngay lấy mày. Thảo nào xúi quẩy như thế!

A Q. bước tới, nhổ một bãi nước bọt đánh toạch một cái:

– Khạc! Phì!

Cô tiểu cứ cúi đầu đi, không để ý. A Q. sấn tới gần cô ta, bỗng giơ tay xoa ngay vào cái đầu vừa mới cạo cười gần lên và nói:

– Con trọc! Về nhanh lên, sư cụ chờ kia kìa!

– Ngứa chân ngứa tay à?

Cô tiểu mặt đỏ bừng, vừa nói vừa rảo bước. Bao nhiêu người trong quán rượu đều cười ồ lên. Thấy chiến công của mình có người thưởng thức, A Q. càng cao hứng tợn:

– Sư cụ sờ được, tớ lại không sờ được à?

Rồi A Q. véo một cái vào má cô tiểu. Bao nhiêu người trong quán lại cười ồ lên một thôi nữa. A Q. càng đắc ý. Muốn cho bấy nhiêu "khán giả" được hài lòng, y rán sức véo luôn một cái nữa thật mạnh rồi mới buông tay.

Sau khi lập được "chiến công" này, A Q. đã quên cả Vương Râu xồm, quên cả lão "Tây giả" rồi; và hình như bao nhiêu điều "xúi quẩy" ngày hôm ấy đều đã rửa được sạch sành sanh. Mà lạ lùng thay, y lại nghe hình như người y nhẹ hẳn đi, nhẹ hơn lúc bị mấy ba – toong đánh *đốp! đốp* vào đầu nữa. A Q. hớn hở tựa hồ như bay bổng lên.

Xa xa đằng kia còn văng vẳng nghe tiếng cô tiểu chửi lồng trong tiếng khóc: "Cha thằng A Q.! Đồ tuyệt tự!".

– Ha Ha! Ha!

A Q. cười hết sức đắc ý.

– Ha! Ha! Ha! Ha!

Bao nhiêu người trong quán rượu cũng cười, cũng đắc ý gần bằng A Q.

IV- BI KỊCH TÌNH YÊU

Có kẻ nói rằng: nhiều người ước ao gặp được đối thủ của mình khoẻ như cọp, dữ như cắt, có thế thắng trận mới thoả thích. Nhược bằng yếu như cừu, như gà con thì dù có thắng cũng thấy vô vị. Lại còn có những người, lúc thắng rồi, mắt nhìn thấy đứa chết cũng đã chết, đứa hàng cũng đã cúi đầu van xin "cắn rơm, cắn cỏ", thế là trên đời không ai là địch thủ với họ nữa, không ai chống chọi với họ nữa, không ai là bạn bè, chẳng ai hơn, tự khắc họ cảm thấy lạnh lùng, cô đơn hiu quạnh, và cũng cảm thấy nỗi đau đớn của sự thắng trận. Nhưng A Q. của chúng ta thật chưa hề cảm thấy có cái trạng thái hiu quạnh nói trên. A Q. là một người bao giờ cũng đắc ý. Phải chăng đó chính là cái biểu hiện đủ chứng tỏ rằng: văn minh tinh thần của Trung - Hoa nhà ta quả là bậc nhất trên hoàn cầu?

Thì các người xem: A Q. lòng đang phơi phới kia kìa!

Tuy nhiên, cuộc thắng trận này có làm cho A Q. cảm thấy trong tâm hồn y khang khác thế nào ấy! Y phơi phới một lúc lâu rồi hớn hở đi về đền Thổ Cốc. Lẽ ra, theo lệ thường, A Q. đã ngả lưng ra kéo khò khò một giấc rồi; ai ngờ hôm ấy, y lại không tài nào nhắm mắt được. Y cảm thấy đầu ngón tay cái và ngón trỏ có cái gì là lạ: nghe nó cứ nhờn nhờn khác mọi hôm! Phải chăng trên gò má cô tiểu có tí dầu, tí mỡ gì đã dính vào đây? Hay là chỉ vì sờ vào gò má cô tiểu mà bây giờ trơn lỳ như thế này!...

"Cha thằng A Q., đồ tuyệt tự!".

A Q. còn như văng vẳng bên tai bấy nhiêu tiếng chửi. Y nghĩ bụng: "Phải rồi, đã là đàn ông thì phải có một người vợ.

Tuyệt tự thì rồi ai cúng cơm cho. Phải có một người vợ. *Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại*[1]. Mà làm cái kiếp quỷ đói như Nhược Ngao[2] ngày xưa thì trong đời người còn gì thảm thiết bằng! Kể ra, ý nghĩ này của A Q. thật đúng với kinh truyện của thánh hiền thủa trước hết sức. Chỉ tiếc một điều là từ nay trở đi, A Q. không tài nào kiếm chế nổi cái "nỗi lòng canh cánh" của y nữa!

A Q. mơ màng:

"Đàn bà!... Đàn bà!..."

"Sư cụ sờ được!... Chao!... Đàn bà!... Đàn bà!... Đàn bà!...".

A Q. vẫn mơ màng...

Chả ai biết tối hôm ấy, A Q. mãi đến mấy giờ mới ngáy; nhưng đại khái là sau lúc nhận thấy hai đầu ngón tay nhờn nhờn như vậy thì y cảm thấy tâm hồn nhẹ nhàng, phơi phới hẳn lên.

"Đàn bà!" A Q. vẫn cứ mơ màng.

Chỉ chừng ấy, chúng ta cũng đã biết đàn bà nguy hiểm là dường nào rồi!

Đàn ông nước Trung Hoa nhà mình phần đông vốn có thể thành ông thánh ông hiền cả, chỉ tại hại vì đàn bà mà thành ra hỏng hết!... Nhà Thương vì Đát Kỷ mà mất nước nhé!... Rồi đến nhà Chu vì Bao Tự mà tan nát cơ đồ nhé! Đến như nhà Tần... tuy sử sách không hề chép phân minh, nhưng chúng ai cũng cứ cho là bởi vì đàn bà đi!... Vị tất đã sai. Lại còn Đổng Trác nữa, thì rõ ràng là bị Điêu Thuyền hãm hại đứt đi rồi!...[3].

---

(1) Chữ trong *Mạnh tử*, thiên *Lý lâu*. Mạnh tử nói: Có ba tội bất hiếu, to nhất là tội không có con trai nối dõi. (N.D)

(1) Nhân vật tuyệt tự trong *Tả truyện*

(3) Đây cũng là quan niệm về phụ nữ của giai cấp phong kiến. Trong bài *A kim (tập Thả giới đình*. Tạp văn tuyển tập, III), Lỗ Tấn viết: "Tôi không tin những chuyện như Chiêu Quân xuất tái thì có thể làm cho nhà Hán yên, Mộc Lan tòng quân thì có thể bảo vệ được nhà Tuỳ, cũng không tin Đát Kỷ, làm nhà Ân mất, Tây

A Q. vốn là người đứng đắn. Chúng ta không biết rõ y có từng được một tôn sư nào dạy lễ nghĩa cho hay không, nhưng đối với cái đạo "nam nữ hữu biệt" thì y xưa nay vẫn giữ nghiêm lắm. Một mặt khác, đối với dị đoan, tà thuyết, như đối với cô tiểu và chú Tây giả chẳng hạn, thì thật y có cái "chính khí" không hề dung thứ bao giờ! Học thuyết của y như sau: phàm là tiểu thì nhất định có tư tình với sư cụ; phàm là đàn bà con gái mà đi ra đường thì nhất định đi ve trai; người đàn ông đang trò chuyện cùng người đàn bà đằng kia thì tất là có tằng tịu gì rồi chứ chẳng không! Để trừng trị chúng nó, A Q. vẫn luôn luôn lườm chúng nó bằng một cặp mắt dữ tợn, hoặc cố ý nói to lên mấy câu "thọc gan" cho chúng nó "chết cả ruột đi được"; còn nếu ở chỗ hẻo lánh thì y lén ra đằng sau ném cho một hòn sỏi vào lưng!

Thế mà ai ngờ sắp đến tuổi "nhi lập"[1] rồi, A Q. lại bị một cô tiểu ám hại làm cho tâm hồn cứ phơi phới lên. Xét theo lễ giáo thì tâm hồn phơi phới lên như thế thật là điều không nên có, cho nên đàn bà quả là đáng ghét! Giá như cặp má cô tiểu không có chất gì nhờn nhờn thì A Q. đâu đến nỗi như người bị bùa mê? Hay là giá cặp má cô ta có một lần vải che hẳn đi thì có lẽ A Q. cũng không phải mê mẩn rồi! Năm sáu năm về trước, trong một rạp hát chật ních người, có một lần A Q. đã véo vào đùi một mụ nào, nhưng vì còn có manh quần, nên sau đó không đến nỗi mê mẩn. Đằng này con tiểu kia lại không biết che đậy đi như thế cho; điều đó đủ thấy dị đoan thật là khả ố!

Thi làm nước Ngô chìm đắm. Dương Phi làm nhà Đường loạn lạc. Tôi cho rằng trong xã hội nam quyền thì phụ nữ quyết không thể có một sức mạnh lớn lao như vậy được; nước mất hay còn, người đàn ông phải gánh lấy trách nhiệm. Nhưng trước nay các nhà văn nam giới đại đề đều đem tội bại vong đổ lên đầu nữ giới, đó thật là những anh đàn ông tồi, không đáng giá một đồng xu". (N.D)

(1) Chữ trong *Luận ngữ*, thiên Vi *chính*. Khổng tử tự thuật: "Năm 15 tuổi ta đã biết chăm học (đạo lý), 30 tuổi thì lập chí đã vững vàng (tam thập nhi lập)". Trên đây Lỗ Tấn muốn nói lúc bấy giờ A Q. đã ba mươi tuổi. (N. D).

A Q. vẫn cứ mơ màng: "Đàn bà!..."

Đối với bọn con gái mà y cho là "nhất định chỉ đi ve trai", A Q. đã nhiều lần để ý đến chúng nó xem sao. Nhưng chúng nó tuyệt nhiên chưa hề cười với y bao giờ cả. Và trong lúc trò chuyện với đàn bà, y đã cố ý chờ đợi..., thế mà chúng nó cũng tuyệt nhiên không nói đến chuyện tằng tịu nọ kia!... A! Đó cũng là một điều làm cho đàn bà đáng ghét thật, chúng nó chỉ toàn là "đạo đức giả" cả.

Hôm đó, A Q. ở nhà cụ Cố họ Triệu, giã gạo một ngày trời. Ăn cơm tối xong, y ngồi hút thuốc dưới nhà bếp. Nếu làm công ở nhà nào khác thì ăn cơm tối xong là y đi về. Nhưng ở nhà cụ Cố, cơm tối lại ăn sớm hơn các nhà khác. Ngày thường ở nhà này ăn cơm xong là đi ngủ ngay, lệ không được đỏ đèn. Chỉ có hai trường hợp đặc biệt: một là ngày cậu Tú còn chưa thành đạt thì tối lại, cậu có thể đỏ đèn lên xôi kinh nấu sử, hai là lúc nào A Q. đến làm công thì cũng được phép đỏ đèn lên mà giã gạo đêm. Vì cái ngoại lệ này nên hôm ấy, trước lúc đi giã gạo, A Q. còn ngồi hút thuốc.

Vú Ngò, người ở gái duy nhất trong nhà cụ Cố họ Triệu, rửa bát đĩa xong cũng tréo mảy ngồi trên chiếc ghế dài mà nói mấy câu chuyện xì xằng với A Q.

– Cụ bà ấy mà, hai hôm nay không ăn một hột cơm nào đâu nhé! Chả là cụ ông muốn mua nàng hầu...

A Q. nghĩ bụng: "Đàn bà!... Con vú Ngò, con mẹ gái goá này..."

– Mà mợ Tú cũng đến tháng tám này thì ở cữ đấy nhé!...

A Q. vẫn mơ màng:

"Đàn bà!..."

Buông ống điếu xuống, A Q. đứng dậy. Vú Ngò còn nói lải nhải:

– Mợ Tú nhà ta...

Bỗng A Q. xông tới quỳ xụp xuống trước mặt mụ:

– Chúng ta cùng nhau... chúng ta... nào!

Im phăng phắc trong chốc lát.

"Ôi giời ơi là giời ơi!" Mụ vú ngẩn đi một lúc, bỗng run cầm cập, chạy ra ngoài la to, mấy tiếng kêu sau cùng của mụ nghe hình như xen lẫn trong tiếng khóc.

A Q. quỳ trước bức tường cũng ngẩn ngơ một lúc, bỗng hai tay vịn vào cái ghế không, từ từ đứng dậy, tựa hồ cảm thấy có điều gì không hay. Y thấp thỏm trong bụng, vội vàng nhặt cái tẩu thuốc, giắt vào thắt lưng, định đi giã gạo. "Đốp" một tiếng, rồi nghe như tuồng đòn cứ đánh một thôi vào đầu. Y vội quay lại, đã thấy cậu Tú đứng trước mặt, tay cầm một cái đòn tre to tướng.

– Đồ làm giặc! Thằng này, mày...

Cái đòn tre cứ nhằm đầu A Q. mà bổ xuống. A Q. đưa hai bàn tay lên ôm lấy đầu, thành ra đòn tre cứ đánh vào mấy đốt tay, đau nhói. A Q. chạy thẳng ra khỏi nhà bếp, đòn tre vẫn bổ vào lưng. "*Oắng pa tàn*[1] – Cậu Tú dùng tiếng quan thoại chửi theo.

A Q. chạy vào nhà giã gạo, đứng một mình, còn thấy ngón tay tê đi, và còn nhớ ba chữ: "*Oắng pa tàn!*"... Câu chửi bằng tiếng quan thoại này ở làng Mùi xưa nay chưa hề ai dùng, chỉ có những người tai mắt hay lui tới cửa quan mới dùng đến, cũng vì thế mà nghe có vẻ đáng sợ hơn tất cả những tiếng chửi khác, và do đó đã để lại trong đầu óc A Q. một ấn tượng sâu sắc. Nhưng lúc đó, A Q. cũng đã quên bẵng cả cái ý nghĩa về "đàn bà". Vả lại, sau trận đòn trận chửi đó, A Q. cho câu chuyện như thế cũng gọi là yên đi, và cảm thấy chẳng có gì đáng lo nghĩ nữa. Y lại cứ đi giã gạo như thường. Giã được một chốc, y thấy bức, nghỉ tay, sẽ cởi áo ra.

---

(1) Tiếng chửi, có nghĩa là đồ đốn mạt (N.D).

Đang cởi áo thì nghe ngoài kia có tiếng xôn xao. Sinh bình A Q. vẫn thích xem những đám ồn ào, tức thì y lần theo tiếng ồn chạy ra xem, cứ thế lần mò vào tận nhà cụ Cố. Giời nhá nhem, nhưng y cũng nhận thấy trong đám người tấp nập đó, có cả bà cụ Cố đã hai ngày trời không có hột cơm nào trong bụng, cả thím Bảy Trâu nhà bên cạnh, cả hai bác Triệu Bạch Nhãn, Triệu Tư Thần, hai người bà con chính tông với nhà cụ Cố.

Mợ Tú tay dắt vú Ngò ra khỏi buồng nhà dưới, miệng nói:

– Nào, vú cứ ra ngoài này, chuyện gì mà lẩn vào trong buồng định...

Thím Bảy Trâu đứng cạnh cũng nói gom:

– Thì ai chả biết u là người chính đính? Không thể như thế mà lại định làm liều!

Vú Ngò chỉ nức nở khóc, miệng lẩm bẩm, chẳng ai nghe rõ ra cái gì cả.

A Q. nghĩ: "Hừ vui quá! Con mẹ gái goá này định giở cái trò gì thế này? " Rồi chạy đến bên bác Triệu Tư Thần, có ý dò xem câu chuyện đầu đuôi thế nào. Bỗng cụ Cố Triệu vùn vụt chạy tới, tay cầm cái đòn tre to tướng. Thấy đòn tre đó, A Q. sực nghĩ ra rằng: câu chuyện này với trận đòn hồi nãy nhất định có dính dáng với nhau. Quay mình lại, y tính chạy trở về gian nhà giã gạo. Bất đồ chiếc đòn tre đã chắn ngang đường. Thế là y lại quay trở lại, đâm đầu chạy thẳng, cố nhiên là lủi ra phía cửa sau. Không mấy chốc, y đã về đến đền Thổ Cốc.

Ngồi một hồi, A Q. nghe tuồng như da thịt có vẻ rờn rợn và cảm thấy rét. Số là tuy đã sang xuân nhưng thời tiết ban đêm vẫn còn lành lạnh, ở trần vẫn còn khó chịu. Sực nghĩ lại cái manh áo cọc còn nằm ở nhà họ Triệu, A Q. muốn đi lấy về, nhưng lại sợ cái đòn tre của cậu Tú. Giữa lúc ấy, bác khán đã từ ngoài cửa bước vào.

– A Q.! Con mẹ mày! Cả đến người ở nhà cụ Triệu mà mày cũng trêu ghẹo được, thật là mày làm giặc! Mày báo hại tao suốt đêm không nhắm mắt được tí nào! Con mẹ mày!

Rồi mắng cho một tràng như thế, như thế, vân vân... A Q. cố nhiên không hề cãi lại nửa lời. Cuối cùng, vì là ban đêm, nên mớn tiền đưa bác khán uống rượu cũng phải gấp đôi lên, những bốn quan. A Q. không có một đồng tiền nào trong túi đành phải đem cái mũ lông cừu gán cho bác khán. Y lại còn phải ký một tờ cam đoan, thừa nhận năm khoản sau:

1. Ngày mai, phải đem một cặp nến đỏ, thứ nặng một cân, và một bao nhang đến nhà cụ Cố tạ tội.

2. A Q. phải chịu hết tiền phí tổn biện lễ trừ "tà thất cổ" cho nhà họ Triệu.

3. Từ nay trở đi, A Q. không được bén mảng đến nhà họ Triệu nữa.

4. Nếu sau này vú Ngò có việc gì bất trắc thì cứ nhè A Q. mà hỏi.

5. Không được trở lại nhà Cụ cố đòi tiền công giã gạo và xin lại cái áo còn bỏ lại hôm trước.

Cố nhiên, A Q. phải nhận tất. Khốn một nỗi, y không còn một đồng xu nhỏ. Cũng còn may là đang mùa xuân nên cái mền bông cũng không cần cho lắm nữa. Y bèn đem cầm lấy hai chục quan tiền để thi hành bấy nhiêu khoản trong tờ điều ước. Sau lúc mình trần trùi trụi phủ phục trước cụ Cố, A Q. ra về, vẫn còn thừa lại một ít tiền, nhưng y cũng không nghĩ đến việc chuộc cái mũ lông cừu. Y đem uống rượu hết. Còn bên nhà cụ Cố cũng không thấy nói gì đến việc cúng bái gì cả. Bấy nhiêu hương đèn đều cất đi để khi nào cụ Cố bà lên chùa lễ Phật sẽ dùng. Còn tấm áo rách thì nửa to cất đi để đến tháng tám này mợ Tú ở cữ dùng làm tã lau nước tiểu cho em bé, và nửa nhỏ, nát quá thì dùng đóng vào gót dép của vú Ngò.

V- VẤN ĐỀ SINH KẾ

Lễ bái từ tạ ở nhà họ Triệu xong xuôi, A Q. về đến đền Thổ Cốc thì mặt trời đã lặn. Y dần dần cảm thấy hình như trên đời có cái gì là lạ. Nghĩ đi nghĩ lại, y nhận ra rằng: nguyên nhân có lẽ chỉ vì y ở trần. Sực nhớ còn một mảnh áo cộc kép, y liền lấy khoác vào rồi ngả lưng xuống, cho đến lúc mở mắt ra thì ánh mặt trời đã chói lọi trên mái tường phía tây bên kia. Y ngồi dậy, lẩm bẩm:

– Mẹ kiếp!

Thế rồi, cũng như mọi hôm sau khi ngủ dậy, A Q. bước ra, đi rong trên con đường làng. Bây giờ, y không nghe da thịt buốt như lúc ở trần nữa, nhưng dần dần y lại cứ cảm thấy trên đời có cái gì là lạ thật. Tuồng như tất cả bọn đàn bà con gái làng Mùi từ hôm nay trở đi bỗng dưng đua nhau mà hổ ngươi. Cứ thấy mặt A Q. đâu là chúng nó xô nhau trốn biệt vào tận trong cửa. Thậm chí thím Bảy Trâu đã ngót năm chục tuổi đầu rồi cũng học theo người khác vội vàng lẩn tránh đi, lại còn hối hả gọi đứa con gái của thím non mười một tuổi đầu vào nốt! A Q. lấy làm lạ lùng hết sức. Y nghĩ bụng: "Cả lũ chúng nó bỗng dưng lại đua nhau học điệu bộ các cô tiểu thư rồi. Mấy con đĩ này, rõ khéo!..."

Nhưng đến những ngày sau, A Q. càng thấy nhiều sự lạ lùng khác nữa. Một là, lão chủ quán rượu nhất định không bán chịu cho y nữa. Hai là, lão từ ở đền Thổ Cốc cũng nói làm nhảm như muốn ngỏ ý thúc giục y dọn đi chỗ khác. Ba là, không nhớ rõ bao nhiêu ngày trời rồi, nhưng đã khá lâu, không hề có người nào gọi y đi làm vặt nữa! Cửa hàng rượu không bán chịu thì nhịn đi cũng xong, lão từ muốn đuổi thì lần lữa còn có thể được, chỉ có điều không ai gọi đi làm thì chết đói. Đến thế này thì thật là "mẹ kiếp"!

A Q. không tài nào chịu nổi tình cảnh ấy nữa. Y đành phải liều tìm đến mấy nhà chủ xưa nay vẫn thuê y làm vặt để dò

xem tình hình, chỉ trừ nhà cụ Cố họ Triệu ra là không dám tới. Nhưng tình hình đã đổi khác. Đến đâu là y như trong nhà đã thấy một lão đàn ông mặt mũi hết sức khả ố bước ra xua tay đuổi như đuổi ăn mày:

– Không có! Không có! Đi đi!

A Q. càng ngạc nhiên. Y nghĩ bụng: những nhà này xưa nay vẫn cần mình làm thuê, thế mà bây giờ bỗng dưng không một ai có việc gì nữa cả. Nhất định là có điều gì rắc rối đây chứ chẳng không. Để ý dò la y mới vỡ ra rằng: bọn họ có công việc gì là tuyền đi gọi thằng cu Don[1]. Cái thằng cu D.[2] là một thằng nhãi con, gầy gò, ốm yếu. Theo con mắt A Q. thì nó còn thua cả lão Vương Râu xồm nữa kia!... Thế mà ai ngờ chính cái thằng nhãi con này lại đã hớt ngang bát cơm của y! Bởi vậy lần này y tức điên lên hơn lần nào hết. Trong lúc hầm hầm rảo bước, y bỗng giơ cánh tay lên miệng hát:

Ngã thủ chấp (i i i) *cương* (i) *tiên tương* (i i i) *nỉ đả*![3]

Mấy hôm sau, tỉnh cờ A Q. bỗng gặp thằng cu D. trước bức tường xế qua nhà cụ Cố họ Tiển. Tục ngữ có câu: "Kẻ thù gặp mặt nhau thì mắt trông thấy rõ mười mươi". A Q. bước tới, cu D. cũng dừng chân đứng lại.

A Q. mắng và lườm cu D. bằng một cặp mắt rất dữ tợn, rồi nhổ một bãi nước bọt:

– Đồ súc sinh!

– Tớ là giống sâu bọ, thoả dạ chưa?

Câu trả lời nhún nhường của cu D. trái lại làm cho A Q. càng điên tiết. Nhưng trong tay A Q. lúc bấy giờ không sẵn có một cây "roi sắt" nên y đành phải vồ tới, giang cánh tay ra níu

---

(1) Chữ *Don* nguyên văn viết theo tiếng Anh. Đọc như chữ *Đôn* tiếng ta. Tác giả có nói: "*Cu D. chính là cu Đồng*" (N.D)

(2) Viết tắt theo nguyên văn (N.D)

(3) Một câu hát tầu mã trong các tuồng cổ Trung Quốc. Dịch nghĩa: *Tay cầm con roi sắt* (tớ) *sắp đánh mày*. A Q. vẫn là khách quen các rạp tuồng! (N.D)

lấy cái đuôi sam của cu D. Cu D. một tay giữ chặt đuôi sam của mình, còn tay kia cũng nắm lấy đuôi sam của A Q. A Q. cũng đưa cánh tay còn rảnh kia ra giữ chặt lấy đuôi sam của y. So với A Q. độ trước thì sức vóc cu D. thấm vào đâu, nhưng gần đây, phải nhịn đói, y cũng gầy gò, ốm yếu không khác gì cu D., bởi vậy lực lượng hai bên địch thủ thật là tương đương. Bốn cánh tay giằng co lấy hai cái đầu, hai lưng cũng đều gò cong hẳn lại, in bóng lên bức tường vôi trắng xoá nhà họ Tiền thành một đường vòng cung y như một cái cầu vồng màu chàm, lâu có đến nửa giờ đồng hồ là ít.

Những người đứng xem hình như muốn hoà giải, nói:

– Hảo *lớ*, Hảo *lớ*!

Một bọn khác cũng gào to lên:

– Hảo, hảo![1]

Không rõ họ có ý hoà giải hay là khen hay là xúi giục. Nhưng cả hai chú đều không ai nghe thấy gì cả. Hễ A Q. tiến lên ba bước thì cu D. lùi lại ba bước, rồi cả hai dừng lại. Mà cu D. bước tới ba bước thì A Q. lại lùi ba bước, rồi cả hai lại đứng lại. Có độ ngót nửa giờ, hoặc giả hai mươi phút cũng nên – ở làng Mùi không có đồng hồ reo nên khó nói cho đích xác – đầu hai chú đều bốc hơi lên, mồ hôi trán đều chảy đầm đìa... Bỗng thấy A Q. bỏ tay ra. Ngay lúc ấy, cu D. cũng bỏ tay ra nốt. Cả hai chú cùng một lúc đứng thẳng dậy, cùng một lúc lùi ra xa, rồi cả hai lẩn vào đám người đứng xem.

A Q. ngảnh đầu lại, chửi với:

– Nhớ lấy nhé! Con mẹ mày!

Cu D. cũng ngảnh đầu lại, chửi với:

– Con mẹ mày, nhớ lấy nhé!

---

(1) *Hảo* trong tiếng Trung Quốc có nghĩa là *thôi, thôi* (Hảo lớ) cũng có nghĩa là *Hay! Hay!* (Hảo) (N.D).

Trận "long hổ đấu" này kết cục đại khái có thể nói là "bất phân thắng phụ". Không biết khán giả có được hài lòng lắm không, bởi vì không hề nghe ai bàn tán gì. Nhưng vẫn không một ai gọi A Q. đi làm thuê cả.

Một hôm, trời ấm, gió thổi hiu hiu có khí vị tiết hè. Thế mà A Q. vẫn rờn rợn rét. Tuy vậy, rét cũng còn có thể chịu được. Khổ nhất là cái bụng đói. Mền bông, mũ lông cừu, áo, không còn cái nào nữa. Cả cái áo chẽn bông cũng bán rồi. Bây giờ còn một cái manh áo kép rách kia đem biếu người ta đóng gót dép hoạ có kẻ lấy, chứ đem bán thì một đồng xu cũng chả đắt! Đã nhiều phen, A Q. những ước ao bắt được chuỗi tiền con nhà ai đánh rơi giữa đường, nhưng chưa hề thấy chuỗi nào cả. Cũng lại nhiều phen, y cố ý nhìn kỹ bốn góc nhà y ở, may có thấy gì chăng, nhưng bốn góc nhà vẫn trống không, có gì đâu! A Q. bèn quyết chí đi kiếm ăn vậy.

Trên con đường làng, A Q. lang thang đi kiếm ăn. Y nhìn thấy những quán rượu, những chiếc bánh bao quen thuộc, Nhưng y đều lảng đi qua, không những không dừng chân lại mà cũng không có ý thèm thuồng gì cả. Điều A Q. ước ao bây giờ không phải những thức đó. Y ước ao những gì, chính y cũng không rõ.

Làng Mùi vốn là một làng bé nhỏ, đi chả mấy chốc là cùng làng. Trước làng có nhiều ruộng sâu, trông toàn một màu xanh mướt của mạ non. Giữa đồng, một vài chấm đen đen, tròn tròn động đậy: ấy là mấy chú nông phu đang cặm cụi làm việc. Nhưng A Q. bụng đâu nghĩ đến việc thưởng thức cái cảnh vui vẻ đó của đồng quê. Y cứ cúi đầu rảo bước. Y cảm thấy cảnh đó không dính dáng gì với việc y đi kiếm ăn cả. Một lát sau, y đến chùa Tĩnh tu rồi.

Xung quanh chùa cũng có một cánh đồng sâu. Mấy bức tường quét vôi trắng nổi hẳn lên giữa cánh đồng xanh thẫm. Đám đất mé sau nhà chùa, gần bức tường đất thấp là một vườn

rau. A Q. do dự một lúc, nhìn quanh nhìn quất một lúc, không thấy một ai qua lại. Y trèo lên tường, nấu lấy cành hà thủ ô. Đất đầu tường lác đác rã xuống. Chân y cũng run lập cập. Cuối cùng, y vớ được một cành dâu, phóc ngay vào trong vườn. Trong chùa, góc này rất là sầm uất. Chỉ hiềm điều ở đây không có rượu, không có bánh bao, không có một thức gì "nhai được" tất cả. Gần bức tường phía tây, có một lùm tre, dưới lùm tre có nhiều búp măng, khốn nỗi bấy nhiêu măng lại toàn là măng chưa nấu. Còn mấy luống rau thì thứ đã kết hạt, thứ đương đâm bông, thứ thì già cỗi. Cay đắng như một cậu đồ hỏng thi, A Q. chầm chậm đi lần ra mé trước. Nét mặt y bỗng hớn hở hẳn lên. Y vừa trông thấy mấy vồng củ cải. Y ngồi xổm ngay xuống, nhổ mấy gốc. Một cái đầu tròn tròn bỗng lù lù ra từ trong cửa nách, lại thụt vào ngay; rõ ràng là cô tiểu. Xưa nay, lũ tiểu này, A Q. xem bằng rác. Nhưng ở đời cũng nên "nghỉ lùi một bước" cho nên A Q. lật đật nhổ bốn gốc cải, ngắt lá vất đi rồi bọc củ vào thân áo. Giữa lúc đó thì sư bà vừa ở trong chùa đi ra.

– *Nam mô a di đà phậ... ậ... ật!* A Q. này, sao lại nhảy vào vườn mà ăn cắp của nhà chùa làm vậy! Ái chà! Tội chết! Ái chà chà... *Nam mô a di đà phật*!

A Q. chân bước, mắt nhìn, nói:

– Ai nhảy vào vườn nhổ trộm cải nhà bà ? Bao giờ nào

Sư bà chỉ vào thân áo:

– Bao giờ nữa? Đấy kia!...

– Đây là của nhà bà đấy à! Bà gọi lên xem nó có thưa không?...

A Q. chưa nói xong đã bỏ chạy... Một con chó đen to tướng ở đâu chạy thốc ra đuổi. Con Mực này vẫn nằm đằng cửa trước, chẳng biết vì lẽ gì bây giờ lại tót mãi ra tận sau này. Con chó vừa đuổi vừa cắn, và sắp đớp một miếng vào ngang đùi A Q.

May sao, từ thân áo một củ cải té ra. Mực ta giật mình một cái, đứng dừng hẳn lại. Trong lúc ấy, A Q. đã trèo lên cây dâu, nhảy phốc qua tường, rồi cả người lẫn củ cải cùng lăn nhào ra mái ngoài. Trong vườn, dưới gốc cây dâu, chỉ còn con Mực đứng cắn ăng ẳng và sư bà đứng niệm phật.

A Q. những áy náy lo rằng cô tiểu sẽ lại thả con Mực ra đuổi theo. Y lật đật, nhặt mấy củ cải rồi đi. Dọc đường, y còn nhặt thêm mấy hòn đá. Nhưng không thấy nó ra, y vất đá, vừa đi, vừa gặm củ cải, vừa nghĩ bụng "Vùng này ngớ bộ làm ăn chẳng xong! Ta đi lên huyện vậy!".

Gặm hết ba củ cải, A Q. nhất quyết sẽ lên huyện.

VI. LÊN VOI XUỐNG CHÓ

Mãi đến trung thu năm ấy, làng Mùi mới lại thấy bóng A Q.... Cả làng ngạc nhiên bảo nhau: A Q. đã về! Bấy giờ người ta mới có kẻ tự hỏi: lâu nay nó đi đâu nhỉ? Xưa kia, mỗi lần lên huyện về, A Q. vẫn hớn hở chuyện trò với mọi người. Nhưng lần này, không thế. Vì vậy không ai chú ý đến. Dễ thường A Q. cũng có thỏ thẻ một vài câu với lão từ đến Thổ Cốc, nhưng lệ thường ở làng Mùi, chỉ có những lúc nào cụ Cố họ Triệu, cụ Cố họ Tiền, hoặc thầy Tú Triệu lên huyện kia thì người ta mới coi là việc quan trọng. Lão Tây giả con chẳng ai quan tâm nữa là A Q.! Vì vậy nên lão từ cũng không đồn đại gì về việc A Q. đi cả, thành thử trong làng không ai biết mối manh gì.

Lần này A Q. ở huyện về khác hẳn mấy lần trước. Trông y có vẻ là lạ. Trời đã nhá nhem tối. Y vào quán rượu, cặp mắt ngái ngủ. Y tới trước quầy, nắn trong lưng ra một tay đầy tiền đồng và bạc hào, xỉa ra và nói:

– Tiền mặt đây này, rượu đâu đưa ra đây?

Y bận chiếc áo kép mới, lưng đeo một cái ruột tượng nặng trĩu làm cho cái thắt lưng sà xuống đằng trước thành một đường

vòng cung. Ở làng Mùi, vẫn có cái thói hễ thấy ai hơi có máu mặt thì thà kính trọng họ một chút còn hơn là tỏ vẻ khinh bỉ. Bây giờ, dù biết rằng vẫn là A Q. đấy, nhưng không phải như thằng A Q. với tấm áo rách dạo trước nữa. Cổ nhân có câu: "Sĩ biệt tam nhật, tiên đương quát mục tương đãi"(1). Vì vậy mà từ anh hầu sáng, ông chủ quán, khách uống rượu cho đến kẻ qua đường, đối với A Q. ai nấy tự nhiên đều tỏ ra vừa ngờ vực vừa kính trọng. Bác chủ quán gật đầu luôn mấy cái rồi lại trò chuyện vồn vã:

– Kìa A Q.! Đã về đấy à?

– Vừa về xong.

– Phát tài chứ?... Thế lâu nay...

– Ở trên huyện mà!

Tin đó sáng hôm sau đã lan ra khắp làng. Cả làng ai cũng ước ao biết rõ lai lịch cái túi tiền và cái áo kép mới của A Q. Bởi vậy, ngoài quán rượu, trong tiệm trà cho đến dưới hiên đình, người ta dần dần dò la ra cả. Kết quả là A Q. lại được người ta kinh sợ thêm.

Theo lời A Q. thì lâu này y làm công ở nhà cụ Cử. Chỉ một chút đó cũng đã làm cho người nghe lấy làm kiêng nể rồi. Cụ Cử vốn là họ Bạch, nhưng vì cả vùng chỉ có một cụ là đậu cử nhân, nên không cần phải dùng chữ "Bạch" mào đầu(2), chỉ gọi cụ Cử là ai cũng hiểu rồi. Lối xưng hô này chẳng phải riêng gì cho làng Mùi. Chung quanh vùng này có trăm dặm đường đất, ai cũng gọi như vậy. Đến nỗi có nhiều người yên trí rằng cụ là họ Cử tên Nhân! Làm công ở nhà cụ Cử là một điều

---

(1) Một câu danh ngôn của Lã Mông đời Tam quốc nói với bạn. Ý nghĩa: Ba ngày không gặp mặt một kẻ sĩ thì khi gặp lại, nên biết trọng đãi hơn mọi hôm, vì họ có thể tiến bộ khác trước nhiều rồi (N.D).

(2) Theo cách gọi của người Trung Quốc thì nói *Bạch cử nhân*, chữ chỉ họ để trên danh từ chỉ chức tước (N.D)

đáng trọng rồi, thế mà A Q. còn nói: y không thích làm đó nữa vì cái cụ Cử này thật ra cũng "mẹ kiếp chúng nó" lắm! Mấy người được nghe câu chuyện này vừa tiếc rẻ vừa khoái chí. Khoái chí ở chỗ A Q. không thèm làm việc với cụ Cử, mà tiếc rẻ là sao lại không làm.

Vẫn theo lời A Q. thì lần này y trở về làng tựa hồ cũng là vì y ghét bọn người trên huyện. Thì ví dụ chúng nó cứ gọi cái ghế dài kia là tràng kỷ, lại như lúc rán cá, chúng nó cứ gia vị bằng nhánh hành. Nhất là cái thói xấu y vừa khám phá ra, tức là cái kiểu bọn đàn bà con gái lúc chúng nó đi đứng ưỡn ẹo trông đến khó coi. Tuy vậy, A Q. cũng nhận rằng: trên huyện cũng có những điều đáng phục. Tức như ở làng Mùi đánh bài thì chỉ biết chơi thứ bài ba mươi hai con, và chỉ có một mình lão Tây giả là biết chơi "mạt chược". Mà trên huyện thì đứa oắt con mới nảy mũi ra cũng chơi mạt chược thạo rồi! Cứ để chú Tây giả ở làng đánh thử với một thằng ranh con nào trên ấy thì lập tức thấy rằng chả khác gì "quỉ sứ vào điện Diêm vương"! Câu chuyện này những kẻ được nghe ai cũng đều lấy làm xấu hổ.

– Này, các bác đã thấy chặt đầu người hay chưa nhỉ? Úi chào! Giết tụi cách mạng ấy mà! Úi chao chao! Vui, vui quá cơ!

A Q. vừa nói vừa lắc lư cái đầu, nước miếng cứ bắn vào mặt bác Triệu Tư Thần đứng trước y. Câu chuyện chặt đầu này, ai nghe cũng phải sờn mình rởn gáy. Nhưng A Q. lại nhìn quanh quất một hồi, bỗng giang cánh tay phải ra, nhằm vào cái cổ cò hương của lão Vương Râu đang đứng nghe chăm chú, bổ ngay vào gáy

– S... sật!

Lão Vương Râu hết hồn vía, nhanh như chớp nhoáng, thụt ngay cả đầu lẫn cổ xuống, trong lúc ấy thì người nghe đứng xung quanh vừa sợ hãi, vừa thích thú. Sau đó, có mấy ngày

trời, lão Vương Râu vẫn còn choáng váng cả đầu óc, nhất định không dám lại gần A Q. nữa; những người khác cũng vậy.

Trước con mắt dân làng Mùi lúc bấy giờ, địa vị A Q. dù chưa có thể nói rằng oai hơn cụ Cố họ Triệu, nhưng nói xấp xỉ thì cũng chẳng sai bao nhiêu. Chẳng bao lâu, danh tiếng A Q. đã lừng lẫy đến trong chốn khuê phòng làng Mùi. Thực ra, trong làng Mùi chỉ có hai nhà có thể gọi là có khuê phòng; ấy là nhà họ Triệu và nhà họ Tiền. Ngoài ra, chín phần mười, chả nhà nào là có khuê phòng cả; nhưng buồng đàn bà con gái nào mà chẳng gọi là khuê phòng? Cho nên danh tiếng A Q. đồn đại khắp khuê phòng cũng cho là một sự lạ đi! Các bà hễ gặp nhau là trầm trồ những chuyện như là: thím Bảy Trâu vừa mua lại của A Q. được một chiếc quần lụa màu xanh lam, cũ một tí, nhưng chỉ có chín hào bạc thôi! Lại như bà mẹ bác Triệu Bạch Nhãn - một tin khác nói chính là bà mẹ bác Triệu Tư Thần cơ, chờ kiểm tra lại đã - cũng mua được một cái áo trẻ con bằng vải sa tây điều còn khá mới, mà chỉ có ba quan tiền, cứ chín mươi hai đồng ăn một quan[1]! Thế rồi các bà người nào cũng cứ mong gặp A Q., người thiếu quần lụa thì mong hỏi quần lụa, người thiếu áo vải sa tây thì lăm le mua áo vải sa tây. Thấy A Q. không những họ không trốn tránh nữa mà thậm chí lại có nhiều lúc A Q. đã đi qua rồi, họ còn chạy theo, gọi đứng lại, hỏi: "Chú Q. này, còn cái quần lụa nào nữa không? Hết cả rồi à? ... Thế, áo vải tây điều cũng được. Còn đấy chứ?..."

Câu chuyện dần dà từ chốn khuê phòng vào đến chốn khuê các. Số là trong lúc đắc ý, thím Bảy Trâu đã đem chiếc quần lụa lên trình cụ Cố bà họ Triệu xem qua. Cụ Cố bà lại nói lại với cụ Cố ông và cứ khen lấy khen để. Ngay tối hôm ấy, ngồi trước mâm cơm, cụ Cố ông thảo luận cùng cậu Tú, rồi cho rằng: cái thằng A Q. này nhất định là có những sự tình khả nghi, chúng ta cửa ngõ cũng nên cẩn thận một tí. Nhưng chả biết

(1) Một quan là một trăm đồng tiền, như vậy mỗi quan bớt được tám đồng tiền. (N.D)

nó còn có gì mua được nữa hay không? Có lẽ cũng còn có thứ tốt đấy. Phần thì hiện nay cụ Cố bà còn cần một cái áo gi – lê thứ tốt nhưng phải cho rẻ. Thế rồi, cuộc hội nghị gia tộc họ Triệu quyết định sẽ nhờ thím Bảy Trâu lập tức đi tìm A Q. cho được. Do đó, mới có ngoại lệ thứ ba này nữa: tối hôm ấy được phép chong đèn.

Đĩa dầu vơi mãi, vơi mãi... A Q. vẫn chưa đến. Cả nhà họ Triệu đều đã sốt ruột, ngáp lên ngáp xuống. Kẻ thì trách A Q. hững hờ, người thì oán thím Bảy chậm chạp. Cụ Cố bà những ngại rằng câu chuyện dạo mùa xuân độ nọ có lẽ làm cho A Q. sợ phạm vào một điều khoản trong tờ cam đoan mà không dám đến chăng... Nhưng cụ Cố ông bảo: không ngại, vì chính "ta" truyền gọi nó kia mà! Thì ra, cụ Cố ông là người cao kiến có khác! Quả nhiên, một lát sau, A Q. cùng thím Bảy Trâu đã ở ngoài cửa bước vào. Thím Bảy thở hồng hộc, chân bước miệng nói:

– Chú ấy cứ chối đây đẩy một không có, hai không có. Con thì con nói: Không biết! Chú cứ đến mà bẩm với hai cụ. Chú ấy còn nói... Con thì con nói...

Dưới thềm, A Q. toét miệng ra một cái, giống như cười, nhưng vẫn không phải là cười, rồi nói to:

– Cụ ạ!

Cụ Cố vừa nói vừa bước tới gần A Q., đưa mắt nhìn y từ đầu đến chân:

– A Q. này, nghe nói độ rày mày đi ra phát tài lắm phải không? Thế thì tốt, tốt lắm. Này! À mà nghe nói mày còn một ít đồ cũ... Còn bao nhiêu cứ đưa đây xem xem...! Này! Không có ý gì đâu... Chả là ta cần dùng...

– Con vừa bảo thím Bảy đấy! Hết cả rồi.

– Hết rồi kia à? – Giọng cụ nghe như thất thanh – Sao đã hết chóng làm vậy?

– Chả là gặp chỗ quen biết... Vả lại có bao cơ đâu ạ! Anh em họ giật hết.

– Chắc cũng còn một ít chứ?

– Giờ chỉ còn một bức nghi môn thôi ạ!

Cụ Cố bà lật đật nói:

– Thế thì đưa đến cho xem vậy!

Cụ Cố ông vẻ lãnh đạm:

– Vậy thì sáng mai! Cứ đưa đến đây nhé. Này, A Q. này, từ rày, bất cứ đồ lề gì, hễ có là cứ đưa đến đây, ta xem trước nhé...

Cậu Tú nói:

– Đây không bao giờ trả rẻ đâu mà! Nghe chưa?

Mợ Tú vội liếc nhìn nét mặt A Q. xem nó có chú ý gì đến lời cậu Tú hay không.

Cụ Cố bà nói:

– Ta cần mua một cái áo gi – lê.

A Q. miệng vâng vâng dạ dạ, nhưng lại uể oải lùi ra về. Cũng chẳng ai biết y có nhớ cho hay không, thành ra cụ Cố ông cũng vừa thất vọng vừa bực mình vừa lo ngại đến nỗi quên không ngáp dài nữa. Cậu Tú cũng bất bình với thái độ của A Q. nói:

– Cái thằng *Oắng pa tàn* này, phải coi chừng! Hay là gọi lão khán đến bảo phải đuổi đi, không cho ở trong làng nữa là hơn hết!

Nhưng cụ Cố ông cho rằng không nên làm thế, sợ nó lại thù oán lôi thôi. Vả lại, xưa nay những đứa làm nghề ấy chả bao giờ chúng nó làm thói "gà què ăn quẩn cối xay", vậy nên làng ta chẳng ngại gì sự đó. Còn nhà mình thì ban đêm ngủ cho tỉnh tỉnh một tí là được rồi. Nghe bấy nhiêu lời nghiêm đường dạy, cậu Tú rất tán thành, vì vậy cậu cũng lập tức thủ

tiêu đề nghị đem A Q. "trục xuất cảnh ngoại". Một mặt khác cậu ân cần dặn dò thím Bảy Trâu nhất thiết không để cho câu chuyện hôm hay tiết lộ ra ngoài.

Nhưng ngày hôm sau, lúc thím Bảy đem chiếc quần đi nhuộm đen thì thím lại đem cả những chỗ khả nghi về A Q. rêu rao với mọi người. May mà thím không nhắc nhở gì đến chuyện cậu Tú có ý "trục xuất" A Q. Nhưng thế cũng đã là một điều bất lợi cho A Q. rồi! Trước hết, bác khán tìm ngay vào nhà y lấy quách bức nghi môn. Y cố biện bạch rằng cái bức nghi môn đó cụ Cố bảo phải đem lên trình cụ xem đã, nhưng bác khán vẫn nhất định chiếm lấy. Bác lại nhân dịp này vòi thêm một ít "tiền rượu" hàng tháng nữa. Một sự thiệt thòi khác cho A Q. là từ hôm ấy về sau, lòng kính nể và sợ sệt của dân làng Mùi đối với y cũng giảm bớt nhiều. Tuy chưa dám khinh ra mặt đâu, nhưng xem có ý đã không muốn lại gần y nữa. Không muốn gần y không phải vì sợ đánh "sật" một cái vào gáy như trước, mà là người ta chỉ "kính nhi viễn chi"[1] nữa thôi.

Một bọn vô công rồi nghề lại cố đi dò xét về A Q. cho ra manh mối. Thì A Q. cũng chả giấu giếm gì ai cả! Y cứ ngạo nghễ nói toạc tất cả những điều y đã làm. Do đó, người ta mới biết y chẳng qua chỉ là một vai phụ không có gan trèo tường mà cũng không có gan chui ngạch. Y chỉ đứng ở mé ngoài chuyền đồ ra mà thôi. Và, có một đêm, y vừa bê được một cái gói, còn lão trùm đang chui vào một lần nữa, thì trong nhà hô hoán lên; thế là y chuồn thẳng, ngay đêm ấy, lập tức bỏ huyện về tuốt làng Mùi. Rồi từ đấy trở đi, y cũng giải nghệ luôn nốt. Đoạn tiểu sử này càng làm tai hại cho danh giá A Q. Số là xưa nay dân làng Mùi còn giữ cái thái độ "kính nhi viễn chi" với A Q. chỉ là vì lo y thù hằn. Ai ngờ chẳng qua y chỉ là

(1) *Luận ngữ*, thiên *Ung dạ*, Khổng tử nói với Phàn Trì: "Đối với quỷ thần nên kính cẩn, nhưng nên xa ra" (N.D).

một thằng ăn trộm mà lại không có gan đi ăn trộm nữa, thì quả thật không có gì đáng sợ.

VII. CÁCH MẠNG

Tối hôm mười bốn rạng ngày rằm tháng chín niên hiệu Tuyên Thống năm thứ ba[1], tức là hôm A Q. bán cái ruột tượng cho chú Triệu Bạch Nhãn, vào hồi canh ba, lúc bốn giờ, một chiếc thuyền ván, mui đen, khá to ghé vào bến trước nhà cụ Triệu, giữa lúc đêm khuya trời tối mò mò, dân làng đang ngủ say, không ai hay biết gì hết. Và chưa mờ sáng thì chiếc thuyền đã rời khỏi bến, chỉ có mấy người trông thấy mà thôi. Sau lúc đã dò-la, thầm thì thầm thụt cùng nhau khá lâu, người ta mới biết rằng: chính là thuyền nhà cụ Cử.

Thuyền nhà cụ Cử đã đưa đến cho làng Mùi một nỗi lo âu hết sức lớn. Chưa đụng ngọ, cả làng đã nhốn nháo hẳn lên. Chiếc thuyền này về đây để làm gì thì nhà cụ Triệu hết ức giữ bí mật. Nhưng trong các quán rượu và các hàng nước, đâu đâu người ta cũng đồn dậy lên rằng bọn cách mạng sắp vào huyện nên cụ Cử chạy về làng lánh nạn. Chỉ có thím Bảy là bảo không phải. Thím ấy nói: chỉ có mấy hòm quần áo cũ trên cụ Cử gửi xuống nhờ giữ hộ, nhưng cụ Triệu không nhận và giả lại ngay. Chả là cậu Tú Triệu và cụ Cử xưa nay không tương đắc gì, cho nên trong lúc hoạn nạn, hai nhà nhất định không có thể san sẻ nỗi lo nỗi buồn cùng nhau. Vả lại thím Bảy ở ngay cạnh nhà cụ Triệu, thấy tận mắt, nghe tận tai; cho nên chắc hẳn là không sai.

Mặc dù như thế, tiếng đồn vẫn lan rộng ra. Người ta bảo nhau: hình như cụ Cử không về, nhưng cụ có viết một bức thư rất dài để làm thân với cụ Cố. Cụ Cố làng ta cũng đã nghĩ lại, và cụ cho rằng: cũng chả có hại gì nên đã cho gửi cái hòm

(1) Tức ngày 4 tháng 11 năm 1911, hai mươi lăm ngày sau cuộc khởi nghĩa Võ Xương.

lại. Cái hòm ấy hiện giờ nhét dưới gầm giường cụ bà nằm. Còn như tin tức về bọn Cách mạng thì có kẻ nói chính tối hôm qua chúng nó đã vào huyện rồi, chú nào chú ấy áo giáp bạch, mũ bạch, ăn bận trắng toát một loạt để tang cho vua Sùng Chính[1]

Xưa kia, A Q. đã mấy lần nghe người ta nói đến Cách mạng. Năm nay, y lại đã thấy chém bọn Cách mạng độ vừa rồi. Nhưng trong óc y đã có sẵn một ý kiến chẳng biết nguồn gốc từ đâu cho rằng: làm cách mạng tức là làm giặc; làm giặc tức là báo hại y. Vì vậy nên xưa nay, y vẫn ghét cay ghét đắng bọn Cách mạng. Ngờ đâu chính bọn đó đã làm cho cụ Cử danh giá khắp vùng như thế kia mà cũng phải sợ, thì y cũng đã hơi lấy làm "lác mắt". Huống nữa là y lại thấy lũ đàn ông đàn bà khốn nạn ở làng Mùi cuống quít lên như vậy, thì y càng khoái chí. Y nghĩ bụng: "Cách mạng cũng hay! Cách mẹ cái mạng lũ chúng nó đi! Ghét quá đi mất! Giận quá đi mất!... Tớ, tớ cũng sẽ đi đầu hàng cách mạng".

Gần đây, A Q. túng thiếu, thành thử y cũng có ý bất bình. Phần thì trưa hôm ấy, bụng đói, uống hai bát rượu vào cho nên y càng choáng váng say. Y vừa nghĩ ngợi vừa rảo bước, tâm hồn lại nghe nhẹ nhàng hớn hở hẳn lên. Rồi chả biết thế quái nào mà bỗng y đã tưởng tượng ngay rằng y là người cách mạng, và cả bọn dân làng Mùi đã thành "tù binh" của y cả rồi! Trong lúc đắc ý, bất giác y hét to lên mấy tiếng:

– Làm giặc nào! Làm giặc nào!

Dân làng Mùi bấy giờ đều nhìn A Q. bằng cặp mắt sợ hãi vô cùng. Điều đáng thương hại đó xưa nay y chưa từng thấy. Thành ra y thích chí vô hạn, chẳng khác gì nắng tháng sáu mà được uống nước đá vậy! Y càng hớn hở rảo bước và nói to:

---

(1) Sùng Chính tức Sùng Trinh, ông vua cuối cùng nhà Minh bị tử nạn. Trong ý nghĩ dân làng Mùi, cuộc cách mạng 1911 chỉ là một cuộc chính biến, vương triều này lật đổ vương triều kia để lên trị vì mà thôi. Họ cho rằng những người làm cách mạng ủng hộ nhà Minh lật đổ nhà Thanh nên mới đẻ tang cho vua Sùng Chính. Đủ thấy cuộc cách mạng Tân hợi không được tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nông thôn. Ý kiến của A Q. về cách mạng nói ở đoạn dưới cũng chứng tỏ điều đó (N.D)

– Hay lắm! Tớ muốn gì sẽ được nấy! Tớ ưa ai là người ấy được nhờ!

Cắc cắc, tùng tùng! Ăn năn đà quá muộn! Chỉ vì quá chén mà Trịnh hiền đệ bị giết oan... a... a... Tùng tùng, tùng tùng, cắc... Cắc cắc, tùng tùng... Thủ cấp (i i i) cương (i i) tiên (i – a) tương nỉ đả.

Trước nhà cụ Cố họ Triệu, hai bố con và hai người bà con chính tông của cụ đang đứng xúm ở cổng bàn về cách mạng. A Q. không trông thấy, cứ ngang nhiên rảo bước và vẫn hát:

– *Tùng!... Tùng...*

– Này bác Q. ơi!

Cụ Cố gọi khẽ khẽ và có vẻ sợ sệt.

Xưa nay, đã bao giờ A Q. nghĩ người ta lại có thể kết liền chữ "bác" với tên mình để gọi. Vậy nên y cho rằng người ta còn nói chuyện gì đâu đâu ấy chứ chẳng liên can gì đến mình. Y cứ hát:

– *Cắc, cắc, cắc... Tùng... tùng... tùng.*

– Bác Q. này!

– *Ăn năn đà quá muộn, à...!*

Cậu Tú đành phải gọi thẳng:

– A Q. à!

Lúc đó, A Q. mới dừng chân nghếch đầu lại hỏi:

– Cái gì thế?

– Bác Q. này... Độ rày...

Cụ Cố bống không biết nói gì nữa – Độ rày!... phát tài chứ?

– Phát tài hẳn chứ lị! Muốn gì là được nấy!

– A, à bác Q. này! Bọn mình là bạn nghèo với nhau cả, th chắc chẳng lẽ gì...

Triệu Bạch Nhãn rụt rè nói, cố ý dò xem ý tứ nhà cá mạng như thế nào.

– Bạn nghèo à? Anh lại không phong lưu bằng mấy tôi ấy à?

Vừa nói xong, A Q. đã bước đi.

Ai nấy phát khiếp, đứng lặng đi một hồi. Chiều hôm ấy, hai bố con nhà họ Triệu bàn bạc cùng nhau, cho mãi đến lúc đỏ đèn mới thôi. Còn chú Triệu Bạch Nhãn vừa về đến nhà là cởi ngay cái ruột tượng, bảo chị vợ giấu kín dưới đáy hòm.

A Q. hớn hở một hồi khá lâu. Về đến đền Thổ Cốc thì y đã tỉnh rượu hẳn. Chiều hôm ấy, lão từ đối với y cũng tỏ ý nhã nhặn khác thường, mời y uống chén nước trà. Y nài lão thết y luôn hai khẩu bánh nữa. Ăn xong, y còn lấy một đoạn nến bốn lượng thắp dở và cả cái cọc nến mang về buồng nhỏ của y, đỏ đèn lên, một mình nằm nghỉ. Bao nhiêu ý nghĩ mới mẻ, bao nhiêu niềm vui mà y không tài nào tả nên lời, đang nhảy múa trong đầu óc y in như ngọn đèn đêm nguyên đán vậy: "Làm giặc! Cũng vui đấy chứ! Một bọn làm cách mạng tuyền là mũ bạch, áo giáp bạch, ai nấy tay cầm dao bản, roi sắt, lựu đạn, súng trường, nạng ba chĩa, câu liêm chạy cả đến đền Thổ Cốc gọi: "A Q.! Chúng ta cùng đi, đi!". Thế là cùng nhau đi...

"Lúc đó tụi dân làng Mùi khốn nạn trông mới buồn cười! Chúng nó sẽ quì ràn rạt xuống van xin: "A Q. tha chết cho tôi đi!". Nhưng ai nghe chúng nó! Thằng cu D. đáng tội chết trước. Rồi cụ Cố họ Triệu, cả lão Tú nữa, cả thằng Tây giả nữa... Có nên tha thằng nào không nhỉ? Kể ra lão Vương Râu thì tha ra cũng chẳng hề gì, nhưng bất tất!

"Đồ đạc, thì cứ vào phá ngay cái rương ra xem... Tiền đồng... vàng bạc. .. áo sa... Mà trước hết phải khuân ngay cái giường Hồng – kông của mợ Tú về đền Thổ Cốc cái đã... Ngoài ra, còn bộ ghế nhà họ Tiền cũng chuyển về nốt. Hay là ta dùng ngay bộ của nhà họ Triệu vậy? Lẽ cố nhiên mình bất tất phải bỏ tay ra khuân vác. Bảo thằng cu D. khiêng đi, mau lên! Chậm là tát vào mặt...

"Lão Triệu Tư Thần có con em, nhưng xấu quá! Còn con gái thím Bảy Trâu, vài năm nữa hẳng nói chuyện... Vợ lão Tây giả... con này đã chung chạ với một thằng đàn ông không có đuôi sam... Chao! Tởm... Thứ đàn bà ấy chả ra trò! Mụ tú Triệu phải một cái là trên mi mắt có một cái sẹo! Mà... con mụ vú Ngò lâu nay đi đâu nhỉ? Bực một nỗi là cái bàn chân chị ta to quá!... "(1)

Giữa lúc đầu óc còn rối beng với bấy nhiêu ý nghĩ thì A Q. đã ngáy khò khò. Cây nến bốn lượng vừa cháy mất độ dăm phân, ngọn lửa lập loè, chiếu vào cái miệng hoác rộng của y.

"Ha! Ha!" A Q. bỗng giật mình dậy, kêu to mấy tiếng rồi nghếch đầu lên, hoảng hốt nhìn quanh nhìn quất. Nhìn thấy đoạn nến bốn lượng vẫn còn, y lại ngả người ra ngủ.

Ngày hôm sau, A Q. thức dậy rất muộn. Y chạy ra nhìn trên con đường làng, thì đâu vào đấy, chả có gì thay đổi. Mà cái bụng của y nghe vẫn đói! Y ngẫm nghĩ hồi lâu cũng chả nghĩ ra cái gì cả. Nhưng bỗng hình như y đã có một quyết định gì, rồi cũng chẳng biết là vô tình hay hữu ý, y lại nhẹ bước lần đến chùa Tĩnh tu.

Sau bức tường trắng có trổ hai cánh cửa sơn đen, cảnh chùa vẫn vắng lặng như mùa xuân độ nọ. A Q. ngẫm nghĩ một chốc, rồi bước tới gõ cửa. Một con chó sủa từ trong chùa sủa ra. A Q. vội vàng nhặt mấy mảnh gạch vỡ bước tới gõ mạnh vào cách cửa. Gõ mãi đến lúc cánh cửa đầy những vết gạch đỏ mới nghe có tiếng người ra mở.

A Q. vội nắm chặt lấy mấy mảnh gạch trong tay, đứng theo thế mã bộ, sẵn sàng cầm cự với con Mực. Nhưng cửa chùa chỉ hé ra một tí, con Mực cũng chẳng thấy xông ra. Nhìn vào, chỉ thấy một mình sư bà.

---

(1) Về đời Mãn Thanh, đàn bà nhất là bọn quí phái đều bó chân cho nhỏ A Q. không bằng lòng đôi bàn chân của vú Ngò không bó và cho là thô (N.D).

– Bác lại tới đây làm gì nữa kia?

Sư bà hỏi, giọng hớt hơ hớt hải.

– Cách mạng rồi! Bà biết không?

A Q. trả lời vu vơ.

– Cách mạng, cách mạng! Đã cách một lần rồi! Các bác còn muốn cách chúng tôi đến như thế nào nữa kia?

Hai con mắt sư bà đỏ bừng hẳn lên.

– Thế nào?

A Q. rất lấy làm ngạc nhiên hỏi.

– Họ đã đến đây "cách" hết rồi! Nhà bác không biết đó thôi.

– Ai kia?

– Lão Tú với lão Tây giả ấy mà!...

Thật là một điều bất ngờ cho A Q., làm cho y hết sức ngơ ngác. Sư bà thấy y mất hẳn nhuệ khí; tức thì đóng cửa lại. A Q. lại đẩy cửa nhưng không tài nào xô cho ra được nữa. Y gõ một thôi nữa, chả một ai trả lời.

Đó là chuyện xảy ra buổi sáng. Cậu Tú bắt tin rất nhạy, vừa biết được rằng bọn Cách mạng đã vào huyện đêm hôm trước, cậu liền đem đuôi sam quấn vòng quanh trên đầu, vừa sáng thì tức tốc qua nhà họ Tiền thăm lão Tây giả, là người xưa nay cậu chả ưa tí nào, nhưng trong thời kỳ "cùng nhau mưu cuộc duy tân" này, hai ông trò chuyện bỗng dưng thành ra thân mật, rất tâm đầu ý hợp như hai đồng chí. Hai ông hẹn hò cùng nhau đi làm cách mạng. Hai nhà cách mạng bàn bạc hồi lâu mới sực nhớ ra rằng: trong chùa Tĩnh Tu còn có một cái bài vị thờ vua với mấy chữ "Hoàng đế vạn tuế, vạn vạn tuế..." phải "cách" ngay mới được. Thế là hai ông cùng nhau tới chùa Tĩnh Tu làm một cuộc cách mạng. Sư bà ra cản trở, nói mấy câu; hai ông cho là sư bà ủng hộ chính phủ Mãn Thanh, nhè vào đầu bà ta mổ ba toong xuống. Cô tiểu thì mãi lúc hai ông đi đã xa mới hoàn hồn, soát đồ nhà chùa lại, thì thấy cái

bài vị cố nhiên bị đập nát ra giữa chùa, mà cái lư hương Tuyên Đức[1] xưa nay vẫn để thờ trước tượng Đức Quan Âm đã biến đâu mất rồi!

Câu chuyện trên đây mãi về sau A Q. mới biết. Y lấy làm hối hận vì ngủ quá giấc mà lỡ dịp, nhưng cũng giận tụi chúng nó không tới gọi y cùng đi. Y nghĩ lại: "Lẽ nào chúng nó lại chưa biết là mình đã đầu hàng cách mạng rồi hay sao?

VIII. KHÔNG CHO LÀM CÁCH MẠNG

Tình hình làng Mùi dần dần êm đềm trở lại. Theo những tin đồn gần đây, người ta biết rằng: tiếng là bọn Cách mạng đã vào huyện nhưng cũng chẳng có gì thay đổi khác trước. Quan huyện, vẫn là quan huyện cũ, chẳng qua bây giờ gọi là quan gì gì ấy, mà cụ Cử cũng làm quan gì gì ấy!... Những chức tước mới, ở làng Mùi chả ai hiểu gì hết. Còn ông lãnh binh thì cũng vẫn là ông lãnh binh ngày trước. Duy có một việc đáng sợ là trong đó có mấy người cách mạng không tốt xen vào làm rối loạn cả lên. Ngay ngày hôm sau, chúng nó đã đi cắt đuôi sam của người ta rồi. Nghe đâu bác Bảy Cân[2] làm nghề chèo thuyền trên làng trên đã bị chúng cạo trọc, thành thử trông không thành hình người nữa! Tuy nhiên, việc đó cũng chưa thật đáng sợ, bởi vì dân làng Mùi chẳng mấy khi lên huyện, mà dẫu có việc lên huyện thì họ cũng không lên nữa, khỏi nguy hiểm. Chính A Q. lâu nay vẫn có ý định lên huyện thăm người quen, sau lúc được tin này, cũng thôi.

Nhưng ở làng Mùi thì không thể không có chút gì cải cách. Mấy hôm sau, dần dần số người đem đuôi sam cuốn vòng quanh lên đỉnh đầu ngày một thêm nhiều. Như trên kia đã nói, người

(1) Minh Tuyên Tông, niên hiệu Tuyên Đức (1426 – 1435) cho đúc những cái lư hương đồng loại nhỏ, dưới đáy có khắc dòng chữ "Đại Minh Tuyên Đức niên chế" (N. D).

(2) Xem truyện *Sóng gió*, trong tập *Gào thét*.

đầu tiên cố nhiên là cậu Tú Triệu. Kế theo là hai chú Triệu Bạch Nhãn và Triệu Tư Thần. Sau đến A Q. Giá về mùa hè mà đem đuôi sam quấn ngược lên đỉnh đầu hoặc kết lại thành búi tó đằng sau thì cũng không có gì là lạ. Nhưng bây giờ, là cuối mùa thu, cho nên cái chính sách "thu hành hạ lệnh" (đem lệ mùa hè ứng dụng vào mùa thu) của mấy "nhà quấn đuôi sam" cũng phải kể là một cao kiến, và như thế, đối với làng Mùi, không thể nói đó không phải là cuộc cải cách.

Bác Triệu Tư Thần, gáy trống thông lổng, bỗng ở đâu đằng kia chạy tới. Những người trông thấy đều la to lên:

– Ồ! Ông cách mạng đã tới kia kìa!

A Q. nghe, tỏ ra rất phục. Y đã biết chuyện cậu Tú quấn đuôi sam lên, nhưng y không hề nghĩ rằng những người như y cũng có thể quấn đuôi sam lên được như thế. Bây giờ thấy Triệu Tư Thần làm như vậy, y mới nghĩ đến việc bắt chước và quyết chí thi hành. Y lấy một chiếc đũa, đem đuôi sam giốc ngược lên đỉnh đầu ngần ngại hồi lâu... rồi mới mạnh dạn bước chân đi ra... A Q. đi qua trên con đường làng, người ta nhìn thấy, nhưng cũng chẳng ai nói gì. Lúc đầu A Q. buồn bực, sau y phát cáu. Gần đây, y bỗng trở thành gắt tính. Kỳ thực, không phải đời sống hàng ngày của y lâu nay có khó khăn gì hơn ngày chưa đi "làm giặc". Người ta đối với y cũng lễ độ. Lão chủ quán cũng không đòi tiền mặt ngay nữa. Nhưng y vẫn thấy bực bội trong lòng. Đã "cách cái mạng" đi rồi, thì không thể chỉ có như thế này. Nhất là có lần gặp thằng cu D., y lại càng tức lộn ruột.

Thì cả thằng cu D. nó cũng đem đuôi sam quấn ngược lên! Hơn nữa, nó cũng nghiêm nhiên dùng một đoạn đũa giống như y. A Q. không thể nghĩ rằng thằng cu D. cũng làm như y được. Y quyết không cho phép thằng cu D. lăng loàn như vậy. Thằng cu D. là cái thá gì! Y đã tính tóm ngay lấy thằng oắt con, bẻ cho gẫy nát chiếc đũa tre trên đầu nó đi, xả ngay cái đuôi sam

xuống, rồi tát vào mặt nó mấy tát tai để trị cái tội không biết thân phận mà dám táo gan làm cách mạng. Nhưng cuối cùng, A Q. cũng tha cho nó đi, chỉ lườm nó bằng một cặp mắt dữ tợn, rồi nhổ một bãi nước bọt đánh "tách" lên một tiếng mà thôi!

Trong mấy ngày ấy, chỉ có lão Tây giả là người hay lên huyện. Cậu Tú Triệu tuy vẫn có ý nhân câu chuyện gửi hòm hôm trước đi bái yết cụ Cử một phen, nhưng chỉ vì dọc đường còn có cái nguy "chặt đuôi sam", nên cậu đành rốn lại. Cậu viết một bức thư theo thể cách "lọng vàng"[1] gửi ngay lão Tây giả mang lên huyện và giới thiệu cho cậu được vào đảng "Tchư díu" (Tự do). Lên huyện về, lão Tây giả đòi ngay bốn đồng bạc và đưa cho cậu Tú một cái huy hiệu bằng bạc, hình quả đào, để đeo vào áo dài. Làng Mùi trông thấy, càng lấy làm kính phục. Họ bảo nhau: Đấy là huy hiệu đảng "Tsư díu" (Thị du)[2] đấy. Đeo huy hiệu ấy vào thì được ngang hàng với hàm Hàn lâm. Từ hôm ấy, cụ Triệu lại oai vệ hơn cả lúc cậu con vừa đỗ tú tài nữa kia! Cho nên bây giờ cụ thật là "mục hạ vô nhân", gặp A Q. cụ cũng chẳng thèm để ý đến nữa.

A Q. đang bất bình nhiều nỗi và thường cảm thấy hiu quạnh... Nghe câu chuyện huy hiệu bằng bạc này, y mới vỡ lẽ ra vì sao y lại hiu quạnh như thế. Thì ra, làm cách mạng mà chỉ tuyên bố rằng mình "đầu hàng" chưa đủ, quấn đuôi sam lên cũng chưa đủ. Trước hết vẫn phải làm quen với bọn cách mạng đã. Sinh bình A Q. chỉ biết có hai người trong bọn đó. Một người ở trên huyện thì độ nọ đã bị chém đầu đánh s... sật rồi! Bây giờ chỉ con lão Tây giả nữa thôi. Ngoài việc thương lượng với lão Tây giả ra, A Q. không còn có con đường nào khác nữa.

---

(1) Nghĩa là lời văn trịnh trọng.

(2) Tiếng quan thoại, chữ *tự do đảng* (đảng tự do) cũng như *thị du đảng* (đảng dầu hạt thị) đọc na ná giống nhau. Vì vậy mà dân làng Mùi vẫn tưởng rằng *đảng tự do* cũng là một bọn buôn dầu hạt thị.

Cổng nhà họ Tiền vừa mở thì A Q. đã rón rén bước vào. Vừa vào thì y đã hết hồn hết vía, vì y thấy lão Tây giả đang đứng giữa sân, mình bận bộ áo đen, in tuồng là âu phục, trước ngực cũng có một tấm huy hiệu bằng bạc, hình quả đào, tay cầm cái ba toong mà độ nọ y đã được biết mùi. Cái đuôi sam của lão đã dài được non một thước để xoã xuống vai y như cụ Lưu Hải Tiên[1]. Trước mặt lão, Triệu Bạch Nhãn và ba người vô công rồi nghề khác đứng nghiêm, kính cẩn nghe lão nói.

A Q. khe khẽ đi tới, nép sau lưng Triệu Bạch Nhãn trong bụng muốn chào một tiếng, nhưng chẳng biết xưng hô như thế nào cho tiện. Gọi là "Tây giả" thì quyết không được rồi, gọi là "Tây" cũng không xuôi, mà gọi là ông "cách mạng" cũng chẳng gọn. Hay là gọi là "ông Tây" vậy?

Nhưng "ông Tây" vẫn không nhìn thấy y, vì ông ta còn đang trợn trắng mắt lên giảng giải rất hăng:

– Chả là tôi thì tôi nóng tính. Cho nên vừa gặp nhau là tôi nói ngay: "Anh Hồng![2]. Ta làm ngay đi thôi! Nhưng anh Hồng lại nói: "No"[3]. "No" là tiếng Ăng – lê, các bác chẳng hiểu đâu. Nếu không thì đã thành công rồi! Tuy vậy, xem đó ta cũng đủ biết anh Hồng làm việc cẩn thận như thế nào!... Anh ấy mấy lần cố mời tôi lên Hồ Bắc cho được. Tôi không chịu đi. Đi thì ai muốn đến làm việc trong một huyện nhỏ bé thế này cho!

– Ủa!... này!... này!

A Q. đánh bạo thốt ra được mấy tiếng lúc lão Tây giả vừa ngừng lại. Nhưng không hiểu vì sao y lại không gọi là "ông Tây"

Bốn người đang đứng nghe, đều giật mình ngoảnh lại nhìn. "Ông Tây" cũng vừa trông thấy A Q.

---

(1) Chỉ Lưu Hải Thiềm, người thời Ngũ đại, tương truyền tu đạo ở Chung Nam Sơn, thành tiên. Có ảnh của ông lưu truyền trong dân gian, tóc dài để xoã.

(2) Chỉ Lê Nguyên Hồng, một nhân vật thời cách mạng Tân Hợi (N.D).

(3) *No*: tiếng Anh nghĩa là *không*.

- Cái gì?

- Tôi...

- Ra ngay!

- Tôi định đầu hàng...

"Ông Tây" giơ cái gậy "đại tang" lên:

- Cút lập tức!

Cả Triệu Bạch Nhãn và mấy lão kia cũng mắng om sòm:

- Ông bảo mày cút đi, mày không nghe hay sao?

A Q. đem hai bàn tay lên che đầu rồi không kịp suy nghĩ, chuồn thẳng ra ngoài cửa. May mà "ông Tây" không đuổi theo. A Q. chạy rất nhanh khoảng độ năm sáu mươi bước, mới đi chầm chậm lại. Lúc bấy giờ lòng A Q. bỗng lại âu sầu. Muốn làm cách mạng nhưng "ông Tây" lại không cho làm. Y không còn có cách nào khác nữa. Từ nay còn mong gì có người mũ bạch, áo giáp bạch đến gọi! Bao nhiêu hoài bão, bao nhiêu hy vọng, bao nhiêu chí hướng và tiền đồ, thế là đi đời nhà ma! Ấy là chưa kể y sẽ chịu bao nhiêu nỗi nhục nhã khi bọn hiếu sự sẽ đem câu chuyện này đồn đại lên để cho tụi Vương Râu, cu D. có dịp cười cợt!

Tuồng như xưa nay A Q. chưa hề bao giờ chán chường như hôm nay, cho đến cả cái đuôi sam quấn vòng quanh trên đầu, hôm nay y cũng cho là vô vị, đáng khinh bỉ hết sức! Y muốn đem mà buông xuống cho bõ ghét, nhưng rồi cũng thôi, không buông xuống. Y đi rong mãi đến khuya, uống chịu hai bát rượu. Thế rồi tinh thần lại phấn khởi hẳn lên, và y lại loáng thoáng mơ tưởng đến những chiếc mũ bạch, áo giáp bạch...

Một hôm, A Q. theo lệ thường đi rong mãi đến khuya, lúc các quán rượu sắp đóng cửa, mới trở về đền Thổ Cốc.

Đùng! đùng!

Bỗng có mấy tiếng rất lạ tai, giống tiếng pháo mà không ra tiếng pháo! Vốn tính thích ồn ào và thích xem nhảm, A Q.

mò ra xem. Đằng trước mặt như có tiếng chân người bước tới. Y lắng tai nghe. Bỗng có người chạy từ đằng kia chạy lại. Chợt trông thấy, A Q. cũng theo bóng người ấy chạy nốt. Người ấy chạy quành, y cũng quành theo. Người ấy đứng dừng lại, y cũng đứng dừng lại. Nhìn lại phía sau chẳng có gì. Té ra bóng người chạy đó chỉ là thằng cu D... Y phát bẳn:

- Cái gì thế?

- Hừ... nhà cụ Tri... Triệu mất cướp!

Cu D, vừa trả lời vừa thở hổng hộc.

Quả tim A Q. cũng thoi thóp, dồn ngược. Nói xong, cu D. đi A Q. thì bỏ chạy, nhưng còn đứng dừng lại mấy lần nữa. Dù sao thì A Q. cũng đã làm qua nghề ấy, cho nên y gan dạ lắm. Y nép vào một góc đường, nghe ngóng, tựa hồ như có tiếng kêu gào, và nhìn kỹ thì tựa hồ như có vô số người đội mũ bạch, mặc áo giáp bạch, tấp nập khiêng những rương hòm, đồ đạc, chuyển từ trong nhà chuyển ra. Cái giường Hồng - kông của mợ Tú hình như cũng chuyển ra đấy rồi! Nhưng không thấy rõ cho lắm. A Q. còn muốn lại gần, nhưng chân vẫn không nhúc nhích.

Đêm ấy không có trăng. Trong bóng tối dày đặc, cảnh làng Mùi vẫn lặng lẽ, lặng lẽ như những ngày thịnh trị đời Hy Hoàng[1]. A Q. đứng nhìn, nhìn đến phát chán mà vẫn thấy chúng nó ra ra, vào vào, khiêng hoài, khiêng mãi. Hết khiêng rương lại khiêng đồ vật, hết khiêng đồ vật lại khiêng cái giường Hồng - kông của mợ Tú... Chúng nó khiêng đến nỗi làm A Q. không tin cả con mắt y nữa. Nhưng y không định lại gần, y trở về đền Thổ Cốc.

Đền Thổ Cốc cũng tối đen như mực. Y khép chặt cửa ngoài, đi lò mò vào nhà, ngả người xuống giường một hồi rất lâu. Lúc đó tâm thần y mới ổn định và y mới bắt đầu suy nghĩ về y. Rõ ràng bọn đội mũ bạch, áo giáp bạch đến rồi, thế mà chúng

(1) Phục Hy, Hoàng đế, tức đời Thương (N.D)

nó không thèm gọi mình một tiếng! Chúng nó khiêng bấy nhiêu đồ tốt thế mà cũng chả có phần mình. Thôi đây lại chỉ là tại cái thằng Tây giả khả ố kia, nó không cho mình "làm giặc"! Nếu không, lẽ nào lần này lại không có phần mình? A Q. càng nghĩ càng tức điên ruột lên. Y sẽ gật đầu nói một cách độc địa:

– Không cho tớ làm giặc à! Chỉ có một mình mày làm giặc thôi à! Mẹ cái thằng Tây giả này! Được! Mày làm giặc!... Làm giặc là tội chết chém. Tớ sẽ viết ngay một lá đơn phát giác để người ta bắt cổ mày, đem về huyện chặt đầu, tru di cả nhà cho mà xem... S... Sật!... S... Sật!

IX. ĐẠI ĐOÀN VIÊN

Sau lúc nhà họ Triệu mất cướp thì phần đông dân làng Mùi vừa thích chí vừa sợ hãi. A Q. cũng vừa thích chí vừa sợ hãi. Nhưng bốn hôm sau, giữa đêm khuya, y bỗng bị bắt lên huyện. Hôm ấy giời tối đen. Một toán lính, một đội tuần đinh, một đội cảnh sát, năm tên mật thám, lẳng lặng đi về làng Mùi, thừa lúc đêm tối mò mò, vây kín lấy đền Thổ Cốc, đặt mấy khẩu súng liên thanh chĩa mũi vào trong đền. Nhưng A Q. không hề xông ra. Một hồi khá lâu, vẫn không thấy động tĩnh gì cả. Viên lãnh binh sốt ruột phải treo hai nghìn quan tiền thưởng, mới có hai chú tuần đinh mạo hiểm trèo tường vào. Thế rồi, trong ngoài hưởng ứng cùng nhau, toán quân thốc vào một loạt, tóm ngay được A Q. Mãi đến lúc bị lôi ra ngoài cửa, đứng bên khẩu súng liên thanh, A Q. mới hơi tỉnh giấc...

Về huyện, trời vừa đúng trưa. Người ta dắt y tới một nha môn đã nát, rồi bẻ quanh năm sáu góc đường nữa, người ta đẩy y vào một gian nhà nhỏ. Y đương bước thấp bước cao đi vào thì cái cánh cửa làm bằng những súc gỗ nguyên phiến đã đóng sập ngay lại sau gót chân y. Ba mặt kia đều là những bức tường vôi. Nhìn kỹ vào trong góc phòng, y thấy hai người khác đã ở đấy từ trước.

A Q. bụng hối hộp nhưng không lấy làm khổ sở. Số là gian phòng này so với cái buồng ngủ của y ở đền Thổ Cốc kể còn cao ráo, sáng sủa hơn nhiều. Hai lão kia xem chừng cũng đều là nhà quê cả. Y dần dà trò chuyện hỏi thăm. Một lão nói: cụ Cử bắt anh ta trả món nợ cũ, từ đời ông nội. Còn lão kia thì chả biết vì sao cả. Họ hỏi A Q. A Q. nhanh nhẹn trả lời:

– Tớ à! Tớ định làm giặc!

Chiều hôm ấy, người ta lại dắt A Q. ra khỏi trại giam đến một công đường to. Một lão đầu trọc ngồi trên cao, A Q. nghĩ bụng: lão già này chắc là một lão sư cụ hẳn... Nhưng nhìn thấy một toán lính đứng sắp hàng ở dưới và mười mấy người nữa ở hai bên đều bận áo dài, người thì đầu cũng trọc như lão già, người thì đuôi sam dài có một thước xoã xuống như lão Tây giả, người nào người nấy, mặt bự cả thịt, hầm hầm nhìn A Q. A Q. biết ngay rằng: lão trọc này chẳng phải là tay vừa. Thế là mấy khớp đầu gối của y tự nhiên như rã hẳn ra, và y quỳ sụp xuống. Bọn áo dài nạt nộ om sòm.

– Đứng mà nói! Không phải quỳ!

A Q. xem chừng cũng hiểu họ nói gì, nhưng không tài nào đứng dậy được. Cái thần xác mà y không tự chủ được nữa chỉ cứ ngã xụp xuống. Thế là y đành cứ thế mà quỳ.

– Quen cái thói nô lệ!

Bọn áo dài mắng, giọng khinh bỉ, nhưng rồi cũng không bảo y đứng dậy nữa.

– Cứ thú thực đi là hơn, khỏi phải tra khảo thêm khổ. Ta biết hết rồi! Thú đi rồi tha cho...

Bọn áo dài cũng quát to lên:

– Khai đi!

A Q. nghĩ lan man một lúc lâu, rồi trả lời tiếng được tiếng mất:

– Con vẫn có ý đi đầu...[1]

Lão già hỏi, giọng rất là hòa nhã:

– Vậy thì sao không đến?

– Thưa, lão Tây giả nó không cho...

– Nói bậy! Bây giờ mới nói thì chậm rồi! Hiện nay bọn đồng đảng với mày ở đâu?

– Cái gì kia ạ?

– Bọn ăn cướp nhà họ Triệu hôm trước ấy mà?

– Nào chúng nó có lại gọi con đâu? Chúng nó tự mình chúng nó chuyển đi.

Nhắc lại chuyện đó, A Q. còn ra vẻ căm tức.

– Chúng nó đi đâu? Khai rồi ta tha cho...

Giọng lão trọc nói rất là ngọt ngào.

– Bẩm, con không biết. Nào chúng nó có gọi con đâu

Rồi thấy lão trọc đưa mắt một cái, thế là A Q. lại bị dẫn về trại giam.

Đến sáng hôm sau, y mới bị lôi ra lần nữa.

Quang cảnh công đường vẫn như cũ. Ngồi trên vẫn cái lão trọc đầu. A Q. vẫn quỳ sệp xuống đất. Lão trọc đầu ngọt ngào hỏi:

– Còn muốn nói thêm gì nữa không?

A Q. nghĩ, chẳng biết nói gì, sẽ trả lời:

– Không ạ!

Rồi một lão áo dài đưa một tờ giấy và một quản bút đến trước A Q. nhét vào tay. A Q. lúc đó thất kinh cơ hồ "hồn rơi phách rụng". Số là lần này là lần đầu tiên bàn tay của y mới có liên quan đến một cái quản bút. Y còn chưa biết cầm thế

(1) A Q. có ý nói: Y có ý đi đầu hàng đảng Cách mạng, nhưng bấy nhiêu người nghe lại hiểu là A Q. có ý đi đầu thú về tội ăn cướp (N. D).

nào thì người đó đã chỉ cho y một chỗ trên tờ giấy, bảo y ký vào đấy. Y tay nắm chặt lấy quản bút, miệng lẩm bẩm thưa, vừa sợ hãi, vừa xấu hổ:

– Con... Con... không biết chữ ạ!

– Thế thì để cho tiện, vẽ vào đấy một cái vòng tròn vậy!

A Q. định vẽ một cái vòng tròn, khốn một nỗi là tay cầm bút cứ run đây đẩy. Người kia phải đem tờ giấy giải rộng lên trên mặt đất hộ y. Y bèn nằm chùm hum xuống, rán hết sức bình sinh, vẽ một cái vòng. Sợ người ta cười, y quyết vẽ cho tròn. Nhưng cái bút đáng ghét kia không những nặng quá thể mà lại không chịu cho y điều khiển. Cứ từng khúc, từng khúc một, y đấu các nét vẽ lại, nhưng hễ cái vòng sắp khít thì cái bút lại chệch ra ngoài. Thành thử chỉ vẽ được một cái hình in như là hạt dưa.

A Q. còn thẹn về chỗ mình vẽ không được tròn, nhưng người kia không để ý đến, đã giằng lấy bút, giấy rồi. Thế rồi một tụi lại đem y trở về trại giam như cũ.

Về đến trại giam lần thứ hai này, A Q. cũng không ra vẻ buồn bã cho lắm. Y nghĩ rằng: "Người ta sinh ra ở trong trời đất thì tất cũng phải có lúc bị dắt ra dắt vào trong ngoài một cái trại giam, có lúc cũng phải nắm lấy quản bút mà vẽ một cái vòng tròn. Chỉ có vẽ không được tròn thì mới thật là cái vết dơ duốc trong đời mình mà thôi". Nhưng chẳng mấy chốc tâm hồn y đã thảnh thơi hẳn. Y nghĩ bụng: "Con cháu tớ ngày sau hẳn là vẽ được tròn trĩnh hơn tớ bây giờ!", rồi ngủ thẳng.

Nhưng đêm ấy, có một người không ngủ được. Ấy là cụ Cử. Cụ rất bất bình với ông lãnh. Cụ thì chủ trương rằng: cần nhất là phải hỏi cho ra tang vật, mà ông lãnh thì bảo: phải ra oai cho chúng nó sợ. Gần đây, ông lãnh đã khinh cụ ra mặt. Ông ta đập bàn đập ghế nói:

– Phải giết một thằng cho trăm nghìn thằng khác sợ chứ! Ông xem, tôi ra làm cách mạng chưa được hai mươi ngày trời

mà đã xảy ra mười mấy vụ án cướp, thế mà không vụ nào truy ra cả, còn gì là thể diện của tôi! Bây giờ truy ra được rồi, ông lại nói ngang. Không được! Việc này là phần việc của tôi...

Cụ Cử bí, chả biết trả lời thế nào... Nhưng cụ vẫn giữ ý kiến của cụ và nói rằng: nếu không tìm cho ra tang vật thì cụ sẽ lập tức từ chức bang biện. Ông lãnh trả lời:

– Cái ấy tùy ông!

Vì vậy, tối hôm ấy cụ Cử không ngủ được một tí nào. Cũng may hôm sau, cụ không hề từ chức.

Lần thứ ba, người ta dắt A Q. ra ngoài trại giam, tức là ngay sau cái đêm cụ Cử không nhắm mắt từ đầu hôm suốt sáng. A Q. ra đến công đường vẫn thấy cái lão trọc chiếu lệ ngồi đấy. A Q. cũng chiếu lệ quỳ sụp xuống.

Lão trọc ngọt ngào hỏi:

– Thế còn muốn nói gì nữa không?

A Q. nghĩ một hồi, chả biết nói gì, trả lời:

– Bẩm không ạ!

Bọn áo dài, áo ngắn liền khoác cho y một cái áo vải tây trắng trên có mấy chữ mực đen. A Q. lấy làm buồn khổ vô cùng là vì cái áo đó hơi giống áo đại tang; ăn bận như thế thì "xúi quẩy". Nhưng ngay lúc ấy, người ta đã bắt y trói cánh khỉ lại và lôi ra khỏi nha môn rồi.

A Q. bị người ta đẩy lên một chiếc xe không mui, ngồi chung với mấy chú áo cộc. Tức thì xe mở máy. Một toán lính và mấy chú tuần đinh vác súng đi trước, hai bên đường rất nhiều người hếch mỏ đứng xem. A Q. không biết phía sau có những gì. Bỗng y chợt nghĩ rằng: hay là chúng nó đem mình đi chặt đầu! Hoảng quá! Hai mắt y quáng hẳn lên, rồi hai tai cứ nghe vù vù. Y dường như ngất đi. Nhưng y cũng chưa ngất hẳn, có lúc lo sợ, có lúc thản nhiên. Y cảm thấy rằng: người ta sinh ra trong trời đất, trước sau cũng có thể có một lần bị chặt đầu!

Nhưng A Q. còn nhận ra đường lối, và hơi lấy làm lạ sao lại không đi thẳng tới trường chém? Nào y có biết đâu rằng

bây giờ người ta còn đem y bêu phố để cho mọi người trông thấy đã. Nhưng dù có biết thế chăng nữa thì y cũng chỉ nghĩ rằng: người ta sinh ra trong trời đất, trước sau cũng có một lần phải bêu phố để cho mọi người trông thấy như vậy!

A Q. bây giờ đã vỡ lẽ ra rồi! Đây là con đường quanh ra trường chém rồi! Chuyến này thì nhất định chặt đầu đánh "sật" một cái. Y thẫn thờ nhìn ra hai bên đường. Hai bên đường, người xem như kiến. Tình cờ, trong đám đông, y bỗng thấy mặt vú Ngò. Đã lâu không gặp vú, thì ra vú đã lên huyện làm công. A Q. bỗng thẹn thấy mình không có khí phách để hát lên vài câu. Bao nhiêu tư tưởng cuồn cuộn trong đầu óc y như một cơn lốc. Bài "*Gái goá thăm mồ*" hát lên cũng chẳng oai vệ gì; còn câu "*Ăn năn đà quá muộn*" trong tấn "*Long hổ đấu*" xem ra cũng yếu lắm. Thôi thì hát câu *Thủ chấp cương tiên tương nỉ dả*" vậy! Rồi y giang tay lên. Lúc đó y mới nhớ ra rằng hai tay y đã bị trói chặt. Vì vậy mà y cũng chả hát câu "*Thủ chấp cương tiên*" nữa.

"Hai chục năm sau sẽ có..."[1] Giữa lúc ngổn ngang trăm mối, A Q. bỗng phụt ra một câu xưa nay chưa hề nói bao giờ. Thật là không có thầy mà vẫn cứ có thể giỏi được.

– Hay lắm!

Một tiếng như tiếng sói gầm lên giữa đám người.

Chiếc xe cứ đi thẳng. Giữa bấy nhiêu tiếng khen ồn ào, A Q. liếc mắt nhìn vú Ngò. Nhưng hình như vú không thấy A Q. chỉ đứng thất thần nhìn mấy khẩu súng trên vai bọn lính.

A Q. lại nhìn vào đám người đang reo hò.

Trong giây phúc này, tư tưởng A Q. lại cuồn cuộn lên trong đầu óc y như một cơn lốc. Bốn năm về trước, y đã gặp phải ở dưới chân núi một con sói đói cứ theo riết lấy y, định ăn thịt y. Lúc bấy giờ y sợ tưởng chết ngất đi. May sao trong tay còn có một con dao rựa, y mới liều mạng cầm cự về được đến

(1) Nói trọn cả câu là: Hai chục năm sau sẽ lại có một tay hảo hán. Đó là câu của những kẻ tử hình thường nói khoác lác trước khi bị hành hình (N.D).

làng Mùi. Nhưng, y còn nhớ mãi đôi mắt con sói vừa dữ tợn, vừa khiếp sợ, cứ lấp lánh lên in như hai ngọn lửa ma trời, chỉ mới đằng xa trông mà đã nghe đau nhói cả da thịt. Ấy thế mà trong giờ phút này, A Q. lại gặp những cặp mắt ghê tởm hơn thế, ghê tởm như chưa bao giờ ghê tởm bằng, vừa lừ đừ, vừa sắc bén, gần mà như xa, theo riết lấy y, không những nuốt chửng lời nói của y mà chực cấu xé thân hình y.

Rồi những cặp mắt đó lại hòa thành một khối cấu xé cả tâm hồn y nữa.

– Cứu tôi với, ối trời ơi!

Nhưng A Q. không nói lên lời được. Mắt y đã tối sầm lại; tai nghe vù vù: y cảm thấy thân hình y tan ra thành từng hạt bụi.

***

Về ảnh hưởng lúc đó của sự việc trên đây thì rõ rệt nhất lại là ở nhà cụ Cử. Cả nhà cụ đều rên rỉ về sự quan tư không chịu tìm cho ra tang vật. Sau nữa là ở nhà cụ Cố họ Triệu. Không những trong lúc lên huyện đi báo, cậu Tú đã bị bọn Cách mạng không tốt nó cắt mất cái đuôi sam, mà nhà cụ lại còn phải nộp hai nghìn quan tiền thưởng cho hai tên tuần đinh đã mạo hiểm trèo tường vào bắt A Q. hôm trước. Thành ra cả nhà cụ càng rên rỉ tợn. Hai gia đình này từ đây về sau đều có vẻ như các bậc "di lão"[1]

Còn như về dư luận, thì cả làng Mùi đều nhất trí công nhận rằng: A Q. không phải là người lương thiện, chứng cớ là y đã bị bắn kia chứ? Trên huyện thì dư luận không lấy gì làm hay lắm. Phần nhiều họ không thỏa mãn. Họ bảo: bắn người trông không vui mắt bằng chém. Mà cái tên tử tù kia trông buồn cười thế nào ấy. Đã bị đưa đi bêu phố một hồi như vậy mà cũng không hát lên được một câu, thành ra đi theo nó bao nhiêu đường đất, chỉ mất công toi.

Tháng 12 năm 1921

---

(1) Tức là những nhân sĩ nhà Minh không chịu thần phục nhà Thanh. (N. D).

LỄ CẦU PHÚC[1]

Những ngày cuối năm âm lịch quả thật có vẻ đúng là cuối năm. Quang cảnh thôn xóm làng mạc thì đã đành không cần phải nói, mà ngay giữa bầu trời cũng thấy rõ không khí sắp sửa sang năm mới rồi. Thỉnh thoảng pháo tiễn đưa ông Táo về trời lại loé sáng, rồi nổ vang, giữa những đám mây đêm nặng nề, xám ngắt. Tiếng nổ gần, nghe càng vang tợn, tai cứ ù lên mãi, và mùi thuốc pháo thoang thoảng thơm tản mác trong không trung. Tôi về đến Lỗ Trấn, quê nhà, đúng vào một đêm như thế. Nói là quê nhà, chứ thật ra tôi chẳng còn nhà cửa ở đây nữa, nên đành tạm đến ở nhà ông Tư, cũng người họ Lỗ, ngang hàng với thầy tôi mà tôi phải gọi là chú Tư mới đúng. Ông ta là một vị cựu giám sinh,[2] theo lý học[3]. Ông ta cũng không khác ngày trước mấy, chỉ có già hơn đôi chút, nhưng chưa để râu. Vừa gặp, ông đã vồn vã hỏi thăm. Hỏi thăm xong thì khen tôi "mập ra", rồi tức thì chửi bọn tân đảng. Nhưng tôi biết không phải là chửi cạnh tôi, bởi vì ông ta chửi là chửi Khang Hữu Vi[4]. Có điều, chuyện trò chẳng ăn ý chút nào cả, cho nên được một lúc, chỉ còn lại một mình tôi trong phòng sách mà thôi.

Sáng hôm sau, tôi dậy rất muộn. Ăn cơm trưa xong, tôi đi thăm mấy người bà con và mấy ông bạn. Hôm sau nữa, cũng thế. Bà con, bạn bè cũng chẳng ai thay đổi gì mấy, chỉ có điều

---

(1) Truyện này đăng lần đầu tiên trên *Đông phương tạp chí* ngày 25 tháng 3 năm 1924.

(2) Giám sinh là sinh viên trường Quốc Tử Giám, trường của triều đình đời Thanh chỉ còn giữ lại cái tên mà thôi, chứ ở đây không dạy học nữa. Chức giám sinh cũng như chức ấm sinh, tổ tiên có công với triều đình thì con cháu được chức giám sinh.

(3) Lý học tức là Tống học, một thứ nho giáo bị người đời Tống xuyên tạc đi nhiều.

(4) Khang Hữu Vi (1858- 1927) người lãnh đạo cuộc duy tân năm Mậu Tuất, cuối đời Thanh.

người nào cũng già hơn một ít. Nhà nào nhà nấy đều bận rộn, sắm sửa làm lễ "cầu phúc"[1] cả. Ở Lỗ Trấn, lễ cầu phúc là một lễ lớn cuối năm, bày biện linh đình, thành kính để đón rước phúc thần, cầu xin cho sang năm làm ăn được may mắn. Họ giết gà, giết ngỗng, mua thịt lợn, làm rất tinh khiết. Đàn bà, con gái, có kẻ còn đeo vòng bạc kéo lối xoắn thừng, phải dầm tay luôn trong nước đến đỏ ửng lên. Nấu nướng xong, rồi cắm đũa vào, lung tung, chẳng theo hàng lối nào hết. Đó là "cỗ cầu phúc", chờ đến canh năm, bày ra, thắp đèn, dâng nhang, khấn vài chư vị phúc thần về hâm hưởng. Chỉ có đàn ông mới được ra cúng mà thôi. Cúng xong tất nhiên lại đốt pháo, thế thôi. Năm nào cũng thế, và nhà nào cũng như nhà nấy, miễn là có tiền sắm được lễ vật, mua được pháo, thế thôi. Và năm nay, tất nhiên cũng lại thế. Sắc trời u ám. Về chiều, tuyết lại bắt đầu xuống nhiều. Hoa tuyết có cái to bằng hoa mai, bay khắp không trung. Rồi thì khói pháo, cộng với sự rộn rịp xung quanh làm cho Lỗ Trấn trở thành nhốn nháo hẳn lên. Lúc tôi trở về phòng sách nhà chú Tư thì mái ngói đã phủ đầy tuyết trắng phau, rọi vào làm cho căn phòng sáng hẳn. Bức chữ "Thọ" to tướng, nét son, dập theo chữ Trần Đoàn lão tổ[2], treo trên vách, trông rất nổi. Đôi câu đối treo hai bên thì một vế đã rơi mất rồi, cuộn lại lổng phổng để trên án thư, một vế còn đấy, đề là: *Sự lý thông đại âm khí hòa bình*[3]. Buồn tình, tôi đến

(1) Theo tục lệ Trung Quốc ngày trước, lễ này thường là vào khoảng từ 21 đến 30 tháng Chạp.

(2). Trần Đoàn, người đời Tống, ẩn cư ở Vũ Đương Sơn và Hoa Sơn tu đạo. Đời xưng là "thần tiên".

(3) Theo Vương Sĩ Thanh kể lại trong cuốn "*Lỗ Tấn, thân thế và sáng tác*" do Nhà xuất bản Thanh niên Trung Quốc xuất bản năm 1958 thì trong nhà Lỗ Tấn trước kia cũng có treo một câu liễn đề: *Phẩm tiết tường minh đức hạnh kiêm định. Sự lý thông đạt tâm hòa khí bình.* (Phẩm hạnh khí tiết sáng chói, đạo đức hạnh kiểm đều rõ ràng, thông hiểu mọi sự lý, tâm thần ý khí bình ổn).

trước bàn sách kê cạnh cửa sổ, lục xem. Chỉ thấy một chồng *Khang hy tự điển*, không chắc còn trọn bộ, một bộ *Cận tư lục tập chú*[1] và một bộ *Tứ thư thấn*[2]. Tôi nhất quyết thế nào ngày mai cũng rời khỏi nơi này[3].

Huống chi, mỗi lần sực nghĩ đến chuyện hôm qua gặp thím Tường Lâm thì tôi cứ lại thấy khó chịu trong người. Lúc ấy, vào buổi chiều, tôi sang xóm Đông thăm người bạn, trở về đến bờ sông thì gặp thím. Thấy thím cứ tráo mắt nhìn biết ngay là thím có ý đón gặp tôi. Có thể nói những người tôi đã được gặp lại ở Lỗ Trấn lần về chơi này, không ai thay đổi nhiều như thím. Mái tóc hoa râm năm năm trước bây giờ bạc trắng, trông không còn ra vẻ người trên dưới bốn mươi tuổi nữa; khuôn mặt hốc hác quá, nước da vàng xạm, cả đến cái vẻ u sầu xưa kia cũng mất hẳn, trông giống như tạc bằng gỗ, họa chăng chỉ đôi tròng con mắt lâu lâu đưa đi đưa lại mới chứng tỏ rằng thím còn là một con người đang sống mà thôi. Thím một tay xách chiếc giỏ tre trong có cái bát mẻ, không đựng gì cả, một tay chống cái gậy trúc, dài hơn người, phía dưới đã xơ ra. Rõ ràng thím bây giờ hoàn toàn là một mụ ăn mày.

Tôi đứng dừng lại, yên trí thế nào thím cũng xin tiền.

Thím bắt đầu bằng một câu hỏi:

– Ông về chơi?

– Vâng.

– Thật may quá. Ông là người có chữ nghĩa, lại đi đây đi đó, hiểu biết nhiều. Gặp ông, tôi muốn hỏi một điều.

---

(1) *Cận tư lục* là sách nhập môn của những nhà lý học, đời Tống soạn, và đời Thanh chú thích.

(2) *Tứ thư thấn* là một tác phẩm đời Thanh, chú thích bộ *Tứ thư*, tác giả là Lạc Bối.

(3) Thời kỳ Lỗ Tấn sáng tác truyện *Lễ cầu phúc*, có phong trào "vệ đạo" của bọn Lâm Thư, chỉnh đốn học phong ở các trường nữ sinh của bọn Chương Sĩ Chiêu, đều là những phong trào phản động đề cao Nho giáo.

Đôi mắt lờ đờ của thím bỗng sáng hẳn lên.

Tôi không thể nào ngờ thím lại nói những câu như thế, thành ra cứ đứng sững, ngạc nhiên hết sức.

- Ông à! - Thím bước lại hai bước cho gần hơn, hạ thấp giọng xuống, rồi nói thủ thỉ như có điều gì bí mật lắm - Con người ta chết rồi thì còn có linh hồn nữa không, ông?

Tôi rợn cả người. Thấy mắt thím nhìn tôi chòng chọc, tôi có cảm giác như gai đâm vào lưng, luống cuống hơn là khi còn đi học, bất thình lình phải thi một bài chưa kịp chuẩn bị, mà ông giáo thì cứ đứng ngay bên cạnh mình. Có linh hồn không có linh hồn, xưa nay nào tôi có hề nghĩ tới! Nhưng bây giờ phải trả lời thím thì trả lời thế nào đây! Trong giây phút ngắn ngừ, tôi nghĩ bụng: người vùng này, ai cũng còn tin ma quỉ mà thím thì thím lại nghi hoặc, không, chắc là thím hy vọng, hy vọng có linh hồn, nhưng lại cũng hy vọng không có linh hồn!... Người ta đã đến cùng đường như thế này rồi, hà tất phải làm cho đau khổ thêm, chi bằng để vui lòng thím, thôi thì cứ bảo là có đi...

Thế rồi, tôi ấp úng trả lời: - Tôi nghĩ... có thể có đấy.

- Thế thì cũng có địa ngục à?

- À, địa ngục ấy à? - Tôi hết sức kinh ngạc, đành phải nói chống chế cho qua - Địa ngục à! Lý ra thì phải có đấy. Mà cũng vị tất. Nhưng ai hơi đâu để tâm đến những chuyện ấy làm gì!

- Thế thì người trong một nhà, chết rồi, có thể gặp mặt nhau nữa hay không?

- Hừ! Có thể gặp mặt nhau nữa hay không à? - Lúc này tôi mới rõ mình dốt hết sức. Ngần ngừ mãi, suy nghĩ mãi, mà hỏi cho ba câu là tịt cứng. Tôi đâm ra rụt rè, muốn nói trái lại những điều mình đã nói - Cái đó... thực ra tôi không được rõ... Thú thực, chết rồi còn có linh hồn nữa hay không, tôi cũng không được rõ.

Thừa lúc thím chưa hỏi tiếp, tôi liền rảo bước đi thẳng một mạch về nhà chú Tư, trong lòng cảm thấy bứt rứt quá, cứ nghĩ bụng: Mình trả lời với thím như thế chẳng biết có thể nguy hiểm gì cho thím không. Chắc là vì trong khi nhà ai cũng làm lễ cầu phúc cả, thím cảm thấy thím trơ trọi. Nhưng biết đâu câu hỏi đó lại không hàm một ý gì khác? Hay là thím cảm thấy trước điều gì sẽ xảy ra chăng? Giả sử vì một nguyên do gì khác mà hỏi, rồi nhân câu trả lời của mình, mà có xảy ra thế nào thì thật mình phải chịu trách nhiệm một phần về những lời nói của mình... Nhưng ngay sau đó, tôi lại cười mình khéo vơ vẩn. Chẳng qua thím ta ngẫu nhiên mà hỏi như thế chứ vốn chẳng có ý nghĩa sâu sắc cả, mà mình lại cứ chẻ sợi tóc làm tư, chả trách nhà giáo dục nọ bảo mình mắc bệnh thần kinh cũng phải. Huống chi, mình đã có nói là "không được rõ" rồi, mình đã chối hết những điều mình nói lúc đầu rồi; dù có xảy ra chuyện gì cũng chẳng liên quan đến mình nữa.

"Không được rõ", quả thật là một câu trả lời hết sức đắc sách. Có những người trẻ tuổi, việc đời chưa từng trải, nhưng rất to gan, ai có điều gì nghi hoặc, hỏi đến, là cứ bạo miệng trả lời liều, thậm chí còn dám mách thầy mách thuốc cho con bệnh, vạn nhất xảy ra việc gì không hay, thế là oán đổ lên đầu cả. Nhưng nếu biết dùng câu "không được rõ" này mà trả lời để kết thúc câu chuyện đi, thì ung dung tự tại biết mấy! Lúc đó, tôi càng cảm thấy cái câu "không được rõ" quả là cần thiết, dù có trả lời cho một mụ ăn mày cũng nhất thiết không thể bỏ đi, không dùng.

Tuy vậy, tôi vẫn không yên tâm. Qua một đêm rồi mà vẫn thỉnh thoảng cứ sực nhớ đến, hình như cảm thấy trước có điều gì không lành. Ngoài trời, tuyết xuống âm u; một mình ngồi trong phòng sách, buồn thiu, lòng tôi lại càng thêm day dứt. Thôi, chi bằng đi đi thôi, ngày mai lên tỉnh là hết. Chẳng biết món vây rán hiệu *Phúc hưng lâu*, một đồng một đĩa lớn, vừa ngon vừa rẻ, bây giờ đã tăng giá chưa? Bạn bè chơi bời với

nhau ngày trước, nay tan tác mỗi người một ngả rồi, nhưng mà mớn vây rán thì không thể không nếm lại xem sao, mặc dù chỉ có một mình mình... Thế nào ngày mai nhất định cũng phải đi.

Thường thường tôi thấy có nhiều việc mình không muốn xẩy ra như mình đoán và cho rằng vị tất đã xẩy ra y như thế, nhưng rồi nó lại cứ xẩy ra y như thế, cho nên tôi rất lấy làm lo chuyện này rồi cũng sẽ theo một quy luật đó thôi. Quả nhiên, cái chuyện lạ lùng đó đã bắt đầu rồi. Vào khoảng gần tối, tôi nghe có mấy người xúm lại trong nhà trong, hình như bàn tán với nhau chuyện gì. Nhưng một lát sau, không nghe gì nữa, chỉ thấy chú Tư vừa đi ra vừa nói to:

– Không nhè lúc nào, lại nhè ngay vào giữa lúc này. Rõ là đồ khốn kiếp! Lúc đầu tôi còn ngạc nhiên, sau thì thấy áy náy trong lòng, tựa hồ như câu nói vừa rồi có liên quan đến mình. Thử nhìn ra cửa, chẳng có ai cả. Chờ mãi đến tối, trước lúc ăn cơm, người ở vào pha trà, mới có dịp dò hỏi.

– Vừa rồi, cụ Tư giận ai mà gắt thế nhỉ?

Anh ta trả lời gọn thon lỏn:

– Chắc là lại thím Tường Lâm chứ ai!

Tôi lại hỏi dồn:

– Thím Tường Lâm à? Sao thế?

– Chết rồi.

– Chết rồi à?

Tim tôi bỗng thắt lại, rồi đập dữ dội. Mặt tôi chắc cũng tái đi, nhưng người ở không hay biết gì cả, vì anh ta không hề ngửng đầu lên. Tôi trấn tĩnh lại được, và hỏi thêm:

– Chết vào lúc nào?

– Vào lúc nào à? Chừng như đêm qua hay là sáng nay gì đó. Cháu cũng không được rõ.

– Làm sao mà chết, hở?

– Làm sao mà chết à? Chắc là đói quá rồi chết thôi.

Anh ta trả lời vẻ thờ ơ, vẫn không ngẩng đầu lên nhìn tôi, rồi đi ra.

Nhưng nỗi kinh hoàng của tôi chỉ thoáng qua trong giây lát. Sau đó, tôi liền nghĩ bụng: cái việc phải xảy ra, giờ đã xảy ra rồi, bất tất mình phải nhờ đến câu "không được rõ" của mình hay câu "đói quá rồi chết" của người ở để tự an ủi. Thế là lòng lại nhẹ nhõm dần, chỉ thỉnh thoảng mới lại thấy đau nhói lên một tí. Cơm tối bưng lên, chú Tư cùng ngồi ăn, vẻ nghiêm nghị. Tôi định hỏi thăm thêm về thím Tường Lâm, nhưng biết ông ta tuy đã đọc qua câu sách: "*Quỉ thần giả, nhị khí chi lương năng dã*"(1) nhưng vẫn hay kiêng kỵ lắm thứ lắm: đang sắp sửa làm lễ cầu phúc mà đem chuyện chết chóc, ốm đau ra nói là nhất thiết không được. Nếu bất đắc dĩ phải đề cập đến thì phải dùng những tiếng bóng gió mà nói chệch đi. Khốn nỗi, tôi lại không biết nói thế nào cho ổn, nên nhiều lần định hỏi, lại thôi. Thấy bộ mặt ông ta nghiêm nghị như thế, tôi bỗng lại ngờ ông ta ám chỉ tôi, không nhè lúc nào mà lại nhè vào giữa lúc này đến quấy rầy ông ta, và tôi là đồ khốn kiếp!...

Cho nên lập tức, tôi nói cho ông ta biết rằng, ngày mai tôi sẽ rời Lỗ – trấn lên tỉnh, để cho ông ta sớm khỏi bận lòng vì tôi. Ông ta cũng không thiết tha giữ tôi ở lại. Bữa cơm đó tẻ nhạt hết sức.

Mùa đông ngày ngắn, lại có tuyết xuống, nên bóng đêm đã bao trùm lấy xóm làng rồi. Dưới ánh đèn, mọi người bận rộn tíu tít, nhưng ngoài cửa sổ thì cảnh vật lại im lìm. Hoa tuyết rơi xuống lớp thảm tuyết phủ dày mặt đất, nghe rào rào, khiến cho người ta càng thêm hiu quạnh. Ngồi một mình cạnh ngọn

---

(1) *Quỉ thần là lương năng của hai khí*. Nghĩa là quỉ thần là do âm dương biến hóa mà có. Câu này là của Trương Tải, một nhà lý học đời Tống. Tác giả muốn nói: mặc dù ông Tư đã biết rằng: quỉ thần là một hiện tượng tự nhiên, nhưng ông ta vẫn mê tín như thường.

đèn dầu lạc, ánh sáng vàng khè, tôi nghĩ đến thím Tường Lâm. Một đời người không nơi nương tựa, như một thứ đồ chơi cũ kỹ, chơi lâu ngày chán, người ta vứt vào đống rác, bấy lâu nay vẫn lăn lóc ở đấy làm cho những kẻ sống sung sướng phải ngạc nhiên sao thím ta lại cố bám vào cuộc đời mãi làm chi. Bây giờ thì Thần chết đã đưa thím ta đi rồi! Con người chết đi, còn có linh hồn nữa hay không, nào tôi có biết, nhưng trên đời này, cái người sống cầu bơ cầu bất ấy không còn nữa, thì kẻ ghét không muốn nhìn, cũng không còn phải nhìn thấy nữa. Như vậy, đối với thím ta cũng như đối với họ, chết đi cũng là một cái hay. Vừa lắng nghe tiếng tuyết rơi ngoài cửa sổ, vừa suy nghĩ lan man như thế, tôi thấy lòng tôi nhẹ nhõm dần. Tuy thế, những mẩu chuyện rời rạc mà tai tôi đã nghe, mắt tôi đã thấy về quãng đời trước kia của thím lại chắp nối với nhau và hiện lên trong ký ức tôi.

Thím không phải người Lỗ Trấn này. Đầu mùa đông năm nọ, nhà chú Tư cần thay đầy tớ gái; người đưa mối là bà Vệ dẫn thím đến. Hồi đó, thím vào khoảng hai sáu hai bảy, nước da xanh xao vàng vọt, nhưng hai gò mà còn hồng hào. Thím mặc chiếc quần đen, áo kép màu chàm, ngoài khoác chiếc áo cánh chẽn màu nguyệt bạch, đầu chít khăn tang. Bà Vệ gọi thím là thím Tường Lâm, và nói rằng thím là hàng xóm láng giềng bên quê ngoại bà ta, chồng chết nên mới phải đi ở. Nghe nói thế, chú Tư nhíu đôi lông mày lại. Thím Tư biết ý chồng không muốn nuôi một người đàn bà goá trong nhà, nhưng thấy cung cách thím cũng đứng đắn, tay chân vạm vỡ, lại hiền lành, ít mồm ít miệng, ra người biết chịu khó làm ăn, an phận thủ thường, nên mặc chồng chau mày thì chau mày, thím Tư vẫn cứ giữ lại. Trong thời gian ở thử, thấy thím Tường Lâm làm quần quật suốt ngày, có vẻ như ngồi không thì buồn, sức lực lại khoẻ chẳng thua gì đàn ông, cho nên đến ngày thứ ba thì nhất định thuê hẳn, mỗi tháng năm quan.

Ai cũng gọi thím là thím Tường Lâm cả. Chẳng ai hỏi thím họ gì, nhưng người đưa mối là người bên Vệ – gia – sơn lại bảo

là hàng xóm làng giềng, nên chắc cũng là họ Vệ thôi. Thím ít nói lắm, có hỏi thì mới nói, mà nói cũng rất vắn tắt. Mãi đến mười mấy hôm sau, dần dần mới biết rằng, thím ở nhà còn có bà mẹ chồng cay nghiệt lắm, và một chú em chồng hơn mười tuổi, đã đi kiếm củi được rồi. Chồng thím chết mùa xuân vừa qua; anh ấy cũng sống về nghề hái củi, và kém thím những mười tuổi. Về thân thế thím, người ta chỉ biết có ngần ấy.

Ngày tháng trôi qua rất nhanh. Công việc thím không hề bê trễ, ăn gì xong bữa thì thôi, đã làm thì làm cật lực, không suy tính thiệt hơn. Ai cũng khen nhà ông Tư nuôi được một người ở gái mà siêng năng, lanh lẹn hơn cả đàn ông nữa. Công việc cuối năm, một mình thím đảm đương hết, nào là quét dọn, lau nền nhà, giết gà, mổ ngỗng, thức suốt đêm nấu nướng, sửa soạn lễ cầu phúc, chẳng phải thuê mướn ai thêm. Thế nhưng thím lại rất lấy làm hể hả, trên môi thoáng thấy có nụ cười, và mặt mày cũng ngày càng béo trắng ra.

Vừa sang năm mới, một hôm, thím ra sông vo gạo về thấy mặt cứ tái nhợt đi. Hỏi thì nói rằng thím trông thấy xa xa, bờ bên kia, có một người đàn ông cứ quanh quẩn đấy mãi, giống người bác họ chồng thím, e có khi ông ta đến tìm thím cũng nên. Thím Tư nghe, ngạc nhiên lắm, hỏi cặn kẽ, thì thím lại không nói nữa. Chuyện đến tai chú Tư. Chú Tư chau mày lại, nói:

– Không xong rồi! Chắc là con mẹ này bỏ nhà trốn đi, đấy thôi!

Quả đúng như điều chú Tư đoán, không bao lâu biết thím bỏ nhà trốn đi thật. Câu chuyện trên đây người ta đã dần dần bẵng quên đi rồi, thì chừng mươi hôm sau, bỗng thấy bà Vệ đưa một người đàn bà trạc ba mươi tuổi đến, nói là mẹ chồng thím Tường Lâm. Người đàn bà này tuy có vẻ là người miền núi, nhưng cách thù ứng ung dung lắm, nói năng cũng hoạt bát. Chào hỏi đâu vào đấy rồi, chị ta ngỏ lời xin lỗi, nói là đến để

xin cho con dâu về, vì ra giêng, công việc nhiều, mà nhà neo người, toàn là người già con trẻ cả.

Chú Tư nói:

– Nếu là mẹ chồng đến gọi về thì còn nói năng gì nữa!

Thế là tính tiền công. Cả thảy được mười bảy quan năm, còn gửi đấy cả, chưa tiêu mất đồng nào, bèn giao hết cho mẹ chồng thím. Người đàn bà này lại xin gói quần áo của con dâu, tạ ơn đâu đấy rồi mới ra về. Lúc đó đã đúng ngọ.

Ngồi một lúc thím Tư mới giật mình, hỏi to lên:

– Ôi chà! Gạo đâu rồi nhỉ? Không phải là thím Tường Lâm đã đem đi vo rồi à?

Chắc là thím Tư hơi đói bụng, sực nhớ đến cơm trưa. Bấy giờ, người trong nhà mới mỗi người một ngả, đi tìm rá gạo. Thím Tư đi xuống bếp, rồi lên nhà trên, lại vào buồng ngủ tìm, chẳng thấy rá gạo đâu cả. Chú Tư ra ngoài cổng tìm, cũng không thấy; đến khi đi thẳng ra ngoài cổng tìm, cũng không thấy; đến khi đi thẳng đến bờ sông, mới thấy rá gạo để ngay ngắn trên bờ, bên cạnh còn cả bó rau nữa.

Những người được mục kích kể lại rằng, hồi sáng có một chiếc thuyền mui trắng đỗ ở bến, mui che kín mít, chẳng biết trong có những ai, và trước khi chuyện xảy ra, không ai để ý đến cả. Khi thím Tường Lâm ra vo gạo, thím vừa quỳ xuống, thì có hai anh đàn ông bỗng từ trong thuyền nhảy xổ ra, trông có vẻ người miền núi; một anh ôm chặt lấy thím, anh kia giúp sức, lôi bừa vào thuyền. Thím khóc và có la lên mấy tiếng, nhưng sau đó thì không nghe thấy gì nữa. Có lẽ là chúng nó nhét cái gì vào miệng thím cũng nên. Sau đó, có hai người đàn bà lên bờ, một người không rõ là ai, còn người kia là bà Vệ. Có dòm vào trong thuyền, nhưng không trông được rõ lắm. Hình như thím bị trói lại, nằm trên sạp thì phải.

Chú Tư nói:

– Khả ố nhỉ! Nhưng mà...

Hôm ấy thím Tư phải thổi cơm trưa lấy, và thằng Ngưu, con thím, phải đun lửa.

Sau bữa cơm trưa, bà Vệ lại trở lại.

Chú Tư nói:

– Khả ố quá!

Thím Tư vừa rửa bát, vừa nói vẻ giận dữ:

– Già này! Thế là nghĩa thế nào? Khen cho già còn dám trở lại đây nhìn mặt chúng tôi được. Chính già đưa thím ấy đến, rồi già lại đồng loã với chúng nó bắt cóc đi, làm người ta đồn rầm lên, ai trông vào còn ra thể thống gì nữa. Già định đem nhà chúng tôi ra làm trò cười cho thiên hạ đấy phỏng?

– Trời ơi! Quả thật con bị mắc lừa đấy ạ! Con trở lại đây là để thưa với ông bà cho ra ngành ra ngọn. Thím ấy nhờ con kiếm cho chỗ làm. Con có biết đâu là thím ấy giấu mẹ chồng trốn đi như thế! Thật là con không phải với ông bà quá. Chỉ vì già rồi lẩm cẩm, lú lấp đi, không cẩn thận, thành ra không phải với ông bà. May gặp được ông bà đây xưa nay là người rộng lượng, không thèm chấp kẻ dưới. Nhất định lần này, con phải đem đến ông bà một người tử tế để chuộc tội.

Chú Tư nói: Nhưng mà...

Thế rồi chuyện thím Tường Lâm đến đấy là chấm dứt. Chẳng bao lâu, người ta cũng quên khuấy đi.

Chỉ có mình thím Tư là còn nhớ, bởi vì những người ở gái sau đó, đại để, đứa không lười biếng thì tham ăn, có đứa lại vừa tham ăn vừa lười biếng, chẳng vừa ý chút nào cả, cho nên thường mới nhắc đến thím Tường Lâm.

Mỗi lần nhắc đến, thím lại lẩm bẩm một mình:

– Chả biết bây giờ ra sao rồi?

Ý thím là mong thím Tường Lâm sẽ trở lại. Nhưng đến Tết năm sau, thì thím không còn mong mỏi gì nữa.

Số là hôm gần Tết, bà Vệ đến mừng năm mới. Lúc đến bà ta rượu đã say mềm. Bà ta nói là bà ta về bên quê ngoại ở Vệ Gia Sơn, ở lại chơi mấy hôm, nên bây giờ mới đến chậm. Nói chuyện một lúc, tự nhiên hai người nhắc đến thím Tường Lâm.

Bà Vệ nói, vẻ thích chí:

– Thím ấy à? Bây giờ gặp may rồi! Khi bà mẹ chồng ra đây bắt thím ấy về, bà ta đã nhận lời gả cho anh Sáu, người bên Hạ Gia Úc, nên về nhà được vài hôm là người ta đưa kiệu hoa đến rước đi ngay.

Thím Tư sửng sốt nói:

– Ái chà chà! Cái mụ mẹ chồng!...

– Ấy! Thưa bà, bà quả thật là nhà đại gia nên lời lẽ có khác. Chứ chúng con, người miền núi, nghèo hèn, như thế có hề gì! Thím ta còn có một chú em, cũng phải hỏi vợ cho chú ấy chứ! Không gả thím ta đi, thì lấy tiền đâu mà cưới xin! Bà mẹ chồng thím ta thế mà là người sành sỏi, tháo vát, khéo tính toán lắm mới đem gả thím ta lên trên ấy đấy. Chứ gả cho người trong làng thì được bao nhiêu! Có gả về những nơi thâm sơn cùng cốc, nơi đàn bà con gái ít ai muốn lấy, mới được những tám chục quan tiền! Bây giờ thì đã cưới vợ cho chú em rồi. Lễ vật chỉ hết có năm chục quan. Trừ phí tổn này nọ rồi, cũng còn lại được hơn mươi quan. Đấy! Bà xem, tính toán như thế có khéo không?...[1]

– Thế mà thím ấy cũng chịu theo à?

---

(1) Trong bài *Điều tra về phong tục hôn nhân ở Thiệu Hưng* (Tạp chí *Tân thanh niên*, 1919). Chu Kiến Nhân, em Lỗ Tấn, cho biết: "Người đàn bà goá chồng mất hết cả tự do, chú bác cô dì nhà chồng đều có quyền quản thúc, chẳng những quản thúc mà có thể đem bán đi như một con gà mái đẻ trứng" (N. D).

– Bẩm, có gì mà theo với không theo ạ!... Làm ồn thì ai mà chẳng làm ồn lên một lúc. Có điều cứ lấy dây thừng trói lại, đẩy vào kiệu hoa, khiêng về nhà trai, chụp chiếc mũ cưới vào đầu, dắt đi lạy ông bà ông vải, rồi đóng cửa buồng lại, thế là yên chuyện tất![1]. Nhưng thím Tường Lâm thì khác người ta lắm. Nghe nói, lúc bấy giờ, thím ta làm dữ lắm cơ! Ai cũng bảo rằng bởi vì thím ta có đến ở nhà người có chữ có nghĩa nên mới kỳ khôi như thế! Thưa bà, mất chúng con đã trông thấy nhiều đám cũng bước đi bước nữa như thế này, có người thì kêu và khóc lóc, có người thì đòi trẫm mình thắt cổ, có người khiêng về nhà trai rồi vẫn nguây nguẩy không chịu lạy ông bà ông vải cho, thậm chí có kẻ còn đạp đổ cả cây đuốc hoa khi làm lễ động phòng nữa cơ! Nhưng thím Tường Lâm này thì mới lạ đời. Họ kể chuyện rằng thím ta suốt dọc đường cứ la hét, chửa bới ầm ĩ lên, lúc về đến Hạ Gia – Úc thì khản tịt cả cổ. Lôi ra khỏi kiệu, hai người đàn ông và cả chú em nữa ra sức giữ thím ta lại mà thím ta cũng chẳng chịu lễ bái cho ra trò. Vừa sơ ý, hở tay ra một cái, là ối giời ơi, a di đà phật, thím ta đã đập đầu ngay vào góc hương án rồi, thủng một lỗ sâu hoắm, máu tươi chảy vọt ra, phải lấy hai nắm tàn nhang dịt vào, rồi lấy hai vuông vải điều buộc chặt lại mà vẫn không cầm nổi. Mãi đến khi mỗi người một tay xúm lại vực thím ta vào trong buồng với chồng, rồi khoá trái lại, mà thím ta vẫn còn chửi. Ôi chào!... Thật là...

Bà Vệ lắc đầu, nhìn xuống đất, im lặng.

Thím Tư còn hỏi:

---

(1) Cũng trong bài đó, Chu Kiến Nhân viết: "Phong tục trói dâu đưa về nhà trai rất phổ biến ở Thiệu Hưng".

Trong cuốn *Quê hương Lỗ Tấn*, Chu Hà Thọ cho biết rằng, ở đó, hồi Lỗ Tấn còn nhỏ, có cô Bảo, cũng sống trong một hoàn cảnh tương tự như thím Tường Lâm. Cha mẹ cô cũng gả cô cho một người họ xa ở miền núi, cô không chịu. Lúc nhà chồng đến đón dâu, cô nhảy qua cửa sổ sau, rơi xuống nước, không may cho cô, thuyền của nhà chồng đỗ ở đấy, họ vớt lên, trói bỏ vào kiệu (N. D).

– Thế rồi sau ra làm sao?

Bà Vệ ngước mắt lên trả lời:

– Bẩm, nghe nói hôm sau thím ta vẫn nằm lì, không dậy.

– Thế rồi sao nữa?

– Sao nữa à? Sau thì dậy. Cuối năm đẻ một thằng con trai, sang năm mới này lên hai rồi đấy. Mấy hôm con về chơi bên ngoại, có người sang Hạ Gia – Úc về, nói chuyên có gặp cả hai mẹ con, mẹ cũng béo, mà con cũng béo. Thím ta chẳng phải làm dâu ai cả. Anh chồng thì khoẻ như trâu, biết làm ăn.

Cũng có một căn nhà riêng hẳn hoi. Hì hì... Thím ta quả là gặp may! Từ đó về sau, thím Tư cũng không hề nhắc đến thím Tường Lâm nữa.

Nhưng mùa thù năm nọ, chừng hai năm sau khi nghe cái tin "gặp may" ấy, thì bỗng thấy thím ta lại đến nhà chú Tư. Thím ta đặt lên bàn một cái giỏ tròn hình củ mã – thầy, và để gói chăn áo dưới mái hiên. Cũng như lần trước, thím ta mặc quần đen, áo kép màu chàm, ngoài khoác chiếc áo chẽn màu nguyệt bạch, trên đầu cũng chít khăn trắng, nước da cũng xanh xao, vàng vọt, có điều hai gò má thì không hồng hào như trước nữa. Thím ta cứ cúi mặt nhìn xuống đất, khóc mắt ươn ướt, và con mắt cũng không được lanh lợi như trước. Vẫn lại bà Vệ đưa thím ta đến. Vẻ mặt từ bi, bà ta nói với thím Tư, liến thoắng:

– Bẩm, người ta thường nói: "Trời mưa nắng không chừng", cái anh chồng thím ta sức vóc là thế, lại còn trẻ, ai có ngờ ốm một trận thương hàn là lăn đùng ra chết... Ốm đã khỏi rồi, thế mà chỉ ăn có một bát cơm nguội vào, là lại trở lại. May mà còn để lại được chút con trai. Thím ta là người siêng năng; đốn củi, hái chè, nuôi tằm, làm được tất, nên cũng tạm đủ ăn. Ai có ngờ thằng con trai thím lại bị chó sói tha mất! Gần hết mùa xuân rồi, thế mà chó sói còn lảng vảng về làng!... Ai có ngờ

được. Bây giờ thì thím ta một thân một mình trơ trọi. Ông anh chồng đến đòi nhà, đuổi thím ta đi. Thím ta thực đến bước đường cùng, chỉ còn cách đến nhờ vả ông bà đây là chỗ thím ta đã từng hầu hạ. Được cái là thím ta bây giờ không bị ràng buộc gì nữa. Mà lại gặp lúc bà đây đang muốn thay người ở, nên con lại đưa thím ta đến. Con nghĩ, thím ta đã quen ngõ rồi, thế nào cũng còn hơn kẻ lạ nước lạ cái nhiều.

Thím Tường Lâm ngước đôi con mắt lờ đờ, nhìn lên, nói:

Con thật ngu đần quá. Thật đấy, con cứ tưởng chỉ có mùa tuyết xuống, trong núi không có gì ăn, thú dữ mới mò về làng. Biết đâu là giữa mùa xuân mà nó cũng ra. Hôm đó, hửng sáng con đã dậy, mở cửa, lấy cái giỏ cồn, xúc một giỏ đậu bảo thằng Mao ra ngồi ở chỗ bậc cửa mà bóc đi. Cháu nó dễ bảo lắm cơ. Con bảo gì nó nghe nấy. Cháu nó ngồi đấy. Còn con thì ở sau nhà chẻ củi, vo gạo, bỏ gạo vào nồi xong, định luộc đậu. Con gọi "Mao ơi!", không thấy thưa. Chạy ra xem thì thấy đậu vung vãi ra cả đất, mà chẳng thấy thằng Mao đâu cả. Thường cháu chẳng đi chơi nhà ai. Đi đâu hỏi, cũng không có. Con nóng ruột quá, nhờ người đi tìm. Tìm khắp mọi nơi, cho đến chiều, vào núi thì thấy một chiếc giày của cháu mắc vào bụi gai. Ai cũng nói: "Thôi hỏng rồi, chắc là bị sói tha đi cũng nên". Đi vào nữa, quả nhiên thấy thằng bé nằm trong một đống cỏ, ruột gan bị moi ăn hết, tay còn cầm chặt lấy cái giỏ đậu...[1].

Rồi thím ta nức nở nghẹn ngào, nói không ra lời.

Thím Tư lúc đầu còn chần chừ, nhưng khi nghe kể chuyện xong, thì quầng mắt cũng đỏ lên, suy nghĩ một lát, rồi bảo thím Tường Lâm xách giỏ và gói áo quần xuống nhà dưới. Bà Vệ thở ra một cái như người cất được gánh nặng trên vai. Còn thím Tường Lâm thì có vẻ khoan khoái hơn lúc vừa đến. Không

(1) Cũng trong cuốn *Quê hương Lỗ Tấn*, Chu Hà Thọ cho biết ở Ô Thạch Đầu, gần nghĩa địa họ Lỗ Tấn, có một người đàn bà, con cũng ngồi bóc đậu ở cửa, bị gấu tha đi, chị ta khóc đến nỗi mù cả mắt. Lỗ Tấn đã dùng những chi tiết này để xây dựng hình tượng thím Tường Lâm (N. D).

cần phải chỉ bảo, thím tự sửa soạn giường chiếu, quen thuộc lắm rồi. Từ đó thím lại đến Lỗ - trấn ở thuê.

Người ta vẫn gọi thím là thím Tường Lâm.

Nhưng lần này, cảnh ngộ thím thay đổi khác trước nhiều lắm. Đến ở được hai ba hôm, thì chú thím Tư thấy thím tay chân không được lanh lợi như trước nữa, lại dặn gì quên nấy, mặt cứ đờ đẫn ra như mặt người chết, cả ngày không được một tiếng cười. Nghe giọng điệu thím Tư, biết thím Tư có ý không bằng lòng lắm. Lúc thím Tường Lâm mới đến, tuy chú Tư cũng chau mày lại như lần trước, nhưng thấy lâu nay khó thuê ra người ở gái, nên cũng không phản đối gì mấy. Chú chỉ dặn riêng thím Tư rằng, con người như thế thì cũng đáng thương thật, nhưng vì đã làm bại hoại phong hóa nên chỉ dùng làm việc thường đỡ đần tay chân thôi, chứ khi tết nhất, cúng đơm, chớ để cho mó tay vào. Cỗ bàn nhất thiết phải tự tay mình làm lấy, không thì dơ dáy bẩn thỉu, ông bà ông vải không hưởng đâu![1].

Trong nhà chú Tư thì việc quan hệ nhất là giỗ tết. Trước kia, khi trong nhà có giỗ tết thì thím Tường Lâm bận rộn nhất, nhưng bây giờ thì thím lại hết sức rảnh rang. Thấy chiếc bàn đã khiêng ra đặt giữa nhà và tấm vải màn đã treo lên, thím nhớ ngay phải đem cốc chén và đũa bày ra theo thường lệ.

- Thím Lâm! Thím cứ để đấy cho tôi! - Thím Tư vội vàng nói.

Thím Tường Lâm sượng sùng, thụt tay lại, rồi lại đi tìm đôi đèn nến.

Thím Tư lại vội vàng nói:

- Thím Lâm! Thím cứ để đấy. Tôi đi lấy cho.

---

(1) Theo lễ giáo phong kiến thì "Tôi trung không thờ hai vua, gái trinh không lấy hai chồng". Chồng chết rồi tái giá thì trở thành dơ dáy bẩn thỉu! (N. D).

Thím quanh đi quẩn lại, chẳng có việc gì làm, đành bỏ đi xuống nhà dưới, không hiểu ra làm sao cả. Cả ngày hôm đó, cái việc thím có thể làm được là ngồi đun bếp.

Người Lỗ Trấn vẫn gọi thím là thím Tường Lâm nhưng giọng điệu thì khác trước nhiều lắm. Họ vẫn chuyện trò với thím, nhưng nhạt nhẽo hơn xưa. Thím không hề để ý đến, mắt cứ đăm đăm nhìn thẳng, kể cho mọi người nghe câu chuyện mà thím không khi nào quên được.

– Tôi thật ngu đần quá! Tôi cứ tưởng là chỉ có mùa tuyết xuống, trong rừng không có gì ăn, thì thú dữ mới mò về làng. Hôm đó, bừng sáng tôi đã dậy, ra mở cửa, lấy cái giỏ con, xúc một giỏ đậu, bảo thằng Mao nhà tôi ra ngồi ở bậc cửa mà bóc đi. Cháu dễ bảo lắm, tôi bảo gì làm nấy. Thế là cháu ra ngồi đó. Tôi thì ở sau nhà chẻ củi, vo gạo, cho gạo vào nồi xong, định đi luộc đâu. Gọi "Mao ơi", không thấy thưa. Chạy ra xem thì thấy đậu vung vãi ra cả đất mà chẳng thấy thằng Mao nhà tôi đâu cả. Nóng ruột quá, tôi nhờ người đi tìm. Mãi đến chiều, mấy người vào núi thì tìm thấy một chiếc giày của cháu mắc trên bụi gai. Ai người ta cũng nói: "Thôi hỏng rồi! Chắc là sói tha mất rồi cũng nên". Đi vào nữa, quả nhiên thấy cháu nằm trong một đống cỏ, ruột gan bị moi ăn hết. Trông mà thương quá, cháu còn nắm chặt cái giỏ đậu trong tay...

Thế là nước mắt ròng ròng, thím khóc nức nở.

Câu chuyện ấy thế mà lại có hiệu nghiệm. Bọn đàn ông nghe kể đến đó thường thường là thôi không cười nữa, tiu nghỉu bỏ đi. Còn đàn bà con gái thì không những có vẻ tha thứ cho thím về chỗ thím bước đi bước nữa, mà cũng bỏ ngay cái bộ khinh bỉ lúc đầu, lại còn khóc theo thím nữa là khác. Có mấy bà cụ không đứng đấy nghe thím kể, thì cố đi tìm, nài thím kể lại câu chuyện bi thảm đó cho nghe. Đến khi thím khóc nức lên, thì những giọt nước mắt ở khoé mắt các bà cũng rơi xuống. Các bà thở dài một hồi, rồi ra về thỏa mãn, vừa đi vừa bàn tán.

Câu chuyện bi thảm đó, thím kể đi kể lại nhiều lần rồi, thường thường vẫn có dăm ba người nghe. Nhưng không bao lâu, người ta nghe mãi thuộc lòng, đến nỗi ngay những bà từ bi, niệm phật ăn chay, cũng chẳng có giọt nước mắt nào trên mi nữa. Về sau, cơ hồ tất cả người ở Lỗ trấn đều có thể nhắc lại y nguyên từng lời nói của thím, cho nên vừa nghe thím kể là họ đã chán ngấy lên rồi. Thím vừa bắt đầu kể:

– Tôi thật ngu đần quá...

Họ đã cắt ngang nói:

– Ừ, thím chỉ tưởng mùa tuyết xuống, trong rừng không có gì ăn, thú dữ mới mò vào làng...

Rồi bỏ đi.

Thím đứng há miệng ngơ ngác, đăm đăm nhìn họ, rồi cũng bước đi, hình như thím cũng thấy câu chuyện của mình nhạt phèo. Nhưng thím vẫn cứ mong mỏi, nhân những việc khác, – thí dụ nhân nói đến cái giỏ, nói đến đậu, hay nói đến một đứa trẻ nào đó chẳng hạn, – mà kể chuyện thằng Mao của thím. Hễ nhìn thấy một đứa trẻ lên hai lên ba, là y như thím than phiền:

– Ừ! giá thằng Mao nhà tôi mà còn sống thì cũng bằng chừng này rồi đây!...

Đứa bé nhìn thấy cặp mắt thím, hoảng lên, níu lấy áo mẹ lôi đi. Thế là thím đứng trơ một mình; cuối cùng, thím cũng chán ngán bỏ đi nốt. Về sau, ai cũng biết tính thím như thế rồi, hễ có đứa trẻ nào đứng đấy là người ta hỏi thím trước, nửa đùa nửa thật:

– Thím Lâm! Thằng Mao nhà thím còn sống chắc cũng bằng chừng này chứ gì?

Vị tất thím đã biết rằng câu chuyện thương tâm của thím, người ta thưởng thức bao nhiêu lâu nay, bây giờ đã như cái bã, nhai đi nhai lại mãi, chán lắm rồi, phải nhổ đi. Nhưng nhìn nụ cười của họ, thím hình như cũng thấy được đó là một nụ cười

vừa lạnh lùng, vừa chế giễu, thôi thì mình cũng chẳng cần kể chuyện nữa làm chi. Rồi thím chỉ lườm họ một cái. chứ cũng không mở miệng đối đáp một lời.

Lỗ trấn bao giờ cũng cứ từ hai mươi tháng chạp trở đi là người ta đã rộn rịp sửa soạn ăn Tết. Nhà chú Tư, Tết năm nay phải mướn thêm một người ở trai nữa mà vẫn không hết việc, nên lại phải gọi Y Liễu đến làm giúp, giết gà, làm ngỗng. Nhưng U Liễu lại theo đạo Phật, ăn chay, không sát sinh, chỉ chịu rửa bát đĩa cho thôi. Thím Tường Lâm thì ngoài việc đun bếp, chẳng còn việc gì khác, thành ra rỗi rãi, chỉ ngồi nhìn U Liễu làm. Tuyết lấm tấm rơi.

– Ừ, tôi thật là ngu đần...

Thím Tường Lâm nhìn trời, thở dài, như nói một mình. U Liễu vẻ sốt ruột nhìn vào mặt thím, nói:

– Thím Lâm, thím lại kể chuyện ấy đấy à? Tôi hỏi thật thím nhé! Chứ cái sẹo ở trán thím, có phải là hồi đó thím đập đầu vào hương án mà thành ra như thế phải không?

Thím trả lời ấp úng:

– Ò... ờ.

– Thế tôi hỏi thím, tại sao về sau thím lại bằng lòng...?

– Tôi ấy à?

– Ừ, thím chứ còn ai nữa? Tôi chắc thím phải bằng lòng, không thì...

– A! a! U không biết chứ hắn khỏe lắm cơ!

– Tôi chẳng tin. Tôi chẳng tin thím sức vóc như thế mà lại không chống cự nổi hắn. Nhất định là về sau thím bằng lòng, lại còn đổ cho là vì hắn khoẻ!

– A, a, rõ u này!... U cứ thử xem.

Thím cười. U Liễu cũng cười, cái mặt nhăn nheo của u dúm lại như một hạt đào. Rồi đôi mắt nhỏ ti hí, héo hắt của u cứ

nhìn vào cái sẹo trên trán thím Tường Lâm, lại nhìn chòng chọc vào con mắt thím, làm thím ngượng quá, không cười được nữa, đành quay ra nhìn tuyết rơi.

U Liễu nói, vẻ kín đáo:

– Thím Lâm này! Thật ra thím cũng vụng tính đấy! Cứ làm mạnh nữa, đập đầu cho chết quách đi, có phải hơn không. Còn như bây giờ, thím với người chồng sau của thím ăn ở với nhau chưa được hai năm, mà để thím mang vào người một cái tội tầy đình. Thím nghĩ mà xem, mai kia thím chết xuống âm phủ, hai người chồng tranh nhau thì thím sẽ về ở với người nào? Vua Diêm vương đành phải cưa đôi thím ra, chia cho mỗi người một nửa. Tôi thấy thật là...(1)

Thím Tường Lâm sợ hãi quá, nỗi sợ hãi lộ rõ trên thần sắc. Ở trên miền núi nhà thím, chưa nghe ai nói như thế bao giờ cả.

– Tôi nghĩ chi bằng thím nên lo liệu trước đi thì hơn. Thím hãy cúng một cái bậc cửa vào miếu Thành hoàng thế mạng cho thím, để cho người qua kẻ lại giày đạp lên, chuộc cái tội kiếp này cho thím, khỏi phải chết rồi còn chịu khổ!

Lúc bấy giờ, thím không nói ra làm sao cả, nhưng xem chừng thím buồn bã khổ sở lắm. Sáng hôm sau, ngủ dậy, hai mắt thím thâm quầng. Ăn cơm sáng xong, thím đến miếu Thành hoàng ở xóm Tây, xin cúng một cái bậc cửa. Lúc đầu, ông từ một mực không chịu; đến khi thím sắp phát khóc lên, ông ta mới miễn cưỡng nhận lời. Cái bậc cửa làm mất mười hai quan tiền.

---

(1) Trong cuốn *Quê hương Lỗ Tấn*. Chu Hà Thọ kể: "Ở đó, có một người đàn bà goá, lấy đời chồng khác, sinh được một đứa con trai. Được hai năm, chồng và con đều chết". Chị ra rất đau khổ, thường buồn rầu nói: "Xuống âm phủ, vua Diêm vương sẽ cưa đôi ra" (N. D).

Đã lâu thím không chuyện trò với ai cả, vì câu chuyện thằng Mao người ta nghe chán tai lắm rồi, nhưng từ hôm thím và U Liễu ngồi nói chuyện với nhau, hình như tiếng phao đồn ra, nên nhiều người lại thích gợi cho thím nói. Cố nhiên đầu đề câu chuyện đổi khác, chỉ xoay quanh cái sẹo trên trán thím.

Người này hỏi:

– Thím Lâm, tôi hỏi thím nhé! Sao hồi đó thím lại bằng lòng?

Người khác nhìn cái sẹo của thím, phụ hoạ theo:

– Hừ! Có uổng không. Đập vỡ đầu mà cũng chẳng đi đến đâu cả!

Nghe giọng nói, thấy vẻ cười của họ, có lẽ thím cũng biết là họ chế giễu mình, cho nên thím cứ nhìn họ trừng trừng, không nói một câu. Về sau, mặc kệ họ nói gì thì nói, thím cũng không ngoảnh đầu lại. Cả ngày, thím cứ ngậm tăm âm thầm làm các việc ra phố, quét nhà, rửa rau, vo gạo, mang trên trán cái sẹo mà mọi người cho là một vết nhơ.

Ở sắp đầy năm, thím mới xin thím Tư đưa cho số tiền công dồn lại bao nhiêu lâu nay, đem đổi ra mười hai đồng bạc "chim ưng", rồi xin phép đi ra xóm Tây. Chỉ trong khoảng thời gian chưa ăn xong một bữa cơm, thím đã trở về, sắc mặt tươi tắn, con mắt cũng lanh lợi hẳn lên, vui vẻ nói với thím Tư rằng thím đã cúng một cái bậc cửa vào miếu Thành hoàng rồi.

Đến hôm giỗ tổ vào tiết đông chí, thím ta làm việc càng hăng. Thấy thím Tư sửa soạn mâm cỗ xong, rồi cũng với cậu Ngưu khiêng cái bàn ra để giữa nhà, thì thím thản nhiên đi lấy cốc chén và đũa.

Thím Tư hoảng hốt nói to:

Thím để đấy thôi, thím Lâm!

Thím rụt tay lại như phải bỏng, mặt xám ngắt. Thím không đi lấy đôi đèn nến nữa, cứ đứng ngẩn ra đó. Đến khi chú Tư thắp hương, bảo thím đi chỗ khác, thím mới đi. Lần này thì thím thay đổi chóng quá. Hôm sau, chẳng những con mắt thím sâu hoắm xuống, mà tinh thần lại càng tiều tuy. Thím đâm ra nhút nhát không những sợ đêm tối, sợ bóng đèn, mà bất cứ gặp ai, thậm chí gặp chú thím Tư, cũng cứ lấm la lấm lét như chuột nhắt ra khỏi hang giữa ban ngày. Hoặc có khi thím ngồi ngây ra chẳng khác gì pho tượng gỗ. Chưa đầy nửa năm, tóc thím đã bạc ra, thím không nhớ được cái gì cả, thậm chí quên cả việc đi vo gạo nữa.

– Thím Lâm làm thế nào mà lại như thế? Biết vậy thì hồi đó chả giữ lại cho xong!

Thím Tư đôi lần đã thốt ra những câu như thế trước mặt thím Tường Lâm, hình như có ý bảo cho thím biết mà liệu chừng.

Nhưng thím Tường Lâm vẫn cứ như thế, chẳng mong có thể lanh lợi thêm được chút nào. Thế rồi, chú thím Tư định đuổi thím ra, bảo thím về ở với bà Vệ. Khi tôi còn ở Lỗ trấn, chú thím Tư chỉ mới nói như thế thôi, những xem tình trạng thím bây giờ, thì biết sau đó họ đuổi thím đi thật. Còn như ra khỏi nhà chú thím Tư, thím Tường Lâm phải đi ăn xin liền, hay là về nhà bà Vệ rồi sau mới phải đi ăn xin, thì điều đó tôi không được rõ.

***

Tiếng pháo nổ gần, kêu to quá làm tôi giật mình thức giấc. Nhìn thấy ngọn đèn dầu vàng khè, nhỏ bằng hạt đậu, rồi lại

nghe tiếng pháo dây nổ lạch tạch, biết là nhà chú Tư đang làm lễ cầu phúc, và đã gần sang canh năm rồi. Tôi nằm mơ màng, nghe tiếng pháo văng vẳng ở đâu xa, liên hồi không ngớt, có cảm tưởng như có một đám mây dày đặc vang rộn tiếng pháo cùng với hoa tuyết phấp phới bay đang phủ lên cả cái thị trấn này. Giữa những tiếng ồn ào xung quanh, tôi cảm thấy con người nhác nhớn ra mà cũng rất thoải mái. Bao nhiêu nỗi lo ngại từ sáng sớm đến chiều tối hôm qua bây giờ tiêu tan đi trong bầu không khí cầu phúc. Tôi có cảm tưởng như nhìn thấy trời đất quỉ thần sau khi về âm hưởng rượu thịt, hương hoa, đều say mềm, bây giờ đang bước đi chếnh choáng giữa không trung, và đang chuẩn bị đem lại cho tất cả những người ở Lỗ – trấn một nguồn hạnh phúc vô cùng vô tận.

Ngày 7 tháng 2 năm 1924

TRƯƠNG CHÍNH *dịch*

(Gào thét, Bàng hoàng, NXB Văn hóa, tr. 196)

TẠP VĂN [1]

VÌ SAO TÔI VIẾT TIỂU THUYẾT *

Vì sao tôi viết tiểu thuyết? Nguyên nhân đó, trong bài tựa *Gào thét*, đã có nói qua. Ở đây chỉ cần bổ sung một chút, là khi tôi chú ý đến văn học, tình hình khác với bây giờ nhiều lắm: ở Trung Quốc, tiểu thuyết không được kể là văn học, người viết tiểu thuyết cũng nhất định không thể gọi là nhà văn học, cho nên không mấy ai muốn theo con đường đó mà ra mắt với đời. Tôi cũng không có ý định đưa tiểu thuyết vào "văn uyển", chẳng qua muốn lợi dụng sức mạnh của nó để cải tạo xã hội mà thôi.

Nhưng cũng không phải tự mình nghĩ đến chuyện sáng tác, trái lại tôi chỉ chú trọng giới thiệu, dịch thuật, đặc biệt là chuyện ngắn, nhất là tác phẩm của những nhà văn thuộc các dân tộc bị áp bức. Bởi vì hồi đó đang thịnh hành thuyết bài Mãn, có một số thanh niên lấy những nhà văn gào thét và phản kháng ấy làm đồng điệu. Cho nên những loại sách *Phương pháp viết tiểu thuyết*, tôi chưa hề đọc cuốn nào, nhưng tôi đã đọc khá nhiều truyện ngắn, phần nhỏ là vì mình thích xem, phần lớn là vì sưu tầm tài liệu để giới thiệu. Tôi cũng có xem văn học sử và văn phê bình, là vì muốn biết tư cách làm người và tư tưởng của tác giả, để quyết định xem có nên giới thiệu với độc giả Trung Quốc hay không. Tuyệt nhiên không liên quan gì với học vấn cả.

---

(1) Những tạp văn tuyển chọn ở đây đều rút trong 3 tập *tạp văn* do Trương Chính dịch, Nxb Văn học, 4-1963.

* Bài này in lần đầu trong cuốn *kinh nghiệm sáng tác* do nhà xuất bản Thiên mã thư điếm xuất bản, tháng 6 năm 1933.

Bởi vì những tác phẩm mình tìm là những tác phẩm gào thét và phản kháng, thế tất tôi phải thiên về Đông Âu, do đó tác phẩm của những nhà văn Nga, Ba Lan và các nước nhỏ vùng Ban Căng là xem nhiều nhất. Tôi cũng có nhiệt tình với các tác phẩm Ấn Độ, Ai Cập, nhưng không tìm ra. Còn nhớ hồi đó tác giả tôi thích xem nhất là Gôgôn (N. Gogol), người Nga và Xienkiêvít (H. Sienkiewitz)[1], người Ba Lan. Người Nhật Bản thì Hạ mục thấu thạch và Sâm âu ngoại[2].

Sau khi về nước, tôi bận việc nhà trường[3], không còn thì giờ xem tiểu thuyết nữa, như thế có năm sáu năm. Vì sao lại bắt tay vào viết? Điều này cũng đã nói trong bài tựa *Gào thét*, không cần nói nữa. Nhưng tôi viết tiểu thuyết cũng không phải là tự cho mình có tài viết tiểu thuyết, chỉ vì hồi đó tôi trọ ở hội quán ở Bắc Kinh, muốn viết bình luận thì không có sách mà tham khảo, muốn dịch không có sách mà dịch, nên đành phải viết cái giống như tiểu thuyết cho tắc trách. Đó là thiên *Nhật ký người điên*. Đại để dựa vào gần trăm tác phẩm ngoại quốc đã xem trước kia và một ít trí thức về y học, ngoài ra không có chuẩn bị gì khác.

Nhưng người biên tập *Tân thanh niên* cứ đến thúc lần này lượt khác, thúc mấy lần thì tôi lại viết một thiên. Ở đây tôi phải nhắc đến ông Trần Độc Tú, ông là một trong những người thôi thúc tôi viết tiểu thuyết hăng nhất.

Tất nhiên, viết tiểu thuyết cũng không khỏi tự mình có ít chủ quan. Thí dụ, "vì cái gì" mà viết tiểu thuyết, thì phải nói là tôi vẫn ôm cái "chủ nghĩa khải mông" hơn mười năm về trước, cho rằng cần phải "vì nhân sinh", và lại phải cải tạo cái

---

(1) Henryk Sienkiewitz (1846–1916) là một nhà tiểu thuyết Ba-lan, kiêm nhà bao, thời đại chiến thế giới lần thứ nhất, ông tạ đi khắp nơi vận động cứu nước. Sở trường về tiểu thuyết lịch sử. Tác giả cuốn Quo Vadis? (Đi đâu?).

(2) Hạ mục thấu thạch (1867–1916) tức Natsume Soseki. Sâm âu ngoại (1862–1992) tức Mori Ogai.

(3) Lỗ Tấn về nước năm 1909, lần lượt dạy học ở Thiệu Hưng, Chiết Giang.

nhân sinh đó. Tôi rất ghét danh từ "nhàn thư" trước kia người ta dùng để gọi tiểu thuyết, hơn nữa tôi cho danh từ "nghệ thuật vị nghệ thuật" chẳng qua chỉ là một tên kiểu mới thay cho danh từ "tiêu nhàn" mà thôi. Cho nên mỗi khi chọn đề tài, tôi đều chọn những người bất hạnh trong xã hội bệnh tật, với mục đích là lôi hết bệnh tật của họ ra, làm cho mọi người chú ý tìm cách chạy chữa. Cho nên tôi hết sức tránh hành văn lôi thôi, nếu thấy đủ truyền đạt ý tứ của mình cho kẻ khác rồi thì thôi, không cần thêm thắt, kéo dài nữa. Tuồng cũ Trung Quốc không có bối cảnh, trên tờ giấy hoa năm mới mua cho trẻ con xem, chỉ có vài người chủ yếu (nhưng giấy hoa bây giờ thì phần lớn đã có bối cảnh rồi), tôi tin sâu sắc rằng, với mục đích của tôi, phương pháp đó rất thích hợp, cho nên tôi không tả gió trăng, đối thoại cũng quyết không kéo dài.

Viết xong thế nào tôi cũng xem lại hai lần, tự mình thấy trúc trắc thì thêm bớt mấy chữ, nhất định phải đọc cho trơn. Không có cách nói thông thường thích hợp, thì tôi đưa cách nói cổ vào, mong có người hiểu. Những chữ những câu chỉ có một mình mình hiểu hoặc đến mình cũng không hiểu nốt, thì tôi không dùng. Điểm này, trong bấy nhiêu nhà phê bình, chỉ có một người nhìn thấy, nhưng ông ta lại gọi tôi là *stylist*[1].

Việc tôi tả đại để là những cái tôi trông thấy hoặc nghe thấy ít nhiều, nhưng tôi quyết không dùng hoàn toàn sự thực đó, chỉ chọn một ít, rồi thay đổi đi, hoặc phát triển thêm, cho đến khi có thể gần như hoàn toàn diễn đạt được ý định của tôi mới thôi. Người mẫu nhân vật cũng như thế. Không chuyên dùng một người nào, thường thường miệng ở Chiết Giang, mặt ở Bắc Kinh, áo quần ở Sơn Tây, đó là một vai trò chắp vá. Có người nói, truyện này của tôi chửi ai, truyện kia chửi ai, là hoàn toàn nói tầm bậy.

---

(1) Stylist, tiếng Anh, là một người thích trau chuốt hành văn của mình. Chưa rõ ai nói.

Có điều cách viết như thế cũng có chỗ khó, tức là làm cho người ta khó lòng dừng bút. Cứ viết một mạch, nhân vật đó dần dần hoạt động lên, làm tròn nhiệm vụ của nó. Nếu có việc gì làm cho tư tưởng mình không tập trung đến phá rối, phải bỏ đấy lâu mới viết lại, thì tính cách có thể đổi khác, tình cảnh cũng có thể không giống với cái mình dự đoán lúc đầu. Thí dụ như khi tôi viết truyện *Núi Bất chu*[1], nguyên là định tả sự phát động và sự sáng tạo của tính, cho đến khi nó suy vong, nhưng nửa chừng xem báo, thấy bài của một nhà phê bình thuộc phái đạo học công kích thư tình yêu, trong bụng không cho là phải. Thế là trong thiên truyện liền có một nhân vật tí hon chạy vào giữa hai chân bà Nữ Oa. Cái đó không những không cần thiết, mà lại phá hỏng cái kết cấu to lớn lúc đầu. Nhưng những chỗ ấy, trừ tôi, đại khái không ai cảm thấy. Nhà phê bình lớn của chúng ta là ông Thành Phương Ngô[2] còn cho là thiên truyện đó viết xuất sắc nhất.

Tôi nghĩ, nếu chuyên dùng một người làm nòng cốt, thì có thể tránh được cái tệ hại đó, nhưng tôi chưa thử lần nào.

Không nhớ ai nói nữa, đại khái là, muốn vẽ đặc điểm một con người mà hết sức tiết kiệm đường nét, thì hay nhất là vẽ hai con mắt. Tôi cho rất đúng. Nếu vẽ cả bộ tóc, thì dù tinh tế như thật, cũng chẳng có ý nghĩa gì. Tôi thường học theo phương pháp đó, tiếc rằng học chưa ra trò.

Chỗ có thể bỏ, bớt được, tôi quyết không cố thêm vào, khi viết không ra, tôi cũng quyết không cố mà viết, nhưng như thế là vì hồi bấy giờ tôi có món thu nhập khác[3], chứ không trông vào bán văn mà sống, không thể đưa ra làm lệ chung được.

---

(1) Tức là truyện *Vá trời* trong tập *Chuyện cũ viết lại*, Trương Chính dịch. Nhà xuất bản Văn Hóa xuất bản năm 1960.

(2) Thành Phương Ngô là một phần tử trung kiên của nhóm *Sáng tạo* thời Ngũ tứ. Lúc Lỗ Tấn xuất bản cuốn *Gào thét*, ông có viết bài chê những chuyện *Nhật ký người điên*, *Khổng Ất Kỷ*, *Thuốc*, *Ngày mai*, *AQ chính truyện* là "tự nhiên chủ nghĩa", là ""hời hợt", "dung tục". Nhưng lại khen *Bất Chu Sơn* (tức *Vá trời*) là "kiệt tác", "mặc dù có chỗ chưa làm cho người ta thỏa mãn lắm".

(3) Vào khoảng năm 1918, Lỗ Tấn làm ở Bộ Giáo dục Bắc Kinh.

Còn có một điểm nữa, là khi tôi viết, tôi nhất luật không đếm xỉa đến các lời phê bình. Bởi vì hồi đó, giới sáng tác Trung Quốc còn non nớt, giới phê bình càng non nớt hơn, không tâng bốc lên tận trời xanh thì chôn vùi xuống đất đen, nếu lấy làm điều thì sẽ tự cho mình là xuất chúng, hoặc cảm thấy không tự sát đi thì không đủ để tạ thiên hạ! Phê bình thì phải chỗ dở nói dở, chỗ hay nói hay, mới có ích cho tác giả.

Nhưng tôi thường xem văn phê bình nước ngoài, bởi vì họ đối với tôi không có ân oán, đố kỵ, tuy phê bình tác phẩm người khác, nhưng lại có rất nhiều chỗ có thể mượn làm gương. Tất nhiên, đồng thời nhất định tôi cũng chú ý xem nhà phê bình đó thuộc về phái nào.

Trở lên là chuyện mười năm trước, từ đó về sau không sáng tác gì nữa, cũng chẳng có tương lai, người biên tập muốn tôi viết một bài loại này[1], thì làm sao viết được. Cứ bạ đâu viết đấy, chỉ như thế mà thôi.

Dưới đèn, mồng năm tháng 3

---

[1] là loại *Kinh nghiệm sáng tác.*

HẮNG KHOAN "PHE PƠ-LÊ" ĐÃ ★

1. MỞ ĐỀ

Trong tạp chí *Ngữ ti* số 57, ông Lâm Ngữ Đường có bàn về "Phe pơ-lê"[1], cho rằng cái tinh thần đó ở Trung Quốc hiếm vô cùng, chúng ta cần phải ra sức khuyến khích. Ông ta lại có nhắc đến câu "không đánh chó khi đã rơi xuống nước", để bổ sung cho ý nghĩa tiếng "phe pơ-lê". Tôi không biết tiếng Anh, cho nên cũng không được rõ rút cục tiếng đó nghĩa như thế nào, nhưng nếu như "không đánh chó khi đã rơi xuống nước" cũng là một hình thức của cái tinh thần kia, thì tôi nghĩ lại rất muốn đem ra thảo luận. Có điều trên đầu đề không viết thẳng "đánh chó khi đã rơi xuống nước" là vì tránh cho khỏi chướng mắt, chứ không phải có ý muốn mang một cái "sừng

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Măng nguyên*, ngày 10 tháng 1 năm 1926. Như trong bài có nói, Lỗ Tấn nhận đọc bài báo của Lâm Ngữ Đường mà viết ra. Hồi đó, bộ mặt phản động của hắn chưa lộ ra hẳn, nhưng nhiều lần hắn tuyên bố hắn là một người tự do chủ nghĩa. Trong nhiều bài báo của hắn, người ta đã thấy hắn đưa ra một số tư tưởng phản động. Một mặt, hắn vẫn đi lại với Lỗ Tấn, một mặt hắn liên lạc với bọn *Hiện đại bình luận*. Trong bài báo của hắn có đoạn như sau: "*Ở Trung Quốc tinh thần "phe pơ-lê" rất hiếm, chúng ta cần phải ra sức khuyến khích. Trung Quốc đến tinh thần "pơ-lê" (play) cũng ít, nói gì đến "phe" (Fair). Chỉ có lúc cái gọi là không "ném đá vào người đã rơi xuống giếng"* (hạ lĩnh phương thạch)*là có ý nghĩa đó. Người chửi kẻ khác lại không thể không có điều kiện ấy. Chửi người ta được thì cũng có thể bị người ta chửi lại. Và khi người ta thất bại rồi thì không nên công kích nữa, bởi vì chúng ta công kích là công kích tư tưởng, chứ không phải công kích con người. Lấy Đoàn Kỳ Thụy, Chương Sĩ Lân ngày nay ra làm thí dụ, chúng ta không nên công kích cá nhân họ*". Luận điệu đó của Lâm Ngữ Đường về bản chất nhất trí với luận điệu của bọn *Hiện đại bình luận* làm tay sai cho đế quốc và bọn quân phiệt ra mặt. Lỗ Tấn, trong bài này và trong nhiều bài khác nữa, phê phán nghiêm khắc cái thứ tự do chủ nghĩa giả dối, phản động đó và nhắc nhở các nhà cách mạng phải nâng cao cảnh giác, phải đấu tranh không nhân nhượng với kẻ thù, không để cho chúng lừa bịp.

1. "Phe pơ-lê" (*Fair play*) là tiếng Anh (*Fair:* tốt, *play:* trò chơi). Đó là thuật ngữ dùng trong các cuộc chơi thể thao. Khi đấu với nhau thì không được dùng những thủ đoạn không chính đáng, không được "chơi xấu". Đó là phẩm chất của người *gentlemen*, của người "quân tử".

giả"[1] trên đầu đâu. Tóm tắt, tôi chỉ muốn nói, "chó rơi nước" vị tất không nên đánh, hoặc nói thẳng thắn là phải đánh cho chết.

2. CÓ BA LOẠI "CHÓ RƠI XUỐNG NƯỚC" CẦN PHẢI ĐÁNH CẢ

Ngày nay người ta thường lấy câu "đánh hổ chết" và câu "đánh chó khi đã rơi xuống nước" ra bàn chung, cho rằng đều gần như hèn nhát cả. Tôi nghĩ: "đánh hổ chết" là nhát gan mà làm ra bộ dũng cảm, rất buồn cười; tuy không khỏi mang tiếng hèn nhát, nhưng cái hèn nhát đó còn có thể thương được. Đến như "đánh chó khi đã rơi xuống nước" thì lại không đơn giản như thế, cần phải xem chó như thế nào, và vì sao rơi xuống nước mới định được. Theo nguyên nhân vì sao rơi xuống nước, thì có ba loại chó: 1- tự nó sảy chân mà rơi xuống nước, 2- người khác đánh rơi xuống, 3- chính ta đánh rơi xuống. Trong hai trường hợp đầu mà hùa theo đánh, thì tất nhiên vớ vẩn quá rồi, hoặc giả cũng gần như là hèn nhát. Nhưng nếu ta vật lộn với chó, rồi chính tay ta đánh cho nó phải rơi xuống nước, thì dù có lấy sào tre mà đánh theo cho nhừ tử, tựa hồ cũng chẳng có gì là quá đáng. Không thể đem trường hợp này bàn chung với hai trường hợp đầu được.

Nghe nói những người đấu quyền dũng cảm quyết không bao giờ đánh địch thủ của mình khi đã ngã xuống đất rồi, cái đó thật đáng cho chúng ta noi gương. Nhưng tôi cho rằng còn phải thêm một điều kiện, tức là kẻ địch thủ đó cũng phải là một đấu sĩ dũng cảm, sau khi thua rồi, hoặc xấu hổ, hối hận mà không trở lại nữa, hoặc đàng hoàng đến mà trả thù, tất

---

(1) Nguyên văn: "nghĩa giác" có nghĩa là sừng giả. Đó là một danh từ Trần Tây Oánh dùng để công kích Lỗ Tấn; y viết: "*Hoa thì ai cũng yêu, ma quỷ thì ai cũng ghét, nhưng có người muốn lấy lòng quần chúng, không ngại tô thêm mầu sắc trên cánh hoa và trên đầu ma quỷ thì trang sức thêm cho một cái "sừng giả"* (nghĩa giác). *Chúng ta thấy thế không những cảm thấy là vô vị mà còn ghê tởm nữa là khác*". Ý muốn nói, văn Lỗ Tấn giả làm ra ta đây là một chiến sĩ để lấy lòng quần chúng.

nhiên chẳng có gì là không nên. Nhưng đối với chó thì không thể đem việc đó ra làm lệ được, không thể xem chó như một địch thủ ngang hàng với mình; (bởi vì dù nó có sủa điên rồ đến thế nào đi nữa, thật ra nó cũng chẳng hiểu "đạo nghĩa" gì cả. Huống chi, chó nó biết bơi nhất định lại leo lên bờ, không chú ý thì trước hết nó rũ lông một cái, làm cho người ta bẩn cả mặt mũi, rồi thì quấp đuôi chạy mất. Nhưng sau đó tính tình nó lại vẫn thế. Người thật thà tưởng nó rơi xuống nước là nó đã chịu phép rửa tội rồi, tất sẽ sám hối, không nhảy ra cắn càn nữa. Thực nhầm to, nhầm vô cùng.

Nói tóm lại, nếu là chó cắn người thì tôi thấy đều thuộc loại nên đánh cả, bất cứ ở trên bờ hay ở dưới nước.

3. CHÓ BÔNG THÌ LẠI CÀNG KHÔNG THỂ KHÔNG ĐÁNH CHO RƠI XUỐNG NƯỚC, RỒI LẠI PHẢI THEO MÀ ĐÁNH NỮA

Chó bông còn có tên là chó xù, miền Nam gọi là chó tây, nhưng nghe nói đó là đặc sản của Trung quốc, trong các cuộc thi chó quốc tế thường thường được thưởng mề-đay vàng. Ảnh chó chụp trong cuốn *Bách khoa toàn thư nước Anh*, có mấy con là chó bông Trung quốc chúng ta đấy[1]. Cũng là vinh dự cho nước nhà. "Nhưng chó với mèo chẳng phải là thù địch nhau ư? Thế mà tuy là chó, nó lại rất giống mèo, chiết trung, công bằng, vừa phải, hết sức đứng đắn, làm ra bộ người khác chẳng ai không thiên vị, chỉ có một mình nó là có được cái "đạo trung dung". Cũng chính vì thế mà được các bậc quyền quý, các ông thái giám, các bà các cô yêu chuộng, không bao giờ tuyệt nòi cả. Sự nghiệp của nó chỉ ở chỗ có bộ lông trơn mượt, nên được người sang nuôi nấng, hoặc khi các bà trong nước hay nước ngoài đi ra phố, thì chạy theo sau, cổ đeo chiếc dây xích nhỏ.

(1) Câu này hay ở chỗ bọn Trần Tây Oánh, Hồ Thích đều là du học Anh, Mỹ về cả.

Những thứ đó thì phải đánh cho rơi xuống nước đã, Rồi phải theo mà đánh nữa. Nếu tự nó sảy chân, thật ra theo mà đánh cũng không ngại, nhưng giá mình quá tốt bụng tất nhiên không đánh cũng được; có điều không cần phải than thở cho nó. Giả thử khoan dung với chó bông, thì đối với những con chó khác, sẽ rất không nên đánh, bởi vì bọn này tuy vụ lợi vô cùng, nhưng rốt cục còn hơi giống chó sói, mang theo tính thú rừng, chứ không đến nỗi hai mặt hai lòng như thế.

Trên đây là nhân tiện thì nói tới, tựa hồ không dính dáng đến đầu đề lắm.

4. KHÔNG "ĐÁNH CHÓ KHI ĐÃ RƠI XUỐNG NƯỚC" LÀ LÀM HẠI CON CÁI NGƯỜI TA

Tóm lại, có nên đánh chó khi đã rơi xuống nước hay không, thì trước hết phải xem thái độ của nó sau khi leo lên bờ như thế nào đã.

Tính chó rất ít thay đổi, giả thử một vạn năm sau có lẽ khác bây giờ, nhưng bây giờ là tôi nói chuyện bây giờ. Nếu cho rằng đã rơi xuống nước rồi, đáng thương vô cùng, thế thì những động vật có hại, nhiều con đáng thương lắm. Như vi trùng thổ tả đấy, tuy sinh sôi nảy nở rất nhanh, tính cách của nó thì lại thật thà vô cùng, nhưng các bác sĩ quyết chẳng bao giờ tha cho chúng nó hết.

Bây giờ bọn quan liêu và bọn thân sĩ ta hoặc thân sĩ tây[1], gặp ai không hợp ý họ là nói người đó "đỏ", cộng sản. Trước Dân quốc nguyên niên có hơi khác, đầu thì nói đảng Khang Hữu Vi, sau thì nói Đảng cách mạng[2], thậm chí đến cửa quan cáo giác nữa, một mặt cố nhiên là để bảo toàn lấy địa vị tôn quí vinh hiển của mình, nhưng cũng vị tất không có ý "lấy máu

(1) "Thân sĩ tây" chỉ những người du học ngoại quốc về như bọn Trần Tây Oánh.

(2) Đảng Khang Hữu Vi chỉ những người từng tham gia và tán thành cuộc biến pháp duy tân do Khang Hữu Vi phát động. Đảng cách mạng chỉ những người tham gia và tán thành cuộc cách mạng chống Mãn Thanh.

người khác, nhuốm đỏ chóp mũ mình"[1]. Nhưng rồi cách mạng bùng nổ, một bọn thân sĩ thối hoắc lập tức vội vội vàng vàng như chó nhà đám, đem đuôi sam quấn lên đỉnh đầu. Đảng cách mạng cũng là một đảng theo mới, - bọn thân sĩ xưa nay vốn ghét cay ghét đắng cái mới, bây giờ "văn minh" đáo để, nói rằng "để cùng duy tân với nhau cả", chúng ta không đánh chó khi đã rơi xuống nước, cứ để cho chúng nó leo lên bờ. Thế là chúng nó leo lên, nằm chờ đến nửa cuối năm thứ hai Dân quốc, lúc Cách mạng lần thứ hai[2], thì bỗng nhảy ra giúp Viên Thế Khải cắn chết bao nhiêu người cách mạng. Trung Quốc ngày càng chìm trong đen tối, mãi cho đến bây giờ, bọn phản động già bất tất phải nói, ngay bọn phản động trẻ mà còn nhiều đến thế kia! Đó là các bậc tiền liệt tốt bụng, từ bi với ma quỷ, để cho chúng nó sinh sôi nảy nở, nên lớp thanh niên chân chính về sau, vì mưu chống lại đen tối, phải phí mất bao nhiêu sức lực, tính mạng.

Chị Thu Cận[3] bị cáo giác mà chết, sau cách mạng có lúc được gọi là "nữ hiệp" bây giờ thì ít nghe ai nhắc đến nữa rồi. Khi vừa cách mạng, một ông đô đốc - cũng như bây giờ ta gọi là đốc quân - đến quê hương chị. Chắc thay cũng là một đồng chí của chị: Vương Kim Phát[4]. Ông ta bắt tên chủ mưu giết

---

(1) Theo quan phục đời Thanh thì người ta phân biệt cấp trên với cấp dưới bằng cách dùng màu sắc nhuộm chóp mũ. Quan cao nhất thì đội mũ, chóp làm bằng san hô màu đỏ. Cuối Thanh, bọn quan liêu, thân sĩ thường dùng thủ đoạn cáo giác các người làm cách mạng để thăng quan tiến chức, vì thế mà đương thời có câu nói trên.

(2) Cuộc cách mạng thứ hai chỉ cuộc chiến tranh thảo phạt Viên Thế Khải vào tháng 7 năm 1913 do các tỉnh Giang Tây, An Huy, Quảng Đông thuộc thế lực Quốc dân đảng phát động. Vì bọn thống trị cấu kết chặt chẽ với bọn đế quốc, nên cuộc cách mạng đó bị trấn áp nhanh chóng.

(3) Thu Cận (1875-1907) cũng người Thiệu Hưng, quê Lỗ Tấn. Bà là một nhân vật quan trọng của Hội Quang Phục. Bị bắt nhân việc Từ Tích Lân ám sát tuần vũ An Huy, tên là Ân Minh. Bà anh dũng hy sinh ở Hiên Đình Khẩu, thành Thiệu Hưng (xem truyện *Thuốc*, tập *Gào thét*).

4. Vương Kim Phát người Chiết Giang, là một hội viên hội Quang phục. Trong cuộc cách mạng Tân Hợi, ông ta giữ chức đô đốc ở Thiệu Hưng, sau bị tên Châu Thuỵ, đô đốc Chiết Giang tay sai Viên Thế Khải, bắn chết.

hại chị[1], lập hồ sơ về vụ cáo giác đó để trả thù cho chị. Nhưng cuối cùng, ông ta thả tên chủ mưu đó ra, nghe nói bởi vì bây giờ đã là Dân quốc rồi, không nên đả động đến những mối thù oán cũ nữa. Nhưng cho đến khi cuộc cách mạng thứ hai thất bại, thì Vương Kim Phát lại bị bọn tay sai Viên Thế Khải bắn chết, mà người giúp một tay đắc lực trong việc đó là tên chủ mưu giết chị Thu Cận mà ông ta đã thả ra.

Tên ấy thì nay cũng đã "quy tiên" rồi, nhưng ở đấy những tên đang kế chân mà hoành hành, lúc ẩn, lúc hiện, cũng là một phường như thế, cho nên quê hương của chị Thu Cận vẫn như thế kia, năm này sang năm khác, không hề tiến bộ chút nào cả. Cứ nhìn nội điểm đó đủ biết, bà Dương Ấm Du và ông Trần Tây Oánh sinh trưởng ở một thành danh tiếng có thể làm gương cho Trung Quốc[2], thật là hồng phúc to bằng trời.

5- KHÔNG NÊN ĐEM NGƯỜI THẤT THẾ RA BÀN CHUNG VỚI "CHÓ RƠI XUỐNG NƯỚC"

"Kẻ khác phạm đến mình mà mình không chấp"[3] đó là đạo khoan hồng, "mất trả mất răng trả răng"[4] đó là đạo chính trực. Trung Quốc nhiều nhất thì lại là đạo oan uổng: không đánh chó rơi xuống nước, trở lại bị chó cắn. Nhưng kỳ thực đó là người thật thà tự rước khổ vào thân.

---

(1) Tên chủ mưu nói đây là một tên địa chủ người Thiệu Hưng. Trước cách mạng Tân hợi, hắn là tay chân tên tuần phủ Chiết Giang, sau cách mạng, bị Vương Kim Phát bắt. Hắn quyên một ít điền sản nên được tha. Trong cuộc mưu sát Vương Kim Phát, hắn có tham dự.

(2) Dương Ấm Du du học ở Mỹ về, được Chương Sĩ Chiêu bổ nhiệm làm hiệu trưởng trường nữ Đại học sư phạm Bắc Kinh. Sinh viên phản đối, bị trấn áp tàn nhẫn. Bà ta cũng là người huyện Vô Tích, tỉnh Giang Tô như Trần Tây Oánh. Có lần trong một bài báo, Tây Oánh có nói rằng huyện Vô Tích là một huyện gương mẫu của Trung Quốc. Lỗ Tấn nhắc đến câu nói đó để châm biếm.

(3) Nguyên văn *"Phạm nhi bất hiệu"*. Câu này lấy trong thiên *Thái bá*,sách *Luận ngữ*.

(4) Dịch theo nghĩa đen câu trong *Cựu ước*, ý chủ trương báo thù, như tục ngữ ta thường nói *"ăn miếng trả miếng"*.

Tục ngữ có câu: "Trung hậu là một tên khác của vô dụng"! Có lẽ hơi khắc bạc quá trăng, nhưng nghĩ kỹ thì lại thấy chẳng phải nói như thế để xúi người ta làm điều ác. Đó là một câu nói rất hay đúc kết bao nhiêu kinh nghiệm đau xót. Thí dụ như thuyết "không đánh chó khi đã rơi xuống nước", đại khái có hai nguyên nhân sinh ra: một là không đủ sức đánh, hai là so sánh không đúng. Nguyên nhân thứ nhất hẵng khoan bàn, nguyên nhân thứ hai không đúng ở hai chỗ: một là, nhầm lẫn người thất thế với chó rơi xuống nước, xem như nhau; hai là, không phân biệt người thất thế, có kẻ tốt kẻ xấu, cứ cho nhất luật cả, kết quả thành ra dung túng điều ác. Lấy chuyện bây giờ mà nói, vì cục diện chính trị bấp bênh, thật là lên lên xuống xuống như bánh xe quay, kẻ xấu dựa vào một thế lực cũng chẳng chắc chắn gì như dựa vào một tảng băng, hoành hành không kiêng nể gì hết, nhất đán sẩy chân, bống phải đi ăn mày lòng thương hại. Người thật thà đã từng mắt nhìn thấy nó cắn người khác hoặc chính mình bị nó cắn cho, lại bống coi nó là "chó rơi xuống nước", không những không đánh, thậm chí còn có ý thương hại, tự cho rằng công lý đã bầy rõ ra đấy rồi, lúc này mình phải tỏ ra người hào hiệp. Đâu có biết rằng không phải là nó rơi xuống nước thật, ổ của nó đã được làm sẵn rồi, cái ăn đã trữ đủ rồi, và đều ở bên tô giới cả. Tuy có lúc tựa hồ như bị thương, kỳ thực không phải, chẳng qua chỉ giả vờ đi cà nhắc thế thôi, chỉ cốt gợi lòng trắc ẩn của người khác, để có thể ung dung trốn tránh được. Ngày kia lành rồi, nó lại cắn người thật thà trước để mở đầu, "ném đá vào đầu người rơi xuống giếng",. không từ điều gì.. Tìm nguyên nhân thì một phần chính là vì người thật thà không "đánh chó rơi xuống nước". Cho nên, nói cho nghiêm khắc một tí, tức là mình đào hố chôn mình, oán trời trách người đều sai cả.

6. BÂY GIỜ CHƯA THỂ CỨ MỘT MỰC "PHE" ĐƯỢC

Những người nhân từ có thể hỏi: "Thế thì chúng ta không nên nghe "phe pơ-lê" hay sao"? Tôi có thể trả lời ngay: "Tất

nhiên nên, nhưng hãy còn sớm". Đây là phép "Mời anh vào chum cho"[1], tuy những người nhân từ vị tất đã chịu dùng, nhưng tôi xin cứ nói ra cho hết lý lẽ. Chẳng phải là bọn thân sĩ ta hay thân sĩ tây thường nói: "Trung Quốc có tình hình đặc biệt của Trung Quốc, những thứ như tự do bình đẳng của nước ngoài không thể thích dụng" hay sao? Tôi cho rằng "phe pơ-lê" này cũng là một thứ như thế. Bằng không, nó đối với anh không "phe" (fair) chút nào cả, mà anh thì vẫn cứ "phe" với nó, kết quả mình thiệt, không những muốn "phe" không được, mà cả muốn không "phe" cũng không được. Cho nên muốn "phe", hay nhất là trước hết hãy nhìn rõ đối thủ, nếu là phường không đáng "phe" thì cứ thẳng tay không nể, chờ khi nào nó "phe", lúc đó mình "phe" với nó cũng chẳng muộn.

Như thế tựa hồ dễ bị chê là chủ trương "Nhị trùng đạo đức"[2], nhưng cũng là bất đắc dĩ, bởi vì nếu không như thế, Trung Quốc sẽ không thể có con đường nào khác nữa. Trung Quốc hiện nay có rất nhiều thứ "Nhị trùng đạo đức", giữa thầy và tớ, giữa nam và nữ, có những thứ đạo đức khác nhau, chưa thống nhất. Nếu xem "chó rơi xuống nước" cũng như "người rơi xuống nước", không phân biệt gì cả, thì quả thực không khỏi quá thiên, quá sớm, cũng giống như các vị nhân sĩ nói tự do bình đẳng không phải không hay, nhưng ở Trung Quốc thì hiểm điều hơi quá sớm. Cho nên giả có ai muốn thi hành tinh thần "phe pơ-lê" một cách rộng rãi, thì tôi cho rằng ít ra cũng phải chờ đến khi nào cái gọi là "chó rơi xuống nước" có khí chất của

(1) Lấy tích trong truyện tên ác lại Chu Hưng đời Đường Võ Hậu. Có người tố giác Chu Hưng, Văn Xương thừa tướng thông mưu với Khâu Thừa Tích. Thái Hậu cho Lại Tuấn Thần tra hỏi việc đó. Tuấn Thần mời Chu Hưng đến hỏi: "Tù phạm không khai, nên làm cách gì?" Hưng trả lời: "Cái đó rất dễ. Lấy một cái chum to, bốn chung quanh đốt than thật đỏ, bắt chui vào, gì mà không khai!". Tuấn Thần làm đúng như Hưng nói, rồi đứng dậy bảo Hưng: "Vâng lệnh nhà vua hỏi tội anh, mời anh vào chum cho". Hưng hoảng sợ cúi đầu nhận tội.

(2) Nghĩa là dùng hai tiêu chuẩn để đối đãi, đối phương tốt thì mình tốt, đối phương xấu thì mình xấu.

con người đã. Nhưng bây giờ tất nhiên cũng chẳng phải tuyệt đối không thể thi hành được, tức là như trên đã nói, phải nhìn rõ đối thủ là ai, và còn phải phân biệt, nghĩa là phải xem đối thủ như thế nào mà thi hành. Bất cứ rơi xuống nước như thế nào, nếu là người thì giúp đỡ, nếu là chó thì mặc kệ, nếu là chó dữ thì đánh. Tóm tắt một câu, "cùng phe thì tán thành, khác phe thì công kích"[1], thế thôi.

Những câu danh ngôn của bọn thân sĩ, trong lòng thì chất đầy "bà lý" mà ngoài miệng thì nói "công lý"[2] nay hãy tạm xếp vào loại không bàn đến. Ở Trung Quốc bấy giờ, công lý mà người dù thật lòng hô hào, cũng chưa thể cứu giúp được người tốt, thậm chí trái lại che chở cho người xấu. Bởi vì trong khi người xấu đắc chí, hành hạ người tốt, thí dụ có ai hô hào công lý, chúng nó quyết chẳng nghe theo. Hô hào cũng chỉ là hô hào, người tốt vẫn phải chịu khổ. Nhưng tình cờ có một lúc, người tốt hơi chồm dậy được, thì người xấu tất phải rơi xuống nước, nhưng những người bàn công lý một cách thật lòng lại la lớn lên, nào là "không nên báo thù", nào là "hãy khoan hồng", nào là "chớ lấy điều ác chống lại điều ác"... Lần này lại có hiệu quả, chứ chẳng phải kêu gào vô ích: người tốt cho là phải, thế là người xấu được cứu. Nhưng sau khi được cứu rồi, nó nhất định lại tưởng nó chiếm phần hơn chứ đâu có hối cải! Vả lại, bởi vì đã có xây sẵn ba cái hang, lại tài luồn lọt, cho nên chẳng bao

(1) Câu này bọn phản động thời đó hay dùng để nói rằng những người đấu tranh vì chính nghĩa thường mắc tội ai về phe với mình thì tán thành, ai khác phe mình thì công kích. Lỗ Tấn vừa dùng lại câu này để đập bọn Trần Tây Oánh, nhưng cũng là nói rằng giữa phải và trái, giữa thiện và ác, giữa cách mạng và phản cách mạng, không thể thỏa hiệp được.

(2) "*Bà lý* nghĩa là *lý lẽ của mẹ chồng*. Chữ này dùng để ám chỉ việc Dương Ấm Du, hiệu trưởng trường nữ Đại học sư phạm Bắc Kinh đối xử với sinh viên như mẹ chồng nàng dâu. Nhân việc này, Trần Tây Oánh lập ra cái hội gọi là "Hội duy trì công lý của giáo giới", thực chất là để bênh vực cho Dương Ấm Du. Ở đây, Lỗ Tấn chơi chữ bà lý (lý của bà) đối với công lý (lý của ông).

lâu, thanh thế vẫn hiển hách, nó lại làm điều ác như trước. Lúc đó, những người bàn công lý tất nhên lại la lên, nhưng lần này thì nó có nghe anh đâu!

Thế nhưng, những người bình luận về bọn "thanh lưu" đời Hán và bọn "Đông lâm" đời Minh thường trách họ "đối với tội ác nghiêm quá" "bất kẻ thù cũng vội quá"[1], vì thế mà thất bại. Há không biết rằng phía bên kia, chúng nó lại "ghét điều thiện như ghét kẻ thù" hay sao? Thế là chẳng ai nói câu nào cả. Giả thử từ nay về sau, ánh sáng và bóng tối không thể đấu tranh với nhau được đến kỳ cùng, người thật thà nhầm lẫn dung túng điều ác với khoan hồng độ lượng, cứ một mực làm ngơ thì cái tình trạng gần như hỗn loạn hiện nay sẽ có thể cứ kéo dài mãi đến vô cùng vô tận.

7- LẤY GẬY ÔNG ĐẬP LƯNG ÔNG[2]

Người Trung Quốc kẻ tin Đông y, kẻ tin Tây y. Bây giờ các thành phố tương đối lớn thường có hai thứ, để ai thích thứ nào thì theo thứ đó. Tôi cho cái đó hay vô cùng. Nếu mở rộng phạm vi ra được thì tiếng kêu oan nhất định sẽ bớt đi nhiều, hoặc giả thiên hạ sẽ thái bình. Thí dụ: thời Dân quốc chào nhau thông thường là cúi mình một cái, nhưng giá có ai cho thế không phải thì cứ để một mình người đó dập trán xuống đất mà lạy. Pháp luật Dân quốc không có tội *xuy* (lấy roi tra khảo), nhưng giá có ai cho nhục hình là hay thì khi người đó mắc tội

---

(1) *Thanh lưu* đời Hán chỉ một số thái học sinh cuối Hán cùng một số các vị đại thần trong triều đình liên lạc với nhau để vạch tội bọn hoạn quan phê bình triều chính, sau bị khép vào tội kết bè đảng làm nguy hại triều đình. Hơn bảy tám trăm người bị xử tội. *Đông lâm* đời Minh chỉ những người tụ tập ở Đông Lâm thư viện bàn luận về thời chính, phê bình những người tai mắt. Có một số quan lại chính trực cũng hưởng ứng. Sau hơn mấy trăm người bị giết hại. Những chuyện này đưa ra để nói việc của trường nữ Đại học sư phạm Bắc Kinh.

(2) Nguyên văn: " *Tức dĩ kỳ nhân chi đạo hoàn trị kỳ nhân chi thân*" (lấy cái đạo của người đó mà trị lại người đó). Đó là câu chú thích của Chu Hy ở chương 13 sách *Trung Dung*.

gì, cứ đặc cách nọc ra mà đánh vào đít. Đũa bát cơm canh là vì người thời bấy giờ mà bày đặt ra, nhưng giá có ai muốn làm người dân thời họ Toại-nhân trở về trước, thì cứ mời người đó ăn thịt sống; làm lại mấy nghìn túp nhà cỏ, rồi lôi những bậc cao sĩ ngưỡng mộ Nghiêu Thuấn ra khỏi những toà ngang dãy dọc của họ, bắt đến đấy mà ở; người nào phản đối văn minh vật chất tất nhiên càng không nên để cho họ phải ngậm oan mà ngồi xe hơi. Làm như thế, thật là "cầu điều nhân được điều nhân, còn oán cái gì?"[1], lỗ tai chúng ta cũng đỡ bẩn nhiều.

Nhưng đáng tiếc chưa ai chịu làm như thế cho, cứ muốn bắt người khác làm như mình, cho nên thiên hạ mới sinh ra lắm chuyện. "Phe pơ-lê" cũng có cái tệ của nó, thậm chí có thể trở thành nhược điểm, để cho thế lực hung ác chiếm phần hơn. Thí dụ Lưu Bách Chiêu đánh sinh viên trường Đại học nữ sư phạm thì bọn *Hiện đại bình luận* im thin thít, đến khi trường Đại học nữ sư phạm hồi phục lại, thì Trần Tây Oánh khuyến khích nữ sinh viên Đại học[2] chiếm lấy trường sở, nói "nếu bọn họ không chịu đi thì làm thế nào? Lẽ nào các cô lại không dùng bạo lực vất đồ đạc của họ đi hay sao?". Đánh, lại còn kéo, lại còn vất, đã có Lưu Bách Chiêu làm gương cho đó rồi, sao lần này độc một mình "không nỡ!"[3]. Đó là bởi vì để cho nó ngửi thấy được cái mùi "phe pơ-lê" của trường Đại học nữ sư phạm! Nhưng cái "phe" đó lại trở thành nhược điểm để cho người ta lợi dụng làm vũ khí bảo vệ cái "di trạch" của Chương Sĩ Chiêu[4].

---

(1) Lời của Khổng Tử, xem sách *Luận ngữ*, thiên *Thuật nhi*.

(2) Hai trường khác nhau.

(3) Lưu Bách Chiêu là một viên trưởng phòng Bộ giáo dục hồi đó, tay chân của Chương Sĩ Chiêu. Năm 1925, khi xảy ra vụ trường Đại học nữ sư phạm, Chương Sĩ Chiêu bảo Lưu Bách Chiêu thuê một số phụ nữ lưu manh đến đánh nữ sinh viên, kéo nữ sinh viên ra khỏi trường. Nhưng được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân Bắc Kinh, cuối cùng nữ sinh viên thắng, trường lại mở, Chương Sĩ Chiêu chạy trốn sang Thiên Tân, Dương Ấm Du bị cách chức.

(4) Chỉ bè phái Dương Ấm Du. Lúc này Chương Sĩ Chiêu không làm Bộ trưởng nữa cho nên nói là "Di trạch" (cái ơn sót lại).

8- KẾT LUẬN

Có người nghi rằng những điều tôi nói trên có thể khêu gợi cuộc đấu tranh giữa hai phái mới, cũ, hoặc gì gì dấy, làm cho mối ác cảm thêm sâu sắc, sự giằng co thêm kịch liệt. Nhưng tôi dám nói quyết rằng, bọn phản cải cách đối với những người cải cách độc ác lắm, xưa nay chưa hề nới tay bao giờ, thủ đoạn cũng ghê gớm đến mức không thể hơn được nữa. Chỉ có những người cải cách là đang nằm mơ, chịu thiệt mãi, do đó mà Trung quốc cũng chẳng cải cách gì được cả. Từ nay về sau, cần phải thay đổi thái độ và phương pháp đi.

Ngày 29 tháng 12 năm 1925

BÀN QUA VỀ BỘ MẶT NGƯỜI TRUNG QUỐC*

Đại khái người ta khi thấy cái gì không quen mắt lắm, thì không khỏi cho là cổ quái. Tôi còn nhớ lần đầu tiên gặp người phương Tây. Tôi cảm thấy mặt họ trắng quá, tóc vàng quá, lòng đen con mắt nhạt quá, sống mũi cao quá. Tuy không thể nói rõ lý do tại sao, nhưng tóm lại là: tướng mạo không nên như thế. Còn như đối với bộ mặt của người Trung Quốc, thì không có ý kiến gì; dù xấu đẹp khác nhau, nhưng đều dễ coi cả.

Nhưng cổ nhân chúng ta lại tựa hồ hay xét nét tướng mạo của người Trung Quốc mình. Mạnh Kha đời Chu(1) thì nhìn con ngươi mắt mà đoán bụng dạ chính đính hay không chính đính; triều Hán còn có sách *Xem tướng*, 24 quyển(2). Về sau, những trò như thế rất nhiều; phân ra, có thể nói là có hai phái: một phái xem mặt mà biết được khôn dại, hiền ngu; một phái thì xem mặt mà biết quá khứ, hiện tại, tương lai, sướng khổ thế nào. Thế là thiên hạ rối lên, từ đó sinh ra lắm chuyện, bao nhiêu người ngồi nghiên cứu mặt mình mà run cầm cập. Tôi nghĩ, việc phát minh ra cái gương soi có lẽ là công lao lớn của mấy người ấy và của các cô tiểu thư. Có điều gần đây, phái thứ nhất không mấy người theo nữa; ở những nơi như Bắc Kinh, Thượng Hải, phái đang hoành hành chỉ là phái thứ hai.

Xưa nay tôi chỉ lưu ý đến người phương Tây. Kết quả lại cảm thấy da dẻ họ không khỏi thô quá, lông của họ trắng, cũng không đẹp. Trên da lại có những nốt đo đỏ, đó là vì màu da trắng quá, thật không bằng chúng ta da vàng. Xấu nhất là cái

---

* Bài này đăng lần đầu trên báo *Măng nguyên* ngày 25 tháng 11 năm 1927.

(1) Mạnh Kha tức Mạnh tử (372-289 trước C.N). Trong thiên "Lý lâu" có câu: "Mạnh tử nói, trong các giác quan của con người thì không có cái gì đẹp bằng con ngươi mắt. Con ngươi mặt không thể che giấu những điều xấu của con người ta. Lòng người ta chính đính thì con ngươi mắt trong sáng, lòng người ta không chính đính thì con ngươi mắt tối sầm lại. Anh nghe người ta nói, hãy nhìn con ngươi mắt người ta thì người ta không giấu gì nổi anh".

(2) *Tướng nhân*, một cuốn sách xưa tướng đời Hán, không biết ai soạn.

mũi đỏ lòm, có khi giống y như một cục sáp sắp chảy, tựa hồ sẽ rơi xuống, khiến người ta trông mà phát sợ; cũng không bằng được cái mũi của người da vàng, kín đáo và an toàn hơn. Tóm lại là: tướng mạo không nên như thế.

Sau này, tôi thấy người phương Tây vẽ người Trung Quốc, mới biết đối với tướng mạo của chúng ta, họ cũng không lấy gì làm tôn kính cho lắm. Những bức vẽ đó có lẽ là những bức minh hoạ trong cuốn *Thiên phương dạ đàm*(1) hoặc giả trong cuốn *Chuyện trẻ con* của An-đéc-xen(2), bây giờ nhớ không rõ nữa. Đầu đội mũ tua đỏ, giắt hai cái lông chim sặc sỡ, một cái bím tóc bay phất phơ, đôi hài đế trắng hết sức dày. Nhưng những cái đó đều là người Mãn Châu làm liên luỵ đến chúng ta. Chỉ có đôi con mắt xếch, cái miệng há hốc để lộ cả hàm răng ra, thì vốn là tướng mạo của chúng ta. Có điều, hồi đó tôi nghĩ, kỳ thực không hẳn như thế, người ngoại quốc họ muốn chế riễu chúng ta, nên mới hình dung chúng ta một cách quá đáng như vậy.

Nhưng từ đó về sau, đối với tướng mạo của một số người Trung Quốc, tôi cũng dần dần cảm thấy không được bằng lòng, tức là mỗi khi họ thấy cái gì thường ít gặp, hoặc một người đàn bà đẹp, hay là nghe chuyện gì đến say mê, thì cằm của họ cứ dần dần trễ xuống, làm cho cái miệng há hốc ra. Trông chẳng nhã tí nào cả; hình như trong tinh thần thiếu mất một cái gì. Theo những nhà học giả nghiên cứu về thân thể con người, thì cái "gân nhai", một đầu mắc vào xương quai hàm trên và đầu kia mắc vào xương quai hàm dưới, có một sức mạnh ghê gớm. Chúng ta hồi còn bé muốn ăn hạt đào thì phải để vào khe cửa rồi nghiến cho cái vỏ ngoài vỡ ra. Nhưng lớn lên, nếu răng tốt, thì co bóp cái gân nhai lại một cái là đã có thể cắn vỡ hạt đào rồi. Có một cái gân mạnh đến thế mà có lúc

(1) *Thiên phương dạ đàm*, cũng gọi là *Một nghìn một đêm lẻ* là một tập chuyện Ả Rập.

(2) Andersen (1805–1875) là một nhà văn viết chuyện trẻ con nổi tiếng, người Đan Mạch.

không thể giữ nổi cái cằm của mình vốn không lấy gì làm nặng, mặc dù lúc say mê thì cũng tha thứ được, nhưng tôi cứ cho rằng rút cục đó vẫn là một việc không lấy gì làm đẹp mắt.

ÔngTrường-cốc-xuyên-như-thị-nhàn[1], người Nhật Bản, hay viết văn châm biếm. Năm ngoái, tôi có đọc một tập tuỳ bút của ông ta, đề là: *Mèo, Chó, Người*; trong đó có một thiên nói đến bộ mặt người Trung Quốc. Đại ý là lần đầu tiên gặp người Trung Quốc, người ta cảm thấy, so với người Nhật Bản hay người phương Tây, thì trên nét mặt giống như thiếu một cái gì. Mãi lâu, nhìn quen, thì cảm thấy như thế cũng đã đủ rồi, chẳng thiếu cái gì cả; mà ngược lại, nhìn mặt người phương Tây thì thấy thừa một cái gì. Cái thừa đó, ông ta đặt cho một cái tên chẳng đẹp lắm: thú tính. Người Trung Quốc không có cái đó trên mặt tức là người, thêm cái gì thừa vào đó nữa, tức sẽ có một công thức toán như sau:

Người + thú tính = người phương Tây.

Ông ta mượn cớ khen người Trung Quốc để mạt sát người phương Tây và châm biếm người Nhật Bản, mục đích đó ông ta đã đạt được. Tất nhiên không cần phải nói, trên mặt người Trung Quốc mà không thấy cái thú tính đó là vì vốn xưa nay chúng ta không hề có, hay là hiện đã mất rồi. Nếu như về sau mới mất, tức là dần dần chúng ta đã gột sạch đi và chỉ còn lại nhân tính nữa, hoặc chẳng qua dần dần chúng ta trở thành thuần thục như thế. Trâu rừng trở thành trâu nhà, lợn rừng trở thành lợn nhà, sói trở thành chó, dã tính mất đi, nhưng chỉ đủ để làm cho người chăn nuôi mừng, chứ không ích gì cho bản thân cả. Người chẳng qua là người, không có cái khác lẫn lộn vào, tất nhiên còn gì hay hơn. Còn nếu bất đắc dĩ, thì tôi cho rằng không bằng có một ít thú tính. Trái lại, nếu đúng với công thức toán dưới đây thì thật không lấy gì làm thú vị:

---

(1) Trường-cốc-xuyên-như-thị-nhàn là một nhà văn bình luận hiện đại Nhật Bản.

Người + gia súc tính = một hạng người nào đó.

Trên mặt người Trung Quốc quả thật có dấu vết thú tính hay không, cái nghi án ấy tạm thời hãy gác lại, chưa thảo luận. Tôi chỉ muốn nói rằng gần đây, trên mặt người đời xưa và người đời nay, theo lý tưởng của người Trung Quốc, thì thấy có hai cái thừa. Vừa đến Quảng châu, tôi cảm thấy so với Hạ môn mà tôi vừa rời khỏi, thì cái phong phú nhất là điện ảnh, mà già nửa là "phim của ta", có phim đóng người đời xưa, có phim đóng người đời nay. Bởi vì điện ảnh là "nghệ thuật", cho nên nhà nghệ thuật điện ảnh liền đem hai cái thứ thừa đó thêm vào.

Phim đóng người đời xưa cũng có thể nói là xem được; không thua gì xem tuồng; ít nhất cũng quyết không có chiêng trống làm cho người ta điếc tai. Trên "màn bạc", tất nhiên có những nhân vật mặc không biết y phục thời đại nào, đi đứng chậm chạp; nét mặt thì chết như người đời xưa, bởi vì muốn cho có vẻ sống, nên đành phải thêm vào cái u mê dung tục kiểu tuồng cũ vào.

Mặt những nhân vật ăn mặc kiểu mới, thì nếu ai đã xem hoạ báo của Ngô Hữu Như[1] ở Thượng hải thời Quang tự triều Thanh, là có thể cảm thấy thần thái giống như đúc. Họa báo đó đại để chỉ vẽ bọn lưu manh đánh nhau, hoặc bọn gái điếm ghen nhau, cho nên mặt mũi người nào người nấy trông rất gian giảo. Cái tinh thần đó tựa hồ cho đến nay vẫn chưa thay đổi. Nhân vật trong phim do ta sản xuất, mặc dù tác giả cho đó là người lương thiện hay là người xuất chúng, nhưng cứ mang trên nét mặt cái gian giảo của đất Thượng hải. Đủ thấy không như vậy, thì không thể thành được người lương thiện hay là người xuất chúng.

---

(1) Ngô Hữu Như, người Giang Tô, là một hoạ sĩ nổi tiếng cuối đời Thanh. Tác phẩm của ông thường đăng trên tờ *Điểm thạch trai hoạ báo*, xuất bản ở Thượng Hải hồi bấy giờ.

Nghe nói, phim do ta sản xuất sở dĩ nhiều như vậy là vì được Hoa kiều hoan nghênh, có thể vớ được nhiều tiền. Mỗi khi có một bộ phim mới đưa sang, thì các cụ già liền mang trẻ con đến chỉ cho các em thấy và nói: "xem kìa, người Tổ quốc chúng ta là như thế đấy!". Ở Quảng châu, tựa hồ những bộ phim đó cũng được hoan nghênh, ngày đêm chiếu bốn lần, tôi thường thấy người xem ngồi chật ních.

Quảng châu ngày nay cũng giống như Thượng hải người ta đang nuôi dưỡng lòng ham thích của họ như thế đấy. Đáng tiếc là điện ảnh bắt đầu chiếu thì đèn nhất định tắt mất, nên tôi không thể nhìn thấy cằm của người ta.

Ngày mồng sáu tháng tư (1927)

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG*

THỜI GIAN: *Một ngày nào vào buổi hoàng hôn.*

ĐỊA ĐIỂM: *Một chỗ nào đấy.*

NHÂN VẬT:

Cụ già, trạc 70, đầu bạc, râu bạc. Áo dài thâm.
Cô bé, lên mười. Tóc hoe hoe. Mắt đen láy. Áo dài nền trắng kẻ ô vuông đen. Người qua đường, trạc ba bốn mươi tuổi. Mặt mũi tiều tụy nhưng sức vóc khoẻ mạnh, ánh mắt âm thầm. Râu đen, tóc xoã. Áo quần cộc màu đen đã rách nát. Trên chân đi giày rách, dưới nách đeo một chiếc dẫy. Tay chống một cái gậy cao bằng người.

DÀN CẢNH: *Phía đông, mấy gốc cây, một đống gạch ngói; phía tây, một bãi tha ma lạnh lẽo, hoang tàn; giữa có một lối mòn, giống đường đi nhưng cũng không phải là đường đi. Một căn nhà gianh nho nhỏ, vách đất, một cánh cửa hé mở nhìn ra lối mòn ấy. Cạnh cửa, một gốc cây khô.*
(Cụ già ngồi trên gốc cây. Cô bé định dìu ông cụ đứng dậy).

CỤ GIÀ – Con! Ủa này, con! Sao cứ đứng sững ra như thế?

CÔ BÉ – (nhìn về phía đông) Có ai ở đường kia đi lại ấy, ông nhìn xem kìa!

CỤ GIÀ – Xem làm gì. Con dìu ông về. Mặt trời lặn rồi.

CÔ BÉ – Để con xem tí đã.

CỤ GIÀ – Hừ, con bé này! Ngày nào cũng nhìn trời, nhìn đất, nhìn gió, chưa vui mắt ư? Còn gì đẹp hơn nữa kia chứ?

---

* Bài này ông Đặng Thai Mai dịch, chúng tôi được phép đưa vào đây.

Lại còn muốn xem người nào nữa kia? Lúc mặt trời lặn, bao nhiêu cảnh đẹp, chưa bằng lòng hay sao?... Thôi vào đi!

CÔ BÉ – Nhưng đến đây rồi. À, à, té ra là một người ăn mày.

CỤ GIÀ – Ăn mày à? Không phải đâu!
(Người qua đường từ lùm cây phía đông thất thểu đi tới. Trù trừ một lúc, thong thả bước tới gần cụ già).

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Chào cụ ạ! Cụ mạnh khoẻ chứ?

CỤ GIÀ – À, nhờ trời vẫn khoẻ. Còn bác?

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Thưa cụ, xin lỗi cụ. Cháu muốn xin cụ một chén nước. Cháu khát quá đi mất! Chỗ này lại không có một cái ao, một cái hồ nào cả.

CỤ GIÀ – Ồ, được, được. Bác ngồi tí. (*Bảo cô bé*) Này con, vào lấy nước chè! Rửa chén cho sạch.
(Cô bé im lặng đi vào nhà).

CỤ GIÀ – Mời bác ngồi. À mà tên bác là gì nhỉ?

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Tên là gì à? Ấy tôi cũng chẳng biết nữa. Theo chỗ còn nhớ được thì tôi chỉ biết tôi là người. Tôi cũng không hề biết tên tôi vốn gọi là gì. Từ ngày bước chân ra đi, trên đường, có lúc người ta cũng tuỳ tiện mà gọi thế này, thế kia, nhưng tôi cũng không nhớ rõ nữa. Huống chi chưa có tên nào nghe người ta gọi đến hai lần.

CỤ GIÀ – À, a. Thế thì bác ở đâu tới đây?

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG *(Hơi chần chừ)* – Tôi cũng không biết. Theo chỗ còn nhớ được thì xưa nay tôi vẫn đi như thế này.

CỤ GIÀ – Vâng. Thế thì tôi có thể hỏi bác rằng bác có định đi đâu hay không?

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Được lắm chứ! Nhưng tôi cũng chả biết nốt. Theo chỗ còn nhớ được thì tôi vẫn cứ đi như thế này, chỗ định đi tới, tức là chỗ trước mắt. Tôi chỉ nhớ là đã đi được một quãng đường khá dài, bây giờ thì đến đây. Tôi sẽ tiếp tục đi về phía kia *(chỉ về phía tây)* trước mặt.

(Cô bé cẩn thận bưng một chén gỗ đầy nước ra đưa cho khách).

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG *(Đỡ lấy chén).* – Cám ơn em! *(Uống hai ngụm hết cả chén nước, giả chén lại cho cô bé).* Cám ơn em. Thật là tử tế quá. Tôi thật không biết cám ơn như thế nào cho xứng đáng!

CỤ GIÀ – Ấy, bác đừng quá lời như vậy. Kể ra có gì đâu!

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Vâng. Kể ra cũng không có gì. Nhưng bây giờ tôi cũng đã lại sức được một ít rồi. Tôi phải đi đây. Này cụ, hẳn cụ ở đây đã lâu, có lẽ cụ biết phía trước kia là gì đấy nhỉ?

CỤ GIÀ – Phía trước kia ấy à? Phía trước kia là mồ mả.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – (Ngạc nhiên) – Mồ mả?

CÔ BÉ – Không, không, không phải đâu. Đằng ấy có rất nhiều hoa bách hợp dại, hoa tường vi dại. Cháu vẫn tới đấy chơi, tới xem hoa đấy.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG *(Nhìn về phía tây, mỉm cười)* – Phải rồi. Đằng ấy có rất nhiều hoa bách hợp dại, hoa tường vi dại. Tôi cũng đã tới chơi, tới xem luôn. Nhưng đó cũng là mồ mả. *(Nói với cụ già).* Vậy thưa cụ, đi khỏi bãi tha ma rồi, sau kia là gì ạ?

CỤ GIÀ – Sau bãi tha ma ấy à? Cái đó thì tôi không được biết. Tôi chưa hề đi tới đó.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Cụ không biết hay sao?

CÔ BÉ – Cháu cũng không biết.

CỤ GIÀ – Tôi chỉ biết phía nam, phía bắc, phía đông là phía bác đi lại ấy mà. Ấy là mấy nơi tôi biết được rõ ràng nhất và có lẽ tốt cho bác hơn hết. Bác đừng cười tôi nhiều lời, theo tôi thấy thì bác đi đã mệt lắm rồi, chi bằng bác quay trở lại, bởi vì bác có đi, đi mãi cũng chưa chắc đã đến nơi được.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Chưa chắc có thể đi đến nơi được? (*Ngẫm nghĩ, bỗng giật mình*) Thế không ổn! Tôi vẫn phải đi. Quay về chỗ kia thì đâu đâu cũng có những người tai to mặt lớn, đâu đâu cũng có địa chủ, đâu đâu người ta cũng xua đuổi, ép uổng, đâu đâu cũng chỉ bấy nhiêu nét cười trên những bộ mặt thịt, đâu đâu cũng bấy nhiêu giọt nước mắt lưng tròng. Tôi ghét quá rồi. Tôi không trở lại nữa!

CỤ GIÀ – Cũng không phải như thế. Bác cũng có thể thấy những dòng lệ từ đáy tim, xót thương bác.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Không. Tôi không muốn nhìn những dòng lệ từ đáy tim của họ, không cần họ thương xót tôi.

CỤ GIÀ – Thế thì, bác (*lắc đầu*) bác cứ đi đi.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Vâng. Tôi phải đi. Huống chi tôi vẫn thường nghe những tiếng văng vẳng đằng trước giục giã, kêu gọi tôi, làm cho tôi không tài nào dừng chân lại được. Khốn một nỗi, bàn chân tôi đi đã toạc ra rồi, nhiều chỗ đau, máu chảy đầm đìa, (*giơ một bàn chân*

lên cho cụ già xem). Thành ra tôi bây giờ thiếu máu; tôi cần uống một ít máu. Nhưng máu ở đâu? Có điều không phải máu của ai, tôi cũng uống được. Thôi thì đành uống vài ngụm nước để bù vào máu của tôi vậy. Dọc đường cũng không hề thiếu nước, thành ra tôi cũng không hề thấy khát. Hơi sức tôi bạc nhược quá rồi, có lẽ trong máu tôi nhiều nước quá chăng. Hôm nay thì một vũng nước cỏn con cũng không thấy, vì thế mà chưa đi được bao xa.

CỤ GIÀ – Chưa hẳn đã thế đâu! Theo tôi thì mặt trời lặn rồi, chi bằng nghỉ lại đây một lát có lẽ hơn. Như tôi đây này.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Ấy, nhưng tiếng đằng kia vẫn gọi tôi đi.

CỤ GIÀ – Tôi biết.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Cụ biết à? Cụ cũng có nghe tiếng gọi ấy à?

CỤ GIÀ – Vâng. Hình như tiếng đó cũng đã từng kêu gọi tôi.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Thế thì ngày nay cũng vẫn tiếng đó gọi tôi chăng?

CỤ GIÀ – – Cái đó thì tôi không được biết. Xưa kia đã mấy lần nghe gọi nhưng tôi mặc kệ, thế rồi thôi không gọi nữa. Tôi cũng nhớ không rõ.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Hì hì. Mặc kệ... (*Suy nghĩ bỗng giật mình, lắng tai nghe*) Không được. Tôi phải đi mới được. Tôi không nghỉ lại được. Chỉ hiềm điều chân tôi đã toạc ra rồi. (*sửa soạn ra đi).*

CÔ BÉ – Này, ông cầm lấy (*đưa một miếng vải)* cầm lấy mà buộc vào chỗ đau.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Cám ơn em (*cầm lấy miếng vải*). Thật là... Thật em có lòng tốt quá. Thế này tôi còn có thể đi thêm được một quãng đường (*Ngồi lên đống gạch vỡ, định lấy mảnh vải buộc chân lại*). Nhưng không thể được! (*Cố hết sức đứng dậy*). Trả lại cho em đây. Buộc không được. Vả lại em tốt như thế, tôi biết cám ơn thế nào!

CỤ GIÀ – Bác không phải cám ơn như thế. Có gì đâu.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Vâng. Có gì đâu. Nhưng đối với tôi, tấm lòng bố thí đó thật không gì bằng. Cụ xem, trên mình tôi chỉ có như thế này.

CỤ GIÀ – Bác đừng nghĩ gì sự đó là xong.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Vâng. Nhưng tôi không thể như thế được. Mà tôi lại sợ tôi thế này nữa kia: Nếu tôi được ai bố thí, thì tôi như quạ thấy thây ma, cứ bay lượn chung quanh, cầu cho người đó chết đi, để mắt tôi trông thấy; hoặc nguyền rủa cho bao nhiêu người khác, trừ người đó, chết hết, và cả tôi nữa, bởi vì tôi đáng nguyền rủa hơn ai hết. Nhưng tôi chưa có sức làm như vậy, mà dù có sức làm được, tôi cũng không muốn cho người đó phải cái cảnh ngộ ấy, bởi vì họ có thích gì cái cảnh ngộ ấy đâu. Tôi nghĩ, như thế này ổn nhất. (*Nói với em bé*). *Này em, miếng vải của em tốt lắm, nhưng hơi bé, tôi giả lại em vậy.*

CÔ BÉ – (*sợ hãi, lùi vào*) – Không, tôi không lấy nữa đâu, ông mang đi đi.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – (*Như có vẻ cười* – A, a!... bởi vì tôi đã cầm lấy rồi phải không?

CÔ BÉ (*Gật đầu chỉ vào cái đẫy*) – Ông bỏ vào trong kia, mang đi mà chơi.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG (*Buồn bã lùi lại*) – Nhưng mang cái này vào lưng thì bước làm sao được?...

CỤ GIÀ – Bác không chịu nghỉ nên mang không nổi. Nghỉ một lúc đã, thì sẽ thấy chẳng nặng nề gì đâu.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Phải đấy, thì nghỉ vậy... (*Nghỉ ngợi bỗng lại giật mình, lắng tai nghe*) Không, không thể được! Tôi đi là hơn.

CỤ GIÀ – Bác nhất định không muốn nghỉ hay sao?

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Tôi muốn nghỉ lắm chứ!

CỤ GIÀ – Thế thì, nghỉ một lát vậy.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Nhưng tôi không thể

CỤ GIÀ – Bác vẫn cho rằng đi là hơn hay sao?

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Vâng. Đi vẫn là hơn.

CỤ GIÀ – Thế thì bác cứ đi đi.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG (*Vươn vai*) – Vâng. Xin chào cụ. Tôi rất cám ơn cụ và cô bé. (*Nói với cô bé*) Em, cái này giả lại em, em cất đi. (*Cô bé sợ hãi, rụt tay lại, định chạy vào nhà trốn*)

CỤ GIÀ – Bác mang đi vậy. Nếu có nặng quá thì cứ vứt vào bãi tha ma kia.

CÔ BÉ (*bước lên*) – Ấy, ấy, thế thì không được.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Ấy, ấy, như thế không được thật.

CỤ GIÀ – Vậy bác cứ treo vào cành bách hợp dại, tường vi dại kia vậy.

CÔ BÉ (*Vỗ tay*) – A ha! Phải đấy!

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – – Ò ờ!

(Im lặng trong giây lát)

CỤ GIÀ – Thế thì, chào bác. Bác đi cho bình yên nhé! *(Đứng dậy nói với em bé)* Con, con dắt ông vào. Con xem, mặt trời lặn rồi đấy *(quay người đi vào cửa).*

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG – Cám ơn cụ; cám ơn em. Chúc cụ và em khoẻ *(Đi đi lại lại, suy nghĩ, bỗng giật mình). Nhưng không thể được! Tôi phải đi.* Đi là hơn ... *(Liền ngửng đầu lên mạnh mẽ đi về phía tây). (Em bé dìu cụ già vào nhà, liền gài cửa lại. Người qua đường thất thểu đi về phía cánh đồng hoang. Bóng đêm xuống che khuất)*

Mồng hai tháng ba năm 1925

TRƯỚC ĐÈN TUỲ BÚT *

I

Có một thời kỳ, tức là những năm Dân quốc thứ hai, thứ ba, bạc giấy của mấy nhà ngân hàng quốc gia ở Bắc Kinh phát hành ngày càng được tín nhiệm, đúng là "cứ tăng vùn vụt". Nghe nói, đến những người nhà quê xưa nay nhất thiết chỉ tiêu bạc thật, cũng thấy thứ bạc này đã tiện lợi, lại chắc chắn, rất vui lòng nhận tiêu. Còn như những người hiểu biết hơn, bất tấc phải là "giai cấp trí thức đặc biệt", thì đã từ lâu không để tự chuốc lấy cái khổ một cách vô vị nữa rồi. Nghĩ lại, trừ những người có lòng mê thích đặc biệt đối với bạc thật không kể, còn phần lớn có lẽ dùng bạc giấy hết, và nhất là thứ bạc giấy của ta. Nhưng đáng tiếc là về sau bỗng bị một vố khá nặng.

Tức là năm Viên Thế Khải định lên làm vua[1], ông Thái Tùng Pha bỏ Bắc Kinh xuống Vân Nam khởi nghĩa. Một trong những ảnh hưởng ở đấy phải chịu là Ngân hàng Trung Quốc và Ngân hàng giao thông đình chỉ việc đổi bạc giấy ra bạc thật. Tuy không đổi nữa, nhưng sắc lệnh chính phủ bắt người buôn bán phải tiêu thì vẫn còn hiệu lực. Có điều người buôn bán cũng có những mánh khoé của họ, họ không nói không tiêu, mà nói không tìm ra tiền lẻ trả lại. Giả dụ cần mấy chục trăm đồng bạc giấy mua một quản bút, một bao thuốc lá chẳng hạn, chả lẽ lại trả cả đồng bạc giấy hay sao? Chẳng những trong bụng không muốn, mà cũng không có nhiều bạc giấy như vậy; thì đổi ra xu chịu thiệt ít nhiều vậy; lại nói xu cũng không có.

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Măng nguyên*, ngày 8 và 22-5-1925.

(1) Viên Thế Khải (1859 - 1916) là những thủ lĩnh quân phiệt Bắc Dương. Hắn có một lực lượng vũ trang khá hùng hậu, lại được đế quốc ủng hộ, nên sau cách mạng Tân hợi, hắn đoạt lấy chính quyền, giữ chức Đại tổng thống. Năm 1915, hắn muốn khôi phục lại nền đế chế, định lên làm vua. Sau Thái Ngạc tức Thái Tùng Pha khởi nghĩa ở Văn Nam; các tỉnh hưởng ứng. Viên Thế Khải bắt buộc phải thủ tiêu nền đế chế đó, và ngày 6-6 thì chết ở Bắc Kinh.

Thì đến nhà bà con, bè bạn, mượn ít tiền thật vậy. Nhưng làm gì có? Thế là phải hạ thấp yêu cầu xuống, không nói chuyện ái quốc nữa, đành dùng giấy bạc ngân hàng ngoại quốc. Nhưng giấy bạc đó cũng tức như cho anh vay bạc thật đấy.

Tôi còn nhớ hồi đó tôi trong người còn có đến ba bốn mươi tờ bạc giấy Trung Giao[1], nhưng bỗng dưng trở thành anh nghèo kiết xác, cơ hồ đến phải nhịn ăn, hoảng quá. Chắc có lẽ, sau cách mạng Nga, tâm tư những tay nhà giàu cất đồng rúp giấy cũng như thế này, già lắm chẳng qua có sâu sắc hơn mà thôi. Tôi dành phải đi dò hỏi xem bạc giấy có thể chịu các mà đổi ra bạc thật được chăng? Nói là không ai đổi cả. May về sau có người lén lút đổi cho: một đồng các hơn sáu hào. Tôi mừng quá, vội vàng đem đổi một nửa. Sau tăng lên, các bảy hào, tôi càng mừng hơn, đem đổi ra bạc thật hết, mang trong người, nặng trĩu, tựa hồ như đó là sức nặng của tính mạng tôi vậy. Nếu là ngày thường, các tiền trang[2] đưa thiếu một xu, tôi cũng nhất định không chịu rồi!

Khi tôi mang trong người một gói bạc thật, nặng trĩu, mà cảm thấy yên tâm, vui mừng như thế, thì bỗng nảy ra một ý nghĩa, tức là: chúng ta dễ biến thành nô lệ, và sau khi biến thành nô lệ, vẫn hết sức vui mừng.

Giả thử có một bạo lực nào đó "không coi người ra người", chẳng những không ra người, mà không coi bằng trâu ngựa nữa, không kể vào đâu hết; đến khi ai cũng thèm muốn được như trâu ngựa, than thở "người thời loạn không bằng con chó thời bình"[3] rồi, lúc đó mới định cho con người bằng một giá như trâu như ngựa, – như luật đời Nguyên, đánh chết một tên nô lệ

---

(1) Tức giấy bạc của Ngân hàng Trung Quốc và Ngân hàng giao thông.

(2) Tiền trang là phố đổi tiền thời phong kiến.

(3) Đó là một câu tục ngữ phản ánh những cực khổ của Người Trung Quốc trong cơn binh lửa và trong lúc bị nạn ngoại xâm. Cũng có nói: "Thà làm con chó thời bình hơn làm con người thời loạn".

của người khác, phải bồi thường một con trâu[1] – thì người ta lại vui mừng, thành thực cảm phục, ca tụng gặp được buổi thái bình thịnh thế. Tại sao lại như vậy? Bởi vì, tuy không được xem là người, nhưng rút cục cũng bằng được trâu ngựa.

Bất tất phải đọc bộ *Khâm định nhị thập tứ sử*[2] hoặc vào phòng nghiên cứu tìm hiểu lẽ cao siêu của cái văn minh tinh thần làm gì, chỉ cần giở cuốn *Giám lược*[3] trẻ con học vỡ lòng – nếu còn sợ phiền phức thì xem cuốn *Lịch đại kỷ nguyên biên*[4] vậy sẽ biết được rằng nước Trung Hoa, "một nước có từ hơn ba nghìn năm", trải qua bao đời nay, chẳng qua chỉ có mỗi cái trò ấy mà thôi. Nhưng trong những cuốn sách loại "Lịch sử giáo khoa thư" biên soạn gần đây, nhìn lại không thấy được rõ; chỉ nói phảng phất rằng, chúng ta xưa nay sống thoải mái lắm.

Thực tế xưa nay người Trung Quốc chưa hề dành được cái giá trị của "con người", nhiều nhất chẳng qua là được làm "nô lệ", cho đến nay vẫn thế, nhưng thời không bằng một tên nô lệ thì lại ít thấy hơn. Bách tính Trung quốc thì đứng ở giữa, lúc chiến tranh, chính họ cũng không biết họ về phe nào, nhưng lại thuộc bất cứ phe nào. Giặc đến thì họ thuộc về phe quan, tất nhiên bị cướp bóc, giết hại; lính tráng đến, đáng lý ra là người nhà rồi, nhưng vẫn bị cướp bóc, giết hại, hình như là thuộc về phe giặc. Lúc đó, bách tính mong mỏi có được một người chủ nhất định, xem họ là bách tính, không dám,xem họ là trâu ngựa.

Họ tình nguyện tự đi tìm lấy cỏ mà ăn, chỉ xin người chủ đó định cho họ nên đi như thế nào thôi!

---

(1) Trong cuốn *Lịch sử Mông-cổ* có đoạn nói: Thành Cát Tư Hãn ra lệnh hễ giết một người Hồi giáo thì phải phạt bốn mươi lạng vàng, mà giết một người Hán thì bồi thường một số tiền bằng giá một con lừa. Thời đó, người Hán bị xem như nô lệ.

(2) Khâm định nhị thập tứ sử là 24 bộ chính sử đời Kiền long.

(3) Giám lược là sách vỡ lòng từ trước, cũng kể chuyện lịch sử từ thời bàn cổ đến đời Minh.

(4) *Lịch đại kỷ nguyên biên* là một bộ sách lịch sử biên niên do Lý Triệu lạc, người đời Thanh soạn.

Giả thử có người định cho họ được những quy tắc làm nô lệ gì gì đó, tất nhiên thế là "ơn vua mênh mông như trời như bể" rồi. Tiếc rằng thường thường tạm thời không ai định được cả. Lấy những chuyện lớn mà nói, thì như thời Ngũ Hồ[1] thập lục quốc, thời Hoàng Sào[2], thời Ngũ Đại[3], thời cuối Tống, cuối Nguyên, ngoài những lệ thường như phục dịch, nạp lương, họ còn phải chịu những tai ương bất ngờ khác. Tính khí Trương Hiến Trung mới càng cổ quái, không phục dịch, nạp lương, người chống lại giết đã đành, người chịu hàng, cũng cứ giết; phá cái quy tắc làm nô lệ không còn gì nữa. Lúc đó, bách tính mong mỏi có một người chủ khác, đếm xỉa đến qui tắc làm nô lệ của họ hơn một chút, bất cứ là qui tắc cũ hay qui tắc mới, tóm lại có một qui tắc, để cho họ có thể làm nô lệ.

"Mặt trời sao không tắt đi, ta sẽ cùng mày tiêu diệt một thể"[4], giận mà nói đó thôi, chứ chẳng mấy ai quan tâm thực hành. Trong thực tế, sau khi giặc cướp nổi lên như ong, loạn li tới tột độ rồi, thì có một người mạnh hơn, hoặc thông minh hơn, hoặc gian xảo hơn, hay là ngoại tộc, đứng ra thu xếp thiên hạ được trật tự hơn một tí, đặt ra qui tắc: Phục dịch như thế nào, nạp lường như thế nào, cúi lạy ra sao, ca thần tụng thánh ra sao. Và qui tắc đó không phải giống như ngày nay, "sáng ba chiều bốn"[5]. Thế là "vạn dân mừng rỡ", nói theo thành ngữ là" thiên hạ thái bình".

---

(1) Ngũ Hồ thập lục quốc (từ năm 304 đến 409) là thời năm rợ Hồ vào xâm lược miền bắc nước Trung Quốc và chia cắt và kế tiếp nhau thành mười sáu nước.

(2) Hoàng Sào là lãnh tụ cuộc khởi nghĩa nông dân thời vãn đường vào khoảng năm 875. Việc Hoàng Sào diết người nhiều cũng như việc Trương hiếu Trung diết người đều dò các nhà viết sử thời phong kiến phóng đại (Xem chú thích ở bài *lại bàn chuyện tháp lôi-phong đổ*).

(3) Ngũ Đại (907 – 960) có 5 triều vua kế tiếp nhau: Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu.

(4) Câu này lấy trong sách *Kim thư*. Mặt trời chỉ Hạ Kiệt, một kẻ thống trị tàn bạo. Đó là lời nhân dân oán hận Hạ Kiệt mà nói ra, ý nguyền rủa cho hắn chết đi.

(5) Chữ trong sách *Trang tử*. Xưa có người nuôi khỉ đưa quả tượng cho khỉ ăn, sáng ba quả, chiều bốn quả. Bầy khỉ không bằng lòng. Thế là ông ta sáng cho bốn quả, chiều ba quả. Bầy khỉ rất lấy làm mừng. Câu này thường dùng để chỉ những thủ đoạn lừa bịp. Tác giả ở đây muốn ám chỉ những thủ đoạn mà bọn quân phiệt hồi đó đưa ra để lừa phỉnh nhân dân.

Mặc dù các nhà học giả thích hình thức bề ngoài muốn phô trương như thế nào đi nữa, lúc viết sử đặt ra những đề mục hay ho, nào là "thời đại Hán tộc phát tích" "thời đại Hán tộc phát triển" "thời đại Hán tộc Trung hưng" gì gì đi nữa, ý tốt đó đáng cảm phục đó, nhưng cách dùng lời thì quá quanh co. Có một cách nói thẳng thắn, thích đáng hơn như sau:

1. Thời đại muốn làm nô lệ nhưng không được.

2. Thời đại tạm thời được làm nô lệ.

Cái vòng quanh đó, cũng tức là cái mà các bậc "tiên nho" gọi là "nhất trị nhất loạn" (một thời bình trị lại tiếp đến một thời loạn li)(1); những người gây ra loạn li đó, theo con mắt của "thần dân" ngày sau nhìn, thì chính là những người mở đường khai lối cho "vị chủ", cho nên nói: "*Vị thánh thiện tử khu trừ vân nhĩ*"(2).

Bây giờ chúng ta đang ở thời đại nào, tôi cũng không được rõ. Nhưng thấy các nhà quốc học sùng bái quốc tuý, các nhà văn học tán dương văn minh cố hữu, các nhà đạo học say sưa phục cổ, thì đủ biết ai cũng đều bất mãn với hiện trạng cả. Nhưng rút cục, chúng ta đang đi theo con đường nào đây? Bách tính mỗi khi gặp một cuộc chiến tranh không hiểu đầu đuôi ra sao cả, kẻ giầu có một chút liền chạy sang tô giới, đàn bà con trẻ thì trốn vào giáo đường, bởi vì ở những chỗ đó "ổn" hơn, tạm thời không đến nỗi muốn làm nô lệ mà không được. Nói tóm lại, những người phục cổ, những người tị nạn, bất cứ hiền ngu khôn dại, tựa hồ ai ai cũng mơ tưởng tới cái thời bình thịnh thế ba trăm năm về trước, tức là cái thời đại "tạm thời được làm nô lệ".

Nhưng lẽ nào chúng ta cũng như người đời xưa, vĩnh viễn bằng lòng với cái thời đại "vốn có từ xưa" ấy hay sao? Lẽ nào chúng ta cũng như những nhà phục cổ, bất mãn với hiện tại thì mơ ước cái thời thái bình thịnh thế ba trăm năm về trước hay sao?

---

(1) Chữ trong sách *Mạnh tử*.

(2) Chữ trong sách *Hán thư*, ý nói: mở đường để thiên tử đi.

Tất nhiên, cũng bất mãn với hiện tại, nhưng chúng ta không cần phải ngoảnh lại nhìn về phía sau, bởi vì phía trước còn có đường. Và sứ mệnh của thanh niên thời nay chính là sáng tạo ra cái thời đại thứ ba đó chưa hề có trong lịch sử Trung Quốc.

II

Nhưng những người tán dương văn minh cố hữu Trung Quốc ngày càng nhiều, lại có cả người ngoại quốc nữa. Tôi thường nghĩ, ai đến Trung Quốc, giả mà họ chau mày nhăn mặt, tỏ ý ghét Trung quốc, thì tôi thành tâm hiến dâng lòng cảm tạ của tôi, bởi vì người đó nhất định không muốn ăn thịt người Trung Quốc!

Trong bài *Ma lực của Bắc Kinh*, ông Hạc Kiến Hựu Phụ[1] có kể lại rằng, có một người da trắng khi mới đến Trung Quốc, thì dự định ở một năm, nhưng năm năm sau, vẫn còn ở Bắc Kinh, và không muốn về nữa. Một hôm, ông ta với người đó rủ nhau đi ăn cơm tối:

"Ngồi trước một chiếc bàn ăn tròn gỗ đào vân hoa, hai chúng tôi thưởng thức các món ăn sơn hào hải vị, hết đĩa này đến đĩa khác, và nói chuyện từ đồ cổ, hội hoạ cho đến chính trị. Dưới cái chao đèn kiểu Trung Quốc, ngọn đèn điện toả xuống một làn ánh sáng nhàn nhạt khắp gian phòng bày la liệt những đồ cổ. Lúc đó, những chuyện như là giai cấp vô sản, proletariat[2] đều như là những cơn gió thoảng ở tận đâu đâu.

"Tôi vừa say sưa trong cái không khí của cuộc sống kiểu Trung quốc, vừa nghĩ đến cái "ma lực" của nó đối với người ngoại quốc. Người Nguyên đã từng chinh phục Trung Quốc, nhưng rồi lại bị cái đẹp của cuộc sống người Hán chinh phục.

---

(1) Hạc Kiến Hựu Phụ là một nhà bình luận tự do chủ nghĩa của giai cấp tư sản Nhật Bản. Lỗ Tấn có dịch tập tuỳ bút của ông nhan đề là *Tư tưởng, sơn thuỷ, nhân vật*. Bài *Ma lực của Bắc Kinh* cũng ở trong cuốn sách đó.

(2) *Proletariat*, tiếng Anh, nghĩa là giai cấp vô sản.

Người Mãn châu đã từng chinh phục Trung Quốc, nhưng rồi lại bị cái đẹp của cuộc sống người Hán chinh phục. Bây giờ, đến người phương Tây cũng lại thế, đầu miệng tuy nói nào là democracy[1] *gì gì ấy, nhưng lại bị hấp dẫn bởi cái đẹp của cuộc sống mà người Trung Quốc đã mất sáu nghìn năm mới xây dựng lên. Đã sống ở Bắc Kinh là không thể quên được mùi vị của cuộc sống đó. Những lớp cát bụi bay cao ngút trời khi gió nổi lên, những trò chơi đánh nhau của các ông đốc quân ba tháng một lần, đều không thể làm mất cái ma lực của cuộc sống Trung Quốc ấy đi được"*

Những lời ông ta nói đó, bây giờ tôi vẫn không thể phủ nhận được. Các bậc cổ thánh tiên hiền chúng ta đã để lại cho ta những câu cách ngôn khuyên giữ gìn những cái gì xưa cũ, nhưng cũng bày ra cả một cuộc đại yến, có phụ nữ, ngọc ngà, gấm vóc, hiến dâng cho kẻ chinh phục. Người Trung Quốc chịu khổ, người Trung Quốc đẻ nhiều, đó đều là những cái dùng trong tiệc rượu, mà cho đến nay những người ái quốc vẫn thường khoe khoang. Người phương Tây khi mới đến Trung Quốc bị chúng ta gọi là man di; họ không khỏi chau mày nhăn mặt, nhưng bây giờ thời cơ đã đến rồi, ấy là lúc chúng ta đem bữa đại yến đã từng hiến dâng cho người Bắc Nguy, người Kim, người Nguyên, người Thanh, mà hiến dâng họ. Ra khỏi cửa có xe hơi, đi bộ có người bảo vệ, gặp những con đường cấm, nhưng vẫn được tự do đi lại; có khi bị cướp, nhưng nhất định sẽ được bồi thường. Tôn Mỹ Dao[2] bắt họ về đứng trước quân lính, mà họ còn làm cho quân lính không dám bắn, huống nữa là bây giờ họ ngồi trong nhà đẹp hưởng thịnh yến ? Lúc họ hưởng thịnh yến tất nhiên cũng là lúc họ tán dương nền văn minh cổ

(1) *Democracy*, tiếng Anh, nghĩa là dân chủ.

(2) Tôn Mỹ Dao là một tên tướng thổ phỉ ở Sơn Đông đương thời. Năm 1923, hắn chặn xe lửa cướp một vố rất to, có cả người ngoại quốc trong chuyến đó.

hữu của Trung Quốc; nhưng có những nhà ái quốc lạc quan chúng ta lại lấy làm vui mừng hớn hở, cho rằng họ đã bắt đầu bị Trung Quốc đồng hoá rồi. Người đời xưa đã từng lấy phụ nữ làm thành lũy để cầu an, đặt cho cái tên rất đẹp để tự lừa dối mình, gọi là "hoà thân"; người đời nay cũng lại dùng phụ nữ, ngọc ngà, gấm vóc làm lễ vật của người nô lệ, cũng đặt cho một cái tên rất đẹp, gọi là "đồng hoá". Cho nên, nếu có người ngoại quốc nào, đến nay là lúc có tư cách để dự yến tiệc rồi mà còn nguyền rủa hiện tình của Trung Quốc, thì người đó mới quả thật có lương tâm, quả thật đáng cảm phục!

Nhưng chúng ta thì chúng ta đã xếp đặt đâu vào đấy từ lâu, có người sang kẻ hiền, người to kẻ nhỏ, người trên kẻ dưới. Mình bị người nọ dày vò, ngược đãi nhưng cũng lại có thể dày vò, ngược đãi người kia; mình bị người này ăn thịt, nhưng lại có thể ăn thịt người khác. Cứ chế ngự nhau từng bậc từng bậc, không thể nhúc nhích được, mà cũng không nghĩ đến chuyện nhúc nhích nữa. Bởi vì nếu nhúc nhích, thì tuy rằng có thể có lợi, nhưng cũng có hại. Chúng ta hãy xem những ý định tốt đẹp và những phương pháp hay ho của cổ nhân dưới đây:

"Trời có mười mặt trời, người có mười đẳng cấp. Dưới phải thờ trên, trên phải thờ thần. Cho nên công thì thờ vương, đại phu thì thờ công, sỹ thì thờ đại phu, tạo thì thờ sỹ, dư thì thờ tạo, lệ thì thờ dư, liêu thì thờ lệ, bộc thì thờ liêu, đài thì thờ bộc. (Tả truyện, Chiêu công năm thứ bảy[1]).

Nhưng *"đài"* thì chẳng có ai thờ cả, như thế có khổ quá hay không? Không phải lo, còn có vợ anh ta, thấp hèn hơn anh ta, có con anh ta, yếu đuối hơn anh ta đấy. Và con anh ta cũng còn có hy vọng, ngày kia lớn lên, được thăng làm *"đài"*,

(1) Vương, công, đại phu, sĩ, tạo, dư, lệ, liêu, bộc, đài đều là tên các đẳng cấp trong xã hội phong kiến. Bốn đẳng cấp đầu là kẻ thống trị, sáu đẳng cấp sau là kẻ bị nô dịch. *Tả truyện* là một cuốn sách sử của Tả Khâu Minh, đời Xuân thu Chiến quốc.

lại có vợ con nó thấp hèn hơn, yếu đuối hơn, để cho nó sai khiến. Cứ theo vòng quanh như thế, đâu vào đấy cả. Ai dám bàn tán cho là không đúng, thì người đó mắc cái tội gọi là không an phận!

Tuy đó là chuyện đời xưa, năm thứ bảy đời Chiêu công, đến bây giờ cũng đã xa xôi lắm rồi, nhưng các "nhà phục cổ" bất tất phải bi quan. Cảnh tượng thái bình hãy còn đấy: thường xảy ra nạn binh đao, hạn hán, lụt lội, nhưng nào có ai nghe thấy tiếng kêu la gì đâu? Ai đánh nhau thì cứ đánh nhau, ai cách mạng thì cứ cách mạng, nhưng nào có bậc trí thức nào đứng ra phản đối? Đối với quốc dân đồng bào thì áp bức, hoành hành, đối với người ngoại quốc thì mềm như bún, chẳng phải còn là cái di phong về đẳng cấp đó hay sao? Văn minh tinh thần cố hữu của Trung Quốc kỳ thực chưa bị hai chữ "cộng hoà" làm cho mai một đi, chỉ hơi khác trước kia một chút là người Mãn châu đã rút lui rồi.

Do đó, hiện nay trước mắt chúng ta, có thể trông thấy bao nhiêu là yến tiệc khác nhau, xào có, nấu có, vây bóng có, có những bữa cơm thường, có những bữa cơm Tây. Nhưng dưới mái tranh là bữa cơm nhạt, ở góc đường xó chợ là chút canh thừa, ngoài đồng nội lại đang có người chết đói. Những kẻ giầu sang, ăn cao lương mỹ vị, thì đáng giá ngàn vàng mà những em bé đói lả thì mỗi cân bán tám đồng chinh (*xem Hiện đại bình luận, số 22*)(1). Cái gọi là văn minh Trung Quốc kỳ thực chỉ là bữa yến tiệc bày ra cho bọn giàu sang hưởng thụ, mà đất nước Trung Quốc kỳ thực chỉ là cái bếp để nấu bữa tiệc thịt người đó. Không biết mà tán dương, thì cả thế hệ này sẽ bị người đời sau nguyền rủa mãi mãi!

---

(1) *Hiện đại bình luận*, ngày 2-5-1925 có đăng tin sau: "Trẻ con nếu là con trai thì có thể bán mỗi cân tám đồng xu, con gái thì không được giá ấy". Đó là tình trạng đời sống bi thảm của nhân dân Trung Quốc dưới thời quân phiệt thống trị.

Những người ngoại quốc không biết mà tán dương còn tha thứ được; những kẻ ngồi trên cao, ăn sung mặc sướng, do đó bị mê hoặc, mờ mắt linh tính mà tán dương, cũng còn tha thứ được. Nhưng còn có hai hạng người, một là hạng cho rằng người Trung Quốc là giống thấp hèn, trước thế nào thì chỉ nên nguyên thế ấy do đó mà cố ý tán dương những cái cũ rích của Trung Quốc; một nữa là hạng mong mỏi cho người trên thế gian này, mỗi nơi một khác, để cho cuộc du lịch của họ thêm phần thú vị, – đến Trung Quốc là để xem cái đuôi sam, đến Nhật Bản là để xem đôi guốc gỗ, đến Cao li là để xem cái nón tre, đến đâu đâu người ta cũng ăn mặc như nhau cả thì thật là chán ngắt, – do đó mà phản đối Á châu theo con đường Âu hoá; hai hạng người ấy thì thật đáng ghét.

Còn như cái ông Lôxô đến Tây Hồ thấy những người phu khiêng kiệu mỉm cười rồi tán dương người Trung Quốc[1], thì chắc là có ý khác.

Nhưng giá như người khiêng kiệu trước mặt người ngồi kiệu mà không cười, thì Trung Quốc không còn phải là Trung Quốc như hiện nay từ lâu rồi!

Cái văn minh đó không những làm cho người ngoại quốc say mê mà từ lâu cũng đã làm cho tất cả mọi người Trung Quốc say mê và còn đến nỗi mỉm cười nữa. Bởi vì những sự

---

(1) Lôxô là một người triết học người Anh năm 1920 có sang Trung Quốc dạy học và có đi du lịch nhiều nơi trên đất Trung Quốc. Trong cuốn *Vấn đề Trung Quốc*, có đoạn ông ta kể như sau: "Tôi nhớ có một hôm về mùa hạ, trời nắng lắm, chúng tôi mấy người ngồi kiệu qua núi. Đường gập ghềnh khó đi, những người khiêng kiệu hết sức vất vả. Lên đến đỉnh núi, chúng tôi dừng lại mười phút để cho họ nghỉ ngơi một lúc. Họ liền ngồi xuống từngg hàng, rút dọc tẩu ra, nói nói cười cười như không có điều gì ưu tư cả".

(Ông này trước kia từng hô hào chống cộng sản, chống Liên Xô, nhưng gần đây chịu ảnh hưởng to lớn của phong trào hoà bình thế giới, nên có lần tuyên bố chống chiến tranh nguyên tử, yêu cầu loại trừ chiến tranh, tán thành Trung Quốc tham gia Liên hiệp quốc).

phân biệt cũ đời xưa truyền lại đến nay vẫn còn làm cho con người cứ cách xa nhau, đến nỗi người này không thể hiểu được nỗi khổ đau của người nọ. Bởi vì ai ai cũng có thể có hy vọng sai khiến người khác, ăn thịt người khác, cho nên quên rằng tương lai mình cũng có thể bị người khác sai khiến, bị người khác ăn thịt. Thế là bao nhiêu yến tiệc lớn bé, dọn bằng thịt người, đã được bày biện ra từ khi có văn minh cho mãi đến bây giờ. Và trong cái hội trường đó, người này ăn thịt người kia, lại bị người kia ăn thịt, tiếng reo vui ngu xuẩn của kẻ hung ác che lấp tiếng van la bi thảm của người hèn yếu. Phụ nữ và trẻ em thì càng không phải nói nữa.

Bữa yến tiệc thịt người ấy đến nay vẫn còn bầy biện ra đấy, có nhiều người vẫn muốn cứ bầy biện ra như thế mãi. Quét sạch những đứa ăn thịt người ấy đi, hất đổ cái mâm tiệc ấy đi, đốt phá cái nhà bếp ấy đi, đó là sứ mệnh của thanh niên ngày nay.

Ngày 29 tháng 4 năm 1925

TRƯƠNG CHÍNH dịch

(Tạp văn I, II, III, NXB

2. QUÁCH MẠT NHƯỢC
(1892 - 1978)

Nhà học giả, nhà thơ, nhà soạn kịch, nhà hoạt động văn học Trung Quốc, sinh ở Tứ Xuyên trong một gia đình quí tộc.

Ông thực sự nổi tiếng trên văn đàn từ sau phong trào Ngũ Tứ. Tập thơ **Nữ thần** *(1921) được coi là tác phẩm thơ mới theo phương pháp lãng mạn của văn học hiện đại Trung Quốc. Ông còn là người đi đầu trong việc sáng tác kịch nói Trung Quốc theo đề tài lịch sử. Vở kịch* **Khuất Nguyên** *(1942) là thành tựu xuất sắc của ông.*

Sau đây giới thiệu hai bài thơ dài trong tập **Nữ thần** *của ông.*

NỮ THẦN

BÀI THƠ TỰA

Tôi là người vô sản:
Bởi vì tôi, ngoài cái tôi đỏ hỏn,
Của cải riêng tây chẳng có gì.
Có chăng "Nữ thần" đây do tôi sinh sản,
Gọi được là tư hữu của tôi.
Nhưng tôi muốn thành một người cộng sản
Nên tôi đem nàng ra công khai.

"Nữ thần" ơi!

Nàng hãy đi, tìm những người số rung động như ta, Nàng hãy đi, tìm những người điểm thiêu đốt bằng ta, Nàng hãy đi, vào trái tim những anh chị em ta đáng yêu, tuổi trẻ,

Rung lên trong họ phím tơ lòng,
Và thắp lên ánh hồng trí tuệ!

Viết ngày 26/5/1921

KIẾP TÁI SINH CỦA NỮ THẦN

Thảy những gì khác thường
Đều chỉ là hư ảnh;

Việc không thể vươn đến,
Nơi đây đã hoàn thành;
Vật không thể gọi tên,
Nơi đây đã thực có;
Nữ tính vĩnh hằng đó
Dẫn đường chúng ta đi[1]

GỚT

Màn giáo đầu: *Nơi núi Bất Chu đứt khúc. Vách đá sừng sững, hai bên trái phải dựng đứng, vút như hai bờ Vu Giáp, hình thành cửa khuyết thiên nhiên. Sau cửa khuyết hiện ra mặt biển, bát ngát không bờ, nối liền với trời xanh. Trước cửa khuyết là đất bằng, trên đó cỏ biếc mơn mởn, có nhiều quả rụng. Trên vách đá hai bên cửa khuyết có vô số hang động. Trong mỗi hang có một pho nữ tượng loã thể, trong tay đều cầm nhạc khí, đang hòa tấu.*

Trên núi cây lạ xanh um, lá như lá táo, sắc hoa vàng óng, dài như mã não, hoa to như mộc liên, quả lớn như quả đào. Đỉnh núi mây trắng chập chùng, lẫn với sắc trời.

Thời đại thượng cổ. Một ngày u ám, Cung công và Chuyên Húc tranh giành ngôi vua.

Sau khi mở màn, im lặng mấy phút, xa xa có tiếng ồn ào nổi lên.

Các nữ thần đều đặt nhạc khí, từ từ trên khám đi xuống, từ từ chiêm vọng bốn phương

NỮ THẦN I

Từ khi luyện đá màu ngũ sắc
Từng vá trọn lỗ trời,
Một nửa tối đen đã đuổi rồi

(1) Đây là đoạn kết của vở kịch thơ *Faust* của Gớt (N. D)

Khỏi ngoài thiên cầu đó;
Trong thế giới này đẹp đẽ
Đã tấu lên khúc nhạc không tiếng, ung dung.
Không biết trăng đã mấy phen tròn,
Chiều xuống, sóng âm thanh sinh mệnh này lan tới.

NỮ THẦN II

Nhưng, ngày nay âm điệu của chúng ta
Bởi cớ sao mãi chưa thể hài hòa?
E rằng trong vũ trụ,
Tai hoạ gì lại xảy ra!
Hãy nghe kia! Những tiếng động ầm ầm
Mỗi lúc càng to, mỗi lúc một gần!
Ấy tiếng sóng biển khơi? hay tiếng gió?
Hay là tiếng tội ác đang cùng xướng hoạ?

NỮ THẦN III

Há chẳng có bọn vũ phu man bá
Vừa đi qua dưới núi Bất Chu này?
Rằng phải đi tranh giành ngôi nguyên thủ...
Ô, phá phách thật ghê thay!
Chị em ơi, ta phải làm gì đây?
Thiên cầu ngũ sắc của chúng ta trông chừng rung vỡ!
Gã Mặt trời mệt rồi, giữa từng không, đang ngủ
Nhả không ra làn ánh sáng rực tươi.

NỮ THẦN I

Ta phải đi sáng tạo ra ánh sáng mới
Không thể làm vị thần trong khám thờ này mãi.

NỮ THẦN II

Em phải đi sáng tạo ra làn nhiệt mới,

Để kết cùng ánh sáng mới chị làm ra

NỮ THẦN III

Chị em ơi, rượu bồ đào mới ủ.

Không thể đựng trong túi da đã cũ.

Để thu chứa làn nhiệt mới, ánh sáng mới, chị em ơi

Em phải đi sáng tạo một vầng dương mới thắm tươi!

TẤT CẢ NỮ THẦN KHÁC

Chúng ta phải đi sáng tạo một vầng dương mới thắm tươi,

Không thể làm vị thần trong khám thờ này nữa!

Tất cả biến mất vào sau cửa khuyết. Tiếng tranh giành ngôi đế vương từ sau núi vọng lại

CHUYÊN HÚC

Ta vốn là kẻ vâng mệnh thờ Trời,

Trời đặc mệnh ta trị vì thiên hạ,

Cung Công, chớ để cho Tử Thần trị tội lũ ngươi,

Mau nhường ta giữ ngôi nguyên thủ!

CUNG CÔNG

Ta không biết lời huênh hoang trên trời dưới đất,

Ta nghe theo lòng ta, ta muốn làm vua,

Nếu như có Thần Chết thì ta là Thần Chết,

Chuyên Húc kia, ngươi có muốn giữ cái thân già?

CHUYÊN HÚC

Người xưa nói: Trời không hai vầng nhật, dân không hai Đức Vua.

Ngươi cớ sao quyết cùng ta chống chọi?

CUNG CÔNG

Người xưa nói: Trời không hai vầng nhật, dân không hai Đức Vua

Sao ngươi quyết cùng ta tranh chấp mãi?

CHUYÊN HÚC

Ha, ngươi chỉ là tiếng vang vọng lại.

CUNG CÔNG

Ta chỉ cần thỏa ước mơ xưng đế, xưng vương.

CHUYÊN HÚC

Ngươi cớ sao quyết khăng khăng xưng đế xưng vương?

CUNG CÔNG

Ngươi hãy hỏi vầng dương kia sao lại sáng?

CHUYÊN HÚC

Vậy, ngươi hãy cùng ta một phen so dài ngắn!

CUNG CÔNG

Nào, ngươi hãy cùng ta so một trận ngắn dài!

TIẾNG HÒ LA CỦA ĐÁM ĐÔNG

Đánh! Đánh! Đánh!

Tiếng hò reo sát phạt, tiếng vũ khí loảng xoảng, tiếng máu phun, tiếng ngã, tiếng bước chân lộn xộn.

MỘT LÃO NÔNG – *vác cày đi qua sân khấu*

Máu tim ta nay đều khô cạn,
Trong ruộng lúa lại thấy người tuyên chiến.
Nước sông Hoàng đến lúc nào trong?
Sinh mạng người đến lúc nào xong?

MỘT MỤC ĐỒNG – *dắt đàn dê đi qua*

A, ta chẳng nên nuôi hai con chó dữ
Chỉ tranh nhau ăn bánh mạn thầu,
Hết mạn thầu lại ăn dê nữa,
Ta đành dắt dê chạy trốn mau.

ĐÁM NGƯỜI RỪNG – *cầm vũ khí từ phía đối diện đi qua*

Lúc được vui hãy vui cho thỏa,
Ta hãy ra tham chiến sau kia.
Mảy lông theo gió rơi đi,
Hai đằng kiếm chác, dễ bề cả hai!

Nghe sau núi tiếng hô "Chuyên Húc vạn tuế! Hoàng đế vạn tuế!" tiếng bước chân thình thịch, tiếng truy hô: "Bó nghịch tặc! Chúng bay chạy đâu cho thoát? Sắp đến lúc trời tru diệt!"

CUNG CÔNG – *dẫn đồ đảng từ cửa khuyết chạy ra, tóc cắt ngắn, thân mình chạm vẽ lấy lá chuối che nửa dưới thân khắp người đầy vết thương, dao đồng và khí giới bằng đá cầm trong tay cũng đều dầm dìa máu me.*

Chao ôi, đáng hờn, ôi, đáng giận!

Giận cho ta một phen thua quỵ hẳn?
Giận không cắt được đầu tên bợm già
Để đem về làm cái bát uống trà!
Liếm máu trên vũ khí, vẻ phẫn nộ khác thường
Nơi đây là núi Bất Chu, trụ trời phương Bắc,
Mệnh căn ta như núi này, ngừng dứt.
Đồ đảng ta ơi! Ngôi nguyên thủ, ta dầu chẳng làm nên,
Với thằng bợm già kia ta quyết chẳng chịu yên!
Các ngươi thường dựa vào ta mà sống,
Nay ta muốn các ngươi cho ta vay tính mạng!
Các đồ đảng nhặt quả rụng trên núi mà ăn.

CUNG CÔNG

A, a, Thần Đói Mệt trong bụng ta gào thét!
Quả lạ trên núi Bất Chu này, nghe đồn ăn vào không mệt,
Còn lát nữa vũ trụ sẽ tan nát hoàn toàn,
Các ngươi chớ ngại gì hãy nhét cho túi da căng.
Tiếng hô đuổi càng gấp.
Tiếng hô của kẻ địch như sóng hờn biển cả
Dồn chiếc thuyền ta sớm ngập chìm mau!
Các đồ đảng ơi, mau cho ta mượn đầu lâu!
Trụ trời phương Bắc này mau ghè cho kỳ vỡ!
Kỳ vỡ!
Đám đông đập đầu vào vách đá chân núi, sấm vang chớp giật bốn bề. Lát sau, một tiếng sét lớn, thân núi nứt ra, vòm trời lệch đổ, vật chất như khói đen khắp chốn tuôn phun, đồ đảng của Cung Công ngã chết dưới chân núi.

CHUYÊN HÚC – *mình trần tóc rối, dáng như con vượn, dẫn đồ đảng cầm vũ khí giống nhau, ra.*

Bớ nghịch tặc! Chúng bay chạy đâu cho thoát?

Trời tru... Chao ôi! chao ôi! Sao thế này?

Trời ầm ầm bão tố, đất chuyển rung, núi sập,

A..a..a..a..! Hỗn độn! Hỗn độn! Thế nào đây?

Sấm chớp mỗi lúc một dữ. Trong ánh chớp, nhìn rõ thi hài Cung Công, Chuyên Húc cùng đồ đảng la liệt trên mặt đất. Một lúc sấm chớp nhẹ dần, cuối cùng ngừng hẳn. Cả sân khấu chìm trong bóng tối. Im lặng năm phút. Tiếng bơi trong nước từ xa tới gần.

Trong bóng tối tiếng của nữ tính :

- Sấm sét đã ngừng!
- Lửa chớp đã tắt!
- Chiến tranh giữa sáng trắng và tối đen đã dứt!
- Còn gã Mặt trời mệt nhoài?
- Đã bị dồn ra khỏi cõi trời!
- Thiên thể cuối cùng đã rách?
- Bóng tối bị đuổi khỏi trời kia chẳng đã trốn về cả đó ư?
- Thiên thể rách, biết sao đây?
- Lại luyện đá ngũ sắc vá vào thôi chứ?
- Đá ngũ sắc từ nay không nhiệm mầu gì nữa!

Mặc nó rách, chẳng cần vá làm chi!

Chờ vầng dương mới do chúng ta chế tạo,

Sắp chiếu khắp thế giới trong, ngoài cõi trời!

Giới hạn của Thiên cầu không ăn thua gì nữa!

- Vầng dương mới, có sợ lại mệt nhoài?
- Chúng ta phải thường xuyên sáng tạo ánh sáng mới, làn nhiệt mới cho vầng dương!
- Ồ, khắp dưới chân ta là những nắm xương tàn nam tính!
- Những thứ này, xử trí sao đây?

- Khiêng đặt vào khám hang làm thần tượng!
- Phải đấy, cho chúng cũng tấu lên khúc nhạc không tiếng!
- Vầng dương mới, chị ơi, sao còn chưa xuất hiện?
- Nàng nồng nhiệt quá, sợ tự mình bùng nổ;
Đang tắm mình trong nước biển ngoài khơi!
- Ồ, chúng mình đã cảm thấy làn hơi ấm mới rồi!
- Tim chúng ta, như những con cá vàng tươi đỏ,
Tung tăng trong lọ thủy tinh!
- Ôi chúng ta muốn ghì ôm tất cả!
- Nào ca lên đón chào Vầng nhật mới sinh!

HỢP XƯỚNG:

Dấu Vầng dương còn ở phương xa. Dấu Vầng dương còn ở phương xa,
Trong nước biển đã nghe vang chuông sớm:
Binh - boong, binh - boong, binh - boong.
Muôn chiếc tên vàng bắn sói trời
Sói trời đã ngấm ngầm bi ai,
Trương nước biển đã nghe vang chuông đánh:
Binh - boong, binh - boong, binh - boong.
Chúng ta cạn chén chào mừng,
Chúc Vầng Dương mới thọ vô cương,
Trong nước biển đã nghe vang chuông rượu:
Binh - boong, binh - boong, binh - boong.

Lúc này sân khấu đột nhiên bừng sáng, chỉ thấy một tấm màn trắng. Giám đốc sân khấu bước lên.

GIÁM ĐỐC SÂN KHẤU - *vái chào thính giả*

- Các vị: có lẽ các vị ngồi mãi trong thế giới tối tăm khói đen chướng khí, đã mệt rồi! E các vị đang khát mong ánh

sáng! Nhà thơ viết màn kịch thơ này đến đây ngừng bút. Nhà thơ thực sự đã trốn ra ngoài biển, đi tạo ra ánh sáng mới, sức nóng mới. Các vị, các vị mong chờ Vẫng Dương – mới xuất hiện ư? Xin hãy tự mình đi sáng tạo! Hẹn gặp lại lúc Vẫng dương mới xuất hiện!

(Ghi thêm) *Vở kịch này lấy tài liệu trong các đoạn văn dưới đây:*

Trời đất cũng là vật vậy, vật có chỗ không đủ, nên Nữ oa xưa luyện đá ngũ sắc để vá chỗ thiếu, cắt chân con chạnh để dựng bốn cực. Sau đó Cung Công và Chuyên Húc tranh đế, giận húc vào núi Bất Chu. Bẻ gẫy thiên trụ, dứt đứt địa duy. Trời nghiêng về phía tây bắc, nhật nguyệt tinh tú tựu về phía đó, đất không có đủ ở phía đông nam, nên trăm dòng sông đều tuôn về phía đó ("Liệt tử": "Thiên Thang vấn"). Nữ Oa là một nữ thần thuở xưa, là đấng tạo ra vạn vật. Đầu tiên chế ra các nhạc cụ khí sinh và hoàng ("Thuyết văn").

Núi Bất Chu, ngó lên phương bắc và các núi gần kề, giáp núi Nhạc – sùng, ngó về phương đông có Âu Trạch (còn có tên là biển Bồ Xương), nước sông tràn ngập; nguồn nó đục lờ. Bởi thế có thứ quả ngon giống như quả đào, lá như lá táo, hoa vàng mà nhị đỏ, ăn vào không mệt ("Sơn Hải kinh": "Tây thứ tam kinh").

PHƯỢNG HOÀNG NIẾT BÀN*

Nước Thiên Phương xưa có chim thần tên gọi là "Phênic" (Phoenex), sau khi đầy năm trăm tuổi, nhặt gỗ thơm tự thiêu, rồi lại tái sinh từ trong tro, tươi đẹp lạ thường, không bao giờ chết nữa.

Chim này ở Trung Quốc gọi là Phượng hoàng: con trống là Phượng, con mái là Hoàng. Thiên Khổng diễn đồ nói rằng: "Phượng hoàng cầm tinh lửa, sinh ở Đan Huyệt". Thiên "Quảng nhã" nói rằng: "Phượng hoàng ... con trống hót: chít chít, con mái hót: chút chút"

MỞ ĐẦU

Cuối năm gần tối ba mươi
Bay đi bay lại một đôi phượng hoàng,
Bay đi, hát tiếng buồn thương.
Ngậm từng cành gỗ trầm hương bay về,
Trên non Đan Huyệt bay về.

Núi Đan Huyệt,
Bên phải, cây ngô đồng chết khô,
Bên trái, suối rượu thơm cạn hết,
Phía trước là biển khơi mờ mịt,
Phía sau là đồng rộng âm u,
Phía trên là trời băng gió thét.

Trời hoàng hôn xạm mờ
Gỗ thơm chồng cao ngất,

* Niết bàn: dịch từ tiếng Phạn Nirvânia, tiếng nhà Phật chỉ cõi chết (N.D).

Phượng bay đã mệt phờ,
Hoàng bay đã mệt phờ,
Phượng Hoàng đã gần giờ chết.

Phượng mổ gỗ thơm,
Từng chấm lửa sao tung toé,
Hoàng quạt lửa sao,
Từng làn khói thơm toả nhẹ.

Phượng lại mổ
Hoàng lại quạt,
Trên núi khói thơm toả ngát,
Trên núi ánh lửa lan đầy.

Màu đêm đã dày,
Gỗ thơm đã bén,
Phượng mổ đã mệt phờ,
Hoàng quạt đã mệt phờ,
Phượng Hoàng đã gần giờ chết!

Ôi!
Phượng Hoàng xót xa!
Thấp cao cánh Phượng múa,
Bi tráng tiếng Hoàng ca.
Phượng lại múa,
Hoàng lại ca,
Một đàn chim phàm tục,
Tự phương trời bay tới đưa ma.

PHƯỢNG – *hát*

Chít chít! chít chít! chít chít!
Chít chít! chít chít! chít chít!

Vũ trụ mênh mang, lạnh lùng như sắt!
Vũ trụ mêng mang, tối đen như mực
Vũ trụ mênh mang, tanh nồng như huyết!

Vũ trụ, vũ trụ ơi,
Ngươi vì sao tồn tại?
Ngươi tới từ nơi nào?
Ngươi ngồi giữa nơi nao?
Ngươi là một quả cầu hữu hạn
Hay ngươi là một khối vô cùng?
Nếu là một quả cầu hữu hạn,
Thì khoảng không
Ôm trọn ngươi kia, tới từ đâu?
Bên ngoài ngươi còn có gì tồn tại?

Nếu ngươi là một khối vô cùng,
Thì khoảng không
Ngươi đang ôm đấy, tới từ đâu?
Trong ngươi, sự sống có sao tồn tại?
Ngươi là một nguồn sống thường xuyên
Hay ngươi là một chiếc máy không hồn?

Ngẩng đầu ta hỏi trời,
Trời cao thẳm, không mảy may hiểu biết.
Cúi đầu ta hỏi đất,
Đất chết cứng, không một hơi hô hấp.
Vươn đầu ta hỏi biển,
Biển đang cất tiếng căm hờn.

Ôi!
Sống trong cái thế giới ô uế này,
Dẫu gươm báu kim cương rồi cũng gỉ!

Vũ trụ, vũ trụ ơi!
Ta phải hết sức nguyền rủa ngươi:
Ngươi, lò mổ nồng tanh máu, mủ!
Ngươi, nhà giam chất chứa thương đau!
Ngươi, phần mộ, nơi quỷ sứ thét gào,
Ngươi, địa ngục, nơi hồn ma hỗn loạn!
Ta hỏi ngươi có sao tồn tại?
Chúng ta bay về phương tây,
Phương tây cũng là lò mổ.
Chúng ta bay tới phương đông,
Phương đông cũng là trại giam.
Chúng ta bay xuống phương nam,
Phương nam cũng là phần mộ.
Chúng ta bay lên phương bắc,
Phương bắc cũng là địa ngục.
Chúng ta sống trong cái thế giới này,
Đành bắt chước biển khơi than khóc.

HOÀNG – *hát*

Chút chút! chút chút! chút chút!
Chút chút! chút chút! chút chút!
Năm trăm năm nay lệ tuôn như dòng thác,
Năm trăm năm nay lệ trào như nến sáp.
Suối lệ chảy khôn vơi,
Nhớp nhơ khôn gột sạch,
Lửa tình khôn dập tắt,
Hổ thẹn rửa khôn trôi,
Kiếp phù sinh chúng ta phiêu dạt,
Biết rồi về yên nghỉ nơi đâu?

Ôi!
Kiếp phù sinh chúng ta phiêu dạt

Như giữa vời chiếc bách bơ vơ.
Bên trái bát ngát,
Bên phải mịt mờ,
Phía trước không đèn biển,
Phía sau không bến bờ.
Cánh buồm xác xơ,
Cột buồm gãy gục,
Chèo đã trôi xa,
Lái đã thối mục,
Thủy thủ phạc phờ trong thuyền rên khóc,
Sóng giận hờn giữa biển vẫn trào sôi.

Ôi!
Kiếp phù sinh chúng ta phiêu dạt,
Như mơ say trong giấc giữa đêm dày.
Trước cũng là ngủ say,
Sau cũng là ngủ say,
Khi đến như gió bay,
Khi đi như hơi lướt,
Đến như gió,
Đi như hơi,
Ngủ đằng sau,
Ngủ đằng trước,
Chúng ta chỉ là gió, là hơi chốc lát
Trong giấc ngủ này.

Ôi!
Có nghĩa lý gì?
Có nghĩa lý gì?
Si! Si! Si!

Chỉ còn những Bi ai, Phiền não, Cô tịch, Suy đồi
Lượn vòng quanh cái xác sống của chúng ta,
Thấm sâu vào cái xác sống của chúng ta.

Ôi!
Đâu rồi tuổi trẻ ta tươi mát?
Đâu rồi tuổi trẻ ta dịu ngọt?
Đâu rồi tuổi trẻ ta sáng ngời?
Đâu rồi tuổi trẻ ta yên vui?
Qua rồi! Qua rồi! Qua rồi!
Tất cả đã qua rồi,
Tất cả phải qua thôi!
Chúng ta cũng qua thôi!
Các người cũng qua thôi,
Hỡi Bi ai! Phiền não! Cô tịch! Suy đồi!

PHƯỢNG và HOÀNG – *cùng hát*

Ôi!
Ánh lửa lên rừng rực,
Hơi thơm lan phưng phức.
Đã đến rồi, thời gian,
Đã đến rồi, giờ chết.
Thảy những gì ngoài thân!
Thảy những gì trong thân!
Tất thảy của tất thảy!
Xin mời! xin mời!

BẦY CHIM *hát*

DIỀU HÂU

Ha ha! Phượng Hoàng! Phượng Hoàng!
Linh trưởng loài chim, các ngươi không xứng đáng!

Các ngươi chết rồi chăng? Các ngươi chết rồi chăng?
Từ nay ta bá chủ từng không!

CHIM CÔNG

Ha ha! Phượng Hoàng! Phượng Hoàng!
Linh trưởng loài chim, các ngươi không xứng đáng!
Các ngươi chết rồi chăng? Các ngươi chết rồi chăng?
Từ nay lông cánh ta uy nghi chói rạng.

CÚ MÈO

Ha ha! Phượng Hoàng! Phượng Hoàng!
Linh trưởng loài chim, các ngươi không xứng đáng!
Các ngươi chết rồi chăng? Các ngươi chết rồi chăng?
A! thịt chuột thơm thơm nơi nào nghe thoảng

BỒ CÂU

Ha ha! Phượng Hoàng! Phượng Hoàng!
Linh trưởng loài chim, các ngươi không xứng đáng!
Các ngươi chết rồi chăng? Các ngươi chết rồi chăng?
Từ nay bọn dân ta yên lành vui sướng!

VẸT

Ha ha! Phượng Hoàng! Phượng Hoàng!
Linh trưởng loài chim, các ngươi không xứng đáng!
Các ngươi chết rồi chăng? Các ngươi chết rồi chăng?
Từ nay, hãy nghe ta, nhà biện luận!

SẾU TRẮNG

Ha ha! Phượng Hoàng! Phượng Hoàng!
Linh trưởng loài chim, các ngươi không xứng đáng!
Các ngươi chết rồi chăng? Các ngươi chết rồi chăng?

Từ nay chúng ta phái cao đạo[1] thênh thang!

PHƯỢNG và HOÀNG – *sống lại cùng hát*

GÀ-*gáy*

Triều sớm đã dâng,
Triều sớm đã dâng,
Ánh sáng chết đi nay sống lại.
Triều xuân đã dâng,
Triều xuân đã dâng,
Vũ trụ chết đi nay sống lại.
Triều sống đã dâng,
Triều sống đã dâng,
Phượng Hoàng chết đi nay sống lại.

PHƯỢNG *và* HOÀNG – *cùng hát*

Chúng ta sống lại rồi!
Chúng ta sống lại rồi!
Một của tất thảy, sống lại rồi.
Tất thảy của một, sống lại rồi.
Chúng ta chính là nó, chúng nó chính là ta.
Trong em cũng có anh, trong anh cũng có em.
Em chính là anh,
Anh chính là em.
Lửa chính là Hoàng,
Phượng chính là Lửa.
Bay múa! Bay múa!
Ca vang! Ca vang!

---

(1) Cao đạo: bước chân cao. Tác giả mượn hình ảnh con sếu này để công kích chủ trương siêu giai cấp giả dối của bọn "cao đạo" trong văn học đương thời (N. D).

Chúng ta mới mẻ, chúng ta trong ngần,
Chúng ta lộng lẫy, chúng ta ngát thơm,
Một của tất thảy, ngát thơm,
Tất thảy của một, ngát thơm.
Ngát thơm chính là em, ngát thơm chính là anh.
Ngát thơm chính là nó, ngát thơm chính là Lửa.
Lửa chính là em,
Lửa chính là anh,
Lửa chính là nó,
Lửa chính là Lửa.
Bay múa! Bay múa!
Ca vang! Ca vang!

Chúng ta nhiệt thành, chúng ta tha thiết,
Chúng ta hoan hỷ, chúng ta hòa hài.
Một của tất thảy, hòa hài,
Tất thảy của một, hòa hài.
Hoà hài chính là em, hòa hài chính là anh.
Hoà hài chính là nó, hòa hài chính là Lửa.
Lửa chính là em,
Lửa chính là anh,
Lửa chính là nó,
Lửa chính là Lửa.
Bay múa! Bay múa!
Ca vang! Ca vang!

Chúng ta sinh động, chúng ta tự do,
Chúng ta hùng hồn, chúng ta vĩnh cửu.
Một của tất thảy, vĩnh cửu,
Tất thảy của một, vĩnh cửu.

Vĩnh cửu chính là em, vĩnh cửu chính là anh.
Vĩnh cửu chính là nó, vĩnh cửu chính là Lửa.
Lửa chính là em,
Lửa chính là anh,
Lửa chính là nó,
Lửa chính là Lửa.
Bay múa! Bay múa!
Ca vang! Ca vang!

Chúng ta ca vang, chúng ta bay múa,
Chúng ta bay múa, chúng ta ca vang.
Một của tất thảy, đang mãi ca vang,
Tất thảy của một, đang mãi ca vang.
Chính em đang ca vang? Chính anh đang ca vang?
Chính nó đang ca vang? Chính Lửa đang ca vang?
Ca vang đang ca vang!
Ca vang đang ca vang!
Chỉ có ca vang!
Chỉ có ca vang!
Ca vang!
Ca vang!
Ca vang!

Viết lần đầu ngày 20/01/1920
Sửa lại ngày 3/1/1928

PHAN VĂN CÁC VÀ NAM TRÂN *dịch*
(Thơ Quách Mạt Nhược,
Nhà xuất bản Văn học, H, 1964).

3. TÀO NGU
(1910 - 1996)

Tên thật Vạn Gia Bảo, quê tỉnh Hồ Bắc (Trung Quốc), xuất thân trong một gia đình quan lại đã bị phá sản. Tốt nghiệp đại học, từng dạy học ở các trường đại học trong nước và ở Mỹ. Tào Ngu bước vào sự nghiệp văn học lúc 23 tuổi với vở kịch Lôi vũ, cũng là lúc ông kết thúc cuộc đời sinh viên của ông. Từ đó ông trở thành nhà viết kịch nói hiện đại Trung Quốc nổi tiếng.

Tác phẩm gồm có Lôi Vũ, Nhật Xuất, Nguyên dã, Thoát biến, Người Bắc Kinh, Cầu, Bầu trời trong sáng, Nghênh xuân v.v...

Sau đây tóm tắt cốt truyện và trích đoạn trong hai vở kịch nổi tiếng Lôi Vũ và Nhật Xuất của ông.

CỐT TRUYỆN KỊCH "LÔI VŨ"

Câu chuyện xảy ra trong gia đình Chu Phác Viên. Ba mươi năm về trước, là cậu ấm một gia đình quyền quý, y dan díu với người ở gái xinh đẹp Thị Bình, đẻ ra Chu Bình. Khi Thị Bình sắp sinh đứa con thứ hai, gia đình Phác Viên đuổi cô ta để cưới cho y người vợ "môn đăng hộ đối" hơn. Đó là nàng

Phồn Y trẻ đẹp, tuổi suýt soát cậu cả Chu Bình. Sống với người chồng lớn tuổi, quen thói chuyên quyền, Phồn Y ngày một héo hon tàn tạ. Trong hoàn cảnh đó, nàng đã có quan hệ bất chính với Chu Bình. Còn Thị Bình, sau khi bị đuổi khỏi nhà Phác Viên đã nhảy xuống sông tự tử, nhưng rồi được cứu vớt. Bà lên mỏ đi làm, nuôi con (sau này là Lỗ Đại Hải) và lấy người chồng mới là Lỗ Quý đẻ ra Lỗ Thị Phượng. Vì sinh kế Lỗ Quý và Thị Phượng vào làm đầy tớ trong gia đình Phác Viên mà không hay biết gì về quan hệ trước kia. Ở đây Thị Phượng yêu cậu cả Chu Bình, còn Chu Bình thì định lấy cô ta để cắt đứt mối quan hệ khó xử với Phồn Y. Chu Xung em Chu Bình, con của Phác Viên với Phồn Y cũng tha thiết yêu Thị Phượng. Lỗ Đại Hải về sau trở thành người lãnh đạo công nhân đấu tranh với chủ mỏ Phác Viên mà không hề biết đó chính là bố mình. Vì ghen, Phồn Y nhắn Thị Bình về đem thị Phượng đi. Đến nơi, Thị Bình mới phát hiện con gái mình đang đi lại quãng đường bi thảm của mình ba mươi năm về trước. Bà buộc con gái phải thề "không đi lại với người nhà họ Chu nữa". Nhưng đã muộn. Bà phải chứng kiến sự việc ngoài sức tưởng tượng, hai đứa con bà yêu nhau mà không biết là anh em! Sự việc vỡ lở, Thị Phượng nhảy vào dây điện tự tử. Chu Xung cứu Phượng cũng chết nốt, Chu Bình rút súng tự sát. Trong không khí chết chóc của gia đình Chu Phác Viên chỉ có một người duy nhất còn sức sống là Lỗ Đại Hải đang gắn mình với cuộc đấu tranh của công nhân mỏ.

NHÂN VẬT

- Chu Phác Viên, 55 tuổi, chủ mỏ
- Phồn Y, 35 tuổi, vợ kế Phác Viên
- Chu Bình, 28 tuổi, con vợ trước của Phác Viên

- Chu Xung, 17 tuổi, con của Phồn Y
- Lỗ Quý, 48 tuổi, đầy tớ nhà Phác Viên
- Thị Bình, 47 tuổi, vợ Lỗ Quý, làm công trong một trường nữ học
- Lỗ Đại Hải, 27 tuổi, con chồng trước của Thị Bình, thợ mỏ
- Lỗ Thị Phượng, 18 tuổi, con Lỗ Quý và Thị Bình, làm công ở nhà Chu Phác Viên
- và mấy người đầy tớ già và trẻ của nhà họ Chu

THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

Màn I – Quang cảnh một buổi sáng ngày hè nóng nực, oi ả, trong phòng khách nhà Chu Phác Viên.

Màn II – Cũng một cảnh với màn I, và cùng một ngày ấy, về buổi quá trưa.

Màn III – Một gian phòng nhỏ nhà Lỗ Quý. Cũng ngày hôm ấy, hồi 10 giờ đêm.

Màn IV – Giở lại cảnh phòng khách nhà Chu Phác Viên trong màn I và II – Khoảng 2 giờ sáng ngày hôm sau.

MÀN THỨ TƯ

DÀN CẢNH – *Buồng tiếp khách nhà Chu Phác Viên lúc 2 giờ sáng. Màn mở, Chu Phác Viên một mình ngồi nơi chiếc sô pha đọc báo, dưới ánh sáng ngọn đèn bàn giấy có chao đèn phủ trên. Trong phòng bốn bề tối sầm sầm. Bên ngoài phòng tiếng mưa nghe lách tách. Màn cửa sổ bỏ xuống, cửa giữa khép. Nhìn qua cửa kính cảnh vườn hoa chìm lỉm trong đêm tối. Thỉnh thoảng một luồng chớp nhoáng, dưới ánh sáng xanh xẫm, người ta thấy cột đèn điện và mấy gốc cây. Luồng chớp qua,*

đêm lại càng tối.

PHÁC VIÊN – *(buông tờ báo xuống, ngáp dài, uốn lưng có vẻ mỏi mệt). Chúng mày đâu? (bỏ kính, dụi mắt, gọi to hơn nữa)* Chúng mày *(đứng dậy đi về phía buồng ăn, vừa đi vừa lau kính)* có đứa nào ngoài ấy không? *(lại một luồng chớp nhoáng qua phía ngoài, Phác Viên đi tới chỗ tủ bên phải, bấm chuông. Trong lúc vô tình, nhìn thấy bức ảnh Thị Bình, Phác Viên cầm lấy, đeo kính vào xem. Một người đầy tớ đi vào).*

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Cụ truyền gọi con?

PHÁC VIÊN – Tao gọi mày đã có nửa tiếng đồng hồ nay rồi.

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Bẩm ngoài kia mưa to, con chẳng nghe gì sốt.

PHÁC VIÊN – *(chỉ vào cái đồng hồ quả lắc)* Đồng hồ sao chết rồi kia?

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Bẩm mọi hôm cô Phượng lên giây. Hôm nay, cô ấy về, chúng con quên mất.

PHÁC VIÊN – Mấy giờ rồi?

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Bẩm có lẽ hai giờ sáng.

PHÁC VIÊN – Hồi chiều tao bảo thầy ký kế toán gửi món tiền xuống Tế – nam, thầy ấy đã gửi chưa?

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Bẩm cụ truyền gửi tiền cho một người ở Tế – nam, người họ Lỗ thì phải...

PHÁC VIÊN – Phải rồi.

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Đã gửi rồi đấy ạ.

(Lại một luồng chớp nhoáng bên ngoài, Phác Viên nhìn ra phía vườn hoa).

PHÁC VIÊN – Đoạn dây điện nơi vườn hoa, bà mày đã cho gọi người chữa lại chưa?

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Gọi rồi đấy ạ. Nhưng thợ điện người ta bảo trời mưa to quá, chưa có thể chữa. Ngày mai họ sẽ tới vậy.

PHÁC VIÊN – Thế không nguy hiểm ư?

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Bẩm có nguy hiểm lắm chứ ạ. Vừa rồi con chó anh cả con chạy qua chạm phải dây bị điện rút là chết tức tưởi. Hiện giờ chỗ ấy đã chằng qua một sợi dây phía ngoài. Không ai đi vào đâu ạ.

PHÁC VIÊN – Ò... ờ... ờ. Vừa rồi mày bảo mấy giờ rồi nhỉ?

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Gần hai giờ sáng rồi đấy ạ. Bẩm cụ định đi nghỉ?

PHÁC VIÊN – Mày lên mời bà xuống đây.

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Bà con ngủ yên giấc rồi ạ.

PHÁC VIÊN – Thế anh Hai đâu?

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Anh con cũng ngủ từ lâu rồi ạ

PHÁC VIÊN – Thế mày tìm xem anh Cả ở đâu?

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Anh con xơi cơm xong là đi ngay đến giờ chưa thấy về.

(Im lặng trong một lát)

PHÁC VIÊN – *(đi tới nơi chiếc sô pha ngồi xuống)* Làm sao không có một đứa nào trong phòng này cả ấy nhỉ?

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Bẩm vâng, không có ai hết, cả nhà đều đi ngủ cả rồi.

PHÁC VIÊN – Thế thì được rồi, cho mày đi ngủ đi.

NGƯỜI ĐẨY TỚ – Bẩm cụ còn cần gì nữa không?

PHÁC VIÊN – Thôi ta chả cần gì nữa.

(Người đẩy tớ đi ra phía cửa giữa. Phác Viên đứng dậy đi qua lại mấy bước trong phòng, rồi đứng lại trước cái tủ gương bên phải, cầm chiếc ảnh Thị Bình vặn to đèn lên xem. Xung đi từ phía phòng ăn đi ra)

XUNG – *(Không ngờ giờ này bố còn thức)* Ba!

PHÁC VIÊN – *(mừng rỡ)* Kìa con... con chưa ngủ kia à?

XUNG – Vâng, chưa ạ.

PHÁC VIÊN – Con tìm ba phải không?

XUNG – Không ạ, con tưởng mợ con ở đây.

PHÁC VIÊN – *(có vẻ thất vọng)* A! Mợ mày trên gác kia.

XUNG – Không thấy ạ, con gõ cửa mãi, nhưng cửa khoá... À! Mà có lẽ mợ con ở trong phòng cũng nên... Thưa ba, con đi vào.

PHÁC VIÊN – Này con, Xung. *(Xung đứng lại)* Con hãng đứng đây tí đã.

XUNG – Thưa ba có việc gì cần hỏi con?

PHÁC VIÊN – Không có việc gì đâu. Nhưng sao con còn chưa đi ngủ kia?

XUNG – Vâng, hôm nay con thức khuya quá, con sẽ đi ngủ ngay.

PHÁC VIÊN – Hồi chiều, ăn cơm xong, con đã đưa thuốc ông đốc – tờ Kook cho mợ uống chưa?

XUNG – Rồi đấy ạ.

PHÁC VIÊN – Con có quần vợt không?

XUNG – Có đấy ạ.

PHÁC VIÊN – Thích chứ?

XUNG – Vâng, thích ạ.

PHÁC VIÊN – *(đứng dậy cầm lấy tay Xung)* Thế nào? Con sợ ba ư?

XUNG – Ba, vâng.

PHÁC VIÊN – Hình như con có điều gì không bằng lòng ba ấy, phải không?

XUNG – *(ấp úng)* Ba... Con chẳng biết nói thế nào cả. *(im lặng trong một chốc, Phác Viên đi tới nơi chiếc sô pha, thở dài nhè nhẹ, ngoắt Xung tới gần).*

PHÁC VIÊN – *(buồn bã)* A... Hôm nay hình như ba thấy ba già hẳn đi... con có biết không?

XUNG – Thưa ba, không.

PHÁC VIÊN – Thế con có sợ một ngày kia rồi ba sẽ chết và không ai chăm nom đến con, hay không?

XUNG – Vâng, sợ.

PHÁC VIÊN – À! mà hồi sáng con bảo là muốn bớt tiền học của con để giúp cho đứa nào đi học ấy nhỉ? Con nói lại cho ba nghe. Để ba xem có nên cho con, thì ba sẽ cho.

XUNG – Sáng ngày con nói nhảm đấy ạ; từ nay về sau con không vớ vẩn thế nữa.

PHÁC VIÊN – Ngày kia chúng ta dọn đến nhà mới ở, con thích chứ?

XUNG- Vâng.

(Một lát im lặng)

PHÁC VIÊN – *(vẻ thất vọng)* Sao con nói chuyện cùng ba ít ỏi quá thế?

XUNG – *(ấp úng)* Vâng con... con nói không được. Chẳng là ngày thường hình như ba không thích gặp chúng con ấy... Sao hôm nay, ba có vẻ khác mọi hôm. Con,.. con...

PHÁC VIÊN – Ò... ờ... Thôi con đi ngủ đi.

XUNG – Vâng, thưa ba con đi ngủ.

(Xung đi về phía phòng ăn, – Phác Viên buồn bã nhìn con đi vào, một lát sau, lại đứng dậy cầm ảnh Thị Bình ngắm, ngắm cả người. Phồn Y im lặng đi từ phía cửa giữa vào, khoác chiếc áo đi mưa, ướt đầm đìa. Mái tóc ướt mất một phần, mặt trắng nhợt; đôi mắt có vẻ lạnh lùng, chán chường. – Nhìn thấy Phồn Y, Phác Viên có vẻ ngạc nhiên).

PHỒNY – *(đứng im chỗ cửa giữa, thấy vẻ mặt của chồng, nói rất bình tĩnh)* Chưa đi ngủ kia?

PHÁC VIÊN – Mợ đấy à? *(đi lại gần Phồn Y)* Đi đâu về thế? thằng Xung tìm mợ từ tối đến giờ.

PHỒN Y – Tôi đi ra ngoài kia dạo chơi.

PHÁC VIÊN – Mưa to thế này mà đi dạo chơi thế nào?

PHỒN Y – Phải rồi. *(nói thiệt nhanh)* Tôi đau bệnh thần kinh.

PHÁC VIÊN – Tôi hỏi mợ, vừa rồi mợ đi đâu?

PHỒN Y – Ông hỏi làm gì?

PHÁC VIÊN – Áo quần ướt hết cả thế kia, sao không đi thay đi?

PHỒN Y – Lòng tôi nóng điên lên được, phải ra ngoài kia dầm mưa cho nó mát một tí.

PHÁC VIÊN – Đừng nói nhảm nữa! Nhưng vừa rồi mình đi đâu về?

PHỒN Y – *(Nhìn Phác Viên nói dần từng tiếng)* Ở trong nhà này, chả đi đâu hết.

PHÁC VIÊN – Ở trong nhà này ư?

PHỒN Y – Vâng. Ngồi xem mưa ở ngoài vườn hoa ấy.

PHÁC VIÊN – Xem mưa, suốt một đêm?

PHỒN Y – Vâng, dầm mưa suốt một đêm.

(Im lặng trong chốc lát, – Phồn Y vẫn đứng im giữa cửa, Phác Viên nhìn, tỏ ra sợ hãi, ngờ vực).

PHÁC VIÊN – Này mợ, xem chừng mợ lên gác nghỉ một tí thì hơn.

PHỒN Y – *(lạnh lùng)* Không cần! Ông lại cầm cái gì kia? A! Lại vẫn cái ảnh cô gái ấy. *(giơ tay đòi xem ảnh)*

PHÁC VIÊN– Mợ xem làm gì? Đẻ thằng Bình đấy mà.

PHỒN Y – *(giật lấy tấm ảnh, lại đứng xem, dưới ánh đèn)* Đẻ thằng Bình đẹp đấy chứ nhỉ? *(Phác Viên ngồi xuống chiếc sô pha không giả nhời)* Tôi hỏi cậu có phải thế không?

PHÁC VIÊN – Phải.

PHỒN Y – Nét mặt trông trung hậu lạ.

PHÁC VIÊN – *(chỉ mơ màng nhìn về phía trước mặt)*

PHỒN Y – Và lại có vẻ thông minh lắm!

PHÁC VIÊN – *(mơ màng)* Ừ!

PHỒN Y – Còn trẻ quá nhỉ?

PHÁC VIÊN – *(vô ý thức)* Ừ! Còn trẻ.

PHỒN Y– *(đặt tấm ảnh xuống)* Kỳ quá! Hình như tôi đã gặp đâu rồi ấy...

PHÁC VIÊN – *(ngửng đầu lên, có vẻ ngờ vực)* Không lẽ nào!... Gặp ở đâu được mà bảo gặp? Này! Thôi mợ lên gác đi ngủ đi *(đứng dậy cầm lấy tấm ảnh).*

PHỒN Y – Ông giữ tấm ảnh này làm gì cơ?

(Phác Viên nhìn Phồn Y, không trả lời)

PHỒN Y – *(lại giật lấy tấm ảnh)* Để đấy vậy. *(cười vẻ mặt kỳ quái)* Không mất đâu! Để tôi giữ cô ả hộ cậu vậy. *(buông tấm ảnh xuống giữa bàn)*

PHÁC VIÊN – Đừng vờ điên nữa, mợ cứ vớ vẩn!

PHỒN Y – Tôi điên đấy. Ông để mặc tôi có được không?

PHÁC VIÊN – Được rồi. Lên gác đi ngủ đi. Để tôi nằm đây một mình nghỉ tí xem.

PHỒN Y – Không! Tôi muốn nghỉ một mình ở đây kia, ông đi lên gác đi.

PHÁC VIÊN – Tôi bảo mình đi lên gác mà ngủ! Đi lên đi!

PHỒN Y – Không, tôi không thích lên, tôi bảo cho ông biết, tôi không thích lên đâu!

(Một lát)

PHÁC VIÊN – *(thong thả và nói khẽ)* Mình giữ cẩn thận cái này này, *(chỉ lên đầu)* Nhớ lấy lời ông đốc – tờ Kook, ông ấy bảo mình phải nằm nghỉ, nói chuyện in ít chứ. Ngày mai ông ấy sẽ tới nữa. Tôi đã mời ông ấy cho mình rồi đấy.

PHỒN Y – Ngày mai... a! ngày mai!

(Bình cúi đầu đi từ phía phòng ăn ra, nét mặt buồn bã, đi vào phía phòng giấy)

PHÁC VIÊN – Bình đấy a, con?

BÌNH – *(Bình giật mình, ngửng đầu)* A! Ba còn chưa ngủ kia?

PHÁC VIÊN – Con đi đâu mãi bây giờ mới về?

BÌNH – Không ạ, con về những hồi nãy kia. Con vừa ra phố mua ít đồ dùng.

PHÁC VIÊN – Giờ con định đi đâu đấy?

BÌNH – Con định vào bàn giấy lấy bức thư giới thiệu của ba cho con

PHÁC VIÊN – Sáng mai, mày đi chuyến xe sớm chứ?

BÌNH – Con sực nhớ tối nay có chuyến tầu hai rưỡi, con định đi bây giờ.

PHỒN Y – *(giật mình)* Đi ngay bây giờ kia à?

BÌNH – Vâng.

PHỒN Y – *(có vẻ sợ)* Bình định đi vội vàng thế kia ư?

BÌNH – Mợ, vâng.

PHÁC VIÊN– *(ôn tồn)* Ngoài kia mưa to lắm con ạ, đi giữa đêm thế này có tiện không?

BÌNH – Con định đi ngay giờ, sáng mai đến sớm, dễ gặp người ta hơn.

PHÁC VIÊN – Thế thì thư đã viết xong, ba để ngay trên bàn trong phòng giấy ấy, con muốn đi ngay cũng được. *(Bình gật đầu đi vào phía buồng giấy)* Mà này! Con không phải đi *(bảo Phồn Y)* Mợ đi vào trong ấy lấy cho nó.

PHỒN Y – *(nhìn Phác Viên có vẻ ngại)* V...âng! *(đi vào buồng)*

PHÁC VIÊN – *(nhìn theo Phồn Y, ra dáng lo)* Mợ con nhất định không chịu lên gác ngủ, chốc nữa con phải đưa mợ lên và nhớ dặn mấy đứa hầu trông nom mợ ngủ cho cẩn thận nhé.

BÌNH – *(bất đắc dĩ)* Thưa ba,... vâng!

PHÁC VIÊN – *(vẻ lo lắng hơn)* Con lại đây! *(Bình tới gần, Phác Viên nói khẽ)* Con dặn chúng nó cẩn thận tí nhé *(buồn bã)* Ngó bộ cái bệnh nó lại nặng thêm kia đấy; vừa rồi, một mình mợ mày đi ra mãi đâu ngoài kia, mới về xong.

BÌNH – Đi đâu về ạ?

PHÁC VIÊN – Ừ... ngồi dầm mưa ngoài ấy một đêm ròng, đi về ướt đầm đìa, rồi nói những câu kỳ quái quá đi mất! Ba e có chuyện không hay... Ba già rồi, con ạ, ba chỉ muốn cho thế nào trong nhà được bình yên vô sự.

BÌNH *(áy náy)* Con tưởng câu chuyện ấy ba cũng chẳng cần cho

là quá nghiêm trọng làm gì, để thế rồi nó cũng xong...

PHÁC VIÊN – *(có vẻ sợ)* Không, không con ạ! Việc đời có nhiều điều mình không ngờ đến kia! Thì sao một ngày hôm nay làm cho ba sực nghĩ đến chuyện làm người quả thiệt... quả thiệt là một câu chuyện khó khăn, khó khăn hết sức! *(vẻ mệt mỏi)* Bây giờ, con chịu lên mỏ làm việc, rèn luyện cho thành thân, ba rất vui lòng, con ạ. Có cái này, con nên mang theo *(đặt Bình tới nơi bàn vuông, mở hé cái cặp da cho xem)*. Nhưng ba dặn con nhé: đây là đồ tùy thân, để mà tự vệ đấy nhé! Chớ có cẩu thả dùng nhầm, không khéo mà tai bay vạ gió đấy nhé. *(khoá cặp lại)* Chìa khoá đây. Khi đi thì nhớ mang theo. Đừng có quên đấy!
(cầm phong thư vào)

PHỒN Y – *(tức tối)* Đây thư đây

PHÁC VIÊN *(mơ màng, bảo Bình)* Ừ! Thế con đi nhé, Ba cũng phải đi nghỉ đây *(bảo Phồn Y)* À! Mợ cũng cố gắng và nằm nghỉ tí đi.

PHỒN Y – Vâng, được rồi.
(Phác Viên đi vào buồng giấy)

PHỒN Y – *(đau đớn)* Thế là Bình nhất định đi đấy ư

BÌNH – Phải.

PHỒN Y – Vừa rồi ba nói gì cùng Bình đấy?

BÌNH – Ba dặn tôi phải đưa mợ lên gác, mời mợ đi nghỉ.

PHỒN Y – *(cười lạt)* Sao ông ấy không gọi mấy người khiêng xác tôi lên, khoá trái cửa lại có hơn không?

BÌNH – Mợ nói thế, là nghĩa làm sao?

PHỒN Y – Bình dối tôi làm gì, tôi biết! Tôi biết tất! Ông ấy lại bảo tôi nào là bệnh thần kinh, nào là bệnh điên chứ gì! Tôi biết ông ấy muốn Bình cho tôi là điên, muốn mọi người đều cho tôi là điên hết!

BÌNH – Không đâu, mợ đừng nghĩ thế.

PHỒN Y – Cả Bình nữa, Bình cũng định dối tôi à? *(giọng uất ức nói khẽ)* Tôi nhìn con mắt các ngài cũng hiểu thôi mà! Hai bố con nhà anh bây giờ chỉ trông sao cho tôi hóa điên mau lên. Vắng mặt tôi, nhà các ngài – cả hai bố con – thầm thầm lén lén mỉa vụng tôi, nói tôi, cười tôi, bày mưu bày kế sau lưng tôi, để bẩy tôi chứ gì?

BÌNH – Mợ đừng nghĩ quá đi như vậy. Để tôi đưa mợ lên gác nghỉ nhé.

PHỒN Y – *(to tiếng)* Tôi không cần Bình đưa, đi dịch ra! *(nói khẽ)* Tôi không chịu được cái lối của ông ba Bình cứ thậm thì thậm thụt đằng sau lưng tôi, dặn Bình cẩn thận đưa cái con điên ấy lên gác!

BÌNH – Thì mợ đưa cái thư để tôi đi vậy.

PHỒN Y – *(ngó ngẩn)* Đi đâu kia?

BÌNH – Tôi phải lên tầu, phải sắp xếp đồ lề.

PHỒN Y – Tôi hỏi Bình lúc ban tối, hồi nãy, Bình đi đâu thế?

BÌNH – Hỏi làm gì? Mợ lại không biết thừa ra rồi!

PHỒN Y – Thì lại đi đến nhà con bé ấy, chứ đi đâu nữa! *(Nhìn vào mặt Bình, Bình cúi đầu)*

BÌNH *(sau một chốc im lặng, bỗng quả quyết nói)* Ừ, tôi đến đằng ấy đấy, tôi đến đằng đấy ấy, làm gì tôi nào?

PHỒN Y – *(bỗng nhụt hẳn)* Chả làm gì hết! *(cười gượng)* Mà

Bình này, câu chuyện lúc chiều, tôi nói lỡ miệng đấy Bình ạ, Bình đừng giận tôi nhé; tôi chỉ hỏi Bình, sau lúc lên trên mỏ thì Bình định xử trí với con Phượng thế nào?

BÌNH – Lúc ấy ư?... *(bỗng nói nhanh)* Thì tôi lấy nó làm vợ chứ gì nữa!

PHỒN Y – Lấy nó thiệt ư?

BÌNH – Thiệt đấy.

PHỒN Y – Thế ba thì sao?

BÌNH – Rồi sẽ hay.

PHỒN Y – Bình này, bây giờ tôi vẫn có thể giúp cho Bình một dịp tốt.

BÌNH – Thế nào?

PHỒN Y – Nếu như Bình rốn ở lại nhà, hôm nay, thì tôi có thể giúp Bình về phía ba ấy mà.

BÌNH – Bất tất. Câu chuyện này tôi cho là một câu chuyện quang minh chính đại, có thể nói cùng mọi người.

PHỒN Y – Bình ơi!

BÌNH – Gì kia?

PHỒN Y – Bình có biết rồi đây, Bình đi tôi sẽ thế nào không?

BÌNH – Tôi biết thế nào được, mà biết.

PHỒN Y – *(vẻ sợ hãi)* Bình nhìn thấy ba như thế mà Bình lại không biết kia ư?

BÌNH – Tôi chả hiểu mợ nói gì gì nữa?

PHỒN Y – *(chỉ lên đầu)* Cái này này, Bình lại không hiểu ư?

BÌNH – Thế nào kia?

PHỒN Y – Trước hết là cái lão đốc – tờ Kook rồi đấy hàng ngày nó sẽ đến để nài tôi uống thuốc, ép tôi uống thuốc. "Uống thuốc đi! Uống thuốc đi! Uống thuốc đi!" Rồi dần dần người canh gác một lâu một nhiều vào để giam giữ tôi, như một con vật quái gở ấy! Chúng nó... sẽ...

BÌNH – *(vẻ khó chịu)* Tôi khuyên mợ, mợ đừng nghĩ vớ nghĩ vẩn như vậy thì hơn.

PHỒN Y – Chúng nó sẽ dần dần học lấy cái giọng của ba anh ấy mà: "Cẩn thận! Cẩn thận nhé! Bà ấy điên đấy!" Đấy là những câu mà chúng nó sẽ to nhỏ cùng nhau, nói vụng nói lén cùng nhau, sau lưng tôi. Thế là dần dần đứa nào đứa nấy cũng cẩn thận, giữ gìn không dám nhìn mặt tôi nữa! Rồi cuối cùng là một chuỗi dây xích sẽ khoá kín tôi lại ở trên kia. Thế mà bảo tôi không điên thực sự thế nào được?

BÌNH – *(xem đồng hồ)* Ấy chết! Đến giờ rồi! Thôi mợ cho tôi cái thư vậy, tôi còn về sắp xếp đồ nữa.

PHỒN Y – *(giọng khẩn khoản)* Chắc đứt đi và thế rồi đó, Bình ạ! Bình nghĩ lại xem; Bình không động lòng tí nào, không thương xót tôi tí nào ư?

BÌNH – Mà... mợ cứ nhất định đâm đầu vào con đường ấy, thì bảo tôi biết làm thế nào được?

PHỒN Y – *(giận dữ)* Thế ư? Bình quên rằng đẻ Bình xưa kia cũng đã bị ba Bình bỏ nên rồi chết tức đi đấy à?

BÌNH – Đẻ tôi không như mợ đâu. Đẻ tôi hiểu ái tình là gì, đẻ tôi yêu con; đối với ba, đẻ tôi không bao giờ làm những việc không phải.

PHỒN Y – Bình dám mở miệng nói những câu như thế kia ư! Bình quên rằng ba năm trước đây, trong gian phòng này, Bình là thế nào ư? Bình quên rằng chính Bình mới thiệt là người có tội, Bình quên rằng chúng mình... Nhưng thôi tôi chả nhắc lại câu chuyện cũ làm gì nữa. *(Bình cúi đầu, rùng mình, ngồi xuống chiếc sô pha, tay sờ dằng trước bụng, gân mặt căng hẳn lên. Phồn Y nhìn Bình một cách thất vọng, vừa khóc vừa nói tiếp).* Này Bình ơi, tôi van Bình một lần nữa, một lần cuối cùng nữa. – Bình cũng biết xưa nay tôi có hề chịu khổ khiếu cùng ai như thế này bao giờ đây! Nhưng lần này, tôi van Bình thương lấy tôi, thương lấy tôi với, cái nhà này tôi không tài nào chịu nổi nữa rồi! Những nỗi tủi nhục của tôi ngày hôm nay, Bình cũng đã nhìn thấy cả đấy. Những tình cảnh ấy rồi đây không phải là ngày một, ngày hai mà thôi đâu! Nó sẽ kéo dài hàng tháng, hàng năm, cho đến lúc tôi chết thì mới hết! Ba Bình chán tôi, ghét tôi, ông ấy lại sợ tôi vì tôi biết rõ những câu chuyện bí mật trong đời ông. Ông ấy chỉ mong sao cho người nào cũng xem tôi như một giống quái vật, một con điên, Bình ơi!...

BÌNH – Thôi mợ đừng nói nữa!

PHỒN Y – Bình ạ, tôi không còn một ai là bà con, thân thích, không còn người nào tin cậy được nữa! Bây giờ đây tôi xin Bình, tôi xin Bình hẵng khoan đi...

BÌNH – Không, không thể được!

PHỒN Y – Nếu như Bình nhất định đi, thì Bình đem tôi cùng đi đi cho khỏi, cho xa cái nhà này.

BÌNH – Chết! Mợ nói nhảm nào!

PHỒN Y – Không, không! Bình đưa tôi đi cùng... đưa tôi đi xa

chỗ này đi!... Rồi, sau này, dẫu khi Bình có muốn đón con Phượng về... cùng nhau ở chung, tôi cũng vâng! Tôi chỉ cần... chỉ cần... chỉ cần đừng xa Bình là được rồi.

BÌNH – *(sợ hãi lùi hẳn lại đằng sau, một lát mới giả nhời, run cả tiếng)* Tôi... tôi cũng sợ mợ điên thiệt mất rồi!

PHỒN Y– *(giọng êm thấm)* Đừng, Bình ơi! Bình đừng nói thế, chỉ có tôi mới hiểu rõ Bình, tôi biết chỗ nhược điểm của Bình mà cũng chỉ có Bình là hiểu tôi. Tính tình Bình thế nào tôi biết hết! *(cười vẻ quyến rũ, dịch tới dang tay như muốn kéo Bình lại gần)* Bình lại đây, Bình ơi, ... Bình sợ gì nào?

BÌNH – *(nhìn Phồn Y nói ra vẻ hoảng)* Ấy! Mợ đừng cười như thế! Tôi không muốn mợ cười với tôi như thế! *(tay bóp đầu, vẻ khổ não)* Chao! Tôi giận tôi quá đi mất! Tôi bực vì tôi đã thế này mà vẫn còn sống, còn sống làm gì nữa kia chứ!

PHỒN Y – Tôi làm Bình phiền lòng đến thế kia, hở Bình? Nhưng Bình ạ, tôi chẳng sống được bao lâu nữa đâu.

BÌNH – *(đau đớn)* Thế dễ mợ không biết rằng: những mối ái tình như vậy, bất kỳ người nào biết ra người ta cũng phải chán phải ghét ư?

PHỒN Y – Tôi đã nói với Bình bao nhiêu lần rồi. Tôi không thấy thế, lương tâm tôi không bao giờ bực bội hết. Này Bình... lúc tối thiệt tôi có làm càn, nhưng nếu như Bình nghe lời tôi, Bình ở nhà đừng đi đâu, thì tôi sẽ gọi con Phượng trở về.

BÌNH – Thế nào kia?

PHỒN Y – Gọi nó về, vẫn còn được, không sao đâu mà?

BÌNH – *(bước tới trước mặt Phồn y nói thong thả)* Mợ đi đi!

PHỒN Y – Thế nào?

BÌNH – Mợ bây giờ không phải là người sáng suốt nữa, mợ lên gác đi ngủ đi thôi!

PHỒN Y – Nếu thế thì không còn nói gì nữa.

BÌNH – Đúng rồi! Mợ lên gác đi!

PHỒN Y – *(tuyệt vọng nói rất uất ức)* Hồi chiều tôi vừa thấy Bình cùng con Phượng, ở đằng nhà Lỗ Quý ấy.

BÌNH – *(thất kinh)* Thế nào? Hồi nẫy mợ vừa lại đằng ấy đấy ạ?

PHỒN Y – *(ngồi xuống)* Ừ, tôi đứng cạnh nhà ấy có nửa buổi.

BÌNH – Lúc nào kia?

PHỒN Y – *(cúi đầu)* Tôi thấy Bình trèo cửa sổ vào nhà nó đấy.

BÌNH – Rồi mợ làm gì nữa?

PHỒN Y – *(nhìn về phía trước mặt)* Tôi đứng chờ trước cửa sổ ấy.

BÌNH – Rồi mợ đứng đến lúc nào?

PHỒN Y – Thì cũng đến lúc Bình ra, tôi mới về.

BÌNH – *(đi lại cạnh Phồn Y)* Thế là chính mợ cài cái chốt ngoài cánh cửa sổ đấy phỏng?

PHỒN Y – Phải rồi.

BÌNH – *(căm giận)* Mợ thật là một giống quái vật, không thể ai tưởng tượng được!

PHỒN Y – *(ngửng hẳn đầu lên)* Cái gì kia?

BÌNH – Mợ quả là một con điên!

PHỒN Y – Bình muốn thế nào?

BÌNH – Tôi muốn cho con người ấy chết ngay đi! *(Bình đi về phía buồng ăn, cánh cửa đóng lại đánh sầm một tiếng)*

PHỒN Y – *(Ngồi ngẩn người, đưa mắt nhìn theo vào phía cửa buồng ăn một lúc, liếc thấy tấm ảnh Thị Bình cầm lấy nhìn một lát, đặt tấm ảnh xuống, rồi đứng dậy đi mấy bước)* Quái lạ! Biết làm sao bây giờ?

(Cánh cửa giữa bỗng hé ra, Phồn Y ngoảnh đầu lại, Lỗ Quý rón rén bước vào)

QUÝ – *(cúi khom lưng chào)* Bẩm bà, bà đã đỡ?

PHỒN Y – *(có vẻ sợ)* Bác đến làm gì?

QUÝ *(cười nịnh)* Con đến hầu thăm bà đấy thôi ạ. Con chờ mãi ngoài cửa phòng từ nẫy giờ đấy ạ.

PHỒN Y – *(cố giữ bình tĩnh)* A! vừa rồi bác chờ ngoài cửa này à?

QUÝ *(nói khẽ)* Bẩm bà vâng ạ*(có vẻ bí mật)* Con thấy anh cả con đang còn biện bạch cùng bà cho nên con... *(lại cười nịnh)*... con không dám vào.

PHỒN Y – Nhưng bác định trở lại làm gì kia?

QUÝ – Bẩm bà, nguyên con cũng chỉ có ý vào hầu bà để trình bà rõ rằng: lúc tối anh cả con say rồi có lại đằng nhà con. Nhưng bây giờ con được biết rằng bà cũng có lại qua đằng nhà, thì con tưởng không phải thưa thêm nữa.

PHỒN Y – Bây giờ bác định thế nào?

QUÝ – *(có vẻ hổn xược)* Con định vào gặp cụ ông một tí.

PHỒN Y – Ông đi nghỉ rồi, bác gặp ông làm gì kia?

QUÝ – Bẩm cũng không có gì đâu ạ. Nếu như bà sắp xếp cho được thì con cũng không phải vào hầu cụ ông làm gì... *(ra vẻ quan trọng)* Mọi việc đều tùy bà liệu định cho con được nhờ thì lại càng tốt thôi ạ.

PHỒN Y – Thì bác nói đi, chắc thế nào tôi cũng có thể giúp đỡ bác được thôi.

QUÝ – *(vẻ giảo quyệt)* Nếu như bà vui lòng dàn xếp cho để con không phải vào hầu cụ ông thêm phiền thì hay lắm. *(cười lạt)* Thế thì đỡ phiền cho cả mọi người. Chẳng giấu gì bà, chúng con thì chỉ xin bữa ăn thôi mà.

PHỒN Y – *(vẻ không bằng lòng)* Bác tưởng rằng tôi... *(dịu giọng)* Nhưng thôi, thế cũng chẳng hề gì

QUÝ *(sung sướng)* Thiệt con đội ơn bà. Vậy con sẽ xin bà truyền cho con biết ngày nào chúng con có thể giở lại nhận việc.

PHỒN Y – Ò, thì ngày kia, hai bố con bác lại giở lại vậy.

QUÝ – *(chắp tay vái)* Bẩm lạy bà, phúc đức bà ban cho, con xin đội ơn. À chết! Con còn quên: bẩm bà đã thấy anh Hai con về chưa?

PHỒN Y – Chưa thấy đấy!

QUÝ – Bẩm hình như vừa rồi bà có truyền cho anh con đưa tới thưởng chúng con một trăm đồng bạc thì phải?

PHỒN Y – *(có vẻ chán)* Ò...

QUÝ – Bẩm... bẩm nhưng vừa lúc ấy thì thằng cả chúng con lại "hồi" món tiền ấy đi.

PHỒN Y – Thằng cả nào kia?

QUÝ – Bẩm là thằng Hải chúng con ấy mà... thằng chó chết ấy mà.

PHỒN Y – Thế nào nữa?

QUÝ – Chẳng là mụ Thị Bình nhà con thực quả chưa biết rằng bà có ban cho con số tiền ấy.

PHỒN Y – *(giật mình như nói một mình)* Thị Bình?... *(vẻ suy nghĩ)* Thị Bình là ai kia? *(cánh cửa giữa mở hé)*

QUÝ – *(ngoảnh cổ lại)* Ai đấy?

(Hải đi vào, quần áo ướt, nét mặt hầm hầm, mắt nhìn khắp bốn góc phòng có vẻ vừa mệt vừa giận. Phồn Y nhìn Hải ra dáng sợ hãi)

HẢI – *(hỏi Quý)* Dượng ở đây à?

QUÝ – *(có vẻ tức)* Mày làm thế nào mà vào đây được?

HẢI – Cửa sắt to khoá rồi, tôi gọi chả được, tôi leo tường vào chứ làm sao?

QUÝ – Mày lên đây làm gì? Con Phượng thế nào rồi?

HẢI – *(lấy chiếc khăn lau nước mưa trên mặt)* Tìm mãi không thấy đâu cả. Để còn chờ ngoài cửa ấy.

QUÝ – Không, tao chả thấy. Kệ nó, chốc nữa nó về giờ đấy. Thôi, mày về cùng tao vậy. Công việc ở đây tao thu xếp cũng ổn rồi. Thôi được, ta đi về.

HẢI – Dượng khoan hẵng về. Dượng đi gọi hộ anh cả trong nhà ra đây, tôi tìm mãi chả được.

QUÝ *(ngần ngại)* Mày muốn gì nữa kia?

HẢI – Không mà, tôi chả làm gì đâu, tôi muốn nói cùng nó mấy câu thôi.

QUÝ – *(không tin)* Tao xem chừng mày, mày lại muốn...

HẢI – *(nhìn chằng chằng vào mặt Quý)* Có đi không thì bảo?

QUÝ – *(sợ)* Mà... mà này... Tao vào mời anh ấy ra đây, rồi mày chỉ nói vài câu thôi nhé.

HẢI – Tôi nói thiệt: tôi có định tới đây gây chuyện đâu mà!

PHỒN Y – Bác Quý, bác cứ đi gọi nó ra. Có tôi ở đây, không hề gì đâu.

HẢI – Ừ! Dượng vào đi. Mà này: xem chừng đấy nhé! Vào trong ấy không gọi nó ra mà bỏ đi thẳng thì cẩn thận đấy nhé, về nhà tôi bảo cho! Và bảo chúng nó mở cửa cho đẻ vào với. Trời mưa to.

QUÝ – Được, được, được rồi! Mà xong là tao đi thôi đấy. *(nói nhỏ)* Đồ chó đẻ! *(đi vào phía buồng ăn).*

PHỒN Y – *(đứng lên)* Anh là ai?

HẢI – Anh con Phượng!

PHỒN Y – *(dịu giọng)* Anh lại đây định gặp anh cả ư?

HẢI – Phải.

PHỒN Y – Có lẽ nó định lên tầu ngay bây giờ.

HẢI – Thế nào kia?

PHỒN Y – Ừ, nó đi ngay giờ đấy mà.

HẢI – À! Nó sắp đi ngay giờ à?

PHỒN Y – Phải rồi nó...

(Bình từ phòng ăn đi ra, nhìn thấy Hải có vẻ luống cuống, nhưng cũng miễn cưỡng gật đầu. Tiếng nói lúc đầu hơi run, dần dần cố trấn tĩnh lại)

BÌNH – *(nhìn Hải)* A!

HẢI – Hay lắm! Cậu cả còn chưa đi à? Này! Anh hãng mời bà ấy đi vào đi; tôi có chuyện cần nói riêng với một mình anh.

BÌNH *(nhìn Phồn Y, Phồn Y vẫn đứng im, Bình sẽ đi đến bên cạnh, bảo Phồn Y)* Để mời mợ lên gác thì tiện hơn.

PHỒN Y – Được rồi.

(Phồn Y đi về phía phòng ăn. Hải nhìn Bình mặt có vẻ căm).

BÌNH *(run cả tiếng)* Đến giờ này mà anh còn đến đây cơ à?

HẢI – Nghe nói cậu cả sắp đi?

BÌNH – Nhưng còn kịp chán, anh lại bây giờ cũng còn vừa, anh định làm gì kia? Tôi vừa sửa soạn xong.

HẢI *(tức tối)* Sửa soạn xong cả rồi kia à?

BÌNH – Phải.

HẢI – *(tới sát mặt Bình)* Này! *(tát mạnh vào mặt Bình)*

BÌNH – *(mặt chảy máu nhưng vẫn cố nén lòng giận dữ)* Mày... mày *(thò tay lấy mùi soa lau máu trên má)*

HẢI *(nghiến răng)* Mày định đi nữa thôi?

(im lặng một chốc)

BÌNH – *(cố nhịn)* Ấy là kế hoạch từ trước của tôi đấy.

HẢI *(cười độc địa)* Kế hoạch từ trước kia đấy à?

BÌNH – *(bình tĩnh)* Tôi thấy rằng giữa chúng mình, nhiều chỗ hiểu lầm nhau quá!

HẢI – Hiểu lầm? *(nhìn thấy máu ở tay, lau ngay vào áo)* Tôi không hiểu lầm anh, tôi biết anh là một thằng hèn, là

đồ khốn nạn, chỉ lo làm những trò đểu giả!

BÌNH – *(bình tĩnh)* Chúng mình gặp nhau hai lần đều là những lúc tôi hư thân bản tính, cho nên anh có thể cho tôi là người hư hỏng hết sức.

HẢI – Chối làm gì! Anh là bọn cậu cả, tâm địa anh đểu cáng hết sức. Các ngài là bọn kiếm được miếng cơm quá dễ dàng, thừa hơi thừa sức không biết dùng làm gì, thế là đi dỗ dành con gái nhà nghèo, xong đó là thôi đấy, trách nhiệm để mặc ai cả thôi mà!

BÌNH – *(vẻ thất vọng)* Bây giờ đây tôi biện bạch cùng anh cũng vô ích. Tôi biết, tôi biết rằng anh tới đây đã có mục đích sẵn. Thôi thì trong mình anh có khí giới giết người đấy, anh cứ đưa ra, tôi bằng lòng để cho anh kết liễu đời tôi đấy.

HẢI – *(khinh bỉ)* Cậu cả đang còn làm bộ khí khái đến thế kia? Này! Trong nhà nhà anh ngó bộ anh còn là thông minh hơn cả đấy! Nhưng thôi! Thứ anh đáng gì mà tôi phải làm thế? Tôi dại gì mà đưa cái thân hữu dụng của tôi đi đổi lấy cái mạng chó chết của anh?

BÌNH – *(nhìn thẳng vào mặt Hải)* Anh tưởng là hiện giờ tôi sợ anh đấy hẳn? Không, anh lầm. Tôi sợ gì anh, tôi chỉ sợ tự tôi đây này; tôi đã lầm một lần rồi, tôi không muốn lầm một lần nữa.

HẢI – *(cười chế giễu)* Tôi thấy cái thứ người như anh, sống đã là lầm to rồi. Hồi nãy, nếu không có đẻ tôi, thì tôi đã thịt ngay anh rồi kia. Bây giờ đây, cái mạng anh vẫn còn trong tay tôi mà!

BÌNH – Chết đi là may mắn cho tôi chứ sao! *(chua chát)* Anh tưởng tôi sợ chết, không, không đâu! Tôi chán sống lắm rồi! Tôi sống đủ lắm rồi! Tôi vui lòng chờ anh đấy: tôi

là người không thích sống nữa.

HẢI – A! Anh... không thích sống nữa? Nhưng anh còn quyến rũ con em cửa tôi, đi theo anh, theo hầu anh!

BÌNH – *(cười gượng)* Anh tưởng tôi ích kỷ đến thế kia ư? Anh cho tôi là người không có một tí can trường, đi dỗ dành em anh, rồi bỏ rơi nó ư? Anh không hỏi em anh xem, nó biết tôi yêu nó đến chừng nào. Tôi nói thiệt cùng anh: chỉ nhờ có nó mà lâu nay, tôi còn chút hy vọng sống lại.

HẢI – Anh nói khéo lắm!... Thế thì làm sao... làm sao anh không làm cho đường đường chính chính đi?

BÌNH – Đó là câu chuyện đau lòng nhất của tôi. Trong một hoàn cảnh hư hỏng quá, anh tính gia đình của tôi có bao giờ vui lòng cho tôi làm như vậy được?

HẢI – *(gay gắt)* A! Bởi thế cho nên một mặt thì anh nói anh thực lòng yêu nó, cùng nó làm những việc xấu hổ đến đâu cũng làm, và một mặt nữa anh lại nghĩ đến gia đình anh, đến ông chủ mỏ, ba anh. Rồi đây, người nhà nhà anh sẽ bảo anh bỏ phăng nó đi, để lấy một cô tiểu thư nào môn đăng hộ đối chứ gì?

BÌNH – Thế sao anh không hỏi Phượng xem, em anh cũng biết rằng lần này, tôi sở dĩ bỏ nhà ra đi là cũng chỉ vì muốn xa hẳn ba tôi, muốn thoát ly gia đình để tìm dịp tốt mà kết hôn cùng Phượng đấy chứ!

HẢI – Anh bao giờ cũng khéo chối. Vậy chứ vừa rồi nửa đêm trời tối, anh đi lại đằng nhà chúng tôi làm gì? Anh chối nữa thôi?

BÌNH – *(tức tối)* Tôi không chối, tôi không cần gì chối với anh. Bây giờ đây tôi coi anh là anh của Phượng, cho nên

tôi mới nói như thế. Tôi yêu Phượng, Phượng cũng yêu tôi; chúng tôi đều là thanh niên, chúng tôi đều là người. Hai đứa trai gái luôn luôn gần gũi cùng nhau, thế nào cho khỏi chuyện nọ chuyện kia. Nhưng tôi chắc rồi đây thế nào tôi cũng sẽ có thể đối đãi với Phượng hết sức tử tế, tôi sẽ lấy Phượng làm vợ, tôi sẽ không bao giờ ở tệ cùng Phượng.

HẢI – Nếu vậy, anh nói cũng có lý. Nhưng ai tin được rằng cậu cả con cụ chủ nhà này rồi đây sẽ yêu mãi mãi em một thằng thợ, con một mụ u già?

BÌNH – Cái ấy, cái ấy... Cái ấy tôi cũng có thể nói thiệt cho anh biết, là vì có người đàn bà đã bắt buộc tôi, ép uổng tôi phải làm thế.

HẢI *(nói khẽ)* Thế nào? Lại còn người đàn bà khác nữa kia?

BÌNH – Ừ, chính là cái bà anh vừa thấy ở đây hồi nãy ấy.

HẢI – Bà nào kia?

BÌNH – *(khổ não)* Bà ấy chính là kẻ mẫu của tôi đấy!... A! Một câu chuyện tôi đã vùi lấp trong lòng mấy năm trời nay không hề dám nói cùng ai hết... Con người cũng thông sách vở, cũng có giáo dục, thế mà... vừa gặp nhau là bà ấy bỗng đeo đẳng mối tình, rồi nhất định... Kể ra trong câu chuyện này tôi cũng có một phần trách nhiệm.

HẢI – Con Phượng có biết thế không?

BÌNH – Phượng biết chứ, tôi cũng biết là Phượng biết *(buồn bã)* Hồi ấy tôi vớ vẩn quá đi mất! Về sau, mình càng lầm lỗi lại càng sợ, càng bực, càng chán với mối tình không tự nhiên ấy, anh hiểu không? Tôi muốn xa người ta, nhưng người ta nhất định không buông tôi, nhất định

bíu chặt lấy tôi. Thứ người ấy là ma, là quỷ gì ấy, tuyệt không e dè sợ hãi một tí nào? Anh có hiểu rõ không? Thiệt tôi chán chường quá đi mất! Rồi tôi say sưa nhảm nhí, tôi chỉ muốn bỏ đi, chết cũng cam lòng. Sau đó may tôi gặp Phượng, Phượng làm cho tôi hiểu sự lẽ, cho nên một năm nay, tôi vẫn còn có sức để mà sống.

HẢI – A!...

BÌNH – Bấy nhiêu câu chuyện, mấy năm giời nay, tôi có nói cùng ai đâu, thế mà... *(nói thong thả)* kể cũng lạ, hôm nay lại đi nói cùng anh!

HẢI *(vẻ âm thầm)* Đây có lẽ là câu chuyện nghiệp báo của cha anh cũng nên!

BÌNH – Đừng, đừng nói nhảm!... Sở dĩ tôi đã nói cùng anh câu chuyện đó, là chỉ vì anh là anh ruột Phượng và tôi cũng muốn cho anh tin rằng tôi thực lòng, muốn anh tin là tôi không hề lừa dối Phượng mà thôi.

HẢI – Vậy thì anh định lấy con Phượng thiệt phải không? Anh cũng biết nó là một đứa con gái đần hết sức, nó không thể lấy một người nào khác nữa đâu.

BÌNH – Ừ! Hôm nay tôi đi, chừng vài tháng nữa tôi sẽ về đón Phượng lên.

HẢI – Nói thế thì nói, chứ ai tin được miệng lưỡi các người, các người là con chủ mỏ!

BÌNH *(rút trong túi ra một bức thư)* Anh chỉ đọc cái thư này thì rõ, tôi vừa mới viết cho Phượng mấy chữ này, để nói chuyện đó.

HẢI – Đưa cho tôi làm gì? Tôi chả thừa hơi đọc những cái ấy

rồi.

BÌNH – *(nghĩ ngợi một chốc ngẩng đầu lên)* Thế thì bây giờ tôi cũng chẳng còn chứng cớ gì khác nữa. Nhưng trong cái túi rết của anh kia, đang còn khí giới giết người được đấy. Anh không tin tôi, thì đây, tôi vẫn còn ở trong tay anh.

HẢI – Chao! Cậu Cả, cậu tưởng tôi đã tha cho cậu rồi đấy hẳn? Cậu tưởng như thế là thằng này đã hài lòng thật sự rồi đấy hẳn, *(rút khẩu súng ra)*

BÌNH – *(thất kinh)* Anh muốn gì kia?

HẢI – Tôi muốn giết ngay anh chứ gì nữa! *(Chĩa mũi súng vào Bình)* Thứ người như anh thiệt không đáng sống tí nào.

BÌNH – Được rồi! anh cứ bắn đi! *(nhắm mắt)*

HẢI – Nhưng thôi!... *(thở dài đưa súng cho Bình)* Cứ mở mắt ra mà nhìn!

BÌNH – Thế nào?

HẢI – *(buồn bã)* Chả thế nào hết! Các cụ già bao giờ cũng lẩn thẩn. Tôi biết đẻ tôi, con Phượng là tính mạng của đẻ... Bây giờ tôi chỉ cần một điều là anh bảo con Phượng chăm nom lấy bà cụ; thì tôi sẽ tha chết cho anh. Có thế thôi!

(Bình định nói nữa nhưng Hải gạt tay không nghe)

HẢI – Bây giờ, thì anh hẵng vào gọi con Phượng ra đây hộ tôi.

BÌNH – Thế nào cơ?

HẢI – Gọi con Phượng ra đây. Nhất định là nó còn ở trong nhà nhà anh chứ đâu.

BÌNH – Không, không! Phượng nó vẫn còn ở đằng nhà chứ?

HẢI – Đâu? Đẻ tôi và tôi đi tìm nó giữa mưa gió có ngót hai giờ đồng hồ mà chả thấy. Bởi vậy tôi mới nhất định là nó tới đây.

BÌNH – Thế là hai giờ nay, Phượng đi giữa cơn giông nó... nó đi vào đâu mới được chứ?

HẢI – Nửa đêm trời tối nó vào đâu được?

BÌNH – *(bỗng ra vẻ sợ hãi)* Chết rồi! Không khéo nó lại...

HẢI – Anh cho là nó... không, chả có lẽ. Không! Tôi chắc nó chả có gan ấy đâu!

BÌNH – *(rùng mình)* Có thể lắm, chứ chả không đâu! Anh không hiểu Phượng. Nó trọng danh giá lắm kia! Mà nó lại to gan nữa. Nó... Nhưng lẽ nào Phượng lại không gặp tôi đã, lẽ nào nó lại đi... liều mình như vậy?
(im lặng trong chốc lát).

HẢI – *(đột ngột)* Thôi! Anh đừng vờ nữa! Anh lại định dối tôi. Anh nói thiệt đi, nó ở trong nhà nhà anh, nó ở trong nhà nhà anh ấy!
(tiếng huýt sáo nho nhỏ bên ngoài)

BÌNH – *(đưa tay bảo Hải đừng nói)* Im! Đừng ồn! *(tiếng huýt sao nghe gần lại, Bình mừng rỡ)* Phượng, Phượng đây rồi, tôi nghe rõ!

HẢI – Thế nào?

BÌNH – Tiếng Phượng huýt sáo đấy. Mỗi lần chúng tôi gặp nhau đều huýt sáo như thế!

HẢI – Nó đâu?

BÌNH – Chắc là ở trước vườn hoa ấy.
(Bình hé cửa sổ, huýt sáo... tiếng huýt sáo bên ngoài nghe

lại gần hơn).

BÌNH – *(ngoảnh lại bảo Hải)* Đúng là Phượng rồi. *(tiếng gọi nơi cửa giữa)*

BÌNH – Bây giờ anh hãng lánh qua phòng này một chốc. Phượng nó không hề tưởng là anh ở đây. Đừng để nó thấy anh; nó sợ, tội nghiệp!

(Đưa Hải đi về phía phòng ăn, Hải đi vào)

Tiếng PHƯỢNG *(phía bên ngoài rất khẽ)* – Anh Bình! Anh Bình!

BÌNH – *(chạy nhanh đến cửa giữa)* Phượng! *(mở cửa)* Vào đây. *Phượng đi vào, đầu tóc tán loạn, áo quần ướt sạch, nước mắt lẫn nước mưa trên má, rét run cả mình, hàm răng đánh cầm cập, đứng ngẩn người nhìn Bình một lúc)*

PHƯỢNG – Anh Bình ơi!

BÌNH – *(vẻ cảm động)* Em Phượng!

PHƯỢNG – *(vẻ sợ hãi)* Không có ai trong nhà chứ?

BÌNH – *(vẻ thương xót)* Không ai hết! *(cầm tay Phượng)*

PHƯỢNG – Anh ơi! *(ôm lấy Bình khóc nức nở)*

BÌNH – Thế nào? Tại sao mà Phượng đến thế này hở Phượng? Sao Phượng lại tới đây tìm anh? Đi vào lối nào?

PHƯỢNG – Em đi vào lối cửa sau.

BÌNH – Tay em lạnh như giá ấy, em phải thay áo đi chứ.

PHƯỢNG – Không, anh ơi! *(khóc sụt sùi)* Để em nhìn anh tí đã!

BÌNH – *(đưa Phượng đến chiếc sô pha, ngồi xuống một bên)* Em Phượng! Hồi nãy em đi đường nào?

PHƯỢNG – *(nhìn Bình nuốt nước mắt)* Anh Bình ơi! Anh đang còn ở đây, em tưởng chừng như em đã xa anh ngót một năm trời rồi.

BÌNH – Em Phượng tội nghiệp của anh, sao em lại điên thế? Em vừa đi đâu kia hở, em điên rồ của anh?

PHƯỢNG – *(gạt nước mắt, cầm tay Bình)* Một mình em cứ thế chạy mãi giữa mưa, em chẳng biết đâu vào đâu cả. Trên đầu giời sấm sét, trước mặt em chỉ thấy tối mò mò một khối, em không nhớ gì nữa hết, mơ màng dường như có lúc em nghe đẻ em kêu đằng sau, nhưng em sợ quá, em cứ chạy liều mạng, em cứ nhất định tìm cho ra con sông ở trước cửa nhà ta mà nhảy xuống cho rồi!

BÌNH – *(cầm tay Phượng)* Phượng!

PHƯỢNG – ... Thế mà chẳng biết vì sao tìm chẳng thấy con sông ở đâu cả!

BÌNH – A! Thiệt anh tệ với Phượng quá đi mất, Phượng tha lỗi cho anh nhé! Em tha lỗi cho anh, em đừng trách anh, em Phượng nhé!

PHƯỢNG – Anh ạ, em cứ lần mò đi như thế mà rồi rút cục lại đâm đầu vào đây; em chạy đến chỗ vườn hoa, nơi chỗ cột điện gẫy, em bỗng nghĩ đến chuyện chết quách cho xong. Em biết rằng, chỉ đụng vào nơi đây điện một tí thôi, là em có thể quên hết mọi sự. Nhưng rồi em lại thấy ngọn đèn trên cửa sổ buồng anh, thế là em chắc rằng anh còn ở nhà. Em lại nghĩ ngay rằng không nên chết như vậy, rằng em không thể chết một mình, em không xa anh được, em nghĩ rằng chúng ta có thể cùng nhau đi, chúng ta phải cùng nhau đi xa hẳn chốn này... Anh Bình ơi! Anh...

BÌNH – *(nghỉ ngợi)* Phải! Chúng mình sẽ đi xa, xa hẳn chỗ này.

PHƯỢNG – Chỉ còn một đường ấy nữa thôi, anh ạ. Em bây giờ không có nhà cửa, anh em ghét em chết gan chết ruột, em cũng không mặt nào gặp lại đẻ em nữa. Bây giờ em không còn một tí gì trên đời này. Không một ai là bà con, là bè bạn nữa. Em chỉ còn anh nữa thôi, anh Bình, thôi ngày mai anh đem em đi cùng nhé.

BÌNH – *(nghỉ ngợi một lúc, lắc đầu)* Không! Không!

PHƯỢNG – *(thất vọng)* Anh Bình ơi!...

BÌNH *(nhìn Phượng)* Không, không!... Chúng ta phải đi ngay bây giờ đi thôi.

PHƯỢNG *(ngờ vực)* Thế nào? Đi ngay bây giờ?...

BÌNH – *(chứa chan ân ái)* Ừ! Trước kia anh định đi một mình lên trước đã, rồi sẽ đón em lên sau. Nhưng bây giờ không cần.

PHƯỢNG – Thiệt nhé! Cùng đi nhé!

BÌNH – Ừ, thiệt hẳn chứ!

PHƯỢNG – *(sung sướng, đứng dậy cầm tay Bình hôn, gạt nước mắt)* Thiệt nhé! Thiệt nhé! Anh Bình nhé! Anh là người tốt lòng, anh là người tốt lòng nhất thiên hạ, anh là... anh của em, anh vừa cứu em sống.

BÌNH – *(vẻ cảm động, lấy khăn lau nước mắt)* Phượng, từ nay về sau chúng mình sẽ mãi mãi ở cùng nhau một chỗ, không bao giờ xa nhau nữa.

PHƯỢNG – Ừ! Thế thì chúng mình đi xa hẳn chỗ này, và sẽ cùng nhau ở chung mãi.

BÌNH – Ừ, nhưng Phượng ạ, trước lúc đi, chúng mình hẵng gặp một người đã, xong ta hẵng đi.

PHƯỢNG – Người nào kia?

BÌNH – Anh Phượng ấy!

PHƯỢNG – Anh Hải ấy à?

BÌNH – Ừ, Hải tìm Phượng, Hải đang ngồi trong phòng ăn này.

PHƯỢNG – *(sợ hãi)* Không, không! Anh đừng gặp anh ấy. Anh ấy giận anh lắm. Anh ấy có thể giết anh được kia! Thôi đi đi, chúng ta đi ngay đi!

BÌNH – *(an ủi)* Anh đã gặp Hải rồi... Thế nào chúng mình cũng phải gặp qua Hải một lần... Không có chúng mình đi cũng không lọt kia.

PHƯỢNG – Nhưng anh ạ; anh...

(Bình chạy vào phía buồng ăn)

BÌNH – Anh Hải! Anh Hải đâu rồi!... Kìa! Vừa ở đây lại đi đâu rồi? Lạ quá! Có lẽ lại đi ra đằng cửa kia chắc!

PHƯỢNG *(chạy lại gần Bình khẩn khoản)* Thôi, kệ anh ấy, chúng mình đi đi thôi anh ạ! *(kéo Bình đi về phía cửa giữa)* Chúng mình cứ thế này đi đi thôi!

(Phượng dắt Bình đi về phía cửa giữa, cửa giữa mở dần dần, Thị Bình và Hải đi vào)

(Sau hai giờ chạy tìm con giữa mưa, Thị Bình đã khác hẳn người hồi nãy, quầng mắt sâu hóp hẳn vào, Thị Bình chỉ đứng nhìn xuống, vẻ đau khổ và thất vọng, mái tóc vẫn còn ướt nhiều chỗ, tay run, đi chậm chạp; khi nói tiếng khản hẳn đi).

PHƯỢNG – *(sợ hãi)* Ấy, đẻ! *(rụt rè)*

Thị Bình nhìn con rất đau đớn)

THỊ BÌNH – *(đưa tay vẫy con)* Phượng ơi! Con đi tới đây.

lại gần hơn).

BÌNH – *(ngoảnh lại bảo Hải)* Đúng là Phượng rồi.
(tiếng gọi nơi cửa giữa)

BÌNH – Bây giờ anh hãng lánh qua phòng này một chốc. Phượng nó không hề tưởng là anh ở đây. Đừng để nó thấy anh; nó sợ, tội nghiệp!

(Đưa Hải đi về phía phòng ăn, Hải đi vào)

Tiếng PHƯỢNG *(phía bên ngoài rất khẽ)* – Anh Bình! Anh Bình!

BÌNH – *(chạy nhanh đến cửa giữa)* Phượng! *(mở cửa)* Vào đây.
Phượng đi vào, đầu tóc tán loạn, áo quần ướt sạch, nước mắt lẫn nước mưa trên má, rét run cả mình, hàm răng đánh cầm cập, đứng ngẩn người nhìn Bình một lúc)

PHƯỢNG – Anh Bình ơi!

BÌNH – *(vẻ cảm động)* Em Phượng!

PHƯỢNG – *(vẻ sợ hãi)* Không có ai trong nhà chứ?

BÌNH – *(vẻ thương xót)* Không ai hết! *(cầm tay Phượng)*

PHƯỢNG – Anh ơi! *(ôm lấy Bình khóc nức nở)*

BÌNH – Thế nào? Tại sao mà Phượng đến thế này hở Phượng? Sao Phượng lại tới đây tìm anh? Đi vào lối nào?

PHƯỢNG – Em đi vào lối cửa sau.

BÌNH – Tay em lạnh như giá ấy, em phải thay áo đi chứ.

PHƯỢNG – Không, anh ơi! *(khóc sụt sùi)* Để em nhìn anh tí đã!

BÌNH – *(đưa Phượng đến chiếc sô pha, ngồi xuống một bên)* Em Phượng! Hồi nãy em đi đường nào?

PHƯỢNG – *(nhìn Bình nuốt nước mắt)* Anh Bình ơi! Anh đang còn ở đây, em tưởng chừng như em đã xa anh ngót một năm trời rồi.

BÌNH – Em Phượng tội nghiệp của anh, sao em lại điên thế? Em vừa đi đâu kia hở, em điên rồ của anh?

PHƯỢNG – *(gạt nước mắt, cầm tay Bình)* Một mình em cứ thế chạy mãi giữa mưa, em chẳng biết đâu vào đâu cả. Trên đầu giời sấm sét, trước mặt em chỉ thấy tối mò mò một khối, em không nhớ gì nữa hết, mơ màng dường như có lúc em nghe đẻ em kêu đằng sau, nhưng em sợ quá, em cứ chạy liều mạng, em cứ nhất định tìm cho ra con sông ở trước cửa nhà ta mà nhảy xuống cho rồi!

BÌNH – *(cầm tay Phượng)* Phượng!

PHƯỢNG – ... Thế mà chẳng biết vì sao tìm chẳng thấy con sông ở đâu cả!

BÌNH – A! Thiệt anh tệ với Phượng quá đi mất, Phượng tha lỗi cho anh nhé! Em tha lỗi cho anh, em đừng trách anh, em Phượng nhé!

PHƯỢNG – Anh ạ, em cứ lần mò đi như thế mà rồi rút cục lại đâm đầu vào đây; em chạy đến chỗ vườn hoa, nơi chỗ cột điện gẫy, em bỗng nghĩ đến chuyện chết quách cho xong. Em biết rằng, chỉ đụng vào nơi dây điện một tí thôi, là em có thể quên hết mọi sự. Nhưng rồi em lại thấy ngọn đèn trên cửa sổ buồng anh, thế là em chắc rằng anh còn ở nhà. Em lại nghĩ ngay rằng không nên chết như vậy, rằng em không thể chết một mình, em không xa anh được, em nghĩ rằng chúng ta có thể cùng nhau đi, chúng ta phải cùng nhau đi xa hẳn chốn này... Anh Bình ơi! Anh...

BÌNH – *(nghĩ ngợi)* Phải! Chúng mình sẽ đi xa, xa hẳn chỗ này.

PHƯỢNG – Chỉ còn một đường ấy nữa thôi, anh ạ. Em bây giờ không có nhà cửa, anh em ghét em chết gan chết ruột, em cũng không mặt nào gặp lại đẻ em nữa. Bây giờ em không còn một tí gì trên đời này. Không một ai là bà con, là bè bạn nữa. Em chỉ còn anh nữa thôi, anh Bình, thôi ngày mai anh đem em đi cùng nhé.

BÌNH – *(nghĩ ngợi một lúc, lắc đầu)* Không! Không!

PHƯỢNG – *(thất vọng)* Anh Bình ơi!...

BÌNH *(nhìn Phượng)* Không, không!... Chúng ta phải đi ngay bây giờ đi thôi.

PHƯỢNG *(ngờ vực)* Thế nào? Đi ngay bây giờ?...

BÌNH – *(chứa chan ân ái)* Ừ! Trước kia anh định đi một mình lên trước đã, rồi sẽ đón em lên sau. Nhưng bây giờ không cần.

PHƯỢNG – Thiệt nhé! Cùng đi nhé!

BÌNH – Ừ, thiệt hẳn chứ!

PHƯỢNG – *(sung sướng, đứng dậy cầm tay Bình hôn, gạt nước mắt)* Thiệt nhé! Thiệt nhé! Anh Bình nhé! Anh là người tốt lòng, anh là người tốt lòng nhất thiên hạ, anh là... anh của em, anh vừa cứu em sống.

BÌNH – *(vẻ cảm động, lấy khăn lau nước mắt)* Phượng, từ nay về sau chúng mình sẽ mãi mãi ở cùng nhau một chỗ, không bao giờ xa nhau nữa.

PHƯỢNG – Ừ! Thế thì chúng mình đi xa hẳn chỗ này, và sẽ cùng nhau ở chung mãi.

BÌNH – Ừ, nhưng Phượng ạ, trước lúc đi, chúng mình hẵng gặp một người đã, xong ta hẵng đi.

PHƯỢNG – Người nào kia?

BÌNH – Anh Phượng ấy!

PHƯỢNG – Anh Hải ấy à?

BÌNH – Ừ, Hải tìm Phượng, Hải đang ngồi trong phòng ăn này.

PHƯỢNG – *(sợ hãi)* Không, không! Anh đừng gặp anh ấy. Anh ấy giận anh lắm. Anh ấy có thể giết anh được kia! Thôi đi đi, chúng ta đi ngay đi!

BÌNH – *(an ủi)* Anh đã gặp Hải rồi... Thế nào chúng mình cũng phải gặp qua Hải một lần... Không có chúng mình đi cũng không lọt kia.

PHƯỢNG – Nhưng anh ạ; anh...

(Bình chạy vào phía buồng ăn)

BÌNH – Anh Hải! Anh Hải đâu rồi!... Kìa! Vừa ở đây lại đi đâu rồi? Lạ quá! Có lẽ lại đi ra đằng cửa kia chắc!

PHƯỢNG *(chạy lại gần Bình khẩn khoản)* Thôi, kệ anh ấy, chúng mình đi đi thôi anh ạ! *(kéo Bình đi về phía cửa giữa)* Chúng mình cứ thế này đi đi thôi!

(Phượng dắt Bình đi về phía cửa giữa, cửa giữa mở dần dần, Thị Bình và Hải đi vào)

(Sau hai giờ chạy tìm con giữa mưa, Thị Bình đã khác hẳn người hồi nãy, quầng mắt sâu hóp hẳn vào, Thị Bình chỉ đứng nhìn xuống, vẻ đau khổ và thất vọng, mái tóc vẫn còn ướt nhiều chỗ, tay run, đi chậm chạp; khi nói tiếng khản hẳn đi).

PHƯỢNG – *(sợ hãi)* Ấy, đẻ! *(rụt rè)*

Thị Bình nhìn con rất đau đớn)

THỊ BÌNH – *(đưa tay vẫy con)* Phượng ơi! Con đi tới đây.

PHƯỢNG – Đẻ ơi! Đẻ ơi! (*chạy tới, quỳ xuống ôm lấy gối Thị Bình)*

THỊ BÌNH – (*vuốt đầu Phượng)* Con, con tội nghiệp của đẻ ơi!

PHƯỢNG – *(khóc thất thanh)* Đẻ ơi! Đẻ tha thứ cho con, đẻ tha thứ cho con, đẻ nhé!

THỊ BÌNH (*dìu Phượng dậy)* Sao con không nói cho đẻ rõ từ trước hở con?

PHƯỢNG – (*cúi đầu)* Con yêu đẻ, con sợ, con không muốn làm đẻ phiền lòng, con sợ đẻ mắng, con không dám nói cùng đẻ.

THỊ BÌNH – *(đau đớn, vẻ mặt âm thầm)* Thôi thì cũng chỉ vì đẻ con vớ vẩn; lẽ ra đẻ phải nghĩ đến sự tình này từ trước thì hơn. Nhưng nào đẻ có ngờ đâu là lại có những câu chuyện thế này; là con cái tôi lại vấp lấy cảnh éo le thế này! Con ạ, cái kiếp đẻ con khổ quá, nhưng các con...

HẢI – Thôi đẻ ạ, đi về đi, Phượng, mày cũng hẳng cùng về một thể đã... Con đã *(chỉ vào Bình)* bàn cùng Bình rồi. Bình sẽ đi trước, rồi đón Phượng lên sau.

THỊ BÌNH – *(mơ màng)* Chết! Ai bảo thế? Ai bảo thế?

HẢI – Đẻ ạ, con hiểu ý đẻ. Nhưng cũng chẳng có thể làm thế nào khác. Thôi thì để cho chúng nó cùng đi đi thôi, đẻ ạ

THỊ BÌNH – *(ngó ngẩn ngồi xuống)* Thế nào? Để cho chúng nó đi thế nào?

BÌNH – *(ấp úng)* Già, xin già cứ tin tôi. Tôi sẽ không bao giờ bạc với Phượng. Chúng tôi đã định đi ngay bây giờ.

THỊ BÌNH – *(run cầm cập, cầm tay Phượng)* Phượng, thế con... con định đi cùng nó ư?

PHƯỢNG – *(cúi đầu, nắm chặt tay Thị Bình)* Đẻ, thì con cũng đành phải đi xa chỗ này đi thôi. Biết thế nào bây giờ?

THỊ BÌNH – Chúng con cùng nhau ăn, ở một chỗ thế nào được?

HẢI – Đẻ, sao thế hở đẻ?

THỊ BÌNH – Không, không được mà!

PHƯỢNG – *(khẩn khoản)* Đẻ ơi!

THỊ BÌNH – *kéo Phượng đi)* Thôi, đi về thôi, con ạ! *(bảo Hải)* Con đi ra gọi cái xe, con Phượng chắc là bước không được nữa, chúng ta đi về, đi về thôi, nhanh lên, con!

PHƯỢNG – Đẻ ơi, đẻ nỡ lòng nào!

THỊ BÌNH – Không, không xong, đi về, đi về nhà thôi, con ạ!

PHƯỢNG – Đẻ ơi! Đẻ nhất định muốn cho con chết ngay trước mắt đẻ sao?

BÌNH – Thưa với già, tôi biết tôi không phải với già nhiều. Nhưng tôi sẽ xin cố gắng hết sức để chuộc lại tội lỗi. Bây giờ sự tình đã đến thế này, thôi thì...

HẢI – Đẻ, thiệt con chẳng hiểu vì sao mà lần này đẻ...

THỊ BÌNH – *(gắt)* Con đi ra thuê xe cho đẻ đi! *(bảo Phượng)* Này, Phượng này, con nghe lấy: thà đẻ không có con nữa còn hơn là đẻ để cho con cùng nó ăn ở một chỗ... Thôi ta đi về, đi về...

(Hải vừa ra tới cửa, Phượng la lên một tiếng)

PHƯỢNG – Trời ơi! Đẻ ơi! Đẻ ơi! *(ngất đi, ngã vào lòng Thị Bình)*

THỊ BÌNH – *(ôm lấy Phượng)* Con tôi ơi! Con...

BÌNH – Phượng bị ngất rồi!

(Thị Bình sờ trán con, gọi khẽ: "Phượng! Phượng ơi!" khóc nức nở, Bình chạy vào phía buồng ăn)

HẢI – Không cần... không cần phải đi đâu làm gì, có tí nước lã là được rồi, từ bé nó vẫn thế.

(Bình lấy nước lã đắp vào mặt Phượng, Phượng tỉnh dần dần)

THỊ BÌNH – *(ép nước lã vào mặt Phượng)* Phượng ơi! Con đẻ ơi! Con tỉnh lại, con tỉnh lại đi!

PHƯỢNG – *(mắt mở dần dần, thở ra một hơi dài)* A! Đẻ ơi!

THỊ BÌNH – Này con đẻ, con đừng trách đẻ nhẫn tâm; đẻ khổ, đẻ không thể nói ra được.

PHƯỢNG *(thở dài)* Đẻ...

THỊ BÌNH – Thế nào con, Phượng?

PHƯỢNG – *(bảo Bình)* Em phải nói hết cùng anh, để anh rõ.

BÌNH – Phượng đỡ tí nào không hở Phượng?

PHƯỢNG – Anh Bình, lâu nay em vẫn dấu anh, em không muốn nói cùng anh... *(nhìn Thị Bình vẻ xin tha thứ)* Đẻ ơi! đẻ, con không tài nào mở miệng nói cùng đẻ được!

THỊ BÌNH – Thế nào, con nói đi!

PHƯỢNG – *(sụt sùi)* Con, con... con hiện đã có... *(khóc nức nở).*

THỊ BÌNH – *(sợ hãi)* Thế nào? Con bảo con đã...

BÌNH – *(cầm tay Phượng)* Thế nào? Em Phượng, thiệt thế ư? Em...

PHƯỢNG – *(khóc nức nở)* Vâng.

BÌNH – Từ bao giờ kia? Từ bao giờ kia?

PHƯỢNG – Có lẽ đã ba tháng rồi.

BÌNH – Vậy sao Phượng không cho anh biết hở Phượng? Phượng của anh?...

THỊ BÌNH – *(nói khẽ)* Giời hỡi giời!

BÌNH *(tới trước mặt Thị Bình)* Thôi tôi xin già, trăm sự đều tự tôi, thôi thì già đừng cố chấp làm gì nữa, tôi van già!... *(quỳ sụp xuống)* Tôi van già, cho Phượng đi cùng tôi vậy. Tôi thề rằng: sau này tôi sẽ không bao giờ tệ bạc cùng Phượng, sẽ không bao giờ phụ lòng già.

PHƯỢNG – *(cũng quỳ xuống một bên Thị Bình)* Đẻ ơi! Đẻ thương... thương lấy chúng con cùng. Đẻ ừ đi một tiếng, cho chúng con đi vậy.

THỊ BÌNH – *(ngồi xuống như dại như si, im lặng trong một chốc)* Thiệt chẳng khác nào chuyện chiêm bao! Con gái của tôi... con gái tự mình sinh ra... Trời đất ơi! Ba mươi năm, tôi vất vả, khó nhọc... *(úp mặt khóc xua tay)* Thôi các con đi đi, từ nay đẻ không nhìn được các con nữa rồi. *(ngoảnh đầu vào phía tường).*

BÌNH – Thế thì... *(đứng dậy)* Phượng ơi! Chúng ta đi đi.

THỊ BÌNH – (*Bỗng quay đầu lại)* Không, không thể được! *(Phượng lại quỳ xuống)*

PHƯỢNG – Đẻ ơi, đẻ lại nghĩ thế nào? Lòng con thì nhất định thế rồi, đẻ ạ. Con quyết tâm rồi: bất kỳ là anh ấy đi đến đâu, thế nào hết, con cũng chỉ quyết lấy anh ấy thôi. Bình là người đầu tiên con yêu, con chỉ có thể yêu Bình. Đẻ ơi, bây giờ đã đến nông nỗi này, thì anh ấy đi đâu là con đi đấy, anh ấy ra thế nào, con cũng sẽ ra thế ấy. Đẻ ơi! đẻ cũng biết rằng: hiện giờ con...

THỊ BÌNH – *(đưa tay bảo Phượng đừng nói nữa)* Thôi, con ơi! Con đừng nói nữa.

HẢI – Đẻ ạ, bây giờ, sự tình đã đến thế này thì đẻ cho nó đi, đi đi là hơn.

BÌNH – Thưa với già, dầu già nhất định không cho Phượng đi cùng tôi, thì chúng tôi cũng sẽ phải buộc lòng làm trái ý già, và trốn ra đi mà thôi. Phượng ơi!

PHƯỢNG – *(lắc đầu)* Không đâu! Anh Bình ạ! *(nhìn Thị Bình)* Đẻ, đẻ ơi.

THỊ BÌNH – *(nói khẽ giọng rất âm thầm đau đớn)* A! Chỉ có giời biết ai là kẻ có tội, ai đã gây nên nghiệp chướng này!... Hai đứa chúng nó chỉ là hai đứa trẻ đáng thương. Nào chúng nó có biết là chúng làm những sự gì đâu! Giời ơi! Nếu như giời có muốn làm tội tôi thì trị một mình tôi là đủ rồi. Chỉ một mình tôi là kẻ đã làm nên tội lỗi. Chính tôi là người đã lỡ bước đầu tiên. *(thảm thiết)* Chúng nó là lũ trẻ ngây thơ, trong trẻo của tôi, chúng nó xứng đáng được sống mãi, được sống sung sướng mãi. Bao nhiêu oan nghiệp, đều tại lòng tôi cả, thôi thì bao nhiêu nỗi khổ, xin dành lại cho một mình tôi gánh cũng đủ rồi *(đứng dậy nhìn trời)* Tối hôm nay đây, cũng chính tôi đã cho chúng nó đi cùng nhau. Tôi biết tội tôi, nhưng bây giờ tôi vui lòng vì chúng nó mà gánh hết mọi tội lỗi. Bao nhiêu ác nghiệt chỉ một mình tôi gây nên. Con cái tôi còn đầu non tuổi trẻ, lòng nó còn trong sạch... Giời đất ơi! Dầu thiệt có thế nào nữa, thôi thì cũng cho một mình tôi gánh thay cho chúng nó vậy. *(ngoảnh đầu lại)* Này Phượng!...

PHƯỢNG – *(bối rối)* Đẻ ơi! Đẻ thế nào? Đẻ vừa nói những gì kia?

THỊ BÌNH *(bình tĩnh)* Không có gì đâu, con ạ. Thôi các con cùng nhau đi vậy.

PHƯỢNG *(cảm động ôm lấy Thị Bình)* Đẻ ơi!

BÌNH – Thôi chúng ta đi ngay đi. *(xem đồng hồ)* Chỉ còn hai mươi nhăm phút nữa là tầu chạy rồi, để anh đi gọi chúng nó đánh xe ra, chúng ta đi nhé.

THỊ BÌNH – Không, Phượng này, các con đi lần này, phải âm thầm trong bóng tối mà đi, chớ làm ai kinh động. *(bảo Hải)* Hải, con ra gọi chiếc xe cho đẻ về trước, rồi con đưa hai đứa chúng nó lên tầu sau.

HẢI – Vâng.

(Hải đi ra phía cửa giữa)

THỊ BÌNH – *(bảo Phượng)* Con đẻ lại đây đẻ yêu con một tí đã *(Phượng đi tới ôm lấy Thị Bình, Thị Bình nói cùng Bình)* Con cũng lại đây, để đẻ nhìn con một tí xem. *(Bình đi đến, cúi đầu, Thị Bình gạt nước mắt)* Thôi các con nhé!... Đẻ chỉ xin các con trước lúc đi phải thề cùng đẻ một điều.

BÌNH – Đẻ cứ nói đi!

THỊ BÌNH – Các con không bằng lòng, thì đẻ quyết không cho con Phượng đi đâu.

PHƯỢNG – Đẻ cứ nói đi, con xin vâng.

THỊ BÌNH – *(Nhìn Phượng và Bình)* Các con ra đi lần này, thì phải đi cho thiệt xa, đi mãi, đi mãi, không được trở về. Hôm nay là ngày xa nhau, dầu sống, dầu chết, từ rày các con nhất định không được gặp mặt đẻ nữa.

PHƯỢNG – *(khó chịu)* Đẻ ơi, không thể thế...

BÌNH – *(nháy mắt nói khẽ)* Hiện giờ đẻ còn bực bội, đẻ nói như vậy, sau này đẻ thế nào cũng nghĩ lại chứ!

PHƯỢNG – Thế thì vâng. Cũng được... Đẻ ơi, chúng con đi đẻ nhé?

(Phượng quỳ xuống, chảy nước mắt, cúi đầu lạy Thị Bình, Thị Bình cố nín khóc)

THỊ BÌNH – *(xua tay)* Thôi các con đi đi!

BÌNH – Chúng mình đi về phía phòng ăn đi ra vậy, anh còn ít đồ lề trong kia.

(Bình, Phượng, Thị Bình đi về phía phòng ăn vừa đến cửa thì cánh cửa hé mở, Phồn Y đi ra, ba người đều giật mình đứng lại nhìn)

PHƯỢNG – *(thất thanh)* Kìa bà!

PHỒN Y – Ấy, đi đâu vội thế? Ngoài kia giời còn sấm sét đùng đùng kia kìa!

BÌNH – *(bảo Phồn Y)* Một mình đứng ngoài nghe trộm chuyện người ta, là nghĩa làm sao?

PHỒN Y – Ấy! Không phải một mình, còn người nữa kia! *(gọi vào phía buồng ăn)* Ra đây, con!

(Xung đi từ phía buồng ăn đi ra, bước ngập ngừng)

PHƯỢNG – *(sợ hãi)* Kìa anh Hai!

XUNG – *(vẻ áy náy)* Phượng!

BÌNH – *(buồn bã hỏi em)* Em Xung, sao em cũng vớ vẩn như vậy?

PHỒN Y – *(lạnh lùng)* Đấy, bây giờ thì mày biết rồi đấy!

BÌNH – *(nóng mặt bảo Phồn Y)* Mợ định làm trò gì mới được chứ?

PHỒN Y – *(mỉa mai)* Làm gì đâu, cho em anh lại tiễn chân anh đấy thôi!

BÌNH – *(tức tối)* Đê tiện đến thế là cùng!

XUNG – Kìa anh!

BÌNH – Xin lỗi em... *(nhìn vào mặt Phồn Y)* Nhưng thiệt trên đời này, không có một bà mẹ nào như thứ người ấy!

XUNG – *(ngó ngẩn)* Mợ, việc gì thế này?

PHỒN Y – Mày nhìn lấy đấy, thì biết. *(hỏi Phượng)* Phượng định đi đâu kia?

PHƯỢNG – *(ấp úng)* Con... con...

BÌNH – Không giấu giếm nửa lời! Cứ nói vào mặt cho người ta biết, nói toạc ra, cho người ta biết chúng mình sẽ cùng nhau đi!

XUNG – Thế nào, Phượng, Phượng định đi cùng anh Cả ư?

PHƯỢNG – Vâng, anh Hai ạ, tôi, tôi đã...

XUNG – Thế sao Phượng không cho tôi biết?

PHƯỢNG – Không phải tôi giấu anh. Tôi đã nói cùng anh rồi chứ. Tôi đã bảo anh rằng anh đừng đeo đẳng cùng tôi vì rằng tôi... tôi đã...

BÌNH – *(bảo Phượng)* Tội gì mà Phượng phải nói thế? Cứ nói thẳng vào mặt cho chúng nó nghe! *(chỉ vào Phồn Y)* Nói cho nó biết rằng Phượng sẽ lấy tôi!

XUNG – Phượng ơi! Thế là Phượng...

PHỒN Y – *(bảo Xung)* Đấy, bây giờ mày biết rõ sự tình rồi đấy. *(Xung cúi đầu)*

BÌNH – *(bảo Phồn Y)* Bà thiệt là một người đàn bà không có một tí gì là nhân tâm nữa! Bà tính là con bà sẽ vì bà mà... đi phá đám chúng tôi chắc! *(bảo Xung)* Em Xung, em nói đi, em nghĩ thế nào, em cứ nói cho anh nghe, em định làm gì anh, em nói đi cho anh nghe.

(Xung nhìn Phồn Y, lại nhìn sang Phượng, rồi cúi đầu)

PHỒN Y – Kìa thằng Xung, mày nói đi chứ! Sao mày không nói một câu gì cả, hở Xung? Sao mày không hỏi xem? Sao mày không hỏi ông anh mày xem *(Mọi người nhìn Xung, Xung chỉ đứng im)* Xung, nói đi con! Mày thế nào kia! Mày chết hay mày còn sống? Hay là mày câm, mày si rồi? Mày thấy sự tình như vậy, mà mày đứng yên được, không há miệng nói nửa lời ư?

XUNG – *(ngẩng đầu lên)* Không, không đâu mợ ạ! *(nhìn Phượng, cúi đầu xuống)* Cái ấy chỉ là tuỳ lòng Phượng, con không nói gì hết.

BÌNH – *(đi tới gần Xung, cầm tay Xung)* Em Xung, tâm hồn của em bao giờ cũng trong trẻo, sáng sủa.

XUNG – Không, không phải thế! Nhưng dường như giờ đây tôi mới hiểu rằng... là xưa kia có lẽ tôi không thiệt yêu Phượng... Lâu nay chẳng qua tôi... tôi... tôi nói nhảm mà thôi. *(nhìn Bình, thấy Bình nét mặt hớn hở, nói tiếp, rụt rè)* Thôi thì, anh đem Phượng đi vậy, em chỉ mong anh bao giờ cũng sẽ rất tử tế với Phượng.

PHỒN Y – A! Thứ mày, thứ mày nữa! Mày không phải là con tao! Mày không giống tao tí nào, Xung ạ! Mày không có một tí gì là chí khí làm trai hết! Tao mà là mày ấy à, thì tao sẽ đánh nó, sẽ thui nó, sẽ giết nó đi! Mày thiệt là thứ sâu bọ ngu si, không có lấy một tí chí khí nào hết! Tao lầm, tao đã xét lầm mày... Mày không phải là con tao sinh ra, mày không phải là con tao!

XUNG – *(đau đớn)* Mợ, mợ thế nào thế hở, mợ?

PHỒN Y – Thôi, mày đừng nhận mợ mày là mẹ nữa? Mợ mày chết từ những bao giờ rồi kia? Mợ mày đã bị ba mày dầy vò chết, chết từ những bao giờ rồi kia! *(gạt nước mắt)* Tôi đau, tôi khổ đã mấy năm giời nay rồi. Trong cái nhà chết người này, tôi hầu hạ ông Diêm Vương đã mười tám năm giời nay. Mặc dầu, quả tim tôi vẫn chưa chết hẳn. Ông ấy chỉ trông sao cho tôi sinh ra thằng Xung, nhưng lòng tôi, đời người tôi vẫn là của tôi chứ! *(chỉ vào Bình)* Chỉ có một mình nó là có thể yêu một người như tôi, nhưng bây giờ nó không yêu, nó không nghĩ gì đến tôi nữa!

XUNG – *(đau đớn)* Mợ ơi! Mợ yêu mến của con ơi, sao mà đến thế này, hở mợ?

BÌNH – Em để vậy, kệ bà ấy, lại lên cơn điên rồi đấy!

PHỒN Y – Thôi, anh đừng học giọng nói của ba anh nữa. Đồ giả dối! Không điên!... Tôi không điên bao giờ! Tôi muốn Bình nói đi, tôi xin Bình hãng nói trắng ra cho mọi người rõ... Đây đã đến hơi thở cuối cùng của tôi rồi.

BÌNH – Mợ bảo tôi nói gì? Tôi xem chừng mợ nên lên gác nghỉ đi là hơn.

PHỒN Y – *(cười lạt)* Thôi Bình đừng vớ vẩn nữa, Bình cứ nói trắng ra cho mọi người biết rằng tôi không phải là kế mẫu của Bình!... *(mọi người đều tỏ vẻ lạ lùng kinh sợ).*

XUNG – Mợ ơi!

PHỒN Y – Nói đi! Nói cho mọi người biết đi, nói cùng con Phượng cho nó rõ với.

PHƯỢNG – Đẻ ơi! *(chạy sập vào lòng Thị Bình)*

PHỒN Y – Mày nhớ lấy, chính mày mới là người dối em mày... Mày đã dối tao, mày mới thiệt là người lừa dối ba mày!

BÌNH *(nói với Phượng)* Kệ thây bà ấy, cơn điên lại lên rồi! Thôi chúng mình đi ngay đi.

PHỒN Y – Đi đằng nào? Cửa lớn khoá rồi. Ba anh xuống đây bây giờ đấy, tôi đã cho người đi mời rồi.

BÌNH – Mợ định làm gì mới được?

PHỒN Y – *(lạnh lùng)* Chả làm gì sốt, chỉ để cho ba anh nhìn thấy nàng dâu chính đính của cụ, trước khi hai vợ chồng anh lên đường mà thôi! *(la to)* Ông Phác Viên đâu rồi! Ông Phác Viên ơi!

XUNG – Mợ ơi! Mợ đừng làm thế!

BÌNH – *(đi tới trước mặt Phồn Y, bộ dữ tợn)* Đồ con điên! Cứ hét to lên tôi bảo cho!

(Phồn Y chạy về phía buồng giấy gọi to)

THỊ BÌNH *(hoảng)* Phượng, Phượng ơi, ra ta về đi, con.

PHỒN Y – Rồi hẵng! Ông ấy ra đây rồi.

(Phác Viên từ phía buồng giấy đi ra, mọi người đứng im)

PHÁC VIÊN – Mợ la gì om sòm lên làm vậy? Khuya rồi còn chưa lên gác đi ngủ đi?

PHỒN Y – Tôi mời ông ra tiếp bà con họ nhà gái.

PHÁC VIÊN – *(thấy Thị Bình và Phượng, giật mình)* A! Mụ... Các người làm gì thế này?

PHỒN Y – *(kéo Phượng đến trước mặt Phác Viên)* Đây! Nàng dâu của ông đây, nhìn xem! *(chỉ Phác Viên, bảo Phượng)* Chào ba đi chứ! *(chỉ Thị Bình, bảo Phác Viên)* Bà cụ già này chắc ông cũng biết là ai rồi.

THỊ BÌNH – Ấy! Bà...

PHỒN Y – Và Bình cũng lại đây. Tiện có mặt ông cụ, Bình lễ bà nhạc đi!

BÌNH – *(khổ sở)* Thưa ba con... con...

PHÁC VIÊN – Thế nào... *(bảo Thị Bình)* Bà... Thị Bình, thế bà lại còn giở lại...

PHỒN Y – *(giật mình)* Chết! Thế nào cơ?

THỊ BÌNH – *(hoảng hốt)* Không, không phải mà, cụ nhớ nhầm rồi.

PHÁC VIÊN – *(hối hận)* À! Bà Thị Bình, tôi cũng vẫn mong là bà sẽ trở lại một lần nữa.

THỊ BÌNH – Không, không đâu. *(cúi đầu)* A! Giời đất ơi!

PHỒN Y – *(ngạc nhiên)* Thị Bình? Thế nào bà này tên là Thị Bình ư?

PHÁC VIÊN – Ừ, *(chán ngán)* Thôi mợ đừng hỏi gạn làm gì nữa. Chính bà này là đẻ thằng Bình, là người đã chết ba mươi năm nay rồi đấy.

PHỒN Y – A! Giời ơi!

(Im lặng trong một lát, Phượng la lên một tiếng và nhìn Thị Bình. Thị Bình cúi đầu, Bình ngẩn người, bối rối đứng nhìn Phác Viên và Thị Bình, Phồn Y dường như cảm thấy rằng: ngoài bản thân mình còn có một số người khác mà vận mạng lúc này cũng đang bị đe doạ. Phồn Y đi dần dần đến bên Xung và nhìn con một cách ân hận).

PHÁC VIÊN – *(đau đớn)* Bình, con, con đi lại đây. Đẻ con vẫn chưa chết, đẻ con vẫn còn sống, còn sống đây.

BÌNH – *(điên cả người)* Không phải! Ba, ba bảo con đi, ba bảo con là không phải đẻ con đấy.

PHÁC VIÊN – Đồ hỗn! Bình! Không được nói nhảm. Dầu đẻ con có khổ sở một đời chăng nữa, thì cũng vẫn là đẻ của con.

BÌNH *(đau đớn)* Ba ơi! Giời ơi!

PHÁC VIÊN – Con hãy thấy rằng con cùng con Phượng là cùng một mẹ mà lấy làm nhục. Con chớ quên nhân luân, thiên tính, con ạ.

PHƯỢNG – *(đau đớn nói cùng Thị Bình)* Đẻ ơi!

PHÁC VIÊN – Bình, con đừng trách ba. Đây là cái tội lỗi rất lớn trong đời của ba. Nào ba có bao giờ ngờ rằng đẻ con ngày nay vẫn còn sống và hôm nay lại tìm đến đây! Thôi thì cũng chỉ có thể nói là giời xanh xui khiến... *(bảo Thị Bình)*. Bây giờ tôi già rồi. Hồi chiều, sau lúc tôi giục bà về Tế – Nam, tôi lại lấy làm ăn năn. Cho nên tôi đã tính gửi theo cho bà số tiền hai vạn đồng. Bây giờ bà đã giở lại đây, tôi nghĩ lại thằng Bình là một đứa con hiếu thảo chắc rằng sau này nó sẽ biết hầu hạ đẻ nó đến nơi đến chốn. Thế nào nó cũng có thể chuộc những điều không phải của ba nó đối với đẻ nó ngày xưa.

BÌNH *(nói cùng Thị Bình)* Vậy, đẻ, đẻ là...

THỊ BÌNH – Con ơi!... *(khóc sụt sùi)*

PHÁC VIÊN – Bình, con quỳ xuống lạy đẻ con đi. Con đừng tưởng là giấc chiêm bao, chính đẻ con đấy.

PHƯỢNG – *(mê mẩn, hoảng hốt)* Đẻ ơi, lẽ nào lại thế hở đẻ? *(Thị Bình không giả lời chỉ nức nở khóc)*

PHỒN Y – *(hối hận bảo Bình)* Bình, tôi... thiệt tôi không hề tưởng đến sự tình lại... lại ra thế này, Bình...

BÌNH – *(nói cùng Phác Viên)* Ba! *(nhìn Thị Bình)* Đê!

PHƯỢNG – *(nhìn Bình)* Giời ơi! *(chạy ra phía cửa giữa, Bình ngồi sụp xuống chiếc xô pha, Thị Bình đứng ngẩn người)*

PHỒN Y – *(la to)* Phượng ơi! Phượng ơi! *(bảo Xung)* Này con, xem hộ con Phượng nó có vẻ thế nào ấy, con chạy ra theo nó xem.

(Xung chạy ra phía cửa giữa, vừa chạy vừa gọi Phượng)

PHÁC VIÊN – *(đi đến trước mặt Bình)* Này con, Bình, câu chuyện là thế nào?

BÌNH – Ba, ba sinh ra con làm gì hở ba?!

(Xa xa nghe tiếng Phượng la ré thảm thiết, rồi nghe tiếng Xung gọi Phượng, cuối cùng tiếng Xung cũng hét lên nghe ghê người)

THỊ BÌNH – *(nói cùng một lúc với Phồn Y)* Phượng ơi! Con thế nào thế hở con?

PHỒN Y – Con tôi, con tôi đâu? Thằng Xung tôi đâu rồi?

(Hai người cùng chạy ra phía cửa giữa)

PHÁC VIÊN – *(lật đật chạy đến cửa sổ, vén màn cửa kính, nhìn ra ngoài, run cả tiếng)* Thế nào? Thế nào kia?

(Một người đầy tớ chạy từ phía cửa giữa vào)

NGƯỜI ĐẦY TỚ – *(thở hồng hộc) Bẩm cụ...*

PHÁC VIÊN – Gì cơ? Nói nhanh lên!

NGƯỜI ĐẦY TỚ – *(thất thanh)* Bẩm... bẩm... cô Phượng... cô Phượng... chết rồi...

PHÁC VIÊN – Thế anh Hai đâu?

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Bẩm... bẩm... anh Hai cũng... mất rồi.

PHÁC VIÊN – *(run tiếng)* Không... Không thể... không thể!... Thế nào?

NGƯỜI ĐẨY TỚ – Bẩm... bẩm... Số là cô Phượng chạy vấp ngay vào cái giây điện ngoài kia, anh Hai con không biết cũng chạy tiếp tục lại níu lấy cô Phượng, hai người cùng... bị điện giật chết cả hai.

PHÁC VIÊN – *(cơ hồ ngất đi)* Lẽ nào!... Lẽ nào lại đến thế?... Không có thể, Không thể thế được...

(Phác Viên cùng người đẩy tớ đi ra. Bình từ phía buồng ăn đi vào, mặt trắng nhợt nhưng có vẻ bình tĩnh, đi tới chỗ bàn rút lấy khẩu súng trong cặp, rồi thong thả đi vào phía buồng giấy.

Ngoài kia tiếng người ồn ào, tiếng khóc, tiếng la, tiếng gọi. Thị Bình đi từ phía cửa giữa vào, sắc mặt xanh nhớt. Một người đẩy tớ theo sau, tay cầm ống điện)

NGƯỜI ĐẨY TỚ – *(thấy Thị Bình đứng im phăng phắc, bảo Thị Bình)* Cụ già, sao cụ đứng ngẩn người ra làm vậy? Hỏng! Hỏng rồi! Cụ muốn khóc, cứ khóc đi, khóc to lên.

THỊ BÌNH – Tôi không tài nào khóc được nữa!

NGƯỜI ĐẨY TỚ – Đành thế, biết làm thế nào? ... Nhưng mà muốn khóc thì cứ việc khóc.

THỊ BÌNH – Không, không! Tôi... Tôi...

(Cửa giữa mở to, nhiều người đẩy tớ đi theo Phồn Y vào, mặt Phồn Y có vẻ cười dở, khóc dở) (Một người đẩy tớ đứng ở mé ngoài) – Bẩm bà, xin mời bà đi vào, bà đừng đứng nhìn nữa.

PHỒN Y – *(bị mấy người đẩy tớ dẫn vào phía cửa giữa đứng tựa cửa nhìn ra, vẻ mặt rất quái gở)* Xung ơi! Con mợ

ơi! Sao con lại há miệng ra thế kia, hở con? làm sao mà con cứ nhìn trừng trừng vào mặt mợ mà cười làm vậy hở con?... Xung ơi! Con mợ ơi! Con ngớ ngẩn của mợ ơ!

PHÁC VIÊN – *(đi từ phía cửa giữa vào, nước mắt lưng tròng)* Thôi! Mợ đi vào. Tay chân tôi rã rời ra cả rồi. Thôi mợ đừng nhìn nữa!
(Một người đầy tớ già) – Thôi để mời bà vào nhà cho. Người bị điện giật cháy khô đi thế này rồi không có cách nào nữa!

PHỒN Y – *(đi vào khóc khản cả tiếng)* Xung ơi! Con mợ ơi! Con yêu của mợ... Vừa hồi nãy đây, con đang sống đây kia mà, sao bây giờ con đã chết rồi, sao con chết thảm thiết thế hở con?

PHÁC VIÊN – Mợ bình tĩnh lại một tí *(lau nước mắt)*.

PHỒN Y – *(vẻ mặt cười gằn)* Xung ơi! Con mợ ơi, con chết đi cũng phải. Con chết đi cũng phải! Mợ con hư đốn đến thế, con chết đi cũng phải?
(Ngoài cửa, tiếng mấy người đầy tớ giằng co cùng Hải)

PHÁC VIÊN – Đứa nào đấy? Đứa nào mà lúc này còn gây bậy ngoài kia? *(người đầy tớ đi ra hỏi, ngay lúc ấy một người đầy tớ khác đi vào)*.

PHÁC VIÊN – Việc gì mà ngoài kia om sòm lên làm vậy?

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Bẩm cụ lại cái bác Hải hội trưa ấy ạ! Hắn lại vừa đến gây chuyện với chúng con.

PHÁC VIÊN – Bảo nó vào đây.

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Bẩm cụ nó đấm; nó đá chúng con. Bọn chúng con có mấy người vừa bị thương kia đấy ạ. Bây giờ nó nhẩy qua cửa sau đi mất rồi.

PHÁC VIÊN – Nó đi rồi ư?

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Bẩm cụ vâng.

PHÁC VIÊN – *(ngẫm nghĩ một lúc)* Đuổi theo nó đi, đuổi theo gọi nó giở lại đây.

NGƯỜI ĐẦY TỚ – Bẩm cụ, vâng.

(Bọn đầy tớ cùng nhau đi ra, trong phòng chỉ còn Phác Viên, Thị Bình và Phồn Y)

PHÁC VIÊN – *(đau đớn)* Ta bỏ mất một đứa con rồi, không có thể bỏ nốt thằng nữa. (Cả ba người ngồi xuống)

THỊ BÌNH – Thôi vậy, để cho nó đi vậy, nó đi đi là hơn. Tôi biết tính khí thằng Hải rồi; tôi biết nó căm ông lắm, nó không trở lại cùng ông nữa đâu.

PHÁC VIÊN – *(cảm thấy lạnh lùng, tịch mịch)* Mới ngần ấy tuổi đầu, mà... thế là nó đi, đi trước cả bọn mình nữa... Bây giờ còn lại mấy mạng già này nữa thôi... *(giật mình)* À! Thằng Bình đâu, thằng Cả đâu? Con ơi, Bình ơi! *(không thấy giả nhời)*. Chúng mày đâu? Chúng mày có đứa nào trong ấy không? *(vẫn không ai giả nhời)* Chúng mày đi tìm hộ tao đi, tìm thằng Cả tao về đây cho tao. *(Trong buồng giấy, một tiếng súng nổ, im phăng phắc ở phòng ngoài)*

PHỒN Y – *(giật mình)* Trời ơi! *(chạy về phía buồng giấy. Phác Viên đứng ngẩn người, một lát. Phồn Y chạy từ phía buồng giấy ra, la thất thanh)* Bình... Bình... nó...

PHÁC VIÊN – Nó... Nó...

(Phác Viên cùng Phồn Y đều chạy về phía buồng giấy).

ĐẶNG THAI MAI *dịch*

(Lôi Vũ, NXB Văn hóa, HN, 1958)

TÓM TẮT CỐT TRUYỆN KỊCH "NHẬT XUẤT"

Nhân vật chính của "Nhật xuất" là Trần Bạch Lộ – một kỹ nữ thượng lưu trong một thành phố tư bản chủ nghĩa. Phương Đạt Sinh, người yêu cũ từ quê lên định cứu Bạch Lộ ra khỏi bùn dơ nhưng cô từ chối và mời chàng ở lại chơi xem người ở đây sống như thế nào. Đạt Sinh tiếp xúc với đủ loại người thượng lưu và chứng kiến tất cả những bất công của xã hội đó. Trương Giooc – "người Hoa thượng đẳng" du học ở Mỹ về, bỏ vợ con cầu hôn Bạch Lộ. Tư Hồ "người đẹp trai nhất Trung Quốc" chim chuột mụ Bát Cố to béo để đào mỏ. Phan Nguyệt Đình, tên tư sản ngân hàng đỡ đầu Bạch Lộ và bõn cợt cô ta. Một "cô bé xíu" mười lăm tuổi, lạc bố mẹ sa vào nhà chứa, cự tuyệt tên trùm tư bản Bát Kim bị đánh dập tàn nhẫn phải treo cổ tự tử. Trùm lên xã hội tư sản hào nhoáng đó là một cuộc sát phạt ghê gớm mà nạn nhân trực tiếp là những người vô tội. Kí Tam, không nhà cửa, thất nghiệp với một đàn con, vợ bỏ theo trai phải mua thuốc phiện cho ba con uống chết và nhảy xuống sông tự tử rồi lại được vớt lên. Anh đến xin cụ chủ làm phúc kết liễu hộ đời anh. Xung đột kịch lên tới cao trào khi Phan Nguyệt Đình phá sản kéo theo sự tan vỡ của đám người thượng lưu. Bạch Lộ không lối thoát, uống thuốc ngủ tự tử. Đạt Sinh đến gọi nhưng không có tiếng nàng trả lời, chỉ nghe tiếng hát của những người công nhân xây dựng. Anh ngoảnh đầu lại, hướng về phía mặt trời mọc, đi tới.

"Nhật xuất" là một tác phẩm hiện thực phê phán xuất sắc, đã tái hiện được một bức tranh xã hội sinh động và vì thế tác phẩm mang một tinh thần chiến đấu chống lại sự hủ lậu của chế độ phong kiến Trung Quốc và khẳng định con đường tiến lên của dân tộc Trung – hoa.

NHÂN VẬT

TRẦN BẠCH LỘ – (*gọi tắt Bạch Lộ*) một thiếu phụ 23 tuổi, ở trọ khách sạn X.

PHƯƠNG ĐẠT SINH – (*gọi tắt Đạt*) một người "bạn" ngày xưa của Bạch Lộ, 25 tuổi.

TRƯƠNG GEORGES *(cũng là Georgy)* một lưu học sinh mới về nước, 31 tuổi

VƯƠNG PHÚC THĂNG – *(gọi tắt là Phúc)* – hầu trà trong khách sạn.

PHAN NGUYỆT ĐÌNH – *(gọi tắt là Nguyệt Đình)* – chủ nhà Ngân hàng X, 51 tuổi.

BÀ BÁT CỐ *(gọi tắt Bà Bát)* – một mụ đàn bà goá giàu, 44 tuổi.

LÝ THẠCH THANH – *(gọi tắt là Thanh)* – thư ký ngân hàng, bí thư riêng của Nguyệt Đình, 42 tuổi.

BÀ THANH – vợ Lý Thạch Thanh, 34 tuổi

HOÀNG TĨNH TAM *(gọi tắt Ký Tam)* – thư ký ngân hàng.

BA ĐEN – một tên du đảng lưu manh; "bố nuôi con Bé"

HỒ TỨ – *(gọi tắt Tư Hồ)* – công tử bột trong thành phố, 27 tuổi.

CON BÉ – một cô gái nhà quê vừa lên tỉnh, trạc 15, 16 tuổi.

Sau đây là màn thứ tư trích trong vở kịch *Nhật xuất* gồm 4 màn.

MÀN THỨ TƯ

Cùng một đêm với màn thứ ba. Nửa đêm về sáng vào khoảng 4 giờ. Vẫn cảnh buồng ngủ lộng lẫy trong nhà khách

sạn X. Bao nhiêu màn trong phòng đều rủ xuống. Dưới ánh sáng chói lọi, bao nhiêu đồ trần thiết làm quáng mắt người xem. Một bầu không khí sực nức những mùi thuốc lá, mùi phấn, mùi nước hoa. Một bình rượu nằm giốc nghiêng nơi sàn nhà, rượu chảy lai láng trên tấm thảm, rượu ướt cả tấm nhung nơi chiếc sofa, chảy tràn cả trên mặt đá của bàn trà. Ở giữa, dưới chân chiếc sofa nhỏ, một cái cốc pha lê rơi vỡ. Trên tường một chiếc đồng hồ bạc sáng choang, kim chỉ 4 giờ. Bên phòng bên trái, tiếng quân bài sát phạt; thỉnh thoảng tiếng cười, tiếng nói, cãi cọ, mắng nhiếc, cười đùa xen với tiếng bốc, phát. Khi mở màn, một mình Bạch Lộ đứng nơi cửa sổ trở lưng ra phía khán giả. Bạch Lộ bận áo dài nhung đen, viền bằng những đường vóc hoa vàng với những điểm chấm đen. Toàn thân mặc đen, Bạch Lộ có vẻ rất trang nghiêm. Bạch Lộ đứng một mình nơi cửa sổ. Trong phòng im phăng phắc. Một lát. Cửa phòng bên trái, bỗng mở, lọt ra ngoài những tiếng đánh bài và nô đùa.

★
★ ★

TIẾNG ĐÀN ÔNG ĐÀN BÀ Ở TRONG KIA – Cô Lộ ơi! Cô Lộ ơi!

(Lộ không trả lời, vẫn một mình đứng nhìn ra)

TIẾNG GEORGY – Lu lu! Lu *(Georgy vừa đi ra vừa nói vào phía trong)* Không, Không! Tôi vào ngay mà! *(vẻ tự đắc)* Để tớ ra mời cô Lộ vào cho chứ! *(Georgy đi ra áo quần rất đẹp, nhưng cổ cồn bật hẳn ra, áo gi – lê không gài nút. Georgy một tay cầm bình rượu, một tay cầm chén, vênh vang đi lại gần Lộ)*

GEORGY *(khệ nệ bước tới)* Úi chao! Lu lu của anh ơi! *(nhìn Lộ từ đầu xuống gót, múa chân, múa tay như ngâm*

thơ) So beautiful! So charming! And so melancholic[1] *(Bạch Lộ vẫn nhìn ra ngoài cửa sổ, không động đậy).*

GEORGY *(chạy sát hẳn lại)* – Em đẹp quá! Em đẹp quá! Hôm nay thì em thiệt đẹp chi là đẹp! *(oặn oẹ từ đầu đến chân, mắt híp cả lại)* Đẹp! Đẹp tuyệt! Thật em ăn bận khéo quá! Sao em ăn mặc một cách âu sầu, một cách quyến rũ đến thế này! Mà em lại khéo chọn nước hoa, chao! Ngửi cái mùi,... *(hít luôn mấy cái, lỗ mũi nhún lên nhún xuống mấy lần)* nó vừa thơm lại vừa thanh đạm, mà nghe có vẻ như gần như xa! *(thở một hơi dài)* Úi chao ôi! Anh ngửi cái mùi nước hoa này, lo no![2] ngửi cái hương vị trong mình em toát ra đây, anh bỗng nhớ xưa kia, hồi anh ở Paris, ôi chao ôi! cái cảnh đêm ở Paris, chao chao! Cái cảnh Paris lúc ban đêm! *(tán tỉnh)* Ừ! Beautiful!

BẠCH LỘ *(vẫn không ngoảnh cổ lại)* – Anh lại uống say rồi.

GEORGY – Say? Hôm nay anh sướng quá! Vừa rồi em có thấy cô Lưu không? Lưu hắn bảo anh rằng: cô ta muốn lấy anh, cô ta nhất định lấy anh! Nhưng anh đã trả lời ngay cho cô ta. *(mặt hớn hở, tự đắc)* Anh bảo thế này này: "Cô? *(vẻ khinh rẻ)*, cô định lấy tôi kia! Cô mà cũng định lấy tôi kia, hở cô? " *(đưa tay gạt ra một cái)* Này chao! Trên đời này chỉ có một cô Trần Bạch Lộ mới đáng làm bà Georges Trương! Kìa, Lu Lu, sao em không cười hở em?

BẠCH LỘ *(thản nhiên)* – Cái đó có gì cười được đâu nào? *(âm thầm)* Anh còn rượu đấy không?

---

(1) Viết bằng Anh văn trong nguyên bản: Dẹp thế này! xinh thế này! mà lại âu sầu thế này!
(2) Bằng tiếng Anh trong nguyên văn: Ui chao! không!

GEORGY (*lấy làm lạ*) – Em còn muốn uống rượu nữa ư?

BẠCH LỘ – Ừ.

GEORGY – Em thấy lâu nay anh hầu hạ, chầu chực em thế này; anh đã chuẩn bị sẵn sàng cả rồi. *(Georgy đang rót rượu thì nghe tiếng bà Bát Cố gọi Lộ lên phòng phía tay phải. Georgy đưa rượu cho Lộ, Lộ uống ngay một hơi, trả chén cho Georgy, vẫn không nhìn lại)*
(Bà Bát Cố đi vào, ăn mặc rất lộng lẫy, nét mặt cáu kỉnh)

BÀ BÁT (*nói ngay từ lúc vừa bước chân vào cửa*) – Này cô Lộ, thế ve thuốc ngủ của cô đâu? (*nhìn thấy Georgy*) Kìa! Bác sĩ! Té ra hai ngài đã lẩn ra đây trò chuyện cùng nhau.

BẠCH LỘ – Trong cái tráp, gần nơi giường ngủ của em ấy.

GEORGY – Lại thế nào ấy hở chị Bát?

BÀ BÁT (*đưa tay vuốt ngang bụng*) – Tôi đau tim, tôi khó chịu quá đi mất!

GEORGY – Lại thế nào rồi?

BÀ BÁT – Thì trở đi trở lại cũng cái thằng vô lương tâm ấy làm khổ tôi. Ông tính lần này, nó làm tôi điên tiết, nhất định là rồi tôi sẽ không tài nào ngủ được ba đêm thông cho mà xem! Cho nên tôi phải lấy thuốc ngủ về nhà uống đấy! Thôi! đây rồi, hai ngài trò chuyện cho vui đi nhé! (*quay mình định đi vào*)

GEORGY – Khoan đã nào! Ngồi xuống đây nói chuyện tí đã.

BÀ BÁT – Không, không. Tôi đau tim quá. Tôi phải uống nốt mấy viên thuốc theo phái quan đốc tờ Dupont đã.

GEORGY – Thì ngồi đây mà uống cũng thế chứ gì?

BÀ BÁT – Nhưng ngài sờ nghe buồng tim tôi đây này, nó cứ nhảy phồng phộc như muốn lộn ngược lên ấy! *(ôm lòng, vẻ đau đớn)* Ú chao! Tôi phải đi vào nghỉ tí mới được. *(Bỗng cánh cửa bên phải lại mở rộng, tiếng xôn xao cười nói lại từ phía trong dậy lên một lúc)*
(Bà Bát đi vào chỗ phía tay trái).

TIẾNG CÔ LƯU – Anh Georgy ôi!

GEORGY *(lấy tay để vào môi)* – Suýt! *(chỉ tay vào Lộ, ra hiệu gọi cô Lưu vào)*

CÔ LƯU *(vẫn đứng bên ngoài, gắt)* – Georgy!

GEORGY *(ra hiệu cho cô Lưu đừng ồn, lại đưa tay để lên môi)* – Suýt!

CÔ LƯU – *(gắt gỏng hơn nữa)* – Anh Georgy, anh có vào không? Anh có vào không thì bảo?

GEORGY *(vẻ sợ hãi)* – Tôi vào, tôi vào. Tôi vào ngay mà!
(Georgy cười lật đật chạy vào, – một lát)

BẠCH LỘ *(từ từ quay mình lại, vẻ mặt âu sầu, vừa uống rượu quá nhiều, mặt đỏ lên, đưa tay vuốt bụng mấy cái, rồi thả xuôi tay xuống, vẻ tuyệt vong, thở dài một hơi)* – Úi chao! *(ngửng đầu lên nước mắt long lanh nơi khoé mắt. Lộ đưa mùi xoa ép lên mặt)*
(Tiếng gõ cửa)

BẠCH LỘ *(lật đật lau nước mắt)* – Ai?
(Tiếng Phúc ngoài cửa) – Thưa cô, cháu đây mà.

BẠCH LỘ – Cứ vào.
(Phúc đi vào, mình mặc bộ áo dấu nhà khách sạn)

PHÚC – Cô ạ!

BẠCH LỘ – Bác vào có việc gì đấy?

PHÚC *(thấy Lộ mắt ướt)* – Kìa, cháu tưởng cô vừa gọi cháu.

BẠCH LỘ – Đâu nào!

PHÚC – A, vâng, vâng... *(nhìn Lộ)* Cô, tối hôm nay cô uống nhiều rượu lắm.

BẠCH LỘ – Ừ.

PHÚC *(nhìn xung quanh phòng)* – Ông Đại cháu không ở đây sao ạ?

BẠCH LỘ – Ông ấy còn chưa về. Có việc gì đấy?

PHÚC – Cũng chẳng có việc gì cần đâu ạ. Nhưng vừa có giây thép của ông ấy.

BẠCH LỘ – Đâu rồi?

PHÚC *(rút giây thép trong túi đưa ra)* – Cô có muốn xem không ạ?

BẠCH LỘ – Thôi để đấy, chốc nữa tôi giao cho ông Đại. *(Phúc đưa giây thép)* Khuya chưa nhỉ?

PHÚC *(nhìn đồng hồ tay)* – Khuya rồi đấy ạ: bốn giờ sáng rồi.

BẠCH LỘ *(giật mình)* – Thế mà mấy người trong ấy còn chưa về kia?

PHÚC *(nhìn vào cửa buồng phía bên trái)* – Thưa cô, họ đến đây ăn chán rồi uống, hoặc là đến chơi, ai đã chịu về cho bây giờ?

BẠCH LỘ *(buồn bã gật đầu)* – Ừ, phòng của mình đây cũng là chỗ của họ chơi.

PHÚC *(không hiểu)* – Cái đó... vâng ạ!

BẠCH LỘ – Thế họ chơi thoả thích rồi họ làm gì?

PHÚC – Thưa... thưa... chơi chán thì họ về nhà chứ, ai có nhà nấy chứ! Người ta ai ở đời ở kiếp được nơi khách sạn này?

BẠCH LỘ *(vẫn điềm tĩnh)* – Nhưng thế sao mà họ còn chưa thoả thích? *(nói khẽ với mình)* Phải rồi! ai ăn đời ở kiếp được mãi ở nơi khách sạn? *(lắc đầu nói nhỏ)* Nhưng có lẽ là tôi chơi đã thoả thích rồi đấy. *(ngồi xuống)* Thoả thích lắm rồi. *(nghĩ ngợi)* Tôi định về đây, về cái nhà của tôi ngày trước ấy mà.

PHÚC – *(lạ lùng)* – Thưa cô, cô cũng có nhà?

BẠCH LỘ – Hẳn chứ, chơi chán rồi. Nên về nhà cũ vậy.

PHÚC – Thưa cô, cô định về nhà thực ư?

BẠCH LỘ – Ừ.

PHÚC *(lật đật)* – Thưa cô nếu như cô định về thực, thì rồi còn thiếu lại đây một ít tiền, vậy cô...

BẠCH LỘ – Phải rồi. Tôi còn thiếu một ít tiền... Nhưng mấy năm trời. ròng rã, lẽ nào mà vẫn bảo là tôi còn thiếu tiền?

PHÚC – Thưa cô, cô vừa trả được 800 đồng. Cô lại mua chịu ngay hai nghìn đồng. Cô tiêu tiền như vậy thì trả đến bao giờ cho hết? Hồi chiều chúng nó lại vừa tới đấy, cô xem bao nhiêu phác tuya đây: *(thò tay vào túi rút ra một tập giấy)* cộng tất cả đi là...

BẠCH LỘ – Thôi! Thôi! Bác không cần đưa cho tôi làm gì. Tôi chẳng cần xem, bất tất xem.

PHÚC – Nhưng chúng nó bảo là mấy món này chiều mai thế nào cũng phải trả cho hết. Không trả là không xong, cháu đã nói ngon nói ngọt với chúng nó để cho chúng nó...

BẠCH LỘ – Thì ai bảo bác nói ngon nói ngọt với chúng nó làm gì? Oan gia ai nấy chịu; nợ ai nấy trả. Nào tôi có đi khất chúng nó đâu, mà bác phải khất hộ.

PHÚC – Nhưng, thưa cô ...

BẠCH LỘ – Biết rồi, tôi biết mà! Bác bất tất phải nói nữa. Thì trở đi trở lại cũng vẫn là tiền! Tiền! Tiền thôi mà! Bác cứ thúc tôi làm gì mà!
(Chuông điện réo)

PHÚC *(cầm ống nói)* – Ừ, ừ... đâu đấy? Ai? Đây số 52 đây, phòng cô Trần Bạch Lộ đây.

BẠCH LỘ – Ai đấy?

PHÚC *(đưa tay che ống nói)* – Thưa cô, bà Phán Thanh đấy ạ. *(trả lời nơi ống nói)* Vâng, vâng đấy ạ, nhưng, ông Phán tôi không có đây mà! Hồi chiều ông có tới một chốc, nhưng rồi lại đi ngay... Thưa bà vâng, vâng!... Vừa rồi ông Phán có đánh tô – lô – phôn cho cụ Chủ nhà cháu đây bảo là xin cụ chờ cho một lúc, rồi ông sẽ lại đây ngay... Vâng, nếu không có thì chốc nữa bà đánh tô – lô – phôn lần nữa vậy. Không dám, lạy bà ạ. *(thả ống nói xuống)*

BẠCH LỘ – Có việc gì kia?

PHÚC – Thưa cô, em bé nhà ông Phán Thanh đau nặng. Bà ấy muốn giục ông Phán về ngay đấy ạ.

BẠCH LỘ – Ừ, bây giờ bác có thể đi ra.

(Nguyệt Đình đi từ cửa giữa đi vào, mặt mày hớn hở, híp cả mắt lại. Phúc tránh ra một bên rồi đi ra).

NGUYỆT ĐÌNH – Này Lu – lu, em Lu – lu, khách còn cả trong ấy, chưa về kia à?

BẠCH LỘ – Chưa đâu.

NGUYỆT ĐÌNH – Thế thì tốt lắm. Không cho ai về hết, hôm nay phải chơi cho ai nấy cũng đều thoả thích hết đã, rồi mới về.

BẠCH LỘ – Thế nào?

NGUYỆT ĐÌNH – Hôm nay thì anh gặp hội rồi đây. Anh vừa được một tin mừng hết sức.

BẠCH LỘ – Gì kia? Tin mừng thế nào? Bát Kim lại cho anh khất một tuần lễ nữa phải không?

NGUYỆT ĐÌNH – Không, không phải. Cái đó Bát Kim đã ừ từ hôm kia rồi. Nhưng để anh nói cho em rõ: công thải xem chừng lên, lên mãi, lên ghê, lên gớm nữa cơ! Lần này thì thật phúc cho anh! Em biết đấy, sáng hôm nay bỗng có tin đồn rằng công thải sở dĩ lên là chỉ vì lão Bát Kim đã gây ra một bầu không khí giả dối, và hắn ta đã cho người bắn tin rằng hắn ta mua rất nhiều, để cho mọi người đều đua nhau mua mà sự thực thì hắn chỉ đi bán hết tất cả công phiếu của hắn. Lúc bấy giờ anh lo quá đi mất. Anh đã nghĩ rằng nó bịp anh và rồi đây bao nhiêu công phiếu sẽ tụt giá một cách thảm hại, thế mà bao nhiêu tiền của mình thì mua công phiếu hết rồi, biết xoay xở thế nào đây? Em tính bao nhiêu là cơ nghiệp của anh, bao nhiêu con người trong nhà, ngần này tuổi đầu nếu mà phá sản thì... thế nào mà anh không lo được! Nói thật cùng em, Lu – lu ạ,

anh đã sửa soạn sẵn sàng khẩu súng sáu của anh rồi đấy, anh định... (ho).

BẠCH LỘ *(lạnh lùng)* – Tội nghiệp nhỉ!

NGUYỆT ĐÌNH – Bây giờ thì anh không tội nghiệp tí nào! Lu – lu này, anh nói cùng em, người ta thế nào cũng phải có tiền. Không tiền thì không nên sống làm gì. Nhưng Lu – lu ạ, bây giờ đây thì anh có tiền, thật tình là tiền: rồi đây chỉ hai hôm nữa anh sẽ có bao nhiêu là tiền, rồi đây mấy hôm nữa, biết đâu tiền anh sẽ không nhiều bằng mấy thế nữa... *(giọng khảng khái)* Này em Lu – lu ơi, từ nay về sau anh sẽ làm một vài việc từ thiện, tu nhân tích đức, làm tí phúc chuộc lấy tội...

BẠCH LỘ – Nhưng các anh vừa vất nhẹ cả đời người con Bé nạp vào tay lão Bát Kim, cái tội đó thì thật khó chuộc lắm.

NGUYỆT ĐÌNH – Ừ nhỉ, thế con Bé thế nào rồi nhỉ? Em chưa tìm ra nó kia à?

BẠCH LỘ – Tìm thế nào? Nó có lẽ bây giờ chìm tận đáy biển rồi ấy. Em tìm, anh Đạt tìm, mấy ngày nay mà chẳng thấy bóng vía nó đâu cả.

NGUYỆT ĐÌNH – Không cần. Có tiền, anh có tiền là được rồi. Thế nào rồi anh cũng bảo người tìm cho ra và đem nó về cho em vui lòng.

BẠCH LỘ – Thế thì tốt quá! À, anh này, hình như Phán Thanh định tới gặp anh bây giờ đấy.

NGUYỆT ĐÌNH – Anh biết rồi. Nó bảo là nó có tin mừng đến báo cho anh biết. Nhưng thằng bé ấy mất dạy lắm cơ, nó tưởng là trêu anh đây dễ lắm đấy. Lần này nó sẽ biết tay anh.

BẠCH LỘ – Thế nào?

Bà Bát Cố đi từ phía tay phải đi vào)

BÀ BÁT – Cô Lộ ơi, này cô Lộ! A kia cụ chủ, thế từ hồi hôm đến giờ, cụ đi đâu? *(nũng nịu)* Thực đấy mà; bỏ cả chúng tôi đây, cụ không thèm ngó đến! Đàn ông nhà các ngài tệ thật chứ không phải! Này cụ này, cụ thấy anh Tư Hồ chúng tôi từ hôm vào làm ở đằng công ty chớp bóng tới nay đứng đắn hẳn lên phải không? Trở đi trở lại, chỉ cụ Chủ nới là đúng. Cụ cho ý kiến, cụ giới thiệu cho làm việc, thật hay hết sức. *(Không chờ Nguyệt Đình trả lời, đi tới nơi tủ áo phía tay trái soi gương rồi quay bảo Lộ)*. Này cô Lộ ơi, cô xem hôm nay tôi mặt mũi thế nào, coi được không?

NGUYỆT ĐÌNH – Này em Lu – lu, ngồi lại nới chuyện với bà Bát nhé. Anh vào trong này gặp khách khứa tí đã.

(Nguyệt Đình đi về phía cửa tay trái)

BÀ BÁT – Cụ Chủ vào đấy ạ? Mà này cô Lộ ạ, cô thấy không? Đến giờ mà nó vẫn chưa tới cùng tôi. Thật đồ vô lương tâm, nó bảo tôi đến đây chờ nó, rồi nó sẽ kể chuyện "Toạ lầu" cho tôi nghe. Thế mà trời đã sáng ngay ra thế này rồi mà chả thấy hồn vía nó là đâu! Úi chao! Thật đấy, cô ạ, tôi... tôi... tôi định cho lão Phúc đi tìm nó xem...

BẠCH LỘ *(chán ngắt)* – Bác Phúc ơi! Bác Phúc ơi!

(Phúc đi từ phía cửa giữa đi vào)

BẠCH LỘ – Bác biết ông Tư đi đâu không?

PHÚC – Thưa cô không, không đấy ạ.

BÀ BÁT – Biết mà! Bao giờ anh chả trả lời là "không biết"!

PHÚC – Thưa, thưa bà, quả tình là... *(cười nịnh)* – là cháu có biết đâu. Nhưng hình như ông Tư nới là định đi...

BÀ BÁT *(dữ tợn)* – Đi thay áo quần đấy!

PHÚC – *(cùng nói một lúc, cười giả dối)* – Đi thay áo quần đấy ạ.

BÀ BÁT – Thay áo quần! Thay áo quần! Bao giờ anh chẳng bảo là đi thay áo quần!

BẠCH LỘ – Thế nghĩa là bác biết ông Tư đi đâu rồi đấy chứ

PHÚC – Bà Bát vừa hỏi cháu bốn năm lần thông. Thảo nào bà ấy nghe đã nhờn hẳn tai rồi. Cô tính cụ Bát đây nóng lắm kia, vả lại bà nhà ta...

BÀ BÁT – Này anh Phúc, tôi không bằng lòng, anh cứ một gọi tôi bằng "cụ", hai bằng "cụ" như thế! Anh đi, anh đi ra ngay đi! Nhìn anh tôi chỉ tổ bực mình. Anh vào làm gì cho tôi ốm thêm vào?

PHÚC – Vâng ạ, thưa bà vâng ạ. *(Đi ra phía cửa giữa)*

BÀ BÁT – *(thoa thoa nơi bụng)* – Cô xem quả tim tôi lại đau ran lên rồi đây. Hấn vào làm việc nhà chớp bóng hai ngày nay, càng tập việc lại càng tệ. Chết mất tôi thôi, cô ạ! Mà này, thuốc ngủ của cô tôi lấy hết cả rồi đấy.

BẠCH LỘ – Thế nào kia? Chị cũng định uống thuốc ngủ kia à?

BÀ BÁT – Ừ, tôi phải uống ít viên mới được.

BẠCH LỘ – Thôi nào. Trả lại tôi vậy. *(đưa tay ra)*

BÀ BÁT – Không, tôi phải uống mới được. Tôi sẽ về nhà đi ngủ đây. Ngủ một giấc xem có đỡ tức không. Ông đốc tờ Dupont bảo là nếu ngủ thêm được một giờ thì cũng như là ăn thêm được hai bát cơm... Tôi nhất định ăn thêm mỗi hôm hai bát nữa, cho nó ứa máu với tôi.

BẠCH LỘ – Nhưng mà này, nói trước cho bà biết: thứ thuốc

ngủ ấy mạnh lắm cơ đấy. Nếu bà xơi luôn mười viên là về hầu tổ tiên đấy nhé! Cẩn thận đấy!

BÀ BÁT - Thế hả, ăn mười viên thì chết à?

BẠCH LỘ - Mười viên là xong chuyện đấy.

BÀ BÁT - Nếu... thế thì... thì tôi sẽ chỉ nuốt nửa viên thôi.

BẠCH LỘ - Vừa rồi nghe bà chị nói, tôi đã ngỡ là...

BÀ BÁT - Cô tính tôi định uống thuốc ngủ cho chết hay sao? Đời nào! tôi chẳng ngốc thế bao giờ! Tôi còn cần sống vui vầy vài năm nữa kia! Mà cô này, tôi vừa nghĩ ra rồi: vì nó mà tôi... nhưng chắc rồi đây có một ngày hắn sẽ bỏ tôi, thì chúng tôi sẽ mỗi người đi một ngả. Tôi sẽ tìm một người khác. Tôi sẽ làm cho nó chết uất với tôi mới được!

BẠCH LỘ - Chị nói nhiều thế có mệt lắm không?

BÀ BÁT - Mệt hẳn chứ, nhưng thôi, tôi phải vào đánh mấy ván bài cho nó khoẻ đầu óc một tí. Ta cùng vào đi.

BẠCH LỘ - Thôi, chị vào trước đi. Tôi muốn ngồi đây một mình một chốc đã.

(Bà Bát đi về phía cửa bên trái - Tiếng gõ cửa nơi giữa)

BẠCH LỘ - Ai đấy?

(Đại đẩy cửa đi vào)

BẠCH LỘ - Anh vừa về đấy à?

ĐẠT - Anh về từ hồi nãy kia, nhưng tới trước cửa thấy Bà Bát ngồi trong này, nên anh chẳng vào.

BẠCH LỘ - Thế nào, có tìm ra con Bé không?

ĐẠT – *(lắc đầu)* Không thấy, anh lùng khắp nơi mà chả thấy nó đâu cả.

BẠCH LỘ *(thất vọng)* – Em cũng biết là thế. *(Kéo Đạt ngồi xuống)* Anh mệt lắm không?

ĐẠT – Cũng hơi mệt. Nhưng anh phấn khởi, phấn khởi nhiều. Anh đang nghĩ ngợi đây, hai ngày hôm nay anh luôn nghĩ đến vấn đề này. *(đột ngột)* Mà này, anh hỏi Lộ, sao giữa con người với con người mà nó tàn nhẫn đến thế nhỉ?

BẠCH LỘ – *(cười)* Đấy là vấn đề anh nghĩ ngợi đấy à?

ĐẠT – Anh lấy làm lạ, lắm sao mà chúng mình có thể để cho một giống thú dữ như lão Bát Kim kia sống mãi được kia chứ?

BẠCH LỘ – Anh đến trẻ con, đến ngốc! Em nói cho anh nghe: vấn đề giờ đây không phải là: chúng mình có để cho lão Bát Kim sống hay không, mà là lão Bát Kim nó có cho bọn mình sống hay không?

ĐẠT – *(nghĩ ngợi)* – Em nói đúng hết sức, anh phải xem xét bọn chúng nó cho tường tận, xem bọn chúng là bọn thế nào! Giờ đây anh hiểu rồi. Nhưng anh vẫn chưa hiểu em. Anh không hiểu vì sao mà em có thể sống trà trộn với chúng được. Lẽ nào mà em không thấy rằng chúng nó chỉ là lũ quỷ sứ, một bầy thú vật! Này, em Trúc quân, nhìn mặt em thì cũng đủ biết là em chán chúng nó, em ghét chúng nó. Thế mà ngày nào ngày ấy em vẫn cố ý làm như chẳng có gì sốt, ngày nào ngày nấy em vẫn tự lừa dối em.

BẠCH LỘ – Ngó bộ anh tin vào cái thông minh của anh quá.

ĐẠT – Này, em Trúc quân, em lại thả giọng ấy ra rồi. Anh có

thông minh gì đâu. Nhưng anh tin rằng em thì khá thông minh. Em đừng dối anh làm gì. Anh đau lòng lắm rồi. Thôi thì em hãng nghĩ đến tình quen biết ngày xưa. Anh van em; em đừng bướng bỉnh với anh làm gì. Anh biết miệng lưỡi em bao giờ cũng ương ngạnh, em cố ý nói láo cho người ta tin là em sung sướng. Ấy thế nhưng tinh thần của em vẫn yếu đuối. Hai con mắt của em dấu thế nào được bao nhiêu hoảng hốt, ngờ vực, bất bình trong lòng em? Em Trúc quân ơi, người ta có thể lừa được người khác, nhưng tự dối lòng mình thế nào được? Cứ thế em sẽ đến chết bực mất.

BẠCH LỘ *(thở dài)* – Nhưng anh bảo em làm thế nào bây giờ?

ĐẠT – Em Trúc quân này, trước hết là em nên lấy chồng ngay đi. Anh sẽ tìm cho em một người chồng, một người "nam tử đường đường" cơ! Em nên rời bỏ ngay cái chốn này đi đã.

BẠCH LỘ – Rời bỏ chốn này? Thì cũng được thôi! Nhưng lấy chồng?... *(thở dài)* thì em cũng đã thử rồi. Nó chỉ là một chuyện rất tầm thường, vô vị; và giờ đây, ngồi nghĩ lại, nó lại có vẻ buồn cười nữa kia!

ĐẠT *(nói rất khẽ)* – Người đó là ai thế?

BẠCH LỘ *(vẻ bí mật)* – Hắn ta cũng hơi giống anh đôi tí.

ĐẠT – Giống anh thật à?

BẠCH LỘ – Ừ, giống lắm cơ, hắn ta là một chàng hết sức ngốc!

BẠCH LỘ – Là vì hắn ta là một lão thi sĩ... Anh chàng nói đến tư tưởng thì rất thông minh; nhưng ra thực tế thì hết sức ngớ ngẩn. Cứ để cho một mình hắn ngồi nói chuyện thì nhiều câu rất lý thú; nhưng nếu có một người nào khác nữa ngồi chuyện vãn thì hắn ta nói

những câu vớ vẩn nhức đầu lên được; hắn ta là một người bạn hết sức thành thực, nhưng cũng là một người tình nhân rất khó chịu. Rồi đã có lần hắn ta chửi em và hắn ta còn đánh em nữa cơ!

ĐẠT - Nhưng... em yêu hắn ta cơ mà?

BẠCH LỘ - Vâng, em yêu hắn ta lắm. Rồi hắn ta bảo em bỏ chốn này ra đi theo hắn ta, thế là em bỏ đi, và cùng hắn kết hôn. Rồi hắn ta bảo em về nhà quê ở, thế là em cũng về quê theo hắn. Rồi hắn nói: "Em phải đẻ đứa con đi". Là em lại đẻ cho hắn một đứa con. Kể ra mấy tháng đầu, sau khi lấy nhau, em cùng hắn ta cũng đã sống qua những ngày em sung sướng như trên thiên đường ấy! Hắn ta rất thích xem mặt trời mọc. Mỗi ngày sáng dậy! là hắn ta đi ra và gọi em cùng đi xem mặt trời mọc. Hắn ngây thơ, vui vẻ cứ như đứa trẻ con ấy. Có lúc đứng trước mặt em, hắn sung sướng quá đi rồi cứ nhẩy hai gót chân chổng thẳng lên trời tít thò lò đi ấy. Hắn ta luôn luôn nói: "Kìa! mặt trời đã mọc, bao nhiêu bóng tối đều rơi rớt cả lại đằng sau!" Hắn ta luôn luôn lạc quan; hắn ta đã viết một cuốn tiểu thuyết đặt tên là "Mặt trời mọc" Vì cu cậu tin rằng đâu đâu cũng có hy vọng hết.

ĐẠT - Thế nhưng về sau rồi thế nào?

BẠCH LỘ - Về sau thế nào,... *(cúi đầu)* về sau thì anh ta một mình đi theo đời hy vọng của anh ta thôi.

ĐẠT - Nghĩa là thế nào?

BẠCH LỘ - Anh không hiểu ư? Về sau bao nhiêu cái mới mẻ dần dần chả có gì là mới mẻ nữa. Hai đứa cùng nhau ăn ở lâu ngày, dần dần cảm thấy là bình thường, là vô vị. Em nói cho anh biết: sau khi vợ chồng đã lấy

nhau rồi, câu chuyện đáng sợ nhất không phải là nghèo, là ghen tuông, là cãi lộn, mà chính là cái đời sống tầm thường, vô vị, chán ngán. Người này thấy người kia chỉ làm phiền cho mình. Bực đến nỗi chả buồn cãi cọ, giằng xé với nhau nữa: chỉ ước ao một hôm nào đây trời lở quách, cho chết rấp đi là xong. Thế là lúc đầu, mỗi một khi gặp nhau, mới chỉ dài cả mặt ra, răn cả đường mày lại, không nới năng gì sốt. Cuối cùng hắn ta luôn luôn tìm cách làm thế nào cho em nhức óc; em cũng luôn luôn tìm cách nào cho hắn ta đau đầu. Hắn muốn đi ra một bước, em chẳng cho hắn đi; em muốn động đậy một tí, hắn cũng không cho em động đậy. Chẳng khác gì cả hai đưa ràng buộc lấy nhau, và rơi xuống dòng nước rồi cứ thế mà chìm... chìm... chìm lìm xuống mãi...

ĐẠT – Thế nhưng về sau cũng đã rứt ra khỏi nhau rồi đấy?

BẠCH LỘ – Là vì đoạn dây liên lạc đã đứt rồi.

ĐẠT – Thế nào?

BẠCH LỘ – Thằng bé nó chết đi.

ĐẠT – Thế là em với anh ta mỗi người đi một ngả?

BẠCH LỘ – Hắn ta đi theo đời hy vọng của hắn ta.

ĐẠT – Thế bây giờ anh ta ở đâu?

BẠCH LỘ – Nào em có biết!

ĐẠT – Nhưng chắc rồi đây hắn ta cũng sẽ trở về đây gặp lại em.

BẠCH LỘ – Không đâu, anh ạ! Hắn ta không bao giờ về nữa đâu. Giờ đây nhất định là hắn ta đang sung sướng với công tác *(cúi đầu)*. Nhất định là anh ta tin chắc rằng

em đã truỵ lạc đến một trình độ không tài nào cứu vớt được nữa *(xót xa)*, chắc anh ấy quên bẵng em rồi còn gì!

ĐẠT – Xem chừng em vẫn nhớ anh ta nhiều ... .

BẠCH LỘ – Ừ, em vẫn nhớ mãi. Đến chết em cũng không quên được anh ấy. Này, để em đọc anh nghe hai câu này; "Kìa mặt trời đã mọc, bao nhiêu tối tăm đều rơi rớt cả lại đằng sau; nhưng mặt trời đâu phải của chúng mình, thôi thì chúng mình đi ngủ vậy". Anh Đạt, anh có thích hai câu đó không?

ĐẠT – Tôi không hiểu rõ nghĩa là thế nào?

BẠCH LỘ – Đó là lời nói của một cụ già sắp chết trong tập tiểu thuyết của hắn ta viết.

ĐẠT – Mà vì sao em lại nhắc lại câu ấy cho anh nghe?

BẠCH LỘ – Là vì... em... em... em thường vẫn mơ tưởng đến những người như vậy.

ĐẠT – Anh thấy giờ đây em vẫn yêu hắn.

BẠCH LỘ *(cúi đầu)* – Ừ.

ĐẠT – Cám ơn, cám ơn Trúc quân, cô là một người hết sức thẳng thắn. *(đứng dậy)* Bây giờ anh phải về phòng sắm sửa đi đây.

BẠCH LỘ – Anh định đi ngay à? Anh còn cái giây thép đây nữa này. *(đưa cho Đạt bức điện)*

ĐẠT *(mở xem)* – Ừ! *(vầy nhàu bức điện)*

BẠCH LỘ – Điện gọi anh về phải không?

ĐẠT – Phải. Thôi chào Trúc quân nhé. *(đưa tay)*

BẠCH LỘ – Việc gì mà vội thế? Sáng ngày anh đi ngay hay sao?

ĐẠT – Sáng ngày anh định dời đi chỗ khác.

BẠCH LỘ – Anh sẽ đi chuyến xe nào?

ĐẠT – Chưa; anh chưa về. Anh chỉ định dời đi chỗ khác thôi. Nhưng có phần chắc là anh sẽ không có thể năng lại gặp em được.

BẠCH LỘ – Sao anh nói có vẻ bí mật thế?

ĐẠT – Anh sẽ ở lại vùng này ít lúc nữa. Cũng có thể là anh còn phải ở đây làm chút việc.

BẠCH LỘ – Anh tìm đâu ra việc mà làm?

ĐẠT – Thiếu gì việc làm. Có lẽ rồi anh sẽ tìm Bát Kim chơi cũng nên; cũng có thể là anh lo toan chạy chữa cho con Bé; hoặc giả là anh sẽ làm chút gì cho những hạng người như lão Ký vừa mới tự tử ấy mà. Hiện giờ chưa nói được, nhưng anh thấy còn bao nhiêu là việc nên làm.

BẠCH LỘ – Thế là anh sẽ đi cùng một đường với anh ấy rồi.

ĐẠT – Với ai kia?

BẠCH LỘ – Hắn ta ấy mà... Nhà thi sĩ của em ấy.

ĐẠT – Không đâu, anh sẽ chẳng bao giờ thành thi sĩ. Nhưng có lẽ rồi đây anh sẽ cũng là một người ngớ ngẩn như hắn ta.

BẠCH LỘ – *(thở dài)* – Thôi thì anh đi đi. Các anh cùng đi vậy. Em biết rằng thế nào rồi các anh cũng quên em.

ĐẠT – Nhưng thế thì sao em không đi cùng anh? *(cầm tay Lộ*

nhiệt liệt) Em đi cùng anh nhé, trước sau rồi em cũng đi cùng anh mà.

BẠCH LỘ – Nhưng... Em đã bảo anh rồi! Em đã bán thân em cho cái nhà này rồi.

ĐẠT – *(buông tay, nhìn Lộ vẻ thương xót)* – Thế thì thôi. Cô... Úi chao!... Cô thật kiêu ngạo, thật ương ngạnh quá lắm. *(Tiếng gõ nơi cửa)*

BẠCH LỘ – Ai đấy?

(Thanh đẩy cửa giữa đi vào, mặt mày hớn hở, ngực ưỡn hẳn ra đằng trước, tóc chải láng xầy. Trước mặt Bạch Lộ, Thanh tỏ vẻ kiêu ngạo hơn lúc nào hết)

BẠCH LỘ – A, chào ông Phán.

(Phúc đi theo vào)

THANH – Chào cô! Này bác Phúc, ra đằng trước bảo thằng tài chờ tôi tí nhé. Gặp cụ Chủ đây, nói chuyện xong, là tôi lại về bàn giấy ngay giờ đấy.

PHÚC – Vâng. Thưa ông... à thưa cụ Giám đốc, vâng. Vừa rồi bà nhà ta vừa đánh tô – lô – phôn bảo rằng...

THANH – Biết rồi, anh cứ ra đi?

BẠCH LỘ – Ông Phán, em bé nhà đỡ chưa?

THANH – Đỡ, đỡ, đỡ rồi đấy. Cụ Nguyệt Đình có trong này không nhỉ?

BẠCH LỘ – Cụ Nguyệt Đình có lẽ ở trong ấy đấy ạ.

THANH – Chúng tôi cần gặp mặt để còn bàn một việc khá quan trọng đấy ạ.

BẠCH LỘ – *(khó chịu)* – Có lẽ các ngài cần chúng tôi đi chỗ khác để nói chuyện riêng chăng?

THANH *(nhận thấy vừa rồi mình có vẻ lố)* – Không không mà! Để tôi vào ngay trong kia gặp cụ cũng được. Xin lỗi cô đã *(đi vào phía cửa tay trái)*

BẠCH LỘ *(cười mũi nhìn Thanh đi vào)* – Úi chao!

ĐẠT – Sao cái lão ấy hôm nay bỗng có vẻ...

BẠCH LỘ – Hắn ta vừa mới thăng chức Giám đốc nhà băng cơ đấy.

ĐẠT – A, té ra thế, *(cười)*

(Tư Hồ đi từ phía cửa giữa vào. Hắn ta lại thay bộ quần áo mới, "mốt" hết sức. Một tay mang chiếc áo par-dessus, tay kia cầm chiếc "bót" thuốc lá, miệng huýt sáo, theo điệu một bản nhạc đang được lưu hành).

TƯ HỒ *(cứ chỉ tự do y như ở nhà hắn, vất mũ lên chiếc sofa, đặt cái áo pardessus xuống bên cạnh, miệng huýt sáo, chạy tới trước mặt tủ kính soi mặt, ngáp luôn mấy cái, rồi hỏi Bạch Lộ).* Nó đâu rồi cô?

BẠCH LỘ – Ai kia?

TỰ HỒ – Con yêu tinh già ấy mà.

BẠCH LỘ – Tôi không biết.

TƯ HỒ *(lại ngáp, hỏi Đạt)* – Buồn ngủ rồi phỏng?

ĐẠT – Ông hỏi ai đấy?

TƯ HỒ – Kìa ông Đạt, ông vừa về đấy à? Hôm nay thế là bọn mình có duyên đấy. Hồi hôm, tôi đã được gặp ông đằng ấy đấy.

ĐẠT – Này cô Bạch Lộ lại đàng phòng tôi, chúng mình ngồi nói chuyện tí.

BẠCH LỘ – Ừ, phải đấy.

(Bạch Lộ cùng Đạt đi ra theo cửa giữa)

TƯ HỒ – *(nhìn theo)* – Mẹ chúng mày! Thằng...

(Tư Hồ sửa nếp quần, soi gương, vuốt mái tóc lại, định đi về phía cửa bên phải, thì cánh cửa mở ra, Nguyệt Đình và Thanh đi ra).

THANH – Trong kia người đông quá, có lẽ ta ngồi đây nói chuyện tiện hơn.

NGUYỆT ĐÌNH – Được, cũng được.

TƯ HỒ – Kìa ông Phán Thanh, sao còn ngồi đây? Chưa về nhà kia à?

THANH – Vâng, vâng.

TƯ HỒ – Chào cụ Chủ.

NGUYỆT ĐÌNH – Kìa anh Tư; đi vào đi. Bà Bát đang chờ anh để nói chuyện đóng tuồng đấy.

TƯ HỒ – Vâng, tôi vào. Này anh Phán, lại đây tôi bảo cái này đã.

THANH – Cái gì kia?

TƯ HỒ *(cười khì khì)* – Hôm qua ấy mà, tôi gặp bà Hai nhà bác trên đường Phố lớn ấy *(ghé tận tai nói)* Bà Hai nhà ta cừ ra phết!

THANH *(không dám làm bộ nghiêm với Tư Hồ, đành phải nuốt tức, cười gượng)* – Nói nhảm nào! Nói nhảm nào!

TƯ HỒ – Thế là nói hết chuyện nhé, tôi vào đã đây.

(Tư Hồ bước nhanh nhẹn vào phía cửa tay phải)

NGUYỆT ĐÌNH – Nào ông ngồi xuống. Có việc gì đây?

THANH (*hớn hở*) – Có việc hay lắm.

NGUYỆT ĐÌNH – Việc gì kia?

THANH – Này, cụ Nguyệt... (*thấy ngượng miệng*) à mà hẳn cụ Chủ biết tình hình thị trường rồi đấy chứa?

NGUYỆT ĐÌNH (*vờ*) – Chưa đâu, ông thử nói tôi nghe.

THANH (*vẻ bí mật*) – Đây là một tin tức hết sức bí mật tôi vừa dò được. Chúng mình mua công thải lần này gặp đúng dịp quá đi mất. Cụ cứ yên tâm. Lần này Bát Kim cũng mua thật tình đấy. Bao nhiêu tin đồn hắn ta chỉ vờ gây ra bầu không khí để cho người ta mua, mà kỳ thực hắn đưa đi bán, đều chuyện bịa hết. Lần này chúng mình tính đúng quá! Tôi vừa tính lại, hiện giờ chúng mình mua tất cả là một triệu rưỡi; với cái giá lên vọt này, ít nhất là phải lãi ba chục vạn.

NGUYỆT ĐÌNH – Ừ, ừ, ừ... À mà này, thấy thằng Phúc vừa bảo là bà ấy...

THANH – Vâng, tôi biết rồi, biết rồi... tôi nói cùng cụ, vừa rồi tôi nói có lẽ là ba mươi vạn đồng: đó chỉ là căn cứ vào giá thị trường hiện giờ đó thôi. Nhưng rồi đây vài hôm, cái tin công phiếu lên giá càng ngày càng thành sự thật, thì bọn họ còn đâm đầu tranh nhau mua nhiều nữa chứ lị! Tôi báo để ngài biết: chỉ trong mười ngày nữa, có lẽ tiền lãi còn hơn thế, 10 vạn, 20 vạn nữa cũng nên.

NGUYỆT ĐÌNH (*ngắt lời Thanh*) – Này, bà ấy lại vừa gọi điện thoại giục ông về lần nữa đấy.

THANH – Kệ nó, kệ nó đã mà. Mà cụ Nguyệt Đình này, tôi đề nghị cùng cụ bao nhiêu công thải của mình trong ngân hàng từ giờ nhất quyết không bán ra nữa đấy.

Rồi cụ xem, giá hôm nay nó lên vòn vọt như thế, lẽ nào vừa lên đến chừng đó nó đã thôi ngay? Và tôi khuyên cụ ngày mai xem tình hình thế nào rồi mình cũng cứ mua nữa đi: cứ theo giá thị trường mà mua, chẳng hớ đâu mà sợ.

NGUYỆT ĐÌNH – Này, mà thằng bé cháu nhà ông đang đau nặng ở nhà ấy, ông biết không?

THANH – Không hề gì, không hề gì mà... Tôi xem chừng mình cứ mua vào nữa đi. Thế thì chúng mình quyết định đi, cụ nhé: thiệt là cơ hội tốt, "thiên tải nhất thì". Nhưng sau khi thành công lần này, tôi thì tôi chủ trương nhất định là không mạo hiểm như thế này nữa đâu đấy. Ai nói gì thì nói, mình cũng không cần, phải cần giữ tín dụng về sau. Nhưng lần này đây thật chúng mình "phá phủ trầm chu"[1] một phen và mai đây sáng sớm, cứ tuỳ giá thị trường mua nữa đi.

NGUYỆT ĐÌNH – Nhưng mà...

THANH – Mua nốt đi năm mươi vạn nữa, cho nó chẵn quách đi. Tôi tin tưởng lần này chẳng hớ tí nào đâu. Tôi đã tính rồi? chúng mình phải chỉnh đốn món tiền tín dụng trong ngân hàng đã; tiền mặt ngân hàng phải...

NGUYỆT ĐÌNH – Mà này, ông Thanh này, thằng bé nhà ông đau nặng lắm kia đấy, ông nên về qua nhà tí đã.

THANH – Mà cụ cứ nói cái chuyện ấy mãi làm gì?

NGUYỆT ĐÌNH – Là vì tôi xem chừng ông có vẻ cao hứng quá đi rồi!

THANH – Thì cụ bảo sao tôi lại không cao hứng kia chứ? Lần này tôi giúp cụ được một việc khá cừ. Tôi phải cao hứng mới được chứ.

---

(1) Nghĩa là liều mạng.

NGUYỆT ĐÌNH *(cười mỉm)* – À, mà tôi quên hai hôm nay ông đã lên làm giám đốc ngân hàng rồi nhỉ!

THANH – Cụ Chủ nói thế nghĩa là làm sao?

NGUYỆT ĐÌNH *(không để ý đến câu hỏi)* – Ông giám đốc này, ông biết rằng bao nhiêu công phiếu trong tay tôi bây giờ đã thành tiền là tiền cả rồi chứ gì?

THANH – Hẳn chứ ạ.

NGUYỆT ĐÌNH – Với món lãi này, thế là cũng đủ để trả nợ cho lão Bát Kim rồi đấy nhỉ.

THANH – Tôi thấy thanh toán rồi, tiền nhà còn thừa thãi.

NGUYỆT ĐÌNH – À thế thì hay lắm. Với số tiền thừa đó lão Tư Phan tôi đây sẽ cố gắng hoạt động thêm tí nữa, thì ông tính tôi cũng chẳng sợ thằng nào phá rối nhỉ?

THANH – Thưa tôi không hiểu ý cụ cho lắm.

NGUYỆT ĐÌNH – Nghĩa là ví dụ như có đứa nó định phao tin là trong nhà ngân hàng tôi không còn tiền dự trữ nữa, chẳng hạn...

THANH – À!...

NGUYỆT ĐÌNH – Hoặc giả, có đứa lại đi nói cho người ta biết rằng bao nhiêu bất động sản của nhà ngân hàng đã cầm hết rồi ấy.

THANH *(cười nịnh)* – Nhưng cụ Chủ nhắc lại câu chuyện ấy làm gì? Đó chẳng qua...

NGUYỆT ĐÌNH – Tự mình tôi thì lẽ cố nhiên tôi chẳng muốn nhắc lại làm gì. Nhưng biết đâu chẳng có người họ cứ nhắc lại.

THANH – Thưa, thưa câu chuyện đó giờ đây là chuyện cũ rồi.

NGUYỆT ĐÌNH *(lạnh lùng)* – Thì cũng mới sáu bảy hôm nay thôi. Chính ông đã bảo tôi mà lị!

THANH – Thưa cụ, tôi tưởng cụ cần gì mà bực dọc về câu chuyện ấy. Ông Thánh nhân cũng đã nói rằng: "Không biết nhường nhịn những việc nhỏ, thời có thể hỏng những việc lớn". Những người làm việc lớn chịu đựng đôi chút, bao giờ cũng hơn.

NGUYỆT ĐÌNH *(lườm Thanh)* – Tôi tưởng mấy hôm nay, tôi cũng đã chịu nhiều rồi. Nhưng bây giờ đây tôi nói thực cùng ông một câu: Tôi rất ghét cái hạng người tự thị là thông minh, và đứng trước mặt tôi mà nói leo; tôi cũng không thích để cho người ngoài khi tôi, cho là tôi vui lòng để cho người ta đạp gót. Tôi ghét đáo ghét để những người giúp việc trong ngân hàng vắng mặt tôi dám bảo tôi là thằng già lẩm cẩm, là thằng mù, là thằng đầu óc ngớ ngẩn, đã đi mời một con người mạt hạng, một thằng cha "bất học vô thuật" về làm giám đốc trong ngân hàng tôi.

THANH *(hết sức nén giận)* – Tôi nghĩ rằng trong khi nói chuyện, cụ Chủ cũng nên lễ độ một tí. Có lẽ trong mấy chữ cụ dùng vừa rồi, cụ cũng có thể châm chước cho ít nhiều chứ.

NGUYỆT ĐÌNH – Tôi đã châm chước suy nghĩ nhiều rồi đấy.

THANH *(cười gằn)* – Thế thì hay lắm, bây nhiêu danh từ có lẽ cũng không quan trọng gì lắm. Bảo là *người mạt hạng* hoặc *người thượng hạng* khác nhau cũng không mấy đâu. Nhưng thưa, thưa với cụ, chúng mình đã bấy nhiêu năm làm việc cùng nhau, thì tôi tưởng rằng việc lớn cũng như việc nhỏ, đối với nhau, ít nữa cũng nên tín

nhiệm nhau đối chút.

NGUYỆT ĐÌNH – Tín nhiệm? *(nhìn Thanh cười sằng sặc)* Ông cũng nói đến chuyện tín nhiệm kia à? Tôi muốn tín nhiệm lắm chứ, nhưng cũng phải biết tín nhiệm mặt nào mấy được. Tôi tưởng sống đến bấy nhiêu tuổi trên đầu, thì tôi cũng phải hiểu là hạng người nào là hạng người đáng tin, và cái thứ nào là thứ nhất định không thể tin được chứ!

THANH – Nếu vậy thì có lẽ cụ không tin tôi nữa rồi.

NGUYỆT ĐÌNH *(nói chua)* – Câu nói đó, có lẽ những người thông minh như ông, tưởng không cần phải nói ra làm gì.

THANH – Cụ chủ thì nhất định thông minh hơn tôi rồi.

NGUYỆT ĐÌNH – Cái đó cũng chưa chắc; nhưng tôi thì tôi cũng hiểu được vài sự lẽ nho nhỏ và cần thiết. Ví dụ như đối với hạng người xỏ lá, xỏ xiên, tự thị mình là thông minh chẳng hạn, thì có lúc tôi cũng không tin họ tí nào... À mà này, bà vợ ông vừa đánh điện thoại cho ông đấy, ông biết không?

THANH – Tôi biết rồi, tôi biết rồi!

NGUYỆT ĐÌNH – Thằng bé con ông đau nặng gần chết kia đấy: bà ấy giục ông về nhà nhanh lên.

THANH *(trợn mắt nhìn Nguyệt Đình)* – Tôi cũng định đi về đây.

NGUYỆT ĐÌNH – Thế thì hay lắm. Hình như ông còn bảo ô – tô chờ đâu trước cửa ấy. Đi ôtô về nhà bao giờ chẳng nhanh hơn, nhưng sau lúc về nhà, ông cũng nên rèn luyện cái thông minh của ông lên tí nữa. Những người thạo việc nhanh nhẹn như ông, bao giờ mà chẳng có

chỗ làm. Rồi đây tôi xem chừng ông vẫn có thể thường thường mở trộm cặp người ta ra xem, chẳng hạn để cho biết nhà cửa người ta đã cầm hết chưa. Hoặc để điều tra xem tiền depôt của người ta còn ít hay nhiều. Nhưng tôi thì tôi có thể tuyên bố ngay cùng ông bây giờ rằng: bao nhiêu giấy tờ văn khế của tôi vẫn còn đang nằm hết đằng nhà bảo hiểm ấy. Thôi thì nói cho ông biết, để ông khỏi thắc mắc.

THANH – A! *(ngẩn cả người)*

NGUYỆT ĐÌNH *(rút trong túi ra một cái phong bì)* – Này ông Thanh này, đây là tiền lương của ông đây. Để tôi tính cùng ông. Lương giám đốc mỗi tháng là 275 đồng. Ông nhận việc vừa đúng ba hôm. Thầy ký kế toán bảo rằng ông đã vay trước 250 đồng. Tuy vậy, chỗ ta cùng ta, tôi tưởng giữ lấy đôi chút tình diện vẫn là hay. Thôi thì tôi cũng cứ trả ông lương cả tháng. Nghĩa là ông còn lại 25 đồng nữa. Thời ông cầm lấy đây. Nhưng tôi phải nói cho ông biết là cái tiền ông đi ô – tô lại đây vừa rồi, ông phải trả lấy đấy.

THANH – Nhưng, thưa cụ Chủ... *(bỗng không nói nữa chỉ nhìn Nguyệt Đình một cách giận dữ và đưa tay ra)*. Thôi thì cụ đưa tôi vậy *(cầm món tiền)*

NGUYỆT ĐÌNH *(đi vào hai bước lại trở lại)* – Thôi tôi vào đây. Từ nay về sau, khi nào rảnh, ông cứ việc lại đây chơi cho vui. Rồi đây ông muốn gọi tôi là gì cũng xin tuỳ tiện. Cũng như vừa rồi ấy mà: ông định gọi tôi là Nguyệt Đình, thì cũng vâng. Nếu ông muốn bác bác, tôi tôi hoặc giả mày tao chí tớ đi nữa, cũng không sao. Bây giờ đây thì chúng ta thật bình đẳng! Thôi chào ông. *(đi vào phía cửa tay phải)*

THANH *(đứng ngẩn người)* – Được! Được lắm! *(nắm chặt mấy*

tờ giấy bạc) Hai mươi lăm đồng! *(nói nhỏ hơn)* Hai mươi lăm đồng *(nghiến răng)*. Tao thì tao thịt mày cho mà xem! *(chuông điện réo nhưng Thanh không để ý)* Vì bao nhiêu công thải của mày mà tao quên cả việc nhà: con tao đau tao cũng mặc: tiền lương tao, tao tiêu phăng để dò tin tức cho mày. Thế rồi bây giờ mày nổi cơ nghiệp là mày đá ngay tao ra. *(cười cay đắng)* Mày không cần tao nữa; mày coi tao như thằng kẻ cắp không bằng; mày mắng tao, mày chửi vào mặt tao; mày sỉ nhục tao, mày không thèm nhìn đến tao; *(càng tức)* A, mày không thèm nhìn đến tao! *(đấm vào ngực)* Mày không thèm nhìn đến thằng Thanh này; mày xem tao như một thằng xỏ lá xỏ xiên! A! *(chuông điện lại réo Thanh cười chua chát)* Mày bỏ rơi tao! Chao! Thế là tao "tự thị là thông minh"; tao là một thằng "bất học vô thuật", là đồ ăn mày, *(cười gằn, chuông điện lại réo)*. Nhưng mày tính thế là tao chịu thôi với mày đó hẳn? Mày tưởng là tao sợ mày... A! *(mắt sáng ngời lên)* Hôm nay tao phải thịt mày, thịt cả nhà nhà mày. Tao không tha đứa nào hết! Một đứa tao cũng không tha! *(Bỗng tiếng gõ cửa giữa đôm đốp)*.

THANH – Ai kia?

(Vợ Thanh vội vã chạy vào, nét mặt xanh nhợt, nước mắt lai láng, áo quần lụng thụng).

BÀ THANH – Này, cậu này, cậu thế nào đấy, đi suốt ngày đêm không về nhà, là nghĩa làm sao?

THANH *(nhìn trừng trừng)* – Tôi không về.

BÀ THANH – *(khóc nức nở)* – Thằng Năm sắp chết rồi, cứng cả lưỡi rồi, tôi với má gọi xe đưa xuống nhà thương, vào tất cả là ba nhà thương, không đâu chịu nhận cho cả.

THANH – Thế là chữa không được nữa à?

BÀ THANH – Người ta bảo là phải có tiền. *(nhìn bốn bên)* Người ta đòi tiền mặt kia! Phòng rẻ nhất họ đòi đến 50 đồng. Nhà chỉ còn 15 đồng, đưa cho họ, họ không chịu. *(nức nở)* Bây giờ cậu nghĩ thế nào? Phải cứu lấy con chứ?

THANH *(sờ trong túi rút mấy tờ giấy bạc cũ ra)* – Thôi còn bây nhiêu cầm nốt đi.

BÀ THANH – *(đếm vội vã)* – Nhưng đây chỉ có 17 đồng.

THANH – Thì... thì... thì bảo tôi làm thế nào?

BÀ THANH *(gạt nước mắt)* – Nhưng cậu ạ, thằng Năm nó...

THANH – Thì không biết đi đẻ ra cả đàn con như thế làm gì? *(rút một tập giấy bạc của Nguyệt Đình vừa trả, trao lại cho vợ, nghiến răng nói cay đắng)* Thôi đấy cầm đi, cầm nốt đi hai mươi lăm đồng này là mấy đồng tiền "mất mặt" đấy!

BÀ THANH – *(cầm lấy tiền)* – Nhưng cậu cũng về nốt chứ.

THANH – Mình cứ đi trước đi, chốc nữa tôi tới.

BÀ THANH – Nhưng này, cậu không tới thì không xong đâu.

THANH – Thì đã bảo về trước đi mà lại! Mình cứ về đi, còn đứng đây mà réo làm gì nữa? Về đi nhanh lên xem nào. Mình đừng làm tôi điên tiết nữa!
(Tiếng gõ cửa)

BÀ THANH – Nhưng, này cậu này... *(lại tiếng gõ cửa)*

THANH – Ai kia? *(không trả lời, vẫn tiếng gõ cửa)* Ai kia, bảo vào mà! *(vẫn tiếng gõ cửa)* Thì ai ngoài ấy kia chứ? *(chạy tới cửa giữa, mở cửa thật mạnh bỗng giật mình: Ký Tam đứng nơi cửa nhìn đăm đăm, lòng con mắt sâu hoắm)*
(Ký Tam âm u bước vào, như một trận gió heo may.

Người ta tưởng chừng như thấy con ma lúc ban đêm bò từ nấm mồ ra. Cái áo dài rách hôm trước, bây giờ cũng mất đâu rồi ấy! Ký Tam khoác một chiếc áo bông mầu xanh nhục đã rách nát. Bao nhiêu gân cổ nổi lên: ống tay dài lụng thụng; một chiếc quần trong để lộ đôi giò gầy còm hơn hôm trước nhiều. Tuy vậy Ký Tam không hề có vẻ sợ hãi, bộ mặt âm thầm hằn lại, khóc không ra khóc, cười không ra cười, chỉ đăm đăm nhìn vào Thanh)

THANH *(bảo vợ)* – Thôi mình về đi, có người tới đấy!

BÀ THANH – Nhưng cậu ạ... *(nhìn Thanh một cách oán giận rồi khóc sụt sùi, đi ra cửa giữa)*

THANH *(giận dữ nhìn vợ đi ra, quên cả rằng có Ký Tam trước mặt)* – Có về đi thì về; tôi chưa về đâu! Nếu tôi không biết tính thế nào, thì tôi sẽ chết ngay đây, chứ chả về đâu hết!

KÝ TAM – Lạy cụ Chủ ạ!

THANH – Lại thằng lưu manh này! Thế anh còn vào làm gì thế này?

KÝ TAM – Thưa... thưa với cụ Chủ...

THANH – Cái gì? Cụ Chủ nào? Ai bảo anh gọi tôi là cụ Chủ?

KÝ TAM – Thưa với cụ Chủ, cháu là thư ký đàng ngân hàng, cháu là Ký Tam, là Hoàng Tỉnh Tam đây. Cháu làm mỗi tháng được mười hai đồng hai hào rưỡi; cháu có ba đứa con, thưa cụ Chủ cháu có ba đứa con, cháu làm mỗi tháng được mười hai đồng hai hào rưỡi; cháu là Ký Tam, là Hoàng Tỉnh Tam...

THANH *(bỗng nhớ ra)* – A, té ra anh là... thế làm sao, anh lại vẫn cứ đi tìm tôi cho được thế này?

KÝ TAM – Thưa cụ, cụ Chú, cháu lạy cụ, cháu xin cụ...

THANH – Tôi không phải là cụ Tư Phan, không phải là cụ Chủ. Tôi là Phán Thanh (*trỏ vào mặt mình*) Anh không biết tôi à? Anh không nhìn ra tôi nữa à?

KÝ TAM – (*gật đầu*) – Cháu còn nhìn được lắm chứ. Cụ là cụ Chủ.

THANH – Thật thế à? Mà tôi hỏi anh lại đây làm gì kia? Sao anh chọn ngay cái giờ này mà đến đây chọc tức tôi kia chứ?

KÝ TAM (*rất ngớ ngẩn*) – Thưa cụ, họ không cho cháu chết! Họ không chịu cho cháu chết!

THANH – Anh chết thì anh cứ việc chết, can gì đến họ mà họ không cho anh chết?

KÝ TAM – Thưa cụ, bao nhiêu con người ta đàng ấy, bao nhiêu các quan, các cụ lớn họ nhất định thả con ra. Họ cứ bảo rằng là lúc đó cháu bị bệnh thần kinh, họ cứ khăng khăng bảo là cháu không có tội. (*nói thật tình*) Thôi thì cháu lạy cụ, cháu xin cụ, cụ làm phúc làm đức cụ cho cháu một đấm nữa, cụ nặng tay vào cho (*chỉ ngón tay vào nơi ngực*) Cụ cho ngay vào đây này, một đấm là xong thôi mà. Thôi xin cụ, cụ làm phúc cháu nhờ...

THANH – Nhưng anh có nghe không? Tôi không phải là cụ Chủ. Anh nhìn lại đây này, tôi có phải là cụ Tư Phan đâu! Tôi là Lý Thạch Thanh, là Phán Thanh đây mà! (*im lặng trong một lúc*)

KÝ TAM – (*bỗng khóc nức nở lên*) – Con ơi là con ơi! Trời ơi mấy đứa con tội nghiệp, con ơi là con ơi, cha giết các con. Chính cha giết chết các con!

THANH – Thế nào mày dưa con dâu...

KÝ TAM – Nó về chầu trời cả rồi! Nhưng sao các ngài không cho tôi chết kia chứ? *(tưởng như vẫn ở toà án)*? Tôi có đau thần kinh đâu. Thưa với quan toà, lúc đó cháu thật không đau thần kinh tí nào! Cháu sáng suốt hết sức. Bẩm lạy quan toà, chính cháu đã đi mua a phiến về. Thì cụ Chủ nhà báo cho cháu tất cả là đi ba đồng bạc, hai đồng cháu trả tiền buồng, còn đồng nữa cháu đi mua thuốc phiện. Bẩm quan toà, chính tay cháu đã trộn thuốc phiện với đường đen, dưa cho mấy đứa trẻ ăn; chính tay cháu đã thuốc chết chúng nó đấy ạ. Nhưng các ngài ơi! Các ngài vớt tôi lên làm gì? tôi không có tiền mua thuốc nữa, thì các ngài phải cho tôi nhẩy xuống sông chứ! Làm sao các ngài lại không cho, không cho tôi chết? Bẩm lạy quan toà ạ, xin quan toà đừng tin mấy nhà láng giềng, họ nói nhảm đấy! Lúc đó, cháu sáng suốt lắm kia, cháu có đau bệnh thần kinh, thần kiếc gì đâu! Nhà nước có luật pháp, các ngài không thể tha tội được. Thưa với quan toà, *(níu lấy tay Thanh)* ông quan toà ơi! chính tay tôi thuốc chết người, chính tay tôi giết con: thằng Vọng và con Vân con tôi ấy mà... *(ôm chặt lấy Thanh)*. Trăm lạy quan toà, ngài phải xử tử tôi mới được!

THANH *(hết sức gỡ tay Ký Tam)* – Buông ra nào! Buông tôi ra! Đồ ngớ ngẩn nào ấy! Nhìn đây này, anh có biết anh ở chỗ nào đây không? *(hết sức rẩy Ký Tam ra)* Anh xem đây này, anh biết tôi là ai không?

KÝ TAM *(nhìn kỹ vào mặt Thanh rồi nhìn bốn bên, im một chốc)* – A cụ Chủ, cụ,... cụ Chủ ơi, cháu đến đây là chỗ nào đây?

THANH – Đồ quỷ sứ anh cứ níu tôi làm gì mãi thế này? Đi,

đi, đi, cút, cút ra ngay! Không cút ra tao gọi cảnh sát ngay bây giờ đây *(cố gắng bấm chuông điện)* này!

KÝ TAM – Thôi cụ ạ; đừng gọi họ đến làm gì *(níu lấy tay Thanh)* cụ đừng, đừng gọi họ lên đây nữa. Cụ Chủ ơi, người với người không nên xử cùng nhau như vậy. Đừng ăn ở với nhau tàn nhẫn như vậy cụ ạ! Mấy hôm vừa rồi, con cái tôi còn sống, tôi cũng muốn sống, tôi xin với các ngài cho tôi sống, thì các ngài lại nhất định không cho tôi sống! Bây giờ... *(khóc nức nở)* chúng nó chết rồi; tôi muốn chết nốt, tôi định chết, tôi kêu các ngài, van các ngài cho tôi chết, thì các ngài lại không cho tôi chết! Cụ Chủ ơi, cụ Chủ ơi, chúng ta đây đều là người cả, người đối xử với người sao mà tệ thế! *(khóc khàn cả tiếng)* Sao mà tệ thế!

THANH – Thật!... Đồ khốn nạn, anh làm tôi lộn cả ruột lên đây này! Anh cút đi, cút nhanh lên! *(dậm chân)* tôi cùng phát điên mất thôi! Đồ lưu manh! Cút, cút ngay đi xem nào!

KÝ TAM – Không, cháu van cụ, cụ làm phúc, cụ Chủ ạ. Tôi không sống được, không tài nào sống được nữa rồi! *(khóc than thảm thiết).*

THANH – *(dắt tay Ký Tam)* – Ừ, thì được, được rồi, tôi cho anh chết đấy! tôi sẽ cho anh chết. Nhưng anh đứng dậy đã nào, anh nhìn xem thử tôi là ai đã nào! Tôi là Phán Thanh đây, anh nghe rõ chưa, tôi là Phán Thanh, tôi là Thanh, Thanh, Thanh đây mà!

KÝ TAM *(nhớ không ra)* – Thanh nào nhỉ?

THANH – Anh quên rằng hôm trước anh đã đến đây tìm tôi rồi ư? Và tôi... tôi đã bàn anh đi kéo xe ấy mà.

KÝ TAM – Thế hả?

THANH – Tôi lại bảo anh cần phải kiếm cơm ăn...

KÝ TAM – A!

THANH – Tôi lại còn khuyên anh là, nên đi ăn cắp.

KÝ TAM – Ừ nhỉ, ông còn khuyên tôi nhảy trên gác nhảy xuống mà tự tử nữa. *(bỗng có vẻ vui mừng như điên, hớn hở nhìn khắp bốn bề, rồi chạy ra nơi cửa sổ).*

THANH *(lật đật chạy theo, nắm chặt lấy)* – Bác Phúc! Bác Phúc! Bác Phúc đâu?
(Phúc từ phía cửa giữa vào)

THANH – Anh kéo cổ nó ra ngay đi. Nó điên đấy!

PHÚC – Anh trở lại đây làm gì?
(Phúc rán hết sức kéo Ký Tam, Ký Tam vật vẫy không chịu)

KÝ TAM – Ông Phán Thanh ơi, tôi không điên, tôi có điên đâu! *(Phúc kéo Ký Tam ra).*

THANH – Trời đất! Mà cái thằng ngốc này, chuyện gì mà mày điên cơ chứ? Mày điên làm gì? Sao mà nó dễ dàng thế? *(Chuông điện réo)*

THANH *(cầm ống nói)* – Allo, đâu đấy? À ông Trương đàng nhà báo đấy à? Vâng! Thanh đây! Thế nào kia? Vừa rồi ngài téléphone mà không ai trả lời cả? À vâng, vâng, ngài vừa cho người cầm thơ lại rồi... Vâng ngài đừng lo... thế... thế nào à? Tình hình nguy thế kia ạ? Ai bảo đấy? A! thế, thế là tin tức đàng nhà Bát Kim phao ra cả đấy! Nhưng lẽ nào! hai hôm nay, thấy bảo Bát Kim mua nhiều cơ mà! Thế nào? Bát Kim không hề mua!

Thế là cái tin công phiếu lên một tuần nay là tin Bát Kim tung ra cả. A thế nào? Từ hôm qua đến giờ, Bát Kim bán hết công phiếu của lão rồi, có thật thế không ạ? *(mừng run cả tay)*. Ngài bảo thế nào kia? À vâng! Cái tin đó đồn khắp nơi rồi... Vâng, vâng, vâng, thế thì ngày mai tha hồ cho nó xuống giá đấy nhỉ? Ngài bảo sao? Ngài đoán giá sẽ hạ đến bao nhiêu nào? *(đập tay mạnh xuống mặt bàn)*. Thế nào, à ngay từ hôm thứ hai là Bát Kim không mua tí nào nữa rồi đấy! Vâng (*ngồi xuống nơi bàn*) Vâng! *(vỗ tay vào đùi)* Ngài bảo thế nào kia? A, Ngài bảo là lần này Bát Kim chôn sống nhà ngân hàng Đại Phong... Vâng... vâng, tôi cũng nghĩ thế đấy. Tôi xem chừng không khéo Bát Kim lại đòi nợ. Úi chao! Thế thì hay lắm!... A! hỏng bét, hỏng bét cả! Hay, hay quá! À, vâng! Ngài đã viết thư cho người mang đến đây. Vâng, xin chào ngài. Tôi sẽ đưa ngay cho cụ Tư Phan. *(bỏ ống nói, chạy ra nơi cửa)* Bác Phúc, bác Phúc đâu?

(Phúc đi vào)

THANH – Vừa rồi ông Trương đàng nhà báo cho người đưa một bức thư tới đây cho cụ Chủ, bác nhận được chưa?

PHÚC – Được rồi đấy ạ.

THANH – Đâu rồi?

PHÚC – Thưa đây. *(thò tay rút thư trong túi ra)*

THANH – Đưa đây, đưa đây! Sao bây giờ bác mới nói? *(cướp lấy cái thư từ trên tay Phúc)*

PHÚC *(đứng nhìn Thanh đọc thư)* – Vừa rồi cháu đã định đưa trình cụ Chủ. Nhưng cháu thấy cụ còn đương đánh bài, đương gặp hội đỏ, phỗng ba ván luôn, cho nên cháu chưa dám đưa.

THANH – Thôi anh đi ra. Đừng nói leo nữa.

PHÚC – Vâng ạ. *(đi ra)*

THANH *(gấp thư lại, thở một hơi dài sung sướng)* – Chao! Bức thư này đến đúng lúc, đến đúng lúc, đúng lúc quá đi mất! Tuyệt!
(Bạch Lộ đi vào)

THANH *(hớn hở)* – Kìa cô Bạch Lộ!

BẠCH LỘ – Ông giám đốc, mời ngồi...

THANH – Khách về cả chưa hở cô?

BẠCH LỘ – Sắp về cả rồi đấy.

THANH – Nếu cô vào, thì phiền cô mời cụ Tư Phan ra ngay cho một chốc. Vừa rồi có người đưa lại đây một bức thư, có việc rất cần, rất quan trọng, nên tôi mời cụ ra lập tức để cụ bảo cho nên làm thế nào?

BẠCH LỘ – Thế thì mời ông chờ cho một tí nghe.

THANH – Vâng ạ! *(cúi chào)*
(Bạch Lộ đi vào phía cửa tay trái).

THANH *(run rẩy)* – Quái! Quái lạ sao mình nôn nao cả người lên thế này? *(đi đi lại lại. Nguyệt Đình từ phía cửa tay trái đi ra)*

NGUYỆT ĐÌNH – Sao ông còn chưa về nhà cơ?

THANH – Cụ Chủ, thì tôi vẫn áy náy đến công việc đàng ngân hàng, cho nên chưa về được.

NGUYỆT ĐÌNH – Ông cần gặp tôi làm gì nữa kia?

THANH *(hết sức dịu giọng)* – Thưa ván bài thế nào?

NGUYỆT ĐÌNH – *(nhìn Thanh)* – Bài khá đỏ.

THANH – Thấy Phúc nó bảo cụ đang tốt tay lắm thì phải?

NGUYỆT ĐÌNH – Khá tốt, thế bức thư đâu?

THANH – Bức thư nào cơ?

NGUYỆT ĐÌNH – Vừa rồi cô Bạch Lộ bảo là có bức thư của tôi nơi ông, đâu rồi?

THANH – Vâng, có đây. Đàng nhà báo ông Trương vừa cho người đưa lại đây mà.

NGUYỆT ĐÌNH – Thế đưa đây tôi lanh lên. Chắc là công phiếu lại... Đâu? Đưa tôi xem.

THANH – Chính là câu chuyện công phiếu. Tôi vừa xem qua, tôi đã phát hoảng hẳn lên đấy.

NGUYỆT ĐÌNH – Sao mà ông biết?

THANH – Nhưng xin lỗi cụ: tôi cũng đã lỡ tay bóc ra xem trước.

NGUYỆT ĐÌNH – *(cố nín)* – Sao ông dám bóc thư tôi ra? Đưa đây xem.

THANH – Thưa cụ, nhưng nếu tôi không bóc ra xem trước, thì làm thế nào biết có tin mừng để báo cùng cụ? *(chậm rãi rút bức thư ra)* Thôi thì cụ cũng đừng bực làm gì. Cụ cũng đừng bảo tôi là tự thị thông minh, cố ý đa sự làm gì, *(mở bức thư rải rộng ra trên bàn)* Để xin mời cụ đọc cho cẩn thận.

(Nguyệt Đình đọc qua loa, ngơ ngác nhìn Thanh. Lại cầm lấy bức thư)

THANH *(Vừa nhìn Nguyệt Đình đọc thư vừa nói leo)* – Thật tình chính tôi cũng không ngờ rằng câu chuyện nó lại

xoay ra như thế này. Thì sao mà nó xẩy ra chóng thế này! Đúng lúc thế này! Tôi cũng cho là tin đồn nhảm đấy thôi.

NGUYỆT ĐÌNH *(đọc xong thư phát hoảng hẳn lên, đọc lại mấy giòng nữa)* – Không có lẽ, không có lẽ! Nhất định là tin nhảm! *(chạy tới bàn điện thoại, quay chuông gọi)* Allo! allo! nhà báo đấy phải không? Tôi là cụ Tư Phan đây... Tôi muốn nói chuyện với ông Trương. Nhanh lên, nhanh lên tí... Thế nào kia? Ông Trương đi rồi ư? Nhưng ông ấy vừa... à! à! Ông ấy lại vừa đi ra... Thế ông ấy đi đâu!... rõ khỉ chửa? Sao không hỏi ông ấy xem?... *(bỏ ống nói xuống, gấp bức thư lại, rồi lại quay giây nói)* Allo! allo! đàng Câu lạc bộ đấy phải không? Tôi muốn hỏi ông Đinh, ông Đinh Mục Chi, bí thư riêng của cụ Bát Kim ấy mà... Sao? Ông ấy về nhà rồi? Sao giờ này mà đã về nhà, vừa mới... *(nhìn đồng hồ tay)* mới...

THANH – Mới hơn năm giờ sáng thôi, trời sắp sáng đấy!

NGUYỆT ĐÌNH *(lườm Thanh, nói vào ống nói)* – Thế số giây nói nhà ông ấy là mấy nhỉ?... A 43543, được, được rồi! *(bỏ ống nói xuống)*. Cả cái lũ này, lúc mình cần đến chúng nó, thì không biết chúng nó đem nhau biến đi đâu mất hết! *(lại vặn giây nói)* Allo! allo! đàng nhà ông Đinh đấy phải không? *(lại quay)* Allo, allo, allo... quái! Không ai trả lời cả là nghĩa làm sao?

THANH – Nghĩa là bọn thầy tớ chúng nó ngủ mê cả rồi chứ gì?

NGUYỆT ĐÌNH *(vứt ống nói xuống)* – Chúng nó ngủ chết tiệt cả rồi! *(ngồi xuống buồn bực)* Nói láo! Nói láo! Tin này nhất định là tin láo! Không có lẽ, không có lẽ!

(Thanh vẫn đăm đăm nhìn Nguyệt Đình. Lộ đi từ phía cửa tay trái ra, nhìn Nguyệt Đình và Thanh).

NGUYỆT ĐÌNH – Phiền em tí; cho anh xin chén nước.

BẠCH LỘ – Thế nào, thế?

NGUYỆT ĐÌNH – Anh hơi rức đầu.

(Bạch Lộ đi rót nước)

THANH – Tôi cũng cho rằng cái tin này không chắc chắn gì. *(vẻ thật tình)* Thế sáng vừa rồi cụ cho người đi dò chắc chắn chưa?

NGUYỆT ĐÌNH – *(nói một mình)* – Câu chuyện như câu chuyện đùa ấy, câu chuyện có vẻ câu chuyện đùa quá đi mất!

BẠCH LỘ – *(đưa chén nước)* – Thế nào kia?

NGUYỆT ĐÌNH – *(đưa thư cho Lộ xem)* – Em xem đây. *(ngồi ngẫn người)*

THANH *(tới cạnh Nguyệt Đình nói nhỏ)* – Này, nhưng cụ ạ, câu chuyện có lẽ cũng chưa nguy ngập đến thế đâu! Dầu công phiếu có giảm giá một vài hào, thì tôi tưởng số tiền mình lỗ cũng chẳng là bao. Cụ đọc lại thư xem người ta bảo giá hạ nhiều hay ít.

NGUYỆT ĐÌNH – Ừ nhỉ! *(đứng vụt dậy)* Em Lu – lu cho anh xem lại bức thư tí *(giật lại bức thư, lật đật xem)*

THANH *(đứng sau Nguyệt Đình, trỏ tay vào bức thư)* – Không, không phải trương ấy, trương này kia. *(hai người đọc khẽ)* "Tin này đã bắn ra khắp thị trường. Ngày mai giá công phiếu sẽ hạ một cách ghê gớm".

BẠCH LỘ – Ông ấy nói phân minh rằng: giá công phiếu nhất định là sẽ hạ ghê gớm nữa.

NGUYỆT ĐÌNH – Cứ theo lời trong thư thì bao nhiêu công phiếu ngày mai chỉ là đống giấy vụn.

THANH – Nhưng vừa rồi ông Trương lại còn đánh điện thoại nữa...

NGUYỆT ĐÌNH *(dường như thấy một hy vọng mới)* – Ừ nhỉ, vừa rồi ông ấy lại đánh điện thoại, bảo gì ấy nhỉ?

THANH – Bảo là chả có hy vọng gì nữa hết. Chính là Bát Kim lừa mình vào tròng, không có cách gì nữa đâu.

NGUYỆT ĐÌNH *(lại ngồi xuống buồn bã)* – Cái thằng đến để! *(Phúc đẩy cửa vào)*

BẠCH LỘ – Gì đấy bác Phúc?

PHÚC – Ông Trương đàng nhà báo lại đấy ạ.

BẠCH LỘ – Mời ông ấy vào.

PHÚC – Ông ấy bảo là bên này đông người quá, nói chuyện không tiện, ông ấy đang chờ đàng buồng số 10 ấy ạ. *(giữa lúc ấy, chuông điện thoại lại réo, Thanh cầm ống nói trong khi Nguyệt Đình định đi ra).*

THANH – Allo, allo, ông ở đâu đấy. Vâng số 51 đây. *(đưa tay che ống nói, bảo Nguyệt Đình)* Ông Đinh định nói chuyện cùng cụ đấy.

NGUYỆT ĐÌNH *(cầm ống nói)* – Allo, vâng tôi là Nguyệt Đình đây, ông Đinh đấy à? Vừa rồi tôi gọi chuông lại đàng ngài mãi... Vâng... vâng... vâng không hề chi! Thường thôi ạ. Thế nào kia? Cụ Bát nhất định là... Thế nào kia ạ? Sáng mai nhất định là phải hoàn lại tất cả số tiền... Allo, nhưng tôi đã khất với cụ xin hoãn cho một tuần kia mà... Như thế thì thực là cụ ấy cố ý chơi tôi rồi. Allo, allo ông Đinh này, ông nói hộ với cụ Bát rằng

thế nào thì cũng nghĩ đến "tín nghĩa" đôi chút với. Cụ ấy đã hẹn cùng tôi là sẽ chờ cho một tuần lễ, thế sao bây giờ.. Allo! allo, tôi muốn gặp cụ tí có được không? Thế nào kia? Cụ ấy bảo là không muốn gặp ai... Allo! allo! Nhưng tôi còn muốn hỏi thêm ông một câu: hai hộm nay đàng cụ Bát có mua công thải không? Thế nào kia? Không hề mua?... Bán ra không kịp!... A! allo, allo ông vẫn nghe đấy chứ, ông Đinh? *(quay giây nói, ghé tai nghe, rồi lại quay ba bốn lần không ai trả lời, vất ống nói xuống).* Đồ chó đẻ, đồ ăn mày! Mãi đến bây giờ nó mới cho mình biết tin! *(buồn bã ngồi xuống nơi chiếc sofa)*

PHÚC - Bẩm cụ, ông Trương đàng nhà báo...

NGUYỆT ĐÌNH - Thôi, thôi chúng mày đừng quấy rầy nữa. *(Phúc ra).*

THANH - Nhưng, này cụ này...

NGUYỆT ĐÌNH *(gào to)* - Thôi anh đi đi! anh cút đi hộ tôi! *(Thanh đi ra).*

NGUYỆT ĐÌNH *(nói với Lộ)* - Em qua phòng bên kia trước đi, anh cần nghỉ một tí.

BẠCH LỘ - Này anh Nguyệt Đình...

NGUYỆT ĐÌNH *(xua tay)* - Em qua bên kia với khách đi. Có lẽ bây giờ họ cũng về cả rồi.
(Bạch Lộ đi vào phía cửa bên trái).

NGUYỆT ĐÌNH *(đi đi, lại lại, ngồi xuống rồi lại đứng dậy, đứng rồi lại ngồi)* - Câu chuyện như tấn trò đùa ấy. Thế này là lão Bát Kim nhất định giết mình *(cánh cửa giữa lại mở, két lên một tiếng).*

NGUYỆT ĐÌNH *(giật mình)* - Ai? Ai đấy? Ai đấy?

THANH – Vẫn tôi đây cụ Chủ ạ. Vẫn là cái đồ tồi mà tự thị là thông minh ấy mà!

NGUYỆT ĐÌNH – Anh trở lại, anh định trở lại làm gì cơ?

THANH – Trở lại nói chuyện chơi. Giờ đây chỉ tôi cùng cụ, chuyện trò cho sướng thôi.

NGUYỆT ĐÌNH – Anh định nói chuyện gì nữa?

THANH – Thì cũng chẳng có chuyện gì. Chẳng qua cái đồ mạt hạng này muốn xem cái đồ thượng hạng kia bây giờ tính thế nào đó thôi.

NGUYỆT ĐÌNH *(nhảy lồng lộn)* – Đồ ăn mày!

THANH *(trừng mắt lên)* – Anh đồ ăn mày!

NGUYỆT ĐÌNH – Cút ra ngay lập tức!

THANH – Anh cút trước ra ngay đi thì có! *(cười mỉm)* Anh không biết rằng giờ đây tôi với anh hai thằng cũng như nhau à?

NGUYỆT ĐÌNH *(cố ý nén tức)* – Anh cẩn thận tí, anh ăn nói hỗn xược. Tôi bảo cùng anh là anh phải cẩn thận tí!

THANH – Tôi cần gì mà phải cẩn thận! Ở nhà còn xu nào nữa đâu! Trong ví toàn là vé cầm đồ cả thôi? Cẩn thận làm gì?

NGUYỆT ĐÌNH – Nhưng đồ ăn mày, mày không cẩn thận, ông sẽ đưa mày ra toà, ông sẽ cho mày ở tù.

THANH – Đồ ăn mày, nhưng anh hãy sờ lên gáy anh xem. Này cụ Chủ của tôi ơi, tôi có nợ nần ai đâu, tôi có nợ nghìn, nợ vạn ai đâu! Có ai kẹp tôi để hỏi nợ đâu. Tôi có phải cái thằng vừa nhìn thấy bạc vạn vào tay, là lại bị người khác cướp giật đâu! Cụ Chủ này, cụ thương

hại lấy cụ ấy! Bây giờ đây cụ còn kém thằng ăn mày nữa kia! Tôi hiện nay chỉ là một đứa lưu manh; nhưng tôi chỉ nghèo thôi. Còn ông, ông mới là hạng đại lưu manh kia đấy, ông ạ. Úi chao ôi, ông không muốn nói chuyện tín nghĩa với những người tự phụ là thông minh; thì người ta ai muốn nói chuyện tín nghĩa cùng ông cơ chứ? Ông không muốn nói đến tín nghĩa, thì có người lại ít tín nghĩa hơn ông nữa! Ông tưởng ông là thông minh, thì thiên hạ lại lắm thằng thông minh hơn ông nữa. Vừa rồi ông vừa hành hạ tôi, ông chửi mắng tôi, ông không thèm nhìn tôi! Thì bây giờ tôi lại sướng quá, lại thích thú quá! Rồi đây sáng mai này, mắt tôi sẽ nhìn thấy ngân hàng nhà ông đổ sập, ông sẽ không còn một xu nhỏ để mà trả nợ. Tôi sẽ nhìn thấy cả một lũ đầu không khăn, đít không khố, chúng nó sẽ mắng ông, hành hạ ông, chửi mắng ông, rủa vào mặt ông... Ừ, hẳn chứ, chúng nó sẽ thịt ông, nhai ngấu ông! Ông làm hại người ta, người ta sẽ lột da ông, sẽ moi ruột ông, chứ sao! Nói thật với ông, bây giờ thì ông chỉ có một con đường nữa là chết đi cho rồi! Chết, ông mới chuộc được tội lỗi ông đối với họ: chết hoạ may ông trốn khỏi họ!

NGUYỆT ĐÌNH *(đập mạnh vào bàn)* – Mày câm ngay! Mày không được nói nữa.

THANH – Tôi sợ gì mà tôi không nói? Tôi cứ nói cho sướng miệng, cho hả dạ... Anh là đồ đểu giả, đồ chó chết, mất anh đui, đầu óc anh lú lấp!...

NGUYỆT ĐÌNH *(nhảy lồng dậy)* – Tao hẵng làm thịt mày đã, rồi đến đâu thì đến. *(tóm lấy đầu Thanh định đánh, Bạch Lộ chạy ra).*

BẠCH LỘ – Này anh Nguyệt Đình, anh Nguyệt Đình ơi, anh buông tay ra cho ông ấy đi nào?

THANH *(bị Nguyệt Đình tóm lấy đầu, cố ý vật vẫy)* – Này! Có giỏi thì mày giết ông đi, mày ăn thịt ông đi nào! Nhưng ông bảo cho mày biết, phen này lão Bát Kim nhất định nó chẳng buông tha cho mày đâu, ngoài cửa này này, ngoài cửa này này...

BẠCH LỘ – Anh Nguyệt Đình, thôi nào! Buông ra đi! Ngoài cửa cái gì?

THANH – Cái gì nữa! Thằng Ba Đen đang chực mày ngoài ấy. Bát Kim bảo nó chực sẵn mày đấy rồi.

NGUYỆT ĐÌNH – Chực, chực mà làm gì?

THANH – Làm gì nữa? Nó sợ anh trốn đi, nó cho cả tụi thằng Ba Đen canh anh, chứ gì nữa?

NGUYỆT ĐÌNH *(cúi đầu, im lặng một lúc)*

BẠCH LỘ *(nói nhỏ)* – Thôi ông Thanh, ông đi về đi!
(Thanh nhìn Nguyệt Đình, làm thinh. Tiếng chuông điện thoại réo rất nhanh)

NGUYỆT ĐÌNH – Lộ, em nghe hộ anh xem!

THANH – Để tôi nghe hộ.

BẠCH LỘ – Không, không cần, để tôi nghe. *(cầm ống nói, Nguyệt Đình và Thanh hai người đứng hai bên, nhìn có vẻ mong đợi)* Allo! Ai đấy? Phải rồi số 52 đây. Bạch Lộ đây, vâng. À, bà Phán, vâng. Thế nào kia? Không dám, chào bà, bà muốn nói chuyện cùng ông Thanh... Vâng vâng, có đây – *(quay đầu nói với Thanh)* Bà Thanh ở đàng bệnh viện nói chuyện với ông đấy!
(Nguyệt Đình buồn bã ngồi nơi chiếc sofa)

THANH *(cầm ống nói)* – Tôi đây! mình ở đàng nhà thương đấy à? Ừ... ừ... thế nào kia? Nói to lên! Tôi nghe chưa rõ... *(hoảng hốt)* Thằng Năm thế nào?

Thằng Năm tắt... tắt thở rồi? Thế... mình đưa nó lên nhà thương kia mà? *(đập vào bàn, vẻ mặt đau đớn)* Ừ, ừ đưa tiền rồi, rồi thế nào? Nó... nó tắt hơi giữa đường rồi...; *(nước mắt lai láng)* Ừ, nó chết giữa đường, nó gọi thầy... thầy... rồi nó tắt thở. *(bỏ ống nói xuống nghẹn cả lời)* Trời ơi, con tôi ơi! Năm ơi! *(lại cầm ống nói)* Ừ, tôi về ngay! Tôi về ngay bây giờ! *(Thanh cầm mũ, gạt nước mắt, nhìn Nguyệt Đình, Nguyệt Đình cũng ngẩn người nhìn Thanh đi ra).*

BẠCH LỘ – Khổ quá! Làm sao mà đến nước này hở anh? *(Tiếng gà gáy đàng xa).*

NGUYỆT ĐÌNH – Họ về cả rồi hở em?

BẠCH LỘ – Họ về cả rồi; chỉ còn có Tư Hồ và Bà Bát ngồi trong ấy nữa thôi.

NGUYỆT ĐÌNH – Ai ngờ ngày hôm nay mình lại đến thế này? Em Lộ, em ngồi đây tí nhé. Anh còn muốn bàn với lão Trương đàng nhà báo xem.

BẠCH LỘ – Anh đỡ chưa?

NGUYỆT ĐÌNH – Đỡ rồi! Đỡ rồi, anh đi đàng này một chốc, anh sẽ về cùng em ngay.

BẠCH LỘ – Anh định đi giờ đây à?

NGUYỆT ĐÌNH – Không, anh bảo là anh sẽ trở lại đây ngay ấy chứ.

BẠCH LỘ Ừ, thế anh đi đi!

(Nguyệt Đình đi ra phía cửa giữa. Tiếng gà gáy đàng xa).

BẠCH LỘ *(âu sầu tự nói một mình)* – Thế là trời lại sắp sáng rồi.

(Tư Hồ và Bà Bát từ phía tay phải ra. Tư Hồ mặt mũi hớn hở, má láng xầy, miệng nói liến thoắng. Bà Bát nhìn Tư Hồ nét mặt say mê, như đứng trước một vị anh hùng xưa nay mình vẫn sùng bái).

TƯ HỒ – Điếu thuốc tỉnh người lên! Này nhé, bên dưới là tiếng trống cả rung chầu liên tiếp, kèn nhỏ kèn to cùng thổi một lúc, Pa – la – ta, xẻng X... eng Pa – la – ta xẻng! Xẻng, xẻng! Rinh! xẻng! Pa – la – ta – ta...! ta – ta! *(E hèm, khạc một bãi đờm xuống sàn nhà).*

BÀ BÁT *(nói say sưa quên cả Bạch Lộ đang ngồi buồn rầu bên cạnh)* – Ừ, khạc đờm thì khạc cho sướng đi, rồi nói cho tôi nghe nói... Này cô Lu – lu, anh Tư Hồ đang dạy tôi bài "Toạ lầu giết buồn" đây. *(đắc ý)* Các anh gọi là bài "Vùn vụt gió thổi" phải không đấy nhỉ?

TƯ HỒ *(giọng khàn, lườm Bà Bát)* – Ai bảo là "Vùn vụt gió thổi" đấy? Không nhớ cái khỉ gì mà cũng đòi học đóng tuồng?

BÀ BÁT *(chữa thẹn)* – À, à đây là bài "Mạn trường chuỳ!"

TƯ HỒ – Thôi, thôi đi! Không phải là "Mạn trường chuỳ" Phải ráng mà nghe lấy nhịp nhạc mới được chứ! Pa – la – ta, xẻng! xẻng! Lin xẻng! Pa – la – ta ta – ta! *(đưa ngón tay gõ nhịp)* Ta! ta! ta! *(lại gõ nhịp)* xẻng! xẻng! Nhìn tôi đây nhé, vuốt râu nhé, cau mày lại một tí, hàm răng khít lại, giang tay chỉ vào mặt rồi nói: "Này hỏi cái đồ hèn kia này..." *(ngón tay trỏ vào gần mũi Bà Bát).*

BÀ BÁT – Cái gì lại đồ hèn! Tôi không nghe, tôi tập vai đào nhất kia.

TƯ HỒ *(vểu môi)* – Học vai đào nhất! Nhưng cũng phải biết là bài nào kia chứ!

BÀ BÁT – Cái bài gì mà có câu "Bống nghe đâu..." ấy mà. Đàng trước còn có ai hát câu gì này, à phải rồi: "Này chị ơi, mở cửa hộ em cùng" ấy mà.

TƯ HỒ – Chao, bài ấy thì dễ lắm! Dễ lắm!

BÀ BÁT – Anh làm đi cho tôi xem.

TƯ HỒ – Dễ thôi! Dễ thôi! Đờn gẩy điệu "Tứ bình": cơ rùng, cờ ri! cờ rùng! cơ rùng! cờ rùng *(uốn éo hát)* "Này chị ơi, mở cửa hộ em cùng"... Rồi nói: "Mở cửa hộ em, chị ơi!"

BÀ BÁT – Tôi muốn đóng vai đào nhất kia.

TƯ HỒ – Hẵng đã nào, sau đó, màn cuốn lên, đào nhất ra; bước nhẹ nhàng, con mắt long lanh, đứng trên sân khấu, đẹp lộng lẫy hẳn lên *(uốn éo bộ điệu quyến rũ)* cơ rùng! cờ ri! cờ rùng! cờ rùng! cờ rùng! *(hát theo điệu đàn bà)* "Bống nghe đâu..."
(Lại tiếng gà gáy đàng xa)

BẠCH LỘ – Kìa các ngài nghe, nghe đây kìa.

TƯ HỒ – Cái gì kia?

BẠCH LỘ – Gà gáy rồi đấy. *(Lại tiếng gà gáy)*

BÀ BÁT – Gà gáy rồi hẳn chứ! Úi chao! Trời sáng ngời ra ngoài kia rồi kìa *(bảo Tư Hồ)* Thôi mình về đi! Về đi ngủ, hôm nay ngồi đây chơi khuya quá!

TƯ HỒ – Nhưng còn cái facture 500 đồng làm thế nào mà trả cho người ta chứ?

BÀ BÁT – Thôi về nhà rồi biên "chèque" lấy tiền ở ngân hàng Đại Phong vậy. Nhưng...

TƯ HỒ *(lanh lảu)* – Nhưng... lần sau đừng tới nhà con tầm bậy ấy nữa chứ gì?

BÀ BÁT – Đừng giở trò trước mắt cô Lộ nữa. Khoác áo vào đi về. Hôm nay anh còn phải xuống xưởng điện ảnh đóng đấy nhỉ?

TƯ HỒ – Ừ đạo diễn bảo rằng: nếu tôi không tới thì không thể nào quay phim được.

BÀ BÁT – Thế thì nhanh lên, khoác áo về đi ngủ đi. Rồi hôm nay tôi cũng cùng đi xuống xưởng quay phim.

TƯ HỒ – Ấy, cô. Cô cũng định... *(Bỗng không nói nữa, khoác áo từ từ...)*

BÀ BÁT – Này cô Lu – lu, để tôi nói cô biết nhé, anh Tư Hồ sắp sửa làm kép nhất chớp bóng rồi đấy! Hội may đến nơi rồi. Đàng công ty người ta bảo hắn ta là một pho tuyệt tác, yêu cầu hắn đóng ba phim. Ngày kia đây, tờ tạp chí Cinéma sẽ đăng ảnh hắn, một bức ảnh thật to, to lắm kia. Có lẽ đăng cả ảnh tôi nữa.

BẠCH LỘ – Cả ảnh chị nữa kia?

BÀ BÁT – Hẳn chứ, ảnh tôi và ảnh anh Tư Hồ. Bà Bát Cố, bà Bát Cố với Tư Hồ, cuốn phim kiệt tác không tiền tuyệt hậu của nước Trung Hoa... *(nói rất khẽ, có vẻ hổ ngươi)*. Số là cô ạ, tôi định... Tôi định... xem chừng bây giờ tôi ừ với hắn là hơn. Tôi định... ngày kia đây, tôi sẽ kết hôn... cùng anh Tư. Cô nghĩ thế nào, có nên không nhỉ?

BẠCH LỘ – Nên lắm chứ! Nhưng...

BÀ BÁT – Nhưng cô Lu – lu này, cô phải đi phụ dâu tôi đấy nhé, nhất định, nhất định đấy!

BẠCH LỘ – Được, được, nhưng mà...

BÀ BÁT – Nhưng thế nào?

BẠCH LỘ – Nghĩa là tôi hỏi chị: bao nhiêu tiền của chị vẫn gửi đàng nhà ngân hàng Đại Phong cả đấy chứ?

BÀ BÁT – Ừ, thì đang gửi đàng ấy cả. Sao cô lại hỏi thế?

BẠCH LỘ – Sao đâu! Luôn miệng hỏi vậy thôi.

BÀ BÁT *(nhìn Tư Hồ mê mẩn)* – A! *(mở ví định lấy hộp phấn ra đánh, bỗng nhìn thấy lọ thuốc ngủ)* Mà này cô này, thôi, giờ tôi chẳng cần thuốc này nữa. *(đưa lọ thuốc cho Lộ)* Thôi cám ơn cô, lọ thuốc ngủ này, trả lại cô đây.

BẠCH LỘ – Cám ơn lắm. *(lấy lọ thuốc)* Tôi đang định xin lại chị đây.

BÀ BÁT – Thế thì hay lắm, cô cầm lấy mà dùng.

TƯ HỒ *(sửa quần áo xong xuôi* – Nào đi về nào.

BÀ BÁT – Rồi hẵng, để tôi đánh tí phấn đã.

TƯ HỒ *(nắm lấy tay Bà Bát)* – Thôi nào, trời sáng kia rồi kìa, ai nhìn mình nữa mà còn...! Thôi đi, đi về (*cả đôi khoác tay nhau đi ra phía cửa giữa)*

BÀ BÁT *(hớn hở ngoảnh lại bảo Bạch Lộ)* – Cô xem ông thần sống nhà tôi đây này! *(bị Tư Hồ kéo đi)* Thôi, tôi về cô nhé!

TƯ HỒ – Về nhé, cô Lộ nhé!

(Bạch Lộ một mình đi tới trước cửa sổ, mở cửa nhìn ra, trời sáng dần dần, quang cảnh in như màn một: ngoài trời êm ả, đẹp đẽ, hơi lạnh. Xa xa tiếng còi nhà máy, tiếng gà gáy dồn, trời sắp sáng. Bỗng có tiếng gõ nơi cửa giữa)

BẠCH LỘ *(không nhìn lại)* – Đi vào đi. (*Phúc đi vào, ngáp khẽ)* Thế nào anh Nguyệt Đình, có cách gì không?

PHÚC – Lạy cô ạ.

BẠCH LỘ – Bác đấy à?

PHÚC – Cụ Chủ cháu bảo cháu lại thưa cùng cô là hôm nay cụ không tới được.

BẠCH LỘ – Thế hả?

PHÚC – Cụ cháu bảo là rồi đây ngày mai, ngày kia, có lẽ cụ cũng không tới được.

BẠCH LỘ – Tôi hiểu rồi.

PHÚC – Cụ cháu bảo thưa lại cùng cô, xin cô thận trọng giữ gìn lấy sức khoẻ. Chịu khó uống thuốc vào, và từ nay về sau việc gì cũng cẩn thận tí, cần nhất là phải chữa bệnh; cụ cháu còn bảo rằng...

BẠCH LỘ – Ừ, tôi hiểu rồi: cụ ấy bảo là cụ ấy không thể tới thăm tôi được nữa.

PHÚC – Vâng, vâng phải đấy ạ. Nhưng thưa cô, sao cô lại đi giận cụ Chủ làm gì, sao cô lại làm mếch lòng một người có tiền như cụ Chủ?... Cô đã làm cho cụ Bát Kim bất bình, bây giờ cô...

BẠCH LỘ *(lắc đầu)* – Bác biết gì nào? Tôi có làm gì mếch lòng cụ Chủ đâu.

PHÚC – Thế vừa rồi cháu đưa bao nhiêu facture cho cụ, cụ chỉ lắc đầu thở dài, không nói gì sốt?

BẠCH LỘ – Sao bác lại đưa cho cụ ấy làm gì?

PHÚC – Nhưng mấy món tiền này hôm nay không trả không được cô ạ. Chúng nó bảo là kêu đến trời cũng phải trả tiền đã! Cộng tất cả là 2500[đ], thiếu nửa xu chúng nó cũng sẽ không nghe. Cô lại có danh có giá, không lẽ

cũng đi lên quan, ra toà kiện tụng cùng chúng nó! Thế rồi nếu không lấy tiền cụ Chủ, thì lấy vào đâu? Trừ khi là tiền trên trời rơi xuống.

BẠCH LỘ – Thế nào rồi cũng có cách mà!

PHÚC – Thôi thì còn mấy giờ đồng hồ nữa, để xem cô tính liệu thế nào... Về phần cháu, thì hôm nay thật tình là không tài nào khất chúng nó được nữa.

BẠCH LỘ *(cầm chặt lọ thuốc ngủ nơi tay)* – Thôi bác cứ ra đi.

PHÚC *(đi ra cửa giữa, bỗng bên cửa tay phải có người gõ cửa la to! "Mở cửa! Mở cửa! Mở cửa cho người ta với chứ"! Phúc chạy vào kéo cửa, Trương Georgy chạy ra thở hồng hộc, mồ hôi đầm đìa)*

GEORGY *(vẻ hoảng hốt)* – Cái gì mà cửa khoá trái lại thế?

PHÚC *(cười)* – Cửa có khoá đâu, ai khoá làm gì ạ?

GEORGY *(đặt tay vào buồng tim)* – Này cô Bạch Lộ ơi, tôi vừa chiêm bao. Úi chao! dễ sợ, dễ sợ quá đi mất! Úi chao. Terrible! Terrible! Úi chao! Tôi chiêm bao thấy cả nhà này làm cho một lũ toàn là quỷ sứ, nhảy lố nhố, từ thang gác đến phòng ăn, từ giường cho đến Sofa, từ sàn nhà cho đến chân bàn, toàn là những đầu lâu và đầu lâu, và cánh tay và đùi người sống; nó cười reo, nó lấy đầu lâu ném nhau, nó đớp lấy rồi nó lại gào tiếng nghe khàn khàn. Bỗng đùng! lên một tiếng, tiếng sét từ đâu dưới sàn nhà nổ ran lên; thế là cả toà nhà đổ, cô bị đần, tôi cũng bị đần, bao nhiêu người ta đều bị đần cả dưới này...

(Phúc đi từ cửa giữa ra)

BẠCH LỘ *(không để ý)* – Anh chưa về kia?

GEORGY – Thì lẽ tất nhiên, nếu tôi về rồi thì làm sao Lộ còn gặp tôi ở đây? Tôi nằm nơi chiếc sofa trong phòng ấy mà, tôi ngủ một mình.

BẠCH LỘ – Anh lại uống nhiều rượu quá.

GEORGY – Phải rồi tôi uống nhiều quá, mê mẩn cả thần hồn, nên mới thấy giấc chiêm bao dễ sợ như vậy *(ngáp)*. Thôi, mệt lắm rồi, tôi về đây. À mà này, tôi nói để cô biết câu chuyện này...

BẠCH LỘ – Không! Hiện giờ đây thì là tôi muốn nhờ... nhờ anh giúp tôi một việc.

GEORGY – Thì Lộ nói ngay đi. Lộ muốn gì mà chẳng được.

BẠCH LỘ – Hiện giờ có người muốn... muốn vay tôi ba nghìn đồng.

GEORGY – Thế hả?

BẠCH LỘ – Nhưng giờ đây tôi không có cho họ vay.

GEORGY – Thế hả?

BẠCH LỘ – Này, anh Georgy nhé: chạy thế nào cho tôi ba nghìn đồng, để cho họ vay đi.

GEORGY – Thế... Thế thì lại là một lẽ khác. Tôi xưa này vẫn xài lớn hết sức. Nhưng cũng phải tuỳ người. Nếu người ấy là bạn của Lộ, thì tôi không cho vay đâu, là vì... là vì tôi ghen hắn ta. Còn như nếu người đó lại là một người xinh đẹp như cô, muốn giật chừng ấy tiền, để xài xài chơi, thì cái đó lẽ tự nhiên là không thành vấn đề.

BẠCH LỘ *(ngượng ngùng)* – Thế thì hay lắm: anh cứ làm như chính tôi đây vay anh vậy.

GEORGY – Thế nào? Bạch Lộ vay? Bạch Lộ đi vay tiền tôi, đi vay tiền Trương Georgy?

BẠCH LỘ – Ừ, sao lại không thể?

GEORGY – Đủ lắm rồi! Cái đó thì tôi lại tuyệt đối không bao giờ tin đâu nhé! Thế nào! Cô Lộ mà đi cần ngần ấy tiền à? *No! No!* Cái đó không bao giờ tôi tin! Thôi! Cô lại dỗn cháu chứ gì? *(Cười ha hả)* Giỏi đấy. Lộ cừ đấy! Lộ mà đi vay tiền tôi, mà chỉ đi vay có ngần ấy thôi! Chao! Cô Bạch Lộ, cô ranh ma quá đi mất! Đùa giỏi đấy! Tôi thì tôi chắc là trên thế gian này, cô là người tinh ranh bực nhất đấy. Thôi tôi về đây! *(cầm mũ).*

BẠCH LỘ – Ừ! Anh về. *(mỉm cười)* Anh thế mà thông minh đấy!

GEORGY – Cám ơn cô, cám ơn cô lắm! *(dừng lại trước bậc cửa)* À mà này, suýt nữa quên! Tôi định nói để cô biết là mấy hôm gần đây, thật tôi không tài nào gỡ ra được nữa. Thế là tôi đành ừ với hắn rồi. Tôi định, chúng tôi ngày mai là thành hôn đấy. Nhưng, như tôi đã nói cùng cô, thế nào thì cô cũng đi phụ dâu cho đấy!

BẠCH LỘ – Hai ngài định bắt tôi đi phụ dâu à!

GEORGY – Thì đã đành, cô tính ngoài cô ra ai là người xứng đáng?

BẠCH LỘ – Ừ, được rồi, thôi anh về nhé.

GEORGY – Tôi về đây, nhất định là thế nhé. Good night! Ah! Good morning cô Loulou nhé. *(thênh thang đi ra phía cửa giữa)*

(Dần dần, mặt trời lên, Ánh sáng lúc đầu chỉ mới lã chã trên mái nhà. Bạch Lộ khoá chặt cửa, vào nơi bàn

giữa phòng ngồi xuống, ngẫn người ra một lúc, rồi đứng dậy đi mấy bước, nhìn khắp phòng một lần, có vẻ quyến luyến. Rồi đi tới nơi chiếc ghế con, gần sofa, dựng bình rượu đổ nghiêng từ nãy dậy, rót ra uống mấy ngụm, đứng ngẫn người trước chiếc sofa một lúc. Cửa giữa két lên một tiếng. Phúc đi vào).

BẠCH LỘ – Bác lại vào làm gì đây?

PHÚC – Thưa trời sáng rồi, ánh sáng đã lấp loé ngoài kia rồi, sao cô chưa đi nghỉ?

BẠCH LỘ – Tôi biết rồi?

PHÚC – Cô xơi chén đậu tương rồi hẵng đi ngủ nhé?

BẠCH LỘ – Không, tôi chả ăn đâu, bác cứ đi ra đi.

PHÚC *(thò tay vào túi rút tập hóa đơn ra)* – Cô này, đây là... đây là tập phắc tuya, hôm nay thì thế nào cũng phải trả cho chúng nó, cháu, cháu còn giữ lại đây tất cả để cô cộng lại xem bao nhiêu. *(đặt tập factures xuống nơi bàn)*

BẠCH LỘ – Được rồi, bác cứ để cả đấy.

PHÚC – Bây giờ cô có cần gì không ạ?
(Lộ lắc đầu – Phúc ngoảnh mặt và ngáp, vẻ mỏi mệt, ngáp xong đi ra phía cửa giữa. Bạch Lộ uống hết rượu rồi, thong thả đi tới chiếc bàn giữa, cầm tập hóa đơn xem từng tờ một, rồi vất xuống sàn nhà.

BẠCH LỘ – Úi chao! *(cầm bình thuốc ngủ đi tới chiếc sofa, mở nút, dốc cả bình ra. Bỗng Lộ đứng ngừng lại một lát, rồi ngồi xuống nơi chiếc sofa, nhìn ngó ngẩn. Vô tình Lộ nhìn thấy bóng mình nơi tủ gương. Lộ đứng dậy soi vào gương lắc đầu thở dài, nói thảm thiết)* Nào con

người có xấu xí gì lắm cho đang!... Mà tuổi cũng chưa có thể nói là già!... Thế mà... *(thở dài hồi lâu dường như mình không nỡ ngắm mình nữa, từ từ bước về nơi bàn, dốc lọ thuốc đếm từng viên một, nơi bàn tay)* Một viên, hai viên, ba viên, bốn viên, năm viên, sáu viên, bảy viên, tám viên, chín viên, mười viên. *(cầm chặt cả 10 viên thuốc vào trong nắm tay, vất lọ thuốc vào nơi ống nhổ, keng lên một tiếng, rồi Lộ duỗi dài cánh tay nơi bàn, nhìn về phía trước, khe khẽ gật đầu nói đau đớn)* Mới ngần này tuổi tác, nhan sắc dường kia mà... mà... *(nước mắt lai láng, Lộ đứng dậy kiên quyết cầm chén nước chè, ngửa đầu uống thuốc, hết cả 10 viên). (Lúc này ánh sáng mặt trời đã bắn vào, rọi lên trên bao nhiêu đồ đạc trong nhà. Tiếng mấy kíp thợ thuyền hò dô ta, dô ta, và dập đất thình thịch, thình thịch. Nặng nề, tiếng dập đất đã lẫn với tiếng chân bước của bao nhiêu kíp thợ)*

BẠCH LỘ – *(đi tới nơi cửa sổ nhìn ra, cuốn mành mành lên, ánh sáng mặt trời chiếu vào mặt* – "Kìa, mặt trời đã mọc, bao nhiêu bóng tối đều rơi rớt lại cả đằng sau". *(thở vào một hơi dài, rùng mình, Lộ quay đầu lại)* "Nhưng mặt trời đâu phải của ta; thôi chúng mình đi ngủ vậy" *(Lộ lại khép cửa lại, trong phòng tối hẳn xuống, chỉ có một tí tia sáng nơi khe cửa long lanh rọi vào. Lộ vuốt ngực, dường như đau nhói trong buồng tim. Rồi Lộ cầm tập sách "Mặt trời mọc" nơi chiếc sofa, nằm xuống định đọc, thì từ xa kíp thợ cất tiếng hát bài "Trục hiệu", nhưng nghe không rõ. Trong lúc đó ngoài kia có tiếng:*

ĐẠT – Trúc quân ơi, này cô Trúc quân ơi!
(Tiếng nghe gần nơi cửa. Lộ vội vàng đứng dậy đi vào cửa. Biết là Đạt đến, Lộ nhìn xung quanh nhặt bao

nhiêu hóa đơn lên, vày vào nơi tay, rồi cầm cả cuốn sách "Mặt trời mọc" đi về phía phòng ngủ bên trái, bước rất chậm chạp, mỏi mệt, khoá cửa lại).

(Ngoài kia tiếng Đạt vẫn gọi: Trúc quân ơi! Trúc quân ơi! Trúc quân! Trong phòng có ai không đấy? Tôi sắp đi đây, Trúc quân ạ... Vào được chứ?

(Tiếng mấy con chim sẻ ríu rít bên ngoài, Đạt xô cửa vào)

ĐẠT *(nhìn xung quanh)* – Này Trúc quân ơi! Bảo này... *(bỗng thấy trong phòng tối tăm, bèn đi tới mở cửa sổ, ánh sáng vào đầy nhà, tiếng chim chíu chít rộn ràng)* Kỳ quá đi mất! Thì sao mà không để cho ánh sáng vào kia chứ? *(đi tới trước cửa nơi phòng ngủ)*. Này Trúc quân ơi: nghe tôi bảo đã: cô cứ thế này thì sẽ đi đến con đường chết! Cô nghe tôi đi: cô hãng đi cùng tôi. Ở đây làm gì với chúng nó! Thế nào? có được không? Này! cô xem kia kìa; *(chỉ vào nơi cửa sổ)* Ngoài kia ánh sáng và trời xuân kia kìa!

(Lúc này tiếng hát của thợ thuyền nghe gần hẳn lại) Họ hát bài:

Mặt trời đã ló dằng Đông,

Trên trời dưới đất đỏ hồng hồng...

ĐẠT *(gõ cửa)* – Này, em Trúc quân này, nghe kìa, em nghe kia kìa: *(sung sướng)* mặt trời ở phía ngoài kia kìa! Mặt trời ở ngay trên mình họ kia kìa. Em hẵng đi cùng anh. Chúng mình sẽ cùng nhau làm việc xem, vật lộn với lão Bát Kim một phen thử ra sao. Chúng mình cũng còn có thể... *(thấy bên trong không động dạng gì)* Kìa Trúc quân, em Trúc quân ơi, sao em không trả lời? *(gõ cửa khẽ)* Sao em không nói năng gì cả? E... *(quay mình lại thở dài)* Thôi, nghĩa là cô quá thông minh, cô không muốn làm những việc điên rồ như tôi chứ gì? Thôi thì thôi vậy! Tôi phải đi đây, Trúc quân nhé. Sẽ gặp lại sau này vậy!

(Vẫn không một tiếng trả lời. Đạt ngoảnh đầu lại nghe giọng hò hát của thợ thuyền bên ngoài, rồi đi ra phía cửa giữa, nhìn vào ánh sáng mặt trời. Trong phòng sáng hẳn lên.

Tiếng mấy kíp thợ hát rất hào hùng bài Trục hiệu

"Mặt trời đã ló dằng Đông,
Trên trời dưới đất đỏ hồng hồng.
Tiến lên! Cùng nhau ta tiến lên anh em ới!...
Muốn có cơm ăn, này phải có việc làm".

Một khối đá rơi xuống đánh thình lên một tiếng, nghe ầm ầm rào rạt như một luồng sức sống vĩ đại đương tiến lên, tràn lan khắp trời đất. Trong phòng tối dần dần, ngoài cửa sáng rực hẳn lên.

MÀN TỪ TỪ HẠ

Chú thích – Văn học hiện đại Trung Quốc

ĐẶNG THAI MAI *dịch*
(Nhật Xuất, NXB Văn Hóa, HN, 1958)

MỤC LỤC

- LỜI GIỚI THIỆU 3
- LỜI MỞ ĐẦU TẬP I VỀ VĂN HỌC TRUNG QUỐC . . 5
- VĂN HỌC TIÊN TẦN 7

  SỬ KÝ TƯ MÃ THIÊN

  1. Kinh thi (trích) 9
  2. Tản văn Tiên Tần . . . . . .
  3. Khuất Nguyên 96
- VĂN HỌC HÁN 119

  THƠ ĐÀO TIỀM

  1. Tiệc hồng môn 120
  2. Liêm Phả - Lạn Tương Như 125
  3. Kinh Kha 142
- VĂN HỌC TẤN 157
  1. Quý khư Lai tử (Về đi thôi) 158
  2. Đào hoa nguyên ký (Suối hoa đào) 162
  3. Ẩm tửu (uống rượu) 164
  4. Độc "Sơn hải kinh" (xem Sơn hải kinh) . . . . . .
  5. Nghỉ cổ (Phỏng cổ) 166

• VĂN HỌC ĐỜI ĐƯỜNG 167
THƠ ĐƯỜNG (618 - 907) 167
1. Vương Bột 168
2. Trần Tử Ngang 169
3. Mạnh Hạo Nhiên 170
4. Vương Xương Linh 173
5. Vương Duy 175
6. Lý Bạch 178
7. Thôi Hiệu 184
8. Đỗ Phủ 186
9. Sầm Tham 197
10. Bạch Cư Dị 200
11. Liễu Tống Nguyên 223
12. Thôi Hộ 225
13. Lý Thương Ẩn 228
14. Bì Nhật Hưu 230
15. Nhiếp Di Trung 234
16. Đỗ Tuân Hạc 234
17. Trần Đào 235
18. Tào Đường 236

• VĂN HỌC TỐNG 237

1. Thơ Tô Thức 238
2. Thơ Lục Du 244

• VĂN HỌC NGUYÊN 251
TẠP KỊCH
1. Đậu Nga Oan 252
2. Tây Sương Ký 261

• VĂN HỌC MINH - THANH 271
TIỂU THUYẾT CỔ ĐIỂN
1. Tam Quốc diễn nghĩa (La Quán Trung) 272
2. Thủy Hử (Thi Nại Am) 325
3. Tây Du kí (Ngô Thừa Ân) 405
4. Kim Bình Mai (Tiểu Tiến Sinh) 463
5. Liêu trai Chí dị (Bồ Tùng Linh) 494
6. Chuyện làng Nho (Ngô Kính Tử) 507
7. Hồng Lâu Mộng (Tào Tuyết Cần) 533
• VĂN HỌC HIỆN ĐẠI
1. Lỗ Tấn 614
Truyện ngắn 614
Tạp văn 730
2. Quách Mạt Nhược 771
Nữ thần 772
3. Tào Ngu 792
Lôi Vũ 792
Nhật xuất 843